KINH TRƯỜNG A-HÀM

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG thanh Mn PH® giao V*T NAM om TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHÁI OI

KINH TRƯỜNG A-HÀM

Việt dịch VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HUỆ NGHIÊM TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HÔI ĐÒNG CHỨNG MINH
(Nhiệm kỳ 2017-2022)
PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HÔI ĐÒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH
• Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
-Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
• Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

-Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội e Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bô PHÁI

•Trưởng ban -Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
. Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
-Hòa thượng THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

•ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
-Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
-Đại đức THÍCH NGUYEN HÙNG
-Đại đức THÍCH NGUYÊN TRANG
-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
-Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY
Trưởng ban Tài chánh
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN
LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật r r 2 rong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp luân",nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của minh, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguôn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: “Di Thảnh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chĩ" ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tâm gương sáng soi vào tự tâm, lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của

kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá tri Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhát trong lịch sử phong kiên nước nhà vào thời đại Lý Trân, vân đang tiêp tục đông hành cùng đát nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Dạo pháp - Dân tOc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Ton đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc “kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

viii KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh “Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự.^, Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL2563 _ DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cau nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Nanf\ vôn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phàm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam”, nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh” chỉ đề cập đến “Kinh tạng” (P. Sutta Pitaka. H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pỉtaka. H.? Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pỉtaka.

H.,Luân tạng), Văn học Chú giải (R Atthakatha), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã), Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật gio" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vìnaya. H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhỉdhamma. s. Abhidharma, H.,V6 tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pâli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Án Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử {Mahãvamsă) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pâli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ5 được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và ve sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gom hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa so người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bát-nhã. Pháp Hoa. Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Nỉết-bànf Đại Tập); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bdt-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tảng nhấtA-hàm). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa

Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hàm), v.v...

LỜI GIỚI THIỆU xi

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pali. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pãli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pali. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đong thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn Pháp bảo Đại tạng kỉnh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điên Phật giáo được xem là quôc bảo của nhiêu quôc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hằnh Kinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kế tiep, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kinh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, ill). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milỉnda vân đạo.

xii KINH TRƯỜNG A-HÀM _____

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh

(),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh (l)có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyên đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất gần một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nên tảng này, tiêp tục đạt được trí tuệ do 'c . _ 2, thực hành thiên chi, thiên quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triên bên vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nen tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiều thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rát sớm và xuyên suôt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâĩiệ cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuêch tán ở mức cao nhất ánh sáng mâu nhiệm thiêng liêng lưu xuât từ đâu nguôn là đang Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

xvi KINH TRƯỜNG A-HÀM

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới ưiều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải, ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điên được viêt xuồng băng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thông kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnẹ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khau truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn,

thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyên sang thê giới phương Tây sớm nhát. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyên bá từ An Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pâli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thông Nam truyên như An Độ, Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điên, và nôi tiêng với bộ kinh băng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pali và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyền thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kỉnh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishõ Shinshũ Daỉzõkyõ,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lân khác bản, được in ân khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gôm nhiêu quôc gia, dân tộc. ơ Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cô đức đã hét lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn,

nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kỉnh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kỉnh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ9 Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thh Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thong, Nam truyền r y* , y 9 y hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đôi với Bác truyền, câu trúc được chia thành hai phân: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bỉ, đông thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập5 Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó5 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại

lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ the lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bo sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thông, tính nhát quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam, Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng

r / thêm khả năng đông bộ, lan tỏa rộng kháp, khả năng tiêp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đên những tiêu chí học thuật hàn lâm tôi ưu. Bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả5 nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhác từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ55 một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đen hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vi Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL2563 -DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐÀU..... XV MỤC LỤC.....xxi BANG VIẾT TẮT..... xxiii DẪN LUẬN..... xxix

TRƯỜNG A-HÀM (Bản dịch của Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm) 1. KINH ĐẠI BỒN..... 3 2. KINH DU HÀNH..... 29 3. KINH ĐIỂN TÔN..... 89 4. KINH XÀ-NI-SA..... 101 5. KINH TIỂU DUYÊN..... 109 6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH.....117 7. KINH TỆ-TÚC..... 127 8. KINH TÁN-ĐÀ-NA..... 143 9. KINH CHÚNG TẬP..... 153 10. KINH THẬP THƯỢNG..... 165 11. KINH TĂNG NHẤT..... 181 12. KINH TAM TỤ.....189 13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN..... 193 14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN VẤN..... 203 15. KINHA-NẬU-DI..... 215 16. KINH THIỆN SANH..... 229 17. KINH THANH TỊNH..... 237 18. KINH Tự HOAN HỶ..... 249 19. KINH ĐẠI HỘI..... 259 20. KINH A-MA-TRÚ..... 265

21. KINH PHẠM ĐỘNG..... 287 22. KINH CHỦNG ĐỨC..... 303 23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU..... 311 24. KINH KIÊN cố..... 325 25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH..... 331 26. KINH TAM MINH.....337 27. KINH SA-MÔN QUẢ..... 347 28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LẢU..... 357 29. KINH LỘ-GIÀ..... 367 30. KINH THẾ KÝ..... 373 1. PHẨM CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐỀ.....373 2. PHẨM UẤT-ĐƠN-VIỆT..... 382 3. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG..... 387 4. PHẨM ĐỊA

NGỤC..... 394 5. PHẨM LONG ĐIỂU..... 411 6. PHẨM A-TU-LUÂN..... 418 7. PHẨM TỨ THIÊN VƯƠNG..... 421 8. PHẨM ĐAO-LỢI THIÊN..... 423 9. PHẨM TAM TAI.....441 10. PHẨM CHIẾN ĐẤU..... 453 11. PHẨM TAM TRUNG KIẾP..... 461 12. PHẨM THẾ BỔN DUYÊN..... 464

TRƯỜNG A-HÀM (Bản dịch của Trung tâm Dịch thuật Trí Tinh) KHÁI QUÁT..... 483 BÀI TỰA..... 487 PHẦN I 1. KINH ĐẠI BỒN..... 489 2. KINH DU HÀNH..... 517 3. KINH ĐIỂN TÔN..... 579 4. KINH XÀ-NI-SA..... 593

MỤC LỤC xxiii

PHẦN II 5. KINH TIỂU DUYÊN..... 601 6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG Tư HÀNH..... 611 7. KINH TỆ-TÚC..... 623 8. KINH TÁN-ĐÀ-NA..... 639 9. KINH CHÚNG TẬP..... 649 10. KINH THẬP THƯỢNG.....665 11. KINH TĂNG NHẤT..... 685 12. KINH TAM TỤ..... 693 13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN..... 697 14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN THƯA HỎI..... 707 15. KINHA-NẬU-DI..... 719 16. KINH THIỆN SANH..... 735 17. KINH THANH TỊNH..... 743 18. KINH Tự HOAN HỶ..... 757 19. KINH ĐẠI HỘI..... 767

PHÀN III 20. KINH A-MA-TRÚ..... 773 21. KINH PHẠM ĐỘNG..... 795 22. KINH CHỦNG ĐỨC..... 817 23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU..... 827 24. KINH KIÊN cố..... 845 25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH..... 851 26. KINH TAM MINH..... 859 27. KINH SA-MÔN QUẢ..... 871 28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU..... 883 29. KINH

LỘ-GIÀ..... 895

PHÀN IV 30. KINH THẾ KÝ..... 901 1. PHẨM CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐỀ..... 901 2. PHẨM UẤT-ĐAN-VIỆT.....912 3. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG..... 917 4. PHÀM ĐỊA NGỤC..... 924

xxiv . KINH TRƯỜNG A-HÀM

5. PHẨM RỒNG VÀ CHIM CÁNH VÀNG..... 941 6. PHẨM A-TƯ-LUÂN..... 949 7. PHẨM TỨ THIÊN VƯƠNG..... 952 8. PHẨM TRỜI ĐAO-LỢI..... 955 9. PHẨM TAM TAI..... 974 10. PHẨM CHIẾN ĐẤU..... 987 11. PHẨM BA TRUNG KIẾP..... 996 12. PHẨM THẾ BỔN DUYÊN..... 999

PHỤ LỤC l..... 1017 PHỤ LỤC 2..... 1023 SÁCH DẪN - Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm..... 1029 SÁCH DẪN - Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh..... 1049

&

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Añguttara Nỉkãya (Kinh Tăng chi bộ)
AA. Añguttara Nỉkãya Atthakathã (Chủ giải Kinh Tăng chi bô)
Áp. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)
ApA. Apadāna Atthakathā (Chủ giải Thảnh nhân kỷ sự)
Asi. Atthasālinī (Chủ giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)
CNỈd. CũỊaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. Cūlaniddesa Atthakathā
(Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chủ giải Tiểu diễn giải)
Cp. Carỉyâpỉtaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chú giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. Cūlavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikãya (Kỉnh Trường bộ)
DA. Dīghā Nỉkãya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Trường bộ)

Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cu)

DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kinh Pháp cú)

Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)

Dpvs. Dĩpavamsa (Đảo sử)

Gãt. Gāthā (Therā và Therĩ): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ ít. Itỉvuítaka (Kinh Phật thuyết như vây)

ItA. Itỉvuttaka Atthakathā {Chủ giải Kỉnh Phật thuyết như vậy)

J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)

Kh. Khuddakapātha (Tiểu tụng)

xxvi KINH TRƯỜNG A-HÀM

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghĩ) Kv. Kathãvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt) M, Majjhimā Nikãya (Kinh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikãya Atthakathā {Chú giải Kỉnh Trung bộ) y 5 \

Mhbv. Mahãbodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahãvamsa (Đại sử) Miỉn. Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Mỉlinda vấn đạo) MNid. Mahãnỉddesa (Đại nghĩa thích /Đại diễn giải) MNidA. Mahãnỉddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikāya Tīkā (Phụ chủ giải Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích /Diễn giải) NidA, Niddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidãmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chủ giải Phân tích đạo) r Pug. Puggalapaññatti (Nhân thỉ thiêt) PugA. Puggalapaññatti Atthakathā (Chủ giải Nhân thỉ thiết) Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự / Chuyện Nga quỹ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Nga quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngợ quỹ) S Samyutta Nikãya (Kỉnh Tương ưng bọ) SA. Samyutta Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tương ưng bộ) Sn. Suttanipãta (Kinh tập) SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kỉnh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)

BẢNG VIẾT TẮT xxvii

ThĩgA. Therĩgãthã Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Nỉ kệ)

Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)

Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)

UdA. Udāna Atthakathā

(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chủ giải Cảm hứng ngữ)

W Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)

Vbh Vibhañga (Phân tích)

VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chủ giải Phân tích)

Vin. Vinaya Pỉtaka (Luật tạng)
VinA. Vỉnaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Visuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
VvA. Vimãnavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự/ Chủ giải Chuyện Thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đối)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Dỉvyãvadãna (Thiên cung sự)
Mhvu, Mahãvastu (Đại sự) r
MPS. Mahãparinirvãnasũtra (Kinh Đại Bát-nỉêt-bàrì)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasãsana Samỉtỉ edition of the Majjhimā Nikãya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yêu Triết học / Tỏm tát và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha {Kỉnh Trường bộ) Expos. Expositor (Chú giải Pháp tụ) GS Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bộ)

xxviii KINH TRƯỜNG A-HÀM

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bố) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Mỉlinda (Milinda vấn đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dỉ biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giảo) SBE. The Sacred Books of the East (Thảnh điên phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCT./Đại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh ()
N. Nam truyền Đại tạng()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm (,Ekottarỉkãgamă)
Tạp./SĀ. Tạp A-hàm kinh (,Samyuktāgamā)
Trung./MA. Trung A-hàm kỉnh (,Mãdhyamãgamă)
Trường./DÃ. Trường A-hàm kinh (,Dīrghāgama)
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon hợp) CPD, Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia of Buddhism (Bách khoa Từ điển Phật giảo) EPD. English-Pali Dictionary (Từ điển Anh - Pãĩĩ) ERE. Encyclopedia

of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pāli-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT * xxix

TÔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ C ST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (HỘI Thánh điển Pali) VRI. Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiên quán) JPTS. Journal ofPali Text Society {Tạp chỉ Hội Thánh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư ỉ se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) BC. (Before Christ) Cf. (confer) ed. (by) edn. (edition) etc.

XXX > KINH TRƯỜNG A-HÀM

tr.(by) dịch bởi trans, (franslation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN KINH TRƯỜNG A-HÀM

L TỔNG QUAN KINH TRƯỜNG A-HÀM l. Tựa đề kỉnh và mã số Kinh Trường A-hàm Dīrgha Āgamā.là tuyển tập kinh đầu tiên trong bốn tuyển tập kinh S. catvãri-ãgama,tứ A-cấp-ma, của Kinh tạng Phật giáo Bộ phái .Trong tựa đề Sanskrit, "Dīrgha Āgama" được tạo thành bởi chữ "dīrghc^ có nghĩa là "dài" đối lập với "ngắn"và chữ "ãgamc^ thường được phiên âm là "Acấp-ma" có nghĩa là "tuyển tap Thánh giao,9 hay "tuyển tập các bài kinh".Tính từ "dài" trong tuyển tập kinh này chỉ mang ý nghĩa tương đôi. Trên thực tê, có một sô bài kinh trong Kỉnh Trường A-hàm có sô lượng chữ ít hơn một số bài kinh trong Kỉnh Trung A-hàm. Trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh ,1 Kỉnh Trường A-hàm thuộc A-hàm bộ là bản văn đầu tiên trong tập l, gồm 149 trang. Mã số Kỉnh Trường A-hàm trong ấn bản cBETĀ tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa Chinese Buddhist Electronic Text Association^ viết tắt là TOlnOOOl,3 mã số tựa đề Đại Chảnh của SAV là T0001_01,5 và cách viết tắt trong TTTDPGVN là r.Ol. 0001.

x Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh Taishô Shinshu Daizokyo,dojunjiro Takakusu và Watanabe Kaikyoku chủ biên, gồm 85 tập chữ Hán, lần đâu được Công ty Cổ phan Xuất bản Đại Tạng xuất bản tại Tokyo vào năm 1924-34, nhanh chóng sau đó, trở thành nguồn tài liệu gốc của các nghiên cửu và trích dan về văn học Phật giáo Trung Quoc quan trọng nhất trèn thế giới. 2 CBETA được thành lập

vào ngày 15-02-1999, do Thượng tọa Huệ Mần làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham gia thực hiện có Viện Nghiên cứu Phật học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, Đại học Trung ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phạt học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học viện Phật học Phước Nghiêm và Hoa Nghiêm^ Liên Xū. CBETA là kho tư liệu điện tử bàng chữ Hán của ấn bản Đại Chảnh đầy đủ nhất từ trước đến nay. Đen ngày 18-02-2006, CBETA đã hoàïỊtất các tập 1-55 và 85 gồm 7.877 vạn chữ. Đen năm 2007, CBETA hoàn tất Vạn tân tục tạng gồm 7.122 vạn chữ. Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php/ 3 Trường A-hàm của ấn bản CBETA '. https://tripitaka.cbeta.org/TO lnOOO l 001 truy cập ngày 01-12-2021.

4 SÁT có nghĩa là uCơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kiIlh,, thường gọi là ấn bản SÁT, có trụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các tập 56-84 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh, cũng là tổ chức giữ tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập 1-55 và 85 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh. 5 Trường A-hàm của ấn bản SÁT: https://21dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php?s=&mode=deta il&useid=oool_,01 truy cập ngày 01-12-2021.

xxxii < KINH TRƯỜNG A-HÀM

2. Niên đại, biên tập và hình thức truyền thừa Giống như Kinh tạng Pâli của Thượng Tọa bộ S. Sthaviravãda, p. Theravãda,trong thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy và cũng như ba tuyển tập A-hàm khác trong thời kỳ Phật giáo Bộ phái ọ, Kỉnh Trường A-hàm được truyền thừa bằng phương thức “khẩu truyền^ từ thầy sang trò cho đến thế kỷ I mới chính thức truyền thừa bằng văn bản . về phương diện biên tập kết tập, có thể phân loại theo thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy và thời kỳ Phật giáo Bộ phái .Trong hai giai đoạn này, Kỉnh Trường A-hàm được xem là bản kinh tương đương với Kinh Trường bộ Dīghā Nỉkãya. được truyền miệng từ thời kỳ biên tập kinh điển lan thứ nhất với sự tham dự của 500 vi A-la- hán 6 trong động Thất Diệp S. Sapta-pami-guha, p. Sattapannaguhā, thuộc thành Vương Xá S. Rajgir, p. Rājagaha,cho đến thời kỳ biên tập kinh điển lần thứ hai với sự tham dự của 700 vị Tỳ-kheo 7 tại thành Tỳ-xá-lỵ S. Vaiśālī, p. Vesālī,khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập Niet-bàn. Nghiên cứu văn khắc Bairāt, các pháp khắc ,pháp sắc và văn liệu điêu khắc trên các trụ đá 8 trong thời đại của Vua A-dục , 271-249 TTL cho thấy chưa từng xuất hiện khái niệm "Ngũ bộ, tứ A-hàm” .Do đó, chúng ta có thể suy ra rằng ít nhất đến thế kỷ III TTL, Kinh Trường A-hàm và 3 bộ kinh A-hàm khác vẫn chưa được biên tập thành văn. Khoảng thế kỷ II TTL, cụm từ "người biết 5 bộ kinh [Pli]bắt đầu xuất hiện trong văn bia, tranh ảnh Bharhut.6789 Do đó, có thể suy ra rằng sau

6 Còn gọi là t4biên tập kinh điển tại thành yương Xá”,diễn ra trong kỳ an cư mùa mưa vào nán đức Phật nhập Niết-bàn nhằm thống nhát hóa về Kinh tạng và Luật tạng. 7 Còn gọi là "BiSn,tậpkinh điển tại thành TVxály"ến, diễn ra khoảng 100 năm sau Phật Niết-bàn. Ngoài bất đồng chính yểu là 10 việc hoặc

c tại

xxxiv KINH TRƯỜNG A-HÀM

S. Mahīśāsaka, p. Mahimsāsaka.Học giả Nhật Bản, Xích Thiệu Trí Thiện Chizen Akanuma, 1888-1937 phủ định giả thuyết này.1516 DÙ ân bản Sanskrit đã that truyên nên khó xác đinh Kỉnh Trường A-hàm thuộc bộ phái nào nhưng có nhiều bằng chứng khẳng định rằng bản dịch chữ Hán về Kinh Trường A-hàm của nhóm Phật-đà-da-xá S. Buddhayaśas, được Pháp Tạng bộ S. Dharmaguptaka, p. Dhammaguptā,16 chọn làm tụng bản và truyền bá rộng rãi. Giả thuyết này được các học giả Nhật Bản từ thời Minh Tri Meiji, 1868-1912 cho đến nay đều khẳng định. Một bằng chứng khác là tựa đề Kinh Trường A-hàm được đề cập trong Luật Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka Vinayo, cụ thể 7722. 1428. 0968bl9.1718 Lý do căn bản nhất cho lý giải này được nhiều học giả chấp nhận là do bộ Luật tứ phần S. Dharmagupta-vỉnaya, / được Phật-đà-da- xá và Trúc Phật Niệm, hai vị Tôn giả có tầm ảnh hưởng lớn trong bộ phái Pháp Tạng, đã phiên dịch làm tụng bản của bộ phái. Hơn nữa, ngoại trừ Kỉnh Hư Không Tạng Bồ-tảt S. Ākāśagarbha-bodhisattvasūtra,,19 các dịch phẩm còn lại của Tôn giả Phật-đà-da-xá đều thuộc kinh điển Pháp Tạng bộ. Mặt khác, Kinh Du hành trong Kinh Trường A-hàm có đoạn đề cập đến công đức của việc cúng dường tháp, tương đương với ý tưởng xây tháp phụng thờ Xá-lợi trong Kinh Đại Bát-nỉết-bàn thuộc Kỉnh Trường bộ. và đặc biệt cùng có quan điểm với văn hóa "tôn sùng tháp Phát"trong Pháp Tạng bộ.20 Từ đó, có thể khẳng định rằng, trong các giả thuyết về bộ phái trực thuộc, Kinh Trường A-hàm thuộc Pháp Tạng bộ được nhiều học giả chấp nhận vì có nhiều bằng chứng văn bản hơn các giả thuyết khác.

4. Bản dịch chữ Hán và chữ Nhật Tương truyền, bên cạnh các bản dịch chữ Hán, chữ Nhật và chữ Việt, bộ Kỉnh Trường A-hàm còn có bản dịch chữ Tây Tạng. Dưới sự đàn áp Phật giáo của Vua Glang-dar-ma 838-842, toàn bộ bản dịch chữ Tây Tạng đã bị tiêu hủy.21 Dưới đây là các bản dịch chữ Hán và chữ Nhật thông dụng của Kinh Trường A-hàm.

15 Xem“",1939,. 16 Pháp Tạng bộ S. Dharmaguptaka,được phiên âm Hán - Việt là Đàm-vô-đức . i^Thực ra, Kinh Trường A-hàm còn được đề cập trong Luật Đại Chủng bộ Mahāsāñghika Vinaya, tại Z24. 1425. 0491C16, trong Luật Hỏa Đỉa bô lsya,tại T.22. 1421.0191a24, và trong Luật Thượng Tọa bô Theravāda Vìnaya,tại Vìn. II. 287 dòng 16. 18 Mã số Luật tứ phần trong Đại Chảnh là T22nl428, ấn bản CBETA: https://tripitaka.cbeta.org/ T22nl428 truy cập ngày 01-01-2021. 19 Kinh Bồ-tảt Hư Không Tạng có mã số T13n0405 trong Đại Chảnh', http://tripitaka.cbeta.org/ T13n0405 truy cập ngày 01-12-2021. gi"—7 luận 49. 2031. 0017a23, Pháp Tạng bộ cho rằng: việc cúng dường tháp sẽ mang lại phước báu lớn. 21 Theo Cao Tăng Pháp Hiển truyện T.51. 2085. 0865c24, n^gài Pháp Hiển ,337- 422 từ Tích Lan mang bản Sanskrit Kinh Trường A-hàm này vê Trung Quôc.

DẪN LUẬN XXXV

i Kinh Trường A-hàm có 30 bài kinh gồm 22 quyển # là bộ kinh đầu tiên trong tập đầu tiên của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh, được Sa-môn Phật-đà-da-xá S. Buddhayaśas,,Giác Minh,,22 bậc Tam tạng người Kế-tân M đọc bản

xxxvi KINH TRƯỜNG A-HÀM

Nam do Giáo sư Lê Mạnh Thát làm Tổng Biên tập, nhằm chào mừng Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2008 (NXB. Tôn giáo, Hà Nội, 2007). An bản này được Thư quán Hương Tích tái bản lần thứ 3 năm 2018 bởi NXB. Hồng Bức, Hà Nội. (iii) Kinh Trường A-hàm do thành viên Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phiên dịch, từ tháng 12-2018 đến tháng 12-2019. .

II. KHÁI QUÁT KINH TRƯỜNG A-HÀM 1. Đối chiếu hai ấn bản tương đương Có hai ấn bản tương đương về tuyển tập kinh dài này.26 về địa lý, Kỉnh Trường A-hàm và Kinh Trường bộ đều khởi nguyên tại Trung Ấn Độ ( ),đều có nguồn gốc ban đầu từ Thượng Tọa bộ ().Đen thời đại của Đại đế A-dục (S. Aśoka Maurya,)mới bắt đầu được truyền bá phân hóa: Kỉnh Trường A-hàm được truyền bá tại quốc độ Ca-thấp-di- la (S. Kaśmira,)đang khi Kỉnh Trường bộ được truyền bá sang nước Tích Lan (Sri Lanka,). i) Kinh TrườngA-hàm của Bắc truyền (,Bắc truyền Trường A-hàm kinh) do nhóm Tôn giả Phật-đà-da-xá dịch được phân làm 4 phần, 30 kinh, 22 quyển, gồm 149 trang đầu của tập l Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh với mã số CBETA là TOlnOOOl. Phần thứ nhất gồm 4 kiiýì (1-4). Phần thứ hai gồm 15 kinh (5-19). Phần thứ ba gồm l o kinh (20-29). Phần thứ tư chỉ có l kinh (kinh 30). Các bài kinh lẻ ()do nhiều người tham gia phiên dịch,27 gồm 24 kinh với mã số T01n0002 - T01n002528 trong ấn bản CBETA và ấn bản in. ii) Kinh Trường bộ của Nam truyền (P. Dīghā Nikãya,, Nam truyền Trường bộ kinh điển) gồm 34 kinh và phân thành 3 phần. Phần thứ nhất là chương về Giới uẩn (Sīlakkhandhavaggo) gồm 13 kinh. Phần thứ hai là chương Lớn {Mahāvagga) gồm 10 kinh. Phân thứ ba là chương bắt đầu bằng Kỉnh Ba-lê (Pãtỉka Sutto) nên phẩm này được gọi là phẩm Ba-lê (Pâtỉkavaggă) gồm 11 kinh. Ấn bản của Hội Thánh điển Pãli (PTS) gồm 3 tập. Hiện có nhiều bản dịch gồm bản tiếng Anh của PTS, bản tiếng Nhật (),bản tiếng Bức, Pháp, Tích Lan và nhiều ngôn ngữ khác.29

26 về những bài kinh tương đồng và dị biệt của 2 ấn bản tương đương này, tham khảo: Thích Nhật Từ, Sổ tay mục lục Tam tạng Pali (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021). 27 Pháp Thiên ()dịch 3 kinh, gồm 2, 3 và 19. Pháp Hiền ()dịch 3 kinh, gồm 9, 15 và 18. Thi H0 ()dịch 4 kinh, gồm 8, 10, 11 và 12. An Thế Cao ()dịch 3 kinh, gồm 13, 14, 16; còn lại là của những vị khác dịch. 28 Xem chi tiết 24 bài kinh lẻ này trọng Thích Nhật Từ, Mục lục Tam tạng Đại Chảnh (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 2-4. Tham chiếu tương đương trong bản dịch tiếng Nhật, Thạch Xuyên Hải Tịnh (,Ishikawa Kaijo), Quốc dịch nhát thiết kinh A-hàm bộ 7: Kinh Trường A-hàm (3-472. , 29 Án bản Pali và ấn bản tiếng Anh có thể xem tại: https://suttacentral.net/dn-silakkhandhavagga?view=dense (truy cập ngày 01-12-2021).

về tổng số bài kinh, Kinh Trường bộ nhiều hơn 4 bài kinh so với bộ Kỉnh Trường A-hàm trong văn học Hán tạng của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka. Ba kinh chỉ có trong Kinh Trường A-hàm nhưng không có trong Kinh Trường bộ gồm: Kinh Tang nhất {số n Kỉnh Tam tụ số 12, iii Kinh Thế kỷ số 30.3031 Co 6 bài kinh
trong Kỉnh Trường bọ không có kinh tương ứng trong Kinh Trường A-hàm gồm: Kỉnh Ma-ha-lê Mahāli Sutta.số 6, Kỉnh Xà-lợỉ ựãlỉya Suttaṃ số 7, Kỉnh Tu-bà {Subha S"so 10, Kinh Đại niệm xứ Mahāsatipatthāna Suttaṃ số 22, Kỉnh Tướng Lakkhana Suttaṃ số 30 và Kỉnh A-sá-nang-chi Ātānātiya Suttaṃ số 32. Cũng cần lưu ý trong Thuyết Nhất Thiết Hữu b,7 bài kinh
mang hiệu số 6, 7, 8, 13, 14, 16 trong Kỉnh Trường A-hàm được liệt vào Kỉnh Trung A-hàm. Tương tự, các kinh mang hiệu số 17, 22, 30 trong Trường bộ lại tương đương với các kinh 68, 98, 59 trong Trung A-hàm.

2. Đối chiếu tựa kỉnh giữa Kình Trường A-hàm và Kinh Trưởng bộ3ỉ Kinh Trường A-hàm Kinh Trường bộ

1. Kinh Đại bổn 14. Kinh Đại bổn S. Mahāvadāna-sūtra, P. Mahāpadāna Suttaṃ

16. Kinh Đại Bảt-niết-bàn
P. Mahāparinibbāna Suttaṃ
2. Kỉnh Du hành
17. Kinh Đại Thiện Kiến vương
P. Mahāsudassana Suttaṃ
3. Kinh Điển Tôn 19. Kỉnh Đại Điển Tôn S. Govinda-sūtra. P. Mahāgovinda Suttaṃ

4. Kinh Xà-ni-sa 18. Kinh Xà-ni-sa S. Jinayabha-sūtra. P. Janavasabha Suttaṃ

27. Kinh Khởi thế nhân bổn 5. Kinh Tiểu P. Aggañña Suttaṃ

30 Tham khảo bản dịch tiếng Anh và chú thích về 3 kinh này qua bài nghiên cứu của Bhikkhu Anālayo, "Three Chinese Dīrgha-āgama Discoiưses without Parallelsi, trong Research on the Dīrgha-Āgāma hamburg.de/pdf75-personen/analayo/three-da.pdf truy cập ngày 01-12-2021. 31 Tham khảo: Anālayo, Dīrgha-āgama Studies Taiwan: Dharma Drum Publishing Corp., 2017.

26. Kỉnh Chuyển Luân Thảnh Vương sư 6. Kinh Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành tử hông P. Cakkavatti Sīhanāda Suttaṃ

7. Kỉnh Tệ^tủc 23. Kinh Tệ^tủc P. Pāyāsi Sutta.

25. Kinh Ưu-đàm-bà-la sư tử hổng 8. Kinh Tán^đà-na P. Udumbarika Sīhanāda Suttaṃ

9. Kỉnh Chủng tập 33. Kinh Phúng tụng S. Sarhgĩti-sũtra, P. Sañgīti Sutta,

10. Kinh Thập thượng 34. Kinh Thập thượng S. Daśottara-sũtra, P. Dasuttara Suttaṃ

11. Kinh Tăng nhất không có kinh tương đương

12. Kỉnh Tam tụ không có kinh tương đương

13. Kỉnh Đại duyên phương tiện 15. Kinh Đại duyên R Mahānidāna Suttaṃ

14. Kỉnh Thỉch-đề-hoàn-nhân vấn 21. Kỉnh Đế-thỉch sở vấn P. Sakkapañha Sutta,

15. Kinh A-nậu-dỉ 24. Kinh Ba-lê S. Bhārgava-sũtra, P. Pātika Sutta,

31. Kinh Giáo thọ Thi-ca4a-việt 16. Kinh Thiện Sanh P. Sigālovāda Sutta,

17. Kinh Thanh tinh 29. Kinh Thanh tịnh S. Prāsādika-sũtra, P. Pāsādikā Sutto,

18. Kỉnh Tự hoan hỷ 28. Kinh Tự hoan hỷ S. Prāsādañīya-sũtra, P. Sampasādanīya Suttaṃ

19. Kỉnh Đại hội 20. Kinh Đại hội S. Mahāsamāja-sũtra. P. Mahãsamaya Sutta,

20. Kinh A-ma-trủ 3. Kinh A-ma-trủ S. Ambāstha-sũtra P. Ambattha Suttaṃ

DÀN LUẬN e xxxix

21. Kinh Phạm động 1. Kỉnh Phạm võng P. Brahmajāla Suttaṃ

22. Kỉnh Chủng Đức 4. Kỉnh Chủng Đức S. śronatāndya-sũtra. P. Sonadanda Suttaṃ 23. Kinh Cứu-la-đàn-đầu 5. Kinh Cứu-la-đàn-đầu S. Kũtatāndya-sũtra. P. Kũtadanta Suttaṃ

24. Kinh Kiên cổ n. Kinh Kiên Cố
S. Kaỉvartỉ-sũtra, P. Kevaddha Sutto,
8. Kinh Ca-dỉếp sư tử hổng
25. Kinh Lõa hình Phạm chỉ

P. Kassapa Sīhanāda Suttaṃ

26. Kinh Tam minh 13. Kinh Tam minh S. Vāsistha-sũtra. P. Tevijjā Sutta,

27. Kỉnh Sa-môn quả 2. Kỉnh Sa-môn quả S. śrāmanyaphala-sũtra. P. Sāmaññaphala

28. Kinh Bổ-tra-bà-lâu 9. Kinh Bố-tra-bà-lâu S. Prsthapāla-sūtra. P. Potthapāda Sutta, 29. Kỉnh Lộ-già n.KinhLỘ-già S. Lohitya-sūtra, P. Lohicca Sutta, 3Q. Kinh Thế kỷ không có kinh tương đương

3. Tóm tắt nội dung Kinh Trường A-hàm Kinh Trường A-hàm có 30 kinh, chia làm bốn phần. Phần thứ nhất gồm các kinh 1-4, giới thiệu cuộc đời các đức Phật, oai đức và đóng góp của đức Phật. Phần thứ hai gồm các kinh 5-19, khái quát

kiệt-đà. Vị Phạm đồng tử tán thán đức Thế Tôn nói pháp vi diệu như tứ niệm xứ, thát đinh cụ, tứ thân túc và khai mở ba con đường tát dân đên ngôi vị Chánh giác. 5. Kinh Tiểu duyên ()tương đương Kinh Khởi thế nhân bổn (P. Aggañña Suttaṃ)số 27 trong Kinh Trường 36 n6i về nguồn gốc con người trên địa cầu này đến từ trời Quang Âm. Kinh phân tích bản chất của xã hội nguyên thủy và mô hình nhà nước, theo đó vua là người được tuyển chọn ().Kinh phủ đinh giai cấp, khẳng định do nghiệp và tự do cá nhân, con người dù thuộc bất kỳ giai cáp nào, cũng đêu tự quyêt định sô phận của mình theo nhân quả. 6. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương tu hành ()tương đương Kinh Chuyển Luân Thánh Vương sư tử hong (P. Cakkavatti Sīhanāda Suttaṃ)số 26 trong Kỉnh Trường ,37 giới thiệu mô hình quản tri đất nước bằng bảy báu, phân tích nguyên nhân và hậu quả của sự rối loạn xã hội, giới thiệu vai trò của Phật Di-lặc trong tương lai, phục hưng xã hội lý tưởng theo nguyên lý "Chánh pháp tri thế" nhằm phát triển xã hội bền vững. 7. Kỉnh Tệ-túc (P. Pāyāsi Sutta.)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 23 trong Kinh Trường bộ^ phe phán Đoạn diệt luận; giới thiệu cách Đồng nữ Ca-diep giải thích các an dụ nham chứng minh rang sau khi chết, con người không mat hẳn. ở mỗi kiếp sống, con người chịu trách nhiệm nhân quả do chính mình tạo ra. 8. Kỉnh Tán-đà-na ()tương đương Kinh Ưu-đam-bà-la sư tử hổng (P. Ưdumbarỉkã Sīhanāda Sutta.)số 25 trong Kinh Trường * đe cao vai trò của các hành vi đạo đức. Đức Phật chỉ ra thế nào là sự bất tịnh đem lại cấu uế và sự thanh tịnh của người tu khổ hạnh. Ngài dạy ràng người thực hành năm giới, mười thiện nghiệp, tu tập bốn tâm vô lượng chính là đang thực hành pháp kho hạnh thù thắng bậc nhất. 9. Kinh Chủng tập (S. Sañgīti-sūtra,)tương đương Kinh Phúng tụng (P. Sañgāti Suttaṃ)số 33 trong Kỉnh Trường .4Đức Phật bảo

36 Tiểu duyên kinh (TOI. 000L05. 0036ỒỔ28). Tham chiếu: Bà-la-bà đường kinh (Z01. 0026.154. 0673b04); Phật thuyêt Bạch y kim tràng nhị Bà-la-môn duyên khởi kỉnh (7101.0010. 0216bll). “ 37 Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành kinh (roi. 0001.06. 0039a21). Tham chiếu: Chuyến Luân Vương kỉnh (TOI. 0026.70. 0520b16). 38 Tệ-tủc kỉnh (TOI. 0001.07. 0042b24). Tham chiếu: Tỳ-tứ kinh (roi. 0026.71. 0525al0); Đại Chảnh Củ Vương kinh (roi. 0045. 083U06); A^nāu-di kinh (Z01. 0001.15. 0066a09). 39 Tản-đà-nakỉnh (TOI.

0001.08. 0047al7). Tham chiếu: ựu-đàm-bà-Ịạ kỉnh (TOI. 0026.104. 0591Ồ26); Phật thuyết Nỉ-câu-đà Phạm chí kinh (roi. 0011. 0222al9). 40 Chủng tập kinh (TOI. 0001.09.0049b27). Kinh này còn gọi là Đẳng tụng kinh Tăng kỳ-đà kinh .Tham chiếu: Thập thượng kinh (roi. 0001.10. 0052cl7); Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh (toi. 0012. 0226c03); Tâm uế kỉnh (7.61. 0026.206. 0780b15); Tăng.(r.O2. 0125.37.1. 0708c11); Tăng,(Z02. 0125.39.5. 0730c19); Tăng.(7.02. 0125.44.1. 0764c20); Tăng.(T02. 0125.51.4. 0817al6).

xlii KINH TRƯỜNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng cho các vị đông tu, nhân vì vi giáo chủ của phái Ni- kiền-tử vừa từ trần, các đệ tử bất hòa, tranh cãi lẫn nhau. Tôn giả thuyết lại lơi dạy của đức Phật theo mô thức pháp số một cách thứ tư từ 1-10, bắt đầu từ tất cả hữu tình nương vật thực mà ton tại cho đến l o pháp vô học chân chánh, nhắc nhở chư Tăng khônẹ nên tranh chấp, làm cho Phạm hạnh được trường tồn, trời người đều được nhiều lợi ích, an vui. 10. Kinh Thập thượng (S. Daảottara-sũtra, p. Dasuttara Suttaṃ) tương đương bài kinh cùng tựa đề số 34 trong Kỉnh Trường bộ^ỵ do Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết cũng với mô thức pháp số theo nhóm: Pháp đưa đến nhiều thành tựu, pháp cần phải tu tập, pháp cần phải thấu hiểu, pháp cần phải diệt trừ, pháp làm cho thoái thất, pháp làm cho tăng trưởng, pháp rất khó lý giải, pháp cân được phát sanh, pháp cân phải biêt rõ, pháp cân phải tác chứng. Môi nhóm pháp này tăng dần từ lio, tổng cộng là 550 pháp, đã được đức Phật . ỉ : * if r

chứng tri và thuyêt giảng, dứt trừ các trói buộc, két thúc khô đau, đưa đên Niết-bàn. 11. Kinh Tảng nhất ()không có kinh tương đương trong Kinh Trường bộ, Kinh giới thiệu 275 pháp, tăng dần từ 1-10 với các chủ đề: Pháp đưa đến nhiều thành tựu, pháp càn phải tu tập, pháp cần phải thấu hiểu, pháp cần phải diệt trừ, pháp cần phải tác chứng, nhằm giúp mọi người hoàn thiện hạnh Thánh, đạt được an lạc toi thượng. 12. Kinh Tam tụ ()không có kinh tương đương trong Kinh Trường bọ. đề cập 165 pháp số, giới thiệu ba lối sống gồm lối sống đưa đến cõi xấu, lối sống đưa đến cõi thiện và pháp tu đạt đến Niết-bàn, qua đó khích lệ người thực hành hoàn thành đời sống thánh thiện, trở thành người hữu ích và có giá trị. 13. Kinh Đại duyên phương tiện ()tương đương Kinh Đại duyên (P. Mahãỉdãna Suttaṃ)số 15 trong Kinh Trường ,42 giới thiệu 12 mắc xích nhân duyên làm cho con người luân hồi trong ba cõi. Kinh đề cập đến bảy chỗ thức trú, hai nơi thể nhập và tám giải thoát. Vị Tỳ-kheo hiểu rõ các pháp này, nô lực chặt đứt mác xích tham ái và chấp thủ, đạt được giải thoát tâm và giải thoát bằng trí tuệ. 14. Kinh Thích-đề-hoàn-nhân vấn ()tương đương Kỉnh Đế-thỉch sở vấn (P. Sakkapañha Suttaṃ)số 21 trong Kinh Trường

41 Thập thượng kinh ,(701. 0001J0. 0052c17). Tham chiếu: Chủng tập kinh (roi. 0001.9. 0049b27); Tawg nhất kinh (roi. 0001.11. 0057Ồ26); Phật thuyết Đại tập pháp mon kinh (roi. 0012. 0226c03); Trường A-hàm thập bảo pháp kỉnh (roi. 0013. 0233b23); Tâm uế kỉnh (roi. 0026.206. 0780b15); Tang.(r.O2. 0125.37.5. 0712a09);g.(Wo2. 0125.39.5. 0730cl9); Tăng.(02. 0125.51.4. 0817al6). duyên

Đỉ0\í2oK'(”ủ9(yy(ủ9ỉ0axửJ4úaợợxỉpăíDayayay,ăíyảDếkăD,lla(ūaxểpaă,ă“yăapếí,lla(ūaxể“app,Dăăa(ừa

xliv KINH TRƯỜNG A-HÀM

Xá-lợi-phất tán dương đức Phật về phương diện trí tuệ, thần thông và công đức, không một ai có thể so sánh. Tôn giả liệt kê nhiều pháp cao thượng đã được đức Phật tuyên thuyết. Sau đó, đức Phật khuyên đệ tử thực tập sự ít muốn, biết đủ, làm chủ các giác quan, không mê đắm các dục, tinh cần tu tập và chứng được đạo quả. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết lại pháp này cho các vị đông tu nghe, nhờ vậy các vị được thanh tịnh. 19. Kinh Đại hội (S. Mahāsamāja-sūtra,)tương đương Kỉnh Đại hội (P. Mahāsamaya Sutto,)số 20 trong Kỉnh Trường bô.4647 Chư thiên 48 và các vị tiên nhân ở nhiêu cõi giới đên thăm viêng, tán dương đức Phật. Ngài đã hướng dẫn cách che ngự vọng tâm mà tuyên thuyết than chú và thuyết pháp độ cho tám mươi bốn ngàn chư thiên hoàn thiện trí tuệ, đạo đức và thiền định, chấm dứt các khổ đau. 20. Kinh A-ma-trú (S. Ambāstha-sūtra. p. Ambattha s) tương đương bài kinh cùng tựa đề số 3 trong Kỉnh Trường .47 Nhằm giúp Ambattha bỏ nghiệp ngạo mạn, đức Phật chứng minh tổ tiên của Ambattha là nô tỳ của dòng họ Thích. Đức Phật chỉ ra những khiếm khuyết Phạm hạnh của các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo. Đối với đệ tử của Ngài khi tu tập trong giáo pháp đêu chuyên tu Thánh giới, tâm không đăm nhiễm, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác, thực hành thiền định, chứng đắc tứ thiền và tam minh. Khi được A-ma-trú tường thuật lại, thầy của A-ma-trú xin quy y với Phật, chứng được quả Thánh Bất hoàn và qua đời

DẪN LUẬN xlv

(ii) Đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, (iii) Dung mạo đoan chánh, (iv) Giữ giới đầy đủ, (v) Trí tuệ thông đạt. 23. Kinh Cứu-la-đàn-đầu (S. Kūtatāndya-sūtra, p. Kūtadanta Suttaṃ)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 5 trong Kỉnh Trường b.5Đức Phật phê phán 3 loại tế lễ với 16 vật phẩm của đạo Bà-la-môn, qua đó giới thiệu cách tê lê không gieo nghiệp sát băng việc quy ngưỡng Tam bảo, giữ năm đạo đức, cúng dường Tăng đoàn, xây dựng Tăng xá, nuôi dưỡng tâm từ, xuất gia tu tập Phạm hạnh, chứng đắc ba minh. Ngài thuyết pháp chỉ rõ các hạnh thanh tinh và bốn chân lý Thánh. 24. Kinh Kiên cổ (S. Kaivarti-sūtra. p. Kevaddha Sutta,)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 11 trong Kỉnh Trường bộ. Đức Phật giới thiệu ba loại thần thông là thần túc, quán sát tâm người và giáo hóa, nhưng Ngài phê phán việc biểu diễn thần thông để thu hút quần chúng. Đồng thời, Ngài chỉ dạy các đệ tử nên ở nơi thanh văng, lặng lẽ tư duy vê lý đạo, tu tập các công đức. 25. Kinh Lõa hình Phạm chỉ ()tương đương Kỉnh Ca-diếp sư tử hổng (P. Kassapa Sīhanāda Suttaṃ)s6 8 trong Kỉnh Trường bộ,5ì chỉ ra những khiếm khuyết trong cách tu tập khổ hạnh ép xác, giới hạnh không đầy đủ của đạo Bà-la-môn, qua đó đề cao "hạnh khó làm", chính là đầy J L y 7 đủ giới đức, làm chủ giác quan, thực tập bôn thiên, phát triên trí tuệ, thoát khỏi sợ hãi, đạt giải thoát tâm và giải thoát bằng trí tuệ. 26. Kinh Tam minh (S. Vāsistha-sūtra. p. Tevijjā Suttaṃ)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 13 trong Kỉnh Trường bộ.50 52 Nhân vì hai vị Bà-la- 51 môn tranh luận vê con đường cộng tru với Phạm thiên, đức Phật giới thiệu

con đường cộng trú với Phạm thiên rất thiết thực, bằng cách giữ giới hạnh; chuyển hóa tâm ái dục, sân hận; phát triển tâm từ, bi, hỷ, xả. Đức Phật hướng dẫn cách tu tập để có cùng chí hướng, cùng giải thoát với Phạm thiên. 27. Kinh Sa-môn quả (S. śrāmanyaphala-sūtra, p. Sāmañ̃ñaphala Suttaṃ)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 2 trong Kỉnh Trường bô.53 Đức Phật giới thiệu Vua A-xà-thế về các giá trị và thành quả thiết thực của Tăng sĩ chân chính nhờ giữ giới, sống tỉnh thức, tu thiền định, phát triển trí tuệ; đồng thời phân tích các sai lâm của sáu đạo sư An Độ cô đại. Được khai sáng, Vua A-xà- thê xin sám hôi trọng tội do giêt vua cha và trở thành một minh quân Phật tử.

50 Cứu-la-đàn-đầu kinh (roi. 0001.23. 0096a16). 51 Lõa hình Phạm chỉ kinh (TOI. 0001.25. 0102c25). 52 Tam minh kinh (TOI. 0001 26. o 104c 17). 53 Sa-môn quả kỉnh (TOI. 0001.27. 0107a20). Tham chiếu: Tịch chỉ quả kinh (T.01. 0022. 0270C27); Tăng.(F.02. 0125.43.7. 0762a07); Tạp.(T.02. 0099.154. 0043c21); Tạp.(02. 0099.155. 0044a01); Tạp.(02. 0099.156. 0044all); Tạp.(r.02. 0099.157- 160. 0044a22-bll); Tạp.(ro2. 6o9 16]. 0044b16); Tạp.(r02. 0099J62. 0044b29); Thp.n (7.02. 0099.163. 0044cl2); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hưu bộ Tỳ-nại-da (7.23. 1442.13. 0692b01).

28. Kinh Bố-tra-bà-ỉâu (S. Prsthapāla-sūtra, p. Potthapāda Suttaṃ)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 9 trong Kinh Trường bộ.54 Đức Phật phân tích về nhân duyên sinh ra tưởng và nhân duyên kết thúc tưởng, đồng thời trả lời các câu hỏi vê cách làm chủ tưởng tri, định không còn tri giác, nhát tưởng phi đa tưởng, trước tưởng sau trí. Qua đó, Phật dạy phương pháp tu tập trí tuệ, 5 < X - ĩ vượt qua các ngã tưởng gôm châp ngã qua thân tướng, châp ngã quá khứ và ngã tương lai, nhờ đó trải nghiệm an vui, giải thoát. 29. Kinh Lộ-già (S. Lohitya-sũtra, p. Lohicca Sutta.)tương đương bài kinh cùng tựa đề số 12 trong Kinh Trường bộ.55 Đức Phật khai thị cho Bà- la-môn Lộ-già và phê phán các tu sĩ thụ động, không tích cực truyền bá chân lý. Qua đó? đức Phật tán dương mô hình đạo sư “tự giác và giác tha”nỗ lực không mệt mỏi trong việc truyên bá chân lý đê cửu người, giúp đời. Đức Phật cũng giới thiệu bốn quả Sa-môn và lợi ích của việc nỗ lực truyền bá chân lý, cứu độ nhân sinh. 30. Kinh Thế kỷ ()không có kinh tương đương trong Kỉnh Trường bộ.56 Đức Phật thuyết minh về thế giới quan Phật giáo. Nguồn gốc thế giới trải qua quá trình thành trụ hoại không, sanh diệt biên đôi, sự thăng tiên, thoái hóa của thiên nhiên và chúng sanh hiện hữu trong tam thiên đại thiên the giới được đức Phật miêu tả cụ thể từ các cõi trời cho đến địa ngục. Chúng sanh trong các cõi tùy vào cảm thọ và hành nghiệp mà sanh vào các cảnh giới không đồng nhau, môi trường sống, sinh hoạt xã hội, tuổi thọ, công đức, oai thần, phước báo sai biệt nhau. Đức Phật nêu rõ các kiếp nạn của thế giới, sự phát sinh và tiến hóa của loài người, nguồn góc của các danh xưng, của sanh già bệnh chét, nguyên nhân hình thành bốn giai cấp, phả hệ truyền thừa của các đời vua từ khởi thủy cho đến La-hầu-la là con trai của Thái tử Tất-đạt-đa. Và qua đó, đức Phật nhấn mạnh chỉ có xuất gia tu tập để thành tựu trí và dức, chứng quả A-la-hán, minh và hạnh viên mãn mới là bậc tối thắng

trong thế giới này. ***

III. Kết luận Dựa vào bảng đối chiếu tựa đề kinh trong phần II. 2, chúng ta cần ghi nhận rằng Kỉnh Trường A-hàm (Dĩrgha Āgamā) bản chữ Hán của Pháp Tạng bộ có nội dung rất giống với Kỉnh Trường bộ (Dīghā Nikãyă) của Thượng Tọa bộ. Nội dung các chủ đề Phật học của Kinh Trường A-hàm chia sẻ cùng các phạm trù triết học Phật giáo Thượng Tọa bộ.

54 Bố-tra^bà-lâu kinh (TOI. 0001.28. 0109c22). 55 Lộ-gỉà kinh (roi. 0001.29. 0112c20). 5\Tham chiếu: Tiểu duyên kinh (TOI. 0001.05. 0036Ò28), Bà-la-bà đường kỉnh (TOI. 0026.154. 0673b04); Phật thuyêt Bạch y kim tràng nhỉ Bà-la-môn duyên khởi kỉnh (701.0010. 0216bll).

Dựa vào thời gian biên tập thì ba bài kinh gồm Kỉnh Tăng nhất ()số W.Kinh Tam ()số 12, Kỉnh Thế ky ()số 30 trong Kinh Trường A-hàm bản chữ Hán không có kinh tương đương trong Kinh Trường bộ được xem là thêm vào sau so với các bài kinh còn lại; trong đó có thể nói, Kỉnh Thế ky xuất hiện muộn nhất.57 Điều này cho thấy, trong quá trình biên tập kinh điển Phật giáo, một số kinh được các bộ phái Phật giáo biên tập thêm, nhằm minh họa hoặc tạo sự hậu thuẫn về văn bản đối với các quan điểm Phật học chứa đựng trong các bài kinh được bo sung này. Vê nội dung, ngoài những chủ đê vê đức Phật lịch sử, vai trò đạo sư của đức Phật và các học thuyết quan trọng của triết học đức Phật, Kinh Trường A-hàm còn là nguồn dữ liệu phong phú về đối thoại liên tôn giáo và đối thoại

57 Xem thảo luận chi tiết, Hartmann, Jens-Ưwe 2002: "Further Remarks on the New Manuscript of the pīrghāgama,\ Journal of the International College for Advanced Buddhist Studies, 5: 133-50, và quyển cung tác giả, Hartmann, Jens-Uwe 2004: "Contents and Structure of the Dīrghāgama of the Mula-Sarvastivādins„j Annual Report of the International Research Institutefor A dvariced Buddhology at Soka University, 7: 119-37.

KINH TRƯỜNG A-HÀM Hán dịch TAM TẠNG PHẬT-ĐÀ-DA-XÁ VÀ TRÚC PHẬT NIỆM

Việt dịch VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HUỆ NGHIÊM

Hiệu đính: Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

1. KINH ĐẠI BỔN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo, đều ngự trong động Hoa Lâm, tại rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi thọ trai xong, bèn tập hợp tại giảng đường Hoa Lâm, đồng thời bàn luận như sau: "Này chư Hiền, chỉ có đấng Vô Thượng Tôn, thật là kỳ diệu, có thần thông thấu triệt sâu xa và oai đức rộng lớn, mới biết rõ vô số chư Phật ở quá khứ nhập Niết-bàn, đồng thời đã dứt hết các kiết sử, tiêu diệt hoàn toàn sự hy luận; hơn nữa, còn biết rõ kiếp sổ nhiều ít, danh hiệu, chủng tộc, sự ăn uông, thọ mạng dài ngăn và sự khô vui của các đức Phật ấy; thậm chí cũng biết rõ các đức Phật thời quá khứ có giới như vậy, có pháp như vậy, có trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy

và an trụ như vậy. Chư Hiền nghĩ thế nào? Đức Như Lai khéo phân biệt pháp tánh mà biết sự kiện này? Hay là do chư thiên kể lại mà biết sự kiện này?" Khi đó, đức Thế Tôn ngự tại chỗ thanh vắng, với thiên nhĩ thanh tinh, Ngài nghe rõ về những sự kiện được bàn luận như trên của các Tỳ-kheo, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường Hoa Lâm; sau đó Ngài tiến lên chỗ ngồi và an tọa tại đấy. Lúc ấy, dù Thế Tôn đã biết nhimg vẫn cứ hỏi: Này các Tỳ-kheo, các ông tập hợp tại đây đê bàn luận việc gì? Thế rồi, các Tỳ-kheo đều đem tất cả những sự kiện trên để trình bày với đức Phật. Bấy giờ, đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, hay lắm, hay lam! Các ông đã đem lòng tin bình đang mà xuất gia tu đạo, vậy các ông phải thực hành hai việc: (1) Giảng pháp như Hiền thánh; (2) Im lặng như Hiền thánh. Do đó, những sự luận bàn của các ông phải phù hợp với hai vân đê như trên. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai có thần thông, oai lực rộng lớn nên biết hết những việc từ vô số kiếp trong quá khứ, là do đức Như Lai khéo có thể hiểu được nghĩa của pháp tánh cho nên biết, đong thời cũng do chư thiên kể lại cho nên biêt. Lúc ấy, Phật nói kệ rằng: Tỳ-kheo tại pháp đường, Luận bàn việc Hiền thánh, Như Lai nơi tịnh thất, Thiên nhĩ nghe biết hết.

4 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Hào quang Phật chiêu khăp, Phân biệt nghĩa pháp giới, Và biết việc quá khứ, Ba đời Phật Niết-bàn. y

Danh hiệu và chủng tộc, Phân thọ sanh cũng rõ, Tùy theo xứ sở đó, Bằng tinh nhãn thấy rõ. Chư thiên đại oai lực, Dung mạo rất đoan nghiêm, Cũng đến bạch với Ta, Ba đời Phật Niết-bàn. Biết danh hiệu chủng tộc, Đấng Vo Thượng Thiên Nhơn, Tiếng Ngài như chim loan, Ngài biết quá khứ Phật. Phật bảo các Tỳ-kheo: —Các ông có muôn nghe đức Như Lai dùng túc mạng trí mà biêt và kê lại nhân duyên quá khứ của chư Phật không? Ta sẽ nói vấn đề ấy cho. Khi đó, các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính thưa đức Thế Tôn? nay chính là đúng thời, chúng con thích muốn nghe! Bạch đức Thế Tôn, quý hóa thay, xin Ngài hãy tùy thời mà nói, chúng con sẽ cung kính thực hành điều đó! Phật bảo: Này các Tỳ-kheo, hãy lăng nghe, hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ vê vân đê này, Ta sẽ vì các Tỳ-kheo mà phân biệt, giải thích và trình bày cho! Lúc đó5 các Tỳ-kheo vâng lời dạy và lắng nghe. Thế rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: -Cách đây chín mươi mốt kiếp về thời quá khứ, có đức Phật Tỳ-bà-thi, là bậc Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở thế gian. Cũng cách đây ba mươi mốt kiếp về thời quá khứ, có đức Phật Thi-khí, là bậc Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở thế gian. Cũng trong thuở quá khứ cách đây ba mươi môt kiêp có đức Phật hiệu Tỳ- xá-bà, là bậc Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở thế gian. Lại trong Hiền kiếp này có bốn đức Phật xuất hiện ở thế gian hiệu là Câu-liru-tôn, Câu-na-hàm? Ca-diếp và Ta nay đã thành bậc Tối Thượng Chánh Giác. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Quá khứ chín mươi mốt? Có Phật Tỳ-bà-thi. Ba mốt kiếp quá khứ, Có Phật hiệu Thi-khí. Cũng trong kiếp quá khứ, Phật Tỳ-xá xuất hiện. Nay trong Hiền kiếp này, Vô số na-duy tuế. Có bốn đấng Giác Ngộ, Thương chúng sanh, ra đời, Câu-lưu-tôn5 Na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca-văn. Các ông nên biết: Thơi Phật Tỳ-bà-thi? loài người sống tám vạn tuổi. Thời Phật Thi-khí, loài người sống bảy vạn tuổi. Thời Phật Tỳ-xá-bà, loài người sống sáu vạn tuổi. Thời Phật Cau-lưu-tôn, loài người sống bốn vạn tuổi. Thời Phật Câu-na-hàm, loài

người sống ba vạn tuổi. Thời Phật Ca-diếp, loài người sốnệ hai vạn tuôi. Nay Ta ra đời, loài người chỉ sông một trăm tuôi! số tăng thì ít, sô giảm thì nhiều.

1. KINH ĐẠI BỔN 5

LÚC ấy, Phật nói kệ rằng: Người thời Tỳ-bà-thi, Sống tám vạn bốn ngàn. M r 19 Ả •

Người thời Phật Thi-khí, Sông đên bảy vạn tuổi. Người thời Tỳ-xá-bà, Sống đến sáu vạn tuổi. Người thời Phật Lưu-tôn, Sống đến bốn vạn tuổi. Người thời Phật Na-hàm, Sống đến ba vạn tuổi. Người thời Phật Cadiếp, Sông đên hai vạn tuôi. Người thời nay của Ta, Sống không quá một trăm. Đức Phật Tỳ-bà-thi sanh trong dòng Sát-đế-lợi9 họ Câu-ly-nhã. Đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-bà cũng có dòng họ như đức Phật trên. Đức Phật Câu-liru- tôn sanh trong dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp. Đức Phật Câu-na-hàm, Phật Ca- diếp cũng có dòng họ như hai đức Phật trên. Và Ta nay là bậc Chí Chân, Như Lai, sanh trong dòng Sát-đế-lợi, họ

6 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Đức Phật Câu-na-hàm, Ngồi dưới cây Ô-tạm, ở tại chính cây này, Diệt tham, khổ, lo, buồn. Đức Ca-diếp Như Lai, Ngồi dưới cây Câu-loại, ở tại chính cây này, Trừ diệt nhân các cõi, Ta nay Thích-ca-văn, Ngồi dưới cây Bát-đa, Như Lai, đấng Thập Lực, Đoạn trừ các kiết sử, Hàng phục các ma oán, Trong chúng nói pháp mâu. Bảy Phật, sức tinh tấn, Phóng quang diệt toi tăm, Các vị ngồi dưới cây, Mà thành Đẳng Chánh Giác Đức Phật Tỳ-bà-thi thuyết pháp có ba hội. Hội thứ nhất có mười sáu vạn tám ngàn đệ tử tham dự. Hội thứ hai có mười vạn đệ tử tham dự. Hội thứ ba có tám vạn đệ tử tham dự. Đức Phật Thi-khí cũng có ba hội thuyết pháp. Đệ tử tham dự hội đầu có mười vạn người. Đệ tử tham dự hội thứ hai có tám vạn người. Đệ tử tham dự hội thứ ba có bảy vạn người. Đức Phật Tỳ-xá-bà có hai hội thuyêt pháp. Hội đâu có bảy vạn người đệ tử tham dự. Hội kê có sáu vạn người đệ tử tham dự. Đức Phật Câu-lưu-tôn thuyết pháp một hội? có bốn vạn người đệ tử tham dự. Đức Phật Câu-na-hàm thuyết pháp có một hội, đệ tử tham dự có ba vạn người. Đức Phật Ca-diếp thuyết pháp một hội, đệ tử tham dự có hai vạn người. Ta nay thuyết pháp một hội, có một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử tham dự. Bây giờ, Phật nói bài kệ: Tỳ-bà-thi quán sát, Trí tuệ không thể lường, Thảy khắp không sợ hãi, Chúng đệ tử ba hội. Phật Thi-khí bất động, Hay diệt các kiết sử, Vô lượng đại oai đức, Không ai so lường được, Phật có ba hội pháp, Đệ tử đều nhóm họp. Phật Xá-bà đoạn kiết, Thành đạo đại giác ngộ, Tiêng đôn kháp mười phương, Đại danh xưng diệu pháp, Chúng đệ tử hai hội, Khắp diễn nghĩa sâu xa. Câu-lưu-tôn một hội, Thương xót cứu các khổ, Đạo sư độ chúng sanh, Chúng đệ tử một hội. Đức Phật Câu-na-hàm5 Bậc Vô Thượng cũng thế, Sắc thân màu vàng tía, Dung mạo đều đầy đủ, Một hội chúng đệ tử, Khắp diễn pháp vi diệu. Ca-diếp, mỗi mỗi lòng, Một, tâm không loạn tưởng, Hai, lời không trùng điệp, Chúng đệ tử một hội. Ý Năng Nhân vắng lặng, Bậc Sa-môn Thích Chủng, Trên hết trong trời, người, Ta, đệ tử một hội, Và thuyết pháp ở đó, Trình bày pháp thanh tịnh, Trong tâm thường hoan hỷ, Hết lậu hoặc, giải thoát.

1. KINH ĐẠI BỔN^ 7

Tỳ-bà, Thi-khí ba, Phật Tỳ-xá hai hội, Bốn Phật đều một hội, Bậc Giác Ngộ diễn thuyết. Hồi đó, Phật Tỳ-bà-thi có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Kiển-trà, hai là Đề-xá. Phật Thi-khí có hai vi đệ tử đứng dầu, một là A-tỳ-phù, hai là Bà-bà. Phật Tỳ-xá-bà có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Phù-du? hai là uất-đa-ma. Phật Câu-lưu-tôn có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Tất-ni, hai là Tỳ-lâu. Phật Câu- na-hàm có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Thư-bàn-na, hai là uất-đa-lâu. Phật Ca-diếp có hai vi đệ tử đứng đầu, một là Đề-xá? hai là Bà-la-bà. Nay Ta có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Xá-lợi-phất5 hai là Mục-kiền-liên. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Kiển-trà và Đề-xá, Đệ tử Phật Bà-thi. A-tỳ-phù, Bà-bà, Đê tử Phật Thi-khí. Phù-du, uất-đa-ma, Đứng đâu trong đệ tử, Hai vị diệt ma oán, Đệ tử Phật Tỳ-xá. Tat-ni va Ty-lau, Đệ tử Phật Lưu-tôn. Thư-bàn, uất-đa-lâu, Đệ tử Phật Na-hàm. Đe xá, Bà-la-bà, Đệ tử Phật Ca-diếp. Xá-lợi-phất, Mục-liên, Đệ tử Ta đệ nhất. Đức Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử thi giả tên là Vô Ưu. Đức Phật Thi-khí có vị đệ tử thi giả tên là Nhẫn Hạnh. Đức Phật Tỳ-xá-bà có vi đệ tử thị giả tên là Tịch Diệt. Đức Phật Câu-liru-tôn có vị đệ tử thị giả tên là Thiện Giác. Đức Phật Câu-na-hàm có vi đệ tử thị giả tên là An Hòa. Đức Phật Ca-diếp có vị đệ tử thi giả tên là Thiện Hữu. Đệ tử thị giả của Ta là A-nan. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Vô Ưu và Nhẫn Hạnh, Tịch Diệt và Thiện Giác, An Hòa và Thiện Hữu, Cùng A-nan là bảy. Đều là thị giả Phật, Đầy đủ các nghĩa thú, Ngày đêm thường siêng năng, Tự lợi và lợi tha. Thất hiền đệ tử này, Hầu hai bên thất Phật, Hoan hỷ và cúng dường, Vắng lặng vào Niết-bàn. Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên là Phương ủng, Đức Phật Thi-khí có con tên là Vô Lượng. Đức Phật Tỳ-xá-bà có con tên là Diệu Giác. Đức Phật Câu-liru- tôn có con tên là Thượng Thắng. Đức Phật Câu-na-hàm có con tên là Đạo Sư. Đức Phật Ca-diếp có con tên là Tập Quân. Nay Ta có con tên là La-hầu-la. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Phương ủng và Vô Lượng, Diệu Giác và Thượng Thắng, Đạo Sư và Tập Quân, La-hầu-la là bảy. Những người con giàu sang, Nối dòng dõi chư Phật, Thọ pháp ban ân huệ, Vô úy trong Thánh pháp.

8 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật Tỳ-bà-thi có cha tên là Bàn-đầu, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẫu hậu tên Bàn-đầu-bà-đề. Kinh thành của vua trị vì tên là Bàn-đầu-bà-đề. Khi ấy, Phật nói kệ: Phụ vương tên Bàn-đầu, Mẹ Bàn-đầu-bà-đề9 Thành Bàn-đầu-bà-đề, Phật thuyết pháp trong đó. Phật Thi-khí có cha tên là Minh Tướng, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẫu hậu tên là Quang Diệu. Quốc thành vua trị vì là Quang Tướng. Lúc đó, Phật nói bài kệ: Thi-khí, cha Minh Tướng, Mẹ tên là Quang Diệu. ở trong thành Quang Tướng, Oai đức dẹp ngoại địch. Phật Tỳ-xá-bà có cha tên là Thiện Đăng, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẹ tên là Xứng Giới. Quốc thành vua tri vì tên Vô Dụ. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Cha Phật Tỳ-xá-bà5 Thiện Đăng dòng Sát-lợi. Mẹ tên là Xứng Giới, Quốc thành tên Vô Dụ. Phật Câu-lưu-tôn có cha tên là Tự Đắc, thuộc dòng Bà-la-môn. Mẹ tên là Thiện Chí. Vua tên là An Hòa nên kinh thành cũng theo tên vua mà đặt tên là An Hòa. Khi ấy, Phật nói bài kệ: Tự Đắc, Bà-la-môn, Mẹ tên là Thiện Chí, Vua tên là An Hòa, ở tại thành An Hòa. Phật Câu-na-hàm có cha tên là Đại Đức, thuộc dòng Bà-la-môn. Mẹ tên là Thiện Thắng. Nhà vua bấy giờ tên là Thanh Tịnh nên kinh thành theo tên vua mà đặt là Thanh Tinh. Lúc đó, Phật nói kệ: Đại Bức, Bà-la-môn5 Mẹ tên là Thiện Thắng, Vua tên là Thanh Tịnh, ở tại thành Thanh Tịnh. Phật Ca-diếp có cha tên là Phạm Đức, thuộc dòng Bà-la-môn. Mẹ

tên là Tài Chủ. Nhà vua bấy giờ có tên Hấp-tỳ, kinh thành vua trị vì tên là Ba-la-nại. Khi đó5 Phật dạy bằng bài kệ: Phạm Bức, Bà-la-môn, Mẹ tên là Tài Chủ, Vua có tên Hấp-tỳ, ở thành Ba-la-nại. Thân phụ của Ta tên là Tịnh Phạn, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẹ tên là Đại Thanh Tinh Diệu. Kinh thành vua tri vì tên Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ,

Đây là nhân duyên, danh hiệu, chủng tộc và nơi đản sanh của chư Phật. Người trí nào nghe nhân duyên mà không khởi tâm hân hoan ưa muốn? Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta muôn dùng túc mạng trí đê biêt và nói vê việc quá khứ của chư Phật, các ông có muốn nghe không? Các Tỳ-kheo bạch: - Nay chính là đúng thời, chúng con muốn nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ về vấn đề này, Ta sẽ vì các ông phân biệt, giải thích và nói cho! Này các Tỳ-kheo, phải biết thường pháp của chư Phật, đó là khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ từ hông bên phải thì tâm Ngài chánh niệm bất loạn. Ngay lúc ấy, cõi đất chấn động, Ngài phóng hào quang lớn chiếu khắp thế giới, thậm chí nơi mà ánh sáng mặt trời, mặt trăng không chiếu tới cũng đều nhờ ánh sáng lớn này mà chúng sanh ở cõi đát tôi tăm đó đêu trông thây lân nhau và biêt chỗ thọ sanh của mình, khi ánh sáng ấy chiếu đến Ma cung, Phạm thiên, Đế- thích, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác cũng đều được nhờ ánh sáng lớn ấy, đồng thời khiến cho ánh sáng chư thiên tự nhiên không hiện. Lúc đó, Phật nói bài kệ rằng: Mây đầy giữa hư không, Ánh sáng báu vẫn chiếu, r 9 r ỉ Tỳ-bà-thi giáng thần, Anh sáng chiêu cũng thê. Chỗ nhật nguyệt không đến, Đêu nhờ ánh sáng ây, Trong thai rất thanh tịnh, Pháp chư Phật đều thế. Này các Tỳ-kheo9 nên biết thường pháp của chư Phật như sau: Ấy là khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi ở trong thai mẹ, chuyên niệm bất loạn, đồng thời có bốn vị thiên tử tay câm giáo mác hâu hạ và hộ vệ mẹ Ngài, dù người hay chăng phải người cũng không thể quấy nhiễu được. Đây chính là thường pháp. Lúc đó? Phật nói bài kệ: Bốn phương bốn thiên tử, Có danh xung oai đức, Trời Đế-thích điều khiển, Khéo hộ vệ Bồ-tát. Tay thường cầm giáo mác, Hầu hạ không rời xa, Nhân, phi nhân không phá, Là thường pháp chư Phật. Được thiên thần ủng hộ, Như thiên nữ hộ trời, Quyến thuộc thường hoan hỷ, Là thường pháp chư Phật. Phật lại bảo các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau: Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ thì chuyên niệm không loạn, đông thời thân mẹ Ngài an ôn, không có những lo âu, trí tuệ tăng trưởng, mẹ Ngài tự xem thai thây thân Bô-tát các căn đây đủ như màu vàng tía, không có vết nhơ, cũng như người có mắt thấy khối lưu ly trong

sạch, thấu suốt cả trong lẫn ngoài, không có chướng ngại. Này các Tỳ-kheo, đây là thường pháp của chư Phật. Bây giơ, đức Thê Tôn liên noi kê răng: Như ngọc lưu ly sạch, Trong sáng như nhật nguyệt, Năng Nhân trong thai mẹ, Mẹ Ngài chẳng lo âu, Trí tuệ càng tăng trưởng, Xem thai như hình vàng, Mẹ mang thai an lạc, Là thường pháp chư Phật. Phật bảo các Tỳ-kheo như sau: Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ thì chuyên niệm không loạn, đong thời tâm mẹ Ngài thanh tinh, không có những tư tưởng dục nhiễm, không bị lửa dục thiêu đốt. Đây là thường pháp

của chư Phật. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ: Bồ-tát ở thai mẹ, Đấng do phúc tạo thành. Tâm mẹ Ngài thanh tịnh, Không có các dục tưởng, Từ bỏ sự dâm dục, Không nhiễm, không thân cận, Không bị lửa dục đốt, Mẹ chư Phật thường tịnh. Phật dạy các Tỳ-kheo vê thường pháp của chư Phật như sau: Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ9 chuyên niệm không loạn, mẹ Ngài cũng vâng giữ năm giới. Phạm hạnh thanh tịnh, đầy đủ lòng tin và giàu lòng nhân ái, mọi điều lành đều thành tựu, an lạc không sợ hãi, sau khi mạng chung thì được sanh về cõi trời Đao-lợi. Đây là thường pháp của chư Phật. Bay giơ, đức The Ton noi bai kê răng: Trì giới trong loài người, Đầy đủ giới, tinh tấn, Sau ắt thọ thân trời, Do đó gọi Phật mẫu. Phật dạy các Ty-kheo về thường pháp của chư Phật như sau: Bồ-tát Tỳ-bà- thi đương lúc Ngài sanh ra từ hông bên phải thì cõi đất chấn động, hào quang chiếu sánẹ khắp nơi; còn lúc mới nhập thai thì chỗ tối tăm nhất cũng đều nhờ ánh sáng ấy. Đó là thường pháp của chư Phật. Bây giơ, đức The Tôn noi bai kẹ: Thái tử sanh, đất động, Hào quang lớn chiểu khắp, Cõi này và cõi khác, Trên dưới cùng các phương, Phóng quang, ban tịnh nhãn, Đầy đủ như thân trơi, Dùng tịnh tâm hoan hỷ, Chuyển xứng tên Bồ-tát. Phật dạy các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau: Bồ-tát Tỳ-bà- thi đương lúc sanh ra từ hông phải của mẹ thì chuyên niệm không loạn và mẹ của Bồ-tát lúc ấy, tay vịn cành cây, không ngồi, không nằm. Bấy giờ, bốn thiên tử tay bưng nước thơm đứng trước Phật mẫu thưa rằng: “Thua Thiên mẫu, nay Ngài sanh Thánh tử, vậy chớ có âu lo." Đây là thường pháp của chư Phật.

l.KINH ĐẠI BÒN^ 11

Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Phật mẫu không nằm, ngồi, Trụ giới tu Phạm hạnh, Sanh tôn quý, tinh tấn, Được trời, người hầu hạ. Phật dạy về thường pháp của chư Phật cho các Tỳ-kheo như sau: Bồ-tát Tỳ- bà-thi đương lúc sanh ra từ hông phải thì chuyên niệm không loạn, thân Ngài thanh tịnh, không ô nhiễm, cũng như nguôi có mắt, lấy ngọc minh châu sạch sẽ đặt trên lụa trắng, hai bên không làm bân lân nhau, vì cả hai đêu sạch sẽ. Cũng thế, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ. Đây là thường pháp của chư Phật. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Sáng sạch cũng như ngọc, Trên lụa không nhơ bẩn, Bồ-tát khi xuất thai, Thanh tịnh không ô nhiễm. Phật dạy các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau: Bồ-tát Tỳ-bà- thi đương lúc sanh ra từ hông phải thì chuyên niệm không loạn, Ngài từ hông phải đản sanh và bước xuống dát, đồng thời đi bảy bước, không cần người nâng đỡ. Ngài nhìn khắp bon phương và đưa tay lên nói rang: "Trên trời dưới đất, duy chỉ có Ta là tôn quý! Ta muốn độ chúng sanh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.” Đây là thường pháp của chư Phật. Lúc đó, Phật nói kệ: Giống như sư tử bước, Nhìn khắp cả bốn phương, Xuống đất đi bảy bước, Nhân sư tử cũng vậy. Lại như rồng lớn di, Khắp nhìn cả bốn phương, Xuống đất đi bảy bước, Đấng Nhân Long cũng vậy Đấng Phúc Trí sanh ra, An lành đi bảy bước, Nhìn bốn phương nói rằng, Sẽ dứt khổ sanh tử, Đương lúc Ngài mới sanh, Đã là đấng Vô Thượng. Tự quán nhân sanh tử. Thân này là cuối cùng. Phật dạy các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau: Bồ-tát Tỳ-bà- thi đương lúc sanh ra từ hônẹ phải, chuyên niệm không loạn, có hai suối nước vừa âm vừa mát tuôn chảy đê cung cáp cho Ngài tăm. Đây là thường pháp của chư Phật. Lúc ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng: Khi đấng Phúc Trí sanh, Hai suối tự tuôn chảy, Đe cúng

dường Bồ-tát, Ngài tắm được thanh tịnh. Hai suối tự tuôn chảy, Nước ây thật trong sạch, Một ấm và một mát, Đe tắm Nhất Thiết Trí. LÚC mới sanh thái tử, phụ vương Bàn-đâu liên triệu tập các tướng sư và các nhà đạo thuật mà khiến họ xem tướng thái tử để biết điềm kiết hung của Ngài. Bấy giờ, các thầy tướng vâng lệnh liền cởi áo thái tử ra xem, thấy có đầy đủ tướng tốt và đoán rằng: Người có tướng này sẽ theo một trong hai con đường chắc chắn không sai:

12 KINH TRƯỜNG A-HÀM

(1) Nếu Ngài ở nhà thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đầy đủ bốn tướng quân binh. Dùng chánh pháp tri dân, không thiên vị, thi ân khắp thiên hạ, bảy báu tự nhiên đến, có ngàn người con mạnh mẽ, có thể hàng phục ngoại địch, không cần dùng binh khí, gậy gộc mà thiên hạ vẫn được thái bình. (2) Nếu Ngài xuất gia học đạo sẽ thành Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Bấy giờ, các thầy tướng liền thưa với vua: "Thái tử đã có đủ ba mươi hai tướng tốt thì sẽ theo một trong hai con đường quyết chắc không sai: Nếu ở nhà, sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương; nếu xuất gia, chắc chắn sẽ thành bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hieu.^ Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Trăm phước sanh thái tử, Lời tướng sư đã nói, Như điển ký đã ghi, Theo hai đường không sai. Nếu Ngài thích ở nhà, Sẽ làm Chuyển Luân Vương, Bảy báu được đầy đủ, Vì vua, báu tự đến. Vàng ròng đủ ngàn bức, Bao bọc lấy chung quanh, Trân bảo thường bay khắp, Cho nên gọi thiên luân. Khéo điều trụ thất chi, Cao rộng trắng như tuyết, Khéo léo bay trên không, Thứ hai là tượng bảo. Ngựa đi quanh thiên hạ, Mai đi, chiều về ăn, Lông ngọc, lọng khổng tước, Gọi là báu thứ ba. . >

Ngọc lưu ly trong sạch, Soi sáng một do tuân, Chiếu đêm sáng như ngày, Gọi là báu thứ tư. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Không có gì ngang bằng, Thứ nhất trong người nữ, Gọi ỉa báu thứ năm. Dâng vua báu lưu ly, Châu ngọc, cùng các quý, Hoan hỷ mà hiến dâng, Gọi là báu thứ sáu. Khi Vua Chuyển Luân nghĩ, Các binh sĩ đến, đi, Mau lẹ theo ý vua, Gọi là báu thứ bảy., Đây là bảy thứ báu, Xe, voi, ngựa đều trắng, Cư si, châu, nữ báu, Điển binh báu là bảy. Nhìn chúng không nhàm chán, Tự thỏa thích ngũ dục, Như voi bứt dây cương, Xuất gia thành Chánh Giác. Vua có con như vậy, Bậc Phước Trí giữa người, ở đời chuyển pháp luân, Thường tinh tấn, thành đạo. Bây giờ, vua cha ân cân hỏi lại các tướng sư hai, ba lân: "Các ông hãy xem lại thái tử, ba mươi hai tướng tốt của thái tử là những tướng gi?" Lúc ấy, các tướng sư liền cởi áo thái tử ra xem và nói ba mươi hai tướng đó như sau: (1) Bàn chân băng phăng, đây đặn, bước đi vững vàng. (2) Dưới bàn chân có tướng bánh xe, như xe đầy đủ ngàn căm, rõ ràng tươi tắn.

l.KINH ĐẠI BỔN^ 13

(3) CÓ màng lưới mỏng giữa kẽ tay và chân, như chân ngỗng chúa.
(4) Tay chân mem mại như áo trời.
(5) Ngón tay, ngón chân thon dài, không ai đẹp bằng.
(6) Gót chân đầy dặn, nhìn không chán.
(7) Bụng như bụng nai, trên dưới thon thon.
(8) Các khớp xương móc lấy nhau như dây xích.

(9) Có tướng mã âm tàng.
(10) Đứng thẳng, tay duỗi dài quá gối.
(11) Mỗi lỗ chân lông có một lông, màu sắc như lưu ly, xanh và đều xoay về phía hữu.
(12) Lông xoay vê phía hữu và xanh biêc rát đẹp.
(13) Thân như màu vàng của vàng.
(14) Da min màng, không dính bụi.
(15) Hai vai ngang bằng, đầy dặn, tròn đẹp.
(16) Giữa ngực có chữ vạn.
(17) Thân cao hơn thân người thường.
(18) Bảy lô trong người đêu băng phăng, đây đặn.
(19) Thân cao rộng như cây Ni-câu-loại.
(20) Hai má như má sư tử.

(21) Ngực vuông ngay ngăn như ngực sư tử.
(22) Trong miệng có bốn mươi chiếc răng.
(23) Răng vuông ngay ngắn, bằng và đều.
(24) Răng kín không hở.
(25) Răng trắng tươi, sáng.
(26) Yết hầu trong sạch, ăn thức ăn gì cũng vừa.
(27) Lưỡi rộng, dài5 có thể liếm tới hai mép tai.
(28) Tiếng nói trong suốt.
(29) Con măt màu xanh biêc.
(30) Mắt như mắt bò chúa, hai mí đều nháy một lần.
(31) Có lông trắng giữa hai chân mày, mịn thắm, dịu dàng, nếu kéo ra thì dài một tầm và thả ra thì xoay về bên hữu, đồng thời xoắn theo kiểu ốc như trân châu.
(32) Trên đảnh có nhục kế.
Ấy là ba mươi hai tướng tốt. Phật bèn nói bài kệ rằng:
Chân Ngài thật mềm mại, Đi cách đất có dấu, 9 ỉ x
Tướng ngàn xoáy trang nghiêm, Màu săc đẹp, đây đủ.
14 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thân cao lớn ngang bang, Như cây Ni-câu-loại, Rộng dài và ngay ngắn, Như Lai thật hy hữu. Mã âm tàng ẩn kia, Vàng báu trang nghiêm thân, Các tướng chói lẫn nhau, Giống đời, rịn mồ hôi. Nhưng bụi đất không bám, Mịn màng như sắc trời, Lọng trời tự nhiên che, Tiếng trong, thân vàng tía, Như sen vừa chớm nở. Vua bèn hỏi tướng sư, Tướng sư cung kính tâu, Ngợi khen tướng Bồ-tát, Hào quang chiếu toàn thân. Tay chân các chi tiết, Trong Ngài đều không lộ, Ăn uống đều đầy đủ, Thân ngay ngắn chỉnh tề. Xoáy dưới chân hiện rõ, Tiếng Ngài như chim loan, Tướng hình hài đầy đặn, Khuỷu tay tròn đầy đẹp, Mắt mày rất đoan nghiêm. Bậc Sư Tử Giữa Người, Có oai lực đệ nhất, Hai má đây ngay ngăn, Nằm hông như sư tử, Bôn mươi răng thăng băng, Đều đặn, khít không hở, Phạm âm chưa từng c6, Xa gần tùy duyên nghe. Đứng thẳng, thân không nghiêng, Hai

tay đuôi quá gói, Ngón tay đêu mem mại, Bậc đầy đủ tướng tốt. Mỗi lỗ sanhr một lông, A e V Màng mỏng giữa kẽ tay, Nhục kê, măt xanh biêc, Hai mí nháy một lần. Hai vai tròn đay đặn, Ba mươi hai tướng tốt, Gót chân không cao thấp, Bụng thon như bụng nai. - Đang The Ton đen đay, Như voi bứt dây cương, Giải thoát kho chúng sanh, Khỏi sanh già bệnh chết. Do vì tâm từ bi, Ngài nói bốn chân đế, Khai diễn nghĩa pháp cú, Được mọi người tôn quý. Phật bảo các Tỳ-kheo như sau: Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh thì chư thiên ở giữa hư không, tay cầm lọng trắng và quạt báu để che lạnh, nóng, gió, mưa và bụi bặm cho Ngài. Bấy giờ, Phật nói kệ: Chưa từng có trong người, Đản sanh đấng Phúc Trí, Chư thiên thường kính dưỡng, Dâng lọng báu, quạt báu. Bấy giờ, vua cha cấp bốn người vú nuôi để nuôi thái tử. Một người cho bú mớm, một người lo tắm rửa, một người lo trang sức và một nệười lo làm trò vui. Tát cả đêu vui vẻ nuôi dưỡng thái tử một cách siêng năng, cân mẫn. Lúc đó, Ngài đọc bài kệ: Nhũ mẫu lòng từ bi, Nuôi dưỡng con lúc sanh, Người cho bú, người tắm, Người trang sức, làm vui, Hương the gian toi diệu, Trang sức đấng Nhân Sư.

l.KINH ĐẠI BỒN* 15

LÚC Ngài còn là đông tử, trai gái cả nước nhìn xem Ngài không chán. Bấy giờ, đức Phật nói bài kệ: Được nhiều người kính mến, Như hình vàng mới thành, Trai gái đều nhìn xem, Nhìn xem không nhàm chán. LÚC Ngài còn là đông tử thì trai gái cả nước đêu thích ăm bông và xem như hoa quý. Khi ấy, Phật nói bài kệ: Bậc Phước Trí sanh ra, Được mọi người kính mến, Đều thích thay nhau bồng, Xem như hoa hương quý. Bô-tát lúc sanh, mat Ngài không nháy động, cũng như măt trời Đao-lợi, do vì không nháy động nên có hiệu là Tỳ-bà-thi. Lúc đó, đức Phật nói bài kệ: Mắt Ngài không nháy động, Cũng như trời Đao-lợi, Thấy sắc vẫn chánh quán, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. Lúc Bô-tát sanh, tiêng Ngài trong suôt? diu dàng, hòa nhã như tiêng chim Ca-lăng-tần-già. Khi ấy, đức Phật nói bài kệ: Cũng như chim núi Tuyêt, Hút mật hoa, ca hót, Tiếng đấng Phước Huệ kia, Trong suốt cùng như thế. Khi Bồ-tát sanh ra, mắt Ngài có thể trông thấy suốt cả một do-tuần. Lúc đó, đức Phật đọc bài kệ: Nghiệp hành báo thanh tinh, Được ánh sáng cõi trời, Mắt Bồ-tát trông thấy, Rộng khắp một do-tuần. Bồ-tát lúc tuổi vừa trưởng thành, Ngài ở tại Thiên Cháiýi đường và dùng chánh đạo khai hóa, ân đức bao trùm cả thứ dân, danh đức đồn cùng khắp. Lúc ấy, đức Phật nói bài kệ: Thuở nhỏ tại Chánh đường, Dùng đạo dạy thiên hạ, Đe đoạn mọi phiền não? Nên hiệu Tỳ-bà-thi. Trí thanh tịnh quảng bác, Thăm thẳm như đại hải, Làm vui đẹp chúng sanh, Khiến trí tuệ tăng trưởng. Bấy giờ, Bồ-tát muốn xuất hành xem xét, mới bảo quân hầu sửa soạn xe báu 7 r e \ : - _ đên viên lâm ngoạn đê cho Ngài _ cảnh. Khi quân hâu sửa soạn xe giá xong, liền tlnra: "Thưa Thái tử, hôm nay thật đúng lúc!99 Thế rồi, thái tử liền cưỡi xe báu đến ngự uyển để xem xét, giữa đường Ngài thấy một người già, đầu bạc, răng rụng, mặt nhăn, lưng còng, chông gậy bước đi yêu ớt trong hơi thở khò khè. Thái tử xoay lại hỏi quân hầu: Đây là người gì?

16 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Quân hầu thưa: Đây là người già. Thái tử lại hỏi: -Thế nào là già? Thưa: Nghĩa là sự sông đương hướng vê chô chét, mạng sông không còn bao lâu nữa, cho nên gọi là già.

-Vậy thì Ta đây rồi cũng sẽ như vậy, không tránh khỏi hoạn này chăng? Thưa phải! Phàm có sanh tất phải có già. Từ kẻ sang đến người hèn không có một ai tránh khỏi. Bấy giờ, thái tử trở nên buồn bã, không vui, liền bảo quân hầu đánh xe hồi cung. Thê roi, Ngài lặng lẽ suy nghĩ, nhớ đên nôi già khô mà roi đây chính mình cũng không tránh khỏi. Bấy giờ, đức Phật bèn nói bài kệ: Nhìn mạng già săp chét, Nương chiêc gậy yêu bước, Bồ-tát tự suy nghĩ, Ta chưa khỏi nạn này. Bấy giờ, vua cha hỏi quân hầu: Thái tử xuất hành du ngoạn có vui không? Thưa: -Thái tử chẳng được vui. Vì sao vậy? -Vì giữa đường thái tử gặp một người già, nên không vui. Lúc đó phụ vương thầm nghĩ tới lời tiên đoán ngày trước của các tướng sư: “Thái tử sẽ xuất gia. Nay thái tử không vui, hẳn đúng như vậy sao? Ta sẽ tìm mọi cách khiến giữ thái tử tại thâm cung, dùng ngũ dục vui chơi để làm đẹp lòng thái tử, ngõ hầu khiến thái tử khỏi xuất gia.” Nghĩ xong, nhà vua liền hạ lệnh trang trí cung quán và tuyên chọn thê nữ đê làm vui cho thái tử. Khi ấy, Phật nói kệ: Phụ vương nghe lời này, Lập trang trí cung quán, Và tăng thêm ngũ dục, Giữ Ngài khỏi xuất gia. Lại một thời gian khác, thái tử bảo quân hầu trang hoàng xa giá để đi du ngoạn; giữa đường Ngài gặp một người bệnh, thân gầy, bụng lớn, mặt mày đen sậm, nằm một mình trên chỗ dơ uế, không một người nào dám nhìn tới, bệnh tình càng bức bách, nên miệng không thể thốt nên lời. Thấy vậy, thái tử quay lại hỏi quân hầu: Đây là người gì? Đây là một người bệnh.

l.KINH ĐẠI BÔN^ 17

Bệnh là thế nào? Bệnh là những khô đau bức bách, chét sông không biêt lúc nào, nên gọi là bệnh. Thái tử lại hỏi: Ta đây cũng vậy và không khỏi hoạn đó ư? -Thưa phải, phàm có sanh, phải có bệnh, không luận kẻ sang hay người hèn nào mà có thê tránh khỏi. Lúc đó, thái tử buồn bã, không vui, liền bảo quân hầu đánh xe hồi cung. Ngài lăng lẽ suy nghĩ và nhớ tới cái bệnh khổ đó một ngày kia chính Ngài cũng vậy. Phật nói bài kệ: Thấy người bệnh lâu kia, Nhan sắc bi suy tàn, Lặng lẽ tự suy nghĩ, Ta chưa khỏi nạn này. Bấy giờ, phụ vương lại hỏi quân hầu: -Thái tử du ngoạn có được vui không? Quân hầu đáp: -Thưa, không vui! Vua hỏi: -Vì sao? Vì giữa đường gặp một người bệnh, nên thái tử không vui. Khi ấy, phụ vương suy nghĩ nhớ lại lời tiên đoán ngày trước của các tướng sư: "Thái tử sẽ xuất gia, việc áy han đúng như vậy chăng? Ta sẽ tăng thêm mọi thứ kỹ nhạc để làm đẹp lòng thái tử, khiến thái tử không xuất gia." Thế rồi nhà vua hạ lệnh trang trí cung quán và tuyên chọn thê nữ đê giúp vui cho thái tử. Lúc ấy, Phật nói bài kệ: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Thật vui sướng nhiệm mầu, Phước Bô-tát cùng cực, Vui chơi trong hoan lạc. Lại một thời gian khác, thái tử bảo quân hầu trang nghiêm xe giá để du ngoạn; giữa đường lại gặp một người chết. Phan lụa, màu sắc lẫn lộn, dòng họ thân quyến trước sau tiễn đưa thương tiếc, than khóc và đưa ra ngoài thành. Thấy vậy, thái tử hỏi: Đây là người gì? Quân hầu đáp: Đấy là người chết. Chết là thế nào? Chét tức là hét vậy, nghĩa là tứ đại dân dân tan rã, làm cho các căn hư hoại, kẻ còn người mất khác cõi, gia đình ly biệt, cho nên gọi là chết.

18 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thái tử lại hỏi quân hầu: —Ta cũng phải vậy mà không thê nào tránh khỏi nạn này? Quân hầu đáp: -Phàm có sanh tát nhiên phải có chét, bát luận kẻ sang người hèn. Nghe

vậy thái tử buồn bã, không vui, liền bảo quân hầu quay xa giá hồi cung. Ngài lặng lẽ suy nghĩ và nhớ đến cái khổ phải chết này mà mình cũng không tránh khỏi. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Vừa trông thấy người chết, Biết họ còn tái sanh, Thầm lặng mà suy nghĩ, Ta chưa khỏi nạn này. Lúc ấy, phụ vương lại hỏi quân hầu: - Thái tử du ngoạn lần này có vui không? Thưa, không vui! -Vì sao? -Vì giữa đường gặp một người chết nên không vui. Phụ vương âm thầm nhớ lại những lời các tướng sư đoán về thái tử ngày : r . ..v.

xưa: "Thái tử sẽ xuất gia, nay thái tử không vui, hãn là đúng như vậy ư? Ta sẽ bày ra nhiêu vui chơi và tăng thêm kỹ nhạc đê làm vui lòng thái tử, khiên thái tử khỏi xuất gia." Thế rồi, nhà vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, tuyển lựa thể nữ để vui chơi với thái tử. Bấy giờ, đức Phật bèn nói bài kệ: Đông tử có danh xưng, Các thê nữ vây quanh, Tự vui trong ngũ dục5 Như thú vui của trời. Vào một thời gian khác, thái tử lại bảo quân hâu soạn xe giá đê du ngoạn; giữa đường gặp một vị Sa-môn, mang y, cầm bát, mắt nhìn xuống đất, chân bước khoan thai. Ngài hỏi quân hầu: Đấy là người gì? Đó là một vi Sa-môn. Ngài lại hỏi: Sao gọi là Sa-môn? Sa-môn là người lìa xa ân ái, xuất gia tu đạo, chế ngự các căn? không nhiễm ngoại dục, có lòng thương xót tất cả mọi người, không làm thương tổn và giết hại ai, gặp khổ không phiền, gặp vui không mừng, nhẫn nại như đất, nên gọi là Sa-môn. Thái tử khen: "Quy hóa thay! Đây là đạo chơn chánh giác ngộ, dứt hẳn trần lụy, thanh thoát, nhẹ nhàng, vi diệu, chỉ có đạo này là Ta thích.^, Ngài liền sai quân hầu đánh xe lại gần để hỏi vi Sa-môn:

1. KINH ĐẠI BỔN^ 19

Cạo râu bỏ tóc, đắp y, mang bát, trí của Ngài muốn gì? Sa-môn đáp: Phàm người xuất gia chỉ muốn điều phục tâm ý, dứt lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không xâm lấn nhiễu hại, một lòng rỗng rang khoan khoái, chỉ một mực giữ đạo. Thái tử khen: -Hay lắm, đạo này rất chân chính! Ngài liền bảo quân hàu: Hãy đem y báu và xe giá vê dâng phụ vương, còn Ta ở đây cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo! Tại sao thế? Vì Ta muốn điều phục tâm ý, xả ly trần cấu, thanh tịnh tự tu, cầu đạo thuật. Lúc đó, quân hầu bảo đem xe và y phục của thái tử về tâu lại phụ vương. Sau đó thái tử liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, thái tử nhìn thấy người già bệnh thì biết cõi đời là khổ não, thây người chét thì lòng tham luyên thê tình tiêu tan và thây vi Sa-môn5 Ngài bỗng nhiên đại ngộ. Khi thái tử bước xuống xe báu, mỗi bước chân đi, là mỗi bước rời xa triền phược, ấy là chân xuất gia, chân viễn ly. Lúc ấy, nhân dân trong nước nghe thái tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu dạo, họ nói với nhau: "Dạo này chắc là đạo chí chơn mới khiến thái tử bỏ danh vị quốc thành và mọi sự quý trọng nhất trên đời.,^ Nên lúc đó, có đến tám vạn bốn ngàn người trong nước đến với thái tử và xin làm đệ tử xuất gia tu đạo. Lúc ấy, Phật nói kệ: Quyết tìm pháp nhiệm mầu, Người nghe theo xuất gia, Xa lìa ngục ân ái, Không còn các ràng buộc. Lúc đó, thái tử liền thâu nhận họ và Ngài cùng họ du hóa khắp nơi, từ thôn này đến thôn khác, từ nước này sang nước kia, chỗ nào Ngài đặt chân đến, không ai không cung kính cúng dường vật thực, y phục, phòng xá và y dược. Thế rồi, Bồ-tát nghĩ: "Ta cùng đại chúng du hành qua các nước, chỗ nhân gian là nơi ồn ào, không thích hợp cho

Ta. Lúc nào Ta mới được xa lìa những quân chúng này, ở nơi thanh văng mà câu đạo Vô thượng?,^ Thực hành chí nguyện này, Ngài tìm đến chỗ thanh vắng chuyên lo tu đạo. Sau d6, Ngài lại suy nghĩ: "Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong tối tăm, chiu lấy thân phận nguy khốn, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết đến dồn dập, đủ các thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo khổ ấm thân, nên lưu chuyển vô cùng. Ta lúc nào mới hiểu rõ khổ ấm và diệt hết sanh, già, bệnh, ch&t?" Ngài lại nghĩ: "Sanh tử từ đâu, duyên đâu mà c6?"

Ngài liên dùng trí tuệ quán sát nguyên do và thây răng: Do sanh mà có lão tử, sanh là duyên của lão tử; sanh lại do hữu mà c6, hữu là duyên của sanh; hữu từ thủ mà có, thủ là duyên của hữu; thủ từ ái mà c6, ái là duyên của thủ; ái từ thọ mà có, thọ là duyên của ái; thọ từ xúc mà có, xúc là duyên của thọ; xúc từ lục nhập mà c6, lục nhập là duyên của xúc; lục nhập từ danh sắc mà c6, danh sác là duyên của lục nhập; danh sác từ thức mà c6, thức là duyên của danh sắc; thức từ hành mà có, hành là duyên của thức; hành do vô minh mà c6, vô minh là duyên của hành. Như vậy tức là do duyên vô minh mà có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già-chết-ưu-bi-khổ-não. Đây là cái ấm thân đầy dẫy khổ não do duyên sanh mà có; đó là khổ tập. Lúc Bồ-tát suy nghĩ đến khổ ấm tập thì chánh trí sanh, tuệ nhãn sanh, chơn giác sanh, minh liễu sanh, than thông sanh, trí tuệ sanh và chứng ngộ sanh. Lúc đó, Bô-tát lại tự suy nghĩ: Do những cái gì không có mà lão tử không có? Do cái gì đoạn diệt thì lão tử đoạn diệt? Rồi Ngài dùng trí tuệ quán sát nguyên

Sanh vốn do duyên gì?
Suy nghĩ như vậy rồi,
Chấp giữ, chấp giữ mãi,
Cho nên Như Lặờnềl-ờâ,,ộ,nộnộnộâmờàyồỏêúnơơyọự.Ln,àạạnềLựnềl-ờâộứờờ,n

Lãnh nhận mọi bố thí, Thí chủ được báo lành. Nếu được bốn biện tài, Quyết định chứng đạo quả, Giải tỏa mọi ràng buộc. Đoạn âm, không buông lung Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Giống như xe cũ mục, Quán rõ được pháp này, Thời thành bậc Chánh Giác. Như chim bay trên trời, Đông, Tây theo gió thổi, Bồ-tát đoạn kiết sử, Như gió thổi áo nhẹ. Tỳ-bà-thi nhàn tịnh, Ngài quán sát các pháp, Lão tử duyên gì có? Từ đâu mà được diệt? Ngài quán như vậy rồi, Sanh trí tuệ thanh tịnh, Biết lão tử do sanh, Sanh diệt, lão tử diệt. Lúc Phật Tỳ-bà-thi mới thành dạo, Ngài tu hai pháp quán là an ổn quán và xuất ly quán. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Như Lai, bậc Tối Thượng, Thường tu hai pháp quán: An ổn và xuất ly. Ngài đến được bờ kia, Tâm Ngài được tự tại, Dứt trừ các kiết sử, Lên núi nhìn bốn phương, Nên hiệu Tỳ-bà-thi? Đại trí trừ tối tăm. Như dùng gương tự soi, Vì đời trừ ưu, não, Hết khổ sanh, già, chết. Phật Tỳ-bà-thi ở chỗ nhàn tịnh lại suy nghĩ:

"Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm, vi diệu, khó hiểu, khó thấy, vang bặt sự huyên náo, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào thấu biết được. Đây là do chúng sanh nhẫn chiu sai lầm, kiến thức sai lầm, học tập sai lầm. Dựa theo kiến thức sai lầm đó5 mỗi người vui theo chỗ sở cầu của mình, vui theo tập quán của minh, cho nên đoi với lý nhân duyên sâu xa này không the nào hiểu rõ, huống nữa là tận diệt tham ái và Niết-bàn lại càng khó biết. Nếu Ta vì họ nói thì chắc họ không hiểu nổi, lại còn hủy bang?9 Ngài suy nghĩ như thế rồi im lặng, không muốn thuyết pháp. Lúc ấy, Phạm thiên vương biết được tâm niệm của đức Phật Tỳ-bà-thi liền tự suy nghĩ: "Nay cõi thế gian này sẽ bị hư hoại, thật đáng thương xót. Vì sao? Đức Phật Tỳ-bà-thi mới chứng được pháp thâm diệu như thế nhung Ngài chẳng muốn nói ra." Ví như bằng thời gian của người lực sĩ duỗi cánh tay, từ cung trời, Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đứng trước Phật cúi đầu đảnh lễ, đứng qua một bên, rồi Phạm thiên vương gối hữu quỳ chấm đất, chắp tay bạch Phật: - Ngưỡng mong đức Thế Tôn hãy kịp thời thuyết pháp, chúng sanh hiện nay trần cấu đã nhẹ5 các căn đã bén nhạy, có lòng cung kính và rất dễ khai hóa! Hơn nữa, họ rất sợ những tội lỗi trong tương lai không thể cứu được nên có thể diệt trừ ác pháp, nhờ đó thiện pháp được sanh.

1. KINH ĐẠI BỐN 23

Phật bảo Phạm vương: Thật vậy, thật vậy! Đúng như lời ông đã nói nhưng khi Ta ở nơi thanh vắng thầm lặng suy nghĩ: "Chánh pháp Ta vừa chứng được thật sâu xa vi diệu, nếu vì chúng sanh mà nói, họ chắc chắn không hiểu nổi, còn sanh tâm hủy báng nữa là khác, cho nên Ta im lặng không muốn thuyết pháp. Hơn nữa, Ta từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, siêng năng khổ nhọc tu tập hạnh vô thượng, nay mới chứng được pháp khó chứng ngộ này. Nêu vì chúng sanh dâm, nộ, si mà thuyết pháp, tất nhiên, họ không thừa hành, quả thật luống công vô ích. Pháp diệu này tương phản với pháp thê gian. Chúng sanh bị dục nhiêm, ngu si che lâp nên không tin hiểu n6i.” Này Phạm vương! Vì Ta thây như thê nên im lặng không muốn thuyết pháp. Lúc ấy, Phạm thiên vương lại khuyến thỉnh đức Phật thật ân cần và khẩn thiết đến ba lần: -Bạch đức Thế Tôn, nếu Ngài không thuyết pháp thì hiện nay thế gian này sẽ hư hoại thật đáng thương xót, ngưỡng mong đức Thế Tôn hãy kịp thời giảng dạy Chánh pháp, chớ để chúng sanh đọa lạc vào đường khổ! Khi đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần khuyến thỉnh, liền dùng Phật nhãn nhìn xem thế gian, Ngài thấy chúng sanh trần cấu sâu dày c6, mỏng nhẹ có; có kẻ căn tánh bén nhạy, có kẻ chậm lụt, có người dễ giáo hóa, có người khó giáo hóa. Hạng người dễ thọ giáo thì họ biết sợ tội lỗi về sau, cho nên siêng năng diệt ác pháp, nhờ đó thiện pháp được sanh. Ví như hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng, hoa sen trắng, có cái mới ra khỏi bùn nhưng chưa đến mặt nước, có cái ra khỏi bùn và ngang mặt nước, hoặc có cái lên khỏi mặt nước nhưng chưa nở, song đều không dính nước và nở ra dễ dàng. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phạm vương: Ta thương các ông nên nay Ta sẽ khai diễn pháp môn cam lồ? là pháp thật sâu xa vi diệu, khó thấy khó hiểu; vì hạng người tin thọ, thích nghe mà nói, chứ không phải vì kẻ hủy báng vô ích mà nói. Bấy giờ, Phạm vương biết Phật đã nhận lời nên vui mừng hớn hở, đi quanh Phật ba vòng, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi bỗng nhiên biến mất. Phạm vươnệ đi chưa bao lâu, lúc đó đức Thê Tôn im lặng suy nghĩ:

"Trước tiên Ta sẽ thuyet pháp cho ai?" Ngài tự nghĩ và nói: "Ta sẽ vào trong thành Bàn-đầu khai giảng pháp môn cam lồ cho hai ông vương tử Đề-xá và con của VỊ đại thần là Kiểntrà." Khi ấy, đức Thế Tôn, bằng thời gian người lực sĩ duỗi cánh tay, từ cây đại thọ bỗng nhiên không thấy Ngài; thật ra Ngài đã đến thành Bàn-đầu và vào trong vườn nai của Vua Bàn-du, đồng thời trải tọa cụ ngồi. Ngài nói bài kệ như vầy: Như sư tử tại rừng, Tự ý mà du hành, Đức Phật cũng như vậy, Du hành vô quái ngại.

24 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: "Người nên vào thành nói với vương tử Đề-xá và con vi đại thần là Kiển-trà rằng: Thật Tỳ-bà-thi nay đương ở trong Vườn Nai và muốn gặp Ngài. Vậy nay đã đúng thời.„^ Người giữ vườn vâng lời Phật dạy, tìm đến người ấy mà nói lại lời Phật như trên. Khi hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, ngồi qua một bên; sau đó Phật lần lượt thuyết pháp khai thi cho họ những điều lợi ích vui mừng về bố thí, trì giới và phước báu sanh thiên, chỉ rõ tham dục là bất tinh, lậu hoặc là họa hoạn, đồng thời tán thán hạnh xuất ly là tối vi diệu, thanh tịnh bậc nhất. Khi ấy, đức Thế Tôn nhận thấy hai người này tâm ý đã thuần thục, nên Ngài liền dạy về khổ dế, khai triển rõ ràng và giải thích rành rẽ về tập đế, diệt đế và đạo đế. Lúc đó, Vương tử Đầ-xá và Kiển-trà ngay trên tòa đã xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như vải trắng rất dễ nhuộm màu. Bấy giờ, bỗng nghe tiếng của địa thần xướng len rằng: "Dức Thế Tôn Tỳ- bà-thi ở tại Vườn Nai, trong thành Bàn-đầu? chuyển pháp luân vô thượng. Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hàng thiên nhân khác không thể chuyển được, âm thanh ấy lần lượt thấu đến cõi Tứ Thiên Vương, cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại và trong khoảnh khắc đến cõi Phạm thiên. Lúc đó, Phật nói kệ rằng: Tâm vui mừng hớn hở5 Xưng tán đức Thế Tôn, Ty-ba-thi thành Phật, Chuyên pháp luân vô thượng. Bắt đầu từ đại thọ, Đi đến thành Bàn-đầu, Vì Kiển-trà? Đề-xá, Chuyển pháp luân Tứ đế. Kiển-trà và Đề-xá5 Nghe lòd Phật dạy xong, Trong pháp hạnh vô thượng, Lần đến trời Đao-lợi. Và chư thiên Đế-thích, Vui mừng bảo lẫn nhau, Chư thiên đều nghe pháp. Phật hiện ra thế gian, Chuyển pháp luân vô thượng, Tăng thêm hàng chư thiên, Giảm bớt hàng tu-la. Đức Thế Tôn danh vang, Trí tuệ, rơi kiên chap, Tự tại giữa các pháp. Đại trí chuyển pháp luân, Quán sát pháp bình đẳng, Tâm dứt sạch cấu uế, Xa lìa ngục ân ái. Đại trí chuyển pháp luân. Bậc Chánh giác trong người, Đấng Điều Ngự phước huệ, Giải thoát mọi ràng buộc, Đại trí chuyển pháp luân, Đại sư khéo giáo hóa. Hàng phục được ma oán, Lìa xa các điều ác, Đại trí chuyển pháp luân, Sức vô lậu dẹp ma, Các căn định, không động, Hết mê, lìa ràng buộc. Đại trí chuyển pháp luân, Nếu học pháp quyết đinh, Biết các pháp vô ngã, Đó là pháp cao tột.

l.KINH ĐẠI BỒN 25

Đại trí chuyển pháp luân, Không vì cầu lợi dưỡng, Cũng không màng danh vi, Chỉ vì thương chúng sanh, Thấy chúng sanh khổ ách, Già, bệnh, chết bức bách. Vì ba đường ác này, Đại trí chuyên pháp luân. Đoạn dứt tham, sân, si, Nho sạch gốc ân ái, Được bất động giải thoát, Đại trí chuyển pháp luân, Ta thắng việc khó thắng, Thắng bằng tự hàng phục, Thắng những ma khó thắng. Đại trí chuyển pháp luân, Pháp luân vô thượng này,

Chỉ có Phật mới chuyển, Chư Thiên, Ma, Thích, Phạm, Không ai chuyển nói được. Thân cận chuyển pháp luân, Lợi ích hàng trời, người, Bậc Thiên Nhân Sư đó, Đã qua đến bờ kia. Lúc đó? Vương tử Đề-xá và con vị đại thần là Kiển-trà kiến đạo đắc quả, chơn thật không hư ngụy, thành tựu vô úy, liền bạch Phật Tỳ*bà-thi rằng: -Chúng con muốn ở trong pháp của Như Lai, tịnh tu Phạm hạnh. Phật dạy: -Thiện lai Tỳ-kheo! Pháp Ta thanh tinh, tự tại tu hành để diệt trừ thống khổ. Ngay lúc ấy, hai người liền đắc giới Cụ túc. Khi đắc giới chưa bao lâu thì Như Lai lại khai thị ba điều: Một là thần túc, hai là quán tha tâm, ba là giáo huấn. Nếu ai đủ ba điều này thì liền được Tâm vô lậu, giải thoát sanh tử, đắc trí vô ngại. Lúc đó5 trong thành Bàn-đầu, đa số nhân dân nghe hai người ấy xuất gia học dạo, đắp y mang bát, tịnh tu Phạm hạnh, họ nói với nhau như sau: "Bạo này chắc chắn là đạo chơn chánh giác ngộ, mới khiến các người này xả bỏ vinh vị và các thứ quý trọng nhất ở dòi." Tiếp đó, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi vào Lộc Uyển, chỗ đức Phật, ngồi qua một bên. Phật lần lượt thuyết pháp khai thị pháp môn lợi ích, vui mừng về bố thí, trì giới và phước báu sanh thiên, tham dục là bất tinh, lậu hoặc là họa hoạn. Đồng thời tán thán hạnh xuất ly là tối vi diệu, thanh tịnh bậc nhất. Khi ấy đức Thế Tôn thấy đại chúng tâm ý đã điêu hòa thuần thục, tin vui, hoan hỷ đủ sức lãnh thọ Chánh pháp liền dạy khổ dế, khai triển rành rẽ, phân tích rõ ràng về tập dế, diệt đế và đạo đế. Lúc đó, tám vạn bốn ngàn người ngay trên tòa nệồi liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như tâm vải trắng rát dễ nhuộm màu, kiên đạo đăc quả, chơn chánh, không luông dôi, thành tựu pháp vô5 đông thời bạch Phật: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai, tịnh tu Phạm hạnh. Phật dạy: Thiện lai Tỳ-kheo! Pháp của Ta thanh tịnh, tự tại tu hành để diệt tận gốc khổ.

26 KINH TRƯỜNG A-HÀM

LÚC ây, tám vạn bôn ngàn người liên đác giới Cụ túc, đác giới Cụ túc chưa bao lâu, đức Thế Tôn đem ba điều ệiáo hóa: Một là thần túc, hai là quán tha tâm, ba là giáo huấn. Nêu ai đủ ba điều này thì liền được Tâm vô lậu, giải thoát sanh tử, đắc trí vô ngại. Lúc đó, có tám vạn bốn ngàn người nghe Phật ở tại Vườn Nai chuyển pháp luân vô thượng, hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu, đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi? đầu mặt lạy sát chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc ấy, Phật nói bài kệ như sau: Như cứu lửa cháy đầu, Mau mau tìm tịch diệt. Các ngươi cũng như vậy, Mau mau đến Như Lai. Phật cũng vì họ mà nói như vậy. Lúc này, cũng tại thành Bàn-đâu có mười sáu vạn tám ngàn vị Tỳ-kheo và có cả hai vi Tỳ-kheo Đề-xá và Kiển-trà ở trước mặt đại chúng hiện thần thông biến hóa bay lên hư không, trong thân tuôn ra nước và lửa, rồi thuyết pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Bấy giờ, đức Phật tự nghĩ: “Nay tại thành này có đến mười sáu vạn tám ngàn vị Tỳ-kheo, Ta nên sai các thầy đi du hóa, mỗi đoàn hai vị, đến khắp các nơi, đúng sáu năm thì trở về thành này để nói Cụ túc giới." Lúc đó, trời Thủ-đà- hội biết được tâm niệm Phật, ví như bằng thời gian người lực sĩ duỗi cánh tay, từ cõi trời Thủ-đà-hội bỗng nhiên hiện đến trước đức Như Lai, đàu mặt lạy sát chân Phật, đứng qua một bên rồi thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn, thật đúng như vậy, trong thành Bàn-đầu này có rất nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân đi khắp nơi, đúng sáu năm thì trở về thành này nói giới Cụ túc, con sẽ ủng hộ khiến không có ai tìm được cơ hội khuấy phá." Khi nghe vi trời ấy

nói xong, đức Phật lặng thinh hứa khả. Trời Thủ-đà-hội biết Như Lai đã lăng thinh hứa khả nên đảnh lễ chân Như Lai rồi bỗng nhiên biến mất, trở về cõi trời Thủ-đà-hội. Khi vị trời này đi chưa bao lâu thì Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nay ở trong thành này chúng Tỳ-kheo rát nhiêu, nên phân phôi đi du hóa khắp nơi, cứ đúng sáu năm tập trung về đây để thuyết gi&i." Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đắp y mang bát, chắp tay lễ Phật rồi lên đường. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Phật dạy chúng không loạn, Không dục, không luyến ái, Oai như chim Kim Si, Như hạc bỏ ao khô. Cách một năm sau, trời Thủ-đà-hội lại nhắc các thầy Tỳ-kheo: "Các thầy du hóa đã trải qua một năm, còn năm năm nữa là trọn sáu năm, các thầy phải nhớ trở về thành Bàn-đầu để thuyết giói." Như vậy, đúng sáu năm sau, vị trời ây lại nhác: "Sáu năm đã mãn, các thây nên trở về thành Bàn-đầu để thuyết giới.y Khi các thầy Tỳ-kheo nghe trời Thủ- đà-hội nhắc xong, bèn thu xếp y bát trô về thành Bàn-đầu, đến tại Vườn Nai, chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi ngự, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

l.KINH ĐẠI BỔN 27

Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Như voi khéo điều phục, Nên tùy ý đến đi, Đại chúng cũng như vậy5 Theo lời dạy trở lại. Bấy giờ, đức Như Lai ở trước mặt đại chúng bay lên hư không, ngồi kiết- già giảng nói giới kinh, chỉ rõ tánh nhẫn nhục là đệ nhất. Niết-bàn mà Phật đã giảng là quả vi diệu tối thượng, chứ không phải cạo bỏ râu tóc làm não hại kẻ khác mà gọi là Sa-môn đâu! Khi đó trời Thủ-đà-hội ở cách Phật không xa, dùng kệ tán thán Phật như sau: Như Lai, bậc Đại Trí, Là vi diệu độc tôn, Đầy đủ chỉ và quán, Thành bậc Tối Chánh Giác. Vì thương xót quần sanh, Nên ở dơi hành đạo, Đem bốn lý chân thật Dạy cho hàng Thanh văn, Khổ cùng với khổ nhân, Và chan lý diệt khổ, Cùng với bát chánh đạo, Đưa đến nơi an ổn. Đức Phật Tỳ-bà-thi, Xuất hiện ở thế gian, Ngồi ở giữa đại chúng Như mặt trời chiếu sáng. Nói xong bài kệ ấy, ngài bỗng nhiên biến mất. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Ta tự nhớ có một thời gian trong quá khứ, Ta ở núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ, một hôm Ta sanh tâm nghĩ rằng: 'Chỗ Ta sanh ra không chỗ nào không có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội, giả sử có sanh vào cõi trời ấy thì không thể trở lại dây. 5 Này các Tỳ-kheo5 lúc đó Ta lại nghĩ: "'Muốn đến cõi trời Vô Tạo thì bằng thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, liền ẩn ở đây mà đến cõi trời đỏy Lúc đó, hàng chư thiên thấy Ta đến họ đều cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên và bạch với Ta rằng: "Chúng con đều là đệ tử của đức Phật Tỳ-bà-thi, nhờ sự giáo hóa của Ngài, nên được sanh đên day.99 Đông thời, chư thiên tiếp tục kê hét nhân duyên trước sau của đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ nói: "Các đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-bà; Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm và Phật Thích-ca-mâu-ni cũng đều là thầy của chúng con. Nhờ sự giáo hóa của các Ngài, chúng con mới được sanh về dây." Và họ cũng kể hết nhân duyên trước sau của các đức Phật ấy, cho đến hàng chư thiên ở cõi trời A-ca-ni-xà cũng kể với Ta như thế. Phật dạy bài kệ ràng: Thí như kẻ lực si, Khoảnh khác co đuôi tay, Ta dùng Thần túc thông, Đen cõi trời Vô Tạo. Đấng Đại Giác Thứ Bảy, Hàng phục nội ngoại ma, Trời Vô Cực nhìn thấy, Liền vòng tay kính lễ. Ví như cây Trú Độ, Thích sư von nghe xa, Tướng hảo thật đầy đủ, Đen cõi trời Thiện Kiến. Cũng như đóa hoa sen, Không bao giờ dính nước, Thế Tôn, bậc Vô Nhiễm, Đen trời Đại Thiện Kiến.

Như mặt trời mới mọc, Trong sạch không bụi nhơ, Sáng như trăng mùa thu, Đen trời sắc Cứu Cánh. Ngũ Tịnh Cư thiên này, Hạng chúng sanh thanh tinh. Vì tâm tinh nên đến, Đấng không còn phiền não. Vì tâm tinh nên đến, Làm đệ tử của Phật, Lại bỏ nhiễm và thủ, Vui thích trong vô thủ. Quyết định thây được pháp. Con Phật Tỳ-bà-thi, Khéo đên băng tịnh tâm, về với bậc Chánh Giác. Đệ tử Phật Thi-khí? Vô cấu và vô vi, Dùng tịnh tâm mà đến, Đen với bậc Lự Dục. Đệ tử Tỳ-xá-bà, Các căn thật đầy đủ Tịnh tâm đến với Ta, Như mặt trời chiếu suốt. Đệ tử Câu-lưu-tôn, Xả ly các tham dục, Tịnh tâm đến với Ta, Diệu quang chiếu rực rỡ. Đệ tử Phật Câu-na, Vô cấu và vô vi, Tịnh tâm đến với Ta, Sáng như vâng trăng tròn. Đe tử Phật Ca-diếp5 Các căn thật đầy đủ, Dùng tịnh tâm đến Ta, Ví như bách thiên niệm, Bất loạn Đại Tiên Nhơn, Thần túc thông bậc nhất, Dùng lòng tin kiên cố, Đen làm đệ tử Phật. Kính lễ đức Như Lai, Kính trình bậc Nhơn Tôn, Nơi sanh và thành đạo, Danh tánh và chủng tộc, Thấy rõ pháp sâu xa, Thành tựu đạo vô thượng. Tỳ-kheo nơi thanh văng, Ly khai hẳn trần cấu, Tinh tấn không giải đãi, Dứt hẳn các hữu kiết. Đây chính là nhân duyên, Trước sau của chư Phật, Mà Thích-ca Như Lai, Đã diễn thuyết như trên. Khi Phật nói Kỉnh Đại nhân duyên này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH DU HÀNH Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo ngự tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt. Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt- đà là A-xà-thế muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ. Vua tự nghĩ: "Nước ấy tuy là cường thịnh, dân chúng hùng hậu nhưng dùng sức để thắng họ không phải là chuyện kh6." Khi đó, Vua A-xà-thế sai Bà-la-môn là đại thần Vũ-xá và bảo: Ông hãy đến chỗ đức Thế Tôn ngự tại núi Kỳ-xà quật. Ông nhân danh ta đảnh lễ dưới chân Ngài và thưa: “Dức Thế Tôn có được khỏe mạnh không? Đi đứng, ăn uống có được bình thường không?59, đồng thời thưa: "Dân xứ Bạt-kỳ tự ỷ mình giàu mạnh, nhân lực hùng hậu, không chịu thần phục nhà vua, cho nên, nay nhà vua muốn chinh phạt nước ấy, không biết đức Thế Tôn có dạy điều gì không?^, Nếu Ngài có dạy, thời ông hãy ghi nhớ cho kỹ đừng để thiếu sót, rồi trở vê tâu lại với ta đúng như vậy. Ta tin chác răng những điêu mà đức Thê Tôn dạy thì không bao giờ sai cả. Đại thần Vũ-xá nghe vua dạy xong liền lên xe báu, đi đến núi Kỳ-xà quật, khi đến nơi thì xuống đi bộ đến chỗ Thế Tôn ngự; sau khi thăm hỏi xã giao xong thì ngồi qua một bên và thưa: "Bạch Thế Tôn! Vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế, xin cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài và xin hỏi: 'Đức Thế Tôn có được khỏe không? Đi đứng, ăn uống có được bình thường không?5 và thưa tiếp: 'Dân chúng nước Bạt-kỳ tự ỷ mình giàu mạnh, dân chúng hùng hậu, không chịu thần phục nhà vua, nay nhà vua muốn chinh phạt nước ấy, không biết đức Thế Tôn có dạy điều gì không?9,5 Lúc đó, ngài A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật mà quạt cho Phật. Phật hỏi ngài A-nan: —Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường nhóm họp để bàn luận về việc chính trị không? A-nan đáp: Có nghe! Phật bảo A-nan: Nêu thê, thời sự hòa thuận của già và trẻ lại càng tăng thêm. Nước ây được yên on lâu dài, không ai có the xâm lăng được.

Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ vua tôi đêu hòa thuận, trên kính dưới nhường không? A-nan đáp: -Có nghe! -Này A-nan, nếu vậy thì sự hòa thuận của già trẻ lại càng tăng thêm và nước ấy an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được. Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường tôn trọng luật pháp, hiểu rõ những điều quốc cấm, có lễ độ không? A-nan đáp: - Có nghe! -Này A-nan, nếu được vậy thời sự hòa thuận của già trẻ càng tăng thêm, nước ấy an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được. Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường hiếu thảo với cha mẹ, kính thuận Sư trưởng không? A-nan đáp: Có nghe! - Này A-nan, nếu thế, sự hòa thuận của già trẻ càng tăng thêm, nước ấy được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được. Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường tôn trọng đền miếu, kính ne quỷ thần không? A-nan đáp: Có nghe! —Này A-nan, nêu như thê thì sự hòa thuận của già trẻ càng tăng thêm, nước ấy được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được. Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ, khuê môn chân chính, trong sạch không dơ, cho đến cả việc cười đùa nói năng không tà vọng không? A-nan đáp: Có nghe! Này A-nan, nếu vậy, sự hòa thuận của già trẻ càng tăng thêm, nước ấy được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được. Này A-nan? ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường tôn kính và phụng sự Sa-môn, người trì giới, chăm chú hộ trì chưa từng lười mỏi hộ dưỡng họ không? A-nan đáp: -Có nghe! Này A-nan, nêu thê sự hòa thuận già trẻ càng tăng thêm, nước ây được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được.

2. KINH DU HÀNH 31

LÚC ấy, đại thần Vũ-xá bạch Phật: Thưa Thế Tôn, nếu dân xứ Bạt-kỳ chỉ thi hành một điều thôi còn không thể thắng họ được, huống nữa là thực hiện đầy đủ cả bảy điều trên. Vì việc nước quá đa đoan, tôi xin kiếu từ Thế Tôn! Đức Phật bảo: Tùy ý ngươi, nêu thây là hợp thời. Khi đó, đại thần Vũ-xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng đảnh lễ ra về. Đại thần Vũ-xá ra về chưa bao lâu, sau đó Phật bảo A-Nan: Ông hãy thông báo cho các Tỳ-kheo ở chung quanh thành La-duyệt tập hợp hết tại giảng đường! A-nan đáp: -Vâng! Bây giờ, A-nan vâng lệnh tập hợp các Tỳ-kheo ở trong thành La-duyệt tại giảng đường, tiếp theo A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đã tập hợp đông đủ, xin trình Thế Tôn rõ! Khi đó, đức Thế Tôn liền đứng dậy đi đến giảng đường, đến tòa mà ngồi. _ ' The roi, đức The Ton bao các Ty-kheo: Nay Ta sẽ vì các ông mà nói bảy pháp bát thôi. Hãy lăng nghe, lăng nghe và khéo suy tư! Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn, chúng con xin vui vẻ nghe! Phật dạy các Tỳ-kheo: Bảy pháp bất thối là: (l)Neu Tỳ-kheo thường hội họp bàn bạc những điều chân chánh, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại; (2) Nêu các Tỳ-kheo thường trên dưới hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại; (3) Nếu các Tỳ-kheo thông hiểu những điều ngăn cấm, không trái với quy chế, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bi tổn hoại; (4) Nếu Tỳ-kheo nào có khả năng bảo hộ chúng Tăng, có kiến thức rộng, chúng Tăng nên tôn kính họ, nếu được vậy, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bi tổn hoại; (5) Nếu Tỳ-kheo chuyên lo phòng hộ tâm ý, lấy sự hiếu kính làm đầu, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại; (6) Nếu Tỳ-kheo thường tu hạnh thanh tịnh, không chạy theo dục lạc, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bi tổn hoại; (7) Trước vì người sau vì mình, không tham danh lợi,

nếu được như thế thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp khác làm

nói nhiều; (3) ít ngủ nghỉ, không mê muội; (4) Không kết bè cánh, không nói những điều vô ích; (5) Không tự khoe khoang trong khi mình thiếu đức; (6) Không kết bạn với những người xấu ác; (7) Thích ở một mình nơi rừng núi thanh vắng. Nếu các Tỳ-kheo thực hiện được những điều như vậy thời Chánh pháp sẽ tăng trưởng, không bi tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại: (1) Có long tin, tin đức Như Lai là bậc Chí Chân, Chí Giác, đầy đủ mười hiệu; (2) Tự hổ với những điều sơ suất của mình; (3) Tự thẹn với những việc ác mà mình đã tạo; (4) Học rộng hiểu nhiều, nhất là đối với giáo pháp đầu, giữa và cuối đều toàn thiện sâu xa, nghĩa lý trong sạch, không tỳ vết. Điều mình đã chấp nhận thì phải giữ gìn một cách đầy đủ; (5) Nỗ lực tu khổ hạnh, dứt ác tu thiện, siêng năng chuyên chú luyện tập mãi không bao giờ từ bỏ; (6) Đối với những điều đã học ghi nhớ mãi không quên; (7) Tu tập về trí tuệ, biết các pháp là sanh diệt vô thường, đồng thời cũng biết các pháp chân chánh đưa đến quả vị Hiền thánh, dứt hẳn nguồn gốc các khổ. Nêu các Tỳ-kheo tu hành bảy pháp như thê thời Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị ton hoại: (1) Kính Phật; (2) Kính Pháp; (3) Kính Tăng; (4) Kính giới luật; (5) Kính thiền định; (6) Kính cha mẹ; (7) Kính giáo pháp, không phóng túng. r r

Nêu các Tỳ-kheo tu hành bảy pháp như thê thì làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Bảy pháp là: (1) Quán thân bất tịnh; (2) Quán thức ăn là bất tịrứi; (3) Không say đắm thế gian; (4) Thường nghĩ đến sự chết; (5) Luôn nghĩ đến lý vô thường; (6) Nghĩ đến khổ và vô thường; (7) Nghĩ đến khổ và vô ngã. Nêu các Tỳ-Kheo tu hành bảy pháp như thê thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Bảy pháp là: (1) Tu về niệm giác ý? thường ở chỗ thanh vắng tu tập pháp vô dục, giải thoát, vô vi; (2) Tu về trạch pháp giác ý; (3) Tu về tinh tấn giác ý; (4) Tu về hỷ giác ý; (5) Tu về ỷ giác ý (khinh an giác ý); (6) Tu về định giác ý; (7) Tu về hộ giác ý (xả giác ý). Ị. jF

Nêu các Tỳ-kheo tu được các pháp như thê thì làm cho Chánh pháp được tăng trưởng, không bi ton hoại.

2. KINH DU HÀNH 33

Này các Tỳ-kheo, lại có sáu pháp bát thôi làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Sáu pháp là gì? (1) Thân thường thể hiện lòng từ bi, không giết hại chúng sanh; (2) Miệng thường nói những lời nhân từ, không nói lời độc ác; (3) Có tâm niệm từ bi, không ôm lòng thêm bớt sai lầm; (4) Chỉ nhận sự cúng dường thanh tịnh và phân phát đồng đều cho chúng Tăng; (5) Giữ gìn giới của Thánh hiền, không cho tổn khuyết, không có tỳ vết và không bao giờ thay đổi; (6) Thấy đạo Thánh hiền để dứt hết gốc khổ. Nếu các Tỳ-kheo tu được sáu pháp như trên thời Chánh pháp được tăng trưởng, không

bị tổn hoại. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có sáu pháp bất thoi, làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị ton hoại: (1) Niệm Phật; (2) Niệm Pháp; (3) Niệm Tăng; (4) Niệm giới; (5) Niệm thí; (6) Niệm thiên. Nếu các Tỳ-kheo tu hành sáu pháp này thời làm cho Chánh pháp được tăng trưởng, không bị ton hoại. Bấy giờ, đức Phật ngự tại thành La-duyệt-kỳ, tùy nghi an trụ, rồi bảo A-nan: Ông hãy chuẩn bi sẵn sàng, nay Ta muốn đến Trúc Viên! A-nan đáp: -Vâng! Lúc đó, đức Phật liền sửa soạn y bát, cùng đại chúng theo hầu Ngài bàng ngả đường Ma-kiệt-đà để đến Trúc Viên. Sau khi lên giảng đường và an tọa tại đây roi, Ngài giảng cho các Tỳ-kheo vê giới, định, tuệ; nhờ tu giới mà sanh định, được quả báo lớn; nhờ tu định mà có trí tuệ, có quả báo lớn; do tâm trí thanh tịnh mà đều được giải thoát, đồng thời dứt hết ba thứ lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Một khi đã được giải thoát thì phát sanh trí tuệ giải thoát, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, những điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Khi đức Thế Tôn ngự tại Trúc Viên, tùy nghi an trụ rồi, Ngài bảo A-nan: Ông hãy chuẩn bị sẵn sàng, Ta muốn đến thành Ba-liên-phất! A-nan đáp: -Vâng! Đức Thế Tôn liền sửa soạn y bát, cùng với đại chúng theo hầu Ngài bằng ngả đưcmg Ma-kiệt-đà thứ lớp đến thành Ba-liên-phất và ngồi dưới gốc cây Ba- lăng-phất. Lúc ấy hàng cư sĩ tại đấy, nghe Phật cùng đại chúng từ xa đến nghỉ dưới gốc cây Ba-lăng-phất; họ cùng nhau ra khỏi thành, từ xa trông thấy đức Thê Tôn ngôi dưới góc cây Ba-lăng-phât, dung mạo đoan chánh, các căn đêu an tinh, điều hòa bậc nhất, cũng như rong lớn, như nước đứng trong không có

vân đục, đủ ba mươi hai tướng tót và tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm tự thân. Thấy rồi, ai nấy đều hoan hỷ, đi lần đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài và ngôi qua một bên. Bây giờ, đức Phật vì họ lân lượt nói pháp, dạy cho họ những điêu lợi ích vui mừng. Các cư sĩ nghe Phật nói pháp xong, rồi họ bèn bạch Phật: - Thưa Thế Tôn, chúng con muốn quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi mong đức Thế Tôn thương xót mà chấp nhận cho chúng con được làm những vi ưu-bà-tăc5 nguyện từ nay vê sau không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Chúng con một khi đã nhận lãnh giới pháp rồi, không bao giờ dám khinh thường. Ngày mai chúng con thiết lễ cúng dường, vậy cúi xin Thế Tôn và đại chúng rủ lòng chiếu cố! Bấy giờ, đức Phật chấp nhận bằng cách im lặng. Các cư sĩ nhận thấy đức Thế Tôn im lăng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng, rồi đảnh lễ ra về. Rồi họ tìm nơi xây dựng nhà lớn cho Như Lai, san bằng những nơi gò nông, quét dọn sạch sẽ, tưới nước đốt hương, trang hoàng bảo tòa. Sau khi đã trần thiết xong, họ đến bạch Phật: Lễ vật đã sắp đặt xong, xin thưa Thế Tôn rõ! / y < Lúc đó? đức Thê Tôn liên đứng dậy đáp y, mang bát cùng đông đủ đại chúng đến giảng đường. Lúc đến nơi và sau khi rửa tay chân xong, đức Phật ngồi giữa, các Tỳ-kheo ngôi bên trái, các cư sĩ ngôi bên phải. Khi ấy, Phật dạy các cư sĩ: Phàm người phạm giới có năm điêu suy hao. Năm điêu gì? (1) Câu tài lợi không toại nguyện; (2) Dù có được tài lợi nhưng mỗi ngày một hao mòn; (3) Đen bất cứ đâu đều bị mọi người khinh bỉ; (4) Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ; (5) Sau khi qua đời bi đọa vào địa ngục. Này các cư si, trái lại, nêu người giữ giới thì có năm công đức. Năm công đức gì? (1) Cầu bất cứ điều chi đều được như ý; (2) Tài sản phát

đạt, không sa sút; (3) Đi đến đâu đều được mọi người kính mến; (4) Tiếng tốt đồn khắp nhân gian; (5) Sau khi qua đời được sanh vê các cõi trời. Bấy giờ trời đã khuya, Phật bảo các cư sĩ hãy ra về. Các cư sĩ vâng theo lời Phật, đứng dậy đi quanh ba vòng, rồi đảnh lễ ra về. Sáng hôm sau khi trời vừa bình minh, đức Thế Tôn đi đến chỗ thanh vắng, dùng thiên nhãn xem thấy rõ hết các đại thiên thần, trung thần và hạ thần, tất cả đêu lo phòng thủ đát đai, nhà cửa thuộc khu vực của mình. Lúc đó, đức Thê Tôn liên trở lại giảng đường, tiên đên chô ngôi mà ngôi, dù Ngài đã biêt nhimg vẫn hỏi A-nan: Ai tạo lập thành Ba-liên-phất này?

2. KINH Dư HÀNH 35

A-nan thưa: Thành này do đại thần Vũ-xá kiến lập, ngăn chặn (phòng vệ) nước Bạt-kỳ. Phật bảo A-nan: Người tạo ra thành này rất hợp với ý trời, vì lúc bình minh hôm nay, Ta dùng thiên nhãn thây rõ các đại thiên thân, trung thân và hạ thân, tát cả lo phòng thủ đất đai, nhà cửa thuộc khu vực của mình. A-nan nên biết: “Noi nào có đất đai nhà cửa, dân cư đông đúc và an ổn thì nơi ấy chư thiên bậc thượng theo phòng thủ, những nơi trung bình thì những thiên thần bậc trung theo phòng thủ và công đức nhiều hay ít cũng tùy theo khu vực dân cư d6.” A-nan! Chỗ này là nơi Hiên nhân ở, là nơi quy tụ của những người buôn bán, phép nước đúng đan, không ngụy tạo, thành này rất đẹp, được mọi người tôn trọng, không thể phá hoại. Nhưng thành này về sau, nếu có bi phá hoại chăng là do ba dữ kiện: (1) Bi nước lớn; (2) Bi lửa lớn; (3) Ngưòd trong thành cùng với người ngoài thành âm mưu thì mới phá hoại được. Bấy giờ, các cư sĩ trong thành Ba-liên-phất thức suốt đêm để lo sửa soạn lễ vật cúng dường. Sau khi chuẩn bị xong, họ đến bạch Phật: Lễ vật đã đầy đủ? kính trình Ngài rõ! Bây giờ, các hàng cư sĩ tự tay mình phân phôi thức ăn cúng Phật và chúng Tăng. Sau khi Phật thọ trai xong, rửa tay, họ đặt một giường nhỏ khác trước chỗ Phật. Bấy giờ, đức Phật dạy rằng: - Chỗ các người ở dây, nay có các bậc Hiền trí, những người trì giới tu hạnh thanh tinh cư ngụ, đồng thời được các vị thiên thần ủng hộ và vui mừng. Tiếp theo, đức Phật chú nguyện cho họ: Nguyện cho các người biết kính nơi nào đáng kính, biết thờ nơi nào đáng thờ, bô thí sâu rộng, thương yêu tát cả, có lòng từ bi, được chư thiên khen ngợi và cùng người thiện sống chung, chứ không chung sống với người ác. Khi đức Phật thuyết pháp xong, Ngài liền rời khỏi chỗ ngồi, cùng đại chúng theo hầu, trở về tinh xá. Lúc đó, đại thần Vũ-xá theo sau Phật. Ông tự nghĩ: "Hôm nay, nhân cơ hội Sa-môn Cù-đàm đi ra cửa thành này, vậy ta hãy gọi cửa thành này là cửa Cù- đàm; lại nhân đức Như Lai đi ngang qua qua bến sông này, vậy ta hãy gọi bến sông này là bến Cíndàm." Bấy giờ, đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-liên-phất đi đến bờ sông, Ngài nhận thấy nước tràn hai bên bờ sông, dân cư đông đúc, dưới sông có người thì dùng thuyên, có người thì dùng bè9 có người thì dùng phà đê qua sông. Chỉ trong khoảnh khăc5 đức Thê Tôn và đại chúng đã qua đên bờ sông bên kia, nhanh như vi đại lực sĩ co duỗi cánh tay. Trước khung cảnh như thế, Ngài nhận thấy ý nghĩa đó? liền nói bài kệ:

36 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật là Hải thuyên sư, Pháp là câu sang sông, Là chiếc xe đại thừa, Độ tất cả nhân, thiên. Ngài đã tự giải thoát, Đen nơi thành Phật quả, Khiến tất cả đệ tử, Giải thoát

chứng Niết-bàn. Thế rồi, đức Thế Tôn lại từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-lợi. Ngài nghỉ trong một khu rừng và bảo các Tỳ-kheo: Có bốn pháp sâu xa: Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát. Đó là bon pháp vi diệu khó hiểu rõ, vì các ông không hiểu rõ bốnj)háp ấy nên đã lâu phải chịu sự lưu chuyên vô cùng trong sanh tử. Khi đức Thê Tôn quán sát nghĩa ấy xong, Ngài liền nói bài kệ: Giới, định, tuệ, giải thoát, Chỉ Phật mới biết rõ, Lìa khô độ chúng sanh, Khiên dứt nguôn sanh tử. Khi đức Thế Tôn ngự tại thôn Câu-lợi, Ngài nhận thấy thời gian đã đủ, liền bảo A-nan và đại chúng đi đến thôn Na-đà. Ngài A-nan sau khi thọ nhận lời dạy liền đắp y, mang bát cùng với đại chúng theo hầu. Thế Tôn bằng ngả xuyên qua nước Bạt-kỳ, rồi đến thôn Na-đà, dừng lại tại xứ Kiện-trùy. Khi ây, A-nan đên nơi thanh văng ngôi im lặng suy nghĩ: “Tại thôn Na-đà này có mười hai vị cư sĩ: (1) Già-già-la; (2) Già-lăng-già; (3) Tỳ-ệià-đà; (4) Già-lợi-du; (5) Giả-lau; (6) Bà-đa-lâu; (7) Bà-đầu-lâu; (8) Tẩu-bà-đau-lâu; (9) Dà-lê-xá-nậu; (10) Tẩu-đại-lợi-xá-nậu; (11) Da-du; (12) Da-du-đa-lâu; những vị này nay đã qua đời, không biết họ sanh về đâu? Lại có năm mươi người mạng chung và có năm trăm người mạng chung nay sanh vào d2u?" Ngài A-nan suy nghĩ như thế xong, liền rời chỗ thanh tinh ấy đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên rồi thưa: Bạch Thế Tôn, lúc nãy, con một mình ngồi chỗ thanh vắng tự suy nghĩ: "d thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ là Già-già-la... mạng chung, năm mươi vị khác, cùng với năm trăm vị nữa cũng qua đời, nay không biết họ sanh về dâu?" Cúi xin đức Thế Tôn giải thích cho! Đức Phật bảo: Này A-nan, mười hai vị cư sĩ như Già-già-la... đã dứt hết năm hạ phần kiết sử nên sau khi qua đời sanh về cõi trời và ở đấy tiếp tục tu hành cho đến khi nhập Niết-bàn, không còn sanh lại cõi này nữa. Và còn năm mươi vị mạng chung kia đã đoạn hết ba kiết sử, giảm bớt dâm, nộ và si, được chứng quả Tư- đà-hàm, phải sanh lại cõi này đe dứt hết gốc kho. Còn năm trăm vị mạng chung khác đã đoạn trừ ba kiết sử nên họ chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác và nhất đinh thành đạo. chỉ còn sanh lại cõi này bảy lần nữa để chấm dứt góc khổ. Này A-nan, phàm có sanh thì có tử, đó là lẽ thường ở the gian, có gì phải ngạc nhiên? Nếu mỗi khi thấy một người chết, ông đều đến hỏi Ta như thế thì không phải làm phiền Ta sao?

2. KINH Dư HÀNH 37

A-nan đáp: Vâng, bạch đức Thế Tôn, thật đúng như vậy! Này A-nan, nay Ta vì ông mà nói về Pháp kính để cho các đệ tử Phật biết chỗ thọ sanh. Hễ người nào dứt hết ba đường ác thì chứng quả Tu-đà-hoàn, chỉ còn sanh lại Dục giới bảy lần, nhất định dứt sạch khổ đau và cũng có thể nói việc ấy cho người khác. Này A-nan, Pháp kính là khi các đệ tử Phật đã có lòng tin chắc chắn không lay động, hoan hỷ tin Phật là đức Như Lai, Chí Chân, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Và hoan hỷ tin Pháp là giáo lý chai! chính vi diệu, Phật tự ý nói ra, không hạn cuộc thời gian, chỉ bày con đường đen Niết- bàn, là con đường của kẻ trí. Và hoan hỷ tin Tăng là đại chúng sống hòa đồng trong lẽ thiện, việc làm ngay thẳng, không dối trá, đồng thời thành tựu đạo quả, trên dưới hòa thuận, đầy đủ cả Pháp thân, hướng đen Tu-đà-hoàn và chứng quả Tu-đà-hoàn; hướng tới Tư-đà-hàm và chứng quả Tư-đà-hàm; hướng tới A-na- hàm và chứng quả A-na-hàm; hướng tới A-la-hán và chứng quả A-la-hán. Đó là bốn đôi tám bậc, là chúng Hiền thánh của Như Lai, họ là những người rất đáng cung kính, là ruộng

phước của thế gian. Tin chắc giới pháp của Hiền thánh là thanh tinh, không ô uê, không sơ suất, được các bậc Thánh nhân tu hành và đêu được đại định tam-muội. NàyA-nan, đó là "Pháp kính" khiến cho đệ tử Phật biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường ác, được quả Tu-đà-hoàn, chỉ còn sanh lại cõi này bảy lần, chắc chắn dứt sạch khổ dàu, đồng thời cũng có thể trình bày sự kiện này cho người khác. Bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thôn Na-đà nhận thấy thời gian đã đủ, liền bảo A-nan: Ông hãy đi đến nước Tỳ-xá-ly! A-nan đáp: -Vâng! Tức thì liền mang y, cầm bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn bằng ngả đường Bạt-kỳ đê đên Tỳ-xá~ly và ngôi nghỉ dưới góc cây. Lúc đó có dâm nữ tên Am-bà-bà-lê, nghe Phật và đệ tử vừa đến Tỳ-xá-ly, hiện đang nghỉ dưới gốc cây, nàng bèn sửa soạn xe báu đi chỗ Phật ngự đe lễ bái cúng dường. Tuy chưa đến nơi nhimg nàng đã thấy Phật dung mạo đoan chánh, các căn đêu tịch tịnh đặc biệt, đây đủ các tướng tót như vâng trăng giữa những vì sao. Khi trông thấy, nàng rất hoan hỷ, liền xuống xe đi bộ đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài và ngồi qua một bên. Khi đó, đức Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, chỉ dạy những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe xong, nàng liền phát tâm hoan hỷ và bạch Phật: "Kể từ ngày nay, con xin quy y Tam bảo, cúi xin đức Thế Tôn hãy chấp nhận cho con được làm ưu-bà-di ở trong Chánh pháp của Ngài! Con thề trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm,

không nói dối và không uống rượu. Đồng thời kính thỉnh Thế Tôn cùng hàng đệ tử chấp nhận lời thỉnh cầu của con, tối nay tạm nghỉ tại vườn của con!" Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Khi nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân và đi quanh Phật rồi lui. Khi nàng về không bao lâu, Phật bảo A-nan: -Ta cùng các ông đi đến khu vườn của dâm nữ ấy mà xem xét. A-nan đáp: -Vâng! Tức thời đức Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, đắp y, mang bát, cùng đi với đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử đến khu vườn trên. Trong lúc đó, ở tại Tỳ-xá-ly, có năm trăm người dòng Lệ-xa? nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê, họ liền sửa sang xe báu, năm màu lộng lẫy, hoặc có toán thì cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phan, lọng, mão đều xanh, hoặc có toán cưỡi xe ngựa năm màu lộng lây, màu săc cũng như trên. Khi năm trăm người Lệ-xa ăn mặc đông phục sáp kéo đên chô Phật ngự. Trong khi đó, nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giã Phật trở về, giữa đường gặp phái đoàn người trên, với những đôi xe chạy rất nhanh, nghẽn cả đường lối, không có chỗ tránh nên các xe báu va chạm nhau làm cho phan, lọng bị hư nhung họ vẫn không nhường lối cho nhau. Nhóm Lệ- xa còn cất tiếng trách: Nàng ỷ thế gì mà không tránh đường cho xe chúng tôi đi để đến nỗi phan lọng phải bị hư cả? r Nàng ây đáp: -Này các người, tôi vừa đi thỉnh Phật ngày mai thọ trai nên phải về gấp để kịp sửa soạn đồ cúng dường, do đó xe chạy mau không tránh kịp. Nhóm Lệ-xa nói: Nàng hãy nhường cho ta thỉnh Phật trước, ta sẽ tặng cho nàng một trăm ngàn lượng vàng! r Nàng ây đáp: Tôi đã quyết định thỉnh trước, không thể nhường được. Nhóm Lệ-xa nói tiếp: Chúng tôi sẽ tặng cho nàng gấp mười sáu lần một trăm ngàn lượng vàng. Vậy hãy cho chúng tôi thỉnh trước! Nàng ấy liền đáp: -Không được, tôi đã thỉnh trước không thể nhường được. Nhóm Lệ-xa nói: -Hoặc chúng tôi sẽ tặng bằng số của báu trong nửa nước, miễn là nàng cho chúng tôi thỉnh trước!

Nàng ây trả lời: - Giả sử của báu trong cả nước đem cung cấp cho tôi, tôi cũng không nhận, vì Phật hiện nay đang ngự trong vườn của tôi và Ngài trước đã nhận lời thỉnh cầu của tôi, do đó, việc ấy đã ấn định, tôi không thể nhường cho các người được. Các Lệ-xa xoa tay tỏ vẻ hối tiếc và nói: - Vì nàng này mà chúng ta thiếu một phần phúc đức đầu tiên. Tức thời họ liền đến khu rừng nơi Phật ngự. Khi ấy, đức Thế Tôn từ xa trông thấy năm trăm người Lệ-xa cùng với ngựa xe con số lên cả vạn đang tiến tới chật cả đường, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Các ông nên biết chư thiên Đao-lợi, khi dạo chơi trong vườn với sự trang sức và oai nghi không khác gì những người ấy. Vậy các ông phải thu nhiếp tâm mình và giữ gìn oai nghi đầy đủ. Thế nào là các Tỳ-kheo tự thu nhiếp tâm mình? Ấy là các Tỳ-kheo trước hết quán thân trong thân, tiếp theo là quán thân ngoài thân, sau cùng là quán thân trong thân và ngoài thân. Phải quán một cách siêng năng không lười biếng, ghi nhớ không quên để trừ bỏ lòng tham dục, lo buồn của thế gian. Sau khi quán sát như trên xong, tiếp theo quán sát về thọ, về ý và về pháp cũng như thế. Thế nào là các Tỳ-kheo giữ gìn oai nghi đầy đủ? Ấy là các Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, khi đứng thì biết mình dứng, cho đến như liếc ngó hai bên? hoặc co duỗi, cúi ngước, đắp y, mang bát và những việc ăn uống, thuốc men đều phù hợp với oai nghi. Phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm am cái cho đến đi, đứng, ngôi, năm, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đêu phải nhiêp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các Tỳ-kheo phải giữ gìn đầy đủ. Khi năm trăm người Lệ-xa đến vườn Am-bà-bà-lê, họ liền xuống xe đi bộ đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc đó đức Như Lai tại pháp tòa, phóng hào quang bao trùm cả đại chúng, như ánh trăng mùa thu, như bau trời trong sáng, với ánh sáng duy nhất của mặt trời chiếu rọi giữa hư không, không có mây mù. Bây giờ, năm trăm người Lệ-xa đi quanh pháp tòa của Phật ở trong đại chúng, với ánh sáng duy nhất soi sáng rõ ràng. Khi ấy, giữa đại chúng có một Phạm chí tên là Tinh Ký, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén tay áo phải, gối phải quỳ chấm đất, chắp tay hướng về đức Thế Tôn, dùng bài kệ để tán thán Phật như sau: Vua Ma-kiệt và ương-già, Sung sướng vì được điều thiện, Mình mặc áo giáp bửu châu. ở đó Thế Tôn xuất hiện, Oai đức vang ba ngàn cõi, Danh Ngài chói như núi Tuyết, Như hoa sen vừa chớm nở, Mùi hương vị diệu, ngạt ngào. Nay được thấy ánh sáng Phật, Như mặt trời vừa xuất hiện, Như trăng tròn giữa hư không, Không chút mây mù che ám.

Thê Tôn hiện nay cũng vậy, Hào quang chiêu cả trân gian, Khi quán trí tuệ Như Lai, Như tối bỗng có đèn sáng, r , __ 9 . k a Ngài cho mat sáng chúng sanh, Giải quyêt những điêu nghi hoặc. Khi năm trăm người Lệ-xa nghe xong bài kệ trên, họ bảo Tinh Ký lặp lại một lần nữa, tức thời Tinh Ký ở trước Phật lặp lại ba lần. Khi họ nghe xong bài kệ đó5 liền cởi áo quý của mình tặng cho Tinh Ký, đồng thời Tinh Ký nhận áo quý ây roi dâng lên đức Như Lai. Lúc đó? Phật vì thương xót mà nhận chiêc áo ấy, rồi Thế Tôn bảo các người Lệ-xa, thuộc thành Tỳ-xá-ly như sau: ở đời co năm thứ báu, rất khó được. Năm thứ báu gì? (1) Đức Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp;

(2) Hạng người diễn giảng Chánh pháp của Như Lai, thật là khó gặp; (3) Hạng người tin hiểu được Chánh pháp của Như Lai, thật là khó gặp; (4) Hạng người thực hành thành tựu được Chánh pháp của Như Lai, thật là khó gặp; (5) Hạng người có tài xoay xở, vào nguy khốn đe cứu độ chúng sanh, thật là khó gặp. Đó là năm thứ báu khó gặp. Khi năm trăm người Lệ-xa nghe Phật nói những điều lợi ích vui mừng xong, liền thưa: Kính xin Thế Tôn và đại chúng sáng mai cho chúng con thỉnh về nhà cúng dường! Đức Phật dạy: Khi các người thỉnh Ta, tức là đã cúng dường Ta rồi, ngặt vì nàng Am-bà- bà-lê đã thỉnh trước. Lúc đó, năm trăm người Lệ-xa nghe nàng ấy đã thỉnh trước, họ đều xoa tay và nói: "Ta muốn cúng dường đức Như Lai mà nàng ấy đã dành trư&c." Họ liền đứng dậy đảnh lễ Phật, đi quanh ba vòng và ra về. Trong khi đó, nàng Am-bà- bà-lê, suốt đêm ở nhà lo sửa soạn đồ cúng dường. Sáng đến, đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo sửa sang y bát, thứ tự đi đên địa diêm cúng dường đã ấn định. Sau khi chư vị an tọa xong, nàng ấy bèn dâng loại cơm thượng hạng cúng Phật và chúng Tăng. Khi thọ trai, rửa bát xong, nàng sửa sang lại bàn ghế và đem nước đựng trong một cái bình bằng vàng đến để dâng Phật rửa tay. Sau khi Phật rửa tay xong, nàng đến trước đức Phật thưa: Những ngôi nhà, những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này, chỉ vườn nhà con là tót đẹp hơn hét, con nay muôn dâng cúng đức Như Lai, cúi xin Ngài hãy xót thương nhận lãnh cho! Đức Phật bảo: Người đem khu vườn này dâng cúng cho Phật là người bậc nhất và hàng chiêu-đề-tăng thì quý hóa vô cùng. Vì sao? Vì đức Như Lai nhờ đây mà có đủ sáu thứ vật dụng cần thiết như vườn, rừng, phòng ốc và y bát; thế nên dù cho các Ma vương, Đế-thích, Phạm thiên hay trời có đại thần lực cũng không ai xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường này.

2. KINH Dư HÀNH 41

Nàng Am-bà-bà-lê khi ấy vâng lời Phật dạy, dâng cúng khu vườn cho Phật và chiêu-đê-tăng. Lúc đó, Phật vì thương xót nàng ây mà nhận lãnh khu vườn trên và nói bài kệ: r .

Xây tháp, dựng tinh xá, Hiên vườn trái xanh tươi, Làm cầu, đò đưa người, Đặt cỏ5 nước nơi vắng, Và bố thí nhà cửa, Phước ấy tăng ngày đêm, Còn giữ giới thanh tinh, Người ấy sanh cõi lành. Liền đó nàng Am-bà-bà-lê, lại đặt một chỗ ngồi nhỏ, đối diện với Phật. Phật , r x • r < x / lân lượt vì nàng thuyêt pháp, dạy cho những điêu lợi ích, vui mừng vê bô thí, trì giới và sự sanh thiên, đong thời dạy: Ai dục là tai hại lớn, là ô uế, là bất tịnh, là lậu hoặc, là điều chướng ngại, chỉ có giải thoát là trên hết. Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận thấy tâm ý nàng đã thuần thục và vui mừng, năm âm cái đã dân dân yêu kém, dê bê khai hóa; do đó, theo thông lệ của chư Phật, Ngài dạy tiếp về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Ngay lúc đó, nàng phát khởi lòng tin thanh tinh, ví như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, tại chỗ ngồi, tâm nàng đã xa lìa hét trân câu, phát sanh pháp nhãn thanh tịnh, thây pháp và chứng pháp, quyết đinh ở trong Chánh đạo, không còn bị đọa vào đường ác, thành tựu được năng lực vô úy. Nàng liền bạch Phật ba lần như sau: Từ nay trở di, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi mong đức Như Lai hãy chấp nhận cho con làm vi ưu-bà-di trong Chánh pháp của Ngài! Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Sau khi

thọ năm giới với Phật xong, nàng liền bỏ những tánh nết cũ, dứt hẳn những điều ô uế, đứng dậy lễ Phật ra về. Khi Phật ngự tại Tỳ-xá-ly? cảm thấy thời gian đã đủ, liền bảo A-nan: Ong hãy chuân bị săn sàng cùng Ta đi đên Trúc Lâm! -Vâng! Thê roi đức Phật sửa sang y bát, cùng đại chúng theo hâu băng ngả đường nước Bạt-kỳ để đến Trúc Lâm. Tại đấy có một Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-đà-la, nghe Phật cùng chúng Tăng từ xa đến Trúc Lâm, bèn nghĩ thầm: "Sa-môn • \ r y

Cù-đàm này, danh đức đã lan truyên khắp nơi, đây đủ cả mười hiệu, Ngài đã tự chứng ngộ giữa hàng chư Thiên, Đế-thích, Phạm thiên, Ma hoặc Thiên ma, * __ r • Sa-môn, Bà-la-môn và nói pháp cho họ nghe; tát cả những lời nói, dù cao, dù thấp hay trung bình, đều chân thật, ý nghĩa sâu xa, Phạm hạnh đầy đủ, bậc Chân Nhân ở thế gian, ta nên đến chiêm ngưỡng !,9 Lúc đó, có Bà-la-môn ra khỏi Trúc Lâm, rồi tiến gần đến chỗ Phật. Sau khi thưa hỏi xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn lần lượt thuyết pháp dạy cho ông những điều lợi ích vui mừng, thế rồi vị Bà-la-môn nghe rồi hoan hỷ, liền thỉnh Phật và đại chúng sáng mai đến nhà thọ trai. Đức Thế Tôn nhận

lời bằng cách im lặng. Khi ấy Bà-la-môn nhận thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi ra về. Trong đêm đó, Bà-la-môn đã sửa soạn xong các thức ăn. Sáng hôm sau đến thưa với Phật: Bạch Thế Tôn, lễ vật cúng dường đã chuẩn bi xong, kính tin Ngài rõ! Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y, mang bát và đại chúng theo sau đi tới nhà Bà- la-môn ấy. Sau khi chư vị an tọa xong, ông ta đem các thức ăn thượng hạng dâng cúng Phật và chúng Tăng. Khi Phật thọ trai và rửa bát xong, Bà-la-môn đặt một chỗ ngồi nhỏ khác hầu trước Phật. Khi ấy, Phật vì ông ta mà dạy bài kệ: y 5

Nếu đem các thức ăn, ĐÔ năm và y phục, Bố thí người trì giới, Thời được quả phúc lớn. Nó là bạn chân thật, Trước sau thường theo mình, Đi đâu nó cũng theo, Như bóng theo với hình. Vậy nên gieo giống lành, Làm tư lương đời sau, Lấy phước làm nền tảng, Chúng sanh được an lạc. Có phước trời che chở, Không bị điều nguy khốn, Sanh ra không bị nạn, Chết được sanh cõi trời. Khi đức Phật vì Bà-la-môn nói pháp nhiệm mầu, chỉ dạy sự lợi ích vui mừng xong, Phật rời tòa ra đi. Lúc đó tại xứ này gặp phải năm mất mùa, nạn đói kém hoành hành, việc khất thực khó khăn nên Phật bảo A-nan: Hãy tập hợp các Tỳ-kheo trong nước lại tại giảng đường! -Vâng! A-nan liền vâng lệnh, tập hợp các Tỳ-kheo xa gần về họp đông đủ tại giảng đường. Khi đại chúng đã tập hợp xong, A-nan đến thưa Phật: -Kính bạch Thế Tôn, đại chúng đã tập hợp đông đủ, kính tin Ngài rõ! Bấy giờ, Thế Tôn đứng dậy đi đến giảng đường và an tọa tại đấy. Ngài dạy: Này các Tỳ-kheo5 hiện nay đang đói kém nên việc khất thực khó khăn, vậy các ông hãy chia thành từng đoàn, đi đến nơi quen biết hoặc thành Tỳ-xá-ly, hay nước Vi-kỳ? rồi ở đó an cư thì khỏi thiếu thốn. Chỉ Ta và A-nan thì an cư tại đây. Vì nếu ở đông e thiếu thốn. Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời chia nhau di, còn Phật và A-nan thì ở lại an cư kiết hạ tại đây. Trong cuối kỳ hạ này, Phật phát bệnh, cả thân đau nhức, Ngài tự nghĩ: "Nay Ta phát bệnh, toàn thân đau nhức mà các đệ tử đêu không có mặt, nếu như Ta nhập Niết-bàn lúc này thì không tiện. Vậy Ta hãy vận dụng sức chuyên cần để kéo dài mạng sống thêm nữa.,, Lúc đó, đức Thế Tôn liền ra khỏi tịnh thất, đến ngồi chỗ mát mẻ, ngài

A-nan trông thấy, liền đi lại hỏi Phật: - Nay con thấy Thế Tôn dung nhan có phần suy giảm, Thế Tôn có mệnh hệ nào thì khiến tâm con sẽ lo sợ, lúng túng, hoang mang, không biết làm cách nào.

2. KINH DU HÀNH 43

Tuy nhiên, ngài A-nan lại trông thây Phật còn tươi tỉnh, sức lực còn khỏe mạnh nên tự nghĩ: “Dức Như Lai chưa vội diệt độ, 'con mắt thế gian' vẫn còn, Chánh pháp chưa bị mất mát.,^ Lại nghĩ: “Nhưng tại sao Thế Tôn nay không dạy gì cho chúng đệ tử?” Phật bảo A-nan: Chúng Tăng còn mong cầu điều gì nơi Ta nữa? Nếu người nào tự xưng mình bảo hộ chúng Tăng và chúng Tăng tùy thuộc vào mình thì người đó nên có lời dạy bảo với chúng Tăng; trái lại, đức Như Lai thì không tự xưng mình là người bảo hộ chúng Tăng và chúng Tăng không tày thuộc vào mình thì can gì phải dạy bảo đối với chúng Tăng? Này A-nan, bất luận là giáo pháp nào mà Ta đã trình bày xong, Ta không bao giờ tự xưng chỗ thấy của mình không thông suốt. Ta nay già rồi, tuổi đã tám mươi. Ví như chiếc xe cũ, nhờ phương tiện sửa chữa mà đi đến nơi đến chốn. Nay thân Ta cũng thế, nhờ sức phương tiện mà kéo dài mạng sống đến ngày nay. Ta nhờ sự cố gắng mà đè nén được cơn đau. Hơn nữa, khi Ta nhập đinh Vô tưởng thì không còn nghĩ đến một điều gì nên thân Ta yên ổn, không có đau nhức. Thế nên A-nan! Ngươi hãy tự thắp đuốc lên mà di, thắp lên với Chánh pháp, đừng thắp lên với một pháp nào khác, hãy tự nương tựa với chính mình, nương tựa với Chánh pháp, đừng nương tựa với một pháp nào khác. Thế nào là tự mình thắp đuốc lên mà đi, thắp lên với Chánh pháp, đừng thắp lên với một pháp nào khác, hãy tự mình nương tưa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác? Này A-nan! Ấy là các Tỳ-kheo trước phải lo quán sát trong thân, sau đó quán sát ngoài thân, cuối cùng là quán sát cả trong lẫn ngoài thân, quán sát một cách chuyên cần, không biếng nhác, nhớ mãi không quên để diệt trừ sự tham luyến, lo buồn của thế gian, và tiêp theo sự quán sát trên là quán sát vê thọ, vê tâm ý, vê các pháp cũng như thế. r r

Này A-nan! Đó là ý nghĩa tự mình tháp đuôc lên mà di, tháp lên với Chánh pháp, đừng thắp lên với một pháp nào khác, hãy tự nương tựa chính mình, nương tưa Chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác. Phật bảo A-nan: - Sau khi Ta diệt độ, người nào có thể tu hanh đúng như thế tức là đệ tử chân chánh của Ta, là người học đạo xuất sắc nhất. Khi ấy, Phật bảo A-nan: Hãy đi đến ngôi tháp Già-bà-la! -Vâng! Tức thời đức Như Lai đứng dậy đắp y, mang bát đến dưới gốc cây rồi bảo A-nan trải tọa cụ và dạy: Ta bi đau lưng nên muốn nghỉ tại đây. -Vâng!

44 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau khi trải tọa cụ cho Phật nghỉ xong, ngài trải thêm một tọa cụ nhỏ ngồi trước hầu Phật. Lúc đó, Phật bảo A-nan: Người nào thường xuyên tu tập bôn món thân túc, chuyên chú nhớ mãi không quên thì có thể tùy ý muốn mà sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Này A-nan, đức Như Lai đã nhiều lần tu tập bốn món thần túc, chuyên chú nhớ mãi không quên nên đức Như Lai có thê tùy ý muôn, sông đên một kiêp hoặc hơn một kiếp để diệt trừ sự tối tăm cho đời, đem lại nhiều sự lợi ích, an lạc cho nhân,

thiên. Lúc đó, ngài A-nan làm thinh. Đức Phật nói như thế ba lần mà A-nan vẫn làm thinh. Vì lúc ấy ngài đang bị ma ám ảnh, mê man không hiểu nên Phật ba lần hiện tướng mà A-nan đều không biết để thưa thỉnh. Phật bảo: Này A-nan nên biêt, nay đã phải thời. Ngài A-nan vâng ý chỉ Phật đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui ra. Ngài đi lui cách Phật không xa, đến ngồi yên lặng suy nghĩ dưới một gốc cây. Chỉ trong chốc lát, Ma Ba-tuần đến bạch Phật: Sao Ngài chưa sớm vào Niết-bàn? Nay đã đúng lúc rồi? xin Ngài mau diệt độ! Thôi, thôi, Ba-tuần! Ngươi đừng nói nữa, Ta đã tự biết thời. Như Lai giờ đây chưa vội vào Niết-bàn vì Ta cần đợi các Tỳ-kheo tập hợp về đông đủ. Trong số đó, có những đệ tử đã khéo chế ngự được thân tâm, mạnh dạn không khiếp sợ, họ thường sống trong an ổn, không nhưng việc lợi mình đà làm xong mà còn làm thầy dẫn dắt kẻ khác, hiện đang truyền bá Chánh pháp, giảng giải nghĩa lý, nếu họ gặp chủ thuyết ngoại đạo thì có đủ sức đem Chánh pháp, sự tự chứng ngộ và thần biến của mình ra để hàng phục chúng nhưng mà những đệ tử ấy chưa về. Lại có những Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng chưa quy tụ. Vả lại, nay Ta còn muốn truyền bá Phạm hạnh một cách sâu rộng và phổ biến giáo lý giác ngộ cho hàng nhân, thiên đều biết và thấy được thần biến. Ma Ba-tuần thưa: ỈỌii xưa, Phật ở bên bờ sông Ni-liên-thiền thuộc xứ uất-tỳ-la, và lúc ở dưới gốc cây A-du-ba Ni-câu-luật, khi Ngài mới thành đạo Chánh giác, tôi có đên khuyên thỉnh Ngài nên vào Niêt-bàn9 nay đã đúng lúc roi, vậy xin Ngài hãy mau mau diệt độ! Lúc đó, đức Như Lai trả lời: -Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta đã tự biết thời. Như Lai chưa vội vào Niết-bàn mà cần đợi các đệ tử trở về, cho đến hàng nhân, thiên đều biết và thấy được thần biến thì Ta mới nhập Niết-bàn. Bạch Ngài, nay các đệ tử đã nhóm họp, cho đến hàng nhân, thiên đã thấy thần biến, nay đã đúng lúc rồi, sao Ngài không diệt độ?

2. KINH DU HÀNH 45

-Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời, còn không bao lâu nữa, sau ba tháng này, Ta sẽ ở tại nơi sanh quán của Ta đời trước, giữa cây Song Thọ, trong rừng Sa-la5 thuộc xứ Câu-thi-na mà nhập Niết-bàn. LÚC ây, Ma Ba-tuân nghĩ răng Phật không bao giờ nói dôi, chác chăn là Ngài sẽ diệt độ nên vui mừng nhảy nhót, biến mất. Khi Ma Ba-tuần biến mất không bao lâu, Phật ở tại ngôi tháp Già-bà-la nhập định Ý tam-muội mà xả bỏ tuổi thọ. Ngay lúc đó, cõi đất chấn động mạnh, nhân dân cả nước thảy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng hào quang vĩ đại chiếu sáng khắp nơi, cho đên chúng sanh ở cõi tôi tăm cũng nhờ ánh sáng ây soi đên mà trông thây lân nhau. Bấy giờ, đức Như Lai nói bài kệ: Trong hai hành hữu, vô, Ta nay bỏ hữu vi, Chuyên tâm vào chánh định, Ví như chim đã nở. Khi ây, Tôn giả A-nan kinh hãi đên nôi lông tóc đêu dựng ngược, vội vàng đi đến chỗ Phật ngự, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên và bạch: Kính bạch đức Thế Tôn, lạ thay! Không biết lý do gì mà quả đất chấn động như thế này? Phật dạy: -Này A-nan, phàm cõi đất rung động có tám nhân duyên. Tám nhân duyên gì? Vì đất nương trên nước, nước thì nương trong gió, gió thì nương vào hư không mà tôn tại. Nêu trong hư không có gió nôi lên thì nước bị chao động, đó là duyên cớ thứ nhất. Này A-nan, khi có vi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc có vị đại thiên tu quán vê tánh nước nhiêu, quánr vê tánh thân, r đát ít, hoặc họ• muôn thử sức thân thông của họ thì họ làm cho quả đát chân động, đó là duyên cớ thứ hai. Này A-nan, khi

có vị Bô-tát từ cung trời Đâu-suất bình tinh, sáng suôt giáng thần vào thai mẹ thì quả đất chấn động, đó là duyên cớ thứ ba. Này A-nan, khi có vi Bô-tát bình tĩnh, sáng sướt, từ hông phải của mẹ mà đản sanh thì làm cho quả đất chấn động, đó là duyên cớ thứ tư. Này Anan, khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng Chánh giác thì chính lúc đó r ỉ quả đất chân động, đó là duyên cớ thứ năm. Này A-nan, khi Phật mới thành đạo quả, liền chuyển pháp luân đầu tiên, trong khi đó các loài Ma, Thiên ma, Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và người khác không thể chuyển được thời làm cho quả đất rung động, đó là duyên cớ thứ sáu. Này A-nan, khi Phật giáo hóa xong, bình tinh, sáng suốt mà xả bỏ tuổi thọ thì quả đất chấn động, đó là duyên cớ thứ bảy. Này A-nan, khi đức Như Lai nhập vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn thì quả đất chấn động, đó là duyên cớ thứ tám.

46 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vì tám lý do trên nên quả đất chấn động. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy: Đấng Phước Trí Vô Thượng, Sa-môn soi sáng đời, A-nan liền hỏi Phật, Duyên gì đất chấn động? Như Lai liền giải thích, Như tiếng chim Ca-lăng, Ta nói hãy lắng nghe, Sở dĩ đất chấn động. Vì đất nương trên gió, Nước yên nhờ gió lặng, Nếu hư không nổi gió, Thì quả đất chấn động. Ty.kheo, Tỳ-kheo-ni, Muốn thử sức thần thông, Núi, biển, trăm cỏ cây, Đại địa đều chấn động. Phạm thích hàng chư thiên, Ý muốn đất chấn động, Các quỷ thần, núi biển, Làm quả đất chấn động. Bồ-tát đủ phúc trí, Trăm tướng phúc trang nghiêm. Khi mới vào thai mẹ, Quả đất liền chấn động. Đủ mười tháng trong thai, Như rồng ẩn trong mây, Đản sanh từ hông phải, Đại địa liền chấn động. Phật lúc còn trẻ mạnh, Diệt hết điều ràng buộc, Tu chứng quả Bồ-đề, Thời đại địa chấn động. Thành Phật, chuyển pháp luân, Đầu tiên tại Lộc Uyển, ỉ y Thăng ma băng đạo lực, Thì quả đất chấn động. Khi thiên ma thỉnh Phật, Mau mau nhập Niết-bàn, Phật liền xả tuổi thọ, Thì quả đất chấn động. Đạo sư của trời, người, Vĩnh viễn không tái sanh, Bất động nhập Niết-bàn, Thời quả đất chấn động. Phật nói tám nhân duyên, Khiến quả đất chấn động, Duyên này hay duyên khác, Quả đất đều chấn động. Phật bảo A-nan: Trên đời có tám chúng. Tám chúng là gì? (1) Chúng Sát-đế-lợi; (2) Chúng Bà-la-môn; (3) Chúng Cư sĩ; (4) Chúng Sa-rnôn; (5) Chúng Tứ Thiên Vương; (6) Chúng Đao-lợi thiên; (7) Chúng Ma; (8) Chúng Phạm thiên. Ta tự nhớ? xưa kia Ta đã từng qua lại trong chúng Sát-đế-lợi, cùng họ đứng ngồi nói năng không biết bao nhiêu lần, do nhờ sức thiền đinh, tinh tấn mà nơi Ta hiện đến hễ họ có sắc đẹp thì Ta đẹp hơn họ; họ có tiếng hay thì Ta có tiếng hay hơn họ; họ từ bỏ Ta đi nhimg Ta không từ bỏ họ; điều họ nói được, Ta cũng nói được; điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được. Này A-nan, Ta đã vì họ nói pháp một cách sâu rộng, chỉ bày sự lợi ích vui mừng cho họ xong thì Ta liên ân mát mà họ không biêt Ta là trời hay là người. Như thế Ta đã từng qua lại trong chúng Phạm thiên không biết bao nhiêu lần để thuyết pháp cho họ một cách sâu rộng nhưng mà họ đều chẳng biết Ta là ai.

2. KINH Dư HÀNH 47

A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu chưa từng có, chỉ có Như Lai mới thành tựu được như the! Phật dạy: -Đó là pháp vi diệu hy hữu, chỉ có đức Như Lai mới thành tựu được pháp ây. Hơn nữa, vì đức Như Lai có thê biêt được tướng sanh, trụ và

diệt của thọ; tướng sanh, trụ và diệt của tưởng; tướng sanh, trụ và diệt của quán. Đó là pháp vi diệu chưa từng có của Như Lai, vậy ông hãy thọ trì! Bấy giờ, đức Phật bảo A-nan cùng đi đến Hương Tháp và tới dưới gốc cây, bèn trải tọa cụ ngồi, đồng thời bảo A-nan: Hãy nhóm hết các Tỳ-kheo sống chung quanh Hương Tháp tại giảng đường! A-nan vâng lời tập hợp hét các Tỳ-kheo lại và thưa: Bạch Thế Tôn, đại chúng đã tập hợp đông đủ, kính tin Ngài rõ! Thế Tôn ngay lúc đó liền đến giảng đường và an tọa tại đấy. Thế rồi Ngài dạy các Tỳ-kheo: Các ông hãy biết Ta do những pháp sau đây mà tự chứng ngộ và thành tựu bậc Chánh Giác. Đó là tứ niệm xứ, tứ ý đoạn, tứ thân túc, tứ thiên, ngũ căn, ngũ lực, thất giác ý và bát chánh đạo. Vậy các ông hãy ở trong giáo pháp đó hòa hợp, kính thuận, chớ có tranh tụng, cùng học một thầy như nước với sữa, đồng thời hãy ở trong đó siêng năng tu học, cùng nhau hăng say phát triển và vui vẻ! Các Tỳ-kheo nên biết Ta từ những pháp trên mà tự tu hành chứng ngộ để rồi hiện nay Ta đem giảng dạy cho các ông, đó là Quản kinh, Kỳ dạ kinh, Thọ kỷ kỉnh, Kệ kỉnh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Vi tang hữu kỉnh, Chứng dụ kỉnh, Đại giáo kinh. Vậy các ông hãy khéo thọ trì, so lường phân biệt, tùy theo trường hợp mà tu hành! Tại sao vậy? Vì Như Lai không bao lâu nữa, sau ba tháng này, sẽ nhập Niết-bàn. Các Tỳ-kheo nghe Phật nói như thế, thảy đều kinh ngạc, sửng sốt hoang mang, gieo mình xuống đất, cất tiếng kêu than: "Tại sao đức Thế Tôn diệt độ mau quá? Tại sao 'con măt thê gian' diệt mát sớm quá? Từ đây chúng con sẽ bị mất mát mãi Hoặc có Tỳ-kheo thương cảm buồn khóc, lăn lóc kể than, không thể tự kiềm chế được, cũng như rắn bi chém làm hai khúc, lăn lóc, run rẩy, ngẩn ngơ không biết gì cả. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông hãy dừng cơn bi lụy, chớ ôm lòng buồn tủi, vì từ trời đất cho đến người và vật, không một ai sanh ra mà không chét, nêu các ông muôn cho các pháp hữu vi không biến dịch thì không thể có được! Hơn nữa, trước đây Ta đã dạy: "An ái là vô thường, nếu có sum họp thì phải có chia lìa, nhất là thân này không phải của ta, mạng sông không thê tôn tại lâu dài."

48 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Á • y m rpi Á rp/X r • *1 5 • 1

Bây giơ, đức The Tôn noi bai kẹ: M . Ta nay thật tự tại, Đên được nơi an ôn, Vì đại chúng hòa hiệp, Mà nói rõ nghĩa này. Ta nay đã già rồi, Sống không bao lâu nữa, Việc làm đã xong xuôi, Nay bèn bỏ tuổi thọ. Chuyên chú không phóng dật, Tỳ-kheo giữ đủ giới, Nhiếp tâm vào chánh định, Giữ gìn tâm ý mình. Nếu ở trong pháp Ta, Người nào không phóng dật, Sẽ dứt hết gốc khổ, Thoát hẳn sanh, già, chết. Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta nay sở dĩ khuyên dạy như thế là vì Thiên ma Ba-tuần đã đến thỉnh Ta trước dây, nó nói: “Tại sao Phật chưa muốn vào Niết-bàn? Nay đã đúng lúc rồi, vậy xin Ngài mau diệt âộV' Ta nói: 'Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta đã biết thời, vì cần các Tỳ-kheo tập hợp đông đủ, cho đến hàng chư thiên đều thấy được thần biến." Ba-tuần nói: 'Thật khi xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiền, thuộc nước uất-tỳ-la, và dưới gốc cây A-du-ba Ni-câu-luật, khi Ngài mới thành đạo. Lúc đó tôi thưa: 'Tại sao Phật không muốn vào Niết-bàn? Nay đã đúng lúc rồi, vậy xin Ngài mau diệt độ!9 Khi ấy, đức Thế Ton đáp với tôi: 'Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời, Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn vì cần đệ tử của Ta nhóm họp, cho đến hàng nhân, thiên thấy được sự thần biến thì Ta mới diệt độ!9 Bạch Ngài, nay đệ tử của

Như Lai đã nhóm họp, cho đến hàng nhân, thiên thấy được sự thần biến, thế thì nay đã đúng lúc, xin Ngài mau mau diệt d!" Ta nói: "Thôi, thôi, Ba- tuần! Ta tự biết thời, không bao lâu nữa, sau ba tháng này Ta sẽ nhập Niết-bàn.,, Khi đó, Ma Ba-tuần liền nghĩ: "Bức Như Lai không bao giờ nói dối, chắc chắn Ngài sẽ diệt d" nên vui mừng nhảy nhót và bông nhiên biên mát! Khi Ma Ba-tuần biến mất không lâu, Ta đến tháp Già-bà-la vào định Ý tam- muội để từ bỏ tuổi thọ, chính lúc ấy quả đất chấn động, trời, người đều sợ hãi, lông tóc đêu dựng ngược. Khi ây Ta phóng tia sáng lớn, chiêu sáng kháp nơi cho đên cõi tôi tăm cũng đêu nhờ ánh sáng ây mà họ đêu thây lân nhau. Lúc đó, Ta nói bài kệ: Trong hai hành hữu, vô, Ta nay bỏ hữu vi, Chuyên tâm vào chánh định, Ví như chim đã nở. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng dậy vén áo vai hữu, gối chấm đất, chắp tay bạch Phật: - Cúi mong đức Thế Tôn hãy thương xót chúng sanh, hãy sống thêm một kiếp, chớ nên diệt độ sớm để làm lợi ích cho trời, người! Khi ấy, đức Thế Tôn im lặng không đáp, ngài A-nan thưa thỉnh ba lần như thế, thời Phật dạy: -Này A-nan, ông có tin đạo Chánh giác của Như Lai không?

2. KINH DU HÀNH 49

A-nan đáp: Vâng, con tin chắc lắm! Phật dạy tiếp: -Nêu ông tin, tại sao ông còn ba lân làm phiên Ta? Ta cho răng ông đã đích thân nghe từ Phật, lãnh thọ từ Phật, là người nào thường tu tập bốn pháp như ý một cách chuyên chú không quên thì có thể tùy theo ý muốn mà kéo dài mạng sông trong một kiêp, hoặc hơn một kiêp. Đức Như Lai là người đã tu tập bốn pháp như ý một cách chuyên chú không quên thì có thể tùy theo ý muốn mà kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hay hơn một kiếp để trừ sự tối tăm cho đời, đồng thời đem lại nhiều sự lợi ích an vui cho trời và người, tại sao lúc đó ông không thỉnh đức Như Lai khoan diệt độ, nghe lần thứ hai còn có thể được, qua lân thứ ba, ông cũng không thỉnh câu đức Như Lai sông thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp để trừ diệt sự tối tăm cho đời, đồng thời đem lại nhiều sự lợi ích an vui cho trời, người. Nay ông mới nói há không muộn hay sao? Ta ba lần hiện tướng, ông ba lần làm thinh. Tại sao lúc đó ông không nói cho Ta biết là đức Như Lai có thể sống thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp để trừ diệt sự tôi tăm cho đời, đông thời đem lại nhiêu sự lợi ích an vui cho trời và người. Vả lại, nay Ta đã xả tuôi thọ, một khi đã bỏ? đã nhô mà muôn cho đức Như Lai hành động trái với lời nói của mình thì không bao giờ có sự kiện ấy. Ví như một người giàu sang đã nhổ đồ ăn xuống đất, thử hỏi họ có chùi nhặt lên ăn lại được không? A-nan đáp: —Không! —Đức Như Lai cũng thế, một khi đã bỏ, đã nhổ thì đâu có thể nuốt lời nói của mình. Phật bảo A-nan cùng đi đến thôn Am-bà-la. A-nan cùng đại chúng sửa y, mang bát, theo hầu Thế Tôn bằng ngả đường Bạt-kỳ để đến thôn Am-bà-la, và tới một khu rừng núi, lúc đó Phật dạy cho đại chúng về giới, định, tuệ. Do tu giới mà được định và được phúc lớn; do tu định mà được trí tuệ và được quả báo lớn; do tâm và trí đồng thời tu tập nên được thanh tịnh và được giải thoát hoàn toàn, đồng thời dứt sạch ba lậu: Dục lậu, hữu lậu và vo minh lậu. Một khi đã được giải thoát thì phát sanh trí tuệ giải thoát, sanh tử chấm dứt, Phạm hạnh đã thành lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn sự tái sanh. Khi đức Thế Tồn ngự tại thôn Am-bà-la, nhận thấy cơ duyên hóa độ đã xong, liền bảo A-nan: —Các ông hãy chuẩn bị sẵn sàng để đến thôn Chiêm-bà, thôn Kiển-trà, thôn Bà-lệ-bà và thành Phụ-di! A-nan đáp: -Vâng!

50 . KINH TRƯỜNG A-HÀM

Tức thời, A-nan cùng đại chúng sửa y, mang bát5 theo hầu Thế Tôn bằng ngả đường Bạt-kỳ và tuần tự trải qua các thành khác rồi dừng lại ở tại rừng Thi- xá-bà ở phía Bắc thành Phụ-di. Lúc ấy, Phật bảo:

, Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ dạy các ông bốn r < giáo Đại X . pháp, vậy các ông hãy . lăng nghe, hãy lăng nghe, hãy suy nghĩ kỹ vê vân đê này! Các Tỳ-kheo thưa: - Vâng! Kính bạch Thế Tôn chúng con muốn nghe. Bốn Đại giáo pháp là gì? Nấu có Tỳ-kheo nào nói như sau: "Này chư Hiền, tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ Phật, lãnh thọ từ Phật về luật này, giáo này. Những điều tôi đích thân nghe từ Phật như thế chớ nên không tin, chớ nên hủy báng." Nếu họ nói như thế thì các ông phải y cứ vào các kinh để suy nghiệm điểm hư thực; hãy y cứ theo luật, theo pháp mà nghiên cứu tường tận ngọn nguồn lời nói ấy; nếu nhận thấy không đúng với kinh, với luật, với pháp thì hãy nói với họ: "Bức Phật không dạy điều này, ông đã lãnh thọ sai lầm đấy! Tại vì sao? Vì tôi đã y cứ vào các kinh, luật, pháp mà so nghiệm thì nhận thấy lời ông trình bày không phù hợp với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, không nên thọ trì, không nên giảng dạy cho người khác và hãy từ bỏ?9 Nếu xét thấy lời nói ấy, đúng với kinh, với luật, với pháp thì hãy nói với họ: "Lòi ông vừa trình bày là đúng với lời Phật dạy. Tại sao? Vì tôi căn cứ vào kinh, vào luật, vào pháp mà so nghiệm thì thấy lời nói của ông phù hợp với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ nên thọ trì, hãy giảng rộng cho người khác, cẩn thận chớ có b6." Đó là Đại giáo pháp thứ nhất. Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào nói như sau: "Tôi ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, ở trong chúng Tăng hòa hợp, toàn là bậc Tỳ-kheo kỳ cựu đa văn, tôi đã đích thân nghe từ họ, đích thân lãnh thọ vê pháp này, luật này, giáo này; những điều mà tôi đích thân nghe từ họ, chớ nên không tin, chớ có hủy bang/9 ĩ r Nêu có Tỳ-kheo nào nói như thê thì các ông hãy y cứ vào các kinh mà suy xét điều hư thực, hãy căn cứ vào pháp, vào luật mà nghiên cứu tường tận ngọn nguồn của lời nói ấy; nếu nhận thấy không đúng với kinh, với luật, với pháp thì các ông hãy nói: "Đức Phật không dạy điều này, ông ở trong chúng đó đã nghe và lãnh thọ có sai lam đay! Tại sao vậy? Vì tôi đã căn cứ vào các kinh, vào luật, vào pháp mà so nghiệm thì nhận thấy lời ông vừa trình bày trái với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ chớ nên thọ trì, chớ nên giảng cho người khác.^, Trái lại, nếu nhận thấy lời nói trên đúng với kinh, với luật, với pháp thì các ông hãy bảo: "L&i ông vừa nói là đúng với lời Phật dạy. Vì sao? Bởi vì tôi đã căn cứ vào kinh, vào luật, vào pháp mà so nghiệm thì nhận thấy lời ông vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ hãy thọ trì, hãy rộng giảng cho người khác, cẩn thận chớ có b6." Đo ỉa Đại giao pháp thư hai.

2. KINH Dư HÀNH 51

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như sau: "Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia, trong một chúng Tỳ-kheo đông đảo, toàn là người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi. Tôi đã đích thân nghe từ họ, đích thân lãnh thọ pháp, luật, giáo như vậy, điều mà tôi đích thân nghe họ nói, không nên không tin, không nên hủy báng." Nếu có Tỳ-kheo nào nói như thế thì các ông nên y cứ vào các kinh mà suy xét điều hư thực; hãy căn cứ vào pháp, vào luật mà nghiên cứu tường tân ngọn nguôn cua lơi noi áy; nêu nhạn thay lơi

noi trên không đung vơi kinh, với luật, với pháp thì các ông hãy nói: "Đức Phật không dạy điều này, ông ở trong chúng Tỳ-kheo nghe và nhận có sai lầm đấy. Vì sao? Vì tôi đã căn cứ vào kinh, vào luật, vào pháp thì nhận thấy lời ông vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ chớ thọ trì, chớ giảng cho người nên từ bỏ di." Nếu xét thấy lời nói trên dựa theo kinh, dựa theo luật, dựa theo pháp thì các ông hãy nói: “Lòi ông vừa trình bày là đúng với lời Phật nói. Vì sao? Vì tôi dựa vào kinh, vào luật, vào pháp, lời ông nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ hãy thọ trì và hãy rộng giảng cho người khác, cẩn thận chớ có từ bo." Đó là Đại giáo pháp thứ ba. Lại nữa, nêu có Tỳ-kheo nào nói như sau: "Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia đã đích thân nghe một vị Tỳ-kheo trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi và tôi đã đích thân nghe, đích thân lãnh thọ về pháp này, luật này, giáo này, điều mà tôi đã đích thân nghe là điều chớ nên không tin, cũng chớ nên hủy báng.,, Các ông phải y cứ vào các kinh mà suy xét điểm thực hư, hãy căn cứ vào pháp, vào luật mà nghiên cứu tường tận ngọn nguồn của lời nói trên. Nếu nhận thấy lời nói ấy không đúng với kinh, với luật, với pháp thì các ông hãy nói với họ: "Bức Phật không dạy điêu này, ông đã nghe nhận nhâm từ một vi Tỳ-kheo đây. Tại sao? Vì tôi đã căn cứ vào kinh, vào luật, vào pháp thì nhận thấy lời ông trình bày trái với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ hãy từ bỏ, không nên thọ trì, không nên giảng dạy cho người khác." Trái lại, nếu lời nói đó đúng với kinh, với luật, với pháp thì các ông hãy nói với người kia rằng: "Điều ông nói là đúng với điều Phật dạy. Vì sao? Vì tôi đã y cứ vào kinh, vào luật, vào pháp, lời ông nói là phù hợp với Chánh pháp. Vậy, hiền sĩ hãy chăm thọ trì, hãy rộng giảng cho người khác nghe, chớ có từ bo." Đó là Đại giáo pháp thứ tư. Bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Phụ-di nhận thấy cơ duyên hóa độ đã xong, liền bảo A-nan: Hãy đến thành Ba-bà! A-nan đáp: -Vâng! A-nan bèn sửa sang y bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn bằng ngả đường Mạt-la để đến khu vườn Xàdầu, thuộc thành Ba-bà. Nơi đây có người thợ rèn tên là Châu-na, nghe Phật từ Mạt-la đến thành liền y phục chỉnh tề đi đến chỗ Thế Tôn ngự, cúi đầu đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Lúc đó, Phật lần lượt thuyết pháp, dạy cho ông những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe xong, ông

tín tâm hoan hỷ liền thỉnh Phật sáng mai đến nhà thọ trai. Phật im lặng nhận lời, Châu-na biết Phật im lặng nhận lời liền đứng dậy đảnh lễ ra về. Nội trong đêm đó, ông lo sửa soạn thức ăn, sáng hôm sau ông đến thưa: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ thọ trai, kính tin Ngài r6.” Bấy giờ, đức Thế Ton đắp y, mang bát cùng đại chúng theo hầu đi đến nhà ông Châu-na? và tiến đến chỗ ngồi, Châu-na bày thức ăn cúng Phật và chư Tăng, ông lại nấu riêng một thứ nấm chiên-đàn là thức ăn quý lạ nhất, ít thấy nhất trên đời đem dâng riêng cho Thế Tôn, tức thì Phật bảo: "Châu-na chớ đem thứ nấm này dâng cúng cho chư Tng." Châu-na lúc đó vâng lời Phật dạy, không dám hành động. Bấy giờ ở trong chúng có một vị trưởng lão Tỳ-kheo mới xuất gia, trên chỗ ngồi của mình lại bưng uống chén nước nấm còn dư. Khi Châu-na thấy chúng Tăng thọ trai và rửa bát xong, bèn ở trước Phật dùng bài kệ thưa: Xin hỏi bậc Đại Thánh, Chánh Giác đủ phước trí, Khéo điều phục thân tâm, Có mấy hạng Sa-môn? Bay giờ, đức Thê Tôn cũng dung bai kẹ đáp: Thể theo ngươi vừa hỏi, CÓ bốn hạng Sa-môn5 Chí thường không đồng nhau, Ngươi hãy nhận thức rõ: r Một, hành đạo thù thăng, Hai, khéo giảng đạo nghĩa,

Ba, y đạo sinh hoạt, Bốn, làm ô uế đạo. Hạng hành đạo thù thang, Khéo giảng giải đạo nghĩa, Y đạo đe sinh hoạt, Nhìn về nơi vô cấu, Hạng dứt bỏ ân ái, Quyết chắc vào Niết-bàn, Vượt hẳn đường nhân, thiên, Là hành đạo thù thắng. Khéo giải đệ nhất nghĩa, Hạng hiểu rõ trung đạo, Giảng đạo không câu uê, Người thường giải điều nghi, Là hạng khéo giảng đạo. Khéo trình bày pháp cú, Y đạo để sinh hoạt, Vời trông nơi vô câu, Là y đạo sinh hoạt. Trong ôm lòng gian tà, Ngoài như tuồng trong sạch, Giả dối không thành thật, Là hạng làm nhơ đạo. Thế nào gồm thiện ác, Tịnh, bất tịnh hỗn hợp? Giống như bên ngoài tốt, Ngoài mặt hiện đạo phong, Ví như đồng mạ vàng. Người đời thấy thế bảo, Đệ tử bậc Thánh Trí, Những vị khác không bằng, Chớ bỏ lòng tịnh tín. Người lãnh đạo đại chúng, Trong nhơ mà ngoài sạch, Che kín sự gian tà, Kỳ thực lòng phóng đãng, Chớ trông dáng bề ngoài, Mới thấy đã cung kính, Hiện giau điều gian tà, Mà trong lòng phóng đãng.

2. KINH DU HÀNH 53

Bấy giờ, Châu-na đặt một chỗ ngồi nhỏ, hầu trước Phật. Sau đó? đức Phật tuần tự nói pháp, trình bày những điều lợi ích vui mừng. Xong đại chúng đi nhiễu quanh và hầu Ngài về được nửa đường. Phật dừng lại dưới một gốc cây và bảo A-nan: Ta đau lưng, ông hãy xếp đặt chỗ ngồi cho Ta! A-nan đáp: -Vâng! Tức thì ông xếp đặt chỗ Thế Tôn ngồi nghỉ. Khi ấy, A-nan lại soạn một chỗ nhỏ ngồi hầu trước Phật. Phật hỏi A-nan: -Châu-na có ý gì hối hận không? Nếu có thì do đâu sanh? A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, ông Châu-na vừa cúng dường Phật như thế không được phúc lợi gì cả. Tại sao? Vì sau khi đức Như Lai thọ trai tại nhà ông ta thì Ngài nhập Niết-bàn. Phật dạy A-nan: Chớ nói như vậy, chớ nói như vậy! Hiện nay, Châu-na được lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức khỏe, được tiếng tốt, sống thì được nhiều của báu, thác được sanh cõi trời, cầu chi có nấy. Tại sao vậy? Vì người cúng dường cho Phật lúc mới thành dạo, cũng như người cúng dường cho Phật lúc nhập Niết-bàn, công đức của hai người ấy không hơn không kém. Vậy ông hãy đến nói với Châu-na như sau: "Tôi đã tự thân nghe Phật nói, tự thân thọ lời Phật dạy như sau: 'ông Châu-na thiết trai cúng dường Phật mà được lợi lớn, được qua báo lớn.9 Khi ấy, ngài A-nan vâng lời đến nói với Châu-na như sau: Tôi tự thân nghe Phật nói, tự thân thọ lời Phật dạy như sau: "ông Châu- na thiết trai cúng dường Phật nay được lợi lớn, quả báo lớn! Vì sao? Vì người cúng dường Phật khi mới thành đạo và người cúng dường Phật lúc sắp nhập Niết-bàn, cả hai công đức ấy như nhau, không khác." Thế rồi, ngài đọc bài kệ: Thọ trai nhà Châu-na, Tôi nghe Phật dạy rằng, Bệnh tình Phật rất nặng, Mạng sông đã săp tàn. Tuy ăn nấm chiên-đàn, Nhưng bệnh vẫn gia tăng, Mang bệnh mà lên đường, Dần đến thành Câu-di. Khi ấy, đức Phật đứng dậy vừa đi tiếp được một đoạn đường ngắn thì Ngài dừng lại dưới một gốc cây và bảo A-nan: Ta đau lung quá, ông hãy xép chô cho Ta nghỉ! -Vâng!

54 KINH TRƯỜNG A-HÀM

A-nan liền sửa soạn chỗ cho đức Như Lai nghỉ. Sau đó, A-nan đảnh lễ dưới chân Phật và ngồi xuống một bên. Bấy giờ, có đệ tử của một vi A-la-hán tên là Phúc Quý, từ thành Câu-thi-na- kiệt, nhắm đến thành Ba-bà, khi đi được nửa đường bỗng trông thấy Phật ngồi dưới gốc cây, dung mạo đoan chánh, các căn đều tịch tịnh, tâm ý điều nhu, vắng

lặng bậc nhất, ví như rồng lớn, cũng như hồ nước trong, không cáu bẩn; thấy xong, ông liền sanh thiện tâm hoan hỷ, bèn đến chỗ Phật ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và thưa: —Kính bạch Thế Tôn, người xuất gia thích sự nhàn tinh, khi ở chỗ thanh văng chuyên tu thì thật kỳ lạ! Dù có đoàn xe năm trăm chiêc chạy qua bên họ, họ vân không hay biêt, thây tôi có lân im lặng ngôi dưới một góc cây bên đường giữa hai thành Câu-thi-na-kiệt và Ba-bà, lúc đó có đoàn xe năm trăm chiêc đi qua, tiêng xe chạy âm âm, ngài vân tỉnh thức nhưng mà không nghe. Khi ấy, có một người đến hỏi thầy tôi: "Nãy giờ, ông có thấy đoàn xe chạy ngang qua đây không?55 Đáp: "Không thấy!" Hỏi: UCÓ nghe không?95 Đáp: "Không nghe!^, Hỏi: "ông ở đây hay ở dâu?" Đáp: UỞ day!" Hỏi: "ông thức hay ngiỉ?" Đáp:"ức!" Người ấy im lặng cho là việc hy hữu. Người xuất gia chuyên tu tinh tấn, nhất tâm đến nỗi xe chạy ầm ầm, tỉnh thức nhưng mà không nghe và nói với thầy tôi: "Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua đường này, tiếng xe chạy chấn động như thế mà cũng không nghe, có đâu lại nghe chuyện khác!" Nói xong, người ây đảnh lê thây tôi với tâm niệm hoan hỷ và đi ra. Phật bảo Phúc Quý: - Nay Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp: "Đoàn xe chạy ầm ầm chấn động như thế, tỉnh thức mà không nghe; có tiếng sấm sét vang động cả đất trời, tỉnh thức nhưng mà không nghe, trong hai trường hợp đó cái nào khó hơn?" Phúc Quý bạch Phật rằng: —Ngàn vạn cỗ xe sao bằng sấm sét? Không nghe tiếng xe chưa hẳn là khó, sấm sét vang động trời đất, tỉnh giác mà không nghe mới là khó. Phật bảo Phúc Quý: Ta có lần ở thảo lư, thuộc thôn A-việt, lúc đó có một vầng mây lạ xuất hiện, tiếp theo là sấm sét vang động, làm chết bốn con bò đực và hai anh em người đi cày, lúc ây mọi người đêu tụ tập lại đông đảo; lúc ây5 Ta ra khỏi thảo lư để đi kinh hành một cách thong thả, đồng thời trong đám đông ấy, có một người đến chỗ Ta cúi đầu đảnh lễ, rồi theo Ta kinh hành; dù biết nhưng Ta vẫn cố hỏi: "Người ta tụ tập làm gì thế?" Người ấy hỏi Ta: "Nãy giờ Ông ở đâu? Thức hay ngiỉ?" Đáp: "d đây và không ngủ!99 Người kia tán thán cho là việc hy hữu, chưa từng thấy ai được đinh tĩnh như Phật. Với tiếng sấm sét vang động cả trời đất như thế mà Ngài vẫn đinh tĩnh và tỉnh thức mà không nghe.

2. KINH Dư HÀNH 55

Thế rồi, Phúc Quý bạch Phật: Hôi nãy, có một vâng mây lạ xuât hiện, tiêp theo là sâm sét vang động cả đất trời, giết chết bốn con bò đực và hai anh em người đi cày, đó là lý do mà người ta tụ tập đông đảo như vậy. Lúc đó, người kia tâm hồn vui vẻ vì được pháp hỷ, lễ Phật đi ra. LÚC ây, Phúc Quý có mang theo hai tâm vải màu vàng, trị giá cả trăm ngàn, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, vòng tay và bạch Phật: Nay con xin dâng hai tâm vải quý này lên đức Thê Tôn, cúi xin Ngài xót thương mà nhận lãnh! Phật bảo Phúc Quý: Ong hãy dâng cho Ta một tâm, còn một tâm đem cúng cho A-nan! Khi ấy, Phúc Quý vâng lời Phật, một tấm dâng cho đức Như Lai, một tấm cho A-nan. Đức Phật vì thương xót ông ta mà nhận lãnh. Lúc đó9 Phúc Quý đảnh lễ Phật và ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày sự lợi ích vui mừng về bố thí, trì giới và phước báu sanh thiên, đồng thời chỉ rõ ái dục là tai hại lớn, là nhơ nhớp, lậu hoặc là pháp chướng đạo, giải thoát là trên hết. Khi Phật biết tâm ý của Phúc Quý đã vui vẻ, thuần thục, không còn năm ấm cái, dễ bề khai hóa, mới theo thông lệ của chư Phật mà giảng tiếp cho ông về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Khi đó, Phúc Quý liền phát lòng

tin thanh . : r ỉ X < -í ..M . tịnh, cũng như tâm vải trăng sạch nên rát dê nhuộm màu, ngay tại chô ngôi ông ta xa lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn về các pháp, thấy pháp và chứng pháp, quyết định ở trong chánh đạo, không còn bị sa vào ác đạo, thành tựu pháp vô uy nên bạch Phật: Nay r con xin quy y Phật, quyy y Pháp, quy y Tăng, cúi xin đức Như Lai hãy chấp nhận cho con làm ưu-bà-tăc trong Chánh pháp của Ngài! Từ nay trở về sau con trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không " r • r " nói dôi và không uông rượu, cúi mong Thê Tôn cho con làm ưu-bà-tăc trong Chánh pháp. Và ông thưa tiếp: Khi nào Phật đến giáo hóa tại thành Ba-bà, xin Ngài quá bước đến xóm nhà nghèo của con! Vì sao? Vì con muôn đem hét vật sở hữu trong nhà con như thức ăn, thức uống, giường chõng, y phục, thuốc men để dâng cúng Thế Tôn, một khi đã được Ngài thuận lãnh thì cả nhà con được an vui. Phật dạy: Ông nói đúng! Bấy giờ, Phật nói pháp cho Phúc Quý nghe, trình bày những điều lợi ích, vui mừng, khi ông nghe xong, liền đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật một cách vui mừng rồi ra đi.

56 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi Phúc Quý ra về chưa bao lâu thì ngài A-nan lại đem tấm vải vàng dâng lên đức Như Lai, lúc đó đức Như Lai vì thương xót A-nan nên nhận lãnh, rồi đáp tâm vải ây lên mình. Bây giờ, dung mạo của Thê Tôn thì ung dung, uy quang rực rỡ, các căn tịch tịnh, nét mặt vui tươi, ngài A-nan trôn^ thay tự nghĩ: "Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay, chưa bao giờ thây nét mặt của Phật tươi sáng như hôm nay." Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gối hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật: Con được hầu Phật hai mươi lăm năm nay, chưa bao giờ thấy ánh sáng của Phật màu sắc khác thường như hôm nay, không biết có lý do gì chăng? Con muốn biết ý nghĩa đó? Phật bảo A-nan: Có hai nhân duyên khiến ánh sáng của Như Lai có màu sắc khác hơn lúc bình thường: (1) Khi Phật mới thành đạo Vô thượng Chánh đẳng giác; (2) Khi Phật xả bỏ tuổi thọ, sắp vào Niết-bàn. Này A-nan, vì hai lý do đó nên ánh sáng có màu sắc khác thường. T-X Ạỉ __• \ _ — rrrl_ Ạ r-r^ Bay giơ, đức The Ton liên noi bai kẹ: \ *1 • Ạ r . • 1_4 A
•

Y màu vàng sáng đẹp, Mem mại thật mới sạch, Phúc Quý dâng Thế Tôn, Như tuyết, hào quang trắng. Phật bảo A-nan: Ta khát, cần uống nước, ông hãy đem nước lại cho Ta! A-nan thưa: Vừa rồi có năm trăm cỗ xe đi qua con sông này, làm cho nước đục chưa lăng trong nên chỉ có thê rửa chân chớ không uông được. Phật bảo A-nan đem nước lại đây, cho đến ba lần như thế. A-nan thưa: Nay chỉ có sông Câu-tôn cách đây không xa5 nước vừa trong vừa mát có thể uống được, đồng thời có thể tắm gội được. Khi ấy, có vị thần ở núi Tuyết, hết lòng tin đạo của Phật, liền lấy bát đựng đầy nước tám công đức5 dâng lên Thế Tôn, Phật vì thương xót vi thần ấy mà nhận lãnh và nói bài kệ: Phật dùng tám thứ tiếng, Bảo A-nan lây nước, Ta khát, muốn uống nước, Uống xong, đến Câu-thi. Giọng hòa nhã, dịu dàng, Lời nói đẹp lòng người, Hầu hạ hai bên Phật, Liền bạch đức Thế Tôn: Có năm trăm cỗ xe, Đã vượt qua bờ ấy, Làm nước sông đục ngâu, Uống e không được khỏe. Song Câu-tôn không xa, Nước mát, rất trong sạch, Đen đó lấy uống được, Và có thể tắm gội. Có vị thần núi Tuyết, Dâng nước đức Như Lai, L Uông xong thêm khỏe mạnh, Sư tử bước giữa chúng.

Sông ấy thần long ở, Trong sạch không vẩn đục, Tôn nhan như núi Tuyết, Thong thả đến Câu-tôn. Bấy giờ, đức Thế Tôn đi đến sông Câu-tôn, uống nước, tắm gội xong, Ngài cùng đại chúng đi tiếp được nửa đường thì Phật dừng lại dưới một gốc cây và bảo Châu-na: Ông hãy lấy y Tăng-già-lê, xếp thành bốn lớp và trải cho Ta nằm, Ta đau lưng quá nên muốn tạm nghỉ tại đây! Châu-na vâng lời Phật trải chỗ ngồi xong, Phật bèn ngồi. Châu-na đảnh lễ xong cũng ngôi xuông một bên và bạch Phật: -Tôi muốn nhập Niết-bàn! Tôi muốn nhập Niết-bàn! Phật dạy: -Nêu thây là hợp thời! Tức thì Châu-na bèn ở trước Phật liền nhập Niết-bàn, khi đó Phật nói bài kệ: Phật đến sông Câu-tôn, Trong mát không vẩn đục, ĩ Đức The Ton xuông song, Tăm xong sang bờ kia. Thủ lãnh của đại chúng, Liền bảo ngài Châu-na5 Nay Ta thân đau nhức, Ông mau trải chỗ nằm. Châu-na vâng lời Phật, Trải y thành bốn lớp, Đức Như Lai tạm nghỉ. Châu-na ở trước Phật, Liền thưa đức Thế Tôn, Tôi muốn nhập Niết-bàn, Nơi không còn thương ghét, Nay phải đến chỗ ấy. Biển công đức vô lượng, Đức tối thắng bảo rằng, Việc làm ông đã xong, Nên biết là hợp thời. Thấy Phật đã cho phép, Châu-na càng tinh tấn, Liên châm dứt tuôi thọ, Như đèn hết lửa tắt. r -l J. Á ĩ \ Bây giờ, ngài A-nan từ chô ngôi đứng dậy đên trước Phật bạch răng: Sau khi Phật diệt độ, phép táng phải như thế nào? Phật bảo A-nan: Ông hãy yên tâm lo đạo nghiệp, việc ấy có hàng cư sĩ sẵn lòng lo liệu! Ngài A-nan hỏi đôi ba lần: Sau khi Phật diệt độ, phép táng phải như thế nào? Phật dạy: Muôn biêt phép táng đức Như Lai như thê nào, hãy theo phép táng của Chuyển Luân Thánh Vương! Ngài A-nan thưa: -Phép táng Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào?

58 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật bảo A-nan: Phép táng Chuyển Luân Thánh Vương, trước hết là lấy nước thơm tắm gội thi thê roi dùng vải bông quân lại, tiêp theo lây vải trăng quân thi thê năm trăm lớp và đặt vào trong kim quan đã tẩm dầu, rồi đặt kim quan ấy vào trong một cái quách lớn bằng sắt, sau hết đặt cái quách sắt này vào trong một cái quách lớn bang gỗ chiên-đàn khác. Khi xong, chất đầy củi thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong, thâu nhặt Xá-lợi9 dựng tháp, treo phan, thờ tại ngã tư đường để dân chúng trong nước đi ngang qua trông thấy tháp Chuyển Luân Vương, nhớ lại sự trị vì chân chánh của ngài, hầu được nhiều lợi ích. A-nan! Ông muốn táng Ta thì trước hết lấy nước hương tắm gội thi thể, rồi lấy vải bông mới quấn thân lại, sau đó lây vải trăng quân năm trăm lớp và đặt thi thê ây vào trong một kim quan đã được tâm dâu, roi đặt kim quan này vào trong một cái quách băng sắt, sau cùng đặt cái quách bằng sắt này vào trong một cái quách bằng gỗ hương chiên-đàn. Khi xong, chất đầy củi thơm lên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong, nhặt lấy Xá- lợi, dựng tháp, treo phan, thờ tại ngã tư đường để những người đi ngang qua trông thấy tháp Phật mà tưởng nhớ đức Như Lai đã dùng Chánh pháp giáo hóa chúng sanh, ngõ hầu sống được phước lợi, thác được sanh thiên. Khi ấy, đức Thế Tôn lại nhân ý nghĩa này mà nói bài kệ: A-nan liền đứng dậy, Quỳ xuống bạch Thế Tôn, Khi Như Lai diet đọ, Phải tẩm táng thế nào? A-nan! Hãy yên tâm, Tư duy về đạo hạnh, Hàng cư sĩ trong nước, Sẽ sẵn sàng lo liệu. A-nan thỉnh ba lần, Phật dạy táng Chuyển Luân, r9

Muôn tâm táng Như Lai, Vải trong, quan quách ngoài. Dựng tháp tại ngã tư, Đe lợi ích chúng sanh, Những ai đã kính lễ, Đều được phước vô lượng. Phật bảo A-nan: Trong thiên hạ có bốn hạng người đáng được dựng tháp, đốt hương rải hoa, treo phan, kết tụ, trỗi nhạc cúng dường. Bốn hạng ấy là ai? (1) Như Lai; (2) Bích-chi Phật; (3) Thanh văn; (4) Chuyển Luân Vương. Bốn hạng trên đay đáng được dựng tháp, đốt hương, rải hoa, treo phan, trỗi nhạc cúng dường. Bấy giơ, đức The Ton đọc bai kẹ: Tháp thứ nhất là Phật, Bích-chi Phật, Thanh văn, Và Chuyển Luân Thánh Vương, Thống lãnh bốn thiên hạ. Bốn hạng được cúng dường, Đức Như Lai trình bày, Phật, Bích-chi, Thanh văn, Và tháp Chuyển Luân Vương. Bấy giờ, Phật bảo A-nan cùng đi đến thành Câu-thi-na giữa cây Song Thọ, thuộc bộ tộc Mạt-la, A-nan đáp: "vang!" Tức thì đức Thế Tôn cùng đại chúng theo hầu khởi sự cuộc hành trình. Trên đường đi, có một Phạm chí từ thành Câu-thi-na đến thành Ba-bà, từ xa trông thấy đức Thế Tôn dung mạo đoan

chánh, các căn tịch tịnh, thấy xong ông rất hoan hỷ, liền phát thiện tâm, đến trước chỗ Phật, sau khi hỏi xong ngồi xuống một bên và thưa: - Thôn tôi cách đây không xa, kính mong Cù-đàm hãy đến đó nghỉ đêm, sáng mai thọ trai xong, rồi hãy đến thành Câu-thi-na! Phật bảo Phạm chí: -Thôi, thôi, ngươi đã cúng dường Ta rồi đấy! Khi ấy, ông Phạm chí ân cần thưa thỉnh ba lần mà đức Phật vẫn từ chối và bảo Phạm Chí: Ong A-nan ở đăng sau kia, ngươi hãy đên đó trình bày ý nguyện của mình đi! Tức thì Phạm chí vâng lời Phật đến chỗ A-nan, sau khi hỏi han xong, đứng qua một bên và thưa: Thôn tôi ở cách đây không xa, tôi muốn đức Cù-đàm hãy đến đó nghỉ đêm, sáng mai thọ trai xong, rồi sẽ đến thành Câu-thi-na! A-nan đáp: Thôi, thôi, Phạm chí! Ngươi đã cúng dường rồi đó. Phạm chí khi ấy hết lòng thưa thỉnh ba lần như thế nhưng ngài A-nan đều đáp: "Trời quá nóng bức mà thôn kia lại xa, hơn nữa đức Như Lai quá mệt, không đủ sức để đi đến d6." Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận thấy ý nghĩa này mà nói bài kệ: Tịnh nhãn trên đường đi, Mỏi mệt về Song Thọ, Phạm chí xa thấy Phật, Mau đến để cúi đầu. Thon toi ơ gan đay, Xin tạm nghỉ một đêm, Sáng mai xin cúng dường, Sau đó đến Câu-thi. Phạm chí! Ta mỏi mệt, Đường xa không thể di, y

A-nan ở đăng sau, Hãy đến đó để thưa. Phạm chí vâng lời Phật, Liền đến chỗ A-nan, Xin hãy đến thôn tôi, Sáng, thọ trai rồi đi. A-nan đáp: Thôi, thôi, Trời nóng không đến được, A 9 Ba lần thỉnh không được, Buôn bã, tâm chăng vui. Lạ thay pháp hữu vi, Biến đổi, không ổn định, Nay giữa cây Song Thọ, Diệt ngã, thân vô lậu. Phật, Bích-chi, Thanh văn, Tất cả đều hoại diệt, Vô thường không lựa chọn, Như lửa đốt núi rừng. Lúc bấy giờ, Phật vào thành Câu-thi-na9 Ngài đến nơi sanh quán đời trước, giữa cây Song Thọ, thuộc bộ tộc Mạt-la và bảo A-nan: Ông hãy sửa soạn chỗ cho Ta nằm, giữa cây Song Thọ, đầu quay về hướng Bắc, mặt quay về hướng Nam! Tại sao thế? Vì giáo pháp Ta sẽ được truyền bá và tồn tại lâu dài ở phương Bắc.

A-nan đáp: -Vâng! F n /K a e r Tức thì A-nan lo sửa soạn chô năm, đâu quay vê hướng Băc. Sau khi sửa soạn xong, đức Thê Tôn năm nghỉ và tự lây y Tăng-già-lê xép

thành bôn lớp đắp lên mình, Ngài nằm nghiêng ve bên phải, như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau. Lúc đó giữa đám cây Song Thọ, có các quỷ thần hết lòng tin Phật lấy các thứ hoa trái mùa rải khắp mặt đất, khi ấy Phật bảo A-nan: - Các thần Song Thọ này dùng hoa trái mùa dâng cúng cho Ta như thế chẳng phải là cúng dường Như Lai. Ngài A-nan thưa: Thế nào mới gọi là cúng dường đức Như Lai? Phật bảo A-nan: Người nào biết lãnh thọ và thực hành Chánh pháp thì mới gọi là cúng dường Như Lai. Khi ấy, Phật nhận thấy ý nghĩa đó mà nói bài kệ: 5 9

Phật giữa cây Song Thọ, Năm yên, tâm chăng động, Thọ thần tâm thanh tịnh, Lấy hoa rải lên Phật. A-nan bạch Phật răng, Sao mới gọi cúng dường? Biết lãnh thọ, thực hành, Hoa giải thoát cúng dường. Hoa vàng như bánh xe, Rải Phật chưa phải cúng, Ấm, giới, nhập, vô ngã, Là cúng dường bậc nhất. Lúc ấy, Phạm-ma-na ở trước Phật đang cầm quạt hầu Phật, Phật bảo Phạm- ma-na: Ong chớ đứng trước Ta! Ngài A-nan nghe như thê liên nghĩ thâm: "Ong Phạm-ma-na này thường hầu hạ hai bên Phật, cung cấp điều cần thiết, cung kính đức Như Lai không bao giờ chán nản, hôm nay là ngày cuôi cùng, phải đê cho ông ta săn sóc, sao lại đuôi đi là ý gi?" Ngay lúc đó, ngài A-nan y phục chỉnh tê, đên trước Phật thưa: Ong Phạm-ma-na này thường hâu hạ hai bên Phật, cung cáp điêu cân thiết, cung kính đức Như Lai không bao giờ chán nản và luôn luôn thỏa mãn, hôm nay là ngày cuối cùng phải để cho ông ta hầu hạ, sao Như Lai lại đuổi đi là vì lý do gì? Phật bảo A-nan: Chung quanh thành Câu-thi-na này, cách xa mười hai do-tuần là các vị thiên thần ở, chật ních nhà cửa, các vị đại thiên thần ấy đều trách vi Tỳ-kheo này răng: “Sao lại đứng trước Phật trong giờ phút cuôi cùng này. Phật sáp vào Niêt-bàn, chúng ta muôn đên chiêm bái một lân nhưng vì vị Tỳ-kheo ấy với oai đức lớn lao, ánh sáng chói rực che lấp tất cả, khiến cho chúng ta

2. KINH DU HÀNH 61

không thể đến gần Phật để lễ bái cúng dường/9 Này A-nan, vì thế mà Ta bảo ông ây đi. A-nan bạch Phật: Chẳng hay vị Tỳ-kheo đó xưa kia tích lũy công đức gì, tu hạnh nghiệp gì mà nay có uy đức như thế? Phật bảo A-nan: -về lâu xa trong quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp, lúc đó có đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, vị Tỳ-kheo ây đem tâm hoan hỷ, câm cây đuôc đỏ soi sáng tháp Phật, nhờ đó mà ông ta được ánh sáng uy linh, chiếu sáng cả hai mươi tám tầng trời, ánh sáng của chư thiên không thể sánh kịp. Bây giờ, A-nan liên từ chô ngôi đứng dậy, vén áo vai phải quỳ xuông chăp tay bạch Phật: Xin Phật chớ diệt độ tại vùng đất hoang vu, chật hẹp này! Vì sao? Vì hiện nay có các nước lớn như Chiêm-bà, Tỳ-xá-ly, thành Vương-xá9 nước Bạt-kỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-duy-la-vệ9 thành Ba-la-nại, ở đó dân cư đông đúc, nhiều người hâm mộ Phật pháp, nếu Phật diệt độ tại các địa phương trên, chắc chắn được nhiều người cung kính cúng dường Xá-lợi. Phật dạy: Thôi, thôi, A-nan chớ nghĩ thế, chớ cho đây là vùng hẻo lánh chật hẹp. Tại sao? Vì khi xưa tại quốc độ này có một vị vua tên là Đại Thiện Kiến, thành này lúc đó tên là Câu-xá-bà-đề? đô thành của Đại vương dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm. Bấy giờ, lúa gạo phì nhiêu, dư dả, dân cư đông đúc, thành của nhà vua có bảy lớp với bảy lớp lan can bao quanh, chạm trổ đẹp đẽ, linh báu treo xen kẽ nhau, móng thành sâu ba nhẫn, bề cao mười hai nhẫn, lâu đài trên thành

cao mười hai nhẫn, mỗi cây cột to ba nhẫn. Nếu thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, quanh thành được trang trí bằng bốn thứ báu, với lan can xen kẽ cũng bằng bốn thứ báu. Với lầu bằng vàng thì treo linh bằng bạc, với lầu bằng bạc thì treo linh bằng vàng. Có bảy lớp hào báu, trong hào mọc đay hoa, hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma? câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, đáy ao ủải toàn là cát vàng, hai bên bờ ao có cây đa-lân, hễ cây bằng vàng thì lá hoa và trái bằng bạc, cây bằng bạc thì lá hoa và trái băng vàng, cây băng thủy tinh thì lá hoa và trái băng lưu ly. Lại nữa, giữa những cây có những ao tắm, nước ao trong trẻo, vừa ngọt vừa lạt, trong sạch không cáu bẩn, dùng gạch bằng bốn thứ báu xây chung quanh mé ao. Với cây thang bằng vàng thì tam cấp bằng bạc, với cây thang bằng bạc thì tam cấp bằng vàng, với cây thang bằng lưu ly thì tam cấp bằng thủy tinh, với cây thang bằng thủy tinh thì tam cấp bằng lưu ly; lại có lan can bao bọc chung quanh với khoảng cách băng nhau và liên két với nhau, bát cứ chô nào trong thành ây

đều CÓ cây đa-lân. Với cây bằng vàng thì lá hoa và trái bằng bạc, với cây bằng bạc thì lá hoa và trái bằng vàng, cây bằng thủy tinh thì lá hoa và trái bằng lưu ly, cây bằng lưu ly thì lá hoa và trái bằng thủy tinh. Giữa những cây này có bốn ao báu, gồm có bốn thứ hoa; đường sá bằng phẳng khang trang ngay hàng thẳng lối, gió thổi các thứ hoa rơi lả tả hai bên đường, từ bon phương gió hiu hiu thổi đến làm dao động các cây báu phát ra âm thanh diu dàng, giống như nhạc trời. Nhân dân nước ấy, trẻ già trai gái đều đùa giỡn dưới cây đa-lân để giải trí. Hơn nữa, nước ây có mười loại tiêng, là tiêng tù và, tiêng trông, tiêng vũ, tiêng ca, tiêng thổi, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ăn uống, tiếng cười giỡn. Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ bảy thứ báu và bốn đức, cai trị bốn châu thiên hạ. Bảy thứ báu là gì? (1) Xe vàng báu; (2) Voi trắng báu; (3) Ngựa xanh báu; (4) Thần châu báu; (5) Ngọc nữ báu; (6) Cư sĩ báu; (7) Chủ binh báu. Thế nào là Vua Đại Thiện Kiến thành tựu về xe vàng báu? Vào ngày rằm trăng tròn, nhà vua tắm gội nước hương, lên ngồi trên bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có xe báu xuất hiện trước mặt, vành xe có ngàn căm đầy đủ ánh sáng, màu sắc do thợ trời làm, không phải the gian có. Xe toàn bằng vàng ròng, đường kính bánh xe bằng một trượng tư, khi ấy, Vua Đại Thiện Kiến tự nghĩ: Ta từng nghe các bậc Tôn túc kỳ cựu nói: “C6 vị vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, có nước rưới dâu, đên ngày răm trăng tròn, tăm gội nước thơm xong, lên ngôi trên bảo điện, có the nữ bao quanh, bỗng có xe vàng xuất hiện trước mặt, xe có ngàn căm, ánh sáng, màu sắc đầy đủ, do thợ trời làm, không phải thế gian có. Xe toàn bằng vàng ròng, đường kính bánh xe bang một trượng tư, do đó gọi là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Nay ta đã có xe báu hiện đến, há không phải là đây chăng? Vậy ta hãy thử xem xe báu đó như thế nào? Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến liền triệu tập bốn binh chủng, đến trước xe vàng, vén áo vai hữu, gói hữu châm đát, dùng tay mặt vô lên xe và nói: “Nguôi hãy theo dúng pháp mà chạy về hướng Đông, không nên trái với thông le." Tức thì xe chạy vê hướng Đông. Vua lúc đó đi theo luân bảo, đồng thời có bốn binh chủng theo hộ giá. Hơn nữa, trước mặt xe báu có bốn vị thần dẫn đường, hễ đến chỗ nào xe báu ngừng thì nhà vua cũng dừng xe lại. Khi ấy, các tiểu quốc vương ở phương Đông thấy nhà vua ngự giá đến, họ bèn đem bát vàng đựng lúa bạc, đem bát

bạc đựng lúa vàng đi đên trước nhà vua, cúi đầu tâu: "Quý hóa thay! Đại vương đã ngự giá đến đây, phương Đông này đất rộng phì nhiêu, dân cư đông đúc và nhiều của báu. Hơn nữa, dân chúng tính tình nhân hậu, hòa nhã, hiếu thuận và trung trực. Vậy xin Đại vương hãy cai tri xứ này, các hạ thần sẽ hầu hạ và cung cấp những điều cần thiết!" Lúc đó, Vua Đại Thiện Kiến nói: "Này các khanh, thôi thôi, như thế là các khanh đã cúng dường ta rồi đó! Vậy các khanh hãy lấy Chánh pháp mà tri dân, nhất là không nên thiên lệch,

đồng thời hãy làm thế nào cho những điều phi pháp không xảy ra trong nước! Đây gọi là chính sách cai trị của ta." Bấy giờ, các tiểu vương bèn phụng mạng và theo hộ giá nhà vua đi kinh lý khắp các tiêu quôc, đên tận bờ biên phương Đông, roi lân lượt đi vê tận phương Nam, phương Tây và phương Bác. Hê xe báu của nhà vua đi đên đâu, các vị tiêu quôc vương ở đây đêu hiên dâng lãnh thô của mình như tiêu vương ở phương Đông đã làm. Lúc đó, Vua Đại Thiện Kiến theo xe vàng báu đi kinh lý khắp bốn biển, dùng Chánh đạo đê giáo hóa và an ủi dân chúng. Sau khi xong, trở vê nước và ngự giá tại thành Câu-xá-bà-đề. Khi ấy bảo luân ở giữa hư không, phía trên cửa cung điện. Bây giờ, Vua Đại Thiện Kiên trong lòng hớn hở và nói: "Xe báu này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu vê xe báu. Thế nào là sự thành tựu về voi báu? Vào sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện thì bỗng nhiên có voi báu xuất hiện trước mặt, lông toàn màu trăng, bảy chô đêu băng phăng, với sức mạnh có thê bay đi trên dâu, có màu hôn hợp, có sáu ngà nhọn hoăt, các kẽ răng được trám kín băng vàng ròng, khi nhà vua trông thấy, ngài tự nghĩ: "Con voi này rất hiền lương, nếu có người khéo huấn luyện nó thì có thể cưỡi duợrc." Tức thời, nhà vua ra lệnh tập thử, cuối cùng mọi việc đều hoàn hảo. Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến muốn đích thân mình thí nghiệm, lập tức ngài leo lên lưng voi, vào sáng sớm cưỡi voi ra khỏi thành, đi khắp cả bốn biển roi trở vê kinh đô mà vân kịp giờ ăn sáng. Lúc đó? Vua Đại Thiện Kiên trong lòng hớn hở và nói: "Vòi báu trăng này thật là diêm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về voi báu. Thế nào là sự thành tựu về ngựa xanh báu? Vào sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến lên ngồi trên chánh điện thì bỗng nhiên ngựa xanh báu xuất hiện, ngựa màu xanh cam, lông và đuôi màu châu ngọc, đâu và cô giông như voi, với sức mạnh có thê bay trong hư không, khi nhà vua trông thây, ngài tự nghĩ: "Con ngựa xanh này rát hiên lương, nêu có người khéo huân luyện thì có thê cưỡi được?9 Lập tức vua ra lệnh tập thử và cuối cùng mọi việc đều hoàn hảo. Bấy giờ, nhà vua muốn đích thân mình cưỡi thử, ngài liền leo lên lưng ngựa, vào sáng sớm, cưỡi ngựa ra khỏi thành, đi khắp cả bốn biển rồi trở lại kinh đô mà vẫn kịp giờ ăn sáng. Khi ấy, Vua Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hở và nói: "Ngựa báu xanh này thật là diêm lành cho ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương." Đó là sự thành tựu về ngựa báu. Thế nào là sự thành tựu về thần châu báu? Vào sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện, thời thần châu báu bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, màu sác trong suôt, không có tỳ vét. Khi trông thây thân châu báu, nhà vua

tự nghĩ: "Hạt châu này rất là đẹp, nếu có ánh sáng thì có thể chiếu sáng được trong cung diên." Lúc đó, nhà vua muốn thí nghiệm hạt châu này, ngài liền triệu tập bôn binh chủng, lây hạt châu này đặt trên một tràng cao, vào giữa đêm tôi, đem cái tràng này ra khỏi thành, ánh sáng của hạt châu chiếu sáng khắp cả quần chúng, giông như ánh sáng mặt trời rọi khăp tát cả dân chúng, ánh sáng xuất hiện ở trong thành, mọi người đều thức dậy làm việc, vì họ tưởng là ban ngày. Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hở và nói: "Thần châu báu này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vuông." Đó là sự thành tựu về thần châu báu. Thế nào là sự thành tựu về ngọc nữ báu? Vào sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện thì ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, nhan sắc đẹp dẽ, dung mạo đoan trang, không cao, không thấp, không lớn, không nhỏ, không trăng, không đen, không cứng, không mem, vê mùa đông thân ấm áp? về mùa hạ thân mát mẻ, toàn thể các lỗ chân lông đều tỏa ra mùi thơm chiên-đàn, miệng thường phát ra mùi thơm sen xanh, nói năng tao nhã, cử chỉ diu dàng, đi đứng nằm ngồi đều phù hợp tế hạnh. Khi d6, Chuyển Luân Thánh Vương đã trông thấy ngọc nữ nhimg không có tâm niệm đam mê, huống hồ có ý niệm muốn gần gũi. Khi nhà vua trông thấy ngọc nữ, trong lòng ngài hớn hở và nói: "Ngọc nữ báu này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu. Thế nào là sự thành tựu về cư sĩ báu? Vào sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện thì bỗng nhiên cư sĩ báu xuất hiện trước mặt, kho tàng của báu tự nhiên đầy đủ, giàu sang vô lượng, vị cư sĩ này nhờ phúc đức gieo trồng đời trước nên đôi mắt có thể trông thấy suốt những khoáng sản, bảo vật còn tiềm tàng trong lòng đất, hoặc có chủ, hoặc không chủ, tất cả đều thấy biết. Nếu là vật có chủ thì ủng hộ, nếu là vật vô chủ thì lấy về dâng cho nhà vua sử dụng. Khi ấy, vị cư sĩ này đến thưa với nhà vua: “Tâu Đại vương, Đại vương chớ có bận tâm, tôi sẽ cung ứng thích nghi những điều cần thiết cho Đại vương!" Giờ đây, đức vua muốn thử cư sĩ báu này, liền ra lệnh chuẩn bi thuyền bè để dạo chơi trên mặt nước. Nhà vua nói: "Này cư si, ta nay cân vàng bạc, vậy ngươi hãy mau cáp cho ta di!" Cư sĩ đáp: "Dại vương hãy chờ một chút!" Khi thuyền đến gần bờ thì nhà vua liền hối thúc: "Nay ta cần vàng, ước gì mà được ngay bây gi&!" Lúc đó, cư sĩ báu bi nhà vua hối thúc quá, liền quỳ trên thuyền thò hai tay xuống nước thì của báu dính theo tay lên, ví như sâu bọ bò theo thân cây. Cũng

thê, cư sĩ này khi thò đôi tay xuống nước thì của báu theo tay lên, chỉ trong chóc lát đã đầy cả một thuyền. Cư sĩ thưa: "Tâu Đại vương, ngài cần dùng bao nhiêu của báu? Như vậy đã đủ chưa?^, Vua Đại Thiện Kiến nói: "Thôi di, như vậy e đủ rồi, ta không cần nữa đâu. Nãy giờ ta thử ngươi đấy. Thế là ngươi đã cúng dường ta rồi.,, Lúc ấy, cư sĩ nghe vua nói, liền ném bảo vật trở lại trong nước. Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hở và nói: cư sĩ này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vuông." Đó là sự thành tựu về cư sĩ báu. Thế nào là sự thành tựu về chủ binh báu? Vào sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện, chủ binh báu bỗng nhiên xuất hiện, mưu trí đầy đủ, thao lược toàn tài, anh dũng hiên ngang, liên đên chô vua ngự nói: "Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, hạ thần đủ khả năng dẹp loan.” Lúc đó,

Chuyển Luân Thánh Vương muôn thử chủ binh này, liên triệu tập bôn binh chủng và bảo: "Ngươi hãy sử dụng binh chủng đi! Hãy ra lệnh cho người nào chưa tập hợp thì tập hợp, nêu đã tập hợp thì hãy nghi, nêu chưa nghiêm thì nghiêm, nêu đã nghiêm thì giải tán, nếu chưa đi thì hãy đi, đã đi rồi thì đứng lại.” Khi chủ binh nghe vua bảo xong, liền ra lệnh cho bốn binh chủng: "Những người nào chưa tập hợp thì tập hợp, tập hợp rồi thì nghỉ, nếu chưa nghiêm thì hãy nghiêm, nêu đã nghiêm thì giải tán, nêu chưa đi thì hãy đi, đã đi roi thì đứng lại.” Khi Vua Đại Thiện Kiến trông thấy chủ binh thì trong lòng hớn hở và nói: "Chủ binh báu này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là vi Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu về bảy báu. Bốn thần túc là gì? (l) Trường thọ không chết yểu, không ai có thể so sánh kịp; (2) Thân thể khỏe mạnh, không bệnh hoạn; (3) Nhan sắc đẹp đẽ, dung mạo đoan chánh, không ai có thể sánh kịp; (4) Đầy dẫy kho tàng của báu, không ai có thể so sánh kịp. Đó là vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu về bảy báu công đức. Này A-nan! Khi Vua Đại Thiện Kiến lên ngôi được một thời gian khá lâu, nhà vua ngự uyên ở phía sau cung điện đê du ngoạn. Vua liên bảo: "Này, người đánh xe, ngươi hãy đánh xe đi châm chậm. Tại sao vậy? Vì ta muôn quan sát tường tận cái cảnh thanh bình an lạc của quốc độ và nhân dân." Khi đó, những người đứng xem hai bên lề đường trông thấy nhà vua, họ nói với người hầu: “Này, ông hãy đi từ từ để cho chúng tôi chiêm ngưỡng kỹ tôn nhan uy đức của Thánh vương!" Này A-nan! Bây giờ, Vua Đại Thiện Kiên yêu thương tát cả mọi người cũng như cha mẹ thương con, ngược lại, dân chúng ngưỡng mộ nhà vua cũng như con kính mến cha. Do đó, dân chúng có bao nhiêu của báu đều đem hiến dâng cho nhà vua và nói:

uCúi xin Đại vương hãy nhận lãnh các vật cống hiến này để ngài tùy ý sử dung!" Nhà vua đáp: uThôi đi các người, ta đã có các của báu roi, các người hãy tùy nghi sử dqng!” Có một thời gian khác, Vua Đại Thiện Kiến tự nghĩ: “Ta nay muốn lập cung điện,, liền có dân chúng xin đến làm thay. Nhà vua bảo: "Ta cho như vậy là đã được, các ngươi đã cúng dường ta rồi. Hơn nữa, nay ta sẵn có của báu, đủ để lo liệu.,, Dân chúng lúc đó lại van xin một lần nữa để kiến tạo cung điện. Nhà vua bảo: "Tùy ý các ngươi muốn!^, Bấy giờ, quốc dân được lệnh liền đem tám vạn bốn ngàn chiếc xe chở đầy vàng bạc đến thành Câu-xá-bà-đề để tạo lập pháp điện. Lúc đó, Thiên tử Diệu Tượng, thuộc cõi trời Đao-lợi thứ hai, tư nghĩ thầm: "Chí có ta mới có thể tạo lập pháp điện cho Vua Đại Thiện Kiến.,, Này A-nan, khi ấy, Thiên tử Diệu Tượng bèn tạo lập pháp điện dài sáu mươi dặm, rộng ba mươi dặm được trang trí bằng bốn thứ báu, nền móng cung điện bằng phẳng, tường xây bằng bảy lớp gạch báu, pháp điện có tám vạn bốn ngàn cây cột. Với cột bằng vàng thì cái đấu kê cột bằng bạc, cây cột bằng bạc thì cái đấu kê cột bằng vàng, cây cột bằng lưu ly thì cái đấu kê cột bằng thủy tinh... Chạy vòng quanh pháp điện có bốn lớp lan can đều do bốn thứ báu tạo thành, đông thời có bôn con đường tam cáp đêu là bôn thứ báu tạo nên. Trên pháp điện có tám vạn bốn ngàn lầu báu, với lầu báu vàng thì các cửa bằng bạc, với lầu bằng bạc thì các cửa bằng vàng, lầu bằng thủy tinh thì các cửa bằng bạc, cửa bằng bạc thì giường bằng vàng, mền chiếu mềm mại, được dệt bằng vàng, những thứ này trải khắp trên tòa; cũng vậy, lầu giường cũng bằng

thủy tinh, pha lê, ánh sáng cung điện chói lòa mắt người, cũng như ánh sáng gay gắt của mặt trời, không thể nhìn được. Khi ấy, Vua Đại Thiện Kiến tự nghĩ: “Ta nay có thể tạo lập vườn, ao đa-lân ở hai bên cung điện này.” Ngài liên kiên lập vườn ao, ngang dọc một do-tuân5 lại nghĩ: "Trước pháp điện, ta hãy lập một ao pháp.” Ngài liền lập một ao pháp, ngang dọc một do-tuần. Nước trong ao lắng trong sạch sẽ, không cáu bẩn, dùng gạch bằng bốn thứ báu để xây chung quanh, bon mé ao đều có lan can chạy vòng quanh, đều do bốn thứ báu như vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly hỗn hợp tạo thành, nước trong ao đồng thời sanh các thứ hoa như hoa ưu-bát-la, hoa bát- đầu-ma? hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi phát ra mùi hương vi diệu, phảng phát khắp bôn phương, trên bờ bôn mé ao, đêu có hoa a-hê-vật-đa? chiêm-bặc, ba-la-la, tu-mạn-đà? bà-sư-ca, đàn-câu-ma-lê, khiến cho người qua đường và người giữa ao khi tắm gội, vui chơi mát mẻ, tùy theo ý muốn, như cần nước uông thì cho nước uông, cân thức ăn thì cho thức ăn, cân y phục thì cho y phục, cần xe ngựa thì cho xe ngựa, cần hoa hương của báu thì cho hoa hương của báu, không trái với ý muốn của họ.

2. KINH Dư HÀNH 67

Này A-nan, bấy giờ Vua Đại Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn con voi, dùng vàng bạc để trang sức, và dùng châu báu làm dây dam thì con tư tượng vương là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bằng vàng bạc, dùng châu báu làm dây dam thì lực mã vương là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn chiếc xe được trang sức bằng bốn thứ báu, và da sư tử làm dây kéo thì xe báu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn hạt châu thì thần châu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ thì ngọc nữ báu là bậc nhất, trong sô tám vạn bôn ngàn cư sĩ thì cư sĩ báu là bậc nhát. Trong sô tám vạn bôn ngàn Sát-đế-lợi thì chủ binh báu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn thành trì thì thành trì Câu-xá-bà-đề là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn cung điện thì Chánh Pháp điện là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn ngôi lầu thì Đại Chánh lầu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn chiếc giường, tất cả đều do vàng bạc và các thứ báu tạo thành, đông thời có mên, chiêu, nệm mem mại đê trải trên đó là bậc nhát. Trong sô tám vạn bôn ngàn ức y phục thì y phục sơ-ma? câu-thi, kiếp-ba là bậc nhất. Hơn nữa, lại có tám vạn bon ngàn thức ăn cung cấp mỗi ngày, mùi vi khác nhau. Này A-nan, khi Vua Đại Thiện Kiến cưỡi con tượng vương, trong số tám vạn bốn ngàn con, vào sáng sớm đi ra khỏi thành Câu-thi, kinh lý khắp thiên hạ và bốn biển, chỉ trong khoảnh khắc rồi trở lại kinh đô mà vẫn kịp giờ ăn sáng. Có tám vạn bốn ngàn con ngựa mà ngồi trên lực mã báu, vào sáng sớm ra khỏi thành đi kinh lý khắp thiên hạ và bốn biển chỉ trong khoảnh khắc rồi lại trở về kinh thành mà vẫn kịp bữa ăn sáng. Có tám vạn bốn ngàn xe mà cưỡi xe vàng được ngựa báu kéo vào sáng sớm ra khỏi thành đi kinh lý khắp thiên hạ và bốn biển chỉ trong khoảnh khắc rồi lại trở về thành kịp giờ ăn sáng. Hoặc lúc lấy châu báu trong số tám vạn bốn ngàn hạt châu chiêu sáng trong cung, cả ngày lẫn đêm đều sáng. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ thì có ngọc nữ báu thiện hiền theo hầu hai bên. Trong số tám vạn bốn n^àn cư sĩ thì đều giao cho cư sĩ báu lo liệu mọi điều cần thiết. Với tám vạn bon ngàn Sát-đế-lợi thì mọi việc dẹp loạn đều giao cho chủ binh báu. Với tám vạn bốn ngàn thành trì thì nhà vua thường đóng đô ở Câu-thi. Với tám vạn bốn nẹàn cung điện thì thường ngụ ở Chánh Pháp điện. Với

tám vạn bốn ngàn ngôi lâu thì nhà vua thường ở lầu Đại Chánh. Với tám vạn bốn ngàn bảo tòa, nhà vua thường ngồi trên bảo tòa bằng pha lê để tham thiền. Với tám vạn bốn ngàn ức y phục thì dùng loại y phục thượng hạng đê trang sức và tùy ý mà mặc, đông thời vì đê biêt hô thẹn. Với tám vạn bốn ngàn thức ăn thì nhà vua thường dùng thức ăn là cơm tự nhiên, vì để biết đủ. Khi tám vạn bốn ngàn con voi hiện đến trước nhà vua, chúng giẫm đạp xung đột làm cho chúng sanh bị tổn thương không thể kể hết. Khi ấy nhà vua tự nghĩ: "Nếu những con voi này thường xuyên đến đây thì sẽ gây nhiều sự tổn thương, vậy từ nay về sau, cứ một trăm năm sẽ đến một con. Như thế cứ xoay vần tuần tự, hễ đúng một trăm năm thì hiện đến một con và cứ như vậy mà tiếp diễn.

68 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, đức Phật bảo A-nan: -Vua Đại Thiện Kiến lúc đó tự nghĩ thầm: "Ta đã chứa công đức gì, tu hành điều lành gì mà nay được quả báo tốt đẹp, cao cả như thế này?" Nhà vua lại nhớ: Nhờ ba nhân duyên mà được phúc báu ây. Ba nhân duyên gì? (1) Bô thí; (2) Trì giới; (3) Thiền tư. Do ba nhân duyên này mà nay được phúc báu như trên. Nhà vua lại suy nghĩ: “Nay ta đã hưởng phúc báu nhân gian, vậy ta hãy tu về phúc báu cõi trời, hãy tự hạn chế, tránh chỗ ồn ào, đồng thời ở những nơi yên tĩnh để tu luyen." Khi ấy, vua liền bảo cho ngọc nữ biết: "Ta nay đã hưởng phúc báu nhân gian, vậy ta cân phải tu thêm vê phúc báu cõi trời, phải tự hạn chê, tránh chô ôn ào9 đông thời ở những nơi thanh văng đê tu luyện.,, Ngọc nữ đáp: "Vâng!" Lúc đó ngọc nữ vâng lệnh, liền ra lệnh cho những người trong ngoài, từ nay về sau miễn sự hầu hạ. Khi ấy vua lên pháp điện vào lầu vàng mà quán, ngồi trên long sàng băng bạc tư duy vê những ác, bát thiện pháp, tham lam và dâm dục. Có giác có quán, vị ây ly sanh hỷ lạc chứng được Thiên thứ nhát. Từ bỏ giác quán, trong lòng tin tưởng, vui vẻ5 giữ tâm chuyên nhất, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng được Thiền thứ hai. Xả hỷ nắm giữ sự chuyên tâm bát loạn, tự biêt cái lạc của thân, chô câu của bậc Hiên thánh, giữ niệm lạc hạnh, chứng được Thiền thứ ba. Xả bỏ khổ vui, trước tiên từ bỏ tru hỷ, không khổ không vui, giữ niệm thanh tịnh, chứng được Thiền thứ tư. Lúc đó5 Vua Đại Thiện Kiên từ long sàng băng bạc, đứng dậy, ra khỏi sự quán niệm ở lầu bằng vàng để đến lại lầu Đại Chánh và ngồi trên giường lưu ly mà tu tập về từ tâm. Đầy khắp một phương và các phương khác cũng vậy, mở rộng khắp nơi vô lượng, không hại, trừ các sân hận, tâm không ganh ghét, không ác cảm, điềm tĩnh, từ ái, nhu hòa để tự vui; sự xả tâm buồn vui cũng lại như thế. Bây giờ, ngọc nữ báu thâm nghĩ: "Đã lâu ta không diện kiên đức vua, vậy nay ta hãy ra mắt ngài một lần." Ngọc nữ Thiện Hiền ra lệnh cho tám vạn bốn ngàn thể nữ: "Các ngươi hãy tắm gội sạch sẽ, xoa dầu thơm, trang sức y phục. Vì sao? Vì đã lâu ta không diện kiên đức vua, vậy chúng ta nay phải ra măt ngài một Ian?9 Cung nữ nghe xong, tất cả đều trang sức y phục, tắm gội sạch sẽ. Ngọc nữ lại bảo chủ binh báu hãy triệu tập bốn binh chủng và nói: “Từ lâu ta không yết kiến đức vua, vậy nay chúng ta phải ra mắt ngài một ln." Lúc đó, thần chủ binh liền triệu tập bốn binh chủng và thưa với ngọc nữ rằng: “Binh chủng đã tập hợp xong, nay đã đến lilc." Khi ấy, ngọc nữ hướng dẫn tám vạn bốn ngàn thể nữ và có bốn binh chủng hộ giá, đi đến vườn đa-lân bằng vàng,

đoàn người làm ồn ào, gây tiếng động đến tai nhà vua, sau khi nghe xong, ngài , ĩ 9 5 0r 9 liên đên cửa sô nhìn xem thì ngọc nữ liên tiên lên đứng bên cửa sô. Lúc đó, nhà vua trông thấy ngọc nữ liền bảo: "Ngươi hãy đứng đó đừng tiến lên, vì ta sắp ra." Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến rời khỏi chỗ ngồi bằng pha lê, ra khỏi lầu Đại Chánh, bước xuống điện Chánh Pháp và cùng với ngọc nữ đi đến vườn đa-lân5 tiên lên chô ngôi và an tọa tại đây. Lúc đó, Vua Đại Thiện Kiến sắc mặt tươi đẹp khác hơn lúc bình thường. Tức thì ngọc nữ Thiện Hiền tự nghĩ thầm: "Nay Đại vương nhan sắc tươi đẹp khác hơn lúc bình thường là điềm gì day?" Khi ấy ngọc nữ bèn thưa: "Tâu Đại vương, nay nhan sắc ngài khác thường, chắc không phải là điềm gì khác hơn là muốn xả bỏ tuổi thọ chăng? Vậy nay dây, tám vạn bốn ngàn con voi quý, con voi trắng là quý nhất, được trang sức bằng vàng bạc, lục lạc bằng ngọc quý là của chính ngài đấy, xin ngài chút lưu ý để cùng nhau vui thú, chớ vội qua đời mà bỏ vạn dân phải cô quạnh. Lại nữa, trong số tám vạn bốn ngàn CÔ xe, xe báu là sô một. Trong sô tám vạn bôn ngàn châu báu, thân báu là sô một. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn cư si, cư sĩ báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn Sát-đế-lợi, chủ binh báu là sô một. Trong sô tám vạn bôn ngàn thành, thành Câu-thi là sô một. Trong số tám vạn bốn ngàn cung điện, cung điện Chánh Pháp là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn lâu đài, lâu đài Đại Chánh là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn chỗ ngồi, chỗ ngồi trang trí bằng của báu là số một. Trong số tám vạn bôn ngàn ức y phục, loại y phục mem mại là sô một. Trong sô tám vạn bôn ngàn thức ăn? môi vị đêu khác lạ. Tát cả những thứ báu ây đêu là của Đại vương đấy, xin ngài chút lưu ý để cùng hưởng vui thú, chớ vội qua đời mà bỏ muôn dân phải cô quạnh!" Khi đó, Vua Đại Thiện Kiến trả lời ngọc nữ rằng: "Tù* trước đến nay, ngươi đã cung phụng ta một cách từ ái, nhu hòa, kính thuận, chưa bao giờ có những lời nói sơ suất, sao nay ngươi lại có những lời nói ấy?" Ngọc nữ tâu: "Chẳng hay lời nói ấy có gì không thuận chăng?" Vua nói: "Lời ngươi vừa nói, các thứ voi, ngựa, xe báu, cung điện, đền đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý báu kia đều là vô thường, không thể giữ gìn lâu được mà khuyên ta phải lưu giữ, như thế há là thuận sao?" Ngọc nữ tâu: "Chẳng hay phải nói thế nào mới thuan?^

Vua bảo: "Nếu như ngươi nói: 'Voi, ngựa, xe báu, cung điện, đền đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý báu, các thứ này đêu là vô thường, không thê giữ gìn lâu được, xin ngài không nên lưu luyến làm chi cho nhọc tâm tổn sức! Tại sao? Vì mạng sống Đại vương không bao lâu nữa sẽ chấm dứt để qua đời khác. Trên đời này hễ có sanh thì có tử, có hợp thì có tan, đâu phải sống đời ở đây được! Vậy ngài hãy cắt đứt ân ái mà giữ ý đạo/ Đây chính là lời nói kính thuận. Này A-nan! Khi ngọc nữ nghe nhà vua dạy xong, khóc lóc, buôn râu? ngậm ngùi nhắc lại lời vua: "Nhu voi, ngựa, xe báu, cung điện, đền đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý báu, các thứ này đều là vô thường, không thể giữ gìn lâu được, xin ngài không nên lưu luyến làm chi cho nhọc tâm tổn sức! Tại sao? Vì mạng sông Đại vương không bao lâu nữa sẽ châm dứt đê qua đời khác. Trên đời này hễ có sanh thì có tử, có hợp thì có tan, đâu phải sống đời ở đây được! Vậy ngài hãy cắt đứt

ân ái mà giữ ý dạo." Này A-nan! Trong khi ngọc nữ nói lời vỗ về ấy, thời Vua Đại Thiện Kiến bỗng nhiên băng hà. Cũng như vị tráng sĩ, trong một bữa ăn ngon không có khổ não sau đó mạng chung. Sự băng hà của nhà vua cũng nhanh chóng, nhẹ nhàng và đơn giản như thế. Sau khi Vua Đại Thiện Kiến băng hà bảy ngày thì các thứ xe báu, ngọc báu tự nhiên biến mất; voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu cùng chết trong ngày; thành trì pháp điện, lầu quán, đồ trang sức báu, vườn kim đa-lân đều biến thành cây đất. Phật bảo A-nan: Các pháp hữu vi này đều vô thường biến dịch, chung cuộc trở về với sự tự diệt, những kẻ phàm phu cứ tham muôn mãi mãi không biêt nhàm chán, làm cho tiêu tan nhân mạng, say mê ân ái, không hê biêt đủ, chỉ có người nào được Thánh trí, thấy rõ đạo lý thì mới biết đủ. Này A-nan! Ta tự nhớ đã từng sáu lần làm Chuyển Luân Thánh Vương và bỏ xác tại đây, nay Ta thành Vô thượng Chánh giác lại cũng muốn bỏ xác tại đây. Từ nay về sau Ta đã dứt hẳn sanh tử, không còn nơi nào là chỗ bỏ xác Ta nữa, đây là lần cuối cùng, không còn có thân sau. Bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Câu-thi-na-kiệt, nơi sanh quán đời trước, ở trong vườn Sa-la, giữa hai cây Song Thọ, sáp sửa nhập Niêt-bàn. Ngài bảo A-nan hãy vào thành Câu-thi-na-kiệt báo tin cho dân chúng thuộc dòng Mạt-la hay rằng: "Này chư Hiền cần biết, đức Như Lai định nửa đêm nay sẽ vào Niết-bàn, tại giữa cây Song Thọ, trong rừng Sa-la. Các người nên kịp thời đến thưa thỉnh những điều còn nghi ngờ và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy để sau khỏi ăn nan?9 Lúc đó, A-nan vâng lời Phật dạy, liền đứng dậy khóc lóc đảnh lễ dưới chân Phật và dắt theo một Tỳ-kheo khác ra đi.

2. KINH Dư HÀNH 71

Khi vào thành Câu-thi-na-kiệt, gặp năm trăm người Mạtla, nhân có chút việc tập hợp lại một chỗ, lúc đó họ thấy A-nan đến liền đứng lên làm lễ và đứng sang một bên mà thưa: Chẳng hay Tôn giả có việc chi mà phải vào thành lúc trời tối thế này? A-nan rơi lệ nói: Ta vì lợi ích cho các người mà đến báo tin cho các người hay là đức Như Lai vào lúc giữa đêm nay, Ngài sẽ vào Niết-bàn, các ngươi nên kịp thời đến đó để thưa hỏi những điều hoài nghi và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy để sau khỏi ăn năn. Khi nghe xong, các người Mạt-la cất tiếng kêu than, vật vã xuống đất, có người ngất di, tỉnh lại đôi lần, ví như cây lớn tróc gốc thì các nhánh nhóc đều gãy đổ. Họ đồng than: "Tại sao Phật diệt độ quá sớm? Tại sao Phật diệt độ quá sớm? 'Con mat của chúng sanh' đã diệt mát thì chúng sanh sẽ bị sanh tử lâu dài!" Lúc đó, A-nan an ủi họ: "Các ngươi chớ buồn! Trời đất, muôn vật hễ có sanh tất có diệt, muốn cho các pháp hữu vi được tồn tại mãi mãi là điều không thể có được. Phật há chẳng dạy: 'Có hợp ắt có tan có sanh ắt có diệf ấy sao?" Khi ây, các người Mạt-la đêu bảo nhau vê nhà, đem cả quyên thuộc và năm trăm khổ vải trắng cùng đi đến rừng Sa-la Song Thọ. Họ đi về nhà xong, đem cả quyên thuộc và năm trăm tâm vải trăng đi ra khỏi thành Câu-thi-na-kiệt, đên giữa rừng Sa-la5 dưới gốc cây Song Thọ và tới chỗ A-nan. A-nan xa thấy bóng họ, thầm nghĩ: "Họ quá đông, nếu đe vào từng người một thì không nghe được đầy đủ, hơn nữa đức Như Lai sắp diệt độ rồi, ta nên bảo họ hôm nay đồng một lượt đến yết kiến Phật.^, Sau đó, A-nan liên dát năm trăm Mạt-la và quyên thuộc đông đên trước Phật đảnh lễ, đứng qua một bên và bạch: -Nay có các Mạt-la và quyến thuộc xin hỏi đức Thế Tôn nằm ngồi có tăng giảm gì không? Phật đáp: Đã làm phiên các người đên thăm Ta, Ta chúc các

ngươi sông lâu, không có bệnh hoạn. Này A-nan! Hãy dẫn năm trăm Mạt-la và quyến thuộc đến trước Thế Tôn! Họ cúi đầu đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn vì họ mà dạy lý vô thường, và chỉ cho những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe pháp xong, : 9 r các Mạt-la liên đem năm trăm khô vải trăng dâng lên cúng Phật, Phật vì thương họ mà nhận lãnh. Các Mạt-la đứng dậy, đảnh lễ và lui ra. Lúc đó, trong thành Câu-thi-na-kiệt có một Phạm chí tên là Tu-bạt, là bậc kỳ cựu, trí thức đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây Song Thọ. Ông tự nghĩ: "Ta đối với giáo pháp còn những

điều nghi, chỉ có đức Như Lai mới thấu rõ ý ta. Ta nên kịp thời cố gắng đến Phát." Ngay trong đêm đó, ông cố gắng ra khỏi thành Câu-thi-na-kiệt, hướng về phía cây Song Thọ, đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi chào hỏi xong và thưa: -Tôi hay tin Sa-môn Cù-đàm nội trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn, cho nên tôi đến đây xin bái yết Ngài một lần chót. Hơn nữa, tôi có vài điều nghi ngờ mong được đức Cù-đàm giải quyết cho. Ngài có khỏe không, tôi vào bái yết được không? A-nan đáp: Thôi, thôi, đừng, Tu-bạt! Phật đang bệnh, không chịu nhọc nổi đâu. Tu-bạt cố nài đến ba lần và nói: “T6i nghe đức Như Lai ra đời, cũng như hoa Ưu-đàm rất lâu mới xuất hiện nên đến đây xin được bái yết, và giải quyết những điêu hoài nghi của t6i." Ba lân Tu-bạt thưa, ba lân A-nan từ choi và nói: 'Thật đang bệnh không chiu nhọc nổi dâu." Lúc đó, Phật nghe được và bảo A-nan: Ong không nên ngăn chặn, hãy đê cho ông ây vào, vì ông ây muôn giải quyết điều nghi ngờ thì không có gì phiền phức cả. Vả lại, ông ấy nghe pháp Ta thì chắc chắn sẽ được giải thoát! A-nan liền bảo Tu-bạt cứ vào tùy ý. Tu-bạt liền vào, chào hỏi Phật xong, ngồi xuống một phía và thưa: -Tôi có điều nghi về giáo pháp, liệu Ngài có khỏe để giải quyết cho những điều nghi một lần chăng? Phật đáp: Tùy ý ngươi cứ hỏi! Tu-bạt hỏi: Thưa Cù-đàm, tại sao có những giáo pháp khác tự xưng là bậc thầy, như các ông Phật-lan-na Ca-diếp, Mạt-gia-lê Kiều-xá-lê, A-phù-đà Sí-xá-kỉm-bà-la, Ba-phù Ca-chiên, Tát-nhã Tỳ-da-la-phất, Ni-kiền-tử... Những vị này đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không biết hết? Phật đáp: Thôi, thôi, khỏi nói! Những giáo lý ấy Ta đều hiểu cả, nay Ta sẽ vì ngươi mà nói đên pháp thâm diệu, ngươi hãy lăng nghe, lăng nghe, hãy suy nghĩ kỹ về pháp này! Tu-bạt thưa: -Vâng! Phật dạy: Nếu trong giáo pháp nào không có pháp bát Thánh đạo thì không có quả Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư. Này Tu-bạt, vì trong giáo pháp có

bát Thánh đạo nên có bốn quả Sa-môn thứ nhất, thứ nhi, thứ ba và thứ tư. Này Tu-bạt, nay trong giáo pháp Ta có bát Thánh đạo, có Sa-môn quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư. Trái lại, trong giáo pháp của ngoại đạo không có quả vị Sa-môn. Bấy giờ, đức Phật vì Tu-bạt mà dạy bài kệ: Ta, hai mươi chín tuổi, Xuất gia tầm chánh đạo, Từ khi Ta thành Phật, Nay đã năm mươi năm. Tu hành giới, định, tuệ, Độc cư, Ta suy nghĩ, Nay Ta giảng pháp yếu, Ngoại đạo không Sa-môn. Phật bảo: Này Tu-bạt, nếu các Tỳ-kheo lo kiềm hãm tâm lại để tu hành thì cõi thế gian này, quả vị A-la-hán không bao giờ mất hẳn. Lúc đó, Tu-bạt thưa với A-nan: -Những người đã, đang và sẽ hành Phạm hạnh theo

đức Sa-môn Cù-đàm thì có ích lợi. A-nan đáp: Thưa Tôn giả, Tôn giả muốn tu hành Phạm hạnh theo đức Như Lai cũng được lợi ích lớn. Tu-bạt nói: -Tôi vừa được diện kiến đức Như Lai để hỏi các điều nghi ngờ, cũng được lợi ích lắm chứ, đức Như Lai vừa dùng lối thọ ký cho đệ tử mà thọ ký cho tôi. Tu-bạt lại bạch Phật: -Tôi nay có được phép ở trong giáo pháp của Như Lai mà xuất gia thọ giới Cụ túc hay không? Phật đáp: Này Tu-bạt! Nếu có ngườir Phạm chí tu học theoy pháp khác, nay muốn dự 9 *

vào pháp của Ta đê tu hành thì phải trải qua bôn tháng thử thách, hâu xét xem coi hành vi hẹ), chí nguyện họ, tánh nét họ; nêu thây đủ tư cách không gì thiêu sót thì mới cho phép họ ở trong giáo pháp Ta thọ giới Cụ túc. Này Tu-bạt nên biết, tuy vậy, còn tùy theo hành vi của mỗi người. Tu-bạt thưa: Nếu như thế thì hàng ngoại đạo học theo giáo lý khác, phải ở trong giáo pháp của Ngài tập sự thử trải qua bốn tháng để xét xem hành động họ, chí r r r • nguyện họ, tư cách họ như thê nào; nêu thây đủ tư cách, không thiêu oai nghi, không có gì thiêu sót thì mới được thọ Cụ túc. Nay tôi có thê ở trong Chánh pháp của Phật phục dịch bốn năm, một khi đã đầy đủ các oai nghi, không còn sơ suất và thiếu sót, xin được thọ giới Cụ túc!

74 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật bảo: Này Tu-bạt, như trước Ta đã nói là còn tùy theo hành vi của mỗi người. Ngay trong đêm đó, ông Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, được trí tuệ như thật, không còn tái sanh. Khi gan nửa đêm, ông chứng quả A-la-hán và diệt độ trước Phật. Ông là đệ tử cuối cùng của Phật. Khi ấy, A-nan đứng hầu sau Phật, không tự ngăn nổi cơn bi lụy, vỗ giường mà khóc. Ngậm ngùi than rằng: “Bức Thế Tôn tại sao diệt độ sớm quá! Đức Thế Tôn diệt độ sớm quá! Đại pháp chìm đắm quá sớm! Nếu 'con mắt của thế gianmà diệt mất thì chúng sanh sẽ bi đọa lạc lâu dài. Vì sao? Vì ta nhờ Phật xuất gia, nay mới chỉ lên được bậc Hữu học, đạo nghiệp chưa thành mà đức Như Lai đã diệt d!" Khi đó, dù đức Thế Tôn đã biết nhưng mà vẫn cố hỏi: "Tỳ-kheo A-nan đâu rồi?^, Các Tỳ-kheo thưa: - Bạch đức Như Lai, Tỳ-kheo A-nan đang buồn khóc sau lưng Ngài, không thể ngăn được, còn xúc động mạnh, và ngậm ngùi nói: "Dức Thế Tôn tại sao diệt độ mau quá, đại pháp chìm đắm lẹ quá, nếu 'con mắt thế gian' diệt mất thì chúng sanh mãi mãi bị đọa lạc. Vì sao thê? Vì ta nhờ ơn Phật xuất gia, nay mới chỉ lên được hữu học, đạo nghiệp chưa thành mà Phật đã diệt độ trước !,9 Phật dạy A-nan: -Thôi đi! Chớ có buồn phiền than khóc, từ trước đến nay ngươi hầu hạ Ta, với cử chỉ hiền hòa, khiêm tốn, lời nói lễ độ đúng pháp, thân, khẩu, ý đều đúng pháp vô lượng không hai. A-nan? ấy là ông đã cúng dường Ta, công đức ông rất lớn, nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la- môn cũng không sao sánh được! Ong hãy cô găng lên, ngày thành đạo không còn bao lâu nữa! Bay giơ, đức The Ton noi: - Này các Tỳ-kheo, đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng như A-nan, đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng, đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết; trái lại, A-nan thì khi Phật vừa đưa mắt thì đã biết Phật muốn gì. Đó là điểm đặc biệt chưa từng có củaA-nan, các ông phải ghi nhớ. Hơn nữa, Chuyển Luân Thánh Vương có bốn điều kỳ lạ ít có. Bốn điều gì? Khi Thánh vương đi đứng, khi Thánh vương

ngôi, năm thì cả quốc dân, cận vệ đều đến nghinh đón; họ thấy nhà vua thì trong lòng vui mừng; được nghe nhà vua dạy thì vui mừng; họ chiêm ngưỡng tôn nhan nhà vua không biết chán. Vua Chuyển Luân khi đi đứng, ngồi và nằm, trong nước thần dân hết thảy đều đến chỗ vua, thấy vua vui mừng; nghe vua dạy cũng vui mừng; chiêm ngưỡng uy nhan của vua không chán. Đó là bôn điêu kỳ lạ ít có của Chuyên Luân Thánh Vương. Còn đôi với A-nan, nay đây cũng có bôn điêu kỳ đặc. Bôn điêu gì?

2. KINH DU HÀNH 75

Khi A-nan im lặng đi vào chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo trông thấy đều hoan hỷ; thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe, họ nghe đều hoan hỷ; ngắm nhìn nghi dung, đều hoan hỷ; nghe thuyết pháp không nhàm chán. Khi A-nan đi vào chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tăc, vào chúng ưubà-di, hê nơi nào được trông thây A-nan cũng đêu hoan hỷ; được nghe A-nan thuyêt pháp cũng hoan hỷ; họ trông thấy nghi dung, đều hoan hỷ; và nghe lời thuyết pháp không nhàm chán. Đó là bốn điều kỳ đặc chưa từng có của A-nan. Bây giờ A-nan, vén áo lộ vai phải, gói phải châm đát bạch Phật răng: Thưa Thê Tôn, hôm nay các Sa-môn kháp nơi, gôm có những vị kỳ cựu, đa văn, thông hiêu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đên bái yêt Phật, nhân đó con được lễ kính, hỏi han, gần gũi nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con làm sao có dịp để gặp gỡ hỏi han như thế? Phật dạy: Này A-nan, ngươi chớ lo, các hàng đệ tử sẽ có bốn chỗ để tưởng nhớ. Bốn chỗ nào? (1) Tưởng nhớ chỗ có Phật sanh, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ; (2) Tưởng nhớ chỗ Phật mới thành đạo mà vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyên mộ; (3) Tưởng nhớ chô Phật chuyên pháp luân lần dầu, vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ; (4) Tưởng nhớ chỗ Phật vào Niết-bàn, vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ. Này A-nan, sau khi Ta nhập Niêt-bàn, các đệ tử dù nam hay nữ nhớ tới khi Phật giáng sanh, có những công đức như thế; khi Phật đắc đạo, có những thần lực như thế; khi Phật chuyển pháp luân, có những sự hóa độ như thế; khi Phật sắp diệt độ, có những lời di chúc như thế; rồi mỗi người đều nên đi đến bốn nơi đó. Sau khi lễ kính, xây dựng chùa tháp thì sau khi thác đều được sanh về cõi trời, trừ những người đắc đạo. Phật dạy: -Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, có các người dòng họ Thích đến cầu đạo hãy nhận cho họ xuất gia, thọ giới Cụ túc chớ đê lâu. Cho đên những người tu học theo giáo pháp khác đến cầu đạo, cũng nhận cho họ xuất gia, thọ giới Cụ túc chớ có để trải qua bốn tháng thử thách. Vì sao? Vì những người kia vốn có học sẵn các luận thuyết khác, nếu để lâu thì những sự hiểu biết sai lầm trước đây của họ sẽ có cơ hội tái phát. Bây giờ A-nan quỳ xuống, chăp tay tiên đên trước thưa: Bạch Thế Tôn, sau khi Phật diệt độ, có những Tỳ-kheo xiển nộ, ngỗ nghịch, tự chuyên ương ngạnh, phải đối xử với họ như thế nào? Phật dạy: A-nan, sau khi Ta diệt độ, có những hạng xiển nộ Tỳ-kheo, không theo oai nghi, không chấp thuận sự chỉ dạy, các ông hãy đem họ mà xử trị theo pháp

76 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phạm-đàn, là thông báo cho các Tỳ-kheo, không ai được nói chuyện với họ, hoặc tới lui, dạy dỗ, cộng tác với Tỳ-kheo đó! Khi đó A-nan lại thưa: Bạch Thế Tôn, sau khi Phật

diệt độ, có những người nữ đến xin thụ giáo thì làm sao? Phật dạy: Chớ cho họ gặp! Giả sử phải gặp thì làm sao? Chớ nói chuyện với họ! Giả sử phải nói chuyện với họ thì làm sao? - Lo thu nhiếp tâm ý! Này A-nan, ngươi cho rằng sau khi Phật diệt độ, các ngươi không chỗ nương tựa, không ai che chở, chớ nghĩ như thế, nên biết những kinh, luật mà Ta đã dạy, từ khi thành Phật đến nay là chỗ nương tựa, che chở cho ngươi đó. Này A-nan, từ nay trở đi cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ các giới nhỏ nhặt, hãy lễ độ, trên dưới hòa thuận với nhau, đó là pháp kính thuận của người xuất gia. Phật bảo: Này các Tỳ-kheo, các ông đoi với Phật pháp, chúng Tăng và Chánh đạo, có gì nghi ngờ nữa không? Ai nghi thì mau hỏi đi cho kịp thời để sau này khỏi ăn năn. Giờ đây, Ta vẫn còn và sẽ giải quyết cho. Khi đó các Tỳ-kheo đều im lặng. Phật hỏi lần thứ hai, thứ ba, các Thầy Tỳ-kheo lúc đó cũng đều im lặng. Phật lại dạy: Nêu các ngươi e ngại không dám hỏi, hãy nhờ các vi hiểu biết hỏi giúp cho kịp thời để sau khỏi ăn năn. Bấy giờ, các Tỳ-kheo cũng vẫn im lặng. A-nan thưa: - Con tin trong đại chúng này, ai nấy đều có lòng tin thanh tịnh, không còn ai hoài nghi về Phật, Tăng nữa. Phật dạy: Này A-nan, Ta tự biết trong đại chúng này, dù có một vị Tỳ-kheo nhỏ nhất, cũng thấy được dấu đạo, không còn đọa vào đường ác, chỉ còn bảy lần sanh lại cõi Dục này là diệt hết khổ. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm vị đệ tử chứng được đạo quả. Khi ấy, đức Thế Tôn trịch y uất-đa-la-tăng để lộ cánh tay sắc vàng, bảo các Tỳ-kheo:

2. KINH Dư HÀNH > 77

Các ông nên nghĩ rằng đức Như Lai xuất hiện ở đời cũng như hoa Ưu- đàm-bát-la xuất hiện vậy. Lúc đó, đức Thế Tôn, diễn lại ý nghĩa ấy mà nói bài kệ: Cánh tay hữu sắc vàng, Phật hiện như Linh Thụy, Đen, đi đều vô thường, Hiện, diệt, không buông lung. Thế nên, các Tỳ-kheo không nên phóng dật, Ta chính nhờ không buông lung mà thành Chánh giác, vô lượng điều lành đều nhờ không buông lung mà có được. Tất cả vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của đức Như Lai. Khi ấy, Phật liền vào định Sơ thiền, rồi từ định Sơ thiền ra để vào đinh Nhị thiền, rồi từ định Nhị thiền ra để vào định Tam thiền, rồi từ định Tam thiền ra để vào định Tứ thiền, rồi từ đinh Tứ thiền ra để vào định Không xứ, rồi từ định Không xứ ra để vào định Thức xứ, rồi từ định Thức xứ ra để vào định Bất dụng, rồi từ định Bất dụng ra để vào định Hữu tưởng vô tưởng, rồi từ định Hữu tưởng vô tưởng ra để vào định Diệt tưởng. Lúc đó, A-nan hỏi A-na-luật: Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ư? A-na-luật đáp: Chưa! Đức Thế Tôn hiện đang ở trong định Diệt tưởng. Tôi lúc trước được ở gần Phật nghe rằng, khi Phật từ định Tứ thiền ra mới vào Niết-bàn. Lúc ấy, đức Thế Tôn từ định Diệt tưởng ra để vào định Hữu tưởng vô tưởng, từ định Hữu tưởng vô tưởng ra để vào đinh Bất dụng, rồi từ đinh Bất dụng ra để vào định Thức xứ, rồi từ định Thức xứ ra để vào định Không xứ, rồi từ đinh Không xứ ra để vào Tứ thiền, rồi từ Tứ thiền ra để vào Tam thiền, rồi từ Tam thiền ra để vào Nhi thiền, rồi từ Nhi thiền ra để vào Sơ thiền, rồi từ Sơ thiền ra vào Nhị thiền, rồi từ Nhị thiền ra vào Tam thiền, rồi từ Tam thiền ra vào Tứ thiền, rồi từ Tứ thiền ra, Phật nhập Niết-bàn. Ngay lúc đó, quả đất chấn động mạnh, trời, người đều kinh hoàng, những chúng sanh ở cõi toi tăm, mặt trời, mặt trăng không chiếu đến, đều được soi sáng, trông thấy lẫn nhau, và bảo nhau: "Người kia sanh đến dây, người kia sanh đến đây mới có ánh sáng chiếu khắp như thế, hơn cả ánh sáng của chư thiên Dao-lai?9 Bấy

giờ, chư thiên Đao-lợi ở giữa hư không dùng hoa văn-đà-là, hoa ưu- bát-la, hoa bát-đầu-ba, hoa câu-ma-đầu9 hoa phân-đà-lợi rải trên Như Lai và hội chúng, và bột hương chiên-đàn rải trên Phật và đại chúng. Khi Phật diệt độ rồi, Phạm thiên vương, ở giữa hư không dùng bài kệ tán thán Phật: Tất cả loài sanh linh, Đều phải bỏ thân mạng, Phật là đấng Vô Thượng, Thê gian không ai băng, Bậc Đại Hùng, Như Lai, Có thần lực vô úy, Phật nên ở đời lâu, Nhưng nay nhập Niết-bàn.

78 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân lại dùng bài kệ tán Phật: Ấm, hành đều vô thường, Chỉ vì pháp hưng suy. Sống, không ai không chết, Phật diệt là an lạc. Trong lúc đó, Vua Tỳ-sa-môn cũng dùng bài kệ tán thán Phật: Cây phước chốn tòng lâm, Sa-la phước vô thượng Là ruộng lành nhận cúng, Nơi Song Thọ diệt độ. Bấy giờ, A-na-luật lại dùng bài kệ tán Phật: Phật dùng vô vi tru, Không dùng hơi ra vào. Vốn đến từ tịch diệt, Mất cũng linh diệu thế. Bấy giờ, Tỳ-kheo Phạm-ma-na lại dùng bài kệ tán Phật: Chẳng dùng tâm mạn, lười, Tự tu tuệ vô thượng, Không chấp, không nhiễm 6, Bậc Vô Thượng lìa ác. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-nan lại dùng bài kệ tán thán đức Phật: Trời người đều kinh hoàng, Toàn thân lông dựng ngược. Tất cả đều thành tựu, Bậc Chánh Giác diệt độ. Bấy giờ, thần Kim-tỳ-la lại dùng bài kệ tán thán đức Phật: Thế gian mất che chở, Chúng sanh mãi mù lòa, Không còn ai thấy Phật, Bậc Sư Tử Giữa Người. Bấy giờ, Lực Sĩ Mật Tích lại dùng bài kệ tán Phật: Các thiên, nhơn, Ma, Phạm, Đời này và đời sau, Không còn thấy được Phật, Bậc Sư Tử Giữa Người. Bấy giờ, Phật mẫu Ma-da lại dùng kệ tán Phật: Phật sanh vườn Tỳ-ni, Đạo Ngài truyên rộng khắp, Trở về chốn vốn sanh, Bỏ hẳn thân vô thường. Bấy giờ, thần Song Thọ lại dùng kệ tán Phật: Lúc nào tôi lại lấy, Hoa trái mùa cúng Phật, Đủ thập lực công đức, Như Lai đã diệt độ. Bấy giờ, thần Sa-la viên lâm lại dùng kệ tán Phật: Cõi này diệu lạc nhất, Phật sanh trưởng ở đây, ở đây chuyển pháp luân, Lại ở đây diệt độ. Bấy giờ, Tứ Thiên vương lại dùng kệ tán Phật: Như Lai trí vô thượng, 9 Thường r nói pháp vô thường, Giải khô cho chúng sanh, Cuôi cùng vào tịch diệt. Bấy giờ, Đao-lợi Thiên vương lại dùng kệ tán Phật: Qua muôn ngàn ức kiếp, Mong thành đạo vô thượng, Giải khổ cho chúng sanh, Cuối cùng vào tịch diệt.

2. KINH DU HÀNH 79

Bấy giờ, Diệm Thiên vương lại dùng kệ tán Phật: Đây là y tối hậu, Dùng quấn thân Như Lai. Nay Phật đã diệt độ, Y này sẽ cúng ai? Bấy giờ, Đâu-suất-đà Thiên vương lại dùng kệ tán Phật: Đây là thân cuối cùng, Ấm, giới diệt nơi đây. Không tâm tưởng lo mừng, Không còn lo già chết. Khi ấy, Hóa Tự Tại Thiên vương lại dùng kệ tán Phật: Phật vào giữa đêm nay, Nằm nghiêng hông bên phải. Tại vườn Sa-la này, Thích Sư Tử diệt độ. Lúc đó, Tha Họa Tự Tại Thiên vương lại dùng kệ tán Phật: Thế gian mãi tối tăm, Trăng sao đều mờ lặn, Bị vô thường che kín, Mất hẳn mặt trời trí. Bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng kệ tán Phật: Thân này như bèo bọt, Mỏng manh có gì vui! Phật được thân Kim cang, Còn bi vô thường phá. Thân Kim cang chư Phật, Đều về với vô thường. Tan mau như tuyết non, Huống những chúng sanh khác. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo buồn bã than khóc vô cùng, gieo mình xuống đất, lăn lóc kêu gào, không thể kiềm chế được và nói: uĐức Như Lai tại sao diệt độ sớm quá! Đức Thế Tôn diệt độ sớm quá! Đại

pháp tại sao chìm đăm sớm quá! Chúng sanh mãi đau khô, măt thê gian đã diệt. Ví như cây lớn đã tróc gốc thì nhánh nhóc đều bị gãy đổ. Cũng như rắn bị chém, lăn lộn trên đất, ngơ ngác không biết đến nơi d2u." Bấy giờ các Tỳ-kheo cũng thế, buồn bã vô cùng, gieo mình xuống đất, lăn lóc kêu gào, không thể tự kiềm chế được và than thở rằng: "Dức Như Lai tại sao diệt độ quá sớm! Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm! Đại pháp tại sao mai một quá mau! Chúng sanh mãi đau khổ, mắt thế gian đã diei." Bấy giờ, Trưởng lão A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: - Thôi di, thôi di, chớ buồn, kẻo có hàng chư thiên trên hư không nhìn xuống họ chê trách! Lúc đó9 các Tỳ-kheo hỏi A-na-luật: Trên hư không có bao nhiêu chư thiên? A-na-luật đáp: -Đầy cả hư không, đâu có thể tính lường được? Tất cả đều đang ở trên hư không, lăn lộn bồi hồi, đau đớn buồn bã, rơi lệ mà nói: "Bức Như Lai tại sao diệt độ quá sớm! Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm! Đại pháp chìm đắm quá sớm! Chúng sanh mãi đau khổ, mắt thế gian đã diệt. Ví như cây lớn đã bi tróc góc thì nhánh nhóc đêu bị gãy đô, lại như răn bị chém, lăn lóc trên dát, ngân ngơ không biết đến nơi dâu."

80 e KINH TRƯỜNG A-HÀM

LÚC đó, chư thiên cũng lại như vậy, họ ở trong hư không, lăn lộn bồi hồi, đau đớn buồn bã nói: Đức Như Lai tại sao diệt độ quá sớm! Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm! Đại pháp tại sao mai một quá sớm! Chúng sanh mãi đau khổ, mắt thế gian đã diệt. Các Tỳ-kheo đến hết đêm thì đã hiểu được. Sau khi giảng pháp ngữ xong, Trưởng lão A-na-luật bảo Tôn giả A-nan: -Ong hãy vào thành báo tin cho dân chúng dònệ Mạt-la biết là Phật đã diệt độ, nếu như họ có muốn cúng dường thì hãy mau đên cho kịp! Khi ấy A-nan vâng lời đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, dắt theo một Tỳ- kheo khóc lóc vào thành. Xa xa, A-nan trông thấy năm trăm Mạt-la nhân có một chút duyên sự nhóm họp tại một nơi; khi thấy A-nan đến, họ đều đứng dậy làm lễ nghinh tiếp và hỏi A-nan: Thưa Tôn giả có việc gì đến đây sớm vậy? A-nan đáp: - Nay tôi vì muốn lợi ích cho các người nên đến đây sớm, các người nên biết đức Thế Tôn đã diệt độ đêm qua. Nếu như các người muốn cúng dường thì hãy đến đấy cho kịp. Khi chúng Mạt-la nghe lời ấy xong, thảy đều xúc động, lau nước mắt nói: Sao Phật vào Niết-bàn sớm quá! "Con mắt của thế gian" tại sao diệt mất sớm quá! A-nan khuyên: -Thôi, thôi, các người chớ có buồn khóc, muốn cho pháp hữu vi không biến dịch thì không thể có được. Đức Phật đã dạy hễ có sanh thì có tử, có hợp thì có tan, tất cả ân ái đều là vô thường. Khi đó, dân chúng Mạt-la bảo nhau: Chúng ta hãy về nhà sửa soạn hương hoa và các kỹ nhạc đi mau đến rừng cây Song Thọ để cúng dường Xá-lợi. Hết một ngày rồi đem Xá-lợi Phật để lên một cái kiệu, đồng thời cho tất cả đồng tử Mạt-la khiêng đi khắp bốn hướng thành, có tràng phan, xông hương, rải hoa, kỹ nhạc cúng dường; trước hết đưa vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo đường để cho dan chúng đều được cúng dường. Sau đó lại đưa ra thành cửa Tây, đi đến một đồi cao mà làm lễ Trà-tỳ. Sau khi họ bàn luận như thế xong, mỗi người đều về nhà sắm sửa hương hoa và các thứ kỹ nhạc để đến rừng Sa-la Song Thọ cúng dường Xá-lợi Phật. Hết một ngày xong họ đặt Xá-lợi Phật trên một cái kiệu, tất cả dân chúng Mạt- la đều đen khiêng kiệu nhưng khiêng không nổi. Khi ấy, Tôn giả A-na-luật bảo: Này các Mạt-la, các người hãy thôi đi! Nhọc công vô ích! Nay chư thiên muốn đến khiêng kiệu.

2. KINH Dư HÀNH 81

Các Mạt-la nói: Chư thiên muốn khiêng kiệu này để làm gì? A-na-luật đáp: Theo ý các người thì muốn dùng hương hoa, kỹ nhạc cúng dường Xá-lợi suốt một ngày rồi đem Xá-lợi đặt lên kiệu, thanh niên Mạt"la khiêng bốn góc kiệu, treo phan, cầm phướn, xông hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường. Đưa vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo đường để cho dân chúng đều được cúng dường. Sau đó ra cửa thành phía Tây, đưa đến một đồi cao làm lễ Trà-tỳ. Theo ý chư thiên thì muốn lưu Xá-lợi lại trong bảy ngày để kính lễ cúng đường bằng các thứ hương hoa, kỹ nhạc, sau đó mới thỉnh Xá-lợi Phật đặt lên kiệu, bôn góc kiệu các thanh niên Mạt-la khiêng, treo phan, cam phướn, xông hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường Xá-lợi, vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo đường để cho dân chúng đều được cúng dường. Sau đó mới đưa vào thành cửa Bắc, qua s6ng Ni-liên-thiền đi đến chùa Thiên Quan mà làm lễ Trà-tỳ. Đó là ý chư thiên khiên kiệu bất động. Người Mạt-la nói: Hay lắm, xin tùy ý chư thiên! Khi đó, dân chúng Mạt-la bèn bảo nhau răng: "Trước hét chúng ta nên vào thành quét dọn, sửa soạn, tưới nước các nẻo đường và xông hương, sau đó trở lại đây cúng dường Xá-lợi Phật trong bảy ngày." Các Mạt-la cùng nhau vào thành, đến các ngả đường quét dọn, sửa soạn, tưới nước xông hương, và sau đó ra khỏi thành. Tại rừng Song Thọ dùng hương hoa, kỹ nhạc cúng dường Xá-lợi Phật. Trọn bảy ngày xong vào lúc chiều tối ngày thứ bảy, họ thỉnh Xá-lợi Phật đặt lên kiệu, các thanh niên Mạt-la khiêng bon góc kiệu, treo phan, cầm phướn, xông hương, rải hoa, trỗi các kỹ nhạc cúng dường, thứ lớp thong thả đi. Lúc ấy, các vị trời Đao-lợi dùng hoa văn-đà-la5 hoa iru-bát-la? hoa ba-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu5 hoa phân-đà-lợi và bột chiên-đàn rải trên Xá-lợi. Khắp các nẻo đường chư thiên trỗi nhạc, quỷ thần ca xướng tiễn đưa. Lúc đó, các Mạt-la bảo nhau răng: "Hãy dừng lại nhạc của loài người, hãy thỉnh nhạc của chư thiên mà cúng dường Xá-lọd!" Bấy giờ, dân chúng Mạt-la khiêng kiệu đi dần vào cửa thành phía Đông, đen mỗi ngả đường thì dừng lại đốt hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường. Khi ấy, có nàng Lộ-di thuộc dòng Mạt-la, vốn hết lòng tin Phật, cầm một đóa hoa vàng lớn như bánh xe đến cúng dường Xá-lợi. Và lúc đó, có một bà lão cất tiếng tán thán như sau: “Các Mạt-la này được lợi ích lớn. Cuối cùng Như Lai diệt độ tại đây, hãy gọi dân chúng cả nước mau đến cúng đường!” Khi dân chúng Mạt-la cúng dường xong, ra cửa thành phía Bắc, qua sông Ni-liên-thiền? rồi đến chùa Thiên Quan để kiệu Phật xuống đất và thưa với A-nan:

82 KINH TRƯỜNG A-HÀM

A

-Chúng tôi giờ đây nên cúng dường băng cách nào nữa? Ngài A-nan bảo: -Toi tự thân theo hầu Phật, tự thân nghe nhận lời Phật dạy, nghe và ghi: "Nếu muốn táng Xá-lợi Phật, hãy theo như cách táng cho Chuyển Luân Thánh Vương!^, Họ hỏi tiếp: -Cách táng cho Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào? Theo cách táng cho Chuyên Luân Thánh Vương, trước hét là lây nước thơm tăm rửa thi thê, roi dùng năm trăm tâm vải tân-kiêp quân quanh thân thê, sau đó, đặt thi thê Ngài vào trong kim quan, lây dâu mè tưới vào, roi đặt kim quan này vào trong một cái quách lớn thứ hai bằng sắt rồi lấy một cái quách bằng gỗ chiên-đàn bọc ở ngoài. Chất lên trên đó các hương liệu nổi tiếng và

các áo vải dày mà trà-tỳ. Thu nhặt Xá-lợi5 xây tháp tại ngã tư đường, dựng cột treo phan để cho dân chúng mỗi khi đi qua đều trông thấy vua mà tưởng nhớ và kính mộ sự giáo hóa chân chính của nhà vua để được nhiều sự lợi ích. Thế Tôn đã dạy: "Này A-nan! Nay ngươi muốn táng Ta thì trước hết dùng nước hương tắm rửa thi thể, sau đó dùng năm trăm tấm vải trắng quấn khắp thân Ta năm trăm lớp, kế tiếp đặt thi thể vào trong kim quan rồi tưới dầu mè vào, đặt kim quan này vào trong cái quách lớn bằng sắt thứ hai, kế tiếp lại đặt cái quách này vào trong một cái quách khác bằng gỗ hương chiên-đàn. Xong rồi chất các loại hương liệu nổi tiếng và vải dày lên trên đó mà frà-tỳ. Sau đó thu nhặt Xá-lợi, dựng tháp tại ngã tư đường đông thời treo ữàng phan, phướn đê mọi người đi đường đều trông thấy tháp Phật để tưởng nhớ và kính mộ công đức giáo hóa của đức Như Lai, đấng Pháp Vương. Nhờ đó, khi sống được phước lợi, khi chết được sanh thiên, ngoài ra còn được đắc dạo.” Lúc đó, dân chúng Mạt-la bảo nhau: "Chúng ta hãy vê thành lo sửa soạn đầy đủ dụng cụ tẩm táng đức Như Lai, như vải trắng mới, nước hương, hoa, dầu thơm, quan quách.” Tức thi, họ liên vào thành săm đủ các dụng cụ tâm táng. Khi xong, họ trở lại chùa Thiên Quan dùng nước thơm tắm gội kim thân Phật, lấy vải trắng mới quấn khắp kim thân Phật năm trăm lớp. Sau đó đặt thánh thể vào kim quan đã tẩm dầu thơm, lại đặt kim quan này vào trong cái quách lớn bằng sắt thứ hai và cuối cùng là đặt cái quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ hương chiên-đàn. Khi xong chất đầy các loại hưcnig liệu nổi tiếng lên trên mà trà-tỳ. Khi ây, có vị đại thân dòng Mạt-la tên là Lộ-di, tay câm cây đuôc lớn châm lửa vào giàn hỏa thiêu kim thân Phật nhưng lạ thay, không cháy! Ke đó? lại có những trưởng lão Mạt-la cũng cầm lửa châm theo nhưng lửa vẫn không cháy. Ngài A-na-luật bảo chúng Mạt-la: "Thôi đi các người! Không phải các người đốt được đâu, lửa không cháy là vì ý chư thiên vay?5 Mạt-la hỏi: "Tại sao chư thiên khiến cho lửa không chay?" A-na-luật đáp: "Vi chư thiên nhận thấy ngài

2. KINH DU HÀNH 83

Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đang đi nửa đường để về cho kịp giờ thấy thân Phật khi chưa trà-tỳ. Vì chư thiên biết ý nên làm cho lửa không chay/9 Mạt-la nói: "Xin để toại y!" LÚC đó? ngài Đại Ca-diêp dát năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đi vê? trên đường đi gặp một gã Ni-kiên-tử trong tay câm một đóa hoa văn-đà-la, ngài Đại Ca-diêp từ xa trông thây bèn lại gân hỏi: Này ông bạn, từ đâu lại đây? -Tôi từ thành Câu-thi lại. Bạn có biết Thầy tôi không? -Biết! - Thầy tôi còn sống không? Đã diệt độ cách đây bảy ngày. Tôi từ đó lại nên tôi nhận được đóa hoa trời này. Ca-diếp nghe xong buồn bã không vui. Còn năm trăm vị Tỳ-kheo nghe Phật diệt độ thì đều buôn khóc, lăn lóc kêu than kh6ng thể ngăn được, rơi lệ và nói: “Bức Như Lai tại sao diệt độ sớm quá! Đức The Tôn tại sao diệt độ sớm quá! Đại pháp sao lại chìm lặn sớm quá! 'Con mát thê gian' diệt mát thì chúng sanh sẽ bi đau khổ lâu dài! Ví như cây lớn đã bị tróc gốc thì nhánh nhóc phải bị gãy đổ. Ai nấy cũng như rắn bị chặt, quay cuồng, lăn lóc, ngẩn ngơ không biết gì cả?9 LÚC ây, trong chúng có một vị Tỳ-kheo tên là Bạt-nan-dà, thuộc dòng họ Thích, bảo các Tỳ-kheo rằng: "Các người chớ có buồn, đức Thế Tôn diệt độ thì chúng ta được tự do. Ong già ây trước đây thường bảo chúng ta làm thê này, không nên làm thế kia nhưng từ nay về sau thì tùy ý chúng ta hành dOng."

Ngài Đại Ca-diếp lúc đó nghe nói như thế trong lòng buồn bã không vui, mới bảo các Tỳ-kheo chỉnh trang y bát đi mau đến cây Song Thọ để được thấy thân Phật trước khi trà-tỳ. Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe ngài Đại Ca-diếp nói xong đứng dậy theo ngài đến thành Câuthi, qua sông Ni-liên-thiền? đến chùa Thiên Quan và đi ngay đến chỗ ngài A-nan, sau khi hỏi han xong đứng qua một bên và hỏi: Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi muốn thấy thân Xá-lợi Phật trước khi trà- tỳ có thể được không? A-nan đáp: Tuy chưa trà-tỳ nhimg mà khó thấy được. Tại sao? Vì thân Phật được tắm nước hương, ngoài thì quấn năm trăm lớp vải trắng và đặt trong một kim quan, đồng thời kim quan ấy được đặt trong một cái quách bằng sắt, và cái quách này được đặt trong một cái quách khác bằng gỗ hương chiên-đàn, do đó thân Phật khó thấy được. Ngài Ca-diếp xin ba lần như thế nhưng ngài A-nan vẫn trả lời một câu như cũ là khó thấy được. Chẳng biết làm sao, ngài Ca-diếp lúc đó mới hướng về

84 KINH TRƯỜNG A-HÀM

giàn hỏa mà chiêm bái, chính lúc ây bông nhiên từ trong lòng quan quách, Phật duỗi hai bàn chân ra ngoài để cho ngài Ca-diếp thấy. Đồng thời ngài Ca-diếp nhận thấy chân Phật có màu sắc lạ, lay làm lạ bèn hỏi A-nan: Thân Phật vốn sắc vàng, tại sao chân Ngài có màu sắc khác như thế này? A-nan đáp: Trước đây có một bà già vì tiếc thương Phật, rờ vào chân Phật, và làm rơi r r nước mat trên chân Phật cho nên có màu sác khác như thê! Ngài Ca-diêp nghe xong, trong lòng không vui. Thê roi, ngài Ca-diêp hướng về giàn hỏa đảnh lễ thân Xá-lợi Phật. Khi ấy bốn chúng và chư thiên trên hư không cũng đồng thời làm lễ. Lúc đó bỗng nhiên chân Phật biến mất! Ngài Đại Ca-diếp vừa đi quanh giàn hỏa ba vòng vừa đọc bài kệ tán thán như sau: rrị A • r • J. À 1 Ạ Toi nay cúi đau le Đức Đạo sư Vô thượng, Thánh trí không thể lường, Thánh trí cao tột đỉnh. Bậc Sa-môn Tối Cao, Tối thượng không tỳ vết, Thanh tinh không tham ái, Bậc Thầy giữa trời, người, Tôi nay xin kính lễ, Đấng mạnh nhất giữa người. Khô hạnh chăng ai băng, Từ bỏ để dạy người, Kính lễ đấng Thế Tôn, Không nhiễm, không tràn cấu. Dứt sạch tham, sân, si, Vui trong hạnh không tịch, Kính lễ đấng Thập Lực, Độc nhất không ai bằng. Giải thoát là tối thượng, Phúc trí cao tột bực, Kính lễ đấng Trí Tịnh, Bạc giác ngọ Tư đê. Vô thượng giữa Sa-môn, Khiến bỏ tà về chánh, Kính lễ đấng Tịch Tịnh, Thế Tôn thường tịch diệt. Không bứt rứt, tỳ vết, Thân tâm thường vắng lặng, Kính lễ đấng Thanh Tịnh, Loại trừ mọi nhiễm ô. Tuệ nhãn không hạn lượng, Cam lồ, tiếng oai vang, Kính lễ đấng Vô Thượng, Hy hữu khó nghĩ bàn. Tiếng nói như sư tử, ở rừng không khiếp sợ, Hàng ma, vượt bốn tánh. Cho nên tôi đảnh lễ. Khi ngài Đại Ca-diếp có oai đức lớn lao và đủ bốn biện tài, vừa đọc xong bài kệ trên thì hỏa đàn của Phật không đốt tự nhiên bừng cháy. Dân chúng Mạt-la bảo nhau: "Ngọn lửa cháy mạnh quá khó dập tắt, e cháy tiêu hết Xá-lợi! Chúng ta phải lấy nước ở đâu để tư&i?" Lúc đó, có vi thần Sa-la hết lòng tin Phật, đang hầu một bên, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa. Khi ấy dân chúng Mạt- la bảo nhau: "Chúng ta hãy đi hái hết hoa thơm ở chung quanh thành Câu-thi cách đây mười hai do-tuần đem về dâng cúng Xá-lợi Phát." Tức thì, họ liền đi đên bên thành và hái hét hoa thơm vê cúng dường Phật.

2. KINH Dư HÀNH 85

Bấy giờ, dân chúng Mạt-la nước Ba-bà nghe Phật diệt độ tại Song Thọ, tự nghĩ: "Ta nay nên đến đó câu xin phân Xá-lợi vê nước ta dựng tháp Cling dường.^, Khi áy họ liên hạ lệnh đem bôn thứ binh: tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh đi đến thành Cau-thi, và cử sứ giả đến nói: -Chúng tôi nghe đức Phật diệt độ tại đây, Phật cũng là thầy chúng tôi, vì lòng kính mộ Ngài, chúng tôi đến xin phần Xá-lợi về nước dựng tháp Cling dường. Vua nước Câu-thi đáp: Thật vậy, đúng như lời ngài nói nhưng vì đức Thế Tôn đã đến đây và diệt độ tại đây, nhân dân nước tôi tự do cúng dường, các ngài từ phương xa đến đây câu Xá-lợi; nhimg rát tiêc? việc ây han là không được! Đồng thời dân chúng dòng Bạt-ly thuộc nước Già-la-phả, dân chúng dòng Câu-lợi thuộc nước La-ma-già, dân chúng dòng Bà-la-môn nước Tỳ-lưu-đồ, dân chúng dòng Thích-ca thuộc nước Ca-duy-la-vệ, dân chúng dòng Ly-xa thuộc nước Tỳ-xá-ly và Vua A-xà- thế thuộc nước Ma-kiệt-đà, nghe đức Như Lai diệt độ tại Song Thọ? ở thành Câu-thi đều tự nghĩ: “Ta nay nên qua đó để cầu lấy phần Xắ-ỉợiy Quốc vương A-xà-thế và các vị ấy bèn hạ lệnh trong nước đem bốn thứ binh: Tượng, mã, xa và bộ binh tiến qua sông Hằng. Vua A-xà-thế cử Bà-la-môn Hương Tánh và nói: "Ngươi hãy nhân danh ta, vào thành Câu-thi thăm hỏi các vị Mạt-la... có khỏe mạnh, có bình thường không, và nói ta cùng các vi xưa nay vốn kính nhau, láng giềng hòa nghi chưa có xảy ra sự tranh tụng. Nay ta nghe đức Như Lai diệt độ tại quý quốc, đối với đức Thế Tôn, ta hết lòng tôn kính nên chẳng quản xa xôi đến đây cầu xin Xá-lọd, đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ hiến quốc bảo cho.” Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh nhà vua đến thành Câu-thi nói với các Mạt-la rằng: “Vua nước Ma-Kiệt vấn an Đại vương, có khỏe mạnh, có bình thường không? Nhà vua đối với ngài hết lòng tôn kính, láng giềng hòa nghị, chưa hề xảy ra sự tranh tụng, nhân nghe đức Như Lai diệt độ tại quý quốc, đối với đức Thế Tôn, vua thật hết lòng cung kính, cho nên từ phương xa đến đây cầu xin phần Xá-lợi của Phật để đem về nước dựng tháp cúng dường, nếu nhận lời nhà vua sẽ hiến quốc bảo cho.” Lúc đó, các Mạt-la đáp: "Quả thật như thế, đúng như lời ngài vừa trình bày; nhưng vì đức Thế-Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây thì nhân dân nước tôi tự lo cúng dường, xin khỏi phiền quý ngài từ phương xa đến dây, việc cấp Xá-lợi là không thể duve." Lúc đó, các quốc vương bèn triệu tập các quần thần lại thảo luận như sau: Chúng ta hòa nghi, Xa đên cúi dâu, Khiêm tốn yêu cầu, Nhưng không chấp nhận. Bốn binh đã sẵn, Không tiếc thân mạng, Dùng nghĩa không được, Tất phải dùng sức.

Khi ấy, vua nước Câu-thi cũng triệu tập quần thần để thảo luận, trả lời rằng: Các người xa nhọc, Khuất phục cầu xin, Như Lai di thể5 Nhưng không cho được. Họ muôn dùng binh, Ta đây cũng săn, Chống trả đến cùng, Chưa từng biết sợ. Thấy vậy, Bà-la-môn Hương Tánh, lúc đó đứng ra hiểu dụ mọi người: “Chu Hiền suốt đời nhận lãnh lời dạy của Phật, miệng thì tụng lời Phật dạy, tâm địa hiên hòa, ý chí nhân từ, thường mong cho tát cả chúng sanh đêu được an lành, nay chẳng lẽ vì giành Xá-lợi Phật mà trở lại tàn hại lẫn nhau? Hơn nữa, di thể Như Lai, nếu muốn có lợi ích sâu xa thì Xá-lợi hiện tại nên chia ra thành nhiều phần.,, Mọi nệười đều khen là phải. Họ lại bàn tán: "Nên nhờ ai đủ sức phân chia giup?59 T^t cả đều cho Bà-la-môn Hương Tánh là người nhân trí quân bình, có thể phân chia được. Bấy giờ, các quốc vương liền bảo ông Hương

Tánh: "Ong hãy chia Xá-lợi Phật thành tám phần đồng đêu cho chúng t6i!" Lúc đó, Hương Tánh nghe các vua nói xong đi ngay đến chỗ Xá-lợi, cúi đầu đảnh lễ xong, từ từ tiến đến, đem răng trên của Phật để riêng một bên, sai sứ giả đem răng trên của Phật đến cho Vua A-xà-thế, ông Hương Tánh bảo sứ giả rằng: "Ngươi hãy nhân danh ta, tâu: 'Thưa Đại vương có được khỏe mạnh, đi đứng có bình thường không? Xá-lợi chưa đến tay chắc Đại vương trông lắm! Nay tôi giao cho sứ giả răng trên của Như Lai để kịp cúng dường, cho thỏa mãn sự khát vọng của Đại vương. Sáng mai, khi chia xong Xá-lợi, tôi sẽ đích thân dâng lên ngài.'" Sứ giả vâng lời Hương Tánh xong liên đến chỗ Vua A-xà-thế mà tâu: "Ngài Hương Tánh xin hỏi: 'Đại vương có được khỏe mạnh, đi đứng có bình thường không? Xá-lợi chưa đến tay chắc Đại vương trông lắm! Nay ngài giao tôi răng trên của Phật để kịp cúng dường, hầu thỏa lòng mong đợi của Đại vương! Sáng mai, khi chia Xá-lợi xong, ngài Hương Tánh trở về và đích thân dâng lên Đại vương.” Bấy giờ, ông Hương Tánh lấy một cái bình và dùng bát đá, chia đều Xá-lợi ra làm tám phần bằng nhau. Vừa xong, ông xin mọi người cái bình đó để dựng tháp thờ tại nhà riêng. Các Bà-la-môn đều bảo: "Thật là có trí! Thật là hợp ụi&i!" Tất cả đều cùng đồng ý cho ông. Lúc đó, người trong thôn Tất-bát cũng đến xin mọi người phần tro còn lại để dựng tháp cúng dường, mọi người lúc đó đều chấp nhận. Bấy giờ, người nước Câu-thi được Xá-lợi? liền dựng tháp trong nước cúng dường. Và các người thuộc nước Ba-bà, Gia-la, La-ma-gia, Tỳ-lưu-đề, Ca-duy- la-vệ, Tỳ-xá-ly, vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế... khi được phần Xá-lợi liền trở về nước lo xây tháp cúng dường, còn ông Hương Tánh Bà-la-môn thì đem cái bình dùng chia Xá-lợi về nhà dựng tháp cúng dường. Đồng thời, dân chúng thôn Tât-bát đem phân tro còn lại vê dựng tháp cúng dường.

2. KINH Dư HÀNH > 87

Như vậy, Xá-lợi Phật được chia thờ tại tám tháp, tháp thứ chín thờ cái bình, tháp thứ mười thờ tro, tháp thứ mười một thờ tóc Phật khi còn tại thế. Phật đản sanh, xuất gia, thành đạo và diệt độ lúc nào? Và những ngày tháng nào? Như Lai đản sanh, xuất gia, thành đạo vô thượng và nhập Niết-bàn vào lúc sao mai mọc, nhăm ngày mông tám tháng Hai. Khi nào Phật đản sanh, Xuất gia tìm chân lý, Thành tựu đạo vô thượng, Và nhập đại Niết-bàn? Sao mai mọc, Phật sanh, Xuất gia tìm chan lý, Thành tựu đạo vô thượng, Và nhập đại Niết-bàn. Mồng tám Như Lai sanh, Xuất gia tìm chân lý, Thành tựu đạo vô thượng, Và nhập đại Niết-bàn. Mồng tám, Nhị Túc sanh, Xuất gia tìm chân lý, Thành tựu đạo vô thượng, Và nhập đại Niết-bàn. Tháng Hai, Như Lai sanh, Xuất gia tìm chân lý. Thành tựu đạo vô thượng, Và nhập đại Niết-bàn. Tháng Hai, Nhi Túc sanh, Xuất gia tìm chân lý, Thành tựu đạo vô thượng, Và nhập đại Niết-bàn. Hoa Sa-la nở rộ, Đủ màu sáng chói nhau, ở nơi chỗ đản sanh, Đức Như Lai diệt độ. Đại Từ nhập Niết-bàn, Nhiều người xưng tán lễ, Vượt hết mọi sợ hãi, Quyết định nhập Niết-bàn.

3. KINH ĐIỂN TÔN Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳkheo, ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ. Bây giờ, có con trai của nhạc thân tên Bàn-già-dực, nhân lúc đêm văng r r

không có người, phóng ánh sáng lớn chiêu núi Kỳ-xà quật và đi đên chô Phật ngự, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Khi ấy, Bàn-già-dực bạch Thế Tôn rằng: Gần

đây, Phạm thiên vương đến cõi trời Đao-lợi bàn luận với Bế-thích, tôi ở gần đó đã nghe được đầu đuôi câu chuyện, vậy nay tôi có thể thuật lại cho Thế Ton nghe được không? Phật đáp: Tùy ý ngươi, muôn nói thì nói! Bàn-già-dực thưa: Có lần chư thiên Đao-lợi nhóm ở pháp giảng đường để bàn luận. Lúc đó9 có bốn Thiên vương ngồi ở bốn phía, theo phương hướng của mình. Đề-đế-lại- tra Thiên vương ngồi ở hướng Đông, mặt xoay về hướng Tây, Đế-thích ngồi A e \ r

trước mặt. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngôi ở hướng Nam, mặt xoay vê hướng Bác, Đế-thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương ngồi ở hướng Tây, mặt * r x A

xoay vê hướng Đông, Đê-thích ngôi trước mặt. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngôi ở hướng Bắc, mặt xoay về hướng Nam, Đế-thích ngồi ở trước mặt. Sau khi tứ Thiên vương ngồi xong thì tới phiên tôi và các đại thần khác, đều là những người trước đây thân cận Phật, tịnh tu Phạm hạnh nên ở cõi này sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Đao-lợi và được năm thứ phúc: (1) sống lâu ở cõi trời; . . . r : 5

(2) Được sác đẹp cõi trời; (3) Được tiêng tăm cõi trời; (4) Được niêm vui cõi trời; (5) Được oai đức cõi trời. Khi đó, chư thiên Đao-lợi thấy vậy đều hớn hở vui mừng và nói: “Chúng chư thiên tăng lên, chúng a-tu-la giảm xuống!,9 Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biết chúng trời, người đều có tâm niệm vui mừng, liền vì chư thiên Đao-lợi mà nói bài kệ: r

Chư thiên Đao-lợi, người, Cùng Đê-thích vui chơi, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương Tối Thượng. Chư thiên được phúc báu, Thọ, sắc, danh, lạc, oai, Theo Phật tu Phạm hạnh, Nên sanh về cõi này.

Lại CÓ chúng trời, người, Ánh sáng thật tuyệt vời, Đệ tử đức Trí Tuệ, Sanh đây lại thù thắng. Đao-lợi và E)ếthích, Suy tư tự vui thú, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương tối thượng. Khi đó, chư thiên Đao-lợi, sau khi nghe bài kệ này lại càng thêm hoan hỷ, không thể tự kiềm chế được và nói: "Chúng chư thiên tăng lên, chúng a-tu-la giảm xu6ng!" Thích-đê-hoàn-nhân thây chư thiên Đao-lợi vui mừng thoải mái, liền bảo: -Này chư Hiền! Các ông có muốn nghe tám pháp tối thượng của đức Như Lai không? Chư thiên Đao-lợi đáp: ỉ

-Muôn nghe! Các ngài hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ về vấn đề này! Chư Hiền, đức Như Lai, Chí Chân, Đăng Chánh Giác, đây đủ mười hiệu, ta không thây ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có đủ mười danh hiệu như Phật. Pháp Phật vi diệu, giảng giải rõ ràng, được người trí thức hành theo, ta không thấy ai trong quá khứ, vi lai và hiện tại có giáo pháp vi diệu như Phật. Phật do pháp ấy tự giác ngộ, thông đạt vô ngại để tự vui thú, ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại đối với pháp này mà tự giác ngộ, thông đạt, vô ngại để tự vui thú như Phật. Chư Hiên! Phật nhờ pháp ây được giác ngộ và cũng có thê mở bày con đường Niết-bàn, thân cận dẫn dắt chúng sanh đi dần vào tịch diệt, ví như nước sông Hằng, nước sông Diễm-ma đều chảy vể biển cả. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có thể mở bày con đường Niết-bàn như Phật. Đức Phật cũng thế, Ngài có thể mở bày con đường Niết-bàn thân cận dẫn dắt chúng sanh đi dan vào

tịch diệt. Chư Hiền! Quyến thuộc của đức Như Lai gồm đủ như Sát-đế-lợi? Bà-la- môn, Cư si, Sa-môn có trí tuệ đều là quyến thuộc đầy đủ của đức Như Lai. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có quyến thuộc đầy đủ như Phật. Chư Hiền! Đức Như Lai có đại chúng đầy đủ gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ta không thấy ai trong quá khứ, vi lai và hiện tại có đại chúng đầy đủ như Phật. Chư Hiền! Lời nói và việc làm của Như Lai tương ưng, lời nói đúng như việc làm, việc làm đúng như lời nói, và bất cứ pháp nào cũng thành tựu như vậy. Ta không thấy ai trong quá khứ, vi lai và hiện tại có lời nói và việc làm phù hợp với nhau, và mỗi pháp đều thành tựu như Phật. Chư Hiền! Đức Như Lai có nhiều sự lợi ích, nhiều sự an lạc, Ngài thường trang trải tâm từ lợi lạc cho trời, người. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai

và hiện tại có nhiều sự lợi ích, nhiều sự an lạc như Phật. Chư Hiền, ấy là pháp tối thượng của đức Như Lai. Lúc đó, chư thiên Đao-lợi nói: Ước gì thế gian được tám đức Phật ra đời một lượt thì sẽ làm cho chúng chư thiên thêm nhiều và làm giảm bớt chúng a-tu-la. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi nói: Đừng nói chi tám vị Phật mà dù cho bảy vị Phật, sáu vị Phật, cho đến hai vi Phật ra đời cũng làm cho thêm nhiều chúng chư thiên và giảm bớt chúng a-tu-la, huống hồ là tám đức Phật. Nhưng Thích-đề-hoàn-nhân bảo chư thiên Đao-lợi rằng: -Tôi được gần Phật nghe, gần Phật lãnh thọ, nếu muốn cho một đức Phật, hai đức Phật ra đời một lần thì không có sự kiện này. Nhưng nếu một đức Như Lai mà Ngài ở lâu nơi đời và trang trải nhiều tâm từ bi, đem nhiều sự lợi ích cho trời, người, đem lại sự an lạc cho họ như thế thì càng thêm nhiều chúng trời và giảm bớt chúng a-tu-la. Khi đó, Bàn-già-dực bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, chư thiên Đao-lợi sở dĩ tập hợp tại pháp đường này là để cùng nhau bàn luận, suy tư, quan sát, tán tụng về những giáo lịnh ấy. Sau đó mới vì Tứ Thiên vương mà nói cho họ. Khi Tứ Thiên vương vâng lời xong, đều theo vi trí mà ngồi, ngồi chưa bao lâu thì có một ánh sáng lạ lùng chiếu cả bốn phương. Lúc đó, chư thiên Đao-lợi thây ánh sáng này roi đêu lây làm kinh ngạc và nói: "Nay đây ánh sáng này thật là lạ lùng, chắc sẽ có điềm gì dây!" Ngay cả chư thiên có oai đức cũng đều sợ hãi và nói: "Nay có ánh sáng lạ này, chắc sẽ có điềm gì đây!99 Lúc đó. Đại Phạm Thiên vương liền hóa làm đồng tử, đầu có năm búi tóc, đứng giữa không trung, ở trên thiên chúng, dung mạo đoan chánh, vượt han chúng trời, thân màu vàng tía, lấn át cả ánh sáng của chư thiên khác. Khi đó, chư thiên Đao-lợi cũng không đứng dậy nghinh tiếp, không cung thỉnh, không mời ngồi. Khi ấy, Phạm đồng tử tùy theo chỗ ngồi và ngồi một cách vui vẻ, ví như người Sát-đê-lợi lây nước rưới đâu đê lên ngôi vua thì hớn hở vui mừng. Vị này ngồi chưa bao lâu thì lại biến thân thành đồng tử khác, đầu có năm búi tóc, ngồi giữa không trung, ở trên đại chúng, ví như lực sĩ ngồi yên ngay ngăn, hoàn toàn bát động và nói bài kệ: Chư thiên Đao-lợi, người, Cùng Đế-thích vui chơi, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương Tối Thượng, Chư thiên được phúc dức, Thọ, sắc, danh, lạc, oai, Theo Phật tu Phạm hạnh, Nên sanh về cõi này. Lại có chúng trời, người, Ánh sáng thật tuyệt vời, Đệ tử đức Đại Trí, Sanh đây, lại thù thắng.

r e Đao-lợi và Đê-thích, Suy tư tự vui thú, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương Tối Thượng. Bấy giờ, chư thiên Đao-lợi nói với đồng tử: Chúng ta nghe Đê-thích tán thán tám pháp tôi thượng của đức Như Lai nên vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế. Khi ây5 Phạm đông tử nói chư thiên Đao-lợi răng: - Những gì là tám pháp tối thượng của Như Lai, ta cũng muốn nghe! Khi đó, Đê-thích liên vì đông tử mà nói tám pháp tôi thượng của đức Như Lai. Sau khi chư thiên Đao-lợi nghe lại một lần nữa thì càng vui mừng không thể tự kiềm chế và nói: Chúng chư thiên tăng lên, chúng a-tu-la giảm xuống. LÚC d6, đông tử thây chư thiên vui vẻ, lại càng hớn hở, liên bảo chư thiên Đao-lợi: - Các ngươi muốn nghe một pháp tối thượng không? Chư thiên thưa: r Quý hóa thay! Muôn nghe. Đồng tử nói: Các ngươi muôn nghe thì hãy lăng nghe, hãy lăng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà nói cho! Này chư Hiên, đức Như Lai thuở xưa khi còn là một vị Bô-tát, Ngài sanh ra nơi nào thì cũng rất thông minh, nhiều trí tuệ. Này chư Hiền, nên biết, cách đây rất xa trong quá khứ, lúc đó có một vị vua tên là Địa Chủ, thái tử thứ nhất tên là Từ Bi, vua có đại thần tên là Điển Tôn, con của đại thần ấy tên là Diệm-man, Thái tử Từ Bi có nhận làm bạn, người bạn này thường làm bạn với sáu vị đại thần thuộc dòng Sát-đế-lợi khác. Mỗi khi Đại vương Địa Chủ muốn vào cung nội để du ngoạn vui chơi thì đem việc nước giao lại cho đại thân Điên Tôn, sau đó mới đi. Khi vào cung thì trỗi âm nhạc ca hát, thỏa mãn ngũ dục. Bấy giờ, Điển Tôn khi muốn xử lý việc gì thì trước hết đem hỏi ý kiến con mình rồi sau đó mới quyết đinh, hoặc có phân xử việc gì thì cũng theo ý con. Sau đó bỗng nhiên Điển Tôn qua đời, Vua Địa Chủ nghe tin vô cùng thương tiêc, vô mình và nói: "Lạ thay, sao vô phúc, quôc gia đã mát một người tàir Thái tử Từ Bi thầm nghĩ: “Vua vì mất Điển Tôn mà lấy làm sầu khổ, ta nên đến đê can gián nhà vua chớ vì sự qua đời của ngài ây mà sâu khô. Vì sao? Vì Điên Tôn có người con tên là Diệm-man thông minh nhiều trí hơn cha. Nay vua có thể triệu vào để giao việc xử lý quốc gia." Lúc đó, Thái tử Từ Bi liền đến chỗ vua ngự, trình bày đầy đủ ý kiến trên với vua cha. Vua cha nghe xong liền chấp thuận và cho gọi Diệm-man vào, bảo

rằng: "Ta nay bổ ngươi vào chức vụ của cha ngươi, giữ ấn tín." Khi ấy, Diệm- man lãnh ân tín xong, nhà vua muôn vào cung, đem việc nước giao lại cho Diệm-man. Diệm-man lúc đó vốn đã thông thạo việc xử lý, không những biết rõ việc cha làm ngày trước mà còn biêt rõ những gì cha mình chưa đê ý đên, tất cả Diệm-man đều biết, về sau, tiếng tăm Diệm-man vang dội khắp nơi nên thiên hạ trong nước đều tôn xưng là Đại Điển Tôn. Thế rồi Đại Điển Tôn suy nghĩ: “Nay Vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nay nên tôn thái tử lên ngôi kế vị? trị vì cũng không khó lắm, ta nay nên đến nói với sáu vị đại thần thuộc(tòng Sát-đế-lợi như sau: 'Nay Vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nếu ton thái tử lên ngôi kế vi thì không khó, đồng thời các ngài sẽ được vua phong đất dai, quyền tước và không bao giờ quên các ngài.'" Khi ấy, Đại Điển Tôn đến nói với sáu vị đại thần dòng Sát-đế-lợi rằng: uCác ngài nên biết: Nay Vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nếu tôn thái tử lên kế vị thì không khó lắm. Các ngài nên đến đó trình bày ý kiến này với thái tử: 'Chúng tôi biết ngài từ thuở nhỏ, khi nệài khổ chung tôi khổ, khi ngài vui chúng tôi vui, hơn nữa nhà vua nay đã già yêu,

sông chăng bao lâu, vậy thái tử hãy lên ngôi kế vị vua cha, cũng không khó lắm. Giả sử ngài có lên ngôi thì hãy phong đất cho chúng t6i" Khi ấy, sáu vị đại thần thuộc dòng Sát-đế-lợi nghe xong, liền đến tỏ ý với thái tử như trên. Thái tử đáp: "Giả sử ta lên ngôi, toàn cõi đều phong quốc nhưng phong cho ai?" Không bao lâu sau, bỗng nhà vua băng hà. Các vị đại thần trong nước liền đến bái yết thái tử và tôn lên kế vi. Khi lên ngôi xong, tân vương tự nghĩ: "Nay lập chức tể tướng, cũng theo tiền lệ của tiên vương nhưng người nào xứng đáng để cử vào chức vụ đó? Hẳn phải là Đại Điển Tôn mới duợrc!" Vua Từ Bi liền triệu Đại Điển Tôn đến bảo: "Nay ta muốn cử ngươi lên chức te tướng và trao an tín cho ngươi, hãy chuyên can lo liệu xử lý việc nu&c!" Đại Điển Tôn nghe xong liền vâng lệnh và lãnh ấn tín. Bấy giờ, nhà vua mỗi khi vào cung thì đem bao nhiêu việc nước ủy thác cho Đại Điển Tôn. Khi ấy, Đại Điển Tôn lại nghĩ: "Nay ta nên đến hỏi sáu vi đại thần Sát-đế- lợi như sau: 'Các ngài có còn nhớ lời nói trước đây không? Nay thái tử đã lên ngôi, đang ở trong cung để thỏa mãn ngũ dục. Vậy các ngài hãy đến hỏi nhà vua có nhớ lời đã nói lúc trước hay không?5 Sau khi nghe xong, sáu vi Sát-đế-lợi liền đến chỗ vua ngự và thưa với đại vương: “Nay ngài đã lên ngôi, đang vui thú ngũ dục, vậy ngài có nhớ lời nói trước đây không? Việc phong cấp đất sau này nên phong cho ai?” Vua đáp: "Không quên! Xưa ta có nói: 'Toàn cõi nước nếu đem phong ấp, phi các ngươi ra thì còn ai?'"

94 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Tiếp theo vua nghĩ: "Cõi đất Diêm-phù-đề này trong rộng, ngoài hẹp, người nào đủ sức phân nó làm bảy phn?" Lại nghĩ: "Chi có Đại Điển Tôn mới làm được việc này." Vua liền bảo Đại Điển Tôn: "Ngươi hãy phân đất Diêm-phù-đề này ra thành bảy phần!" Khi được lệnh, Đại Điên Tôn liên phân làm bảy phân. Thành của vua cai tri kể cả thôn ấp, quận, nước, chung quanh thành một bộ phận, sáu nước của những người Sát-đê-lợi đại thân, đêu chia thành sáu bộ cho môi bộ. Được thê rồi? nhà vua vui mừng nói: "Nguyện của ta đã thỏa mãn, sáu vị đại thần cũng như nguyện vọng của ta cũng đã thỏa mãn. Công việc này thành tựu là nhờ sức của Đại Điển Tôn vậyy Còn sáu vị quốc vương sau khi làm chủ một nước, mới tự nghĩ: "Nước ta mới lập cần có một vi tể tướng nhưng biết ai có thể gánh vác được như Đại Điển Tôn để giao phó quyền thống lãnh việc nu&c?" Bấy giờ, cả các vị Sát-đế-lợi đều triệu Đại Điển Tôn đến bảo: "Nước ta cần một vị phụ tướng, ngươi hãy giúp ta nhận chức vụ d6!" LÚC đó, sáu vi quôc vương đêu trao ân tín, Đại Điên Tôn liên nhận ân tín. Khi hoàn tát, sáu vi quôc vương vào cung du ngoạn và vui thú, đông thời đem việc nước giao phó lại cho Đại Điển Tôn. Đại Điển Tôn xử lý cả bảy nước và mọi việc đều hoàn hảo. Khi đó, trong nước có bảy nhà đại cư sĩ, Đại Điển Tôn xử lý luôn để phân xử gia nghiệp. Ong lại dạy cho bảy uăm Phạm chí đọc tụng kinh điển. Bảy vi quốc vương kính xem ông như thân mình, bảy đại cư sĩ kính xem ông như đại vương, còn bảy trăm Phạm chí xem ông như Phạm thiên. Bấy giờ, bảy quốc vương, bảy đại cư si, bảy trăm Phạm chí đều tự nghĩ: "Đại Điển Tôn chắc thường gặp gỡ, thân thiện, chuyện trò, đi đứng cùng với Phạm thiên?" Lúc đó, Đại Điển Tôn thầm biết ý họ tưởng: "Ta thường thân cận, trò chuyện, đi đứng cùng với Phạm thiên nhưng thực tế là ta chưa từng thấy Phạm thiên, chưa từng nói chuyện với Phạm thiên, ta không thể làm thinh để vọng nhận tiếng khen đó. Hơn nữa, ta cũng từng nghe các bậc

Tôn túc kỳ cựu nói: 'Ai trong bôn tháng mùa hạ ở chô thanh văng tu tập bôn vô lượng tâm, thời Phạm thiên sẽ xuồng gặp. Nay ta đâu có thê tu tập bôn vô lượng tâm đê Phạm thiên xuống gp?'" Nghĩ thế, Đại Điển Tôn tìm đến bảy quốc vương và thưa: "Tâu Đại vương, cúi xin ngài hãy lo việc nước, tôi muốn ở trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm!,, Bảy quốc vương nói: "Tùy ý ngươi, nếu thấy hợp th&i!"

3. KINH ĐIỂN TÔN 95

Sau đó, Đại Điển Tôn đến bảy vị cư sĩ nói: "Các ngài hãy tự lo liệu lấy việc nhà. Tôi muốn ở trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lưcmg tâữi!" Bảy vị cư sĩ nói: "Vâng, tùy ý ngài, nếu thấy hợp thòi." Thế rồi, lại đến bảy trăm vị Phạm chí nói: "Các ngài chuyên cần đọc tụng, dạy bảo lẫn nhau. Tôi muốn ở trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm." Phạm chí nói: "Vâng, tùy ý Đại sư, nếu thấy hợp thời.^, Khi đó, Đại Điển Tôn tại thành phía Đông lập một ngôi nhà thanh vắng, trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm. Nhtmg sau đó, Phạm thiên vẫn không hiện xuống. Lúc ấy, Đại Điển Tôn tự nghĩ: "Ta đã nghe các bậc Tôn túc kỳ cựu nói: 'Trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm thì Phạm thiên sẽ hiện xuống/Nhimg sao lặng lẽ, chẳng thây dấu hiệu gì cấ?" Bấy ệiờ9 vào ngày rằm trăng sáng, Đại Điển Tôn ra khỏi tinh thất, đến chỗ trông ngôi, ngồi chưa bao lâu thì có ánh sáng lớn hiện ra, Đại Điên Tôn lúc đó tự nghĩ: "Anh sáng lạ này chác là diêm Phạm thiên sẽ hiện xuồng chăng?,^ Khi ây, Phạm thiên vương bèn hóa làm đông tử, đâu có năm búi tóc, trụ giữa hư không, trên đầu Đại Điển Tôn. Đại Điển Tôn thấy vậy liền nói bài kệ: Đây là thần trời gì, Đang ở giữa hư không, Anh sáng chiếu bốn phương, Như đống lửa bừng cháy? Phạm thiên đồng tử dùng bài kệ đáp: Chỉ chư thiên Phạm thế, Biết ta là đồng tử, Ngoài ra đều cho ta, Là vi thần thờ lửa. Lúc đó, Đại Điển Tôn dùng kệ đáp: Tôi xin hỏi Phạm Đồng, Vâng lời thật cung kính, Các thức ăn thượng vị, Lòng ngài hiểu lòng tôi. Phạm thiên đồng tử dùng kệ đáp: Điển Tôn, ông tu hành, Là muôn câu pháp gì? Nay bày sự cúng dường, Ta sẽ nhận lãnh cho. Lại bảo Đại Điển Tôn rằng: "ông có điều chi nghi vấn thì cứ hỏi, ta sẽ giải thích cho." Khi ấy, Đại Điển Tôn tự nghĩ: "Việc hiện tại ích lợi gì mà hỏi? Ta hỏi về những việc mù tịt ở tương lai." Tức thì hướng về Phạm thiên đồng tử, Đại Điển Tôn dùng kệ hỏi: Nay tôi hỏi Phạm Đồng, Nhờ giải quyết mối nghi, Học và tu pháp gi, Được sanh làm Phạm thiên?

96 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phạm thiên đồng tử dùng kệ đáp lại: Hãy bỏ niệm nhân, ngã, ở riêng tu từ tâm, Trừ tham dục, xú uế, Được sanh làm Phạm thiên. Đại Điển Tôn khi nghe qua bài kệ, liền tự nghĩ: "Phạm đồng tử nói phải trừ xú uế, ta không hiểu rõ là gì, vậy nên hỏi lại." Lúc đó, Đại Điển Tôn dùng bài kệ hỏi lại: Ngài vừa nói xú uế, Xin giải rõ cho tôi, Thứ gì đóng cửa thế, Sa đọa, không sanh thiên? Phạm đong tử đáp: Dối trá và ganh ghét, Ngã mạn, tăng thượng mạn. Tham dục, sân, ngu si, Tự y, chứa đày tâm. Xú uế thế gian này, Ta nói cho ngươi rõ, Nó đóng cửa thế gian, Sa đọa, không sanh thiên. Lúc đó, Đại Điển Tôn nghe xong bài kệ này, liền suy nghĩ: "Nghĩa của Phạm đồng tử nói về xú uế ta đã hiểu rõ nhimg người tại gia thì không thể trừ chúng được, vậy tót nhát là ta hãy xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục của người xuất gia đê tu đạo u?" Khi ây, Phạm đông tử biêt được tâm niệm của Đại Điển Tôn, liền dùng kệ bảo: Ngươi hãy mạnh mẽ lên! Chí ấy rất

thù thắng, Việc làm của người trí, Khi chét sanh Phạm thiên. Lúc đó, Phạm đồng tử bỗng nhiên biến mất. Bấy giờ, Đại Điển Tôn trở về tâu lại ý mình với bảy vi quốc vương như sau: "Tâu Đại vương, mong các ngài hãy xử lý việc nước, nay tôi muốn xuất gia, lìa bỏ y phục thế tục, mặc pháp phục để tu hành! Tại sao? Vì tôi đã được gần gũi A 7 ,• Ma M/., 4•x M . Phạm đông tử và nghe người nói vê xú uê? tâm rát là chán điêu đó. Nêu người ở tại gia thì không the nào trừ được. Khi đó, bảy vi quốc vương bèn tự nghĩ: "Hàng Bà-la-môn thường ham của báu, có lẽ ta nên mở kho tàng, cho ông ta cần gì tùy ý để ông ta đừng xuất gia." Lúc đó, bảy vi quốc vương liền gọi Đại Điển Tôn đến và bảo: "Ngươi muốn cần gì, ta đều cung cấp cho cả, không cần xuất gia." Khi ấy, Đại Điển Tôn liền tâu với vua: “Nhu thê là tôi đã được ân tứ của vua roi nhưng tôi nay cũng có nhiêu của báu, tôi xin dâng lại cho Đại vương, miễn là xin cho tôi được xuất gia để thỏa mãn chí nguyện của Bây giờ, bảy quôc vương lại tự nghĩ: 'Thàm những Bà-la-môn thường ham sac đẹp, có thê ta nên đem thê nữ cung cap cho Đại Điên Tôn vừa ý đê khỏi xuat gia." Khi ấy, bảy quốc vương liền gọi Đại Điển Tôn đến bảo: "Nếu cần thể nữ, ta sẽ cung cấp cho, không cần phải xuất gia."

3. KINH ĐIỂN TÔN 97

Đại Điển Tôn đáp: "Nhu thế là tôi đã được ân tứ của Đại vương rồi nhung trong nhà tôi hiện nay thê nữ cũng có nhiêu mà đã cho vê nhà hét, vì tôi chỉ mong được lìa sự ân ái để xuất gia tu hành. Tại sao? Vì tôi đã được gần gũi Phạm đồng tử và nghe người nói vê việc xú uê? tâm tôi thật nhàm chán. Nêu người ở tại gia thì không the trừ dug” Khi ấy, Đại Điển Tôn hướng về Vua Từ Bi, dùng kệ nói: Vua hãy nghe tôi nói, Vua, bậc quý của người, Cho của báu, thể nữ, Báu này chẳng thích gì. Vua Từ Bi cũng dùng kệ đáp: Thành Đàn-đặc-già-lăng, Thành A-bà-bố-hòa, Thành A-bàn đại thiên, Thành Ương-già-chiêm-bà, Thành số-di-tát-la, Thành Tây-đà-lộ-lâu? Thành Bà-la-già-thi? Đều do Điển Tôn tạo. Ngũ dục có hoi ít, Ta và ngươi cùng hưởng, Cùng xử lý quốc sự, Không cần phải xuất gia. Đại Điển Tôn dùng kệ đáp: Tôi ngũ dục có nhiều, Còn không thích thế gian, Đã nghe chư thiên nói, Không thích ở tại gia. Vua Từ Bi dùng kệ đáp: Như lời Điển Tôn nói, Là nghe từ trời nào, Mà xả bỏ ngũ dục, Hãy ưả lời cho ta? Đại Điển Tôn dùng kệ đáp: Xưa tôi ở chỗ vắng, Ngồi một mình suy tư, Thì có Phạm thiên đến, Phóng ánh sáng khắp noi, Tôi nghe từ vị ấy, Không thích ở thế gian. Vua Từ Bi dùng kệ đáp: Hãy nán lại, Điển Tôn! Cùng hoăng hóa thiện pháp, Sau đó cùng xuất gia, Ngươi tức là thầy ta. Ví như giữa hư không, Trong sạch như lưu ly, Nay ta tin thanh tịnh, Đầy đủ trong Phật pháp. Đại Điển Tôn lại nói kệ rằng: Chư thiên và người đời, Đêu nên bỏ ngũ dục, Hãy trừ các nhiễm ô, Thanh tinh tu Phạm hạnh. Bấy giờ, bảy quốc vương nói với Đại Điển Tôn rằng: "Người có thể hoãn lại bảy năm để cùng nhau tận hưởng ngũ dục, sau đó ta sẽ giao lại việc nước cho thái tử, rồi ta sẽ cùng xuất gia với. Như thế sẽ hay hơn. Do đó, người được gì, ta cũng được nay?9

98 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Đại Điển Tôn đáp: "The gian vô thường, mạng sông mau chóng, chỉ trong hơi thở, còn khó bảo toàn, nay nếu hoãn lại bảy năm thì không lâu lắm sao?” Bảy quốc vương lại nói: "Bảy năm lâu thì sáu năm, năm năm cho đến một năm, hãy ở lại trong tịnh cung

để cùng nhau tận hưởng ngũ dục, sau đó ta sẽ giao việc nước cho thái tử, rồi ta cùng xuất gia với, không hay hơn sao? Do đó9 người được gì, ta cũng được nấy.” Lúc đó, Đại Điển Tôn lại đáp: "Thế gian vô thường, mạng sống mau chóng, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn." Bảy quốc vương nói: "Nếu như một năm còn lâu thì bảy tháng.” Đại Điển Tôn nói: “Cho đến một tháng còn không thể dupc.” Bảy vi quôc vương nói: "Thôi hoãn lại bảy ngày và ở trong thâm cung cùng ta tận hưởng ngũ dục, sau đó ta sẽ giao việc nước cho thái tử, rồi ta cùng xuất gia với, không hay lắm sao?" Đại Điển Tôn đáp: "Bảy ngày không lâu, tôi có thể lưu lại, xin Đại vương chớ sai lời! Nếu quá bảy ngày mà Đại vương không xuất gia thì tôi sẽ xuất gia một minh." Bấy giờ, Đại Điển Tôn lại đến chỗ bảy cư sĩ và nói: "Các ngươi hãy tự lo việc nhà, ta muôn xuất gia tu đạo vô vi! Tại sao? Vì ta đã thân cận Phạm thiên, nghe nói những việc xú uế, lòng rất nhàm chán, nếu ở tại gia thì không thể nào trừ được?9 Khi đó, bảy cư sĩ thưa với Đại Điển Tôn rằng: "Lành thay! Ý chí này, nếu thấy hợp thời, chúng tôi cũng muốn cùng xuất gia, nếu ngài được gì thì chúng tôi cũng được nấy." Sau đó, Đại Điển Tôn lại đến chỗ bảy trăm Phạm chí và bảo: Các ngài hãy chuyên cần đọc tụng, giảng giải rộng rãi và truyền dạy cho nhau, ta muốn xuất gia tu đạo vô vi! Tại sao? Vì ta gần gũi Phạm thiên, nghe nói về xú uế, lòng rất chán ghét. Nếu ở tại gia thì không thể trừ được. Khi đó, bảy trăm Phạm chí thưa với Đại Điển Tôn: "Đại sư chớ có xuất gia, vì ở tại gia có đủ ngũ dục, nhiều người hầu hạ, tận tâm lo liệu không có nhọc nhằn. Trái lại, người xuất gia thì ở chỗ thanh vắng một mình, điều muốn hoàn toàn không có nên không thể có sự tham thỉu"

3. KINH ĐIỂN TÔN 99

Đại Điển Tôn đáp: uNêu ta cho tại gia là vui, xuất gia là khô, han ta không xuất gia. Nhưng trái 9 M . A K .

lại, ta đã cho tại gia là khô, xuất gia là vui nên ta mới xuất gia." Phạm chí thưa: "Nếu Đại sư xuất gia, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, nếu Đại sư làm gì thì chúng tôi cũng sẽ làm theo hết.” Lúc đó? Đại Điển Tôn đến chỗ các phu nhân và nói: "Này các ái khanh! Tùy ý ai muôn ở thì ở, ai muôn vê thì vê; vì ta muôn xuất gia cầu đạo vô vi." Ngài đã trình bày đầy đủ về ý chí xuất gia như trên, các vi phu nhân đáp: "Ngài hiện nay vừa là chông, cũng vừa là cha chúng tôi, nay nêu ngài xuất gia thì chúng tôi cũng xin theo với. Hơn nữa, Đại Điển Tôn làm gì thì chúng tôi xin làm theo." Sau bảy ngày, Đại Điển Tôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y và bỏ nhà mà đi, đông thời bảy quôc vương, bảy đại cư sĩ, bảy trăm Phạm chí, bôn mươi phu nhân, lần lượt như thế cho đên tám vạn bôn ngàn người đồng thời xuất gia theo Đại Điển Tôn. Đại Điển Tôn thường cùng đại chúng dạo qua các nước, hóa độ rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân. Bấy giờ, Phạm thiên vương bảo thiên chúng: Các ngươi chớ nghĩ đại thần Điển Tôn lúc đó là ai đâu khác, chính là thân Phật Thích-ca hiện nay vậy. Đức Thế Tôn lúc đó, qua bảy ngày, xuất gia tu đạo, dẫn đại chúng đi qua các nước giáo hóa rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh. Nếu có nghi lời ta nói thì các ngươi hãy đến đức Thế Tôn hiện đương ngự tại núi Kỳ-xà quật để hỏi. Nếu như Phật có dạy điều gì thì hãy cố gắng ghi nhớ lấy. Bàn-già-dực thưa: Tôi vì nhan duyên đó nên hôm nay đến dây, xin hỏi Ngài: "Đại Điển Tôn kia chính là Thế Tôn phải chăng? Ngài lúc d6, qua bảy ngày thì xuất gia tu đạo, roi cùng bảy quôc

vương cho đên tám vạn bôn ngàn người đông thời xuât gia, đi du hóa các nước, giáo hóa rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích có phải không?59 Phật bảo Bàn-già-dực rằng: Chớ nghĩ Đại Điển Tôn lúc đó là ai khác, chính Ta đây vậy. Cả nước thuở đó, gái trai mỗi khi đi lại, có điều chi nguy khốn đều cất tiếng niệm: uNam-mô Đại Điển Tôn, Thất Vương Đại Tướng" và niệm ba lần như vậy. Này Bàn-già-dực! Điển Tôn lúc đó tuy có oai đức lớn nhưng không thể vì đệ tử giảng nói đạo lý cứu cánh Phạm hạnh, không thể khiến cho đệ tử đến nơi an ổn. Hơn nữa, pháp của Điển Tôn nói ra, nếu đệ tử nào thực hành thì sau khi

qua đời chỉ được sanh lên cõi trời Phạm thiên, người nào có thực hành cạn hơn thì sanh lên cõi Tha Hóa Tự Tại, Đâu-suất-đà, Diệm-ma, Đao-lợi, Tứ Thiên Vương hoặc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn5 cư sĩ tại gia và muốn gì cũng được. Này Bàn-già-dực! Đệ tử của Đại Điển Tôn đều là kẻ có trí xuất gia, có quả báo, có giáo giới nhưng đạo của Đại Điển Tôn chưa phải là đạo cứu cánh, chẳng khiến cho đệ tử chứng được cứu cánh Phạm hạnh, chẳng đưa đệ tử đến chỗ an ổn hoàn toàn. Điểm cao tột của đạo đó chỉ đưa đến cõi Phạm thiên là cùng. Còn nay, giáo pháp Ta dạy cho đệ tử có thê khiên cho họ mau được đạo cứu cánh và cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cuối cùng chứng nhập Niết-bàn. Pháp của Ta nói, nếu đệ tử nào thực hành thì bỏ hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn bị tái sanh. Người nào thực hành cạn hơn thì trừ được năm hạ phân kiêt sử và có thê nhập Niêt-bàn tại thiên giới, chứ không trở lại cõi này. Thứ đến là trừ hết ba kiết sử, giảm bớt tham dục, phẫn nộ và ngu si, chỉ còn một lần sanh lại cõi đời này, chứng nhập Niêt-bàn. Cuôi cùng là dứt ba kiêt SÍT, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa ác dạo, và nhiêu lăm là bảy lân sanh tử lại cõi đời này và chác chăn sẽ chứng nhập Niết-bàn. Này Bàn-già-dực, các đệ tử của Ta là hạng người có trí xuất gia, có quả báo, có giáo giới, được cứu cánh đạo pháp, cứu cánh Phạm hạnh, cửu cánh an ổn và cuối cùng vào Niết-bàn. Khi Bàn-già-dực nghe Phật nói Xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH XÁ-NI-SA Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị du hóa tại Kiên-trùy trụ xứ, ở Na-đê. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ngồi trong tịnh thất im lặng, tự nghĩ: "Thật kỳ đặc, đức Như Lai thọ ký riêng từng người làm cho họ được nhiều lợi ích, chẳng hạn như đại thân Già-già-la, sau khi mạng chung thì đức Như Lai ghi nhận vị ây sẽ dứt được năm hạ phân kiêt sử? liên sanh vê cõi trời mà diệt độ, không còn trở lại cõi này nữa. Và Già-lăng-già, Tỳ-già-đà, Già-lợi-châu? Già-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu, Tha-lê-xá-nậu, Tẩy-đạt-lê-xá-nậu, Da-thâu, Da-thâu- đa-lâu, với các đại thần trên sau khi mạng chung, đức Phật đều thọ ký là họ đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử? liền được sanh về cõi trời mà diệt độ tại đấy, không còn sanh lại cõi này nữa. Lại có năm mươi người khác mạng chung, đức Phật cũng thọ ký là họ đã giảm nhẹ ba kiết sử, dâm, nộ, si, chứng quả Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần sanh lại cõi này là dứt sạch gốc khổ. Đồng thời, có năm mươi vị khác mạng chung, đức Phật cũng thọ ký cho họ là đã dứt hết ba kiết sử, chứng

quả Tu-đà-hoàn9 không còn đọa vào ác đạo, chỉ còn sanh lại cõi này bảy lần và cuối cùng nhất định dứt sạch gốc khổ. Hơn nữa, có những người đệ tử Phật, từ những chỗ mạng chung, đức Phật đều thọ ký cho họ, những người này sanh ra ở nơi này và những người kia sanh ra ở chỗ kia. Người nước Ương-già, nước Ma-kiệt-đà, nước Câu-thi, nước Cư-tát-la, nước Bạt-kỳ, nước Mạt-la5 nước Chi-đề? nước Bạt-sa, nước Cư-lâu, nước Ban-xà-la, nước Phả-tháp-ba, nước A-bàn-đề, nước Bà-ta, nước Tô-la-bà, nước Càn-đà-la, nước Kiêm-khiên-sa, với mười sáu đại quốc trên đều có người mạng chung, Phật đều thọ ký cho họ. Trái lại, người nước Ma-kiệt-đà đều là dòng dõi vua chúa, được nhà vua tín nhiệm, đã có những người mạng chung mà Phật không thọ ký cho họ. Khi ấy, Tôn giả A-nan từ tinh thất đúng dậy đi đến chỗ Thế Tôn ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên? và thưa Phật như sau: Vừa rồi con ở nơi tinh thất, im lặng tự nghĩ: "Kỳ diệu thay, đức Phật thọ ký riêng từng người, làm nhiều sự lợi ích cho họ, trong mười sáu đại quốc đều có người đã mạng chung, và Phật đều thọ ký, chỉ có người nước Ma-kiệt-đà? được nhà vua đích thân trao trách nhiệm đã có người mạng chung, và riêng họ thì lại không được Ngài thọ ky.” Vậy cúi xin đức Thế Tôn hãy vì họ mà

thọ ký, cúi mong đức Thế Tôn hãy thọ ký cho họ để làm lợi ích cho họ và tất cả trời, người được an lạc. Hơn nữa, Phật thành đạo tại nước Ma-kiệt-đà mà người nước ây mạng chung, thê mà riêng họ không được thọ ký. Cúi xin Thê Tôn hãy thọ ký cho họ! Cúi mong đức Thế Tôn hãy thọ ký cho họ! Lại nữa, vua nước Ma-kiệt-đà là Bình-sa, là một vị ưu-bà-tắc hết lòng tin Phật, nhiều sự cúng dường, sau đó thì mạng chung, do nhà vua này có nhiều người tin hiểu và cúng dường Tam bảo nhưng hôm nay đức Thế Tôn không thọ ký cho ông ta. Vậy cúi xin đức Thế Tôn hãy thọ ký cho ông ta, cúi xin Thế Tôn hãy thọ ký cho ông ta để làm lợi ích cho chúng sanh, đồng thời khiến cho trời, người đều được an lạc! Lúc đó, ngài A-nan vì người nước Ma-kiệt-đà mà khuyến thỉnh đức Thế Tôn thọ ký cho họ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật và ra đi. Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y, mang bình bát vào thành Na-già. Khất thực xong, Ngài đen khu vực Đại Lâm và ngoi dưới một gốc cây suy tư về nơi thọ sanh của người nước Ma-kiệt-đà đã qua đời. Khi đó, cách Phật không xa, có một vị quỷ thần tự xưng tên mình và bạch Phật: —TÔI là Xàni-sa, tôi là Xà-ni-sa! Đức Phật hỏi: Nhà ngươi có việc gì mà tự xưng là Xà-ni-sa? Nhà ngươi có pháp gì mà tự ximg là thấy được dấu của đạo? Xà-ni-sa đáp: Không có việc gì khác, tôi vôn là một vị vua, ở trong giáo pháp Như Lai làm kẻ iru-bà-tắc, nhất tâm niệm Phật mà mạng chung nên được sanh làm thái tử của Tỳ-sa-môn Thiên vương, được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác đạo, và trong bảy đời ấy thường gọi là Xà-ni-sa. Khi đức Thế Tôn ở khu vực Đại Lâm cảm thấy vừa đủ5 bèn đến xứ Na-đà- kiên-trĩ, lại chô ngôi mà ngôi, roi bảo vi Tỳ-kheo răng: Ngươi hãy nhân danh Ta mà gọi A-nan lại! -Vâng! Rồi vi ấy theo lời Phật dạy đi gọi A-nan. A-nan bèn đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật, đứng sang một bên và bạch Phật răng: -Nay con thấy dung sắc Như Lai thù thắng, thường ngày thì các căn tịch tịnh, Ngài đang nghĩ gì mà dung sắc thù thắng như vậy? Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan rằng: Vừa rồi ông vì người Ma-kiệt-đà mà đến chỗ Ta cầu thỉnh thọ ký rồi ra đi. Sau đó? Ta đăp y trì bát

vào thành Na-già mà khát thực, khát thực xong, đên rừng lớn kia ngôi dưới góc cây suy nghĩ vê chô thọ sanh của người nước

4. KINH XÀ-NLSA 103

Ma-kiệt-đà sau khi mạng chung. Bây giờ, cách Ta không xa có một vị quỷ thân tự xưng tên mình mà thưa với Ta: "Tôi tên là Xà-ni-sa, tôi là Xa-ni-sa?9 Này A-nan, ngươi đã từng nghe tên Xà-ni-sa chưa? A-nan bạch Phật: Con chưa từng nghe, nay nghe tên người đó con sanh lòng sợ hãi, lông tóc dựng ngược. Kính bạch Thê Tôn, vị quỷ thân này ăt có uy đức lớn, cho nên có tên là Xà-ni-sa. Rồi Thế Tôn dạy: Trước hét, Ta hỏi người kia: "Ngươi do pháp gì mà tự xưng thây được dâu đạo?^ Xà-ni-sa đáp: "Con chẳng vì một điều gì khác, một lý do nào khác mà chỉ vì xưa kia con là nhân vương, là đệ tử của Phật, có lòng tin kiên cố, là ưu-bà-tắc một lòng nghĩ nhớ đến Phật. Sau khi mạng chung được làm con của Tỳ-sa-môn Thiên vương, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác thú, chỉ sanh lại bảy lần thì dứt hết gốc khổ. Trong bảy lần tái sanh, con đều có tên là Xà-ni-sa.” Một thời, Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây, tại rừng Đại Lâm, Xà-ni-sa còn đang ngôi trên xe báu trời ngàn căm vì có chút duyên sự, muôn đên Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, từ xa Xà-ni-sa trông thấy đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, dung mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, ví như vực sâu trong sạch và sáng sủa. Khi thấy Ngài xong, Xà-ni-sa tự nghĩ: “Nay ta có thể đến hỏi đức Thế Tôn về người nước Ma-kiệt-đà, mạng chung sẽ sanh về dâu?” Lại có Tỳ-sa-môn Thiên vương ở trong đại chúng, nói bài kệ rằng: Chúng ta không tự nhớ, Việc làm trong quá khứ, Nay được gặp Thế Tôn, Tuổi thọ càng tăng thêm. Vào một thời gian khác, chư thiên Đao-lợi, vì có chút nhân duyên nên tụ tập lại một nơi. Khi đó, Tứ Thiên vương đều ngồi theo phương hướng của mình, Đê-đâu-lại-tra Thiên vương thì ngôi ở hướng Đông, mặt xoay vê hướng Tây, Đê-thích ngôi ở trước mặt; Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngôi ở hướng Nam, mặt xoay về hướng Bắc, Đế-thích ngồi ở trước mặt; Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương ngôi ở hướng Tây, mặt xoay vê hướng Đông, Đê-thích ngôi ở trước mặt. Tỳ-sa- môn Thiên vương ngồi ở hướng Bắc, mặt xoay về hướng Nam, Đế-thích ngồi ở trước mặt. Sau khi tứ Thiên vương ngồi xong thì tới phiên Xà-ni-sa ngồi và có các đại thiên thần trước đây đều ở chỗ Phật, tịnh tu Phạm hạnh nên ở đây mạng chung được sanh vê cõi trời Đao-lợi, đông thời, sô chư thiên ây có thêm nhiêu sự lợi ích, hưởng thụ năm thứ phước báu cõi trời: (l) Được sống lâu ở cõi trời; (2) Được sắc đẹp cõi trời; (3) Được tiếng tăm cõi trời; (4) Được an lạc cõi trời; (5) Được uy đức cõi trời. Khi ây, chư thiên Đao-lợi đêu vui mừng hớn hở và nói: "Chúng chư thiên tăng lên, chúng a-tu-la giảm xu6ng." Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biết chư thiên Đao-lợi có tâm niệm vui mừng hớn hở, liền nói bài kệ:

104 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Chư thiên Đao-lợi, người, Cùng Đê-thích vui chơi, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương Tối Thượng, Chư thiên được phúc báu, Thọ, sắc, danh, lạc, oai, Theo Phật tu Phạm hạnh, Nên sanh ve cõi này. Lại có chư thiên, nhơn, Anh sáng thật tuyệt vời, Đệ tử đức Trí Tuệ, Sanh đây lại thù thắng. Đao-lợi và Đế-thích, Suy tư tự vui thú, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương Tối Thượng. Lúc đó, thần Xà-ni-sa nói: "Sở dĩ chư thiên

Đao-lợi tập hợp tại pháp đường như thế là để cùng nhau thảo luận, suy tư, quán sát, khen ngợi về những giáo lệnh ấy. Và sau đó mới dạy cho Tứ Thiên vương; đồng thời, Tứ Thiên vương khi nhận lãnh xong lời dạy bảo thì theo phương hướng của mình mà ngồi nhưng ngồi chưa bao lâu thì có ánh sáng lạ chiếu cả bốn phương/9 Lúc đó, chư thiên Đao-lợi thấy ánh sáng khác thường ấy đều lấy làm kinh ngạc và nói: "Nay ánh sáng khác thường này chắc sẽ có điềm lạ gì dây!" Hơn nữa, ngay cả hàng chư thiên có oai đức cũng đều sợ hãi và nói: "Nay có ánh sáng khác thường này chắc sẽ có điềm lạ gì dây!" Khi ấy, Đại Phạm Thiên vương liền hóa thành đồng tử, đầu có năm búi tóc, đứng trong hư không, ở trên thiên chúng, dung mạo, nhan sắc đoan chánh, vượt han chúng trời, thân màu vàng tía, lân át cả ánh sáng của chư thiên khác. Khi đó, chư thiên Đao-lợi cũng không đứng dậy nghinh tiếp, không cung kính và không mời ngôi. Bây giờ, Phạm đông tử, đúng theo chô ngôi mà ngôi một cách vui tươi, ví như ví vua thuộc dòng Sát-đế-lợi vui mừng hớn hở khi được làm lê quán đảnh lên ngôi. Vị Phạm đông tử ây ngôi chưa bao lâu thì tự biến thân thành đồng tử khác, đầu có năm búi tóc, ngồi trong hư không, ở trên đại chúng. Ví như lực sĩ ngôi yên, ngay ngăn hoàn toàn bát động, và nói bài kệ: Đấng Điều Phục Vô Thượng, Đem ánh sáng cho đời, Giảng nói pháp nhiệm mầu, Phạm hạnh không ai bằng, Khiến chúng sanh thanh tinh, Sanh về trời Tịnh Diệu. Khi Phạm đồng tử nói xong bài kệ trên thì bảo chư thiên Đao-lợi: "Am thanh của chư thiên đó có năm thứ thanh tịnh cho nên gọi là Phạm âm. Năm thứ ấy là gì? (1) Âm thanh chính trực; (2) Âm thanh hòa nhã; (3) Âm thanh trong trẻo; (4) Âm thanh sâu xa đầy đủ; (5) Âm thanh cùng khắp (nghe xa). Phải đầy đủ năm thứ đặc điểm này của âm thanh thì mới gọi là Phạm âm." Ta nay sẽ nói lại các ngươi hãy lắng nghe, các vị ưu-bà-tắc? đệ tử đức Như Lai, ở nước Ma-kiệt-đà qua đời đã có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả Tư- đà-hàm, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, hoặc có người sanh về cõi trời Tha Hóa Tự Tại, hoặc có người sanh về cõi trời Hóa Tự Tại, Đâu-suất, Diệm-ma, Đao-lợi, Tứ Thiên Vương hoặc có người sanh vào dòng Sát-đê-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, được ngũ dục tự nhiên.

4. KINH XÀ-NI-SA 105

Khi ấy, Phạm đồng tử đọc bài kệ: Bà-tắc nước Ma-kiệt, Những người đã mạng chung, Tám muôn bốn ngàn người. Ta nghe họ đắc đạo, Chứng quả Tu-đà-hoàn, Không sanh lại cõi ác, Đi trên đường chân chánh, Chứng đạo hay cứu tế. Những hạng chúng sanh này, Giữ gìn các công dức, Trí tuệ, lìa an ai, Hô thẹn, lìa vọng ngữ. ở giữa chư thiên ấy, Phạm Đong nói như the, Họ được Tu-đà-hoàn? Chư thiên đều hoan hỷ. Khi Tỳ-sa-môn Thiên vương nghe bài kệ này xong, vui mừng và nói: Đức Thế Tôn xuất thế nói pháp chân thật, thật là kỳ diệu chưa từng có. Ta vôn không biêt đức Như Lai xuât thê, nói pháp như thê, và trong vị lai sẽ có Phật nói pháp như thế, đồng thời khiến cho chư thiên Đao-lợi phát tâm hoan hỷ. Lúc đó, Phạm đồng tử bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương: Ngươi vì cớ gì mà nói lời ây như sau: "Bức Như Lai ra đời nói pháp này thật là kỳ diệu, chưa từng c6?" Đức Như Lai dùng sức phương tiện để nói về pháp thiện và bát thiện một cách đây đủ nhưng không có được pháp ây; đông thời nói pháp không tịch như có được pháp ấy. Đây là pháp vi diệu cũng như đề-hồ. Khi ấy, Phạm vương đồng tử lại bảo chư thiên Đao-lợi: Các ngươi hãy lăng nghe, hãy suy nghĩ kỹ vân đê này, ta sẽ vì các

ngươi mà nói, đức Như Lai, Chí Chân khéo phân biệt và thuyết về pháp tứ niệm xứ! Tứ niệm xứ là gì? (l) Quán trong thân, chuyên cần không biếng nhác, chuyên chú nhớ mãi không quên đê trừ tham ưu ở thê gian. Quán ngoại thân, chuyên cần không biếng nhác, chuyên chú nhớ mãi không quên để trừ tham ưu ở thế gian. Sau cùng là đông thời quán trong và ngoài thân, chuyên cân không biêng nhác, chuyên chú nhớ mãi không quên để loại trừ tham ưu ở thế gian; (2) Quán vê thọ; (3) Quán vê ý; (4) Quán vê pháp một cách chuyên cân không biêng nhác đe loại trừ tham ưu ở the gian, trừ được tham ưu ở đời. Sau khi quán trong thân xong thì sanh tha thân trí. Khi quán sự cảm thọ bên trong xong thì sanh tha thọ trí. Khi quán ý bên trong xong thì sanh tha ý trí. Khi quán nội pháp xong thì sanh tha pháp trí. Đó là đức Như Lai khéo phân biệt nói về pháp tứ niệm xứ. Này chư thiên, các ngươi hãy lắng nghe, ta sẽ nói tiếp, đức Như Lai khéo có thể phân biệt nói về thất định cụ. Thất đinh cụ là gì? Đó là chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Đó là đức Như Lai khéo có thể phân biệt nói về pháp thất định cụ. Này chư thiên, đức Như Lai khéo có thể phân biệt và nói về pháp tứ thần túc. Tứ thần túc là gì? (1) Nhờ tu tập Dục đinh mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc; (2) Nhờ tu tập Tinh tấn đinh mà diệt trừ được

các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc; (3) Nhờ tu tập Ý định mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc; (4) Nhờ tu tập Tư duy định mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thân túc. Đó là đức Như Lai khéo có thể phân biệt, nói pháp tứ thần túc. Này chư thiên, các hàng Sa-môn9 Bà-la-môn trong quá khứ đã dùng vô số phương tiện, hiện vô lượng thần túc, đều do tứ thần túc phát khởi; giả sử các Sa-môn5 Bà-la-môn trong tương lai dùng vô số phương tiện, hiện vô lượng thần túc cũng đều do tư thần túc này phát khởi; và các Sa-môn, Bà-la-môn hiện nay, dùng vô sô phương tiện, hiện vô lượng thân túc, cũng đêu do tứ thân túc này phát khởi. Khi đó, Phạm đồng tử liền biến thân mình thành thân Tam Thập Tam thiên, đồng thời cùng ngồi với chư thiên Tam Thập Tam và bảo: Ngươi muốn thấy năng lực thần biến của ta không? Đáp: -Vâng, muốn thấy! Phạm đồng tử nói: Ta cũng do tu tứ thần túc này nên có thể biến hóa vô số như thế. Lúc ấy, chư thiên Tam Thập Tam đều tự nghĩ: “Nay, chỉ Phạm đồng tử ngồi ở chô ngôi của ta mà nói lời ây, hơn nữa, khi vị Phạm đông tử hóa thân này nói thì hóa thân khác cũng nói, khi một hóa thân im lặng thì hóa thân khác cũng im lặng.“ Khi đó, Phạm đồng tử ấy liền thu nhiếp thần túc trở lại và ngồi chỗ ngồi của Bế-thích, đồng thời bảo chư thiên Đao-lợi như sau: Ta nay sẽ nói, các ngươi lắng ọ A nghe! jF Đức Như Lai, • . Chí Chân đã tự sử dụng năng lực của mình đê mở bày ba con đường tát hâu đên ngôi Chánh Giác. Ba con đường tắt đó là: Hoặc có chúng sanh thân cận tham dục, thực hành pháp bất thiện, người đó vê sau lại được thân cận thiện tri thức, được nghe lời pháp, các pháp đêu thành tựu, lúc đó họ rời tham dục, từ bỏ các hạnh bát thiện, được tâm hoan hỷ an nhiên khoái lạc, lại trong trạng thái khoái lạc ây mà phát sanh đại hoan hỷ. Ví như người từ bỏ thức ăn dở mà ăn cơm trăm vị, khi ăn xong thì no đủ. Thế rồi lại còn tìm thức ăn ngon hơn nữa. Cũng như thế, hành giả lìa bỏ bất thiện, được niềm hoan lạc, rồi ở trong trạng thái hoan lạc

đó mà sanh đại hoan hỷ. Đó là đức Như Lai tự sử dụng năng lực của mình để mở bày con đường tắt thứ nhất thành tựu Chánh giác tối thượng. Lại có chúng sanh nhiều sân nhuế, không từ bỏ ác nghiệp về thân, về khẩu và về ý. Người ấy về sau lại gặp được thiện tri thức, được nghe lời pháp và thành tựu các pháp, lìa bỏ những ác hành vê thân, vê khâu và vê ý, sanh tâm

4. KINH XÀ-NI-SA 107

hoan hỷ, an nhiên khoái lạc, lại ở trong trạng thái an lạc ấy phát sanh đại hoan hỷ. Như người từ bỏ thức ăn dở, ăn cơm trăm vị, khi ăn xong thì no đủ. Thế rồi lại còn tìm thức ăn ngon hơn nữa. Cũng như vậy, hành giả lìa bỏ pháp bát thiện, được niêm hoan lạc, lại ở trong niêm hoan lạc ây sanh đại hoan hỷ. Đó là đức Như Lai mở bày con đường tắt thứ hai. Hoặc có chúng sanh ngu si không trí tuệ, không biêt thiện ác, không có thê như thật biêt vê khô, tập5 diệt và đạo, người ây vê sau gặp được thiện tri thức, được nghe lời pháp thành tựu các pháp, biết được pháp thiện và bất thiện, đồng thời có thể biết như thật về khổ, tập, diệt và đạo, từ bỏ các hạnh bất thiện, tâm sanh hoan hỷ, an nhiên khoái lạc, lại ở trong trạng thái khoái lạc đó mà phát sanh đại hoan hỷ. Như người từ bỏ thức ăn dở đe ăn cơm trăm vị, khi ăn xong được no đủ, lại còn tìm thức ăn ngon hơn nữa. Cũng như vậy, hành giả lìa bỏ pháp bất thiện, được niềm hoan lạc, lại ở trong trạng thái hoan lạc ấy phát sanh đại hoan hỷ. Đó là đức Như Lai mở bày con đường tắt thứ ba. Phạm đồng tử ở trên chư thiên Đao-lợi nói Chánh pháp này. Tỳ-sa-môn Thiên vương lại vì quyến thuộc mà nói Chánh pháp này. Đồng thời, thần Xà-ni- sa cũng ở trước Phật mà nói Chánh pháp này. Đức Thế Tôn lại vì A-nan mà nói Chánh pháp này. A-nan lại vì chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc9 ưu-bà-di cũng nói Chánh pháp này. Lúc đó, ngài A-nan nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH TIỂU DUYÊN Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi v j, đều ngự tại giảng đường Lộc Mầu, trong vườn Thanh Tín, thuộc nước Xá-vệ. * Lúc đó, có hai người Bà-la-môn tên là Bà-tât-tra và Bà-la-đọa đem lòng tin vững chắc đi đến chỗ Phật ngự, cầu xin xuất gia hành đạo. Bấy giờ, đức Thế Tôn rời khỏi tịnh thất và đi kinh hành thong thả ở trên giảng đường. Khi Bà-tất-tra vừa trông thấy Phật đang đi kinh hành, ông vội vàng tìm đến Bà-la-đọa và hỏi: "Ngươi có biết không, nay đức Như Lai đã rời khỏi tinh thất và đang đi kinh hành trên giảng đường. Vậy, chúng ta có thể cùng đến chỗ Thế Tôn để nghe đức Như Lai có dạy điều gì kh6ng?" Khi Bà-la-đọa nghe xong lời này, liền cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ chân Phật và theo Phật đi kinh hành. Lúc ấy, đức Thế Tôn hỏi Bà-la-môn: Hai người các ông vốn sanh trưởng trong dòng Bà-la-môn, nay đem lòng tin vững chác muôn xuât gia tu hành ở trong giáo pháp của Ta phải không? Thưa phải! Phật dạy: Nay các ông xin xuất gia học đạo ở trong giáo pháp của Ta thì các ông đâu tránh khỏi sự hiềm trách của các Bà-la-môn? Vâng! Đúng như thế, nhờ đại ân của Phật cho chúng tôi xuất gia tu hành thì chắc chắn sẽ bị các Bà-la-môn khác hiềm trách chúng tôi. Họ lấy gì để hiềm trách các ông? Họ nói: "Dòng Bà-la-môn ta là tối cao bậc nhất, còn các dòng họ khác là thấp hèn; dòng họ ta trong sạch, dòng họ khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại

thanh tịnh, về sau cũng thanh tinh. Các người vì lẽ gì từ bỏ dòng họ thanh tịnh mà vào trong giáo pháp khác của Cù-đàm?^, Bạch Thế Tôn, những người kia thấy trong giáo pháp của Phật xuất gia tu đạo, dùng lời nói như thế mà trách chúng tôi. Phật dạy: Này Bà-tất-tra, ngươi hãy xem những người đó thật ngu si không biết, giông như câm thú mới dôi trá tự xưng: "Dòng Bà-la-môn là tôi cao bậc nhát, dòng họ khác là thấp hèn; dòng họ Bà-la-môn trong sạch, dòng họ khác tối tăm;

dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.,, Này Bà-tât-tra, nay trong đạo chân chánh vô thượng của Ta, không cân tự thị về dòng họ, không có tâm niệm ngã mạn, kiêu căng tự thị. Pháp the gian càn những thứ đó, trái lại giáo pháp Ta chẳng cần. Nếu có những Sa-môn, Bà- la-môn nào lòng đầy tự thị về dòng họ, tâm ôm chặt kiêu căng, ngã mạn thì ở trong giáo pháp của Ta suốt đời không thể chứng được đạo vô thượng. Ngược lại, nếu họ có thể từ bỏ lòng tự thị về dòng họ, đồng thời diệt trừ tâm kiêu căng, ngã mạn thì ở trong giáo pháp của Ta mới có thê thành đạo chứng quả và có thê lãnh thọ Chánh pháp. Thói thường, người đời rất gớm ghét hạ lưu nhưng giáo pháp của Ta thì không như thế. Này Bà-tât-tra, có bôn chủng tánh, gôm cả những người vừa thiện vừa ác sống lẫn lộn với nhau, vừa được người trí khen ngợi, đồng thời cũng vừa bị người trí chê bai. Bốn chủng tánh là: (l) Sát-đế-lợi; (2) Bà-la-môn; (3) Cư sĩ; (4) Thủ-đà-la. Này Bà-tât-tra, chác ngươi đã từng nghe trong dòng Sát-đê-lợi có kẻ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói độc ác, nói thêm bớt, xan tham, tật đố và tà kiến. Và trong dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà-la cũng đều có lẫn lộn đủ hạng người làm mười điều ác như thế. Này Bà-tất-tra, phàm hành động bất thiện thì tất nhiên có quả báo bất thiện, hành động hắc ám tất nhiên có quả báo hắc ám. Nếu giả sử quả báo này chỉ có cho dòng Sát-đế-lợi, Cư si, Thủ-đà-la mà không có cho người dòng Bà-la-môn thì dòng Bà-la-môn mới được tự xưng: "Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thì thấp hèn; dòng ta trong sáng, dòng khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh/9 Này Bà-tất-tra, giả sử hành động bất thiện tất nhiên có quả báo bất thiện, hành động tối tăm tất nhiên có quả báo tối tăm, hẳn là đối với dòng Bà- la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thì Bà-la-mon không được riêng xưng: "Dòng ta là thanh tịnh bậc nhất.” Này Bà-tất-tra, nếu trong dòng Sát-đế"lợi có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói độc ác, không nói thêm bớt, không xan tham, không tật đố và không tà kiến, đồng thời trong dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà-la cũng đều có người tu thập thiện như thế, phàm hành động thiện tất nhiên có quả báo thiện, hành động trong sáng tất nhiên có quả báo trong sáng. Giả sử quả báo này chỉ có đoi với dòng Bà-la-môn mà không có đối với dòng Sát-đế-lợi, Cư si, Thủ-đà-la thì dòng Bà-la-môn mới được tự xưng là: "Dòng ta thanh tịnh bậc nhất.” Giả sử bốn chủng tánh trên đều có quả báo này thì những Bà-la-môn không được riêng xưng là: "Dòng ta thanh tịnh bậc nhất.,, Này Bà-tất-tra, hiện nay, ai ai cũng thấy dòng Bà-la-môn cũng có cưới vợ, gả chồng và sanh sản như người thường không khác, thế mà họ dám dối trá tự

xưng: “Ta là dòng Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tjnh." Này Bà-tất-tra, nay ngươi phải biết, hàng đệ tử của Ta ngày nay dòng họ không đồng, chỗ sanh đều khác nhau và hiện ở trong giáo pháp Ta, xuất gia tu đạo. Nêu có người hỏi ông thuộc dòng họ nào? Nên đáp với họ: "Ta là con Sa-môn dòng họ Thích", cũng có thể tự xưng: "Ta là dòng Sa-môn, đích thân từ miệng Phật sanh ra, từ pháp Phật hóa sanh, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tinh." Tại sao? Vì danh từ Đại Phạm tức là tôn hiệu của Như Lai. Như Lai là con mat của thê gian, là trí tuệ của thê gian, là pháp của thê gian, là Phạm của thế gian, là Pháp luân của thế gian, là Cam lồ của thế gian, là Pháp chủ của thế gian. Này Bà-tất-tra, nếu như trong dòng Sát-đế-lợi, có người hết lòng tin Phật, đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu; hết lòng tin pháp, tin pháp của Như Lai vi diệu thanh tịnh, hiện tại có thể tu hành theo được, pháp ấy nói ra không hạn cuộc bởi thời gian, chỉ rõ chỗ ách yếu của Niết-bàn và chỉ có người trí mới thấy rõ, không phải kẻ phàm phu ngu si mà có thể thấu rõ được giáo pháp này; và hết lòng tin Tăng, tin Tăng là đệ tử chân thật của Phật, tánh thiện chát trực, thành tựu đạo quả, là quyên thuộc, đệ tử chân thật của Phật thì pháp này cũng thành tựu được gọi chung là thành tựu vê giới, vê định, vê tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiên. Đông hướng tới Tu- đà-hoàn thì chứng quả Tu-đà-hoàn, hướng tới Tư-đà-hàm thì chứng quả Tư- đà-hàm, hướng tới A-na-hàm thì chứng quả A-na-hàm? hướng tới A-la-hán thì chứng quả A-la-hán, đó là bốn đôi tám bậc, là chúng đệ tử của Như Lai. Chúng ấy đáng tôn kính, là ruộng phước của thế gian, xứng đáng thọ sự cúng dường của người, và hết lòng tin giới, thánh giới đầy đủ không thiếu sót, không tỳ vết, cũng không đốm dơ5 được người trí ngợi khen, đầy đủ tánh chất thiện lành và tịch tịnh. Này Bà-tất-tra, các dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng nên hết lòng như thế mà tin vào Phật, tin Pháp, tin Tăng và thành tựu Thánh giới. Này Bà-tất-tra, trong dòng Sát-đế-lợi cũng có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán và dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán. Phật bảo Bà-tất-tra: -Nay dòng họ Thích của Ta cũng phụng sự, lễ kính Vua Ba-tư-nặc, Vua Ba-tư-nặc cũng đến cúng dường, lễ kính Ta, nhà vua không nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm sanh trưởng trong dòng hào tộc, còn dòng họ ta thì thấp kém. Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ gia đình rất giàu c6, oai đức lớn, còn ta thì sanh trưởng trong gia đình bần cùng, ti tiện, quê mùa, cho nên ta phải đến cúng dường, kính lễ Như Lai." Vua Ba-tư-nặc nhờ quán thấy được sự trong sáng của giáo pháp mà biết rõ được chân ngụy, cho nên mới sanh lòng tin thanh tịnh và đến kính lễ, cúng dường Như Lai.

112 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Bà-tất-tra, Ta sẽ vì ông nói rõ bản duyên của bốn dòng họ trên: Đen khi kiếp thỉ chung của trời đất tận hoại, chúng sanh mạng chung, đều sanh lên cõi trời Quang Âm, tự nhiên mà hóa sanh, ở đấy họ sống bằng niệm lực trên thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc, bay trên hư không. Sau đó, cõi đất này biến hết thành nước tràn ngập khắp nơi. Chính lúc đó, không còn mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không còn ngày đêm, năm tháng, chỉ có vùng tối tăm rộng lớn. Sau đó biến nước này thành trời đất, các vi trời

Quang Âm, đến lúc hết phúc, mạng chung và trở lại sanh xuông đó. Tuy là sanh xuông đó nhưng vân còn sông băng niệm lực, có thân túc bay trên hư không, thân tự chiêu ánh sáng, họ sông ở đó một thời gian khá lâu và ai nấy đều tự xưng: "Chúng sanh, chúng sanh." Sau đó, trong cõi đất này, có dòng suối ngọt trào ra giống như tô mật, thế rồi các vị thiên mới đến kia, thiên tính còn hời hợt, khi thấy dòng suối này thì họ thầm nghĩ: "Đây là vật gì, ta hãy nếm thử!" Họ liền nhúng tay vào suối để nếm thít, và nêm vài ba lân như thê, biêt được vi ngọt của nước ây, họ mới lây tay bốc ăn, và ăn một cách say mê, không biết chán. Thế rồi, các chúng sanh khác cũng bắt chước bốc ăn5 họ ăn vài ba lần như thế thì biết được vị ngon của suối, và tiếp tục ăn mãi không thôi, do đó thân họ trở thành thô tháp, cơ nhục cứng cáp, mất cả sắc đẹp tuyệt diệu của trời; đồng thời không còn thần túc, phải đi trên đất, và ánh sáng trên thân cũng mất. Cả trời đất lúc đó đều tối tăm. Này Bà-tất-tra nên biết, theo lệ thường, sau khi tối tăm thì có mặt trời, mặt trăng, tinh tú xuất hiện ở trên hư không. Sau đó mới có ngày đêm, tối sáng, tháng năm. Chúng sanh lúc này chỉ ăn mùi đất và sống rất lâu ở thế gian. Trong sô đó, người nào càng ăn nhiêu thì nhan sác càng thô xâu, ngược lại, nêu người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp, do đó mới có sự đẹp xấu, đoan chánh phát sanh. Chẳng hạn, người đoan chánh thì sanh tâm kiêu mạn, khinh người xâu xí; trái lại, người thô xâu thì sanh tâm ganh ghét người đoan chánh. Vì thê, chúng sanh mới nảy ra sự tranh cãi và ganh ghét nhau kể từ đấy. Bây giờ, suôi ngọt tự nhiên khô cạn, sau đó cõi đát này lại sanh ra loại nam đất tự nhiên đầy đủ hương vi và màu sắc, thơm tho, tinh khiết và có thể ăn được. Chúng sanh lúc ây lại lây nam đát đó ăn và sông ở thê gian này khá lâu. Trong số đó5 người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu. Người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi đẹp. Thế rồi, người đoan chánh sanh tâm kiêu mạn, khinh người thô xấu, ngược lại, người thô xấu thì sanh tâm ganh ghét người đoan chánh. Do đó, chúng sanh mới nảy ra sự tranh tụng với nhau. Bấy giờ, nấm đất không sanh lại nữa mà sanh một lại nấm đất khác, thô dày, tuy cũng có mùi thơm tho ăn được nhimg không bằng loại trước. Chúng sanh lúc này lại lấy loại nấm đó để ăn và sống khá lâu ở thế gian này. Trong số đó, người nào ăn nhiêu thì nhan sác thô xâu, trái lại, người nào ăn ít thì nhan sác vẫn còn tươi đẹp. Do đó đưa đến tình trạng người đoan chánh khinh kẻ thô xấu, tranh tụng về thị phi mãi với nhau.

5. KINH TIÊU DUYÊN 113

Bây giờ, loại nam ây không còn sanh lại nữa mà sanh ra loại gạo tự nhiên không có trấu cám, loại gạo này đầy đủ những hương vi, màu sắc, thơm tho tinh khiết, có thể ăn được. Thế rồi, chúng sanh lúc đó lại lấy gạo này ăn và sống ở thế gian khá lâu. Sau đó, con trai con gái thân nhau, dần dà có tình dục, đưa đến việc thân nhau và gần nhau. Những chúng sanh khác thấy thế nói: "Việc ngươi làm không đúng, việc ngươi làm không dung/9 Thế rồi, người kia bi trục xuất, sau ba tháng mới cho trò lại. Phật bảo Bà-tất-tra: Những điều trước kia người ta cho là không đúng thì bây giờ người ta cho là đúng và cứ tập quen theo điều không đúng như thế, đến nỗi buônẹ lung tình dục không có thời tiết, do vì hổ thẹn nên họ tạo ra phòng, từ đó, the gian mới có nhà cửa. Theo đà đó, họ quen với điều không dúng, sự dâm dục càng tăng và mới có bào thai sanh ra từ sự bất tịnh, từ đó ở thế gian bắt đầu có bào thai. Khi đó5 chúng sanh trên chỉ

ăn lúa gạo tự nhiên, hễ lấy đi bao nhiêu thì lúa lại sanh ra bấy nhiêu, vô cùng vô tận, lúc ấy, trong nhóm chúng sanh trên, lại có người biếng nhác, tự nghĩ thầm: "Nếu sáng ăn sáng lấy, chiều ăn chiều lấy thì quá nhọc công, chi bằng nay ta hãy lấy đủ ăn cho một ngày." Thế rồi, họ liền lấy đủ ăn cho một ngày. Sau đó, bạn bè thấy vậy kêu nhau đi lấy gạo. Kẻ lười đáp: "Tôi đã lấy đủ ăn một ngày, còn ngươi muốn lấy mấy thì tùy y." Những người bạn tự nghĩ: "Người này khôn ngoan thật, đã biết lấy lương thực trước để tích trữ. Ta nay cũng muốn tích trữ lương thực để ăn ba ngày.^, Lập tức họ lấy đủ ăn ba ngày. Khi ấy, những chúng sanh khác đều nói: "Chúng ta hãy cùng đi lấy g@o!" Đáp: "Ta đã lấy lương thực cất đủ ăn cho ba ngày. Còn các ngươi muốn lấy mấy thì tùy ý." Những chúng sanh khác tự nghĩ: "Người này khôn ngoan thật, đã cất lương thực đủ ăn cho ba ngày. Vậy ta hãy bắt chước cất lương thực đủ ăn cho năm ngày." Họ bèn lay lương thực cất đủ ăn cho năm ngày. Cứ như thế, chúng sanh tranh nhau tích trữ lúa gạo làm cho gạo trở nên hư xấu, đồng thời càng sanh trấu cám và khi gặt rồi thì không sanh trở lại như trước. Chúng sanh bất ngờ thấy thế, trong lòng không vui, mới có sự lo lắng, hoanẹ mang và suy nghĩ: "Chúng ta lúc đâu mới sanh chỉ sống bằng niệm lực, có thân túc, bay trên hư không, thân tự chiếu sáng và sống ở thế gian này khá lâu. Sau đó? trong cõi đất này có dòng suối ngọt trào ra giống như tô mật, thơm, ngon ngọt có thê ăn được. Chúng ta lúc đó cùng ăn thức ăn này, ăn một thời gian lâu, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do vì ăn thứ này nên khiến cho chúng ta có sự khác nhau về nhan sắc. Thế rồi, chúng ta mãi ôm lòng tranh tụng, thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Lúc đó? dòn^ suối ngọt tự nhiên khô cạn và sau đó cõi đất này tự nhiên sanh ra một loại nam đất, mùi vi đầy đủ thơm ngon có thể ăn được. Khi chúng ta gặp bèn lấy thứ nấm này ăn, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Chúng ta lúc đó mãi ôm lòng tranh tụng, thi phi và ganh ghét lẫn nhau. Khi đó nấm đất không sanh lại nữa,

sau đó lại sanh một loại nam khác, thô dày, cũng thơm ngon và ăn được. Chúng ta thấy lại lấy ăn, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Thế rồi, chúng ta lại sanh lòng tranh tụng, thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Lúc đó, nam đất không sanh nữa mà lại sanh một loại gạo tự nhiên, không có vỏ trâu. Khi chúng ta gặp loại gạo này lại lây ăn và sông khá lâu ở thế gian. Có người biếng nhác, cạnh tranh nhau tích trữ, do đó gạo trở nên hư xấu và có nhiều trấu, gặt xong, lúa không sanh trở lai?9 Họ không biết phải làm sao! Tức thì họ tự bảo nhau: “Bây giờ, chúng ta nên chia đất ra và cắm nêu làm dấu." Họ liền chia đất ra và cắm nêu làm dấu. Này Bà-tất-tra, do nhân duyên ấy mới phát sanh danh từ ruộng đất. Chúng sanh lúc đó đã cắt ruộng đất, lập ranh giới từng khu riêng biệt nên dần dần họ sanh tâm trộm cắp lúa gạo của nhau. Những chúng sanh khác trông thấy, họ nói: "Việc ngươi làm không đúng, việc ngươi làm không đúng! Ngươi đã có ruộng đất mà còn lấy trộm của người. Từ nay về sau ngươi không được làm như thế nữa." Những chúng sanh kia vẫn trộm cắp mãi, mặc dù những chúng sanh này đã quở trách nhiều lần nhưng hắn vẫn không thôi nên họ lấy tay đánh và tố cáo với mọi ròi: "Người này có ruộng lúa mà lại đi lấy trộm của người khác." Kẻ trộm lại to người đánh mình rằng: "Người này đánh t6i." Khi

đó, chúng sanh khác thấy hai người cãi vã nhau thì ưu sầu không vui và nói một cách ảo não: "Chúng sanh càng ác độc nên the gian mới có việc bất thiện phát sanh. Do đó, điêu xâu ác, bát tịnh là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chét và phiên não khổ báo đọa trong ba đường ác. Bởi có ruộng đất riêng nên đưa đến kiện cáo, vậy chúng ta có thể lập lên một người chủ để xử lý việc này: 'Hễ ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách/ Chúng ta sẽ giảm bớt phần gạo để cung cấp cho họ để họ xử lý việc tranh tụng.” Bấy giờ, họ mới chọn một người trong chúng, có hình vóc cao lớn, dung mạo đoan chánh, có oai đức và bảo: "Ngươi hãy vì chúng tôi mà làm ông chủ bình đẳng hễ ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng quở trách thì quở trách, ai đáng đuổi đi thì đuổi đi. Chúng tôi sẽ góp gạo cung cấp cho!” Lúc đó, người được chọn nghe nói thế liền nhận lời lên làm chủ để xử đoán việc kiện cáo, còn mọi người thì lo góp gạo cung cấp. Bấy giờ, người chủ ấy lại dùng lời dịu dàng an ủi mọi người và mọi người nghe xong đều vô cùng hoan hỷ và tôn xưng: “Lành thay, Đại vương! Lành thay, Đại vương!" Từ đó, thế gian mới có danh từ vua và do dùng Chánh pháp trị dân nên gọi là Sát-đế-lợi. Lúc đó, thế gian bắt đầu có tên Sát-đế-lợi. Thê roi, trong đám Sát-đê-lợi trên, có người nghĩ như sau: "Nhà là đại hoạn, nhà là gai độc, nay ta thà bỏ nhà đi ở riêng trên núi rừng, đến nơi nhàn tịnh tu hành.” Thế rồi, họ liền bỏ nhà vào trong rừng núi trầm lặng suy tư, đến giờ ăn thì mang bình bát vào làng khất thực, mọi người trông thấy đều vui vẻ cúng dường, hoan hỷ tán thán rằng: uQuý hóa thay, nguôi này có thể bỏ nhà đi ở riêng trên núi rừng, trầm lặng tu dạo, xa lìa mọi điêu ác." Từ đó, trong thế gian mới bắt đầu có thêm Bà-la-môn.

Nhưng trong số Bà-la-môn trên, lại có kẻ không thích nhàn tịnh, tọa thiền và suy tư mà lại vào nhân gian hành nghề đọc tụng và tự nói: “Ta là người không tọa thiền." Lúc đó9 người thế gian mới gọi họ là uBà-la-môn không tọa thin.” Do vì hay đi vào nhân gian nên gọi là "Nhân gian Bàlam6n." Và lúc đó, mới có dòng Bà-la-môn xuất hiện ở đời.
Lại trong những chúng sanh trên có người ưa kinh doanh sự nghiệp, chứa nhiều của báu, nhơn đó người ta gọi những người này là "Cu sĩ.59 Ngoài ra, trong số đó có người nhiều kỹ thuật, khéo léo về phần kiến tạo nên thế gian mới bắt đầu có tên 6íThủ-đà-la công xM" Này Bà-tât-tra, nay thê gian có đủ tên giai cáp và hạng thứ năm là chúng Sa-môn. Vì sao? Này Bà-tất-tra? vì trong dòng Sát-đế-lợi hoặc có người tự thấy chán với lối sống của mình nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y. Từ đó danh từ Sa- môn xuất hiện. Lại trong dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà-la5 hoặc có người tự thấy chán với lối sống của mình nên cạo bỏ râu tóc mặc pháp y tu đạo thì gọi là Sa-môn. Này Bà-tất-tra, người dòng Sát-đế-lợi, nếu họ hành động bất thiện về thân, về khẩu và về ý, khi thân hoại mạng chung nhất định phải thọ quả báo khổ, đồng thời dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la nếu họ hành động bất thiện về thân, về khẩu và về ý9 sau khi thân hoại mạng chung tất nhiên cũng phải thọ quả báo khổ như thế. Này Bà-tất-tra? nếu người dòng Sát-đế-lợi mà họ hành thiện về thân, về khâu và vê y, khi thân hoại mạng chung, tát nhiên được hưởng quả báo an vui, đồng thời người dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà-la mà họ hành thiện về thân, về khẩu và về ý thì khi thân hoại mạng chung, tất nhiên họ cũng được hưởng quả báo an vui như thế. Này Bà-tất-tra5 nếu người dòng Sát-đế-lợi

mà thực hành hai điều thiện ác về thân, về khẩu và về ý, nhất định sau khi thân hoại mạng chung sẽ thọ quả báo vừa khổ vừa vui. Đồng thời, dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà-la nếu họ thực hành hai điều thiện ác về thân, về khẩu và về ý, khi thân hoại mạng chung tất nhiên cũng thọ quả báo vừa khổ vừa vui như thế. Này Bà-tất-tra, trong dòng Sát-đế-lợi có kẻ cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu đạo và tu bảy pháp giác ý, không bao lâu thì thành đạo. Vì sao? Vì những người dòng Sát-đế-lợi đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu các Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh thì trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la nếu có người cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không bao lâu được chứng ngộ. Vì sao? Vì những người trong dòng họ trên cũng đã mặc pháp phục, xuất gia tu Phạm hạnh vô thượng, tư mình chứng nệộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành lập, những gì can làm đã làm xong, không còn thọ thân sau.

116 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Bà-tất-tra, cả bốn giai cấp trên đều có thể thành tựu về Minh, Hạnh và A-la-hán là bậc nhất trong năm hạng trên. Phật dạy: Này Bàtấttra, Phạm thiên vương có nói bài kệ rằng: Sanh Sát-lợi hơn cả, Nếu xuất gia tu hành, Minh, Hạnh đều thành tựu, Bậc nhất trong thế gian. Phật dạy: Này Bà-tất-tra, Phạm thiên này khéo nói chứ không phải không khéo nói. Bài kệ của Phạm thiên ấy đáng lãnh thọ chứ không phải không đáng lãnh thọ và khi đó Ta liền ấn khả lời nói ấy của Phạm thiên. Tại sao? Vì Ta là đấng Như Lai, Chí Chân, cũng nói nghĩa đó: Sanh Sát-lợi hơn cả, Nếu xuất gia tu hành, Minh, Hạnh đêu thành tựu, Bậc nhát trong thê gian. Khi đức Thế Tôn nói pháp xong, Bà-tất-tra, Bà-la-đọa liền được Tâm vô lậu giải thoát. Khi Bà-tất-tra, Bà-la-đọa nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vi đại Tỳ- kheo đang du hóa trong nhân gian, tại Ma-hê-sầu-la và lần đến nước Ma-la-lâu. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy tự thắp đuốc lên mà di, hãy thắp lên Chánh pháp chứ đừng thắp lên một pháp nào khác, và hãy tự nương tựa chính mình, hãy nương tựa Chánh pháp chứ đừng nương tựa một pháp nào khác! Này các Tỳ-kheo, thế nào là phải tự mình thắp đuốc lên mà di, hãy thắp lên Chánh pháp, đừng thắp lên một pháp nào khác, và hãy nương tựa với chính mình, hãy nương tựa Chánh pháp chứ đừng nương tựa một pháp nào khác? Ấy là các Tỳ-kheo quán thân trong thân, siêng năng không biếng nhác, nhớ mãi không quên để trừ tâm tham ưu ở thế gian. Cho đến quán thân ngoài thân, và đông thời quán thân trong, ngoài thân, siêng năng không biêng nhác, nhớ mãi không quên để trừ tâm tham ưu ở thế gian. Quán sát về thọ, về ý, về pháp cũng như thế. Đó là các Tỳ-kheo tự mình thắp đuốc lên mà đi, thắp lên Chánh pháp, không thắp lên một pháp nào khác, và nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp chứ không nương tựa một pháp nào khác. Nếu ai tu hành được như thế thì ma không thể quấy nhiễu, công đức mỗi ngày một• thêm. r Tại * vì sao? Vì với thời gian lâu xa trong quá y khứ, có một2 vị vua tên là Kiên Cô Niệm, thuộc dòng vua chúa, có nước

rưới đâu, làm Chuyên Luân Thánh Vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ. Lúc đó, vua rất tự tại, lấy Chánh pháp để trị vì. Đặc biệt nhất trong loài người là vua có đủ bảy thứ báu: (l) Xe vàng báu; (2) Voi trắng báu; (3) Ngựa xanh báu; (4) Thần châu báu; (5) Ngọc nữ báu; (6) Cư sĩ báu; (7) Chủ binh báu. Vua có đủ một ngàn người con trai mạnh mẽ bạo dạn, đủ sức dẹp giặc, không cần binh đao mà tự nhiên thái bình. Vua Kiên cố Niệm trị vì đã lâu ngày, một hôm xe vàng báu ở trên không trung bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ. Lúc ấy, người giữ xe liền đến tâu với vua: "Tâu Đại vương nên biết, xe báu nay đã rời khỏi chỗ cũ." Nghe xong, Vua Kiên Cố Niệm tự nghĩ: "Ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói: 'Nếu xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương rời khỏi chỗ cũ thì nhà vua không còn sống bao lâu nữa!' Ta nay đã hưởng phúc báu nhân gian xong, vậy nên tìm cách tu hành

để hưởng phúc lộc cõi trời. Ta nên lập thái tử lên ngôi để thống lãnh bốn châu thiên hạ, và cat một áp cho người thợ hớt tóc roi ra lệnh xuông tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành." Vua Kiên cố Niệm lúc đó liền gọi thái tử lại và bảo: “Con có biết không, ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói: 'Nếu xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương rời khỏi chỗ cũ thì mạng sống của nhà vua không còn bao lâu nữa!' Nay ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho con. Con hãy gắng sức thương yêu chúng sanh!" Khi ây, thái tử vâng lệnh vua cha. Bây giờ, Vua Kiên Cô Niệm liên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia tu hành. Vua xuất gia được bảy ngày thì xe báu bỗng nhiên không hiện nữa. Người giữ xe liền đến tâu đức vua như sau: "Đại vương nên biết, nay xe báu bỗng nhiên không hiên.” Khi nghe qua, tâm nhà vua không vui, liền tìm đến phụ vương Kiên cố Niệm thưa rằng: -Thưa Phụ vương nên biết, xe báu hiện nay bỗng nhiên không hiện. Vua Kiên cố đáp: -Này thái tử, ngươi chớ lo lắng cho đó là điều không vui. Xe báu đó không phải là của cha ngươi. Ngươi phải cố gắng thi hành theo Chánh pháp của Thánh vương. Khi thi hành xong, ngươi hãy vào ngày răm trăng tròn, tăm gội nước hương, lên ngôi trên Chánh Pháp điện, có thê nữ vây quanh thì tự nhiên xe vàng báu hiện đến. Xe có ngàn căm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc, do thợ trời tạo thành, không phải thế gian có. Thái tử thưa phụ vương: -Thế nào là Chánh pháp của Chuyển Luân Thánh Vương? Và làm sao thi hành? Phụ vương đáp: Nếu quy y theo Chánh pháp, gây dựng Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp, cung kính, tôn trọng quan sát Chánh pháp, lấy Chánh pháp làm dầu, giữ gìn Chánh pháp, lại đem Chánh pháp dạy dỗ cho các thể nữ, các tiểu vương, vương tử, đại thần, bá quan, dân chúng, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến loài cầm thú đều phải chăm nom một cách tận tụy. Lại bảo thái tử: Trong lãnh thổ của ngươi, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tu hành chân chánh, đầy đủ công dức, siêng năng, không lười biếng, xa lìa tâm kiêu mạn, nhẫn nhục, nhân từ, một mình ở nơi thanh vắng, tu tập một mình đạt được Niết-bàn. Họ không những tự diệt trừ tham, sân, si mà còn dạy bảo người khác diệt trừ tham, sân, si. Hơn nữa5 họ ở chỗ ô nhiễm mà không bi ô nhiễm, ở chỗ ngu si mà không bị ngu si ám ảnh, ở chỗ đầy đắm nhiễm mà không đắm nhiễm, ở chỗ đáng trụ mà không trụ, ở chỗ đáng ở mà không ở. Thân hành động ngay thẳng, miệng nói lời chân thật, ý nghĩ chân chính, thân làm việc thanh tịnh, miệng thốt lời thanh tịnh, ý nghĩ thanh tinh, có lòng nhân từ vô hạn, biết đủ

r 7

trong sự ăn mặc và mang bát đi khát thực đê gây phúc lành cho chúng sanh. Có những hạng người như the, ngươi phải thỉnh thoảng tìm đen, tùy thời hỏi han vê các việc tu hành, thê nào là thiện, thê nào là ác, thê nào là phạm, thê nào là không phạm, người nào đáng gần, người nào không đáng gần, việc gì đáng làm và việc gì không đáng làm, và thi hành pháp gì mà suốt ngày đêm được vui vẻ! Sau khi hỏi xong, ngươi hãy lấy ý mình quan sát, thấy việc nên làm thì làm, việc đáng bỏ thì bỏ, trong nước có những kẻ mồ côi, già cả thì hãy chẩn cấp, hoặc người nghèo nào khốn khổ đến xin thì cẩn thận chớ có trái ý họ, nhất là trong nước có bao nhiêu luật pháp, phong tục có sẵn, ngươi chớ nên tự ý sửa đôi. Đó là pháp tu hành của Chuyên Luân Thánh Vương, ngươi nên tuân hành. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Khi Chuyển Luân Thánh Vương nghe phụ vương dạy xong thì tu hành đúng như lời dạy. Đen ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, ngồi trên điện cao có thể nữ bao quanh, tự nhiên có xe báu xuất hiện. Xe có ngàn căm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc, do thợ trời tạo nên chứ không phải thế gian có, do vàng ròng làm thành, đường kính xe bằng một trượng tư. Khi ấy, vị Chuyển Luân Thánh Vương thầm nghĩ: "Ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói: 'Nếu một vị vua thuộc dòng Sát-đê-lợi, có nước rưới đâu, đên ngày răm trăng tròn, tăm gội nước hương, lên ngoi trên bảo điện, có the nữ vây quanh, bỗng nhiên có xe vàng xuất hiện trước mặt. Xe có ngàn căm đầy đủ ánh sáng và màu sắc, do thợ trời làm chứ chẳng phải thế gian có. Xe toàn bằng vàng ròng, đường kính bằng một trượng tư, vị ấy gọi là Chuyển Luân Thánh Vương/ Ta nay có xe báu hiện, há không phải hay sao? Vậy ta hãy dùng xe báu này." Bây giờ, Chuyên Luân Thánh Vương liên triệu tập bôn binh chủng, ngài tiến đến trước xe vàng báu để lộ cánh tay phải, gối phải quỳ chấm đất, lấy tay phải xoa vỗ lên xe vàng và nói: "Ngươi hãy theo đúng pháp mà chạy về hướng Đông, không nên trái với thông le." Thế thì xe liền chạy về hướng Đông, lúc ấy vua liền dẫn bốn thứ binh chủng đi theo sau xe. Trước mặt xe vàng có bốn vi thần dẫn đường, hễ đến chỗ xe vàng dừng, vua cũng ngừng xe lại. Khi đó, các tiểu quốc vương phương Đông thấy vua đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đên trước nhà vua và cúi đâu tâu: Quý hóa thay, Đại vương đã ngự giá đến đây! Nay phương Đông này, đất đai phì nhiêu, dân cư đông đúc, tánh tình nhơn hòa, hiếu thảo trung trực, mong Đại vương hãy lấy Chánh pháp trị vì xứ này! Chúng tôi sẽ cho người hầu hạ và thừa hành thích đáng. Lúc đó, Chuyên Luân Thánh Vương nói: Thôi, thôi, chư Hiền, như vậy là đã cúng dường cho ta rồi! Hãy dùng Chánh pháp tri dân, chớ có thiên vị, và làm thê nào đê những điêu phi pháp không xảy ra trong nước, đó tức là ta đã trị vì rồi!

Khi nghe xong, các tiểu vương vâng lệnh và theo hộ giá Đại vương đi kinh lý các nước đến tận bờ biển phía Đông; sau đó5 đi về hướng Tây, hướng Nam và hướng Bắc cũng vậy. Hễ xe vàng đến đâu thì các tiểu vương đều hiến dâng lãnh thổ của mình cũng như tiểu quốc vương ở phương Đông đã làm. Trước hét, Chuyên Luân Thánh Vương theo xe vàng đi kháp bôn biên, đem Chánh đạo đê mở mang dân trí và an ủi nhân dân, sau đó

mới trở vê nước. Khi ây, xe vàng báu vê đên cửa cung liên bay lên trên không trung mà đứng. Thây vậy, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở nói: “Xe vàng này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về xe báu. Vị Chuyên Luân Thánh Vương trị vì lâu ngày, một hôm xe báu ở giữa không trung bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ, người coi xe liền đến báo tin cho vua hay: "Tâu Đại vương, nay xe báu đã rời khỏi chỗ cũ." Đại vương nghe xong, tự nghĩ: "Ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói: 'Nếu xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương rời khỏi chỗ cũ thì nhà vua sống chẳng được bao lâu nữa!' Ta nay đã hưởng phúc báu cõi người xong, vậy ta nên tìm cách tu hành để hưởng phúc báu cõi trời", tức thì, liền lập thái tử lên ngôi để thống lãnh bốn châu thiên hạ, đông thời cat một áp cho người thợ hớt tóc roi ra lệnh xuống tóc, mặc ba pháp y và xuất gia tu hành. Lúc đó, vua liền gọi thái tử vào và bảo: "Con có biết không, ta đã từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói: 'Nếu xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương rời khỏi chỗ cũ thì nhà vua sống chẳng bao lâu nữa!' Ta nay đã hưởng phúc lạc cõi người rồi, cần phải tìm cách tu hành để hưởng phúc cõi trời. Vì thế ta nay muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, do đó ta đem bôn châu thiên hạ ủy thác cho con, con hãy găng sức thương yêu dân chiing.” Lúc ây, thái tử vâng lệnh phụ vương. Nhà vua liên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành. Khi nhà vua xuât gia được bảy ngày, xe vàng bông nhiên không hiện. Người giữ xe liền đến thưa với nhà vua: "Tâu Đại vương nên biết, nay xe báu bỗng nhiên không hiên.” Nhà vua nghe xong nhưng không thấy làm lo lắng, cũng không đến hỏi ý kiến vua cha, rồi bỗng vua cha băng hà. Ke từ đây về trước, có sáu vị Chuyển Luân Thánh Vương đều lần lượt trao ngôi cho nhau, và đều lấy Chánh pháp trị dân, chỉ có một ông vua sau cùng tự chuyên quyền trị nước, không theo pháp cũ, chính trị bất công, khiến cho thiên hạ oán than, quốc gia suy sụp, dân chúng điêu linh. Khi đó, có một đại thần Bà-la-môn đên thưa với vua: “Dại vương nên biêt, nay quôc gia đã suy sụp, dân chúng điêu linh, càng ngày càng không được bình thường. Tâu Đại vương, nay trong quốc gia có nhiều nhà trí thức, thông minh, bác học, thấu rõ cổ kim, biết đủ các pháp chính tri của tiên vương, sao ngài không mời họ lại để hỏi về những điêu họ biêt? Nêu Đại vương hỏi, chác họ sẽ dáp." Bây giờ, nhà vua liên triệu tập quân thân đên hỏi vê chính trị của tiên vương. Các vi quân thân trí thức lúc đó đều đáp đầy đủ những vấn đề chính tri. Nhà vua nghe qua liền thi hành pháp

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG Tư HÀNH 121

CŨ, dùng Chánh pháp đê tri dân nhưng vân không chân tê cho kẻ mô côi, già cả và bố thí cho người bần cùng. Do đó5 dân chúng đã đưa đến tình trạng nghèo khó và cướp giật lẫn nhau, nạn đạo tặc hoành hành rất nhiều. Mỗi khi người ta rình bắt được thì đem đến nhà vua và tâu: Người này là giặc cướp, xin Đại vương hãy trừng trị họ! Nhà vua liền hỏi: Ngươi có phải là giặc cướp không? Đáp: Thật vậy, vì tôi quá nghèo đói, không thể sống nổi, cho nên tôi làm giặc. Lúc đó, nhà vua liền lấy đồ vật trong kho ban cho người ấy và nói: Ngươi hãy đem của này về cung cấp cho cha mẹ và giúp đỡ bà con, từ nay về sau chớ có làm giặc nữa! Các người khác thây vậy đôn răng: "C6 kẻ giặc cướp mà được nhà vua cung cấp cho của báu.” Nên lúc đó có những người khác cũng bắt chước trộm cướp và cũng bị người ta rình bắt được, dẫn đến nhà vua và tâu:

Người này là giặc cướp, xin Đại vương hãy trừng trị họ! Nhà vua hỏi: Có thật ngươi là giặc cướp không? Người ây đáp: Thật có! Vì tôi quá nghèo đói, không thể sống nổi, cho nên làm giặc cướp. Nhà vua liên lây đô vật trong kho cho người ây và căn dặn: Ngươi hãy đem của này vê cung cáp cho cha mẹ và giúp đỡ bà con, từ nay về sau chớ có làm giặc cướp nữa! Lại có người thấy vậy đồn rằng: Có kẻ làm giặc cướp mà được nhà vua cung cáp của báu. Họ lại bát chước trộm cướp, lại bị người ta rình bắt được dẫn đến nhà vua và tâu rằng: -Người này làm giặc, xin Đại vương hãy trừng trị họ! Nhà vua hỏi: Ngươi có thật là giặc không? Đáp: Thật có! Vì tôi quá nghèo đói, không thể sống nổi nên làm giặc. Lúc đó, nhà vua tự nghĩ: "Trước có người làm giặc, ta thấy họ nghèo đói nên cấp cho của báu và bảo thôi. Nhưng người khác nghe thế lại bắt chước làm giặc, nạn giặc cướp do đó lan tràn mãi. Nay ta có thể bắt trói người ấy lại, dắt đi các ngõ đường, sau đó đưa ra ngoài thành, đến nơi đất trống mà thi hành hình phạt để răn người sau." Vua liền bảo cận vệ bắt trói lại, rồi đánh trống ra lệnh dắt đi qua các ngã đường, xong rồi đem ra ngoài thành đến nơi trống trải để thi

y x r hành hình phạt. Mọi người lúc đó đôn đãi và bảo nhau răng: “Nêu chúng ta làm giặc thì cũng bị như người ấy không khAc!" Từ đấy, mọi người trong nước tự phòng thủ lấy, tạo ra gậy gộc, gươm đao, cung tên và lần lần tàn hại, đánh đập, cướp giật lẫn nhau. Ke từ vị vua này mới có nạn nghèo đói; mà đã có nạn nghèo đói mới có nạn cướp bóc; khi đã có nạn cướp bóc thì có gậy gộc; khi có gậy gộc thì có tàn sát; khi có tàn sát thì nhan sác con người tiêu tụy, mạng sông ngăn ngủi. Con người lúc đo song tam vạn tuổi, ve sau giam dan con hai vạn tuôi. Lại trong so đo, co người sống lâu, có người chết yểu, có người khổ, có người vui; những người khổ bèn sanh tâm tà dâm, tham lam, bày ra nhiều phương tiện để mưu đoạt đồ vật của người nên tai nạn nghèo đói, trộm cướp, binh đao gậy gộc, tàn sát lẫn nhau, lan tràn khắp nơi, càng ngày càng nhiều, làm cho mạng sống con người giảm dần chỉ còn một vạn tuổi. Khi con người sống một vạn tuổi thì vẫn trộm cướp lẫn nhau. Nếu có ai rình bắt được dẫn đến nhà vua và tâu: Người này làm giặc, xin Đại vương hãy trừng trị họ! Nhà vua hỏi: Ngươi có thật làm giặc không? Người ấy đáp: -Tôi không làm! Thê là ở giữa mọi người mà nói dôi. Như vậy, chúng sanh lúc ây vì nghèo cùng nên trộm cướp; vì trộm cướp nên có đao binh; vì có đao binh nên có sự tàn sát; vì có tàn sát nên tham lam, tà dâm; vì có tham lam, tà dâm nên nói doi; VÌ nói dôi nên tuổi thọ giảm dân và chỉ còn sông một ngàn tuôi. Trong thời gian con người sông một ngàn tuổi, ba ác hạnh vê miệng bat đâu có ở thế gian: (l) Nói lời hai lưỡi; (2) Nói lời độc ác; (3) Nói thêm bớt. Ba ác nghiệp đó dần dần phát triển mạnh nên tuổi thọ con người giảm xuống còn năm trăm tuổi. Trong thời gian con người sống năm trăm tuổi thì có ba ác hạnh khởi: (l) Dâm dục phi pháp; (2) Tham lam phi pháp; (3) Tà kiến. Ba ác nghiệp đó dàn dần phát triển mạnh nên tuổi thọ con người giảm xuống chỉ còn ba trăm tuổi, hai trăm tuổi, người thời nay chúng ta chỉ sông một trăm tuổi. ít người quá trăm tuôi, nhiêu người dưới trăm tuôi và cứ làm ác mãi như thê, tuôi thọ còn giảm cho đên khi nhân loại chỉ còn sông mười tuôi là cùng. Trong khi con người sống mười tuổi, con gái sanh ra vừa năm tháng đã lấy chồng. Thế gian lúc đó, những vị ngon ngọt như dầu, mỡ, đường, mật không còn nghe tên, đậu mè, lúa nếp

biến thành cỏ lác; các loại vải như tơ lụa, lãnh nhiễu, vải trắng, vải kiếp-ba đều biến mất, do đó họ phải dệt lông, bện gai to xâu đê làm áo mặc.

Lúc đó, toàn cõi đát này sanh đây gai góc, muôi mòng, môi nhặng, rận rệp, rắn rết, bò cạp, độc trùng. Vàng bạc, lưu ly, châu ngọc của báu, thảy đều ẩn vào trong đất, chỉ còn ngói đá, sạn sỏi xuất hiện trên mặt đất. Chúng sanh lúc đó tuyệt nhiên không còn nghe đến tên thập thiện, chỉ có thập ác đây dẫy thê gian, bây giờ không có cái tên thiện pháp thì người ta do đâu mà tu thiện hạnh? Lúc đó, chúng sanh thường làm điều cực ác. Những người bất hiếu với cha mẹ, không cung kính Sư trưởng, không trung nghĩa, phản nghịch, vô đạo thì được tôn kính như hiện nay người ta tôn sùng người làm lành, hiếu thảo với cha mẹ, cung kính Sư trưởng, trung tín, nhân nghĩa, hợp đạo và tu hành. Chúng sanh lúc bấy giờ phần nhiều là tạo thập ác nên bị đọa ác đạo nhiều, hễ vừa trông thấy nhau là chúng giết nhau, giống như thợ săn khi trông thấy bầy nai. Cõi đát này lúc ây đây cả hâm hô, khe suôi, hang hóc, đát rộng, người thưa, đi lại ghê sợ, và lúc đó có nạn đao binh nổi lên, ngay cả cọng cỏ, cành cây cầm trên tay cũng biến thành gươm đao. Họ lần lượt giết nhau trong bảy ngày như thế, trong sô đó, có người có trí, tìm cách lánh vào rừng sâu, ở trong hang hố, trong vòng bảy ngày, lòng họ sợ hãi và phát ra lời từ thiện như sau: “Ta không hại người, người không hại ta." Họ nhờ ăn trái cây mà sống, khi qua khỏi bảy ngày, họ từ núi rừng đi ra, hễ gặp người nào còn sống, vừa thấy nhau, họ đã mừng rỡ và chúc nhau: "Nguôi không chết ư? Ngươi không chết u?" Cũng như cha mẹ chỉ có một đứa con xa cách lâu ngày đến khi gặp lại thì vui mừng không xiết kể. Những người như thế, họ đem lòng mừng rỡ, chúc tụng lẫn nhau. Sau đó, họ đi thăm hỏi về gia đình, bà con thì hay tin họ đã chết hết nên họ buồn khóc, kêu rên với nhau trong vòng bảy ngày. Trong vònệ bảy ngày sau thì họ tiếp tục chúc mừng hoan hỷ, vui tươi với nhau. Và họ liên tự nghĩ: “Vi chúng ta chứa điêu ác nên gặp phải tai nạn này, khiến cho thân tộc chết chóc, gia đình tan nát, vậy nay chúng ta nên tu chút ít điều thiện. Nhtrng hãy tu điều thiện gì? Là không nên sát sanh!" Bây giờ, chúng sanh đêu có lòng từ, không giêt hại lân nhau, nhờ đó chúng sanh được tăng dần tuổi thọ và nhan sắc, tuổi thọ thì từ mười tuổi tăng lên hai mươi tuổi. Khi sống hai mươi tuổi, con người lại tự nghĩ: "Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện, như không tàn hại lẫn nhau, cho nên tuổi thọ tăng lên hai mươi tuôi. Vậy ta nên tu thêm chút ít điêu thiện nữa. Nhưng nên tu điêu thiện gì? Trước đã không sát sanh thì nay nên tu không trộm cướp." Khi họ không trộm cướp thì tuổi thọ tăng lên bốn mươi tuổi. Khi con người sống bốn mươi tuổi thì lại nghĩ như sau: "Chúng ta do tu chút ít điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện nữa. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không tà dâm.” Từ đó mọi người đều không tà dâm nên tuổi thọ tăng lên tám mươi tuổi. Khi con người sống tám mươi tuổi, lại nghĩ như sau: "Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Nay ta có thể tu thêm chút ít điều

thiện nữa. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không nên nói d6i." Con người lúc đó đêu không nói dôi nên tuôi thọ tăng lên một trăm sáu mươi tuôi. Khi con người sông một

trăm sáu mươi tuổi thì lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu chút ít điêu thiện nên tuôi thọ gia tăng. Vậy chúng ta nên tu thêm chút ít điêu thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không nên nói lưỡi hai chiều.,, Do đó, con người lúc đó đều không nói lưỡi hai chiều nên tuổi thọ tăng lên ba trăm hai mươi tuổi. Khi con người sông ba trăm hai mươi tuôi thì lại suy nghĩ như vây: "Chúng ta do tu chút ít điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy nay chúng ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không nên nói lời ác khẩu." Mọi người lúc đó đêu không nói ác khâu nên tuôi thọ tăng lên sáu trăm bôn mươi tuôi. Khi con người sông sáu trăm bôn mươi tuôi thì lại nghĩ như sau: "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không nên nói thêu dệty Thế thì mọi người lúc đó đều không nói thêu dệt nên tuổi thọ tăng lên hai ngàn tuổi. Khi con người sông hai ngàn tuôi thì lại nghĩ răng: "Chúng ta do tu điêu thiện nên tuôi thọ gia tăng. Vậy ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không nên bon xen?9 Thế thì, con người lúc đó đều không bon xẻn mà thực hành bố thí nên tuổi thọ tăng lên năm ngàn tuổi. Khi con người sống năm ngàn tuổi thì lại nghĩ: "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là không ganh ghét, tâm lành tu thiên.” Do đó, mọi người đều không ganh ghét và tâm lành tu thiện nên tuổi thọ tăng lên một vạn tuổi. Khi con người sống một vạn tuổi thì lại suy nghĩ: "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy nay ta nên tu thêm chút ít điêu thiện. Nhưng nên tu điêu thiện gì? Nên thực hành chánh kiên, không sanh điên đảo." Do đó, mọi người luôn luôn thực hành chánh kiến, không sanh điên đảo? tuổi thọ tăng lên hai vạn tuổi. Khi con người song hai vạn tuổi thì lại nghĩ: "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng, nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện nữa! Nhưng nên tu điều thiện gì? Là diệt ba pháp bất thiện: (1) Dâm phi pháp; (2) Tham phi pháp; (3) Tà kiến.^ Con người lúc đó đều diệt ba pháp bất thiện nên tuổi thọ tăng lên bốn vạn tuổi. Khi con người sống bốn vạn tuổi thì suy nghĩ như sau: "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy nay, ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì? Là nên hiếu dưỡng cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng.” Thê thì con người lúc đó đêu hiêu dưỡng cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng nên tuổi thọ tăng lên tám vạn tuổi. Khi con người sống tám vạn tuôi thì con gái năm trăm tuôi mới lây chông. Con người thời đó có chín thứ bệnh phát sanh: (1) Lạnh; (2) Nóng; (3) Đói; (4) Khát; (5) Đại tiện; (6) Tiểu tiện; (7) Dục; (8) Tham lam ăn uống; (9) Già cả. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng, không có khe rãnh, hầm hố, gò nông, gai góc, cũng không có muỗi mòng, rắn rết, độc trùng, ngói cát dá, sạn sỏi đều biến thành lưu ly, dân cư đông đúc, ngũ cốc rẻ tiền, giàu sang, vui vẻ vô cùng. Lúc đó có tám vạn thành được dựng lên. Thôn thành san sát gần nhau, gà gáy đều nghe.

6. KINH CHUYÊN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH 125

Vào thời đó thì có đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu như đức Thích-ca Như Lai ngày nay. Đức Phật ấy tự mình tu chúng giữa chư Thiên, Đế-thích, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân gian, đồng thời Ngài sẽ thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, ý nghĩa đầy đủ, Phạm hạnh thanh tinh, như Ta ngày nay nói pháp sơ, trung, hậu đều chân chánh, ý nghĩa đầy đủ, Phạm

hạnh thanh tịnh. Đức Di-lặc có vô sô ngàn vạn đệ tử, như ta ngày nay có sô đệ tử là vài trăm. Con người lúc đó gọi đệ tử Ngài là Từ tử, như người ta gọi đệ tử của ta ngày nay là Thích tử. Lúc ấy, có vua tên Nhương-già, thuộc dòng vua chúa, có nước rưới đầu, làm Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị bốn châu thiên hạ, dùng Chánh pháp tri dân, ai nây đều mến phục. Có đủ bảy báu: (1) Xe báu; (2) Tượng báu; (3) Mã báu; (4) Thần châu báu; (5) Ngọc nữ báu; (6) Cư sĩ báu; (7) Chủ binh báu. Vua có một ngàn người con mạnh mẽ oai phong, đủ sức dẹp giặc, bốn phương đều quy thuận, không cần sử dụng binh đao mà tự nhiên thái bình. 5 LÚC đó9 vua thiêt lập rmột :K đại • bảo tràng, chu vi mười sáu tâm, cao một ngàn 9

tâm, đủ một ngàn màu sác lân lộn đê trang sức bảo tràng đó. Bảo tràng có một trăm thoi, mỗi thoi có một trăm nhành, dệt bằng chỉ báu, có các châu báu xen lẫn. Sau khi lập bảo tràng để cúng thí cho hàng Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo đói trong nước xong, sau đó nhà vua bèn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, tu hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong đời hiện tại: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông phải siêng năng tu các điêu thiện, nhờ tu điêu thiện mà mạng sống lâu dài, nhan sắc thêm tươi và được an ổn, khoái lạc, của báu dồi dào, uy lực đây đủ, giông như các Vua Chuyên Luân tuân theo các pháp của Thánh vương trước thì tuổi thọ gia tăng, nhan sắc thêm xinh, an ổn khoái lạc, của báu dồi dào, uy lực đầy đủ. Các Tỳ-kheo cũng thế, phải nên tu điều thiện để tuổi thọ gia tăng, nhan sắc thêm tươi, an ổn vui vầy, của báu dồi dào, uy lực đầy đủ. Thế nào là Tỳ-kheo tuổi thọ được lâu dài? Là hàng Tỳ-kheo lo tập dục định, siêng năng không biếng nhác nên diệt trừ được hành nghiệp và đạt được Thần túc thông. Tiếp đến nhờ siêng năng tu tinh tấn định, ý định, tư duy định, siêng năng không lười biếng mà diệt trừ được hành nghiệp nên đạt được Thần túc và thọ mạng lâu dài. Thế nào là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi? Là Tỳ-kheo giữ gìn giới luật đầy đủ? thành tựu oai nghi, thấy có lỗi nhỏ đã sanh lòng lo sợ, tu tập đầy đủ các giới cấm, đó là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi. Thế nào là Tỳ-kheo được an ổn khoái lạc? Là hàng Tỳ-kheo lo dứt trừ dâm dục, loại bỏ pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, hành Thiền thứ

nhất. Tiếp theo, diệt trừ giác quán và hoan lạc ở trong lòng, giữ tâm chuyên nhất không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, hành Thiền thứ hai. Tiếp theo là xả bỏ hỷ và thủ hộ, chuyên tâm khônẹ loạn, tự biết an lạc về thân mà các Hiền thánh mong cầu lạc hạnh, hành Thiền thứ ba. Tiếp theo, xả bỏ lạc trước, trừ ưu hỷ5 không khổ không lạc, giữ niệm thanh tinh, hành Thiền thứ tư. Đó là Tỳ-kheo an ổn khoái lạc. Thế nào là Tỳ-kheo được của báu dư dả? Là hàng Tỳ-kheo tu tập từ tâm, rải khắp một phương. Các phương khác cũng vậy bao trùm rộng khắp, bình đẳng vô lượng để trừ mọi điều oán hận, tâm không ganh ghét, im lặng, nhu hòa để tự vui thú. Tiếp theo là tu tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như thế. Đó là Tỳ-kheo có của báu dư dả. Thế nào là Tỳ-kheo uy lực đầy đủ? Là hàng Tỳ-kheo như thật hiểu biết về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Đó là Tỳ-kheo có uy lực đầy đủ. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta xem khắp những người có uy lực, không

gì hơn ma lực nhưng hàng Tỳ-kheo đã dứt hết lậu hoặc thì năng lực lại hơn cả Ma vương và có thể thắng được cả Ma vương. Khi các Tỳ-kheo nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH TỆ-TÚC Bấy giờ, đồng nữ Ca-diếp cùng với năm trăm vị Ty.kheo, đi từ nước Câu- tát-la lần đến thôn Bà-la-môn tên là Tư-ba-ê. Khi ấy, đồng nữ Ca-diếp ở tại phía Bắc thôn Tư-ba-ê và nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lúc đó, có Bà-la-môn tên Tệ-túc5 hiện đang sống tại thôn Tư-ba-ê, là một thôn dân cư đông đúc, giàu sang phúc lạc, cây cối xanh tốt, do Vua Ba-tư-nặc ban riêng cho Bà-la-môn Tệ-túc thôn này để lo phần cúng tế Phạm thiên. Bà- la-môn Tệ-túc là người có kiên chấp theo ngoại đạo và dạy mọi người răng: "Không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác." Khi đó, người trong thôn Tư-ba-ê nhân nghe đông nữ Ca-diêp cùng năm trăm vị Tỳ-kheo, từ nước Câu-tát-la lần đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà, họ bàn tán với nhau: uVị đồng nữ Ca-diếp này rất có tiếng tăm, đã chứng quả A-la-hán, là bậc Trưởng thượng, tôn túc, kỳ cựu, đa văn, quảng bác, thông minh, duệ trí, có tài biện luận đối đáp theo từng trường hợp, đàm đạo tài ba, nay nếu chúng ta gặp được ngài thì tốt lắm.,, Do đó? người trong thôn lúc này, cứ ngày ngày tiếp tục tuần tự đi đến chỗ Ca-diếp. Bấy giờ, Tệ-túc đang ở trên lầu cao trông thấy người trong từng đoàn kéo đi nhimg không biêt đi đâu, mới hỏi người câm lọng hâu: Những người kia họ kéo nhau từng đoàn đi đâu vậy? Người hầu đáp: -Tôi nghe đồng nữ Ca-diếp hướng dẫn năm trăm vi Tỳ-kheo đi hóa đạo, từ nước Câu-tát-la và đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lại nghe: Ngài là vị rất có tiếng tăm, đã chứng quả A-la-hán, là bậc Trưởng thượng, tôn túc, kỳ cựu, đa văn, quảng bác, thông minh, duệ trí, có tài đối đáp theo từng trường hợp, đàm luận tài ba nên những người ấy họ kéo nhau từng đoàn đến gặp ngài. Khi đó? Tệ-túc liền sai người hầu: Ngươi hãy mau tới nói với họ dừng lại để ta cùng đi đến gặp ngài với! Vì sao? Vì đồng nữ Ca-diếp có ý mê hoặc người, lừa dối thế gian nên mới nói có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác. Nhimg kỳ thực, không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác. Lúc ấy, người hầu vâng lời, đến nói với đoàn người thôn Tư-ba-ê: Bà-la-môn Tệ-túc bảo các người hãy dừng lại để ngài cùng đi đến gặp Ca-diếp với.

128 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Những người thôn Tư-ba-ê đáp: Hay lắm, hay lắm! Nếu muốn đi thì hãy đến cùng đi! Người hầu liền trở lại thưa: Họ đã dừng lại, nếu ngài muốn đi thì cứ đi! Thế rồi, Bà-la-môn liền xuống lầu, sai người hầu sửa xe cộ, cùng người thôn đó, trước sau vây quanh, lũ lượt đến rừng Thi-xá-bà. Sau khi đến, họ xuống xe, đi bộ đến chỗ Ca-diếp. Và khi thăm hỏi xã giao xong thì họ ngồi qua một bên. Những người cư sĩ và Bà-la-môn trong thôn đó lễ bái Ca-diếp rồi ngồi, . . y A X • y \ •

CÓ người hỏi han roi ngôi, có người tự xưng tên mình roi ngôi, có người vòng tay roi ngôi, có người thì yên lặng ngôi xuông. Lúc đó, Bà-la-môn Tệ-túc nói với đồng nữ Ca-diếp: Nay tôi có điều muốn hỏi, không biết ngài có rảnh và cho phép không? Ca-diếp đáp: Tùy ý ngươi cứ hỏi, sau khi nghe xong phải tự hiểu lấy. Bà-la-môn Tệ-túc thưa: Nay chủ thuyêt của tôi là không cỏ đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác, còn chủ thuyết của ngài thì như thế nào? Ca-diếp đáp: Ta hỏi ngươi, hãy tùy

ý mà đáp! Hiện nay mặt trời, mặt trăng ở trên kia là thuộc vê đời này hay đời khác? Thuộc vê trời hay vê người? Tệ-túc đáp: Mặt trời, mặt trăng là thuộc vê đời khác chứ không phải thuộc vê đời này. Thuộc về trời chứ không phải thuộc về người. Ca-diếp nói: Do đó có thể biết là có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác. Te-tuc noi: Tuy ngài nói có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác nhưng theo ý tôi thì không có tất cả. Ca-diếp hỏi: Vì những lý do gì mà ngươi biết không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác? Bà-la-môn đáp: Thưa có lý do! Ca-diếp hỏi: -Duyên cớ gì mà ngươi nói không có đời sau?

7. KINH TỆ-TÚC 129

Bà-la-môn đáp: -Này Cadiếp, nguyên tôi có một người bà con quen biết, mắc phải bệnh ngặt nghèo, tôi đến nói với hắn rằng: "Các Sa-môn, Bà-la-môn thì có kiến chấp khác nhau và quan niệm như sau: 'Những người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dối, nói thêm bớt, xan tham, tật đố, tà kiến, sau khi qua đời đều đọa vào địa ngục/ Nhưng tôi không tin, vì sao? Vì tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết nơi họ bị đọa vào. Nếu có người trở lại nói cho biết nơi họ bị đọa vào thì tôi nhất định sẽ tin. Nay anh là bà con với tôi chăng may anh đã tạo đủ mười điêu ác. Nêu quả như lời Sa-môn nói thì sau khi qua đời, anh phải bị đọa vào trong địa ngục lớn. Nay tôi còn tin vào anh để xét có địa ngục hay không. Anh nên trở lại nói cho tôi biết thì tôi mới tin." Này Ca-diếp, nhưng từ khi anh ta thác đến nay biệt mất không trở lại; hơn nữa, anh ta là người thân của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại? Do đó, tôi biết chắc không có đời sau. Ca-diếp đáp: Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ vì ngươi dẫn dụ để ngươi hiểu điều đó. Ví như một tên đạo tặc thường ôm lòng gian trá, vi phạm phép cấm của nhà vua, bị người ta rình bắt được đem đến chỗ vua ngự và tâu: "Người này là tên ăn trộm, xin Đại vương hãy trị n6!" Vua liền sai tả hữu trói người đó đem bêu xấu ngoài đường, sau đó dẫn ra ngoài thành giao cho tên đao phủ. Thế rồi, kẻ tả hữu được lệnh liền bắt trói kẻ trộm giao cho tên đao phủ. Tên trộm đó dùng lời mềm dẻo nói với người giữ tù rằng: "Xin ông thả cho tôi về thăm bà con, xóm làng để nói vài lời từ biệt, sau đó tôi sẽ trở lại!" Bà-la-môn nghĩ sao, người giữ tù kia có chiu thả không? Bà-la-môn đáp: -Không! Ca-diếp nói tiếp: Họ cùng là loài người, cùng sống ở đời này mà còn không thả, huống gì người thân của ngươi làm đầy đủ mười điều ác? sau khi thác, đọa vào địa ngục, quỷ ngục không có từ tâm lại không phải là loài người, sống chết là không cùng đời. Nếu người kia dùng lời mềm dẻo cầu xin với quỷ ngục rằng: "Xin ngài tạm thả tôi trở lại thế gian gặp người bà con để nói lời từ biệt, sau đó sẽ trở lại" có được thả không? Bà-la-môn đáp: - Không the! Cứ so sánh theo đó đủ biết, tại sao ngươi còn giữ chặt sự mê lầm, sinh điều tà kiến như thế. Tuy ngài đã dân dụ đủ điêu đê chứng minh răng có đời sau. Nhưng tôi vân cho là không có.

130 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

Ca-diếp lại hỏi: Ngươi còn có lý do gì khác đê biêt răng không có đời sau? -Tôi có lý do khác để biết rằng không có đời sau. -Lý do gì? Bà-la-môn đáp: Này Ca-diếp, tôi có một người bà con mắc phải bệnh nặng, tôi đến nói với người ây: "Các Sa-môn, Bà-la-môn đêu có quan diêm khác răng có đời sau: 'Người nào không sát sanh, không trộm cướp,

không tà dâm, không nói dối, không nói lời hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói sai, không nói thêm bớt, không tham lam, không tật đo, không tà kiến, sau khi thác đều được sanh ve cõi trời/Tôi vốn không tin, vì sao? Vì tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại cho tôi biết chỗ họ bi đọa. Nếu có người đến nói chỗ của họ hóa sanh thì tôi tin ngay. Nay anh là bà con của tôi, lại tạo đủ mười điêu thiện, nêu quả như lời các Sa-môn nói thì sau khi thác sanh sẽ được sanh cõi trời. Giờ đây tôi chỉ còn tin theo anh để quyết định. Vậy nếu anh xét thấy thật có phước báo cõi trời, anh phải nhớ trở lại báo cho tôi biết, sau đó tôi sẽ Nhưng này Ca-diếp, từ khi anh ấy thác đến nay, không trở lại. Hơn nữa, anh ta là bà con của tôi9 không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại nên tôi biết chắc không có đời sau. Ca-diêp nói tiêp: Những người trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ nói một thí dụ khác cho ngươi. Ví như có người rớt xuông hâm xí đâu mình chìm ngâm, nay được vua cho người hâu cận vớt lên, lây tro xoa thân người này ba lân và lây nước tháo đậu, nước tro trong sạch rửa từ từ cho han. Sau đó lây nước thơm tăm gội thân thê người ây, lây bột hương thoa trên thân người ây và bảo thợ cạo râu tóc cho người ấy. Nhà vua bảo tên hầu cận tắm cho hắn ba lần như thế. Lấy nước thơm rửa, lấy bột hương thoa mình, lấy y phục nổi tiếng trang sức cho thân thể người ây. Tiêp theo, người ta đem thức ăn trăm vị ngon, vi ngọt cho người ây ăn, sau đó đưa người ấy đen ở một ngôi nhà cao, hưởng năm thứ dục lạc, người ấy có muốn rớt vào hầm xí nữa không? Tệ-túc đáp: Không muốn! Đấy là một chỗ hôi thối, còn muốn trở xuống làm gì? Ca-diếp nói tiếp: Chư thiên cũng thế, họ cho cõi Diêm-phù-đề này là nơi tanh hôi bất tịnh, chư thiên ở trên cách xa hàng trăm do-tuần còn thấy mùi hôi của nhân gian xông lên còn hơn cả hâm xí. Này Bà-la-môn5 bà con quen biêt của ngươi đã tạo đủ mười điều thiện, dĩ nhiên được sanh lên cõi trời, hưởng thú vui ngũ dục vô cùng, liệu họ có chịu trở lại cõi hầm xí Diêm-phù-đề này không? Không!

7. KINH TỆ-TÚC 131

Cứ SO sánh theo đó đủ biết, tại sao còn giữ chặt sự mê lầm, sanh điều tà kiến như thế? Bà-la-môn nỏi: Tuy ngài đã dẫn dụ để chứng minh có đời sau nhưng tôi vẫn cho là không có. Ca-diếp hỏi: Ngươi còn lý do gì khác để biết không có đời sau? -Tôi có lý do khác để biết không có đời sau. Duyên cớ gì để biết? Tệ-túc thưa: Nguyên tôi có một người bà con mac bệnh trâm trọng, tôi đên nói với người ấy rằng: "Các Sam6n, Bà-la-môn thường chấp theo kiến giải ngoại dạo, bảo có đời sau: 'Người nào không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu thì sau khi thác được sanh lên cõi trời Đao- lợi/ Toi cũng không tin, tại sao vậy? Vì tôi chưa từng thấy ai chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ bị đọa. Nếu như có ai trở lại cho biết chỗ họ đọa sanh thì chắc tôi tin ngay. Nay anh là chỗ bà con, đay đủ ngũ giới, do đó sau khi thác chắc sẽ được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Giờ đây, tôi chỉ còn tin theo anh để quyết định có đời sau hay không. Nếu xét thấy có phúc báu cõi trời thì anh hãy trở lại báo cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin.” Này Ca-diếp, từ khi người ấy thác đến nay không trở lại. Anh ta là bà con với tôi, không lẽ nói dối, hứa rồi không trở lại nên tôi biết chắc không có đời sau. Ca-diếp nói: ở cối này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Cõi Đao-lợi cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm mà người cõi trời ây sông lâu một ngàn năm như thê. Vậy Tệ-túc nghĩ sao, khi bà

con ngươi giữ đủ ngũ giới, sau khi thác được sanh lên cối trời Đao-lợi, họ nghĩ rằng: "Ta mới sanh lên cõi này, vậy ta hãy vui thú trong vài ba ngày và sau đó ta sẽ trở lại báo tin cho bà con hay cũng không muOn." Như vậy, liệu ngươi có gặp được bà con ngươi không? Không! Khi ấy tôi đã chết lâu rồi, làm sao gặp được. Bà-la-môn nói: -Tôi không tin ai đã nói với ngài có cõi trời Đao-lợi sống lâu như thế? Ca-diếp nói: Những người có trí do thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ cho ngươi. Ví như có người khi mới sanh ra đã bị mù không hiêu vê năm màu xanh, vàng, đỏ, trăng, thô, tê, dài, ngăn, đông thời cũng không thây mặt trời, mặt trăng, tinh tú, gò, khe, hang. Nếu có người hỏi về màu xanh, vàng, đỏ, trắng thế nào thì người

mù đáp: "Không có năm màu như the" cho đên dài ngăn, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi non, gò, khe, hang, người mù đều nói không có. Bà-la-môn nghĩ sao, người mù ấy trả lời như thế có đúng không? - Không đúng! Vì sao? Vì thế gian hiện có năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, ngắn, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi non, gò, khe, hang mà người kia nói không. Này Bà-la-môn, ngươi cũng như thế, sự sống lâu của cõi trời Đao-lợi là có thật, chẳng phải không, vì ngươi không thấy nên nói là không có. Bà-la-môn nói: Tuy ngài bảo có, tôi vẫn không tin. Ca-diếp nói tiếp: -Ngươi còn có duyên cớ gì mà cho là không có đời sau? -Này Ca-diêp, nguyên ở trong thôn tôi, có kẻ trộm cáp bị rình bát được, đem đến tôi và nói: "Người này là kẻ trộm, xin ngài hãy trị n6!" Tôi bảo: "Hãy trói hắn lại và bỏ vào trong một cái vạc, đậy nắp, trét kín với một lớp đất dày không để cho thần thức tiếp xúc với bên ngoài." Sau đó? bảo người nổi lửa đốt hắn. Lúc ấy vì tôi muốn tìm thử để biết chỗ tẩu thoát của tìiần thức hắn nên tôi bảo người hầu đi quanh cái vạc và nhìn kỹ nhưng không thấy chỗ thần thức chui ra. Sau đó, tôi lại mở cái vạc ra mà nhìn cũng không thây chô thân thức qua lại. Vì lý do đó nên tôi biết chắc không có đời sau. Ca-diếp nói: Nay ta hỏi ngươi, hãy tùy ý mà đáp! Này Bà-la-môn? khi ngươi ngủ nghỉ ở trên lầu cao, đã từng nằm mộng thấy núi rừng, sông ngòi, vườn nhà, ao tắm, quôc âp? đường sá không? -Có mộng thấy! —Này Bà-la-môn, lúc ngươi đang năm mộng, bà con trong nhà có ở chung quanh ngươi không? -Có! Bà-la-môn5 bà con ngươi lúc đó có thay than thức của ngươi đi ra đi vào không? -Không thấy! Ca-diếp nói: Ngươi còn sống mà thần thức ra vào còn không thể thấy, huống là người chết. Hơn nữa, ngươi không thể lấy việc trước mắt mà xét đến việc chúng sanh. Này Bà-la-môn, có vị Tỳ-kheo từ đầu hôm đến cuối hôm đều không ngủ, chỉ lo siêng năng tu về đạo phẩm giác ý, không lười biếng và dùng sức tam- muội mà tu luyện thiên nhãn, nhờ sức thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh thác chỗ này sanh chỗ kia, thác chỗ kia sanh về chỗ này, tuổi thọ dài ngắn, nhan sắc

tốt Xấu, tùy theo hành động mà thọ quả báo, theo đó mà biết con đường thiện hay ác. Ngươi không thể dùng con mắt thịt nhơ nhớp này để thấy hết chỗ thọ sanh của chúng sanh; thế mà lại bảo là không có đời sau. Này Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc là có đời sau. Bà-la-môn nói: Tuy ngài đã dẫn dụ để chứng minh có đời sau nhưng theo chỗ tôi thấy thì vẫn không có. Ca-diếp nói: -Vậy ngươi còn lý do gì khác để cho là không có đời

sau? -Có! Ca-diếp hỏi: Vì duyên cớ gì mà biết? -Nguyên người ở trong thôn do vua phong cho tôi, có kẻ trộm cắp, bị người rình bắt được, dẫn đến chỗ tôi và nói: "Người này là tên trộm, xin ngài hãy cho trị 116!” Tôi liền bảo người hầu cận trói hắn lại để sống vậy mà lột da tìm thần thức nhưng đều không thấy; tôi lại sai người hầu cắt thịt ra từng mảnh để tìm thần thức hắn nhưng lại không thấy; lại sai người hầu đập xương chảy tủy tìm thân thức trong tủy nhưng vân không thây. Này Ca-diêp5 vì duyên cớ đó nên tôi biết chắc là không có đời sau. Ca-diếp nói: Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiêu rõ. Nay ta sẽ dân dụ nữa cho ngươi, về một kiếp xa xưa trong quá khứ, có một quốc độ điêu tàn hoang phế, chưa phục hồi, lúc đó có đoàn buôn dắt năm trăm cỗ xe đi đến quốc độ này, bỗng gặp một Phạm chí tu đạo thờ lửa, thường ở trong một khu rừng, khi đó những người buôn trên đều xin ngủ trọ, rồi sáng mai từ giã lên đường. Phạm chí thờ lửa lúc ấy thầm nghĩ: "Ta hãy đến chỗ những người buôn ngủ hồi hôm, xem thử họ còn bỏ sót gì kh6ng?" Thế rồi ông ta liền đến chỗ họ nghỉ nhưng đều không thấy gì cả, chỉ trừ có một đứa con nít mới sanh được một tuổi, đang ngồi khóc một mình. Phạm chí thầm nghĩ: "Ta đâu nỡ nhẫn tâm thấy đứa bé này chết trước mặt. Hay là ta có thể mang đứa bé này về nhà nu6i?" Tức thì ông ta bèn bồng đứa bé về nhà nuôi. Sau thời gian nuôi dưỡng, đứa bé mỗi ngày một lớn, cho đến năm hơn mười tuổi. Phạm chí lúc đó vì có chút việc muốn đi vào nhân gian mới dặn đứa bé: “Ta có chút việc tạm đi khỏi ít hôm, ngươi khéo giữ gìn đống lửa này, đừng cho lửa tắt. Nấu lửa có tắt thì hãy lấy hai thanh củi cọ vào nhau để lấy lửa đốt len." Căn dặn xong, Phạm chí ra đi. Sau khi ông ta di, đứa bé ham chơi, không thường xuyên coi lửa, do đó lửa tắt. Đứa bé đi chơi về trông thấy lửa tắt, ảo não than thầm: "Ta dại quá, khi cha ta đi có dạy đủ cách giữ gìn lửa một cách cẩn thận, không cho tắt. Nhưng vì ta ham chơi đến nỗi để cho lửa tắt, bây giờ phải làm sao dây?” Khi đó, đứa bé vội vàng bới tro tìm

lửa nhưng không thấy lửa, bèn dùng búa chẻ củi tìm lửa nhưng cuối cùng vẫn không thấy lửa. Thế rồi lại chặt củi thành từng khúc, bỏ vào trong cối giã để tìm lửa nhưng vẫn không thấy. Bấy giờ, Phạm chí trở về và hỏi đứa bé: "Trước khi đi, ta có dặn ngươi coi chừng lửa để lửa khỏi tắt, ngươi có coi kh6ng?" Đứa bé đáp: “Vi con chạy đi chơi, không thường xuyên coi chừng lửa; do đó? nay lửa tắt hết.” "Ngươi làm cách nào để lấy lửa lại?” "Lira phát ra từ củi nên con dùng búa chẻ củi ra để tìm lửa nhưng không thấy lửa đâu. Và sau đó5 con chặt củi thành khúc nhỏ, bỏ vào cối giã để tìm lửa nhưng vẫn không c6.” Lúc đó, Phạm chí dùng hai thanh củi cọ với nhau thì lửa phát ra, đồng thời Ông ta chát củi lên đót và bảo đứa bé: "Nhu muôn tìm lửa phải làm đúng cách này, chứ không nên chẻ củi hay giã nát củi mà tìm lửa được Này Bà-la-môn, ngươi cũng như thê, không có theo đúng phương pháp, lại đi lột da người chết để tìm thần thức, đâu tìm được. Hơn nữa, ngươi không thể dựa vào việc trước mắt mà quán thấy chúng sanh đâu. Này Bà-la-môn, có vị Tỳ-kheo đầu hôm, cuối hôm, không ngủ nghỉ, siêng năng không lười biếng, chuyên tu niệm về đạo phẩm (niệm giác ý) và dùng sức tam-muội để tu luyện về thiên nhãn; do năng lực thiên nhãn nên quán thấy chúng sanh thác đây sanh kia, thác kia sanh dây, thọ mạng dài ngắn, nhan sắc tốt xấu, tùy theo hành động thiện hay ác mà thọ quả báo tốt xấu, tất cả đều thấy hết. Do đó, không thể viện cớ con

mắt thịt nhơ bẩn, không thể thấy được chỗ thọ sanh của chúng sanh mà cho là không có. Này Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc là có đời sau. Bà-la-môn nói: Tuy ngài đã dẫn dụ để chứng minh có đời sau nhưng theo chỗ tôi thấy thì vẫn không có. Ca-diếp nói tiếp: Ngươi còn có lý do gì khác mà cho là không có đời sau? Thưa, còn có lý do! —Có lý do gì để biết? Bà-la-môn thưa: Nguyên ở trong thôn mà vua phong cho tôi, có kẻ trộm cắp, bị người rình bắt được đem đến cho tôi và nói: "Người này là kẻ trộm, xin ngài trị Ĩ16!" Tôi liền bảo người hầu đem người này đi cân. Người hầu vâng lời đem cân người này. Roi hãy đem người này giêt chét một cách êm thâm, không làm mát một chút da thịt. Thế rồi tôi bảo người hầu đem cân người ấy trở lại. Nhưng lần này thấy nặng hơn lần trước. Ca-diếp, thân người ấy khi sống, thần thức đang còn, nhan sắc tươi đẹp, nói năng được mà đem cân thì nhẹ, trái lại, khi thác thần thức không còn, nhan sắc cũng không, nói năng không được, đem cân thì nặng, vì lý do đó nên tôi biết là không có đời sau.

7. KINH TỆ-TÚC 135

Ca-diếp bảo Bà-la-môn: Nay ta hỏi ngươi, hãy tùy ý mà đáp! Như người cân săt9 khi sát nguội đem cân thì nặng, như khi sắt nóng đem cân thì nhẹ. Tại sao sắt có màu đỏ sáng, mềm mại mà lại nhẹ? Tại sao không có màu đỏ sáng và cứng mà cân lại nặng? Tệ"túc đáp: Sát nóng có màu đỏ sáng, mem mại nên nhẹ, sát nguội không có màu đỏ sáng và cứng nên nặng. Ca-diếp nói: Con người cũng thê, khi sông thì có nhan săc, mem mại cho nên nhẹ nhưng khi thác không có nhan sắc và cứng cho nên nặng. Do đó có the biết chắc là có đời sau. Tuy ngài đã dẫn dụ để nói có đời sau nhưng theo chỗ tôi thấy, chắc chắn là không có đời sau. Ca-diếp hỏi: Ngươi còn lý do gì khác để cho thấy rằng không có đời sau? Bà-la-môn thưa: -Nguyên tôi có người bà con mắc phải bệnh nặng, khi đó tôi đến bảo đỡ người bệnh nam nghiêng ve phía tay phai va họ van con liec ngo, co đuôi như thường. Thế rồi, tôi đỡ người ấy nằm nghiêng bên trái, rồi lật sấp, lật ngửa, hắn vẫn còn co duỗi, liếc ngó, nói năng như thường. Sau đó, liền tắt thở, tôi lại bảo người đỡ tử thi năm nghiêng tay phải, tay trái, lật sap? lật ngửa, nhìn kỹ thì không thấy co duỗi, liếc ngó hay nói năng gì cả. Do đó, tôi biết chắc là không có đời sau. Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ cho ngươi. Xưa CÓ một quôc độ, không có ai từng nghe tiêng óc tù và. Hôm nọ, có người có thê thôi tù và sành nghê đên nước này, đi vào trong thôn, câm óc thôi ba tiêng roi bỏ xuống đất. Khi đó, trai gái trong thôn nghe tiếng, giật mình, đều đến hỏi: "Thứ tiếng gì mà trong trẻo, bi ai vang xa như vay?" Người chủ chỉ vào vỏ ốc nói: "Tiếng của cái đỏy Khi ấy, người người trong thôn lấy tay vỗ vào vỏ ốc và nói: "Ngươi hãy kêu lên! Ngươi hãy kêu len!" Nhimg vỏ ốc vẫn không kêu, tức thời người chủ cầm vỏ ốc lên thổi ba tiếng, rồi bỏ xuống đất. Người trong thôn trầm trồ: "Bấy là tiếng hay ho mà chúng ta nghe khi nãy, chứ không phải do sức vỏ ốc mà c6, phải có tay, có miệng, có hơi thổi nó mới keu." Con người cũng thế, cần phải CÓ tuổi thọ (sức sông), có tri giác, có tinh thân và hơi thở ra vào mới có thê co duỗi, liếc ngó, nói năng được. Trái lại, nếu không có tuổi thọ, thần thức, tri giác, không có hơi thở thì không thể co duỗi, liếc ngó và nói năng được.

136 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Ca-diếp khuyên Bà-la-môn: Ông nên từ bỏ ác tà kiến đó đi. Chớ giữ nó suốt đời, chỉ thêm khổ não! Bà-la-môn đáp: -Tôi không thể bỏ được. Vì sao? Vì từ khi sanh ra đến giờ5 tôi đã thường xuyên đọc tụng, luyện tập kiên cố, đâu có thể bỏ được. Ca-diếp nói: Những người có trí, do thí dụ mà hiểu rõ, nay ta sẽ dẫn dụ cho ngươi. Trong thuở xa xưa, có một quốc độ mà người dân ở biên cương nước đó điêu tàn, the roi trong nước ấy, có hai người. Một anh thì có trí, một anh thì ngu, họ bảo nhau: "Tôi là bạn thân anh, chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành bứt lúa mọc hoang về làm ciỉa." Rồi họ cùng đi. Khi đến một xóm hoang, thấy có cây gai mọc đầy trên mặt đất, tức thì người trí bảo người ngu kia cùng nhau lấy đem về. Lúc đó, hai người ấy, mỗi người lấy mỗi gánh, sau khi đi ngang qua thôn cũ, họ thay có đong chỉ gai. Người trí nói: "Chi gai đã làm thành, nhỏ, nhẹ đáng lấy hơn.” Người ngu nói: "Tôi đã lấy gai bó buộc chặt chẽ, nay không thể bỏ được?9 Bây giờ, chỉ có một mình người trí lây một gánh chỉ gai đem vê. Họ lại cùng nhau tiến bước, bỗng gặp một đống vải gai. Người trí nói: "Vải gai đã làm thành, nhỏ, nhẹ, đáng lấy hơn.” Người ngu nói: "Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ, nay không thể bỏ dugc.” Người trí bèn bỏ gánh chỉ gai mà lấy vải gai, làm thành một gánh nặng đem vê. Họ cùng nhau tiên bước, bông gặp một đông cây kiêp-bôi. Người trí nói: "Thứ cây kiếp-bối này rất quý giá, nhỏ, nhẹ, đáng lấy hơn.” Người ngu nói: "Trước tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ mang đi đã xa, nay không thể bỏ dug" Lúc đó, người trí liền bỏ vải gai mà lay cây kiếp-bối. Họ cùng tiến bước, lại gặp chỉ kiếp-bối, gặp bạch diệp, tiếp theo là gặp đồng trắng, rồi gặp bạc, gặp vàng. Người trí nói: "Nếu không có vàng thì ta sẽ lấy bạc, nếu không có bạc thì ta hãy lấy đồng, hoặc lay chỉ gai, nếu không có chỉ gai thì ta hãy lấy cây gai. Nhung nay tại thôn này có rát nhiêu vàng mà vàng là hơn hét trong các vật này. Vậy anh nên bỏ cây gai, ta sẽ bỏ bạc đê cùng nhau lây vàng môi người một gang nặng đem

Người ngu nói: "Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ mang đi đã xa, nay không thể bỏ được. Nếu anh muốn lấy thì lấy tùy y." Thê roi người trí một mình bỏ bạc lây một gánh vàng mang vê. Đên nhà, bà con từ xa vừa trông thấy bóng anh ta về, gánh nhiều vàng thì vui mừng nghinh đón; người được vàng, thấy bà con nghinh đón lại càng vui mừng hơn. Trong khi đó, người ngu gánh cây gai về nhà, bà con trông thấy không vui mừng, . .m A -i < 2

không nghinh tiêp nên anh càng thêm buôn khô. 9 r e r . ỉ 9 < x •

Này Bà-la-môn, nay ngươi nên từ bỏ ác tà kiên ây di, chớ đê suôt đời chỉ thêm khô não. Như người gánh gai, cứ chập chặt ý ngu, không chịu lây vàng, lại cứ gánh gai đem về, mệt nhọc uổng công mà bà con không vui và suốt đời phải chịu nghèo cùng, càng thêm buồn kho. Bà-la-môn đáp: Tôi nhất định không bỏ ác kiến ấy. Vì sao? Vì tôi nhờ ác kiến đó mà dạy dỗ nhiều người, đem lại nhiều lợi ích, vua chúa bốn phương đều nghe tên tôi, đều biết rõ tôi là hàng học giả chủ trương đoạn diệt. Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho ngươi. về thuở xa xưa, có một quốc độ mà nhân dân ở biên cương đều điêu tàn. Lúc đó, có một đoàn người buôn, mang theo một ngàn cỗ xe đi ngang qua nước này. Vì họ không lo đủ gạo nước, củi rau

không đủ cung cáp. Nay người chủ buôn suy nghĩ: “Hết thảy chúng ta không mang theo gạo, nước, rau... nay nên phân thành hai nhóm. Nhóm một đi trước dẫn đường." Người dẫn đường nhìn thấy một người thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, thoa bùn cả mình, từ đằng xa đi lại, bèn hỏi: "Ngươi từ đâu lại?” —"Tôi từ thôn phía trước đi lại.” "Chỗ ngươi có nhiều nước, gạo, củi, rau kh6ng?" "Chỗ tôi ở có gạo, nước, củi, rau dư dả. Và lúc tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa to nên ở thôn kia lại càng có nhiều nước, gạo, củi, rau.” Người ấy lại bảo thương chủ: "Nếu trên xe ngươi có chở gạo, rau thì bỏ xuống, vì tại thôn ấy có nhiều gạo, rau, không cần chở cho nặng xe." Thế rồi, người thương chủ bảo những người trong đoàn: "Ta đi về phía trước thấy có một người mắt đỏ, mặt đen, xoa bùn cả mình, ta hỏi: 'Người từ đâu lại?' Người ấy đáp: 'Tôi từ thôn phía trước lại/Ta liền hỏi tiếp: 'Chỗ ngươi ở có nhiêu gạo, rau, củi, nước không?9 Đáp: 'Thôn ây rát giàu, hơn nữa, khi tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa lớn, do đó chỗ ấy càng thêm nhiều nước, rau,

củi9 và bảo ta: 'Trên xe ngươi nếu có chở rau, củi thì nên bỏ xuống hết, vì thôn ấy giàu sang không cần chở đến làm chi cho nặng xe/ Vậy, các người nên bỏ gạo, rau để cho xe được nhẹ, đi mau t&i." Thể theo lời người ấy, họ đều bỏ gạo, rau để cho xe nhẹ đi mau tới nơi. Nhưng họ đi một ngày như thế cũng không thấy nước, rau đâu cả. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy gì cả. Lúc ấy, đoàn người buôn đã lâm vào nơi đồng vắng và bị quỷ băt ăn thịt cả. về sau, toán thứ hai tiếp tục lên đường, người chủ buôn đi đầu, lại gặp người mắt đỏ, mặt đen, thoa bùn khắp mình. Người chủ đoàn hỏi: "Người từ đâu lại?” "Tôi từ thôn phía trước lai.” "Chỗ ấy có nhiều nước, gạo, rau, củi khong?" "Có rất nhiều! Đồng thời bảo chủ đoàn: Ta đi giữa đường gặp trời mưa lớn nên nơi ây lại càng có nhiêu nước, rau, củi, gạo; lại bảo: Nêu trên xe của ngươi có chở rau, gạo thì nên bỏ xuống, vì thôn ấy giàu sang không cần chở đến làm chi cho nặng xe." Khi đó, người chủ đoàn trở lại nói với những người trong đoàn: "Ta đi về phía trước gặp một người nói như thê này: 'Trên xe các ngươi nêu có chở gạo, rau thì nên bỏ xuông hét, vì thôn kia giàu có không cân chở đên cho nặng xe.,,, Khi đó, người chủ đoàn nói: "Gạo, rau của các ngươi hãy giữ kỹ, chớ vất bỏ, bao giờ được lương thực mới, rồi sau đó hãy bỏ. Vì sao? Vì đồ mới, đồ cũ phải có tiêp tục, mới mong qua khỏi cánh đông trông nAy." Thê nên cả đoàn người buôn cứ chở xe nặng mà đi. Đi được một ngày như thế nhưng không thấy nước, rau đâu cả, tiếp tục đi ngày thứ hai, thứ ba cho đến ngày thứ bảy cũng chăng thây có nước, rau đâu cả nhưng chỉ thây xương cót ngôn ngang của đoàn người đi trước bi quỷ ăn bỏ lại. Này Bà-la-môn? người mắt đỏ, mặt đen kia chính là quỷ la-sát. Những người nghe theo lời nó, suốt đời chiu khổ, chẳng khác nào đoàn người buôn thứ nhất, vì không có trí tuệ nên nghe lời người dẫn đường, do đó phải thiệt mạng. Này Bà-la-môn! Trái lại, những Sa-môn, Bà-la-môn tinh tấn, có trí tuệ, họ có dạy gì, nếu ai nghe theo suốt đời được an vui, như đoàn người buôn thứ hai, vì nhờ có trí tuệ nên khỏi bị tai nạn. Này Bà-la-môn, nay ngươi nên bỏ ác tà kiên ây đi, chớ đê suôt đời chỉ thêm khổ não. Bà-la-môn đáp: -Tôi nhất quyết không thể từ bỏ quan điểm đó được. Nếu có ai đến can gián tôi thì chỉ làm cho tôi phát giận, chứ tôi quyêt không bao giờ bỏ quan điểm đó.

Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho ngươi. Trong kiếp xa xưa, có một quốc độ mà nhân dân ở biên cương đều điêu tàn. Lúc đó, có một người thích nghề nuôi heo, đi đến một thôn vắng khác, thấy có nhiều phân khô, liên nghĩ thâm: "Noi đây có nhiêu phân mà đàn heo ta ở nhà đang đói, vậy nay ta nên lây cỏ gói phân này đội trên đâu đem Nghĩ vậy, anh ta liên lây cỏ gói phân lại và đội đi. Đi được nửa đường gặp trời mưa to, xô phân chảy suốt đến chân. Mọi người thấy vậy đều chê anh là điên cuồng: "Thứ phân dơ ây, giả sử trời mát mẻ cũng không ai đội huông là đội đi giữa cơn mua." Anh ta nôi giận măng lại: "Các người là đô ngu, không biêt heo ta ở nhà đang đói, nêu các người biêt thì không nói ta ngu dâu." Này Bà-la-môn, nay ngươi nên từ bỏ ác tà kiến ấy đi, chớ giữ chặt sự mê lâm mà sướt đời phải chịu khô đau. Cũng như người ngu kia, đội phân đi bị người khác chê và can gián rồi trở lại mắng nhiếc người ta là ngu si. Bà-la-môn nói với Ca-diêp: Nếu các ngài cho rằng: Làm lành được sanh lên cõi trời, chết vui hơn là sống, sao các ngài không lấy dao tự vận hoặc uống thuốc độc chết đi, hoặc trói tay chân xô từ nơi cao xuống mà cứ thấy người nào người nấy đều ham sống, không ai tự sát cả. Như thê đủ biêt chét không vui hơn sông. Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí, nhờ thí dụ hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho ngươi. Thuở xưa, ở thôn Tư-ba-ê này, có một người Phạm chí kỳ cựu trưởng lão, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người VỢT, một người có con trước, một người mới mang thai. Chẳng bao lâu, sau đó Phạm chí qua đời. Mẹ con người vợ lớn nói với vợ nhỏ răng: "Bao nhiêu của báu này đêu giao hét cho tôi cả, ngươi không có phân nào." Người vợ nhỏ nói: "Chị hãy chờ một thời gian ngăn, tôi sẽ sanh, nêu là con trai thì phải có một phần gia tài, nếu là con gái thì chi đem gả chồng để lấy tiên ciả." Nhưng người vợ lớn cứ nài nỉ đên ba lân, đòi chia gia tài cho được. Nhưng người vợ nhỏ vẫn trả lời như trước. Con của người vợ lớn cứ ép bức mãi, người vợ nhỏ nổi giận lấy dao bén tự mổ bụng mình để coi trong bụng con trai hay là con gái. Này Bà-la-môn, người mẹ tự sát lại hại luôn đứa con trong bào thai. Bà-la- mon, các ngươi cũng the, đa tự giêt mình con muôn giêt ke khác. Trai lại, nêu Sa-môn, Bà-la-môn nào siêng tu thiện, giới đức đây đủ, nêu sông lâu ở đời thì đem lại nhiều lợi ích an lạc cho cả trời, người. Bà-la-môn, nay ta sẽ đem dẫn dụ cuối cùng cho ngươi để ngươi thấy rõ tai hại của ác tà kiến. Thuở xưa, tại thôn Tư-ba-ê này, có hai người giỏi về nghê luyện bi, một hôm hai người đâu nghê với nhau, một người thăng cuộc,

một người thua cuộc. Thế rồi, người thua cuộc nói với người thắng cuộc rằng: "Thôi, ngày nay nghỉ đê ngày mai đâu lại.” Sau đó người thua cuộc trở vê nhà lấy những hòn bi để chơi đem tẩm thuốc độc, rồi đem phơi khô. Sáng hôm sau, mang những hòn bi này đến chỗ người thắng cuộc yêu cầu đấu lại. Trước khi choi, người thua cuộc lây một hòn bi đã tâm thuôc độc trao cho người thăng CUỘC, người thăng cuộc lây nuôt, người thua cuộc lại trao nữa, người thăng cuộc tiếp tục nuốt. Sau đó bị chất độc thấm làm rung động cả thân. Bây giờ, người thua cuộc dùng kệ măng răng: Ta dùng thuốc thoa bi, Mà ngươi nuốt không biết, Ngươi nuốt nhờ tiểu kế, về lâu sau sẽ biết. Ca-diếp bảo

Bà-la-môn: Nay ngươi nên mau bỏ ác tà kiến đó di, chớ để mê muội mãi lại càng thêm khô sở, như người chơi bi kia, nuôi độc mà không biêt! Lúc đó, Bà-la-môn thưa Ca-diếp: —Thưa Tôn giả, ngay thí dụ đầu tiên về mặt trăng, tôi đã hiểu rồi, sở dĩ tôi tráo trở không chấp nhận liền là vì tôi muốn thấy trí tuệ biện tài của ngài để thêm vững chác lòng tin. Nay tôi xin tín thọ quy y với đông nữ Ca-diêp! Ca-diếp đáp: -Ngươi chớ quy y với ta mà nên quy y với đàng Vô Thượng Tôn như ta đã quy y! Bà-la-môn nói: -Không hiêu đang Vô Thượng Tôn mà ngài quy y nay ở đâu? Ca-diếp đáp: Đức Thế Tôn, Thầy ta đã diệt độ chưa bao lâu. Bà-la-môn nói: Nếu đức Thế Tôn còn, chẳng quản xa gần tôi cũng tìm đến gặp Ngài và quy y lễ bái. Nhung nay nghe ngài nói đức Thế Tôn đã diệt độ. Vậy nay tôi xin quy y đức Như Lai đã diệt độ, quy y Pháp và quy y chúng Tăng! Xin ngài hãy châp nhận tôi là kẻ ưu-bà-tăc ở trong Chánh pháp! Từ nay vê sau tôi nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Tôi nay sẽ đại bố thí cho tất cả. Ca-diếp nói: Nếu ngươi sát hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí, điều đó chăng phải là phúc thanh tịnh. Và nêu giêt hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ đê mở hội bô thí và bô thí cho hạng người tà kiên, đó chăng phải là tạo phúc thanh tịnh. Ví như trên đất cạn, nhiêu sạn sỏi, nhiêu chông gai mà đem gieo giống vào, chắc chắn không gặt hái được gì. Trái lại, nếu mở hội đại thí mà không giết hại chúng sanh, không đánh đập tôi tớ, đem lòng hoan hỷ mở hội

bố thí, bố thí cho hạng người thanh tịnh, ngươi sẽ thu được nhiều phúc lớn. Cũng như ruộng tốt đúng mùa mà gieo giống, tất nhiên sẽ thu hoạch được nhiều tốt đẹp. Tệ-túc bạch Ca-diếp: Từ nay về sau tôi sẽ thường xuyên cúng dường cho chúng Tăng, không bao giờ gián đoạn. Lúc đó, có một thiếu niên Phạm chí tên là Ma-đầu đứng sau Tệ-túc. Tệ-túc xoay lại bảo: "Nay ta muốn mở hội đại thí cho tất cả. Vậy ngươi hãy sửa soạn giúp ta!" Khi thiêu niên Phạm chí nghe xong, liên sửa soạn. Lúc bô thí xong, anh ta cất tiếng nói rằng: "Nguyện cho Tệ-túc đời nay và đời sau không được phúc báu gì c" Lúc đó, Tệ-túc nghe Phạm chí ấy, sau khi bố thí xong, thốt ra lời này: "Nguyện cho Tệ-túc đời nay và đời sau không được phúc báu gì c*' liền gọi Phạm chí lại hỏi: Ngươi nhớ vừa roi có nói lời ây không? Đáp: Thật r 9 có nói! Vì sao? Vì nay ngài chưng r dọn các thức ăn thô kệch, dở tệ như thê này đê cúng dường cho chúng Tăng, nêu thử đem nó cho ngài, ngài còn không thèm sờ tay tới huống nữa là ăn. Hơn nữa, hiện tại đây, ngài trưng bày thức ăn không hài lòng thì làm sao đời sau được quả báo thanh tịnh? Ngài bố thí y phục cho chúng Tăng mà thí toàn là vải gai, nếu thử đem nó cho ngài, ngài còn không lấy chân sờ tới huống nữa là có thể lấy mặc. Hiện tại đây, ngài trưng bày những thứ không hài lòng thì làm sao đời sau được quả báo thanh tịnh? Khi đó, Bà-la-môn bảo Phạm chí: Từ nay về sau ngươi hãy lấy thức ăn ta ăn, y phục ta mặc để cúng dường cho chúng Tăng! Phạm chí lúc ây thực hành theo lời dạy, lây thức ăn và y phục của Tệ-túc mà cúng dường cho chúng Tăng. Do Tệ-túc mở hội tinh thí này nên sau khi thác sanh lên cõi trời thấp hơn, trong khi đó, thiếu niên Phạm chí kia lo sửa soạn giúp cho hội thí, sau khi qua đời được sanh lên cối trời Đao-lợi cao hơn. Bấy giờ, Bà-la-môn Tệ-túc, thiếu niên Phạm chí, chúng Bà-la-môn và cư SĨ, v.v... trong thôn Tư-ba-ê, nghe đông nữ Ca-diêp nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị? đều ngự trong động cây Thất-diệp? tại núi Tỳ-ha-la? thuộc thành La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, trong thành Vương Xá, có một cư sĩ tên Tán-đà-na tính ưa du ngoạn, cứ mỗi ngày ông đều ra khỏi thành đến chỗ Thế Tôn ngự. Một hôm, ông xem bóng mặt trời và thầm nghĩ: "Giờ này chưa phải lúc ta đến bái yết Phật, vì Thế Tôn còn đang nhập đinh trong tịnh thất, hơn nữa các Tỳ-kheo, cũng đang thiền định. Vậy tốt hơn ta nên đến rừng nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lợi, đợi đúng giờ rồi sẽ đến bái yết Phật và vấn an các Tỳ-kheo.^, Khi đó, trong rừng nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lợi có ông Phạm chí tên Ni-câu- đà, cùng năm trăm đệ tử Phạm chí đêu ở trong rừng đó. Lúc bây giờ, các Phạm chí tụ tập tại một chỗ lớn tiếng bàn luận nhưng chỉ nói những lời thô tục, nhiễm ô, chướng đạo, chẳng hạn như suốt ngày họ chỉ bàn việc nước, việc binh đao, chiến tranh, việc quốc gia hòa nghĩa, việc đại thần, việc thứ dân, việc xe ngựa đi qua khu rừng này; hoặc là việc giường chiếu, việc y phục, việc ăn uống, việc phụ nữ; hoặc là bàn việc núi, biển, rùa, ba ba... chỉ bàn luận những điều chướng đạo như vậy suốt ngày. Khi ây, ông Phạm chí vừa trông thây dáng cư sĩ Tán-đà-na tư xa đi đên, liên ra lệnh: "Hội chúng hãy im lặng vì có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến! Hơn nữa, trong hàng đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm thì ông này là hơn hét, chắc ông ta sẽ đến đây. Vậy các ngươi hãy im 0ng!" Khi đó, các Phạm chí đều im lặng. Sau khi cư sĩ Tán-đà-na đến chỗ ông Phạm chí chào hỏi xã giao xong, ngồi xuống một bên và nói với Phạm chí: -Thầy tôi là đức Thế Tôn, thường ưa yên tịnh, không chiu ồn ào, không như các ông và đệ tử các ông, ở giữa đám đông lớn tiêng luận bàn nhưng chỉ đê cập đến những điều chướng đạo vô ích. Phạm chí đáp lời: Sa-môn Cù-đàm có lần nào cùng ngươi đàm luận không? Ngươi làm sao biết được Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ? Hơn nữa thấy ngươi thường ưa ở nơi biên địa, chẳng khác nào như trâu đui ăn cỏ, sự thay biết thiên lệch, ông Cù-đàm

thầy của ngươi cũng vậy, ưa bảo thủ những quan niệm thiên lệch của riêng mình và thích ở chô không người. Nêu thây ngươi đên đây? chúng ta sẽ gọi là con trâu đui. Còn Sa-môn Cù-đàm thường tự xưng là bậc Đại trí tuệ nhưng chúng ta chỉ cân dùng một câu là làm cho ông ta bí lôi mà phải làm thinh. Ví như con rùa thun hết đầu đuôi, bốn chân vào vỏ và cho thế là yên nhimg chúng ta chỉ cần một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngự trong tinh thất dùng thiên nhĩ nghe Phạm chí nói với Tán-đà-na những lời như thế, liền rời động cây Thất-diệp, đi đến * rừng nữ Phạm chí O-tạm-bà-lợi. Lúc bấy giờ, Phạm chí Ni-câu-đà vừa thấy Phật từ xa đi đến, vội bảo các đệ tử: "Các ngươi hãy im lặng, Sa-môn Cù-đàm muốn đến đây. Vậy các ngươi chớ đứng dậy nghinh tiếp hoặc lễ bái hay cung kính, cũng chớ thỉnh ngồi; trái lại, hãy chỉ một chô riêng cho ông ta ngôi! Khi ông ta ngôi xong, các ngươi hãy hỏi: 'Sa-môn Cù-đàm từ đâu đến? Ông dùng pháp gì để dạy bảo đệ tử, khiến họ được tịch tinh an vui và tịnh tu Phạm hạnh?'" Khi ông ta nói vừa dứt lời thì đức Thế Tôn cũng vừa đến. Nhưng các đệ tử Phạm chí bất giác tự nhiên đứng dậy nghinh tiếp đức Thế Tôn và nói: "Quý hóa thay, đức Cù-đàm đã đến đây! Vinh hạnh thay đức Sa-môn đã đến đây! Từ lâu không được gặp Ngài, nay có việc gì Ngài lại đên đây? Xin mời Ngài ngôi tạm một chô

phía trước!,? Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi xuống, Ngài vui vẻ mỉm cười và thầm nghĩ: “Những người ngu này không tự chủ được, trước đã đặt lệnh ước với nhau nhưng rốt cuộc không giữ vững lập trường. Vì sao? Vì thần lực của Phật khiến cho ác tâm của họ tự nhiên tiêu tan.” Lúc đó, cư sĩ Tán-đà-na đảnh lễ dưới chân Thế Tôn và ngồi xuống một bên, đồng thời Phạm chí Ni-câu-đà sau khi chào hỏi Phật xong, cũng ngồi xuống một bên và thưa: Sa-môn Cù-đàm từ đâu đến đây? Ngài dùng pháp gì để dạy bảo đệ tử khiến họ được định, an ổn và tịnh tu Phạm hạnh? Đức Thế Tôn bảo: Thôi đi Phạm chí! Pháp của Ta dạy bảo đệ tử từ trước đến nay, khiến họ được chỗ an ổn và tịnh tu Phạm hạnh thì không thể nào ông sánh kịp. Lại bảo Phạm chí, ngay cả thầy ông và đệ tử của ông tu hành tinh hay bất tịnh Ta đều có thể nói được. Lúc đó, năm trăm đệ tử Phạm chí đều nói với nhau: "Sa-môn Cù-đàm có oai lớn, có thần lực lớn thật, người ta hỏi nghĩa lý của mình mà mình lại hỏi nghĩa lý của người ta.” Khi ấy, Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật: —Thưa Cù-dàm, tốt lắm! Xin Ngài hãy phân biệt rõ ràng cho!

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA 145

Phật bảo Phạm chí: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, về vấn đề này Ta sẽ nói cho! Phạm chí đáp: - Vâng! Tôi đang muốn nghe. Khi ấy Phật dạy: Những việc làm của các ông đều là thấp hèn. Như việc cởi hết áo chăn để lõa thể, rồi lấy tay che, hoặc không nhận đồ ăn đựng trong cái mái, không nhận đồ ăn đựng trong cái bát, không nhận đồ ăn giữa hai tay đưa, không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai dao, không nhận đồ ăn giữa hai bát, không nhận đồ ăn nơi nhà đang ăn, không nhận đồ ăn nơi nhà có người đang thai nghén, không nhận đồ ăn nơi nhà nếu thấy có chó đứng trước cửa, không nhận đồ ăn nơi nhà có nhiều ruồi, không nhận đồ ăn do người tu mời, không nhận đồ ăn mà người ta đã cho biết trước, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không dùng hai bát đựng đồ ăn; hoặc một lần nhai một lần nuốt, cho đến bảy lần nhai một lần nuốt mà thôi; hoặc nhận đồ ăn thêm không quá bảy lần, hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc chỉ ăn rau, hoặc chỉ ăn cỏ, hoặc chỉ uống nước cháo, hoặc chỉ ăn mè, hoặc chỉ ăn gạo lúa, hoặc ăn phân bò9 hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ, nhánh, lá, trái, hạt cây, hoặc ăn trái cây tự rụng; hoặc choàng áo trên vai, hoặc mặc áo cỏ cú, hoặc mặc vỏ cây, hoặc lấy cỏ quấn quanh mình, hoặc mặc da nai, hoặc đê trân đâu tóc, hoặc mang tâm lông, hoặc mặc áo vát ngoài gò mả, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không ngồi giường chiếu, hoặc thường ngồi chồm hổm, hoặc cạo tóc chừa râu, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên dưa trái, hoặc lõa thể nằm trên phân bò, hoặc một ngày tắm ba làn, hoặc một đêm tắm ba lần. Tóm lại, dùng vô số việc khổ hạnh để hành hạ xác thân như thế, Ni-câu-đà nghĩ sao? Tu những hạnh như vậy đáng gọi là thanh tinh chăng? Phạm chí đáp: -Đó là những pháp thanh tinh chứ chẳng phải bất tịnh. Phật dạy: Nếu ông cho là tịnh thì Ta sẽ từ trong cái tinh của ông mà chỉ ra những điều bất tịnh cho ông xem. Phạm chí đáp: Thưa Cù-đàm5 tốt lắm! Ngài cứ nói, tôi đang muốn nghe! Phật bảo Phạm chí: -Những người tu khổ hạnh trên, trong tâm họ vẫn tự nghĩ như sau: "Nay ta tu như thế này sẽ được mọi người cúng dường, cung kính và lễ bái. Đó là cấu uế.”

Như người tu khổ hạnh, khi được cúng dường, cung kính, lễ bái thì say đắm, chấp chặt không muốn từ bỏ, luyến ái không biết cách thoát ly. Đó là cấu uế. Như người tu khô hạnh, khi vừa trông thây bóng ai đên thì cùng nhau ngôi thiền nhưng đến khi không có ai thì tự ý ngồi nằm. Đó là cấu uế. Như người tu khổ hạnh, khi nghe chánh nghĩa của người khác mà không chịu nhìn nhận. Đó là cấu uế. Như người tu khổ hạnh, nếu có ai hỏi đúng mà tiếc rẻ không chịu đáp. Đó là cấu uế. Như người tu khổ hạnh, nếu thấy ai cúng dường Sam6n, Bà-la-môn sanh . n D M lòng chê bai, cản trở. Đó là câu uê. Như người tu khổ hạnh, nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sanh ra được, liền chê trách. Đó là cấu uế. Như người tu khổ hạnh, nếu thấy có thức ăn bất tịnh, không chiu cho người. Nêu có thức ăn thanh tinh, tham lam giữ ăn một mình, không thây lôi của mình, không biết cách thoát ly. Đó là cấu uế. Như người tu khổ hạnh mà sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói lời ly gián, nói lời độc ác, nói láo, nói thêm bớt, tham lam, tật đố, tà kiến điên đảo. Đó là cấu uế. Nếu người tu khổ hạnh mà lười biếng, ham vui, mê mờ, không tu thiền định, không có trí tuệ, giông như câm thú. Đó là câu uê. Nếu người tu khổ hạnh mà tự cao, kiêu mạn, tăng thượng mạn. Đó là cấu uế. Nếu người tu khổ hạnh mà không có tín nghĩa, không có tâm báo đáp, không giữ tịnh giới, không siêng năng học hỏi, thường kết bạn với người ác, kết bè kết đảng mãi làm ác không thôi. Đó là cấu uế. Nêu người tu khô hạnh mà đây lòng sân hận, thích làm xảo trá, tự ỷ lại sự hiểu biết của mình đi tìm tòi chỗ hay và chỗ dở của người, thường mang tà kiến, biên kiến. Như vậy là cấu uế. Thế nào, Ni-câu-đà? lối tu khổ hạnh như vậy đáng gọi là thanh tịnh chăng? Đáp: Đó là bất tịnh, chứ không phải thanh tịnh. Phật dạy: Nay Ta sẽ từ trong pháp cấu uế của ông mà chỉ ra pháp thanh tinh không Á Ấ cau uê. Phạm chí thưa: Xin Ngài cứ nói! Phật dạy: -Người tu khổ hạnh không tự nghĩ rằng: "Ta tu như thế sẽ được cung kính cúng dường lễ b” Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế.

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA« 147

Người tu khổ hạnh ấy, khi được cúng dường nhưng tâm không tham đắm, hiểu rõ, xa lìa và biết cách thoát ly. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế. Người tu khổ hạnh ấy, lo tọa thiền theo thường lệ, chứ không vì có người hay không có người mà thay đổi. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế. Người tu khô hạnh ây, khi nghe đên chánh nghĩa của người khác thì hoan hỷ tin nhận. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế. Người tu khổ hạnh ấy, khi có ai hỏi han thì vui vẻ giải đáp. Đó là pháp tu khổ hạnh xa rời cấu uế. Người tu khô hạnh ây, khi thây ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì vui mừng thê cho họ chứ không cản trở. Đó là pháp khô hạnh xa lìa câu uê. Người tu khổ hạnh ấy, nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sống lại mà không quở trách. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh ấy, khi được thức ăn bất tịnh, tâm không luyến tiếc và khi được thức ăn thanh tịnh, tâm không tham đắm, xét thấy lỗi của mình biết cách lìa bỏ. Đó là khổ hạnh xa lìa cấu uế. Người tu khổ hạnh ấy không tự khen mình chê người. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế. Người tu khô hạnh ây không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói ác độc, không nói dối, không nói thêm bớt, không tham lam, không tật đố và không tà kiến. Đó là pháp khổ

hạnh xa lìa cấu uế. Người tu khô hạnh ây siêng năng không quên ưa tu tập thiên định, tu nhiêu về trí tuệ, không như cầm thú. Đó là pháp khô hạnh xa lìa cấu uế. Người tu khổ hạnh ấy không tự cao, ngã mạn, tự đại. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cau uế. Người tu khổ hạnh ấy thường giữ lòng tín nghĩa, thực hành hạnh báo đáp, giữ gìn tịnh giới, siêng năng học hỏi, thường kết bạn với người lành, mãi lo tích chứa điều lành. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế. Người tu khổ hạnh ấy không có tâm niệm sân hận, không xảo quyệt, không ỷ mình hiểu biết, không tìm tòi những khuyết điểm của người, không tà kiến và biên kiến. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế. Phạm chí nghĩ thế nào, pháp khổ hạnh như vậy có phải là pháp thanh tịnh xa lìa cấu uế không? Đáp: Đúng vậy! Quả thật là pháp thanh tịnh xa lìa cấu uế. Phạm chí bạch Thế Tôn: Chẳng hay pháp khổ hạnh đến mức độ này có được gọi là hạnh kiên cố đệ nhất chira?

Phật dạy: Chưa! Đó chỉ mới ngoài vỏ thôi. Phạm chí thưa: Xin Ngài cho biết về lõi cây! Phật dạy: - Ngươi hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ nói cho! Phạm chí thưa: Vâng, tôi đang muôn nghe! Phật dạy: Này Phạm chí, người tu kho hạnh tự mình không sát sanh, không bảo người khác sát sanh; không trộm cướp, không bảo người khác trộm cướp; không tà dâm, không bảo người khác tà dâm; không nói dối9 không bảo người khác nói dối. Người ấy đem tâm từ rải khắp một phương, rồi đến phương khác cũng như vậy với từ tâm quảng đại, bình đăng, vô lượng không hai, khắp cả thế gian, không hề oán kết. Với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như thế. Người tu pháp khổ hạnh này mới gọi là lõi cây. Phạm chí bạch Phật: Cúi xin đức Thế Tôn hãy nói về nghĩa khổ hạnh kiên cố! Phật bảo Phạm chí: - Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho! Phạm chí thưa: Bạch Thế Tôn, vâng! Tôi đang muốn nghe. Phật dạy: Người tu khổ hạnh tự mình không sát sanh, không dạy người sát sanh; không trộm cướp, không dạy người khác trộm cướp; không tà dâm, không dạy người khác tà dâm; không nói dối, không dạy người khác nói dối. Vị ấy đem tâm từ rải khắp một phương rồi đến phương khác cũng như thế, với tâm từ quảng dại, bình đẳng vô lượng không hai, khắp cả thế gian không hề oán kết, với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như vậy. Hơn nữa, người tu khô hạnh trên tự biêt việc xảy ra trong vô sô kiêp vê trước, hoặc một dời, hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại, hay kiếp số trước sau tất cả đều biết hết. Đồng thời còn có thể biết được mình từng sanh vào chủng tộc đó9 tên tuổi như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua khổ vui như vậy, từ đó sanh về đây và từ đây thác sanh về kia, tất cả những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả, đó là người Phạm chí có khổ hạnh kiên cố không hoại. Phạm chí bạch Phật: Thế nào là pháp khổ hạnh đệ nhất?

Phật bảo Phạm chí: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho! Phạm chí thưa: Bạch Thế Tôn, vâng! Tôi đang muốn nghe. Phật dạy: Này Phạm chí, những người tu khổ hạnh không những tự mình không sát sanh, không dạy người sát sanh; không trộm cướp, không dạy người trộm cướp; không tà dâm, không dạy người tà dâm; không nói dối, không dạy người nói dôi. Vị ây đem tâm từ rải kháp một phương, roi đên phương khác cũng như thê, với tâm từ quảng dại, bình đẳng, vô lượng không hai khắp cả thế

gian, không hề oán kết. Với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, cũng như vậy. Hơn nữa, người tu khổ hạnh ấy lại tự biết được việc xảy ra trong vô số kiếp về trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, ngay cả quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, tất cả đều biết hết, đồng thời còn có thể thấy mình từng sanh vào chủng tộc đó5 tên tuổi như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua khổ vui như vậy, từ đó sanh về đây, từ đây sanh về kia. Tất cả những việc từ vô sô kiêp như thê, vị ây đêu nhớ cả. Thiên nhãn thanh tịnh của vị ây quan sát các loài chúng sanh, thấy họ thác đây sanh kia, nhan sắc tốt xấu, ở cõi thiện hay cõi ác và bất cứ họ sanh đến đâu đều thấy và hiểu hết. Lại còn thấy biết có chúng sanh thân làm điều bất thiện, miệng nói lời bất thiện, ý nghĩ điều bất thiện, phỉ báng Thánh hiền, tin theo tà đạo, sau khi lâm chung bị đọa vào ba đường ác. Hoặc có chúng sanh thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện, không phỉ báng Thánh hiền, tu hành chánh tín, sau khi mạng chung được sanh vào cõi trời, cõi người. Vị ấy với thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sanh theo hành nghiệp mà thác sanh, không có gì mà không thấy biết. Đó là khổ hạnh thù thắng bậc nhất. Phật bảo: Này Phạm chí, ở trong pháp này, còn có pháp thù thắng hơn mà ta đã thường đem pháp ấy dạy cho hàng Thanh văn và họ nhờ pháp ấy mà tu được Phạm hạnh. Bây giờ, năm trăm đệ tử Phạm chí đông lớn tiêng bảo nhau: "Nay chúng ta mới thấy đức Thế Tôn là bậc Tối Thượng, thầy ta không bằng/9 Cư sĩ Tán-đà-na lúc ấy nói với Phạm chí như sau: "Lúc nãy ngươi nói: 'Hễ thấy Sa-môn Cù-đàm đến đây thì chúng ta sẽ gọi là trâu dùi', bây giờ đức Thế Tôn đã đến, sao ngươi không gọi đi? Và lúc nãy ngươi nói: 'Chỉ càn một câu là đủ làm cho Sa-môn Cù-đàm bí lối mà phải làm thinh, như con rùa thun cả đau, đuôi, chân vào trong vỏ và cho thế là yên nhưng ta chỉ cần một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn/ Sao nay ngươi không đem câu ấy làm bí Như Lai di?”

Phật bảo Phạm chí: Trước dây, ngươi có nói như thê không? Phạm chí thưa: -Có! Phật bảo: Ngươi há không nghe các bậc Phạm chí tiền bối nói: "Chư Phật Như Lai ưa ở nơi núi rừng thanh vng", như Ta ngày nay ưa ở chỗ vang, chứ không phải như pháp của các ông, chỉ thích chỗ ồn ào, nói chuyện vô ích suốt ngày. Phạm chí nói rằng: -Tôi có nghe chư Phật trong thời quá khứ ưa chô văng, độc cư trong rừng như Thế Tôn ngày nay, chẳng như pháp của tôi, ưa ở chỗ ồn ào, nói điều vô ích suốt ngày. Phật bảo tiếp: Ngươi há không nhớ Sa-môn Cù-đàm hay thuyết pháp về đạo Bồ-đề rằng: "Không những có thể tự điều phục mình mà còn có thể điều phục kẻ khác, không những tự dứt phiền não cho mình mà còn dứt phiền não cho kẻ khác, không những tự mình qua đến bờ giác mà còn độ người qua đến bờ giác, không những tự mình giải thoát mà còn giải thoát cho người khác, không những tự mình được diệt độ mà còn diệt độ cho người khac?^ Khi ấy, Phạm chí Ni-câu-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt đảnh lễ, tay sờ chân Phật, tự xưng tên mình: "Con là Phạm chí Ni-câu-đà, nay xin quy y Phật và đảnh lễ dưới chân Thế T6n!” Phật dạy: Thôi, Phạm chí hãy đứng dậy! Chỉ cần tâm ngươi hiểu lời Ta dạy là đã đảnh lễ Ta rồi. Lúc đó, Phạm chí lại đảnh lễ dưới chân Phật và ngồi xuống một bên. Phật dạy tiếp: -Này Phạm chí, có lẽ ngươi nghĩ răng: "Bức Như Lai vì lợi dưỡng mà thuyết pháp u?” Ngươi chớ nghĩ như vậy! Vì nếu có lợi dưỡng thì Ta sẽ thí hết cho ngươi. Hơn nữa, Ta nói pháp vi diệu bậc nhất với mục đích để diệt trừ điều

ác, tăng trưởng điều thiện cho chúng sanh thôi. Này Phạm chí! Phải chăng ngươi nghĩ: "Bức Như Lai vì được sự tôn trọng, vì muốn được tiếng khen, vì là người dẫn dầu, vì CIuyến thuộc, vì đại chúng mà nói pháp?^ Ngươi chớ nghĩ như vậy! Vì nay quyển thuộc ngươi Ta đều trả về hết cho nẹươi. Hơn nữa, Ta thuyết pháp với mục đích để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điêu thiện cho chúng sanh thôi. Này Phạm chí, có lẽ ngươi nghĩ rằng: "Dức Như Lai sẽ đưa ngươi vào chỗ bất thiện, vào chỗ hắc ám chang?" Nậươi chớ nghĩ như the! Vì đối với pháp bất thiện, hắc ám trên, chính ngươi chỉ can xả bỏ? Ta sẽ nói thiện pháp cho ngươi.

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA 151

Này Phạm chí, có lẽ ngươi nghĩ như sau: "Dức Như Lai sẽ đặt ngươi ở nơi thiện pháp thanh bạch chng?" Ngươi chớ nghĩ như vậy! Vì ngươi phải tự mình ở nơi thiện pháp thanh bạch và siêng năng tu hành, Như Lai sẽ nói thiện pháp thanh bạch cho ngươi để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều thiện. Bấy giờ, năm trăm đệ tử Phạm chí đem tâm ý đoan chánh nghe Phật nói pháp, khi thấy vậy Ma Ba-tuần tự nghĩ rằng: "Năm trăm đệ tử Phạm chí đang đem tâm ý đoan chánh nghe theo Phật pháp. Vậy tót nhát là ta đên phá hoại thiện tâm của h." Lúc đó5 Ac ma liên đem hét sức đê phá hoại thiện tâm, làm loạn chánh ý của năm trăm đệ tử Phạm chí nói trên. Bấy giờ, đức Phật bảo Tán-đà-na rằng: Năm trăm đệ tử Phạm chí đem tâm ý đoan chánh nghe Như Lai thuyết pháp, Ma Ba-tuân muôn phá chánh ý của họ, vậy nay Ta muôn trở vê, ngươi hãy đi với Ta! Lúc đó Phật liền nắm tay mặt, dẫn cư sĩ Tán-đà-na đặt trong bàn tay và nương hư không trở về. Khi cư sĩ Tán-đà-na, Phạm chí Ni-câu-đà và năm trăm đệ tử Phạm chí, nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH CHUNG TẠP r A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, du hành trong xứ Mạt-la, lần đến vườn Xà-đầu-am-bà trong thành Ba-bà. Hôm ấy, ngày rằm trăng tròn, đức Thế Tôn ngồi ngoài trời, cùng với đại chúng vây quanh. Sau khi nói pháp khá lâu, bấy giờ trời đã tối, đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất: Nay các Tỳ-kheo từ bốn phương tụ họp về đây, tất cả đều siêng năng, bỏ sự ngủ nghỉ, Ta vì đau lưng cần nghỉ ngơi một chút, giờ đây ông thay Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp. Vâng, con xin vâng lời Thế Tôn dạy! Bấy giờ, đức Thế Tôn xếp tư chiếc y Tăng-già-lê lại, nằm nghiêng về bên hữu, hai chân chồng lên nhau như dáng điệu sư tử. Khi đó, ngài Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: -Nay tại thành Ba-bà này có một vị Ni-kiền-tử vừa mới từ trần, trong hànẹ đệ tử của ông ta lại phân chia thành hai phái, họ tranh tụng, mạ lỵ lẫn nhau ve vấn đề thi phi, đồng thời luôn luôn tìm những ưu khuyết điểm của nhau, như nói: "Chi có ta biết điều này, còn ngươi thì không. Ngươi ở nơi tà kiến, ta ở nơi Chánh pháp." Ngôn ngữ đảo lộn, không có thứ tự, vậy mà họ tự xưng lời nói của mình là chân chánh, như nói: “Lòi ta nói là thắng, lời ngươi nói là thua. Hơn nữa, nay ta có thể chủ tọa cuộc thảo luận này, vậy ngươi có hỏi điều chi thì nên hỏi với ta." Này các Tỳ-kheo5 lúc đó nhân dân trong nước, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiền-tử đều nhàm chán việc tranh tụng này. Vì pháp của họ không chơn chánh; mà đã không chơn chánh thì làm sao giải thoát được? Như ngôi tháp đã mục nát thì vô phương tu bổ lại. Đây không phải là lời nói của đấng Chánh

Đẳng Chánh Giác. Này các Tỳ-kheo, chỉ có pháp của đức Thích-ca Vô Thượng Tôn thật là chơn chánh, mới có thể làm cho người được giải thoát. Ví như ngôi tháp mới thì sự trang trí rất dễ dàng. Đây là lời nói của đấng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này các Tỳ-kheo, nay ta phải kiết tập Pháp, Luật để đề phòng sự tranh tụng, và nhát là khiên cho Phạm hạnh được trường tôn lâu dài, trời, người được nhiều lợi ích, an vui.

154 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

r Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói một Chánh pháp, đó là tát cả chúng sanh đều do sự ăn mà sanh tồn. Đức Như Lai lại nói một Chánh pháp, đó là tất cả chúng sanh đều nhờ vào các hành mà an trụ. Đó là một pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải được kiêt tập đê đê phòng sự tranh tụng và khiên cho Phạm hạnh trường tôn, đông thời, trời, người được lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có hai Chánh pháp, đó là danh và sắc. Có hai pháp, đó là si và ái. Có hai pháp, là châp có và châp không (hữu kiên và vô kiên). Có hai pháp, đó là vô tàm và vô quý. Có hai pháp, đó là có tàm và có quý. Có hai pháp, đó là Tận trí và Vô sanh trí. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh từ ái dục: Tịnh diệu sắc và không có tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh từ sân nhuế: Oán ghét và không có tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, phát sanh từ tà kiến: Nghe từ người khác và tà tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh ra từ chánh kiến: Nghe từ người khác và chánh tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên: Hữu học giải thoát và vô học giải thoát. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên: Hữu vi giới và vô vi giới. Này các Tỳ-kheo, đó là lời dạy của Thế Tôn cần được kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, khiến cho Phạm hạnh được trường tồn, trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói:
Có ba pháp, đó là ba bất thiện căn: (l) Tham dục; (2) Sân nhuế; (3) Ngu si. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện: (l) Hạnh bất thiện về thân; (2) Hạnh bất thiện về khẩu; (3) Hạnh bất thiện về ý. Có ba pháp, đó là ba thiện căn: (l) Không tham; (2) Không sân; (3) Không si. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện: (l) Thân làm điều bất thiện; (2) Miệng nói điều bất thiện; (3) Ý nghĩ điều bất thiện. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện: (l) Ác hạnh về thân; (2) Ác hạnh về khẩu; (3) Ác hạnh về ý. Có ba pháp, đó là ba thiện hạnh: (l) Thiện hạnh về thân; (2) Thiện hạnh về khẩu; (3) Thiện hạnh về ý. Có ba pháp, đó là ba bất thiện tưởng: (l) Dục tưởng; (2) Sân tưởng; (3) Hại tưởng. Có ba pháp, đó là ba thiện tưởng: (l) Không có dục tưởng; (2) Không có sân tưởng; (3) Không có hại tưởng. Có ba pháp, đó là ba ác tư duy: (l) Dục tư duy; (2) Sân tư duy; (3) Hại tư duy. Có ba pháp, đó là ba thiện pháp tư duy: (l) Không có dục tư duy; (2) Không có sân tư duy; (3) Không có hại tư duy.

9. KINH CHÚNG TẬP < 155

CÓ ba pháp, đó là ba phúc nghiệp: (1) Nghiệp bố thí; (2) Nghiệp bình đẳng; (3) Nghiệp tư duy. Có ba pháp, đó là ba thọ: (1) Lạc thọ; (2) Khổ thọ; (3) Bất khổ bất lạc thọ (xả thọ). Có ba pháp, đó là ba ái: (1) Dục ái; (2) Hữu ái; (3) Vô hữu ái. Có ba pháp, đó là ba hữu lậu: (1) Dục lậu; (2) Hữu lậu; (3) Vô minh lậu. Có ba pháp, đó là ba thứ lửa: (1) Lửa dục; (2) Lửa sân; (3) Lửa si. Có ba pháp, đó là ba sự tìm cầu: (1) Sự tìm cầu về dục; (2) Sự tìm cầu về hữu; (3) Sự tìm cầu về Phạm hạnh. Có ba pháp, đó là ba sự tăng thịnh: (1) Ngã

tăng thịnh; (2) Thế tăng thịnh; (3) Pháp tang thịnh. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) Dục; (2) Sân; (3) Hại. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) Giải thoát giới; (2) Giới vô sân; (3) Giới vô hại. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) sắc giới; (2) Vô sắc giới; (3) Tận giới. Có ba pháp, đó là ba tụ: (1) Giới tụ; (2) Định tụ; (3) Tuệ tụ. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) Tăng thịnh giới; (2) Tăng thịnh đinh; (3) Tăng thịnh tuệ. Có ba pháp, đó là ba thứ tam-muội: (1) Không tam-muội; (2) Vô nguyện tam-muội; (3) Vô tướng tam-muội. Có ba pháp, đó là ba tưởng: (1) Tưởng chỉ tức; (2) Tưởng tinh cần; (3) Tưởng xả. Có ba pháp, đó là ba thứ minh: (1) Tự thức túc mạng trí minh; (2) Thiên nhãn trí minh; (3) Lậu tận trí minh. Có ba pháp, đó là ba sự biến hóa: (1) Thần túc biến hóa; (2) Biết tâm niệm người khác và tùy theo họ mà thuyết pháp; (3) Giáo giới (dạy dỗ). Có ba pháp, đó là ba thứ căn bản do dục sanh: (1) Có chúng sanh do dục hiện tại chi phối nên sanh vào cõi trời, cõi người; (2) Có chúng sanh do hóa dục. sanh về trời Hóa Tự Tại; (3) Có chúng sanh do tha hóa dục. sanh về cõi ttviThaHoaTvT^r ' '

CÓ ba pháp, đó là ba trường hợp do lạc sanh: (1) Có chúng sanh tự nhiên thành tựu nên sanh tâm hoan lạc, như Phạm Quang Âm thiên, khi mới sanh lên cõi ấy; (2) Có chúng sanh lấy niệm làm niềm an lạc và tự nói: “Lành thay!" như Quang Âm thiên; (3) Được sự an vui của chỉ và tức, như Biến Tịnh thiên. Có ba pháp, đó là ba thứ khổ: (1) Hành khổ; (2) Khổ khổ; (3) Biến dịch khổ (hoại khổ). Có ba pháp, đó là ba căn: (1) Vị tri dục tri căn (căn chưa biết mà muốn biết); (2) Tri căn (căn biết); (3) Tri dĩ căn (căn đã biết).

CÓ ba pháp, đó là ba đường: (1) Hiền thánh đường; (2) Thiên đường; (3) Phạm đường. Có ba pháp, đó là ba loại phát: (1) Kiến phát; (2) Văn phát; (3) Nghi phát. Có ba pháp, đó là ba luận: (1) Có luận sự bàn thế này: “Trong quá khứ có sự kiện này”; (2) Có luận sự bàn thế này: “Trong vi lai có sự kiện này"; (3) Có luận sự bàn thế này: “Trong hiện tại có sự kiện nay?9 Có ba pháp, đó là ba tụ: (1) Chánh định tụ; (2) Tà định tụ; (3) Bất định tụ. Có ba pháp, đó là ba thứ buồn: (1) Buồn về thân; (2) Buồn về khẩu; (3) Buồn về ý. Có ba pháp, đó là ba bậc Trưởng lão: (1) Niên Trưởng lão; (2) Pháp Trưởng lão; (3) Tác Trưởng lão. Có ba pháp, đó là ba loại nhãn: (1) Nhục nhãn; (2) Thiên nhãn; (3) Huệ nhãn. Này các Tỵ-kheo, đây là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói5 vậy phải cùng nhau kiêt tập đê đê phòng sự tranh tụng, khiến cho Phạm hạnh được trường tồn, trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có bốn Chánh pháp, đó là bốn ác hạnh về khẩu: (1) Nói dối; (2) Nói hai lưỡi; (3) Nói độc ác; (4) Nói thêm bớt. Có bốn pháp, đó là bốn thiện hạnh về khẩu: (1) Nói chơn thật; (2) Nói nhu nhuyến; (3) Không nói thêm bớt; (4) Không nói hai lưỡi. Có bốn pháp, đó là bốn bất Thánh ngữ: (1) Không thấy nói thấy; (2) Không nghe nói nghe; (3) Không hiểu nói hiểu; (4) Không biết nói biết. Có bốn pháp, đó là bốn Thánh ngữ: (1) Thấy nói thấy; (2) Nghe nói nghe; (3) Hiểu nói hiểu; (4) Biết nói biết. Có bốn pháp, đó là bốn thực: (1) Đoàn thực; (2) Xúc thực; (3) Niệm thực; (4) Thức thực. Có bốn pháp, đó là bốn thọ: (1) Hiện tại tạo khổ hạnh, về sau thọ khổ báo; (2) Hiện tại tạo kho hạnh, ve sau thọ lạc báo; (3) Hiện tại tạo lạc hạnh, ve sau thọ khổ báo; (4) Hiện tại tạo lạc hạnh, về sau thọ lạc báo. Có bốn pháp, đó là bốn thọ: (1) Dục thọ; (2) Ngã thọ; (3) Giới thọ; (4) Kiến thọ. Có bốn pháp, đó là bốn sự trói

buộc: (1) Sự trói buộc thân do tham dục; (2) Sự trói buộc thân do sân nhuế; (3) Sự trói buộc thân do trộm cắp; (4) Sự trói buộc thân do ngã kiến. CÓ bôn pháp, đó là bôn gai nhọn: (1) Gai nhọn vê dục; (2) Gai nhọn vê sân; (3) Gai nhọn về kiến; (4) Gai nhọn về mạn. Có bốn pháp, đó là bốn sanh: (1) Noãn sanh; (2) Thai sanh; (3) Thấp sanh; (4) Hóa sanh.

9. KINH CHÚNG TẬP 157

CÓ bốn pháp, đó là bốn niệm xứ: (1) ở đây vị Tỳ-kheo quán thân trong thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; (2) Quán thân ngoài thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; (3) Quán thân nội ngoại thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; (4) Quán về thọ, về ý, về pháp cũng như the. Có bốn pháp, đó là bốn ý đoạn: (1) ở đây vi Tỳ-kheo đối với điều ác chưa sanh, tìm cách khiên không sanh; (2) Nêu điêu ác đã sanh, tìm cách diệt trừ; (3) Nếu điều thiện chưa sanh, tìm cách làm cho phát sanh; (4) Nếu điều thiện đã sanh, tìm cách suy tư để cho chúng càng tăng trưởng. Có bốn pháp, đó là bốn thần túc: (l) ở đây vị Tỳ-kheo nhờ suy tư về dục định mà hành nghiệp được diệt trừ; (2) Cho đến tinh tấn định; (3) Ý đinh; (4) Tư duy định cũng như thế. Có bốn pháp, đó là Tứ thiền: (l) ở đây vị Tỳ-kheo diệt trừ ác dục và bất thiện pháp, có giác, có quán, được ly sanh hỷ lạc và chứng Sơ thiền; (2) Vị Tỳ-kheo ây9 diệt giác, diệt quán nội trú nhát tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, chứng Đệ nhị thiền; (3) Vị Tỳ-kheo ly hỷ, tu tập xả niệm, tinh tấn, tự biết thân lạc, đó là lạc ức niệm chứng Đệ tam thiền; (4) Tiếp theo là sự diệt trừ khô lạc và hỷ ưu đã cảm thọ ở trước, bát khô bát lạc, xả niệm thanh tinh, chứng Đệ tứ thiền. Có bốn pháp, đó là bốn Phạm đường: (l) Từ; (2) Bi; (3) Hỷ; (4) Xả. Có bốn pháp, đó là bốn Vô sắc đinh: (l) ở đây vị Tỳ"kheo khởi tưởng về tất cả sắc, trước hết diệt tận tưởng sân nhuế, không có nghĩ tưởng nào khác, suy tư về Vô lượng không xứ; (2) Xả Không xứ, nhập Thức xứ; (3) Xả Thức xứ, nhập Bất dụng xứ; (4) Xả Bất dụng xứ, nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ. Có bốn pháp, đó là bốn pháp túc: (l) Pháp túc không tham; (2) Pháp túc không sân; (3) Pháp túc chánh niệm; (4) Pháp túc chánh định. Có bốn pháp, đó là bốn dòng họ Hiền thánh: ở đây vị Tỳ-kheo biết đủ về y phục, khi được loại tót không mừng, khi được loại xâu không buôn, đông thời không đăm nhiêm đúng như giới câm và biêt đường giải thoát. Đôi với pháp này, siêng năng không lười biếng thành tựu được pháp này, không thiếu sót, không tổn giảm, đồng thời cũng có thể dạy cho người khác thành tựu pháp này; đó là pháp tri túc thứ nhất và trụ trong dòng Hiền thánh. Từ xưa đến nay chưa bao giờ bi não loạn, ngay cả các loài Phạm, Ma, Sa-môn, Bà- la-môn và thiên, nhơn đều không thể khinh khi. Cho đến thức ăn, thức uống và phương tiện r ngủ nghỉ như giường nệm... thuôc thang tri bệnh đêu tri túc cũng như thê. Có bốn pháp, đó là bốn nhiếp pháp: (l) Huệ thí; (2) Ái ngữ; (3) Lợi nhơn; (4) Đẳng lợi (đong dự).

158 KINH TRƯỜNG A-HÀM

CÓ bốn pháp, đó là bốn chi Tu-đà-hoàn: (1) ở đây^vị Tỳ-kheo đối với đức Phật được niềm tin bất hoại; (2) Đối với Pháp; (3) Đối với Tăng; (4) Đối với giới được niềm tin bất hoại. Có bốn pháp, đó là bốn thọ chứng: (1) Kiến sắc thọ chứng; (2) Thân thọ diệt

chứng; (3) Niệm túc mạng chứng; (4) Tri lậu tận chứng. Có bốn pháp, đó là bốn đạo: (1) Khổ tu hành nhimg được kết quả chậm; (2) Khổ tu hành nhimg được kết quả mau; (3) Vui thú tu hành nhưng được kết quả chậm; (4) Vui thú tu hành nhưng được kết quả mau. Có bốn pháp, đó là bốn Thanh đế: (1) Khổ Thánh đế; (2) Khổ tập Thánh đế; (3) Khổ diệt Thánh đế; (4) Khổ xuất yếu Thánh đế. Có bốn pháp, đó là bốn quả Sa-môn: (1) Tu-đà-hoàn; (2) Tư-đà-hàm; (3) A-na-hàm; (4) A-la-hán. Có bốn pháp, đó là bốn xứ: (1) Thật xứ; (2) Thí xứ; (3) Trí xứ; (4) Chỉ tức xứ. Có bốn pháp, đó là bốn trí: (1) Pháp trí; (2) Vi tri trí; (3) Đẳng trí; (4) Tri tha nhân tâm trí. Có bốn pháp, đó là bốn tài về biện luận: (l) Biện tài về pháp; (2) Biện tài về nghĩa; (3) Biện tài về từ; (4) Biện tài về ứng đối. Có bốn pháp, đó là bốn trú xứ của thức: (1) sắc thức trú xứ, sắc thức trú, duyên sắc thức trú, cùng với ái đồng thời tăng trưởng; (2) Thọ; (3) Tưởng; (4) Hanh trụ, cũng thế. Có bốn pháp, đó là bốn ách: (1) Ách của dục; (2) Ách của hữu; (3) Ách của kiến; (4) Ách của vô minh. Có bốn pháp, đó là bốn vô ách: (1) Không có ách của dục; (2) Không có ách của hữu; (3) Không có ách của kiến; (4) Không có ách của vô minh. Có bốn pháp, đó là bốn điều biết: (1) Biết thọ cái đáng thọ; (2) Biết làm cái đáng làm; (3) Biết vui cái đáng vui; (4) Biết bỏ cái đáng bỏ. Có bốn pháp, đó là bốn oai nghi: (1) Biết đi lúc nên đi; (2) Biết đứng lúc nên đứng; (3) Biết ngồi lúc nên ngồi; (4) Biết nằm lúc nên nằm. Có bốn pháp, đó là bốn cách suy tư: (1) Suy tư ít; (2) Suy tư rộng; (3) Suy tư vô lượng; (4) Suy tư vô sở hữu. Có bốn pháp, đó là bốn cách ký luận: (1) Quyết định ký luận; (2) Phân biệt ký luận; (3) Chát vấn ký luận; (4) Chỉ trụ ký luận. Có bốn pháp, đó là bốn pháp phòng hộ của Phật: (1) Đức Như Lai thân hành thanh tịnh, không có thiếu sót, không có sơ suất, đáng tự phòng vệ; (2) Khẩu hành thanh tịnh; (3) Ý hành thanh tịnh; (4) Mạng hành thanh tịnh, cũng như thế. Đó là Chánh pháp do đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng về sau, đồng thời khiến cho Phạm hạnh trường tồn, trời, người được nhiều lợi ích an vui.

9. KINH CHÚNG TẬP 159

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: - Có năm Chánh pháp, đó là năm nhập: (1) Nhãn sắc; (2) Nhĩ thanh; (3) Tỷ hương; (4) Thiệt vị; (5) Thân xúc. Có năm pháp, đó là năm thọ ấm: (1) sắc; (2) Thọ; (3) Tưởng; (4) Hành; (5) Thức thọ ấm. Có năm pháp, đó là năm cái: (1) Tham dục; (2) Sân nhuế; (3) Thụy miên; (4) Điệu hy; (5) Nghi cái. Có năm pháp, đó là năm hạ phần kiết sử: (1) Thân kiến kiết; (2) Giới đạo kiết; (3) Nghi kiết; (4) Tham dục kiết; (5) Sân nhuế kiết. Có năm pháp, đó là năm thượng phần kiết sử: (1) sắc ái; (2) Vô sắc ái; (3) Vô minh; (4) Kiêu mạn; (5) Hối (trạo hối). Có năm pháp, đó là năm căn: (1) Tín căn; (2) Tấn căn; (3) Niệm căn; (4) Định căn; (5) Tuệ căn. Có năm pháp, đó là năm lực: (1) Tín lực; (2) Tấn lực; (3) Niệm lực; (4) Định lực; (5) Tuệ lực. Có năm pháp, đó là năm diệt tận: (1) Vị Tỳ-kheo tin đức Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu; (2) Tỳ-kheo không bị bệnh tật, thân thường an ổn; (3) Ngay thẳng không nịnh hót, nếu có thể được như thế, đức Như Lai sẽ chỉ bày cho con đường tắt Niết-bàn; (4) Tự mình chuyên niệm nhất tâm, không cho tán loạn, những điều đọc tụng trước đây ghi nhớ mãi không quên; (5) Khéo quán sự sanh diệt của các pháp, dùng hạnh Hiền thánh để tận diệt gốc khổ. Có năm pháp, đó là ngũ phát: (1) Phi thời phát; (2) Hư phát; (3) Phi nghĩa phát; (4) Hư ngôn phát; (5) Vô từ phát. Có năm pháp, đó là năm thiện phát:

(1) Thời phát; (2) Thật phát; (3) Nghĩa phát; (4) Hòa ngôn phát; (5) Từ tâm phát. Có năm pháp, đó là năm sự ganh ghét: (1) Ganh ghét về chỗ ở; (2) Ganh ghét về đàn-việt; (3) Ganh ghét về lợi dưỡng; (4) Ganh ghét về sắc; (5) Ganh ghét về giáo pháp. Có năm pháp, đó là năm lối giải thoát: (1) Tưởng thân là bất tịnh; (2) lương thức ăn là bất tịnh; (3) Tưởng tất cả hành là vô thường; (4) Tưởng tất cả thế gian không đáng vui; (5) Tưởng đến sự chết. Có năm pháp, đó là năm giới giải thoát: (1) ở đây vị Tỳ-kheo đối với dục, không ưa không động, không thân cận, chỉ nghĩ đên sự thoát ly, thích hạnh viên ly, thân cận không lười biếng, tâm vị ấy nhu hòa, ly dục, giải thoát. Những dục mà phát sanh các lậu và ràng buộc vi ấy đều diệt hết mà được giải thoát. Đó là giải thoát khỏi dục; (2) Giải thoát khỏi sân nhuế; (3) Giải thoát khỏi tật đố; (4) Giải thoát khỏi sắc; (5) Giải thoát khỏi thân kiến cũng như thế.

Có năm pháp, đó là năm hỷ giải thoát nhập: Nêu vị Tỳ-kheo siêng năng không lười biếng, thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm nhất tâm những gì chưa hiểu, được hiểu; những gì chưa hết thì hết; những gì chưa an được an. Những gì là năm? (1) ở đây vị Tỳ-kheo nghe đức Như Lai nói pháp, hoặc nghe bậc Phạm hạnh nói pháp, hay nghe Sư trưởng nói pháp, tư duy quán sát phân biệt ý nghĩa của pháp trên, tâm được hoan hỷ; khi đã được hoan hỷ thì được pháp ái; khi đã được pháp ái thì thân tâm an ôn, khi thân tâm đã an ôn thì được thiên định; khi được thiền định thì thấy đúng như thật; đó là giải thoát nhập thứ nhất. (2) ở đây vị Tỳ-kheo khi đã nghe pháp hỷ rồi thì thọ tri, đọc tụng cũng hoan hỷ; (3) Nói cho người khác cũng lại hoan hỷ; (4) Suy tư phân biệt cũng lại hoan hỷ; (5) Đối với pháp được định cũng như the. Có năm pháp, đó là năm hạng người: (1) Trung Bát-niết-bàn; (2) Sanh Bát- niết-bàn; (3) Vô hành Bát-niết-bàn; (4) Hữu hành Bát-niết-bàn; (5) Thượng lưu A-ca-ni-trá Bát-niết-bàn. Này các Tỳ-kheo5 đây là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn, trời và người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo? đức Như Lai nói: -Sáu Chánh pháp, đó là sáu loại nội nhập: (1) Nhãn nhập; (2) Nhĩ nhập; (3) Tỷ nhập; (4) Thiệt nhập; (5) Thân nhập; (6) Ý nhập. Có sáu pháp, đó là sáu loại ngoại nhập: (1) sắc nhập; (2) Thanh nhập; (3) Hương nhập; (4) Vị nhập; (5) Xúc nhập; (6) Pháp nhập. Có sáu pháp, đó là sáu thức thân: (1) Nhãn thức thân; (2) Nhĩ thức thân; (3) Tỷ thức thân; (4) Thiệt thức thân; (5) Thân thức thân; (6) Ý thức thân. Có sáu pháp, đó là sáu xúc thân: (1) Nhãn xúc thân; (2) Nhĩ xúc thân; (3) Tỷ xúc thân; (4) Thiệt xúc thân; (5) Thân xúc thân; (6) Ý xúc thân. Có sáu pháp, đó là sáu thọ thân: (1) Nhãn thọ thân; (2) Nhĩ thọ thân; (3) Tỷ thọ thân; (4) Thiệt thọ thân; (5) Thân thọ thân; (6) Ý thọ thân. Có sáu pháp, đó là sáu tưởng thân: (1) sắc tưởng thân; (2) Thanh tưởng thân; (3) Hương tưởng thân; (4) Vị tưởng thân; (5) Xúc tưởng thân; (6) Pháp tưởng thân. Có sáu pháp, đó là sáu tư thân: (1) sắc tư thân; (2) Thanh tư thân; (3) Hương tư thân; (4) Vị tư thân; (5) Xúc tư thân; (6) Pháp tư thân. Có sáu pháp, đó là sáu ái thân: (1) sắc ái thân; (2) Thanh ái thân; (3) Hương ái thân; (4) Vị ái thân; (5) Xúc ái thân; (6) Pháp ái thân. Có sáu pháp, đó là sáu thứ căn bản đưa đến sự tranh chấp: Hoặc có Tỳ-kheo ưa sân không bỏ5 không kính đức Như Lai, không kính Pháp và không kính Tăng. Hơn nữa đối với giới có những khuyết điểm, nhiễm ồ bất tịnh, ở

trong chúng hay sanh cãi vã, bị người ghét bỏ, phá rối tịnh chúng, trời, người không yên.

9. KINH CHÚNG TẬP 161

Này các Tỳ-kheo9 các ông phải tự nội quán, giả sử có sân hận, như bị người kia quây rối thì phải nhóm chúng lại một cách hòa hợp, tìm đủ mọi cách châm dứt nguyên nhân sự tranh cãi này. Các ônẹ lại phải chuyên niệm tự quán, giả sử kiet hận đã diệt thì cũng nên tìm cách đe ngăn chặn tâm mình, chớ để nó tái phát. Này các Tỳ-kheo, sự tranh chấp không thật, keo kiệt, tật đố9 lừa gạt, giả dối. Nếu chấp chặt kiến thức của mình, chấp nhận một cách sai lầm mà không bỏ thì mê lầm về tà kiến cùng biên kiến. Có sáu pháp, đó là sáu giới: Tức là địa, hỏa5 thủy, phong, không và thức giới. Có sáu pháp, đó là sáu hạnh quán sát: Mắt quán sắc, tai quán âm thanh, mũi quán mùi hương, lưỡi quán vi, thân quán sự xúc chạm, ý quán pháp. Có sáu pháp, đó là sáu giới giải thoát: Nếu Tỳ-kheo nói như thế nay: "Ta tu tâm từ mà lại sân nhuế.” Những Tỳ-kheo khác nói: "Ngươi chơ nói thế, chớ hủy báng đức Như Lai. Vì sao? Vì đức Như Lai không nói thế. Muốn tu hạnh từ giải thoát mà lại sanh tưởng sân nhuế thì không có sự kiện d6.' Phật dạy: uMột khi đã trừ được sân nhuế thì sau đó mới được từ tâm.,, Cho đến nếu Tỳ-kheo nói: "Ta tu hạnh bi giải thoát mà sanh tâm ghen ghét, tu hạnh hỷ giải thoát mà sanh tâm ưu não, tu hạnh xả giải thoát mà sanh các loạn ưa ghét, tu hạnh vô ngã mà sanh tâm nghi ngờ, tu hạnh vô tưởng mà sanh các loạn tưởng, loạn động,9 cũng lại như thế. Có sáu pháp, đó là sáu thứ vô thượng: (1) Thấy; (2) Nghe; (3) Lợi dưỡng; (4) Giới; (5) Cung kính; (6) Nhớ nghĩ vô thượng. Có sáu pháp, đó là sáu tư niệm: (1) Niệm Phật; (2) Niệm Pháp; (3) Niệm Tăng; (4) Niệm giới; (5) Niệm thí; (6) Niệm thiên. Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có bảy pháp, đó là bảy phi pháp: (1) Vô tín; (2) Vô tàm; (3) Vô quý; (4) Nghe ít; (5) Lười biếng; (6) Hay quên; (7) Vô trí. Có bảy pháp, đó là bảy Chánh pháp: (1) Tín; (2) Tàm; (3) Quý; (4) Đa văn; (5) Tinh tan; (6) Tổng trì; (7) Đa tn. Có bảy pháp, đó là bảy chỗ thức trú: Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như trời, người; đó là chỗ thức trú thứ nhất. Hoặc có chúng sanh có nhiều thứ thân nhimg chỉ có một tưởng như Phạm Quang Am thiên khi mới sanh lên cõi ấy; đó là chỗ thức trú thứ hai. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có ngàn loại tưởng, như Quang Âm thiên; đó là chỗ thức trú thứ ba. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một thứ tư tưởng, như Biến Tịnh thiên; đó là chỗ thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh ở Không xứ; đó là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở Thức xứ; đó là chỗ thức trú thứ sáu. Hoặc có chúng sanh ở Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ); đó là chỗ thức trú thứ bảy.

162 KINH TRƯỜNG A-HÀM

CÓ bảy pháp, đó là bảy pháp siêng năng: (1) Siêng năng giữ giới; (2) Siêng năng diệt tham dục; (3) Siêng năng phá tà kiến; (4) Siêng năng đa văn; (5) Siêng năng tinh tấn; (6) Siêng năng chánh niệm; (7) Siêng năng thiền định. Có bảy pháp, đó la bảy cách tưởng: (1) Tưởng bất tinh; (2) Tưởng thức ăn bất tịnh; (3) Tưởng thế gian không đáng vui; (4)

Tưởng sự chết; (5) Tưởng vô thường; (6) Tưởng vô thường là khổ; (7) Tưởng vô ngã là khổ. Có bảy pháp, đó là bảy pháp tam-muội cụ túc: (1) Chánh kiến; (2) Chánh tư duy; (3) Chánh ngữ; (4) Chánh nghiệp; (5) Chánh mạng; (6) Chánh phương tiện; (7) Chánh niệm. Có bảy pháp, đó là bảy pháp giác ý: (1) Niệm; (2) Trạch pháp; (3) Tinh tấn; (4) Hỷ; (5) Khinh an; (6) Đinh; (7) Hộ giác ý (xả giác ý). Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: - Có tám pháp, đó là tám pháp thế gian: (1) Lợi; (2) Suy; (3) Hủy; (4) Dự; (5) Ximg; (6) Cơ; (7) Khổ; (8) Lạc. • Có tám pháp, đó là tám pháp giải thoát: Dùng sắc quán sắc; đó là pháp giải thoát thứ nhất. Dùng tưởng vô sắc bên trong mà quán sắc bên ngoài; đó là pháp giải thoát thứ hai. Được tịnh giải thoát, đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt khỏi sác tưởng, diệt tư tưởng sân nhuê, an trú vào Không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi Không xứ, trụ vào Thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức xứ, trụ vào Bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Bất dụng xứ, trụ vào Hữu tưởng vô tưởng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi Hữu tưởng vô tưởng xứ, trụ vào Diệt tưởng tri; đó là pháp giải thoát thư tám. Có tám pháp, đó là tám Thánh đạo: (1) Chánh kiến; (2) Chánh tư duy; (3) Chánh ngữ; (4) Chánh nghiệp; (5) Chánh mạng; (6) Chánh phương tiện; (7) Chánh niệm; (8) Chánh ih Có tám pháp, đó là tám hạng người: Đang hướng tới Tu-đà-hoàn và chứng quả Tu-đà-hoàn, đang hướng tới Tư-đà-hàm và chứng quả Tư-đà-hàm, đang hướng tới A-na-hàm và chứng quả A-na-hàm, đang hướng tới A-la-hán và chứng quả A-la-hán. ĐÓ là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiêt tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có chín Chánh pháp, đó là chín chỗ ở của chúng sanh: Hoặc có chúng sanh có ngàn loại thân thì có ngàn loại tư tưởng, như trời và người; đó là chỗ ở

9. KINH CHÚNG TẬP 163

thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gồm có ngàn loại thân nhưng chỉ có một tư tưởng, như Phạm Quang Âm thiên khi mới sanh lên cõi ấy; đó là chỗ ở thứ hai của chúng sanh. Lại có chúng sanh chỉ có một thân nhimg có ngàn loại tư tưởng như Quang Âm thiên; đó là chỗ ở thứ ba của chúng sanh. Lại có chúng sanh chỉ có một thân và một thứ tư tưởng như Biến Tinh thiên; đó là chỗ ở thứ tư của chúng sanh. Lại có chúng sanh không có tư tưởng, không có tri giác, như Vô tưởng thiên; đó là chỗ ở thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không xứ; đó là chỗ ở thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Thức xứ; đó là chỗ ở thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Bất dụng xứ; đó là chỗ ở thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Hữu tưởng vô tưởng xứ; đó là chỗ ở thứ chín của chúng sanh. Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: - Có mười Chánh pháp, đó là mười vô học: (1) Vô học chánh kiến; (2) Vô học chánh tư duy; (3) Vô học chánh ngữ; (4) Vô học chánh nghiệp; (5) Vô học chánh mạng; (6) Vô học chánh phương tiện; (7) Vô học chánh niệm; (8) Vô học chánh định; (9)

Vô học chánh giải thoát; (10) Vô học chánh trí, Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền ấn khả cho lời nói của ngài Xá-lợi-phất. Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH THẬP THƯỢNG Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo, đi đến thành Chiêm-bà và nghỉ đêm trên bờ hồ Già-già. Hôm ấy nhằm ngày rằm, sáng trăng, đức Thế Tôn với đại chúng vây quanh cùng ngồi ngoài trời nói pháp thâu đêm. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: -Hôm nay, ông cùng các thây Tỳ-kheo từ bôn phương tụ họp vê đây, môi người đều tinh cần, bỏ sự ngủ nghỉ, chỉ vì muốn nghe pháp. Ta vì đau lưng cần nghỉ ngơi một chút, ông có the thay Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp cho họ nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời dạy của đức Phật. Thế Tôn xếp tư chiếc y Tăng-già-lê lại, nằm nghiêng về phía bên tay phải, hai chân chồng lên nhau, trông như dáng điệu sư tử chúa. Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với các thầy Tỳ-kheo rằng: Nay tôi nói pháp, lời nói trước sau và giữa đều chơn chánh, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh, quý thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ ky, tôi sẽ vì quý thay mà nói cho! Lúc đó, các thầy Tỳ-kheo vâng lời Tôn giả Xá-lợi-phất, lắng nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các thầy Tỳ-kheo: Có pháp gọi là thập thượng, trừ hết kiết phược ở đời, diệt tận mọi sự khổ đau, đồng thời đưa đến Niết-bàn, đầy đủ năm trăm năm mươi pháp. Bây giờ, tôi sẽ phân biệt, các thầy hãy lắng nghe! Này các Tỳ-kheo, có một pháp có nhiều công nănệ5 có một pháp cần phải tu tập, có một pháp cần phải hiểu biết, có một pháp cân phải diệt trừ, có một pháp làm cho thối thất, có một pháp làm cho tăng trưởng, có một pháp rất khó thấu hiểu, có một pháp cần phải phát sanh, có một pháp cần phải liễu tri, có một pháp cần phải tác chứng. Một pháp có nhiều công năng là như thế nào? Đó là pháp mà đối với các thiện pháp không bao giờ phóng dật. Một pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là pháp thường tự niệm thân. Một pháp cần phải hiểu biết là như thế nào? Đó là pháp hữu lậu xúc. Một pháp cần phải diệt trừ là như thế nào? Đó là pháp ngã mạn. Một pháp làm cho thối thất là như thế nào? Đó là pháp ác. Một pháp làm cho tăng trưởng là như thê nào? Đó là pháp thiện.

Một pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào? Đó là Vô gián định. Một pháp cần được phát sanh là như thế nào? Đó là hữu lậu giải thoát. Một pháp cần phải liễu tri là như thế nào? Đó là các loài chúng sanh đều lấy r9 A Sự ăn uông đê được sanh tôn. Một pháp cần phải tác chứng là như thế nào? Đó là tâm giải thoát. Lại có hai pháp có nhiều công năng, có hai pháp cần phải tu tập, có hai pháp cần phải hiểu biết, có hai pháp cần phải diệt trừ, có hai pháp làm cho thối thất, CÓ hai pháp làm cho tăng trưởng, có hai pháp rát khó thâu hiêu, có hai pháp cân phải phát sanh, có hai pháp cần phải liễu tri, có hai pháp cần phải tác chứng. Hai pháp có nhiều công năng là như thế nào? Đó là biết tàm và biết quý. Hai pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là chỉ và quán. Hai pháp cần phải hiểu biết là như thế nào? Đó là danh và sắc. Hai pháp cần phải diệt trừ là như thế

nào? Đó là vô minh và ái. Hai pháp làm cho thối thất là như thế nào? Đó là phá giới và phá kiến. Hai pháp làm cho tăng trưởng là như the nào? Đó là đầy đủ giới và đầy đủ kiến. Hai pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào? Đó là có loại nhân duyên làm cho chúng sanh sanh cấu uế và có loại nhân duyên làm cho chúng sanh được thanh tịnh. Hai pháp cần được phát sanh là như thế nào? Đó là Tận trí và Vô sanh trí. Hai pháp cần phải liễu tri là như thế nào? Đó là xứ và phi xứ. Hai pháp cần phải tác chứng là như thế nào? Đó là Minh và Giải thoát. Lại có ba pháp có nhiêu công năng, có ba pháp cân phải tu tập, có ba pháp cần phải hiểu biết, có ba pháp cần phải diệt trừ, có ba pháp làm cho thối thất, có ba pháp làm cho tăng trưởng, có ba pháp rất khó thấu hiểu, có ba pháp cần được phát sanh, có ba pháp cân phải liêu tri, có ba pháp cân phải tác chứng. Ba pháp có nhiều công năng là như thế nào? Đó là gần gũi với bạn lành, tai luôn nghe Chánh pháp, các thiện pháp đều thành tựu. Ba pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là ba thứ tam-muội: Không tam- muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội. Ba pháp cần phải hiểu biết là như thế nào? Đó là ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba pháp cần phải diệt trừ là như thế nào? Đó là dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Ba pháp làm cho thối thất là như thế nào? Đó là ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Ba pháp làm cho tăng trưởng là như thế nào? Đó là ba món thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn và vô si thiện căn.

10. KINH THẬP THƯỢNG 167

Ba pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào? Đó là ba pháp khó hiểu: Hiền thánh khó hiểu, nghe pháp khó hiểu và Như Lai khó hiểu. Ba pháp càn được phát sanh là như thế nào? Đó là ba tướng: Tướng chỉ tức, tướng tinh tấn và tướng xả ly. Ba pháp cần phải liễu tri là như thế nào? Đó là xuất ly ba cõi: Thoát ly khỏi Dục giới, thoát ly khỏi sắc giới, cho đến thoát ly khỏi Vô sắc giới và xả ly tất cả pháp hữu vi, đó gọi là chấm dứt. Ba pháp cân phải tác chứng là như thê nào? Đó là Ba minh: Túc mạng trí, Thiên nhãn trí, Lậu tận trí. Này các Tỳ-kheo, đó là ba mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có bôn pháp có nhiêu công năng, có bôn pháp cân phải tu tập, có bôn pháp cần phải hiểu biết, có bốn pháp cần phải diệt trừ, có bốn pháp làm cho thối thất, có bốn pháp làm cho tăng trưởng, có bốn pháp rất khó thấu hiểu, có bốn pháp cần được phát sanh, có bốn pháp cần liễu tri, có bốn pháp cần phải tác chứng. Bôn pháp có nhiêu công năng là như thê nào? Đó là bôn pháp chuyên vận: Sanh ở thủ đô, gần gũi bạn lành, tự mình cẩn thận, gieo trồng gốc lành. Bốn pháp cần phải tu tập là như thế nào? Đó là bốn niệm xứ: Vị Tỳ-kheo quán thân trong thân siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. Vị Tỳ-kheo quán thân ngoài thân siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. Vị Tỳ-kheo quán thân nội ngoại thân, siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. về thọ quán, ý quán, pháp quán cũng giống như vậy. Bốn pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là bốn thực: Đoàn thực, xúc thực, niệm thực, thức thực. Bốn pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là bốn thọ: Dục thọ, kiến thọ, giới thọ, ngã thọ. Bốn pháp nào làm cho thối thất? Đó là bốn ách: Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Bốn pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là bốn vô ách: Vô dục ách, vô hữu ách, vô kiến ách, vô vô minh ách. Bốn pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là bốn Thánh đế:

Khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Bốn pháp nào cần được phát sanh? Đó là bốn loại trí: Pháp trí, Vị tri trí, Đẳng trí, và Tha tâm trí. Bốn pháp nào cần phải liễu tri? Đó là bốn biện tài: Tài biện luận về pháp, tài biện luận về nghĩa lý, tài biện luận về từ ngữ và tài ứng đối.

168 KINH TRƯỜNG A-HÀM

r \ r Bôn pháp nào cân phải tác chứng? Đó là bôn quả Sa-môn: Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Này các Tỳ-kheo5 đó là bốn mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có năm pháp có nhiêu công Ĩ1 có năm pháp cân phải tu tập, có năm pháp cần phải hiêu biết, có năm pháp cân phải diệt trừ, có năm pháp làm cho thối thất, có năm pháp làm cho tăng trưởng, có năm pháp rất khó thấu hiểu, có năm pháp cần được phát sanh, có năm pháp cần phải liễu tri, có năm pháp cần phải tác chứng. Năm pháp nào có nhiều công năng? Đó là năm chi diệt tận: Tin Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, đầy đủ mười hiệu; thân không có tật bệnh, thường an ổn; ngay thẳng, không có dua nịnh, thẳng tiến trên con đường Niết-bàn của Như Lai; chuyên tâm, không loạn động, tụng đọc không hề quên; khéo quán sát sự khởi diệt của các pháp, dùng hạnh của Hiền thánh để diệt tận các gốc khổ. Năm pháp nào cân phải tu tập? Đó là năm căn: Tín căn, tân căn, niệm căn, đinh căn, tuệ căn. Năm pháp nào cân phải hiên biêt? Đó là năm âm: Sác âm, thọ âm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Năm pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là năm triền cái: Tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, điệu hy triền cái, nghi triền cái. Năm pháp nào làm cho thối thất? Đó là năm tâm ngại kiết: Vị Tỳ-kheo nghi Phật, nghi Phật rồi không gần gũi, không gàn gũi rồi không cung kính. Đây là tâm ngại kiết thứ nhất. Lại nữa, vi Tỳ-kheo đối với Pháp, đối với chúng Tăng, đối với giới luật có những hạnh tà vạy, không có những hạnh chơn chánh, làm hạnh nhiễm ô, không gần gũi với giới luật và cũng không cung kính. Đây là bốn tâm ngại kiết. Lại nữa, vi Tỳ-kheo đối với người Phạm hạnh hay sanh tâm ác hại, tâm không ưa thích, đem lời thô ác mạ lỵ. Đây là tâm ngại kiết thứ năm. Năm pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là năm hỷ lớn: Duyệt, niệm, ỷ5 lạc, tịnh. Năm pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là năm giải thoát nhập: Nếu vị Tỳ- kheo nào siêng năng không biếng trễ, thích ở nơi nhàn tinh, một lòng chuyên niệm, những gì chưa hiểu được hiểu, chưa diệt tận được diệt tận, chưa an ổn được an ổn. Những gì là năm? Nếu vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp, hoặc nghe người Phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe Sư trưởng thuyết pháp, vị ấy tư duy quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm được hoan hỷ, được hoan hỷ rồi liền được pháp ái, được pháp ái rồi thân tâm an ổn, thân tâm an ổn rồi được thiền đinh, được thiền định rồi được như thật trí. Đây là giải thoát nhập thứ nhất, ở đây vị Tỳ-kheo nghe pháp rồi hoan hỷ, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ, vì người khác thuyết pháp cũng hoan hỷ5 tư duy phân biệt cũng hoan hỷ và ở nơi pháp được thiên định cũng giông như vậy.

10. KINH THẬP THƯỢNG 169

Năm pháp nào cần được phát sanh? Đó là năm trí đinh của các bậc Hiền thánh: Tu tam-muội, đời nay đời sau đều được an lạc, sanh nội ngoại trí; bậc Hiền thánh không còn ái nhiễm, sanh nội ngoại trí; do sự tu hành của chư Phật và các bậc Hiền thánh mà

sanh ra nội ngoại trí; khen ngợi tưởng tịch diệt, độc nhất, không bạn lữ, sanh nội ngoại trí; ở nơi tam-muội, nhất tâm nhập, nhất tâm khởi, sanh nội ngoại trí. Năm pháp nào cần phải liễu tri? Đó là năm chỗ xuất yếu: Vị Tỳ-kheo đối với tham dục khônệ ưa thích, không nhớ nghĩ, cũng không gần gũi, chỉ nghĩ đến việc xuất ly. Đoi với việc xuất ly, vị ấy siêng năng gần gũi, tâm vị ấy nhu nhuyến vượt ra ngoài sự chi phối của tham dục. Các lậu hoặc nhân nơi tham dục khởi ra cũng xả tận, diệt hết mà được giải thoát. Đây gọi là xuất ly tham dục. Xuất ly về sân nhuế, xuất ly về tật đố, xuất ly về sắc, xuất ly về thân kiến cũng giống như vậy. Năm pháp nào cân phải tác chứng? Đó là năm vô học tụ: Giới vô học tụ, định vô học tụ, tuệ vô học tụ, giải thoát vô học tụ, giải thoát tri kiến vô học tụ. Này các Tỳ-kheo, đó là năm mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có sáu pháp có nhiêu công năng, có sáu pháp cân phải tu tập, có sáu pháp càn phải hiểu biết, có sáu pháp cần phải diệt trừ, có sáu pháp làm cho thối thát, có sáu pháp làm cho tăng trưởng, có sáu pháp rát khó thâu hiêu, có sáu pháp cần được phát sanh, có sáu pháp cần phải liễu tri, có sáu pháp cần phải tác chứng. Sáu pháp nào có nhiêu công năng? Đó là sáu trọng pháp. Nêu vị Tỳ"kheo nào tu tập sáu trọng pháp này, thật đáng kính trọng; ở trong chúng được hòa hợp, không hề có sự tranh tụng, chỉ tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Những gì là sáu? ở đây vị Tỳ-kheo thân thường hành từ, cung kính người Phạm hạnh, giữ lòng nhân ái. Vị ấy gọi là trọng pháp, đáng được kính trọng. Vi ấy, ở trong chúng được hòa hợp, không có sự tranh tụng, tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Lại nữa, vi Tỳ-kheo khẩu thường hành từ; ý thường hành từ; dùng pháp vi để trưởng dưỡng các thức ăn trong bát cho người khác cùng ăn, không phân biệt bỉ thử. Lại nữa, vị Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh của bậc Thánh không hề hủy phạm, không bị nhiễm ô, được người trí ngợi khen là giới hạnh đầy đủ và thành tựu được định ý. Lại nữa, vị Tỳ-kheo thành tựu được sự xuất ly của các bậc Thánh hiên một cách bình đăng, trừ sạch hét các khô não, được chánh kiên và các Phạm hạnh. Vị ấy được gọi là trọng pháp, đáng kính trọng, ở trong chúng được hòa hợp, không có sự tranh tụng, chỉ tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Sáu pháp nào cần phải tu tập? Đó là sáu niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Sáu pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là sáu nội nhập: Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

Sáu pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là sáu ái dục: sắc ái dục, thanh ái dục, hương ái dục, vị ái dục, xúc ải dục, pháp ái dục. Sáu pháp nào làm cho thối thất? Đó là sáu pháp bất kính: Bất kính Phật, bất kính Pháp, bất kính Tăng, bất kính giới, bất kính định, bất kính cha mẹ. Sáu pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là sáu pháp kính: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ. Sáu pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là sáu pháp vô thượng: Kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, niệm vô thượng. Sáu pháp nào cần được phát sanh? Đó là sáu đẳng pháp: ở đây vi Tỳ-kheo mắt thấy sắc không buồn, không vui, trú xả, chuyên niệm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối pháp không vui, không buồn, trú xả chuyên niệm. Sáu pháp nào cần phải liễu tri? Đó là sáu chỗ xuất yếu: Hoặc có vị Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi tu từ tâm lại sanh ra sân nhu&", các vị Tỳ-kheo khác

khuyên rằng: "Ông chớ nói như vậy, chớ có hủy báng đức Như Lai, đức Như Lai không bao giờ nói tu từ tâm giải thoát mà lại sanh ra sân nhuế, không bao giờ có việc đó. Phật bảo phải trừ sân nhuế trước, rồi sau được từ tâm." Hoặc có vi Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi hành bi tâm giải thoát lại sanh ra tâm ghen ghét, hành hỷ tâm giải thoát lại sanh ra tâm phiền muộn, hành xả tâm giải thoát lại sanh ra tâm yêu ghét, hành hạnh vô ngã lại sanh ra tâm nghi hoặc, hành hạnh vô tưởng lại sanh ra các loạn tưởng", cũng giống như vậy. Sáu pháp nào cần phải tác chứng? Đó là sáu pháp thần thông: Chứng Thần túc thông, chứng Thiên nhĩ thông, chứng Tha tâm thông, chứng Túc mạng thông, chứng Thiên nhãn thông, chứng Lậu tận thông. Này các Tỳ-kheo, đó là sáu mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có bảy pháp có nhiêu công năng, có bảy pháp cân phải tu tập, có bảy pháp cần phải hiểu biết, có bảy pháp cần phải diệt trừ, có bảy pháp làm cho thối thát, có bảy pháp làm cho tăng trưởng, có bảy pháp rát khó thâu hiêu, có bảy pháp cần được phát sanh, có bảy pháp cần phải liễu tri, có bảy pháp cần phải tác chứng. Bảy pháp nào có nhiều công năng? Đó là bảy tài: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, huệ tài. Bảy pháp nào cần phải tu tập? Đó là bảy giác ý: ở đây vị Tỳ-kheo tu niệm giác ý, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly. Tu trạch pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu ỷ, tu định, tu xả, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly.

10. KINH THẬP THƯỢNG 171

Bảy pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là bảy chỗ thức trú: Hoặc có loại chúng sanh có bao nhiêu thứ thân, có bay nhiêu thứ tưởng, như trời, người; đây là chỗ thức trú thứ nhất. Lại có loại chúng sanh có nhiều thân mà chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Am lúc mới sanh vê cõi ây; đây là chô thức trú thứ hai. Lại có loại chúng sanh một thân mà có nhiều tưởng, như cõi trời Quang Am; đây là chô.L thức. trú thứ ba. Lại TỈ có loạir chúng sanh một thân có một tưởng, như cõi trời Biên Tịnh; đây là chô thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh trú vào Không Xứ; đây là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở nơi Thức Xứ; đây là chỗ thức tru thứ sáu. Hoặc có chúng sanh không dùng chỗ nào để trụ; đó là chỗ thức trú thứ bảy. Bảy pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là bảy pháp sử: Dục ái sử, hữu ái sử, kiến sử, mạn sử, sân nhuế sử, vô minh sử, nghi sử. Bảy pháp nào làm cho thối thất? Đó là bảy phi pháp: Vi Tỳ-kheo không có chánh tín, không có tàm, không có quý, nghe ít, biếng lười, mau quên, không có trí. Bảy pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là bảy pháp chơn chánh: Vị Tỳ- kheo có tín, có tàm, có quý, nghe nhiêu, không biêng lười, nhớ giỏi, có trí. Bảy pháp nào rất khó thấu hiểu? Đó là bảy thiện pháp chơn chánh: ở đây vi Tỳ-kheo khéo hiểu nghĩa, khéo nghe pháp, khéo biết thời, khéo tri túc, khéo tự nhiếp, khéo tập chúng, khéo phân biệt cho người khác. Bảy pháp nào cần được phát sanh? Đó là bảy tưởng: Bất tịnh tưởng, thực bát tịnh tưởng, nhứt thiêt thê gian bát khả lạc tưởng, tử tưởng, vô thường tưởng, vô thường khổ tưởng, khổ vô ngã tưởng. Bảy pháp nào cân phải liêu tri? Đó là bảy sự siêng năng: Siêng năng hành trì giới luật, siêng năng diệt các tham dục, siêng năng phá các tà kiến, siêng năng với việc đa văn, siêng năng với sự tinh tấn, siêng năng đối với chánh niệm, siêng năng với việc thiền đinh. Bảy pháp nào cần phải tác chứng? Đó là bảy năng lực dứt hết các lậu hoặc: ở dây, vị lậu tận Tỳ-kheo đối với tất cả các khổ nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự

lôi cuôn, sự tội lôi và sự thoát ly đêu thây như thực, biêt như thực, xem dục lạc như hầm lửa, như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham đắm nơi dục, tâm không trụ nơi dục, vị lậu tận Tỳ-kheo nghịch thuận quán sát, như thật giác tri. Thấy biết một cách như thật, các sự tham lam tật đố, ác bất thiện pháp ở thế gian không còn khởi nữa. Tu nhiều, hành nhiều ve tứ niệm xứ, ngũ căn, ngũ lực, thất giác ý và bát chánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó là bảy mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có tám pháp có nhiêu công năng, có tám pháp cân phải tu tập, có tám pháp cân phải hiêu biêt, có tám pháp cân phải diệt trừ, có tám pháp làm cho thôi

thất, có tám pháp làm cho tăng trưởng, có tám pháp rất khó thấu hiểu, có tám pháp cần được phát sanh, có tám pháp cần phải liễu tri, có tám pháp cần phải tác chứng. Tám pháp nào có nhiều công năng? Đó là tám nhân duyên khiến được Phạm hạnh mà được trí tuệ; được Phạm hạnh roi, trí tuệ tăng trưởng. Những gì là tám? ở đây vị Tỳ-kheo nương tựa nơi Thế Tôn, hoặc nương tựa nơi Sư trưởng, hoặc nương tựa nơi người Phạm hạnh trí tuệ, sanh tâm tàm quý, có ái kính. Đó là nhân duyên thứ nhất khiến chưa được Phạm hạnh mà được trí tuệ; được Phạm hạnh rồi, trí tuệ tăng trưởng. Lại nữa vị Tỳ-kheo nương tựa The Tôn, tùy thời thưa hỏi: "Nghía là pháp này thế nào? Ý hướng của pháp này là gi?" Bấy giờ, các vị Tôn trưởng liền vì các vi ấy mà khai diễn những ý nghĩa sâu xa. Đó là nhân duyên thứ hai. Khi đã nghe pháp rồi, thân tâm được an lạc và tịch tinh. Đó là nhân duyên thứ ba, được an lạc và tịch tịnh, không còn đàm luận những việc vô ích, trái với đạo lý. Các vị ấy khi vào trong chúng, hoặc tự thuyết pháp, hoặc mòd người khác thuyết pháp, đều không rời sự yên lặng của Thánh hiền. Đó là nhân duyên thứ tư. Nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, các pháp thâm áo sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý xác thật, Phạm hạnh đầy đủ, nghe rồi nhập tâm, kiến thức không lay chuyển. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập siêng năng, diệt ác, tăng thiện, gắng sức giữ gìn không bỏ sót một pháp nào. Đó là nhân duyên thứ sáu. Dùng trí tuệ để quán sát sự khởi diệt của các pháp, chỗ quy thú của Hiền thánh, có thể diệt hết các khổ não. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán sát năm thọ ấm, quán sát tướng sanh, tướng diệt của các pháp: uĐây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt.,, Đó là nhân duyên thứ tám tuy chưa được Phạm hạnh mà đã được trí tuệ; khi đã được Phạm hạnh rồi thì trí tuệ càng tăng trưởng. Tám pháp nào cần phải tu tập? Đó là tám con đường của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Tám pháp nào cân phải hiêu biêt? Đó là tám thê pháp: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Tám pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là tám tà pháp: Tà kiến, tà trí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Tám pháp nào làm cho thối thất? Đó là tám pháp giải đãi. Sao gọi là tám pháp giải đãi? ở đây vị Tỳ-kheo đi khất thực về không được thức ăn, bèn khởi ra ý nghĩ như vây: "Hôm nay, ta vào làng khát thực không được, thân thê bi mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ chỉ có thể ngủ nghỉ.,, Vị Tỳ-kheo ấy bèn

nằm ngủ, không tinh càn nhưng mà những gì chưa đác thì muôn dăc, chưa được thì muôn được, chưa chứng thì muôn chứng. Đó là cách giải đãi thứ nhất.

Vị Tỳ"kheo giải đãi ăn no đủ rồi bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Sáng nay ta vào làng khất thực được nhiều thức ăn no quá, thân thể nặng nề không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ chỉ có ngủ nghí." Vi Tỳ-kheo giải đãi ây bèn đi ngủ, không siêng năng tinh cân nhưng mà những gì chưa đăc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giai đai thư hai s

Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả có làm chút ít công việc, bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "H6m nay ta làm công việc, thân thể uể oải, không thể ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ phải ngủ nghỉ.^, Đó là cách giải đãi thứ ba. Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả sắp sửa làm việc gì, bèn khởi ra ý nghĩ như vây: "Ngày mai ta sẽ làm việc, chác chăn có sự mỏi mệt, hôm nay không nên ngồi thiền hay kinh hành, bây giờ phải ngủ nghi", vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ. Đó là cách giải đãi thứ tư. Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả có đi lại đôi chút, bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Sáng nay ta đi lại, thân thể bị mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ cần phải ngủ nghi." Đó là cách giải đãi thứ năm. Vị Tỳ-kheo giải đãi, hoặc giả sắp đi đâu đó, bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ngày mai ta sẽ đi công việc, chắc chắn có sự mệt mỏi, hôm nay không nên ngồi thiền hoặc kinh hành ma cần phải ngủ nghí." Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ5 không siêng năng tinh cần nhung mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ sáu. Hoặc giả vị Tỳ-kheo gặp phải bệnh hoạn đôi chút, bèn khởi ra ý nghĩ như vây: "Ta bi bệnh nặng, đau nhức vô cùng, không thê nào ngôi thiên hay kinh hành được, cần phải ngủ nghí." Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn tìm chỗ ngủ nghỉ, không siêng năng tinh cần mà những gì chưa đắc lại muốn dắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ bảy. Vị Tỳ-kheo giải đãi, bệrýi đã khỏi rồi mà lại khởi ra ý nghĩ như^vầy: "Ta bị bệnh vừa mới khỏi thân thể còn đau nhức, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, cần phải có sự ngủ nghỉ.,, Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn tìm chỗ ngủ nghỉ, không siêng năng tinh cần nhưng mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ tám. Thế nào là tám pháp làm cho tăng trưởng? Đó là tám pháp không lười biếng. Thế nào là tám pháp tinh tấn? Vi Tỳ-kheo đi vào làng khất thực, khất thực không được, trở vê bèn khởi ra ý nghĩ như vầy: "Thân thể của ta hôm nay nhẹ nhàng, ít buồn ngủ, cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành, những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.,^ Do vậy, vi Tỳ-kheo ấy bèn tinh tan. Đó là vị Tỳ-kheo tinh tấn pháp thứ nhất. Khi khất thực đầy đủ, bèn khởi ra ý nghĩ như vày: "Hôm nay ta vào làng khát thực được thức ăn đây đủ, khí lực sung mãn, cân phải tinh

tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng", vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả có làm việc

cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ta nay vì sự làm việc phải bỏ bê việc tu hành, bây giờ cần phải tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.” Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả sẽ phải làm việc cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ngày mai ta sẽ làm việc, việc hành đạo của ta sẽ bị bỏ bê, do đó bây giờ ta can phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chửng sẽ chứng.,, Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả có việc phải đi lại cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Buổi sáng ta có việc đã phải đi, việc hành đạo của ta bi bỏ bê, vậy bây giờ can phải tinh tân tọa thiên, kinh hành đê những gì chưa đăc sẽ được đác, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng." Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vi Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả sắp có việc phải đi lại cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ngày mai ta có việc phải đi lại, sự hành đạo sẽ bị gián đoạn, bây giờ ta cân phải tinh tân tọa thiền, kinh hành đê những gì chưa đắc sẽ được đăc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.” Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vi Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả có bị bệnh hoạn cũng khởi ra ý nghĩ như vầy: "Ta bi bệnh nặng, có thể chết, bây giờ cần phải tinh tấn để những gì chưa đác sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.^, Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vi Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả khi bệnh vừa thuyên giảm cũng liền khởi ra ý nghĩ như vầy: "Bệnh của ta đã được thuyên giảm đôi phần, nó có thể trở lại trầm trọng làm gián đoạn sự hành đạo của ta, vậy bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng.” Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn tọa thiền, kinh hành không giải đãi. Đay là tám pháp tinh tấn. Thế nào là tám pháp rất khó thấu hiểu? Tám pháp bất nhàn, làm chướng ngại việc tu Phạm hạnh. Những gì là tám? Đức Như Lai là bậc Chí Chân xuất hiện ở đời nói ra những pháp sâu mầu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có người đang ở trong cõi địa ngục, là chỗ bất nhàn, không the nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân xuất hiện ở đời, nói ra những pháp sâu mầu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có người đang sanh nhằm trong loài súc sanh,... nga quỷ,... cõi trời Trường Thọ,... chỗ biên địa5 khônệ biết, không nghe được Phật pháp. Những chỗ này là chỗ bất nhàn, không the nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân, Bằng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đen đạo giác ngộ, trong khi đó có những

chúng sanh sanh ở nơi thủ đô mà lại có tà kiến, ôm lòng điên đảo, làm các việc ác? nhất định phải sa vào địa ngục. Chỗ đó là chỗ bất nhàn, không thể nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đen đạo giác ngộ, trong khi đó có chúng sanh ở nơi thủ đô mà lại bi câm ngọng, đui, điếc, không nghe được Chánh pháp. Đấy là chỗ bất nhàn, không thể nào tu Phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở dòi, không nói những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ nhưng lại CÓ chúng sanh sanh vào nơi thủ đô, các căn đây đủ? có thê lãnh hội lời dạy của Phật nhưng lại không gặp Phật, do đó không tu tập Phạm hạnh được. Đây là tám chỗ bất nhàn. Thê nào là tám pháp cân được phát sanh? Tám điêu giác ngộ của bậc đại nhân, hành đạo thì phải thiểu dục, đa dục không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải

tri túc; không biết nhàm chán thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải nhàn tịnh; ưa thích đông đảo ồn ào thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải tự thúc liễm thân tâm; vui đùa cười cợt không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải siêng năng; biếng nhác trễ lười không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải chuyên niệm; không nhớ, mau quên không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải định ý; tâm ý tán loạn thì không phải là hành đạo. Hành đạo phải có trí tuệ; mê muội ngu si không phải là hành đạo. Thế nào là tám pháp cần phải liễu tri? Đó là tám pháp trừ nhập: Bên trong CÓ cái tưởng vê hữu sác, cái sác bên ngoài được quán tưởng thì có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ nhất. Bên trong có tưởng về hữu sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì không có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ hai. Bên trong có tưởng vê vô sác, cái sác bên ngoài được quán tưởng thì có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ ba. Bên trong có cái tưởng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì không có hạn lượng, hoặc tót hoặc xâu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ tư. Bên trong có tưởng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán là màu xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh. Ví như hoa sen xanh, như lụa Ba-la-nại xanh thuần nhất, màu sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh. Thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ năm. Bên trong có cái tưởng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán là màu vàng, màu sác vàng, ánh sáng vàng, tướng thây vàng, giông như hoa vàng, vải Ba-la-nại, màu sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng. Thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ sáu. Quán nội sắc bênr trong, thây ngoại sác bên ngoài là màu đỏ, màu \săc đỏ, ỉ ánh sáng r đỏ5 tướng thây đỏ. Ví như hoa màu đỏ, như lụa Ba-la-nại đỏ thuân nhát, màu săc đỏ, ánh

sáng đỏ, tướng thấy đỏ, thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ bảy. Quán nội săc bên trong, thây ngoại sác bên ngoài là màu trắng, màu sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng. Ví như hoa màu trắng, như lụa Ba-la-nại trắng thuần nhất, màu sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng, thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ tám. Thế nào là tám pháp cần phải tác chứng? Đó là tám pháp giải thoát: Dùng sắc quán sắc. Ấy là pháp giải thoát thứ nhất. Bên trong có tưởng hữu sắc mà quán sắc bên ngoài. Ấy là pháp giải thoát thứ hai. Thanh tịnh và giải thoát. Đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, trụ vào Không xứ. Đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt qua Không xứ, trụ vào Thức xứ. Đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt qua Thức xứ, trụ vào Bất dụng xứ. Đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt qua Bất dụng xứ, trụ vào Hữu tưởng vô tưởng xứ. Đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt qua Hữu tưởng vô tưởng xứ, trụ vào Tưởng tri diệt. Đó là pháp giải thoát thứ tám. Này các Tỳ-kheo? đây là tám mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có chín pháp có nhiêu công năng, có chín pháp cân phải tu tập, có chín pháp cần phải hiểu biết, có chín pháp cần phải diệt trừ, có chín pháp làm cho thối thất, có chín pháp làm cho tăng trưởng, có chín pháp rất khó thấu hiểu, có chín pháp cần được phát sanh, có chín pháp

cần phải liễu tri, có chín pháp cần phải tác chứng. Thế nào là chín pháp có nhiều công năng? Đó là chín tịnh diệt pháp: Giới tinh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tinh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tinh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi. Thế nào là chín pháp cần phải tu tập? Đó là chín nguyên nhân của hỷ: Hỷ, ái, duyệt, lạc, đinh, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát. Chín pháp nào cần phải hiểu biết? Đó là chín cõi chúng sanh: Có loại chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như trời, người chẳng hạn. Đây là cõi chúng sanh thứ nhát. Hoặc có loại chúng sanh nhiêu thân mà chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Am lúc mới sanh lên cõi ây. Đây là cõi chúng sanh thứ hai. Hoặc có loại chúng sanh một thân có nhiều tưởng, như trời Quang Âm. Đây là cõi chúng sanh thứ ba. Hoặc có loại chúng sanh một thân một tưởng, như trời Biến Tinh. Đây là cõi chúng sanh thứ tư. Hoặc có loại chúng sanh không có tưởng, không có giác tri, như trời Vô Tưởng. Đây là cõi chúng sanh thứ năm. Hoặc có chúng sanh trụ nơi Không Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ sáu. Hoặc có chúng sanh trụ nơi Thức Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ bảy. Lại có loại chúng sanh trụ nơi Bất Dụng Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ tám. Lại có loại chúng sanh trụ nơi Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ chín.

10. KINH THẬP THƯỢNG 177

Thế nào là chín pháp cần phải diệt trừ? Chín gốc ái: Nhơn ái có tìm cầu, nhơn tìm cầu có lợi danh, nhơn lợi danh có hữu dụng, nhơn hữu dụng có tham dục, nhơn tham dục có say đắm, nhơn say đắm có ganh ghét, nhơn ganh ghét có bảo thít, nhơn bảo thủ mà có cái gọi là "duqc.” Thế nào là chín pháp làm cho thối thất? Chín pháp não hại: Người kia đã, đang và sẽ lăng mạ tôi. Người kia đã, đang và sẽ lăng mạ người mà tôi yêu mến. Người kia đã, đang và sẽ kính mến người mà tôi oán ghét. Thế nào là chín pháp làm cho tăng trưởng? Chín pháp không não hại: Người kia đã lăng mạ tôi; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Người kia đã xâm phạm đến người mà tôi yêu mến; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Người kia đã kính mến người mà tôi oán ghét; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Thế nào là chín pháp rất khó thấu hiểu? Đớ là chín Phạm hạnh: Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín mà không trì giới thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vi Tỳ- kheo vừa có chánh tín, vừa trì giới thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới mà không đa văn thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, vừa có đa văn thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn mà thuyết pháp không được thì Phạm hạnh không đay đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, vừa đa văn, có thê thuyết pháp thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp mà không nuôi dưỡng đồ chúng thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng

mà ở trong đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng ở trong đại chúng có thể quảng diễn những pháp ngôn thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn mà không đắc Tứ thiền thì Phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại đác Tứ thiền thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại đắc Tứ thiền mà đối với Bát giải thoát không thể nghịch thuận du hành thì Phạm hạnh không đầy đủ. Nếu vi Tỳ-kheo vừa có

chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng ở trong đại chúng có the quảng diễn pháp ngôn, đay đủ Tứ thiền, đoi với Bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng, ở trong đại chúng có thê quảng diên pháp ngôn, đác Tứ thiên, đôi với Bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, song không thể diệt tận các hữu lậu để thành tựu Tâm vô lậu, Tuệ vô lậu giải thoát, dù có tự thân tác chứng ngay trong hiện đời, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, những gì đánệ làm đã làm, không còn bị thọ sanh nữa thì Phạm hạnh vẫn không đầy đủ. Nêu vị Tỳ-kheo vừa có chánh tín vừa trì giới, vừa có thể quảng diễn pháp ngôn, thành tựu Tứ thiền, đối với Bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, xả hết hữu lậu, thành tựu Tâm vô lậu giải thoát, Tuệ vô lậu giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong hiện đời, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập; những gì đáng làm đã làm, không còn thọ báo nữa thì Phạm hạnh mới được đầy đủ hoàn toàn. Thế nào là chín pháp cần được phát sanh? Đó là chín tưởng: Bất tịnh tưởng, quán thực bất tịnh tưởng, nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, tử tưởng, vô thường tưởng, vô thường khổ tưởng, khổ vô ngã tưởng, tận tưởng, vô dục tưởng. Thế nào là chín pháp cần phải liễu tri? Đó là chín di pháp: Nhơn vì khác cõi mà sanh ra cảm xúc khác, nhơn vì cảm xúc khác mà sanh ra cảm thọ khác, nhơn vì cảm thọ khác mà sanh ra tưởng khác, nhơn vì tưởng khác mà sanh ra tập khác, nhơn vì tập khác mà sanh ra dục khác, nhơn vì dục khác mà sanh ra lợi dưỡng khác, nhơn vì lợi dưỡng khác mà sanh ra tìm cầu khác, nhơn vì tìm cầu khác mà sanh ra những phiền não khác, nhơn vì phiền não khác mà sanh ra quả báo khác. Thế nào là chín pháp cần phải tác chứng? Đó là chín pháp diệt tận: Nếu vào Sơ thiền thời thanh liền diệt, vào Nhị thiền thời giác quán liền diệt, vào Tam thiền thời hỷ liền diệt, vào Tứ thiền thời hơi thở ra vào liền diệt, vào Không vô biên xứ thời sắc tưởng liền diệt, vào Thức vô biên xứ thời Không tưởng diệt, vào Vô sở hữu xứ thời Thức tưởng diệt, vào Hữu tưởng vô tưởng xứ thời Vô sở hữu diệt, vào Diệt tận đinh thời tưởng, thọ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây là chín mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng. Lại có mười pháp có nhiêu công năng, có mười pháp cân phải tu tập, có mười pháp cần phải giác tri, có mười pháp can phải diệt trừ, có mười pháp làm cho thối thất, có mười pháp làm cho tăng trưởng, có mười pháp

khó hiểu, có mười pháp cần được phát sanh, có mười pháp cần phải liễu tri, có mười pháp cần phải tác chứng. Thê nào là mười pháp có nhiêu công năng? Đó là mười cứu pháp: Vị Tỳ- kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, nếu có chút ít tội lỗi đã sanh tâm sợ hãi lớn, bình đẳng học giới, tâm không xiên xẹo. Gặp được thiện tri thức. Nói ra những lời ngay thẳng, có nhiều người đến nghe. Ưa thích tìm

Cầu những pháp lành, phân bố chẳng tiếc. Những người Phạm hạnh có thi thiết điều gì liền đến trợ giúp, không nệ nhọc mệt, thường làm những điều khó làm5 đồng thời cũng dạy người khác cùng làm. Nghe nhiều, nghe rồi ghi nhớ không hề quên lãng. Siêng năng diệt các pháp ác, làm cho pháp lành được tăng trưởng. Luôn luôn chuyên niệm, không sanh tác tưởng khác, ghi nhớ những hạnh lành căn bản như ở trước mặt. Có đầy đủ trí tuệ, quán sát các pháp sanh diệt được thành tựu. Dùng luật nghi của các bậc Hiền thánh để đoạn trừ cội gốc khổ ải. Thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm tư duy, trong khi thiền định không có sự điệu hy. Thế nào là mười pháp cần phải tu tập? Đó là mười chánh hạnh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí. Thế nào là mười pháp cần phải hiểu biết? Đó là mười sắc nhập: Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập. Thế nào là mười pháp cần phải trừ diệt? Đó là mười tà hạnh: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí. Thế nào là mười pháp làm cho thối thất? Đó là mười ác hạnh, về thân: Sát sanh, trộm cp, tà dâm. Vê khâu: Nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dôi, nói thêu dệt. về ý: Tham lam, tật đố, tà kiến. Thế nào là mười pháp làm cho tăng trưởng? Đó là mười hạnh lành: Thân thì không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng thì không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêu dệt. Ý thì không tham lam, không tật đố, không tà kiến. Thế nào là mười pháp rất khó thấu hiểu? Đó là mười Hiền thánh xứ: Vi Tỳ-kheo phải diệt trừ năm chi; thành tựu sáu chi; xả nhất; chánh tứ y; diệt trừ các di đế; cầu chỗ thắng diệu; không lậu tưởng; thân hạnh đã lập; tâm được giải thoát; tuệ được giải thoát. Thế nào là mười pháp được phát sanh? Đó là mười điều khen ngợi: Nếu vị Tỳ-kheo tự mình đã được chánh tín, vì người khác giảng nói sự chánh tín, khen ngợi sự chánh tín của những người khác. Tự mình đã trì giới, vì người khác giảng nói sự trì giới, khen ngợi sự trì giới của những người khác. Tự mình đã thiểu dục, vì người khác giảng nói sự thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục của những người khác. Tự mình đã tri túc, vì người khác giảng nói sự tri túc, khen ngợi sự tri túc của người khác. Tự mình ưa thích nhàn tịnh, vì người khác giảng nói sự nhàn tịnh, lại khen ngợi sự nhàn tinh của người khác. Tự mình đa văn, vì người khác giảng nói lợi ích của sự đa văn, đồng thời khen ngợi sự đa văn của người khác. Tự mình tinh tấn, vì người khác giảng nói sự tinh tấn và khen ngợi sự tinh tấn của người khác. Tự mình đã chuyên niệm, vì người khác giảng nói

Sự chuyên niệm, lại cũng khen ngợi sự chuyên niệm của người khác. Tự mình được thiền đinh, vì người khác giảng nói thiền định, đồng thời khen ngợi thiền định của người khác. Tự mình được trí tuệ, vì người khác giảng nói trí tuệ, lại cũng khen ngợi người khác đã được trí tuệ. Thế nào là mười pháp cần phải liễu tri? Đó là mười diệt pháp: Người có chánh kiến có thể diệt trừ được tà kiến, các nhân duyên do tà kiến khởi lên vô số những ác pháp cũng đều trừ diệt hết. Các nhân duyên chánh kiến sanh ra vô số pháp lành đều được thành tựu. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí, có thể diệt trừ hết tà trí, các nhân duyên do tà trí khởi lên vô số các pháp ác thảy đều trừ diệt hết. Các nhân duyên chánh trí khởi lên vô số những thiện pháp đêu được thành tựu. Thê nào là mười pháp cân phải tác chứng? Đó là mười vô học pháp: Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh phương tiện, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí. Này các Tỳ-kheo, đây là một trăm pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đang. Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất được đức Phật ấn khả. Các vị Tỳ-kheo nghe những điều của ngài Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ phụng hành.

11. KINH TĂNG NHẤT H x

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỵ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đều ngự trong rừng Kỳ-đà, vườn ông Cáp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp vi diệu, lời nói đầu, giữa và sau đầy đủ chơn chánh, ý nghĩa thanh tinh, Phạm hạnh đầy đủ? đó là pháp tăng nhất. Vậy các ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ kỹ về vấn đề này, Ta sẽ nói cho! Khi đó, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy và lắng nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: Pháp tăng nhát là một pháp có nhiêu thành quả, một pháp cân phải tu, một pháp cần phải biết, một pháp cần phải diệt trừ, một pháp cần phải chứng ngộ. Thế nào là một pháp có nhiều thành quả? Đó là không từ bỏ thiện pháp. Thế nào là một pháp càn phải tu? Đó là thường xuyên tự niệm thân. Thế nào là một pháp cần phải biết? Đó là hữu lậu xúc. Thế nào là một pháp cần phải diệt trừ? Đó là pháp ngã mạn. Thế nào là một pháp cần phải chứng? Đó là tâm vô ngại giải thoát. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có hai pháp có nhiều thành quả, hai pháp cần phải tu, hai pháp cần phải biêt, hai pháp cân phải diệt trừ, hai pháp cân phải chứng ngộ. Thế nào là hai pháp có nhiều thành quả? Đó là biết hổ và thẹn. Thế nào là hai pháp cần phải tu? Đó là chỉ và quán. Thế nào là hai pháp cần phải biết? Đó là danh và sắc. Thế nào là hai pháp cần phải diệt trừ? Đó là vô minh và hữu ái. Thế nào là hai pháp cần phải chứng? Đó là Minh và Giải thoát. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có ba pháp có nhiêu thành quả, ba pháp cân phải tu, ba pháp cân phải biết, ba pháp cần phải diệt trừ, ba pháp cân phải chứng ngộ. Thế nào là ba pháp có nhiều thành quả? Đó là thân cận thiện hữu, thường xuyên nghe pháp và mỗi pháp đều thành tựu. Thế nào là ba pháp cần phải tu? Đó là ba thứ tam-muội: Không, Vô tướng và Vô tác tam-muội.

182 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thế nào là ba pháp cần phải biết? Đó là ba thứ thọ: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Thế nào là ba pháp cần phải diệt trừ? Đó là ba thứ ái: Dục ái, hữu ái và vô hữu ai. Thế nào là ba pháp cần phải chứng? Đó là Tam minh: Túc mạng trí, Thiên nhãn trí và Lậu tận trí. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có bốn pháp có nhiều thành quả, bốn pháp cần phải tu, bốn pháp cần phải biết, bôn pháp cân phải diệt trừ, bôn pháp cân phải chứng. Thế nào là bốn pháp có nhiều thành quả? Trú ở thủ đô, thân cận thiện hữu, tự mình phải cẩn thận, gieo trồng thiện căn đời trước. Thế nào là bốn pháp cần phải tu? Đó là tu tứ niệm xứ: ở đây về thân, vị Tỳ-kheo quán trong thân, siêng năng, không lười biếng, chuyên niệm, nhớ mãi không quên để loại bỏ tham ưu thế gian; tiếp theo, vị Tỳ-kheo quán ngoài thân, siêng năng, không lười biếng, chuyên niệm, nhớ mãi không quên để loại bỏ tham ưu the gian; vi Tỳ-kheo quán nội ngoại thân, siêng năng, không lười biêng, chuyên niệm, nhớ mãi không quên đê loại bỏ tham ưu thế gian. Và quán về thọ, về y, về pháp cũng như thế. Thế nào là bốn pháp cần phải biết? Đó là tứ thực: Đoàn thực, xúc thực, niệm thực và thức thực. Thế nào là bốn pháp cần phải diệt trừ? Đó là bốn thứ thọ, tức dục thọ, ngã thọ, giới thọ và kiến thọ. Thế nào là bốn pháp cần phải chứng? Đó là bốn quả Sa-môn: Quả Tu-đà- hoàn? Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Lại có năm pháp có nhiêu thành quả, năm pháp cân phải tu, năm pháp cân phải biết, năm pháp cần phải diệt trừ, năm pháp cần phải chứng ngộ. Thế nào là năm pháp có nhiều thành quả? Đó là năm chi diệt tận: Tin đức Như Lai là đấng Chí Chân, đầy đủ mười hiệu; không bệnh tật, thân thường an ổn; chất trực, không nịnh hót, thẳng đến con đường tắt Niết-bàn của Như Lai; chuyên tâm, không tán loạn, đọc tụng không quên; khéo quán sát sự sanh diệt của các pháp, sử dụng hạnh Hiên thánh đê tận diệt góc khô. Thế nào là năm pháp cần phải tu? Đó là năm căn: Tín căn, tấn căn, niệm căn, đinh căn và huệ căn. Thê nào là năm pháp cân phải biêt? Đó là năm thọ âm: Sác, thọ, tưởng, hành và thức thọ ấm. Thế nào là năm pháp cần phải diệt trừ? Đó là năm triền cái: Tham dục, sân nhuế, thụy miên, trạo hoi và nghi cái. Thế nào là năm pháp cần phải chứng ngộ? Đó là năm vô học tụ: Vô học giới, vô học định, vô học tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến tụ.

11. KINH TÀNG NHẤT^ 183

Lại có sáu pháp có nhiêu thành quả, sáu pháp cân phải tu, sáu pháp cân phải biết, sáu pháp cần phải diệt trừ, sáu pháp can phải chứng ngộ. Thế nào là sáu pháp có nhiều thành quả? Đó là sáu trọng pháp. Nếu Tỳ- kheo tu sáu trọng pháp này thì đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không tranh tụng, tu một hạnh không xen tạp. Thê nào là sáu? ở đây, vị Tỳ-kheo thân thường thực hành hạnh từ và tu Phạm hạnh, đồng thời có tâm nhân ái, vị Tỳ-kheo đó gọi là trọng pháp, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không tranh tụng, tu một hạnh duy nhất không xen tạp. Lại nữa, vi Tỳ"kheo còn thực hành hạnh từ vê khâu và ý. Vi Tỳ-kheo trên lại lấy vật được cúng dường của mình và đồ vật khác trong bát đem phân phối đồng đều cho chúng Tăng, không có tâm phân biệt bỉ thử. Lại nữa, vi Tỳ-kheo đó đối với giới luật mà bậc Thánh hành trì không hề hủy phạm, không nhiễm ô, được người trí khen ngợi, khéo léo giữ gìn đầy đủ giới và thành tựu sự giải thoát bình đăng của Hiên thánh, hoàn toàn hét khô. Vị Tỳ-kheo ấy có chánh kiến và có các Phạm hạnh; vị đó được gọi là trọng pháp, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng, không tranh tụng, tu một hạnh duy nhất không xen tạp. Thế nào là

sáu pháp cần phải tu? Đó là sáu niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Thế nào là sáu pháp cần phải biết? Đó là sáu nội nhập: Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập. Thế nào là sáu pháp cần phải diệt trừ? Đó là sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Thế nào là sáu pháp cần phải chứng ngộ? Đó là sáu thứ thần thông: Thần túc thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thiên nhãn thông và Lậu tận thông. Lại có bảy pháp có nhiêu thành quả, bảy pháp cân phải tu, bảy pháp cân phải biêt, bảy pháp cân phải diệt trừ, bảy pháp cân phải chứng ngộ. Thế nào là bảy pháp có nhiều thành quả? Đó là bảy thứ tài sản: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài và tuệ tài. Đó là bảy thứ tài sản. Thế nào là bảy pháp cần phải tu? Đó là bảy giác ý. ở đây, vị Tỳ-kheo tu niệm giác ý nương vào vô dục, tịch diệt và viên ly; tu trạch pháp, tinh tân, hỷ, khinh an, đinh và xả giác ý9 nương vào vô dục, tịch diệt và viễn ly. Thế nào là bảy pháp cần phải biết? Đó là bảy chỗ thức trú. Hoặc có chúng sanh, nếu có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như trời và người. Đó là chô thức trú thứ nhát; hoặc có chúng sanh tuy có nhiêu thân nhưng chỉ có một tưởng, như chư thiên ở cõi Phạm Quang Âm khi mới sanh lên cõi ấy. Đó là chỗ thức trú thứ hai; lại có chúng sanh chỉ có một thân nhưng gồm

nhiều tưởng, như Quang Âm thiên. Đó là chỗ thức trú thứ ba; lại có chúng sanh chỉ có một thân và chỉ có một tưởng, như Biến Tịnh thiên. Đó là chỗ thức trú thứ tư; lại có chúng sanh ở Không xứ. Đó là chỗ thức trú thứ năm; lại có chúng sanh ở Thức xứ. Đó là chỗ thức trú thứ sáu; lại có chúng sanh ở Bất dụng xứ. Đó là chỗ thức trú thứ bảy. Thế nào là bảy pháp cần phải diệt trừ? Đó là thất sử pháp: Dục ái sử, hữu ái sử, kiến ái sử, mạn ái sử, sân nhuế sử, vô minh sử và nghi sử. Thế nào là bảy pháp cần phải chứng ngộ? Đó là thất lậu tận lực: ở đấy vi Tỳ-kheo đã được lậu tận đối với tất cả sự khổ, nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự lôi cuốn, sự nguy hại và sự thoát ly của dục, đều như thật thấy và như thật biết. Đồng thời, xem dục như là hầm lửa, là đao kiếm. Biết dục, thấy dục, đối với dục không tham, tâm không tru nơi dục. Và ở trong đó lại khéo quan sát và biết đúng như thật. Khi đã thấy như thật thì đối với pháp tham lam, dam dục, ác, bất thiện pháp của thế gian thì không khởi, Idiông diệt. Và tu hành nhiều về tứ niệm xứ. Tu hành nhiêu vê ngũ căn, ngũ lực, thất giác ý và bát chánh đạo của bậc Hiền thánh. Lại có tám pháp có nhiêu thành quả, tám pháp cân phải tu, tám pháp cân phải biêt, tám pháp cân phải diệt trừ, tám pháp cân phải chứng ngộ. Thế nào là tám pháp có nhiều thành quả? Đó là tám thứ nhân duyên khi vị Tỳ-kheo chưa được Phạm hạnh mà đắc trí tuệ thì trí tuệ càng tăng gấp bội. Thế nao là tám? * ở đây, vị Tỳ-kheo y chỉ Thế Tôn, y chỉ Sư trưởng hoặc có Phạm hạnh trí tuệ, đối với cá nhân mình có tâm tàm, quý, có lòng nhân ái và biết kính trọng. Đó là nhân duyên thứ nhất, khi Tỳ-kheo chưa được Phạm hạnh nhưng đã được trí tuệ, và khi đã được Phạm hạnh thì trí tuệ càng tăng gấp bội. Lại nữa, vị Tỳ-kheo y chỉ Thế Tôn, hoặc tùy thời thưa hỏi: 'Tháp này thế nào? Nghĩa này thế nào? Mục đích ý nghĩa này thế nAo?" Bấy giờ, vị Tôn trưởng đó sẽ mở bày diễn giải về ý nghĩa sâu xa đó cho Tỳ-kheo này. Đây là nhân duyên thứ hai. Sau khi đã được nghe pháp thì thân tâm được an lạc và tịch tịnh. Đó là nhân duyên thứ ba. Không bị sự bàn luận tạp nhạp, vô ích làm ngăn che chánh đạo. Vi Tỳ-kheo trên, nhất là khi đen trong

chúng, hoặc tự mình nói pháp, hoặc thỉnh người khác nói, vẫn không từ bỏ sự im lặng như Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Được tiêng tăm vang dội khắp nơi, nhát là giữ gìn không quên các pháp sâu xa, đầu, giữa và sau đều toàn thiện, ý nghĩa chân thật, Phạm hạnh đầy đủ, và khi nghe xong thì ghi tạc trong lòng, thấy pháp không dao động. Đó là nhân duyên thứ năm. Siêng năng tu tập, diệt các hạnh bát thiện, do đó thiện hạnh càng ngày càng tăng trưởng, và nỗ lực kham nhẫn pháp này không bao giờ từ bỏ. Đó là nhân duyên thứ sáu.

11. KINH TÀNG NHẤT 185

Lại dùng trí tuệ biết được pháp sanh diệt và mục đích pháp của Hiền thánh, đồng thời, có thể dứt hết tận cùng sự khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy. Lại quán tưởng sanh diệt của năm thọ ấm, như quán: Đây là sắc, đây là nhân sanh sắc, đây là sự diệt của sắc; cho đến thọ, tưởng, hành, thức, như quán: Đây là thức, đây là nhân sanh ra thức, đây là sự diệt của thức. Đó là nhân duyên thứ tám. Khi một vị Tỳ-kheo chưa được Phạm hạnh nhưng đã có trí tuệ và khi đã được Phạm hạnh thì trí tuệ càng tăng gấp bội. Thế nào là tám pháp cần phải tu? Đó là bát chánh đạo của Hiền thánh, tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định. Thế nào là tám pháp cần phải biết? Đó là lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Thế nào là tám pháp cần phải diệt trừ? Đó là tám tà, tức tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định. Thế nào là tám pháp cần phải chứng ngộ? Đó là tám pháp giải thoát: sắc quán là sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Bên trong có tưởng hữu sắc quán về sắc bên ngoài, đó là pháp giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát, đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt khỏi sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, an trú vào Không xứ, đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi Không xứ, trú vào Thức xứ, đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức xứ, trú vào Bất dụng xứ, đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Bất dụng xứ, tru vào Hữu tưởng vô tưởng xứ, đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt Hữu tưởng vô tưởng xứ, trú Diệt tận định, đó là pháp giải thoát thứ tám. Lại có chín pháp có nhiêu thành quả, chín pháp cần phải tu, chín pháp cần phải biết, chín pháp cần phải diệt trừ, chín pháp cần phải chứng ngộ. Thế nào là chín pháp có nhiều thành quả? Đó là chín chi tịnh diệt: Giới tịnh diệt, tâm tinh diệt, kiến tịnh diệt, độ nghi tinh diệt, phân biệt tịnh diệt, đạo tinh diệt, trừ tịnh diệt, vô dục tinh diệt và giải thoát tịnh diệt. Thế nào là chín pháp cần phải tu? Đó là chín gốc ái: Hỷ, ái, duyệt, lạc, đinh, như thật tri, trừ xả, vô dục và giải thoát. Thê nào là chín pháp cần phải giác tỉnh? Đó là chín chô ở của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh, có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như trời, người chăng hạn. Đó là chô ở thứ nhát của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gôm nhiêu thân nhưng chỉ có một tưởng, như Phạm Quang Am thiên khi mới sanh lên cõi ây. Đó là chô ở thứ hai của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều tưởng, như Quang Âm thiên chẳng hạn. Đó là chỗ ở thứ ba của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như Biến Tịnh thiên. Đó là chỗ ở thứ tư của chúng sanh. Không có tư tưởng, không có tri giác, như Vô Tưởng thiên. Đó là chỗ ở thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không Xứ. Đó là chỗ ở thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng

sanh ở Thức Xứ. Đó là chỗ ở thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Bất Dụng Xứ. Đó là chỗ ở thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ. Đó là chỗ ở thứ chín của chúng sanh. Thế nào là chín pháp1 cần phải diệt trừ? Đó là chín gốc ái, tức nhơn ái mà có tìm cầu, nhơn tìm cầu có được lợi, nhơn được lợi mà có thọ dụng, nhơn thọ dụng mà có tham muốn, nhơn tham muốn mà có đắm trước, nhơn đắm trước mà có tật đố, nhơn tật đố mà có thủ, nhơn thủ mà có bảo hộ. Thế nào là chín pháp cần phải chứng ngộ? Đó là cửu tận. Nếu nhập Sơ thiền thì tác dụng của thanh diệt. Nếu nhập Nhị thiền thì tác dụng của giác quán diệt. Nếu nhập Tam thiền thì tác dụng của hỷ diệt. Nấu nhập Tứ thiền thì tác dụng của hơi thở ra vào diệt. Nếu nhập Không xứ thì tác dụng của sắc tưởng diệt. Nếu nhập Thức xứ thì tác dụng của Không tưởng diệt. Nếu nhập Bất dụng xứ thì tác dụng của Thức tưởng diệt. Nếu nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ thì tác dụng của Bất dụng tưởng diệt. Nếu nhập Diệt tận định thì tác dụng của thọ, tưởng diệt. Lại có mười pháp có nhiều thành quả, mười pháp càn phải tu tập, mười pháp cân phải biêt, mười pháp cân phải diệt trừ, mười pháp cân phải chứng ngộ. Thế nào là mười pháp có nhiều thành quả? Đó là mười cứu pháp: Vị Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới và các oai nghi, nếu thấy có lỗi nhỏ thì sanh lòng lo sợ5 đối với các học giới bình đẳng tu học không thiên lệch; có thiện tri thức; lời nói ngay thăng, được nhiêu người châp nhận; ham cầu thiện pháp, truyền bá phổ cập, không lẫn tiếc; đối với những người có Phạm hạnh, khi họ thực hiện việc gì thì liên đên hô trợ không lây làm nhọc, đông thời hay làm những việc khó làm và bảo người khác cùng làm; nghe nhiều, khi nghe xong thì có thể thọ tri, không bao giờ lãng quên; siêng năng diệt pháp bất thiện và làm tăng trưởng thiện pháp; thường xuyên chuyên niệm, không tưởng gì khác, nhớ lại điêu thiện trong quá khứ như ở trước mat; thành tựu trí tuệ, quán pháp sanh diệt, dùng luật nghi của Hiền thánh, đoạn trừ gốc khổ; thích ở nơi thanh vang, chuyên niệm, suy tư, trong khoảng thời gian tọa thiền không có điệu hy. Thế nào là mười pháp cần phải tu? Đó là mười chánh hạnh, tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí. Thế nào là mười pháp cần phải biết? Đó là mười sắc nhập, tức nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập và xúc nhập. Thế nào là mười pháp cần phải diệt trừ? Đó là mười tà hạnh, tức là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

1 Bản Hán thiếu l pháp.

Thế nào là mười pháp cần phải chứng ngộ? Đó là mười pháp vô học, tức vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh phương tiện, vô học chánh niệm, vô học chánh đinh, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí. Này các Tỳ-kheo, đây là pháp tăng nhất, nay Ta đã nói pháp này cho các ông, Ta là đức Như Lai vì các đệ tử, những gì cần làm, Ta đã làm đầy đủ, từ mẫn, ân cần dạy dỗ các ông. Vậy đối với pháp trên, các ông phải siêng năng phụng

hành. Này các Tỳ-kheo! Phải ở chỗ thanh vắng, hoặc dưới gốc cây hay nơi trống trải, siêng năng tọa thiền, chớ tự buông lung. Nêu nay không nỗ lực cố găng, vê sau có ăn năn cũng đã muộn. Đây là lời dạy của Ta, các ngươi phải siêng năng thọ trì. Khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, liền hoan hỷ phụng hành.

12. KINH TAM TỤ r A • X Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đêu ngự trong rừng Kỳ-đà, vườn ông Cáp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói pháp vi diệu, ý nghĩa thanh tịnh, Phạm hạnh đầy đủ cho các ông, đó là pháp tam tụ. Vậy các ông hãy lang nghe, suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ nói cho! Khi đó, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy và lắng nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: Pháp tam tụ là một pháp đưa đến cõi ác, một pháp đưa đến cõi thiện, một pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp đưa đến cõi ác? Đó là không có nhơn từ, trái lại có tâm độc hại, đây là một pháp đưa đến cõi ác. Thế nào là một pháp đưa đến cõi thiện? Đó là không dùng tâm ác làm hại chúng sanh, đây là một pháp đưa đến cõi thiện. Thế nào là một pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là hay siêng năng tu niệm về thân, đây là một pháp đưa đến Niết-bàn. Lại có hai pháp đưa đến cõi ác, hai pháp đưa đến cõi thiện, hai pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là hai pháp đưa đến cõi ác? Đó là phá giới và phá kiến. Thế nào là hai pháp đưa đến cõi thiện? Đó là đầy đủ về giới và đầy đủ về kiến. Thế nào là hai pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là chỉ và quán. Lại có ba pháp đưa đến cối ác, ba pháp đưa đến cõi thiện, ba pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba pháp đưa đến cối ác? Đó là ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Thế nào là ba pháp đưa đến cõi thiện? Đó là ba thiện căn: Vô tham, vô sân và vô si thiện căn. Thế nào là ba pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là ba thứ tam-muội: Không, Vô tướng và Vô tác tam-muội.

Lại CÓ bốn pháp đưa đến cõi ác, bốn pháp đưa đến cõi thiện, bốn pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là bốn pháp đưa đến cõi ác? Đó là ái ngữ, nhuế ngữ, khủng bố ngữ và si ngữ. Thế nào là bốn pháp đưa đến cõi thiện? Đó là bất ái ngữ, bất nhuế ngữ, bất khủng bố ngữ và bất si ngữ. Thế nào là bốn pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là bốn niệm xứ: Thân niệm xứ, thọ niệm xứ, ý niệm xứ và pháp niệm xứ. Có năm pháp đưa đến cõi ác, năm pháp đưa đến cõi thiện và năm pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là năm pháp đưa đến cõi ác? Đó là phá năm giới: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Thế nào là năm pháp đưa đến cõi thiện? Đó là giữ năm giới: Không sát sanh, không trộm cap, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Thế nào là năm pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là năm căn: Tín căn, tấn căn, niệm căn, đinh căn và tuệ căn. Lại có sáu pháp đưa đến cõi ác, sáu pháp đưa đến cõi thiện, sáu pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là sáu pháp đưa đến cõi ác? Đó là sáu pháp bất kính: Không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính đinh, không kính cha mẹ. Thế nào là sáu pháp đưa đến cõi thiện? Đó là sáu pháp: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định và kính cha mẹ. Thế nào là sáu pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là sáu tư niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. Có bảy pháp đưa đến cõi ác, bảy pháp đưa đến cõi thiện và bảy pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là

bảy pháp đưa đến cõi ác? Đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói ác độc và nói thêu dệt. Thế nào là bảy pháp đưa đến cõi thiện? Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói độc ác và không nói thêu dệt. Thế nào là bảy pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là bảy giác ý: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định, hỷ và xả giác ý. Lại có tám pháp đưa đến cõi ác, tám pháp đưa đến cối thiện và tám pháp đưa đền Niết-ban. Thế nào là tám pháp đưa đến cõi ác? Đó là tám điều tà: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm và tà định.

12. KINH TAM TỤ 191

Thế nào là tám pháp đưa đến cõi thiện? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định. Lại có chín pháp đưa đến cõi ác, chín pháp đưa đến cõi thiện và chín pháp đưa đền Niết-bàn. Thế nào là chín pháp đưa đến cõi ác? Đó là chín sự phiền muộn: “C6 người đã, đang và sẽ xâm phạm tôi. Có người đã, đang và sẽ xâm phạm người mà tôi yêu. Có người đã5 đang và sẽ kính mến người mà tôi ghét.” Thế nào là chín pháp đưa đến cối thiện? Đó là chín pháp không phiền muộn: "Người kia đã xâm phạm tôi? nêu tôi phiên muộn thì có ích lợi gi”do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn và về sau cũng không sanh phiền muộn. "Người kia đã xâm phạm đên người tôi yêu, nêu tôi phiên muộn thì có ích lợi gi", do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn và về sau cũng không sanh phiền muộn. "Người kia đã kính mến người tôi ghét, nếu tôi phiền muộn thì có ích lợi gi", do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn và về sau cũng không sanh phiền muộn. Thế nào là chín pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là chín pháp hỷ: Hỷ, ái, duyệt, lạc, đinh, thật biết, trừ xả, vô dục, giải thoát. Có mười pháp đưa đến cõi ác, mười pháp đưa đến cõi thiện và mười pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là mười pháp đưa đến cõi ác? Đó là mười pháp bất thiện, về thân gôm có: Sát sanh, trộm cáp, tà dâm; vê miệng gôm có: Nói hai chiêu, nói độc ác, nói dối, nói thêu dệt; ve ý gồm có: Tham lam, tật đố và tà kiến. Thế nào là mười pháp đưa đến cõi thiện? Đó là mười điều thiện, về thân gồm có: Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục; về khẩu gồm có: Không nói hai chiều, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêu dệt; về ý gồm có: Không tham lam, không tật đố và không tà kiến. Thê nào là mười pháp đưa đên Niêt-bàn? Đó là mười con đường chơn chánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh đinh, chánh giải thoát và chánh trí. Này các Tỳ-kheo, mười pháp như thế có hiệu năng đưa đến Niết-bàn, những pháp trên đây ẹọi là Chánh pháp tam tụ vi diệu, Ta là Như Lai vì các đệ tử, đối với những gì cần làm, đã làm một cách đầy đủ, vì thương tưởng các ông nên đã nói kinh này. Các ông cũng phải tự lo nghĩ đên thân của mình, phải ở nơi thanh văng, hoặc dưới góc cây, suy tư chớ có lười biêng, nêu ngày nay không cô găng thì về sau dầu có ăn năn cũng đã muộn. Khi các Tỳ-kheo nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đều ngự tại xứ Kiếp-ma-sa,

thuộc nước Câu-lưu-sa. r r Bây giờ, ngài A-nan ở nơi thanh văng, tự suy nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, đức Thế Tôn dạy cho sự hiển nhiên của pháp Thập nhị nhân duyên thật sâu xa khó .2 : hiêu. Nhưng theo ý ta quán sát thì như ở trước mát, không có gì là sâu xa." Do đó, A-nan liền rời khỏi tịnh thất đến nơi Thế Tôn ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và thưa Thế Tôn: Khi nãy, con ở trong tinh thất tự nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, đức Thế Tôn dạy cho sự hiển nhiên của pháp Thập nhị nhân duyên thật là sâu xa khó hiêu. Nhimg theo ý ta quán sát thì như thây trước măt9 không có gì là sâu xa." Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: Đừng, đừng A-nan! Chớ nói như thế. Thật ra sự hiển nhiên của pháp Thập nhị nhân duyên thật là sâu xa khó hiểu. Này A-nan! Pháp Thập nhị nhân duyên thật la sâu xa khó hiểu. Này A-nan! Pháp Thập nhị nhân duyên thật khó thấy, khó biết, cho đến hàng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy pháp nhân duyên mà muốn suy lường, quán sát, phân biệt nghĩa lý của nó đều bi hoang mang, không thể thấy nổi. Này A-nan9 nay Ta nói với ông: "Lão tử có duyOn." Nếu có người hỏi: "Cái gì làm duyên cho lão tử?" Nên đáp: “Sanh làm duyên cho lão tử." Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho sanh?" Nên đáp: "Hữu làm duyên cho sanh." Nếu hỏi: "Cái gì làm duyên cho hữu?,, Nên đáp: "Thủ làm duyên cho hữu." Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho thỉ?' Nên d:“Ai làm duyên cho thỉi." Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho ái?" Nên đáp: uThọ làm duyên cho ảiy Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thQ?" Nên đáp: "Xúc làm duyên cho thẹ)." Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho xiic?" Nên đáp: "Lqc nhập làm duyên cho xúc?9 Nếu lại hỏi: “Cái gì làm duyên cho lục nháp?” Nên đáp: “Danh sắc làm duyên cho lục nhap"

Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho danh s*c?" Nên đáp: "Thức làm duyên cho danh sắc." Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thhc?” Nên đáp: "Hành làm duyên cho thức.,, Nếu lại hỏi: uCái gì làm duyên cho hành?" Nên đáp: "Si làm duyên cho hành." Này A-nan5 bởi nhân duyên như thê là do si làm duyên cho hành; hành làm duyên cho thức; thức làm duyên cho danh sắc; danh sắc làm duyên cho lục nhập; lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ; thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ; thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh; sanh làm duyên cho lão tử, ưu, bi, khổ não. Chúng tập trung thành một khối đại hoạn, đó là nhân duyên của đại khổ ấm (thân) vậy. Phật bảo A-nan: Duyên sanh mà có lão tử, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh, không có sanh thì liệu có lão tử không? A-nan đáp: Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết lão tử do sanh, nhơn sanh mà có lão tử. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, duyên hữu mà có sanh, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu thì liệu có sanh không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết sanh do hữu, nhơn hữu có sanh. Nghĩa của Ta noi la ơ đo. Này A-nan, duyên thủ mà có hữu, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã thủ thì liệu có hữu không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, do đó mà biết hữu do thủ, duyên thủ có hữu. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, duyên ái mà có thủ, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục ái, hữu ái và vô hữu ái thì liệu có thủ không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết thủ do ái mà có. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, duyên thọ mà có ái, nghĩa là

thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ (xả thọ) thì liệu có ái không?

A-nan đáp: Không! r r Thê nên A-nan, do đó mà biêt ái do thọ, nhơn thọ có ái. Nghĩa của Ta nói là ở đó. A-nan nên biết, nhơn ái có cầu, nhơn cầu có lợi, nhơn lợi có dụng, nhơn dụng có dục, nhơn dục có trước, nhơn trước có đố, nhơn đố có thủ, nhơn thủ có hộ. Này A-nan? nhơn hộ mới có ra dao gậy, tranh tụng, tạo vô số điều ác. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan! Nghĩa đó thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh nếu không có hộ thì liệu có dao gậy, tranh tụng, tạo ra vô số điều ác không? A-nan đáp: Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết dao gậy, tranh tụng là do hộ phát sanh, duyên sự hộ mà có dao gậy, tranh tụng. A-nan? nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhân thủ mà có hộ, nghĩa này thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có thủ thì liệu có tâm hộ không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, do đó mà biết hộ là do thủ, nhơn thủ mà có hộ. Nghĩa của Ta noi la ơ đo. Này A-nan, nhơn tật đố mà có thủ, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có tâm tật đố thì liệu có tâm thủ không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết thủ do tật đố, nhơn tật đố có thủ. Nghĩa Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn đăm trước mà có tật đố, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không đắm trước thì liệu có tật đố không? A-nan đáp: -Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết tật đố là do đắm trước, nhơn đắm trước mà có tật đố. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn ham muốn mà có đắm trước, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có ham muốn thì liệu có đắm trước không? A-nan đáp: -Không!

e jF r r r -Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biêt đăm trước do ham muôn, nhơn ham muôn mà có đắm trước. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn thọ dụng mà có ham muôn, nghĩa là thê nào? Là giả sử tát cả chúng sanh không thọ dụng thì liệu có ham muốn không? A-nan đáp: -Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biêt ham muôn là do thọ dụng, nhơn thọ dụng mà có ham muốn. Nghĩa Ta nói là ở đó. Lại nữa, này A-nan, nhơn được lợi mà có thọ dụng, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có được lợi thì liệu có thọ dụng không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thọ dụng do được lợi, nhơn được lợi mà có thọ dụng. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại nữa, này A-nan, nhơn tìm cầu mà có được lợi, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có tìm cầu thì liệu có được lợi không? A-nan đáp: Không! Này A-nan, Ta vì lẽ đó nên biêt được lợi là do tìm câu, nhơn tìm câu mà được lợi. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn tham ái mà có tìm cầu, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh nếu không có tham ái thì liệu có tìm cầu không? A-nan đáp: Không! Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết tìm cầu là do tham ái, nhơn tham ái mà có tìm câu. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, nhơn tham ái có tìm cầu, cho đến có thủ h, như thế nào thì nhơn thọ mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ cũng như thế ấy. Phật bảo A-nan: -Nhơn xúc có thọ, nghĩa là thế nào? A-nan, giả sử không có nhãn căn, không có sắc trần, không có nhãn thức thì liệu có xúc không? A-nan đáp: Không! -Giả sử không có nhĩ căn, không có thanh trân, không có nhĩ thức; không có tỷ căn, không có hương trần, không có tỷ

thức; không có thiệt căn, không có vị trần, không có thiệt thức; không có thân căn, không có xúc tràn, không có thân thức; không có ý căn, không có pháp trần, không có ý thức thì liệu có xúc không?

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN 197

A-nan đáp:

-Không!

r

-Này A-nan, giả sử tát cả chúng sanh không có xúc thì liệu có thọ không?

A-nan đáp:

Không!

Thê nên A-nan5 Ta vì lẽ đó nên biêt thọ do xúc, nhơn xúc mà có thọ. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhơn danh sắc mà có xúc, nghĩa là thế nào? Là giả sử tất cả chúng sanh không có danh sắc thì liệu có xúc không?

A-nan đáp:

Không!

A-nan, giả sử tất cả chúng sanh không có hình sắc, tướng mạo, liệu có xúc không?

A-nan đáp:

-Không!

Này A-nan, nếu không có danh sắc thì liệu có xúc không?

A-nan đáp:

Không!

Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết xúc do danh sắc, nhân danh sắc mà có xúc. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhơn thức có danh sắc, nghĩa là thế nào? Là giả sử thức không nhập thai mẹ thì có danh sắc không?

A-nan đáp:

-Không!

Nếu thức nhập nhưng không xuất thai thì liệu có danh sắc không?

A-nan đáp:

Không!

Nếu thức ra khỏi thai mà đứa hài nhi hư hỏng thì liệu danh sắc có được tăng trưởng không?

A-nan đáp:

Không!

Này A-nan, nếu không có thức thì có danh sắc không?

A-nan đáp:

Không!

- Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết danh sắc do thức, nhân thức có danh sắc. Nghĩa Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân danh sắc mà có thức, nghĩa là thế nào? Là giả sử thức không trú nơi danh sắc thì thức không có chỗ trú, như vậy liệu có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não không? A-nan đáp: Không! Này A-nan? nếu không có danh sắc thì có thức không? A-nan đáp: -Không! Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thức do danh sắc, nhân danh sắc có thức. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Này A-nan, thế nên biết danh sắc làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sác; danh sác làm duyên cho lục nhập, đông thời lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ, thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ, thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh, sanh làm duyên cho lão-tử-ưu-bi- khổ-não. Chúng tập trung thành đại khổ ấm (thân). Này A-nan, ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Này A-nan, các Tỳ-kheo đối với pháp trên chánh quán như thật với Tâm vô lậu giải thoát, các vi Tỳ-kheo ấy sẽ gọi là Tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo giải thoát như vậy. Như Lai không có kiếp sau, vi này cũng biết; Như Lai có kiếp sau, vị này cũng biết; Như Lai vừa không vừa có kiếp sau, vi này cũng biết; đức Như Lai chẳng phải không chẳng phải có kiếp sau, vi này cũng biết. Tại sao? Này A-nan, vì ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là giới hạn, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán và ngang đây là chúng sanh. Đối với vi Tỳ-kheo đã thấu rõ trọn vẹn như vậy rồi, vị Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không còn biết, không còn tri kiến như vậy nữa. Này A-nan, phàm người chấp ngã, họ chấp ngang đây mà gọi là ngã kiến. Đối với danh sắc và thọ, họ đều chấp làm ngã. Hoặc có người chấp: Thọ chẳng phải là ngã nhưng ngã là thọ. Có người chấp: Thọ chẳng phải là ngã nhưng thọ pháp là ngã. Có người chấp: Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã nhưng chỉ có thọ là ngã. Này A-nan, người chấp ngã ấy nói: 'Thọ là ngây thì nên nói với họ: "Bức Như Lai nói: 'Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ (xả thọ)? Vả lại, trong khi có lạc thọ thì không có khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có bất khổ bất lạc thọ thì không có khổ thọ và lạc thọ?9 Tại sao thế? Này A-nan, vì có xúc chạm cảnh vui làm duyên mới sanh ra lạc thọ. Nếu như sự xúc chạm cảnh vui diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, vì có sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu như sự xúc chạm cảnh

khô diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, vì sự xúc chạm cảnh không khô không vui làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, như hai khúc cây cọ vào nhau thì phát ra lửa, nếu hai khúc cây đêu đê hai vị trí khác thì không có lửa; sự kiện trên cũng như thê. Vì nhân nơi xúc chạm cảnh vui làm duyên nên sanh ra lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh vui diệt thì thọ cũng diệt. Nhân sự xúc chạm cảnh khô làm duyên nên sanh ra khô thọ. nếu sự xúc chạm cảnh khổ diệt thì thọ cũng diệt. Nhân nơi sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc

diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, ba thứ thọ này là pháp hữu vi vô thường, do nhân duyên mà sanh nên là pháp phải tan, phải diệt, là pháp hư hoại, nó chẳng phải từ ngã mà có, và ngã cũng chẳng phải từ nó mà có... Nếu dùng chánh trí quán sát đúng như thật, thì này A-nan, người chấp ngã đó, chấp thọ làm ngã, là chấp sai. Này A-nan, nêu người châp ngã ây nói: "Thọ chăng phải là ngã nhưng ngã là thp" thì nên nói với họ: "Bức Như Lai nói: 'Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ.9 Nếu lạc thọ là ngã thì khi lạc thọ diệt, lẽ ra phải có hai cái ngã. Do đó nên biêt đây là châp sai. Hơn nữa, nêu khô thọ là ngã, vậy khi khổ thọ diệt thì có hai cái ngã sao?" Như thế là họ chấp sai. Nếu có người chấp: "Bất khổ bất lạc thọ là ngã,9 thì trong khi bất khổ bất lạc thọ diệt, lẽ ra phải có hai cái ngã. Do đó là họ chấp sai. Này A-nan, nêu người châp ngã nói như thê này: "Thọ chăng phải là ngã, ngã là thQ"là họ chấp sai. r ỉ 9 9

Này A-nan, nêu người châp ngã nói: "Thọ chăng phải là ngã, ngã chăng phải là thọ, thọ pháp là ngâT thì ông nên hỏi họ: "Tất cả không có thọ, thế nào ngươi lại nói có thọ pháp? Chính ngươi là thọ pháp chng?" Họ đáp: "Không phi!" Thế nên A-nan, người chấp ngã nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngã9\ là họ chấp sai. Này A-nan, nếu người chấp ngã nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, chỉ có thọ là ngãT thì nên hỏi họ: "Tất cả không có thọ, thế nào ngươi lại nói có thọ? Chính ngươi là thọ u?" Đáp: "Kh6ng!" Thế nên A-nan, người chấp ngã nói: uThọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã nhưng chỉ có thọ là ngã9\ là họ chấp sai. Này A-nan, ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Này A-nan, những Tỳ-kheo đối với pháp đó dùng chánh trí quán sát đúng như thật, với Tâm vô lậu giải thoát. A-nan, những vị Tỳ-kheo này gọi là Tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo với tâm giải thoát như thế thì hữu ngã cũng biết, vô ngã cũng biết, hữu ngã vô ngã cũng biết, phi hữu ngã phi vô ngã cũng biết. Vì sao? Này A-nan, vì ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích

ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Đôi với vị Tỳ-kheo đã thâu rõ trọn vẹn như vậy rồi, vị Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không còn biết, không còn tri kiến như vậy nữa. Phật bảo A-nan: Những người châp ngã lây cái riêng của mình quyêt định. Hoặc có người châp: Thiêu phân sác chát làm ngã; hoặc châp: Đa phân sác chát làm ngã; hoặc nói: Thiểu phần vô sắc làm ngã; hoặc chấp: Đa phần vô sắc làm ngã. Này A-nan, người châp thiêu phân săc chát làm ngã, họ cô định vào thiêu phân sác chát làm ngã, và cho răng chỉ có điêu họ thây là đúng, ngoài ra là sai. Người châp đa phân săc chát làm ngã, họ cô đinh lây đa phân sác chát làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Còn người chấp thiểu phần vô sác làm ngã, họ cô đinh vào thiêu phân vô sác làm ngã, và cho răng chỉ có điêu họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Đối với người chấp đa phần vô sắc làm ngã, họ cố định vào đa phần vô sắc làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Phật bảo A-nan: Có bảy chỗ thức trú và hai chỗ nhập định mà các Sa-môn, Bà-la-môn đều cho đây là an ổn? là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là

ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Những gì là bảy? (1) Có thế giới mà chúng sanh trong đó có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời, cõi người chẳng hạn. Đó là chỗ thức tru thứ nhất mà các Sa-môn5 Bà-la-môn cho đây là an ổn, là chỗ cứu hộ? là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết chỗ thức trú thứ nhất, biết sự sanh khởi, biết sự tiêu diệt, biết sự lôi cuốn, sự nguy hại và sự thoát ly nó một cách như thật, Tỳ-kheo đó sẽ bảo: “N6 chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là là thấy biết như thật. (2) Có thế giới mà chúng sanh trong đó gồm có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, là cõi trời Phạm Quang Am chăng hạn. (3) Có thê giới chúng sanh chỉ có một 9 -í • l . _ ộ 9

loại thân nhimg lại có nhiêu tưởng, như cõi trời Quang Am chăng 7 0 . r hạn. (4) Có * 9

thê giới chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như cõi trời Biên Tịnh chăng hạn. (5) Có chúng sanh ở Không Xứ; (6) Có chúng sanh ở Thức Xứ; (7) Có chúng sanh ở Bất Dụng Xứ (Vô Sở Hữu Xứ). Đây là bảy chỗ thức trú mà các Sa-môn, Bà-la-môn thường cho là an on, là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này A-nan, nếu vị Tỳ-kheo nào biết rõ bảy chỗ thức trú này, biết sự sanh khởi và sự tiêu diệt của nó, đong thời biết sự lôi cuốn và sự nguy hại của nó cùng sự thoát ly nó một cách như thật, vị Tỳ-kheo đó sẽ bảo: "N6 chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là n6", là thấy biết như thật. Đó là bảy chỗ thức trú.

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN 201

Thế nào là hai chỗ nhập định? Là nhập định Vô tưởng và nhập định Phi tưởng phi vô tưởng. Này A-nan, đó là hai chỗ nhập định mà các Sa-môn, Bà- la-môn cho đây là an ổn? là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiên não. Này A-nan, nêu Tỳ-kheo nào biết hai chỗ nhập định, biết nhân sanh khởi, biết sự tiêu diệt, biết sự lôi cuồn, sự nguy hại của nó và sự thoát ly nó một cách như thật, Tỳ-kheo đó sẽ bảo: "N6 chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là nở'\ là thấy biết như thật. Đó là hai chỗ nhập định. Này A-nan, lại có tám pháp giải thoát. Thế nào là tám? Dùng sắc quán sắc là pháp giải thoát thứ nhát. Dùng nội tưởng săc quán ngoại sác là pháp giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát là pháp giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tưởng, diệt trừ tư tưởng có đối tượng (hữu đối), không niệm tưởng tạp loạn, trụ vào Không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi Không xứ, trụ vào Thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức xứ, trụ vào Bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Bất dụng xứ, trụ vào Hữu tưởng vô tưởng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Diệt tận định; đó là pháp giải thoát thứ tám. Này A-nan, các Tỳ-kheo đối với tám pháp giải thoát trên, ngược xuôi qua lại, tự tại ra vào, vị Tỳ-kheo như vậy chứng được Câu phần giải thoát. r Bây giờ, ngài A-nan nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN VẤN A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngự trong động Nhẫn-đà-bà-la, tại núi Tỳ-đà, phía Bắc thôn An-bà-la, thuộc nước Ma-kiệt-đà. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân phát khởi tâm

niệm vi diệu, muốn đến yết kiến Phật như sau: "Nay ta sẽ đến nơi Thế Tôn ngự?9 Khi ấy, chư thiên Đao-lợi nghe Thích-đề-hoàn-nhân khởi thiện tâm vi diệu, muốn đến nơi Phật ngu, liền đến chỗ Đế-thích và thưa: Lành thay! Nay Đe-thích phát Idiởi thiện tâm vi diệu, muốn đến chỗ Như Lai, chúng tôi cũng muốn theo hầu để được đến nơi Thế Tôn ngự. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân bảo thần đánh nhạc là Bàn-giá-dực rằng: Nay ta muôn đên nơi Thê Tôn ngự, vậy ngươi và chư thiên Đao-lợi có thê cùng đi với ta, đến nơi Phật ngự. Đáp: -Vâng! Khi ây, Bàn-giá-dực câm cây đàn liru ly ở trước Đê-thích và trong chúng chư thiên Đao-lợi, khảy đàn cúng dường. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân, chư thiên Đao-lợi và Bàn-giá-dực bằng thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, ở trên pháp đường bỗng nhiên biến mất và đến trong núi Tỳ-đà, phía Bắc nước Ma-kiệt-đà. Khi ấy, đức Thế Tôn nhập Hỏa diệm tam-muội, chính lúc đó núi Tỳ-đà toàn là một màu lửa, dân chúnẹ trong nước trông thấy họ tự nói với nhau: "Núi Tỳ- đà này là một màu lửa, chắc là do năng lực của Như Lai hoặc là của chư thiên." Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân bảo Bàn-giá-dực như sau: Đức Như Lai, Chí Chân, Ngài ra đời thật khó gặp được. Nay đây, Ngài đang ở nơi thanh vắng, im lặng không nói, được cầm thú làm bạn, tại nơi đấy thường có chư thiên, đại quỷ thần theo hầu đức Thế Tôn. Nay ngươi có thể đến đó khảy đàn lưu ly đê vui thú với Thê Tôn, còn ta và chư thiên sẽ đên sau. Bàn-giá-dực đáp: -Vâng! Khi vâng lời dạy xong, Bàn-giá-dực cầm cây đàn lưu ly, ở trước và cách Phật không xa, khảy lên và dùng bài kệ để ca ngợi như sau:

Bạt-đà! Lễ cha nàng, Cha nàng rất đoan nghiêm, Lúc sanh nàng tốt lành, Lòng ta rất vui thích. Vốn vì một chút duyên, Mà lòng dục phát sanh, Dân dân phát triên mạnh. Như cúng dường La-hán, Thích tử tu lư thiền, Thường thích ở chỗ vang, Chánh tâm cầu giải thoát. Ta chuyên niệm cũng thế, Năng nhơn phát đạo tâm, Chắc muốn thành Chánh giác Nay ta muốn nàng ấy. Muốn được gặp cũng thế, , r Lòng ta sanh đăm đuôi, Ưa thích không rời bỏ, Muốn bỏ không thể được. Như voi bị móc câu, Như nóng gặp gió mát, Như khát được suối lạnh, r Như người được Niết-bàn, Như nước dập tát lửa, Như bệnh được thuốc hay, Như đói được đồ ngon, No đủ sanh vui vẻ. Như La-hán du pháp, Như voi bị móc chặt, Mà cũng không chiu phục, Chạy rong khó ngăn cản, Phóng túng không dừng nghỉ. Cũng như ao mát sạch, Các hoa phủ mặt nước, Voi mệt, nóng vào tắm, Toàn thân được mát mẻ. Ta bố thí trước sau, Cúng dường các La-hán, Người có phúc trên đời, Sẽ cùng họ như nhau. Nàng chết ta sẽ chết, Không nàng, sống ích gì, Thà để cho ta chết! Sống không thể không nàng. Chủ chư thiên Đao-lợi, Đế-thích cùng ta nguyện, Muốn sính lễ với nàng, Mong nàng suy xét kỹ. Bấy giờ, đức Thế Tôn xuất đinh và bảo Bàn-giá-dực rằng: Hay thay, hay thay! Ngươi có thê dùng âm thanh thanh tinh, hòa điệu với tiêng đàn lưu ly đê khen ngợi đức Như Lai, tiêng đàn cùng với tiêng của ngươi không dài, không ngắn, bi ai, uyển chuyển, làm cảm động lòng người. Hơn nữa, tiếng đàn hòa tấu của ngươi có đầy đủ ý nghĩa, đồng thời nói tham dục là trói buộc và cũng nói vê Phạm hạnh, vê Sa-môn và vê Niêt-bàn. Lúc ấy, Bàn-giá-dực bạch Phật: Thưa Thế Tôn, con nhớ thuở xưa khi Phật mới thành đạo dưới gốc cây A-du-ba-đà Ni-câu-luật, bên dòng sông Ni-liên-thiền, thuộc xứ uất-bệ-la. Khi đó có con trai của thiên đại tướng là Thi-hán-đà và ngọc nữ con của thân đánh 9 \ r

nhạc, cùng ở một địa diêm và chỉ nói vê dục lạc, con lúc đó thây được tâm trạng họ như thế nên xướng lên bài tụng để nói về dục là trói buộc, đồng thời cũng nói vê Phạm hạnh, vê Sa-môn và vê Niêt-bàn. Khi thiên nữ nghe xong bài kệ này, nhướng mắt và cười, đồng thời nói với con: "Này Bàn-giá-dực, ta chưa từng thấy đức Như Lai và chư thiên từng ở trên Thiện Pháp đường thuộc cõi trời Đao-lợi, nghe chư thiên cõi ây tán thán đức Như Lai có phúc đức như thê,

CÓ năng lực như thê. Hơn nữa, ngươi thường ôm áp lòng tin và thân cận đức Như Lai, nay theo ý ta là muốn cùng ngươi làm thiện tri thức.” Bạch Thế Tôn, khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ thế này: "Bàn-giá-dực đã vui thú với đức Như Lai, nay ta có thể nghĩ đến hắn." Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân liền nghĩ đến Bàn-giá-dực, đồng thời Bàn-giá-dực lại nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta”, lập tức câm cây đàn lưu ly đên nơi Đê-thích ngự và Đê-thích bảo: "Ngươi hãy nhân danh ta và ý của chư thiên Đao-lợi đến thăm hỏi Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Đi đứng có được thoải mái kh6ng?" Lúc đó Bàn-giá-dực vâng lời Đế-thích dạy, liền đến chỗ Thế Tôn ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, đồng thời thưa: Bạch Thế Tôn! Thích-đề-hoàn-nhân và chư thiên Đao-lợi sai con đến thăm hỏi đức Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Đi đứng có được thoải mái không? The Ton đáp: Ta ước mong cho Đê-thích của ngươi và chư thiên Đao-lợi được sông lâu, được an vui và không hoạn nạn. Vì sao? Vì chư thiên, thế gian, a-tu-la và những chúng sanh khác đều ham sống lâu, đều thích vui vẻ và muốn không hoạn nạn. Bấy giờ, Đế-thích tự nghĩ: "Chúng ta phải đến ra mắt và đảnh lễ đức Thế T6n.” Tức thời, cùng chư thiên Đao-lợi đi đến chỗ Phật ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật và đứng qua một bên, Đế-thích bạch Phật: Không biêt nay con có được phép ngôi gân, hay phải ngôi cách xa đức Thế Tôn? Phật bảo Đế-thích: Thiên chúng của ngươi quá đông, vậy nên ngồi gần Ta. Lúc đó, tại chỗ Thế Tôn ngự, trong động Nhẫn-đà-bà-la, tự nhiên rộng rãi, không có chướng ngại. Đế-thích, chư thiên Đao-lợi và Bàn-giá-dực, bấy giờ đều đảnh lễ dưới chân Phật và ngồi qua một bên. Đế-thích bạch Phật rằng: Có một thời, Phật ngự tại nhà Bà-la-môn5 thuộc nước Xá-vệ5 đức Thế Tôn lúc ấy đang nhập Hỏa diệm tam-muội, ngay lúc đó, con vì có chút việc nên ngự trên xe báu ngàn căm đến chỗ Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, khi đi ngang qua hư không, con thây một thiên nữ chăp tay đứng trước đức Thê Tôn, con liên nói với nàng ấy rằng: "Nấu khi đức Thế Tôn xuất định, ngươi hãy nhơn danh ta thăm hỏi đức Thế Tôn có được khỏe mạnh không, đi đứng có được thoải mái kh6ng?” Nhưng không biết nàng ấy cuối cùng có hiểu được hậu ý trên không, đồng thời Thế Tôn có còn nhớ sự kiện ấy không? Phật đáp: Nhớ! Nàng ây đã nhơn danh ngươi mà thăm hỏi Ta, đông thời, khi Ta xuât định cũng nghe tiếng xe của ngươi.

Đế-thích lúc đó bạch Phật: Thuở xưa, con vì chút việc nên cùng chư thiên Đao-lợi tập hợp tại Thiện Pháp đường, lúc ấy có những thiên chúng kỳ cựu nói thế này: “Nếu đức Như Lai xuất hiện ở thế gian thì thiên chúng được tăng thêm và chúng a-tu-la bị . • 9 9r , giảm bớt. Nay đích thân thây đức Như Lai, tự biêt rõ và tự xác chứng răng đức Như

Lai, Chí Chân, khi nào xuất hiện ở thế gian, chư thiên sẽ được gia tăng, chúng a-tu-la sẽ giảm bớt." Khi ấy, có Thích nữ Cù-di, ở nơi Thế Tôn ngự, tu Phạm hạnh, sau khi mạng chung được sanh về cõi trời Đao-lợi và làm con của con. Chư thiên Đao-lợi lúc đó đều khen ngợi Thích nữ Cù-di là có công đức lớn, có oai lực lớn. Lại có ba vị Tỳ-kheo cũng ở nơi Thế Tôn ngự, tinh tu Phạm hạnh nhimg sau khi mạng chung, lại sanh vào địa vị thấp hơn, làm kẻ đánh nhạc cho con. Cù-di lúc đó, ĩ A 9 r ỉ trông thây họ, liên dùng bài kệ đê khuây roi như sau: Ngươi là đệ tử Phật, Khi ta còn tại gia, Dùng y thực cúng dường, Lễ bái cung kính ngươi. Các ngươi là người gì? Nhận lãnh lời Phật dạy, Đức Tịnh Nhãn thuyết pháp, Ngươi không quán sát kỹ. Ta đã kính lễ ngươi, Từ Phật nghe thượng pháp, Được sanh Đao-lợi thiên, Làm con của Đế-thích. Sao các ngươi không xem, Bao công đức của ta, Vốn là thân người nữ, Nay con trai Đế-thích. Các ngươi đã cùng nhau, Đong tu một Phạm hạnh, Nay ở nơi thấp hèn, Và hầu hạ chúng ta, Vì làm các việc ác, Nên nay chịu quả này, Là ở nơi thấp hèn, Mà hầu hạ chúng ta. Sanh chốn bất tịnh này, Bị người khác khuấy rối, Nghe xong nên nhàm chán, Chốn này đáng nhàm chán. ..v . Từ nay nên tinh tấn, Không bị người sai khiên, Hai người nên tinh tấn, Suy tư pháp Như Lai. Hãy bỏ luyến ái đó, Xem dục là bất tịnh, Tham dục không chân thật, Dối gạt cả thế gian. Như voi đứt dây cương, Siêu việt Đao-lợi thiên, Đế-thích, Đao-lợi thiên, Họp ở pháp giảng đường. Họ có sức mạnh mẽ, Siêu việt Đao-lợi thiên. Đế-thích khen: Hy hữu! Chư thiên thấy quá khứ, Đây là con Thích-ca. Siêu việt Đao-lợi thiên, Quán sự dục trói buộc, Cù-di nói lời này: Nước Ma-kiệt có Phật, Hiệu là Thích-ca-văn, Con ngài đã thất niệm, về sau được phục hồi.

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN VẤN 207

Một người trong ba người, Làm vi thần đánh nhạc, Hai người thấy đạo dế, Siêu việt Đao-lợi thiên. Pháp Thế Tôn nói ra, Đệ tử không hoài nghi, Đều cùng nhau nghe pháp, Hai người hơn một người. Tự thấy đã thù thắng, Đều sanh Quang Âm thiên. Ta đã thấy người ấy, Nên đến chỗ Phật ngự. Đế-thích bạch Phật: -Nêu Ngài có rảnh xin giải quyêt cho con một điêu nghi! Phật nói: Tùy ý ngươi cứ hỏi, Ta sẽ tùy từng trường hợp mà giải thích cho. Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật như sau: Chư thiên, người the gian, càn-thát-bà, a-tu-la và những chúng sanh khác đều cùng tương ứng với kiết sử nào mà sanh oán thù và đánh đập nhau bằng đao gậy? Phật đáp: Sự sanh ra oán kết đều do tham dục và lòng ganh ghét nên khiến chư thiên, người đời, a-tu-la và chúng sanh khác đánh đập nhau bằng đao gậy. Đế-thích khi ấy thưa Phật: Bạch Thế Ton, thật đúng như the! Sự sanh ra oán kết đều do xan tham và ganh ghét nên khiến cho chư thiên, người đời và a-tu-la cùng chúng sanh khác đánh đập nhau bằng đao gậy. Nay con nghe Phật nói pháp, lưới nghi đều diệt trừ, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điều, con không hiểu sự phát sanh tham lam và lòng ganh ghét do đâu phát khởi? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu có? Từ đâu không? Phật bảo Đế-thích: -Sự phát sanh ra xan tham và ganh ghét đều do sự thương ghét, thương ghét làm nhân duyên, thương ghét làm đầu mối. Từ đây mà có, từ đây mà không. Nếu không có thương ghét thời không có xan tham và ganh ghét. Bấy giờ, Đấ-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy! Sự phát sanh của xan tham và ganh ghét đều do thương ghét mà ra, thương ghét làm nhân duyên, làm đầu mối. Từ đây mà có, từ đây mà không. Nay con

nghe Phật nói pháp, mê hoặc đều diệt trừ, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điêu, con không hiểu thương ghét do đâu mà sanh? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu có? Từ đâu không? Phật bảo Đế-thích: -Sự phát sanh của thương ghét đều do tham dục, tham dục làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây mà có, từ đây mà không. Không có tham dục thời không thương ghét.

208 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi ấy, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, thật đúng như the! Sự phát sanh thương ghét đều do tham dục? tham dục làm nhân duyên, làm đầu môi, từ đây mà có, từ đây mà không. Nếu không có tham dục thì không có thương ghét. Nay con nghe Phật nói pháp, mê hoặc đều dứt hết, không còn nghi gì cả. Nhưng có một diêu, con không biết là tham dục từ đâu sanh? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu có, từ đâu không? Phật bảo Đế-thích: Ái do tưởng sanh, do tưởng làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây có, từ đây không. Nếu không có tưởng thì không có ái. Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Ton, thật đúng như vậy! Ái do tưởng sanh, do tưởng làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây c6, từ đây không. Nếu không có tưởng thì không có ái. Nay con nghe Phật nói pháp, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điều, con không hiểu là tưởng do đâu sanh? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu có và từ đâu không? Phật bảo Đế-thích: Sự phát sanh của tưởng là do điệu hy, do điệu hy làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây c6, từ đây không. Này Đế-thích, nếu không có điệu hy thời không có tưởng, không có tưởng thời không có tham dục, không có tham dục thời không có thương ghét, không có thương ghét thời không có tham lam và ganh ghét, nếu không có tham lam và ganh ghét thời tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau. Này Đế-thích, chỉ do điệu hý làm căn bản, do điệu hy làm nhân duyên, làm đầu mối, từ điệu hy mà có tưởng, từ tưởng mà có dục, từ dục mà có thương ghét, từ thương ghét mà có tham lam và ganh ghét, do có tham lam và ganh ghét nên khiến cho chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy! Do điệu hy mà có tưởng, do điệu hy lam nhan duyên, lam đau môi, tư đay co, do điêu hy ma co tương, không co điêu hy thời không có tưởng. Nếu không có điệu hy thời không có tưởng, không có tưởng thời không có tham dục, không có tham dục thời không có thương ghét, không có thương ghét thời không có tham lam và ganh ghét, không có tham lam và ganh ghét thời tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau. Chỉ do điệu hy mà có tưởng, điệu hy làm nhân duyên, làm đầu mối, từ điệu hý mà có tưởng, từ tưởng có dục, từ dục có thương ghét, từ thương ghét có tham lam và ganh ghét, từ tham lam và ganh ghét nên khiến cho tất cả chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nay con nghe Phật nói pháp, sự mê lầm đã diệt trừ, không còn gì nghi ngờ. Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: Có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều trừ hết điệu hý mà an tru cảnh giới tịch diệt chăng? Hay là không trừ hết điệu hy mà có thể an trú cảnh giới tịch diệt?

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN VẤN 209

Phật bảo Đế-thích: -Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều không trừ hết điệu hý mà an trú cảnh giới tịch diệt. Vì sao? Này Đế-thích vì ở thế gian có những cõi, và những chúng sanh đều y cứ theo loại cảnh ấy và giữ gìn chắc chắn không thể rời bỏ, đồng thời họ cho

đây là thật, ngoài ra là hư dối. Thế nên E)ế-thích, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều không trừ hết điệu hý mà an trú cảnh giới tịch diệt. Khi ấy, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, thật đún^ như vậy! ở thế gian có những loại chúng sanh đều y cứ vào cõi và giữ gìn chắc chắn không thê rời bỏ, đồng thời cho mình là thật, ngoài ra đều hư dối; cho nên tất cả Sa-môn9 Bà-la-môn đều không thể trừ hết điệu hy mà an trú cảnh giới tịch diệt. Nay con nghe Phật dạy, những sự nghi hoặc đều diệt trừ, không còn nghi ngờ gì cả. Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật như sau: Ngang đây có bao nhiêu điệu hy? Phật bảo Đế-thích: Điệu hý có ba: về khẩu, về tưởng, về mong cầu. về lời nói thuộc khẩu hành có: Hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu xả bỏ lời nói như thế là không hại mình và không hại người và không hại cả hai. Vị Tỳ-kheo biết thời thì nói đúng như thật, chuyên niệm không tán loạn. Này Đế-thích, về phần tưởng cũng có: Hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu xả bỏ tưởng ấy và tưởng như thật thì không hại mình, không hại người và không hại cả hai. Còn vị Tỳ-kheo biết thời thì tưởng đúng như thật và chuyên chú, nhớ mãi không quên. Này BSthích, vê mong câu cũng có: Hại minh, hại người, hại cả hai. Nêu xả bỏ sự mong cầu ấy và mong cầu đúng như thật thì không có hại mình, không có hại người và không hại cả hai. Còn vị Tỳ-kheo biết thời thì mong cầu đúng như thê và chuyên chú nhớ mãi không quên. Lúc bấy giờ, Đế-thích thưa: Con nghe Phật nói pháp, không còn hồ nghi gì cả. Rồi bạch Phật: Bậc Hiền thánh xả thân có ba: Hỷ thân, ưu thân, xả thân. Này Đê-thh, vê hỷ thân cũng có: Hại mình, hại người và hại cả hai. Nêu xả bỏ hỷ ấy và hỷ đúng như thật thì không hại mình, hại người và hại cả hai. Còn vi Tỳ-kheo biết thời thì chuyên chú, nhớ mãi không quên. Đây gọi là thọ Cụ túc giới. Này Đê-thích, vê ưu thân cũng có: Hại mình, hại người, hại cả hai. Nêu xả bỏ sự ưu ấy và ưu đúng như thật thì không có hại mình, hại người và hại cả hai. Còn vi Tỳ-kheo biết thời thì chuyên chú, nhớ mãi không quên. Đây gọi là thọ Cụ túc giới.

Lại nữa Đê-thích, vê xả thân cũng có: Hại mình, hại người, hại cả hai. Nêu bỏ được xả ấy và xả đúng như thật thì không có hại mình, hại người và hại cả hai. Vi Tỳ-kheo biết thời thì chuyên chú, nhớ mãi không quên. Đây gọi là thọ Cụ túc giới. Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: Con nghe Phật nói pháp, không còn hồ nghi gì cả. Tiếp theo, Đế-thích thưa Phật: về các căn đầy đủ trong luật nghi của Hiền thánh, ngang đây có chừng bao nhiêu tâm? Phật bảo Đế-thích: về mắt thấy sắc, Ta nói có hai: Đáng thân cận và không đáng thân cận. Cho đên tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp, Ta nói có hai: Một là đáng thân cận, hai là không đáng thân cận. Khi đó, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, đức Như Lai mới lược nói, chưa phân biệt sâu rộng. Nay con muôn giải thích đây đủ vê măt thây sc, con nói có hai: Một là đáng thân cận, hai là không đáng thân cận. Cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần đều có hai thứ: Một là đáng thân cận, hai là không đáng thân cận. Bạch Thế Tôn, như mắt thấy sắc mà thiện pháp tổn giảm, bất thiện pháp gia tăng, đối với mắt thấy sắc như thế, con nói không đáng thân cận. Cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc phạm, ý duyên pháp trần mà thiện pháp tổn giảm, bất thiện pháp gia tăng, con nói không đáng thân cận. Bạch Thế Tôn, như mắt thấy sắc mà thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp tổn giảm, đối với mắt thấy

sắc như thế, con nói là đáng thân cận. Cho đen tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc phạm, ý duyên pháp trần mà thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp tổn giảm, con nói là đáng thân cận. Bấy giờ, Phật bảo Đế-thích: Hay thay, hay thay! Đây gọi là các căn đầy đủ, thuộc luật nghi của Hiền thánh. Đế-thích khi đó bạch Phật: Con nghe Phật nói pháp không còn hồ nghi gì cả. Tiếp theo, Đế-thích thưa Phật rằng: Đối với vị Tỳ-kheo gọi là cứu cánh: Cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cứu cánh Vô dư (Niết-bàn), ngang đây có chừng bao nhiêu tên? Phật bảo Đế-thích: Bi ái làm khổ thân mà diệt được, gọi là cứu cánh, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cứu cánh Vô dư (Niết-bàn).

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN VẤN 211

Bấy giờ, Đấ-thh bạch Phật như sau: Con đã ôm ấp lưới nghi từ lâu, nay nhờ đức Như Lai giải mối nghi đó rồi. Phật bảo Đế-thích: Ngày xưa ngươi đã từng đến chỗ của Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi về nghĩa này chưa? Đế-thích đáp: Con còn nhớ thuở xưa đã từng đên nơi Sa-môn, Bà-la-môn đê hỏi vê nghĩa này rồi. Đó là thuở xưa, con đã có lần tập hợp tại giảng đường cùng chư thiên đàm luận về đức Như Lai sẽ xuất hiện ở thế gian, hay là chưa xuất hiện ở thế gian? Lúc đó, chúng con cũng tìm kiếm nhưng không thấy đức Như Lai xuât hiện ở thê gian, cho nên chúng con đêu hôi cung đê vui thú ngũ dục. Bạch Thế Tôn, về sau con thấy chư thiên, đại thiên thần, sau khi đã mặc tình vui thú ngũ dục, lần lượt mạng chung. Bạch Thế Tôn, con khi đó sợ hãi vô cùng, đên nôi lông tóc đêu dựng ngược. Lúc ây, con thây Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi thanh vắng, bỏ nhà lánh tục, con liền đến chỗ họ và hỏi như sau: "Thế nào gọi là cứu cánh?" Khi con hỏi về ý nghĩa ấy thì họ không đáp được. Họ đã không biết mà còn hỏi ngược lại con: "Ngươi là ai?" Con liền đáp: “T6i là Thich-de-hoan-nhan.^ Họ lại hỏi: "Ngươi là Thích gi?" Con đáp: "Tôi là Thiên Đế-thích, vì trong lòng có nghi nên đến hỏi.,, Khi đó, con và họ, cứ theo sự hiểu biết của mình mà nói về ý nghĩa Thích. Họ nghe con nói xong, lại xin làm đệ tử con. Nay con là Phật tử được quả Tu- dà-hoàn, không còn đọa vào cõi khác, chỉ còn sanh lại cõi này bảy lần là nhất đinh thành tựu đạo quả. Cúi xin đức Thế Tôn hãy thọ ký cho con sẽ được quả Tư-đà-hàm! Khi nói lời này xong, Đế-thích tụng như sau: Do tưởng nhiễm ô ấy, Nên con sanh hồ nghi, Mãi cùng với chư thiên, Tìm kiếm đức Như Lai. Thấy những người xuất gia, Thường ở nơi thanh vắng, Cho là PhậtỊ Thế Tôn, Nên đến cúi đàu thưa: Nay tôi muốn đến hỏi, Thế nào là cứu cánh? Hỏi, họ đáp không được, Mục đích của dấu đạo. Đấng Vô Thượng hôm nay, Là con tìm từ lâu. Đã quán sát hạnh mình, Tâm đã chánh tư duy, Chỉ Thánh mới biết trước, Việc làm của tâm con, Đã tu hành từ lâu, Xin Ngài thọ ký cho. Kính lễ đấng Thế Tôn, ĐấngSieu Việt Ba Cõi, Dứt được gai ân ái, Nay lễ đấng Nhật Quang. Phật bảo Đế-thích: —Ngươi còn nhớ khi được hỷ lạc và niệm lạc không?

Đế-thích đáp: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, con còn nhớ lúc được hỷ lạc và niệm lạc. Thưa Thế Tôn: Thuở xưa con đã cùng a-tu-la đánh nhau, lúc đó con thắng trận, a-tu-la bại trận. Con khi ấy trở về, được hỷ lạc và niệm lạc, đồng thời ghi nhớ mãi hỷ lạc và niệm lạc ấy. Tuy nhiên, đấy chỉ là hỷ lạc và niệm lạc đao gậy, ác độc và nhơ bẩn, vì hỷ

lạc về chiến tranh, cãi vã. Nay con ở nơi Phật ngự được hỷ lạc và niệm lạc là thú vui không có đao gậy, tranh tụng. Phật bảo Đế-thích: Nay ngươi được hỷ lạc và niệm lạc thì ở trong hai pháp đó muốn cầu quả đức gì? Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: Nay con ở trong hỷ lạc và niệm lạc muôn câu năm công đức. Những gì là năm? Liên nói kệ răng: L Nêu sau con mạng chung, Có xả bỏ tuổi trời, Trong thai không lo buồn, Khiến lòng con vui vẻ. Phật độ người chưa độ, Hay nói đạo chơn chánh, Trong pháp Phật ba đời, Con thường tu Phạm hạnh. ở trong thân trí tuệ, Tâm tự thấy chơn đế, Thấy được xu hướng xưa, ở đây giải thoát mãi. Cần phải siêng tu hành, Tu tập chân thật trí, Dù không chứng được đạo, Công đức cũng hơn trời. Bao nhiêu thần diệu thiên, Và A-ca-ni-trá, Cho đến thân sau cùng, Sẽ sanh về cõi ấy. Nay con ở cõi này, Thọ thân trời thanh tịnh, Và được tăng tuổi thọ? Tịnh Nhãn, con tự biết. Đế-thích nói xong bài kệ này, thời bạch Phật: Con ở trong hỷ lạc và niệm lạc được năm công đức như thế. Bấy giờ, Đế-thích bảo chư thiên Đao-lợi như sau: "Các ngươi ở trước Phạm đồng tử trên cõi Đao-lợi thiên cung kính lễ bái. Nay ở trước Phật, các ngươi lại cung kính như vậy thì không đẹp lắm sao?" Khi Đế-thích nói chưa xong, thời Phạm đồng tử bỗng nhiên xuất hiện giữa hư không, đứng trên thiên chúng, đông thời hướng vê Đê-thích và nói bài kệ sau đây: Thiên vương hạnh thanh tinh, Nhiều lợi ích chúng sanh, Ma-kiệt, Đế-thích chủ, Hay hỏi nghĩa Như Lai. Lúc ấy, Phạm đồng tử nói xong bài kệ này, thời bỗng nhiên biến mất. Đế-thích khi ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Thế Tôn và đi quanh ba vòng rồi lui ra. Chư thiên Đao-lợi, Bàn-giá-dực, cũng đảnh lễ dưới chân Phật và lui ra.

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN VẤN 213

Lúc ây, Đê-thích đi trước và xoay lại nói với Bàn-giá-dực: "Hay thay, hay thay! Ngươi có thể ở trước Phật khảy đàn vui thú, sau đó ta và chư thiên từ hậu phương đên. Nay ta sẽ bô sung ngươi vào chức vị của cha ngươi là bậc Tôi Thượng trong hàng càn-thát-bà9 đồng thời sẽ gả Bạt-đà Càn-thát vương nữ cho ngươi làm vợ.,, Khi đức Thế Tôn nói pháp này thời tám vạn bốn ngàn chư thiên xa lìa vĩnh viễn trần cấu; đối với các pháp, phát sanh pháp nhãn. Thích-dề-hoàn-nhân, chư thiên Đao-lợi và Bàn-giá-dực, khi nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

15. KINH A-NẬU-DI Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đều ngự tại lãnh thổ A-nậu-di, thuộc nước Minh-ninh. Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào thanh A-nậu-di khất thực; khi ấy, đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Bây giờ, nếu Ta đi khất thực thì quá sớm. Vậy Ta nên đến xem vườn của Phạm chí Phímg-già-bà, đợi các Tỳ-kheo đến, đúng giờ rồi sẽ đi khất thục" Khi đó, đức Thế Tôn liền đi đến khu vườn của Phạm chí nói trên. Lúc đó, Phạm chí Phòng-già-bà thấy Phật từ xa đi đến, liền đứng dậy nghinh tiếp và chào hỏi như sau: Quý hóa thay đức Cù-đàm! Từ lâu Ngài không đến, nay Ngài chiếu cố đến đây chác có chuyện gì. Kính mời Cù-đàm hãy an tọa tại chô ngôi này! Bấy giờ, đức Thế Tôn bèn tiến đến chỗ ngồi và an tọa tại dấy. Lúc ấy, Phạm chí Phòng-già-bà ngồi xuống một bên và bạch với Thế Tôn: -Đầu hôm có Ly-xa-tử là Tỳ-kheo Thiện Túc đến chỗ tôi và nói với tôi như sau: "Này Đại sư! Tôi không ở chỗ Phật để tu Phạm hạnh nữa. Vì sao? Vì Phật đã bỏ rơi t°i." Vi Tỳ-kheo ấy đến gặp tôi và nói lỗi của Cù-đàm, dù ông ta có nói như thế

nhimg tôi cũng không nghe. Phật bảo Phạm chí: -Ta biết những lời nói của Thiện Túc mà ông không bao giờ nghe. Ngày xưa, có một thời Ta ở trên nhà Tập pháp, bên ao Nhĩ Hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly; lúc ấy, Thiện Túc đến nơi Ta ngự và nói với Ta như sau: "Dức Như Lai đã bỏ rơi con, con không ở chỗ Như Lai tu Phạm hạnh nữa." Khi ấy, Ta bảo: "Ông vì lý do gì mà nói đức Như Lai đã bỏ rơi ông, ông không ở chỗ Như Lai để tu Phạm hạnh nữa?" Thiện Túc đáp: "Vi đức Như Lai không vì con mà hiện thần thông biến h6a."

216 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, Ta nói: “Ta có yêu cầu ông ở trong pháp Ta tu Phạm hạnh, rồi Ta sẽ hiện thần túc biến hóa không? Và nẹươi có nói với Ta rằng, đức Như Lai phải vì con mà hiện thân thông biên hóa, roi sau đó con mới tu Phạm hạnh kh6ng?” Thiện Túc đáp: "Bạch Thế Ton, kh6ng!” Ta bao Thiên Túc: "Ta cũng không yêu cầu ông ở trong pháp Ta tinh tu Phạm hạnh, rồi Ta sẽ vì 6ng mà hiện thần túc biến hóa. Hơn nữa, ông cũng không nói là Ta hiện thần túc biến hóa rồi ông sẽ tu Phạm hạnh. Thế nào, theo ý ông có cho rằng đức Như Lai có thể hiện thần túc hay không thể hiện thần túc? Hơn nữa, pháp của Ta nói ra có the làm cho ông được giải thoát và vĩnh viễn xa lìa các kho kh6ng?" Thiện Túc thưa: "Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đức Như Lai có thể hiện thần túc chứ không phải là không. Và pháp của Ngài nói ra có thể làm cho người được giải thoát và xa lìa vĩnh viễn các khổ, chứ không phải là khống." "Này Thiện Túc, nếu pháp Ta nói ra, đối với người tu Phạm hạnh có thể hiện thần túc chứ không phải là không, và đồng thời có thể làm cho người được giải thoát, xa lìa vĩnh viễn các khổ chứ không phải là không, vậy ông ở nơi pháp này còn muốn cầu điều gi?" Thiện Túc thưa: “Thế Tôn không thể tùy thời dạy con, hơn nữa về bí thuật của cha con, đức Thế Tôn đã biết hết nhưng lại tiếc không dạy cho con.^, Ta bao Thiện Túc: “Ta có từng bảo ông ở trong pháp Ta tu Phạm hạnh, rồi sau đó Ta sẽ dạy bí thuật của cha ông không? Lại nữa, ông có từng yêu càu ta dạy bí thuật của cha ông, sau đó ông mới ở chỗ Phật tịnh tu Phạm hạnh kh6ng?" “Thua khQg!” "Này Thiện Túc, nếu trước kia Ta không nói lơi ấy, và ông cũng không nói như vậy thì nay vì lý do gì ông lại nói như thế? Thế nào Thiện Túc, ông có cho rằng đức Như Lai có thể nói các bí thuật của cha ông hay không? Hơn nữa, pháp Ta nói ra có the làm cho ông được giải thoát và xa lìa vĩnh viễn các kho khong?" "Vâng! Đức Như Lai có thê nói các bí thuật của cha con chứ không phải là không, và pháp của Ngài nói ra có thể làm cho người được giải thoát và xa lìa các khổ, và xa lìa hẳn các khổ chứ không phải là kh6ng.” Ta bao Thiện Túc: “Nếu Ta có thể nói các bí thuật của cha ông, cũng như có thể nói pháp làm cho người được giải thoát và xa lìa các khổ, vậy thì ở trong pháp Ta, ông muốn cầu điều gi?"

15. KINHA-NẬU-DI > 217

–

Ta bao Thiên Túc tiep: "Trước kia ông ở lãnh thổ Bạt-xà, thuộc thành Tỳ-xá-ly, ông dùng vô số phương tiện để khen ngợi đức Như Lai, khen ngợi Chánh pháp và khen ngợi chúng Tăng. Ví như có người dùng tám cách khen ngợi để khen ngợi ao thanh lương,

khiên cho người ưa thích: Mát lạnh, nhẹ nhàng, mem mại, trong trẻo, ngọt dịu, không bẩn, uống mãi không chán, uống vào thân thể dễ chịu. Ông cũng thế, khi ở lãnh thổ Bạt-xà, thuộc thành Tỳ-xá-ly, ông đã khen ngợi đức Như Lai, khen ngợi Chánh pháp và khen ngợi chúng Tăng khiến cho người ưa thích và tin tưởng. Thiện Túc nên biết! Nay ông thoi chí thì người đời sẽ nói: 6Tỳ-kheo Thiện Túc có nhiều trí thức, lại gan gũi đức Như Lai, đồng thời cũng là đệ tử của Như Lai mà trái lại không the trọn đời tinh tu Phạm hạnh, lại xả giới hoàn tục, ở vào địa vị thấp hèn, hành động xấu xa.”' Phạm chí nên biết, Ta lúc ấy nói đủ điều nhưng Thiện Túc không chịu nghe, cứ xả giới hoàn tục. Này Phạm chí, có một thời Ta ở trên nhà giảng pháp, bên ao Nhĩ Hầu, bấy giờ có Ni-kiền-tử tên là Già-la-lâu hiện dang cư ngụ tại đó, mọi người đều tôn kính, danh tiêng đôn xa, có nhiêu tri thức, đây đủ lợi dưỡng. IGii ấy, Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y, mang bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, lần hồi đi đến chỗ của Ni-kiền-tử. Lúc ấy, Thiện Túc đem ý nghĩa sâu xa để hỏi vị Ni-kiền-tử nói trên, và ông ta không đáp được, bèn sanh tâm tức giận, thế rồi, Thiện Túc tự nghĩ: "Ta khuấy rối người ấy, mãi mãi sẽ không có quả báo về khổ nâk)." Phạm chí nên biết, sau khi Thiện Túc khất thực rồi, mang y bát đi đến chỗ Ta, đầu mặt đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Lúc ấy, Thiện Túc cũng đem sự kiện trên mà thuật lại với Ta, Ta nói với Thiện Túc rằng: "Ông là kẻ vô trí! Ông đâu có thể tự xưng là Sa-môn Thích tử được.,, Thiện Túc hỏi lại Ta: "Thua Thế Tôn, vì lý do gì Ngài gọi con là đồ ngu và con không nên tự xưng là Thích tử?” Ta bao Thiện Túc: "Ông là kẻ vô trí, vì ông đã đi đến chỗ Ni-kiền-tử để hỏi về ý nghĩa sâu xa, và ông ta không đáp được, bèn lại sanh tâm giận tức. Và khi ấy, ông tự nghĩ: 'Nay ta khuấy roi vị Ni-kiền-tử này, sẽ mãi mãi không có quả báo ve kho não? Thật ông có nghĩ như vậy kh6ng?” Thiện Túc bạch: "Ông ta là A-la-hán thì đâu vì lý do gì mà có tâm sân hận và ganh tj?" Lúc đó, Ta đáp: "Ông là kẻ vô trí! Đã là A-la-hán thì vì lý do gì lại có tâm sân hận và ganh tị? Chẳng lẽ Ta là A-la-hán lại có tâm sân hận và ganh ti ư? Hơn nữa, ông tự

cho vi ây là A-la-hán nhưng trên thực tê thì ông ta có bảy pháp khô hạnh và luôn luôn giữ gìn. Những gì là bảy? (1) Trọn đời không mặc xiêm y; (2) Trọn đời không uống rượu, ăn thịt, chăng ăn cơm và mì khô; (3) Suốt đời không phạm Phạm hạnh. (4,5,6,7) ở thành Tỳ-xá-ly có bốn tháp dá, đó là: Phương Đông có Ưu Viên tháp, phương Nam có Tượng tháp, phương Tây có Đa Tử tháp, phương Bắc có Thất Tụ tháp; đối với bốn tháp này, trọn đời không rời khỏi để làm bốn thứ khổ hạnh." Nhimg ông ta về sau lại phạm hết bảy điều khổ hạnh trên và đã thác ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Ví như con dã can mắc bệnh ốm yếu, lở lói và thác ở ngoài gò mả. Vị Ni-kiền-tử ấy cũng thế, ông ta đã tự tạo ra những pháp cấm, thế rồi sau lại phạm cả. Ong ta trước đã tự thê trọn đời không mặc y phục nhimg vê sau lại mặc. Ong ta đã tự thê trọn đời không uông rượu, ăn thịt, không ăn cơm và mì khô nhưng vê sau lại ăn cả. Ong ta đã tự thê không phạm Phạm hạnh nhưng vê sau lại phạm. Trước đó ông ta nói: Không bao giờ vượt qua bốn tháp như Đông, Ưu Viên tháp; Nam, Tượng tháp; Tây, Đa Tử tháp; Bắc, Thất Tụ tháp nhimg nay ông ta đã trái với lời thề trên, và rời khỏi không còn thân cận nữa. Ông ta đã tự trái với bảy lời thề trên, đã ra khỏi thành Tỳ-xá-ly và thác ở ngoài gò mả. Ta bao Thiện Túc: “Ong là kẻ vô trí! Nếu ông không tin lời Ta thì nên đi đến đó xem là tự nhiên sẽ biết."

Phật bảo Phạm chí: Có một thời, Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y, mang bát vào thàiứi khất thực, khi khất thực xong lại ra khỏi thành, đến nơi mồ hoang, thấy Ni-kiền-tử đã thác tại đó. Khi thấy xong, Thiện Túc đến nơi Ta ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân và ngồi xuống một bên nhưng không đem sự kiện trên trình bày với Ta. Phạm chí nên biết, bấy giờ Ta nói với Thiện Túc: "Thế nào Thiện Túc, Ta đã dự ký về Ni-kiền-tử, sự việc có đúng như lời Ta nóikh6ng?" * "Đúng như vậy, đúng như lời Thế Tôn đã n6i!" Phạm chí nên biết, Ta đã hiện thần thông để chứng minh cho Thiện Túc nhimg mà Thiện Túc vẫn nói Thế Tôn không vì con mà hiện thần thông. Lại nữa, có một thời Ta ngự tại ấp Bạch Thổ thuộc nước Minh-ninh, bấy giờ có một vị Ni-kiền-tử tên là Cứu-la-đế hiện đang cư nẹụ tại đó, được mọi người tôn kính, danh tiếng đồn xa, được nhiều lợi dưỡng. Bay giờ, Ta đắp y, mang bát vào thành khất thực, khi khất thực xong, Thiện Túc lúc đó đi theo sau Ta, vừa thấy Ni-kiền-tử Cứu-la-đế ở trên đống phẩn, lén liếm bã rượu. Phạm chí nên biết khi Tỳ-kheo Thiện Túc thấy vị Ni-kiền-tử ấy ở trên đống phẩn, lén liếm bã rượu, liền có ý nghĩ sau đây: "C6 hàng A-la-hán hướng và

A-la-hán đạo ở thế gian, đều không bằng được vị Ni-kiền-tử này, vì đạo của vị Ni-kiền-tử này thật là thù thắng. Vì sao? Vì vị ấy tu khổ hạnh mới có thể trừ được tâm kiêu mạn như thế mà ở trên đống phẩn, lén liếm bã rượu.^, Này Phạm chí, lúc đó Ta xoay lại bên hữu và bảo Thiện Túc: "Ông là kẻ vô trí, đâu có thể tự ximg là Thích tử được.,, Thiện Túc bạch Ta: “Thua Thế Tôn, vì lý do gì Ngài gọi con là kẻ vô trí và không nên tự xưng là Thích tử?” Ta bao Thiện Túc: "Ông là kẻ vô trí, vì khi ông thấy Cứu-la-đế ngồi xổm trên đống phẩn, lén liếm bã rượu, ông bèn nghĩ rằng: 'Trong các hàng A-la-hán hướng và A-la-hán đạo ở thế gian thì Cứu-la-đế là cao cả hơn hết. Vì sao? Vì hiện nay Cửu-la-đế ? A 9 9

này có thê tu khô hạnh, trừ được kiêu mạn, như ngôi xôm trên đông phân, lén liếm bã rượu', thật ông có ý nghĩ như vậy không?99 "Thật con có nghĩ như vay!" Thiên Túc nói tiêp: "Tại sao đức Thế Tôn đối với vị A-la-hán mà còn sanh tâm ganh tj?” Ta bảo: "Ông là người vô trí! Ta không bao giờ sanh tâm ganh ghét đối với một vị A-la-hán. Và làm gì có vấn đề đối với vị A-la-hán mà sanh tâm ganh ghét? Nay ông là kẻ vô trí nên cho rằng Cứu-la-đế là A-la-hán. Người này sau bảy ngày nữa sẽ mắc bệnh bụng to mà qua đời và sẽ sanh vào loài nga quỷ khởi thi, thường khổ sở vì đói khát. Hơn nữa, sau khi ông ta mạng chung thì được dùng day lau và dây tơ bó lại rồi lôi vất ngoài gò mả. Nếu ông không tin thì có thể đi đến báo trước cho ông ta.” Bấy giờ, Thiện Túc liền đi đến chỗ Cứu-la-đế và nói: C6Sa-môn Cù-đàm bảo rằng: 'Sau bảy ngày nữa, ông sẽ mắc bệnh bụng to mà qua đời và sẽ sanh vào loài nga quỷ khởi thi, nhất là sau khi thác, người ta dùng dây lau, dây tơ bó lại rồi lôi vất ngoài gò mả” Thiện Túc nói tiếp: "ông nên bớt ăn, chớ để lời nói của Cù-đàm đúng sự that.” Phạm chí nên biết, bấy giờ Cứu-la-đế đến hết bảy ngày thì bụng to và thác, liền sanh vào loài nga quỷ khởi thi, đồng thời khi thác xong, người ta dùng dây lau, dây tơ bó lại rồi lôi vất ngoài gò mả. Sau khi nghe Phật nói xong, Thiện Túc co lóng tay tính từng ngày, khi đến hết ngày thứ bảy thì Thiện Túc liền đi đến thôn của kẻ lõa hình, khi đến xong, Thiện Túc hỏi những người trong thôn rằng:

"Này chư Hiền, Cứu-la-đế nay ở d2u?"

uĐã chết r8i!" "Do bệnh gì mà chết?" "Bụng to! "Việc mai táng thế nào?" "Dùng dây lau, dây tơ bó lại rồi lôi vất xác ngoài gò mả." Này Phạm chí, khi Thiện Túc nghe lời này, liền đi đến gò mả. sắp đến, nhimg chưa đến thì lúc đó, chân, đầu gối của tử thi liền động đậy và bỗng nhiên ngồi nhổm dậy. Khi ấy, Thiện Túc đến trước tử thi và nói: "Này Cứu-la-đế! Ông đã chết rồi u?" "Ta đã chết r8i." "Do bệnh gì mà chết?" "Cù-đàm dự ký bảy ngày bụng to và chết, ta đúng như lời dự ký của Ngài, là hết bảy ngày bụng to và chết." "Ong sanh về dâu?" uCù-đàm đã dự ký sẽ sanh vào loài nga quỷ khởi thi, đúng là sau khi chết, ta đã sanh vào loài nga quỷ khởi thi." "Khi ông chết thì việc chôn cất như thế no?" "Cù-đàm dự ký là dùng dây lau, dây tơ ưắng bó lại rồi lôi vất ngoài gò mả. Thật đúng như lời của Phật, là dùng dây lau, dây tơ trắng bó lại rồi lôi vất ngoài gò mả." Tử thi lúc đo noi vơi Thiện Túc răng: A r

"Ong tuy là xuất gia nhưng không được lợi lạc gì, vì Sa-môn Cù-đàm đã nói việc này như the mà ông không tin.^, Khi nói xong lời này, tử thi năm lại như cũ. Này Phạm chí, bấy giờ Tỳ-kheo Thiện Túc đi đến chỗ Ta ngự, đầu mặt đảnh lễ dưới chân và ngồi xuống một bên nhưng không đem sự kiện trên trình bày Vơi Ta. Ta noi: "Nhu Ta đã dự ký về Cứu-la-đế? có thật như vậy khong?" "Thật vậy, đúng như lời Thế Tôn đã nói.,, Này Phạm chí, Ta thường vì Tỳ-kheo Thiện Túc mà hiện thần thông để chứng minh như thế nhưng Thiện Túc vẫn nói rằng: "Thế Tôn không vì con mà hiện thần th6ng." Phật bảo Phạm chí: Có một thời Ta ngự trên nhà giảng, bên ao Nhĩ Hầu, lúc đó có Phạm chí tên là Ba-lê-tử đang sông ở dây, mọi người đêu tôn kính, danh tiêng đôn xa, có nhiều lợi dưỡng. Phạm chí này ở giữa đại chúng, trong thành Tỳ-xá-ly nói như

sau: "Sa-môn Cù-đàm tự xưng có trí tuệ, ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm được đạo siêu việt, ta cũng được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm hiện thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn; Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu; Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai; Sa-môn hiện ba mươi hai thì ta sẽ hiện sáu mươi bôn. Tùy theo Sa-môn hiện nhiêu hay ít, ta đều hiện gấp d6i." Này Phạm chí, bấy giờ Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y, mang bát vào thành khất thực, trông thấy Phạm chí Ba-lê ở giữa đại chúng nói như vầy: uSa-môn Cù- đàm tự xung có trí tuệ, ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có than túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm được đạo siêu việt, ta cũng được đạo siêu việt. Và ta sẽ cùng Cù-đàm hiện thần túc. Như Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai, Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn, Sa-môn hiện tám cho đến tùy theo Sa-môn hiện nhiều hay ít thì ta đều có thể hiện gấp d6i." Bấy giờ, Tỳ-kheo Thiện Túc sau khi khất thực xong, đi đến chỗ Ta ngự, đầu mặt đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên và nói với Ta: "Vào sáng sớm, con đắp y, mang bát vào thành khất thực, nghe ông Ba-lê-tử ở giữa đại chúng, trong thành Tỳ-xá-ly, nói như sau: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có than túc, ta cũng có thần túc. Như Cù-đàm hiện một, ta sẽ

hiện hai. Cho đến tùy theo Cù-đàm hiện nhiều hay ít thì ta đều hiện gấp đôi.,^, Tỳ-kheo Thiện Túc lúc đó, đem sự kiện này trình bày đầy đủ với Ta. Ta bao vơi Thiện Túc: “Nếu ông Ba-lê ở giữa đại chúng không bỏ lời nói này, không bỏ kiến giải này, không bỏ sự kiêu mạn này mà đi đến chỗ Ta thì hoàn toàn không có sự kiện ấy. Nêu ông ta có ý nghĩ như sau: 'Ta không bỏ lời nói này, kiên giải này và sự kiêu mạn này mà đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thì đầu ông ấy sẽ vỡ ra làm bay phần/ Hơn nữa, muốn cho ông ta không bỏ lời nói này, không bỏ kiến giải này và kiêu mạn này mà có thể đến chỗ Ta thì không có sự kiện ấy." Thiên Túc noi: "Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ lòi." Ta bao Thiên Túc: "Cớ gì mà ông bảo Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ lời?" "Ông Ba-lê có đại oai thần, đại công đức, thoát khỏi đời sau, sẽ không thấy được sự hư dối của Thế Tôn u?” Ta bao Thiên Túc: "Nhu Lai có thường nói hai lời khong?"

“Thua không!" “Nếu Như Lai không nói hai lời thì cớ gì ông lại nói Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ l&i?” Thiện Túc bạch: “Thế Tôn tự biết ông Ba-lê-tử hay vì chư thiên đến n6i?” “Ta tự biết, chư thiên cũng đến nói, cho nên biết, về trường hợp Đại tướng A-do-đà trong thành Tỳ-xá-ly này chết rồi sanh lên trời Đao-lợi, và Tướng A-do-đà đến nói với Ta như sau: 'Ông Phạm chí Ba-lê-tử chẳng biết hổ thẹn, phạm giới vọng ngữ, ở giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly, nói lời chê bai như thê này: 'Đại tướng A-do-đà chét roi sẽ sanh trong loài quỷ khởi thi' nhưng thật ra tôi chết rồi được sanh len trời Đao-lợi/ về việc ông Ba-lê-tử thì Ta tự biết trước và chư thiên cũng đến nói, cho nên biết." "Này Thiện Túc, kẻ vô trí, ông không tin lời Ta thì vào thành Tỳ-xá-ly, tùy Ông muôn nói gì thì nói, và khi thọ trai xong Ta sẽ như lời mà đên chô ông Phạm chí Bastử.” • Phật bảo Phạm chí: Khi ấy, Thiện Túc đợi đến hôm sau, đắp y, mang bát vào thành khất thực, và hướng vê những chúng Bà-la-môn, Sa-môn, Phạm chí nói đây đủ những lời này: "Ong Phạm chí Ba-lê-tử ở trong đại chúng nói những lời như vây: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại oai lực, ta cũng có đại oai lực. Sa-môn Cù-đàm có đại thần túc, ta cũng có đại thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai, cho đến tùy theo Sa-môn hiện bao nhiêu thì ta đều sẽ hiện gấp đôi/Thế nên, nay Sa-môn Cù-đàm muốn đến chỗ của ông Ba-lê-tử, vậy mọi người có thể đi đến d6." Bấy giờ, Phạm chí Ba-lê-tử đang đi trên đường, Thiện Túc trông thấy, vội đi đến chỗ ông Ba-lê-tử và nói: “Ong ở giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly nói như thê này: 6Sa-môn Cù- đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Nhân đên Sa-môn Cù-đàm hiện bao nhiêu thần túc, tùy theo đó, ta đều có thể hiện gấp đôi/ Cù-đàm nghe lời này rồi, nay muốn đến chỗ ông, vậy ông nên mau trở vA" "Ta sẽ ve! Ta sẽ v^!" Khi ông nói xong lời này, lại tự hoảng sợ, lông tóc đêu dựng ngược, chăng dám vê chô của mình mà đên trong rừng của Phạm chí Đạo-đâu-ba ngôi trên giường dây, buồn rầu mê loạn. Phật bảo Phạm chí: Sau khi thọ trai xong, Ta cùng với nhiêu chúng Lệ-xa, Sa-môn9 Bà-la-môn9 Phạm chí, Cư sĩ đi đến chỗ ở của ông Ba-lê-tử; Ta tiến đến chỗ ngồi và an tọa tại đấy.

ở frong chúng kia có ông Phạm chí tên là Giá-la. Bấy giờ, mọi người đều gọi Giá-la và bảo: "Ông đến trong rừng Đạo-đầu nói với ông Ba-lê-tử rằng: 'Nay bao nhiêu chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tập hợp cả nơi rừng của ông, mọi người cùng nhau bàn luận như sau: 'Ong Phạm chí Ba-lê-tử ở trong đại chúng tự nói rằng: Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến tùy theo Cù-đàm hiện bao nhiêu thần túc, ta đều có thể hiện gấp đôi? Cho nên Sa-môn Cù-đàm đi đến trong rừng của ông, ông nên trở về xem.'" \ y 5

Khi Giá-la nghe mọi người nói xong, liên đi đên rừng Đạo-đâu đó, nói với ông Ba-lê-tử rằng: “Nhiều chúng Lệ-xa5 Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều nhóm họp nơi rừng của ông, mọi người cùng nhau bàn luận như sau: 'ông Phạm chí Ba- lê-tử ở trong đại chung tự nói lời này: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ; cho đến Sa-môn Cù-đàm hiện thần túc bao nhiêu, tùy theo đó ta sẽ hiện gấp đôi." Cù-đàm hiện ở trong rừng của ông, vậy nay ông nên trở về." Bấy giờ, Phạm chí Ba-lê-tử liền trả lời với Giá-la rằng: "Sẽ về, ta sẽ v!” Khi nói xong lời này, ở trên giường dây xoay trở không yên; bấy giờ dường như giường dây dính chặt vào chân ông? khiến ông không thể rời khỏi giường, ĩ ĩ _ 2 _ nuông nữa la đi đen cho The Ton. Khi ấy, Giá-la nói với Ba-lê-tử: "Ông chính là kẻ vô trí, chỉ có lời nói suông là 'sẽ về, sẽ ve!9 Tự mình còn không thể rời khỏi giường dây này thì làm gì có thể đi đến được chỗ của đại chúng?,^ Quở trách ông Ba-lê-tử rồi, Giá-la liền trở về chỗ đại chúng và nói: "Tôi đem những lời của mọi người nói với ông Ba-lê-tử? và ông ta nói với tôi là 'sẽ về, sẽ về' và liền ở trên giường dây chuyển động toàn thân nhưng giường lại dính chân, không thể rời khỏi thì làm gì có thể đi đến với đại chúng dây?" Bấy giờ, ông Lệ-xa-đầu-ma ngồi ở trong đại chúng, liền từ tòa đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, quỳ xuống chắp tay mà bạch đại chúng: "Bại chúng nên đợi một lát, nay tôi sẽ đi đến đó, đem ông Ba-lê-tử về." Phật nói: "Lúc ấy, Ta bảo Lệ-xa-đầu-ma rằng: 'ông ta nói lời như thế, bảo thủ kiến chấp như thế, khởi kiêu mạn như thế mà muốn khiến ông ta đi đến chỗ Phật thì không có sự kiện này.' Này Đầu-ma, dù ông lấy dây buộc nhiều vòng, cho bầy trâu chung kéo, làm cho thân ta tan nát nhưng ông ấy cũng nhất đinh không thể bỏ lời nói như thế, kiến chap như thế, kiêu mạn như thế để đi đến chỗ Ta, nếu không tin lời Ta thì ông nên đến đó và sẽ tự biết."

Bấy giờ, ông Lệ-xa-đầu-ma đi đến chỗ ông Ba-lê-tử và nói với Ba-lê-tử rằng: "Nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều nhóm họp 5 A tại rừng của ông, mọi người đêu bàn luận với nhau như sau: 'Ong Phạm chí Ba-lê-tử ở .trong 7 đại* chúng tự nói thê X 'Sa-môn Cù-đàm e này: e 5 có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ; cho đên Sa-môn Cù-đàm hiện thân túc, tùy theo nhiêu hay ít, ta đều hiện gấp Sa-môn Cù-đàm hiện đang ở trong rừng của ông, vậy ông nên trở về.” Lúc ấy, ông Ba-lê-tử liền đáp: “Sẽ về, sẽ về!” Khi nói xong lời này, ông ở trên giường dây, toàn thân chuyển động, lúc đó Z 9 . r giường dây lại dính vào thân, khiên ông không thê rời khỏi giường dây, huông 1 y J.* x Ặ -L A ITIL A rr^ A _ nữa la đi đen cho The Ton. Bây giờ, Đâu-ma nói với Ba-lê-tử răng: "Ong chính là kẻ vô trí, chỉ có lời nói suông, như nói là 'sẽ về, se về' mà chính mình không thể rời khỏi giường dây này thì làm gì có thể đi đến được cho đại

chúng ợ

Đầu-ma lại nói với Ba-lê: "Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu, về quá khứ lâu xa, có một con sư tử là vua của loài thú sống ở trong rừng sâu, con sư tử này vào sáng sớm, đầu tiên khi ra khỏi hang là ngó quanh bốn hướng, kêu to ba tiếng, sau đó mới đi dạo và lựa thịt mà ăn. Này Ba-lê-tử, sư tử vua của loài thú ấy, khi ăn xong trở về rừng, thường có một dã can theo sau sư tử để ăn đồ thừa, nhờ đó khí lực đầy đủ và tự nói: 'Su tử trong rừng trên là thứ gì mà có thể hơn ta được. Nay ta có thể đi săn mồi riêng tại một khu rừng.' Vào sáng sớm, dã can ra khỏi hang, ngó quanh bốn hướng, kêu to ba tiếng, roi đi dạo và lựa thịt mà ăn. Sau đó? dã can liền tìm đến một khu rừng và ở riêng tại đó, vào sáng sớm, ra khỏi hang, kêu to ba tiêng, roi sau mới đi dạo, dù muôn bát chước tiêng kêu của sư tử nhưng vẫn kêu tiếng dã can. Này Ba-lê-tử, nay ông cũng vậy, nhờ ân đức và oai lực của Phật nên được sông còn ở thê gian, được người đời cúng dường, thế mà nay lại muốn cạnh tranh cùng đức Như Lai." Bấy giờ, ông Đầu-ma dùng bài kệ để trách như sau: Dã can xưng sư tử, Tự cho là vua thú, Muốn rống tiếng sư tử, Lại ra tiếng dã can. ở rừng vắng một mình, Tự cho là vua thú, Muôn rông tiêng sư tử, Lại ra tiếng dã can. Quỳ đất tìm hang chuột, Moi mô kiêm tử thi, Muôn rông tiêng sư tử, Lại ra tiếng dã can.

15. KINHA-NẬƯ-DI 225

Đâu-ma bảo tiêp: "Ông cũng như thế, nhờ ân đức và oai thần của Phật mà được sống còn ở đời, được người cúng dường mà nay lại cạnh tranh cùng đức Như Lai." Bấy giờ, ông Đầu-ma dùng bốn thứ thí dụ quở trách Ba-lê-tử rồi lại trở về chỗ đại chúng và nói: "Tôi đem lời nói của mọi người gọi ông Ba-lê-tử, và ông ta nói với tôi rằng: ‘se về, se về!’" Ông ta liền ở trên giường dây chuyển động toàn thân nhưng giường dây dính vào chân, không thể rời khỏi được. Ông ta không thể tự rời khỏi giường dây thì làm gì có thể đến được với đại chúng đây? Bấy giờ, Thế Tôn bảo ông Đầu-ma rằng: "Ta trước nói với ông, muốn khiến cho ông Ba-lê-tử đi đến chỗ Phật thì không có sự kiện này. Dù cho ông có lay dây da buộc nhiều vòng, cho bầy trâu cùng nhau kéo, cho đến thân thể tan nát, Ba-lê-tử cũng không chịu bỏ lời nói như thế, kiến chấp và kiêu mạn như thế để đi đến chỗ Ta." Này Phạm chí! Bấy giờ Ta liền cùng với đại chúng trên, nói các thứ pháp, chỉ dạy những điều lợi ích an vui. ở trong chúng ấy, Ta rống lên tiếng sư tử, roi thân bay lên hư không, lại trở về chỗ cũ. Phật bảo Phạm chí: Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-mon nói rằng: "Tất cả thế gian do Phạm Tự Tại thiên tạo ra”, Ta hỏi họ rằng: "Tất cả thế gian thật do Phạm Tự Tại thiên tạo ra chng?" Họ không thể đáp và họ hỏi lại Ta: “Thua Cíbdàm, việc này thế nào?” Ta đáp với họ rằng: “Hoặc có thế gian, đầu tiên khi hư hoại, có chúng sanh khác thọ mạng và hành nghiệp hết từ cõi Quang Âm thiên qua đời, thác sanh về xứ Không phạm. ở tại đấy họ bèn khởi ái, sanh tâm đắm nhiễm, lại muốn khiến những chúng sanh khác đến sống nơi đây. Thế rồi những chúng sanh khác thọ mạng và hành nghiệp hết, lại sanh về cõi Không Phạm. Bấy giờ, chúng sanh trên tự nghĩ như vậy: 'Nay ta là Đại Phạm vương tự nhiên mà có, không ai tạo ra ta, ta có thể thâu suốt được mục đích của các nghĩa, ở nơi ngàn thế giới rất được tự tại, có thể tạo ra, có thể hóa ra, vi diệu thứ nhất, là cha mẹ của con người. Ta trước kia đến đây một

mình không có bạn, vì do sức ta nên có chúng sanh này, ta tạo ra chúng sanh này. Những chúng sanh khác cũng lại thuận theo ta, gọi ta là Phạm Vương và tự nhiên có, thấu suốt các nghĩa, ở nơi ngàn thế giới rất được tự tại, có thể tạo ra, có thể hóa ra, vi diệu thứ nhất, là cha mẹ của con người, trước chỉ có một vị, sau đó mới có chúng ta, vi Đại Phạm vương này biến hóa và tạo ra chúng ta.'

Thê roi những chúng sanh ây, tùy theo thọ mạng mà qua đời và thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, bèn nhập đinh Ý tam-muội. Do tâm nhập định nên biết được nơi sanh quán đời trước, và họ nói: 'Vị Đại Phạm thiên này bỗng nhiên c6, không có tác giả (không ai tạo ra), hiểu biết các nghĩa, ở nơi ngàn thế giới vô cùng tự tại, ngài CÓ thê hóa ra, có thê tạo ra, vi diệu bậc nhát, là cha mẹ của con người. Vị Đại Phạm Thiên vương ấy, thường trụ bất biến, là pháp cố định; hơn nữa, chúng ta được Phạm thiên hóa ra là vô thường nên không được tồn tại lâu dài.'" Này Phạm chí, như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn vì nhân duyên ấy nên đều nói: "Phạm Tự Tại thiên tạo ra thế giới ny." Này Phạm chí, sự tạo ra thế giới này không phải là chỗ Sa-môn biết được, chỉ có Phật mới biết. Và hơn cả sự kiện này, Phật cũng biết hết. Tuy biết nhưng mà không chấp trước; ngay cả khổ, nguyên nhân sanh khổ, sự diệt trừ khổ, sự lôi cuôn, sự tai hại và sự thoát ly chúng, cũng đêu biêt đúng như thật, do một khi đã quán bình đang thì không còn một sự giải thoát nào khác nên gọi là Như Lai. Phật bảo Phạm chí: Như có Bà-la-môn nào nói như sau: "Cười giỡn, biếng nhác là khởi điểm của chúng sanh." Ta lại nói với họ: "Vi sao các ông cho rằng cười giỡn, biếng nhác thật là khởi điểm của chúng sanh?" Họ không đáp được và hỏi lại Ta: "Thua Cù-đàm, điều nay thế nào?" Ta đáp: "Hoặc có chúng sanh ở cõi Quang Âm thiên, cười giỡn biếng nhác, sau khi thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, nhập đinh Ý tam-muội. Nhờ năng lực tam-muội nên biết được nơi sanh quán đời trước, và nói thế này: 'Những chúng sanh khác do không cười giỡn và không vui đùa nên thường ở cõi Quang Âm thiên, thường trụ bất biến. Trái lại, chúng ta vì thường thường cười giỡn và vui đùa nên bị sự vô thường này, là pháp biến djch" Này Phạm chí, như vậy Sa-môn, Bà-la-môn vì nhân duyên ấy nên nói cười giỡn và vui đùa là khởi điểm của chúng sanh. Như thế, Phật đều biết hết, và hơn cả sự kiện này Phật cũng biết hết; dù biết nhirng không chấp trước, ngay cả khổ, nguyên nhân sanh khởi khổ, sự diệt trừ khổ, sự lôi cuốn, sự tai hại, và sự thoát ly chúng đều biết đúng như thật, cho nên gọi là Như Lai. Phật bảo Phạm chí: Hoặc có Sa-môn9 Bà-la-môn nói thát ý là khởi diêm của chúng sanh, Ta nói với họ: "C6 phải các ông nói thất ý là khởi điểm của chúnệ sanh kh6ng?" Họ không đáp được và hỏi lại Ta: "Thua Cù-đàm điều này the nào?" Ta đáp: "Hoặc có chúng sanh lần lượt trông nhau, và tự mình thất ý, do đó mạng chung nên thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, vào định Ý tam-muội, nhờ sức tam-muội nên biết được nơi sanh quán đời trước, và nói thế này: 'Như những chúng sanh ấy, do vì không lân lượt trông nhau nên không thát ý, do đó được thường trụ bát biên; trái lại,

chúng ta khi ở Quang Âm thiên vì thường thường trông nhau nên tự mình thất ý và bị sự vô thường này là pháp biến djch.”' Phạm chí, như vậy Sa-môn, Bà-la-môn trên vì nhân duyên này nên nói thất ý là khởi điểm của chúng sanh; như đây, chỉ có Phật mới biết, và hơn cả việc này Phật cũng biết hết; dù đã biết hết nhưng không chấp trước, ngay cả khổ? nguyên nhân sanh khô, sự diệt trừ khô, sự lôi cuôn5 sự tai hại và sự thoát ly chúng cũng đều biết đúng như thật; một khi đã quán bình đẳng thì không còn sự giải thoát nào khác, cho nên gọi là Như Lai. Phật bảo Phạm chí: Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói: "Ta từ vô nhân sanh”Ta nói với họ: "Thật có phải các ông nói từ vô nhân sanh kh6ng?” Họ liền không đáp được, hỏi ngược lại Ta. Khi ấy Ta bảo: "Hoặc có chúng sanh không tưởng, không có tri giác, hoặc có chúng sanh vừa khởi tưởng là mạng chung, từ đó thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, nhập đinh Ý tam-muội, nhờ sức tam-muội nên biết được nơi sanh quán đời trước, và nói như vầy: 'Ta trước đây không có, nay bỗng nhiên có5 thế gian này trước thì không, nay thì có, chỉ đây là thật, ngoài ra là giả dối.,,, Này Phạm chí, như vậy, Sa-môn9 Bà-la-môn vì nhân duyên ấy nên nói từ vô nhân sanh, chỉ có Phật mới biết được điều này, và hơn cả sự kiện này Phật cũng biết hết; dù biết nhưng không chấp trước, ngay cả khổ, nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự lôi cuốn, sự tai hại và sự thoát ly chúng, cũng đều biết đúng như thật; một khi đã quán bình đang thì không còn sự giải thoát nào khác nên gọi là Như Lai. Phật bảo Phạm chí như thế này: -Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi thanh văng chê bai Ta răng: "Sa-m6n Cù-đàm tự nói đệ tử của Sa-môn Cù-đàm khi vào được tịnh giải thoát, thành tựu tinh hạnh, vị đệ tử ấy tự biết mình thanh tinh nhưng không biết mọi vật đều thanh tjnh.” Nhưng thực ra, Ta không nói là khi đệ tử Ta vào được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ây tự biêt mình thanh tịnh nhưng không biêt mọi vật đều thanh tịnh. Trái lại, này Phạm chí, Ta nói như sau: “Khi đệ tử Ta vào e r 9r r được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vi ây tự biêt mình thanh tịnh và biêt tất cả đều thanh tjnh." Khi ấy, Phạm chí bạch Phật rằng: —Những hạng người trên sẽ không được lợi lạc, vì họ chê bai Sa-môn Cù- đàm, như nói: "Sa-môn Cù-đàm tự nói đệ tử của Sa-môn vào được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ây tự biêt mình thanh tinh nhưng không biêt tát cả đều thanh tinh.,, Nhưng thật ra, Thế Tôn không nói như thế. Trái lại, Thế Tôn nói: "Đệ tử Ta khi vào được tịiyi giải thoát, thành tựu tinh hạnh, vị ấy tự biết mình thanh tinh và biết tất cả đều thanh tjnh."

Lại bạch Phật: Con nay cũng sẽ vào tịnh giải thoát này và thành tựu tinh hạnh, đồng thời tất cả đều thanh tịnh. Phật bảo Phạm chí: Ong muốn vào được tịnh giải thoát đó thì thật là khó. Vì sao? Vì ông đã có kiến giải khác, sự kham nhẫn khác, sự thực hành khác mà muốn dựa vào những kiến giải sai khác ấy để vào được tịnh giải thoát thì khó có thể được. Nhưng chỉ cần khiến cho tâm ưa thích Phật của ông không dứt hẳn, sẽ mãi mãi được an vui. Bấy giờ5 Phạm chí Phòng-già-bà nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

16. KINH THIÊN SANH Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo, đều ngự trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ. Khi ấy đã đến : _ r r JF giờ thọ trai, đức Thê Tôn đăp y, mang bát vào thành khát thực. Lúc đó? trong thành La-duyệt-kỳ? có con ông trưởng giả tên là Thiện Sanh, r vào sáng sớm, ra khỏi thành, vào vườn dạo xem và ở trong vườn cây, vừa tăm rửa xong, cả mình đều còn ướt, đồng thời hướng về lễ khắp các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Bấy giờ, đức Thế Tôn thấy con ông trưởng giả là Thiện Sanh, vừa tắm rửa xong, cả mình đều còn ướt, liền ra khỏi thành vào vườn dạo xem; đồng thời hướng về lễ khắp các phương. Đức Thế Tôn thấy vậy, Ngài liền đến chỗ ấy nói với Thiện Sanh rằng: -Ngươi vì lý do gì, vào sáng sớm ra khỏi thành, ở trong vườn cây, vừa tắm r \ /Ỵ rửa xong, cả mình còn ướt mà lại chăp tay hướng vê lê các phương? Khi đó, Thiện Sanh bạch Phật: Cha con lúc lâm chung có dặn con răng: "Nêu con muôn lê bái thì trước hét phải lê bái phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Băc, phương trên và phương dưới.^, Con vâng theo lời dạy nên không dám chống trái. Do đó, sau khi tắm rửa xong, con chắp tay hướng về đảnh lễ khắp các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Thiện Sanh rằng: -Này Thiện Sanh! Có tên của những phương này chứ không phải là không c6, nhưng trong pháp Hiền thánh của Ta, không phải là lễ sáu phương này mà gọi là cung kính đâu. Thiện Sanh bạch Phật: Cúi xin đức Thế Tôn hãy vì con mà nói về cách thức lễ bái sáu phương trong pháp Hiền thánh! Khi ấy, Phật bảo Thiện Sanh rằng: - Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và suy nghĩ về vấn đề này, Ta sẽ nói cho! Vâng, bạch Thế Tôn, con muốn nghe!

Phật bảo Thiện Sanh: Hoặc là trưởng giả, hoặc con trưởng giả, nêu biêt bôn két nghiệp, không ở trong bốn xứ mà làm các ác hạnh, vả lại nếu có thể biết sáu nghiệp làm hao tổn tài vật, gọi là khéo sống (Thiện Sanh). Hoặc là trưởng giả, hoặc là con trưởng giả từ bỏ bốn ác hạnh, kính lễ sáu phương, chẳng những đời này được phước lành mà đời sau cũng hưởng quả báo lành; chẳng những đời này có nền tảng vững chãi mà đời sau cũng có nền tảng vững chãi; ở trong hiện tại, được bậc trí khen ngợi, hưởng được ba mươi môt quả lành, khi thân hoại mạng hét, sanh vê cõi trời lành. Thiện Sanh nên biết, bốn kết nghiệp là: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ. Đây là bốn hành r r * . k . động két ác nghiệp. Bôn xứ là gì? Dục, nhuê, bô, si. Hoặc là trưởng giả hay con trưởng giả, đôi với bôn xứ này mà làm ác thì sẽ bị hao tôn. Khi Phật nói như thế xong, Ngài đọc bài kệ sau đây: Dục, sân, bố và si, Người có bốn pháp này, Danh dự ngày tổn giảm, Như trăng về cuối tháng. Phật bảo Thiện Sanh: Hoặc trưởng giả hay con trưởng giả, đối với bốn xứ trên mà không làm ác thì lợi ích gia tăng. Bấy giờ, đức Thế Tôn đọc bài kệ như sau: Với dục, nhuê, b6, si5 Người không làm điêu ác, Danh dự ngày thêm lớn, Như trăng hướng về rằm. Phật bảo Thiện Sanh: Sáu nghiệp tổn tài là: Đam mê rượu chè, cờ bạc, phóng đãng, say mê kỹ nhạc, két bạn với người ác, biêng lười. Đây là sáu nghiệp tôn tài. Này Thiện Sanh, hoặc trưởng giả hay con trưởng giả, nếu biết bốn kiết hạnh, đồng thời đối với bốn xứ không làm điều ác và biết sáu nghiệp tổn tài thì gọi là "khéo sông.^, Hơn nữa, nêu lìa bôn xứ, cúng dường sáu phương thì đời này và đời sau đều được quả báo lành; đồng thời, đời này và đời sau đều có nền tảng vững chắc,

nhất là trong hiện tại, được người trí khen ngợi và được ba mươi môt quả lành, sau khi thác được sanh vê cối trời. Thiện Sanh nên biết, uống rượu có sáu lỗi: Mất của, sanh bệnh, gây gổ, tiếng xấu đồn xa, dễ sanh nóng giận, trí tuệ mỗi ngày một giảm dần. Thiện Sanh nên biết, nếu trưởng giả, hoặc con trưởng giả, người nào mải mê uống rượu, sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một tiêu tan. Này Thiện Sanh, cờ bạc có sáu lỗi: Tài sản hao mòn, thắng thì bị người oán, người trí chê cười, mọi người không kính trọng, bị người xa dần, sanh tâm trộm cướp. Thiện Sanh, đó là sáu lôi của cờ bạc. Nêu trưởng giả, hoặc con trưởng giả, người nào mải mê cờ bạc, sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một sa sút.

16. KINH THIỆN SANH 231

Này Thiện Sanh, phóng đãng có sáu lỗi: Không tự giữ lấy thân; không giữ gìn được của cải; không bảo trợ được con cháu; thường sợ hãi; những điều ác, khổ sẽ ràng buộc xác thân; thường sanh dối trá. Thiện Sanh, đây là sáu điều lỗi của sự phóng đãng. Nêu trưởng giả, hoặc con trưởng giả, người nào mải mê phóng đãng, sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một hao mòn. Này Thiện Sanh, say mê kỹ nhạc có sáu lỗi: Ưa ca hát, thh khiêu vũ, mê đàn địch, chuộng tiêu sáo, ước đánh trống, mê thổi kèn. Thiện Sanh, đây là sáu lỗi của sự say mê kỹ nhạc. Nêu trưởng giả, hay con trưởng giả, người nào mải mê kỹ nhạc thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một sa sút. Này Thiện Sanh, kết bạn với người ác có sáu lỗi: Dễ sanh khinh lờn, ưa chỗ thầm kín, dụ người nhà khác, mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người, mưu đồ tài lợi về mình, ưa phanh phui lỗi người. Đó là sáu lỗi về sự kết bạn với người ác. Nếu trưởng giả, hay con trưởng giả mãi làm bạn với kẻ c, sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một hao mòn. Thiện Sanh, lười biếng có sáu lỗi: Khi giàu sang không chịu làm việc, khi nghèo cũng không chịu làm việc, khi lạnh không chiu làm việc, khi nóng không chịu làm việc, sáng sớm không chiu làm việc, chiều tối không chịu làm việc. ĐÓ là sáu lôi của sự lười biêng. Nêu trưởng giả, hay con trưởng giả cứ mãi lười biếng, sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một sa sút. Sau khi trình bày xong, đức Phật nói kệ: Người mê say rượu chè, Thì có bạn rượu theo, Có bao nhiêu tài sản, Đều theo mình hết sạch. Uống rượu không điều độ, Thường thích ca nhảy múa, Ngày thì dạo nhà người, Nhân đây sự sa đọa. Mãi chạy theo bạn ác, Chê bai người xuất gia, Tà kiến bị đời khinh, uế hạnh bị người xa, Ưa bạc, mê ngoại sắc, Chỉ luận việc hơn thua, Gần ác, không tình nghĩa, uế hạnh bị người xa. Bi rượu làm mê dại, Nghèo cùng không tự liệu, Tiêu xài không tiếc của, Phá nhà, vướng tai ương, Xúm đánh bạc, uống rượu, Cùng nhau tìm gái dâm, Tập theo nết bỉ ổi, Như trăng về cuối tháng. Tạo ác phải chịu ác, Cộng tác với bạn ác, Đời nay và đời sau, Trước sau không được gì. Ngày thời ưa ngủ nghỉ, Đêm thức những chờ mong. Mê tối, không bạn lành, Chẳng lo được việc nhà, Sáng chiều không làm việc, Lười biếng vì lạnh, nóng, Làm việc không suy xét, Nên chỉ uổng công thôi. Nếu không quản nóng, lạnh, Sáng chiều siêng làm việc, Sự nghiệp gì cũng thành, Trọn đời khỏi buồn lo.

232 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật bảo Thiện Sanh: Lại có bốn hạng oan gia dường như thân cận, ông nhớ biết rõ. Sao gọi là bốn? Hạng úy phục, hạng mỹ ngôn, hạng kính thuận, hạng ác hữu. Phật bảo

Thiện Sanh: về hạng úy phục có bốn. Sao gọi là bốn? Trước cho, sau đoạt lại; cho ít mong trả nhiều; vì sợ nên gượng làm thân; vì lợi nên làm thân. Đây là bốn việc của hạng úy phục. Phật bảo Thiện Sanh: Hạng mỹ ngôn có bôn việc. Những gì là bôn? Lành dữ đêu chiêu theo, gặp nạn thì lánh xa, có điều lành thời âm thâm ngăn đón, khi thấy lâm nguy thì liền bài xích và đả đảo. Đây là bốn việc của hạng mỹ ngôn. Hạng kính thuận có bốn việc. Sao gọi là bốn? Trước dối trá, sau dối trá, hiện tại dối trá, thấy có chút lỗi đã vội lánh xa. Đây là bốn việc của hạng người kính thuận. Hạng ác hữu có bốn việc. Sao gọi là bốn? Khi uống rượu là bạn, lúc đánh bạc là bạn, lúc dâm dật là bạn, lúc ca vũ là bạn. Đây là bốn việc của hạng ác hữu. Thế Tôn nói như thế xong, Ngài đọc bài kệ sau đây: Úy phục gượng làm thân, Hạng mỹ ngôn cũng vậy, Kính thuận thì dối trá, Bạn ác là gần ác. Chớ nhờ hạng thân đó, Người trí thường biết rõ, Nên mau xa lánh họ, Như tránh con đường hiểm. Phật bảo Thiện Sanh: -Có bốn hạng người đáng thân cận, vì sẽ được cứu hộ và được nhiều lợi ích. Sao gọi là bốn? Hạng ngăn mình làm quấy, hạng có lòng thương xót, hạng lợi người, hạng đồng sự. Đây là bốn hạng người đáng thân cận, vì sẽ được cứu hộ và được nhiều lợi ích; vậy phải nên thân cận. Thiện Sanh! Hạng ngăn quây có bôn việc, vì sẽ cứu hộ người và được nhiêu lợi ích. Sao gọi là bon? Thay người làm ác thì hay ngăn cản, chỉ bày cho người những điều ngay thẳng, có lòng thương xót, chỉ bày cho người con đường lớn. Đây là bốn việc của hạng người ngăn quay, vì sẽ cửu hộ người và được nhiều lợi ích. Lại nữa, hạng từ mẫn có bon việc: Mừng thay khi thay người được lợi, buồn thay khi thấy người gặp nạn, hay khen ngợi đức của người khác, thấy người nói ác thì liền can ngăn. Đây là bốn việc của hạng người từ mẫn, vì sẽ cứu hộ người và được nhiều lợi ích. Hạng lợi người có bôn việc. Sao gọi là bôn? Hộ vệ người không cho phóng dật, hộ vệ sự phóng dật của người để khỏi hao tài, hộ vệ người khiến không sợ hãi, cân nhắc người lúc ở chỗ vang. Đây là bon việc của hạng lợi người, vì sẽ được cứu hộ và được nhiều lợi ích.

16. KINH THIỆN SANH 233

x r r - Ị. Hạng đông sự có bôn việc. Sao gọi là bôn? Vì người không tiêc thân mạng, vì người không tiếc của báu, giúp người khỏi sự sợ hãi, khuyên bảo người khi ở chỗ vắng. Đây là bốn việc của hạng đồng sự, vì được cửu hộ và được nhiều lợi ích. Khi đức Thế Tôn nói như vậy xong, Ngài đọc bài kệ sau đây: ,. M Thân với hạng ngăn quây, Thân với hạng từ mẫn, Thân với hạng lợi người, Thân với hạng đồng sự. Bon hạng đó đáng thân, Người trí đã thân cận, Thân hơn người thân khác, Như từ mẫu thân con. Muốn thân hạng đáng thân, Hãy thân bạn kiên cố, A _ Ạ • • g. z Ị • 1 _ __ 1 Than roi đu giới hạnh, Như lửa sáng soi người. Phật bảo Thiện Sanh: Phải biết rõ về sáu phương. Những gì là sáu? Cha mẹ là phương Đông; Sư trưởng là phương Nam; thê thiếp là phương Tây; bà con là phương Bắc; tôi tớ là phương dưới; Sa-môn5 Bà-la-môn và những người đức hạnh là phương trên. Này Thiện Sanh, phàm làm con phải lấy năm điều sau đây để kính thuận với cha mẹ. Những gì là năm? Cung phụng hiếu dưỡng cha mẹ không để thiếu thốn; phàm làm điều gì trước phải thưa cho cha mẹ biết; cha mẹ làm điều gì mình phải kính thuận, không được chống báng; không trái với việc làm của cha mẹ; không ngăn cản việc lành của cha mẹ. Này Thiện Sanh, phàm làm con phải lấy năm việc trên để kính thuận cha mẹ. Ngược lại, cha mẹ cũng lấy năm điều sau đây

chăm sóc con cái. Những gì là năm? Ngăn con, không cho nghe và làm điều ác; chỉ dạy con điều lành; thương yêu thắm thiết; tận xương, tận tủy; tùy thời mà cung cấp cho con những đồ cần dùng. Này Thiện Sanh, nếu con đối với cha mẹ, kính thuận cung phụng, phương Đông sẽ được an ổn, không còn lo sợ. Này Thiện Sanh, đệ tử kính thuận Sư trưởng lại có năm điều sau đây. Những gì là năm? Hâu hạ, cung cap điêu cân thiêt; cung kính cúng dường; tôn trọng, quý mến; thầy dạy bảo điều gì phải kính thuận, không chống trái; theo thầy nghe pháp, nhớ kỹ không quên. Này Thiện Sanh, phàm làm đệ tử phải lấy năm điều trên mà kính thờ Sư L y 9

trưởng. Trái lại, Sư trưởng K cũngA phải lây năm ĩ điêu * sau đây đê săn sóc đệ tử, những gì là năm? Dạy dô có phương pháp; dạy những điêu chưa biêt; giới thiệu bạn lành cho đệ tử; làm cho sáng tỏ điêu hiêu biêt của đệ tử; đem hét sự hiêu biết của mình truyền dạy, không lẫn tiếc. Này Thiện Sanh, nếu đệ tử kính thuận, cung phụng Sư trưởng thì phương Nam được an ổn, không còn lo sợ.

Này Thiện Sanh, chông đôi với vợ cũng có năm điêu. Những gì là năm? Lây lễ đối đãi với nhau, oai nghiêm đĩnh đạc, ăn mặc tùy thời, trang sức hợp thời, giao phó việc nhà. Nàỵ Thiện Sanh, chồng lấy năm điều trên để đối đãi với vợ, ngược lại vợ cũng lây năm điều sau đây cung kính với chông. Những gì là năm? Dậy trước; ngủ sau; nói lời hòa nhã; kính nhường, tùy thuận; sớm nhận lãnh ý chồng. Này Thiện Sanh, đây là nam điều, nếu vợ đối đãi, kính thuận với chồng như thế thì phương Tây được an ổn, không còn lo sợ. Này Thiện Sanh, làm người phải lấy năm điều thân kính đối với bà con. Những gì là năm? Giúp đỡ tiền bạc, nói lời điều hòa, làm việc lợi ích, chung làm chung hưởng, không hề khi dối. Này Thiện Sanh, đây là năm điêu thân kính với bà con. Trái lại, bà con cũng phải lấy năm điều thân kính với người. Những gì là năm? Hộ vệ khiến họ không phóng dật, hộ vệ về sự phóng dật để khỏi mất cha, hộ vệ khỏi sự sợ hãi, khuyên răn nhau lúc ở chỗ không người, thường ngợi khen nhau. Này Thiện Sanh, người biêt thân kính bà con như thê thì phương Bác được an ổn, không còn lo sợ. Này Thiện Sanh, chủ đối với tớ cũng có năm điều dạy bảo. Những gì là năm? Tùy khả năng mà sai khiến, tùy thời mà cho ăn uống, tùy thời mà thưởng công lao, khi bệnh thì lo thuốc thang điều trị để cho tôi tớ có thì giờ nghỉ ngơi. Này Thiện Sanh, đây là năm điều dạy bảo tôi tớ. Ngược lại, tôi tớ cũng phải lấy năm điều sau đây để phụng sự chủ mình. Những gì là năm? Dậy sớm, làm việc cẩn thận, của không cho thì không lấy, làm việc có thứ tự, khen ngợi danh đức của chủ. Này Thiện Sanh, nếu chủ đối với tôi tớ được như thế thì phương dưới được an ổn, không có điều chi lo sợ. Này Thiện Sanh, đàn-việt phải lây năm điêu sau đây đê cung phụng Sa- môn, Bà-la-môn. Những gì là năm? Thân làm từ thiện, miệng nói từ thiện, ý nghĩ từ thiện, đúng thời cúng thí, đến nhà không ngăn đón. Này Thiện Sanh, nêu đàn-việt dùng năm điêu trên cung phụng Sa-môn9 Bà-la-môn, trái lại hàng Sa-môn, Bà-la-môn cũng phải lay sáu điều sau đây mà dạy bảo họ. Những gì là sáu? Phòng hộ không cho làm ác; chỉ dạy điều lành; dạy giữ tâm lành; làm cho họ nghe điều chưa nghe; điều đã nghe, làm cho họ hiểu rõ; mở bày con đường sanh thiên. Này Thiện Sanh, nếu đàn-việt cung phụng Sa-môn như thế thì phương trên được

an ổn, không có điều chi lo sợ. Khi đức Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài nói bài kệ rằng: Cha mẹ là phương Đông, Sư trưởng là phương Nam, Thê thiếp là phương Tây, Bà con là phương Bắc,

16. KINH THIỆN SANH 235

Tôi tớ là phương dưới, Sa-môn là phương trên. Các trưởng giả hay con, Kính thuận không bỏ thời, Chết đều được sanh thiên. Miệng thì nói hòa nhã, Nhiều lợi ích cho người, Lợi lộc chia đồng đều, Có của cho người hưởng, Bôn việc ây gánh nhiêu. Ví như xe chở nặng, Đời không bốn việc trên, Thời không có hiếu dưỡng, Pháp này ở thế gian, Được người trí lựa chọn. Làm thì được đại quả, Danh tiêng được đôn xa. Trang sức nơi tòa ngồi, _'A '

Tran thiet đo ăn uông, Cung cấp nơi thích đáng, Danh tiếng được đồn xa. Không bỏ người thân cũ, Chỉ dạy việc lợi ích, Trên dưới thường hòa hợp, Ắt được danh dự tốt. Trước phải học kỹ nghệ, Sau mới thu tài lợi, Khi đã đủ sản nghiệp, Thì phải nhớ giữ gìn, Tiêu dùng đừng xa xỉ. Trước phải chọn người thân, Hạng khi dối, xung đột, Thà xa, chớ kết thân. Chứa của từ khi ít, Như ong góp mật hoa, Của báu ngày chứa dồn, Trọn đời không hao ton. Một, ăn biết vừa đủ, Hai, làm việc siêng năng, Ba, phải dự trữ trước, Đe phòng khi thiếu thốn, Bon, cày ruộng buôn bán, Lựa đất để chăn nuôi, Năm, phải dựng tháp miếu, Sáu, xây cất Tăng xá. Tại gia sáu việc ấy, Siêng lo chớ lỡ thời. Ai làm được như thế, Thời nhà không sa sút, Của báu ngày một thêm, Như biển chứa các dòng. Bấy giờ, Thiện Sanh thưa: Bạch Thế Tôn, hay thay, thật là quá chỗ mong ước của con. Vì Ngài dẫn dụ ý nghĩa về lời dạy của cha con, khiến con như người áp mặt xuống được ngước lên, những gì đang đậy kín được mở ra, như người đang mê được tỉnh ngộ, như trong nhà tôi tháp đèn lên đê người có măt thây được các vật chung quanh. Đức Như Lai thuyêt pháp cũng như thê, Ngài đã dùng vô sô phương tiện khai ngộ cho kẻ phàm phu ngu muội được thấy pháp sáng suốt thanh tịnh. Vì sao? Vì Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, có thể làm một vị hướng Đạo sư khai thị cho đời. Vậy nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi mong đức Thế Tôn hãy nhận con làm kẻ ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp của Ngài! Kể từ ngày hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Khi Thiện Sanh nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

17. KINH THANH TỊNH Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vi đại Tỳ- kheo đang ngự tại khu rừng của một vị ưu-bà-tắc tên là Miễn Chi, thuộc nước Ca-duy-la-vệ. Bây giờ, có một vị Sa-di tên là Châu-na ở tại nước Baba, sau ba tháng hạ an cư đã mãn, vâng giữ y bát lên đường lần hồi tìm đến nước Ca-duy-la-vệ, tới tại khu rừng của ưu-bà-tắc Miễn Chi, nơi Tôn giả A-nan ở, cung kính đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui đứng qua một bên và bạch với Tôn giả A-nan rằng: -Tại thành Ba-ba có một vị Ni-kiên-tử vừa mới từ trân, thời gian chưa được bao lâu, trong hàng đệ tử của vị* r đó lại phân chia ra thành hai phái; họ tranh 7

tụng, mạ lỵ nhau, không kê gì đên tôn ti thượng hạ. Họ luôn luôn tìm những khuyết điểm của nhau, và đồng thời tranh tụng với nhau về những tri kiến bất đồng. Họ bảo:

“Chi có ta biết được điều này, còn ngươi không biết; điều ta nói là đúng, điều ngươi nói là sai; điều ta làm là chơn chánh, điều ngươi làm không chơn chánh; điều đáng làm trước ngươi lại làm sau, điều đáng làm sau ngươi lại làm trước, sai lầm rối loạn, đảo lộn tất cả, không có phép tắc; điều ta làm thì tốt đẹp, điều ngươi nói là sai lầm. Vậy các ngươi có điều chi nghi ngờ thì nên hỏi ta." Bạch Tôn giả, bấy giờ nhân dân trong nước Ba-ba, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiền-tử đó, sau khi nghe thay những sự việc tranh tụng xảy ra như thế, khiến họ sanh tâm nhàm chán, lo buồn. Khi nghe nói vậy, Tôn giả A-nan bèn nói với Sa-di Châu-na rằng: Chúng ta có một vấn đề cần thưa với Thế Tôn, vậy nay ngươi hãy đến yết kiến đức Thế Tôn, nếu Thế Tôn có dạy bảo điều chi thì chúng ta nên y theo đó hành trì. Lúc bấy giờ, Sa-di Châu-na khi nghe Tôn giả A-nan nói rồi, liền cùng nhau đến yết kiến đức Thế Tôn. Sau khi đến nơi, hai vị cùng đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn rằng: -Sa-di Châu-na này là người ở nước Ba-ba. Sau ba tháng hạ an cư đã mãn, vâng giữ y bát lên đường làn hồi tìm đến đây, đảnh lễ con và thưa rằng: "Bạch Tôn gi,ở nước Ba-ba có một vị Ni-kiền-tử vừa từ trần, thế mà những hàng đệ tử của vị đó phân chia thành hai phái, họ tranh tụng mạ lỵ nhau không kể tôn ti

thượng hạ. Họ luôn luôn tìm những khuyêt diêm của nhau, đông thời tranh tụng với nhau vê những tri kiên bát đông. Họ nói: 'Chỉ có ta biêt được điêu này, còn ngươi không biết; điều ta làm thì đúng, điều ngươi làm thì sai; điều đáng làm trước, ngươi lại làm sau; điều đáng làm sau, ngươi lại làm trước. Sai lầm rối loạn, không có phép tăc. Các ngươi có điêu gì nghi ngờ thì nên hỏi ta/ Lúc bây giờ, nhân dân trong nước Ba-ba, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiền-tử, sau khi nghe thây những sự việc xảy ra như vậy, khiên họ sanh tâm nhàm chán lo bu3n." Bấy giờ, Thế Tôn bảo với Sa-di Châu-na rằng: Đúng vậy, Châu-na! Những điều phi pháp đó không đáng nghe. Đó không phải là điều của bậc Chánh Đẳng Giác nói. Những điều phi pháp đó chẳng khác nào như một tòa tháp hư nát cũ kỹ, thật khó tô vẽ. Những người đó, tuy có thầy nhưng đều mang tà kiến; tuy có pháp nhưng pháp đó không chơn chánh, không đáng lãnh thọ, không có gì vượt trội. Đó không phải là điều bậc Chánh Giác nói. Những điều phi pháp đó chẳng khác nào như một tòa tháp hư nát cũ kỹ, thật khó mà tô vẽ lại được. Trong hàng đệ tử của vi ấy cũng có người không thuận theo pháp ấy nên xả bỏ dị kiến mà hành chánh kiến. Này Châu-na9 nêu có người đên bảo với những người đệ tử đó răng: “Này các Hiền giả, pháp của thầy các Hiền giả là đúng nên theo đó mà thực hành, sao lại bỏ di?" Người đệ tử kia tin theo lời nói đó thì cả hai bên đều sai, chuốc vô lượng tội. Vì sao? Những người ấy tuy có pháp nhưng không chơn chánh. Này Châu-na, nếu ông thầy không tà kiến thì pháp của ông chơn chánh, tốt đẹp, có thể lãnh thọ được, có thể xuất yếu được. Vì đó là những điều do bậc Chánh Đẳng Giác nói ra. Ví như tòa tháp còn mới thì việc tô vẽ rất dễ dàng. Thế mà, các đệ tử ở trong pháp ấy không thể siêng năng tu tập, không thể thành tựu con đường bình đẳng mà đi vào tà kiến. Nếu có người đến bảo với những vi đệ tử đó rằng: "Này các Hiền giả, pháp của thầy các Hiền giả là chơn chánh nên theo đó mà thực hành, sao lại xả bỏ mà vào tà kiến?^, Nếu trong hàng đệ tử kia người nào tin theo lời nói đó thì cả hai đều thấy được sự chơn chánh, thu

được vô lượng phước. Vì sao? Vì pháp đó chơn chánh. Phật bảo Châu-na: y Những người kia tuy có thây nhưng vân mang tà kiên; tuy 9 7 ỉ pháp nhưng r có đêu không chơn chánh, không đáng đê lãnh thọ, không thê xuât yêu, không phải là điều bậc Chánh Đẳng Giác nói ra. Ví như tòa tháp hư nát cũ kỹ thật khó tô vẽ. Cũng vậy, pháp nào của các đệ tử ấy cũng đều thành tựu, thuận theo cùng thực hành mà khởi lên tà kiến. Này Châu-na, nếu có người đen bảo với họ rang: "Pháp của thầy các Hiền giả là chơn chánh, điều các Hiền giả làm là đúng. Nay sự tu tập các Hiền giả siêng năng lao nhọc như vậy, đáng được thành tựu đạo quả ở trong pháp nSy." Những người đệ tử kia tin theo lời nói đó thì cả hai bên đều sai lầm, chuốc vô lượng tội. Vì sao? Vì pháp đó không chơn chánh.

17. KINH THANH TỊNH 239

Này Châu-na, nêu vị thây không có tà kiên thì pháp của ông là chơn chánh, tốt đẹp, có thể lãnh thọ và có thể được xuất yếu. Đó là điều mà bậc Chánh Đăng Giác nói ra. Ví như tòa tháp mới được xây cát thì tô vẽ, sơn phét một cách dễ dàng. Lại nữa, nếu những người đệ tử này, mỗi pháp mỗi pháp đều thành tựu, tùy thuận tu hành thì phát sanh chánh kiến. Như vậy, nếu có ai đến bảo với những đệ tử đó rằng: 'Tháp của thầy các Hiền giả là chơn chánh, sự thực hành của các Hiền giả là đúng. Nay sự tu hành của các Hiền giả siêng năng lao nhọc như vậy, đáng được thành tựu đạo quả ở trong pháp nay." Những người đệ tử kia tin theo lời nói đó thì cả hai đều thành tựu chánh kiến, được vô lượng phước. Vì sao? Vì pháp đó là chơn chánh. Này Châu-na, hoặc có vi Đạo sư chết khiến cho đệ tử lo âu, hoặc vi Đạo sư •/ y • • • • 7 • • • r chét khiên cho đệ tử không lo âu. Này Châu-na, tại sao vi Đạo sư chét khiên cho đệ tử lo âu? Khi vị Đạo sư vừa mới chết, việc hình thành đạo chưa bao lâu, pháp của vi đó đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh, như thật chân yếu nhưng chưa được hiển bày rộng rãi. Vị Đạo sư lại diệt độ quá mau. Đệ tử của vị đó chưa được tu hành, đều sầu muộn mà nói: "Dạo sư của ta chết sớm, sự hình thành đạo chưa được bao lâu, pháp của thầy ta thanh tinh, Phạm hạnh đầy đủ5 chân yếu, thế mà lại không được hiển bày rộng rãi. Nay vi Đạo sư lại diệt độ quá mau. Đệ tử chúng ta không được tu hành." Đó là trường hợp vị Đạo sư chết khiến cho hàng đệ tử tru sầu. Còn thế nào là vị Đạo sư chết mà hàng đệ tử không ưu tư? Nghĩa là vị Đạo sư chết, pháp của vi đó hoàn toàn thanh tịnh, Phạm hạnh đầy đủ, giải thoát như thật, lại được giảng dạy truyền bá sâu rộng, sau đó vị Đạo sư mới diệt độ. Hàng đệ tử của vị đó đều được tu hành, không ôm lòng sầu muộn. Nghĩ là: Đạo sư vừa mới chết, thành đạo thời gian tuy chưa được bao lâu nhưng giáo pháp thanh tịnh, Phạm hạnh đầy đủ, giải thoát như thật, đã được giảng dạy truyền bá sâu rộng ở đời, rồi sau đó ngài mới diệt độ, khiến cho hàng đệ tử chúng ta ai nấy cũng đều được tu hành.,, Này Châu-na9 đó là trường hợp vị Đạo sư chết mà hàng đệ tử không một chút ưu sầu. Phật bảo Châu-na: Những chi phân Phạm hạnh ở đây được thành tựu như vậy, song nêu có vị Đạo sư chết, xuất gia thời gian chưa được bao lâu, danh tiếng chưa được đồn khắp thì ở đó cho ta biết về phần Phạm hạnh chưa được đầy đủ. Này Châu-na5 lại có trường hợp vi Đạo sư chét, xuất gia đã lâu, danh tiêng đồn khắp, đó là phần Phạm hạnh đầy diỉ, sung mãn. Này Châu-na, bậc Đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp. Nhưng hàng đệ tử chưa nhận được sự giáo huấn, Phạm hạnh chưa đầy đủ, chưa đạt

được chỗ an ổn, chưa được lợi minh, chưa có khả năng lãnh thọ giáo pháp để thuyết giảng rộng rãi, chưa có thể chứng được thân thông biên hóa. Đó là phân Phạm hạnh không đây đủ.

240 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Châu-na? lại có trường hợp vi Đạo sư chét, xuât gia đã lâu, danh tiêng đồn khắp, trong hàng đệ tử đã được lãnh thọ những lời giáo huấn, Phạm hạnh đầy đủ, đạt đến an ổn, lợi mình đã xong; lại có thể lãnh thọ giáo pháp, phân biệt giảng giải; nếu có tà thuyết nào khởi lên, có đủ năng lực diệt trừ đúng như pháp, thành tựu than thông biến hóa, đó cho ta biết là phan Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ. Này Châu-na, lại có trường hợp vị Đạo sư chét, xuât gia đã lâu, danh tiêng đồn khắp, trong hàng đệ tử Tỳ-kheo-ni chưa lãnh thọ những lời giáo huấn, chưa đạt đến chỗ an ổn, chưa được lợi mình và chưa đủ khả năng giữ gìn giáo pháp để giảng dạy truyền bá sâu rộng. Nếu có những luận thuyết nào khác khởi lên, chưa đủ khả năng dùng giáo pháp để diệt trừ một cách hợp lý, lại cũng chưa thành tựu thần thông biến hóa; đó là phần Phạm hạnh chưa được đầy đủ. Này Châu-na, lại có trường hợp vị Đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp, trong hàng đệ tử Tỳ-kheo-ni ai nấy đều được lãnh thọ những lời giáo huấn, Phạm hạnh đay đủ, đã đạt đến chỗ an ổn, việc lợi mình đã xong, lại có khả năng giữ gìn giáo pháp, phân biệt diễn giảng; nếu có tà thuyết khởi lên thì có đủ khả năng như pháp để diệt trừ, thành tựu đầy đủ thần thông biến hóa; đó là phần Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ. Này Châu-na, lại có những hàng đệ tử ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rộng tu Phạm hạnh cho đến trọn nên những sự biên hóa, chứng được thần thông, cũng là như vậy. Này Châu-na, nếu có vi Đạo sư không còn ở đời, danh tiếng không có, lợi dưỡng sa sút, phần Phạm hạnh không được hoàn toàn đầy đủ. Nếu vi Đạo sư ở đời, danh tiếng, lợi dưỡng thảy đều đầy đủ, không bị sa sút, đó là phần Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ. Nếu vi Đạo sư ở đời, tiếng tăm? lợi dưỡng thảy đều đầy đủ nhưng danh tiếng và lợi dưỡng của hàng Tỳ-kheo không được đầy đủ, là vì phần Phạm hạnh không đầy đủ. Nêu vị Đạo sư ở đời, danh tiêng và lợi dưỡng đây đủ không bị sa sút; chúng Tỳ-kheo cũng đầy đủ như vậy, tức là phần Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ. Này Châu-na, Ta từ khi xuất gia đến nay thời gian đã lâu, danh tiếng đồn khắp xa gần; trong hàng Tỳ-kheo của Ta đã lãnh thọ giáo huấn, đã đạt đến sự an on, việc lợi mình đã xong, lại có khả năng giữ gìn giáo pháp, vì người khác mà diễn nói, nếu có tà luận khởi lên thì có thể đúng như pháp mà diệt trừ, trọn nên những sự biến hóa, chứng đắc thần thông. Trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, iru-bà-di cũng đều như vậy. Này Châu-na, Ta đem Phạm hạnh lưu bố sâu rộng, cho đến chứng được thần thông biến hóa đầy đủ. Này Châu-na, đối với tất cả những vi Đạo sư xuất hiện ở đời, Ta không thấy có một vi nào có được danh tiếng, lợi dưỡng như Ta, đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chanh Giác.

17. KINH THANH TỊNH 241

Này Châu-na? đối với tất cả đồ chúng hiện có trên thế gian này, Ta không thấy có đồ chúng nào đầy đủ danh ximg và lợi dưỡng như đồ chúng của Ta. Này Châu-na9 nếu kẻ muốn nói lời chơn chánh thì phải nói rằng: Thấy và không thể thấy. Thế nào là thấy được và không thấy được? Tất cả Phạm hạnh thanh tịnh viên mãn đã được trình bày,

khai thị, truyền bá, đó gọi là thấy được và chẳng thấy được. Lúc bay giơ, đức The Ton bao các Ty-kheo: Ông uất-đầu-lam ở trong đại chúng mà nói như thế này: "C6 cái thấy được và có cái không thấy được. Thế nào gọi là thấy được và không thấy được? Như con dao, chỉ thấy được lưỡi dao chứ không thấy được cạnh sắc bén của nỏy Này các Tỳ-kheo, ông uất-đầu-lam lại dẫn chứng lời của kẻ phàm phu mê muội để làm thí dụ? Như vậy, Châu-na, nêu người muôn nói lời chơn chánh thì phải nói răng: Thấy và không thấy. Thế nào là thấy và không thấy? ông nên nói một cách chơn chánh như vầy: Tất cả Phạm hạnh thanh tịnh tròn đầy viên mãn đã được tuyên thuyết, khai thị, truyền bá9 giãi bày, những sự kiện đó là thấy và không thấy. Này Châu-na, vì pháp tương tục kia không đầy đủ nhưng có the thành tựu, còn pháp không tương tục, dù có đày đủ nhưng không thể thành tựu. Này Châu- na, Phạm hạnh ở trong các pháp cũng như đề-hồ ở trong lạc tô. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo với hàng Tỳ-kheo rằng: Ta đoi với những pháp đó đã tự chứng ngộ, những pháp đó là: Bôn niệm xứ, bốn thần túc, bốn ý đoạn, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám Thánh đạo. Vậy các ngươi phải hòa hợp với nhau một cách triệt dể, chớ có sự chê bai chỉ trích lẫn nhau, đã đồng học một thầy thì phải hòa hợp như nước với sữa. Đối với Chánh pháp của Như Lai, cần phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui! Khi đã được an vui rồi, nếu có vị Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp bi người nói rằng: "Câu nói của ông không đúng, nghĩa lý sai Vị Tỳ-kheo đó nghe xong, không thể cho lời nói đó là đúng hay là không đúng nên nói với vị Tỳ- kheo kia rằng: "Thua thầy, điều đó thế nào? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thây như vậy, nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của thây như vậy, bên nào tôi thắng, bên nào hạ liệt?y Nếu vị Tỳ-kheo kia đáp rằng: uVăn cú của tôi như vầy, nghĩa lý của tôi như vầy, văn cú của thầy như vậy, nghĩa lý của thầy như vậy, văn cú của thầy cũng tối thắng." Tỳ-kheo kia nói như thế thì không nên cho là sai cũng không cho là đúng nên can gián vị Tỳ-kheo kia: "Thôi di, đừng nên chỉ trích mà hãy cùng nhau tham khảo ý kiến, hòa hợp cùng nhau một cách triệt để; chớ có tranh tụng, vì cùng học một thầy phải nên hòa hợp như nước với sữa. ở trong Chánh pháp của Như Lai, phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui!” Khi đã được an vui rồi, nếu có vi Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp, có vị Tỳ-kheo nói rằng: "Câu cú của thầy không dúng, nghĩa lý sai lầm." Vị Tỳ-kheo đó

nghe xong, không thể nói đúng hay là không đúng nên nói với vị Tỳ-kheo kia rằng: "Thua thầy Tỳ-kheo, điều đó thế nào? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thầy như vậy, ai là đúng, ai là sai?" Nếu Tỳ-kheo kia đáp: "Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thầy như vậy, văn cú của thầy cũng tối thắng.” Tỳ-kheo kia nói như vậy không the nói đúng hay là không đúng mà chỉ nên can gián Tỳ-kheo kia rằng: "Thôi đi, đừng nên chỉ trích chê bai nhau nữa mà hãy cùng nhau tham khảo ý kiến, hòa hợp với nhau một cách triệt để, chớ có tranh tụng lẫn nhau, vì đồng học một thầy như nước với sữa. ở trong Chánh pháp của Như Lai phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui." Khi được an vui rồi, nếu có Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp, có Tỳ-kheo khác nói như vay: "Văn cú vị kia nói đúng, còn nghĩa lý thì không đúng,,, Tỳ- kheo kia nghe nói vậy không the nói đó là đúng hay là sai mà chỉ bảo với Tỳ- kheo kia rằng: "Thưa thày, điều đó thế nào? Nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của thầy như vậy, thế nào là đúng, thế nào là sai?” Nếu người

kia đáp: "Nghía lý của tôi như vậy, nghĩa lý của thầy như vậy, nghĩa lý của thầy tối thượng.,, Tỳ-kheo kia sau khi nghe nói vậy, cũng không the bảo đó là đúng hay là sai mà chỉ khuyên ngăn Tỳ-kheo kia rằng: "Thôi di, đừng có tranh chấp chê bai. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải hòa hợp triệt để, chớ có chê bai, tranh tụng, vì đồng học một thày như nước với sữa. Đối với Chánh pháp của Như Lai cần phải tự làm sáng tỏ, mong được an vui!" Khi được an vui rồi, nếu có Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp, có Tỳ-kheo khác nói như thế này: "Những điều người kia nói văn chánh, nghĩa chSnh." Tỳ-kheo đó nghe roi, không thê nói đó là sai mà phải nên xưng tán Tỳ-kheo kia rằng: "Những điều thầy nói là đúng, những điều thầy nói là dung!95 Thế nên, Tỳ-kheo đối trong mười hai bộ kinh phải tự mình chứng ngộ, rồi đem truyền bá sâu rộng ở đời. Mười hai bộ kinh là: (1) Quán kinh; (2) Kỳ dạ kinh; (3) Thọ ký kinh; (4) Kệ kinh; (5) Pháp cú kinh; (6) Tuông ưng kinh; (7) Bổn duyên kinh; (8) Thiên bổn kinh; (9) Quảng kinh; (10) Vi tang hữu kinh; (11) Thí dụ kinh; (12) Đại giáo kinh. Mười hai bộ kinh như vậy, các ngươi phải khéo léo thọ trì, xứng lượng quán sát, tinh thông nghĩa lý và truyền bá sâu rộng. Này các Tỳ-kheo9 y phục mà Ta chê ra cho các ông mặc, gôm có ba y, y ngắn mặc bên trong, y dài mặc bên ngoài và một y mang theo bên mình phòng khi ngủ nghỉ, những loại y này may sắm bằng những loại vải người ta vất bỏ nơi bãi tha ma, hoặc là những loại thô xấu không ai ưa thích. Y phục ta chế như vậy là để ngăn che sự nóng lạnh, ngăn chặn ruồi muỗi và cũng để che kín thân tứ đại. 9 r còn vân đê ăn uông thì Ta chê cho A Này các Tỳ-kheo, r hai việc: • Hoặc : tự* đi khát thực đê nuôi sông, hoặc do cư sĩ cúng dường. Đôi với vật thực như vậy, phải biết đủ để nuôi dưỡng thân thể, trừ các khổ não đói khát ép ngặt, có thể nguy kịch đến tánh mạng. Thế nên phải biết, đối với những sự ăn uống chỉ biết vừa đủ thôi.

17. KINH THANH TỊNH 243

Này các Tỳ-kheo, còn việc trú xứ thì Ta chế cho các ông được ở những nơi: Hoặc dưới cội cây, hoặc trên mặt đất, được ở phòng ốc, hoặc ở lầu cao, ở trong hang động hoặc đi chu du đây đó. Những nơi chốn an trú như vậy, phải tự biết đủ để ngăn che lạnh nóng, ngừa ruồi muỗi, cho đến được ở những nơi thanh vắng. Này các Tỳ-kheo, còn các dược phàm mà Ta chê cho các ông dùng gôm có những thứ như: Trân khí, mật, dâu và đường phèn. Những loại dược phàm như vậy chỉ được vừa đủ để ngăn chặn sự đau ốm kho não, hoạn nạn ép ngặt, sợ e khó sống, cho nên Ta cho phép tạm dùng để giữ gìn sức khỏe. Phật bảo Châu-na: -Hoặc có kẻ ngoại đạo Phạm chí đến nói như vày: "Sa-môn Thích tử chỉ biêt vui thích với những điêu hỷ lạc." Nêu họ nói như vậy thì các ông phải trả lời như vày: "Thua ngài, các ngài chớ có nói lời như thế, rằng Sa-môn Thích tử chỉ biết vui thích với những điều hỷ lạc. Vì sao? Vì có những hỷ lạc bị Như Lai quở trách, có những hỷ lạc được Như Lai ngợi khen.,, Ngoại đạo Phạm chí nếu lại hỏi rằng: "Vui thích hỷ lạc thế nào mà bị đức Như Lai quở gách?" Nếu họ hỏi vậy thì trả lời với họ như sau: "Công đức của năm món dục rất là khả ái, khả lạc, đã làm cho người đời đắm nhiễm. Năm món dục đó là gì? Mắt thấy sắc sanh tâm đắm nhiễm, tai nghe tiếng sanh tâm đắm nhiễm, mũi ngửi mùi sanh tâm đắm nhiễm, lưỡi nếm vị sanh tâm đắm nhiễm, thân xúc chạm sanh tâm đắm nhiễm; năm dục như the làm cho người ta tham trước không rời b6." "Này các Hiền giả, do năm món dục này làm duyên sanh ra bao sự

ưa thích đắm nhiễm, do đó nên bị Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác quở trách." Lại như có người chỉ biết giết hại chúng sanh đê làm sự vui thích, đây là điêu mà đức Như Lai, Chí Chân, Đăng Chánh Giác quở trách. Lại cũng có người chuyên trộm cướp để tự vui thích, đó là điều mà đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người làm việc phá hư Phạm hạnh để tự vui thích, đó là điều mà đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người cố ý nói dối để tự vui thích, đó là điều mà đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người buông lung phóng túng để làm vui thích, đó là điều Như Lai quở trách. Lại cũng có người thực hành những điều khổ hạnh của ngoại đạo, chẳng phải là hạnh chơn chánh của Như Lai nói ra để tự vui thích, những điều đó đều bị Như Lai quở trách. Này các Tỳ-kheo, người tham đam năm dục công đức là đáng quở trách. Mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, người đó bị đắm nhiễm; cho đên tai nghe tiêng... mũi ngửi mùi... lưỡi nêm vị... thân chạm xúc đáng yêu, đáng thích, người ấy bị đắm nhiễm. Như vậy, những cái lạc của Sa-môn Thích tử không giống những cái lạc này. Cũng như có người chỉ lây việc giêt hại chúng sanh đê tư làm vui thích, còn Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người lấy việc trộm cướp để

tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại có người phá hư Phạm hạnh để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người nói lời vọng ngữ để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người buông lung phóng túng để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người thực hành những điều kho hạnh của ngoại đạo để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy. Nếu ngoại đạo Phạm chí lại hỏi như vầy: “Niềm vui nào được Sa-môn Cù- đàm ca ngọd?" Này chư Tỳ-kheo9 nếu ngoại đạo kia hỏi như vậy thì nên trả lời thế này: "Thua Hiền giả, năm dục công đức đáng yêu, đáng thích là những điều làm cho con người đắm nhiễm. Thế nào là năm? Từ mắt thấy sắc, cho đến ý biết pháp, đáng yêu, đáng thích là những điều làm cho con người đắm nhiễm. Này Hiền giả, do năm dục làm nhơn sanh ra những sự ưa thích, cần phải mau diệt trừ. Như có người chỉ lấy sự giết hại chúng sanh để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Cũng như có người lấy sự trộm cướp để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người làm tổn thương Phạm hạnh để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người cố ý nói lời hư vọng để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người lấy sự phóng túng để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người thực hành những điều kho hạnh của ngoại đạo đe tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Còn như có người rời bỏ tham dục, rời bỏ ác pháp, có giác có quán, cảm nhận một trạng thái an vui do ly dục sanh, chứng và an trú Thiên thứ nhát; đó là điêu vui thích được chư Phật ngợi khen. Lại cũng có người diệt giác, diệt quán với niềm hoan hỷ trong lòng; nhất tâm, không giác, không quán cảm nhận một trạng thái vui thích do định sanh, chứng và an trú Thiền thứ hai, vui thích như vậy là chỗ mà chư Phật ngợi khen. Lại cũng có người trừ hỷ nhập xả cảm biết tự thân vui thú như Hiền thánh mong cầu, giữ niệm nhất tâm, chứng và an trú Thiền thứ ba; đó là điều vui thích mả chư Phật ngợi khen. Cũng có người diệt trừ kho, lạc và hỷ tru ở trước, một trạng thái không khô, không lạc, giữ niệm thanh tịnh, chứng và an trú

Thiên thứ tư; đó là điều vui thích được chư Phật ngợi khen.,, Này Châu-na, nếu có ngoại đạo Phạm chí lại hỏi như thế này: uĐối với bốn điêu vui thích hỷ lạc như thê, các người câu những quả vị công đức gi?", thời nên đáp với họ như sau: "Những điều vui thích hỷ lạc cao thượng đó, có bảy phần công đức. Những gì là bảy? Là thành tựu đạo quả ngay trong đời hiện tại; nếu hiện đời chưa thành, sau khi qua đời mới thành; nếu sau khi qua đời mà cũng chưa thành, phải diệt trừ hét năm hạ phân kiêt sử, đông thời, được Trung gian Bát-niết-bàn hay sanh về Bát-niết-bàn kia: Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lim A-ca-ni-trá Bát-niết-bàn. Này các Hiền giả, đó là bảy phần công đức của sự hỷ lạc cao thượng.,,

17. KINH THANH TỊNH 245

Này các Hiên giả, nêu hàng Tỳ-kheo còn ở nơi địa vi hữu học muôn đạt đên chô an ôn mà chưa diệt trừ năm triên cái. Thê nào là năm triên cái? Tham dục, sân nhuế, hôn trầm thụy miên, trạo hy và nghi ngờ. Nếu trong hàng Tỳ-kheo Hữu học muốn đạt đến nơi kia an ổn mà chưa diệt trừ năm triền cái, không tinh cần để tâm vào bốn pháp niệm xứ, không siêng tu bảy pháp giác chi mà muốn thành tựu tri kiến, thành tựu pháp của bậc Thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của các bậc Hiền thánh thì không thể được. \ ĩ r Này các Hiên giả, nêu trong hàng Tỳ-kheo Hữu học có ý muôn đạt được an ôn, phải thường diệt trừ năm triên cái: Tham dục, ksân Nnhuê, thụy miên, trạo * A . 9 ' hý và nghi ngờ. Lại phải tinh cân giác tỉnh đê tâm đên bôn pháp niệm xứ, bảy pháp giác chi, như thật tu hành; như vậy mới mong thành tựu pháp của bậc Thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của bậc Hiền thánh; những kẻ mong cau tri kiến như vậy thì mới hợp lý. Này các Hiền giả, nếu có vị Tỳ-kheo bậc Lậu tận A-la-hán, các việc cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lợi mình đã £ : er xong, đoạn trừ hét các hữu kiêt sử, thành tựu chánh trí giải thoát thì không còn làm chín việc. Thế nào là chín? (1) Không sát sanh; (2) Không trộm cướp; (3) Không dâm dục; (4) Không vọng ngữ; (5) Không bỏ đạo; (6) Không ưa thích dục lạc; (7) Không sân hận; (8) Không sợ hãi; (9) Không si mê. Này các Hiền giả, đó là chín việc mà bậc Lậu tận A-la-hán đã làm xong, gánh nặng đã đặt xuống, lợi mình đã xong, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt tới chánh trí giải thoát, xa lìa chín việc. Hoặc có ngoại đạo Phạm chí nói như vầy: "Sa-môn Thích tử có pháp nhưng chẳng thường trụ." Các ông nên trả lời với họ rằng: "Thua Hiền giả, chớ có nói như thế, rằng Sa-môn Thích tử có pháp nhtrng pháp đó chẳng thường trụ. Vì sao? Vì Sa-môn Thích tử có pháp thường trụ rất vững chắc, không ai có thể làm 7 e r r lay chuyên được. Ví như tường thành kiên cô bát động, Sa-môn Thích tử cũng lại như vậy; pháp đó thường trụ không có gì làm nó dời đổi duve." Hoặc có ngoại đạo Phạm chí nói như vầy: "Sa-môn Gotama chỉ biết được những việc quá khứ, không thể biết được những việc vj lai.” -Đối với trong hàng Tỳ-kheo và hàng dị học Phạm chí có những nhận thức sai khác, thấy biết sai khác, lời nói hư vọng. Như Lai đoi với những việc thuộc về quá khứ thấy biết một cách rõ ràng, không có điều chi không biết. Đối với những việc trong đời vi lai, chứng được đạo trí; còn những việc thuộc về quá khứ hư vọng luống dối không có hỷ lạc, không có lợi ích thì Phật không bao giờ nói. Hoặc giả những việc thuộc về quá khứ chơn chánh như thật nhưng không hỷ lạc, không có lợi ích, Phật cũng không nói. Nêu những việc thuộc vê quá khứ chơn chánh như thật, hỷ lạc nhung không lợi ích thì

đức Phật cũng không đề cập làm gì. Còn nếu những việc thuộc về quá khứ chơn chánh như thật, hỷ lạc lợi ích mà Như Lai biết đúng như thật, vậy sau mới nói. Còn những việc thuộc về vị lai hay trong hiện tại cũng lại như vậy.

Như Lai đối với các pháp thuộc về quá khứ, thuộc về vi lai hay trong hiện tại, đức Như Lai chỉ nói khi nào xét thấy đúng thời; nói những lời chơn thật, đúng nghĩa, đúng pháp, đúng luật, lợi ích, không có hư vọng. Như Lai từ đêm đầu chứng đạo Vô thượng Chánh giác, cho đến đêm rốt sau nhập Niết-bàn; trong khoảng thời gian đó, Như Lai nói ra điều gì9 trình bày nghĩa lý gì thảy đều hoàn toàn như thật, do đó nên được gọi là Như Lai. Lại nữa, Như Lai nói những gì thì làm những điêu ây5 cho nên gọi là Như Lai. Do những nghĩa này nên gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Sự thấy biết, sự tận diệt, sự hiểu rõ của Phật quán triệt hét mọi sự nên gọi là Đăng Chánh Giác. Hoặc có kẻ ngoại đạo Phạm chí lại nói như sau: "Thế gian là thường còn. Chỉ có điều này sự thật, ngoài ra là hư doi.^ Hoặc bảo: "Thế gian là vô thường. Chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Lại nói: "Thế gian vừa thường vừa vô thường. Chỉ có điều này nói là sự thật, ngoài ra đều là hư dối.,, Hoặc có . r 9 r người nói: "Thê gian này chăng phải thường chăng phải vô thường. Chỉ có điêu này là sự thật, ngoài ra đều là hư dối.Hoặc nói: "Thế gian là hữu biên, chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều hư d6i." Hoặc bảo: "Thế gian là vô biên, chỉ CÓ điêu này mới là sự thật, ngoài ra đêu hư d6i." Hoặc cho răng: "Thê gian vừa hữu biên vừa vô biên, chỉ có điêu này mới là sự thật, ngoài ra đêu hư d6i." Hoặc cho rằng: "Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều hư d6i." Hoặc chập răng: "Thọ mạng tức là thân, chỉ có điêu này là sự thật, ngoài ra đều hư d6i." Hoặc có người nói: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân, chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều là hư d6i." Hoặc có người nói: "Mạng khác, thân khác, chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều là hư d6i." Hoặc có người bảo: "Chăng phải mạng khác thân khác, chỉ có điêu này mới là sự thật, ngoài ra đều là hư d6i." Hoặc họ có bôn kiên chập như sau: "Nhu Lai không tôn tại. Điêu này là sự thật, ngoài ra đều hư d6i." Hoặc họ cho rằng: “Nhu Lai tồn tại, đây là sự thật, ngoài ra đêu hư d6i.” Hoặc cho răng: "Nhu Lai tôn tại và không tôn tại, điêu này là sự thật, ngoài ra đều hư d6i.” Hoặc họ lập luận: "Nhu Lai chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại, điều này là sự thật, ngoài ra đều là hư d6i." Những kiến chấp như vậy gọi là bổn sanh, gọi là bổn kiến. Nay Ta nói rõ cho các ngươi biết thế nào là bổn sanh, bổn kiến. Bổn sanh, bổn kiến là những kiến chấp cho rằng: "Thế gian là thường tồn cho đến Như Lai chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại. Chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều là hư(tói." Đó là nghĩa bổn sanh, bổn kiến mà Ta đã nói với các ngươi. Lại có chỗ gọi là mạt kiến, mạt sanh mà Ta cũng đã nói. Thế nào là mạt kiến, mạt sanh mà Ta đã nói? Đó là những kiến chấp: Chấp "sắc là ngã; do tưởng, có diệt. Điều này là sự thật, ngoài ra đều hư d6i"; chấp “v6 sắc có ngã;

do tưởng, có diet"; chấp "sắc vô sắc có ngã; do tưởng, có diet"; chấp "chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc là ngã; do tưởng, có diet.” Lại chấp "ngã là hữu biên; ngã là vô biên;

ngã là hữu biên, vô biên; ngã chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; do tưởng, có diet." Lại chấp "ngãi có lạc; do tưởng, có diệt; ngã vô lạc; do tưởng, có diệt; ngã có khổ lạc; do tưởng, có diệt; ngã không khổ lạc; do tưởng, có digt." Lại có những chấp: "Nhất tưởng là ngã; do tưởng, có diệt; tất cả tưởng là ngã; do tưởng, có diệt; ít tưởng là ngã; do tưởng, có diệt; vô lượng tưởng là ngã; do tưởng, có diệt. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra đều là hư d6i." Đó là những tà kiến thuộc về bổn kiến, bổn sanh mà Ta đã nói. Hoặc có Sa-môn9 Bà-la-môn đưa ra những luận thuyết, những kiến chấp thế này: 'Thế gian là thường tồn, chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều là hư d6i.” Cho đến chấp vô lượng tưởng là ngã, điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có những luận thuyết như vậy, kiến chấp như vậy: “Chi có điều này là sự thật, ngoài ra đều hư d8i” nên bảo với họ rằng: "Các ông bảo thủ những luận thuyết như thế, cho rằng thế gian này là thường tồn, điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối/9 Những luận thuyết như vậy, đức Phật không bao giờ chấp nhận. Vì sao? Vì trong những kiến chấp đó mang đầy tính chất kiết sử; nếu biết dùng lý luận mà phán xét thì Sa-môn5 Bà-la-môn đó không thể cộng thông với chúng tôi được, huống nữa là muốn nêu ra những tà kiến, trong đó chỉ có lời nói suông, không có gì đáng để cùng nhau nghị luận. Như vậy, từ kiến chấp ban dầu, cho đến kiến chấp: "V6 lượng tưởng là ngã” cũng giống như vậy. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn châp thê này: "Thê gian này là tự mình tạo ra, thế gian này do người khác tạo ra, thế gian này là do tự mình tạo ra và do người khác tạo ra, the gian này chẳng phải tự mình tạo ra, chẳng phải do người khác tạo ra, bỗng nhiên mà c6.” Những Sa-môn, Bà-la-môn kia nếu bảo thế gian này là do tự mình tạo ra thì những Sa-môn, Bà-la-môn đó đều do nhân duyên xúc chạm, nếu rời nhân duyên xúc chạm mà thuyêt minh là đêu vô lý cả. Vì sao? Vì do lục nhập duyên với thân mà sanh ra sự cảm xúc; do cảm xúc mới sanh ra thọ; do thọ mới sanh ra ái; do ái mới sanh ra thủ; do thủ mới sanh ra hữu; do hữu mới sanh ra sanh; do vì có sanh nên mới có già, chét, buôn râu, lo lăng, tập hợp bao nhiêu điêu khổ não. Vậy nếu không có lục nhập thì không có xúc; không có xúc thì không có thọ; không có thọ thì không có ái; không có ái thì không có thủ. Nếu không có thủ thì không có hữu; do không có hữu nên không có sanh. Do vì không sanh nên không có già, chết, buồn rầu, lo lắng, tập hợp bao nhiêu điều khổ não. Còn nói răng: "Thê gian này do người khác tạo ra." Hoặc nói răng: "Thê gian này tự mình tạo ra và do người khác tạo." Hoặc nói rằng: "Thế gian này chẳng phải do tự mình tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra, bỗng nhiên

mà c6." Những điêu đó cũng giông như vậy, nghĩa là do xúc mà có, nêu không có xúc thì không có. Phật bảo: Này các Tỳ-kheo, nếu muốn diệt trừ những loại tà kiến, ác kiến này, đối với bốn pháp niệm xứ phải tu tập ba điều. Thế nào là Ty-kheo muốn diệt trừ những ác kiến, đối với bốn pháp niệm xứ phải tu tập ba điều? Này các Ty-kheo, nghĩa là ở đây vi Ty-kheo quán thân trong thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không lãng quên để diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân ngoài thân, cũng phải tinh cần không biếng trễ, ghi nhớ không lãng quên để diệt trừ tham ưu ở đời. Sau cùng là đồng thời quán cả trong thân lẫn ngoài thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên để diệt trừ tham ưu ở đời; cho đến quán thọ, quán tâm, quán pháp cũng phải đầy

đủ ba điều như thế. Như vậy, gọi là diệt trừ những ác pháp đôi với bôn niệm xứ thực hành ba việc. Tu hành như vậy sẽ được tám môn giải thoát. Tám môn giải thoát là gì? Tự mình có sắc thì quán sắc, đó là môn giải thoát thứ nhất; do bên trong tưởng, không có sắc mà quán sắc bên ngoài, đó là môn giải thoát thứ hai; do quán sắc là tinh nên được giải thoát, đó là môn giải thoát thứ ba; vượt khỏi sắc tưởng và diệt trừ tưởng đối đãi, an trú Không xứ, đó là môn giải thoát thứ tư; vượt khỏi Không xứ, an trú Thức xứ, đó là môn giải thoát thứ năm; vượt khỏi Thức xứ, an trụ Bất dụng xứ, đó là môn giải thoát thứ sáu; vượt khỏi Bất dụng xứ, an trụ Hữu tưởng vô tưởng xứ, đó là môn giải thoát thứ bảy; nhập Diệt tận định, đó là môn giải thoát thứ tám. Bây giờ, Tôn giả A-nan đang câm quạt, quạt hâu sau lưng đức Thê Tôn, liên trịch áo đê lộ vai hữu, gói hữu quỳ xuống đát, chap tay cung kính, bạch đức Phật rằng: Thưa Thế Tôn, thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Pháp thoại thanh tịnh vi diệu tôi thăng mà đức Thê Tôn giảng hôm nay nên gọi tên là gì? Và chúng con phải phụng trì như the nào? Phật bảo A-nan: Kinh này tên là Thanh Tịnh, vậy ông hãy như thế thanh tịnh thọ trì! Lúc ấy, Tôn giả A-nan nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

18. KINH Tự HOAN HỶ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo ngự trong rừng Ba-bà-lợi-am-bà? tại Na-lan-đà. Lúc bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất ở chỗ thanh vắng thầm nghĩ rằng: "Vê phương diện trí tuệ, thân thông, công đức, đạo lực của các Sa-môn, Bà-la- môn ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai, không một ai hơn đức Như Lai Đẳng Chánh Gi9c." Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất liền từ tịnh thất đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lê dưới chân Ngài roi ngôi qua một bên và bạch Phật răng: Khi con ở trong tinh thất thầm nghĩ như vầy: "Các Sa-môn, Bà-la-môn về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức, đạo lực ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai, không một ai hơn đức Thế T6n." Phật bảo Xá-lợi-phất: -Lành thay! Ông có thể ở trước Như Lai nói lên những lời như vậy, đồng thời một mực thọ trì, chính là ông đã rông lên tiêng rông con sư tử. Thê nên, các Sa-môn, Bà-la-môn khác không một ai có the bang ông. Thế nào, này Xá-lợi-phất? ông có biết được tâm niệm của chư Phật quá khứ, chư Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, an trú giải thoát như vậy chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, con không biết! -Thế nào, này Xá-lợi-phất? ông có biết được tâm niệm của chư Phật ở vị lai có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, an trú giải thoát như vậy chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, con không biết! Thế nào, này Xá-lợi-phất, tâm niệm của Ta nay là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, an trú giải thoát như vậy mà ông có biết được chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, con không biết!

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, tâm niệm của Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai, ông chẳng có thể biết được, tại sao ông khởi lên những ý nghĩ như vậy? Nguyên nhân nào khiến phát sanh những ý nghĩ ấy và một mực kiên trì, đồng thời chính là ông đã rống lên tiếng rống sư tử, thế nên các Sa-môn9 Bà-la-môn khác khi nghe được những điêu ông nói răng: "T6i biết chắc rằng Sa-môn, Bà-la-môn về

phương diện trí tuệ, thần thông, công đức, đạo lực ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai không một ai hơn đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác,9 thì họ sẽ không bao giờ tin lời ông nói. Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: -Con ở trong quá khứ, vị lai và hiện tại, ve tâm niệm của chư Phật con không thể biết được, song về pháp tổng tướng của Như Lai thời con có thể biết được, đức Như Lai vì con mà nói pháp càng cao càng xa, đông thời nói những hắc pháp, bạch pháp, những pháp do nhân duyên và không do nhân duyên, những pháp đối chiếu và không đối chiếu. Bạch Thế Tôn, Ngài nói những pháp cao xa vi diệu ấy, khi con nghe xong, biết mỗi mỗi pháp đều là ở trong pháp cứu cánh; đồng thời con tin đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, tin đức Như Lai đối với các pháp khéo phân biệt; tin đức Như Lai đã diệt được các khổ, các pháp thiện được thành tựu; trong các thiện pháp, đây là tối thượng. Thế nên, trí tuệ của Như Lai thật tuyệt vời, thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thê gian không một ai có thê băng đức Như Lai, huông nữa là muôn hơn Ngài. Lại nữa, đức Thế Tôn nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, gọi là pháp chế ngự là: Tứ niệm xứ, tử chánh cần, tứ thần túc, tứ thiền, ngũ căn, ngũ lực, thất giác ý và bát chánh đạo. Đây là pháp vô thượng. Thế nên, trí tuệ của Phật thật tuyệt vời ya thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng. Đó là vấn đề chế ngự các nhập, các nhập đó là: Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Các đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng chế ngự các nhập này; các nhập là nhãn và sắc, cho đến ý và pháp. Và các đức Như Lai, Chí Chân, Đăng Chánh Giác vị lai cũng chê ngự các nhập này, các nhập xứ là: Nhãn và sắc, cho đến ý và pháp. Nay Như Lai, Chí Chân, Đăng Chánh Giác cũng chê ngự các nhập này; các nhập xứ đó là nhãn và sắc, cho đến ý và pháp, các pháp này thật tối thượng, không một pháp nào có thể thù thắng hơn. Thế nên, trí tuệ của Như Lai tuyệt vời và thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thê gian không một ai có thê băng đức Như Lai, nuông nữa la muôn hơn. Lại nữa, đức Thế Tôn nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là vấn đề thức nhập thai. Bạch Thế Ton, có bốn hạng nhập thai: Một là5 có hạng không biết mình nhập thai, không biết mình trú trong thai và không biết mình ra khỏi thai. Hai là, có hạng biết mình nhập thai mà không biết mình trụ trong thai

và không biết mình ra khỏi thai. Ba là, có hạng biết mình nhập thai, biết mình trụ trong thai nhưng không biết mình ra khỏi thai. Bốn là, có hạng biết mình nhập thai, biết mình trụ thai, biết mình ra khỏi thai. Thế nên, hạng biết mình nhập thai, biết mình trụ thai và biết mình ra khỏi thai là bậc nhập thai cao cả. Pháp này là vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là đạo. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn dùng những phương tiện nhập định huệ ý tam- muội, nương vào định tâm để tu niệm giác ý? tinh tấn giác ý9 hỷ giác ý, ỷ giác ý, định giác ý và xả giác ý. Nương vào sự mong cầu, nương vào sự lìa bỏ, nương vào sự diệt tận, nương vào pháp giải thoát? Pháp này là tối thượng, trí tuệ

tuyệt vời, thần thông diệu dụng, các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là diệt. Diệt có nghĩa là diệt khổ mà chứng chậm, vì cả hai phương diện vừa khổ vừa chậm nên là hạ liệt. Còn diệt khổ mà chứng mau, chỉ có khổ là hạ liệt; còn diệt vui thú mà chứng chậm, chỉ có chậm là hạ liệt; còn diệt vui, chứng mau nhung không được rộng rãi, vì không rộng rãi nên gọi là hạ liệt. Trái lại, như Thế Ton ngày nay là đức Như Lai, diệt vui chứng mau mà còn rộng rãi nữa, cho đến hàng nhân, thiên đều thấy được thần thông biến hóa. Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch The Ton, những lơi cua The Ton noi la vi diệu đệ nhát, dưới đên hàng nữ nhân cũng có thể thọ trì, đồng thời dứt được các hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát và tự thân chứng ngộ trong hiện tại, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đây là đức Như Lai thuyết pháp vô thượng diệt, thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là vấn đề thanh tịnh. Pháp thanh tịnh này chính là đức Thế Tôn đối với các Sa- môn, Bà-la-môn chẳng nói những lời hư vọng vô ích, không muốn hơn người, cũng không có bè đảng; trái lại, với những lời từ hòa, nói đúng thời, nói chân thật. Đay là những lời thanh tịnh. Thế nên pháp này là vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thê băng đức Như Lai, huông nữa là muôn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là kiến định. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhờ các phương tiện nhập định Ý tam- muội; do tâm nhập đinh, các vi ấy quan sát từ đầu đến chân, rồi trở lại từ chân đến đầu, trực nhận chúng đều bao bọc bởi da trong, da ngoài, chứa đầy những

vật bất tinh như: Tóc, lông, móng, da, thịt, gân, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phôi, ruột, màng ruột, phân, mật, đờm, mủ, máu, mô hôi, mỡ5 nước măt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước tiểu dơ bẩn, đều là vật bất tịnh, không dám tham đắm. Đây là kiến đinh thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam-muội; do tâm nhập định, họ lại trừ bỏ da thịt ngoài và các thứ bất tinh, chỉ quán xương trắng và răng. Đây là kiến đinh thứ hai. Lại nữa, như các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam-muội; do tâm nhập định, họ lại trừ bỏ da thịt bên ngoài, các đồ bát tịnh và xương trắng, quán tâm thức trú ở nơi nào, trụ ở đời này hay đời sau; đời này không gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời này không giải thoát, đời sau không giải thoát. Đây là kiến định thứ ba. Lại nữa, có các Sa-môn? Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam- muội; do tâm nhập đinh, họ lại trừ bỏ da thịt bên ngoài, các thứ bất tịnh và trừ bỏ xương trăng, họ lại quán sát thức; như tâm thức ở đời sau, không ở đời này; nếu như ở đời này gián đoạn thì đời sau không gián đoạn; nếu đời này giải thoát thì đời sau không giải thoát. Đây là kiến định thứ tư. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam- muội; do tâm nhập đinh, họ trừ bỏ da thịt bên ngoài, các thứ bất tinh và trừ bỏ xương trắng, lại quán tâm thức chẳng ở đời này, chẳng ở đời sau và cả hai đời đều gián đoạn, cả hai đời đều

giải thoát. Đây là kiến định thứ năm. Pháp này là vô thượng, là trí tuệ tuyệt vời, là thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là pháp thường trú. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam-muội; do tâm nhập định, họ nhớ biết được hai mươi thành kiếp, hoại kiếp, họ nói rằng: "Thế gian là thường còn, đây là thật, ngoài ra đều là giả dối. Vì sao? Vì do tôi nhớ nghĩ nên biết có thành kiếp, hoại kiếp này nhưng ở quá khứ tôi không biết, sự thành hoại vị lai tôi không biết.” Từ sáng đến tối, do vì không có trí nên nói the gian này là thường còn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là giả dối. Đây là pháp thường trú thứ nhất. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập đinh Ý tam-muội; do tâm nhập định nên nhớ biết được bốn mươi thành kiếp, hoại kiếp, và họ nói rằng: "Thế gian là thường còn, đây là chơn thật, ngoài ra đều là giả dối. Vì sao? Vì do tôi nhớ nghĩ nên biết được thành kiếp, hoại kiếp. Tôi lại có thể biết được thành kiếp, hoại kiếp ở quá khứ nhưng tôi không biết được thành kiếp, hoại kiếp ở vị Đây là nói biết đầu tiên mà không biết sau cùng. Người này từ sáng đen chiều, vì họ vô trí nên nói the gian này là thường còn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là giả dối. Đây là pháp thường trú thứ hai.

18. KINH Tự HOAN HỶ 253

Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam-muội; do tâm nhập định nên họ nhớ biêt được tám mươi thành kiêp, hoại kiêp, và nói rằng: "Thế gian này là thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều là giả dối. Vì sao? Vì do tôi nhớ nghĩ nên biết được có thành kiếp, hoại kiếp. Hơn nữa, còn biết được thành kiếp, hoại kiếp ở quá khứ, thành kiếp, hoại kiếp ở vj lai." Người này từ sáng đên tôi, vì họ vô trí nên nói thê gian này là thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều là giả dối. Đay là pháp thường tru thứ ba. Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai thuyết pháp, có những pháp được gọi là vô thượng đó là vấn đe quán sát. Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng tưởng quán sát tâm của mọi người; quán sát thăng đên tâm của người này, thăng đên tâm người kia, khi họ nghĩ tưởng, hoặc là giả dối, hoặc là chơn thật. Đây là pháp quán sát thứ nhất. Hoặc các Sa-môn, Bà-la-môn chẳng dùng tưởng quán sát mà lại nghe những lời của chư thiên và phi nhân nói: uTâm của ngươi như thế này, tâm của ngươi như thế kia, hoặc là chơn thật, hoặc là giả d6i." Đây là pháp quán sát thứ hai. Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn chăng dùng tưởng quán sát5 cũng chăng nghe những lời của chư thiên và phi nhân nói mà lại tự quán sát thân mình và nghe những lời người khác nói: "Tâm ngươi như the này, tâm ngươi như thế kia, hoặc chơn thật, hoặc giả d6i." Đây là pháp quán sát thứ ba. 7 7

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn chăng dùng tưởng quán sát, cũng chăng có nghe những lời của chư thiên và phi nhân nói, lại chẳng tự quán sát thân mình mà quán sát người khác, trừ bỏ giác quán của minh, được định Ý tam-muội. Khi quán sát tâm người khác mà nói những lời sau: "Tâm ngươi như thế này, tâm . r : ngươi như thê kia, quán sát như thê mới là chơn that." Đây là pháp quán sát thứ tư. Thế nên pháp này vô thượng,

trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Thế Tôn, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là van đe giảng dạy. Ve phương tiện giảng dạy, hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy nên dứt sạch pháp hữu lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình chứng ngộ trong đời hiện tại, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn tái sanh. Đây là loại giảng dạy thứ nhất. Lại nữa, hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy nên diệt trừ được năm hạ phần kiết sử. Sau khi diệt độ5 không còn trở lại cõi này. Đây là loại giảng dạy thứ hai. Lại nữa, hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy nên đã diệt trừ được ba phần kiết sử, giảm bớt dâm, nộ, si, chứng được quả Tư-đà-hàm, chỉ trở lại cõi này một lần và nhập Niết-bàn. Đây là loại giảng dạy thứ ba.

Hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy nên đã diệt trừ hẳn được ba phần kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, chỉ trở lại cõi này bảy lần và chắc chắn thành đạo quả, không còn đọa vào ác đạo. Đây là loại giảng dạy thứ tư. Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng, các Sa- môn5 Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có diêm được gọi là vô thượng, đó là đức Thế Tôn vì người khác mà nói pháp, khiến giới được thanh tịnh. Các giới thanh tịnh là Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời chí thành, không nói hai lưỡi, thường tự cung kính, trừ bỏ ngủ nghỉ, chẳng nịnh hót dối trá, không nói dối, không vì người đời mà xem tướng tót xâu, chăng tự khen mình, hoặc bảo người khác khen với mục đích đề cao mình lên. Không tham cầu lợi dưỡng, tọa thiền tu trí tuệ, biện tài vô ngại, chuyên chú nghĩ nhớ, không tán loạn, siêng năng không lười biếng. Đây là pháp vô tìiượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian này không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có điểm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đề giải thoát trí. Đức Thế Tôn do nhân duyên khác trong lòng tự nghĩ và nói: "Nguôi này là Tu-đà-hoàn, người kia là Tư-đà-hàm? A-na-hàm, A-la-hán.” Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa- môn, Bà-la-môn ở the gian này không một ai có the bang đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp có điểm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đe chứng Túc mạng trí. Như các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định Ý tam-muội; do tâm nhập định họ nhớ được vô số đời sống thuở quá khứ, như một đời, hai đời, ba dời, cho đến trăm ngàn dời, và thành kiếp, hoại kiếp cho đên vô sô kiếp, họ nhớ răng: "Khi ta sanh tại chô ây, với tên như thê ây, dòng họ như thế ấy, tuổi thọ như thế ấy, ăn uống như thế ấy, khổ lạc như thế ấy. Từ chỗ này ta chết đi được sanh lại chỗ kia, từ chỗ kia chết đi ta được sanh đến chỗ này." Với bao nhiêu thứ tướng như thế, tự nhớ những công việc, trong vô số kiếp về trước ở quá khứ và ngày đêm họ thường nghĩ những chỗ trải qua: Đây là sac, là vô sac, đây là tưởng, là phi tưởng đêu nhớ hét rõ ràng. Thê nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thê gian này không một ai có thê băng đức Như Lai, huống nữa là muôn hơn. Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có điểm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đề Thiên nhãn trí. Các Sa-môn,

Bà-la-môn dùng phương tiện nhập định Ý tam-muội; do tâm nhập đinh, vị ấy quán sát các chúng sanh thấy sự sống chết của họ; lại thấy chúng sanh có người xinh đẹp, có kẻ thô xấu, sanh cõi lành, cõi dữ, hoặc có người cao sang, có kẻ hạ liệt, đều tùy theo hạnh nghiệp của họ tạo ra, vị ây đêu thây biêt rõ. Hoặc có chúng sanh tạo các ác nghiệp vê thân,

khâu, ý, phỉ báng các bậc Hiên thánh, tin theo tà kiên điên đảo nên những người này sau khi mạng chung phải đọa vào ba ác đạo. Hoặc có chúng sanh thân tạo những điều thiện, ý nghĩ những việc thiện, lại chang hủy báng các bậc Hiền thánh, tin theo chánh kiên, tạo nghiệp chánh kiên nên những người này sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời, hoặc sanh vào cõi người. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tinh quán sát các chúng sanh, thây biêt rõ ràng như thực vê sự: sông chét của họ. Thê nên, pháp này vô r thượng, trí tuệ tuyệt vời, thân 9 thông A diệu dụng. Các Sa-môn9 Bà-la-môn ở thê gian này không một ai có thê băng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn. Lại nữa, đức Như Lai thuyêt pháp có diêm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đề chứng Thần túc thông. Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập đinh Y tam-muội; do tâm nhập định nên tạo ra vô sô thân lực. Vị ây có thê biến một thân thành nhiều thân, nhiều than hiệp lại thành một thân, hiện hình đi ngang qua dá, vách một cách vô ngại, ngồi kiết-già trên hư không như chim bay qua lại, đi trên nước cũng như đi trên đất, đi trong đất cũng như lặn dưới nước, thân phát ra khói lửa bốc cháy phừng phục, lại dùng tay sờ nắm mặt trời, mặt trăng, thân đứng tới trời Phạm thiên. Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn nào ngợi khen thần thông đó, phải đáp như vầy: "Những thần thông như thế không ai là chăng có, vì thân thông này hạ liệt của hàng phàm phu, chăng phải là sự tu tập của các bậc Hiền thanh?9 Nếu Tỳ-kheo ở thế gian tiếp xúc với sắc mà không đắm nhiễm, lại rời bỏ việc này, như thế mới gọi là thần thông của các bậc Hiền thánh. Lại nữa, đoi với sắc không đáng ưa, cũng không có tâm giận ghét, nếu đã xa lìa sự kiện này, thực hành như thế mới gọi là thần thông của các bậc Hiền thánh. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo ở thế gian tiếp xúc với sắc, tâm chẳng đắm sắc, cả hai đều đã từ bỏ, đồng thời tu tập bình đẳng, chuyên chú nhớ mãi không quên, đây mới gọi là thần thông của các bậc Hiền thánh. Cũng như đức Thế Tôn tinh tấn dũng mãnh, có đại trí tuệ, đầy đủ tri giác, được đệ nhất giác ngộ nên gọi là Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn không còn đam mê ngũ dục, không còn đam mê các thứ thấp hèn của hàng phàm phu, cũng không nhọc nhằn tu hành các pháp khổ hạnh. Thế Tôn nếu muốn đoạn trừ các tệ ác pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ, lạc, chứng đạt Sơ thiền, như vậy liền có thê đoạn trừ tệ ác pháp, có giác, có quán, ly sanh hy, lạc, chứng được Sơ thiên; Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng như thế. Vì đức Thế Tôn tinh tấn dũng mãnh, có đại trí tuệ, đầy đủ tri giác, đã đạt được đệ nhất giác ngộ, cho nên gọi là Đẳng Chanh Giác. Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất rằng:
Nếu có ngoại đạo nào đến hỏi ông: "d thời quá khứ có Sa-môn, Bà-la- môn nào bằng với Sa-môn Cù-đàm không?^ thì ông sẽ đáp như thế nào? Nếu người kia lại hỏi: "d thời vi lai có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Sa-môn Cù-đàm kh6ng?" thì ông sẽ đáp với họ như thế nào? Nếu người kia lại hỏi: "d

thời hiện tại có Sa-môn9 Bà-la-môn nào bằng với Sa-môn Cù-đàm kh6ng?" thì ông sẽ đáp với họ như thê nào? Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: -Bạch đức Thế Tôn, giả như họ có hỏi ở thời quá khứ có Sa-môn, Bà-la- môn nào bằng với Phật không, con sẽ đáp: "C6!" Giả như họ hỏi ở thời vị lai có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Phật không, con sẽ đáp: "C6!" Giả như họ hỏi ở thời hiện tại có Sa-môn9 Bà-la-môn nào bằng với đức Như Lai không thì con sẽ đáp: "Kh6ng!" Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất: Những ngoại đạo Phạm chí kia họ sẽ hỏi ông: "Vi sao Trưởng lão khi thì xác nhận là có, khi lại xác nhận là không,\ như thế thời ông sẽ phải trả lời với họ như thế nào? Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật: Con sẽ đáp với họ là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác ở thời quá khứ cùng với đức Như Lai đồng nhau. Đấng Vô Thượng Đẳng Chánh Giác ở thời vị lai cùng với đức Thế Tôn đồng nhau. Tuy nhiên, đích thân tôi nghe Phật dạy là: "Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác ở thời hiện tại cùng với đức Như Lai nếu đồng nhau thì không có việc d6." Bạch Thế Tôn, như con từng nghe, nếu thuận pháp, đúng pháp mà đáp thì không có lỗi gì. Phật bảo: - Nếu ông đáp đúng pháp, thuận pháp như vậy thì không có trái phạm. Vì sao? Vì đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác ở thời quá khứ đồng với Ta, đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác ở thời vi lai đồng với Ta nhưng nếu bảo ở thời hiện tại mà có hai vị Phật xuất hiện ở thế gian cùng một lúc thì không có sự kiện đo. Lúc bấy giờ, Tôn giả uất-đà-di, đang cầm quạt đứng quạt hầu sau lưng đức Phật. Đức Phật bảo: Này uất-đà-di9 ông phải ghi nhớ, đức Như Lai là bậc thiểu dục tri túc như vậy. Nay Ta có đại thần lực, có đại oai đức, thiểu dục, tri túc, không đắm nhiễm ngũ dục mà chẳng tự mình phô trương. Này Uất-đà-di5 nếu có Sa-môn, Bà-la- môn nào khác ở trong pháp này siêng năng cần khổ, chính họ chứng được, dầu chỉ một pháp nào đó, thời họ sẽ giương cờ thông báo khắp trong bốn chúng. Còn Như Lai ngày nay thiểu dục tri túc như vậy, có đại thần lực như vậy, có đại oai đức như vậy mà chẳng tự phô trương. Lúc đó, Tôn giả uất-đà-di sửa sang y phục để lộ cánh tay phải, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay bạch Phật rằng: Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn thiểu dục tri túc như vậy, Thế Tôn có đại thần lực như vậy, có đại oai đức

như vậy mà không tự mình phô trương. Nêu lại có Sa-môn5 Bà la-môn nào ở trong pháp này, siêng năng cần kho, chứng được chỉ một pháp nào đó thì họ sẽ giương cờ th6ng báo khắp trong bốn chúng rằng: "Thế Tôn nay thiểu dục tri túc." Xá-lợi-phat9 vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bàdi, luôn luôn nói pháp này, nếu những người kia đối với Phật, Pháp, Tăng còn có chỗ nghi ngờ, một khi họ nghe được pháp này rồi thì không còn nghi ngờ nữa. Bấy giờ? đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất: —Ong phải luôn luôn vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tăc, ưu-bà-di mà nói pháp này. Vì sao? Vì những người kia nếu đối với Phật, Pháp, Tăng còn chỗ nào nghi ngờ, một khi họ được nghe ông nói pháp này thì họ sẽ được khai ngộ. Đáp: - Bạch Thế Tôn, vâng! Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc, ưu- bà-di mà thường xuyên nói pháp này. Vì tự mình đã được thanh tịnh cho nên gọi là Thanh tịnh kỉnh. Khi

Trưởng lão Xá-lợi-phất nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

19. KINH ĐẠI HOI Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ năm trăm vi đại Tỳ-kheo, toàn là những bậc A-la-hán, đều ngự trong rưng Ca-duy, thuộc nước Thích-si-đề, đồng thời có chư thiên với thần thông vi diệu ở mười phương, đều tập hợp để kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, có bốn vị Tịnh Cư thiên đang ngự trên thiên cung và đều nghĩ: “Nay đức Thế Tôn và năm trăm vi Tỳ-kheo, toàn la những bậc A-la-hán, đều nự trong rừng Ca-duy, thuộc nước Thích-si-đề, đồng thời có chư thiên với thần thông vi diệu ở mười phương, đều tập hợp để kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Vậy chúng ta nên đến chỗ đức Thế Tôn ngự, khi đến xong, chúng ta sẽ dùng bài kệ để khen ngợi đức Như Lai." Lúc ấy, bốn vị Tinh Cư thiên nhanh như vị lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất từ cõi trời Tịnh Cư và đến chỗ Thế Tôn ngự trong rừng Ca-duy, thuộc nước Thích-si-đề. Sau khi đến, bốn vị Tịnh Cư thiên, đầu mặt đảnh lễ trước chân Phật và đứng qua một bên. Sau đó, có một vị Tinh Cư thiên, liền ở trước Phật dùng kệ khen răng: Ngày nay đại chúng hội, Chư thiên đều tụ tập, Là vì pháp mà đến, Đảnh lễ chúng Vô thượng. Khi nói xong bài kệ này liên đứng qua một bên. Tiêp theo có một vi Tịnh Cư thiên khác, ở trước đức Thế Tôn, dùng bài kệ khen ngợi như sau: Tỳ-kheo thấy các uế, Chánh tâm tự phòng vệ, Như biển nhận các dòng, Người trí hộ các căn. Khi nói bài kệ này xong lại đứng qua một bên; tiếp đến có một vị Tịnh Cư thiên khác, ở trước đức The Tôn đọc bài kệ sau đây: Khỏa đầy hầm tham ái, Cùng lấp hố vô minh, Riêng dạo cõi thanh tinh, Như voi khéo điều phục. Khi nói bài kệ này xonẹ, liền đứng qua một bên; sau đó có một vị Tịnh Cư thiên khác, ở trước đức The Tôn đọc bài kệ để tán thán như sau: Những ai quy y Phật, Trọn chăng đọa ác thú, Sau khi bỏ thân này, Được thân trời thanh tịnh. Khi bốn vi Tịnh Cư thiên nói bài kệ ấy xong, đức Thế Tôn liền ấn khả cho họ, đồng thời những vị ấy đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng và bỗng nhiên biến mất. Khi họ đi chưa bao lâu, đức Thế Tôn bảo chúng Tỳ-kheo rằng:

Này các Tỳ-kheo5 nay phần lớn chư thiên mười phương đều tụ tập, với than thông vi diệu, không một ai mà chẳng đen đây đe chiêm ngưỡng, lễ bái đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Này các Tỳ-kheo, thuở quá khứ chư Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng có chư thiên tụ họp chung quanh như Ta ngày nay. Và vi lai, chư Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng có chư thiên tụ họp chung quanh như Ta ngày nay. Này các Tỳ-kheo, phần lớn chư thiên mười phương đều tụ họp với thần thông vi diệu, không một ai mà chẳng đến đây để lễ bái chiêm ngưỡng đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Này các Tỳ-kheo, nay Ta sẽ nêu lên danh tánh của chư thiên ây và vì họ mà nói kệ. Vậy các ông phải khéo biết và suy nghĩ kỹ: Chư thiên ở trong hang, Ẩn sâu, thấy đáng SỢT, Thân mặc toàn bạch y, Thuần tịnh, không cấu uế. Trời, người khi nghe xong, Đều quy về Phạm thiên, Nay Ta nêu tên họ, Lần lượt không nhầm lẫn. Chư thiên nay đã đến, Các Tỳ-kheo nên biết. Phàm người trí thế gian, Trong trăm, không thấy một, Do đâu có thể thấy, Quỷ thần bảy muôn chúng, Hoặc có mười muôn than, Còn không thấy được một, Huống là các quỷ thần, Biến khắp cả thiên hạ. 9 . A r y A r Chăng hạn nhu, địa thân có

bảy ngàn quỷ dạ-xoa, tát cả đều có thân túc, sác tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ có Tuyết Sơn thần, đem sáu ngàn quỷ dạ-xoa, tất cả đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo. Lại có một vị Xà-la thần, đem ba ngàn quỵ dạ-xoa9 tất cả đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo. Lại có mười sáu ngàn quỷ dạ-xoa9 tát cả đều có thân túc, sác tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo. Lại có Tỳ-ba-mật thần, trú tại Mã Quốc, đem năm trăm quỷ dạ-xoa đều có thần túc và đại oai đức. Lại có Kim-tỵ-la thần, trú tại thành Vương Xá, bên núi Tỳ-phú-la5 có vô số chúng quỷ thần đều cung kính vây quanh. Lại có Đê-đâu-lại-tra Thiên vương (Trì Quôc Thiên vương), tri vì ở phương Đông, là chúa tể của càn-đạp-hòa than (càn-thát-bà) có đại oai đức, với chín mươi mốt người con đều gọi là Nhân-đà-la và có đại thần lực. Lại có Tỳ-lau-lặc Thiên vương (Tăng Trưởng Thiên vương), trị vì tại phương Nam, thống lãnh các long vương, là bậc đại oai dức, có chín mươi mốt người con, cũng gọi là Nhân-đà-la? đều có đại than lực.

Lại có Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương (Quảng Mục Thiên vương), trị vì ở phương Tây, thống lãnh loại cưu-bàn-trà, là bậc đại oai đức, có chín mươi mốt người con cũng gọi là Nhân-đà-la, đều có đại thần lực. Lại có Thiên vương (Đa-văn Thiên vương), trị vì ở phương Bắc, tên gọi Tỳ- sa-môn5 thống lãnh loài quỷ dạ-xoa, là bậc đại oai đức, có chín mươi mốt người 5 e " A

con cũng gọi là Nhân-đà-la, đêu có đại thân lực. Bốn bậc Thiên vương này hộ trì thế gian, có đại oai dức, thân phóng ra hào quang, đều đến rừng Ca-duy. Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn hàng phục tâm giả dối huyền ảo của họ mà nói thân chú răng: Ma câu lâu la ma câu lâu la tỳ lâu la tỳ lâu la chiên đà na ma già thể trí a ni diên đậu ni diên đậu ba na lô ô hô nô nô chủ đề bà tô mộ ma đầu la chi đa la tư na càn đạp ba na la chủ xà ni sa thi ha vô liên đà la tỳ ba mật đa la thọ trần đà la na lữ ni ha đậu phù lâu thâu chi bà tích bà. Như thế cho đến các vua càn-thát-bà và la-sát đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ đên tận rừng Ca-duy đê chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo. Lúc đó, đức Thế Tôn lại vì họ nói thần chú như sau: A hê na đà sắt na đầu tỳ xá li sa ha đới xoa xà bà đề đề đầu lại tra đế bà sa ha nhã lợi da gia tỳ la nhiếp bà na già a đà già ma thiên đề già y la bà dà ma ha na già tỳ ma na già đa tha già đà già la xà ba ha sa ha xoa kỳ đề bà đề la đề tỳ mai dại tích xúc tỳ ha tứ bà ninh a bà bà tứ chất đa la tốc hòa ni na cầu tứ dạ a bà do na già la trừ a tứ tu bạt la tát đế nô na a già phật đà sái thất la ninh bà da ưu la đầu bà diên lâu tố bàn nậu phật đầu xá la nậu già loại lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì hàng a-tu-la mà nói thần chú rằng: Kỳ dà bạt xà ha đế tam vật đệ a tu la a thật đà bà diên địa bà tam bà tứ y đệ a dà đề bà ma thiên địa già lê diệu ma ha bí ma. A tu la đà na bí la đà bế ma chất đâu lâu tu chất để lệ bà la ha lê vô di liên na bà... xá lê a tế bạt lê phất đa la na tát bệ bệ lâu da na na lê tát na mê đế bà lê tế dư la da bạt đâu lâu thi ha am bà la mễ tam ma do y đà bà na bạt đà nhã tỳ kheo na tam di thế nê bạt. Khi ây, đức Thê Tôn lại vì hàng chư thiên mà nói thân chú như sau: A phù đề bà tỳ lê hê bệ đề dự

bà do đa xà nậu bạt lâu nậu bạt lâu ni thế đế tô di da xá a đầu di đa la bà già la na di bà a lã đề bà ma thiên thê dữ dà xá đề xá già dư tát bí lệ na na da la bà bạt na y địa bàng đại thù địa bàn na bàn đại da xá tỳ nậu mộ đà bà na a lê kiền đại tỳ kheo na bà châu đê bà ni bệ nô đề bộ xá già lợi a hê địa dõng mê na sát đe lệ phú la tức kỷ đại a đà man đà mạn đà mạn đà la bà la bệ chiên đại tô bà ni sảo đề bà a đà chiên đà phú la xí chi đại tô lê da tô bà ni sảo đề bà a đà tô đề da phú la đại lô thúc đà đà la na la a na đại bệ na ni bà ô bà đề kỳ ha ba la vô ha bệ bà la vi a ni tát đà ma đa a hê lê di sa a ni bát thù thô thán nô a lô dư đề xá a hê bạc sa ma ma ha xa ma ma nậu ta am ma nậu sớ

ma khất đà ba đầu sái a đà ma nậu ba đầu sái a hệ a la dạ đề bà a đà lê đà da bà tư ba la ma ha ba la a đà đê bà na thiên hê dạ sai ma đâu xuất đà dạ ma đà sa ni a ni lam bệ lam bà yết đế thọ đề na ma y sái niệm ma la đề a đà lê ba ha niệm di đại a hê đề bà xà la đề a kỳ thi hô ba ma a lật tra lo da hô ma phù ni bà tư viên giá bà đà mộ a châu đà a ni thâu đậu đàn a nậu a đầu a lã tỳ sa môn y sái. Đây là sáu mươi loại trời, lúc bấy giờ đức Thế Tôn lại vì sáu mươi tám vị ngũ thông Bà-la-môn mà nói thân chú răng: La da lê sa da hà hà hê kiền đại bà ni dà tỳ la bạt đâu bệ địa xà nậu a đầu sai mộ tát đề ương kỳ bệ địa mâu ni a đầu bế lê da sai già thi lê sa bà ha nhã nậu a đâu phạm la đê bà đê na bà bệ địa mâu ni a đâu câu tát lê y ni lô ma xà lã ương kỳ la dã bát xà a lâu minh viễn đầu ma ha la dã a câu đề lâu bí nậu a đầu lục bế câu tát lê a lâu giá lăng ỷ giá di la đàn hê hội phù đã phước đô lô lê sái tiên đà bộ a đầu đề na già phủ bà ha di già da la dã đa đà a già độ bà đa mạn đà nậu ca mục la dã a đầu nhân đà la lâu mê ca phù đà lô mộ ma già hê a sắc thương câu tỳ dư a dầu hệ lan nhã già phủ lê rị dư lê đa tha già đô a hê bà hảo la dư di lô lư đa tha a già độ bà tư phật ly thù đà la sư đa tha a già độ y lê da sai ma ha la dư tiên a bộ đa già a già độ bát xà bà dư bà lê địa xí a la dư đa già a già độ uất a lan ma ha la dư tiện bị bà lê ma lê thâu bà hê đại na ma a bàn địa khổ ma lê la dư a cu tư lợi đà na bà địa a đâu xí bệ la dư thi y nác di nác ma ha la dư phục bà lâu đa già a xà độ bạt đà bà lợi ma ha la dư câu tát lê ma đề thâu thi hàn đề khiêm bà lợi lê la dư tu đà la lâu tha già độ a nhân đầu lâu a đầu ma la dư tô lợi dữ tha bệ địa đề bộ a ha bệ lợi tứ a đầu hằng a da lâu ba la mục giá da mộ a di nậu a đâu nhứt ma da xà tỳ na bà sai ma la dư hà lê kiên đô dư tỳ độ bát chi dư thi sô ba na lộ ma tô la dư da tứ da do hê lan nhã tô bát na bí sầu độ trí da số la xá ba la bệ đà uất đà bà ha bà sái bà ha bà bà mưu bà ha xa tham phúc xa đại xa pháp xà xa lệ la đà na la bát di đa đá la càng đạp bà xa ha bà tát ba đề tô bệ la dư a hê kiền độ tỳ kheo tam di địa bà ni địa bà ni. Lúc đó lại có một ngàn năm mươi Bà-la-môn, và đức Như Lai vì họ mà nói thân chú này. Khi ây, tại thê giới này có đệ nhứt Phạm vương và chư Phạm thiên thần thông vi diệu, trong số đó có một vị Phạm đồng tử tên gọi là Đề-xá, có đại thần lực, đồng thời có mười muôn Phạm thiên vương khác cùng với quyến thuộc đi đến vây quanh. Hơn nữa, qua khỏi ngàn thế giới này, lại có Phạm thiên vương, thây đại chúng đang ở chô Thê Tôn ngự, liên cùng với quyên thuộc tìm đến vay quanh, đi đến nơi Thế Tôn ngự. LÚC bây giờ, Ma vương thây đại chúng ở chô đức Thê Tôn ngự, lại khởi tâm ác độc, tự nghĩ: "Ta phải đem các loại quỷ thân đên phá hoại chúng ây và bao vây bắt hết, không để sót một người.,, Khi ấy, họ liền triệu tập bốn binh chủng dùng tay lăn bánh xe, âm thanh như sấm sét, những

ai trông thấy đều vô cùng sợ hãi. Sau đó, binh ma bèn làm mưa to gió lớn, sấm sét dữ dội tiến về rừng Ca-duy bao vây đại chúng. Khi đó, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

19. KINH ĐẠI HỘI 263

—Các ông nên biết, hôm nay chúng ma ôm lòng ác độc đến đây. Liên đo, đức The Ton noi bai kẹ răng: ông nay phải kính thuận, Kiến lập về pháp Phật, Phải diệt chúng ma này, Như voi phá rừng lau. Chuyên niệm chớ buông lung, Đầy đủ về tinh giới, Tâm định, tự suy niệm, Khéo giữ ý chí mình. Nếu ở trong Chánh pháp, Những ai không buông lung, Thì thoát khỏi già chết, Dứt hẳn các gốc khổ. Các đệ tử nghe rồi, Phải siêng năng tinh tấn, Tránh xa những dục lạc, Mảy lông không lay động. Vì chúng đây tối thắng, Có đại trí tiếng tăm9 Đệ tử đều dũng mãnh, Là chúng đáng tôn kính. Bấy giờ, chư thiên, quỷ thần, ngũ thông tiên nhơn đều tụ tập trong rừng Ca- duy, thấy việc làm của ma thật là kỳ lạ chưa từng có. Khi đức Thê Tôn nói pháp này xong, có tám muôn bôn ngàn chư thiên lìa trân câu, được pháp nhãn thanh tịnh. Các trời, rông, quỷ, thân, a-tu-la, ca-lâu- la, chân-dà-la, ma-hầu-la-già, người cùng phi nhơn, nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

20. KINH A-MA-TRÚ _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi, đi hóa đạo từ nước Câu-tát-la lần đến làng Y-xa-năng-già-la của Bà- la-môn. Tại đây, đức Thế Tôn dừng nghỉ tại rừng Y-xa thuộc nước Câu-tát-la. Bấy giờ, có Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la hiện sống tại thôn úc-già-la. Đây là một thôn dân cư đông đúc, giàu sang, phúc lạc do Vua Ba-tư-nặc phong cho Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la để lo phần cúng tế Phạm thiên. về thân thế của Bà-la-môn trên, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bi ai khinh hủy, là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà và có khả năng phân biệt các loại kinh sách khác. Ngoài ra ông còn rất giỏi về khoa tướng pháp của bậc đại nhân và những nghi lê tê tự. Ong có năm trăm đệ tử và thường xuyên dạy dỗ một cách chu đáo. Người đứng đầu trong số đệ tử ấy là A-ma-trú. về thân thế A-ma-trú, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà và có khả năng phân biệt các loại kinh sách khác. Ngoài ra, ông còn rất giỏi về khoa tướng pháp của bậc đại nhân và những nghi lễ tế tự. Ông cũng có năm trăm đệ tử và thường dạy dỗ một cách chu đáo cũng như thay ông, không hơn không kém. Bấy giờ, Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la nghe Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích-ca đã xuất gia và thành đạo cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đến tại thôn Bà-la-môn Y-xa-năng-già-ta-la nước Câu-tát-la và đã nghỉ tại rừng Y-xa. Sa-môn Cù-đàm là người rất có tiếng tăm, được đồn đãi khắp thiên hạ, là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Ngài không những đã tự chứng ngộ giữa hàng trời, người, ma, thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn mà còn vì những chúng sanh khác thuyêt pháp, ban đâu, khoảng giữa, sau cùng đều toàn thiện, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh. Ông tự nghĩ: "Một bậc Chân nhân như thế, ta phải đến yết kiến để xem Sa-môn Cù-đàm có thật đây đủ ba mươi hai tướng tót và đúng như sự đôn đãi hay không? Ta phải dùng cách gì để xem tướng của Phát?" Rồi ông lại nghĩ: "Nay đệ tử ta là A-ma-trú, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bi ai khinh hủy, là người đọc tụng thông suốt ba bộ

Phệ-đà và có khả năng phân biệt các loại kinh sách khác. Ngoài ra, A-ma-trú còn rát giỏi vê khoa tướng pháp của bậc đại nhân và những nghi lễ tế tự. Chỉ có A-ma-trú là người có thể để ta sai đến xem Phật có tướng tốt hay kh6ng"

Khi ấy, Bà-la-môn liền bảo A-ma-trú: Nay ngươi hãy đến xem thử Sa-môn Cù-đàm thật có ba mươi hai tướng tốt hay không? Bây giờ, A-ma-trú thưa với thây: Bạch thây, con phải suy xét như thê nào đê biêt được tướng tót của Cù- đàm là có thật hay không thật. Nay ta bảo ngươi: Nếu vi có đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân thì nhất đinh phải hướng đến một trong hai con đường sau đây: (1) Nếu vi ấy tại gia thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị bốn châu thiên hạ, thường lấy Chánh pháp giáo hóa mọi người và thống lãnh dân chúng. Nhà vua có đủ bảy báu: Xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ và điển binh. Vua có một ngàn người con, rất khỏe mạnh, thông minh và đủ sức dẹp trừ oán địch, không sử dụng binh đao mà thiên hạ vẫn thái bình, dân trong nước không còn sợ hãi. (2) Nếu vị ấy không thích ở thế gian mà xuất gia cầu đạo thì sẽ thành bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Căn cứ vào đó thì có thể biết Sa-môn Cù-đàm thật có tướng tốt hay không. Sau khi vâng lời thầy dạy, A-ma-trú liền sửa soạn xe báu, sáng sớm hôm sau dẫn năm trăm đệ tử thanh niên ra khỏi thôn, tiến thẳng đến rừng Y-xa. Khi đến nơi, xuống xe đi bộ đến chỗ Phật ngự. Khi đức Phật ngồi thì A-ma-trú đứng, đức Phật đứng thì A-ma-trú ngôi, cứ như thê đê luận bàn nghĩa lý trong khoảng thời gian trên. Khi đó, đức Phật hỏi thanh niên: Ngươi đã từng đàm luận như thế này với những bậc kỳ cựu, trưởng lão, đại Bà-la-môn hay chưa? A-ma-trú thưa: Y Ngài muôn dạy gì? Đức Phật bảo: Trong thời gian đàm luận, Ta ngồi thì ngươi đứng; Ta đứng thì ngươi ngồi. Vậy cách đàm luận của thầy ngươi có như thế không? Thanh niên bạch Phật: Cách đàm luận của Bà-la-môn chúng tôi là ngồi thì cùng ngồi, đứng thì cùng đứng, nằm thì cùng nằm. Nay sở dĩ như thế, vì các Sa-môn là những người hủy hoại hình hài, là kẻ cô độc, hạ liệt, đê hèn, nhỏ mọn và tu hành theo pháp mờ ám. Do đó, khi tôi đàm luận với hạng người này, không thể cùng đứng, cùng ngồi. Đức Phật liền bảo thanh niên: Chàng nhỏ này, kẻ chưa được dạy dỗ! Khi thanh niên A-ma-trú nghe Thế Tôn gọi mình là "chàng nhẻ)" và là “kẻ chưa được dạy d6" liền nổi giận và hủy báng Phật:

-Thật đúng là dòng họ Thích, ôm lòng ganh ti, không có lễ độ! Đức Phật hỏi thanh niên: Những người dòng họ Thích có lỗi gì với ngươi? Thanh niên đáp: Trước đây, thầy tôi có chút việc sai tôi đến nước Ca-duy-la-vệ của dòng họ Thích. Khi đó, những người dòng họ Thích vì có chút việc nên tụ tập rất đông tại giảng đường, thấy tôi từ xa thì họ khinh mạn, cười cợt, không theo phép tắc, không đối đãi cung kính. Phật bảo thanh niên: Những người dòng họ Thích kia đang ở nước mình, vui đùa thỏa thích, như những con chim tự do bay ra, bay vào trong khu rừng mà chúng làm tổ. Những người dòng họ Thích tự do vui đùa trong nước của họ cũng giống như vậy. Thanh niên bạch Phật: -ở đời có bốn đẳng cấp: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la. Ba đẳng cấp kia thường tôn trọng, cung kính, cúng dường đẳng cấp Bà-la-môn. Nhưng những người

dòng họ Thích kia lại không hành động như thế. Những người dòng họ Thích kia đúng là hạ liệt, đê hèn, nhỏ mọn, không biết cung kính dòng họ Bà-la-môn của tôi. Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng suy nghĩ: "Thanh niên A-ma-tru này đã nhiều lần mạ lỵ và nói những lời nhỏ mọn. Nay Ta không thể không đề cập đến nguồn gốc của dòng họ chàng để điều phục chàng u?" Sau khi suy nghĩ như thế, Phật bảo thanh niên: Này A-ma-trú, dòng họ ngươi là gì? A-ma-trú đáp: -Dòng họ tôi là Thanh Vương. Đức Phật bảo: -Này thanh niên kia, nếu dòng họ ngươi đúng như vậy, đó thuộc dòng họ nô tỳ của dòng họ Thích-ca vậy. Khi ấy, năm trăm đệ tử của A-ma-trú đều la lớn và bảo Phật: -Chớ nói như the! Chớ bảo rằng dòng họ A-ma-trú là dòng họ nô tỳ của dòng họ Thích-ca! Vì sao? Vì thanh niên A-ma-trú quả thật là người dòng họ quý tộc, dung mạo đoan chánh, có tài biện luận theo từng trường hợp, học rộng, nghe nhiều, đủ sức đàm luận với Sa-môn Cù-đàm. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo năm trăm thanh niên kia: -Nêu thây các ông cuôi cùng không đúng như lời các ông đã nói, các ông phải từ bỏ thầy của các ông để cùng với Ta luận bàn nghĩa lý. Ngược lại, nếu thầy các ông đúng như những điều các ông đã đề cập, các ông hãy im lặng để Ta luận bàn với thầy các ông.

Khi đó, năm trăm thanh niên thưa Phật: Tất cả chúng tôi đều im lặng để nghe Cù-đàm bàn luận với thầy chúng tôi. Bấy giờ, năm trăm thanh niên đều im lặng. Lúc đó, đức Thế Tôn bảo A-ma-trú: Ta nhớ thuở quá khứ xa xưa, có một vị vua tên là Thanh-ma. Nhà vua có bôn người con: Người thứ nhát tên là Diện Quang, người thứ hai tên là Tượng Thực, người thứ ba tên là Lộ Chỉ, người thứ tư tên là Trang Nghiêm. Bốn người con của Vua Thanh-ma vì lúc nhỏ có phạm lỗi nên bị nhà vua trục xuất khỏi nước đến phía Nam núi Tuyết và ở trong rừng Trực Thọ. Thân mâu và quyên thuộc của bôn người con trên ai nây đêu thương nhớ, bèn cùng nhau họp lại, thảo luận, roi đên chô Vua Thanh-ma và thưa: "Tâu Đại vương, xin ngài biết cho, chúng tôi vì đã xa cách các con quá lâu, nay muốn di thín!" Nhà vua bảo: uTùy ý, muốn đi thi di!" Bây giờ, thân mâu và quyên thuộc của bôn người con trên nghe nhà vua đã cho phép, liền cùng nhau đi đến rừng Trực Lâm ở phía Nam núi Tuyết, đến chỗ bon người con. Khi ấy, các bà mẹ đó bảo: "Con gái của tôi cùng với con trai của bà, con gái của bà cùng với con trai của tôi hãy lây nhau và thành vợ chông.,, Sau đó họ sanh một nam tử dung mạo đoan chánh. Vua Thanh-ma vui mừng bảo: "Bây đúng là con dòng họ Thích! Thật đúng là đồng tử thuộc dòng họ Thích! Vì có thể tự lập, tự tồn. Nhân đó, mới có tên gọi là dòng họ Thích" Như thế, Vua Thanh-ma là Tổ tiên dòng họ Thích. Vua có một nữ tỳ tên Phương Diện, dung mạo đoan chánh, lại tư thông với một Bà-la-môn, thọ thai và sau đó hạ sanh một nam tử, vừa sanh ra liền biết nói và bảo cha mẹ răng: "Hãy tăm gội cho con! Hãy tăm gội những ô uê cho con! Sau này con khôn lớn, con sẽ báo đáp ân đức của cha mẹ!^, Vì đứa bé mới sanh ra đã biết nói nên gọi là Thanh Vương. Cũng như ngày nay, nếu đứa bé nào mới sanh ra đều biết nói thì thiên hạ đều kinh sợ nên gọi là khả úy. Đứa bé trên cũng vậy. Hơn nữa, mới sanh ra liền biết nói nên cũng gọi là Thanh Vương. Từ đó về sau, dòng Bà-la-môn lấy Thanh Vương làm họ của mình. Đức Phật lại bảo thanh niên A-ma-trú: —Ngươi đã từng nghe các bậc tiền bối, tôn túc, kỳ cựu, trưởng lão, đại Bà- la-môn nói đến nguyên nhân của dòng họ này chưa? Lúc đó? thanh

niên A-ma-trú đứng yên, không đáp. Đức Phật hỏi lại lần thứ hai. A-ma-trú vẫn im lặng, không đáp, cho đến lần thứ ba đức Phật bảo A-ma-trú:

Dịch giả thời Tần dịch: Thích là có thể sống trong rừng Trực Lâm, Thích cũng có nghĩa là Trực.

9 • J. Á 1 À • 19« 9 1 y • ,1 *1 /\ •

Ta hỏi đên lân thứ ba, ngươi phải mau trả lời, nêu không trả lời thì sẽ bị Lực Sĩ Mật Tích tay câm chày vàng đứng cạnh Ta sẽ bô vào đâu ngươi vỡ làm bảy phần. Lực Sĩ Mật Tích tay cầm chày vàng, đứng giữa hư không, ngay trên đầu A-ma-trú? nếu như thanh niên này không trả lời ngay thì Lực Sĩ Mật Tích sẽ bổ chày vàng, làm cho vỡ đầu A-ma-trú. Đức Phật bảo thanh niên: Ngươi hãy ngước lên xem! Khi thanh niên A-ma-trú ngước lên, liền thấy Lực Sĩ Mật Tích tay cầm chày vàng, đứng giữa hư không thì sợ hãi, lông tóc dựng ngược, liên rời khỏi chô ngồi đến gần đức Thế Tôn, mong đức Phật cứu giúp và bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cứ hỏi, tôi sẽ đáp ngay! Đức Phật bảo thanh niên: Ngươi đã từng nghe các bậc tiền bối, kỳ cựu, tôn túc, đại Bà-la-môn nói đến nguyên nhân dòng họ này chưa? Thanh niên đáp: -Tôi tin là đã từng nghe và thật có điều này. Lúc đó, năm trăm đệ tử đều lên tiếng và bảo nhau: Thanh niên A-ma-trú này thật là dòng họ nô tỳ của dòng họ Thích-ca! Sa- môn Cù-đàm đã nói thật. Chúng ta không còn mang lòng khinh mạn nữa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Năm trăm thanh niên này về sau chắc sẽ ôm lòng khinh mạn, gọi A-ma-trú là kẻ dòng họ nô tỳ. Nhân đây, Ta hãy hủy bỏ các danh xưng nô tỳ ấy.” Nên Ngài bảo năm trăm thanh niên: -Này các ngươi, hãy cẩn thận chớ gọi A-ma-trú là dòng họ nô tỳ! Vì sao? Vì Tổ tiên Bà-la-môn của A-ma-trú là một Đại Tiên nhân, có oai lực lớn đã chinh phạt Vua Thanh-ma. Vì nhà vua quá sợ nên đã nạp công chúa cho ông ta. Nhờ đức Phật nói như thế nên họ không còn gọi A-ma-trú là dòng họ của nô tỳ nữa. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-ma-trú: -Này thanh niên, ngươi nghĩ sao, nêu người con gái thuộc dòng Sát-đê-lợi từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, bằng lòng làm vợ một Bà-la-môn, sau đó hạ sanh một con trai, dung mạo đoan chánh. Vậy người con trai ây, có được ở trong dòng họ Sát-đê-lợi, ngôi nhận lãnh nước, đọc tụng pháp điển của Sát-đế-lợi không? A-ma-trú đáp: Không được! Đức Phật hỏi: Có được thừa hưởng tài nghiệp của cha không? Không được!

Đức Phật hỏi

CÓ được thừa kế chức vụ của cha không?

Không được!

A-ma-trú nghĩ sao, nếu có một người con gái dòng họ Bà-la-môn, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, làm vợ một người dòng Sát-đế-lợi, sanh một con trai, dung mạo đoan chánh. Vậy người con trai đó có được vào trong chúng Bà-la-môn? có được ngồi hoặc đứng để nhận lãnh nước hay không?

-Được!

Đức Phật hỏi:

Được đọc tụng pháp điển Bà-la-môn không?

-Được!

Đức Phật hỏi:

- Có được hưởng phần di sản và thừa kế chức nghiệp của cha không?

-Được!

A-ma-trú nghĩ sao, nêu dòng Bà-la-môn đuôi một người Bà-la-môn.

Người này vào trong dòng Sát-đê-lợi, có được phép ngôi, hoặc đứng, nhận lãnh

-Uy v c • nước hay đọc tụng pháp điên Sát-đê-lợi không?

Không được!

Đức Phật hỏi:

ĩ @

Có được hưởng di sản và thừa kê chức nghiệp của cha không? Không được! Nêu dòng Sát-đê-lợi đuôi một người Sát-đê-lợi. Người này vào trong chúng Bà-la-môn. Vậy người này có được phép ngồi, hoặc đứng, nhận lãnh nước, đọc tụng pháp điên Bà-la-môn và được hưởng phân di sản hoặc thừa kê chức nghiệp của cha không? -Được! Thế nên, này A-ma-trú, trong những người đàn bà thì đàn bà dòng Sát- đế-lợi là hơn hết! Trong những người đàn ông thì đàn ông Sát-đế-lợi là hơn hết, chứ không phải là dòng Bà-la-môn. Bấy giờ, Phạm thiên cung kính tự nói bài kệ: Sanh Sát-lợi tối thắng, Chủng tánh cũng thuần chơn, Minh, Hạnh đêu đây đủ, Tôi thăng trong trời, người. Khi ấy, đức Phật bảo thanh niên rằng: -Phạm thiên nói bài kệ này thật là khéo nói, chứ không phải vụng nói, được Ta ấn khả. Vì sao? Vì Ta nay là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói lên ý nghĩa này.

20. KINHA-MA-TRÚ < 271

Sanh Sát-lợi tôi thăng, Chủng tánh cũng thuần chơn,
Minh, Hạnh đều đầy đủ, Tối thắng trong trời, người.

Thanh niên A-ma-trú bạch đức Phật:

- Sao gọi là Vô Thượng Sĩ, Minh Hạnh Túc?

Đức Phật bảo thanh niên:

Hãy lăng nghe! Hãy lăng nghe! Hãy suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ nói cho ngươi nghe!

r

-Thưa vâng, con muôn nghe! Đức Phật bảo: -Nếu có bậc Như Lai xuất hiện ở thế gian là bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tự chứng trong hết thảy trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương và còn vì chúng sanh khác thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, sau cùng đều toàn thiện, ý nghĩa đầy đủ, mở bày hạnh thanh tịnh. Nếu có cư sĩ hoặc con cư si, hay các dòng họ khấc nghe được Chánh pháp sanh lòng tin tưởng an vui. Do lòng tin tưởng, an vui mà tự nghĩ: "Nay ta là người tại gia, bị vợ con ràng buộc nên không thể tu Phạm hạnh một cách hoàn toàn thanh tinh được! Vậy, ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo." Thế rồi, vào thời gian khác,

những người trên từ bỏ gia đình, tài sản và thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo, cùng với những người xuất gia đều loại bỏ sự trang sức, đay đủ các giới hạnh, không giết hại chúng sanh, từ bỏ đao gậy, có lòng tàm quý, có lòng thương tất cả chúng sanh. Đó là giới không sát sanh. Người này lại bỏ tâm trộm cap, không lây của không cho, tâm họ thanh tinh, không có ý trộm cắp làm của riêng. Đó là giới không trộm cắp. Người này từ bỏ tâm dâm dục, thanh tịnh tu Phạm hạnh, cần mẫn siêng năng, không bi tham dục làm ô nhiễm, sống cuộc đời trong sạch. Đó là giới không dâm dục. Người này lại từ bỏ sự nói dối, nói lời rất thành thật, không dối gạt một ai. Đó là giới không nói dối. Người này lại từ bỏ lời nói hai chiều, như nghe những gì ở đây không đem đến chỗ khác để nói, hay ngược lại nghe những gì ở chỗ khác không đem đến chỗ này để nói, nếu có người nào vì duyên cớ gì đó? ly biệt nhau thì khéo vì họ làm cho hòa hiệp, khiến họ thương kính lẫn nhau, phàm nói ra lời nào cũng đều hòa thuận và hợp thời. Đó là giới không nói hai chiêu. Lìa bỏ lời nói độc ác, lời thô tục, ngang ngược, gây phiên não cho người khác làm cho họ sanh lòng tức giận, lìa bỏ những lời nói như thế, chỉ nói lời hòa nhã, không làm người khác sanh oán hận; nói những lời có nhiều lợi ích, mọi người đều thương kính và thích nghe. Đó là giới không nói lời độc ác. Người này lại từ bỏ lời nói thêu dệt, lời nói hợp thời, thành thật đúng như pháp, y luật để dứt trừ nguyên nhân tranh cãi, hoặc có duyên sự cần nói mới nói, không nói vô cớ. Đó là giới không nói thêu dệt. Người này lại bỏ uống rượu, xa lánh những nơi ồn ào phóng đãng, không thoa hương, không mang tràng hoa

và anh lạc, không ca múa xướng hát và cũng không cố đến xem nghe, không ngồi giường cao, không ăn phi thời, không cất, không dùng vàng, bạc, của báu, không cưới vợ và nàng hầu, không nuôi tôi tớ, voi, ngựa, bò để kéo xe, gà, chó, heo, dê và không tạo lập ruộng, nhà, vườn, ao, không làm những việc xảo trá như đong non, cân thiếu gạt gẫm người đời, không dùng bàn tay, nắm tay đánh nhau, không vu cáo cho người, không làm những việc xảo trá quỷ quyệt. Xả bỏ tất cả những điều bất thiện như thế lại còn dứt trừ những điều tranh tụng, cũng như những việc bất thiện khác. Phàm làm việc gì đều đúng thời, phi thời không làm, lượng bụng mà n, không có cát chứa, quân áo che thân chỉ vừa biêt đủ, ca-sa, bình bát thường mang bên mình như đôi cánh chim chắp liền vào thân. Những Tỳ-kheo khác cũng lại như vậy. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn5 dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường, lại còn mong cầu cất chứa những thứ y phục và đồ ăn uống không bao giờ nhàm chán và biết đủ. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhưng vẫn còn tự mình kinh doanh, buôn bán hoặc gieo trồng các loại cây làm nơi nương tựa cho các quỷ thần. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta không bao giờ có những việc như thê. Này thanh niênA-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhimg lại dùng nhiều phương tiện hầu mong cầu lợi dưỡng cho mình, như dùng ngà voi và những loại báu khác để làm giường cao, thật rộng và lớn, gối êm, nệm dày, chăn ấm, lại thêu những màu sác rực rỡ. Còn vị Tỳ-kheo

đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng đuờng nhưng lại còn tạo những phương tiện để làm trang sức thân mình, như dùng dâu tô thoa ướp vào mình, tắm gội bằng nước thơm, dùng hương bột rải khắp mình, chải đầu với dầu thơm, mang tràng hoa đẹp, thoa mặt, hoặc mang vòng vàng, tắm sạch rồi lại soi gương, hoặc đi giày thêu nhiều màu, mặc áo thuần màu trắng, dao gậy luôn luôn đeo bên mình, hoặc đi bằng lọng báu, tay cầm quạt báu, sửa soạn xe báu thật lộng lẫy. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã nhận lãnh các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhưng lại ham thích vui chơi bằng những cuộc cờ, như chơi loại cờ có tám đường đi, mười đường di, trăm đường đi, cho đến rất nhiều đường di, cho đến thực hiện mọi thứ vui đùa. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế.

20. KINHA-MA-TRÚ 273

Này thanh niên A-ma-trú, như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhtrng lại thường nói những lời vô ích, chướng ngăn Thánh đạo, như nói những chuyện quân trận, xe ngựa chiến đấu của nhà vua, hoặc chuyện các đại than cưỡi ngựa, cưỡi xe ra vào, dạo chơi ở vườn... hoặc luận bàn những việc nằm, đứng hay những bước đi của người con gái, hoặc những việc y phục, ăn uông, bà con v.v... lại nói những chuyện lặn xuống đáy biển tìm của báu. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. W thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đên cúng dường nhưng dùng vô sô phương tiện chỉ thuộc tà mạng, như trau chuốt văn chương, lời hay ý đẹp, hoặc tướng nghiêm trang, chê bai người khác, lấy lợi cầu lợi. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhưng lại cùng nhau tranh tụng, hoặc ở vườn cây, hay hồ tắm, hoặc ở giảng đường cùng nhau tranh cãi các chuyện thị phi, như nói: "Ta là người biết rõ kinh luật, còn ngươi không biết gì cả5 ta hướng về chánh dạo, còn ngươi thì hướng đến nẻo tà. Lấy trước nói sau, lây sau nói trước.^, Hoặc nói: “Ta có đủ sức nhân nhục với ngươi nhimg ngươi không thê có được, những điêu gì được ngươi nói ra đêu không chân chánh, nếu ngươi còn nghi ngờ thì hãy đến hỏi ta, ta sẽ giải đáp một cách tường tan/9 Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-matrú, như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhung lại tự tạo ra những phương tiện mong làm sứ giả, hoặc làm sứ cho vua, đại thần của vua, cư si, làm người thông tin từ đây đến kia, từ kia đến đây, đem tin từ chỗ này đến trao chỗ kia, hay đem tin chỗ kia đến chỗ này, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm. Còn vị Tỳ- kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú? như có một số Sa-môn9 Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại chuyên luyện tập những việc như chiến trận, tranh cãi hơn thua, hoặc luyện tập những thứ dao, gậy, cung, tên, hoặc đấu gà, chó,

heo, dê, voi, ngựa, trâu, lạc đà, những thứ gia súc, v.v... hoặc phe nam, phe nữ đâu nhau và trôi lên không ngớt những tiêng nhạc vui đùa như tiếng ốc, tiếng trống, tiếng ca múa, thực hiện các loại kỳ hy, v.v... Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Này thanh niênA-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những việc tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như xem tướng lành, dữ, tốt, xấu của con trai,

con gái và tướng của súc sanh để mong cầu lợi dưỡng. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những việc tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như kêu gọi quỷ thần rồi lại sai khiến, thực hiện các loại trù yểm; dùng vô số phương tiện để đe dọa người khác, khiến cho tụ, khiến cho tán, khiến cho vui, khiến cho khổ; cũng có thể khiến cho người an thai, xuất thai; lại có thể dùng chú thuật khiến cho người ta thành lừa, thành ngựa; lại có thể khiến cho người ta trở thành đui, điếc, câm, ngọng, thực hiện các phép thuật như vòng tay nhìn vê mặt trời, mặt trăng, thực hành khô hạnh, v.v... để mong cầu lợi dưỡng. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta, không bao giờ làm những việc như the. Này thanh niên A-ma-trú5 như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhimg lại làm những điều tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như đọc tụng thần chú để chữa bệnh cho người, hoặc tụng ác thuật hoặc làm thiện chú hoặc làm thuốc, châm chích và trị liệu tất cả các bệnh trạng. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn5 Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những điều tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như tụng chú nước, lửa, hoặc tụng chú quỷ, hoặc tụng chú Sát-lợi, hoặc tụng điểu chú và những loại chú khác; hoặc dùng phù chú để làm an ổn nhà cửa, hoặc phóng hỏa đốt chuột để giải trừ chú; hoặc đọc những loại sách viết về sự cách biệt, sự sống và sự chết; hoặc đọc sách bàn mộng, sách bàn về tướng tay, tướng mặt; hoặc tụng sách thiên văn, hoặc tụng những loại sách nói về tất cả âm thanh. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những điều tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như đoán xem thời tiết có mưa hay không mưa, được mùa hay mất mùa; nhiều bệnh hay ít bệnh, kinh sợ hay an ổn; hoặc nói sẽ CÓ động đất, sao choi, nhật thực, nguyệt thực, tinh thực, hoặc nói những điêu ây không c6, hoặc nói những diêm lành, diêm dữ như vậy, v.v... Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên Ama-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng vẫn làm những việc tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như nói nước này thắng, các nước kia thua, hoặc nói nước kia thăng các nước này thua, hoặc coi tướng lành dữ đê nói thịnh hay suy. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm

những việc như thế. Trái lại, vị ấy chỉ chuyên tu theo đúng Thánh giới, không

CÓ tâm nhiễm trước, bên trong giữ tâm hỷ lạc, dầu mắt thấy sắc nhimg không chập tướng và không bị sác ràng buộc, kiên cô văng lăng, không còn tham đăm, cũng không có lo sợ, ngăn chặn các ác pháp, kiên trì giới luật, khéo bảo vệ nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn cũng như thế, khéo chế ngự sáu xúc, hộ trì và điều phục chúng, khiến được an ổn. Ví như người cưỡi xe bốn ngựa chạy trên đất bằng, khéo khiến xe không trật đường, Tỳ-kheo cũng thế, biết chế ngự sáu căn, an ổn không hư mất. Vị Tỳ-kheo đã có Thánh giới như vậy, được các Thánh căn, ăn vừa biết đủ, cũng không tham những món ăn ngon, chỉ cần nuôi thân để khỏi bệnh hoạn, không bao giờ cống cao, luôn điều hòa thân minh, khiến khổ cũ tiêu diệt và khổ mới không phát sanh. Có sức vô sự làm cho thân được an lạc. Cũng như có người lây thuốc đáp vào vét thương chỉ muôn làm sao vét thương mau lành, không câu tót đẹp và cũng không vì thê mà tự cao. Này thanh niên A-ma-trú? những Tỳ-kheo như thế, chỉ ăn vừa đủ nuôi thân, lòng không khinh mạn, phóng túng. Cũng như xe cao dùng để vận tải cho thông suốt, sớm đến mục đích. Tỳ-kheo cũng thế, ăn đủ nuôi thân vì muốn hành đạo. Này A-ma-trú, những Tỳ-kheo như vậy ăn đủ nuôi thân để mà hành đạo. Những Tỳ-kheo thành tựu được Thánh giới như thế đắc được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ, đâu đêm, cuôi đêm siêng năng giác tính, và trọn ngày nêu đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái. Vi Tỳ-kheo ấy, vào lúc đầu đêm, nếu đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái, cho đến nửa đêm nằm nghiêng phía bên tay mặt và nhớ thức dậy đúng giờ, phải giữ tư tưởng luôn luôn trong sáng, tâm không rối loạn, đến cuối đêm liền thức dậy tư duy, nếu đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái. Tỳ-kheo có Thánh giới đầy đủ như vậy nên được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ, đầu đêm, cuối đêm tinh tấn giác tỉnh, thường niệm nhất tâm, không có tán loạn. Thế nào là Tỳ-kheo niệm không tán loạn? Tỳ-kheo quán thân trong thân, tinh càn không giải đãi, ghi nhớ không quên để trừ bỏ tham ưu ở đời; quán ngoài thân, quán trong và ngoài thân, tinh cần không giải đãi, ghi nhớ không quên để trừ bỏ tham ưu ở đời, quán thọ, quán ý và pháp cũng như vậy. Đó là vị Tỳ-kheo niệm không tán loạn. Thế nào gọi là nhất tâm? Tỳ-kheo đi ra, đi vào hay nhìn ngó hai bên5 co duỗi tay chân, hay ngước lên, nhìn xuống hoặc cầm giữ y bát, nhận lãnh thức ăn, thức uống, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói năng hay im lặng, v.v... trong tất cả thời, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Ví như có người cùng đi với đại chúng hoặc đi trước, đi giữa hay đi sau, thường được yên ổn không sợ hãi. Này thanh niên A-ma-trú, Tỳ-kheo như thế, nếu đi ra, đi vào, v.v... cho đến nói năng hay im lặng thường niệm nhất tâm không có lo sợ. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, nêu được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ; đâu đêm, cuôi đêm tinh

cản tỉnh giác, thường niệm nhát tâm, không có tán loạn; thích ở nơi văng vẻ, hoặc dưới gốc cây, hoặc bãi tha ma, hoặc trong hang núi, hoặc giữa đồng trống, hay tại đông rơm; đên giờ thì đi khát thực, ăn xong rửa sạch tay chân, thâu xép y bát, bèn ngôi kiêt-già,

thân ngay thăng, ý chân chánh, giữ niệm trước mặt; loại bỏ xan tham, tâm không bị ràng buộc; dứt trừ tâm sân hận, không có oán kết, trụ tâm thanh tịnh; thường đem lòng thương xót chúng sanh; loại trừ sự ngủ nghỉ, giữ cho ý tưởng luôn luôn sáng suốt và niệm không tán loạn; dứt trừ trạo hối, tâm không bị ràng buộc, nội hành tịch diệt, dứt trừ tâm trạo hối; đoạn trừ nghi hoặc để dứt lưới nghi, tâm phải chuyên nhất với các thiện pháp. Ví như người đầy tớ được chủ nhà ban cho tên họ, lấy làm mừng vui yên ổn, và cũng đã thoát khỏi sự sai khiên nên tâm người này rát hoan hỷ không còn lo sợ. Lại như có người vay tiên đi buôn, lời được khá lớn, khi trở vê? đem trả vôn lại cho chủ. Còn lại tiền của đủ dùng, người này tự nghĩ: "Ta trước vay tiền, lo sợ không được như ý, nay được lời nhiêu đã trả vôn cho chủ, còn lại đủ dùng, không còn lo sợ, vô cùng hoan hỷ." Lại như có người bệnh đã quá lâu, nay lại được lành, ăn uống tiêu hóa, sức lực dồi dào, người này nghĩ rằng: "Ta trước bị bệnh nhưng nay đã lành, ăn uông tiêu hóa, sức lực dôi dào, không còn lo sợ, vô cùng hoan hy.” Lại như có người bi giam lâu ngày ở trong lao ngục, nay được phóng thích, người đó tự nghĩ: "Ta trước kia bị giam giữ, nay được thả ra, không còn lo sợ, VÔ cùng hoan hy.” Lại như có người mang nhiêu tài sản đi qua đông trông, không gặp giặc cướp, bình yên qua khỏi, người đó tự nghĩ: "Ta mang tài sản đã đi qua khỏi chỗ hiểm nạn, không còn lo sợ, vô cùng hoan hy, tâm được an lạc." Này thanh niên A-matrú, Tỳ-kheo có năm triên cái ngăn che, thường phải lo sợ cũng giống như vậy, như người vay tiền chưa trả, bị bệnh chưa lành, người ở trong lao ngục chưa được phóng thích, người đi trong đồng trống, v.v... Cũng vậy, Tỳ-kheo tự thấy mình chưa xả bỏ hoàn toàn các ấm cái, ngăn che, mê mờ5 huệ nhãn chưa được mở bày. Vi Tỳ-kheo ấy, liền phát tâm tinh cần dứt trừ các pháp dục, ác, bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, chứng nhập Sơ thiền. Vị Tỳ-kheo trên được hỷ lạc thấm nhuần toàn thân tràn đầy, không có chỗ nào là không sung mãn. Như người hầu tắm lão luyện, dùng thau đựng bột, đồng thời lấy nước trộn bột làm cho bột thấm ướt từ trong lẫn ngoài, không một chỗ nao là không thấm ướt. Cũng thế, khi Tỳ-kheo chứng nhập Sơ thiền thì hỷ lạc thấm nhuần toàn thân, không một chỗ nào là không sung mãn. Như vậy, này A-ma-trú, đó là sự an lạc đầu tiên của thân trong hiện tại. Tại sao vậy? Vì do tinh tấn, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vang nên đạt được trạng thái như thế. Vị Tỳ-kheo trên từ bỏ giác và quán, liền sanh lòng tin, chuyên niệm nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, chứng nhập Nhị thiền. Vị Tỳ- kheo trên được nhất tâm, hỷ lạc tham nhuần toàn thân, tràn đầy, không một chỗ nào là không sung mãn. Như nước suối mát trên đỉnh núi, từ trong chảy ra, không phải từ ngoài chảy vào. Trong ao ấy, luôn luôn tràn ra nước trong sạch và

tự thâm ướt không chô nào là không thâm ướt. Này A-ma-trú, như vậy, vị Tỳ- kheo chứng nhập Nhị thiền, do định phát sanh hỷ lạc, không chỗ nào là không sung mãn. Đó là sự an lạc thứ hai của thân trong hiện tại. Vi Tỳ-kheo trên từ bỏ hỷ, giữ niệm không tán loạn, thân cảm nhận sự an lạc, như các bậc Thánh đã nói, giữ gìn niệm lạc, chứng nhập Tam thiền. Thân vị Tỳ- kheo này, không có hỷ, chỉ có lạc thấm nhuần và tràn đầy cả thân, không một chỗ nào là không sung mãn. Ví như hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa

sen hồng, hoa sen trắng mới vượt khỏi bùn nhưng chưa vượt khỏi mặt nước. Do đó5 gốc, rễ, cành, lá đều còn thấm ướt trong nước, không một chỗ nào là không thấm ướt. Này A-ma-trú, như vậy, vị Tỳ-kheo chứng nhập Tam thiền, lìa hỷ5 trú lạc, thấm nhuần toàn thân, không một chỗ nào là không sung mãn. Đó là sự an lạc thứ ba của thân trong hiện tại. Vị Tỳ-kheo trên lìa hỷ lạc, diệt iru và hỷ đã cảm thọ trước, không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh chứng nhập Tứ thiền. Vị Tỳ-kheo ấy, thân tâm thanh tịnh, đầy đủ sung mãn không một chỗ nào là không sung mãn. Cũng như người tam gội sạch se, lấy lụa trắng đắp lên thân, toàn thân đều thanh tịnh. Này A-ma- trú, như vậy, vị Tỳ-kheo chứng nhập Tứ thiền thì tâm của vị này thanh tinh, sung mãn toàn thân, không một chỗ nào là không cùng khắp. Lại nữa, vị Tỳ-kheo trên sau khi chứng nhập Tứ thiền thì tâm không còn tăng giảm, đồng thời cũng không khuynh động, không còn ái nhuế và trú định Bất động. Ví như căn nhà kín, mặt trong, mặt ngoài vách, đều được tô kín và các cửa đều đóng chặt, không một chút gió lọt vào. Trong nhà được thắp một ngọn đèn, đồng thời không ai đụng chạm đến và đèn vẫn tự nhiên cháy sáng bất động. Này A-ma-trú, cũng thế, vị Tỳ-kheo trên khi chứng nhập Tứ thiền thì tâm không tăng giảm, đồng thời không khuynh động, tru vào định không ái nhuế, bất động. Đó là sự an lạc thứ tư của thân trong hiện tại. Tại sao vậy? Đó là nhờ siêng năng, không lười biếng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở nơi thanh vắng mà được như thế. Vị Tỳ-kheo trên, do tâm định tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động. Chính từ thân này khởi lên tâm biến hóa, hóa thành thân khác, có đầy đủ các căn. Vị ấy thực hiện phép quán rằng: sắc thân tứ đại này biến thành thân kia, thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đêu đây đủ. Ví như có người rút dao từ trong bao ra và tự nghĩ: "Bao khác, dao khác nhưng dao lại rút ra từ trong bao." Lại như có người đánh gai làm dây, người ấy tự nghĩ: “Gai khác, dây khác nhưng dây từ gai mà c6." Ví như có người lây răn từ trong giỏ ra, người ấy tự nghĩ: "Giỏ khác, rắn khác nhưng rắn từ giỏ mà ra." Lại như có người lấy áo từ trong rương, người ấy tự nghĩ: "Rương khác, áo khác nhưng áo được lấy ra từ trong rương.” Này A-matrú, vị Tỳ-kheo cũng thế. Đó là thắng pháp mà Tỳ-kheo chứng đắc đầu tiên. Tại sao vậy? Đó là nhờ siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở nơi thanh vắng mà được như thế.

Vị Tỳ-kheo trên, do tâm định tĩnh, thanh tinh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động. Thế rồi, từ sắc thân tứ đại của mình khởi tâm biến thành hóa thân, tất cả các căn đều đầy đủ. Vị ấy quán rằng: Thân này do tứ đại hợp thành, thân kia do biến hóa mà có, thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Tâm này ở trong thân này, nương vào thân này mà đến trú vào thân kia. Ví như ngọc lưu ly, ma-ni thật sáng, trong sạch, không tỳ vết; nếu lấy chỉ xanh, đỏ? vàng xâu lại, người có măt lây đê vào trong bàn tay mà quan sát thì biêt rang hạt châu khác, sợi chỉ khác nhưng sợi chỉ thì y cứ vào hạt châu, từ hạt châu này đến hạt châu khác liên kết với nhau. Này A-ma-trú, vị Tỳ-kheo ấy quán sát rằng: Tâm y cứ vào thân này mà trú, cho đến hóa thân cũng như thế. Đó là thắng pháp thứ hai mà vị Tỳ-kheo này chứng được. Tại sao vậy? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở nơi thanh vắng nên được kết quả

như thế. Vi ấy do tâm định tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, nhu nhuyến, dễ điều phục mà trú định Bất động, đồng thời do tu tập nhất tâm nên chứng được Thần thông trí và có thể biến hóa ra các thứ, như biên hóa một thân thành ra vô số thân và thu hôi vô sô thân trở lại thành một thân, có thê bay qua vách dá, không chướng ngại, hoặc bay trên hư không như chim, hoặc đi trên nước, hoặc đi trên đất, hoặc thân phát ra lửa như đống lửa lớn, hoặc tay sờ mặt trời, mặt trăng hay đứng cao đến trời Phạm thiên. Ví như thợ gốm khéo nhồi đất, tùy theo ý mình tạo ra bát cứ món đô gì đêu được nhiêu lợi ích. Hoặc như thợ mộc sành nghê khéo đẽo cây, rồi tùy theo ý mình tạo ra đồ dùng đều thành tựu dễ dàng và được nhiều lợi ích. Lại như thợ ngà, khéo giũa ngà voi. Hoặc như thợ vàng khéo luyện vàng trở thành vàng ròng, rồi tùy theo ý mình tạo ra bất cứ món hàng gì đều được nhiều lợi ích. Này A-ma-trú, vị Tỳ-kheo cũng như thế, do tâm định tĩnh, thanh tinh mà trú định Bát động, tùy ý biên hóa, cho đên tay sờ mặt trời, mặt trăng, hoặc đứng cao đến trời Phạm thiên. Đây là thắng pháp thứ ba của vị Tỳ-kheo ấy. Vị Tỳ-kheo ấy do tâm định tinh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo dễ điều phục mà trú đinh Bất động, do tu tập nhất tâm nên chứng được Thiên nhĩ trí. Thiên nhĩ trí của vị ấy, nghe rõ hơn tai người thường, nghe được hai loại tiếng: Tiếng trời và tiếng người. Ví như trong thành có một đại giảng đường cao rộng, nguy nga, ở trong đó có một người nghe thông suốt, trong giảng đường có tiếng thì không cần nhọc sức mà nghe vẫn được tất cả. Vị Tỳ-kheo cũng như thế, do tâm định tĩnh nên được thiên nhĩ thanh tinh và có thể nghe được hai loại tiếng. Này A-ma-trú, đó là thắng pháp thứ tư của vi Tỳ-kheo ấy. Hơn nữa, vị Tỳ-kheo trên do tâm định tĩnh, thanh tinh, không ô uế, mềm dẻo, dê điêu phục mà trú định Bát động, do tu tập nhát tâm nên chứng được Tha tâm trí. Với Tha tâm trí của Tỳ-kheo ấy, có the biết tâm của kẻ khác có tham dục hay không tham dục, thanh tịnh hay không thanh tịnh, có si hay không có si, tâm quảng đại hay tâm hẹp hòi, đại tâm hay tiểu tâm, định tâm hay loạn tâm, tâm bị ràng buộc hay tâm giải thoát, tâm cao thượng hay tâm hạ liệt, cho đến

tâm vô thượng, tát cả đêu biêt hét. Ví như có người soi mình xuống dòng nước trong, đẹp, xấu đều thấy rõ. Ty-kheo ấy cũng thế, do tâm thanh tịnh nên biết được tâm của kẻ khác. Này A-matrú, đó là thăng pháp thứ năm của Tỳ-kheo ấy. Vị Tỳ-kheo ấy do tâm đinh tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động, do tu tập nhất tâm nên chứng được Túc mạng trí có thể nhớ lại bao nhiêu việc trong vô số kiếp ở quá khứ, như có thể nhớ một đời, cho đến vô số đời, hoặc những kiếp số thành hoại, nệười này chết ở đây, sanh chỗ khác, tên họ, dòng dõi, việc ăn uống, đẹp, xấu, song lâu hay chết yểu, khổ hay vui, hình sắc tướng mạo thảy đều nhớ biết. Ví như có người từ thôn mình đi đến một ấp thuộc nước khác và ở lại đó, hoặc đi hay dừng nghi, nói năng hay im lặng, lại từ nước đó lân lượt đên nước khác và cứ như thê lân hôi trở vê bôn xứ. Người này, không cân nhọc tâm lực mà có thê nhớ biêt hét những nước mà mình đã đi qua. Chăng hạn, từ chô này đên chô kia, từ chô kia đên chô này, hoặc đi, đứng, nói năng hay im lặng, thảy đều nhớ hết. Này A-ma-trú, vị Tỳ-kheo ấy cũng thế, do tâm định tĩnh, thanh tịnh, không ô uế mà trú đinh Bất động, do Túc mạnẹ trí nên có thể nhớ được bao nhiêu việc trong vô số kiếp ở quá khứ. Đây là thắng pháp thứ nhất mà

Tỳ-kheo chứng được, diệt trừ vĩnh viễn vô minh nên phát sanh pháp đại minh và nhờ tiêu diệt tối tăm nên phát sanh pháp sáng sủa. Đây là cái minh về Túc mạng trí, minh của vị Tỳ-kheo ấy. Tại sao như vậy? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vang nên được kết quả như thế. Vị ấy do tâm đinh tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động, do tu tập nhất tâm nên chứng được Sanh tử trí. Thiên nhãn của vị ấy thanh tinh nên thấy được các chúng sanh thác ở đây, sanh ở chỗ kia, từ chỗ kia sanh vê đây, hình săc tót, xâu, các quả báo ác, thiện, tôn quý hay ti tiện, tùy theo chỗ tạo nghiệp của họ và những nhân duyên báo ứng, tất cả những điều đó đều thấy biết hết. Chẳng hạn như người này thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Thánh hiền, nói điều tà vọng, làm điên đảo kiến thức. Sau khi thân hoại mạng chung bị đọa vào ba đường ác. Hoặc người này thân làm thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Thánh hiền, kiến thức chân chánh và có tín hạnh. Sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời, cõi người. Do thiên nhãn thanh tịnh nên thấy được các chúng sanh tùy theo nghiệp duyên của họ đã tạo mà qua lại năm đường. Ví như trong thành có một khoảng đất cao rộng, bằng phẳng và tại ngã tư đường có xây dựng một tòa lâu đài cao lớn, có một người sáng mắt ở trên lau đó nhìn những người bộ hành khắp bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc và thấy những cử động của họ. Này A-ma-trú, Tỳ-kheo trên cũng thế, do tâm định tĩnh, không ô uế, tm định Bất động và chứng được Sanh tử trí, do thiên nhãn thanh tịnh nên thấy hết tất cả hành vi thiện ác của chúng sanh và tùy theo nghiệp mà thọ sanh, qua lại trong năm đường. Đây là minh thứ hai của Tỳ-kheo, do đoạn trừ vô minh phát sanh tuệ minh, diệt trừ tối tăm, phát sanh ánh sáng trí tuệ. Đây là hai cái minh

chứng được vê cái trí thây được sự sanh tử của chúng sanh. Tại sao như thê? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vang nên được kết quả như vậy. Vị ấy do tâm định tĩnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động. Do tu tập nhất tâm nên chứng được Vô lậu trí. Vị ấy biết đúng như thật khổ Thánh đế, biết đung như thật hữu lậu tập Thánh đế, biết đúng như thật hữu lậu tận Thánh đế, biết đúng như thật hữu lậu tận đạo Thánh đế. Vị ấy đúng thế, biết như thế, thấy như thế về dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, được giải thoát tâm, được giải thoát trí, sanh tử đã hét, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh. Ví như ở trong nước trong, có những loại thủy tộc như cây, đá5 cá, ba ba... lội tới lội lui, đôi với người có măt thì trông thây các loại ấy một cách rõ ràng, như đây là cây, đá, đây là cá, là ba ba... Này A-ma-trú, Tỳ-kheo cũng như thế, do tâm định tĩnh, thanh tinh mà trú đinh Bất động, chứng Vô lậu trí, cho đến không còn thọ sanh đời sau. Đó là cái minh thứ ba mà vị Tỳ-kheo chứng được, đoạn trừ vô minh, phát sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm? phát sanh ánh sáng đại trí. Đó là cái minh của Trí vô lậu. Tại sao như thế? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vắng nên được kết quả như thế. Này A-ma-trú, đó là Minh, Hạnh cụ túc vô thượng. Ý ngươi thế nào? Minh, Hạnh như thế là đúng hay sai? Bây giờ, đức Phật bảo thanh niên A-ma-trú: -Có người không thể đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng này nhưng thực hành bốn phương tiện. Thế nào là bốn? Này A-ma-trú, hoặc có người không đạt được Minh, Hạnh

cụ túc vô thượng nhưng lại đi cầm búa, mang giỏ đi vào trong rừng núi tìm thuốc và ăn rễ cây. Này A-ma-trú, đó là hạng người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng thực hành phương tiện thứ nhất. The nào A-ma-trú, phương tiện thứ nhất này, ngươi và thầy ngươi có thực hành không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật bảo A-ma-trú: —Ngươi chính là một kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, trở lại hủy báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn và làm tăng trưởng nhân địa ngục. Lại nữa, này A-ma-trú, có người không thể đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng này nhưng lại tay cầm bình bát, chống gậy, mang sách thuật đi vào trong rừng núi và chỉ ăn trái cây rụng. Đó là hạng người không đạt Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại thực hành phương tiện thứ hai. Thế nào A-ma-trú, ngươi và thầy ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: Thưa không!

Đức Phật bảo A-ma-trú: -Ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, lại hủy báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn làm tăng trưởng nhân địa ngục. Này A-ma-trú, có người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại từ bỏ việc hái thuốc và bỏ việc ăn trái cây rụng, trở vê với xóm làng, nương vào chốn nhân gian hoặc cất thảo am, hay ăn lá cây cỏ. Này A-ma-trú, đó là hạng người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại đi thực hành phương tiện thứ ba. Thế nào A-ma-trú? ngươi và thầy ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật bảo A-ma-trú: Ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biêt đâu là chân, đâu là ngụy, trở lại hủy báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn, làm tăng trưởng nhân địa ngục. Đó là phương tiện thứ ba. Lại nữa, này A-ma-trú, có người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng, không ăn cỏ thuốc, không ăn trái cây rụng, không ăn lá cây, lại ở trong thôn xóm, trong thành quách, kiến tạo lâu đài lớn, tùy theo khả năng cung cấp cho những kẻ bộ hành từ bốn phương qua đây. Đó là hạng người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng, lại thực hành phương tiện thứ tư. Thê nào A-ma-trú, ngươi và thây ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật bảo A-ma-trú: Ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, lại đi hủy báng khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn, làm tăng trưởng nhân địa ngục. Này A-ma-trú, các cựu Bà-la-môn và những vị tiên nhân có nhiều chú thuật, ca ngợi, tán dương các chú thuật mà họ đã quen thuộc. Hiện nay các Bà- la-môn ca ngợi, tán dương, tụng đọc: Một là A-trá-ma, hai là Bà-ma9 ba là Bà- ma-đề-bà, bốn là Tỷ-ba-mật-đa, năm là Y-đâu-lại-tất? sáu là Da-bà-đề-già, bảy là Bà-bà-bà-tất-tra, tám là Ca-diếp, chín là A-lâu-na, mười là Cù-đàm, mười một là Thủ-di-bà, mười hai là Tổn-đà-la. Các đại tiên, đại Bà-la-môn trên, đào hào xây nhà cửa, thành quách, như thầy trò ngươi hiện nay đang ở không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật hỏi tiếp: Các đại tiên ấy có xây thành quách chung quanh chỗ họ ở như chỗ hiện nay thây trò ngươi đang ở chăng?

A-ma-trú đáp: Thưa không! Các vị đại tiên ây có đặt giường cao, nệm dày, mên gói mem mại như là chỗ ở của thầy trò ngươi hiện nay chăng? Thưa không! Các đại tiên

ấy có dùng các mỹ nữ có mang vàng, bạc, anh lạc, trên đầu có đeo hoa đủ màu để tự vui thú như thầy trò ngươi chăng? Các đại tiên ấy có từng đi bằng xe báu, có người cầm kích đi trước, đầu che lọng trắng, tay cầm phất báu, chân đi giày báu đủ màu, lại mặc toàn đồ trắng viền, trang phục như của thầy trò ngươi hiện nay không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Này A-ma-trú, ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy mà lại phỉ báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn, làm tăng trưởng nhân địa ngục. Thế nào A-ma-trú, các đại tiên và cựu Bà-la-môn ấy có thường tán thán, diên thuyêt những điêu mà họ vôn phúng tụng như các Bà-la- môn hiện nay tán thán và phúng tụng A-trá-ma... Nếu theo họ nói thì đó là để giúp cho ai muốn sanh vào Phạm thiên, như thế thì không đúng. Này A-ma-trú, như Vua Ba-tư-nặc bàn luận cùng với các quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ. Người khác nghe được, liền vào thành Xá-vệ gặp một người nào đó và kể lại: Vua Ba-tư-nặc nói thế này, thế này!... A-ma-trú nghĩ sao, vua có cùng người ấy bàn luận không? A-ma-trú đáp: Không phải! Này A-ma-trú, người ấy đem lời nói của vua để nói cho kẻ khác, người đó có phải là vua, là đại thần không? A-ma-trú đáp: Không! Này A-ma-trú, nay các ngươi hăng ngày truyên đạt các phúng tụng của các bậc đại tiên xưa, các cựu Bà-la-môn để dạy người, muốn sanh vào Phạm thiên thì không có sự kiện đó. A-ma-trú nghĩ sao? Các ngươi thọ nhận sự cúng dường của kẻ khác thì có theo pháp mà hành không? A-ma-trú đáp: —Thưa Cù-đàm? đúng vậy! Một khi đã nhận lãnh sự cúng dường thì phải như pháp mà hành. NàyA-ma-trú, thây ngươi là Bà-la-môn Phât-già-la-ta-la đã nhận cái làng mà vua phong. Khi bàn luận với Vua Ba-tư-nặc, nhà vua ba lần bảo không nên

bàn những lời vô ích, không lấy chính sự mà thảo luận với nhau. Nay ngươi hãy tự xét, lỗi của thầy ngươi hãy gác lại, chỉ xét nguyên nhân nào khiến ngươi đến đây! A-ma-trú tức thời đưa mát quán sát toàn thân Như Lai đê tìm các tướng tót. Ông ta thấy các tướng nhưng còn hai tướng thì không thấy, lòng sanh nghi ngờ. Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng tự nghĩ: "Nay thanh niên này, vì không thấy hai tướng, do đó mới sanh nghi ngóc' Ngài liền hiện tướng lưỡi rộng dài, liếm tai và che cả mặt. Khi đó, A-ma-trú còn nghi ngờ một tướng nữa. Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Nay thanh niên này còn nghi một tướng nữa." Ngài liền dùng thần lực khiên cho một mình A-ma-trú thây được mã âm tàng. Bây giờ, A-ma-trú đã thấy hết tất cả các tướng, không còn hồ nghi gì đối với đức Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi quanh đức Phật và ra về. Lúc đó, Bà-la-môn Phât-già-la-ta-la đứng ở ngoài cửa trông đệ tử của mình và thây A-ma-trú từ xa đi lại, liên đên hỏi: Ngươi thấy Cù-đàm thật có đủ tướng tốt, công đức thần lực có đúng như lời đồn không? A-ma-trú thưa: Bạch thây, Sa-môn Cù-đàm có đây đủ ba mươi hai tướng tót, công đức thần lực quả đúng như lời đồn. Phất-già-la-ta-la hỏi: Ngươi có luận nghị với Sa-môn Cù-đàm không? A-ma-trú đáp: Con có bàn luận với Sa-môn Cù-đàm. Phất-già-la-ta-la hỏi tiếp: Ngươi bàn luận việc gì với Cù-đàm? Khi đó9 A-ma-trú tường thuật đày đủ cuộc đối thoại giữa mình và đức Phật cho thay nghe. Khi nghe xong, Bà-la-môn nói: Ta có một người đệ tử thông minh như thê thì chăng bao lâu chúng ta sẽ vào địa ngục. Vì sao? Vì ngươi muốn nói cho hơn nên dám chê bai đức Cù- đàm5 khiến cho Ngài không vui và làm cho ta với Ngài trở thành xa cách nhau.

Ngươi và các đệ tử thông minh đến như thế, khiến ta chẳng bao lâu sẽ sa vào địa ngục. Lúc đó, vị Bà-la-môn ấy sanh lòng tức giận, liền đạp A-ma-trú té nhào, rồi lập tức lên xe. Khi A-ma-trú rớt xuống xe liên phát sanh bệnh cùi (hủi). Bây giờ, Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la ngước nhìn mặt trời xong im lặng, tự nghĩ: "Giờ thì chưa đúng lúc để ta đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm. Vậy phải đợi hôm sau, ta sẽ đến hỏi Ngài." Thế rồi, vào sáng hôm sau, Bà-la-môn sửa soạn xe báu và ngồi trên xe báu, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, đến rừng

Y-xa, xuống xe đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, nêu lời thăm hỏi và ngồi qua một bên, ngước nhìn thân Như Lai, thay đủ ba mươi tướng nhtmg chỉ có hai tướng là không thấy. Bà-la-môn sanh lòng hoài nghi hai tướng ấy. Đức Phật biết tâm ý, liền hiện tướng lưỡi rộng dài, liếm tới mép tai và che cả mặt. Khi đó, Bà-la- môn còn nghi một tướng nữa. Đức Phật biết ý? liền dùng thần lực, khiến cho Phất-già-la-ta-la thây mã âm tàng. Bây giờ, Bà-la-môn thây đây đủ ba mươi hai tướng tót của đức Phật, tâm liên khai ngộ, không còn hô nghi gì cả và bạch đức Phật rằng: Khi con đang đi giữa đường mà gặp đức Phật nếu con dừng xe lại một chút, xin Ngài biết cho là con đã đảnh lễ đức Thế Tôn! Vì sao? Vì con đã nhận lãnh sự phong thôn của Vua Ba-tư-nặc. Giả sử con bước xuống xe thì con sẽ mát sự phong thôn này, đông thời, những tiêng xâu sẽ đôn đãi kháp nơi. Bạch Thê Tôn, nêu con xuồng xe, mở kiêm, xép lọng và hạ cây cờ phía trước, cũng như súc binh, tháo giày, xin Ngài biết cho là con đã kính lễ đức Như Lai! Vì sao thế? Vì con đã nhận lãnh sự phong thôn của Vua Ba-tư-nặc, có năm thứ nghi vệ như thê; nêu lê bái Ngài thì con sẽ mát sự phong thôn trên, đông thời, những tiếng xấu sẽ đồn đãi khắp nơi. Bạch Thế Tôn, nếu khi con ở trong chúng mà trông thấy đức Phật liền đứng dậy, hoặc vén áo để lộ vai phải, hoặc tự xưng danh tánh, xin Ngài biết cho, đó là con đã kính lễ Như Lai! Vì sao? Vì con đã nhận lãnh sự phong thôn của Vua Ba-tư-nặc, nếu con lễ bái thì con sẽ mất sự phong thôn này, đồng thời, tiếng xấu sẽ đồn đãi khắp nơi. Bạch Thê Tôn, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong đức Thế Tôn cho phép con được làm kẻ ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp của Ngài! Từ nay về sau, con nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Cúi mong đức Thê Tôn và đại chúng hãy nhận lời thỉnh ngọ trai của con! Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Bà-la-môn lúc đó trông thấy Phật im lặng, biết là Ngài đã chấp nhận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật, đi quanh ba vòng và ra về. Khi về đến nhà, Bà-la-môn sửa soạn những thức ăn, thức uống để cúng dường, khi chuẩn bị xong, liền trở lại bạch đức Phật. Lúc đó5 đức Thế Tôn đắp y, mang bát cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi đên nhà Bà-la-môn, tiên đên chô ngôi được soạn săn và ngôi tại đấy. Bà-la-môn khi đó, tư tay mình bưng sớt thức ăn, đem đủ thứ thức ăn ngon để cúng đức Phật và chúng Tăng. Sau khi đức Thế Tôn thọ trai, rửa bát, rửa tay xong, Bà-la-môn dùng tay mặt năm cánh tay A-ma-trú đên trước đức Thê Tôn và thưa: Cúi xin đức Như Lai nghe lời hối lỗi của A-ma-trủ! Cúi mong đức Như Lai nghe lời hối lỗi của A-ma-trú...!

Bà-la-môn này thưa đủ ba lần như thế và bạch Phật tiếp: Cũng như người khéo huấn luyện voi, ngựa, nếu còn có chỗ lệch lạc thì cần phải sửa lại cho đúng. Nay A-ma-trú cũng vậy, tuy có những lỗi lầm sơ suất, cúi xin đức Thế Tôn hãy nghe lời hối lỗi của A-ma-trú! Đức Phật bảo Bà-la-môn: Ta sẽ khiên cho ông được trường thọ, ở trong đời hiện tại được an ôn, đồng thời khiến cho bệnh cùi của đệ tử ông hoàn toàn tiêu trừ. Khi đức Phật nói vừa dứt lời thì chứng bệnh cùi của đệ tử Bà-la-môn liền hết. Khi đó, Bà-la-môn lấy một ghế nhỏ ngồi ở trước đức Phật. Sau đó? đức Thế Tôn thuyết pháp, chỉ bày, hướng dẫn, khiến cho Bà-la-môn được lợi ích, vui mừng, như nói về bố thí, trì giới và sự sanh thiên, nói tham dục là ô uế, nói hữu lậu là tai họa, giải thoát là trên hết, chỉ bày sự thanh tịnh. Bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn đã thuần thục, nhu hòa thanh tinh, không còn câu nhiễm, có thể lãnh thọ được giáo pháp. Do đó, Ngài cũng theo thông lệ của chư Phật mà nói về khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Bà-la-môn, ngay tại chô ngôi, xa lìa trân câu, chứng được pháp nhãn thanh tinh. Cũng như tấm lụa vừa trắng, vừa sạch, rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Phất-già- la-ta-la cũng thế, thấy pháp, chứng pháp, tin chắc nơi đạo quả, không còn tin theo đạo nào khác, được pháp Vô sở úy (không còn sợ sệt), liền bạch đức Phật: Nay con lại xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng! Mong Ngài cho phép con được làm kẻ ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp của Ngài! Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm căp5 không tà dâm, không nói dôi và không uống rượu. Cúi xin đức The Tôn và đại chúng thương xót nhận lời thỉnh cúng dường bảy ngày của con! Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Khi đó, Bà-la-môn, trong vòng bảy ngày, soạn đủ các thức ăn cúng dường đức Phật và đại chúng. Sau khi qua bảy ngày xong, đức The Tôn lại du hành trong nhân gian. Đức Phật ra đi chưa bao lâu, Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la bi bệnh và qua đời. Khi đó, các Tỳ-kheo hay tin Bà-la-môn này, trong bảy ngày cúng dường Phật xong thì liền qua đời. Mỗi người đều tự nghĩ: "Không biết Bà-la-môn này sau khi qua đời, sẽ sanh về dau?99 Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ đức Phật xong, ngồi xuống một bên và thưa: Bà-la-môn kia, trong bảy ngày cúng dường đức Phật xong thì qua đời và sẽ sanh về đâu? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Người dòng họ Bà-la-môn này tích chứa các điều thiện, mỗi pháp đều đầy đủ, không trái với pháp hành, đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, nhập Niết-bàn tại cõi Vô sắc, không còn sanh lại cõi này nữa. r

Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

21. KINH PHẠM ĐỘNG Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo du hành tại nước Ma-kiệt-đà. Sau khi du hóa nhân gian, đức Phật đến xóm Trúc, nghỉ tại Vương Đường. Lúc đó, có vi Phạm chí tên là Thiện Niệm cùng với đệ tử tên Phạm-ma- dạt, hai thầy trò thường cùng đi theo sau đức Phật. Phạm chí Thiện Niệm dùng vô so phương tiện hủy báng đức Phật và chúng Tỳ-kheo-tăng; còn đệ tử của ông là Phạm-ma-đạt? lại dùng vô số phương tiện tán thán đức Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo-tăng. Hai thầy trò mang hai tâm trạng khác nhau, mâu thuẫn lẫn nhau. Tại sao như thế? Đó là do vì mỗi người có tập quán, kiến giải, thân cận khác nhau. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-kheo sau khi khất thực xong, về nhóm họp tại giảng đuỳng bàn tán rằng: "Kỳ lạ thay! Đức Thế Tôn có đại thần lực, đầy đủ oai

đức, biết hết mọi tâm hướng của chúng sanh, lại có hai thầy trò là Phạm chí Thiện Niệm và Phạm-ma-đạt cùng đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Phạm chí Thiện Niệm dùng đủ cách mà hủy báng đức Phật, Pháp và chúng Tăng, còn đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng đủ cách mà khen ngợi đức Phật, Pháp và chúng Tăng. Vì hai thầy trò có tâm trạng, kiến giải, tập quán và thân cận khác nhau v' Đức Thế Tôn đang ở trong tịnh thất, với thiên nhĩ thanh tịnh nghe xa hơn người, nghe các Tỳ-kheo bàn luận như thê, Ngài rời khỏi tinh thát đi đên giảng đường, ngôi trước đại chúng, tuy đã biêt nhưng Ngài vân hỏi: Này các Tỳ-kheo9 vì lý do gì các ông nhóm họp tại đây và bàn luận những gì? Các Tỳ-kheo bạch đức Phật rằng: Chúng con, sau khi khất thực về, họp ở giảng đường này, cùng nhau bàn luận rằng: "Thật kỳ lạ! Đức Như Lai có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi tâm hướng của chúng sanh nhưng hôm nay Thiện Niệm Phạm chí cùng đệ tử là Phạm-ma-đạt đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng đức Phật, Pháp và chúng Tăng. Trái lại, đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng vô số phương tiện tán thán đức Phật, Pháp và chúng Tăng. Vì sao thế? Bởi tâm trạng, kiến giải, tập quán và thân cận khác nhau vay" nên chúng con nhóm họp ở giảng đường và bàn luận sự việc như trên.

288 KINH TRƯỜNG A-HÀM

LÚC bấy giờ, đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, nếu có người hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và chúng Tăng, các ông không được sanh tâm oán giận hay có ác ý đối với họ. Tại sao như vậy? Vì nếu có người hủy báng Ta, Pháp và chúng Tăng mà các ông sanh lòng oán giận hay có ác ý5 tự các ông đã bị sa đọa. Bởi vậy, các ông chớ có sanh lòng oán giận hay có ác ý đối với họ. Này các Tỳ-kheo, nếu có người ca ngợi đức Phật, Pháp và chúng Tăng, các ông cũng chớ lấy đó làm điều vui mừng hãnh diện. Tại sao như vậy? Vì nếu các ông sanh tâm vui mừng liền bị sa đọa. Do đó, các ông không nên vui mừng. Tại sao thế? Vì đó chỉ là các duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học, không hiểu được nghĩa lý sâu xa, dựa vào chỗ thấy biết đó để khen ngợi. Thế nào là những duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học, dựa vào chỗ thấy biết đó để khen ngợi? Chẳng hạn như họ khen ngợi: C6Sa-môn Cù-đàm đã dứt trừ nghiệp sát, rời bỏ dao gậy, có tâm tàm quý, thương xót tất cả chúng sanh.” Đó là những duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi, giới hạnh mà hàng phàm phu ít học dựa vào đó để khen ngợi Như Lai. Hoặc họ khen ngợi: "Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ trộm cắp, không có tâm trộm căp; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ dâm dục, tinh tu Phạm hạnh, giữ giới hoàn toàn, không hành dâm dục, việc làm thanh khiết; Sa-môn Cù-đàm dứt hẳn nghiệp nói dối, nói lời chí thành, nói lời chân thật, không dối gạt người; Sa- môn Cù-đàm đã từ bỏ nói hai lưỡi, không đem lời người này đen phá roi kẻ kia, không đem lời người kia đến phá rối người này, gặp kẻ tranh cãi có thể làm cho họ hòa thuận, kẻ đã hòa thuận thì làm cho họ vui thêm, nói ra lời gì cũng muốn đem lại sự hòa thuận, trong tâm thành thật, lời nói phải lúc; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ lời độc ác. Những lời thô ác làm tổn thương người khác, làm tăng lên lòng oán ghét, thù hận. Những lời thô ác này không bao giờ nói, chỉ nói lời lành làm vui đẹp lòng người, ai cũng ưa nghe không chán, chỉ nói những lời như thế; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ lời nói thêm bớt, chỉ nói lời phải lúc, thành thật, có lợi ích, đúng Pháp, đúng Luật, ngăn ngừa

sai quây, chỉ nói những lời như thê; Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ uông rượu, không trang sức hương hoa, không xem ca múa, không ngồi giường cao, không ăn phi thời, không giữ vàng bạc, không có vợ con, tớ trai tớ gái, không nuôi voi, ngựa, heo, dê, gà, chó và các loài chim, loài thú, không chứa tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, không chứa ruộng, nhà, không gieo trông ngũ cóc, không dùng năm tay đánh lộn với người, không dùng cân đấu lường gạt, không mua bán khoán ước đoán đương, không nhận chịu nợ nần sanh lời vô cớ, cũng không âm mưu trước mặt khác sau lưng, không đi phi thời, vì nuôi thân mạng lường sức mà ăn, đi đên chô nào thì y bát mang theo như chim bay không rời hai cánh.,, Những lời như vậy, cũng chỉ là duyên cớ nhỏ về sự trì giới mà hàng phàm phu ít học nương lấy để khen ngợi Như Lai.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 289

Hoặc họ khen ngợi theo sự so sánh như vầy: "Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh cúng dường tín thí, lại cầu cho nhiều hơn để cất chứa, không biết nhàm chán về y phục, ẩm thực; còn Sa-môn Cù-đàm không như vậy. Các Sa- môn5 Bà-la-môn khác tuy đã nhận lãnh vật thực do thí chủ cúng dường, vẫn còn lo mở mang sanh kê, gieo trông cây côi làm chô nương cho quỷ thân; còn Sa- môn Cù-đàm không làm việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác dầu đã nhận vật thực do thí chủ cúng dường, vẫn tìm đủ cách mong cầu lợi dưỡng, chứa ngà voi, tạp bảo ghế giường cao rộng, mền nệm, mùng màn, chăn chiếu, thêu dệt tốt đẹp; còn Sa-môn Cù-đàm không có việc đó. Các Sa-môn5 Bà-la-môn khác nhận lãnh cúng dường của tín thí, vẫn tìm đủ cách để tự trang sức, dùng dầu mỡ xoa mình, nước thơm tắm gội, bột thơm xông trớp, mùi thơm chải đầu, tóc cài hoa đẹp, mắt nhuộm sắc xanh, sửa mặt mày, xâu bông tai, soi gương trau chuốt, mang dép da quý, mặc áo trắng min, che lọng, cam phất lông, cờ hiệu trang nghiêm; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Sa-môn5 Bà-la-môn khác thì chuyên trò du hí, chơi cờ đánh bạc, tám lôi mười lôi, đên trăm ngàn lôi, dùng đủ cách chơi đe tự thỏa thích; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la- môn khác nhận sự cúng dường của tín thí nhưng chỉ nói lời vô ích, chướng đạo, hoặc luận bàn việc vua chúa, quân mã, chiến dấu, việc quan lại, bạn bè, xe ngựa ra vào, dạo chơi vườn nhà mát cho đên việc năm ngôi đi đứng của nữ nhân, việc y phục, ăn uông, thân thích, việc xuông bê tìm châu báu; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn9 Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại dùng đủ cách mà làm việc tà mạng, dua nịnh và trau chuốt lời nói, xem tướng chê bai, lây lợi câu lợi; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn9 Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại cùng nhau tranh tụng, hoặc ở nhà mát trong vườn, hoặc ở ao tắm, hoặc ở trên nhà phân bua phải trái với nhau: 'Tôi biết kinh luật, còn ông không biết, tôi đi đường chánh, Ông đi đường tà, đem trước đê sau, lây sau đê trước, ta nhân nhục được, ông không nhẫn nhục được, ông nói điều gì đều không chánh đáng; nếu có nghi ngờ thì nên đến hỏi tôi, tôi đáp cho cả9; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác thọ dụng sự cúng dường của tín thí, lại tìm đủ cách làm thông sứ cho vua, cho đại thân của vua, cho Bà-la-môn, cư sĩ, đi từ đây đên kia, từ kia đến đây, đem tin chỗ này trao qua chỗ kia, đem tin chỗ kia trao qua chỗ này, hoặc tự làm, hoặc khiến người làm; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác thọ

dụng sự cúng dường của tín thí, lại luyện tập chiến trận đấu tranh, đao trượng cung tên, chọi gà, chó, heo, dê, voi, ngựa, trâu, lạc đà, hoặc đấu tài trai gái, hoặc luyện các thứ tiếng, tiếng thổi, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa, leo dây, lộn nhào, các trò vui chơi đều thường luyện tập; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm chướng ngại đạo pháp, nuôi sống băng tà mạng, như xem tướng trai gái, lành dữ, tốt xấu và tướng súc sanh để cầu lợi dưỡng; còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó. Các Sa-môn5 Bà-la-môn

khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như kêu gọi quỷ thần, hoặc sai đến, dùng nhiều cách làm người ta khiếp sợ, làm tụ lại, làm tan ra, làm cho kho, làm cho vui, làm an thai sanh sản, hoặc phù chú cho người hóa làm lừa, ngựa, hóa điếc, đui, câm, ngọng, hoặc hiện các kỹ thuật như vòng tay đứng ngó mặt trời, mặt trăng, làm các khổ hạnh để cầu lợi dưỡng; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi song bang tà mạng, hoặc chú đảo bệnh tật, cho người đọc ác chú, tụng thiện chú, làm thuốc thang, châm chích, chữa trị bệnh tật; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn5 Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng hoặc tụng chú nước lửa, chú quỷ, chú Sát-lợi? chú chim, chú chi tiết, chú an trạch, chú giải trừ lửa cháy, chuột cắn, hoặc tụng các loại sách đoán biết chết sống, tụng sách đoán mộng, xem tướng tay, tướng mặt, hoặc tụng sách thiên văn, tụng sách âm thanh; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng như xem thời tiết, đoán có mưa, không mua, được mùa, mất mùa, nhiều bệnh ít bệnh, khủng khiếp hay yên ổn, hoặc nói động đất, sao chổi, nguyệt thực, nhật thực, tinh thực hay không, rồi tùy chỗ xuất hiện mà đoán trước việc xảy ra; còn Sa-môn Cù-đàm không làm các việc đó. Các Sa-môn9 Bà-la-môn khác nhận lãnh sự cúng dường của tín thí, lại làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi song bằng tà mạng như hoặc nói nước này sẽ thắng, nước kia sẽ bại, nước kia hơn, nước này thua, xem tướng kiết hung mà đoán việc thạnh suy; còn Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn không làm những việc d6." Này các Tỳ-kheo5 đó là những nhân duyên nhỏ nhặt về việc giữ giới luật mà hàng phàm phu ít học thường dựa vào đó đe tán thán Như Lai. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Còn có các pháp sâu xa vi diệu, chánh đại quang minh mà chỉ hàng đệ tử Hiền thánh mới lấy đó để tán thán Như Lai. Thế nào là các pháp sâu xa vi diệu, chánh đại quang minh mà hàng đệ tử Hiền thánh lấy đó để tán thán Như Lai? Có các Sa-môn, Bà-la-môndựa vao bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến, tự ý nêu lên vô số học thuyết. Tất cả đều bao gôm trong sáu mươi hai kiên giải. Bản kiêp bản kiên, mạt kiêp mạt kiên mà họ tự ý nêu lên vô sô học thuyêt đó, đêu không thê vượt ra ngoài sáu mươi hai kiên giải. Dù vì lý do gì mà các Sam6n, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến, tự ý nêu lên vô số học thuyết, đều bao gồm trong sáu mươi hai kiên giải, ngang băng, không thê vượt ra ngoài. Có các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, tự ý nêu lên vô sô học thuyêt, đêu bao

gôm trong mười tám kiến giải. Tất cả học thuyết dựa vào bản kiếp bản kiến được họ tự ý nêu lên

đều không vượt ra ngoài mười tám kiến giải này. Dù vì lý do gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiên, tư ý nêu lên vô sô học thuyêt, đêu bao gồm trong mười tám kiến giải, ngang bằng, không thể vượt ra ngoài. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương Thường luận: "Bản ngã và thê giới là thường t6íi" Chủ trương này bao gôm trong bôn kiên giải. Dựa vào bản kiếp bản kiến để chủ trương: uBản ngã và thế giới là thường t8n", đều bao gồm trong bốn kiến giải, ngang bằng, không vượt ra ngoài. Dù vì lý do gì mà các Sa-môn5 Bà-la-môn kia dựa vào bản kiếp bản kiên đê chủ trương Thường luận: "Bản ngã và thế giới là thường tồn,\ đều bao gồm trong bốn kiến giải này, không the vượt ra ngoài. Hoặc có các Sa-môn9 Bà-la-môn dùng nhiêu phương thức đê nhập đinh Y tam-muội, dùng Tâm tam-muội nhớ được hai mươi thành kiếp, hoại kiếp nên họ xướng lên rằng: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra là sai lầm." Tại sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều phương thức nhập định Ý tam-muội, nhờ định Tâm tam-muội nhớ lại hai mươi thành hoại kiêp, thây chúng sanh trong đó không thêm không bớt, thường tụ, không tán. Bởi vậy, ta biết: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra đều hư d6i." Đây là kiến giải thứ nhất. Một số Sa-môn9 Bà-la- môn nương nơi bản kiêp bản kiên bảo răng bản ngã và thê giới là thường tôn. Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Có những Sa-môn? Bà-la-môn dùng nhiều phương thức nhập định "Định nhờ định tâm này nhớ được bốn mươi thành kiếp, hoại kiếp mà xướng lên rằng: "Bản ngã và thế giới là thường tồn chỉ có đây là thực, ngoài ra đều hư d6i." Tại sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều phương thức nhập định "Định V", nhờ định tâm mà nhớ lại bốn mươi thành kiếp, hoại kiếp. Thấy chúng sanh trong đó không thêm, không bớt, thường tụ, không tán. Bởi vậy, ta biết: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư doi.^ Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, cho rằng bản ngã và thế giới là thường tồn. Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều phương thức nhập định "Định y", nhờ định tâm nhớ được tám mươi thành kiếp, hoại kiếp mà cho rằng: uBản ngã và thê giới là thường tôn, chỉ có đây là đúng ngoài ra đêu hư d6i." Tại sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều phương thức nhập định "Định y" nhờ đinh tâm nhớ lại tám mươi thành kiếp, hoại kiếp, thấy chúng sanh trong đó không thêm không bớt, thường tụ, không tán. Bởi vậy, ta biết: "Bản ngã và thế giới là thường tồn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp, bản kiến cho rằng "bản ngã và thế giới là thường t6ĩi." Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Có những Sa-môn9 Bà-la-môn có trí hiểu tướng lanh lợi, giỏi quán sát, mới dùng trí đó làm phương tiện quán sát, cho rằng đó là chân lý. Do điều mình

thấy, điều mình biện luận mà chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới là thường tồn.,, Đây là kiến giải thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến cho rằng:

"Bản ngã và thế giới là thường tồn/9 Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Các Sa-môn5 Bà-la-môn này dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trương bản ngã và thê giới là thường tôn. Tát cả những chủ trương trên đêu bao gôm trong bôn kiên giải: "Ngã và thê giới là thường t6n", không vượt ra ngoài bôn kiên giải trên. Chỉ có Như Lai là biết chỗ thấy này, sự chấp này, sự giữ này và cũng biết sự báo ứng của sự việc ấy. Điều mà Như Lai biết còn vượt xa hơn thế, dù biết nhưng không chấp trước. Vì không châp trước nên được văng lăng, biêt được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của thọ và con đường xuất ly khỏi thọ. Dùng quán bình đẳng mà được Vô dư giải thoát cho nên gọi là Như Lai. Đó là sự quang minh của thậm thâm, vi diệu khác, khiến cho vị đệ tử Thánh hiền tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đấy là thế nào? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa là thường, một nửa là vô thuơng.” Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trươnẹ rằng bản ngã và thế giới một nửa là thường, một nửa là vô thường như vậy đêu bao gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Vào lúc kiếp này mới hình thành, có một số chúng sanh phước hết, mạng hết, hành hết, chết ở cõi trời Quang Âm rồi sanh vào cõi trời Không Phạm. Tại đây, họ sanh tâm ái trước, lại mong các chúng sanh khác sanh vào đây với họ. Những chúng sanh khác này cùng sanh lòng ái trước và mong như họ. Lại có các chúng sanh đã hết mạng, hết hành, hết phước, chết ở cõi trời Quang Âm mà sanh vào cõi trời Không Phạm. Những chúng sanh sanh ra đầu tiên này liền suy nghĩ: "Ta là vị Phạm, Đại Phạm ở cõi này; ta tự nhiên mà có, không có ai có thể tạo ra ta; ta biết hết ngàn thế giới nghĩa điển. Ta là tự tại? tôn quý nhất, có thể biến hóa vi diệu nhất. Ta là cha của chúng sanh, chỉ riêng ta có trước, còn các chúng sanh khác thì sanh sau. Các chúng sanh sanh sau này do ta tạo thành.,, Các chúng sanh sanh sau cũng nghĩ rằng: ấy là Đại Phạm, vị ấy tự sanh, chứ không phải do kẻ khác tạo ra5 vi ây biêt được ngàn thê giới nghĩa điên. Trong đó vị ấy tự tại, là bậc tôn quý nhất, có thể biến hóa vi diệu nhất, là cha của chúng sanh, chỉ riêng vị ấy có trước, về sau mới có chúng ta, chúng ta là các chúng sanh do vị ấy tạo ra." Những chúng sanh ở cõi Phạm thiên này, mạng và hành đã hết thì sanh vào thế gian. Những chúng sanh này dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập vào định "Định y”, do định tâm mà tự biết bổn sanh của mình, liền bảo rằng: uBậc Đại Phạm thiên kia tự sanh ra, không do kẻ khác sanh ra, biết hết ngàn thế giới nghĩa điển. Trong đó, họ tự tại, là tôn quý nhất, biến hóa vi diệu nhất, là cha của chúng sanh, thường trụ, bất biến. Vi Phạm thiên ấy tạo ra chúng ta. Chúng ta là vô thường biến dịch, không tồn tại lâu. Vậy nên biết rằng: 'Bản ngã và thế giới một nửa là thường, một nửa là vô thường/ Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối?5 Đó là kiến giải thứ nhất.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 293

Một sô Sa-m6n, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên chủ trương luận thuyêt một nửa thường, một nửa vô thường đêu gôm trong bôn kiên giải không vượt ra ngoài. Hoặc có những chúng sanh thường say mê cuộc vui chơi cười cợt, lười biếng, thực hiện nhiều cuộc vui chơi cười cợt để tự vui thú. Trong khi họ vui chơi thỏa thích thì thân thể mệt mỏi nên thất niệm, do thất niệm nên mạng chung sanh xuông cõi nhân gian, dân dân khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Họ nhập vào định "Định y”,

nhờ đinh tâm mà biết được gốc sanh của minh, rồi bảo rằng: “Các chúng sanh kia nhờ tâm không say mê, cười giỡn nên được thường trú, bất biến ở tại đó, còn ta hay say mê, cười giỡn nên phải bị vô thường, biến dịch như thế này. Do vậy, ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường một nửa vô thường. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trương bản ngã và thế giới, một nửa thường một nửa vô thường. Như vậy đêu bao gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Có những chúng sanh vì mãi lo nhìn nhau nên bị thất niệm. Do đó, chết đi và sanh vào thế gian, dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập vào định "Đinh y”, nhờ định tâm biết được bổn sanh mà nghĩ rằng: "Các chúng sanh kia nhờ không say mê ngó liếc nhau nên không thất niệm, được thường trú bất biến. Còn chúng ta do say mê ngó liếc nhau nên thất niệm nên phải chịu vô thường, biến dịch. Do vậy, ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường, một nửa vô thường, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư(tói." Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn? Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương: "Bản ngã và thế giới một nửa thường và một nửa vô thuơng." Như thế cũng gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn? Bà-la-môn nhờ trí hiêu biêt pháp tướng lanh lợi nên giỏi quán sát. Họ dùng trí đó để quán sát, rồi dùng trí của mình mà lập luận rằng: “Bản ngã và thế giới một nửa thường, một nửa vô thường, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư doi.59 Đây là kiến giải thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa thường, một nửa vô thuơng." Như thế cũng không vượt ra ngoài bốn kiến giải. Các Sa-m6n, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: “Bản ngã và the giới một nửa thường, một nửa vô thuơng." Như thế đều bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới biêt chô kiên giải này, sự châp này, sự giữ này, cũng biêt báo ứng này. Điêu mà Như Lai biết còn vượt hơn thế nữa. Tuy biết nhưng đức Phật không chấp trước, do không chấp trước nên được tịch diệt biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của thọ và con đường xuất ly khỏi thọ. Đức Phật dùng sự quan sát bình đẳng nên được Vô dư giải thoát, cho nên gọi là Như Lai. Đó là sự quang minh của đại pháp sâu xa, vi diệu, khiến cho vị đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

Lại còn có những quang minh của đại pháp thậm thâm, vi diệu khác, khiến các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đó là gì? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới là hữu biên, vô biên.,, Các Sa-môn, Bà- la-môn ấy dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương: "Bản ngã và thế giới là hữu biên, vô bien?9 Như vậy đều bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều cách để nhập vào định "Định y”, nhờ định tâm quan sát thấy cõi thế gian này mà khởi lên biên tưởng. Họ cho rằng: uThế gian này là hữu biên. Chỉ đây là thực, ngoài ra đều hư dối. Vì sao thế? Vì ta dùng nhiều cách để nhập đinh "Định v”, nhờ đinh tâm quan sát thấy cõi thế gian này là hữu biên. Do vậy, biết thế gian là hữu biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đây là kiên giải thứ nhát. Các Sa-môn,

Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: "Ngã và thế gian là hữu biên." Như thê cũng gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều cách nhập định "Định ý'\ nhờ định tâm quan sát thế gian mà khởi lên vô biên tưởng. Họ bảo rằng: "Thế gian là vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối. Vì sao vậy? Vì chính ta dùng nhiều cách để nhập vào định "Định y", nhờ định tâm mà quan sát thấy cõi thế gian này la vô biên, do vậy biết rằng thế gian là vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên mà khởi lên luận thuyêt chủ trương răng: "Ngã và thê giới là vô bien?9 Như thế đều gồm trong bốn kiến giải không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhiều cách để nhập vào định "Đinh ý'\ nhờ định tâm, quan sát thế gian thấy bên trên là hữu biên, còn bốn phương kia là vô biên. Họ bảo rằng: "Thế gian là hữu biên, vô biên. Chỉ đây là thật ngoài ra đều hư dối. Vì sao thế? Vì chính ta đã dùng nhiều cách để nhập vào đinh "Định y"nhờ đinh tâm quan sát, thấy phương trên là hữu biên, bốn phương là vô biên. Do vậy, ta biết rằng thế gian là hữu biên, là vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hu d6i." Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên luận thuyết chủ trương rằng: "Ngỗi và thế giới là hữu biên, vô biOn." Như vậy cũng bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn nhờ trí hiêu biêt pháp tướng lanh lợi nên giỏi quan sát roi dùng trí của mình mà lập luận răng: "Bản ngã và thê gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đây là kiến giải thứ tư. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiến mà khởi luận thuyết chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới là hữu biên, vô biên. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Như thế cũng bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên

luận thuyết chủ trương rằng: "Bản ngã và thế gian là hữu biên, vô biên.,^ Như thế bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới biết rõ chỗ kiến giải này: Nắm giữ như vậy, chấp như vậy, cũng biết được báo ứng như vậy. Điều mà Như Lai biết được còn vượt xa hơn nữa. Tuy biết mà không chấp trước, không chấp trước nên được tịch diệt, biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của thọ và sự xuất ly khỏi thọ, cho nên gọi là Như Lai. Đó là sự quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu, khiến đệ tử Hiên thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đăng. Lại có sự quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu, khiến đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đó là gì? Có những Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà hỏi đáp khác nhau. Mỗi khi hỏi thì hỏi khác nhau đáp khác nhau. Tất cả đều bao gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến mà hỏi, đáp khác nhau. Tất cả đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn có lập luận, có kiến giải như thế này: “Ta không biết thiện ác có báo ứng hay không có báo ứng. Vì ta không thấy, không biết nên bảo rằng: 'Thiện ác có báo ứng chăng? Oông có báo ứng chăng?9 Thế gian có Sa-môn9 Bà-la-môn, học rộng nghe nhiều, thông minh trí tuệ, thường vui nhàn tịnh, biện luận tinh vi, được người đời tôn trọng, có thể dùng trí tuệ

phân biệt các kiến giải. Nếu họ hỏi ta các ý nghĩa thâm sâu mà ta không đáp được thì ta sẽ phụ họ, sẽ sợ họ. Ta nên đáp như sau đây để làm nơi nương tựa, làm bãi đất, làm nhà ở, làm con đường cứu cánh. Nếu người hỏi, ta nên đáp rằng: 'Điều ấy như thế, điều ấy là thật. Điều ấy là khác, điều ấy là không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khác." Đây là kiến giải thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có lập luận, có kiến giải như thế này: "Ta không thấy, không biết có đời khác hay không có đời khác. Các Sa-môn5 Bà-la- môn ở thế gian dùng thiên nhãn biết được tâm trí của người khác, thấy được sự việc ở xa, tuy họ ở gan người khác mà người khác không thay họ. Những người như thế thì có thể biết được có đời khác hay không có đời khác. Ta không biết, không thay có đời khác hay không có đời khác. Nêu ta nói thì lời ta là vọng ngữ mà ta thì ghét và sợ vọng ngữ. Ta nên đáp như sau đây để làm nơi nương tựa, làm bãi đất, làm nhà ở9 làm con đường cứu cánh. Nếu có người hỏi ta, ta nên đáp rằng: 'Điều ấy là như thế, điều ấy là thật. Điều ấy là khác, điều ấy là không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khác. 5 Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn9 Bà-la-môn do được hỏi khác, đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài.

Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn có lập luận, có kiên giải như thê này: "Ta không biết, không thấy thế nào là thiện, thế nào là bất thiện. Ta không biết, không thấy nói như thế là thiện hay bất thiện. Thế thì ắt ta sanh ra ưa thích, từ ưa thích sanh ra giận ghét. Có ưa thích, có giận ghét thì có cảm thọ. Ta muốn diệt trừ thọ nhận nên xuất gia tu hành, ghét và sợ cảm thọ. Cho nên, ta nên đáp như sau để làm nơi nương tựa, làm bãi đất, làm nhà ở, làm con đường cứu cánh. Nếu được hỏi, ta nên đáp rằng: 'Điều ấy là như thế, điều ấy là thật, điều ấy khác, điều ấy không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khác."' Đây là kiến giải thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn ngu si ám độn. Có người hỏi thì theo lời người hỏi mà đáp rằngê "Điều ấy là như thế, điều ấy là thật. Điều ấy là khác, điều ấy là không khác. Điều ấy không phải khác cũng không phải không khac7, Đây là kiến giải thứ tư. Các Sam6n, Bà-la-môn do được hỏi khác, đáp khác, như thế đều gồm trong bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, hỏi khác, đáp khác. r • JI x r •X - Tát cả đêu gôm trong bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật là có thể biết chỗ kiến giải ấy, chấp như vậy, giữ như vậy và cũng biết báo ứng như vậy. Điều mà Như Lai biết lại còn vượt hơn thế nữa. Đức Phật tuy biết nhưng không châp trước. Do không châp trước nên được tịch diệt, biêt được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiêm của thọ và sự xuât ly khỏi thọ. Do quán bình đẳng mà đạt Vô dư giải thoát, cho nên gọi là Như Lai. Đây là cái quang minh của đại pháp vi diệu, thậm thâm, khiến các đệ tử Thánh hiền tán thán Như Lai một cách bình đẳng chân thật. Lại còn có cái quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu khiến các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai một cách chân thật, bình đẳng. Đấy là gì? Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương Vô nhân luận bảo rằng:

"Thế gian xuất hiện không do từ nguyên nhân nào cả.^, Tất cả đều gồm trong hai kiến giải. Dựa vào bản kiếp bản kiến mà cho rằng "Thế gian xuất hiện không do từ nguyên nhân nao9\ đều gôm trong hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn ấy vì lý do gì dựa vào bản kiếp bản kiến mà chủ trương: "Do từ vô mà sanh ra hữu?" Như thê là gôm trong hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Hoặc có những chúng sanh không có tưởng, không có tri kiên, những chúng sanh đó khởi tưởng thì liền mạng chung, sanh vào cõi thế gian, dần dần khôn lớn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập vào định "Định nhờ định tâm biết được bổn sanh, mới xướng lên rằng: "Ta trước vốn không có, nay bỗng nhiên c6, thế gian này vốn không, nay bỗng nhiên có. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đây là kiên giải thứ nhát. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa

vào bản kiếp bản kiến chủ trương: "C6 là do từ khong?9 Như thế đều gồm trong hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Có những Sa-môn, Bà-la-môn nhờ có tướng trí lanh lợi nên giỏi quán sát, mới dùng trí quan sát lanh lợi đó mà quán sát. Dùng tri kiên mà bảo răng: "Thê gian từ không mà có. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là kiến giải thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến chủ trương: "C6 do từ không, thê gian này có do từ kh6ng." Như thê đêu gôm trong hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, chủ trương có do từ không. Tất cả đều gồm trong hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có Phật mới hiểu... (như trên). Có những Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, tự ý khởi lên vô số luận thuyết. Tất cả đều gồm trong mười tám kiến giải. Vô số luận thuyết dựa vào bản kiếp bản kiến mà tự ý nêu lên, đều gồm trong mười tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thê hiên... (như trên). Lại còn quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu. Đó là gì? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, tự ý khởi lên vô số luận thuyết. Tát cả đêu gôm trong bôn mươi bôn kiên giải. Vô sô luận thuyêt được tự ý nêu lên từ mạt kiếp mạt kiến, đều gồm trong bốn mươi bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dù với lý do gì dựa vào mạt kiêp mạt kiên, tự ý khởi lên vô số luận thuyết, cũng đều gồm trong bốn mươi bốn kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên, chủ trương Hữu tưởng luận, cho răng thê gian là hữu tưởng. Tát cả đêu gôm trong mười sáu kiên giải. Các luận thuyêt Hữu tưởng dựa vào mạt kiêp mạt kiên, bảo răng thế gian là hữu tưởng, đều gồm trong mười sáu kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó, dù lý do gì dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hữu tưởng luận, bảo rằng thế gian là hữu tưởng, đều gồm trong mười sáu kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn bàn luận, kiến giải như thế này: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu sắc Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d§i." Đó là kiến giải thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hữu tưởng luận, bảo răng thê gian là hữu tưởng, đêu gôm trong mười sáu kiến giải, không vượt ra ngoài. Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô sắc Vô Tưởng; Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Hữu sắc Vô sắc Vô Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối.99 Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về

sau sanh về cõi Phi Hữu sắc Phi Vô sắc Hữu Tưởng chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô Biên Hữu Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i'' Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Biên Hữu Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào

cõi Phi Hữu Biên Phi Vô Biên Hữu Tưởng. Chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Thuần Nhất Hữu Lạc Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Thuần Nhất Hữu Khổ Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i'' Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Lạc Hữu Khổ, Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Bất Khổ Bất Lạc, Hữu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Nhất Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Đa Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chét đi, vê sau sanh vào cõi Thiểu Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô Lượng Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đó là mười sáu kiến giải mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế gian là hữu tưởng. Tất cả đêu gôm trong mười sáu kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể hiểu được... (như trên). Lại có quang minh khác của đại pháp thậm thâm, vi diệu. Đó là gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Vô tưởng luận, bảo rằng thế gian là vô tưởng. Những chủ trương đó đều gồm trong tám kiến giải. Chủ trương Vô tưởng luận dựa vào mạt kiếp mạt kiến, đều gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn5 Bà-la-môn kia dù với lý do gi, dựa vào mạt kiếp mạt kiến để chủ trương Vô tưởng luận, cho rằng thế gian là vô tưởng, đều gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó có kiến giải, có luận thuyết: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu sắc Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Phi Hữu sắc Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô Biên Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.'' Lại có chủ trương: "Ta nay chết di? về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Biên Vo Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Phi Hữu Biên Phi Vô Biên, Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đó là tám kiên giải mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Vô tưởng luận, cho rằng thế gian là vô tưởng. Những chủ trương đó đều bao gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể hiểu rõ... (như trên). Lại có sự quang minh khác của đại pháp sâu xa, vi diệu. Đó là gì? Hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế gian này là phi tưởng phi phi tưởng. Những chủ trương đó đều gom trong tám kiến giải. Chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng

luận dựa vào mạt kiếp mạt kiên, cho răng thê gian là phi tưởng phi phi tưởng, đều gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia dù với lý do gì, dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế gian này là phi tưởng phi phi tưởng. Những chủ trương đó cũng gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết, kiến giải như: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởn^. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Vô sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vo Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cối Hữu sắc Vô sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chét di, vê sau sanh vào cõi Phi Huy sắc Phi Vô sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Lại có chủ trương: "Ta nay chết đi, về sau sanh vào cõi Hữu Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Vô Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Lại có chủ trương: “Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Hữu Biên Vô Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư dốiy Lại có chủ trương: "Ta nay chết di, về sau sanh vào cõi Phi Hữu Biên, Phi Vô Biên Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Đó là tám kiến giải. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận, cho rằng thế gian này phi hữu tưởng phi vô tưởng, đều bao gồm trong tám kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới hiểu rõ... (như trên). Lại có sự quang minh khác của đại pháp sâu xa, vi diệu. Đó là gì? Có những Sa-môn? Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Đoạn diệt luận, bảo r y y .] ... răng chúng sanh đoạn diệt, không còn gì. Tát cả đêu gôm vào bảy kiên giải. Dựa vào bản kiếp bản kiến mà khởi lên Đoạn diệt luận, chủ trương rằng chúng sanh đoạn diệt, không còn gì, như thê đêu gôm vào bảy kiên giải, không vượt ra ngoài. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy dùng lý do gì để dựa vào mạt kiếp mạt kiên mà khởi lên Đoạn diệt luận, chủ trương răng: "Chúng sanh đoạn diệt, không còn gi", đêu gôm trong bảy kiên giải, không vượt ra ngoài. Có những Sa-môn, Bà-la-môn có bàn luận, có kiến giải như the này: "Thân ta gồm tứ dại, lục nhập, được cha mẹ sanh ra, cho bú mớm và nuôi dạy, cho mặc, cho ăn, nuôi lớn, vỗ về, giúp đỡ. Nhưng vì vô thường nên phải tiêu diet/9 Đó gọi là đoạn diệt, đó là kiến giải thứ nhất. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương rằng: "Không nên cho ta nay là đoạn diệt. Ta đoạn diệt ở cõi Dục không còn gi." Đó là đoạn diệt, đó là kiến giải thứ hai. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương: "Đây không phải là đoạn diệt, hóa thân cõi sắc có đầy đủ các căn thì đoạn diệt, không còn gi." Đó là đoạn diệt. Có người chủ trương: “Bây không phải là đoạn diệt. Ta đoạn diệt ở Vô sắc Không Xứ." Có người chủ trương: "Đây không phải là đoạn diệt, ta đoạn diệt ở Vô sắc Thức Xứ." Có người chủ trương: uĐây không phải

là đoạn diệt, ta đoạn diệt ở Vô sắc Bất Dụng Xứ?9 Có người chủ trương: "Đây không phải là đoạn diệt, ta đoạn diệt ở Vô sắc Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ.” Đây là đoạn diệt thứ bảy. Đó là bảy kiến giải mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương rằng loại chúng sanh này đoạn diệt, không còn gì cả. Như thế đều gồm trong bảy kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới hiểu rõ... (như trên). Lại có sự quang minh khác của đại pháp sâu xa, vi diệu. Đó là gì? Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, cho răng chúng sanh hiện tại đạt được Niêt-bàn. Chủ trương đó gôm trong năm kiến giải. Chủ trương Hiện tại Niết-bàn dựa vào mạt kiếp mạt kiến, đều gồm trong năm kiến giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn5 Bà-la-môn kia dù vì lý do gì, dựa vào mạt kiếp mạt kiến, chủ trương chúng sanh đạt được Niêt-bàn trong hiện tại đêu gôm trong năm kiên giải, không vượt ra ngoài. Các Sa-môn, Bà-la-môn có kiên giải, có lý luận răng: "Nêu trong hiện tại, ta dứt trừ ngũ dục thì ta được Hiện tại Niếtbàn." Đó là kiến giải thứ nhất. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn bảo rằng: “Dấy là Niết-bàn trong hiện tại. Ngoài ra, không có Niết-bàn ở đâu nữa. Hiện tại Niết-bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta trừ bỏ pháp dục ác, bất thiện, có giác r ĩ CÓ quán, xả ly, sanh hỷ lạc mà nhập Sơ thiên thì đây gọi là Hiện tại NiOt-bàn.” Đó là kiến giải thứ hai. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng: "Dây là Niêt-bàn trong hiện tại, ngoài ra không có Niêt-bàn ở đâu nữa. Hiện tại Niêt- bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta diệt giác, diệt quán, nội hỷ nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc mà nhập vào Nhị thiền thì đấy gọi là Hiện tại Niết-b” Đó là kiến giải thứ ba. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương: “Chi có Niết-bàn trong hiện tại, ngoài ra không có ở đâu nữa. Hiện tại Niết-bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta trừ niệm, xả hỷ5 trú lạc, hộ niệm nhất tâm tự biết cái lạc về thân mà các bậc Hiền thánh đã nói, nhập vào Tam thiền thì đấy gọi là Hiện tại Niết-bàn.^, Đó là kiến giải thứ tư. Lại có các Sa-môn, Bà-la- môn chủ trương: "Chí có Niêt-bàn trong hiện tại, ngoài ra không có Niêt-bàn ở đâu nữa. Hiện tại Niết-bàn là vi diệu đệ nhất. Các ông không biết, chỉ ta biết mà thôi. Nếu ta diệt lạc, diệt khổ đã cảm thọ, trừ ưu hỷ, không khổ, không lạc, khéo giữ thanh tịnh mà nhập vào Tứ thiền thì đấy gọi là đệ nhất Niết-bàn." Đó là kiến giải thứ năm. Nêu các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên, chủ trương Hiện tại Niêt-bàn luận như thê, đêu gôm trong năm kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể biết được... (như trên). Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên, tự ý nêu lên vô sô luận thuyêt. Tát cả bao gôm trong bôn mươi bôn kiên giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới có thể hiểu được các kiến xứ ấy... (như trên).

21. KINH PHẠM ĐỘNG 301

Trên đây là các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, mạt kiêp mạt kiên, tùy ý khởi lên vô sô luận thuyêt, đêu gồm trong sáu mươi hai kiên giải. Những luận thuyết dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến mà tùy ý khởi lên đó? đều gồm trong sáu mươi hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Chỉ có đức Phật mới hiểu được kiến xứ này... (như trên). Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, chủ trương Thường luận, cho rằng thế gian là thường còn. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia dựa vào trí đời này nên chỉ gôm tín, dục, văn, duyên, giác, kiên, đinh và nhân sai khác Chánh pháp. Do họ

dùng trí đời này mà thể hiện khắp nên đấy chỉ là thọ. Từ các luận thuyết trên cho đến Hiện tại Niết-bàn luận cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường luận, cho rằng thế gian là thường còn. Do thọ làm duyên, họ khởi lên tham ái, phát sanh tham ái mà không tự mình giác tri được, bị vướng mắc vào tham ái, bi tham ái chế ngự; cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thê. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiêp bản kiên, chủ trương Thường luận, cho răng thê gian là thường còn. Họ lây xúc làm điêu kiện; nêu bỏ điều kiện xúc này thì chủ trương kia bất thành; cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiên, tùy ý nêu lên nhiêu kiên giải, luận thuyêt. Tát cả đêu gôm trong sáu mươi hai kiên giải. Những kiên giải, luận thuyêt mà họ tùy ý nêu lên đêu y cứ và tôn tại trong sáu mươi hai kiến giải, không vượt ra ngoài. Cũng như người đánh cá lành nghề dùng cái lưới có lỗ nhỏ, bao phủ trên cái ao nhỏ thì có thể biết rằng những loài thủy tộc ở trong ao đó, đều bi mắc vào trong lưới, không có chỗ trốn thoát, không thể vượt ra ngoài được. Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng giống như thế. Họ dựa vào bản kiếp bản kiến, mạt kiếp mạt kiến, tùy ý nêu lên vô số kiến giải, luận thuyêt, đêu gôm trong sáu mươi hai kiên giải, không vượt ra ngoài. Nêu vi Tỳ-kheo đôi với sáu xúc, biêt được một cách như thật sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của sáu xúc và sự xuất ly khỏi sáu xúc, vị Tỳ- kheo đó là tôi thăng. Vượt ra ngoài những kiên giải trên, Như Lai tự biêt sanh tử đã hét. Nhung Ngài có thân là vì muôn độ phước cho trời và người, chứ nêu Ngài không có thân thì trời và người không có nơi nương tựa. Cũng như cây Ta-la bị gãy đầu thì không thể sống lại được, đức Phật cũng thế, đã đoạn trừ sanh tử thì không sanh lại nữa. Khi đức Phật thuyết giảng pháp này, thế giới Đại thiên chấn động theo sáu cách. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng sau đức Phật mà hầu quạt cho Ngài, vạch áo lộ vai phải, quỳ xuống bạch đức Phật rang: Pháp này rất sâu xa, làm sao để gọi tên, làm sao để phụng trì pháp này?

Đức Phật dạy: Này A-nan, nên gọi kinh này là Nghĩa động. Pháp động. Kiến động. Ma động, Phạm động, Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe lời đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

22. KINH CHỦNG ĐỨC Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi, đều trú tại nước Ương-già. Sau khi du hóa nhân gian, Phật và đại chúng đến nghỉ bên bờ hồ Già-già, thuộc thành Chiêm-bà. Lúc đó, có vị Bà-la-môn tên Chủng Đức cũng ở tại thành Chiêm-bà. Thành này, dân cư đông đúc, giàu sang và phúc lạc, do Vua Ba-tư-nặc phong cho Bà-la-môn Chủng Đức để lo cúng tế Phạm thiên. Bà-la-môn này từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy. Ông là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà? phân biệt rành rẽ mọi loại kinh sách khác và dù cho lý sâu nghĩa ẩn, ông cũng đều thấu triệt. Hơn nữa, ông rất giỏi về khoa xem tướng bậc đại nhân và đoán xem việc tốt, xấu, cùng thông thạo các nghi lễ tế tự. Đệ tử của ông có năm trăm người, ông thường xuyên truyên dạy chăng hê bỏ bê. Các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thành Chiêm-bà được nghe có đức Sa-môn Cù-đàm dòng dối Thích-ca xuất gia tu hành, đã thành đạo quả hiện đang từ nước Ương-già du hóa khắp trong thiên hạ, đến bờ hồ Già-già thuộc thành Chiêm-bà, tiếng tăm vị này thật là lừng lẫy, khắp trong thiên hạ đều nghe truyền tụng: uSa-môn

Cù-đàm là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, Ngài đã tự tu chứng giữa hàng trời, người, ma cùng thiên ma? Sa-môn? Bà-la-môn và vì họ thuyết pháp. Giáo pháp Ngài chỗ đầu, chỗ giữa và chỗ cuối đều chân chánh, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tinh. Đối với vị Chân Nhân như vậy, cần đến yết kiến. Nay chúng ta nên đến để gặp Ngài." Nghĩ như thế xong, họ bèn từng nhóm theo nhau đến nơi đức Phật ngự. Chính trong lúc đó? Bà-la-môn Chủng Đức đứng trên lầu cao, từ xa trông thấy mọi người theo nhau đi ra từng đoàn, muốn biết họ đến đâu. Thi giả thưa: Con nghe có đức Cù-đàm dòng dõi Thích-ca, xuất gia tu hành đã thành đạo quả từ nước Ương-già, Ngài đi hóa đạo khắp trong thiên hạ, đến bên hồ Già-già thuộc thành Chiêm-bà. Tiếng tăm Ngài thật là lẫy lừng khắp trong thiên hạ: "Ngài là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, Ngài đã tự tu chứng giữa hàng trời, người, ma cùng thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và vì họ thuyết pháp. Giáo pháp Ngài chỗ đầu, chỗ giữa, chỗ cuối đều chân chánh,

nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh. Các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ ở trong thành Chiêm-bà này họp thành từng đoàn, theo nhau đinh đến yết kiến Sa-môn Cu-dam.^ Bấy giờ, Bà-la-môn Chủng Đức nghe thế liền bảo thị giả: Ngươi hãy mau theo lời ta đến bảo với họ rằng: Hãy đợi chốc lát ta sẽ đến để cùng đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm! Thị giả liền đem lời Chủng Đức đến bảo mọi người: Xin các Tôn giả tạm nghỉ chốc lát5 Tôn giả Chủng Đức sẽ đến và cùng đi với quý Tôn giả đến chỗ Sa-môn Cù-đàm! Mọi người nghe xong, nói với thị giả: Ngươi hãy mau vê thưa với Bà-la-môn Chủng Đức răng nay là lúc nên cùng nhau đi! Thị giả về thưa: Các vi ấy bảo rằng nay chính là lúc nên cùng đi. Bà-la-môn Chủng Đức liền đi xuống lầu, ra đứng ở cửa giữa. Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn đệ tử vì có chút việc tụ tập ở nơi cổng, thấy Bà-la-môn Chủng Đức đều đứng dậy chào đón và hỏi: Đại Bà-la-môn! Ngài định đi đến đâu?

Chủng Đức trả lời: Có vi Sa-môn Cù-đàm? dòng dõi Thích-ca, xuất gia tu hành, chứng thành đạo quả, từ nước của Ngài đi đến Ương-già hóa độ khắp trong thiên hạ, đến hồ Già-già thuộc nước Chiêm-bà. Tiếng tăm vị này thật là lẫy lừng khắp trong thiên hạ: “Ngài là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, Ngài đã tự tu chứng giữa hàng trời, người, ma cùng thiên ma, Sa-môn9 Bà-la-môn và vì họ thuyết pháp. Giáo pháp Ngài chỗ đầu, chỗ giữa, chỗ cuối đều chân chánh, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tjnh." Với bậc Chân Nhân danh tiếng như thế, cần nên đến yết kiến. Ta định đến gặp Ngài. Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn liền thưa: Ngài chớ đến gặp. Vì sao vậy? Vị ấy nên đến đây. Ngài chớ nên đến đó. Nay đại Bà-la-môn, cha mẹ từ bảy đời đên nay đêu chân chánh, chăng bị một ai khinh hủy. Nếu ngài đã được như thế, vị kia phải đến ngài; ngài không đến vị kia. Hơn nữa, đại Bà-la-môn đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà, phân biệt rành rẽ mọi loại kinh sách, sách vở thế gian dù với loại ý sâu, nghĩa ẩn, cũng đều thông thạo tất cả, ngài còn giỏi về môn xem tướng bậc đại nhân, đoán biết được các hiện tượng tốt xấu, rành rẽ các môn nghi lễ tế tự. Nếu ngài đã thành tựu được như thế, vị ấy phải đến ngài; ngài không phải đến vị ấy. Vả lại, đại Bà-la-môn dáng mạo đoan chánh, giống như sắc tướng của Phạm thiên. Ngài đã thành tựu như thế, vị ấy đến

ngài; ngài không đến vi ấy. Lại nữa,

đại Bà-la-môn có giới đức tăng thượng, thành tựu trí tuệ. Ngài đã thành tựu như thê, vị ây nên đên ngài; ngài không đên vi ây. Lại nữa đại Bà-la-môn nói năng hòa dịu, biện tài đầy đủ, nghĩa lý thanh tịnh. Ngài đã thành tựu như thế, vị ấy phải đên ngài; ngài không nên đên vị ây. Lại nữa, đại Bà-la-môn là vi thây lớn của nhiêu đệ tử. Ngài đã thành tựu như thê, vi ây phải đên ngài; ngài không nên đên vị ây. Lại nữa, đại Bà-la-môn thường dạy dô năm trăm đệ tử Bà-la-môn. Ngài đã thành tựu như thế, vị ấy phải đến ngài; ngài không nên đến vị ấy. Lại nữa, đại Bà-la-môn được học giả bốn phương đều đến thăm hỏi về các cách thức kỹ thuật tế lễ, ngài đều giải đáp đầy đủ. Ngài đã thành tựu như thế, vị ấy phải đến ngài; ngài không nên đến vi ấy. Lại nữa, đại Bà-la-môn được Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu như thế, vi ây phải đên ngài; ngài không nên đên vị ây. Lại nữa, đại Bà-la-môn giàu có, tiền bạc, kho báu đầy dẫy. Ngài đã thành tựu như thế, vị ấy phải đến ngài; ngài không nên đến vị ấy. Lại nữa, đại Bà-la-môn có trí tuệ sáng suốt, nói năng trôi chảy, không hề khiếp nhược. Ngài đã thành tựu như thế, vị ấy phải đến ngài; ngài không nên đến vị ấy. Bấy giờ, Chủng Đức bảo: -Đúng thế, đúng the! Đúng như lời các ông nói, ta có đủ các công đức ấy, chớ chẳng phải không. Thế nhưng, các ông hãy nghe ta kể công đức của Sa- môn Cù-đàm, chúng ta phải đến vị ấy, vị ấy không nên đến chúng ta. Sa-môn Cù-đàm? cha mẹ chân chánh, suốt bảy đời chẳng bị một ai khinh hủy. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm dung mạo đoan chánh, sanh trưởng trong dòng Sát- đế-lợi. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh ở nơi tôn quý, chọn đường xuất gia. Ngài đã thành tựu như thê, ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa- môn Cù-đàm quang sắc đầy đủ, dòng họ chân chánh, xuất gia tu đạo. Ngài đã thành tựu như thê, ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh ở nhà giàu có, oai lực rất lớn, chọn đường xuất gia. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến với Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đây đủ giới hạnh của bậc Hiên thánh, thành tựu trí tuệ. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm rất khéo léo về lời nói nhu nhuyến, hòa nhã. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là vị Đạo sư có đông đảo đệ tử. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm diệt hẳn ái dục, tâm không vọng động, lo sợ đã trừ, không bị hốt hoảng, hoan hỷ hài hòa, gặp người ca ngợi thì khéo giảng về nghiệp và nghiệp báo, không hủy báng đạo khác. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa

kính lễ, cúng dường. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la kính lễ, cúng dường, lại được Phạm Bà-la-môn, Bà-la-môn Đa-lợi-già, Bà-la-môn Cứ-xỉ, Bà-la-môn

Thủ-ca-ma-nạp-đô-da-tử gặp gỡ và cúng dường. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa- môn Cù-đàm được các đệ tử Thanh văn thờ phụng, lễ kính, cúng dường, lại được chư thiên, ma cung kính, được đòng họ Thích, Câu-lợi, Minh-ninh? Bạt- kỳ, Mạt-la và Tô-ma đều tôn phụng. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm còn truyên tam quy, ngũ giới cho Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm còn truyền tam quy, ngũ giới cho nhóm Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm cỏ đệ tử thọ tam quy, ngũ giới, có chư thiên, họ Thích, Câu-lợi... thọ tam quy, ngũ giới. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm trong khi du hành được mọi người cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến những thành quách, xóm làng nào, được người ở đó cúng dường. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến những nơi nào, chỗ ấy quỷ thần, phi nhơn không xúc chạm, quấy nhiễu. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến chỗ nào, người dân chỗ ấy đều thấy ánh sáng, nghe được nhạc trời. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài, Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù- đàm đến chỗ nào mà khi muốn rời khỏi, người chỗ ấy đều nhớ tiếc, khóc lóc mà tiễn đưa. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ khóc lóc, thương nhớ, luyến tiếc. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm xuất gia lúc tuổi còn trẻ? xả bỏ trang sức, voi, ngựa tốt, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm bỏ ngôi vi Chuyển Luân mà chọn đường xuất gia. Nấu Ngài ở đời thì làm vua bốn thiên hạ, thống lãnh nhân dân, chúng ta đều thuộc dân của Ngài. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-mon Cù-đàm hiểu rõ pháp cao siêu, có thể thuyết giảng cho người, lại có thể đối đáp cùng Phạm thiên. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm trí tuệ thông đạt? không có khiếp nhược. Ngài đã thành tựu như thế, ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây.

22. KINH CHỦNG ĐỨC 307

Vị Cù-đàm ấy, nay đã đến bên hồ Già-già thuộc thành Chiêm-bà. Đối với ta, Ngài thật tôn quý, lại là vị khách quý mà ta nên đến thăm. Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn thưa với Chủng Đức: —Lạ thay! Hay thay! Công đức của vị ấy đạt đến như thế ư? Nếu Ngài thành tựu một trong những công đức ấy thì chúng ta cũng cần phải đến, huống chi nay Ngài đã thành tựu đầy đủ các công đức đó. Chúng ta nên cùng nhau đến thăm hỏi Ngài. Chủng Đức đáp: -Nếu các ông muốn di, nên biết rằng đây là lúc nên đi. Chủng Đức liền cho thắng cỗ xe báu cùng năm trăm Bà-la-môn, và các Bà- la-môn, trưởng giả, cư sĩ của thành Chiêm-bà vây quanh trước sau mà đi đến hồ Già-già. Đi được chẳng bao lâu, lại

tự nghĩ: “Nếu ta hỏi Sa-môn Cù-đàm mà không đúng ý Ngài, Sa-môn Cù-đàm sẽ trách ta mà bảo ta nên hỏi thế này mà không nên hỏi thế kia. Mọi người nghe được sẽ bảo ta là không có trí thì có hại cho thanh danh của ta. Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta mà ta đáp không đúng ý Ngài thì Ngài sẽ trách ta và bảo ta nên đáp như thế này, không nên đáp như thế kia. Mọi người nghe được thì sẽ bảo ta là không có trí thì có hại cho thanh danh của ta. Nếu ta im lặng mà về thì mọi người sẽ bảo ta là kẻ không biết gì, không nên đến chỗ Cù-đàm thì có hại cho thanh danh của ta. Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta vê giáo pháp của Bà-la-môn, ta có thê đáp đây đủ, đúng theo ý Ngai.” Bấy giơ, Chủng Đức ở bên hồ Già-già nghĩ như thế, liền đi lên trước, xuống xe đi bộ, đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, các Bà- la-môn, trưởng giả, cư sĩ thành Chiêm-bà? người thì lễ Phật rồi ngồi xuống, người thì hỏi thăm rồi ngồi xuống, người thì xưng tên rồi ngồi xuổng, người thì chắp tay vái Phật rồi ngồi xuống, người thì im lặng rồi ngồi xuống. Khi mọi người ngồi xuống xong, đức Phật biết được ý nghĩ trong tâm của Bà-la-môn Chủng Đức nên bảo ông: Tùy ý, ông muốn hỏi gì thì hỏi! Đức Phật hỏi Chủng Đức: Bà-la-môn các ông đã thành tựu những pháp nào? Cứ nói thành thật, chớ có hư vọng! Bấy giờ, Chủng Đức im lặng, tự suy nghĩ: "Thật kỳ thay, thật lạ thay! Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, thấy được tâm của người, có thể tùy theo ý nghĩ của ta mà hỏi ta.” Rồi Bà-la-môn Chủng Đức ngồi ngay ngắn, nhìn khắp đại chúng, hoan hỷ mỉm cười, rồi đáp lời đức Phật: Bà-la-môn chúng tôi thành tựu năm pháp, điều chúng tôi nói là thành thật, không hư dối. Năm pháp đó là gì? Một là cha mẹ từ bảy đời đến nay đều chân chánh, không bị người khác khinh hủy. Hai là tụng đọc ba bộ Phệ-đà thông suốt, có

thể hiểu rõ được các kinh sách. Sách về thế gian thâm áo không chỗ nào không thông su6t, giỏi vê thuật xem tướng bậc đại nhân, biêt rõ thời vận tót, xâu và các nghi thức tê lê. Ba là có dung mạo đoan chánh. Bôn là giữ giới đây đủ. Năm là trí tuệ thông đạt. Đó là năm pháp. Thưa đức Cù-đàm? Bà-la-môn thành tựu năm pháp này, lời tôi là thành thật, không hư dối. Đức Phật dạy: Này Chủng Đức, lành thay! Nấu có Bà-la-môn nào, bỏ đi một pháp mà thành tựu bốn pháp trong năm pháp ấy, và bảo rằng mình nói thành thật, không hư dối? có thể được gọi là Bà-la-môn chăng? Chủng Đức bạch đức Phật: Thưa được! Vì sao như thế? Vì thọ sanh thì có đáng kể gì! Nếu Bà-la-môn đọc tụng ba bộ Phệ-đà thông suốt, phân biệt rõ ràng các loại kinh thu, sách vở của thế gian dù thâm áo không có chỗ nào không thông suốt, lại giỏi về khoa xem tướng bậc đại nhân, biết rõ thời vận tốt xấu, biết nghi lễ tế tự, dung mạo đoan chánh, giữ giới đầy đủ, trí tuệ thông đạt. Có được bốn pháp ấy, lời nói thành thật, không hư dối, gọi là Bà-la-môn. Đức Phật bảo Chủng Đức: Z r —Hay thay, hay thay! Nêu trong bôn pháp này, bỏ đi một pháp, thành tựu ba pháp kia, lời nói cũng thành thật, không hư dối, gọi là Bà-la-môn được chăng? Chủng Đức bạch: Thưa được! Vì sao vậy? Vì thọ sanh và phúng tụng thì có đáng kể gì! Nếu Bà-la-môn có dung mạo đoan chánh, giữ giới đầy đủ, trí tuệ thông đạt. Có được ba pháp này, lời nói thành thật, không hư dối, có thể gọi là Bà-la-môn. Đức Phật bảo: Hay thay, hay thay! Nếu trong ba pháp ấy, bỏ đi một pháp, thành tựu hai pháp kia thì thế nào? Như thế, lời nói cũng chí thành, không hư dối, có

thể gọi là Bà-la-môn được chăng? Thưa được! Vì sao vậy? Vì thọ sanh, phúng tụng và đoan chánh có đáng kể gì. Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn đều cất tiếng bảo với Bà-la-môn Chủng Đức: -Tại sao lại phê bác thọ sanh, phúng tụng và dung mạo mà cho đó là vô dụng? Đức Thế Tôn liền bảo năm trăm Bà-la-môn: Nêu Bà-la-môn Chủng Đức có dung mạo xâu xí, không có dòng dõi, đọc tụng không thông suốt, không có trí tuệ, biện tài, khéo đáp, không thể nói chuyện cùng Ta thì các ông hãy nói. Còn nếu Chủng Đức có dung mạo đoan chánh, đầy đủ dòng dõi, đọc tụng thông suốt, trí tuệ biện tài, khéo léo vấn đáp, đủ để cùng Ta bàn luận nghĩa lý thì các ông hãy im lặng mà nghe ông ta nói.

Bấy giờ, Bà-la-môn Chủng Đức bạch Phật: Xin đức Cù-đàm hãy tạm dừng một lát! Con xin có đôi lời giảng dạy cho những người này! Bà-la-môn Chủng Đức liền bảo với năm trăm Bà-la-môn: Thanh niên Ương-già hiện đang ở trong chúng này là cháu ngoại của ta, các ông có thấy không? Nay đại chúng cùng nhau tụ tập nơi đây chỉ trừ đức Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, ngoài ra không ai bằng thanh niên ương-già ấy. Nhưng ương-già sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vô lễ, dối trá, lường gạt, lấy lửa đốt người, bỏ đạo, làm ác. Này các Bà-la-môn, các tội lỗi của thanh niên Ương-già này đã đầy đủ, thế thì việc tụng đọc và đoan chánh rốt cuộc có đáng kể gì! Lúc đó, năm trăm Bà-la-môn im lặng không đáp. Chủng Đức bạch Phật: Nếu giữ giới đầy dử, trí tuệ thông đạt, lời nói chí thành, không hư dối, có thể gọi là Bà-la-môn vậy. Đức Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Chủng Đức, ý ông thế nào? Nếu trong hai pháp này, bỏ đi một pháp mà thành tựu pháp kia, lời nói cũng thành thật, không hư dối, có thể gọi là Bà-la-môn chăng? Thưa không! Vì sao vậy? Vì giới hạnh là trí tuệ, trí tuệ là giới hạnh. Có giới hạnh, có trí tuệ, lời nói mới thành thật, không hư dối. Tôi gọi đó là Bà-la-môn. Đức Phật dạy: Lành thay, lành thay! Theo như ông nói có giới hạnh thì có trí tuệ, có trí tuệ thì có giới hạnh. Giới hạnh có thể làm thanh tịnh trí tuệ, trí tuệ có thể làm thanh tịnh giới hạnh. Này Chủng Đức như người rửa tay, tay phải, tay trái đều cần nhau. Tay trái làm sạch tay phải, tay phải làm sạch tay trái. Đây cũng thế, có trí tuệ thì có giới hạnh, có giới hạnh thì có trí tuệ. Giới hạnh làm thanh tịnh trí tuệ, trí tuệ làm thanh tịnh giới hạnh. Này Bà-la-môn, người có đủ giới hạnh và trí tuệ, Ta gọi là Tỳ-kheo. Bấy giờ, Bà-la-môn Chủng Đức bạch Phật: Giới hạnh là gì? Đức Phật dạy: Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ và hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân tích từng điểm cho ông rõ! Thưa vâng, con mong muốn được nghe! Lúc đó, đức Phật bảo với Bà-la-môn: Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; giữa chư thiên, loài người, Sa-môn, Bà-la-môn, tự

mình chứng ngộ, thuyết pháp cho tha nhân, lời nói ban dâu, ở giữa và cuôi cùng đều chân chánh, nghĩa lý đay đủ? Phạm hạnh thanh tịnh. Nêu trưởng giả hoặc con của trưởng giả nghe được pháp này, tín tâm được thanh tịnh; có tín tâm thanh tịnh rồi, nên quán sát như vầy: “Tại gia thật là khó, ví như gông cùm, muốn tu Phạm hạnh cũng

không thể được. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu Qua thời gian sau, người kia lìa bỏ tài sản, gia nghiệp, nhà cửa, xa lìa thân tộc, mặc ba pháp y, bỏ những trang sức đẹp, tụng đọc đây đủ giới luật Tỳ-kheo9 từ bỏ sát sanh, không sát sanh cho đến việc thực hiện Tứ thiên của tâm pháp, đăc được hoan hỷ, an lạc. Tại sao như vậy? Đây là do tinh cần, chuyên niệm không quên, thích độc cu, nhàn tịnh mà được vậy. Bà-la-môn chính là đầy đủ giới hạnh. Chủng Đức lại hỏi: - Thế nào là trí tuệ? Đức Phật dạy: Nếu vị Tỳ-kheo dùng sự thanh tinh, không cấu uế, nhu nhuyến, dễ điều phục của định tâm mà trụ vào định Bát động, cho đên khi được Tam minh, trừ bỏ vô minh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ tối tăm, sanh Lậu tận trí, phát xuất từ ánh sáng đại pháp. Tại sao vậy? Đấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, thích độc cu, nhàn tinh mà được vậy. Này Bà-la-môn, đó là trí tuệ đầy đủ. Bà-la-môn Chủng Đức bạch đức Phật: Nay con xin quy y Phật, Pháp và Thánh chúng, cúi mong đức Thế Tôn cho con được làm iru-bà-tắc trong Chánh pháp! Từ nay về sau, cho đến lúc chết, con không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối gạt, không uống rượu. Bà-la-môn Chủng Đức nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐÀU Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở tại nước Câu-tát-la cùng với đại chung Tỳ-kheo đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị. Sau khi du hành nhiều nơi, đến phía Bắc thôn của Bà-la-môn Khư-nậu-bà-đề, dừng lại trong rừng Thi-xá-bà. Bấy có Bà-la-môn tên là Cứu-la-đàn-đầu cũng dừng lại tại thôn Khư- nậu-bà-đê. Thôn này sung túc, an lạc, dân chúng đông đúc, giàu sang. Vườn, quán, ao tắm, cây coi đều xanh tươi, mát mẻ. Vua Ba-tư-nặc phong thôn này cho Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu để lo tế tự Phạm thiên. Cha mẹ bảy đời của Bà-la- môn này đêu chân chánh, không bị người khác khinh hủy. Ong tụng đọc thông suốt ba bộ Phệ-đà? phân biệt rành rẽ mọi loại sách ở đời và dù cho lý sâu nghĩa ẩn, ông cũng đều thấu triệt. Lại giỏi xem về khoa xem tướng bậc đại nhân, biết xem thời tốt xấu, biết nghi thức tế tự. Ông dạy dỗ năm trăm đệ tử không bỏ bê. Bấy giờ, Bà-la-môn muốn bày lập tế lễ lớn, bày năm trăm trâu đực, năm trăm trâu cái, năm trăm nghé đực, năm trăm nghé cái, năm trăm dê đen, năm trăm dê thiến để cúng lễ. Bấy giờ, các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ thôn Khư- nậu-bà-đề nghe Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích xuất gia, thành đạo từ nước Câu-tát-la du hành khắp nơi, đến phía Bắc thôn Khư-nậu-bà-đề, dừng lại tại rừng Thi-xá-bà, đại danh của Ngài đồn khắp thiên hạ: "Bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, tự thân chứng ngộ giữa hàng chư thiên, người, ma, thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và thuyết pháp cho họ. Lời dạy của Ngài chỗ đầu, chỗ giữa, chỗ cuối đều chân chánh, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tinh. Bậc Chân Nhân như vậy đáng được đến yết kiến. Nay chúng ta nên cùng đên đê gặp Ngài?9 Nói thê xong, họ liên cùng nhau đên thôn Khư-nậu-bà- đề9 từng nhóm theo nhau định đến chỗ đức Phật. Bấy giờ, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu đang ở trên lầu, thấy từ xa mọi người từng nhóm theo nhau, liền quay lại hỏi thị giả: Những người ấy, vì lý do gì mà từng nhóm theo nhau, họ đinh đến nơi nào? Thị giả thưa: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích, xuất gia, thành đạo, du hành khắp nơi trong nước Câu-tát-la, đến phía Bắc thôn Khư-nậu-bà-đề, dừng lại tại rừng Thi-xá-bà, đại danh của Ngài đồn khắp thiên hạ: “Nhu Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, tự thân chứng ngộ ở giữa chư thiên, người, ma, thiên

ma, Sa-môn, Bà-la-môn và thuyết pháp cho mọi người, lời dạy

của Ngài chỗ đầu, chỗ giữa, chỗ cuối đều chân chánh, nghĩa lý đày đủ, Phạm hạnh thanh tjnh." Các Sa-môn, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ của thôn này nhóm lại và theo nhau, định đen thăm hỏi Sa-môn Cù"đàm đó. Lúc đó5 Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu liền bảo thị giả: Ngươi mau đem lời ta đến nói với họ rằng, các ông hãy dừng lại một lát, đợi ta, ta sẽ cùng đi đến chỗ Cù-đàm! Lúc đó? thị giả liền vâng theo lời dạy, đến nói với họ rằng: Xin hãy dừng lại, đợi thầy tôi cùng đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm!

Những người đó mới nói với thị giả: Ngươi mau trở về thưa với Bà-la-môn, nay là đúng thời nên cùng đi chung vậy. Thị giả trở về thưa: Họ đã dừng lại và nói: “Nay là phải thời nên cùng đi vâyy LÚC đó, Bà-la-môn liên xuông lâu, ra đứng ở cửa giữa. Lúc đó, có năm trăm Bà-la-môn khác ngồi ở ngoài cửa giữa, giúp Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu bày biện đại tế lễ. Họ thấy Cứu-la-đàn-đầu đều đứng dậy nghinh đón và hỏi: Thưa đại Bà-la-môn, ngài định đi đâu? Đáp: Ta nghe Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, xuất gia, thành đạo, đang du hành khắp nơi trong nước Câu-tát-la, đến phía Bắc nơi thôn Khư-nậu-bà-đề của rừng Thi-xá-bà, đại danh của Ngài đồn khắp thiên hạ: "Ngài là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa hàng chư thiên, người, ma, thiên ma, Sa-môn9 Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, thuyêt pháp cho mọi người. Lời dạy của Ngài chỗ dầu, chỗ giữa, chỗ cuối đều chân chánh, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tjnh." Bậc Chân Nhân như thế, mọi người nên đến, đáng đên yêt kiên. Các Bà-la-môn, ta lại nghe đức Cù-đàm biêt được ba cách tế tự và mười sáu tế vật mà các nhà học thức xưa nay trong số chúng ta không ai biết. Nay ta đinh thiết tế lễ lớn, trâu, dê đã chuẩn bị đầy đủ. Ta muốn đến hỏi đức Cù-đàm về ba cách tế lễ và mười sáu tế vật. Nếu chúng ta biết được cách thức tế lễ thì công đức rất lớn và danh tiếng đồn khắp. Lúc đó, năm trăm Bà-la-môn thưa với Cứu-la-đàn-đầu: Đại sư không nên đi đên vị ây. Tại sao như thê? Vi ây nên đên Đại sư, Đại sư không nên đên vị ây. Vì cha mẹ bảy đời của Đại sư đêu chân chánh, không bị kẻ khác khinh hủy. Nếu Đại sư có được pháp này, vi ấy nên đến Đại sư; Đại sư không nên đến vị ấy. Lại nữa, Đại sư đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà? có khả năng phân biệt các loại kinh thư, lão luyện các sách thế gian thâm áo, lại giỏi về khoa tướng bậc đại nhân, xem tướng tốt xấu và biết các nghi lễ tế tự. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vị ấy nên đến Đại sư; Đại sư không nên

đến vị ấy. Lại nữa, Đại sư có dung mạo đoan chánh, sắc tướng tốt đẹp. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vị ây nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vi ây. Lại nữa, Đại sư có giới đức lớn, thành tựu được trí tuệ. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vi ây nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vị ây. Lại nữa, lời nói của Đại sư nhu thuận, hòa nhã, biện tài đầy đủ, nghĩa lý thanh tịnh. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vị ây nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vi ây. Lại nữa, Đại sư đứng đâu một chúng lớn, có nhiêu đệ tử. Nêu Đại sư thành tựu được pháp này, vị ây nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vi ây. Lại nữa, Đại sư thường giảng dạy cho năm trăm Bà-la-môn. Nếu

Đại sư thành tựu được pháp này, vi ây nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vị ây. Lại nữa, học giả bốn phương đều đến thỉnh giáo với Đại su, hỏi những cách thức về chú thuật, tế tự, Đại sư đều giải đáp đầy đủ. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vị ấy nên đến Đại sư; Đại sư không nên đến vị ấy. Lại nữa, Đại sư được Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa cung kính, cúng dường. Nêu Đại sư thành tựu được pháp này, vi ây nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vị ây. Lại nữa, Đại sư có tài sản báu vật chứa đầy dẫy trong kho. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vi ấy nên đến Đại sư; Đại sư không nên đến vị ấy. Lại nữa, Đại sư có trí tuệ sáng rõ, lời nói thông suốt, không có khiếp nhược. Nếu Đại sư thành tựu được pháp này, vị ấy nên đên Đại sư; Đại sư không nên đên vị ây. Đại sư vì có đây đủ mười một pháp này nên vị ây phải đên Đại sư; Đại sư không nên đên vị ây. Lúc bấy giờ, Cứu-la-đàn-đầu nói: Thật đúng như vậy, đúng như lời các ông đã nói, ta thật sự có được những đức tính này, chứ không phải là không có. Bây giờ, các ông hãy nghe ta nói những công đức mà Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu. Hết thảy chúng ta nên đến Ngài, Ngài không nên đến chúng ta. Cha mẹ bảy đời của Sa-môn Cù-đàm đều chân chánh, không bị người khác khinh hủy. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù- đàm xuất thân từ dòng Sát-đế-lợi, dung mạo đoan chánh. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa- môn Cù-đàm sanh trong nhà giàu sang, phú quý, lại theo con đường xuất gia. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đây đủ trí tuệ, dòng họ chân chánh, lại xuất gia tu đạo. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh trong nhà giàu sang, có oai lực lớn lại xuất gia tu đạo. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đây đủ giới hạnh Hiền thánh, đạt được trí tuệ. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khéo léo trong lời nói, diu dàng hòa nhã. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là bậc Đạo Sư của

đại chúng, chúng đệ tử rất đông. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm vĩnh viên diệt trừ ái dục, không còn dao động, lo sợ đã trừ, không còn kinh hãi, hoan hỷ hòa dồng, thấy người thì khen ngợi, khéo giảng về nghiệp và nghiệp báo, không hủy báng đạo khác. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Vua Ba- tư-nặc và Vua Bình-sa lễ kính, cúng dường. Lại được Phạm Bà-la-môn, Bà- la-môn Đa-lợi-già? Bà-la-môn Chủng Đức và Thủ-ca-ma-nạp-đô-da tử cung kính, cúng dường. Ngài thành tựu được pháp này nên chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được các đệ tử Thanh văn tôn kính, cúng dường, lại được chư thiên, quỷ thần cung kính, cúng dường. Những người dòng họ Thích, Câu-lê9 Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma đều tôn phụng. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền tam quy, ngũ giới cho Vua Ba- tư-nặc và Vua Bình-sa. Ngài thành tựu

được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền tam quy, ngũ giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền tam quy, ngũ giới cho đệ tử, truyền tam quy, ngũ giới cho chư thiên, dòng họ Thích, cho Mạt-la... Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đi đên đâu, cũng được hét thảy mọi người cung kính, cúng dường. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến các thành quách, thôn ấp nào, không đâu là không nô nức cung kính, cúng dường. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến đâu thì ở đó các loại phi nhân, quỷ thần không dám quấy phá. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đi đến đâu, nhân dân nơi đó thấy ánh quang minh, nghe được thiên nhạc. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đay. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đi đến đâu, hễ khi Ngài rời nơi ấy, mọi người đều mến mộ, khóc lóc tiễn đưa. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm mới xuất gia, cha mẹ thân quyến khóc lóc, thương tiếc. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm xuất gia khi còn trẻ, xả bỏ các thứ trang sức như voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đã xả bỏ ngôi vị của bậc Chuyên Luân Vương mà xuất gia tu đạo. Nêu Ngài ở tại gia thì làm vua bốn thiên hạ, thống lĩnh nhân dân, chúng ta đều thuộc dân của Ngài. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ pháp của Phạm thiên, có thể giảng dạy

cho người, cũng có thể cùng Phạm thiên lui tới đàm luận. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ ba cách tế tự và mười sáu thứ tế vật mà các vị kỳ túc của chúng ta không thể biết được. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đen đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đay đủ ba mươi hai tướng tốt. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đến Ngài; Ngài không nên đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm trí tuệ thông đạt, không có chỗ khiếp nhược. Ngài thành tựu được pháp này, chúng ta phải đên Ngài; Ngài không nên đên đây. Bậc Sa-môn Cù-đàm ấy nay đến thôn Khư-nậu-bà-đề này, Ngài là bậc Tôn kính của chúng ta, là vị khách quý mà chúng ta nên đến thăm viếng. Lúc bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn thưa với Cứu-la-đàn-đầu: Hay thay, lạ thay! Công đức của vi ây to lớn đên như vậy sao! Nêu thành tựu được một trong những công đức của Cù-đàm còn không được, huống chi thành tựu hết thảy công đức của Ngài. Chúng ta nên cùng nhau đến thăm hỏi Ngài. Cứu-la-đàn-đầu đáp: Nếu các ông muốn đi thì nên biết nay là hợp thời. Lúc đó, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu cho sửa soạn xe báu cùng với năm trăm Bà-la-môn, Khư-nậu-bà-đề, các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... trước sau vây quanh, đi đến thôn Thi-xá-bà. Đen xong, họ xuống xe, đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, thăm hỏi và ngồi qua một bên. Lúc bấy giờ, các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... có người

đảnh lễ đức Phật roi ngôi xuồng, có người thăm hỏi roi ngôi xuông, có người xưng tên roi ngôi xuống, có người vòng tay hướng về đức Phật rồi ngồi xuống, có người im lặng rồi ngồi xuống. Sau khi mọi người ngồi xong, Cứu-la-đàn-đầu bạch đức Phật: -Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài thư thả, có thể nghe được thì tôi mới dám hỏi. Đức Phật đáp: Tùy ý ông thưa hỏi! Lúc đó, Bà-la-môn bạch đức Phật: -Tôi nghe Cù-đàm hiêu rõ ba cách tê tự và mười sáu loại tê vật mà các bậc kỳ túc của chúng tôi không thể biết được nên tất cả chúng tôi định lập tế lễ lớn và đã sắm năm trăm con trâu đực, năm trăm con trâu cái, năm trăm con nghé đực, năm trăm con nghé cái, năm trăm con dê đen, năm trăm con dê thiến dùnẹ để tế lễ. Hôm nay, chúng tôi đến đây để hỏi ba cách tế tự và mười sáu loại tế vật, nếu thành tựu được tế lễ này sẽ đạt được quả báo lớn, danh tiếng đồn khắp, trời, người cung kính. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: Nay ông hãy lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ, Ta sẽ nói cho ông!

Bà-la-môn thưa: Xin vâng, thưa Cù-đàm5 tôi mong muốn nghe! Lúc ấy, đức Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu: Từ thuở quá khứ lâu xa, có vị Vua Sát-đế-lợi, dùng nước rưới đầu và định lập tế lễ lớn nên tập hợp Bà-la-môn? đại thần và bảo với họ rằng: "Ta nay có đầy đủ tài sản, của báu, thú vui ngũ dục nhưng tuổi tác đã lớn mà quân dân mạnh mẽ không hề khiếp nhược, kho lẫm đầy dẫy nên ta muốn lập tế lễ lớn, các ông hãy nói cách tế lễ cần có những gi?" Lúc ấy, vị đại thần nọ liền tâu với vua: "Đúng vậy, thưa Đại vương. Như lời Đại vương nói, nước giàu, dân mạnh, kho lẫm đay dẫy chỉ có lòng dân chứa đay ác tâm, làm điều phi pháp. Nếu lúc này mà lập tế lễ thì không thể thành tựu tế pháp, như bảo kẻ trộm bắt kẻ trộm thì làm sao bắt được. Thưa Đại vương! Ngài chớ cho răng, đây là dân của ta có thê trừng phạt, giêt chóc, trách măng, v.v... Ngài nên chu cấp cho những vi quan lại; đối với những người buôn bán, ngài nên cung cấp tài sản của báu cho họ; đối với những người nông dân, ngài nên cung cáp trâu, bò, hạt giông cho họ đê họ kinh doanh, sinh sông. Ngài không nên bức bách đối với dân thì nhân dân an ổn, nuôi dưỡng, giáo dục con cháu của họ đoàn tụ vui vẻ." Đức Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu: -Khi nhà vua nghe vi đại thần nói xong thì nhà vua liền cung cấp y phục và thức ăn cho những vị quan lại, tài sản của báu cho người dân buôn bán, trâu bò, hạt giống cho người nông dân. Lúc ấy, mọi người đều tự kinh doanh, sinh sống, không làm tổn hại lẫn nhau, nuôi dưỡng, giáo dục con cháu đoàn tụ vui vẻ. Đức Phật bảo: Khi ấy, nhà vua lại triệu các vị đại thần và bảo với họ rằng: "Nước ta giàu có, binh lực hùng mạnh, kho lẫm đầy dẫy, hãy cung cấp cho mọi người, khiến họ không còn thiếu thốn, nuôi dưỡng và giáo dục con cháu, sum vầy, vui vẻ. Nay ta muốn lập tế lễ lớn các khanh hãy trình bày tế pháp cần phải làm những gi?" Các vi đại thân tâu với nhà vua: "Đúng như thê, đúng như thê, đúng như lời của Đại vương nói, nước ta giàu mạnh, binh lính hùng cường, kho lẫm đầy dẫy đủ cung cấp cho nhân dân, khiến họ không bị thiếu thốn, có thể nuôi dưỡng và giáo dục con cháu cùng được vui vẻ. Nếu Đại vương muốn lập tế lễ lớn thì nên bảo cho nội cung biet.,^ Lúc đó5 nhà vua làm theo lời của vị đại thần, vào bảo với nội cung: "Nước ta giàu có, binh lính hùng cường, kho lẫm đầy dẫy, của báu, tài sản dồi dào, nay trẫm muốn lập tế lễ lớn.,, Lúc đó, các vị phu nhân

liền tâu với vua: "Quả đúng như vậy, đúng như lời Đại vương nói! Nước ta giàu có, binh lính hùng cường, kho lẫm đầy dẫy, có nhiều châu báu. Nay thật là hợp thời để lập tế lễ lớn.,,

Nhà vua lại nói với các vi đại thần: "Nước ta giàu có, binh lính hùng cường, kho lẫm doi dào, đem phát cho nhân dân đe họ khỏi thiếu thon, nuôi dưỡng con cháu đê cùng vui vẻ. Nay ta muôn lập tê lê lớn.,^ Rồi lại bảo với họ rằng: "Các người hãy nói cho ta biết nay cần phải làm gi?" Các đại thần liền thưa với vua: "Quả đúng như vậy5 đúng như lời Đại vương nói. Ngài muôn lập tê lê lớn nhưng chỉ nói với nội cung mà chưa nói với thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ. Vậy Đại vương nên nói với họ?5 Nhà vua nghe tâu xong, liên bảo với thái tử, hoàng tử, quân thân, tướng sĩ: "Nước ta giàu có, binh lính hùng cường, kho lẫm dồi dào. Nay ta muốn lập tế lễ lớn/9 Bấy giờ, thái tử, hoàng tử, quần thần, tướng sĩ liền tâu với vua: "Đúng thế, đúng thế, tâu Đại vương. Nay nước ta giàu c6, binh lính hùng cường, kho lẫm dồi dào. Nên muốn lập tế lễ thì nay là đúng lúc.,, Vua lại bảo đại thần: "Nước ta giàu có, binh lính hùng cường, có nhiều tài sản và châu báu, muốn lập tế lễ lớn, đã nói với nội cung, thái tử, hoàng tử cho đến các tướng sĩ. Nay muốn lập tế lễ lớn thì nên làm gi?" Các đại thần tâu: "Theo như Đại vương nói, muốn lập tế lễ thì nay là đúng lúc., Nhà vua nghe nói xong, liền lập nhà cửa tại phía Đông thành. Vua vào nhà . • r 9 • X

mới, mặc áo da nai, dùng dâu hương tô thoa khắp thân thê, lại lây sừng nai mang lên đầu, dùng phân bò tô dưới đất để nằm, ngồi trên đó? rồi vi phu nhân thứ nhất, Bà-la-môn, đại thần chọn một con bò cái để nặn sữa. Một phần sữa vua dùng, một phân sữa phu nhân dùng, một phân sữa đại thân dùng, một phân sữa để cúng dường đại chúng. Phần còn lại thì cho bò con. Khi ấy, vua thành tựu tám pháp, đại thần thành tựu bốn pháp. Nhà vua thành tựu tám pháp gì? Bảy đời cha mẹ của vị Vua Sát-đế-lợi đều chân chánh, không bị người khác trông thấy mà khinh hủy. Đó là thành tựu pháp thứ nhất. Vua có dung mạo đoan chánh thuộc dòng Sát-đế-lợi. Đó là pháp thứ hai. Vua có giới đức tăng thinh, trí tuệ đầy đủ. Đó là pháp thứ ba. Vua thành thạo các khoa kỹ thuật, các phép cưỡi voi, ngựa, xe, dùng đao, mâu, cung, tên chiến đấu không phép nào là vua không biết đầy đủ. Đó là pháp thứ tư. Vua có đại oai lực, nhiếp phục các tiểu vương, không vi nào không quy phục. Đó là pháp thứ năm. Vua thiện xảo về ngôn ngữ, điều vua nói thì nhu nhuyến, nghĩa lý đầy đủ, đó là pháp thứ sáu. Vua có nhiều tiền bạc của báu, kho lẫm dồi dào. Đó là pháp thứ bảy. Vua có mưu trí dũng cảm, không có yếu kém, sợ hãi. Đó là pháp thứ tám. Vua Sát-đế-lợi này đã thành tựu tám pháp ấy. Các đại thần đã thành tựu bốn pháp nào? Bảy đời cha mẹ của Bà-la-môn đại thần đều chân chánh, không bị người khác trông thấy mà khinh hủy. Đó là pháp thứ nhất. Ke đến, các đại thần này đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà, hiểu rõ các thứ kinh thư, thế điển dù sâu ẩn không chỗ nào là không thông thạo, lại giỏi phép xem tướng bậc đại nhân, xem

thời tốt Xấu và biết nghi thức tế tự. Đó là pháp thứ hai. Lại nữa, đại thần thiện xảo về ngôn ngữ, nói ra điều gì cũng nhu hòa, nghĩa lý đầy đủ. Đó là pháp thứ ba. Lại nữa, đại thần có mưu trí dũng lược, không có yếu kém, sợ hãi, không có phép tế tự nào là khônệ biết rõ. Đó là pháp thứ tư. Khi nhà vua thành tựu tám pháp, Bà-la-môn đại thân thành tựu bốn pháp thì nhà vua có bốn sự viện trợ, ba cách tế lễ và mười sáu loại tế vật. Bây giờ, ở trong ngôi nhà mới, các Bà-la-môn đại thân dùng mười sáu sự việc khai triển ý vua để loại bỏ ý tưởng nghi ngại của vua. Mười sáu sự việc ấy là gì? Đại thần tâu với vua: Hoặc có người bảo: "Vua Sát-đế-lợi muốn lập tế lễ lớn mà cha mẹ bảy đời r r * đên nay không chân chánh, thường bị người trông thây mà khinh hủy.^, Nêu có lời như vậy cũng không thể làm vua bị ô danh. Vì sao vậy? Vì cha mẹ bảy đời của vua đều chân chánh, không bi người khác khinh hủy. Hoặc có người bảo: "Vua Sát-đế-lợi muốn lập tế lễ lớn mà dung mạo xấu xí, không phải dòng satdế-lọi.” Nếu có lời như vậy cũng không thể làm vua bị ô danh. Vì sao vậy? Vì vua có dung mạo đoan chánh, thuộc dòng Sát-đế-lợi. Hoặc có người bảo: "Vua Sát-đế-lợi muốn lập tế lễ lớn mà giới hạnh không tăng trưởng, trí tuệ không đầy Nếu có lời như vậy cũng không làm vua bị ô danh. Vì sao vậy? Vì giới đức của vua tăng trưởng, trí tuệ đầy đủ. Hoặc có người bảo: "Vua Sát-đế-lợi muốn lập tế lễ lớn mà không giỏi các kỹ thuật, không biết rõ các phép cưỡi voi, ngựa, xe và các thứ binh pháp." Nếu có lời như vậy cũng không thể làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì vua giỏi về các kỹ thuật, binh pháp, chiến trận không thứ nào không hiểu rõ. Hoặc có người bảo: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà không có oai lực lớn để .Z 9 r •e 7

nhiêp phục các tiêu vương.^, Nêu có lời như vậy cũng không thê làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì vua có oai lực lớn, nhiếp phục các tiểu vương. Hoặc có người bảo: "Vua muôn lập tê lê lớn mà không thiện xảo vê ngôn ngữ, nói ra điều gì đều thô tháp, nghĩa lý không đầy diỉ.” Nếu có lời như vậy, cũng không the làm vua bi ô danh. Vì sao vậy? Vua thiện xảo ve ngôn ngữ, nói ra điêu gì cũng nhu nhuyên, nghĩa lý đây đủ. Hoặc có người bảo: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà không có nhiều tiền bạc, của báu." Nếu có lời như vậy cũng không thể làm cho vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì kho lẫm của vua dồi dào, có nhiều tiền bạc, của báu. Hoặc có người nói: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà không có mưu trí, ý chí yếu kém, sợ Nếu có lời như vậy cũng không the làm cho vua bi ô danh. Tại sao vậy? Vì vua có miru trí dũng cảm, không có chỗ khiếp sợ, yếu kém. Hoặc có người bảo: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà không nói với cung nộíy Nêu có lời như vậy cũng không the làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì vua muốn tế lễ thì đã nói với cung nội trước.

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 319

Hoặc CÓ người bảo: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà không nói với thái tử, hoàng tử." Nêu có lời như vậy cũng không thê làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì vua muốn lập tế lễ thì đã nói với thái tử, hoàng tử trước. Hoặc có người bảo: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà không nói với quần thn." Nêu có lời như vậy cũng không thê làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì vua muôn làm lê lớn thì đã nói với quân thân trước. r Hoặc có người bảo: "Vua muôn lập tê lê lớn mà không nói với tướng • 7 * e . c — sĩ.,, Nêu có lời như vậy cũng không thê làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì vua muốn tế lễ thì đã bảo với tướng

sĩ trước. Hoặc có người bảo: "Vua muôn lập tê lê lớn mà bảy đời cha mẹ của Bà- la-môn đại thần không chân chánh, thường bị người khác khinh hiỷy.” Nếu có lời như vậy cũng không thể làm vua bi ô danh. Tại sao vậy? Vì chúng tôi có bảy đời cha mẹ đến nay đều chân chánh, không bị người khác trông thấy mà khinh hủy. Hoặc có người bảo: "Vua muôn lập tê lê lớn mà các đại thân không thông suốt về việc tụng đọc ba bộ Phệ-đà? không hiểu rõ các bộ kinh thu, chỗ sâu ẩn của sách ở đời cũng không thông thạo, không giỏi phép xem tướng bậc đại nhân, không nhìn thấy được điều lành dữ, không biết nghi thức tế tự" Nếu có lời như vậy cũng không thể làm vua bi ô danh. Tại sao vậy? Vì chúng tôi phúng tụng ba bộ Phệ-đà thông thạo, các thứ kinh sách đều hiểu rõ5 chỗ thâm sâu của sách đời không chỗ nào không thông thạo, lại giỏi về phép xem tướng bậc đại nhân, đoán được diêm lành dữ, biêt nghi thức tê tự. Hoặc có người nói: "Vua muôn lập tê lê lớn mà đại thân không thiện xảo vê ngôn ngữ, những gì nói ra đều thô tháp, nghĩa lý không đầy diỉ." Nếu có lời như vậy cũng không thể làm vua bị ô danh. Tại sao vậy? Vì chúng tôi thiện xảo về ngôn ngữ, những gì nói ra đều nhu hòa, nghĩa lý đều đầy đủ. Hoặc có người bảo: "Vua muốn lập tế lễ lớn mà đại thần không đầy đủ mưu trí, ý chí khiếp nhược, không hiểu phép tế lễ.99 Nếu có lời như vậy cũng không thể làm vua bi ô danh. Tại sao như vậy? Vì chúng tôi có mưu trí đầy đủ, không có sự khiếp nhược, các pháp tế lễ không có chỗ nào là không hiểu nổi. Đức Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu: Vị vua kia có sự nghi ngờ đoi với mười sáu sự việc nhưng vi đại than đã đem mười sáu sự việc đó để khai thông ý nghi ngờ của vua. Đức Phật bảo: Lúc đó vị vua, đại thân ở trong ngôi nhà mới kia đem mười sự việc chỉ bày hướng dẫn làm cho nhà vua hoan hỷ. Mười sự việc đó là gì? Vi đại thần nói: "Khi vua lập tế lễ9 những người sát sanh, không sát sanh đến tụ tập, đều bình đẳng bố thí. Nếu kẻ sát sanh đến cũng bố thí, họ tự biết; kẻ không sát sanh đến cũng bố thí. Đó là sự bố thí từ tâm, bố thí bình đẳng. Nấu có những kẻ trộm

Cắp, tà dâm, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dối, nói lời thêu dệt, tham lam, tật đố, tà kiến, v.v... đến tụ tập cũng đều bố thí, họ tự biết, nếu có những người không có trộm cắp cho đến có chánh kiến đến cũng đều bố thí. Đó là sự bố thí từ tâm, bố thí bình dẳng." Đức Phật bảo Bà-la-môn: -Vị đại thần kia đem mười sự việc đó để chỉ bày hướng dẫn làm cho nhà vua hoan hỷ. Đức Phật lại bảo Bà-la-môn: Lúc đó5 vi Vua Sát-đê-lợi kia ở trong ngôi nhà mới sanh ba điêu hôi tiêc nhưng vị đại thân ây đã diệt trừ điêu nghi ngờ. Ba điêu đó là gì? Nhà vua nói lời hối tiếc: "Ta nay đã lập tế lễ lớn, đang lập tế lễ lớn và sẽ lập tế lễ lớn; nay vì lập tế lễ lớn nên tổn hao tài sản và báu vāt/9 Nhà vua khởi ba tâm như vậy nên hôi hận nuối tiếc. Các vi đại thần tâu: "Nhà vua đã lập tế lễ lớn, đã bố thí, đang bố thí và sẽ bố thí, đối với phước tế lễ này không nên hối hận và nuối tiếc." Nhà vua đi vào trong nhà mới, tâm hôi hận ba điêu nhung vị đại thân đã diệt trừ được điều đó. Đức Phật bảo Bà-la-môn: Lúc bấy giờ, Vua Sát-đế-lợi dùng nước rưới đầu, vào đêm trăng tròn ngày mười lăm, ra khỏi ngôi nhà mới, đến chỗ đát trông trước nhà mà đốt lên đông lửa lớn, tay cầm bình dầu tưới lên lửa và xướng lên: UBỐ thí, bố thí!" Các vị phu nhân của vua nghe vua vào đêm trăng tròn ngày mười lăm ra khỏi nhà mới, đốt lên đống lửa lớn ở chỗ đất trống trước nhà, tay cầm bình dầu tươi

lên đống lửa va xướng lên: CCBỐ thí, bố thí!" Các vị phu nhân cùng các thể nữ đều mang nhiều tiền bạc, của báu đến chỗ vua mà tâu: "Các thứ báu này là để giúp làm ỉếy Ny Bà-la-môn, vị vua ấy liền nói với các phu nhân, thể nữ: "Thôi, thôi! Thế là các vị đã cúng dường rồi! Ta vốn có nhiều tiền bạc, của báu, đủ để tự mình lo tế 13." Các phu nhân, thể nữ tự nghĩ: "Chúng ta không nên đem các thứ của báu này về trong cung. Nếu vua thiết lễ lớn ở phía Đông thì ta nên dùng chúng để phụ giúp vua." Này Bà-la-môn, sau đó vi vua ấy thiết lễ ở phía Đông, các phu nhân, thê nữ liền đem các của báu ây mà phụ trợ trong việc thiêt lê lớn. Bây giờ, thái tử, hoàng tử nghe vua ra khỏi nhà mới vào ngày mười lăm, trăng tròn, đốt một đống lửa lớn ở trước nhà, tay cầm một bình dầu mà tưới lên đống lửa và xướng lên rằng: "Bố thí, bố thí!" Thái tử, hoàng tử đêu mang nhiêu tiên bạc của báu đên chô vua mà tâu: "Xin dùng các thứ báu vật này để giúp phụ vương làm lễ lớn!,, Vua bảo: "Thôi, thôi! Thế là các người đã cúng dường rồi đấy. Ta vốn có nhiều tiền bạc, của báu đủ để tự mình lo tế lễ."

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 321

Thái tử và các hoàng tử tự nghĩ: "Chúng ta không nên mang các thứ báu này về. Nếu vua thiết lễ lớn ở phía Nam thì nên dùng chúng mà giúp vua." Các đại thân cũng mang báu vật đên xin trợ giúp vua tê lê ở phía Tây. Các tướng sĩ cũng mang báu vật đến xin trợ giúp vua tế lễ ở phía Bắc. Đức Phật bảo Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: -Khi vi vua ấy5 làm lễ lớn thì không giết bò, dê và các chúng sanh khác, chỉ dùng bơ sữa, dầu mè, mật, đường bánh, đường phèn để tế lễ. Này Bà-la-môn? trong khi Vua Sát-đế-lợi ấy làm lễ lớn, đầu lễ được hoan hỷ5 trong lúc lễ cũng hoan hỷ, sau lễ cũng hoan hỷ. Đấy gọi là pháp thành tựu việc tế lễ. Đức Phật bảo Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: Vua Sát-đế-lợi ấy, làm lễ lớn xong, bèn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành bốn vô lượng tâm, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên. Các phu nhân của vua làm lễ lớn xong cũng cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành bốn vô lượng tâm, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên. Các Bà-la-môn đại thần sau khi hướng dẫn vua tế lễ bốn phương xong, cũng mở cuộc bố thí lớn, sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành bon Phạm hạnh, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên. Này Bà-la-môn, vua ấy đã dùng mười sáu thứ lễ vật của ba phép tế tự mà thành tựu lễ lớn. Ý ông thế nào? Bấy giờ, Cứu-la-đàn-đầu nghe đức Phật dạy như thế thì im lặng không đáp. Năm trăm Bà-la-môn kia mới bảo Cứu-la-đàn-đầu: Lời của Sa-môn Cù-đàm thật vi diệu, tại sao Đại sư lại im lặng không đáp? Cứu-la-đàn-đầu đáp: -Lời dạy của Sa-môn Cù-đàm thật vi diệu, không phải là ta không chấp nhận. Nhưng sở dĩ ta im lặng là vì đang tự suy nghĩ mà thôi. Sa-môn Cù-đàm không nói do từ đâu mà nghe. Ta im lặng suy nghĩ: "Há chẳng phải Sa-môn chính là vị Vua Sát-đế-lợi ấy ư? Hoặc há chẳng phải là một Bà-la-môn đại thần kia u?" Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: Hay thay, hay thay! Ông quán nghĩ về Như Lai như thế thật đúng. Vị Vua Sat-đế-lợi làm lễ lớn thời bấy giờ, chớ nghĩ là ai khác, chính là thân Ta đây vậy. Bấy giờ, Ta mở lòng đại bố thí. Cửu-la-đàn-đầu bạch đức Phật: Ngoài ba phép tế tự và mười sáu thứ lễ vật đưa đến việc được quả báo lớn, còn có cách nào để được quả báo lớn hơn chăng? Đức Phật đáp: -Có!

Bạch đức Cù-đàm? đấy là gì? Ngoài ba pháp tế tự và mười sáu thứ lễ vật ấy, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, công đức còn lớn hơn nhiều. Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Ngoài ba pháp tế tự và mười sáu thứ lễ vật ấy, việc thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn công đức này to lớn hơn nhiều. Lại còn có cách nào tạo công đức lớn hơn nữa chăng? Đức Phật đáp: -Có! Bạch đức Cù-đàm, đấy là gì? Ngoài ba pháp tế tự và mười sáu thứ lễ vật, cúng dường chúng Tăng, không đê gián đoạn, việc xây cát Tăng phòng, Tăng đường cho chúng Tăng bốn phương có công đức lớn hơn. Bố thí như thế thì công đức lớn lao hơn nữa. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Ngoài ba pháp tế tự cùng mười sáu thứ lễ vật, lại cúng dường chúng Tăng, không đê bị gián đoạn, lại xây cát Tăng phòng, Tăng đường cho Tăng chúng bốn phương thì phước đức này rất lớn lao. Thế còn cách nào tạo công đức lớn hơn nữa chăng? Đức Phật đáp: -Có! Bạch đức Cù-đàm, đấy là gì? Ba phép tế tự, mười sáu thứ lễ vật, cúng dường chúng Tăng không để bị gián đoạn, lại xây cất Tăng phòng, Tăng đường cho chúng Tăng bốn phương, không bằng khởi tâm hoan hỷ, tự mình bảo: "Tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.,, Công đức này lớn hơn nhiều. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Việc quy y Tam bảo đạt được quả báo thật là lớn lao. Thế còn cách nào tạo được công đức lớn hơn nữa chăng? Đức Phật đáp: -Có! - Bạch đức Cù-đàm, đó là gì? Nếu ai thọ trì năm giới với tâm hoan hỷ cho đến trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu thì công đức này lớn hơn nhiều. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Quy y Tam bảo và thọ trì năm giới đạt được quả báo thật là lớn lao. Thế còn cách nào tạo được công đức lớn hơn nữa chăng?

Đức Phật đáp -CÓ! Bạch đức Cù-đàm9 đó là gì? -Nêu ai đem từ tâm thương tưởng tát cả chúng sanh băng thời gian văt sữa bò, công đức của người đó lớn hơn nhiều. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Quy y Tam bảo cho đến khởi từ tâm đạt được quả báo thật là lớn lao. Thế còn cách nào tạo được công đức lớn hơn nữa chăng? Đức Phật đáp: -Có! Bạch đức Cù-đàm, đó là gì? -Nếu Như Lai bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có người ở trong Phật pháp, xuất gia tu đạo, các đức hạnh đều đầy đủ, cho đến cả Ba minh cũng đầy đủ, diệt trừ mọi si ám, đầy đủ trí tuệ. Tại sao như vậy? Do vì không phóng túng, thích sự nhàn tịnh, cho nên công đức này thật là lớn lao hơn cả. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Bạch đức Cù-đàm, con định lập tế lễ, đầy đủ năm trăm con trâu và năm trăm con dê. Nhưng nay, con thả tất cả để cho chúng được tự do đi lại, mặc tình uống nước và ăn cỏ. Con nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin cho con được làm kẻ ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay ve sau cho đen trọn đời, con nguyện không sát sanh, không trộm căp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Cúi mong đức Thế Tôn và đại chúng chấp nhận lời thỉnh cầu thọ trai của con vào trưa mai! Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng chấp nhận lời thỉnh càu. Khi Bà-la-môn thấy đức Phật im lặn^ nhận lời thỉnh cầu, liền đứng dậy lễ đức Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng roi ra đi. Ong trở vê nhà sửa soạn đủ loại thức ăn. Đen hôm sau, đức Thế Tôn đắp y, mang bát cùng với đầy đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến nhà Bà-la-môn ấy và

ngồi vào chỗ đã được soạn sẵn. Bà- la-môn tự tay bưng thức ăn, thức uống cung phụng đức Phật và chúng Tỳ-kheo. Sau khi thọ thực và rửa bát xong, đức Phật nói bài tụng sau đây cho Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: Te tư, lửa trên hết, Đọc tụng, thơ trên hết, Giữa người, vua trên hết, Sông nước, biển trên hết, Các sao, trăng trên hết, Ánh sáng, mặt trời nhất, Trên, dưới và bốn phương, Hết thảy các sanh vật, Trời cùng người thế gian, Chỉ Phật là tối thượng, Muốn cầu được phước lớn, Nên cúng dường Tam bảo. Bây giờ, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu liên đem một cái ghê nhỏ đên trước đức Phật và ngồi. Đức Phật lần lượt thuyết pháp khiến được lợi ích, hoan hỷ.

324 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Luận giải về bố thí, trì giới và việc sanh thiên, dục là mối lo lớn, lậu hoặc là mối ngăn ngại, xuất ly là tối thượng. Ngài giảng rộng về các hạnh thanh tịnh. Bấy giờ, đức Phật quán thây tâm ý của Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu đã nhu nhuyên, các ấm cái đã nhẹ nhàng, tinh tế, dễ được điều phục. Như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng về khổ Thánh đế rõ ràng, tách bạch, về tập Thánh đế, về diệt Thánh đế và về xuất yếu Thánh đế. Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu liền xa rời trần cấu, ngay tại chỗ ngồi của mình mà được sự thanh tịnh của pháp nhãn, cũng như tâm vải thuân trăng dê nhuộm, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu cũng như thê, thây pháp và đác pháp, đạt quả và an trụ vào đây, không còn trụ vào đâu nữa cả, không còn sợ hãi. Ông bạch đức Phật: -Con nay lại xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng, cúi mong đức Phật cho con được làm kẻ ưu-bà-tắc trong Chánh pháp! Từ nay về sau cho đến khi mạng chung con không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Ông lại bạch đức Phật: Con mong đức Thế Tôn chấp nhận cho con được thỉnh mời bảy ngày! Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Trong bảy ngày Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu tự tay bimg thức ăn5 thức uống cúng dường đức Phật và chư Tăng. Sau bảy ngày, đức Phật du hành trong nhân gian, không bao lâu thì Bà-la-môn Cứu-la- đàn-đầu mang bệnh mà mất. Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu cúng dường đức Phật bảy ngày và khi Phật ra đi không bao lâu thì mang bệnh và mất, họ liền tự nghĩ: "Người này mất đi sẽ sanh vào dâu?" Các Tỳ-kheo liền đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên và hỏi: -Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu ấy, nay mạng chung sẽ sanh vào đâu? Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Người này tinh tu Phạm hạnh, pháp nào cũng thành tựu, không vi phạm các pháp, do đoạn trừ năm hạ phần kiết sử nên nay ông đang đạt Niết-bàn, không trở lại cõi đời này nữa. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo nghe lời đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

24. KINH KIÊN cố Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, đều tru tại rừng Ba-bà-lợi-am-thứ thuộc thành Na-nan-đà. Lúc bấy giờ, có ông trưởng giả tên Kiên cố đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài và ngôi xuống một bên. Khi ây, trưởng giả Kiên Cô bạch đức Phật rằng: Lành thay, đức Thế Tôn, cúi mong Ngài hãy dạy bảo cho các vị Tỳ-kheo, kể từ hôm nay trở đi, nếu có gặp Bà-la-môn? trưởng giả hay cư sĩ nào đến, nên vì họ mà hiện ra pháp của bậc Thượng nhân là Thần túc thông! Đức Phật bảo: Này Kiên cố, Ta quyết không bao giờ dạy cho các vị Tỳ-kheo vì Bà-la- môn, trưởng giả hay cư sĩ mà hiện ra Thần túc thông,

pháp của bậc Thượng nhân vậy. Nhimg Ta chỉ dạy cho các đệ tử nên ở nơi thanh vắng, yên lặng tư duy vê đạo lý. Nêu có công đức nào nên tự che giâu nhưng có lôi lâm nào thì phải tự mình bày tỏ, sám hối. Lúc đó9 trưởng giả Kiên cố lại bạch đức Phật: Cúi mong đức Thế Tôn hãy dạy bảo cho các vị Tỳ-kheo, nếu có gặp Bà- la-môn, trưởng giả hay cư sĩ nào đến thì nên vì họ mà hiện ra Thần túc thông, pháp của bậc Thượng nhân! Đức Phật lại bảo: Này Kiên cố, Ta quyết không bao giờ dạy cho các vi Tỳ-kheo vì Bà-la- môn, trưởng giả hay cư sĩ mà hiện ra Thần túc thông, pháp của bậc Thượng nhân. Nhung Ta chỉ dạy cho các đệ tử nên ở nơi thanh văng, yên lặng tư duy vê đạo lý. Nếu có công đức nào nên tự che giấu nhưng có lỗi lầm nào thì phải tự mình bày tỏ, sám hối. Lúc đó, trưởng giả Kiên cố lại bạch đức Phật: Riêng tôi đôi với pháp Thượng nhân thì không có điêu chi còn phải nghi ngờ nhưng ở thành Na-nan-đà này, đất nước phì nhiêu và an lạc, nhân dân đông r ĩ \ đúc, nêu như ở nơi đây mà hiện ra Thân túc thông thì chác có nhiêu lợi ích. Hơn nữa, đức Phật và đại chúng lại dễ hướng dẫn và hóa độ.

Đức Phật lại bảo Kiên cố: Ta quyết không bao giờ dạy cho các vi Tỳ-kheo9 vì Bà-la-môn, trưởng giả hay cư sĩ mà hiện ra Than túc thông, pháp của bậc Thượnệ nhân. Nhưng Ta chỉ dạy cho các đệ tử nên ở nơi thanh vắng, yên lặng tư duy vê đạo lý. Nếu có công đức nào nên tự che giấu nhưng có lỗi lầm nào thì phải tự mình bày tỏ, sám hối. Vì sao? Vì có ba loại thần thông. Thế nào là ba? Một là Thần túc thông, hai là Quán sát Tha tâm thông, ba là Giáo giới thần thông. Này trưởng giả, thế nào gọi là Thần túc? Vị Tỳ-kheo tập luyện theo phép thần túc vô lượng, có thể từ một thân biến ra vô số thân; vô số thân hợp lại một thân, hoặc đi xa, đi gần, đi qua núi, đi dưới sông, đi xuyên qua đá, qua vách, đều được tự tại, không bị ngăn ngại, không khác gì đi giữa hư không, hoặc ngồi kiết-già giữa hư không, như chim bay, đi ra đi vào trong đất như ở trong nước, đi trên mặt nước cũng như đi trên đất liền, hoặc thân tuôn ra khói lửa như đám cháy lớn, hoặc lấy tay rờ mặt trời, mặt trăng, hoặc đứng cao đen trời Phạm thiên. Nêu có những vị cư sĩ, trưởng giả nào đem lòng tin, khi trông thấy vị Tỳ-kheo ấy hiện ra vô lượng thần túc như đứng cao đến trời Phạm thiên, liền đi đến chỗ những vị cư sĩ, trưởng giả khác chưa có lòng tin mà nói với họ như sau: "Tôi thấy các vị Tỳ-kheo hiện ra vô lượng thần túc, hoặc đứng cao đến trời Phạm thiên." Bấy giờ, những vi cư sĩ, trưởng giả chưa có lòng tin đó mới bảo những vi có lòng tin rằng: "Tôi nghe thần chú Cù-la cũng có thể biến hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến trời Phạm thiên như vay." Đức Phật lại bảo: Này trưởng giả Kiên cố, kẻ chưa có lòng tin đó nói như thế, há không phải là lời hủy báng hay sao? Kiên Cố bạch đức Phật: Đó thật là lời hủy báng. Đức Phật dạy: Này Kiên cố, chính vì lẽ đó mà Ta không dạy các vị Tỳ-kheo hiện thần thông biến hóa. Ta chỉ dạy cho các đệ tử nên ở chỗ thanh vắng, yên lặng tư duy về đạo lý. Nêu có côĩiệ đức nào nên tự che giâu nhưng có lôi lâm nào thì phải tự mình bày tỏ, sám hoi. Này trưởng giả, như vậy tức là các vị Tỳ-kheo của Ta hiện thần thông vậy. Này Kiên cố, thế nào là Quán sát tha tâm thần túc? Là khi các Tỳ-kheo hiện vô lượng quán sát thần túc, quán thấy được cái tâm suy nghĩ các pháp của tất cả chúng sanh, dù cho sâu kín cũng đêu biết rõ. Khi đó, nếu có những vi trưởng giả hay cư sĩ đem lòng tin, khi

thấy các vị Tỳ-kheo hiện vô lượng quán sát thần túc, quán thấy được các tâm suy nghĩ các pháp của chúng sanh khác, dù sâu kín cũng biết rõ, liền đến các vi trưởng giả, cư sĩ chưa có lòng tin mà nói với họ rằng: "Tôi thấy các Tỳ-kheo hiện vô lượng quán sát thần túc, quán thấy được cái tâm suy nghĩ các pháp của các chúng sanh, dù sâu kín đến đâu cũng đều biết

r6." Những vị trưởng giả, cư sĩ không có lòng tin nghe những vị này nói như thế, liền sanh tâm hủy báng và nói: 'Tháp thần chu Càn-đà-la, cũng có thể quán sát được rõ tâm niệm của người, dù sâu kín cũng đều hiểu rõ duve." Này trưởng giả, đó chẳng phải là lời hủy báng hay sao? Kiên Cố bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, đó thật là lời hủy báng vậy!

Đức Phật dạy: Chính vì lẽ đó mà Ta không dạy các vị Tỳ-kheo hiện thần thông biến hóa. Ta chỉ dạy đệ tử nên ở chỗ thanh vắng, yên lặng tư duy về đạo lý. Nếu có công đức nào nên tự che giấu nhưng có lỗi lầm nào thì phải bày tỏ, sám hối. Như thế, này trưởng giả, đó chính là chỗ mà các Tỳ-kheo của Ta hiện Quán sát tha tâm thần túc vậy. Này Kiên cố, thế nào gọi là Giáo giới thần thông? Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, đầy đủ mười hiệu, Ngài đã tự chứng ngộ giữa hàng trời, người, ma, hoặc thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn; đồng thời Ngài đã vì họ mà thuyết pháp, chỗ đầu, chỗ giữa và chỗ cuối, nghĩa lý thanh tịnh, Phạm hạnh đầy đủ, nếu có những vi cư sĩ, trưởng giả nào nghe xong, có được lòng tin, khi tin rồi, quán sát và tự nghĩ: "Ta không nên ở nhà, vì ở nhà thì bi liên hệ trói buộc, không thanh tịnh đe tu Phạm hạnh, tốt hơn ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đủ các công dức, cho đến thành tựu Tam minh, diệt trừ tối tăm, phát sanh ánh sáng của đại trí." Vì sao? Vì nhờ tinh cần, thích ở một mình nơi thanh vắng, chuyên niệm không quên nên được kết quả như thế. Này Kiên cố, đó chính là Giáo giới thân thông mà các Tỳ-kheo của Ta thường hiện vậy. Bấy giờ, trưởng giả Kiên cố bạch đức Phật rằng: -Có vị Tỳ-kheo nào được thành tựu cả ba thứ thần thông đó chăng? Đức Phật bảo: v. . _ Này trưởng giả, Ta không nói có nhiêu vị Tỳ-kheo thành tựu cả ba thứ thân thông ây. Nhưng này trưởng giả, trong chúng này có nhiêu vi Tỳ-kheo tư suy nghĩ: "Thân tứ đại này như đât5 nước, gió, lửa này do đâu mà diệt hn?" Nghĩ thế, vị Tỳ-kheo đó thoạt hiện đến cõi trời, đến nơi của Tứ Thiên Vương mà hỏi: "Thân tứ đại đất, nước, gió, lửa này do đâu mà diệt hẳn?" Này trưởng giả, Tứ Thiên Vương đáp với vị Tỳ-kheo: "Tôi không biết tứ đại do đâu mà diệt hẳn nhimg trên tôi có vị trời tên là Đao-lợi, vi diệu bậc nhất, có đại trí tuệ. Vị ấy có thể biết được tứ đại do đâu mà diet." Vị Tỳ-kheo ây nghe xong, thoạt hiện đên cõi trời, đên cõi Đao-lợi mà hỏi chư thiên: "Tứ đại của thân này gồm đất, nước, gió, lửa do đâu mà diệt hẳn?" Vi trời Đao-lợi đáp: "Tôi không biết được tứ đại do đâu mà diệt hẳn. Nhưng, trên tôi lại có vị trời tên là Diệm-ma, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ, có thể biết được điều d6."

Vị Tỳ-kheo liền đi đến hỏi và được đáp: "Tôi không biết duve." Cứ như thế, lần lượt đi đến trời Đâu-suất, Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại và vi nào cũng đáp: "Tôi không biết được, tứ đại do đâu mà diệt. Nhưng trên chúng tôi còn có vị trời vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ, tên là Phạm-ca-di. Vị trời ấy, có thể biết được tứ đại do đâu mà diệt hẳn.,, Vị Tỳ-kheo ấy liền theo đường Phạm thiên mà đi đến Phạm thiên và hỏi: "Bốn đại của thân này do đâu mà diệt han?99 Vị Phạm thiên ấy đáp: "Tôi không biêt được tứ đại do đâu mà diệt han. Nhung có vi Đại Phạm Thiên vương, không ai sánh băng, thông lãnh cả ngàn thê giới, giàu sang quyên quý, rát tự tại, có thể tạo ra muôn loài, là cha mẹ của chúng sanh, chỉ có ngài mới biết được tứ đại do đâu mà diệt hẳn.,^ Này trưởng giả, vi Tỳ-kheo đó liền hỏi: "Vị Đại Phạm vương ấy nay ở dâu?" Phạm thiên đáp: "Tôi cũng không biết hiện giờ Đại Phạm ở đâu. Nhưng theo tôi nghĩ thì ngài sẽ xuất hiện bây gi&!" Quả thực không bao lâu bỗng thấy Đại Phạm Thiên vương xuất hiện. Vị Tỳ-kheo liền đến hỏi: "Thua ngài, thân tứ đại, đất, nước, gió, lửa này do đâu mà diệt hẳn?,, Đại Phạm thiên đáp: "Ta là Đại Phạm thiên, không ai sánh bằng, thống lãnh cả ngàn thế giới, giàu sang quyền quý, rất tự tại, có thể tạo ra muôn loài, là cha mẹ của tất cả chúng sanh.,, Vị Tỳ- kheo nói: "Tôi không hỏi việc đó, tôi chỉ hỏi tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong do đâu mà diệt hẳn?" Này trưởng gi vị Đại Phạm thiên cũng vẫn đáp: "Ta là Đại Phạm thiên . r 2 c không ai sánh băng, cho đên có thê tạo ra muôn loài, là cha mẹ của tát cả chúng sanh.,, Vi Tỳ-kheo lại hỏi: "T6i không hỏi điều đó, tôi chỉ hỏi tứ đại do đâu mà diệt hẳn th6i?" Này trưởng giả? vị Đại Phạm Thiên vương đáp ba lần như thế nhưng vẫn , ĀJ. n , M • A 1•A 1 9 ỉ , không đáp được câu hỏi của Tỳ-kheo ây là tứ đại do đâu mà diệt han. Lúc đó, Đại Phạm thiên mới năm tay mặt của vị Tỳ-kheo ây dân tới chô văng và nói: "Này vị Tỳ-kheo, hiện nay, các Phạm thiên đều tôn ta là người có trí tuệ bậc nhất, không điều chi chẳng biết nên ta không thể trả lời với ngươi rằng ta không thấy, không biết tứ đại do đâu mà diệt hẳn, vả lại, ngươi thật là quá dốt nát, đã bỏ đức Như Lai mà tìm đên chư thiên đê hỏi việc này. Ngươi nên trở lại hỏi đức Thế Tôn về việc này, đức Phật dạy như thế nào, ngươi hãy khéo léo thọ trì như vậy. Hiện nay, đức Thế Tôn đang ngự tại vườn ông cấp Cô Độc, nước Xá-vệ. Ngươi hãy mau đến đó hỏi di!" Này trưởng giả, khi ấy vi Tỳ-kheo từ trên cõi Phạm thiên bỗng nhiên biến mất, nhanh như thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, hiện đến vườn ông cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Sau đỏ, tiến đến chỗ Ta ngự, cúi đầu đảnh lễ và ngồi xuống một bên, đồng thời thưa: "Bạch đức Thế Tôn, nay tứ đại, đất, nước, lửa, gió này do đâu mà diet?" Khi ấy, Ta bảo: "Này Tỳ-kheo, ví như người lái buôn mang con chim ưng vào bể rồi thả di, nó bay giữa hư không,

khắp cả bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc nếu như chim ưng gặp đất liền, nó đáp xuông, nêu như không gặp đát liên, nó sẽ bay trở lại đáp vào thuyên. Này Tỳ-kheo? ông nay cũng như thế, đi cho đen Phạm thiên đe hỏi ý nghĩa ấy nhưng cuối cùng không thành tựu, thế rồi cũng trở lại hỏi Ta. Nay Ta sẽ chỉ dạy cho ông hiểu nghĩa đỏy Tức thì, đức Phật nói bài kệ như sau: Do đâu không tứ đại, Đát, nước, gió, lửa diệt? Do đâu không thô tế, Và dài vắn tốt xấu? Do đâu không danh sắc Diệt hẳn, không dư thừa? Nên đáp: Thức vô hình, Vô lượng tự sáng soi, Thức diệt, bốn đại diệt, Thô tế, tốt xấu diệt. Nếu

như danh sắc diệt, Thức diệt, tất cả diệt. Khi nghe bài kệ này xong, trưởng giả Kiên cố bạch đức Phật: -Kính bạch đức Thế Tôn, vi Tỳ-kheo đó tên gì? Và làm thế nào để nhớ? Đức Phật bảo trưởng giả: Vị Tỳ-kheo ấy tên A-thất-dĩ và hãy ghi nhớ như the! Bấy giờ, trưởng giả Kiên cố nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

"'ộ

25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, đều trú tại rừng Nai Kim Bàn thuộc nước ủy-nhã. Bấy giờ, có Phạm chí lõa thể tên Ca-diếp đến chỗ đức Thế Tôn trú. Sau khi chào hỏi xong, ngôi xuông một bên và bạch đức Phật: -Tôi nghe người ta nói: uSa-môn Cù-đàm chê trách hết các pháp tế tự, chê bai hết những người tu khổ hạnh và cho đó là ô Thưa đức Cù-đàm, nếu có lời nói: "Sa-môn Cù-đàm chê trách hết các pháp tế tự, chê bai những người tu khổ hạnh, cho đó là ô uế", người nói lời như vậy là đúng pháp, mỗi pháp đều thành tựu, là không phỉ báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Đức Phật dạy: Này Ca-diêp, nêu họ nói răng: uSa-môn Cù-đàm chê trách hét các pháp tế tự, chê bai những người tu khổ hạnh và cho đó là ô uế", lời nói của họ không đúng pháp và không phải mỗi pháp đều thành tựu, là phỉ báng Ta, không phải lời nói thành thật. Tại sao? Này Ca-diếp, vì Ta nhận thấy tất cả những người tu khổ hạnh ấy, sau khi mạng chung đều đọa vào địa ngục, hoặc thấy những người tu khổ hạnh, sau khi mạng chung đều được sanh về cõi trời, thiện xứ, hoặc thấy những người tu khổ hạnh, hay thích làm các thứ khổ hạnh, khi mạng chung đều đọa vào địa ngục, hoặc thay người tu kho hạnh, hay thích làm các thứ khổ hạnh, khi mạng chung đều được sanh về cõi trời, thiện xứ. Này Ca-diếp, đối với hai con đường thọ báo này, Ta đã thấy rõ. Ta lẽ nào lại đi chê trách những người tu khổ hạnh và cho đó là ô uế ư? Thế nên lời Ta nói là đúng, họ nói là sai; ngược lại, lời Ta nói là sai thì họ cho là đúng. Này Ca-diếp, có những pháp mà Sa-môn và Bà-la-môn đồng nhau. Trái lại, cũng có những pháp mà Bà-là-môn và Sa-môn không đông. Này Ca-diêp, đôi với những pháp không đồng thì Ta gạt qua một bên. Tại sao? Vì những pháp này Sa-môn và Bà-la-môn không đong nhau. Này Ca-diếp, nếu người có trí quán sát như sau: "Sa-môn Cù-đàm đối với pháp bát thiện, đen tôi, ô uê, nặng nê, không phải là pháp Hiên thánh và các bậc thầy Bà-la-môn kia đối với các pháp bất thiện, đen tối, ô uế, nặng nề, không phải là pháp Hiền thánh thì ai đủ sức diệt trừ các pháp này?" Này Ca-diếp, người có trí quán sát như sau: "Chí có Sa-môn Cù-đàm mới đủ sức trừ diệt các

pháp bất thiện này." Thế nên, này Ca-diếp, khi người có trí quán sát như thế, suy cầu như thế, bàn luận như thế thì ở trong đó, Ta sẽ được tiếng tăm hơn. Này Ca-diếp, người có trí quán sát như sau: "E)e tử Sa-môn Cù-đàm đối với các pháp bát thiện, đen tôi, ô uê, nặng nê, khống phải là pháp Hiên thánh và đệ tử Bà-la-môn đối với các pháp bất thiện, đen tôi, ô uế, nặng nề, không phải là pháp Hiền thánh thì ai đủ sức diệt trừ các pháp bất thiện nAy?" Này Ca-diếp, người có trí quán sát và thấy như sau: "Chi có đệ tử Sa-môn Cù-đàm, mới đủ sức diệt trừ các pháp bất thiện này." Thế nên, này Ca-diếp, khi người có trí quán sát như thê, suy câu như thê, bàn luận như thê thì ở trong đó, đệ tử

của Ta sẽ được tiếng tăm hơn. Này Ca-diêp, nêu người trí có quán sát như sau: "Sa-m6n Cù-đàm đôi với các thiện pháp, thanh bạch, vi diệu là pháp Hiền thánh và Bà-la-môn đối với các thiện pháp, thanh bạch vi diệu là pháp Hiền thánh, ai đủ sức tu hành, phát triên rộng lớn?" Này Ca-diêp, nêu người có trí quán sát và thây như sau: "Chí có Sa-môn Cù-đàm là đủ sức tu hành, phát triển rộng lớn pháp này.,, Này Ca- diếp, khi người có trí quán sát như thế, tìm tòi như thế, bàn luận như thế thì Ta ở trong đó sẽ được tiếng tăm hơn. Này Ca-diếp, nếu người có trí quán sát như sau: "Đệ tử Sa-môn Cù-dàm, đối với các thiện pháp, thanh bạch, vi diệu là pháp Hiền thánh và đệ tử Bà-la- môn đối với các thiện pháp, thanh bạch, vi diệu là pháp Hiền thánh, ai đủ sức tu hành, phát triển rộng lớn?" Này Ca-diếp, khi người trí quán sát và nhận thấy như sau: "Chí có đệ tử Sa-môn Cù-đàm là đủ sức tu hành, phát triển rộng lớn pháp này." Này Ca-diếp, khi người trí quán sát, tìm tòi và bàn luận như thế thì ở trong đó, đệ tử của Ta được tiếng tăm hơn. Này Ca-diếp, có đạo và dấu vết của đạo. Vị Tỳ-kheo nào ở trong đó tu tập thì mới tự thấy, tự biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp và đúng luật. Này Ca-diếp thế nào là đạo? Thế nào là vết tích của đạo? Mà hàng Tỳ-kheo ở trong đó tu tập mới tự biết, mới tự thấy: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp, đúng luật? Này Ca-diếp, ấy là hàng Tỳ-kheo tu theo niệm giác ý, nương vào chỉ tức, vô dục, rỉ 9 r -í o o t • xuất yêu, tu tập trạch pháp, tinh tân, hỷ, ỷ, định và xả giác ý, nương vào chỉ tức, VÔ dục và xuất yêu. Này Ca-diêp5 đó là đạo, là dâu của đạo mà vi Tỳ-kheo nào ở trong đó tu tập thì mới tự thấy, tự biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp, đúng luật. Ca-diếp thưa:
Bạch đức Cù-đàm, chỉ có đạo này và dấu tích của đạo này mà Tỳ-kheo ở trong đó tu tập thì mới tự thấy tự biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp, đúng luật. Chỉ vì có khổ hạnh ô uế mà có tên là Bà-la-môn, Sa-môn. Bạch đức Cù-đàm, tu những khổ hạnh nào mà có tên Bà-la-môn, Sa-môn?

25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH 333

Bạch đức Cù-đàm, các pháp khổ hạnh như: sống lõa thể, chỉ lấy tay ngăn che, không nhận thức ăn từ nồi chảo, không nhận thức ăn từ cần câu, không nhận thức ăn từ giữa hai cánh tay, không nhận thức ăn giữa hai người, không nhận thức ăn giữa hai cây gươm, không nhận thức ăn giữa hai cây gậy, không nhận thức ăn của cả gia đình, không nhận thức ăn từ người đàn bà mang thai, không nhận thức ăn khi có chó đứng trước cửa, không nhận thức ăn có ruồi bu, không nhận mời đi ăn, khi người ta cho biết trước thì không nhận thức ăn đó; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu; " w y y r không dùng thức ăn đựng trong hai bát, hoặc một lân nhai, một lân nuốt, cho đến bảy lần thì thôi; hoặc nhận thức ăn không quá bảy lần, hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc ăn trái cây, ăn rau cỏ, uống bọt com, ăn lúa mè, ăn nếp tắc; hoặc ăn phân bò? hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ cây, hoặc ăn nhánh lá, hoa trái, hoặc ăn trái cây rụng, hoặc mặc áo, hoặc áo vải thô, hoặc mặc áo vỏ cây, hoặc lấy cỏ che thân; hoặc mặc áo da nai, hoặc để tóc, hoặc áo bằng lông, hoặc lượm áo vứt bỏ ở ngoài gò mả; hoặc thường giơ tay, hoặc không ngôi trên giường chiêu, hoặc thường ngôi chôm hôm, hoặc cạo tóc đê râu dài, hoặc năm trên gai hoặc năm trên rau trái, hoặc ở trân năm trên phân bò; hoặc một ngày

tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần, dùng vô số khổ hạnh để hành hạ xác thân này. Bạch đức Cù-đàm, tu những khổ hạnh nhiễm ô đó thì được gọi là Sa-môn hoặc Bà-la-môn. Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, những người tu lõa thể, không mặc y phục, dùng vô số cách thức để hành hạ xác thân. Nhưng giới hạnh họ không đầy đủ, tri kiến không đầy A 9

đủ, không chuyên cân tu tập và cũng không được phô cập. Ca-diếp bạch đức Phật: - Thế nào là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ tri kiến hơn cả khổ hạnh, vi diệu bậc nhất? Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, ông hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ và ghi nhớ vấn đề này, Ta sẽ vì ông mà nói! Ca-diếp đáp: Thưa đức Cù-đàm, vâng, con muốn nghe! Đức Phật bảo Ca-diếp: Nếu Như Lai, bậc Chí Chân xuất hiện ở đời, ...Tứ thiền, ở trong hiện pháp này đạt được an vui. Vì sao? Vì nhờ tinh tấn, chuyên chú, nhất tâm, thích ở chốn thanh vắng, không phóng túng. Này Ca-diếp, đó là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ tri kiến hơn các kho hạnh, vi diệu bậc nhất.

334 > KINH TRƯỜNG A-HÀM

Ca-diếp bạch: Thưa đức Cù-đàm, tuy gọi là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ tri kiến là hơn các khổ hạnh, vi diệu bậc nhất nhưng chỉ có pháp của Sa-môn khó tu, hay pháp của Bà-la-môn khó tu? Đức Phật dạy: Này Ca-diêp, đó là pháp không cùng với thê gian, là sự khó của pháp Sa- môn, Bà-la-môn. Này Ca-diep, cho đên hàng nữ cư sĩ cũng có thê biêt được pháp này: Không mang y phục đê lõa thê, cho đên dùng vô sô cách thức đê hành hạ xác thân, chứ không biết tâm mình có giận dữ hay không giận dữ, có sân hận hay không sân hận, có ác hại hay không ác hại. Nêu người biêt được tâm này thì không gọi là Sa-môn, Bà-la-môn là khó. Nhưng vì không biết như thế nên gọi Sa-môn và Bà-la-môn là khó. Ca-diếp bạch tiếp: Bạch Thế Tôn, các Sam6n, Bà-la-môn có đầy đủ giới hạnh, có đầy đủ tri kiến như thế nào là tối thượng, là thắng vượt, là vi diệu đệ nhất? Đức Phật bảo Ca-diếp: Ông hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ vấn đề này, Ta sẽ vì ông mà nói! Ca-diếp đáp: r Thưa Cù-đàm9 con muôn nghe! Đức Phật dạy: Này Ca-diêp5 vị Tỳ-kheo tu định tâm, cho đên chứng được Tam minh diệt trừ si ám, phát sanh ánh sáng của trí tuệ, đó là Lậu tận trí phát sanh. Vì sao thế? Vì do tinh tân, chuyên chú, không quên, thích ở nơi thanh văng, không phóng túng. Này Ca-diếp, đó gọi là Sa-môn5 Bà-la-môn có đầy đủ giới hạnh, có đầy đủ tri kiến, tối thắng, tối thượng, vi diệu đệ nhất. Ca-diếp bạch: -Thưa đức Cù-đàm, vẫn biết Sa-môn9 Bà-la-môn đày đủ giới hạnh, đầy đủ tri kiên là tôi thượng, là tôi thăng và vi diệu đệ nhát nhimg pháp Sa-môn, Bà-la- môn thật khó, thật khó! Sa-môn cũng khó biết, Bà-la-môn cũng khó biết. Đức Phật dạy: -Này Ca-diếp, nam cư sĩ cũng có thể tu pháp này được. Họ nói rằng: "Nay tôi có thể cởi hết áo để lõa thể, dùng mọi cách để hành hạ xác than" nhưng không thê gọi đó là Sa-môn hay Bà-la-môn được. Nêu như tu theo pháp này mà được gọi là Sa-môn9 hay Bà-la-môn thì không nói là Sa-môn quá khó, hay Bà-la-môn quá khó. Nhtrng do vì không tu theo lối khổ hạnh ấy, cho nên gọi Sa-môn, Bà-la-môn quá khó.

25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH 335

Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, xưa kia có một lần Ta ở động Thất Diệp, trên núi cao thuộc thành La-duyệt-kỳ giảng ve pháp kho hạnh thanh tịnh cho Phạm chí Ni-câu-đà. Sau đó, ông ấy sanh tâm hoan hỷ5 với lòng tin thanh tịnh ông ấy đã hết sức cúng dường và tán thán Ta, là người đệ nhất cúng dường, xưng tán Ta. Ca-diêp bạch: Thưa đức Cù-đàm, có ai mà không sanh tâm đệ nhất hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, tán thán đức Cù-đàm. Chính nay tôi cũng sanh tâm đệ nhất hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, tán thán, quy y đức Cù-đàm. Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, tất cả các giới pháp thuộc thế gian còn không thể sánh bằng giới pháp tăng thượng này, huống là hơn được. Tất cả các thứ trí tuệ tam-muội? tri kiến giải thoát, trí tuệ giải thoát còn không thể sánh bằng giới pháp tăng thượng này, huống là hơn được. Này Ca-diếp, Như Lai có hiệu là Sư Tử, vì khi đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác giảng Chánh pháp một cách sâu rộng ở giữa đại chúng thì tự tại, vô úy, cho nên gọi là Sư Tử. Như thế nào, này Ca-diếp? Há ông bảo rằng khi Như Lai cất lên tiếng rống sư tử thì không hùng dũng chăng? Chớ có nghĩ vậy! Vì khi đức Như Lai cất lên tiếng rống sư tử thì hùng dũng vô úy. Này Ca-diếp, ông há nghĩ rằng đức Như Lai hùng dũng cất lên tiếng rống sư tử thì Ngài không ở trong đại chúng chăng? Chớ nghĩ như vậy! Vì đức Như Lai ở giữa đại chúng, hùng dũng cất lên tiếng rống sư tử. Này Ca-diêp, ông há bảo răng đức Như Lai, cát lên tiêng rông sư tử trong đại chúng mà không thể thuyết pháp chănệ? Ông chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì đức Như Lai hùng dũng, vô úy rống lên tiêng rống sư tử trong đại chúng, lại có thể khéo thuyết pháp. Thê nào, này Ca-diêp? ông há bảo răng đức Như Lai hùng dũng, vô úy cát lên tiếng rống sư tử trong đại chúng và có thể khéo thuyết pháp. Nhưng những người nghe lại không được nhất tâm chăng? Chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiếng rống sư tử ở trong đại chúng, và những người đến với hội chúng đều nhất tâm mà nghe. Thế nào, này Ca-diếp, ông há bảo rằng đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiêng rông sư tử, ở trong đại chúng khéo thuyêt pháp, những người đên hội chúng đều nhất tâm mà nghe pháp nhưng lại không hoan hỷ, tín thọ mà thực hành chăng? Chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì đức Như Lai hùng dũng, có nhiều uy lực, cát lên tiêng rông sư tử, có thê khéo thuyêt pháp, những người đên với hội chúng đều nhất tâm nghe và hoan hỷ tín thọ. Này Ca-diếp, ông há bảo rằng đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiếng rống sư tử ở trong đại chúng, có thể khéo thuyết pháp, những người đến với hội

chúng hoan hỷ tín thọ nhưng lại không cúng dường chăng? Chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiếng rống sư tử trong đại chúng, có thê khéo thuyêt pháp, những người đên với hội chúng đêu nhát tâm mà nghe, hoan hỷ, tín thọ và thực hiện cúng dường. Này Ca-diêp, ông há bảo răng đức Như Lai hùng dũng, vô úy cát lên tiêng rống sư tử ở trong đại chúng... tín kính, cúng dường. Nhưng lại không cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo chăng? Chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiếng rống sư tử ở trong đại chúng... tín kính, cúng dường, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Này Ca-diếp, ông há bảo rằng đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiếng rống sư tử ở trong đại chúng... xuất gia tu đạo nhimg không đạt được Phạm hạnh rốt ráo, đến nơi an ổn, Vô dư Niết-bàn chăng?

Chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì đức Như Lai hùng dũng, vô úy cất lên tiếng rống sư tử ở trong đại chúng... xuất gia tu đạo, đạt được Phạm hạnh rốt ráo, đến nơi an ổn, Vô dư Niết-bàn. Lúc bấy giờ, Ca-diếp bạch đức Phật: Thưa đức Cù-đàm? như thế nào, con có được ở trong giáo pháp này, xuất gia, thọ Cụ túc giới chăng? Đức Phật bảo Ca-diếp: Nếu kẻ ngoại đạo muốn vào trong giáo pháp của Ta, xuất gia tu đạo, phải trải qua bôn tháng đê xem xét, nêu vừa ý chúng Tăng, sau đó mới được xuất gia, thọ giới. Này Ca-diếp, tuy có phép tắc như vậy nhimg cũng cần xét theo từng người. Ca-diêp bạch: -Người ngoại đạo muốn vào trong giáo pháp mà tu Phạm hạnh thì cần phải trải qua bôn tháng đê xem xét, nêu vừa ý chúng Tăng, sau đó mới được xuất gia, thọ giới; còn con thì có thể ở trong Phật pháp bốn năm, nếu chúng Tăng xét thấy vừa ý thì sau đó mới xuất gia, thọ giới. Đức Phật bảo Ca-diếp: Như Ta đã nói, điều đó cũng càn xét theo từng người.

LÚC bây giờ, Ca-diêp ở trong Phật pháp, xuất gia, thọ Cụ túc giới. Sau khi Ca-diếp thọ giới chưa bao lâu, với lòng tin thanh tịnh, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự thân chứng ngộ ngay trong hiện tại: Sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã thành tựu, những việc cân làm đã hoàn tát, không còn thọ thân đời sau, nghĩa là đã thành bậc A-la-hán. r Ca-diêp nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

26. KINH TAM MINH Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo đang du hóa trong nhân gian, tại nước Câu-tát-la. Khi đến thôn Bà-la-môn Y-xa-năng-già-la thì Ngài dừng chân nơi rừng Y-xa. Lúc đó, có hai Bà-la-môn tên là Phất-già-la-ta-la và Đa-lê-xa, vì có chút duyên sự nên cùng nhau đên tại thôn Y-xa-năng-già-la. Vê thân thê của Bà-la- môn Phất-già-la-ta-la thì từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, ông là người đọc tụng thông suốt ba tập Phệ-đà và có thể phân biệt rõ ràng các loại kinh sách khác. Hơn nữa ông lại còn am tường về phép xem tướng bậc đại nhân, đoán xem việc tót xâu và thông thạo vê nghi lê tê tự, đông thời thường xuyên truyền dạy cho năm trăm đệ tử không hề bỏ phế. Trong số đệ tử đó, có một người tên là Bà-tất-tra từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, chưa từng bị ai khinh hủy, ông là người đọc tụng thông suốt ba tập Phệ-đà, và hiểu được thấu đáo các thứ kinh sách khác. Ông còn giỏi về phép xem tướng bậc đại nhân, đoán xem việc tót xâu, thông thạo vê nghi lê tê tự, đông thời, thường xuyên dạy dỗ cho năm trăm đệ tử không hề bỏ phế. Bà-la-môn Đa-lê-xa cũng từ bảy đời trò lại, cha mẹ đều chân chánh, chưa từng bị ai khinh hủy. Ong là người đọc tụng thông suôt ba tập Phệ-đà, và có thể phân biệt được rõ ràng các loại kinh sách khác. Ông còn giỏi về phép xem tướng bậc đại nhân, đoán xem việc tốt xấu và thông thạo về nghi lễ tế tự, đồng thời thường xuyên dạy cho năm trăm đệ tử không hê bỏ phê. Trong sô đệ tử đó, có một người tên là Phả-la-đọa từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, chưa từng bị ai khinh hủy. Ông là người đọc tụng thông suốt ba tập Phệ-đà và hiểu biết rốt ráo các loại kinh sách khác. Ông còn giỏi về phép xem tướng bậc đại nhân, đoán xem việc tót xâu và thông thạo vê nghi lê tê tự, đông thời, thường xuyên truyền dạy cho năm trăm đệ tử không hề bỏ phế. Đuôi sáng sớm, trên đường đi đên Viên Lâm, hai người đệ tử của Bà-la-môn tên là Bà-tất-tra và Phả-la-đọa? vừa đi vừa tranh luận về vấn đề chân chánh và không chân chánh. Lúc bấy giờ, Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa rằng: 9 e

"Đạo của tôi thì chân chánh, có thê làm cho người được giải thoát, đưa đến sự cộng tru với Phạm thiên." Đó là lời của bậc Đại sư Bà-la-môn Phất-già- la-ta-la đã truyền dạy.

Phả-la-đọa lại nói: "Bạo của tôi thì chân chánh, vì có thể làm cho người được giải thoát, đưa đến Phạm thiên." Đó chính là lời của Đại sư Bà-la-môn Đa-lê-xa đã nói. Bà-tất-tra cứ nhắc đi nhắc lại đạo của ông là chân chánh. Rồi đến Phả-la- đọa cũng nhắc đi nhắc lại đạo của ông là chân chánh. Cả hai cùng tranh luận nhimg cuôi cùng đêu không giải quyêt được gì cả. Khi đó, Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm, thuộc dòng họ Thích, Ngài đã xuất gia và thành đạo, hiện đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la9 nay đang ở trong rừng Y-xa-năng-già-la. Tiếng tăm Ngài đồn đãi khắp trong thiên hạ: "Ngài là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, tự mình chứng ngộ giữa hàng trời và người, ma, thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn? đồng thời vì họ mà thuyết pháp lời đầu, lời giữa, lời cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa lý, Phạm hạnh thanh tjnh.” Một bậc Chân Nhân như thế thì chúng ta phải đến yết kiến. Tôi đã nghe Sa-môn Cù-đàm biết rất rõ về đạo Phạm thiên và có thể dạy cho nạười khác. Ngài thường lui tới đàm luận với Phạm thiên. Chúng ta cần phải đen yết kiến Sa-môn Cù-đàm để giải quyết ý nghĩa này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có trả lời như thế nào thì chúng ta cùng nghe theo. Khi 66, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa cùng nhau đến rừng Y-xa, đến nơi Thế Tôn, thăm hỏi xã giao xong, rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn biết rất rõ tâm niệm của hai người, liền kêu Bà-tất-tra mà bảo: -Mới sáng sớm mà hai vi đến Viên Lâm, bàn luận như thế, tranh luận như thế. Một người thì cho rằng: "Pháp của ta thì chân chánh, có thể làm cho người được giải thoát, đưa đến Phạm thiên. Đó là lời của Đại sư Bà-la-môn Phất-già- la-ta-la đã nói.,, Người kia cũng cho rằng: 'Tháp của tôi là chân chánh, có thể làm cho người được giải thoát, đưa đen Phạm thiên. Đó chính là lời của Đại sư Bà-la-môn Đa-lê-xa đã truyền dạy.” Các người đã tranh luận phải, trái nhiều lần. Có phải như vậy chăng? Lúc đó, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa vừa nghe xong lời của đức Phật nói thì kinh ngạc, lông tóc đều dựng ngược, trong tâm tự nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm thật có thần lực và uy đức rất lớn, đã biết trước lòng người. Những gì mà chúng ta muốn bàn luận, Sa-môn Cù-đàm đã nói trước.,, Bấy giờ, Bà-tất-tra bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, đạo này, đạo kia đều tự cho là chân chánh, có thể làm cho người được giải thoát, đưa đến Phạm thiên. Vậy lời của Bà-la-môn Phất- già-la-ta-la là đúng hay lời của Bà-la-môn Đa-lê-xa đúng? Đức Phật dạy: Này Bà-tất-tra, nếu đạo này, đạo kia là chân chánh, có thể làm cho người được giải thoát, đưa đến Phạm thiên, tại sao vào một buổi sáng sớm, hai ông đến Viên Lâm mà tranh phải, trái đến hai ba lần như thế?

Bà-tất-tra bạch đức Phật: Sở dĩ có cuộc tranh luận đó là vì Bà-la-môn tam minh đưa ra ba con đường: Con đường tự tại dục, con đường tự tác và con đường Phạm thiên. Ba con đường này đều đưa đến Phạm thiên. Bạch đức Cù-đàm, ví như những con đường ở trong thôn đều dẫn đến thành phố, các Bà-la-môn tuy nói những con đường khác nhau nhưng cũng đều đưa đến Phạm thiên. Đức Phật hỏi Bà-tất-tra: -Có phải tất cả các con

đường đó cuối cùng đều đưa đến Phạm thiên không? Bạch, tất cả đều đưa đến Phạm thiên! Đức Phật đã ba lân gạn hỏi răng có phải các con đường ây đêu đưa đên Phạm thiên không ya Bà-tất-tra xác nhận là phải. Khi đức Thế Tôn để cho Bà- tất-tra đáp xong, liền dạy: Những người theo con đường của Bà-la-môn tam minh đã có ai thấy được Phạm thiên chưa? Bạch, chưa có ai thấy! Thế nào Bà-tất-tra? Bậc tiên sư trong hàng Bà-la-môn tam minh đã có ai thấy được Phạm thiên chưa? Bạch, chưa từng thấy! Thế nào Bà-tất-tra? Cho đến các bậc tiền bối, kỳ cựu trong hàng Bà-la- môn tam minh như: A-trá-ma, Bà-ma-đê-bà, Tỳ-bà-thâm, Y-ni-la-tư, Xà-bà-đê- già, Bà-bàtất, Ca-diếp, A-lâu-na, Cù-đàm-na, Thỉbchí, Bà-la-tôn-đà, đều đọc tụng thông suôt ba tập Phệ-đà, và có khả năng vì người mà thuyêt giảng những lời xa xưa như tán tụng, ca vịnh, thi, v.v... Tất cả các vị đó đều đã từng thấy được Phạm thiên chưa? Bạch, chưa từng thấy! Đức Phật dạy: Nêu Bà-la-môn tam minh chưa từng thây Phạm thiên, và tiên sư của Bà- la-môn cũng chưa từng thấy Phạm thiên và các bậc kỳ cựu đại tiên Bà-la-môn tam minh như A-trá-ma... cũng chưa từng thây được Phạm thiên, nên biêt răng những lời của Bà-la-môn tam minh nói ra đều chẳng phải thật. Đức Thế Tôn bảo Bà-tất-tra: Như có một người dâm, tự nói ràng: "Tôi giao thông với người nữ đoan chánh kia" và tán thán về cách thức hành dâm nhimg có người khác hỏi: "Ong có biết người nữ ấy không? Người nữ ấy ở đâu? Phía Đông, phía Tây, phía Nam hay phía Bắc?" Người ấy đáp: "Không biết!" Người kia lại hỏi: "Ong có biêt quê quán, thành áp, làng xóm của người nữ ấy khong?^

"Không biết!" "Thế ông có biết cha mẹ và tên họ của người thiếu nữ đó kh6ng?" "Không biết!" uVậy ông có biết người thiếu nữ đó thuộc chủng tộc nào, thuộc Sát-đế-lợi9 Bà-la-môn9 Cư sĩ hay Thủ-đà-la?,, "Kh6ng biết!" "Ông có biết tướng mạo hình dáng người thiếu nữ đó cao thấp, mập ốm, đen trắng, đẹp xấu thế nào khong?99 "Không biết!" Thế nào Bà-tất-tra? Người dâm kia tán thán như vậy có chân thật không? Bà-tất-tra đáp: Không chân thật! Như vậy, Bà-tất-tra, những gì Bà-la-môn tam minh nói ra cũng như vậy, không chân thật. Thế nào Bà-tất-tra? Bà-la-môn tam minh của ông thấy được chỗ vận hành, lặn, mọc của mặt trời, mặt trăng, hoặc chắp tay cung kính, hay nói thế này: "Đây là con đường chân chánh, chính là con đường độc nhất, sẽ đưa người đên sự giải thoát và đên mặt trời, mặt trng" không? Đúng vậy, Bà-la-môn tam minh có thấy được chỗ vận hành, lặn, mọc của mặt trời, mặt trăng, chắp tay cung kính cúng dường nhưng không có thể nói rằng: "Đây là con đường chân chánh sẽ đưa người đến sự giải thoát và đến mặt trời, mặt trâng." Như vậy Bà-tất-tra, Bà-la-môn tam minh thấy sự vận hành, chỗ lặn, mọc của mặt trời và mặt trăng, chắp tay cúng dường mà không thể nói: "Bây là con đường chân chánh, sẽ đưa người đến sự giải thoát và đến mặt trời, mặt trang9\ thế mà vẫn chắp tay cung kính cúng dường. Há chẳng phải là hư vọng sao? Đúng vậy, thưa đức Cù-đàm, họ thật là hư vọng! Đức Phật dạy: Ví như người dựng thang ở chỗ đất trống, có người khác hỏi: "ông dựng thang đó để làm gi?" "Tôi muốn lên nhà." Lại hỏi: "Nhà đó ở chỗ nào? Đông, Tây, Nam hay Bắc?" "Không biết!" Thế nào Bà-tất-tra? Người dựng thang muốn lên nhà đó chẳng phải là hư vọng ư? Bạch, đúng vậy, người kia thật là hư vọng!

Đức Phật dạy: Bà-la-môn tam minh cũng như vậy, hư dối, không chân thật. Này Bà-tất- tra, ngũ dục tinh khiết thật đáng thích thú! Thế nào là ngũ dục? Mắt nhìn thấy sắc thật đáng thích thú, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc thì thật đáng thích thú! Nhưng ngũ dục đối với pháp Hiền thánh của Ta thì đó là say đắm, là trói buộc, là khóa móc. Bà-la-môn tam minh kia đã tiêm nhiễm ngũ dục, say mê mạnh mẽ, không thấy sự tai hại, lỗi lầm, không biết thoát ly. Họ đã bị ngũ dục ràng buộc. Dù cho họ có phụng thờ mặt trời, mặt trăng, nước, lửa mà xướng lên: "Xin giúp tôi sanh về cõi Phạm thiênThực không có được như thế. Ví như sông A-di-la nước ngập bờ, các loại chim, quạ, v.v... tha hồ uống. Nhimg có người đứng ở bên bờ sông này, thân thể bị trói chặt, không cử động được mà gọi khống bờ sông bên kia: “Hy đến đây, hỡi bờ sông bên kia để đưa ta qua song!" Như vậy, bờ sông bên kia có đến để đưa người ấy qua sông không? Bà-tất-tra đáp: -Bạch, không! Này Bà-tất-tra, ngũ dục tinh khiết thật đáng thích thú nhưng đối với pháp Hiền thánh thì đấy cũng như khóa móc. Các Bà-la-môn tam minh kia bị nhiễm ngũ dục, mê đắm mạnh mẽ, không thấy sự tai hại, lỗi lầm, không biết thoát ly. Họ bị ngũ dục trói buộc, dù cho họ có thờ phụng mặt trời, mặt trăng, nước, lửa và xướng lên rằng: "Hãy giúp tôi sanh lên cõi Phạm thiên!,9 thì cũng như thế, rốt chẳng có được như thế. Này Bà-tất-tra? ví như sông A-di-la nước ngập bờ, các loài chim quạ tha hồ uống; có người muốn qua sông nhimg không vận dụng sức lực của thân thể, tay chân, không nương nơi thuyền bè thì có thể qua được không? Bạch, không thể qua được! Này Bà-tất-tra, Bà-la-môn tam minh cũng như vậy. Họ không tu Phạm hạnh thanh tinh của Sa-môn, trái lại tu tập những hạnh không thanh tịnh của ngoại đạo mà muốn sanh vào cõi Phạm thiên, thực không thể được như vậy. Này Bà-tất-tra, cũng như nước trên núi tuôn chảy, làm trôi nhiều người, lại không có thuyền bè, không có cầu ván. Có người vừa đi đến, muốn qua bờ bên kia nhimg thấy nước trên núi tuôn chảy làm trôi nhiều người, cũng không có thuyền bè, không có cầu ván. Người kia tự nghĩ: "Nay ta nên thu thập nhiều sức lực của thân thể để sang bờ bên kia." Thế rồi, người ấy liền kết bè và dùng sức lực của thân thê mà sang được bờ kia an toàn. Này Bà-tât-tra ở đây cũng lại như vậy. Nếu vi Tỳ-kheo xả bỏ hạnh không thanh tịnh của phi Sa-môn, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn và mong muốn cộng trú với Phạm thiên, điều đó là hợp lý. Thế nào Bà-tất-tra? Phạm thiên có nhuế tâm hay không có nhuế tâm? -Bạch, không có nhuế tâm!

__ r k -Bà-la-môn tam minh có nhuê tâm hay không có nhuê tâm? Bạch, có nhuê tâm! Này Bà-tất-tra, Phạm thiên không có nhuế tâm. Bà-la-môn tam minh có nhuế tâm. Có nhuế tâm và không có nhuế tâm thì không cộng thông, không cùng giải thoát và không cùng thú hướng. Thế nên Phạm thiên và Bà-la-môn không thể cộng trú vậy. Thế nào Bà-tất-tra? Phạm thiên có tâm sân hay không có tâm sân? Bạch, không có tâm sân! Bà-la-môn tam minh có tâm sân hay không có tâm sân? Bạch, có tâm sân! Phạm thiên không có tâm sân, Bà-la-môn tam minh có tâm sân. Có tâm sân và không có tâm sân thì không cùng cộng trú, không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và

Bà-la-môn là không đồng với nhau. Thế nào Bà-tất-tra? Phạm thiên có tâm hận hay không có tâm hận? Bạch, không có tâm hận! Bà-la-môn tam minh có tâm hận hay không có tâm hận? Bạch, có tâm hận! Phạm thiên không có tâm hận, Bà-la-môn tam minh có tâm hận. Như vậy, có tâm hận và không có tâm hận thì không cùng một thú hướng, không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Bà-la-môn thì không đồng với nhau. -Thế nào Bà-tất-tra? Phạm thiên có quyến thuộc và sản nghiệp không? Bạch, không có! -Bà-la-môn tam minh có quyến thuộc và sản nghiệp không? -Bạch, có! Phạm thiên không có quyên thuộc và sản nghiệp còn Bà-la-môn tam minh thì có quyến thuộc và sản nghiệp. Có quyến thuộc và sản nghiệp, không có quyến thuộc và sản nghiệp thì không đồng thú hướng, không đồng giải thoát. Cho nên Phạm thiên và Bà-la-môn không đồng nhau. Thế nào Bà-tất-tra? Phạm thiên được tự tại hay không được tự tại? Bạch, được tự tại! Bà-la-môn tam minh được tự tại hay không được tự tại? Bạch, không được tự tại! Phạm thiên được tự tại, Bà-la-môn tam minh không được tự tại. Không được tự tại và được tự tại thì không cùng thú hướng, không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Bà-la-môn không đồng với nhau. Giả sử có người đên hỏi vê nghĩa lý sâu xa, Bà-la-môn tam minh không có khả năng trả lời một cách đầy đủ, có thật như vậy không?

26. KINH TAM MINH 343

-Bạch, thật vậy! Khi đó, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người đều bạch đức Phật rằng: —Nay xin gác lại những sự bàn luận khác, chúng tôi nghe nói Sa-môn Cù- đàm biêt rõ con đường Phạm thiên, Ngài có thê vì người mà thuyêt giảng, đông thời thường gặp gỡ, qua lại, bàn bạc với Phạm thiên. Vậy, ngưỡng mong Sa- môn Cù-đàm rủ lòng thương mà thuyết giảng, khai mở con đường Phạm thiên! Đức Phật bảo Bà-tất-tra: Bây giờ Ta hỏi, ông tùy ý mà đáp! Thế nào, Bà-tất-tra? nước Tâm Niệm ở cách đây gần hay xa? Bạch, gần! Giả sử, có người sanh trưởng ở nước đó. Thế rồi có người khác hỏi về con đường đưa đến nước đó. Thế nào Bà-tất-tra, người sanh trưởng ở nước đó trả lời vê con đường dân đên nước đó, có nên nghi ngờ người ây không? Bạch, không nên nghi ngờ! Tại sao? Bởi vì người kia đã sanh trưởng trong nước đó. Đức Phật dạy: Dù cho người kia sanh trưởng trong nước đó mà khi trả lời người nghe còn có thê nghi. Nhưng, nêu có người hỏi Ta vê con đường Phạm thiên thì khi Ta trả lời, người nghe không có nghi ngờ. Vì sao? Vì Ta đã thường nói rất nhiều về con đường Phạm thiên ấy. Khi đó, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa lại cùng bạch đức Phật: Hãy gác lại bàn luận ây, chúng tôi nghe Sa-môn Cù-đàm rát thông thạo vê con đường Phạm thiên, có thê thuyêt giảng cho người khác, thường gặp gỡ, qua lại, bàn bạc với Phạm thiên. Vậy, ngưỡng mong Sa-môn Cù-đàm rủ lòng thương mà thuyết giảng về con đường Phạm thiên để khai mở cho chúng tôi! Đức Phật dạy: Các ông hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ thuyết giảng cho! Thưa vâng, chúng tôi mong muốn nghe!

Đức Phật dạy: -Nếu đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, đầy đủ mười hiệu... Tứ thiền, Ngài tự mình vui trong pháp hiện tại. Tại sao? Đó là do chuyên chú, nhớ mãi không quên, thích ở nơi thanh vắng, không phóng dật, Ngài dùng tâm từ rải khắp một phương này cho đến những phương khác cũng thế, rộng rãi,

không giới hạn, vô lượng, không hại, không sân hận, không não hại, dạo chơi với tâm này mà tự vui. Ke đó? lại dùng tâm bi, tâm hỷ, tâm xả trải khắp một phương cho đen các phương khác cũng the, rộng rãi, không giới hạn, vô lượng, không có ý sân hận, não hại, dạo chơi với tâm này mà tự vui. Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

-Bạch, không có nhuế tâm! - Vi Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi thì có nhuế tâm hay không có nhuế tâm? - Bạch, không có nhuế tâm! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có nhuê tâm, đông thời vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi không có nhuế tâm. Không có nhuế tâm và không có nhuế tâm thì cùng một thú hướng và cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Tỳ-kheo là đồng với nhau. Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có tâm sân hay không có tâm sân?

Bạch, không có! Còn vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi, có tâm sân hay không sân? Bạch, không có tâm sân! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có tâm sân, vi Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi không có tâm sân. Không có tâm sân và không có tâm sân thì cùng một thú hướng, cùng giải thoát. Cho nên Phạm thiên và Tỳ-kheo đồng nhau. Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có tâm hận hay không có tâm hận?

Bạch, không có tâm hận! Vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi, có tâm hận hay không có tâm hận? Bạch, không có! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có tâm hận, vi Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi không có tâm hận. Không có tâm hận và không có tâm hận thì cùng thú hướng và cùng giải thoát. Cho nên Phạm thiên và Tỳ-kheo đều đồng với nhau. Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có quyến thuộc và sản nghiệp không?

Bạch, không có! - Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi, có quyến thuộc và sản nghiệp không? Bạch, không có! Đức Phật dạy: - Phạm thiên không có quyến thuộc và sản nghiệp, vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi cũng không có quyến thuộc và sản nghiệp. Không có quyến thuộc, sản nghiệp và không có quyến thuộc, sản nghiệp thì cùng một thú hướng, cùng một giải thoát. Cho nên, Phạm thiên và Tỳ-kheo là đồng với nhau. Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên được tự tại không?

Bạch, được tự tại! -Vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi có tự tại không? —Bạch, có tự tại!

Đức Phật dạy: Phạm thiên được tự tại, vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi được tự tại. Được tự tại và được tự tại thì cùng một thú hướng, cùng một giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Tỳ-kheo là đồng với nhau. Đức Phật bảo Bà-tất-tra: Ông phải biết vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi, sau khi mạng chung liền sanh lên cõi Phạm thiên nhanh như khoảng thời gian mũi tên ban. Khi đức Phật nói kinh này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay tại chỗ ngồi, xa rời trần câu, phát sanh pháp nhãn, thây rõ các pháp. Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa nghe lời đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

27. KINH SA-MÔN QUẢ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ- kheo, ngự tại vườn Am-bà của Kỳ Cựu đồng tử, thuộc

thành La-duyệt-kỳ. Lúc bấy giờ, Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, vào đêm trăng tròn, ngày mười lăm, gọi một phu nhân và bảo: - Đêm nay trăng sáng chẳng khác gì ban ngày, chúng ta nên làm gì? Phu nhân tâu: -Thưa Đại vương, nay nhằm đêm mười lăm, trăng sáng không khác gì ban ngày, bệ hạ nên tắm gội sạch sẽ, rồi cùng các thể nữ vui hưởng ngũ dục. Lúc đó, vua gọi thái tử thứ nhất là Ưu-da-bà-đà và bảo: Đêm nay nhằm ngày mười lăm, trăng tròn sáng như ban ngày, chúng ta nên làm gì? Thái tử đáp: Đêm nay nhăm ngày mười lăm, trănệ tròn sáng như ban ngày, bệ hạ nên họp bon binh chủng lại để cùng bàn mưu ke chinh phạt quân giặc ở biên cương, sau đó, sẽ trở về đây cùng vui thú. Khi đó, vua gọi Đại tướng Dũng Kiện và bảo: Nay lúc trăng tròn, ngày mười lăm, đêm sáng chẳng khác ban ngày, chúng ta nên làm gì? Dũng tướng tâu: Đêm nay sáng, chẳng khác gì ban ngày, bệ hạ nên họp cả bốn binh chủng, đi tuần hành khắp nhân gian để xem tình hình thuận, nghịch như thế nào. Lúc đó, vua gọi Bà-la-môn Vũ-xá đến và hỏi: -Nay nhằm lúc trăng tròn, ngày mười lăm, đêm sáng chẳng khác ban ngày, chúng ta nên đen vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có the làm cho tâm ta được khai ngộ. Vũ-xá tâu: -Thưa Đại vương, đêm nay sáng chẳng khác ban ngày, có ông Bất-lan-ca- diếp là vị đứng đầu đại chiiĩig, có nhiều tri thức, tiếng tăm đồn đãi khắp nơi, cũng như bê lớn dung chứa tát cả, ai ai cũng cúng dường. Đại vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu gặp ông ta, có lẽ tâm Đại vương sẽ được khai ngộ.

Sau đó, vua lại gọi em ông Vũ-xá là Tu-ni-đà và hỏi: Đêm nay sáng chẳng khác gì ban ngày, chúng ta nên đi đến Sa-môn, Bà- la-môn nào có CÓ thể làm cho tâm ta được khai ngộ? Tu-ni-đà tâu: Đêm nay sáng chẳng khác gì ban ngày, có ông Mạt-già-lê Cù-xá-lợi là vị đứng đầu đại chúng, có nhiều tri thức, tiếng tăm đồn đãi khắp nơi, cũng như bể lớn dung chứa tất cả, ai ai cũng cúng dường. Đại vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu gặp ông ta, có lẽ tâm Đại vương sẽ được khai ngộ. Tiếp theo, vua gọi Đại quan Tác Điển đến hỏi: Đêm nay sáng chẳng khác gì ban ngày, chúng ta nên đi đến Sa-môn, Bà- la-môn nào có thể làm cho tâm ta được khai ngộ? Đại thần Tác Điển tâu: Hiện nay có ông A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la là vi đứng đầu đại chúng, có nhiều tri thức, tiếng tăm đồn đãi khắp nơi, cũng như bể lớn có thể dung chứa tất cả, ai ai cũng cúng dường, Đại vương nên đến đó thăm hỏi, nếu gặp ông ta, tâm Đại vương có thể sẽ được khai ngộ. Kê tiếp, vua gọi tướng giữ cửa tên Già-la đên hỏi: Đêm nay sáng chẳng khác gì ban ngày, chúng ta nên đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể làm cho tâm ta được khai ngộ? Già-la tâu: Hiện nay có ông Bà-phù-đà Già-chiên-na là vị đứng đầu đại chúng, có nhiều tri thức, tiếng tăm đồn đãi khắp nơi, cũng như bể lớn có thể dung chứa tất cả, ai ai cũng cúng dường. Đại vương nên đến đó gặp ông ta. Nếu gặp ông ta, tâm Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại gọi Ưu-đà-di Mạn-đề-tử đến hỏi: Đêm nay sáng chăng khác gì ban ngày, chúng ta nên đi đên vị Sa-môn9 Bà-la-môn nào có thể làm cho tâm ta được khai ngộ? Ưu-đà-di tâu: Hiện nay có ông Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất là vị đứng đầu đại chúng, có nhiêu tri thức, tiêng tăm đôn đãi khăp nơi, cũng như bê lớn có thê dung chứa tát cả, ai ai cũng cúng dường. Đại vương nên đến đó hỏi han. Nếu gặp ông ta, chắc tâm Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại gọi em là Vô úy đến hỏi: Đêm nay sáng chăng khác gì ban ngày, chúng ta nên đi đên Sa-môn, Bà- la-môn nào có thể làm cho tâm ta

được khai ngộ? Vô Úy tâu: Hiện nay có ông Ni-kiền-tử là vi đứng đầu đại chúng, có nhiều tri thức, tiếng tăm đồn đãi khắp noi, cũng như bể lớn có thể dung chứa tất cả, ai ai cũng

cúng dường. Đại vương nên đến đó hỏi han. Nếu gặp ông ta, có lẽ tâm Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại gọi Thọ Mạng đông tử đên hỏi: -Đêm nay sáng chẳng khác gì ban ngày, chúng ta nên đi đến Sa-môn, Bà- la-môn nào có thể làm cho tâm ta được khai ngộ? Thọ Mạng đồng tử tâu: -Hiện có đức Phật, Thế Tôn ngự tại vườn Am-bà của tôi, Đại vương nên đến đó hỏi han. Nếu gặp được Ngài chắc chắn tâm Đại vương sẽ được khai ngộ. Thế rồi vua truyền lệnh cho ông Thọ Mạng: Khanh hãy chuân bị voi báu và năm trâm con voi trăng khác nữa! Thọ r Mạng vâng lệnh, liên chuân bi voi báu của vua và năm trăm con voi xong, đên tâu: -Tâu Đại vương, việc chuẩn bị xa giá đã xong, xin tâu Ngài rõ! Vua A-xà-thế tự cưỡi voi báu và năm trăm phu nhân ngự trên năm trăm thớt voi cái; mọi người đều cầm đuốc, biểu lộ uy nghiêm của vua, đi ra khỏi thành La-duyệt, đến chỗ đức Phật ngự. Khi đi được một đoạn đường, nhà vua bảo Thọ Mạng: Nay ngươi dối gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và mọi người vào chỗ nguy hiểm như the này! Thọ Mạng tâu: -Tâu Đại vương, tôi đâu dám dối gạt Đại vương, hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và mọi người đen chỗ nguy hiểm. Xin Đại vương cứ đi tới, chắc chắn sẽ được phúc lạc! Khi nhà vua đi thêm một đoạn đường nữa, liên bảo với Thọ Mạng: Ngươi dối gạt ta, hãm hại ta, muốn dẫn ta và mọi người đến chỗ nguy hiểm. Nhà vua phàn nàn đôi ba lần như thế. Vì sao? Vì đức Phật có đến một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử nhưng sao lại vắng lặng, không có một tiếng động nào cả, hay có âm mưu gì đây chăng? Thọ Mạng cũng tâu đôi ba lần: -Tâu Đại vương, tôi đâu dám dôi gạt, hãm hại, dân Đại vương và mọi người đến chỗ nguy hiểm. Xin Đại vương cứ đi tới, chắc chắn sẽ được phúc lạc! Tại sao vậy? Vì pháp của vi Đại Sa-môn kia là thường chuộng sự nhàn tinh, cho nên không có một tiêng động nào cả. Xin Đại vương cứ tiên bước, rừng cây đã hiện ra kìa! Khi Vua A-xà-thế đi đến cửa vườn thì xuống voi, cởi kiếm, cất lọng, bỏ năm thứ nghi vệ của nhà vua mà đi bộ vào vườn. Vua hỏi ông Thọ Mạng: -Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?

Thọ Mạng tâu: -Tâu Đại vương, đức Phật đang ngự tại ngôi nhà cao, trước cửa có ngọn đèn sáng kia. Thế Tôn đang ngồi trên tòa sư tử, mặt hướng về phía Nam. Xin Đại vương tiến ít bước nữa là trông thấy Thế Tôn! Bấy giờ, Vua A-xà-thế đi đến giảng đường, rửa chân ở ngoài hiên, rồi bước lên giảng đường, lặng lẽ nhìn bốn phía, sanh tâm hoan hỷ, nói thầm: "Nay các TTTTTTTTTTêLĐlạĐVòxNạlLlxVĐòửệá.ỉxỉỉĐêỉVệc.D9ọầq9ầqKìạúãỹ6'ạLỹ6'ạbbúKìựỗạ

r r r x . 7

tát cả chúng sanh, thịt chát thành đông đây cả thê gian, cũng chăng phải là ác, cũng chăng có tội báo gì cả; nêu băm nát chúng sanh ở phía Nam sông Hăng, cũng không có

ác báo, nếu mở hội bố thí lớn mà bố thí cho tất cả chúng sanh ở phía Băc sông Hăng, làm cho ai cũng lợi lạc như nhau, cũng chăng có phước báu gì cả.,, Nhà vua bạch đức Phật: Họ cũng như người hỏi dưa thì trả lời lý, hỏi lý thì trả lời dưa. Ông ấy cũng như thế. Tôi hỏi là hiện tại có được quả báo không, ông ta lại đáp là không có tội, không có phước báu. Tôi tự nghĩ: “Ta là vị Vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-đế-lợi, nếu vô cớ mà giết người xuất gia, trói mà đuổi đi, ta mang lòng giận ảữy Suy nghĩ như thế, tôi liền bỏ đi.

Nhà vua bạch đức Phật: —Có lần, tôi đến hỏi ông Mạt-già-lê-câu-xá"lê: "Như nay người ta cưỡi voi, ngựa, xe, tập luyện binh pháp, cho đến làm các nghề nghiệp để sinh sống đều có quả báo hiện tiền. Còn các vị tu hành hiện nay có quả báo gì chng?” Ông ta trả lời: "Tâu Đại vương, không bố thí, không cho; không có phép tế tự, cũng không có thiện, ác, không có quả báo thiện ác, không đời này và đời sau; không có cha, không có mẹ, không có trời, không có đấng tạo hóa, không có chúng sanh; ở đời không có Sam6n, Bà-la-môn tu hành bình đang, cũng không có đời này, đời sau tự thân chứng ngộ và thể hiện rộng rãi cho người r \ khác. Nhưng nêu ai bảo là c6, đây đêu là hư vong.” Bạch Thế Tôn, họ như hạng người hỏi dưa thì đáp lý, hỏi lý thì đáp dưa. Ông ta cũng như thế. Tôi hỏi hiện tại có quả báo không, ông ta đem cái nghĩa không trơn mà đáp. Tôi tự nghĩ: “Ta là vị Vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-đế-lợi? nêu vô cớ giêt người xuât gia, hoặc trói mà đuôi đi, ta cũng mang lòng giận dữ." Nghĩ như thế, tôi liền bỏ đi. Nhà vua lại bạch đức Phật: Có lần, tôi đến ông A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la và hỏi: :Thua Đại đức; như người ta cưỡi voi, ngựa, xe và tập luyện binh pháp, cho đến làm các nghề nghiệp để sinh sống, đều có quả báo hiện tiền, còn các vị tu hành hiện nay có được quả báo hiện tiền kh6ng?" Ông ta đáp: "Con người mang thân tứ đại đến lúc qua đời, địa đại trở về đất, thủy đại trở vê nước, hỏa đại trở vê lửa, phong đại trở vê gió. Tát cả đêu phải tan hoại. Các giác quan đều trở về không. Khi một người chết di, người ta lấy giường khiêng tử thi đến bỏ ngoài gò mả, thiêu đốt, cho xương thành màu sắc của chim bồ câu, hoặc biến thành tro đất. Bất kể kẻ trí, người ngu một khi đã chết, đều bi tan hoại hết, đó là pháp đoạn diet.” Bạch đức Thế Tôn, họ là người hỏi dưa thì đáp lý, hỏi lý thì đáp dưa. ông ta cũng như vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, họ lại đáp với tôi bằng

lý đoạn diệt. Tôi tự nghĩ: “Ta là Vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-đế-lợi9 nếu vô cớ giết người xuất gia, hoặc trói mà đuổi đi thì ta mang lòng giận dữ." Nghĩ như vậy nên tôi liền bỏ đi. Vua lại bạch đức Phật: Trước kia có lần tôi đến ông Ba-phù-đà-già-chiên-diên và hỏi: “Thua Đại đức, như người ta cưỡi voi, xe, ngựa, tập luyện binh pháp, cho đến làm các nghề nghiệp để sinh sống đều có quả báo hiện tiền, còn các vị tu hành hiện nay có quả báo gì kh6ng?” Ông ta đáp: "Tâu Đại vương, con người không có năng lực, không có tinh tấn thì không có năng lực, không có phương tiện; không có nhân, không có duyên khiến chúng sanh nhiễm trước; không có nhân, không có duyên khiến chúng sanh thanh tịnh. Tất cả chúng sanh có thân mạng đều không có năng lực, không được tự tại, không có oán thù mà tất cả đều theo số mạng đã định, thọ nhận những khổ, vui của sáu loại chúng sanh này.^, Bạch đức Thế Tôn, họ

như người hỏi dưa thì đáp lý, hỏi lý thì đáp dua, ông ta cũng như vậy. Tôi hỏi hiện tại có quả báo không thì ông ta lại đem lý con người không có năng lực mà đáp. Tôi tự nghĩ: "Ta là Vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-đế-lợi, nếu vô cớ giết người xuất gia, hoặc trói lại mà đuổi đi thì ta mang lòng giận dữ." Nghĩ như thế, tôi liền bỏ đi. Nhà vua lại bạch đức Phật: Trước đây có lần tôi đến ông Tán-nhã-tỳ-la-lê-tử và hỏi: "Thưa Đại đức, như có người cưỡi voi, ngựa, xe, tập luyện binh pháp, cho đến làm các nghề nghiệp để sinh sống thì đều có quả báo hiện tiền. Nay những vi này đang tu đạo thì có quả báo hiện tiền khung?" Ông ta đáp: "Tâu Đại vương, có quả báo Sa-môn hiện ti2n." "Như vậy Chang?" “Diều ấy là như vậy, điều ấy là thật, điều ấy là khác, điều ấy là không phải khác cũng không phải không khác. Tâu Đại vương, không có quả báo Sa-môn hiện tiền5 “Nhu vậy chăng?" "Điều ấy là như vậy, điều ấy là thật, điều ấy là khác, điều ấy là không phải khác cũng không phải không khác. Tâu Đại vương, không phải có cũng không phải không có quả báo Sa-môn hiện tiên.,, “Nhu vậy chăng?,, "Điều ấy là như vậy, điều ấy là thật, điều ấy là khác, điều ấy là không phải khác cũng không phải không kh§c." Bạch đức Thế Tôn, cũng như người hỏi lý lại đáp dua, hỏi dưa lại đáp lý, Ông ta cũng như thê. Tôi hỏi có quả báo hiện tiên chăng mà ông ây lại đáp băng

dị luận. Tôi tự nghĩ: "Ta là vị Vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi? nếu ta vô cớ giết người xuất gia, hoặc trói mà đuổi đi thì ta mang lòng giận dữ." Nghĩ như thế tôi liền bỏ đi. Vua lại bạch đức Phật: Trước đây có lân tôi đên ông Ni-kiên-tử và hỏi: "Nhu người ta cưỡi ngựa, voi, xe, tập luyện, làm nghê nghiệp đê sinh sông, có quả báo hiện tiên. Nay những vị này đang tu đạo thì có quả báo hiện tiền kh6ng?" Ông ta đáp: "Tâu Đại vương, tôi là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, thấy biết tất cả, không gì là không biết. Hết thảy việc đi đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, trí ấy vẫn luôn luôn hiện tiền." Bạch đức Thế Tôn, họ như người hỏi dưa lại đáp lý, hỏi lý lại đáp dưa. Ông ta cũng như vậy, tôi hỏi hiện tại có quả báo không thì ông ta đáp với tôi bằng cách tự xưng mình là bậc Nhất thiết trí. Tôi tự nghĩ: "Ta là Vua Quán đảnh, thuộc dòng Sát-đê-lợi, nêu vô cớ băt giêt người xuât gia, hoặc trói mà đuôi đi thì ta mang lòng giận dữ." Nghĩ như thế, tôi liền bỏ đi. Bạch đức Thế Tôn, nay tôi đến đây cũng hỏi ý nghĩa như thế: Như người cưỡi voi, ngựa, xe, luyện tập binh pháp... làm các nghề nghiệp để sinh sống, có quả báo hiện tiền. Nay các Sa-môn tu đạo thì có quả báo hiện tiền không? Đức Phật bảo Vua A-xà-thế: Nay Ta hỏi Đại vương, ngài tùy ý mà trả lời! Đại vương nghĩ sao, khi những người tôi tớ hầu hạ trong, ngoài của Đại vương trông thấy Đại vương vào lúc trăng tròn ngày mười lăm, tắm rửa, gội đầu, rồi lên điện cao vui thú với các thể nữ, họ nghĩ: "Oi, quả báo của các hành vi là đấy vậy. Vị Vua A-xà-thế này, vào lúc trăng tròn ngày mười lăm, gội đầu, tắm rửa, lên điện cao vui hưởng ngũ dục cùng thể nữ. Ai biết được đấy là quả báo của các hành vi?" Những người ấy về sau cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành pháp bình đẳng. Đại vương nghĩ thế nào, nếu Đại vương thấy họ từ xa đi đến, ngài có nghĩ rằng: "Hq là tôi tớ của ta" chăng? Nhà vua bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, không! Nếu thấy họ đến tôi phải đứng dậy nghênh đón, mời ngồi. Đức Phật dạy: Đó không phải là quả báo hiện tại của Sa-môn sao? Nhà vua đáp: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đó là quả báo hiện tại của Sa-môn! Lại nữa, này Đại vương, có người lữ

khách đến sống nhờ trong lãnh thổ của Đại vương, được bông lộc của Đại vương ban, thây Đại vương vào lúc trăng tròn ngày mười lăm, gội đầu, tắm rửa, lên điện cao cùng các thể nữ vui

thú ngũ dục. Họ nghĩ: "Oi! Quả báo của vua ấy là đấy vậy chăng? Ai mà biết đây chính là quả báo của các hành vi?" Người ấy về sau cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo, thực hành pháp bình đăng. Đại vương nghĩ thê nào? Nếu Đại vương thấy người ấy từ xa đi đến, Đại vương có nghĩ rằng: "Dây là lữ khách, được hưởng bổng lộc của ta" chăng? Bạch, không! Nếu tôi thấy người ấy từ xa đi đến thì tôi phải đứng dậy, cung kính hỏi han và mời ngồi. -Đại vương nghĩ thế nào? Đó chẳng phải là quả báo hiện tại của Sa-môn ư? Vua đáp: Đúng như vậy, đó là quả báo hiện tại của Sa-môn! Lại nữa, này Đại vương, Như Lai, Chí Chân, Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có người theo giáo pháp của Ta cho đến đạt được Tam minh, diệt các si ám, sanh khởi cái minh của đại trí, được gọi là chứng Lậu tận trí. Vì sao? Đó là do tinh cần, chuyên niệm không quên, thích độc cư nhàn tinh, không phóng dật mà được như thế. Đại vương nghĩ thế nào? Đó không phải là quả báo hiện tại của Sa-môn chăng? Vua đáp: Đúng thế, bạch Thế Tôn! Đấy là quả báo trong hiện tại của Sa-môn. Bấy giờ, Vua A-xà-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật và bạch: Kính mong Thê Tôn, nhận sự sám hôi tội lôi của con! Con đã cuông, ngu, si ám, vô thức. Cha của con là Vua Bình-sa, nước Ma-kiệt-đà dùng pháp để cai tri và giáo hóa, không có bất công, thiên lệch. Thế mà con lại mê đắm ngũ dục, làm hại phụ vương. Kính xin Thế Tôn tỏ lòng từ bi, thương xót mà nhận sự sám hối tội loi của con! Đức Phật dạy: Ông ngu ám, vô thức nhưng đã tự sám hối tội lỗi. Ông say mê ngũ dục mà hại phụ vương, nay biết sám hối trong pháp Hiền thánh thì đã được lợi ích. Ta thương xót nên nhận lời sám hối tội lỗi của ông. Bấy giờ, Vua A-xà-thế sau khi đảnh lễ dưới chân Phật, vẫn ngồi một bên Ngài. Đức Phật thuyết pháp, chỉ bày khiến được lợi ích, vui mừng. Vua nghe Phật dạy xong, liền bạch: - Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin được làm vi ưu-bà-tắc trong Chánh pháp! Từ nay ve sau, cho đen khi mạng chung, con không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Kính xin đức Thế Tôn và đại chúng chứng minh và nhận lời thỉnh cầu của con! Đức Phật im lặng nhận lời. Bấy giờ nhà vua thấy Phật im lặng nhận lời, nhà vua đứng dậy lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi trở về. Vua ra đi chẳng bao lâu, đức Phật bảo với các Tỳ-kheo:

Vị Vua A-xà-thế này, tội lỗi đã được giảm bớt, không còn nặng như "r r r : # ý trước. Nêu Vua A-xà-thê không giêt cha thì ngay tại chô này đã đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Nay vua tự sám hối tội lỗi, tội lỗi đã giảm bớt, không còn nặng như trước. Bấy giờ, Vua A-xà-thế đang đi giữa đường, bảo với Thọ Mạng đồng tử: Lành thay, lành thay! Nay ông đem lại cho ta thật nhiêu lợi ích. Trước đây ông đã nói Như Lai chỉ dạy, khai mở tâm ta; sau đó, đưa ta đến Thế Tôn và ta được khai ngộ, ta biết ân ông sâu xa, trọn đời không quên. Khi trở vê cung, vua sửa soạn đủ thức ăn, thức uông. Sáng hôm sau đên báo với đức Phật là đã đến lúc. Bấy giờ, đức Phật đắp y, mang bát cùng với đông đủ

một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đến cung vua, vào ngồi chỗ đã được soạn sẵn. Nhà vua tự tay mang các thức ăn, thức uống cúng dường đức Phật và chư Tăng. Khi đức Phật và chư Tăng thọ trai, cất bát, rửa tay xong, nhà vua đảnh lễ dưới chân đức Phật và bạch: Con nay xin ba lần sám hối! Con đã cuồng dại, ngu tối, không biết. Cha con là Vua Bình-sa, nước Ma-kiệt-đà dùng pháp để cai trị, giáo hóa dân chúng, không thiên lệch, không bất công. Thế mà con mê say ngũ dục, làm hại vua cha. Kính xin Thế Tôn từ bi thương xót nhận lời sám hối tội lỗi của con! Đức Phật dạy: Ông ngu tối, không biết, mê say ngũ dục mà hại phụ thân, nay biết sám hối trong pháp Hiền thánh, tức là được lợi ích. Nay Ta thương xót ông mà nhận sự sám hôi tội lôi của ông. Khi lễ dưới chân đức Phật xong, nhà vua đặt một chỗ ngồi nhỏ mà ngồi trước đức Thê Tôn. Đức Phật thuyêt pháp, chỉ bày cho vua được lợi ích, an vui. Nghe đức Phật dạy xong, vua lại bạch: - Con nay xin bạch ba lần quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, mong được làm vi ưu-bà-tắc trong Chánh pháp! Từ nay về sau

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo, tru tại vườn ông cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, vào một sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, mang bát, đi vào thành Xá-vệ để khất thực. Thế Tôn tự nghĩ: "Hôm nay còn sớm để khất thực, Ta nên đến thăm khu rừng của ông Phạm chí Bố-tra-bà-lâu. Đúng giờ hãy đi khất thực.“ Đức Thế Tôn liền đến khu rừng ông Phạm chí. Khi ông Phạm chí Bố-tra- bà-lâu thấy đức Phật từ xa đi đến, liền đứng dậy chào đón và nói: Quý hóa thay! Sa-môn Cù-đàm đã lâu ngày không đến đây, nay nhân việc gì mà Ngài chiếu cố đến đây? Vậy xin mời Ngài ngồi! Khi ây, đức The Tôn liên đen cho ngoi va noi vơi Bô-tra-bà-lâu: Các ông nhóm họp lại đây để làm gì? Đe bàn luận việc gì?

Phạm chí thưa: Bạch Thế Tôn, hôm qua có nhiều vị Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn họp tại Bà-la-môn đường này, bàn luận và đang trái nghịch nhau. Thưa đức Cù-đàm, có Phạm chí bảo rằng: "Người ta không do nhân, không do duyên rồi khởi sanh tưởng; không do nhân, không do duyên mà có sự đoạn diệt của tưởng; tưởng có đi có đến; đến là tưởng sanh, đi là tưởng diet." Thưa đức Cù-đàm9 có Phạm chí bảo rằng: “Do mạng mà có sự sanh khởi của tưởng, do mạng mà có sự đoạn diệt của tưởng. Tưởng ây có đi có đên; đên thì tưởng sanh, đi thì tưởng diệt.,, Thưa đức Cùdàm, có Phạm chí bảo rằng: "N6i như thế thì không đúng. Có các vi đại quỷ thần có đại oai lực; các vị này mang tưởng di, các vi này mang tưởng đến. Khi các vi ấy mang txrởng đi thì tưởng diệt; khi các vi ấy mang tưởng đến thì tưởng sanh." Chúng tôi, nhân đó mà suy nghĩ. Nghĩ rằng, đức Cù-đàm chắc biết nghĩa này, có thể biết rõ tưởng, biết rõ diệt định. Đức Phật nói với Phạm chí: Các luận giải ấy đều có chỗ sai lầm. Bảo rằng: "Không có nhân không có duyên mà có sự sanh khởi của tưởng, không có nhân không có duyên mà có sự đoạn diệt của tưởng; tưởng có đi có đến; đến thì tưởng sanh, đi thì tưởng diet." Hoặc bảo rằng: “Do có mạng mà tưởng sanh khởi, do có mạng mà tưởng đoạn diệt; tưởng có đi có đến; đến thì tưởng sanh; đi thì tưởng diệt.,, Hoặc bảo rằng: "Không phải như vậy, có vị đại quỷ thần mang tưởng đến, mang tưởng đi; mang

đến thì tưởng sanh; mang đi thì tưởng diet." Bảo như vậy đều có chỗ không đúng. Này Phạm chí, có nhân có duyên mà tưởng sanh, có nhân có duyên mà tưởng diệt. Như Lai xuất hiện ở đời là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Nêu có người ở trong Chánh pháp xuất gia tu đạo, cho đên diệt được năm triền cái, ngăn che tâm, trừ bỏ các pháp dục, ác, bất thiện, có giác, có quán, đạt được sự hỷ lạc do ly dục sanh, nhập Sơ thiền. Diệt dục tưởng trước rồi sanh hỷ5 lạc tưởng. Này Phạm chí, do đó mà biết được rằng: "Do có nhân có duyên mà tưởng sanh khởi, do có nhân có duyên mà tưởng đoạn diet.” Diệt giác, diệt quán nội hỷ nhất tâm, không giác, không quán, đạt được hỷ lạc do đinh sanh, nhập Nhị thiền. Này Phạm chí, cái tưởng cũ của Sơ thiền diệt thì cái tưởng của Nhị thiên sanh. Do đó mà biêt được răng: “Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh." Xả bỏ hỷ, tu tập hộ, chuyên niệm nhất tâm, tự biêt sự an lạc của thân mà các Hiên thánh mong câu, giữ niệm thanh tịnh, nhập Tam thiền. Này Phạm chí, cái tưởng Nhi thiền diệt thì cái tưởng của Tam thiền sanh. Do đó mà biết được rằng: "Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh.” Xả bỏ khổ, xả bỏ lạc, diệt trừ ưu, hỷ trước, hộ niệm thanh tịnh, nhập Tứ thiền. Này Phạm chí, cái tưởng của Tam thiền diệt thì cái tưởng của Tứ thiền sanh. Do đó biết rằng: “Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh.” Xả bỏ hết thảy sắc tưởng, diệt trừ nóng giận, không nghĩ đến dị tưởng, nhập vào Không xứ. Này Phạm chí, khi hết thảy sắc tưởng diệt thì Không xứ tưởng sanh. Do đó biết rằng: “Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh.,, Vượt hết thảy Không xứ, nhập Thức xứ. Này Phạm chí, khi Không xứ tưởng diệt thì Thức xứ tưởng sanh. Do đó biết rằng: "Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh." Vượt hết thảy Thức xứ, nhập vào Bất dụng xứ. Này Phạm chí, khi Thức xứ tưởng diệt thì Bất dụng xứ tưởng sanh. Do đó biết rằng: "Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh." Trừ bỏ Bất dụng xứ mà nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ. Này Phạm chí, khi Bất dụng xứ tưởng diệt thì Hữu tưởng vô tưởng xứ tưởng sanh. Do đó biết rằng: "Do nhân do duyên mà tưởng diệt, do nhân do duyên mà tưởng sanh.” Xả bỏ Hữu tưởng vô tưởng, nhập Tưởng tri diệt định. Này Phạm chí, khi Hữu tưởng vô tưởng xứ tưởng diệt thì nhập Tưởng tri diệt đinh. Do đó biêt răng: "Do nhân do duyên mà tưởng sanh, do nhân do duyên mà tưởng diet.” Vị ây được tưởng này xong thì nghĩ răng: "Hữu niệm thì xấu, vô niệm là Khi vị ấy nghĩ như thế, cái tưởng vi diệu của vi ấy không diệt mà cái tưởng thô tháp lại sanh ra. Vị ấy lại nghĩ: "Nay ta chớ nên để cho niệm hiện hành, chớ khởi tư duy." Khi vị ấy không để cho niệm hiện hành, không khởi tư duy, cái tưởng vi diệu đoạn diệt và tưởng thô tháp không sanh khởi. Khi vị ây không đê cho niệm hiện hành, không khởi tư duy thì các tưởng vi diệu đoạn diệt, các tưởng thô tháp không phát sanh, vị ấy liền nhập vào Tưởng tri diệt đinh. Thế nào Phạm chí? Ông từ xưa đến nay, có từng nghe cái nhân duyên diệt tưởng theo thứ tự này chưa?

bảo con người này là ngã. Này Phạm chí, hãy khoan nói cái ngã ấy, hãy nói đến sự sanh khởi cái tưởng của con người và sự đoạn diệt cái tưởng của con người! Phạm chí bạch: -Tôi không bảo con người là ngã, tôi bảo cõi Dục là ngã. Đức Phật dạy: Hãy khoan nói cõi Dục là ngã mà hãy nói đến sự sanh khởi tưởng của con người và sự đoạn diệt tưởng

của con người! Phạm chí thưa: -Tôi không nói con người là ngã mà tôi nói cối sắc là ngã. Đức Phật dạy: Hãy khoan nói cõi sắc là ngã mà hãy nói đến sự sanh khởi tưởng của con người và sự đoạn diệt tưởng của con người! Phạm chí nói: Tôi không bảo con người là ngã mà bảo cõi Vô sắc, Không Xứ, Thức Xứ, Bất Dụng Xứ, Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ là ngã. Đức Phật dạy: Hãy khoan nói đến cõi Vô sắc, Không Xứ, Thức Xứ, Bất Dụng Xứ, Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ là ngã mà hãy nói đến sự sanh khởi tưởng của con người, và sự đoạn diệt tưởng của con người! Phạm chí bạch Phật: ĩ 9 e x

Thê nào, thưa đức Cù-đàm, tôi có thê biêt được sự sanh khởi tưởng của con người, và sự đoạn diệt tưởng của con người chăng? Đức Phật dạy: - Này Phạm chí, ông muốn biết sự sanh khởi tưởng của con người và sự đoạn diệt tưởng của con người, thật là khó lắm, khó lắm! Vì sao vậy? Đó là vì ông có kiến giải khác, có tu tập khác, có nhẫn nhục khác, có sự nương tựa khác, có giáo pháp khác. Phạm chí bạch đức Phật: Đúng như thể, thưa đức Cù-đàm! Vì tôi có kiến giải khác, có tu tập khác, có nhân nhục khác, có sự nương tựa khác, có giáo pháp khác, nên muôn biêt sự sanh khởi tưởng của con người, sự đoạn diệt tưởng của con người, thật là quá khó, quá khó! Tại sao? Vì ngã và thê gian là thường còn, chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đêu sai lâm. Ngã và thê gian là vô thường, chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đêu sai lâm. Ngã và thê gian là thường còn, là vô thường, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm. Ngã và thế gian không phải là thường, cũng không phải là vô thường, chỉ điêu này là đúng, ngoài ra đêu sai lâm. Ngã và thế gian là hữu biên, chỉ điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm. Ngã và thế

nhan." Vì sao ngài lại chấp nhận lời ấy? Chúng tôi không chấp nhận điều mà Sa-môn Cù-đàm nói là đúng. Bố-tra-bà-lâu đáp các Phạm chí ấy: Sa-môn Cù-đàm bảo: “Nga và thế gian là thường,... (cho đến), Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt; điều ấy không phù hợp với ý nghĩa, cho nên ta không chấp nhận.99 Ta cũng không chấp nhận lời ấy của Cù-đàm. Như Sa-môn Cù-đàm trú vào pháp, dựa vào pháp, lay pháp mà nói, lấy pháp mà xuất ly, ta làm sao mà phản bác lời nói trí tuệ ấy được. Lời nói pháp vi diệu của Sa-môn Cù-đàm là không thể phản bác được. Một lần khác, Bố-tra-bà-lâu cùng với Tượng Thủ Xá-lợi-phất đến chỗ đức Phật, thăm hỏi xong, ngồi qua một bên, còn Tượng Thủ Xá-lợi-phất lễ đức Phật xong rồi ngồi xuống. Phạm chí bạch đức Phật: Trước đây, lúc đức Phật ở tại nhà con ra đi không bao lâu, sau đó? các Phạm chí khác đã nói với con: “Tại sao ngài nghe lời Sa-môn Cù-đàm và bảo là Sa-môn Cù-đàm nói đúng: 'Ngã và thế gian là thường,... (cho đến), Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt; điều ấy không hợp với nghĩa nên không thể chấp nhận.9 Vì sao ngài chấp nhận lời nói đó? Chúng tôi không châp nhận những điêu Sa-môn Cù-đàm nói như the." Con liên nói với họ rằng: "Sa-môn Cù-đàm nói: 'Ngã và thế gian là thường,... (cho đến), Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt. Vì điều ấy không hợp với nghĩa cho nên Như Lai không châp nhận/ Ta cũng không châp nhận lời nói này. Nhưng vì Sa-môn Cù-đàm y cứ pháp, tru vào pháp, dùng pháp mà nói, dùng pháp mà xuât ly. Ta làm sao mà phản bác lời nói trí tuệ ây được? Lời nói pháp vi diệu của Sa-môn Cù-đàm là không thể phản bác được.^^ Đức Phật bảo

Phạm chí: Các Phạm chí kia nói: "Tại sao ngài nghe lời Sa-môn Cù-đàm và bảo là Sa-môn Cù-đàm nói dúng." Lời nói đó không đúng. Vì sao? Vì những điều Ta nói, có điêu được chập nhận dứt khoát, có điêu không được chập nhận dứt khoát. Thế nào gọi là điều không được chấp nhận dứt khoát? Đó là “Ngỗi và thế gian là thường,... (cho đến), Như Lai không phải đoạn diệt cũng không phải không đoạn diet?9 Ta cũng nói lời ấy nhưng không chấp nhận dứt khoát. Sở dĩ như vậy là vì điều đó không hợp với nghĩa, không hợp với pháp, không phải là gốc đầu của Phạm hạnh, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Niết-bàn, cho nên, này Phạm chí, Ta tuy nói lời ấy nhưng không chấp nhận dứt khoát. Thế nào gọi là chấp nhận dứt khoát? Ta chấp nhận khổ dế, tập qế, diệt đế và đạo đế. Vì sao? Vì điều này hợp với pháp, hợp với nghĩa, là gốc đầu của Phạm hạnh, là vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn5 Niết- bàn. Vì thế, Ta bảo là chấp nhận dứt khoát. Này Phạm chí, hoặc có Sa-môn9 Bà-la-môn bảo rang: "C6 một cõi hoàn toàn an lạc."

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU 363

Ta bảo với họ: "Các ông quả quyết rằng: 'Có một cõi hoàn toàn an l@c'” ư? Họ đáp: "Búng thế!” Ta lại hỏi: "Các ông có biết, có thấy một cõi hoàn toàn an lạc không?95 "Thua không biết, không thấy!" "Các ông đã từng thấy cõi chư thiên hoàn toàn an lạc chua?" "Thua không biết, không thấy!" "Các ông đã từng cùng ngồi, đứng, nói chuyện, tinh tấn, tu định với chư thiên ở cõi ấy chưa?,^ “Thua Eua!”

"Chu thiên hoàn toàn an lạc ở cõi ây, đã từng đên nói với các ông răng: 'Hành vi của các ông là ngay thang, chân thật nên sẽ sanh vào cõi trời hoàn toàn an lạc ấy. Vì hành vi của ta là ngay thẳng, chân thật nên ta sanh vào cõi ấy mà cùng vui với chư thiên ở đó9 chng?” “Thua chưa từng!,, "Các ông có thể khởi tâm biến hóa, tự thân thoát ra thân tứ đại khác mà thân thể đầy đủ, các căn không thiếu sót chng?" "Thưa không the!" Này Phạm chí, lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy có thành thật, có phù hợp với pháp không? Phạm chí bạch đức Phật: - Lời nói ấy không thành thật, là lời nói phi pháp. Đức Phật bảo Phạm chí: -Như có người bảo: "Tôi tư thông với người phụ nữ đoan chánh ấy" rồi ca ngợi người phụ nữ ấy. Những người khác hỏi: "Ong biết người phụ nữ ấy không? Cô ta ở chỗ nào, ở phương Đông hay phương Tây, phương Nam, phương Bắc?^ "Không biết! “ "Ông có biết cô ấy ở địa phương nào, ở thành ấp, thôn, xóm nào kh6ng?” "Không biết!" "Ông có biết cha mẹ cô ấy và họ tên cô ấy khong?59 "Không biết!” "Ong có biết cô ấy là con gái thuộc dòng Sát-đế-lợi hay con gái thuộc dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủdla?" "Không biết!,, "Ông có biết cô ấy cao hay thấp, mập hay ốm, đen hay trắng, đẹp

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂƯ 365

Đức Phật dạy Tượng Thủ Xá-lợi-phất: Nêu có thân người gôm tứ đại, các căn ở cõi Dục thì đông thời cũng có thân người gôm tứ đại các căn ở cõi Dục, thân ở cõi phi Dục, thân ở cõi Sac, thân ởcõi ñiong Xu, Thức Xứ, Vô Sơ Hữu Xứ, Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ. Như vậy cho đến ngay lúc có thân ở cõi Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ đồng thời có thân ở cõi

Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ nhưng không có thân người gồm tứ đại, các căn ở cõi Dục và không có thân ở cõi Dục, thân ở cõi sắc, thân ở cõi Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ. Này Tượng Thủ, ví như sữa bò, sữa biến thành lạc, lạc biến thành sanh tô, sanh tô biến thành thục tô, thục tô biến thành đề hồ

Đức Phật dạy: Này Tượng Thủ, ở đây cũng như thế, khi có thân người gồm tứ đại, các căn ở cõi Dục ứìi không có thân ở cõi Dục... thân ở cõi Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ. Cứ như thế mà suy ra cho đến khi có thân ở cõi Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ thì không có thân người gồm tứ đại, các căn ở cõi Dục và không có thân ở cõi Dục... thân ở cõi Vô Sở Hữu Xứ. Tượng Thủ bạch đức Phật: -Bạch đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con xin được làm vị ưu-bà-tăc trong Chánh pháp. Từ nay vê sau cho đên khi mạng chung, con nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Lúc bấy giờ, Phạm chí Bố-tra-bà-lâu bạch đức Phật: Con có được ở trong Phật pháp xuất gia, thọ giới không?

Đức Phật dạy Phạm chí: Nếu có kẻ di học muốn xuất gia, tu hành trong giáo pháp của Ta, trước hết phải trải qua bốn tháng, được Tăng chúng xem xét, thấy hợp ý, vị ấy mới được xuất gia thọ giới. Tuy có phép tăc như vậy nhưng cũng tùy người mà xét. Phạm chí bạch đức Phật: Những người di học, muốn xuất gia, thọ giới trong Phật pháp, trước hết phải trải qua bốn tháng, được Tăng chúng xem xét, thấy hợp ý, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Như con hiện nay, con cũng có thể trải qua bốn năm, được Tăng chúng xem xét, thây hợp ý, sau đó mới mong được xuất gia, thọ giới. Đức Phật bảo Phạm chí: Tuy có phép tắc như vậy nhưng cũng tùy người mà xét. Bấy giờ, Phạm chí ấy liền được xuất gia, thọ giới trong Chánh pháp. Như thế, không bao lâu, do có lòng tin kiên cố, tinh tu Phạm hạnh, Phạm chí ấy ở trong Chánh pháp tự thân chứng ngộ, sanh tử đã dứt, việc cần làm đã hoàn tất, không còn đời sau, thành bậc A-la-hán. Bấy giờ, Bố-tra-bà-lâu nghe lời đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

29. KINH LO-GIA A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vi đại Tỳ- kheo, đang du hành trong nhân gian tại nước Cau-tat-la, đến phía Bắc thôn Bà- la-môn Bà-la-bà-đề và dừng chân tại rừng Thi-xá-bà. Lúc ấy, có Bà-la-môn tên Lộ-già đang ở trong rừng ta-la. Thôn này dân cư đông đúc, giàu sang và phúc lạc, do Vua Ba-tư-nặc phong cho Bà-la-môn này để lo phần cúng tế Phạm thiên. Bà-la-môn này từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy. Ong là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà và có thê hiêu rõ các loại kinh sách khác, lại rất giỏi về phép xem tướng bậc đại nhân, đoán điều lành dữ và thông thạo các nghi lễ tế tự. Ong nghe: "Sam6n Cù-đàm là con dòng họ Thích đã xuất gia thành đạo, hiện nay ở nước Câu-tát-la, đang du hành trong nhân gian và đến rừng Thi-xá- bà, Ngài rát có tiêng tăm, được đôn đãi kháp thiên hạ, Ngài là đang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác đầy đủ mười hiệu, Ngài đã tự chứng ngộ giữa hàng chư thiên, nhân, ma hoặc thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, còn vì họ mà thuyết pháp, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều hoàn thiện, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh; đối với bậc Chân Nhân như thế, phải nên đến yết kiến. r 9 ỉ Vậy nay, chúng ta nên đên đó đê ra mát Ngài." Bấy

giờ, Bà-la-môn liền ra khỏi thôn, đến rừng Thi-xá-bà9 nơi đức Phật đang ngự. Sau khi thăm hỏi xong bèn ngồi một bên. Khi ấy, đức Phật thuyết pháp, trình bày những điều lợi ích vui mừng cho ông. Bà-la-môn này, sau khi nghe pháp xong bèn bạch đức Phật: —Cúi mong đức Thế Tôn và đại chúng chấp nhận lời mời của con sáng mai đến nhà con thọ trai. Lúc đó, đức Thế Tôn im lăng nhận lời. Bà-la-môn ấy nhận thấy đức Phật im lặng, biêt răng đức Phật đã châp nhận, liên từ chô ngôi đứng dậy, đi quanh đức Phật ba vòng và ra vê. Khi ra vê cách đức Phật không xa, ông bèn khởi ác kiên và nói răng: "Các Sa-môn9 Bà-la-môn biêt nhiêu thiện pháp, được nhiêu sự thành tựu nhimg không nên nói cho người khác, chỉ tự mình biết, chớ nên nói cho người khác. Ví như người đã phá ngục cũ rồi lại tạo thêm ngục mới; đây là pháp tham ác, bất thiện.

Sau khi Bà-la-môn ấy trở về thôn Bà-la, nội trong đêm đó sửa soạn các thức ăn uống thượng vị. Khi đến giờ, Bà-la-môn bèn bảo người thợ hớt tóc: "Ngươi hãy thay lời ta đên rừng Thi-xá-bà, thưa với Sa-môn Cù-đàm răng: 'Bạch đức Thế Tôn đã đến giờ thọ trai, kính báo tin cho Ngài Người thợ hớt tóc vâng lời, đi đến chỗ Phật ngự, đảnh lễ dưới chân Ngài và thưa: Bạch đức Thế Tôn, đã đến giờ thọ trai, xin báo tin Ngài rõ! Lúc đó, đức Thế Tôn liền mặc y, mang bát cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vi đại đệ tử đến rừng ta-la. Người thợ hớt tóc theo hầu đức Thế Tôn, trịch áo vai hữu để lộ cánh tay phải, quỳ xuống, vòng tay, bạch đức Phật: Khi Bà-la-môn Lộ-già, đi về cách đức Phật không xa, bèn sanh ác kiến như sau: "Các Sa-môn, Bà-la-môn biêt nhiêu thiện pháp, được nhiêu sự thành tựu nhưng không nên nói cho ai biết, chỉ tự mình biết, chớ nói cho người khác. Ví như có người đã phá ngục cũ rồi, lại tạo ngục mới; đây là pháp tham ác, bất thiện. Cúi xin đức Thế Tôn hãy diệt trừ ác kiến ấy cho ông ta!" Đức Phật bảo người thợ hớt tóc: - Đó chỉ là một việc nhỏ, dễ khai hóa. Khi đức Thế Tôn đến nhà Bà-la-môn ấy, Ngài đi đến chỗ ngồi mà ngồi. Khi đó, Bà-la-môn lấy các thức ăn, thịnh soạn tự tay bưng sớt, cúng dường đức Phật và chúng Tăng. Sau khi đức Phật thọ trai, cất bát, rửa tay xong, ông ta đặt một chô ngôi nhỏ, ngôi ở trước đức Phật. Đức Phật bảo Lộ-già: Hôm qua, ông đi về cách Ta không xa, liền sanh ác kiến như sau: “Các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, được nhiều sự thành tựu nhưng không nên nói cho người khác,... là pháp tham ác, bất thiên." Có thật như vậy chăng? Lộ-già đáp: - Vâng, thật có như the! Đức Phật bảo Lộ-già: Ông không nên sanh ác kiến ấy, vì sao? ở đời có ba hạng thầy đáng chê trách. Thế nào là ba? Hạng thứ nhất là cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong pháp hiện tại, đúng ra là có thể diệt

phiền não, có thể đạt được pháp thù thắng của bậc Thượng nhân. Nhimg ở trong pháp hiện tại, lại không thê trừ được phiên não, không đạt được pháp thù thăng của bậc Thượng nhân, đạo nghiệp của mình chưa được thành tựu mà lại vì đệ tử nói pháp, khiến cho đệ tử không cung kính, không hầu hạ, không cúng dường, chỉ nương tựa và sống chung mà th6i." Này Lộ-già, cũng như người phá ngục cũ rồi lại tạo thêm ngục mới. Đây gọi là pháp tham ác, bất thiện. Đó là hạng thầy thứ nhất đáng chê trách. Đó là Hiền thánh giới, luật giới, nghi giới và thời giới. Đức Phật lại bảo Lộ-già: Này Lộ-già,

hạng thầy thứ hai là cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo ở trong pháp hiện tại, đúng ra là có thể trừ được phiền não, có thể tăng trưởng sự lợi ích, đạt được pháp thượng nhân. Nhưng vị ấy ở trong pháp hiện tại, lại không thể diệt trừ phiền não, tuy có đạt được một ít pháp thù thắng của bậc Thượng nhân nhimg đạo nghiệp của mình chưa thành mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử của vị ấy không cung kính, không hầu hạ, chỉ còn nương tựa và sống chung mà thôi. Này Lộ-già5 các đệ tử đó nói với thầy như sau: "Nay thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo ở trong pháp hiện tại, đúng ra là có thể diệt trừ được các phiền não, đạt được pháp của bậc Thượng nhân nhưng nay ở trong pháp hiện tại lại không thê diệt trừ các phiên não, tuy có đạt được ít nhiêu pháp của bậc Thượng nhân nhimg việc lợi mình chưa hoàn bị mà lại vì đệ tử nói pháp, khiến cho các đệ tử không cung kính, không hầu hạ, không cúng dường, chỉ nương tựa và sống chung mà th6i." Này Lộ-già? cũng như người đi sau lưng người khác, lấy tay xoa lưng người ta. Đây gọi là pháp tham ác, bất thiện. Đó là hạng thầy thứ hai đáng chê trách. Đó là Hiền thánh giới, luật giới, nghi giới và thời giới. Này Lộ-già? hạng thầy thứ ba là cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong pháp hiện tại, đúng ra là có thể diệt trừ phiền não, có thể tăng trưởng sự lợi ích, đạt được pháp của bậc Thượng nhân nhưng lại không thể diệt trừ được phiền não, tuy có đạt được một ít pháp của bậc Thượng nhân nhimg việc lợi mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử của vi ấy lại cung kính, hâu hạ, nương tựa và sông chung. Này Lộ-già, đệ tử của vị ấy nói như sau: "Nay thầy đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong pháp hiện tại, đúng ra là có thể diệt trừ phiền não, đạt được ít nhiều pháp của bậc Thượng nhân nhưng nay ở trong pháp hiện tại lại không thể diệt trừ được phiền não, tuy có đạt được ít nhiều pháp của bậc Thượng nhân nhưng việc lợi mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử cung kính, hầu hạ, nương tựa và sống chung.” Này Lộ-già, ví như người từ bỏ việc cày cấy của mình, lại đi cày cấy đất người khác. Đó là pháp tham ác, nhơ bẩn. Đây là bậc thầy thứ ba đáng chê trách. Đó là Hiền thánh giới, luật giới, nghi giới và thời giới.

Tk T A T /\ • \ 9 > f-pl Ẩ rp /\ l _t A 9 J1 Á • y 1 [ji À l 1 A rpi*1 Á Này L0-gia, co mọt The Ton không ơ the gian va không the lay chuyên. The nào là một Thế Tôn? Như đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác chỉ xuất hiện ở the gian cho đen khi chứng Tam minh và dứt trừ được vô minh, phát sanh trí tuệ, sáng suốt, đồng thời loại trừ tối tăm và phóng ánh sáng, chứng được Lậu tận trí. Tại sao? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không quên và thích ở nơi thanh vắng mà được như thế. Này Lộ-già, đó là vị Thế Tôn duy nhất không ở thế gian và không bị lay chuyển. Này Lộ-già? có bốn Sa-môn quả. Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm? quả A-la-hán. Thê nào Lộ-già? Có người nghe pháp, đáng lẽ chứng được bốn quả Sa-môn này nhirng nếu có người ïiệăn như sau: "Không nên nói pháp cho người khac.^ Giả sử chấp nhận lời nói ây, người kia có được nghe pháp và chứng quả không? -Bạch, không được! Nếu người không được chứng quả, có được sanh thiên không? Bạch, không được! Ngăn không cho nói pháp, khiến không được chứng quả và không được sanh thiên, ấy là tâm thiện hay tâm bất thiện? Bạch, bất thiện! Người có tâm bát thiện đó sẽ sanh thiện thú hay đọa ác

đạo? Bạch, đọa ác đạo! Này Lộ-già, ví như có người nói với Vua Ba-tư-nặc rằng: "Quốc độ này là của Đại vương, những tài vật trong đó Đại vương hãy dùng hết, chớ cho kẻ khSc!" Thế nào Lộ-già? Nếu chấp nhận lời nói đó thì sẽ cắt đứt sự cung cấp cho người khác không? - Bạch, sẽ cắt đứt! Cắt đứt sự cung cấp cho người khác là tâm thiện hay bất thiện? Bạch, bất thiện! Người có tâm bất thiện sanh thiện thú hay đọa ác đạo? Bạch, đọa ác đạo! Này Lộ-già, họ cũng thế, nếu có người nghe pháp, đáng lẽ chứng được bốn quả Sa-môn nhưng nếu có người ngăn: "Không nên nói pháp cho người khác", nếu chấp nhận lời nói đó, người kia có được nghe pháp, có được chứng quả không? Bạch, không được! -Không chứng quả thì có được sanh thiên không? Bạch, không được! Ngăn người khác nói pháp, khiên không được đạo quả và không được sanh thiên. Đó là tâm thiện hay tâm bất thiện?

29. KINH LỘ-GIÀ 371

Bạch, bất thiện! -Người tâm bất thiện thì được sanh thiện thú hay đọa ác đạo? Bạch, đọa ác đạo! Này Lộ-già, nếu có người nói với ông như sau: "Này Lộ-già, những tài vật ở trong thôn Bà-la-bà-đề kia ông hãy tự dùng, không nên cho kẻ khác. Vật của mình đáng dùng thì cho người khác làm gi?" Lộ-già nghĩ thế nào? Lời nói đó nêu được chấp nhận thì có cat đứt sự cung cáp cho người khác không? Bạch, cắt đứt! -Bảo người cắt đứt sự cung cấp cho người khác là tâm thiện hay tâm bất thiện? -Bạch, bất thiện! Người có tâm bất thiện thì sanh thiện thú hay đọa ác đạo? -Bạch, đọa ác đạo! -Này Lộ-già? người ấy cũng như thế, người nghe pháp đáng lẽ chứng được bốn quả Sa-môn nhung nếu có người nói: "Chớ nên nói pháp cho người khác!,, Giả sử chấp nhận lời nói đó, người kia có nghe pháp, có chứng được quả Samôn không? Bạch, không chứng! Nếu không chứng quả, có được sanh thiên không? -Bạch, không! -Ngăn người khác nói pháp, khiến không chứng được quả, không được sanh thiên là tâm thiện hay tâm bất thiện? -Bạch, tâm bất thiện! Người có tâm bất thiện thì sanh thiện thú hay đọa ác đạo?

-Bạch, đọa ác đạo! Bấy giờ, Bà-la-môn Lộ-già bạch đức Phật: —Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin cho phép con được làm kẻ ưu-bà-tắc ở trong giáo pháp của Ngài! Từ nay vê sau, cho đên lúc mạng chung, con nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Đức Phật nói pháp xong, Bà-la-môn Lộ-già nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

30. KINH THẾ KÝ 1. PHẨM CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đêu trú tại động Câu-lọd, rừng Kỳ-đà? vườn Cáp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. * Sau khi thọ trai xong, các Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường và bàn luận như sau: "Này chư Hiền, thật là kỳ lạ, trời đất vì lý do gì mà hoại? Vì lý do gì mà thành? Quốc độ mà chúng sanh ở như thế nào?" Lúc đó, đức Phật đang ngự nơi thanh vắng, với thiên nhĩ thông suốt nghe câu chuyện mà các Tỳ-kheo đã tụ tập bàn luận ở trong giảng đường, sau khi thọ trai xong. Khi ấy, đức Thế Tôn rời khỏi động thanh vắng, đi đến giảng đường và ngồi tại dấy, dù đã biết nhimg Ngài vẫn hỏi: —Này các Tỳ-kheo,

nãy giờ các ông đã bàn luận việc gì? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch đức Thế Tôn, sau khi thọ trai xong, chúng con tập hợp tại giảng đường và bàn luận như sau: "Này chư Hiên, thật kỳ lạ, trời đất vì lý do gì mà hoại? Vì lý do gì mà thành? Quốc độ mà chúng sanh ở như thế no?" Chúng con tập hợp tại giảng đường mà bàn luận các vấn đề ấy. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hay lăm, hay lăm! Phàm người xuất gia phải nên thực hành hai việc: Một là im lặng như Hiền thánh, hai là giảng luận pháp ngữ. Các ông đã tập hợp tại giảng đường cũng nên im lặng như Hiền thánh hoặc là giảng luận các pháp ngữ. Này các Tỳ-kheo, các ông muốn nghe đức Như Lai trình bày về sự thành hoại của trời, đất và quôc độ, thành áp mà chúng sanh ở chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn, nay chính là hợp thời, chúng con muốn nghe và sau khi đức Phật dạy xong, chúng con sẽ phụng trì! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: r Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe! Hãy suy nghĩ và ghi nhớ, Ta sẽ nói cho các ông nghe!

374

30. KINH THẾ KÝ 375

các thứ báu. Cây bằng vàng, gốc bằng vàng, cành bằng vàng, hoa lá bằng bạc. Cây bằng bạc, gốc bằng bạc, cành bằng bạc, hoa lá bằng vàng. Cây bằng thủy tinh, gốc và cành bằng thủy tinh, hoa lá bang lưu ly. Cây bằng lưu ly, gốc và cành bằng liru ly, hoa lá bằng thủy tinh. Cây băng xích châu, góc và cành băng xích châu, hoa lá bằng mã não. Cây bằng mã não, gốc và cành bằng mã não, hoa lá băng xích châu. Cây băng xà cừ, góc và cành băng xà cừ, hoa lá băng các thứ báu. Bảy lớp tường, mỗi lớp tường đều có bốn cửa, mỗi cửa đều có lan can. Trên bảy lớp tườnẹ đều có lâu đài, nhà cửa bao bọc chung quanh, có cả vườn cây, nhà mát, ao tăm, có các thứ hoa báu, có các hàng cây quý, bông trái sum suê, gió thơm từ bốn phía làm cho mọi người khoan khoái và có các loài chim kỳ lạ như chim câu, nhạn, uyên ương, nhiều vô số kể, cùng hót líu lo. Con đường ở lưng chừng của núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do-tuần, hai bên đườnệ đều có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây,... vô sô loài chim cùng hót líu lo cũng như con đường ở dưới núi. Con đường trên cùng của núi rộng hai mươi do-tuân, hai bên đường đêu có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây,... vô số chim chóc ca hót líu lo cũng như ở con đường lưng chừng. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vê con đường dưới cùng thì có quỷ thân tên là Già-lâu-la-túc ở, con đường lưng chừng có quỷ than tên là Trì Man ở, con đường trên cùng có quỷ thần tên là Hỷ Lạc ở. Bốn chỗ nhô ra của núi chúa Tu-di cao bốn vạn hai ngàn do-tuần có cung điện của Tứ Đại Thiên Vương ở, gồm có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây, bảy lớp chuông báu,.. vô số loài chim ca hót líu lo. Cũng như thế, trên đỉnh núi Tu-di có cung trời Tam Thập Tam gồm có bảy lớp thành báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây,... vô số loài chim ca hót líu lo. Cũng như thế, qua khỏi cõi Tam Thập Tam thiên gấp đôi số do-tuần có cung trời Diệm-ma; qua khỏi cõi Diệm-ma gấp đôi số do-tuần có cung trời Đâu-suất; qua khỏi cung trời Đâu-suất gấp đôi số do-tuần có cung trời Hóa Tự Tại; qua khỏi cung trời Hóa Tự Tại gấp đôi số do-tuần có cung trời Tha Hóa Tự Tại; qua khỏi cung trời Tha Hóa Tự Tại gấp đôi số do- tuần có cung trời Phạm-ca-di. ở giữa cung trời Tha Hóa Tự Tại và cung trời Phạm-ca-di là cung Ma thiên

rộng sáu ngàn do-tuần được bao bọc bằng bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây,... vô số loài chim cùng ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Vượt qua khỏi cung trời Phạm-ca-di gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Quang Âm. Qua khỏi cung Quang Ảm gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Biến Tịnh. Qua khỏi cung Biến Tinh gấp đôi số do- tuần thì có cung trời Quả Thật. Qua khỏi cung trời Quả Thật gấp đoi số do-tuần thì có cung trời Vô Tưởng. Qua khỏi cung trời Vô Tưởng gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Vô Tạo. Qua khỏi cung trời Vô Tạo gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Vô Nhiệt. Qua khỏi cung trời Vô Nhiệt gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Thiện Kiến. Qua khỏi cung trời Thiện Kiến gấp đôi số do-tuần5 có cung

Thiện Kiến. Qua khỏi cung trời Đại Thi Kiến gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Sắc Cứu Cánh. Qua khỏi cung trời sắc Cứu Cánh là cõi trời Không Xứ Trí, cõi trời Thức Xứ Trí, cõi trời Vô Sở Hữu Xứ Trí, cõi trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí. Ngang đây là ranh giới của chúng sanh, là thế giới của chúng sanh. Tất cả chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, thọ nhận ấm thân, thọ nhận sự hiện hữu, cùng ở trong này5 không thể vượt ra ngoài. Phật bảo các Tỳ-kheo: -về phía Bắc núi Tu-di có thiên hạ tên uất-đơn-việt, châu này hình vuông, rộng

do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Khư-đà-la khoảng bốn vạn hai ngàn do- tuần, giữa hai núi này có các thứ hoa như iru-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi, có từng bụi tùng, trúc, tranh, lau sanh trưởng; các loại thảo mộc này phát ra các thứ hương, mùi hương phảng phất khắp nơi. Lại cách núi Y-sa-đà-la không xa có núi Thọ-cự-đà-la cao một vạn hai ngàn do-tuần, rộng một vạn hai ngàn do-tuần, bốn phía núi có các màu sắc chen nhau trải rộng do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Y-sa-đà-la khoảng hai vạn một ngàn do-tuần, khoảng giữa hai núi ấy có bốn thứ hoa hỗn hợp, từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng; các thảo mộc này phát ra đủ loại mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Thọ-cự-đà-la không xa có núi Thiện Kiến cao sáu ngàn do-tuần? rộng sáu ngàn do-tuần, bốn phía rộng rãi, có các màu sắc chen lẫn trải rộng, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Thọ-cự-đà-la một vạn hai ngàn do-tuần có bốn thứ tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng; các loại thảo mộc này phát ra đủ loại mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Thiện Kiến không xa có núi Mã Thực cao ba ngàn do-tuần5 rộng ba ngàn do-tuần, bốn phía núi có các màu sắc chen lẫn trải rộng, do bảy báu tạo thành. Cách núi Thiện Kiến khoảng sáu ngàn do-tuần, giữa hai núi này có các tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng, các loại thảo mộc này phát ra các mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Mã Thực không xa có núi tên Ni-dân-đà-la cao một ngàn hai trăm do-tuần5 rộng một ngàn hai trăm do-tuần, bốn phía rộng rãi có nhiều màu do bảy báu tạo thành; núi này cách núi Mã Thực ba ngàn do-tuần, giữa hai núi này lại có bốn loại tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng. Các loại thảo mộc này phát ra các thứ hương phảng phất khắp nơi. Lại cách núi Ni-dân-đà-la không xa có núi tên là Điều Phục cao sáu trăm do-tuần, rộng sáu trăm do-tuần5 bốn phía có các màu sắc do bảy báu tạo

thành. Núi này cách núi Ni-dân-đà-la khoảng một ngàn hai trăm do-tuần. ở giữa hai núi ấy có bốn thứ tạp hoa, từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng. Các loại thảo mộc này lại phát ra các mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Điều Phục không xa có núi Kim Cang Vi cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, bốn phía rộng rãi, nhiều màu chen lẫn do bảy báu tạo thành. Lại cách núi Điều Phục sáu trăm do-tuần, ở giữa hai núi này có bốn thứ tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng. Các loại thảo mộc này phát ra các mùi hương phảng phất khắp nơi. Lại cách núi Kim Cang Vi không xa có biển lớn. Bờ phía Bắc của biển nước này lại có một cây chúa lớn, tên Diêm-phù, thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa rộng năm mươi do-tuần, chung quanh là đất trống. Lại có rừng cây tên là Am-bà-la, rộng năm mươi do-tuân. Lại có rừng cây tên là Diêm-bà5 rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Ta-la, rộng năm

mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Đa-la5 rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi Nam, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi Nữ, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Nam Nữ, rộng năm mươi do- tuần. Lại có rừng cây tên là Tán-na, rộnẹ năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Khư-thù-la, rộng năm mươi do-tuân. Lại có rừng cây tên là Ba-nại-bà, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Tỳ-la, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Hương Nại, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vị Nại, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Am-thạch-lựu, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi Cam, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Ha-lê-lặc, rộng năm mươi do-tuân. Lại có rừng cây tên là Tỳ-lê-lặc, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây A-ma-lặc, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là A-ma-lê, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Nại, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Cam-giá, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Trúc, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Xá-la, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Xá-la-diệp? rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Đại Mộc Qua, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Giải Thoát Hóa, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Chiêm- bà, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Bà-la-la, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Tu-ma-na, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Bà-su, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Đa-la-lê, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Già-da, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Bồ Đào, rộng năm mươi do-tuần. Qua khỏi chỗ trống của vùng đất này, trong khoảng đất ướng có một ao hoa rộng năm mươi do-tuần. Lại có các ao như ao Bát-đâu-ma, ao Câu-vật-đầu9 ao Phân-đà-lợi, rộng năm mươi do-tuần, trong đó đay dẫy cả ran độc. Qua khỏi chỗ trống của vùng đất này, trong khoảng đất trống có biển lớn tên là uất-thiền-na. Dưới biển nước này có con đường của Chuyển Luân Thánh Vương rộng mười hai do-tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây bao vây chung quanh. Tất cả đều do bảy báu tạo thành, khi Chuyển Luân Thánh Vương của cõi piêm-phù-đề xuất hiện thì nước tự nhiên biến mất,

cao hai mươi do-tuần, chỗ nhô lên của Tuyết Sơn cao một trăm do-tuần5 trên đỉnh núi có ao A-nậu-đạt rộng năm mươi do-tuần, nước ao trong mát, phẳng lặng, không vẩn đục, có bảy lớp bờ lũy, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây đủ các màu sắc khác nhau, đều do bảy báu hợp thành, về lan can, lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não, lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu, lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Lưới bằng vàng chuông

xương tủy rất khổ não, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không bị hoạn nạn này. Hai là các Long cung trong toàn cõi Diêm-phù-đê đều bị gió dữ nôi lên trong cung thổi bay cả y phục trang sức, thân thể long vương hiện ra rất khổ sở, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không bi hoạn nạn này. Ba là khi các long vương trong cõi Diêm-phù-đề tụ họp trong Long cung, trong cung điện để cùng vui thú có chim Kim Si lớn bay vào cung, vồ lấy, hoặc chim này mới toan tìm cách ăn thịt, các long vương đã vô cùng sợ hãi, thường mang mối khổ não, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không có hoạn nạn này. Nếu chim Kim Si có ý niệm muốn ở lại thì các long vương phải chết, cho nên gọi là A-nậu-đạt. Phật bảo các Tỳ-kheo: Bên phải của núi Tuyết có thành Tỳ-xá-ly, phía Bắc thành này có bảy núi Đen, phía Bắc bảy núi Đen có núi Thơm, núi này thường có tiếng ca, tiếng nhạc. Núi đó có hai động: Một động tên là Trú, một động tên là Thiện Trú, do bảy báu của trời tạo thành, mem mại, trong sạch, thơm tho cũng như áo trời. Trong đó có vua càn-thát-bà tên là Diệu Am ở cùng với năm trăm càn-thát-bà. Phía Bắc động Thiện Trú có cay chúa Bà-la tên là Thiện Trụ và tám ngàn cây chúa khác bao quanh. Dưới gốc cây chúa Thiện Trụ có voi chúa cũng tên là Thiện Trụ, thân thể màu trắng, bảy chỗ đều bằng phẳnẹ với sức mạnh có thể bay được, trên đầu màu trắng, chân chen lẫn nhiêu màu sác, sáu ngà nhọn hoắt, kẽ răng được trám kín bằng vàng. Lại có tám ngàn voi con đi theo chung quanh. Dưới tám ngàn cây chúa ấy, lại có tám ngàn con voi khác cũng như trên. Phía Bắc cây chúa Thiện Trụ có một ao tắm lớn tên là Ma-đà-diên, rộng năm mươi do-tuần và có tám ngàn ao tắm phụ, bao bọc chung quanh trong mát, không dơ bẩn, có hào bảy báu bao bọc chung quanh ao, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp cây đều do bảy báu tạo thành. Lan can bang vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tay vịn băng thủy tinh, lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não, lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu, lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Dưới màn lưới băng vàng thì treo chuông bằng bạc, dưới màn lưới bằng bạc thì treo chuông bằng vàng, dưới màn lưới băng thủy tinh thì treo chuông băng lưu ly, dưới màn lưới băng lưu ly thì treo chuông bằng thủy tinh, dưới màn lưới bằng xích châu thì treo chuông bằng mã não, dưới màn lưới bằng mã não thì treo chuông bằng xích châu, dưới màn lưới bằng xà cừ thì treo chuông bằng các thứ báu. Cây bằng vàng thì gốc bang vàng, nhánh bằng vàng, lá bằng bạc, hoa bang bạc. Cây bang bạc thì gốc

bang bạc, nhánh bang bạc, lá, hoa, trái bằng vàng. Cây bang thủy tinh thi gốc và cành bằng thủy tinh, lá, hoa, trái băng lưu ly. Cây băng lưu ly thì gốc và nhánh băng Imi ly, 19, hoa và trái bằng thủy tinh. Cây bãïiậ xích châu thì gốc và nhánh bằng xích châu, lá, hoa và trái bằng mã não. Cây băng mã não thì gốc và nhánh bằng mã não, hoa và trái bằng xích châu. Cây băng xà cừ thì gốc và nhánh bằng xà cừ, hoa và trái bang các thứ báu.

30. KINH THẾ KÝ 381

Lại nữa, dưới đáy ao có trải cát vàng, chung quanh hồ có đường bằng bảy báu. Nên đường băng vàng thì bậc thêm băng bạc, nên băng bạc thì bậc thêm băng vàng, nên đường băng thủy tinh thì bậc thêm băng lưu ly, nên băng lưu ly thì bậc thềm bằng thủy tinh, nền bằng xích châu thì bậc thềm bằng mã não, nền bằng mã não thì bậc thềm bằng xích châu, nền bằng xà cừ thì bậc thềm bằng các thứ báu. Hai bên đường đều có lan can báu. Lại nữa, trong ao có bốn thứ hoa xanh, vàng, đỏ, trắng màu sắc chen lẫn nhau. Hoa lớn như bánh xe, cọng hoa to như trục xe. Cọng hoa tiết ra một loại nước màu trăng như sữa, vị ngọt như mật. Chung quanh bôn mặt ao đêu có nhà mát, rừng cây, ao tăm, có các thứ hoa, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, có nhiều loài chim cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Khi voi chúa Thiện Trụ muốn dạo chơi hoặc vào hồ tắm, lièàãÝà?QáàpĐKxàVãàVựìà?

382 KINH TRƯỜNG A-HÀM

2. PHẨM UÁT-ĐƠN-VIỆT

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -về châu uất-đơn-việt có rất nhiều núi non, bên cạnh những núi này có nhiều nhà mát, ao tắm, đồng thời có các thứ hoa chen lẫn nhau, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, lại có vô số chim chóc cùng hòa ca. Trong những hòn núi ấy, có rất nhiều dòng nước chảy êm đềm, không có chảy xiết, đồng thời có rất nhiều hoa nổi bồng bềnh trên mặt nước và từ từ di động. Hai bên bờ suối hẹp có nhiều cây cối, nhành cây mềm mại, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn, xoay tròn về phía hữu, màu xanh như lông chim khổng tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời. Đất đai mềm mại dùng chân mà Ẹiẫm trên đất thì đất lún bốn tấc nhưng khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng như cũ, giống như lòng bàn tay không có cao thấp. Này các Tỳ-kheo, về châu uất-đơn-việt, bốn hướng đều có bốn ao A-nậu- đạt9 mỗi ao rộng trăm do-tuần5 nước ao trong vắt, không cáu bẩn, lại có bảy lớp hào báu xây thành chung quanh,... có vô so loài chim cùng ca hót líu lo, nếu so với sự trang trí của ao Ma-đà-diên thì khônẹ hơn không kém. Bốn ao lớn kia đều phát ra bốn sông lớn, rộnệ mười do-tuần, nước chảy êm đềm, không có chảy mạnh, có rát nhiêu hoa nôi trên mặt nước, từ từ di động. Hai bên bờ sông có nhiều cây cối, cành lá mềm mại, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn và xoay chiêu vê phía hữu, màu xanh như lông chim không tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời. Đất đai mềm mại, khi dùng chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc nhimg khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng như cũ? giống như lòng bàn tay không có cao thấp. Đất đai ở đó không có hào rãnh, hầm hố, gai góc, không có muỗi mòng, rắn rết, bò cạp, hổ lang, ác thú... Đất đai toàn là

các thứ báu, không có cát đá, âm dương nhịp nhàng, bốn mùa hòa thuận, không nóng không lạnh, không có những điều lo sợ? đất đai nhuận trạch, không có bụi bóc lên, như đát đá có tráng dâu thì bụi bặm không thê bóc lên được. Có trăm loài hoa sanh trưởng, không có mùa đông, mùa hạ, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn và xoay chiều về phía hữu, màu xanh như chim khổng tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời. Đất đai mềm mại, khi dùng chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc nhimg khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng như cũ, giống như lòng bàn tay khônệ có cao thấp. Đất đai ở đó thường có lúa gạo mọc tự nhiên, không phải gieo trong, không có tấm cám, trắng tinh như chùm hoa trắng, như thức ăn cõi trời Đao-lợi đầy đủ hương vị. ở đây thường có cái đấu, cái vạc tự nhiên, có hạt châu ma-ni

30. KINH THẾ KÝ 383

tên Diệm Quang. Họ đặt hạt châu Diệm Quang dưới nồi, đến khi cơm chín thì ánh sáng tự nhiên tát, không cân thôi lửa, không nhọc công người. Đát ở đó có một loại cây ten Khúc Cung, lá xếp chồng lên nhau theo thứ tự, trời mưa, nước không nhỏ xuống được, do đó trai, gái đều có the nghỉ ngơi dưới gốc cây này. Lại có một loại cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, đen khi trái chín thì vỏ tự nứt, tự nhiên tỏa ra mùi hương. Loại cây này cũng cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt đồng thời phát ra mùi hương. Lại có một loại cây Y Phục, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời sanh ra các thứ y phục, loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bon mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, sanh ra các thứ y phục. Lại có một loại cây Trang Sức, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời phát sanh các thứ trang sức về thân; loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các đồ trang sức về thân. Lại có một loại cây Tràng Hoa, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời phát sanh các thứ tràng hoa, loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời sanh ra các thứ tràng hoa. Lại có một loại cây Khí Cụ, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời phát sanh các thứ khí cụ, loại cây này cao sáu mươi dặm5 hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các thứ khí cụ. Lại có một loại cây Quả, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đong thời sanh ra các thứ trái cây; loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bôn mươi dặm, cây nhỏ nhát cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các thứ trái cây. Lại có một loại cây Nhạc Khí, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời sanh ra các loại nhạc cụ; loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các loại nhạc cụ. Đất này có ao tên là Thiện Kiến, rộng một trăm do-tuần, nước ao trong vắt, không vẩn đục, bờ ao được bao bọc bằng thát bảo chung quanh, bôn phía ao đêu có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... có vô số chim chóc cất tiếng

hòa ca cũng như ở các cảnh trước. Phía Bắc ao Thiện Kiến có cây tên Am-bà-la, thân cây to bảy dặm, cao trăm dặm, nhánh và lá tỏa bôn bê năm mươi dặm. Phía Đông ao Thiện Kiên, lại phát sanh sông Thiện Đạo, rộng một do-tuần, dòng nước không chảy xiết, trái lại chảy một cách lững lờ. Các thứ hoa che phủ trên mặt nước, về hai bên bờ sông có cây côi xanh tươi, cành cây mem dẻo, hoa trái sum suê. Đát sanh từng bôn cỏ mịn và xoay chiêu vê phía hữu, màu xanh như chim không tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời, đất đai mềm dẻo, khi

dùng chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc nhưng khi nhấc chân thì đất trở lại bằng phẳng giống như lòng bàn tay, không cao không thấp. Trong ao có nhiều thuyền báu. Khi dân chúng của nơi ấy muốn đến tắm, hoặc dạo chơi thì họ cởi áo để trên bờ, rồi bơi thuyền giữa dòng sông vui chơi thỏa thích. Sau khi tắm xong họ lên bờ hễ gặp y phục thì mặc, ai lên trước thì mặc trước, ai lên sau thì mặc sau, không đợi phải là áo của mình. Sau đó, họ đến cây Hương, cây đó cong thân xuông, những người ây dùng tay lây các thứ hương xoa vào thân thê; kê tiêp, họ đên cây Y Phục, tức thì cây này cong thân xuông; họ bèn lây các thứ y phục, tùy ý mặc vào. Tiếp đó, họ lại đến cây Trang Sức, tức thì cây ấy liền cong thân xuông; họ bèn lây các thứ trang sức đê tự trang diêm cho mình. Sau đó, họ đên cây Tràng Hoa, tức thì cây liên cong thân xuống; họ bèn lây các loại tràng hoa cài lên đầu. Tiếp theo, họ đến cây Đồ Dùng, tức thì cây liền cong thân xuống; họ bèn lấy các đồ dùng quý báu để dùng cho mình. Sau đó, họ đến cây Quả? tức thì cây ấy liền cong xuống; họ bèn lấy các loại trái cây ngon, hoặc là ăn, hoặc là ngậm, hay vắt lấy nước dùng. Sau đó, họ đến cây Nhạc Khí, tức thì cây ấy cong xuống; họ bèn lấy các thứ nhạc khí để tấu nhạc, hòa trống, dạo đàn với âm thanh tuyệt diệu. Thê roi, họ đên rừng cây tùy ý vui choi, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày. Sau đó, họ mới trở về

Hươnẹ cao bảy mươi dặm, hoa quả sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đong thời phát sanh các thứ hương; loại cây này cao sáu mươi dặm, năm mươi hoặc bốn mươi dặm, cho đến cây thấp nhất thì cao năm dặm, hoa trái sum suê, phát ra các loại hương... có nhạc khí... (cũng như trên), ở đây, dân chúng khi vào vườn thì mặc tình vui chơi thỏa thích, hoặc một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày. Trong vườn Thiện Kiến không có người trông coi, tùy ý dạo choi, rồi trở về. Phía Nam ao Thiện Kiến có rừng tên là Ngu Lạc, phía Bắc ao Thiện Kiến có rừng tên là Đẳng Hoa, cũng giống như cảnh ở trên, ở đây, giữa đêm, cuối đêm, vua rồng A-nậu-đạt thường tùy thời khởi những vầng mây trong trẻo, bao trùm cả thế giới, làm những trận mưa ngọt, bằng thời gian vắt sữa bí), dùng nước đay đủ tám vị đượm nhuần khắp nơi. Nước mưa không ứ đọng, không có bùn lầy, cũng như thợ kết hoa khéo dùng nước tưới hoa, khiến cho hoa không khô héo, lại thêm xinh tươi. Khi ấy, ở châu này, vào giữa đêm, cuối đêm không có mây che, bầu trời quang đãng, biển thổi gió mát trong lành dìu diu thổi đến, làm cho con người có cảm giác khoan khoái. Hơn nữa, đất này phì nhiêu, dân cư đông đúc. Khi muôn ăn cơm thì họ lây gạo thơm tự nhiên đê vào trong nôi và đặt hạt châu Diệm Quang dưới

đáy nồi, cơm tự nhiên chín, ánh sáng tự tắt. Người đến cứ mặc sức mà dùng. Nếu người chủ không đứng dậy thì cơm ăn hoài không hết. Nhưng nếu khi chủ đứng dậy thì cơm tự nhiên hết. Hạt cơm ở đây rất tinh khiết như chùm hoa trắng, mùi vị đầy đủ như thức ăn của trời Đao-lợi. Dân chúng khi dùng cơm này thì không có bệnh hoạn, sức khỏe dồi dào, nhan sắc tươi vui, không tiều tụy. Lại nữa, con người ở đấy thân thể tướng mạo đều giống nhau, không thể phân biệt được. Dung mạo họ luôn luôn trẻ trung như người hai mươi tuổi ở châu Diêm-phù-đề, răng họ trắng tinh, đều đặn và khít khao, tóc họ màu xanh, không có bụi dính, dài tám ngón tay, phủ tới ngang vai, không dài không ngăn. Khi dân chúng ở đây khởi dục tâm thì người nam nhìn kỹ người nữ roi bỏ đi, thê là người nữ theo sau, họ đi đên rừng cây, nêu người nữ đó là cót nhục của người nam, không nên hành dâm thì cây không che phủ xuống và mỗi người tự ra đi. Ngược lại, nếu không phải là cốt nhục, có thể hành lạc được thì cây tự nhiên rủ xuống, phủ kín thân họ để họ tùy ý vui thú một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày rồi phân tán. ở đây người nữ mang thai chỉ độ bảy ngày hay tám ngày là sanh sản. Khi trẻ thơ chào đời dù là trai hay gái, họ đều đem đe tại ngã tư đường rồi bỏ di, thế là mỗi người đi qua đều đưa ngón tay vào miệng đứa bé, tự nhiên có một chất sữa ngọt từ trong ngón tay tuôn ra để rót vào miệng đứa bé. Do đó, nó được no đủ, tình trạng này kéo dài đến hết ngày thứ bảy thì đứa bé to lớn bằng người khác. Nếu là con trai thì theo đoàn người nam; nếu là con gái thì theo đoàn người nữ. Dân chúng ở đấy, mỗi khi có người chết đi thì không ai khóc lóc, người ta trang sức tử thi, đem đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi. Có loài chim tên Ưu-ủy-thiền-già nhận tử thi ấy rồi mang đặt nơi khác. Khi dân chúng muôn đi tiêu tiện thì đát tự nhiên mở ra. Tiêu tiện xong thì đát khép lại.

Dân chúng ở đây không có luyên tiêc, không chứa chập tài sản, tuổi thọ luôn luôn cô định và sau khi qua đời đêu được sanh vê cõi trời. Tại sao tuôi thọ luôn luôn cố định? Vì kiếp trước họ tu mười hạnh lành, cho nên khi qua đời được sanh về cõi uất-đơn-việt, tuổi thọ đúng một ngàn năm không tăng không giảm. Vì thế, tuổi thọ dân chúng ở đây bằng nhau. Lại nữa, nếu có kẻ sát sanh thì đọa vào đường ác, còn kẻ không sát sanh thì sanh vào cối lành. Còn những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói lời ly gián, nói lời độc ác, nói không chân thật, nói thêm bớt, tham lam, ganh ghét, tà kiến thì đọa vào đường ác. Còn kẻ không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói độc ác, không nói doi, không nói lời thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì sẽ sanh về cõi lành. Nêu có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói lời độc ác, không nói doi, không nói thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến, sau khi qua đời, được sanh về châu Uất-đơn-việt9 sông đúng một ngàn tuôi, không tăng không giảm. Do đó, tuôi thọ của họ bang nhau. Lại nữa nếu kẻ keo kiệt, tham lam, không chịu bố thí thì sau khi qua đời sẽ đọa vào đường ác. Còn kẻ có tâm quảng đại, không keo kiệt, thường xuyên bố thí, được sanh về cõi lành. Nếu có kẻ cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, bô thí cho kẻ hành khất, bệnh hoạn khôn khô như cung cáp cho y phục, thức ăn5 thức uống, xe cộ, tràng hoa, nước thơm xoa minh, giường chõng, phòng xá, hoặc tạo lập tháp miếu, cúng dường đèn đuốc, người đó sau khi qua đời được sanh về châu uất-đơn-việt, tuổi thọ đúng một

ngàn, không tăng, không giảm. Cho nên dân

30. KINH THẾ KÝ 387

3. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: ở thế gian có vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bảy báu? (1) Xe vàng báu; (2) Voi trắng báu; (3) Ngựa xanh báu; (4) Thần châu báu; (5) Ngọc nữ báu; (6) Cư sĩ báu; (7) Chủ binh báu. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu xe vàng báu? Nếu Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở Diêm-phù-đề, thuộc dòng Sát-đế-lợi và được quán đảnh, vào lúc trăng tròn, ngày mười lăm? ngài tắm gội bằng nước thơm, roi lên ngự trên điện cao, vui thú cùng các thê nữ. Thì lúc đó, tự nhiên xe vàng báu của trời xuất hiện trước mặt, xe có ngàn căm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc do vàng của trời và thợ trời tạo thành, không phải thế gian có được, đường kính xe bằng một trượng tư. Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương trông thấy như thế, ngài tự nghĩ: "Ta từng nghe các bậc Tôn túc, kỳ cựu nói: 'Nêu vị vua thuộc dòng Sát-đế-lợi được quán đảnh, vào lúc trăng tròn, ngày mười lăm, tắm gội bằng nước thơm, rồi lên ngự trên pháp điện, có thể nữ bao quanh, xe báu bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, xe có ngàn căm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc do thợ trời làm, chứ không phải do người thế gian làm, đường kính xe bằiệ một trượng tư. Do đó gọi là Chuyển Luân Thánh Vương/ Nay có xe báu hiện đên, há không phải là đây chăng? Vậy ta hãy thí nghiệm, coi xe đó thế no?" Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương liền triệu tập bốn binh chủng đến trước xe vàng, lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương để lộ cánh tay phải, quỳ gối phải, tay phải xoay vỗ lên xe vàng mà nói: "Ngươi hãy theo đúng pháp mà chạy vê hướng Đông, không nên trái với thông " Tức thì xe chạy về huớng Đông. Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương đem bốn binh chủng theo sau xe. ở trước mặt xe vàng báu có bốn vi thần dẫn đường, đến chỗ nào xe vàng nệừng thì nhà vua cũng ngừng ở đó. Khi ấy, vua các nước nhỏ ở phương Đông thây Đại vương đên thì họ đem bát vàng đựng lúa bạc, đem bát bạc đựng lúa vàng, đi đến trước nhà vua, cúi đầu và tâu: "Quy hóa thay! Tâu Đại vương, đất đai ở phương Đông này giàu có, sung túc, có nhiều châu báu, dân cư đông đúc, tính tình ôn hòa, hiếu thảo, trung thuận. Xin Thánh vương hãy cai tri xứ này. Chúng tôi sẽ hầu hạ và cung cấp những điều cần thiết!"

388 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Chuyển Luân Thánh Vương nói với các tiểu vương: "Này chư Hiền, thôi đi5 như thế là các ỗnệ đã cúng dường ta rồi đấy. Các ông hãy lấy Chánh pháp mà cai tri dân, đừng đê thiên lệch, phải làm thế nào cho những điều phi pháp không xảy ra trong nước và các ông không sát sanh, giáo dục dân chúng không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét và không tà kiến. Nếu được như thế, tức là ta đã trị vì rồi vay?9 Các tiểu vương nghe lời ấy xong, liền theo nhà vua đi đến bờ biển B6ng, rồi theo xe mà đi đến phía Nam, phía Tây và phía Bắc; các quốc vương ở đấy đều xin cống hiến nước họ cũng như tiểu vương ở phía Đông vậy. Cõi Diêm- phù-đề này có một nơi

tên là Thổ Thiên, đất đai rộng rãi, giàu có, sanh ra nhiều châu báu, rừng cây mát mẻ9 nước trong lành. Đối với những vùng bằng phẳng rộng rãi thì bảo luân đi quanh, đinh nên bản đồ, Đông Tây đo được mười hai do-tuần, Nam Bắc đo được mười do-tuần. Vào giữa đêm các thiên thần tạo ra thành quách, thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng, tất cả đêu do bảy báu tạo thành... vô số chim chóc cùng hòa ca. Sau khi xây dựng thành ấy xong thì xe vàng báu lại ở trong thành và định nên bản đồ địa giới, Đông Tây đo được bốn do-tuần5 Nam Bắc đo được hai do- tuần. Vào giữa đêm thiên thần tạo lập cung điện, gồm có bảy lớp tường đều do bảy báu tạo nên... vô số loài chim cùng cất tiếng hòa ca. Sau khi xây xong cung điện thì xe vàng báu ở giữa hư không, ngay trên cung điện phía Tây, hoàn bị đầy đủ nhimg không chuyển động. Lúc ấy, Chuyển Luân Thánh Vương lòng hớn hở và nói: “Xe vàng báu này thật sự là một diêm lành cho ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương.^ Đó là sự thành tựu vê xe vàng báu. Thê nào là sự thành tựu vê voi trăng báu? Chuyển Luân Thánh Vương vào sáng sớm lên ngự trên chánh điện, tự nhiên voi báu bỗng xuất hiện trước mặt? lông toàn màu trắng, bảy chỗ đều bằng phẳng, với sức mạnh có thể bay được, trên đầu có nhiều màu chen lẫn, sáu ngà nhọn hoắt, các kẽ răng được trám kín bằng vàng ròng, khi Chuyển Luân Thánh Vương trông thấy voi báu, ngài tự nghĩ: "Con voi này rất hiền lương; nếu khéo huấn luyện nó thì có thể cưỡi dugc." Tức thi, nhà vua ra lệnh tập thử, cuối cùng mọi việc hoàn hảo. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương muốn đích thân thí nghiêm, lập tóc nẹài leo lên lưng voi, vào sáng sớm, cưỡi voi ra khỏi thành, đi kháp cả bốn biển, đen giờ ăn thì đã trở về rồi. Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: "Vòi trăng báu này thật là diêm lành của ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương7,

30. KINH THẾ KÝ 389

ĐÓ là sự thành tựu về voi báu. Thế nào là sự thành tựu về ngựa xanh báu? Vào sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương lên ngồi trên chánh điện, tự nhiên ngựa xanh báu bỗng xuất hiện, ngựa màu xanh, lông và đuôi bờm màu châu ngọc, đầu và cổ giống như voi, với sức mạnh có thể bay được. Thấy như thê, vua tự nghĩ: "Con ngựa này rát hiên lương, nêu khéo huân luyện thì có thê cưỡi âược^ Lập tức, vua ra lệnh cho tập thử, cuôi cùng mọi việc hoàn hảo. Nhà vua muốn đích thân cưỡi thử. Vào sáng sớm, ngài liền leo lên lưng ngựa, ra khỏi thành, đi khắp bốn biển, đến giờ ăn thì đã trở về. Khi ấy, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: "Ngựa xanh báu này thật sự là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về ngựa xanh báu. Thế nào là sự thành tựu về thần châu báu? Vào sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương lên ngự trên chánh điện, thần châu báu bông xuất hiện ở trước mặt, màu trăng trong suôt, không có tỳ vét. Khi trông thấy thần châu báu, nhà vua tự nghĩ: "Hạt châu này rất đẹp? nếu có ánh sáng thì nó có the chiếu sáng được trong cung diên.” Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương muôn thí nghiệm hạt châu này, ngài liên triệu tập bôn binh chủng, lấy hạt châu này đặt trên một tràng cao. Vào giữa đêm tối, đem tràng này ra khỏi thành, ánh sáng của hạt châu này chiêu sáng cả một do-tuân. Tát cả dân chúng trong thành đều thức dậy làm việc vì họ cho là trời đã sáng. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: "Thần châu này thật là điềm lành của ta, ta nay chính là

Chuyển Luân Thánh Vuông.“ Đó là sự thành tựu về thần châu báu. Thế nào là sự thành tựu về ngọc nữ báu? Bấy giờ, ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, nhan sắc đẹp đẽ, dung mạo đoan trang, không cao không thấp, không mập không gầy, không trắng không dèn, không cứng không mem. Vê mùa đông thì thân âm, vê mùa hạ thì thân mát. Toàn thể các lỗ chân lông đều tỏa ra mùi hương chiên-đàn; miệng thường thoát ra mùi thơm của hoa ưu-bát-la; nói năng tao nhã; cử chỉ dịu dàng, đứng lên, r ngôi xuống r sàn, không mát khuôn phép. Khi Chuyên Luân Thánh Vương thây như thê5 ngài hớn hở và nói: "Ngọc nữ báu này thật sự là diêm lành của ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu. Thế nào là sự thành tựu về cư sĩ báu?

Khi cư sĩ trượng phu bỗng nhiên xuất hiện, kho báu tự nhiên đầy đủ, vô lượng. Vị cư sĩ này nhờ phúc đức đời trước nên đôi mắt có thể trông thấy suốt những khoáng sản, bửu vật còn tiềm tàng trong lòng đất, hoặc có chủ, hoặc không có chủ, đều thấy biết tất cả. Nếu là vật có chủ thì ủng hộ. Nếu là vật vô chủ thì dâng cho nhà vua sử dụng. Khi ấy, vị cư sĩ này đến tâu vua: "Tâu Đại vương, Đại vương chớ có bận tâm, tôi sẽ cung cấp những điều cần thiết cho Đại vương!" Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử cư sĩ này, liền ra lệnh chuẩn bị thuyền bè để dạo chơi trên mặt nước. Sau đó, nhà vua nói với cư sĩ: "Nay ta cân vàng bạc, vậy ngươi hãy cung cáp cho ta!" Cư sĩ đáp: "Bại vương hãy chờ một ch6c!" Khi thuyền gần đến bờ thì nhà vua liền giục: “Nay ta cân sử dụng, ước gì có ngay bây giờ!” Lúc đó, cư sĩ báu bi nhà vua giục, liên quỳ trên thuyên, dùng tay phải thò xuống nước, bình báu ở trong nước theo tay mà lên, ví như sâu bọ bám vào thân cây. Cư sĩ này cũng như thê, khi thò tay xuông nước thì vật báu vào tay, chỉ trong chốc lát đã đầy cả một thuyền. Cư sĩ thưa: "Tâu Đại vương, ngài cần dùng bao nhiêu của báu? Như vậy đã đủ chua?" Chuyển Luân Thánh Vương nói với cư sĩ: "Thôi đi, thôi đi! Chẳng phải là ta cần đâu; Nhưng nãy giờ ỉa để thử ngươi đấy thôi. Như thế là ngươi đã cúng dường ta rồi vay." Cư sĩ nghe vua nói thế liền ném tất cả báu vật trở lại trong nước. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: “Vj cư sĩ này thật là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu vê cư sĩ báu. Thế nào là sự thành tựu về chủ binh báu? Bấy giờ, chủ binh báu bỗng nhiên xuất hiện, mưu trí dõng mãnh, thao lược toàn tài, liền đến chỗ vua mà tâu: “Tâu Đại vương, Đại vương chớ lo âu vê việc chinh phạt, hạ thân có thê làm được việc ấy.” Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử chủ binh, liền triệu tập bốn binh chủng và bảo: "Ngươi hãy sử dụng binh sĩ đi. Hãy ra lệnh cho người nào chưa tập hợp thì tập hợp; nếu đã tập hợp thì hãy giải tán; nếu chưa nghiêm thì hãy nghiêm; nếu đã nghiêm thì giải tán; nếu chưa đi thì hãy đi; nếu đã đi rồi thì đứng lại."

Khi ấy, chủ binh báu nghe vua bảo xong, liền ra lệnh cho bốn binh chủng: “Những người nào chưa tập hợp thì tập hợp; tập hợp rồi thì giải tán; nếu chưa nghiêm thì hãy nghiêm; như đã nghiêm thì giải tán; nếu chưa đi thì đi; đã đi rồi thì dừng lai." Khi Chuyển Luân Thánh Vương trông thấy chủ binh điều binh như thế thì hớn hở nói: "Chil

binh báu này thật là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương." Đó là vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu về bảy báu. Còn bốn thần đức là gì? (1) Trường thọ, không chết yểu, không ai có thể sánh kịp; (2) Thân thể khỏe mạnh, không bệnh, không ai có thể sánh kịp; (3) Dung mạo đoan chánh, không ai có thể sánh kịp; (4) Kho báu dồi dào, không ai có thể sánh kịp. Đó là Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu về bảy báu và bốn thần đức. Khi Chuyển Luân Thánh Vương lên ngôi được thời gian khá lâu, đi vào hậu viên, tìm người đánh xe và bảo: "Ngươi hãy đánh xe đi cho khéo léo! Vì sao? Vì ta muôn quan sát tường tận cảnh an lạc, không lo âu của nhân dân, quốc âộy Khi đó, những người dân trong nước đứng xem hai bên lề đường nói với người hầu: uNày ông, hãy đi từ từ, chúng tôi muốn chiêm ngưỡng kỹ tôn nhan, uy đức của Thánh vương!" Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương thương yêu, giáo dục dân chúriệ, cũng như cha thương con. Dân chúng ngưỡng mộ nhà vua như con kính men cha. Dân chúng có bất cứ của quý báu gì đều đem hiến dâng cho nhà vua và nói: “Cúi xin Đại vương hãy nhận lãnh và tùy ý sử dụng!,, Nhà vua đáp: "Thôi đi các ngươi, ta đã có các của báu rồi, các ngươi nên để mà sử dqng!” Khi Chuyển Luân Thánh Vương trị vì ở cõi Diêm-phù-đề này thì đất đai bằng phẳng, không có gai góc, hầm hố, gò nồng, cũng không có muỗi mòng, rắn, rít, bò cạp, độc trùng, cát sỏi, ngói ệạch tự nhiên biến mất; vàng, bạc, ngọc báu xuất hiện trên mặt đất. Bon mùa điều hòa, không nóng không lạnh; đất đai mềm mại, không có bụi bặm? cũng như đất đai được tráng dầu, sạch sẽ, bóng loáng, khônệ có bụi bặm. Khi Chuyển Luân Thánh Vương tri vì ở đời, đất đai cũng như thê. Đất phát ra những dòng suôi trong sạch, khônẸ bao giờ khô cạn, có nhiều cỏ mịn, mùa đông hay mùa hạ đều xanh tươi, cây côi tốt tươi, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn, màu xanh như lông chim khổng tước, mùi thơm như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời, khi chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc; khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng, không có chỗ khuyết, chỗ trống.

Lại CÓ một loại gạo thơm tự nhiên, không có trấu cám, đầy đủ mùi vi. Lại có cây Hương hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, tự nhiên phát sanh mùi hương, phảng phất khắp nơi. Lại có một loại cây Y Phục, hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại y phục. Lại có loại cây Trang Sức, hoa trái sum suê, đen khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các vật trang sức. Lại có một loại cây Tràng Hoa, hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại tràng hoa. Lại có một loại cây Khí Cụ, hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các thứ khí cụ. Lại có một loại cây Quả, hoa trái sum suê5 đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại trái cây. Lại có một loại cây Nhạc Khí, hoa trái sum suê, đen khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại nhạc khí. Khi Chuyên Luân Thánh Vương tri vì ở thê gian, vua rông A-nậu-đạt vào cuôi giữa đêm bèn nôi lên những đám mây dày, bao trùm cả thê giới, tạo thành trận mưa lớn bằng thời gian vắt sữa bò, nước mưa đủ tám vị đượm nhuần khắp nơi. Nước không ứ đọng trên mặt đất, không có sình lầy, đượm nhuần thấm uớt, sanh trưởng cỏ cây. Cũng như người thợ xâu tràng hoa, khéo rưới nước vào tràng hoa, khiên cho hoa tươi tót, không khô héo, cơn mưa thâm nhuân cũng như thê. Bây giờ, vào giữa cuôi đêm, bâu trời quang đãng và không có mây

mù, biển thoi gió mát, trong lành dìu diu, làm cho thân the được khoan khoái. Lúc Chuyên Luân Thánh Vương trị vì, cõi Diêm-phù-đê này ngũ cóc dôi dào, dân chúng đông đúc, của báu đây đủ9 không có túng thiêu. Chính lúc đó Chuyển Luân Thánh Vương dùng Chánh pháp đe trị nước, không thiên vị9 tu tập mười hạnh lành. Lúc bấy giờ, nhân dân cũng tu tập chánh kiến, đầy đủ mười hạnh lành. Sau một thời gian khá lâu, nhà vua lâm trọng bệnh rồi băng hà, cũng như người ăn quá no, thân thể hơi khó chiu, không thích hợp, rồi băng hà và sanh vào cõi Phạm thiên. Bấy giờ, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu và dân chúng trong nước đều ca hát, trỗi nhạc, làm lễ tẫn liệm thi thể Thánh vương. Ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu cùng dân chúng trong nước dùng nước nóng thơm tắm rửa thi thể nhà vua, dùng vải kiêp-bôi quân năm trăm lớp, quân chông lên thi thê nhà vua, roi đặt thi thê vào trong kim quan, rưới dâu thơm vào, roi đặt kim quan này vào trong một cái quách bằng sắt, rồi lấy cái quách bằng gỗ bọc thêm ở ngoài, chất thêm củi thơm lên trên, rồi làm lễ trà-tỳ, xây tháp bằng bảy báu ở tại ngã tư đường, ngang dọc một do-tuần, chen lẫn nhiều màu sắc đều do bảy báu tạo thành, ở bốn mặt tháp, mỗi mặt đều có một cửa có lan can bao quanh do bảy báu tạo thành, đất trống ở bốn phía tháp ngang dọc năm do-tuần, với bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây. A 5

Tường băng vàng thì cửa băng bạc; tường băng bạc thì cửa băng vàng; tường bằng lưu ly thì cửa bang thủy tinh; tường bang thủy tinh thì cửa bang lưu

30. KINH THẾ KÝ 393

> > A

ly; tường băng xích châu thì cửa băng Amã não; tường băng mã não thì cửa băng xích châu; tường băng xà cừ thì cửa băng các thứ báu. Vê lan can, nêu lan can băng vàng thì tay vịn băng bạc; lan can băng bạc thì tay vịn bang vàng; lan can bang thủy tinh thì tay vịn bang lưu ly; lan can bang lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não; lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu; lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Vê bảy lớp màn lưới, màn lưới băng vàng thì ở dưới treo chuông băng bạc, màn lưới bằng bạc thì ở dưới treo chuông bằng vàng; màn lưới bằng lưu ly thì ở dưới treo chuông bằng thủy tinh; màn lưới bằng thủy tinh thì ở dưới treo y A chuông băng lưu ly; màn lưới băng xích châu thì ở dưới treo chuông băng mã não; màn lưới bằng mã não thì ở dưới treo chuông bằng xích châu; màn lưới bằng xà cừ thì ở dưới treo chuông bằng các thứ báu. Vê bảy lớp hàng cây, cây băng vàng thì lá, hoa và trái băng bạc; cây băng bạc thì lá, hoa và trái bằng vàng; cây bằng lưu ly thì lá, hoa và trái bằng thủy tinh; cây băng thủy tinh thì lá, hoa và trái băng lưu ly; cây băng xích châu thì lá, hoa và trái bằng mã não; cây bằng mã não thì lá, hoa và trái bằng xích châu; cây bằng xà cừ thì lá5 hoa và trái bằng các thứ báu. Lại nữa, bốn mặt tường lại có bốn cửa, có lan can bao quanh và trên mỗi lớp tường đêu có lâu gác và đài báu. Bôn mặt tường lại có cây côi, vườn, rừng, suôi, nước, ao tắm và có các thứ hoa, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, có các mùi hương phảng phất, có các thứ chim lạ ca hót líu lo. Sau khi xây dựng tháp xong, các ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu và quôc sĩ, dân chúng đêu đên cúng dường tháp này, đông thời bô thí cho những người nghèo đói,

như cần thức ăn thì cho thức ăn, cần y phục thì cho y phục, cân voi, ngựa, của báu, xe, tùy theo ý họ muôn mà cung cáp cho họ. Vị Chuyển Luân Thánh Vương có uy thần, có công đức lớn lao như thế.

4. PHẨM ĐỊA NGỤC

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, bốn châu thiên hạ này, bên ngoài có tám ngàn thiên hạ bao quanh. Tám ngàn thiên hạ ấy bi bao bọc chung quanh bởi một biển nước lớn. Ke đó, có núi Kim Cang Lớn bao bọc biển nước lớn. Bên ngoài núi Kim Cang Lớn này lại có núi Kim Cang Lớn thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm, mặt trời, mặt trăng, các vi thần, trời dù có uy lực lớn cũng không thể dùng ánh sáng soi chiếu đến đó được. Trong cõi âm u này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Tám địa ngục lớn là: Thứ nhất tên là địa ngục Tưởng, thứ hai tên là địa ngục Dây Ben, thứ ba tên là địa ngục Đá Ép, thứ tư tên là địa ngục Kêu La, thứ năm tên là địa ngục Kêu La Lớn, thứ sáu tên là địa ngục Thiêu Nướng, thứ bảy tên là địa ngục Thiêu Nướng Lớn, thứ tám tên là địa ngục Vô Gián. Trong địa ngục Tưởng có mười sáu địa ngục nhỏ, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Mười sáu địa ngục nhỏ là: Địa ngục thứ nhất tên là Cát Đen, thứ hai tên là Phẩn Dãi, thứ ba tên là Năm Trăm Cái Đinh, thứ tư tên là Đói, thư năm tên là Khát, thứ sáu ten là Một Vạc Đồng Sôi, thứ bảy tên là Nhiều Vạc Đồng Sôi, thứ tám tên là Đá Ép, thứ chín tên là Máu Mủ, thứ mười tên là Đong Lửa, thứ mười một tên là Sông Tro, thứ mười hai tên là Hòn sắt Nóng, mười ba tên là Búa Riu, mười bốn tên là Sài Lang, mười lăm tên là Rừng Kiếm, mười sáu tên là Băng Lạnh. Tại sao gọi là địa ngục Tưởng? Vì chúng sanh ở trong đó, trên tay của họ có mọc móng sắt, vừa dài, vừa bén, có tâm sân hận, có ý nghĩ độc hại, dùng móng tay cào cấu lẫn nhau, làm cho thịt của tay rớt xuống. Thế rồi họ tưởng mình đã chết, có cơn gió lạnh thổi đến, làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy, tự suy nghĩ và nói: “Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại." Vì sự nghĩ tưởng như thế nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là những chúng sanh ở trong đó, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc hại, phá hại lẫn nhau. Tay họ cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, bằm nát thân thể rớt xuống đất. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết nhưng bỗng cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy, tự nghĩ và nói: "Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại.”

Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là những chúng sanh ở trong đó, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc ác và phá hại lẫn nhau. Tay họ cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, bằm nát thân thể rớt xuống đất. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết; nhưng bỗng có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy, tự nghĩ và nói: “Ta nay đã sông lại.59 Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sông lại.” Vì lý do đó

nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh ôm lòng độc ác, tàn hại, khuây phá lân nhau. Tay họ câm một cây dao sáng loáng, vừa nhọn, vừa bén để đâm chặt lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt. Họ tưởng mình đã chết nhung rồi cơn gió lạnh thổi đến, làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy và nói: "Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại." Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh ôm lòng độc ác, tàn k , /XA. hại và khuây phá lân nhau. Tay câm một cây dao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt. Họ tưởng mình đã chết nhung bỗng có cơn gió lạnh thổi đến, làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy và nói: "Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại." Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Những chúng sanh trong đó, trải qua thời gian thọ khổ lâu dài, được ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong được cứu giúp. Nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo nên bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen. Bấy giờ, có một cơn gió nóng dữ dội bốc lên, thổi cát đen nóng bám vào thân người đó, toàn thân tội nhân đều đen, giông như vâng mây đen. Thê roi, cát nóng này thiêu đót da thịt và tận cả xương tủy. Sau đó, trong thân tội nhân có một ngọn lửa đen bộc phát, đốt cháy quanh thân, rồi vào trong tạng phủ, đau đớn vô cùng, thiêu đốt cho cháy. Vì nhân duyên tội nghiệp này, chiu khổ báo như thế. Nhưng vì tội lỗi chưa hết nên khiến cho tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ kho khá lâu ở trong đó, tội nhân ra khỏi địa ngục Cát Đen, hoảng hốt chạy càn, mong được cứu giúp. Nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo nên không ngờ lại đên địa ngục Phân Dãi. Trong địa ngục này có những hòn sát nóng bằng phẩn dãi tự nhiên đầy dẫy trước mặt, bức ép tội nhân phải ôm hòn sắt nóng, đốt cháy từ thân, tay, chân đến đầu và mặt, không đâu là chẳng bị đốt cháy, lại khiến cho tội nhân bốc hòn sắt bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi lưỡi từ yêt hâu đên bụng, từ trên đên dưới đêu bị cháy tiêu. Lại có một loại trùng mỏ sắt ăn da thịt, tận cả xương tủy, khổ đau trăm bề, lo sợ vô cùng. Nhung vì tội lỗi chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

396 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau một thời gian thọ khổ lâu dài ở trong địa ngục Phẩn Dãi, tội nhân ra khỏi địa ngục này hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu giúp, bất ngờ lại đến địa ngục Năm Trăm Cái Đinh. Sau khi đã vào đó, ngục tốt đánh tội nhân văng lên bàn sắt nóng, căng thân thể tội nhân ra, dùng đinh đóng tay, đóng chân, đóng vào tim. Toàn thân bi đóng hết thảy năm trăm cái đinh. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Năm Trăm Cái Đinh hốt hoảng chạy càn, mong được cứu giúp, bất ngờ lại đến địa ngục Đói. Ngục tốt đến hỏi: "Các người đến đây, muốn cầu điều gi?" Tôi nhan đáp: "Tôi đói qua!" Tức thì, ngục tốt bắt quăng tội nhân len bàn sắt nóng căng thân thể ra, rồi dùng móc câu cạy miệng cho mở ra, rồi lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng đốt cháy từ trên xuống dưới, kể cả môi, lưỡi, yết hầu và bụng, không chỗ nào không đốt cháy. Họ đau đớn vo cùng, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Trải qua thời gian thọ khổ khá lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đói, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu giúp, bất ngờ lại đến địa ngục Khát. Ngục tốt

liên hỏi: "Các người đến đây, muốn cầu điều gi?" nn ! L L___ Tội nhan đáp: "Tôi khát qua!^ Ngục tót liên băt tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thê ra, roi dùng móc sắt nóng cạy miệng tội nhân ra, lấy nước đồng sôi rót vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, từ yết hầu cho đến bụng, cháy suốt cả thân, không có chỗ nào không cháy. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhimg vì tội lỗi cũ chưa hết nên khiến tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Khát, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu giúp, bát ngờ đọa vào địa ngục Một Vạc Đông Sôi. Khi thay tội nhân, ngục tốt thịnh nộ, liền nam chân tội nhân ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi cuồn cuộn, trồi lên hụp xuống, từ trên xuống dưới, từ miệng vạc cho đến tận đáy vạc, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị đốt tiêu tan, ví như nấu đậu, hạt đậu tùy theo lượng nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều tiêu tan. Tội nhân trồi lên sụp xuống trong vạc đồng sôi cũng thế, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài, tội nhân thoát khỏi địa ngục Một Vạc Đong Sôi, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu giúp nhưng bị tội đời trước lôi

30. KINH THẾ KÝ 397

kéo, bất ngờ lại đọa vào địa ngục Nhiều Vạc Đồng Sôi. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuân, khi thây tội nhân, ngục tót thịnh nộ và năm chân tội nhân quăng vào trong vạc đồng, theo nước sôi cuồn cuộn, trồi lên hụp xuống, từ trên xuống dưới, từ miệng vạc cho đến đáy vạc, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị đốt tiêu tan, giống như nấu đậu, theo nước sôi, cuồn cuộn ưào lên, sụp xuống, trong ngoài đều tiêu tan. Tội nhân trong vạc đong sôi cũng the, tùy theo nước sôi mà trôi lên sụp xuồng, từ trên xuông dưới, từ miệng vạc cho đên đáy vạc, hoặc tay chân nổi lên, hoặc lưng bụng nổi lên, hoặc là đàu mặt nổi lên. Lúc đó, ngục tốt dùng lưỡi câu mà móc để trong vạc đồng khác. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài9 tội nhân thoát khỏi địa ngục Nhiều Vạc Đông Sôi, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu giúp nhưng bị tội lôi cũ lôi kéo, bát ngờ lại đọa vào địa ngục Đá Ép. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuân. Khi thấy tội nhân, ngục tốt liền thịnh nộ và bắt tội nhân quăng lên tảng đá nóng, căng tay chân ra, dùng tảng đá nóng lớn đè trên thân tội nhân, xay lui xay tới làm cho xương thịt bị nghiền nát, máu huyết chảy ra. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhung vì những tội cũ vẫn còn, tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đá Ép hoảng r : \ /C x a a hót chạy càn, mong câu cứu giúp; nhưng vì tội quá khứ dân dát nên bát ngờ lại đến địa ngục Máu Mủ. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này tự nhiên có máu mủ nóng sôi sục tuôn chảy. Tội nhân ở trong đó chạy Đông, chạy Tây, bị máu tanh, nóng thiêu đốt toàn thân, đầu, mặt, tay, chân; tất cả đêu tiêu tan. Tội nhân còn phải ăn máu huyêt nóng, do đó, miệng, môi, từ yêt hâu cho đên bụng, từ trên xuông dưới đêu cháy tiêu tan, đau đớn vô cùng, không thể chiu nổi. Nhưng vì tội cũ vẫn còn nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Máu Mủ, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ nhưng bị tội quá khứ dẫn dắt nên bất ngờ lại đến địa ngục Đong Lửa. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có một đông lửa

lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Khi đông lửa lớn phựt cháy, ngục tót bèn thịnh nộ, bát buộc tội nhân tay câm cái đâu băng săt để đong đống lửa ấy. Khi họ đong lửa thì lửa đốt cháy tay chân và cả toàn thân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ vẫn còn nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đong Lửa, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ dân dát nên bất ngờ đọa đến địa ngục Sông Tro. Địa ngục Sông Tro này ngang dọc năm trăm do-tuân, sâu năm trăm do-tuân, Sông Tro sôi cuôn cuộn, độc khí xông lên phừng phựt, xoay tròn như sóng cuộn, âm vang thật đáng sợ, từ dưới lên trên gươm giáo ngôn ngang, vừa nhọn, vừa dày cỡ tám tác. Bên bờ sông lại có một loại dao kiếm dài, có cả ngục tốt, sài lang. Trên bờ sông có một rừng cây bang

kiếm, nhánh, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, cỡ tám tấc. Khi tội nhân vào trong sông, tùy theo lượn sóng lên xuông mà trôi lên hụp xuồng. Toàn thân đều bị gươm giáo đâm thủng từ trong đến ngoài, da thịt tan hoại, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Sông Tro, lên được trên bờ; nhưng ở trên bờ lại có rất nhiều gươm giáo sắc bén đâm thủng toàn thân, tay chân bị tổn hoại. Bấy giờ, quỷ sứ hỏi tội nhân: "Các ngươi đến đây muốn cầu điều gì?" Tội nhan đáp: "Chúng tôi đói qua!99 Ngục tốt liền bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, lấy móc sắt cạy miệng để rót nước đồng sôi vào, thiêu đốt môi, lưỡi, từ yết hầu đen bụng không có chỗ nào không tiêu tan. Lại có loài lang sói, răng nanh vừa dài vừa bén đên căn tội nhân, ăn tươi nuôi sông. Khi mà tội nhân bị Sông Tro đun nâu, bị gươm bén đâm thủng, bị rót nước đông sôi vào miệng và bị sài lang ăn thịt xong, lại leo lên rừng kiếm, khi leo lên rừng kiếm thì đao kiếm chĩa xuống, khi tuột xuống rừng kiếm thì đao kiếm chĩa lên, khi tay nắm thì cụt tay, chân bước đi thì cụt chân, đao kiếm đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt rơi xuông, máu chảy dâm dê, chỉ còn xương trăng, gân guốc liên kết với nhau. Khi đó, trên kiếm thì có một loại quạ mỏ sắt đến mô nát đâu và xương đê ăn não của tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên họ không chết được, lại bi sa vào địa ngục Sông Tro một lần nữa. Tội nhân tùy theo lượn sóng lên xuống mà trồi lên sụp xuống, gươm giáo đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt tan nát, máu mủ dầm dề, chỉ còn xương trắng lộ ra bên ngoài. Khi ấy, có một . 9 e ĩ ĩ •e y 2

Cơn gió lạnh thôi đên làm cho da thịt sông lại, họ liên đứng dậy, hoảng hót chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại bị sa vào địa ngục Hòn sắt Nóng. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do- tuân. Khi tội nhân vào đây, tự nhiên có những hòn sát nóng hiện ra trước mặt. Ngục quỷ cầm giữ tay chân tội nhân, đốt cháy tiêu tan, toàn thân bốc lửa. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Hòn sắt Nóng, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu hộ. Nhưng vì bi tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Búa Rìu. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, ngục tót liên thịnh nộ, bát

tội nhân đê trên bàn sắt nóng, dùng búa rìu băng sát nóng chặt thân thê, tay chân, cát tai, xẻo mũi. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên họ không thể chết được.

30. KINH THẾ KÝ 399

Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Búa Rìu, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhung bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Sài Lang. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân đến đây, có bầy lang sói tranh nhau cắn xé tội nhân, làm cho da thịt bị nhầy nhụa, xương gãy, thịt roi, máu chảy dầm dề. Họ đau khổ vô cùng, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân thoát khỏi địa ngục Sài Lang hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ đọa vào địa ngục Rừng Kiếm. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do- tuần. Khi tội nhân vào đấy, có một cơn gió mãnh liệt, thổi lá cây bằng gươm dao rớt trên thân the tội nhân, hễ chạm vào tay thì cụt tay, dính vào chân thì cụt chân, thân thể, đầu, mặt... đều bị hư hoại. Lại có một loại quạ mỏ sắt, đứng ở trên đầu mổ đôi mắt tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên họ không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Rừng Kiếm, hoảng hốt chạy càn, kêu la cầu cứu. Nhưng vì tội cũ lôi kéo, tội nhân bất ngờ đọa vào địa ngục Băng Lạnh. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục, có cơn gió lạnh buốt thổi đến làm cho thân thể bị lạnh cứng, máu huyết đông đặc, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết. Sau đó thì họ mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, địa ngục lớn Dây Đen có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Dây Đen? Vì ở đây các ngục tót bắt tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thê ra roi dùng sợi dây sát nóng đê kẻ thành từng đường, roi dùng búa băng sắt nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhân kia thành trăm ngàn đoạn. Ví như người thợ mộc dùng dây kẻ vào cây5 rồi dùng búa bén theo đường mực mà chẻ làm thành trăm ngàn đoạn. Cách hành hạ tội nhân ở đó cũng vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ở địa ngục Dây Đen, ngục tót bát tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng kẻ đường rồi dùng cưa để cưa tội nhân. Ví như người thợ mộc dùng dây mực kẻ trên thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây. Cách hành hạ tội nhân ở đó cũng thế, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ở địa ngục Dây Đen, ngục tót bát tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng kẻ trên thân tội nhân, làm da thịt bị thiêu đốt, tiêu xương chảy tủy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Dây Đen.

400 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Lại nữa, ở địa ngục Dây Đen, ngục tót treo ngang vô sô dây sát nóng, roi bát tội nhân đi giữa những sợi dây, đồng thời có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt nóng quấn

vào thân, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Day Đen. Hơn nữa, trong địa ngục Dây Ben, ngục tót bắt buộc tội nhân mặc áo băng dây sắt nóng, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thê gọi là địa ngục Dây Đen. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Dây Đen, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ lại đên địa ngục Cát E)en,.. địa ngục Băng Lạnh với sự hành hình cũng như thê và sau đó tội nhân mới mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, địa ngục Đá Ép có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Đá Ép? Vì trong ngục ấy có núi đá lớn, từng cặp đối nhau. Khi tội nhân vào giữa thì hai hòn núi tự nhiên khép lại, ép thân the tội nhân, xương thịt nát tan, xong roi trở lại vi trí cũ. Ví như hai thanh củi cọ vào nhau, khi cọ xong thì dang ra. Cách hành hạ tội nhân ở địa ngục ấy cũng thế, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ép, có voi sắt lớn, toàn thân bốc lửa vừa kêu rống, vừa chạy đến giày xéo thân thể tội nhân, giẫm đi giẫm lại, làm cho thân thể bị nghiền nát, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ép? các ngục tốt bắt tội nhân để trong cối đá? rồi xay tội nhân xương thịt tan nát, máu chảy dâm dê. Họ đau đớn vô cùng, không thê diễn tả hết được. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ep, ngục tót bat tội nhân năm trên tảng đá lớn, roi lấy một tảng đá khác đè lên, làm cho da thịt tan nát, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ép, các ngục tốt bắt tội nhân nằm trong các cối sắt, rồi dùng chày sắt để giã tội nhân, từ đầu đến chân, da thịt tan nát, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép.

30. KINH THẾ KÝ 401

Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đá Ép, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh, với sự hành hình cũng như trên, sau đó tội nhân mới mạng chung. Đức Phật dạy: Địa ngục Kêu La có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Kêu La? Vì ở dấy, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong vạc lớn, với nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, kêu la gào thét. Họ đau đớn vô cùng, khóc lóc thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. jr r -í- f

Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bắt tội nhân bỏ vào trong vạc săt lớn, với nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Lại nữa, ở địa ngục

này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong vạc sắt lớn, với nước sôi sùng sục, nau rục tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Lại nữa, địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong vạc nhỏ, với nước sôi sùng sục, nấu rục tội nhân. Họ la hét kêu gào, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Lại nữa, địa ngục này, ngục tót băt tội nhân bỏ lên trên cái lò nướng, trở qua trở lại. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Trải qua thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh với hình phạt cũng như trên và sau đó tội nhân mới mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo9 địa ngục Kêu La Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Tại sao gọi là địa ngục Kêu La Lớn? Vì ở dây, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong nôi sát lớn, nước nóng sôi sùng sục, nâu nhừ tội nhân. Họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau khổ vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong chậu sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân. Họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn.

Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bát tội nhân bỏ vào trong chậu sát nhỏ, nước sôi sùng sục, nấu rục tội nhân. Họ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bát tội nhân bỏ vào trong vạc dâu nhỏ, nước sôi sùng sục, nâu nhừ tội nhân. Họ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong chảo to, rồi trở qua trở lại để ram tội nhân. Họ kêu la gào thét, kêu la lớn, đau đớn vô cùng, thật là thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen... địa ngục Băng Lạnh, với những hình phạt cũng như các địa ngục trên và sau đó mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo? địa ngục Thiêu Nướng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Tại sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng? Vì ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong thành sắt rồi cho thành này phát hỏa, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này phát hỏa, trong ngoài đêu đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bát tội nhân bỏ trên lâu săt, roi cho lâu phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu

tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhtmg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong chảo lớn, rồi cho chảo này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhtrng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng.

Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ tội nhân lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh, với những hình phạt cũng như các địa ngục trên và sau đó thì mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo? địa ngục Thiêu Nướng Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn? Vì ở dấy, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong thành sắt rồi cho thành này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi đốt cháy ngôi nhà, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiêu lân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiêt. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở đấy, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ trên lầu sắt, rồi cho lầu này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần. Da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở đấy, các ngục tốt thường bắt tội nhân bỏ vào trong lò sắt lớn, rồi cho lò này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiêu lân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng kêu la thảm thiêt. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở địa ngục Thiêu Nướng Lớn tự nhiên có hầm lửa lớn, lửa cháy phừng phục. Hai bên bờ hầm có núi lửa lớn. ở đó, các ngục tốt bắt tội nhân ghim vào trên cây chia sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, làm cho thân thể bị thiêu nướng, thiêu nướng nhiều lần. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh, với hình phạt cũng như thế và sau đó thì tội nhân mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, địa ngục lớn Vô Gián có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Vô Gián? Vì ở đấy ngục tốt bắt tội nhân lột da từ đầu đến chân, rồi dùng da ấy

cột thân tội nhân vào xe bằng lửa, rồi cho xe lửa chạy đi chạy lại trên nền sắt nóng, làm cho thân thể nát tan. Da thịt rời ra từng mảnh, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, ở địa ngục này có thành sắt lớn, bốn mặt thành lửa cháy dữ dội, lửa cháy từ Đong sang Tây, từ Tây sang Đông, từ Nam chí Bắc, từ Bắc chí Nam, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, lửa cháy bừng bừng khắp noi, không có một chỗ trống. Tội nhân ở trong đó cứ chạy Đông, chạy Tây, toàn thân bị thiêu nướng. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhung vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, địa ngục này có thành bằng sắt, lửa cháy xuyên suốt, tội nhân bị lửa đốt thân. Da thịt tiêu tan, họ đau khổ vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục này sau một thời gian chịu khổ lâu dài5 cửa tự nhiên mở và tội nhân liền chạy về hướng cửa mở, trong khi chạy thì các bộ phận của thân đêu phát hỏa, cũng như chàng lực sĩ tay câm bó đuốc lớn băng cỏ, chạy ngược gió, lửa ấy cháy phừng phục. Khi tội nhân chạy thì lửa cũng bộc phát như vậy. Khi chạy đến gan cửa, cửa tự nhiên khép lại. Tội nhân té xuống và nằm trên nền sắt nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau khổ vô cùng, như vạn thứ độc cùng kéo đến một lúc. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân trong địa ngục này, đôi mắt của họ chỉ thấy toàn là màu hung ác; tai chỉ nghe toàn là âm thanh dữ; mũi chỉ ngửi toàn là mùi hôi thối; thân xúc chạm toàn là những sự đau đớn; ý luôn luôn nghĩ đến điều ác. Lại nữa, tội nhân ở đây không có một giây phút nào là chăng khô. Vì thê gọi là địa ngục Vô Gián. . Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, bất ngờ họ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh hình phạt cũng như thế và sau đó thì tội nhân mạng chung. Bây giơ, đức The Ton liên noi bài kê: Thân tạo nghiệp bất thiện, Khẩu, ý cũng bất thiện, Đều đọa địa ngục Tưởng, Sợ hãi, lông dựng ngược. Ngỗ nghịch với cha mẹ, Hủy báng Phật, Thanh văn, Thì đọa ngục Dây Đen, Khổ đau không thể tả. Vì tạo ba ác nghiệp, Không tu ba thiện hạnh, Nên đọa ngục Đá Ép, Khổ đau không thể tả. Sân hận và độc hại, Sát sanh tay vấy máu, Hoặc tạo những hạnh ác, Đều đọa ngục Kêu La.

30. KINH THẾ KÝ 405

Thường có những tà kiên, Bị lưới ái bủa kín, Tạo hạnh đê hèn này, Thì đọa ngục La Lớn. Thường hành nghề thiêu nướng, Thiêu nướng các chúng sanh, Đều đọa ngục Thiêu Nướng, Chịu thiêu nướng mãi mãi. Từ bỏ các thiện nghiệp, Thiện quả, đạo thanh tịnh, Làm các hạnh ác tệ, Đọa ngục Thiêu Nướng Lớn. Làm các tội cực trọng, Quyêt sanh vê cõi ác, Và đọa ngục Vô Gián, Thọ tội không thể tả. Ngục Tưởng, ngục Dây Đen, Đá Ép và Kêu La, Thiêu Nướng, Thiêu Nướng Lớn, Thứ tám là Vô Gián. Tám địa ngục lớn đó, Toàn là màu lửa đỏ, Đều do ác nghiệp cũ? Ngục nhỏ có mười sáu. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, giữa hai núi Kim Cang Lớn có cơn gió to bộc phát, tên r 9 e r X • . là Tăng-khư. Nêu như ngọn gió này thôi đên bôn châu thiên hạ và tám mươi ngàn thiên hạ khác, gió sẽ thổi đại địa này và các núi chúa Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến trăm dặm, gió thổi ù ù trong hư không, tất cả chướng ngại vật đều bị cuốn đi.

Ví như người tráng sĩ tay nắm một nắm trấu nhẹ, tung lên trong hư không, trấu ấy, giả như gặp sức gió lớn thổi đến mà bay tứ tung. Cơn gió này thổi tung thiên hạ cũng giống như thế. Do vì có hai hòn núi Kim Cang Lớn ngăn chặn được ngọn gió trên, cho nên gió không đến được. Này các Tỳ-kheo, nên biết: Hai hòn núi Kim Cang này có rất nhiều sự lợi ích, đồng thời cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên. Hơn nữa, khoang giữa hai núi Kim Cang ây co ngọn gio nong hừng hực, nêu như gió ây thổi đến bốn châu thiên hạ thì những chúng sanh trong đó và ngay cả núi non, biển cả, sông ngòi, cây cối, rừng rậm đều sẽ bị cháy khô. Cũng như giữa cơn nắng hè, cắt một nắm cỏ non để giữa buổi trưa thì cỏ liền khô héo. Ngọn gió kia cũng thê. Nêu như ngọn gió đó thôi đên thê giới này thì sức gió nóng đó sẽ thiêu rụi tất cả. Do có hai hòn núi Kim Cang này ngăn chặn được ngọn gió ấy, không thể thổi đến được. Này các Tỳ-kheo, nên biết: Hai hòn núi Kim Cang này có rất nhiều lợi ích và đồng thời cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên. Lại nữa, giữa hai hòn núi ấy có một ngọn gió bất tịnh, mùi tanh hôi nồng nặc; nếu như ngọn gió ấy thổi đến bốn châu thiên hạ này sẽ khiến cho chúng sanh bi mù lòa. Nhưng vì có hai hòn núi Kim Cang Lớn này ngăn chặn nên ngọn gió này không thể thổi đến được. Này các Tỳ-kheo, nên biết: Hai hòn núi Kim Cang này có rất nhiều lợi ích9 đồng thời cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên. Hơn nữa, giữa hai hòn núi này lại có mười địa ngục: Một tên là địa ngục Mây Dày; hai tên là địa ngục Không Mây; ba tên là địa ngục ối ối; bốn tên là địa ngục Than ôi (Nại Hà); năm tên là địa ngục Dê Kêu; sáu tên là địa ngục

Tu-càn-đề; bảy tên là địa ngục ưu-bát-la; tám tên là địa ngục Câu-vật-đầu; chín tên là địa ngục Phân-đà-lợi; mười tên là địa ngục Bát-đầu~ma. Thế nào gọi là địa ngục Mây Dày? Nghĩa là tội nhân ở trong địa ngục này, tự nhiên sanh ra thân thể như đám mây dày, cho nên gọi là địa ngục Mây Dày. Thế nào gọi là địa ngục Không Mây? Nghĩa là tội nhân trong địa ngục này, tự nhiên sanh ra thân thê như cục thịt, cho nên gọi là địa ngục Không Mây. Thê nào gọi là địa ngục ối ối? Nghĩa là tội nhân trong địa ngục này, khi chiu sự hành hình thì toàn thân đau đớn, rồi rên la "ối 6i" (ha ha), cho nên gọi là địa ngục Ối Ối. Thế nào là địa ngục Than ôi? Nghĩa là ở trong địa ngục này, chúng sanh khi chiu tội, đau khổ vô cùng, không có nơi nương tựa nên thốt lên “Than 6i!“, cho nên gọi là địa ngục Than ôi. Thế nào gọi là địa ngục Dê Kêu? Nghĩa là ở trong địa ngục ấy, khi chúng sanh bị hành hình, thân thể đau đớn, muốn thốt lên lời nhưng lưỡi không cử động được nên nói như dê kêu. Vì thế gọi là địa ngục Dê Kêu. Thế nào gọi là địa ngục Tu-càn-đề? Nghĩa là trong địa ngục này chỉ toàn màu đen, cũng như màu hoa tu-càn-đề, cho nên gọi là địa ngục Tu-càn-đề. Thế nào gọi là địa ngục Ưu-bát-la? Nghĩa là trong địa ngục này chỉ toàn là màu xanh, như màu hoa ưu-bát-la9 cho nên gọi là địa ngục Ưu-bát-la. Thế nào gọi là địa ngục Câu-vật-đầu? Nghĩa là trong địa ngục này toàn là màu hồng, như màu hoa câu-vật-đầu, cho nên gọi là địa ngục Câu-vật-đầu. Thế nào gọi là địa ngục Phân-đà-lợi? Nghĩa là trong địa ngục ấy toàn là màu trắng, như màu hoa phân-đà-lợi, cho nên gọi là địa ngục Phân-đà-lợi. Thế nào gọi là địa ngục Bát-đâu-ma? Nghĩa là trong địa ngục ây toàn là màu đỏ, cũng như màu hoa bát-đầu-ma? cho nên gọi là địa ngục Bát-đầu-ma. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, ví như có một cái thùng chứa

đầy sáu mươi bốn hộc hạt mè, trong khi đó có một người cứ trăm năm lay đi từng hạt mè, như vậy cho đến hết thì hình phạt ở địa ngục Mây Dày cũng chưa chấm dứt. Chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Mây Dày thì bằng một tuổi ở địa ngục Không Mây; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Không Mây thì bằng một tuổi ở địa ngục ối ối; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục ối ối thì bằng một tuổi ở địa ngục Than Oi; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Than Oi thì băng một tuổi ở địa ngục Dê Kêu; hai mươi tuổi ở địa ngục Dê Kêu thì bằng một tuổi ở địa ngục Tu-càn- đề; hai mươi tuổi ở địa ngục Tu-càn-đề thì bằng một tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la; hai mươi tuôi ở địa ngục Ưu-bát-la thì băng một tuôi ở địa ngục Câu-vật-đâu; hai mươi tuổi ở địa ngục Câu-vật-đầu thì bằng một tuổi ở địa ngục Phân-đà-lợi; hai mươi tuổi ở địa ngục Phân-đà-lợi thì bằng một tuổi ở địa ngục Bát-đầu-ma; hai mươi tuổi ở địa ngục Bát-đầu-ma thì gọi là một trung kiếp; hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp. Trong địa ngục Bát-đầu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhân còn cách ngọn lửa khoảng trăm do-tuần mà đã bị lửa thiêu nướng; nếu cách tội nhân sáu mươi

do-tuần thì hai tai bị diếc, không còn nghe gì cả; nếu cách năm mươi do-tuần thì đôi mát bị mù lòa, không còn thây gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê dùng tâm độc ác, hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên, cho nên sau khi mạng chung, phải đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này. Bấy giờ, vi Phạm vương liền nói bài kệ sau đây: Phàm con người ở đời, Búa rìu từ trong miệng, Sở dĩ giết chết mình, Là do lời nói độc. Người đáng chê thì khen, Người đáng khen thì chê, Đây thuộc nghiệp ác khẩu, Mà thân chiu hành hình. r Dùng chú thuật đoạt lợi, Tội ây cũng còn nhẹ, Nếu hủy báng Thánh hiền, Thì tôi áy rát nặng. Không Mây, tuổi trăm ngàn, Mây Dày, tuổi bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, khâu làm ác. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo? vi Phạm thiên ấy đã nói bài kệ như thế, là nói lời chân chánh, đã được đức Phật chấp thuận. Tại sao? Vì nay Ta là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói ý nghĩa như thế: Phàm con người ở đời, Búa rìu từ trong miệng, Sở dĩ giết chết mình, Là do lời nói độc. Người đáng chê thì khen, Người đáng khen thì chê, Đây thuộc nghiệp ác khẩu, Mà thân chịu hành hình. r Dùng chú thuật đoạt lợi, Tội ây cũng còn nhẹ, Nếu hủy báng Thánh hiền, Thì tội ấy rất nặng. Không Mây, tuổi trăm ngàn, Mây Dày, tuổi bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, khẩu làm ác. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, vê phía Nam châu Diêm-phù-đê, trong núi Kim Cang Lớn có cung của Vua Diêm-la, cõi vua cai trị ngang dọc sáu ngàn do-tuàn, thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây và vô số chim chóc cùng ca hót líu lo, như các cảnh khác. Tại chỗ Vua Diêm-la ngự, ngày đêm ba thời đều có vạc đồng lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Nêu như vạc đông xuất hiện ở nội cung thì vua cảm thây sợ hãi, liền ra ngoài cung; nếu như vạc đong đi ra ngoài cung thì vua cảm thấy sợ hãi, liền đi vào nội cung. Ngục tốt bắt Vua Diêm-la nằm trên bàn sắt nóng dùng móc sắt cạy miệng, mở ra, rồi rót nước đồng sôi vào, khiến cả môi lưỡi, từ yêt hâu đên bụng, từ trên xuông dưới đêu bị cháy tiêu. Sau khi chiu hình phạt xong, nhà vua và thể nữ cùng vui chơi. Các vị đại thần cũng cùng hưởng được phúc báu như thế.

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có ba vi sứ giả. Ba vị ấy là ai? Một là già; hai là bệnh; ba là chết. Nếu có chúng sanh nào, thân làm ác, miệng nói lời độc ác, tâm nghĩ ngợi điều ác, sau khi qua đời bi đọa vào địa ngục. Lúc d6, ngục tốt dẫn tội nhân đến Vua Diêm-la; đến nơi, liền thưa: "Bây là người mà thiên sứ đòi. Vậy cúi xin Đại vương hãy hỏi cung hắn!" Vua Diêm-la hỏi tội nhân: "Ngươi không thấy sứ giả thứ nhất sao?" Tôi nhan đáp: "T6i không thay." Vua Diêm-la nói tiếp: "Khi nhà ngươi còn ở trần thế, có thấy người nào già nua, đầu bạc, răng rụng, mắt mờ, da thịt nhăn nheo, lưng còm chống gậy, đi đứng lụm cụm, thân thể run rẩy, sức khỏe hao mòn. Ngươi có thấy người như thế kh6ng?" Tôi nhân đáp: "C6 thấy!" Vua Diêm-la nói tiêp: "Tại sao ngươi không tự nghĩ: 'Ta cũng sẽ như vậy?,^, Tội nhan đáp: "Vì lúc đó, tôi buông lung, không tự biết duqc." Vua Diêm-la nói: "Ngươi buông lung, không tu tập về thân, khẩu và ý9 không từ bỏ việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự buông lung." Vua Diêm-la lại nói: "Nay ngươi phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải lỗi của Thiên dế, cũng không phải lỗi của Tổ tiên, cũng không phải lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải lôi của Sa-môn9 Bà-la-môn. Chính ngươi làm ác nên chính ngươi phải chịu tội.,, Bấy giờ, vua Diêm-la cho vị thiên sứ thứ nhất hỏi cung tội nhân xong, lại cho vi thiên sứ thứ hai hỏi cung tội nhân: "Thế nào, nhà ngươi có thấy vị thiên sứ thứ hai không?^ Tội nhân đáp: "Không thấ!" Vua Diêm-la hỏi tiếp: "Khi ngươi còn là người, ngươi có thấy kẻ bệnh tật, khốn đốn, nằm lăn lóc trên giường, thân thể lăn lộn trên phẩn dãi hôi thối, không thể đứng dậy được,

Cần phải có người đút cơm cho, đau nhức từng lóng xương, nước mắt chảy dầm dề5 không thể nói năng được. Ngươi có thấy người như thế chng?" Tôi nhân đáp: "C6 thấy!" Vua Diêm-la nói tiếp: "Tại sao nhà ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ bệnh hoạn như vậy?9,5 Tôi nhan đáp: "Vi khi buông lung, tôi không tự biết được/9 Vua Diêm-la nói tiếp: "Vi chính ngươi buông lung, cho nên không thể tu tập về thân, khẩu và ý, không từ bỏ việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết thế nào là cái khổ của sự buông lung." Vua lại nói: "Nay nhà ngươi phải chiu tội, không phải là tội của cha mẹ, không phải là tội của anh em, cũng không phải tội của Thiên đế, cũng không phải tội của Tổ tiên, cũng không phải tội của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, cũng không phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn. Vì chính ngươi làm ác nên chính ngươi phải chịu toi." Khi Vua Diêm-la cho vị thiên sứ thứ hai hỏi cung tội nhân xong, bấy giờ cho vi thiên sứ thứ ba hỏi cung: "Thế nào, nhà ngươi có thấy vị thiên sứ thứ ba kh6ng?" Tôi nhân đáp: "Không thấy!" Vua Diêm-la hỏi tiếp: "Khi còn làm người ngươi cỏ thây người chét, thân hư hoại, mạng chung, các giác quan đều diệt hẳn, thân thể ngay đơ cũng như cây khô, vứt bỏ ngoài gò mả để cho cầm thú ăn thịt hoặc để trong quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt chang?99 Tôi nhan đáp: "Thật có thay!" Vua Diêm-la nói tiếp: "Tại sao nhà ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ chết giống như người đó, chẳng khác gi?"' rr^ A' 1 A J. r Tôi nhan đáp: "Vi khi buông lung, tôi không thể tự biết được.,, Vua Diêm-la

nói: "Vi chính ngươi buông lung, cho nên không thể tu tập về thân, khẩu và ý, không cải đổi việc ác mà làm theo điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.”

410 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vua lại nói: "Nay ngươi phải chịu tội, không phải là tội của cha mẹ, không phải là tội của anh em, cũng không phải tội của Thiên dế, không phải tội của Tổ tiên, cũng không phải tội của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, cũng không phải tội của Sa- môn, Bà-la-môn. Vì chính ngươi làm ác nên chính ngươi phải chiu toi." Bấy giờ, Vua Diêm-la cho vị thứ ba hỏi cung xong thì giao lại cho ngục tốt. Khi đó, ngục tốt liền dẫn đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một trăm do-tuân, chiêu sâu một trăm do-tuân. Khi ấy, đức Thế Tôn bèn nói bài kệ: Bốn hướng có bốn cửa, Ngõ ngách đều giống nhau, Dùng sắt làm tường ngục, Trên che màn lưới sắt, Dùng sắt làm nền ngục, Tự nhiên lửa bộc phát, Ngang dọc trăm do-tuần. Đứng yên, không di động, Lửa đen phừng phục cháy, Dữ dội, không thể thấy. Có mười sáu ngục nhỏ, Lửa cháy do ác hạnh. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, khi ây Vua Diêm-la tự nghĩ: "Chúng sanh ở thê gian vì mê lâm, không ý thức nên thân làm ác, miệng nói lời độc ác, ý nghĩ điêu ác. Do đó, sau khi lâm chung ít có ai không chịu khổ ở địa ngục này. Nếu như, những chúng sanh ở thế gian, cải đổi điều ác, dùng thân, khẩu, ý để thực hiện theo điều lành, sau khi lâm chung sẽ được an vui như hàng chư thiên vậy. Nếu ta lâm chung mà được sanh vào cõi người, gặp được đức Như Lai, sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đem lòng tin trong sạch đê tu hành Phạm hạnh. Những điều cần làm đã làm xong, đã đoạn trừ sanh tử, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, không còn tái sanh." Bấy giờ, đức Thế Tôn đọc bài kệ sau đây: Dù đã thấy thiên sứ, Nhưng vẫn còn buông lung, Họ ôm lòng lo sợ, Sanh vào chốn ti tiện. Nếu người có trí tuệ, Khi thấy thiên sứ đền, Liên gân pháp Hiên thánh, Mà không còn buông lung, Thấy thọ sanh thì sợ, Vì còn già, bệnh, chết. Không thọ sanh, giải thoát, Hết sanh, già, bệnh, chết, Người đó được an ổn. Hiện tại chứng vô vi, Đã vượt qua lo sợ, Chắc chắn đạt Niết-bàn.

30. KINH THẾ KÝ 411

5. PHẨM LONG ĐIỂU

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có bốn loại rồng. Bốn loại rồng là gì? Một là sanh từ trứng, hai là sanh ra từ bào thai, ba là sanh ra từ nơi âm tháp, bôn là hóa sanh. Đó là bốn loại rồng. Lại có bốn loại chim Kim Si. Bốn loại chim Kim Si là gì? Một là sanh từ trứng, hai là sanh ra từ bào thai, ba là sanh ra từ nơi ẩm thấp, bốn là hóa sanh. Đó là bốn loại chim Kim Si. Này các Tỳ-kheo5 ở đáy đại dương có cung điện của vua rồng Ta-kiệt? ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Lại nữa, giữa núi chúa Tu-di và núi Khư-đà-la có cung điện của vua rồng Nan-đà và vua rông Bạt-nan-đà. Môi cung điện ngang dọc sáu mươi do-tuân, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót

líu lo, cũng như các cõi khác. Phía Bắc bờ đại dương có một loại cây lớn tên Cứu-la-diêm-ma-la. Cả rồng chúa và chim Kim Si cũng có loại cây này, thân cây to bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, nhánh lá phủ bốn bề năm mươi do-tuần. Phía Đông cây lớn này có cung điện của loài rồng chúa sanh ra từ trứng, cung điện của loài chim Kim Si sanh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. Phía Nam cây Cứu-la-diêm-ma-la có cung điện của loài rồng chúa và loài chim Kim Si sanh ra từ bào thai. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. Phía Tây cây Cứu-la-diêm-ma-la có cung điện của loài rồng chúa và loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc sáu trăm do- tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác.

Phía Băc cây Cứu-la-diêm-ma-la có cung điện của loài rông chúa và loài chim Kim Si từ hóa sanh. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. r r 7 A

Nêu khi loài chim Kim Si sanh ra từ trứng muôn băt rông sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương, rẽ nước hai bên rộng hai trăm do-tuần, đồng thời bắt loài rong sanh ra từ trứng đe ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nhưng chúng không thê bát các loài rông sanh ra từ bào thai, từ chô âm tháp, từ hóa sanh. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ bào thai muốn bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xu6ĩìg, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng hai trăm do-tuần5 rồi băt loài rồng sanh ra từ trứng đê ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ bào thai muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ bào thai thì từ nhánh ở hướng Nam của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuốriẸ, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, roi bát loài rông sanh ra từ bào thai đê ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nhung chúng không thể bắt ăn thịt các loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp, từ hóa sanh. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ trứng thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ bào thai thì từ nhánh ở hướng Nam của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần5 rồi bắt loài rồng sanh ra từ bào thai để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp thì từ nhánh ở hướng Tây của cây

Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng tám trăm do- tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm tháp đê ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nhưng chúng không thể bắt loài rồng từ hóa sanh để ăn thịt. Nếu khi loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ trứng thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu khi loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ bào thai thì từ nhánh ở hướng Nam của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng bôn trăm do-tuân, roi bắt loài rồng sanh ra từ bào thai đe ăn thịt một cách tùy ý tự tại.

30. KINH THẾ KÝ 413

Nếu khi loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp thì từ nhánh hướng Tây của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng từ hóa sanh thì từ nhánh ở hướng Bắc của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng một ngàn sáu trăm do-tuân, roi bát loài rông từ hóa sanh để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Đó là các loài rồng bi loài chim Kim Si ăn thịt. Tuy nhiên, có những loài rông lớn mà loài chim Kim Si không thê ăn thịt được. Những loài rông đó là gì? Là các rồng chúa Ta-kiệt-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Y-na-bà-la, Đề-đầu-lại-tra, Thiện Kiến, A-16, Ca-câu-la, Ca-tỳ-la, A-bà-la, Ca-nậu, A-nậu-đạt, Thiện Trú, Ưu-diệm-ca-bà-đầu 5 Đắc-xoa-ca. Đó là các loài rong chúa lớn không bị các loài chim Kim Si bắt ăn thịt. Những loài rồng khác ở gần chúng cũng không bị loài chim Kim Si bat an thī

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Nêu có chúng sanh nào giữ giới rông, tâm ý nghĩ đên rông, đây đủ phép rồng thì sẽ sanh về loài rồng. Nếu có chúng sanh nào giữ giới chim Kim Si, đầy đủ những pháp chim Kim Si thì sẽ sanh vào loài chim Kim Si. Nếu có chúng sanh nào giữ giới thỏ, giới chim kiêu, tâm nghĩ đến thỏ, đến chim kiêu, đầy đủ phép tắc về thỏ, về chim kiêu thì sẽ sanh vào loài thỏ, loài chim kiêu. Nếu có chúng sanh nào giữ giới chó, giữ giới bò, hoặc giữ giới nai, hoặc giữ giới câm, hoặc giữ giới Ma-ni-bà-đà, hoặc giữ giới lửa, hoặc giữ giới mặt trăng, hoặc giữ giới mặt trời, hoặc giữ giới nước, hoặc giữ giới cúng dường lửa, hoặc tu pháp khổ hạnh ô uế. Thế rồi, họ nghĩ rằng: "Ta giữ pháp câm, pháp Ma-ni-bà-đà, phép thờ lửa, thờ mặt trời, mặt trăng, phép tê lửa, các thứ khô hạnh như thê và ta giữ gìn công đức ấy để được sanh về cõi tròd." Đấy là tà kiến. Đức Phật dạy: Ta nói hạng người có tà kiến này nhất định phải đi vào hai nơi: Hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh. Này các Tỳ-kheo, nếu như có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lập luận, có kiên giải như sau: "Bản ngã và thê gian là thường còn; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lam." Hoặc họ nói: "Bản ngã và thế gian là vô thường; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ cho rằng: "Bản ngã và thế gian vừa thường vừa vô thường; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đêu sai lam." Hoặc họ chủ trương: "Bản ngã và thế gian chẳng phải vừa thường vừa vô thường; chỉ có điêu

này là đúng, ngoài ra đêu sai

Hoặc họ quan niệm: "Bản ngã và thê gian là hữu biên; chỉ có điêu này là dúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ nói: "Bản ngã và thê gian là vô biên; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.,^ Hoặc họ nhận đinh: "Bản ngã và thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm." Hoặc họ lập luận: "Bản ngã và thế gian không phải vừa hữu biên vừa vô biên; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đêu sai lầm.” Hoặc họ chủ trương: "Mạng sông và thân thê là một; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ cho rằng: "Mạng sống và thân thể là khác; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ quan niệm: "Chăng phải có mạng sông, chăng phải không có thân thể; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.^, Hoặc họ cho răng: “Kh6ng có mạng sông, không có thân thê; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lâm.,, Hoặc họ nói rằng: UCÓ cái chết của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ lập luận: "Không có cái chết của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.,, e Ị" e r

Hoặc có người chủ trương: "C6 cái chét của đời khác như thê, không có cái chết của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai 9 7 r Hoặc có người nhận định: "Chăng phải có, chăng phải không có cái chét của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.” Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào có lập luận, có những kiên giải như sau: "Thế gian là thường, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm” những nệười đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, kiến chấp ve mạng sống, kiến chấp về thế gian, kiến chấp về thân. Vì thế họ mới nói: "Bản ngã và the gian là thuơng." Còn những người cho rằng: "V6 thương", những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, kiến chấp về thân, kiến chấp về mạng sống, kiên chấp về thế gian. Vì thế họ nói: "Bản ngã và thế gian là vô thương.” Còn những người cho răng: “Thương và vô thương", những người ây đôi với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Vì the, họ nói: "Thế gian là thường, là vô thương." Còn những người cho rằng: "Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường^, những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi), có kiên chấp về ngã, về mạng sông, vê thân, vê thê gian. Vì thê, họ nói: “Ngãi và thế gian chăng phải thường, chẳng phải vô thường."

Còn những người cho răng: "Thê gian là hữu biên,\ những người đó đôi với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Vì thế, họ nói: "Mạng sống là hữu biên, thân là hữu biên, thế gian là hữu biên.,, Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến khi vứt bỏ ngoài gò mả5 thân tứ đại này đã xoay vần như thế trải qua bảy đời. Thân mạng và hành động hết thì tự ngã nhập cõi thanh tịnh. Cho nên họ quan niệm: "Bản ngã là hữu biên.,^ Còn những người chủ trương: "Bản ngã và thê gian là vô biên”những người đó đoi với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp ve ngã, ve mạng sống, về thân, về thế gian. Bởi vậy, họ chủ trương: "Mạng sống là vô biên, thân

thể là vô biên, thế gian là vô biên." Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến khi vứt bỏ ngoài gò mả, xác thân tứ đại này đã xoay vần như vậy cho đến bảy đời. Thân mạng và hành động chấm dứt thì bản ngã nhập vào cõi thanh tịnh. Cho nên họ chủ trương: "Thế gian là vô bien?9 Còn những người nói: "Thế gian là hữu biên, là vo biên,\ những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Cho nên họ nói: “Mạng sống là hữu biên, là vô biên.^, Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến khi vứt bỏ ngoài gò mả, xác thân tứ đại này đã xoay vần như thế cho đến bảy đời. Thân mạng và hành động chấm dứt thì bản ngã nhập vào cõi thanh tịnh. Cho nên họ nói: “Bản ngã là hữu biên, là vô biên.,, Còn những chủ trương: "Bản ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên", những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Cho nên họ nói: "Mạng sống và thân thể chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biOn.” Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến lúc vứt bỏ ngoài gò mả, thân tứ đại này đã xoay vần như thế cho đến bảy đời. Thân mạng và hành động chấm dứt thì bản ngã nhập vào cõi thanh tịnh. Cho nên họ nói: "Ngãi chẳng phải là hữu biên, chẳng phải là vô biên.” Còn những người chủ trương: "Thân thể và mạng sống là mộf, thì đối với thân này, họ có kiến chấp về mạng sống; đối với thân khác, họ có kiến chấp về mạng sống. Cho nên họ nói: “Thân thể và mạng sống là m0t?9 Còn những người chủ trương: "Mạng sông và thân thê là khác” thì đôi với thân này, họ có kiến chấp về mạng sống; đối với thân khác, họ không có kiến chấp vê mạng sông. Cho nên họ nói: "Mạng sông và thân thê là khác." Có những người chủ trương: "Thân thể, mạng sống chẳng phải có, chẳng phải không,, thì ở nơi thân này, họ không có kiên chập vê mạng sông; đôi với thân khác, họ có kiến chấp về mạng sống. Cho nên họ nói: "Thân thể và mạng sống chẳng phải có, chẳng phải kh6ng." Hoặc có người cho rằng: "Không có thân thể và mạng s6ng" thì đối với thân này5 họ không có kiến chấp về mạng sống; đối với thân khác, họ cũng không có kiến chấp về mạng sống. Cho nên họ nói: "Không có thân thể và không có mạng s6ng.”

416 KINH TRƯỜNG A-HÀM

CÓ người nói: "C6 cái chết của đời khác như thế." Vì sao? Vì người đó thấy là hiện đời nay có sanh mạng và đời sau cũng có thân, có sanh mạng hoạt động. Cho nên họ nói: "C6 cái chết ở đời khác như thế." CÓ những người cho răng: "Không có cái chét của đời khác như the." Vì sao? Vì họ có kiên chập đời nay có sanh mạng, đời sau không có sanh mạng. Cho nên họ nói: "Không có cái chết của đời khác như thế." Hoặc có những người quan niệm: "Có cái chết của đời khác và không có cái chét của đời khác như the." Vì sao? Vì họ có kiên chập sanh mạng đời này chấm dứt, sanh mạng đời sau còn hoạt động. Cho nên họ nói: "C6 sanh mạng của đời khác, không có sanh mạng của đời khác như thế." Có hạng người cho rằng: "Chẳng phải có, chẳng phải không có cái chết của đời khác như the." Vì họ có kiên chập thân thê và sanh mạng đời này bi châm dứt; thân thê và sanh mạng đời sau cũng châm dứt. Cho nên họ nói: "Chăng phải có, chăng phải không có cái chét của đời khác như thê." Bấy giờ, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Ve thời quá khứ lâu xa, có vị vua tên là Cảnh Diện tập hợp những người mù lại một nơi và hỏi: "Những người mù kia, các ngươi có biết con voi không?^ Họ đáp: “Tâu Đại vương, chúng tôi không biết.” Nhà vua hỏi tiếp: "Các ngươi có muốn biết hình dáng của voi

kh6ng?" Họ đáp: "Muốn biết!” Khi ấy, nhà vua liền ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến và bảo những người mù hãy tự lấy tay sờ thử. Trong những kẻ mù đó9 có người sờ trúng lỗ mũi; có người sờ trúng ngà; có người sờ trúng lỗ tai; có người sờ trúng đầu; có người sờ trúng lưng; có người sờ trúng bụng; có người sờ trúng bắp đùi; có người sờ trúng cái chân; có người sờ trúng bàn chân; có người sờ trúng đuôi. Khi mọi người sờ trúng mỗi bộ phận thì nhà vua liền nói: "Đó là con voi dấy." Lúc ấy, Vua Cảnh Diện ra lệnh dắt con voi đi và hỏi những người mù: "Hinh dáng con voi thế nào?" Những người mù đáp: "Con voi như cái tù và”nêu họ sờ trúng lô mũi. "Con voi như cái chy", nếu họ sờ trúng cái ngà. “Con voi như cái nia", nếu họ sờ trúng lỗ tai. r y "Con voi như cái dính”nêu họ sờ trúng cái đâu.

"Con voi như gò đất", nếu họ sờ trúng cái lưng. "Con voi như bức tường", nếu họ sờ trúng cái bụng. "Con voi như gốc cây", nếu họ sờ trúng bắp đùi. "Con voi như cây cộf\ nêu họ sờ trúng cái chân. "Con voi như cái cốf\ nếu họ sờ trúng bàn chân. "Con voi như cây chổr\ nếu họ sờ trúng cái đuôi. Họ tranh cãi với nhau vê vân đê đúng sai. Chăng hạn như người này nói: "N6 như thế này"; người kia nói: "Không dúng..Tranh tụng liên miên không thôi, thậm chí còn ẩu dả, đấu tranh lẫn nhau. Bấy giờ, Vua Cảnh Diện trông thấy như thế, hoan hỷ và cười to, đồng thời nói bài kệ: Những người mù họp lại, Đê tranh cãi vê voi, Thân voi vôn một thê, Tưởng khác, tranh đúng sai. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, các hàng ngoại đạo tà kiến cũng the, vì không biết kho đế, không biết tập đế, không biết diệt đế và không biết đạo đế, cho nên có kiến giải khác nhau, tranh luận đúng sai, cho rang tôi đúng nên tranh tụng lẫn nhau. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết đúng như thật về khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Vi ấy tư duy về việc cùng nhau hòa hợp, vì cùng một thây, cùng một sự lãnh thọ, cùng như nước với sữa, Phật pháp sẽ phát triển, an lành và trường tồn. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ: Nếu người không biết khổ, Không biết chỗ khổ sanh, Cũng lại không biết khổ, Và chỗ khổ diệt tận, Đồng thời cũng không biết, Con đường diệt khổ, tập, Xa lìa tâm giải thoát, Huệ giải thoát cũng mất. Không biết được gốc khổ, Nguồn sanh, lão, bệnh, tử, Nếu biết rõ khổ đế, Và nguyên nhân của kho, Nhận thức được khổ ấy, Và chỗ khổ diệt tận, Lại hay khéo phân biệt, Con đường diệt khổ, tập, Thì tâm được giải thoát, Huệ giải thoát cũng thế. Người ấy dứt hết được, Căn bản của khổ ấm, Hết sanh, lão, bệnh, tử, Nguôn góc của thọ, hữu. Này các Tỳ-kheo, thế nên các ông hãy khéo tìm phương tiện tư duy về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế.

6. PHẢMA-TU-LUÂN

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -về phía Bắc núi Tu-di dưới đáy đại dương có thành A-tu-luân La-ha ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần, có bảy lớp thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành; thành cao ba ngàn do-tuần9 rộng hai ngàn do-tuần; cửa thành cao hai ngàn do-tuần?

rộng một ngàn do-tuần; thành bằng vàng thì cửa bằng bạc; thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. Vua a-tu-luân cai tri thành nhỏ, thành này ở trong thành lớn, tên là Luân- thâu-ma-bạt-tra ngang dọc sáu mươi ngàn do-tuần5 có bảy lớp thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành; thành cao ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần; cửa thành cao hai ngàn do-tuần, rộng một ngàn do-tuần; thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành băng bạc thì cửa bằng vàng,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. ở trong thành ấy có xây riêng một nghĩa đường, tên là Thất-thi-lợi-sa; điện đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành; nền của nghĩa đường toàn bằng xà cừ; cột kèo toàn bảy báu; những cây cột trong điện đường to ngàn do-tuần, cao mười ngàn do-tuần; dưới mỗi gốc cột đều có tòa Chánh pháp ngang dọc bảy trăm do-tuần5 điêu khắc, chạm trổ đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành; nhà có bốn cửa và đều có lan can bao quanh, có bảy lớp sân, bảy lớp tầng cấp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đêu do bảy báu tạo thành,... có vô so chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Vê phía Bác nghĩa đường có cung điện a-tu-luân ngang dọc một vạn do- tuần9 cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác, về phía Đông nghĩa đường có vườn rừng Sa la ngang dọc một vạn do-tuần, vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đêu do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác, về phía Nam nghĩa đườnẹ có vườn Cực Diệu ngang dọc một vạn do-tuần9 phong cảnh như vườn Sa-la. Ve phía Tây nghĩa đường có vườn Diệm-ma ngang dọc một vạn do-tuần, cảnh trí cũng như vườn Sa-la. Phía Bắc nghĩa đường có vườn Lạc Lâm ngang dọc một vạn do-tuần, phong cảnh cũng như vườn Sa-la. Giữa vườn Sa-la và vườn Cực

30. KINH THẾ KÝ 419

Diệu CÓ sanh loại cây Trú Độ gốc cây to bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, nhánh lá phủ bốn bề năm mươi do-tuần9 chung quanh cây có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Lại giữa khu vườn Diệm-ma và vườn Lạc Lâm có ao Bạt-nan-đà, nước ao trong mát, không có vẩn đục, có bảy lớp hào báu và bậc đá bao quanh, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Hơn nữa, trong ao lại sanh bốn thứ hoa; hoa lá lớn một do-tuần, mùi hương thơm xa một do-tuần9 gốc hoa lớn như bánh xe, tiết ra một chất màu trăng như sữa, vị ngọt như mật, lại có vô sô chim chóc ca hót líu lo. Lại nữa, bên bờ ao có bảy lớp thêm? sân có bảy lớp tường, cửa, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,.. có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Lại có cung điện thuộc hạ thần của vua a-tu-luân ngang dọc mười ngàn do- tuần, có loại chín ngàn do-tuần, có loại tám ngàn do-tuần? cung điện nhỏ nhất là một ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có

vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Hơn nữa, cung điện của tiểu a-tu-luân ngang dọc một ngàn do-tuần5 có loại chín trăm do-tuần, có loại tám trăm do-tuần, loại nhỏ nhất là một trăm do-tuần; mỗi cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Vê phía Bác nghĩa đường có đường tam cáp băng bảy báu dân vào trong cung. Lại có con đường tam cáp dân đên vườn Sa-la và có con đường tam cáp dẫn đến vườn Cực Diệu, có con đường tam cấp dẫn đến vườn Diệm-ma, có con đường tam cấp dẫn đến vườn Lạc Lâm, có con đường tam cấp dẫn đến vườn cây Trú Độ, có con đường tam cấp dẫn đen ao Bạt-nan-đà, có con đường tam cấp dẫn đến cung điện các vi đại thần, có con đường tam cấp dẫn đến cung điện tiểu a-tu-luân. Nếu khi vua a-tu-luân muốn đi đến vườn Sa-la để ngoạn cảnh, liền nghĩ đến Vua Tỳ-ma-chât-đa A-tu-luân; đông thời, Vua Tỳ-ma-chât-đa A-tu-luân cũng lại tự nghĩ: "Nay Vua La-ha A-tu-luân đang nghĩ đến ta", liền tự trang sức lấy và ngự trên xe báu có đại chúng vô số hầu cận chung quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi ấy, vua a-tu-luân lại nghĩ đen Vua La- ha A-tu-luân, đồng thời Vua La-ha A-tu-luân lại tự nghĩ: “Nay vua a-tu-luân đang nghĩ đến ta”, liền tự trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số đại chúng theo hầu chung quanh đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Lúc đó, vua a-tu-luân lại nghĩ đến Vua Diệm-ma-la A-tu-luân; đồng thời, Vua Diệm-ma-la A-tu-luân cũng tự nghĩ: "Nay vua a-tu-luân đang nghĩ đên ta5\ liên

tự trang sức lây và ngự trên xe báu, có vô sô đại chúng theo hâu chung quanh đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi đó, vua a-tu-luân lại nghĩ đên đại thân của vua a-tu-luân; đông thời, các đại thần ấy cũng tự nghĩ: "Nay nhà vua đang nghĩ đến ta", lin tự trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số đại chúng theo hầu chung quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Lúc ấy, vua a-tu-luân lại nghĩ đến các tiểu a-tu-luân; tiểu a-tu-luân cũng tự nghĩ: "Nay nhà vua đang nghĩ về ta", liền tự tay trang sức và ngự lên xe báu, có vô số đại chúng theo hầu chung quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi vua a-tu-luân tự thân mặc y báu và ngự trên xe báu, cùng vô số đại chúng theo hầu chung quanh, đi đến vườn Sa-la, tự nhiên có cơn gió thổi đến làm cho cánh cửa tự mở; tự nhiên có cơn gió thổi đến làm cho đất sạch sẽ; tự nhiên có cơn gió thổi làm cho hoa rơi trên mặt dát, xác hoa lên đên đâu gói. Khi vua a-tu-luân đã vào khu vườn này xong, họ cùng nhau vui chơi, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đen bảy ngày. Sau khi vui chơi xong, họ trở lại cung điện. Sau đó, họ lại đi du ngoạn cảnh vườn Cực Diệu, vườn Diệm-ma, vườn rừng Lạc Lâm, với những phong cảnh cũng như trên. Nhất là vua a-tu-luân thường xuyên có năm Đại A-tu-luân túc trực hầu cận hai bên. Một là Tróc Trì, hai là Hùng Lực, ba là Võ Di, bốn là Đầu Thủ, năm là Tồi Phục. Năm Đại A-tu-luân này còn thường hầu hạ hai bên. Cung điện của vua a-tu-luân ở dưới đáy biển, còn nước thì ở trên, đồng thời được bôn ngọn gió duy trì: Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bát Động phong, bốn là Kiên cố phong. Chúng giữ cho nước biển treo lơ lửng trong hư không, cũng như mây nổi, cách cung điện a-tu-luân một vạn do-tuần, không bao giờ rớt xuống. \ r Vua

a-tu-luân có phúc báu, công dức, uy thân như thê.

30. KINHTHẾKÝ* 421

7. PHÀM TỨ THIÊN VƯƠNG

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Cách phía Đông núi Tu-di một ngàn do-tuần thì có thành của Đề-đầu-lại- tra Thiên vương tên là Hiền Thượng, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây, bảy lớp màn lưới trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Cách phía Nam núi Tu-di một ngàn do-tuần, có thành của Tỳ-lâu-lặc Thiên vương tên là Thiện Kiến, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Cách phía Tây núi Tu-di một ngàn do-tuần, có thành của Tỵ-lâu-bác-xoa Thiên vương tên là Châu-la Thiện Kiến, dọc ngang sáu ngàn do-tuần5 thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Cách phía Bác núi Tu-di một ngàn do-tuân, có ba thành của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Một là tên Khả úy; hai tên là Thiên Kỉnh; ba tên là Chúng Quy. Mỗi thành ngang dọc sáu ngàn do-tuần, thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Phía Bắc thành Chúng Quy có khu vườn rừng tên Già-tỳ-diên-đầu ngang dọc bốn mươi do-tuần5 chung quanh có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Giữa khu vườn và thành này có ao Na-lân-ni ngang dọc bốn mươi do-tuần? nước ao trong trẻo không có vẩn đục; hào bằng bảy báu; bờ ao bằng dá, với bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành, trong ao có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, màu sắc hỗn hợp, ánh sáng chiêu tỏa nửa do-tuân, mùi hương phảng phát cả nửa do-tuân5 cuông hoa lớn như trục xe và đồng thời tiết ra một chất nước màu trắng như sữa, vi ngọt như mật,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Ngoại trừ cung điện Nhật Nguyệt, còn các cung điện của Tứ Thiên Vương đều ngang dọc bốn mươi dotuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can,

422 KINH TRƯỜNG A-HÀM

bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Ngoài các cung điện ấy, có cung điện ngang dọc bốn mươi do-tuàn? hoặc hai mươi do-tuân và cung điện nhỏ nhát ngang dọc năm do-tuân. Từ thành Chúng Quy có con đường tam cáp băng báu dân đên thành Hiên Thượng; lại có các con đường tam cap dân đên thành Thiện Kiên; lại có con đường tam cap dân đến thành Châu-la Thiện Kiến; lại có con đường tam cấp dẫn đến thành Khả Úy, thành Thiên Kỉnh; lại có con đường tam cấp dẫn đến vườn Già-tỳ-diên-đầu; lại có con đường tam cấp dẫn đến ao Lân-ni; lại có con đường tam cấp

dẫn đến cung điện thuộc các đại thần của Tứ Thiên Vương. Nêu khi Tỳ-sa-môn Thiên vương muôn ngự giá đên vườn Già-tỳ-diên-đâu đê ngoạn cảnh, liền nghĩ đến Đề-đàu-lại Thiên vương; đồng thời, Đề-đàu-lại Thiên vương cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta9\ liền tự tay trang sức lây và ngự frên xe báu, có vô sô thân càn-thát-bà hâu cận chung quanh đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương và đứng qua một bên. Khi đó, Tỳ-sa-môn Thiên vương lại nghĩ đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương; đồng thời Tỳ-lâu-lặc Thiên vương cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ về ta", liền tự tay trang sức lây và ngự trên xe báu, có vô sô thân cưu-bàn-trà hâu cận chung quanh, đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương và đứng qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương lại nghĩ đến Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương; đồng thời Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ về ta", liền tự tay trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số thần ròng hầu cận chung quanh đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương và đứng qua một bên. Khi đó, Tỳ- sa-môn Thiên vương lại nghĩ đên các đại thân; đông thời các vị đại thân cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đên ta9\ liên tự tay trang sức lây và ngự trên xe báu, có vô sô vi thiên hâu cận chung quanh, đi đên trước Tỳ-sa- môn Thiên vương và đứng qua một bên. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương lập tức mặc y phục băng báu và ngự trên xe báu cùng với vô sô trăm ngàn thiên thân đi đến vườn Già-tỳ-diên-đầu, tự nhiên có cơn gió thổi đến làm cho cánh cửa tự mở; lại tự nhiên có gió thổi làm sạch sẽ đất đai và tự nhiên gió thổi làm cho hoa rụng ĩ r r y r r kháp mặt đát, xác hoa lên đên đâu gói. Bây giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương ở trong ngự uyển cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày. Sau khi ngoạn cảnh xong thì trở lại trong cung. Hơn nữa, Tỳ-sa-môn Thiên vương thường xuyên có năm đại quỷ thần hầu cận hai bên, một là Bác-xà-lâu, hai là Đàn-đề-la, ba là Hê-ma-lạt-đà, bốn là Đe- yêt-la, năm là Tu-dật-lộ-ma. Năm vị quỷ thân này thường xuyên đi theo hâu cận Tỳ-sa-môn Thiên vương. Tỳ-sa-môn Thiên vương có phúc báu, công đức và uy thần lớn lao như thế.

30. KINH THẾ KÝ 423

8. PHẨM ĐAO-LỢI THIÊN

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Trên đỉnh núi chúa Tu-di có thành Tam Thập Tam thiên, ngang dọc rộng tám vạn do-tuần, thành ấy có bảy lớp và bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Thành cao trăm do-tuần, trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Cứ cách nhau năm trăm do-tuàn thì có một cửa và mỗi cửa đều có năm trăm quỷ thần phòng thủ để bảo vệ Tam Thập Tam thiên. Nếu thành bằng vàng thì cửa băng bạc, thành băng bạc thì cửa băng vàng,... vô số chim chóc hòa ca, cũng như các cảnh khác. Trong thành lớn ây lại có một thành nhỏ, ngang dọc rộng sáu vạn do-tuân, thành này có bảy lớp và bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo nên. Thành cao trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần. Cứ cách nhau năm trăm do-tuần thì có một cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Mỗi cửa đều có năm trăm quỷ thần đứng giữ ben cửa phòng thủ để bảo vệ Tam Thập Tam thiên. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng

vàng; thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly; thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh; thành bằng xích châu thì cửa bang mã não; thành bang mã não thì cửa bang xích châu; thành bang xà cừ thì cửa bằng các thứ báu. Vê lan can, lan can băng vàng thì tay vịn băng bạc; lan can băng bạc thì tay vịn bằng vàng; lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly; lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não; lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu; lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Phía trên lan can có các lưới báu, dưới lưới vàng thì treo chuông bạc; dưới lưới bạc thì treo chuông vàng; dưới lưới bằng lưu ly thì treo chuông thủy tinh; dưới lưới bằng thủy tinh thì treo chuông bằng lưu ly; dưới lưới bằng xích châu thì treo chuông bằng mã não; dưới lưới bằng mã não thì treo chuông bằng xích châu; dưới lưới xà cừ thì treo chuông bằng các thứ báu. Vê các hàng cây, cây băng vàng thì góc băng vàng, cành băng vàng, lá, hoa, trái bằng bạc; cây băng bạc thì góc băng bạc, cành băng bạc, lá, hoa, trái bằng vàng; với cây bằng thủy tinh thì gốc, cành bằng thủy tinh, lá, hoa, bằnệ liru ly; cây bằng lưu lỵ thì gốc, cành bằng lưu ly, hoa, lá băng thủy tinh; cây băng xích châu thì gốc bằng xích châu, hoa, lá, bằng mã não; cây bằng mã não thì gốc,

cành bằng mã não, hoa, lá bằng xích châu; cây bằng xà cừ thì gốc, cành bằng xà cừ, hoa, lá, trái bang các thứ báu. về bảy lớp thành, thành có bốn cửa và mỗi cửa có lan can. Trên bảy lớp thành đều có lâu đài, nhà cửa bao bọc chung quanh; lại có rừng cây và ao tắm, có hoa các thứ báu với màu sắc xen kẽ. Cây báu xếp hàng, hoa trái sum suê, gió thơm phảng phất khắp bốn bề làm cho lòng người khoan khoái; lại có vô số các chim kỳ lạ, như cưu, nhạn, uyên ương cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Và giữa hai thành nhỏ có Long cung Y-la-bát? ngang dọc sáu ngàn do-tuần, gom có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo nên... vô số chim chóc cùng hòa ca cũng như các cõi khác. Trong thành Thiện Kiến có Thiện Pháp đường, ngang dọc một trăm do-tuần, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Nen móng của Thiện Pháp giảng đường làm toàn bằng vàng ròng, trên phủ lưu ly, thân cột trong giảng đường có chu vi mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới mỗi gốc cột trong giảng đường đều thiết trí một pháp tòa đê cho Thiên đê ngự, ngang dọc một do-tuân, màu sác xen kẽ do bảy báu tạo thành. Pháp tòa mềm mại tựa như áo trời. Hai bên pháp tòa thì có mười sáu pháp tòa khác. Giảng đường này có bốn cửa và có lan can bao quanh do bảy báu tạo thành. Con đường thềm của giảng đường rộng năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Phía Bác Thiện Kiên đường thì có cung điện Đê-thích ngang dọc một ngàn do-tuần, cũng có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Phía Đong Thiện Kiến đường có khu vườn tên Thô Sáp, ngang dọc một ngàn do-tuần và có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong vườn Thô Sáp có

hai tảng đá được trang trí bằng vàng trên trời: Một gọi là Hiên, hai là Thiện Hiên, môi tảng đêu rộng năm mươi do-tuân, tảng đá ấy mềm mại như áo trời. Phía Nam cung Thiện Kiến có khu vườn Họa Lạc, ngang dọc một ngàn do- tuần, vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong khu vườn Họa Lạc có hai tảng đá do bảy báu tạo thành: Một là Họa, hai là Thiện Họa, mỗi tảng đá rộng năm mươi do-tuần5 tảng đá ấy mềm mại như áo trời.

Phía Tây Thiện Kiến đường có khu vườn tên là Tạp, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn này có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,.. vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong khu vườn Tạp có hai tảng đá: Một là Thiện Kiến, hai là Thuận Thiện Kiến được trang trí bằng vàng trên trời, do bảy báu tạo thành. Mỗi tảng đá rộng năm mươi do-tuần, những tảng đá ấy mềm mại như áo trời. Phía Bắc Thiện Kiến đường có khu vườn tên là Đại Hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn này có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô so chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong vườn Đại Hỷ lại có hai tảng đá: Một là Hỷ, hai là Đại Hỷ được trang trí bằng xà cừ, ngang dọc năm mươi do-tuần. Những tảng đá ấy mềm mại như áo trời. Giữa vườn Thô Sáp và vườn Họa Lạc có ao Nan-đà, ngang dọc một do-tuần. Nước ao trong xanh, không có van đục, có bảy lớp hào báu vây quanh lũy đá. Có bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lóp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Bốn mé ao đều có bốn bậc thang và có lan can bao quanh, do bảy báu tạo thành,...có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong ao Nan-đà có bôn thứ hoa xanh, vàng, đỏ, trăng, màu sác xanh, đỏ chen nhau. Mỗi đóa hoa và mỗi chiếc lá phủ cả một do-tuần, mùi hương thơm phảng phát cả một do-tuân. Cọng hoa lớn như trục xe, tiêt ra một loại nước màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Bon phía ao lại có những khu vườn, giữa vườn Tạp và Đại Hỷ có cây ten là Trú Độ. Thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do- tuần, cành lá tỏa bốn bề năm mươi do-tuần. Ke bên cây có nhà nghỉ mát ngang dọc năm trăm do-tuần. Có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô so chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Ngoài ra có các cung điện của Đao-lợi thiên khác đều ngang dọc một ngàn do-tuần, gồm có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Các cung điện của chư thiên ngang dọc chín trăm, hoặc tám trăm do-tuần và loại nhỏ nhất là trăm do-tuần. Có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Còn có các cung điện của tiểu thiên ngang dọc một trăm do-tuần, hoặc chín mươi, tám mươi do-tuần và loại nhỏ nhất là mười hai do-tuàn. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác.

Phía Bắc Thiện Kiến đường có hai con đường dẫn đến cung Đế-thích. Phía Đông Thiện Kiên đường có hai con đường dân đên vườn Thô Sáp, lại có con đường dẫn đến nhà mát Họa Lạc. Lại có con đường dẫn đến vườn Tạp. Lại có con đường dẫn đen vườn Đại Hỷ. Lại có con đường dẫn đen ao Đại Hỷ. Lại có con đường dẫn đến cây Trú Độ. Lại có con đường dẫn đến cung Tam Thập Tam thiên. Lại có con đường dẫn đến cung chư thiên. Lại có con đường dẫn đến cung Y-la-bát long vương. Nếu Đế-thích muốn ngự giá đến vườn Thô Sáp để ngoạn cảnh thì liền nghĩ đến các đại thần của Tam Thập Tam thiên. Các đại thần ấy cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta.” Họ liền tự trang sức và cưỡi xe báu có vô số thiên chúng vây quanh đến trước Đế-thích và đứng một bên. Đế-thích lại nghĩ đến chư thiên khác. Chư thiên ấy cũng tự nghĩ: “Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta.” Họ liền tự trang sức cùng với thiên chúng tự tay trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số thiên chúng cùng nhau đen trước Đe-thích và đứng một bên. Đế-thích lại nghĩ đến Y-la-bát long vương, Y-la-bát long vương cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta." long vương liền biến hóa ra ba mươi ba _ r * JL Á Tk < Ạ • JL Á JL Á ĩ / _ Ạ • r • _ JL Ạ fl? r• .w • cai đau. Moi đau đêu co sau cai răng; moi cai răng đêu co bay cai ao tăm; moi ao tăm đêu có bảy đóa hoa sen lớn, môi hoa sen có một trăm chiêc lá. Hơn nữa, trên mỗi hoa lá ấy đều có bảy ngọc nữ đánh trống, trỗi nhạc, đàn ca và khiêu vũ. Sau khi long vương biến hóa xong, bèn đến trước De-thich và đứng một bên. r A

Bây giờ, Thích-đê-hoàn-nhân trang sức các thứ ji r báu nhưe anh lạc X vào thân roi ngự trên đâu long vương Y-la-bat bậc nhát, tiêp theo hai bên đêu có mười sáu vị Thiên vương theo thứ tự mà ngự trên đầu long vương ấy. Khi Đế-thích, cùng chư thiên và quyến thuộc bao quanh, đi đến vườn Thô Sáp thì cơn gió tư nhiên thôi đến làm cho cánh cửa tự mở ra, đông thời có cơn gió tự nhiên thôi đên làm cho đát đai sạch sẽ và cũng có cơn §i6 tự nhiên thôi đên làm cho hoa rải khắp mặt đất. Các hoa xếp lớp lên đến đau gối. Lúc đó Đế-thích ngự trên hai tảng đá Hiền và Thiện Hiền, một cách tùy ý. Chư Tam Thập Tam thiên cũng theo thứ tự an tọa. Trong khi đó có một so chư thiên không được hau cận, cũng thấy được ngôi vườn ấy nhưng không vào được để vui hưởng ngũ dục. Tại sao? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đông. Lại cũng có một sô chư thiên khác cũng được thấy khu vườn ấy nhưng không được vào và không được cung vui hưởng ngũ dục. Tại vì sao? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có một số chư thiên khác, được thấy, được vào khu vườn ấy nhưng không được vui hưởng ngũ dục. Tại vì sao? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có một số chư thiên khác, được thây, được vào khu vườn áy và được vui hưởng ngũ dục. Tại sao? Bởi vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng nhau. Thế rồi, Đế-thích và thiên chúng du ngoạn trong khu vườn ây tự vui hưởng ngũ dục từ một ngày, hai ngày, cho đen bảy ngày. Sau khi vui hưởng ngũ dục xong, tất cả trở vê cung. Và vê sau, Đê-thích cũng du ngoạn các khu vườn khác như vườn Họa Lạc, vườn Tạp, vườn Đại Hỷ, sự việc cũng như trên.

30. KINH THẾ KÝ 427

Vì sao gọi là vườn Thô Sáp? Vì khi vào vườn này thì thân thể trở nên thô tháp. Vì sao gọi là vườn Họa Lạc? Vì khi vào khu vườn này thì thân thể tư nhiên có những nét vân sặc sỡ và lấy đó làm vui thích. Vì sao gọi là vườn Tạp? Vì Đê-thích thường lây ngày mùng tám, mười bôn và rằm mỗi tháng, cho phép các thể nữ, trừ các a-tu-luân, cùng với thiên tử dạo chơi tập thể trong khu vườn nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại Hỷ? Vì khi vào khu vườn này thì vô cùng vui vẻ nên gọi là Đại Hỷ. Vì sao gọi là Thiện Pháp đường? Vì ở trên nhà này để suy tư về diệu pháp và cảm thọ niềm vui thanh tịnh nên gọi là Thiện Pháp đường. Vì sao gọi là cây Trú Độ? Vì cây này có vị thần tên Mạn-đà thường trỗi nhạc mà tự vui nên gọi là Trú Độ. Vả lại, cành cây đại thọ này tỏa bốn bề, hoa lá sum suê, như vầng mây báu lớn nên gọi là cây Trú Độ. Hai bên Thích-đề-hoàn- nhân thường có mười vị đại thiên tử theo hầu cận, bảo vệ. Mười vi ấy là ai? Đó là: (1) Nhân-đà-la; (2) Cù-di; (3)Tỳ-lâu; (4) Tỳ-lâu-bà-để; (5) Đà-la; (6) Bà-la; (7) Kỳ-bà; (8) Linh-ê-nậu; (9) yật-la; (10) Nan-đầu. Thích-đề-hoàn- nhân có đại thần lực, có đại uy đức như thế. Lại nữa, châu Diêm-phù-đề có các loại hoa sống dưới nước mà người châu ấy rất quý, như hoa ưu-bát-la, hoa bát- đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi, tu-càn-đầu, các hoa này mềm mại, thơm tho tinh khiết. Còn có các loại hoa sống ở trên đất như: Hoa giải thoát, hoa chiêm- bặc, hoa bà-la-đà, hoa tu-mạn-châu-na, hoa bà-sư, hoa đong nữ. Và các châu khác như Câu-da-ni, uất-đơn-việt, Phất-vu-đãi, Long cung, Kim Si điểu cung, cũng có các loại hoa sống dưới nước và trên đất như thế. ở cung a-tu-luân, có các loại hoa sống dưới nước như hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân- đà-lợi, mềm mại thơm tho, tinh khiết, ở đây có các loại hoa sống ở trên đất như hoa thù-hảo, hoa tần-phù? hoa già-già-lợi, hoa đại già-già-lợi, hoa mạn-đà-la5 hoa đại mạn-đà-la. Và các cõi khác như Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, cũng có các loại hoa sống dưới nước và trên đất như thế. Chư thiên thì có mười phép. Mười phép ấy là gì? (1) Bay đi không giới hạn là bao xa; (2) Bay lại không giới hạn là bao xa; (3) Bay đi vô ngại; (4) Bay lại vô ngại; (5) Thân chư thiên không có da, xương, gân, mạch máu, thịt; (6) Thân không có sự dại, tiểu tiện bất tịnh; (7) Thân không mỏi mệt; (8) Thiên nữ không sanh sản; (9) Thiên nhãn quan sát không bị chướng ngại; (10) Thân thể màu sắc tùy y, nếu thích xanh thì xanh, thích vàng thì vàng; các màu đỏ, trắng theo ý mà xuất hiện. Đó là mười phép của chư thiên. Thân thì có bảy màu. Bảy màu ấy là gì? (1) Có vi thiên thì màu vàng của vàng; (2) Có vị thiên thì màu lửa; (3) Có vị thiên thì màu xanh; (4) Có vị thiên thì màu vàng; (5) Có vị thiên thì màu đỏ; (6) Có vị thiên thì màu đen; (7) Có vị thiên thì màu trang.

Chư thiên a-tu-luân cũng có đủ bảy màu như thế. Này các Tỳ-kheo? ánh sáng đom đóm không bằng ánh sáng đèn đuốc; ánh sáng đèn đuốc không bằng ánh sáng bó đuốc to; ánh sáng bó đuốc to không bằng ánh sáng đông lửa; ánh sáng đông lửa không băng ánh sáng của màu sác, thân thể, y phục, anh lạc thành quách, cung điện của Tứ Thiên Vương; và ánh sáng màu săc thân thê, y phục, thành quách, anh lạc của Tứ Thiên Vương không băng ánh sáng của Tam Thập Tam thiên; ánh sáng Tam Thập Tam thiên không bằng ánh sáng Diệm-ma thiên; ánh sáng Diệm-ma thiên không bằng ánh sáng

Đâu- suất thiên; ánh sáng Đâu-suất thiên không băng ánh sáng của Hóa Tự Tại thiên; ánh sáng Hóa Tự Tại thiên không bằng anh sáng của Tha Hoa Tự Tại thiên; ánh sáng của Tha Hóa Tự Tại thiên không bang ánh sáng màu sắc, thân the, y phục, cung điện của Phạm-ca-di thiên; ánh sáng, màu sắc, thân the, y phục, cung điện của Phạm-ca-di thiên không bằng ánh sáng của Quang Âm thiên; ánh sáng của Quang Âm thiên không bằng ánh sáng của Biến Tinh thiên; ánh sáng của Biến Tịnh thiên không bằng ánh sáng của Quả Thật thiên; ánh sáng của Quả Thật thiên không bằng ánh sáng của Vô Tưởng thiên; ánh sáng của Vô Tưởng thiên không bằng ánh sáng của Vô Tạo thiên; ánh sáng của Vô Tạo thiên không bằng ánh sáng của Vô Nhiệt thiên; ánh sáng của Vô Nhiệt thiên không bằng ánh sánh của Thiện Kiến thiên; ánh sáng của Thiện Kiến thiên không bằng ánh sáng Đại Thiện Kiến thiên; ánh sáng của Đại Thiện Kiến thiên không bằng ánh sáng của Sắc Cứu Cánh thiên; ánh sáng của sắc Cửu Cánh thiên không bằng ánh sáng của Địa Tự Tại thiên; ánh sáng của Địa Tự Tại thiên không bang ánh sáng của Phật. Từ ánh sáng của đom đóm cho đến ánh sáng của Phật, tổn^ hợp tất cả ánh sáng đó lại không bằng ánh sáng của khổ đế, ánh sáng của tập đê, diệt đế và đạo đế. Cho nên, này các Tỳ-kheo, muốn cầu ánh sáng trước hết phải cầu ánh sáng về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Nên phải tu hành như thế. Con người châu Diêm-phù-đề có thân dài ba trảu rưỡi, y phục dài bảy trửu, rộng ba trừu rưỡi. Con người châu Cù-da-ni, Phất-vu-đãi có thân cũng cao ba trửu rưỡi, y phục dài bảy trửu, rộng ba trửu rưỡi. Con người châu uất-đơn-việt có thân cao bảy trảu, y phục dài mười bốn trảu, rộng bảy trảu, ỵ phục nặng một lượng. A-tu-luân có thân cao một do-tuần5 y phục dài hai do-tuần, rộng một do- tuần, y phục nặng sáu thù. Tứ Thiên Vương thân dài nửa do-tuần, y phục dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y phục nặng nửa lượng, về Đao-lợi thiên có thân cao một do-tuần5 y phục dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y phục nặng sáu thù. Diệm-ma thiên có thân cao hai do-tuần? y phục dài bon do-tuần, rộng hai do-tuần, y phục nặng ba thù. Đâu-suất thiên có thân cao bốn do-tuần5 y phục dài tám do-tuần5 rộng bốn do-tuần5 nặng một thù rưỡi. Hóa Tự Tại thiên có thân cao tám do-tuần, y phục dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, y phục nặng một thù. Tha Hóa Tự Tại thiên có thân cao mười sáu do-tuần, y phục dài ba mươi hai do-tuần, y phục nặng nửa thù. Chư thiên trên đây tùy theo kích thước của thân mà mặc y phục vào thì tự nhiên vừa vặn. Người Diêm-phù-đề sống

30. KINH THẾ KÝ 429

trăm tuổi, tăng thì ít, giảm thì nhiều. Người châu Cù-da-ni sống hai trăm tuổi tăng ít giảm nhiêu. Người châu Phât-vu-đãi sông ba trăm tuổi, tăng thì ít giảm thì nhiều. Người châu uất-đơn-việt song đúng ngàn tuổi, không tăng không giảm. Nga quỷ sống bảy vạn tuổi, tăng thì ít giảm thì nhiều, long vương, Kim Si điểu sống một kiếp, hoặc ít hơn. A-tu-luân sống một ngàn tuổi trời, tăng thì ít giảm thì nhiều. Tứ Thiên Vương sống năm trăm tuổi trời, tăng thì ít giảm thì nhiều. Đao-lợi thiên sống một ngàn tuổi trời, tăng thì ít giảm thì nhiều. Diệm- ma thiên sống hai ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiều. Đâu-suất thiên sống bốn ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiều. Hóa Tự Tại thiên sống tám ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiêu. Tha Hóa Tự Tại thiên sông một vạn sáu ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiều. Phạm-ca-di thiên sống một kiếp, hoặc ít hơn. Quang Âm thiên sống hai

kiếp, hoặc ít hơn. Biến Tịnh thiên sống bốn kiếp hoặc ít hơn. Vô Tưởng thiên sông năm trăm kiêp hoặc ít hơn. Vô Tạo thiên sông một ngàn kiêp hoặc ít hơn. Vô Nhiệt thiên sống hai ngàn kiếp hoặc ít hơn. Thiện Kiến thiên sống ba ngàn kiếp hoặc ít hơn. Đại Thiện Kiến thiên sống bốn ngàn kiếp hoặc ít hơn. Sắc Cứu Cánh thiên sống năm ngàn kiếp hoặc ít hơn. Không Xứ thiên sông một vạn kiêp hoặc ít hơn, Thức Xứ thiên sông hai vạn một ngàn kiếp hoặc ít hơn. Bất Dụng Xứ thiên sống bốn vạn hai ngàn kiếp hoặc ít hơn, về Hữu Tưởng Vô Tưởng thiên sống tám vạn bốn ngàn kiếp hoặc ít hơn. Chúng sanh ngang đây là thọ mạng, ngang đây là thê giới, ngang đây gọi là con đường qua lại sanh lão, bệnh tử, là nhóm, tụ, ấm, giới, xứ. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Các chúng sanh đêu do bôn thứ ăn mà sanh tôn. Bôn thứ ăn là gì? Một là đoàn thực, hai là xúc thực, ba là niệm thực, bốn là thức thực. Sự ăn uống của chúng sanh không đồng. Con người Diêm-phù-đề thì lấy các thức ăn như gạo, mì, cá, thịt làm thức ăn đoàn thực. Lay y phục, tam gội làm thức ăn trơn mịn. Con người châu Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng lấy các thứ gạo, mì, cá, thịt làm thức ăn đoàn thực và lấy y phục, tắm gội làm thức ăn trơn mịn. Con người châu uất-đơn-việt thì chỉ dùng loại gạo thơm tự nhiên đầy đủ hương vi trời, làm thức ăn đoàn thực và lấy y phục, tắm gội làm thức ăn trơn min. long vương, Kim Si điểu thì lay cá, ba ba... làm thức ăn đoàn thực và lay y phục tam gội làm thức ăn trơn min. về a-tu-luân thì lấy thức ăn thanh tịnh (nhẹ) làm thức ăn đoàn thực và lấy y phục, tắm gội làm thức ăn trơn min. Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm- ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên thì lấy thức ăn thanh tịnh làm thức ăn đoàn thực và lay y phục, tắm gội làm thức ăn trơn mịn. Từ đây trở lên, chư thiên dùng thiền định, hỷ lạc làm thức ăn. Còn những loại chúng sanh nào thuộc xúc thực? Là các chúng sanh loài noãn sanh thuộc về xúc thực. Những loại chúng sanh nào thuộc về niệm thực? Có những chúng sanh dùng thức ăn bằng niệm mà tồn tại, các căn tăng trưởng, mạng sống kéo dài không dứt. Đó là niệm thực. Những loại chứng sanh nào thuộc về thức thực? Chúng sanh trong địa ngục và chư thiên cõi Vô sác, thuộc về thức thực.

y y Con người ở Diêm-phù-đê thì dùng vàng bạc, của báu, lúa, vải, đây tớ làm nghề nghiệp buôn bán để tự sinh sống. Con người Cù-da-ni thì dùng trâu, dê5 châu báu đổi chác để sinh sống. Con người châu Phất-vu-đãi thì dùng lúa, vải, châu ngọc để buôn bán hoặc làm sự sinh sống. Con người châu Uất-đơn-việt thì sinh sông không buôn bán. Con người châu Diêm-phù-đê thì có hôn nhân, có nam nữ qua lại cưới hỏi. Con người châu Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng có hôn nhân, có nam nữ cưới hỏi. Người uất-đơn-việt không có hôn nhân, không có trai gái qua lại cưới hỏi. A-tu-luân, Kim Si điểu cũng có hôn nhân, có nam nữ cưới hỏi. Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại thiên cũng có hôn nhân, nam nữ cưới hỏi. Từ đây trở lên, chư thiên không còn phân biệt nam nữ. Người châu Diêm-phù-đê thì nam nữ giao hợp nhau, thân thê tiêp xúc nhau thì thành ra âm dương. Người châu Phất-vu-đãi9 Cù-da-ni và uất-đơn-việt thì thân thể tiếp xúc nhau mà thành ra âm dương. Loài rồng, Kim Si điểu thì thân thể cũng tiếp xúc nhau mà thành ra âm dương. A-tu-luân thì thân thể gần nhau mà thành ra âm dương. Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên cũng như vậy. Chư thiên ở

Đâu-suất thiên nắm tay nhau thì thành ra âm dương. Chư thiên ở Hóa Tự Tại thiên nhìn kỹ nhau thì ra âm dương. Chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại thiên liếc nhau thì thành ra âm dương. Từ đây trở lên, chư thiên không còn dâm dục. Nếu có chúng sanh, tạo ác về thân, về khẩu, về ý thì sau khi lâm chung, hậu thức diệt, sơ thức địa ngục sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc; nhân danh sắc mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh tạo ác về thân, khẩu, ý thì sau khi mạng chung bị đọa vào loài súcr sanh; ở đây, hậu , thức diệt, sơ thức súc sanh sanh khởi. Nhân thức mà có danh sác; nhân danh sác mà có lục nhập.. Hoặc có chúng sanh làm ác vê thân, khâu, ý thì sau khi mạng chung bị đọa vào loài nga quỷ; ở đây, hậu thức diệt, sơ thức nga quỷ sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc; nhân danh sắc mà có lục nhập... Hoặc có chúng sanh nào hành thiện về thân, khẩu, ý thì sau khi mạng chung được sanh vào loài người; ở đây, hậu thức diệt, sơ thức loài người sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc, nhân danh sắc mà có lục nhập... Hoặc có chúng sanh hành thiện vê thân, khâu, ý thì sau khi mạng chung được sanh về cõi Tứ Thiên Vương, ở đây, hậu thức diệt, sơ thức Tứ Thiên Vương sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc, nhân danh sắc mà có lục nhập... Vi thiên sơ sanh ấy cũng như đứa hài nhi mới một, hai tuổi ở thế gian này. Vị ây tự nhiên hóa hiện và ngôi trên đâu gói của vị thiên khác. Vị này nói: "Dây là con ta." Hài nhi này do hạnh nghiệp và phước báu nên tự nhiên trí tuệ phát sanh, tức thì liền nghĩ: "Ta do làm điều gì mà sanh về cõi này?" Lại nghĩ tiếp: "Xua kia ta ở nhân gian hành thiện về thân, về khẩu, về y, vì do hành động đó nên nay được sanh thiên. Ta dù mạng chung tại đây mà sanh lại cõi the gian đi nữa thì

30. KINH THẾ KÝ 431

cũng phải giữ gìn trong sạch về thân, về khẩu, về ý, phải siêng năng tu thiện hạnh hơn trước.,, Hài nhi ấy, sau khi chào đời không lâu thì có cảm giác đói, tự nhiên trước mặt liền có một vật báu chứa đầy cơm thơm tinh khiết, đủ cả trăm hương vị trời. Nếu là người phúc nhiều thì cơm màu trắng; nếu là người phúc trung bình thì cơm màu xanh; nếu là người phúc kém thì cơm màu đỏ. Hài nhi dùng tay bốc cơm để vào miệng. An xong, cơm tự nhiên tiêu hóa cũng như bỏ vào lửa. • . * e 5

Hài nhi ây sau khi ăn xong có cảm giác khát thì tự nhiên có vật báu đây cả nước cam lồ. Nếu là người phúc nhiều thì nước màu trắng; nếu là người phúc trung bình thì nước màu xanh; nêu là người phúc kém thì nước màu đỏ. Hài nhi ây lấy nước mà uống, nước tự nhiên hóa như bơ bỏ vào lửa. Hài nhi ấy sau khi ăn uống xong, thân thể cao lớn và cùng chư thiên khác đi vào ao tắm để rửa ráy, tắm gội mà tự vui thú. Vui thú xong vị thiên ấy bèn ra khỏi ao, đến dưới cây Hương thì cây ây cong rũ xuồng, vi thiên ây dùng tay lây các thứ hương đê xoa vào thân. Vị thiên ấy lại đến cây Kiếp-bối, cây này liền cong rũ xuống, vị thiên bèn lay các thứ y phục mặc vào thân. Lại đen cây Trang Sức thì cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên bèn lấy các vật trang sức để trang sức thân thể. Lại đến cây Tràng Hoa, cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên bèn lấy tràng hoa cài lên đâu. Lại đên cây Khí Cụ thì cây này lập tức cong rũ xuồng, vị thiên có các vật báu. Lại đến cây Quả thì cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên hái trái cây tự nhiên, hoặc là ăn, hoặc là ngậm, hoặc vắt lấy nước để uống. Lại đến cây Nhạc Khí tức

thì cây này cong rũ xuông, vị thiên lây các nhạc khí đê hòa tâu những âm thanh tuyệt diệu mà ca hát. Rồi vị thiên hướng về khu vườn khác, trông thấy có vô số thiên nữ, cùng ca hát, nói năng, đùa vui với nhau. Sau khi vị thiên ấy đi du ngoạn xong bèn sanh tâm đắm nhiễm, nhìn hướng Đông quên hướng Tây, nhìn hướng Tây quên hướng Đông. Khi mới sanh ra miệng thường nói: "Ta do làm điều gì mà nay được sanh về cõi nay?^ Trong khi du ngoạn, vi ấy quên hết tâm niệm ây, do đây mà có sự việc thê nữ theo hâu. Nếu có chúng sanh hành thiện về thân, về khẩu, về ý thì sau khi mạng chung được sanh về cõi Đao-lợi. ở đây hậu thức diệt, sơ thức sanh về cõi ấy. Nhân nơi thức mà có danh sắc, nhân danh sắc mà có lục nháp... Vị thiên sơ sanh ấy cũng như đứa bé hai, ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề. Vị ấy tự nhiên hóa hiện ngồi trên đầu gối của vi thiên khác, vị này nói: "Đây là con trai ta, đây là con gái ta.” Sự việc ấy cũng giống như ở cõi Tứ Thiên Vương... Hoặc có chúng sanh hành thiện vê thân, vê khâu, vê ý thì sau khi mạng chung được sanh vê cõi Diệm-ma thiên. Vị thiên sơ sanh ây cũng như đứa bé ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đề... Hoặc có chúng sanh hành thiện về thân, về khẩu, về ý thì sau khi mạng chung được sanh vê Đâu-suất thiên. Vi thiên sơ sanh ây cũng như đứa bé bôn, năm tuôi ở cõi thê gian này...

Hoặc có chúng sanh hành thiện vê thân, vê khâu, vê ý sau khi mạng chung được sanh Hóa Tự Tại thiên. Vị thiên sơ sanh ấy cũng như đứa bé mới năm, sáu tuổi ở thê gian này... Hoặc có chúng sanh hành thiện về thân, về khẩu, về ý thì sau khi mạng chung được sanh về Tha Hóa Tự Tại thiên. Vị thiên sơ sanh ấy cũng như đứa bé mới sáu, bảy tuổi ở thế gian này... Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Chư thiên ở cõi ấy cứ mỗi nửa tháng thì có ba ngày trai giới. Ba ngày trai ấy là ệì? Ngày mùng tám, mười bốn, rằm của tháng là ba ngày trai giới. Vì sao lại nhăm ngày mùng tám của tháng? Vì vào ngày mùng tám, Tứ Thiên vương bảo sứ giả: "Các người hãy đi kháp thê gian, hãy quan sát muôn dân, coi ai hiêu thuận với cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng các vi bô lão, trai giới, bo thí, cửu giúp những người nghèo kh6!“ Bấy giờ, sứ giả nghe Tứ Thiên vương bảo thể, bèn đi khắp thế gian để coi ai hiếu thảo cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng các vị bô lão, trai giới, bố thí cho người nghèo khổ. Sau khi quan sát kỹ, các sứ giả nhận thấy thế gian bất hiếu cha mẹ, khônẹ cung kính thầy tổ, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo đói. Họ liên trở vê tâu: "Tâu Đại vương, ở thế gian những người hiếu thuận cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, bố thí cho người nghèo khó thì rất ít, rất ít.” Khi Tứ Thiên vương nghe xong, trong lòng buôn khô, không vui và nói: "Oi ra là thê! Chúng sanh phân nhiêu là độc ác, không hiêu thảo với cha mẹ? không thờ kính thây tô, không tu trai giới, không bô thí cho người nghèo khô thì chúng trời sẽ giảm thiểu, chúng a-tu-luân sẽ gia tảng." Nếu sứ giả trông thấy ở thế gian có ĩiệười thuận thảo với cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, siêng năng tu hành trai giới, bô thí cho người nghèo khó thì trở lại thưa với Thiên vương: "d thế gian có người hiếu thảo với cha mẹ5 cung kính, tôn thờ thầy tổ, siêng năng tu hành trai giới, bố thí cho người nghèo.,, Tứ Thiên vương nghe xong, vô cùng vui vẻ và nói: "Lành thay! Ta nghe được tin lành. Nếu như thế gian có thể có người hiếu thảo với cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, siêng tu trai giói, đồng thời bố thí cho người nghèo khổ thì chúng trời sẽ gia

tăng, chúng a-tu-luân sẽ giảm thiểu.” Vì sao lấy ngày mười bốn là ngày trai giới? Vì vào ngày trai giới mười bốn, Tứ Thiên vương bảo thái tử: "Ngươi hãy đi khắp thiên hạ quan sát muôn dân để xem có ai hiếu thảo với cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khó hay không !,9

Thái tử vâng lệnh xong, liền phi hành khắp thế gian quan sát muôn dân, thái tử nhận thấy ở thế gian có người bất hiếu cha mẹ, không tôn kính Sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khó. Khi quan sát xong, thái tử bèn trở lại thưa với Thiên vương: "Tâu Đại vương, ở thế gian người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, cứu giúp những người nghèo khó thì rất ít, rất ít.” Tứ Thiên vương nghe xong, trong lòng lo buồn không vui nói rằng: "Oi, ra là the! Người đời phần nhiều độc ác, không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn thờ Sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khổ thì chúng trời sẽ giảm thiểu, chúng a-tu-luân sẽ gia tang?9 Nêu như thái tử nhận thây thê gian có người hiêu thảo với cha mẹ, cung kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khổ thì về thưa với Thiên vương: "Tâu Đại vương, ở thế gian, có người hiếu thảo với cha mẹ, cung kính thầy tổ, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo kh6.” Tứ Thiên vương nghe xong, trong lòng vui vẻ nói rằng: "Lành thay! Ta nghe được tin lành. Nếu ở thế gian có người hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khó thì chúng trời sẽ gia tăng, chúng a-tu-luân sẽ giảm thiểu." Cho nên gọi ngày mười bốn là ngày trai giới. Vì sao lây ngày răm là ngày trai giới? Vì vào ngày răm, Tứ Thiên vương đích thân du hành khắp thiên hạ mà quan sát muôn dân xem có ai hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo khó không? Nếu như thấy thế nhân phần nhiều là bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sư trưởng, không siêng tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó thì Tứ Thiên vương đến Thiện Pháp đường mà thưa với Đế-thích: "Tâu Đại vương, chúng sanh ở thế gian phần nhiều là bất hiếu với cha mẹ, không tôn thờ Sư trưởng, không siêng tu trai giới và không bố thí cho người nghèo kh6." Đe-thích và chư thiên cõi Đao-lợi nghe xong trong lòng buồn tủi không vui, nói rằng: "Ôi ra là the! Chúng sanh ở thế gian phần nhiều là ác độc, không hiếu thuận cha mẹ, không tôn thờ Sư trưởng, không siêng tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó thì chúng trời sẽ giảm thiểu, chúng a-tu-luân sẽ gia tang?9 Nếu như Tứ Thiên vương nhận thấy có chúng sanh hiếu thảo với cha mẹ, cung kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, có bố thí cho người nghèo khó thì trở lại Thiện Pháp đường tàu với Đế-thích:

"Tâu Đại vương, ở thế gian có chúng sanh hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo kh6." Đế-thích và chư thiên Đao-lợi nghe xong trong lòng rất vui vẻ nói rằng: "Lành thay! Vì chúng sanh ở thế gian có hiếu thuận với cha mq, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó. Do đó, chúng trời sẽ gia tăng, chúng a-tu-luân sẽ giảm thiểu." Vì thế cho nên gọi ngày rằm là ngày trai giới. Vì lý do đó mà gọi là ba ngày trai giới vậy. Bấy giờ, Đế-thích muốn khiến

cho chư thiên càng thêm vui vẻ, liền nói bài kệ: Người nào lây ngày tám, Mười bôn, răm môi tháng Đe tu hành trai giới, Người ấy đồng với ta. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Đế-thích nói bài kệ ấy, lời lẽ không phải là đáng lãnh thọ, không phải là tốt đẹp. Ta không chấp nhận. Tại vì sao? Vì Đế-thích chưa dứt hết dâm dục, sân hận, ngu si, chưa thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử và lo buồn, khổ não. Ta bảo đó là . 9 L í _ người chưa thoát ly được căn bản của khô. Nêu Tỳ-kheo nào đệ tử của Ta là bậc Lậu tận A-la-hán, những điêu cân làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuồng, việc tự lợi đã xong, không còn các kiết sử trong ba cõi, bình đẳng giải thoát, vị Tỳ-kheo như thế mới nên nói bài kệ này: Người nào lấy ngày tám, Mưòd bốn, rằm mỗi tháng, Đe tu hành trai giới, Người ấy đồng với Ta. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Vị Tỳ-kheo ấy nói bài kệ này, lời lẽ mới là đáng lãnh thọ, mới gọi là đúng, được Ta chấp nhận. Tại vì sao? Vì Tỳ-kheo đó đã dứt dâm dục, sân hận, ngu si, đã thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử và lo buồn, khổ não. Ta bảo đó là bậc đã thoát ly được nguôn góc của khô. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Tất cả nhà cửa mà nhân dân ở đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có. Tất cả ngõ hẻm, ngã tư, hàng thịt, chợ búa và bãi tha ma cũng đều có quỷ thân, không chô nào là không có. Các loại quỷ thân đêu tùy theo nơi nương tựa mà có tên. Nếu nương tựa vào người thì gọi thần người. Nếu nương tựa vào thôn thì gọi thân thôn. Nêu \ nương tựa L e ANêur nương vào thành thì gọi rthân thành. X tựa vào nước thì gọi thân nước. Nêu nương tựa vào đát thì gọi thân đát. Nêu nương tựa vào núi thì gọi thần núi. Nếu nương tựa vào sông thì gọi thần sông. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Tát cả cây côi, loại nhỏ nhát như trục xe cũng đêu có quỷ thân nương tựa, không chỗ nào là không có. Tất cả nam, nữ khi mới chào đời đều có quỷ thần

30. KINH THẾ KÝ 435

theo ủng hộ. Nếu khi họ chết thì quỷ thần ủng hộ họ, thu nhiếp tinh khí người đó. Vì thê, người ây chét ngay. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Giả sử có Phạm chí ngoại đạo hỏi: "Này chư Hiên, nêu tát cả nam, nữ khi sanh ra đều có quỷ thần theo thủ hộ thì khi ngươi muốn chết, những quỷ thần thủ hộ ấy sẽ thu nhiếp tinh khí của người ấy, thế là người ấy chết. Nhimg sao lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bi quỷ thần quấy nhi3u?" Nếu có ai hỏi như thế thì các ông hãy đáp với họ: "Vi người đời hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, thực hiện mười điều ác, những người như thế dù có trăm ngàn thì chỉ có một vị quỷ thần theo hộ vệ; cũng như một bầy trâu, bầy dê có cả trăm con, ngàn con nhtmg chỉ có một người chăn mà thôi, việc ủng hộ con người cũng vậy; con người làm ác, hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, thực y r hiện mười điêu ác; những người như thê, hoặc là trăm, hay là ngàn cũng chỉ có một quỷ thần ủng hộ?9 Nếu có người tu hành thiện pháp, có chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười điêu thiện. Một người như thê thì có trăm ngàn vi thân ủng hộ, ví như quốc vương, đại thần của quốc vương thì được hàng trăm, hàng ngàn người hộ vệ một người. Thế nên, người hành thiện được quỷ thần ủng hộ. Vì tu hành thập thiện và đây đủ mười điêu thiện, cũng như một người có trăm ngàn quỷ thân ủng hộ. Vì lý do đó nên người đời có người thì bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Người Diêm-phù-đê có ba điêu hơn người châu Cù-da-ni. Ba điêu ây là gì? Một là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo tác hành nghiệp; hai là mạnh mẽ, nhớ

dai, cần mẫn tu hành Phạm hạnh; ba là mạnh mẽ, nhớ dai về đức Phật ra đời ở châu ấy. Người châu Cù-da-ni có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là nhiêu bò; hai là nhiêu dê; ba là nhiêu châu ngọc. Do ba điêu này mà người ở châu Cù-da-ni hơn người ở châu Diêm-phù-đề. Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Phất-vu-đãi. Ba điều ấy là gì? Một là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo tác hành nghiệp; hai là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tu hành Phạm hạnh; ba là mạnh mẽ, nhớ dai về đức Phật ra đời ở châu ây. Do ba điêu trên nên người Diêm-phù-đê hơn người ở châu Phất-vu-đãi. Người châu Phất-vu-đãi có ba điều hơn châu Diem-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là đất rất rộng; hai là đất rất lớn; ba là đất rất tốt. Do ba điều này mà người châu Phất-vu-đãi hơn người châu Diêm-phù-đề. Người Diêm-phù-đề hơn người uất-đơn-việt ba điều. Ba điều ấy là gì? Một là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo tác hành nghiệp; hai là mạnh mẽ,

nhớ dai, có khả năng tu hành Phạm hạnh; ba là mạnh mẽ, nhớ dai về đức Phật xuất thế ở châu ấy. Do ba điều ấy nên người Diêm-phù-đề hơn người uất- đơn-việt. Người châu Uât-đơn-việt có ba điêu hơn người châu Diêm-phù-đê. Ba điêu ấy là gì? Một là không bị ràng buộc, lệ thuộc; hai là không có vật sở hữu; ba là tuôi thọ nhát đinh một ngàn năm. Do ba điêu ây mà người Uât-đơn-việt hơn người Diêm-phù-đê. Người Diêm-phù-đề cũng có ba điều trên hơn nga quỷ; ngược lại, nga quỷ cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường thọ; hai là thân hình to lớn; ba là người khác làm mà mình nhận lãnh. Do ba điều này mà nga quỷ hơn Diêm-phù-đề. y A -. 2 Người Diêm-phù-đê cũng có ba điêu trên hơn long vương và Kim Si điêu; long vương, Kim Si điểu cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường thọ; hai là thân hình to lớn; ba là có cung điện. Do ba điều này mà long vương và Kim Si điểu hơn người Diêm-phù-đề. Lại nữa, người châu Diêm-phù-đề cũng có ba điều trên hơn a-tu-luân; a-tu- luân cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là cung điện Ã cao rộng; hai là cung điện trangnghiêm; ba là cung điện thanh tịnh. Do ba điêu này mà hơn người Diêm-phù-đê. Người Diêm-phù-đề cũng có ba điều trên mà hơn Tứ Thiên Vương; Tứ Thiên Vương cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường . thọ; hai là đoan chánh; bay là nhiêu: sự an vui. Do y ba điêu trên mà y Tứ Thiên Vương hơn người Diêm-phù-đê. Người Diêm-phù-đê cũng có ba điêu trên hơn Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Chư thiên ở đấy cũng có ba điều hơn người piêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường thọ; hai là đoan chánh; ba là nhiều sự an vui. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có mười hai loại chúng sanh ở Dục giới. Mười hai loại ấy là gì? (1) Địa ngục; (2) Súc sanh; (3) Nga quỷ; (4) Nhân; (5) A-tu-luân; (6) Tứ Thiên Vương; (7) Đao-lợi thiên; (8) Diệm-ma thiên; (9) Đâu-suất thiên; (10) Hóa Tự Tại thiên; (11) Tha Hóa Tự Tại thiên; (12) Ma thiên. Có hai mươi hai loại chúng sanh ở sắc giới. Hai mươi hai loại ấy là gì? (1) Phạm Thân thiên; (2) Phạm Phụ thiên; (3) Phạm Chúng thiên; (4) Đại Phạm thiên; (5) Quang thiên; (6) Thiểu Quang thiên; (7) Vô Lượng Quang thiên; (8) Quang Âm thiên; (9) Tịnh thiên; (10) Thiểu Tịnh thiên; (11) Vô Lượng Tịnh thiên; (12) Biến Tinh thiên; (13) Nghiêm Sức thiên; (14) Tiểu Nghiêm Sức thiên; (15) Vô Lượng Nghiêm Sức thiên; (16)

Nghiêm Thắng Quả Thật thiên; (17) Vô Tưởng thiên; (18) Vô Phiền thiên; (19) Vô Nhiệt thiên; (20) Thiện Kiến thiến; (21) ĐÍ Thiện Kiên thiên; (22) A-ca-ni-trá thiên.

30. KINH THẾ KÝ 437

CÓ bốn loại chúng sanh ở cõi Vô sắc. Bốn loại ấy là gì? (1) Không Trí thiên; (2) Thức Trí thiên; (3) Vô Sở Trí thiên; (4) Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí thiên. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có bốn đại thiên thần. Bốn vị ấy là ai? (1) Địa thần; (2) Thủy thần; (3) Phong thần; (4) Hỏa thần. Ngày xưa, địa thần phát sanh ý niệm sai lầm rằng: “Trong đất không có nước, lửa5 gi6.” Ta biết tâm niệm của địa thần, liền đến đó bảo: "Ông đang phát sanh ý niệm: 'Trong đất không có nước, lửa, gio9 chăng?^ Địa thần đáp: "Bạch, vâng, trong đất quả thật không có nước, gi6, lửa!” Lúc đó, Ta nói: "Ngươi chớ sinh ý niệm: 'Trong đất không có nước, lửa, gi6' như thế. Tại sao? Vì trong đất có nước, lửa, gió, chỉ vì thành tố đất nhiều nên gọi là đất” (địa đại). Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Khi ấy, Ta vì địa thần mà tuần tự nói pháp, dứt trừ ác kiến, chỉ bày những điều lợi ích hoan hỷ về thực hành bố thí, nói về trì giới, về sự sanh thiên. Đồng thời, nói dục là bất tịnh, nói lậu hoặc là khổ đau, pháp giải thoát là trên hết và trình bày tường tận về hạnh thanh tịnh. Lúc ấy, Ta biết tâm địa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, hoan hỷ5 không còn năm triền cái, dễ dàng được khai hóa. Ta cũng theo thường pháp chư Phật mà khai thị, chỉ bày và giảng rộng về khổ dế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Bấy giờ, địa thần ngay tại chỗ ngồi, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như chiếc áo trắng sạch sẽ thì dễ nhuộm thắm màu. Địa thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đã được pháp nhãn, không còn nghi ngờ, thấy pháp rõ ràng, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu pháp vô úy, liền nói với Ta: "Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cap, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Con xin đức Thê Tôn hãy chập nhận cho con ở trong Chánh pháp của Ngài làm một vi ưu-bà-di!" Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Thuở xưa, thủy thần phát sanh ý niệm sai làm rằng: "Trong nước không có đất, lửa, gio?9 Khi đó? địa thần biết thủy thần sinh ý niệm này, bèn đến nói với thủy thần: "Ngươi thật có khởi ý niệm: 'Trong nước không có đất, gió, lửa' chng?” Thủy thần đáp: "Thất co!"

438 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, địa thần nói: “Nguôi chớ nên sanh ý niệm ấy mà cho rằng trong nước không có đất, lửa, gió. Tại sao? Vì trong nước có đất, lửa, gió, chẳng qua vì thành tố nước nhiều, cho nên gọi là nước,, (thủy đại). Khi ấy, địa thần vì thủy thần mà nói pháp, dứt trừ ý niệm sai lầm, trình bày về giáo pháp, được lợi ích hoan hỷ, luận về bố thí, luận về trì giới, về sự sanh thiên, nói dục là bất tịnh, các lậu hoặc là khổ dàu, pháp giải thoát là trên hết, trình bày tường tận về hạnh thanh tịnh. Lúc ấy, địa thần biết tâm thủy thần đã nhu nhuyến, hoan hỷ, tin hiểu, thanh tinh, không bị ngăn che, dễ dàng được khai hóa. Địa thần theo thường pháp của chư Phật mà thuyết pháp giảng về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế một cách sâu rộng. Bây giờ, thủy thân tức thì xa lìa trân câu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như chiếc áo trắng sạch sẽ thì dễ nhuộm thắm màu. Thủy thần cũng như vậy, tín tâm đã thanh tinh, được sự thanh tinh của pháp nhãn, không còn nghi ngờ, chắc chắn chứng quả, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh

hướng theo đạo khác, thành tựu pháp vô úy9 liền nói với địa thần: "Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y T2ng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dôi và không uống rượu. Hãy chấp nhận tôi ở trong Chánh pháp làm một vị ưubàdi!" Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: - Thuở xưa, hỏa thần phát sanh ý niệm sai lầm rằng: "Trong lửa không có đất, nước, gi6." Khi đó, địa thần, thủy thần biết được hỏa thần phát sanh kiến giải như the, bèn nói với hỏa than: "Ngươi thật có khởi ý niệm: 'Trong lửa không có đất, nước, gi6' chng?" Hỏa thần đáp: “That c6!” Bấy giờ, địa thần, thủy thần nói: "Ngươi chớ nên sanh ý niệm ấy mà cho rằng: 'Trong lửa không có đất, nước, gió/ Tại vì sao? Vì trong lửa có đất, nước và gió, chỉ vì thành tố lửa nhiều, cho nên gọi là lửa" (hỏa đại). Khi ấy, hai vị thần vì hỏa thần mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm, trình bày những điều lợi ích hoan hỷ, luận về bố thí, trì giới, về sự sanh thiên, nói dục là bất tịnh, các lậu hoặc là đau khổ, pháp giải thoát là trên hết, trình bày tường tận về hạnh thanh tịnh. Lúc ấy, hai vị thần biết tâm niệm hỏa thần đã nhu nhuyến, hoan hỷ, thanh tịnh, không còn bị ngăn che, dễ dàng được khai hóa. Hai vi ấy cũng theo thông lệ của chư Phật mà trình bày rộng rãi về khổ Thánh dế, tập Thánh dế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Bây giờ, hỏa thân tức thì xa lìa trân câu, được sự thanh tịnh của pháp nhãn. Ví như chiếc áo trắng sạch sẽ thì dễ nhuộm tham màu. Hỏa than lúc đó cũng

30. KINH THẾ KÝ 439

vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đã được pháp nhãn không còn nghi ngờ, chắc chắn chứng quả, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu pháp vô úy, liền nói với hai vị thần: "Nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Hãy chấp nhận tôi ở trong Chánh pháp làm một vị uu-ba-di!^ Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, phong thần phát sanh kiên giải sai lâm, bảo răng: "Trong gió không có đất, nước, lửa." Khi đó, ba vị địa thần, thủy thần, hỏa thần biết phong thần phát sanh kiến giải như thế, bèn đến nói với phong thần: "Ngươi thật có phát sanh kiến giải rằng: 'Trong gió không có đất, nước, lỉra' chng?" Phong thần đáp: "Thật co!" Ba vi than nói: "Ngươi chớ nên sanh kiến giải ấy. Tại vì sao? Vì trong gió có đất, nước, lửa. Chỉ vì thành tố gió nhiều, cho nên gọi là gi6” (phong đại). Khi đó, ba vi thần vì phong thần mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm, trình bày sự lợi ích hoan hỷ và luận về bố thí, trì giới và về sanh thiên, nói dục là bất tinh, các lậu hoặc là đau khổ, pháp giải thoát là trên hết, trình bày tường tận về Phạm hạnh. Lúc đó, ba vị thần biết tâm niệm phong thần đã nhu nhuyến, hoan hỷ, tin hiểu, không còn bị ngăn che, dễ dàng được khai hóa. Ba vị ấy cũng theo thông lệ của chư Phật mà trình bày rộng rãi về khổ Thánh dế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế, đạo Thánh đế. Bấy giờ, phong thần liền xa lìa trần cấu, được sự thanh tịnh của pháp nhãn. . r y r A Ví như chiêc áo trăng sạch sẽ thì dê nhuộm thăm màu. Phong thân cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, được pháp nhãn, không còn nghi ngờ, chắc chắn chứng quả, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu 5 .v pháp vô úy9 liên nói với ba vị thân: "Nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Hãy chấp nhận tôi ở trong Chánh

pháp làm một vi iru-bà-di, có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, không còn phá phách chúng sanh!" Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Mây có bốn thứ. Bốn thứ ấy là gì? Một là màu trắng, hai là màu đen, ba là màu đỏ, bôn là màu hông. Nêu mây màu trăng là vì địa đại nhiêu hơn. Nêu mây màu đen là vì thủy đại nhiều hơn. Nếu mây màu đỏ là vì hỏa đại nhiều hơn. Nêu mây màu hông là vì phong đại nhiêu hơn. Mây cách mặt đát mười dặm, hai

r • r L 9 9 r mươi dặm, ba mươi dặm, bôn mươi dặm, cho đên bôn ngàn dặm. Từ khi kiêp SÔ mới thành lập mây lên đên Quang Am thiên. Chớp có bốn loại. Bốn loại ấy là gì? Chớp ở phương Đông gọi là Thần Quang. Chớp ở phương Nam gọi là Nan Hủy. Chớp ở phương Tây gọi là Lưu Diệm. Chớp ở phương Bác gọi là Định Minh. Vì sao mây trong hư không lại có ánh chớp này? Có khi Than Quang và Nan Hủy chạm nhau, hoặc có khi Than Quang và Lưu Diệm chạm nhau, hoặc có khi Thần Quang và Đinh Minh chạm nhau, hoặc có khi Nan Hủy và Lưu Diệm chạm nhau, hoặc có khi Nan Hủy và Đinh Minh chạm nhau. Do đó nên trong hư không có ánh chớp sanh khởi. Vì sao trong mây ở hư không có tiếng sấm sét? Vì mây trong hư không có khi địa đại và thủy đại chạm nhau, hoặc có khi địa đại cùng hỏa đại chạm nhau, hoặc có khi địa đại cùng phong đại chạm nhau, hoặc có khi thủy đại cùng hỏa đại chạm nhau, hoặc có khi thủy đại cùng phong đại chạm nhau. Vì lý do đó nên trong mây ở hư không có tiếng sét sanh khởi. Có năm trường hợp mà các thày tướng tiên đoán về mưa không thể biết được một cách chác chăn mà vướng sai lâm. Năm trường hợp ây là gì? Một là mây có sấm chớp, thầy tướng đoán rằng: "Sắp mưa.,, Nhưng vì hỏa đại nhiều, cho nên thiêu hủy mây đi, do đó không mưa. Đó là lý do thứ nhất làm cho thầy tướng đoán sai lâm. Hai là mây có sâm chớp, thây tướng đoán răng: "Sp mua.” Nhưng vì có phong đại nôi lên thôi mây bay đi tứ tán vào trong các núi. Đó là lý do thứ hai làm cho thầy tướng đoán sai lầm. Ba là có sấm chớp, thầy tướng đoán rằng: “Sắp mưa.99 Nhưng bấy giờ Đại A-tu-luân đem mây frôi lơ lửng đặt giữa . 2 X . __ r X ỉ biên cả. Đó là lý do làm cho thây tướng đoán sai lâm. Bôn là mây có sâm chớp, các thây tướng bảo: uSăp mua." Nhưng vì thân mây, thân mưa mải lo phóng túng, dâm loàn nên cuôi cùng không làm mưa xuông. Đó là lý do làm cho thây tướng đoán sai lâm. Năm là mây có sâm chớp, các thây tướng đoán răng: "Sáp mua." Nhưng vì thế nhân hành động phi pháp, phóng tủng, thực hành bất tịnh, xan tham, tật đố, tà kiến, điên đảo, cho nên khiến trời không mưa. Vì lý do đó nên thầy tướng đoán sai lầm. Đó là năm trường hợp làm cho thầy tướng đoán ve mưa không biết chắc được có mưa hay không.

9. PHẨM TAM TAI

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có bốn sự kiện trường cửu, không có hạn lượng, không thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Bôn sự kiện ây là gì? Một là hỏa tai ở thê gian dân dần bộc phát, trong khi tiêu hủy thế gian này thì khoảng thời gian để thành lập thế gian khác thật lâu dài, không có hạn lượng, không thể dùng ngày, tháng, năm mà tính

được. Hai là sau khi thế gian này tiêu hoại cho đến khi thành hình trở lại thì thế giới có một sự trống không, không có thế gian rất lâu dài, không thể dùng ngày, tháng, năm mà có thể tính được. Ba là khi trời đất bắt đầu thành lập trở lại thì khoảng trung gian đó thật lâu dài, không có thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Bốn là khi trời đất thành lập xong thì tồn tại lâu dài, không bị tiêu hủy, không thê dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Đó là bôn sự kiện lâu dài, không thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thế gian có ba tai nạn. Ba tai nạn ấy là gì? Một là hỏa tai; hai là thủy tai; ba là phong tai. Có ba cối trên có ba tai nạn. Ba cõi ấy là gì? Một là Quang Âm thiên; hai là Biến Tịnh thiên; ba là Quả Thật thiên. Nếu khi hỏa tai bộc phát lên đến cõi Quang Âm thiên thì lấy Quang Âm thiên làm giới hạn. Nếu khi thủy tai phát khởi lên đến Biến Tịnh thiên thì lấy cõi Biến Tinh thiên làm giới hạn. Nếu như phong tai nổi lên đến Quả Thật thiên thì lấy Quả Thật thiên làm giới hạn. Thể nào là hỏa tai? Nghĩa là khi hỏa tai sắp phát khởi thì có những người ở thê gian này tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiên, không điên đảo, tu hành thập thiện. Khi thực hành các pháp ây thì có người chứng Đệ nhị thiên, tức thời hớn hở, thân bay lên hư không, cộng trú với Thánh, với trời, với Phạm thiên và nói lớn: "Này chư Hiền, nên biết, không giác, không quán là niềm hoan lạc ở Nhị thiền thiên.” Bây giờ, người ở thê gian nghe âm thanh ây thời liên ngước lên không mà nói với người ấy: "Lành thay, lành thay! Xin hãy vì tôi mà nói đạo lý của Đệ nhị thiền không giác, không quán!^, Khi ấy, trên hư không người đó nghe xong, liền vì họ mà nói đạo lý của Đệ nhị thiền không giác, không quán. Lúc đó người thế gian khi nghe nói như thế

xong liên tu tập Đệ nhị thiên không giác, không quán, roi sau khi lâm chung được sanh về Quang Âm thiên. Bấy giờ, chúng sanh ở địa ngục hết tội lỗi thì qua đời, lại sanh vào nhân gian và tu tập Đệ nhị thiền không giác, không quán. Khi qua đời, họ được sanh về Quang Ảm thiên. Cho đến loài súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm thiên, chúng sanh qua đời và sanh lại nhân gian tu tập pháp Đệ nhị thiền không giác, không quán. Sau khi họ qua đời, được sanh về Quang Âm thiên. Do nhân duyên này nên chúng sanh ở địa ngục, súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, cho đến Phạm thiên đều hết. Lúc đó, đầu tiên là địa ngục hết, sau đó súc sanh hết. Súc sanh hết rồi thì nga quỷ hết. Nga quỷ hết rồi thì a-tu-luân hết. A-tu-luan hết rồi thì Tứ Thiên Vương hết. Tứ Thiên Vương hết rồi thì Đao-lợi thiên hết. Đao-lợi thiên hết rồi thì Diệm-ma thiên hết. Diệm-ma thiên hết rồi thì Đâu-suất thiên hết. Đâu-suất thiên hết rồi thì Hóa Tự Tại thiên hết. Hóa Tự Tại thiên hết rồi thì Tha Hóa Tự Tại thiên hết. Tha Hóa Tự Tại thiên hết rồi thì Phạm thiên hết. Phạm thiên hết rồi thì sau đó loài người hết, không còn một cái gì khác. Khi con người hết, không còn cái gì cả thì thế gian này bắt đầu bị tiêu hoại. Lúc đó thành ra hỏa tai. Sau trời không mưa, các loại lúa mạ, cỏ cây đều bị khô cháy mà chết. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu tìm đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ bộc khởi thổi biển nước lớn. Nước biển với chiều sâu tám mươi bon ngàn do-tuần bi gió thoi vẹt qua

hai bên. Trận gió đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuân và đê mặt trời giữa nhật đạo. Do đó, thê gian có hai mặt trời xuất hiện. Hai mặt trời xuất hiện khiên cho thê gian này, bao nhiêu sông nhỏ, kênh, rạch, dòng nước nhỏ đều bị khô cạn. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hau ra khỏi the gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ phát sanh. Nước biển với chiều sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần9 bi trận gió thổi cơn gió đem cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần và để mặt trời giữa nhật đạo. Do đó, thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện thì sông Hăng, sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di-la-bà-đê, sông A-na-khiêp, sông Tân-đà, sông cố-xả đều khô cạn, không còn gì cả.

30. KINH THẾ KÝ 443

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: . £ r y .k # Do đó nên biêt tát cả các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không y đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải câu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ bộc phát thổi nước biển với chiều sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần khiến nước biển vẹt qua hai bên, đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và để vào nhật đạo. Do đó, thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Khi bôn mặt trời xuất hiện thì các ao ở thê gian như ao Thiện Kiến, ao A-nậu-đạt, ao Tứ phương Đà-diên, ao Ưu-bát-la, ao Câu-vật-đầu, ao Phân-đà-lợi ngang dọc năm mươi do-tuân thảy đêu khô cạn. Do đó nên biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hàu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ phát khởi, thổi nước biển làm vẹt nước qua hai bên, đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và để vào nhật đạo. Do đó, thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Khi đã có năm mặt trời thì nước các biển lớn giảm dần từ trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần. Do đó nên biêt các hành là vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cau đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. r e 7 y x r Bây giờ, nước biên cả dân dân cạn hét, chỉ còn lại khoảng bảy trăm do- tuân, sáu trăm do-tuân, năm trăm do-tuân, bôn trăm do-tuân, cho đên một trăm do-tuần. Thê nên phải biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán. Vậy phải càu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Bây giờ, nước biên giảm dân từ bảy do-tuân, sáu do-tuân, năm do-tuân9 cho đến còn một do-tuần. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: .L y 9 r —Do đó nên biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cau đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước biển lớn giảm dần đến bảy cây đa-la, sáu cây đa-la, cho đến một cây đa-la. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó phải biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này.

Sau đó, nước biển cạn dần, cho đến còn bằng chiều cao của bảy người, sáu người, năm người, bốn người, ba người, hai và một người. Nhẫn đến ngang lưng, ngang đâu gói, ngang bàn chân. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước biển cạn dần cũng như cơn mưa vào mùa xuân, rồi như nước trong dâu chân trâu, cho đên hét, không còn quá một ngón tay người. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tưa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ bộc phát thổi cát đáy biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần bay lên nằm trên hai mé bờ, gió đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và ngay nhật đạo. Do đó, thế gian thấy sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời đã xuất hiện thì bốn chau thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác và các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di đều bốc khói cháy tiêu. Cũng như người thợ gốm khi mới bắt đàu đun đò gốm, lúc sáu mặt trời xuất hiện cũng vậy. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu thì có một trận gió dữ bộc phát thổi cát đáy biển sâu tám mươi bốn ngàn do-tuần9 bay lên nằm trên hai mé bờ. Gió đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di, và để vào nhật đạo. Do đó5 thế gian thấy có bảy mặt trời xuất hiện. Khi đã có bảy mặt trời thì bốn châu thiên hạ, tám vạn thiên hạ khác và các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều bừng cháy. Cũng như người thợ gôm đót lửa trong lò, lúc bảy mặt trời xuất hiện cũng vậy. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Khi mà bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác và các núi, núi Tu- di thảy đều tiêu rụi, đồng thời cung điện Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên và cung điện cũng đều cháy cả.

30. KINH THẾ KÝ 445

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Bấy giờ, bốn thiên hạ cho đến Phạm thiên đã bị lửa đốt cháy tiêu tan. Gió thổi lửa cháy lên đến Quang Âm thiên, các vị thiên tử mới sanh ở cõi đó trông thấy lửa cháy lấy làm lo sợ và nói: “Oi! vát gi dây?” Các vị thiên sanh trước nói với các vi thiên sanh sau: r r "Dừng sợ! Lửa ây chỉ đên ngang đây là dừng lại." Do vì chỉ nghĩ đến lửa trước mặt nên gọi là Quang Niệm thiên. Khi bốn thiên hạ cho đến Phạm thiên, lửa đã đốt cháy tiêu tan thì núi chúa Tu-di dân dân đô nát từ một trăm do-tuân, hai trăm do-tuân, cho đên bảy trăm do-tuần. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu

đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Bây giờ, bôn thiên hạ cho đên Phạm thiên đã bị đót cháy tiêu tan, sau đó địa đại và núi Tu-di đều cháy tiêu chẳng còn gì. Do đó nên biêt, tát cả các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Khi lửa thiêu cháy hết đất thì tất cả nước dưới đất hết, gió dưới nước hết. Do đó nên biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hâu thoát khỏi thê gian này. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Khi hỏa tai khởi lên thì trời không mưa nữa. Trăm giống lúa, cỏ cây đều chết khô. Ai mà tin được việc ấy? Chỉ có người thấy mới tự biết mà thôi. Cứ như thế cho đến nước dưới đất hết, gió dưới nước hết. Ai tin việc đó? Chỉ có người thấy mới tự biết mà thôi. Đó là hỏa tai. Thế nào là hỏa kiếp? Sau đó khá lâu, bỗng có vầng mây đen ở trong hư không lên đến Quang Âm thiên làm cho mưa khắp nơi, hạt mưa to như bánh xe, mưa như thế cho đến trăm ngàn năm, mực nước tăng dân dân lên, cao đên không biêt bao nhiêu là trăm ngàn do-tuần, cho đến Quang Âm thiên. Lúc đó5 có bốn trận gió lớn bộc

phát làm mực nước dừng lại. Bốn trận gió ấy là gì? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động phong, bốn là Kiên cố phong. Sau đó, mực nước giảm khoảng một trăm ngàn do-tuân, giảm vô sô trăm ngàn vạn do-tuân. Nước ây bôn bề đều có trận gió lớn tên là Tăng-già khởi lên, gió thổi làm nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vi trí, bay lên trên hư không, tự nhiên rắn chắc, biến thành thiên cung được trang trí bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Phạm-ca-di thiên. Rồi mực nước giảm xuống một trăm ngàn do-tuân cho đên vô sô trăm ngàn vạn do-tuân, bôn bê nước có trận gió lớn tên là Tăng-già khởi lên. Gió thổi làm cho nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vi trí, bay lên trên hư không, tự nhiên , , , \ răn chác, biên thành thiên cung được trang trí băng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Tha Hóa Tự Tại thiên. Roi mực nước giảm dân cho đên vô sô trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn bề nước có trận gió lớn tên là Tăng-già khởi lên. Gió thổi làm cho nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời : e L r r khỏi vi trí, bay lên trên hư không, tự nhiên răn chác, biên thành thiên cung, được trang trí băng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Hóa Tự Tại thiên. Roi mực nước giảm dần cho đến vô số trăm ngàn do-tuần. Có trận gió Tăng-già thổi làm cho nước động mà nổi sóng, làm bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vị trí, bay lên trên hư không, tự nhiên răn chác, biên thành thiên cung được trang trí băng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Đâu-suất thiên. Roi mực nước giảm dân cho đên vô sô trăm ngàn do-tuân. Có trận gió Tăng-già thổi làm cho nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vi trí, bay lên hư không, tự nhiên ran chắc và biến thành thiên cung. Do nhân duyên này mà có cung Diệm-ma thiên. Roi mực nước giảm xuông dân cho đên vô sô trăm ngàn do-tuân. Trên mặt nước có bọt, sâu sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần9 bốn bề không có giới hạn; ví như các dòng nước ở thê gian này, trên nước có bọt, đây cũng như thê. Vì sao có núi Tu-di? Vì có trận gió lốc nổi lên, thổi bọt nước ấy chụm lại mà thành núi Tu-di cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, rộng

tám mươi bốn ngàn do-tuần9 do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, thủy tinh, lim ly. Vì sao có bốn cung điện a-tu-luân? Sau khi gió xoáy thổi vào nước lớn, các bọt nước bay lên ở bôn bên núi Tu-di tạo thành các cung điện lớn, mỗi cung điện ngang dọc tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Vì sao có cung điện Tứ Thiên Vương? Vì sau đó cơn gió lóc thôi các bọt của biển lớn bay lên lưng chừng núi Tu-di, cao tám vạn hai ngàn do-tuần5 tự nhiên biến thành cung điện bằng bảy báu. Vì thế nên gọi là cung điện Tứ Thiên Vương. Vì sao có cung điện Đao-lợi thiên? Vì sau đó có cơn gió lốc thổi các bọt nước biển bay lên trên đỉnh núi Tu-di rồi tự nhiên biến thành cung điện bằng bảy báu.

Vì sao có núi Già-đà-la? Vì sau đó có cơn gió lốc thổi các bọt nước biển cách núi Tu-di không xa, tư nhiên biến thành núi báu, chân núi ăn sâu vào lòng đất bốn vạn hai ngàn do-tuần5 ngang dọc rộng bon mươi hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la gom có những màu sắc hỗn hợp do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên đó nên có núi Già-đà-la. Vì lý do gì lại có núi Y-sa? Vì sau đó, gió lốc nổi lên thổi các bọt nước biển cách núi Già-đà-la không xa rồi tự nhiên biến thành núi Y-sa, cao hai vạn một ngàn do-tuần, ngang dọc rộng hai vạn một ngàn do-tuàn9 giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ? do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên đó nên có núi Y-sa. Sau đó, có trận gió lóc nôi lên, thôi bọt nước biên cách núi Y-sa không xa, tự nhiên biến thành núi Thọ-thần-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc rộng một vạn hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì nhân duyên đó nên có núi Thọ-thần-đà-la. Sau đó, có trận gio lốc nổi lên thổi bọt nước biển cách núi Thọ-thần-đà-la không xa, tự nhiên biến thành núi A-bát-nê-lâu, cao sáu ngàn do-tuần, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì nhân duyên đó nên có núi A-bát-nê-lâu. Sau đó5 có trận gió lốc nổi lên thổi bọt nước biển, cách núi A-bát-nê-lâu không xa, tự nhiên biến thành núi Ni-lân-đà-la, cao ba ngàn do-tuần? ngang dọc rộng ba ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì nhân duyên đó nên có núi Ni-lân-đà-la. Sau đó, có trận gió lốc thổi bọt nước biển, cách núi Ni-lân-đà-la không xa, tự nhiên biến thành núi Tỳ-ni-đà cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc rộng một ngàn hai trăm do-tuần, giáp vòng núi bao la do bảy báu tạo thành, màu sắc xen kẽ. Vì nhân duyên đó nên có núi Tỳ-ni-đà. Sau đó, có trận gió lóc thôi các bọt nước biên, cách núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên biến thành núi Kim Cang Luân, cao ba trăm do-tuần? ngang dọc rộng ba trăm do-tuần? giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì lý do đó nên có núi Kim Cang Luân. Vì sao có một mặt trăng và bảy mặt trời? Sau đó có cơn gió lốc thổi các bọt nước biển, tự nhiên biến thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành, rồi bị gió dữ thổi trở lại vị trí cũ. Vì nhân duyên đó nên có cung điện mặt trời, mặt trăng. Sau đó, có trận gió lớn thổi bọt biển, tự nhiên biến thành bốn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác. Vì lý do đó mà có bốn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác. Sau đó, có trận gió lốc thổi các bọt nước ở trên mặt của bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác, tự nhiên biến thành núi Đại Kim Cang Luân cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần9 ngang dọc rộng mười sáu vạn tám ngàn

do-tuần, giáp vòng núi bao la do kim cang rắn chắc tạo thành, không thể phá hoại. Vì nhân duyên đó nên có núi Đại Kim Cang Luân.

448 KINH TRƯỜNG A-HÀM

.v thời gian khá lâu thì tự nhiên có mây khắp cả hư không, mưa Sau rđó, một 9

lớn đô khăp nơi, hạt mưa lớn như bánh xe, mực nước lan tràn, mênh mông làm chìm đắm bốn châu thiên hạ và núi Tu-di... Sau đó, có cơn gió lốc thổi đại địa làm thành hố lớn và nước rút hết vào r e 9 2 • 2

trong đó, nhân đây mà có biên. Vì nhân duyên đó nên có nước bôn biên. Có ba nhân duyên khiến nước biển mặn chát. Ba nhân duyên ấy là gì? r __ A Một là có mây tự nhiên bao phủ cả hư không cho đên Quang Am thiên, mưa khắp mọi nơi, rửa sạch thiên cung, quét sạch thiên hạ. Từ Phạm-ca-di thiên cung, Tha Hóa Tự Tại thiên cung, xuống đên Diệm-ma thiên cung, bôn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác cùng các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di cũng đều bị quét sạch. Trong đó, có những nơi gồm có những chất mặn đắng, bất tịnh \ 9 . • 9 J

đêu chảy vào biên, hợp thành một vị. Cho nên nước biên có vị mặn. Hai là thuở xưa, có vị đại tiên niệm chú làm cho nước biển mặn mãi khiến người ta không uống được. Cho nên nước biển mặn. Ba là trong biển cả có rất nhiều loại chúng sanh ở5 thân vừa to, vừa dài, hoặc trăm do-tuần9 hai trăm do-tuần, cho đến bảy trăm do-tuần? hô hấp bài tiết ở trong đó. Cho nên nước biển mặn. Đó là hỏa tai. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Thế nào là thủy tai? Khi thủy tai phát khởi thì con người ở thế gian này thực hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không tà kiến, tu thập thiện. Sau khi đã thực hành các thiện hạnh thì có người đác Đệ tam thiên vô hỷ, nhảy lên hư không cộng trú với Thánh, trời, Phạm thiên và nói lớn: —"Này chư Hiền, nên biết, Đệ tam thiền vô hỷ là vui! Đệ tam thiền vô hỷ là vui!” Khi những người ở thế gian nghe âm thanh ấy, liền ngước đầu lên hư không mà nói: "Lành thay, lành thay! Cúi xin ngài hãy vì tôi mà nói pháp Đệ tam thiền vô hỷ!" Khi ây, người trên hư không nghe như thê, liên vì họ mà nói vê Đệ tam thiên vô hỷ. Các người thế gian sau khi nghe xong bèn tu Đệ tam thiền. Rồi sau khi mạng chung được sanh về Biến Tịnh thiên. Bấy giờ, các chúng sanh ở địa ngục đã hết tội lỗi, bèn sanh vào nhân gian mà tu Đệ tam thiền. Sau khi mạng chung được sanh về Biến Tịnh thiên. Các loài súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân? Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm thiên, Quang Âm thiên, sau khi mạng chung lại sanh vào nhân gian tu Đệ tam thiền. Sau khi mạng chung được sanh vê cõi Biên Tịnh thiên. Do nhân duyên đó mà chúng sanh ở địa ngục đều hết. Chúng sanh thuộc súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, Tứ Thiên Vương cho đến Quang Âm thiên đều hết.

30. KINH THẾ KÝ 449

Trong khi đó, trước tiên là chúng sanh ở địa ngục hết, sau đó súc sanh hết. Súc sanh hết thì đến nga quỷ hết; nga quỷ hết thì đến a-tu-luân hết; a-tu-luan hết thì đến Tứ Thiên Vương hết; Tứ Thiên Vương hết thì đến Đao-lợi thiên hết; Đao-lợi thiên hết thì đến Diệm-ma thiên hết; Diệm-ma thiên hết thì đến Đâu- suất thiên hết; Đâu-suất thiên hết

thì đến Hóa Tự Tại thiên hết; Hóa Tự Tại thiên hết thì đến Tha Hóa Tự Tại thiên hết; Tha Hóa Tự Tại thiên hết thì đến Quang Âm thiên hết; Quang Âm thiên hết thì đến người hết, không còn gì. Thế gian này tiêu hoại mà thành ra hỏa tai. Sau đó khá lâu, có vầng mây đen bộc khởi, lên cho đến Biến Tinh thiên và mưa khắp cả pháp giới, mưa toàn nước nóng, nước nóng văng lên như mũi tên nóng, nước văng lên đến cung điện chư thiên làm cho cháy rụi, không còn gì cả. Cũng như dầu, bơ bỏ vào trong lửa liền bị cháy tiêu, không còn gì cả; ở cung Quang Âm thiên cũng vậy. Do đó nên biết rằng tất cả hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước mưa tràn ngập cung điện Phạm-ca-di thiên và làm cháy tiêu tan, không còn gì. Cũng như dầu, bơ bỏ vào lửa thì chẳng còn gì cả, cung Phạm- ca-di thiên cũng vậy. Sau đó5 nước mưa tran ngập cung Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại, Đâu-suất, Diệm-ma thiên. Tất cả đều cháy tiêu, không còn gì. Cũng như dầu, bơ bỏ vào lửa thì chẳng còn gì cả, các thiên cung bị cháy cũng vậy. Sau đó, nước mưa này tràn ngập bốn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác, cũng như các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di, tất cả đều bi cháy rụi, không còn gì cả. Cũng như dầu, bơ bỏ vào lửa thì không còn gì cả, các thứ trên bị cháy tiêu cũng thế. Do đó nên biêt răng tát cả hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước mưa này làm tiêu cả đại địa không còn gì cả. Nước dưới đất hết. Gió dưới nước hết. Do đó nên biết rằng tất cả hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm các pháp hữu vi thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Cung Biên Tịnh thiên bị cháy tiêu tan, ai mà tin được? Chỉ có ai riêng thây thì tự mình biết. Cung Phạm-ca-di thiên bi cháy tiêu tan, cho đến nước dưới đất hết, gió trong nước hết, ai mà tin được? Chỉ có ai riêng thấy thì tự mình biết. Đó là thủy tai.

Thế nào là thủy tai lần thứ hai? Sau đó, khá lâu thì có vầng mây đen lớn phủ khắp cả hư không, cho đến Biến Tịnh thiên, mưa đổ khắp nơi. Hạt mưa như bánh xe, mưa đến vô số trăm ngàn vạn năm. Nước cao dần dần đến Biến Tịnh thiên thì có bốn ngọn gió chặn đứng lại. Bốn ngọn ệiỏ ấy là gì? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động, bốn là Kiên Co. Sau đó nước mưa giảm xuống dần vô số trăm ngàn do-tuần. Bốn bề đều có gió lớn nổi lên, tên là Tăng-già thổi nước dao động, phát sanh sóng, bọt nước kết tụ lại. Gió thổi nước ra khỏi vị trí bay lên hư không, tự nhiên biến thành cung Quang Âm thiên, được trang trí bằng bảy báu. Do nhân duyên đó mà có Quang Âm thiên. Nước giảm vô số trăm ngàn do-tuần. Cơn gió tên là Tăng-già ấy thổi làm nước động, phát sanh sóng, bọt nước kết tụ lại. Gió thổi nước rời khỏi vị trí lên trên hư không, tự nhiên biến thành cung Phạm-ca-di thiên, được trang trí bằng bảy báu, như thế cho đến nước biển toàn một vị mặn, cũng như trường hợp lúc hỏa tai bộc phát lần thứ hai. Đó là thủy tai. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thế nào là phong tai? Khi phong tai khởi lên thì con người ở cõi này đều tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không có tà kiến, tu thập thiện. Khi tu hành các thiện hạnh thì có người chứng được Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tinh, bay lên hư không cộng trú với Thánh nhân, trời, Phạm thiên và

nói lớn: "Này chư Hiền, Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tịnh là vui." Bay giơ, ngươi ơ the gian nghe cau ay liên nhìn len hư không va noi: “Lành thay, lành thay! Cúi xin ngài hãy vì tôi mà giảng về con đường Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tjnh!" LÚC đó, ở hư không, người ây bèn vì những người thê gian mà nói con đường Đệ tứ thiên hộ niệm thanh tịnh. Các người thê gian khi nghe giảng xong liền tu hành theo con đường Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tịnh. Sau khi mạng chung được sanh về Quả Thật thiên. Bấy ệiờ? chúng sanh ở địa ngục đã hết tội lỗi bèn sanh vào nhân gian lại tu Đệ tứ thiên. Sau khi mạng chung được sanh về Quả Thật thiên, cho đen các loài chúng sanh thuộc nga quỷ5 a-tu-luân, Tứ Thiên Vương cho đến Biến Tịnh thiên, các chung sanh này sau khi mạng chung được về cõi người, tu Đệ tứ thiền, sau khi mạng chung được sanh về cõi Quả Thật thiên. Do nhân duyên đó mà không còn chúng sanh ở địa ngục, súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, Tứ Thiên Vương cho đến Biến Tịnh thiên đều hết. Bấy giờ, chilng sanh ở địa ngục hết trước rồi đến súc sanh hết; súc sanh hết rồi đến nga quỷ hét; nga quỷ hết thì đến a-tu-luân hết; a-tu-luan hết thì đến Tứ Thiên Vương hết; Tứ Thiên Vương hết... cứ thế cho đến Biến Tịnh thiên hết; Biến Tịnh thiên hết thì sau đó người hết, không còn ai. Người hết không còn ai cả thì the gian tiêu hủy.

30. KINH THẾ KÝ 451

Sau đó khá lâu có frận gió lớn nổi lên, tên là Đại Tăng-già. Gió thổi đến Quả Thật thiên. Gió nổi dậy bốn bề, thổi cung Biến Tịnh thiên, Quang Âm thiên, làm cho các cung điện va chạm nhau, tan nát như bụi cám. Cũng như người lực sĩ cầm hai chày đồng đập vào nhau mà làm cho tan nát không còn gì, hai cung điện va chạm nhau cũng như thế. Do đó nên biết rằng tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó trận gió này thổi đến các cung Phạm-ca-di thiên, Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại làm cho các cung điện va chạm vào nhau tan nát như bụi cám, không còn gì. Ví như lực sĩ cầm hai chày đồng đánh vào nhau, hai cung va chạm vào nhau cũng như thế. Do đó nên biêt răng tát cả các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, ngọn gió này thổi đến các cung Hóa Tự Tại, Đâu-suất thiên, Diệm- ma thiên làm cho các cung va chạm vào nhau tan nát như bụi cám mà chẳng còn gì. Cũng như lực sĩ cầm hai chày đồng đập vào nhau làm cho tan nát, không còn gì cả. Các cung điện ấy khi va chạm vào nhau cũng vậy. Do đó nên biết rằng tất cả các hành cả đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật là nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, cũng chính ngọn gió này thổi đến bốn thiên hạ, tám vạn thiên hạ khác, các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di? đều bi bay lên hư không, cao trăm ngàn do-tuần? các hòn núi tung lên, va chạm vào với nhau mà tan nát như bụi cám. Cũng như lực sĩ tay nắm trấu nhẹ rải trong không trung. Bốn thiên hạ, các núi, núi Tu-di cũng đều phân tán như vậy. Do đó nên biết rằng tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật là nhàm chán. Vậy phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó thì cơn gió này thổi tiêu hết đất. Nước dưới đất hết. Gió dưới nước hết. Do đó nên biết rằng tất cả các

hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật là nhàm chán. Vậy phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Khi cung Quang Âm thiên và cung Biến Tịnh thiên va chạm vào nhau tan nát như bụi cám. Ai có thể tin việc ấy? Chỉ riêng người nào nhìn thấy thì mới biết được mà thôi. Như thế, cho đến nước dưới đất hết, gió trong nước hết. Ai

CÓ thể tin việc ấy? Chỉ người nào nhìn thấy thì mới biết được mà thôi. Đó là phong tai. Thế nào là phong tai lần thứ hai? Sau đó khá lâu thì có vầng mây đen lớn trùm khắp hư không cho đến Quả Thật thiên. Đồng thời mưa xuống, hạt mưa to như bánh xe và mưa như thế đó vô số trăm ngàn vạn năm. Nước mưa tăng dần lên đến Quả Thật thiên. Lúc đó thì có bôn ngọn gió chặn nước lại. Bôn ngọn gió ấy la gì? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động phong, bốn là Kiên Cố phong. Sau đó, nước giảm xuống dần còn vô số do-tuần9 ngàn do-tuần. Bốn bề nước có gió lớn nôi dậy, tên là Tăng-già thôi nước dao động, phát sanh sóng, bọt nước két tụ lại. Gió thôi nước rời khỏi vị trí bay lên hư không, tự nhiên biên thành cung điện Biến Tịnh thiên có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên đó nên có cung Biến Tịnh thiên. Nước ấy giảm xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Cơn gió lớn Tăng-già ấy thổi làm cho nước động, phát sanh sóng, bọt nước kết tụ lại. Gió thổi nước rời khỏi vị trí bay lên hư không, tự nhiên biến thành cung Quang Âm thiên có màu sắc xen kẽ, do bảy báu tạo thành. Cho đến nước biên toàn mặn, cũng như trường hợp hỏa tai tái phát lần thứ hai. Đó là phong tai. Những hiện tượng trên là tam tai, cũng là tam phục (ba sự tái phát).

10. PHẨM CHIẾN ĐẤU

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên cùng a-tu-luân đánh nhau, Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: “Nay các ngươi đi đánh với a-tu-luân, nếu đắc thắng phải bắt a-tu-luân Tỳ- ma-chất-đa-la, dùng năm dây trói chặt lại rồi dẫn về giảng đường Thiện Pháp, ta muốn xem tận mặt n6." Khi ấy, chư thiên Đao-lợi vâng lệnh Đế-thích? mỗi cá nhân đều trang bi sẵn sàng. Lúc đó, a-tu-luân Tỳ-ma-chât-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-luân: "Nay các ngươi đi đánh với chư thiên Đao-lợi, nếu thắng trận phải bắt Thích-đề-hoàn-nhân, dùng năm dây trói chặt lại, rồi dẫn về giảng đường Thất Diệp. Ta muốn xem tận mặt n6.” Khi ấy, các a-tu-luân vâng lệnh a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la5 mỗi cá nhân đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, chư thiên và các a-tu-luân đánh nhau. Chư thiên thắng trận, chúng a-tu-luân bỏ chạy. Lúc đó, chư thiên Đao-lợi liền bắt sống vua của a-tu-luân? dùng năm dây trói lại và dẫn về giảng đường Thiện Pháp để trình diện Đế-thích. Lúc đó vua a-tu-luân trông thấy cõi trời vui quá nên sanh tâm ưa thích, liền tự nghĩ: "Cõi này quá đẹp đẽ, ta có thê sông ở đây, roi sau đó ta sẽ vê lại cung a-tu-luân cũng duve." Khi ý niệm ấy phát sanh thì sợi dây đang buộc liền tự mở, đồnệ thời năm thứ dục lạc bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Nếu khi a-tu- luân muốn trở lại bổn cung thì năm sợi dây liền siết lại và năm thứ dục lạc đều biến mất. Lúc đó, a-tu-luân bị trói buộc càng chặt thêm. Nhimg sự trói buộc của ma còn

chắc chắn hơn nữa. Chẳng hạn, chấp ngã, nhân thì bị ma trói buộc. Không chấp ngã, nhân thì được giải thoát. Chấp thọ, ngã thì bị trói buộc. Chấp thọ, ái thì bị trói buộc. Chấp ngã là có thì bi trói buộc. Chấp ngã là không cũng bị trói buộc. Chấp ngã là có sắc thì bi trói buộc. Chấp ngã là không có sắc thì bị trói buộc. Chấp nệã là có tưởng thì bị trói buộc. Chấp ngã là không có tưởng thì bị trói buộc. Châp ngã là vừa có tưởng, vừa không có tưởng thì bị trói buộc. Ngã là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên đệ tử Hiền thánh biết ngã là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn và xả bỏ cái tưởng về ngã mà tu hạnh vô ngã, xem ngã ấy là gánh nặng, là phóng túng.

Chấp hữu vi là có ngã, hay hữu vi là không có ngã; hoặc hữu vi là có sắc, hữu vi là không có sắc; hay hữu vi là vừa có sắc vừa không có sắc; hoặc hữu vi là có tưởng hay hữu vi là không có tưởng; hoặc hữu vi là vừa có tưởng vừa không có tưởng. Cho nên, hữu vi là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Thế nên, các đệ tử Hiền thánh biết hữu vi là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Vậy phải từ bỏ hữu vi và tu hạnh vô vi. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên và a-tu-luân đánh nhau thì Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: uCác ngươi nay hãy đi đánh với a-tu-luân, nêu thăng trận thì phải bát a-tu- luân Tỳ-ma-chất-đa-la5 dùng năm sợi dây trói lại rồi đem về giảng đường Thiện Pháp. Ta muốn nhìn thấy n6!" Khi ấy, chư thiên Đao-lợi vâng lệnh Đế-thích mỗi cá nhân đều trang bị sẵn sàng. Lúc đó, a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-luân: “Nay các ngươi hãy đi đánh với chư thiên Đao-lợi? nếu thắng trận phải bắt Thích-đề-hoàn-nhân9 dùng năm sợi dây trói lại, rồi đem về giảng đường Thất Diệp. Ta muốn nhìn thấy 116!" Khi ấy, các a-tu-luân vâng lệnh Tỳ-ma-chất-đa-la? mỗi cá nhân đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, chư thiên và a-tu-luân đánh nhau. Chư thiên thắng trận, a-tu-luân bỏ chạy. Chư thiên Đao-lợi bắt sống a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, rồi đem về giảng đường Thiện Pháp để trình diện Đế-thích. Khi ấy, Đế-thích đi qua đi lại trên giảng đường Thiện Pháp, a-tu-luân từ xa trông thấy Đế-thích, mặc dù bị trói nhưng vẫn thốt ra lời ác, mắng nhiếc Đế-thích. Lúc đó, người hầu Đế-thích đến trước mặt Đế-thích và nói bài kệ: Tại sao Thiên đế sợ, Tự tỏ mình yếu kém, Tu-chất mắng trước điện, vẫn im lặng để nghe? Bấy giờ, Đấ-thích liền dùng bài kệ để đáp người hầu cận: Nó chẳng có sức mạnh, Ta nào có sợ chi, Lẽ đâu hàng đại trí, Cùng kẻ ngu tranh luận. Khi ấy, người hầu Đế-thích bèn nói bài kệ thưa Đế-thích: Nay không trị người ngu, Sợ sau này khó nhẫn. Hãy trừng tri nó thêm, Cho nó tự cải lỗi. Lúc d6, Đế-thích nói bài kệ đáp người hầu: Ta thường nói người trí, Không tranh với người ngu, Họ mắng, người trí nhịn, Thì đã thắng kẻ ngu.

Bấy giờ, người hầu đọc bài kệ trình Đế-thích: Sở dĩ Thiên đế nhịn, Sợ tổn hạnh người trí. Nhưng người ngu khờ khạo, Cho là vua sợ hãi. r t Ả 1 r Ẩ Người ngu không tự xét, CÓ thê chông với vua, Liều lĩnh đến xúc phạm, Muốn vua, như trâu thua. Khi đó, Đế-thích dùng bài kệ đáp lời người hầu: Người ngu không hiểu biết, Cho là ta sợ hãi, Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là bậc nhất, Ác trong điều ác là, Với sân lại sanh sân.

Với sân mà không sân, Là chiến thắng tột đỉnh. Con người có hai việc, Vì mình và vì người, Nếu có người tranh luận, Nhượng bộ là hơn hết. Phàm người có hai việc, Vì mình và vì người, Thấy người không tranh luận, Cho là họ ngu ngốc. Nếu là người sức lớn, Nên nhịn người không sức, Sức ấy là bậc nhất, Hơn hết trong sự nhẫn. Người ngu bảo có sức, Sức ấy không phải sức, Nếu người được sức nhẫn, Sức ấy là vô địch. Bấy giờ, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Đế-thích thuở đó đâu phải người nào khác mà chính là Ta đấy. Ta lúc đó tu hạnh nhẫn nhục, không làm điều thô bạo, cũng thường tán dương người tu hạnh nhẫn nhục. Nếu người có trí muốn hoằng dương đạo pháp của Ta thì phải tu hạnh nhẫn nhục, chớ mang lòng tranh luận! Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, chư thiên Đao-lợi cùng a-tu-luân đánh nhau, bấy giờ Thích-đề- hoàn-nhân nói với a-tu-luân Chất-đa-la: "Ny các khanh, cần gì phải trang bi vũ khí và ôm lòng sân hận, ham đánh phá lẫn nhau. Nay ta sẽ cùng các khanh bàn luận về đạo lý để xem ai thắng, ai bại?" Lúc đó, a-tu-luân Chất-đa nói với Đế-thích: "Giả sử có bỏ vũ khí, có đình chỉ sự tranh đấu để cùng nhau luận bàn đạo lý thì làm sao biết ai thắng, ai bại?” Đế-thích nói: “Chi bàn luận thôi, trong chúng của ngươi và trong hàng chư thiên của ta tất : < .N . , 9 có những người có trí tuệ thì sẽ biêt được ai thăng, ai b@i" Khi ấy, a-tu-luân Chất-đa nói với Đế-thích: "Ngươi hãy nói kệ trước di!” Đế-thích đáp: "Ngươi nguyên là trời, vậy ngươi hãy nói trước !,9

Bấy giờ, a-tu-luân Chất-đa liền vì Đế-thích mà nói kệ: Nay không trị người ngu, E sau này khó nhịn, Hãy trừng trị nó ngay, Cho nó tự sửa lỗi. Khi a-tu-luân Chất-đa nói bài kệ ấy xong, tất cả chúng a-tu-luân đều vui mừng khen hay, còn chư thiên thì im lặng không nói. Bấy giờ, vua a-tu-luân nói với Đế-thích: "Bây giờ đến phiên ngươi nói ke.” Khi d6, Đế-thích vì a-tu-luân mà nói kệ rằng: Ta thường nói người trí, Không tranh với người ngu, Họ măng, người trí nhịn, Người trí thăng kẻ ngu. Khi Đế-thích nói bài kệ ấy, chư thiên Đao-lợi đều vui mừng và lớn tiếng khen hay. Lúc đó, chúng a-tu-luân im lặng không nói. Đế-thích nói với a-tu-luân: "Bây giờ đến phiên ngươi nói ke." A-tu-luân lại nói kệ: Sở dĩ Thiên vương nhịn, E tổn hạnh người trí, Mà người ngu lẩn thẩn, Cho là vua sợ hãi, 9 r

Người ngu không tự xét, CÓ thê chông với vua, Liều lĩnh đến xúc phạm, Muốn vua như trâu thua. Khi a-tu-luân nói kệ ấy xong, chúng a-tu-luân hớn hở vui mừng, lớn tiếng khen hay. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi im lặng không nói. Vua a-tu-luân nói với Đế-thích: uBây giờ đến phiên ngươi nói ke.” Bấy giờ, Đế-thích vì a-tu-luân mà nói kệ: Người ngu không hiểu biết, Nói là ta sợ hãi. Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là bậc nhất. Ác trong điều ác là, Với sân lại sanh sân, Với sân không sanh sân, Là chiến thắng tột đỉnh. Con người có hai việc: Vì mình và vì người, Nếu có người tranh luận, Không đáp là hơn hết. Con người có hai việc: Vì mình và vì người, Thấy người không tranh luận, Cho là họ ngu ngốc. Nếu người có sức lớn, Nhịn được người không sức, Sức ấy là bậc nhất, Hơn hết trong sự nhẫn. Người ngu bảo có sức, Sức ấy không phải sức. Có sức nhẫn đúng pháp, Sức ấy là vô địch. Thích-đề-hoàn-nhân nói bài kệ ấy, chư thiên Đao-lợi hớn hở vui mừng, lớn tiếng khen hay. Chúng a-tu-luân thì im lặng không nói. Khi ấy, chúng

a-tu-luân đều lùi bước và nói với nhau:

30. KINH THÊ KÝ 457

“Vua a-tu-luân nói bài kệ ấy, có chỗ xúc phạm sẽ sanh đao kiếm oán thù mà tranh đấu lẫn nhau và nuôi lớn lòng oán hận, nuôi dưỡng nguồn gốc ba cõi. Bài kệ của Đe-thích thì không có chỗ xúc phạm, không khởi đao kiếm, không sanh tranh dấu, không nuôi lớn oán giận, chấm dứt nguồn gốc ba cõi. Điều Đế-thích nói là thiện, điêu vua a-tu-luân nói là bát thiện. Chư thiên thăng, a-tu-luân bại.” Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Chớ nghĩ Thích-đề-hoàn-nhân lúc đó là ai khác. Vì sao? Vì đấy chính là Ta. Lúc đó Ta dùng lời nhu hòa mà thắng chúng a-tu-luân. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Thuở xưa, chư thiên cùng a-tu-luân đánh nhau. Khi a-tu-luân thắng thì chư thiên không kháng cự. Khi đó, Thích-đề-hoàn-nhân ngự trên xe báu ngàn căm và sợ hãi chạy dài. Giữa đường vị ấy thay trên cây Diệm-bà"la có một tổ chim, trong tổ chim ấy có hai con. Do đó, vị ấy liền nói kệ để bảo người đánh xe. Bài kệ ấy là: Trên cây có đôi chim, Ngươi hãy quay xe tránh, Dù giặc có giết ta, Cũng chớ làm hại chim. Người đánh xe nghe Đế-thích nói xong bèn dừng xe lại và cho xe quay tránh tổ chim. Khi ấy, xe chạy về phía của a-tu-luân đang đuổi theo. Chúng a-tu-luân trông thây xe báu đang chạy vê hướng cánh quân mình liên nói với nhau: "Nay Thiên đê ngự xe báu có ngàn căm đang chạy vê hướng chúng ta, chác sẽ muôn chiên đâu lại, chúng ta chông không nôi dàu." Chúng a-tu-luân bèn rút lui và chạy tán loạn. Chư thiên thắng, a-tu-luân bại. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Bấy giờ Đế-thích là ai? Chớ nghĩ như thế. Vì sao? Vì đấy chính là Ta. Đối với chúng sanh phải khởi lòng thương xót, từ bi. Này các Tỳ-kheo, các ông xuất gia, tu đạo ở trong giáo pháp của Ta, phải khởi lòng từ bi, thương xót tất cả chúng sanh. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Thuở xua, chư thiên cùng a-tu-luân đánh nhau. Chư thiên thắng, a-tu-luân bại. Khi ấy, Đấ-thích chiến thắng bèn trở về lại giảng đường nội cung và tạo lập một tòa nhà tên là Tối Thắng. Đông Tây dài một trăm do-tuần, Nam Bắc rộng sáu mươi do-tuàn. Giảng đường có trăm gian. Mỗi gian có bảy đài lộ thiên liên kết nhau và trên mỗi đài có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy người hầu. Thích-đề-hoàn-nhân cũng không quan tâm đến sự cung cấp thực phẩm, y phục, dụng cụ trang sức cho các ngọc nữ, vì tùy theo nhân đã tạo mà thụ hưởng phúc báu. Vua do vì chiên thăng a-tu-luân nên tâm hoan hỷ mà thiêt lâp điện đường này nên gọi là Toi Thắng đường. Bao nhiêu cung điện trong ngàn thế giới cũng không so sánh được với tòa nhà này, cho nên gọi là Tối Thắng.

458 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa a-tu-luân tự nghĩ: "Ta có đại uy đức, có thần lực không phải ít nhung chư thiên Bao-lọd, mặt trời, mặt trăng và chư thiên khác thường ở trên hư không và đi trên đầu ta một cách tự tại. Nay ta nên lấy mặt trời, mặt trăng ấy để làm vòng tai và du hành tự tại." Lúc đó? vua a-tu-luân sân hận nổi lên dữ dội bèn nghĩ đến các a-tu-luân r ĩ eZ r z T r chiên đâu; các a-tu-luân chiên đâu cũng nghĩ: “Nay vua a-tu-luân đang nghĩ đên chúng ta, chúng ta nên mau chuẩn bj." Các a-tu-luân ấy bèn ra lệnh tả hữu trang bi binh trượng, xe báu và cùng vô SÔ a-tu-luân trước sau, đi đên trước vua a-tu-luân roi đứng qua một bên. Khi đó vua a-tu-luân lại nghĩ đên a-tu-luân Xá-ma-lê. A-tu-luân Xá-ma-lê cũng tự nghĩ: "Nay vua a-tu-luân đang nghĩ vê

ta, vậy ta nên mau chuân bj.” Xá- ma-lê liên ra lệnh tả hữu trang bị binh trượng đây đủ, roi cưỡi xe báu cùng vô số chúng a-tu-luân trước sau mà đến trước vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi ây, vua a-tu-luân lại nghĩ đên a-tu-luân Tỳ-ma-chât-đa. A-tu-luân Tỳ- ma-chất-đa cũng tự nghĩ: “Nay vua a-tu-luân đang nghĩ về ta. Vậy ta mau chuẩn bj." Tỳ-ma-chât-đa bèn ra lệnh cho tả hữu trang bi binh trượng đây đủ, roi cưỡi xe báu có vô số chúng a-tu-luân trước sau đi đến trước vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Lúc đó, vua a-tu-luân nghĩ đến các a-tu-luân đại thần; đồng thời, các a-tu- luân đại thần cũng tự nghĩ: “Nay vua đang nghĩ về chúng ta. Vậy chúng ta mau chuẩn bj." Các a-tu-luân đại thần ra lệnh cho tả hữu trang bi binh trượng đầy đủ, rồi cưỡi xe báu cùng vô số chúng a-tu-luân trước sau, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi ây, vua a-tu-luân nghĩ đên các tiêu a-tu-luân. Các tiêu a-tu-luân cũng nghĩ: “Nay vua đang nghĩ về ta. Vậy chúng ta nên mau chuẩn bị.^, Các tiểu a-tu- luân ra lệnh cho tả hữu trang bị binh trượng đầy đủ, rồi cưỡi xe báu, có vô số a-tu-luân trước sau, đi đến trước vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Bấy giờ, vua a-tu-luân liền tự trang bi, thân mặc áo giáp báu và ngự trên xe báu, có vô số trăm ngàn a-tu-luân vây quanh trước sau, với binh trượng đầy đủ, đi ra khỏi cứ địa để giao chiến với chư thiên. Khi đó, long vương Nan-đà, long vương Bạt-nan-đà, dùng thân cuốn quanh núi Tu-di bảy vòng làm chân động cả núi non, hang hóc, mây mỏng bủa giăng làm cho mưa xối xả, sóng biển vọt lên đến đỉnh núi Tu-di. Lúc ây, chư thiên Đao-lợi liên nghĩ: “Nay mây mỏng bủa giăng, trời mưa xối xả, sóng biển dâng lên đến cõi này. Hẳn là a-tu-luân muốn đến đây chiến đấu nên mới có hiện tượng my.” Trong khi đó5 vô sô binh chúng thuộc loài rông ở trong biên đêu câm mâu, giáo, cung tên, đao kiếm và mặc áo giáp báu, với vũ khí nghiêm chỉnh mà chiến

30. KINH THẾ KÝ 459

đấu cùng a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu-luân chạy vào cung. Nếu long chúng thua thì long chúng không thối lui mà chạy đến chỗ quỷ thần Già-lâu-la và nói: "Chúng a-tu-luân muốn đánh chư thiên. Chúng tôi chống lại nhirng nay chúng đang thăng. Các ông nên chuân bị binh trượng đê chúng ta cùng ra sức chống lại chilng.” Khi các quỷ thân nghe xong, liên trang bị các vũ khí đây đủ và mặc áo giáp báu cùng với long chúng đánh a-tu-luân. Khi long chúng thắng thì đuổi a-tu- luân chạy vào cung. Nếu như long chúng thua thì không thối lui mà chạy đến chỗ quỷ thần Trì Hoa và nói: "Chúng a-tu-luân muốn đánh chư thiên. Chúng tôi đã chống lại nhưng nay chúng đang thắng, các ông mau trang bị vũ khí đầy đủ để cùng chúng tôi chiến đấu với chúng." Khi quỷ thần Trì Hoa nghe long chúng nói xong, liền trang bị vũ khí đầy đủ, mặc áo giáp báu, hợp sức mà đánh với a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu-luân vào cung. Nếu a-tu-luân thắng trận thì long chúng không lui về cung của mình mà chạy đên chô quỷ thân Thường Lạc và nói: 66A-tu-luân muốn đánh chư thiên, chúng tôi đã chống lại nhưng nay chúng đang thắng; các ông mau trang bị vũ khí sẵn sàng hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chúng?5 Quỷ thần Thường Lạc nghe xong liền trang bi vũ khí và mặc áo giáp báu, hợp sức cùng long chúng đánh với a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu-luân vào cung. Ngược lại, a-tu-luân thắng trận thì long chúng không lui về cung của mình mà chạy đến chỗ Tứ Thiên vương và báo: 64A-tu-luân muốn đánh

chư thiên, chúng tôi đã chống lại chúng nhưng nay chúng đang thắng; các ông hãy mau trang bị vũ khí hợp cùng chúng tôi chiến đấu với chúng !,9 Khi Tứ Thiên vương nghe xong, liền tự trang bị vũ khí và mặc áo giáp báu hợp lực cùng long chúng đánh a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu- luân vào cung. Ngược lại, a-tu-luân thắng thì Tứ Thiên vương liền đến giảng đường Thiện Pháp mà thưa Đế-thích và chư thiên Đao-lợi rằng: C6A-tu-luân muốn đánh chư thiên. Nay chư thiên Đao-lợi nên chuẩn bị vũ khí, chung sức với binh lực này để đến đó chiến đấu với chúng.,, Khi Đế-thích nghe xong ra lệnh cho người hầu cận: "Người hãy thay lời ta mà đi báo cho Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên biết và nói: 'Vua a-tu-luân cùng vô sô bộ hạ sẽ đên đánh. Vậy chư thiên hãy trang bị vũ khí đầy đủ hầu giúp ta chiến đấu!9,9

Người hầu cận vâng lời Đế-thích đi đến Diệm-ma thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại thiên, thay lời Đế-thích mà nói với họ: "A-tu-luân cùng với vô số bộ hạ sắp đến đánh. Vậy chư thiên hãy trang bị vũ khí đầy đủ để giúp Đế-thích chiến dấu!" Khi vua trời Diệm-ma nghe nói như thê, liên trang bi vũ khí đây đủ và mặc áo giáp báu, ngự trên xe báu, có vô số trăm ngàn các thiên chúng vây quanh trước sau, đi đên đóng quân ở phía Đông núi Tu-di. Bây giờ, vua trời Đâu-suất nghe nói như thê cũng liên trang bi các vũ khí và mặc áo giáp báu, ngôi xe báu có vô số trăm, ngàn, ức thiên chúng vây quanh trước sau, đi đến đóng quân ở phía Nam núi Tu-di. Bấy giờ, vua trời Hóa Tự Tại nghe như thế, cũng trang bị đầy đủ các thứ, đi đến đóng quân ở phía Tây núi Tu-di. Bấy giờ, vua trời Tha Hóa Tự Tại, nghe nói như thê, cũng trang bị đây đủ các thứ, đi đên đóng quân ở phía Bắc núi Tu-di. Khi ấy, Đế-thích nghĩ đến Tam Thập Tam thiên và Đao-lợi thiên, Tam Thập Tam thiên và Đao-lợi thiên cũng tự nghĩ: “Nay Đế-thích đang nghĩ về chúng ta. Vậy chúng ta mau trang bi sẵn sàng!" Rồi ra lệnh cho hầu cận trang bị đây đủ các vũ khí và ngôi trên xe báu, cùng với vô sô ức thiên chúng vây quanh trước sau, đi đến trước Đế-thích và đứng qua một bên. Bấy giờ, Đe- thích lại nghĩ đen chư thiên Đao-lợi khác. Và chư thiên Đao-lợi cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến chúng ta. Vậy chúng ta mau trang bị sẵn sàng!” Roi ra lenn cho hau cạn trang bị đay đu vũ khí va ngoi trên xe bau cung vô sô thiên chúng vây quanh trước sau, đi đến trước Đế-thích và đứng qua một bên. Khi đó, Đế-thích lại nghĩ đến quỷ thần Diệu Tượng; quỷ thần Diệu Tượng cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta. Vậy ta mau trang bi sẵn sang!99 Rồi ra lệnh cho người hầu cận trang bị đầy đủ các vũ khí, ngồi trên xe báu và có vô sô trăm ngàn quỷ thân vây quanh trước sau, đi đên trước Đê-thích và đứng qua một bên. Bấy giờ, Đế-thích lại nghĩ đến vua rồng Thiện Trụ, vua rồng Thiện Trụ cũng tự nghĩ: “Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta. Vậy ta mau đến liền đến r đứng trước mặt Đê-thích. Bây giờ, Đế-thích liền trang bị đầy đủ các vũ khí, thân mặc áo giáp báu, ngự trên đầu vua rồng Thiện Trụ cùng với vô số chư thiên, quỷ thần vây quanh . 9 r r trước sau, ra khỏi thiên cung và giao chiên với a-tu-luân. Tát cả vũ khí như gậy, đao, kiếm, mâu, giáo, cung, tên, búa, rìu, bánh xe, lưới và binh khí, áo giáp đều do bảy báu tạo thành và dùng dao nhọn làm hại thân a-tu-luân nhưng không gây tổn thương, chỉ chạm đến thân mà thôi. Còn chúng a-tu-luân cũng cầm đao, kiếm, mâu, giáo, cung, tên, búa, rìu,

bánh xe, lưới đều do bảy báu tạo thành, roi dùng dao nhọn làm hại thân chư thiên, những thứ ây chỉ chạm đên thân mà không gây ton thương. Như vậy, do dục vọng mà chư thiên và a-tu-luân đánh nhau như thế.

30. KINH THẾ KÝ 461

11. PHẨM TAM TRUNG KIẾP

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có ba trung kiếp. Những gì là ba? Một là kiếp đao binh; hai là kiếp mễ cốc khan hiếm; ba là kiếp bệnh dịch. Thế nào là kiếp đao binh? Nghĩa là con người ở thế gian này vốn sống bốn vạn tuôi5 sau đó giảm dân còn sông hai vạn tuổi và tiêp tục giảm xuông còn một vạn tuổi, một ngàn tuổi, năm trăm tuổi, ba trăm tuổi, hai trăm tuổi. Như ngày nay, con người sông trăm tuôi, tăng thì ít, giảm thì nhiêu. Nhưng vê sau, tuổi thọ con người giảm dần, chỉ còn mười tuổi là dừng lại. Lúc đó, người nữ mới sanh được năm tháng thì đã lấy chồng. Khi ấy, thế gian có bao nhiêu mỹ vi ngon ngọt như bơ, dầu, mật, đường phèn, đường đen tự nhiên biến mất. Đồng thời, ngũ cốc không sanh, chỉ có cỏ lác. Lúc ấy, những loại y phục thượng hạng như gấm, lụa, lãnh, nhiễu, vải kiếp-bối, vải sô-ma... thảy đều không có mà chỉ toàn là loại y phục dệt bang cỏ xấu xí. Bay giờ, đất này sanh toàn gai góc, muỗi mòng, rắn rết, bò cạp, độc trùng; đồng thời, bảy báu như vàng, bạc, lim ly, châu ngọc... tự nhiên chìm vào đất mà chỉ có cát, đá; các thứ ô uế, đầy dẫy khắp thế gian. Khi đó, chúng sanh chỉ gia tăng mười điều ác, không hề nghe tên mười điều thiện, thậm chí danh từ "thiên” còn không có, huống là có người thực hành mười điều thiện. Bấy giờ, con người bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sư trưởng, hay làm điều ác thì được cúng dường hau hạ; cũng như ngày nay, những người cung kính cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, có thể thực hành điều thiện thì được cung kính hầu hạ. Người làm ác sau này cũng được cúng dường như thế. Những kẻ làm ác lúc đó, sau khi mạng chung bi đọa vào loài súc sanh. Cũng như con người ngày nay được sanh lên cõi trời. Lúc đó người ta gặp nhau, chỉ ôm lòng độc hại, muốn tàn sát lẫn nhau; cũng như người thợ săn gặp bầy nai là muốn giết chúng, không một niệm lành và những người ác như the, chỉ muốn sát hại lẫn nhau, không một niệm lành. Bấy giờ, đất đai không có nơi nào bằng phẳng mà toàn là cống rãnh, khe suối, hang hốc, gò nồng, núi non. Lúc đó, con người đi qua lại vô cùng sợ sệt, đến nỗi lông tóc dựng ngược. Trong vòng bảy ngày thì có kiếp đao binh phát khởi. Khi đó, tay con người dù là cam cỏ, cây, ngói, gạch đều biến thành gươm giáo, vừa nhọn, vừa bén chém giết lẫn nhau. Trong số đó, có người có chút trí tuệ, nhận thấy sự giết hại lẫn nhau bằng đao kiếm, kinh khiếp quá nên chạy vào rưng, vào núi, vào hang hốc, chỗ vắng người để tự nạn trong bảy ngày. Tâm họ nghĩ và nói: "Ta không hại người thì người không hại ta." Trong vòng bảy ngày,

462 KINH TRƯỜNG A-HÀM

người ấy chỉ ăn toàn cỏ cây để sống qua ngày. Hết bảy ngày, họ lại ra khỏi núi rừng. Khi đó? hễ có người nào gặp nhau thì họ vui mừng và nói: “A! Nay gặp được ngươi còn sông sót, nay gặp ngươi còn sông s6f L cũng như cha mẹ xa cách đứa con duy nhất đã lâu ngày, nay mới gặp lại, lòng vui mừng khôn xiết, hớn hở? không thể tự kiềm chế

được. Những người ấy cũng như thế, khi gặp nhau cũng vui mừng khôn xiết, hớn hở, nhảy nhót không thể tự kiềm chế được. Trong vòng bảy ngày đó, nhân dân khóc lóc với nhau. Bảy ngày tiếp theo, họ cùng nhau vui mừng, hoan hỷ, chúc lành nhau. Con người trong thời gian kiếp binh dao, sau khi mạng chung đều bị đọa vào địa ngục. Tại sao? Vì họ thường ôm lòng sân hận muôn giết hại lẫn nhau, không chút nhân từ. Đó gọi là kiếp đao binh. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, thế nào là kiếp đói khát?

Bây giờ, nhân dân làm nhiêu điêu phi pháp, tà kiên điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười điều ác nên trời không mưa; các thứ thảo mộc đều chết khô; ngũ cốc không sanh, chỉ có cỏ lác. Thế nào là kiếp đói khát? LÚC đó dân chúng quét lượm các đô phân dãi, đát, lúa rơi trên đông ruộng, ở ïiệã tư đường,... để sống qua ngày. Đó là kiếp đói. Lại nữa, lúc đói, dân chúng bây giờ lượm hài cót ở đường sá, xóm làng, phô phường, chợ búa, hàng thịt, gò mả. Họ nấu để lấy nước uống mà sống qua ngày, đó là kiếp đói mà ăn xương trắng. Lại nữa, khi kiếp đói xảy ra, năm thứ lúa hoàn toàn biến thành cỏ cay. Con người lúc đó hái hoa nấu nước mà uống. Khi đói thì hoa của cỏ cây đều rụng hét và năm xép lớp dưới đát. Do đó, con người khi ây mới đào đát lên đê lấy hoa mà nấu ăn, hầu sống qua ngày. Đó là đói mà ăn cỏ cây. Lúc bấy giờ, sau khi mạng chung, chúng sanh đều bị đọa vào ngạ quỷ. Tại sao? Vì trong kiếp đói, họ thường ôm lòng bon xẻn không có tâm niệm bố thí, không chiu san sẻ, không nghĩ đến người trong cơn nguy khốn. Đó là kiếp đói khát. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Thế nào là kiếp bệnh dịch? Vì lúc đó, con người ở thế gian tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không điên đảo, thực hành đầy đủ mười điều thiện. Trong khi đó, có các loài quỷ thần ở thế giới khác đến. Những quỷ thần ở thế gian này lại phóng túng, dâm loàn, không thể hộ vệ được nẹười đời. Do đó, các quỷ thân phương khác mới xâm phạm, phá phách người thê gian này, đánh đập bằng trượng, thu hút tinh khí nên khiến tâm họ bị điên loạn và bị cưỡng bách đem đi. Ví như vị quốc vương ra lệnh cho các tướng soái bảo vệ quốc dân. Có giặc cướp từ phương khác đến xâm phạm, khuấy rối những người phóng túng, cướp bóc ở làng mạc quốc gia này. Quỷ thần phương khác đến phá phách, đánh đập? thu hút tinh khí những người thế gian này và cưỡng bách đem đi cũng thế.

30. KINH THẾ KÝ 463

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, dù cho quỷ thần ở thế gian này không phóng dật, không dâm loàn nhưng các quỷ thân ở thê giới khác có oai lực lớn đi đên, các quỷ thân ở thê gian này cũng sợ hãi lánh xa. Những quỷ thân có oai lực lớn kia bèn xâm phạm, đánh đập, thu hút tinh khí con người cõi này và tàn sát roi bỏ đi. Ví như quốc vương, hoặc đại thần của vua ra lệnh cho các tướng soái bảo vệ nhân dân; các vị ấy canh phòng nghiêm ngặt, cẩn thận, không có phóng dật. Bỗng có tướng soái mạnh bạo, hung dữ từ phương khác đến cùng với nhiều binh lính, phá phách xóm làng, thành ấp, cướp đoạt tài sản nhân dân, cũng giống như thế. Hơn nữa, dù cho quỷ thân ở thê gian này không dám phóng túng nhưng những quỷ thần có oai lực lớn từ phương khác đến, quỷ thần ở thế gian này cũng sợ hãi lánh xa. Do đó, những quỷ thần có oai lực lớn kia liền xâm phạm, đánh đập, thu hút tinh khí con người ở cõi này và tàn sát họ rồi bỏ đi cũng như trên. Trong thời kiếp bệnh tật, nhân dân sau khi mạng chung đều sanh về cõi trời.

Tại sao? Vì con người lúc đó có lòng thương xót lẫn nhau và lần lượt hỏi han: "Ngươi bệnh hết chưa? Thân thể được khỏe mạnh khong?99 Do nhân duyên đó mà họ được sanh về cõi trời, cho nên gọi là kiếp tật bệnh, Đó là ba trung kiếp vậy.

12. PHẨM THẾ BỔN DUYÊN

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, sau khi cơn hỏa tai qua rồi, là lúc trời, đất, thế gian này sắp thành lập trở lại. Lúc đó, có những chúng sanh khác vì phúc báu hết, hạnh nghiệp hét, mạng sông hét và qua đời tại cõi trời Quang Am, roi thác sanh về cõi Không Phạm, ở đấy, những chúng sanh này sanh tâm đắm nhiễm, yêu thích cõi đó. Họ mong những chúng sanh khác cùng đến sống chung ở đó. Sau khi có ý niệm như thế, có những chúng sanh khác vì hết phúc báu, hết hạnh nghiệp, hết mạng sống nên qua đời tại cõi trời Quang Âm và thác sanh về cõi Không Phạm. Lúc đó, vị Phạm thiên sanh qua đó đầu tiên tự nghĩ: "Ta là Phạm vương, là Đại Phạm Thiên vương, không có ai sanh ra ta, ta tự nhiên có, không có thọ thai. ở trong một ngàn thế giới, ta là đấng tự tại bậc nhất, khéo hiểu các nghĩa thú, giàu sang, dư dả, có khả năng tạo ra vạn vật. Ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh.,, Đông thời, những Phạm thiên sanh sau, cũng tự nghĩ: ây là Phạm thiên, là Đại Phạm Thiên vương, không có ai sanh ra, tự nhiên có, không có thọ thai. ở trong một ngàn thế giới, ngài là đấng tôn kính bậc nhất, khéo hiểu các nghĩa thú, giàu sang, dư dả, có khả năng tạo ra vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vi ấy sanh ra." Vị Phạm thiên vương đó, hình dáng, nhan sắc thường như đồng tử. Cho nên, Phạm vương còn được gọi là đông tử. Hoặc có lúc thế gian này thành lập trở lại, các chúng sanh ở thế gian phần nhiều là sanh về cõi trời Quang Am, tự nhiên hóa sanh, lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, trên thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay trên hư không, an vui, không bị chướng ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó, the gian này biến thành một biển ĩ . e A r * nước lớn, lan tràn kháp nơi. Chính lúc đó, cả thiên hạ đêu tôi tăm, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngày đêm và không có con số năm, tháng, bốn mùa. Sau thời gian đó5 thế giới này thay đổi trở lại. Có những chúng sanh khác vì hết phúc báu, hết hạnh nghiệp, hết mạng sống, qua đời tại cõi trời Quang Âm, rồi thác sanh lại thế giới này, đều do hóa sanh và lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, trên thân tự phát ra ánh sáng, có Thần túc thông, bay trên hư không, an lạc, vô ngại và sống một thời gian rất lâu ở cõi này. Bấy giờ, không có nam, nữ, tôn, ty, thượng, hạ, không có tên khác nhau mà chỉ có nhiều người cùng sanh ra trong một thế giới, cho nên gọi là chúng sanh.

LÚC đó, đại địa này tự nhiên có đát, roi nước xuât hiện và ngưng tụ trên đât5 cũng như đề hồ. Khi đất, nước xuất hiện cũng giống như thế, như hương vi sanh tô, vi ngọt như mật. Sau đó5 những chúng sanh ấy bèn lấy tay chấm nếm thử để xem là vi gì. Lúc đầu, họ nếm thử, thấy là ngon, liền sanh tâm đắm nhiễm mùi vị và cứ lần lượt nếm mãi như thế không thôi nên sanh tâm đắm nhiễm, rồi lấy tay bốc để ăn? bốc ăn mãi không thôi. Chúng sanh khác trông thấy lại bắt chước bốc ăn thử và cũng ăn mãi không thôi. Khi

ấy, thân thể của chúng sanh trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn thần túc, không thể bay đi trên hư không được. Khi chưa có mặt trời, mặt trăng và ánh sáng của chúng sanh mất hẳn, lúc đó, trời đất tối tăm cũng như giai đoạn đầu không khác. Sau một thời gian khá lâu, có cơn gió lóc thôi nước biên lớn, sâu tám vạn bôn ngàn do-tuân, làm cho nước tách ra hai bên, đông thời thôi bay cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và để vào trong nhật dạo, rồi mọc từ hướng Đông, lăn về hướng Tây, xoay vần khắp thiên hạ. Cung điện mặt trời thứ hai thì mọc từ hướng Đông, lặn về hướng Tây. Lúc đó, chúng sanh có người nói: “B6 là mặt trời ngày hôm qua." Hoặc có người nói: “B6 không phải là mặt trời ngày hôm qua." Đên cung điện mặt trời thứ ba mọc từ hướng Đông, lặn ở hướng Tây. Lúc đó, có chúng sanh nói: "Nhất định là một mặt tròd." Mặt trời nghĩa là nói nguyên nhân sáng, cho nên gọi là mặt trời. Mặt trời có hai nghĩa: Một là luôn luôn ở trên đường đi cố đinh; hai là cung điện. Bốn phương cung điện của mặt trời vì trông thấy từ xa nên hình tròn, nóng lạnh điều hòa, do vàng trên trời tạo thành có pha lê xen kẽ, với hai phan vàng trên thì toàn là vàng ròng, không có hỗn hợp, trong ngoài trong suôt5 ánh sáng chiêu thật xa, với một phân pha lê hoàn toàn thuần chất, không pha tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu thật xa. Cung điện mặt trời ngang dọc năm mươi do-tuần, đất và tường của cung điện mỏng manh như lau non. Cung có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, bảy lớp linh báu, trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành. Nêu tường băng vàng thì cửa băng bạc. Nêu tường băng bạc thì cửa băng vàng. Nếu tường bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh. Nếu tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly. Nếu tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não. Nếu tường bằng mã não thì cửa bằng xích châu. Nếu tường bằng xà cừ thì cửa bằng các thứ báu. Nếu tường bằng các thứ báu thì cửa bằng xà cừ. về lan can, nếu lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc. Lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng. Lan can bang lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly. Lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não. Lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu. Lan can bằng các thứ y \ báu thì tay vịn băng xà cừ. Lan can băng xà cừ thì tay vịn băng các thứ báu.

Vê bảy lớp màn lưới, nêu màn lưới băng vàng thì treo chuông băng bạc. Màn lưới bang bạc thì treo chuông bằng vàng. Màn lưới bang thủy tinh thì treo chuông bằng lưu ly. Màn lưới bằng lưu ly thì treo chuông bằng thủy tinh. Màn lưới bằng xích châu thì treo chuông bằng mã nao. Màn lưới bằng mã não thì treo chuông bằng xích châu. Màn lưới bằng xà cừ thì treo chuông bằng các thứ A > báu. Màn lưới băng các thứ báu thì treo chuông băng xà cừ. về bảy lớp hàng cây, nếu cây bằng vàng thì lá, hoa, trái bằng bạc. Cây bằng bạc thì lá, hoa, trái bằng vàng. Cây bằng lưu ly thì lá, hoa, trái bằng thủy tinh. Cây bằng thủy tinh thì lá, hoa, trái bằng lưu ly. Cây bằng xích châu thì lá, hoa, trái bằng mã não. Cây bằng mã não thì lá, hoa, trái bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì lá, hoa, trái bằng các thứ báu. Cây bằng các thứ báu thì lá, hoa, trái bằng xà cừ. về bốn cửa của tường cung điện, mỗi cửa có bảy bậc thềm, có lan can bao quanh, có lâu đài, nhà gác, có vườn rừng, có ao tắm, theo thứ tự cũng như trước, có các thứ hoa báu, mỗi hàng mỗi hàng đều tương đương với các loại cây ăn trái. Hoa, lá, màu sắc xen kẽ. Cây tỏa hương

thơm, phảng phất khắp bốn phía, Các loại chim chóc hòa ca líu lo. Hơn nữa, cung điện mặt trời được năm ngọn gió duy trì: Một là Trì phong; hai là Dưỡng phong; ba là Thọ phong; bốn là Chuyển phong; năm là Điều phong. Chính điện do vàng ròng tạo thành, là nơi ở của Vua Mặt Trời, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bốn cửa, có lan can bao quanh. Chỗ ngồi của Vua Mặt Trời ngang dọc nửa do-tuân, do bảy báu tạo thành, trong sạch, mem mại như áo trời. Thân thê của Vua Mặt Trời phát ra ánh sáng, chiêu sáng cả cung điện bằng vàng. Rồi cung điện bằng vàng phát ra ánh sáng, chiếu vào cung điện băng vàng; ánh sáng của cung điện băng vàng chiêu vào cung điện mặt trời; ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ. Vua Mặt Trời sống năm trăm tuổi trời. Con cháu thừa kế nhau, không gián đoạn, không có người khác họ kê vi. Cung điện mặt trời không bi tiêu hoại, tôn tại trong một kiêp. Hơn nữa, khi cung điện mặt trời di chuyển thì Vua Mặt Trời không có ý nghĩ di chuyển và nói: "Ta di chuyển hay dừng và thường lấy năm thứ dục lạc để tự vui thú. Khi mặt trời di chuyển, có vô so trăm, ngàn chư Đại thiên thần hướng dẫn phía trước; tất cả đều vui vẻ, không mỏi mệt, an lạc, ít bệnh. Do đó, Vua Mặt Trời được gọi là ít bệnh. Thân của Vua Mặt Trời phát ra ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh. Đây là do công đức, hạnh nghiệp đời trước nên có ngàn tia sáng. Vì thế, Vua Mặt Trời còn được gọi là Ngàn Anh Sáng. Công đức, hạnh nghiệp đời trước của Vua Mặt Trời như thế nào? Ấy là, hoặc có người cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, cung cấp cho người nghèo khó, như cho thức ăn, thức uống, áo quần, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng

xá, đèn đuôc; trong khi cho thì tùy theo nhu câu của họ mà cho, không trái ý họ, hoặc cúng dường người giữ giới, các bậc Hiền thánh. Do vô số thứ pháp an vui và nhân duyên sáng suốt như thế nên có thiện tâm, vui vẻ, như vi vua thuộc dòng Sát-đế-lợi có nước rưới đầu? khi mới lên ngôi thì thiện tâm vui vẻ cũng như thế. Do nhân duyên đó nên khi mạng chung được làm Vua Mặt Trời, có cung điện mặt trời và có ngàn tia sáng. Cho nên nói: Do nghiệp lành mà được ngàn tia sáng. Lại nữa, do những hành động gì mà gọi là hạnh nghiệp sáng suốt đời trước? Nghĩa là, có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời độc ác, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không tham, không sân, không si, không tà kiến. Vì nhân duyên đó nên thiện tâm vui vẻ, cũng như tại ngã tư đường có một ao tăm lớn, trong sạch, không cáu bân, roi có một người từ phương xa đến vừa mệt, vừa khát, vừa nóng vào ao này tắm gội sạch sẽ, mát mẻ, vui vẻ, thoải mái. Thế thì người tu thập thiện ấy thiện tâm vui vẻ cũng như trên. Người này sau khi mạng chung được làm Vua Mặt Trời, ở tại cung điện mặt trời, có ngàn tia sáng. Vì nhân duyên đó nên gọi là nghiệp lành sáng suốt. Lại nữa, vì lý do gì mà gọi là ngàn tia sánệ? Vì có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dôi, không uống rượu. Do nhân duyên đó nên thiện tâm vui vẻ và sau khi mạng chung, được làm Vua Mặt Trời, ở cung điện mặt trời, có ngàn tia sáng. Do nhân duyên ấy nên gọi là nghiệp lành ngàn tia sáng. Sáu mươi niệm thì gọi là một la-da và ba mươi la-da thì gọi là ma-hầu-đa; một trăm ma-hàu-đa thì gọi là ưu-ba-ma. Cung điện mặt trời thì sáu tháng di chuyển về phía Nam. Một ngày đi được ba mươi dặm về hướng cực Nam nhưng không vượt qua Diêm-phù-đê. Và khi mặt trời di chuyên vê

phía Bác thì cũng như trên. Vì những nhân duyên gì mà ánh sáng mặt trời nóng? Vì có mười nhân duyên. Mười nhân duyên gì? (1) Ngoài núi Tu-di, có núi Khư-đà-la, cao bốn vạn hai ngàn do-tuân, ngang dọc bôn vạn hai ngàn do-tuân, bờ mé thì vô cùng, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là nhân duyên thứ nhất nên mặt trời nóng. (2) Ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà cao hai vạn một ngàn do-tuần? ngang dọc hai vạn một ngàn do-tuần? giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi ấy, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ hai làm cho ánh y

sáng mặt trời nóng. (3) Ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đê-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ ba làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (4) Cách núi Thọ-đê-đà-la có núi Thiện Kiên, cao sáu ngàn do-tuân, ngang dọc sáu

ngàn do-tuần, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ tư làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (5) Ngoài núi Thiện Kiến có núi Mã Tự, cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ năm làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (6) Cách xa núi Mã Tự có núi Ni-di-đà-la? cao một ngàn hai trăm do-tuần5 ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần9 giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ sáu làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (7) Cách núi Ni-di-đà-la có núi Điều Phục, cao sáu trăm do-tuân, ngang dọc sáu trăm do-tuân, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ bảy làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (8) Cách núi Điều Phục có núi Kim Cang Luân, cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần9 giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ tám làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (9) Đi lên cao một vạn do-tuần thì có cung điện trời tên là Tinh Tú, do lưu ly tạo thành. Khi ánh sáng chiếu đến cung điện này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ chín làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (10) Khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến đại địa này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời nóng. Bây giơ, đức The Ton noi bai kẹ: Vì mười nhân duyên này, Mặt trời tên Thiên Quang, Anh sáng nóng hừng hực, Phật nói vê mặt trời. Đức Phật dạy: - Vì lý do gì về mùa đông thì mặt trời lạnh, đến nỗi không thể đến gần, dù có ánh sáng nhưng vẫn lạnh? Vì có mười ba lý do, tuy là có ánh sáng nhxmg vẫn lạnh. Mười ba lý do gì? (l) Giữa núi Tu-di và Khư-đà-la có một khôi nước rộng tám vạn bôn ngàn do-tuân, giáp vòng không có giới hạn; nước ây sanh các loài hoa, hoa ưu-bát- la, hoa câu-vật-đầu, hoa bát-đầu-ma, hoa phân-đà-lợi9 hoa tu-càn-đầu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ nhất làm cho ánh sáng mặt

trời lạnh. (2) Giữa núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có một khôi nước rộng bôn vạn hai ngàn do-tuân, ngang dọc bôn vạn hai ngàn do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ấy sanh các thứ hoa. Khi mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ hai làm ánh sáng mặt trời lạnh. (3) Giữa núi Y-sa-đà-la và núi Thọ-đề-đà-la có một khối nước rộng hai vạn một ngàn do-tuần, giáp vòng bao la. Nước ấy sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ ba làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (4) Giữa núi Thiện Kiến và núi Thọ-đề có một khối nước

rộng một vạn hai ngàn do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ây lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ tư làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (5) Giữa núi Thiện Kiến và núi Mã Tự có khối nước rộng sáu ngàn do-tuần. Nước ấy lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ năm làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (6) Giữa núi Mã Tự và núi Ni-di-đà-la có một khôi nước rộng một ngàn hai trăm do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ây lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ sáu làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (7) Giữa núi Ni-di-đà-la và Điều Phục có một khối nước rộng sáu trăm do-tuần. Làn nước bao la. Nước ây lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên vì có sự tiêp xúc nên phát lạnh, Đó là lý do thứ bảy tạo cho ánh sáng mặt trời lạnh. (8) Giữa núi Điều Phục và núi Kim Cang Luân có một khôi nước rộng ba trăm do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ấy lại sanh ra các loại hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ tám làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (9) Giữa núi Kim Cang Luân và Diêm-phù-đề có khối nước. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ chín làm cho mặt trời lạnh. (10) về Diêm-phù-đề thì đất, sông ít, châu Cù-da-ni thì đất, nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự tiếp xúc nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (11) về Cù-da-ni thì sông ít mà Phất-vu-đãi thì nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười một làm cho mặt tròi lạnh. (12) về châu Phất-vu-đãi sông ít, châu uất- đơn-việt sông nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười hai làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (13) Khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến nước của biên lớn. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười ba làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. Bấy giờ, đức Phật liền nói bài kệ: Vì mười ba nhân duyên, Mặt trời tên Thiên Quang, Ánh sáng trong mà lạnh, Phật nói về mặt trời. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng có khi tròn, khi khuyết; ánh sáng giảm xuống. Do đó, cung điện mặt trăng được gọi là tổn giảm. Mặt trăng có hai nghĩa: Một là luôn luôn cô định; hai là cung điện. Bôn phương cung điện vì thấy từ xa nên hình tròn, ấm lạnh điều hòa, do lưu ly và bạc trên trời tạo thành. Vê hai phân bạc trên trời thì hoàn toàn thuần chát, không hôn tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu thật xa. về một phần lưu ly thì cũng hoàn toàn thuần chát, không pha tạp, trong ngoài trong suôt, ánh sáng chiêu thật xa. Mặt trăng ngang dọc bốn mươi chín ngàn do-tuần, tường và đất của cung điện mỏng như lau non. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan

màn lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành... có vô số chim chóc ca hót líu lo. Cung điện ấy được năm ngọn gió duy trì: Một là Trì phong, hai là Dưỡng phong, ba là Thọ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Điều phong. về chánh điện nơi Vua Mặt Trăng ngự thì do lưu ly tạo thành, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bốn cửa và có lan can bao quanh. Chỗ ngồi của Vua Mặt Trăng ngang dọc nửa do-tuân, do bảy báu tạo thành, trong sạch, mem mại như áo trời. Thân thể của Vua Mặt Trăng thường phát ra ánh sáng, chiếu đến cung điện băng lưu ly và ánh sáng của cung điện băng lưu ly chiêu đên cung điện mặt trăng. Anh sáng của cung điện mặt trăng chiếu khắp bon thiên hạ. Vua Mặt Trăng sống năm trăm tuổi trời. Con cháu thừa kế nhau, không có người khác họ kế vị. Cung điện ấy không hư hoại, cho đến một kiếp. Khi mặt trăng di chuyển, Vua Mặt Trăng không có ý nghĩ di chuyển và nói là vị ấy đi hay dừng, thường lấy ngũ dục vui chơi với nhau. Lúc mặt trăng di chuyển, có vô số trăm ngàn các Đại thần thường đi ở phía trước, thích thú, không mỏi mệt, ưa thích, nhanh nhẹn. Do đó, Vua Mặt Trăng còn có tên là Nhanh Nhẹn. Thân thê của Vua Mặt Trăng phát ra một ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiêu xuông và năm trăm tia sáng chiêu sáng chung quanh. Đây là do công đức, hạnh nguyện đời trước nên có ánh sáng này. Vì the, Vua Mặt Trăng còn được gọi là Ngàn Ánh Sáng. Công đức, hạnh nghiệp đời trước ấy như thế nào? Đó là ở đời, có người cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí cho người nghèo đói, thức ăn, thức uống, y phục, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, trong khi cho, tùy theo nhu câu của họ mà cung cáp, không trái với ý muôn của họ, hoặc cúng dường cho người trì giới, các bậc Hiền thánh. Do vô số các pháp hoan hỷ, thiện tâm nên có ánh sáng như thế. Cũng như vị vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, có nước rưới đầu, khi mới lên ngôi thì thiện tâm vui vẻ cũng như thế. Do nhân duyên đó nên sau khi qua đời được làm Vua Mặt Trăng, ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Cho nên nói rằng nghiệp lành được ngàn ánh sáng. Lại nữa, do hạnh nghiệp gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian, có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêm bớt, không tham, không sân, không si và không có tà kiến. Do nhân duyên đó có tâm lành, tâm hoan hỷ. Cũng như tại ngã tư đường, có một ao tắm lớn, trong sạch, không vẩn đục, có một người từ phương xa đến, vừa nóng, vừa mệt, vừa khát bèn vào trong ao, tắm gội sạch sẽ nên cảm thấy sảng khoái, an vui. Người thực hành thập thiện có được tâm lành, tâm hoan hỷ, cũng như thế. Do đó5 sau khi qua đời, họ được làm Vua Mặt Trăng, ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Vì nhân duyên ấy nên nói do thiện nghiệp mà được ngàn tia sáng.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian có người không sát sanh, không trộm căp5 không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Do nhân duyên đó nên thiện tâm vui vẻ và sau khi qua đời họ được làm Vua Mặt Trăng, ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Vì nhân duyên ấy nên nói do thiện nghiệp mà có ngàn

tia sáng. Lại nữa, trong khoảng sáu mươi niệm thì gọi là một la-da; ba mươi la-da thì gọi là ma-hâu-đa; một trăm ma-hâu-đa thì gọi là ưu-bà-ma. Nêu cung điện mặt trời sáu tháng di chuyển về hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm về phía cực Nam nhưng không vượt qua Diêm-phù-đề, lúc đó cung điện mặt trăng nửa năm di chuyên hướng Nam nhưng không vượt qua Diêm-phù-đê. Và khi mặt trăng di chuyên vê hướng Bác cũng như thê. Vì nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết dần dần? Có ba nhân duyên làm cho mặt trăng khuyêt dân: (1) Mặt trăng mọc chênh một mé. Đó là nhân duyên thứ nhát làm cho mặt trăng khuyêt; (2) Trong cung điện mặt trăng có những Đại than mặc y phục xanh, theo thứ tự đi lên, hễ họ dừng lại chỗ nào thì chỗ đó biến thành màu xanh. Cho nên mặt trăng khuyết. Đó là nhân duyên thứ hai làm cho mặt trăng càng ngày càng khuyết; (3) Cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, ánh sáng chiêu đên cung điện mặt trăng làm cho phản chiêu ánh e : 9 v. _ sáng nên ánh sáng mặt trăng không hiện. Do đó5 nơi bi phản chiêu ánh sáng thì mặt trăng khuyêt. Đó là ba nguyên nhân làm cho mặt trăng khuyêt. Vì nhân duyên gì mà ánh sáng mặt trăng tròn dần dần? Có ba nhân duyên làm cho ánh sáng của mặt trăng tròn dần dần. Ba nhân duyên đó là gì? (1) Mặt trăng mọc chính hướng, cho nên ánh sáng mặt trăng tròn; (2) Trong cung điện mặt trăng, chư thần đều mặc y phục màu xanh. Lúc đó, Vua Mặt Trăng vào ngày răm ngôi trong cung, cùng nhau vui chơi, ánh sáng chiêu khăp nơi, lân át cả ánh sáng của chư thiên khác. Cho nên ánh sáng mặt trăng tròn đủ và soi sáng khắp nơi. Cũng như trong các thứ đèn đuốc thì lửa của ngọn đuốc lớn sẽ lấn át ánh sáng của những đèn đuôc kia. Anh sáng của Vua Mặt Trăng cũng như thê. Vào ngày mười lăm, vị" ây ngôi giữa thiên r chúng, 9 r ánh sángr của vị* ây lân át các ánh sáng khác. Chỉ có ánh sáng của vị ây chiêu sáng duy nhát. Đó là nhân duyên thứ hai; (3) Vua Mặt Trời có sáu mươi tia sáng chiếu vào mặt trăng nhưng vào ngày mười lăm, Vua Mặt Trăng dùng ánh sáng của mình chiêu ngược lại, khiên cho mặt trăng không bị che khuất. Đó là nhân duyên thứ ba làm cho mặt trăng M M .q tròn đây, không có khuyêt giảm. Vì nhân duyên gì mặt trăng có bóng đen? Vì có bóng cây Diêm-phù ở trong mặt trăng, cho nên mặt trăng có bóng đen. Đức Phật dạy: -Tâm của các ông phải trong sạch, mát mẻ, không nóng nảy. Nhất là mỗi khi đến nhà đàn-việt thì phải nhất tâm, không tán loạn.

Vì nhân duyên gì mà thế gian có các sông ngòi? Do vì mặt trăng, mặt trời có sức nóng; do nóng phát ra lửa; do lửa mà có nước ri ra; do có nước rỉ ra mà có sông ngòi. Do vậy, trong thế gian có những sông ngòi. Do nhân duyên gì mà thê gian có năm thứ hạt? Do có cơn gió lóc lớn từ một thế giới không tan hoại khác thôi những hạt ấy đên, sanh tại cõi này như: Một là hạt sanh từ rễ; hai là hạt sanh từ thân cây; ba là hạt sanh từ mắt cây; bốn là hạt sanh từ lỗ hổng của cây; năm là hạt sanh từ hạt cây. Vì nhân duyên ấy nên thế gian có năm thứ hạt. Lại nữa, lúc mặt trời ở giữa ngày ở Diêm-phù-đề thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn. Khi ở châu Câu-da-ni mặt trời mọc thì ở châu Uất-đơn-việt là nửa đêm. Khi ở châu Câu-da-ni mặt trơi ở giữa trưa thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Khi châu uất-đơn-việt mặt trời mọc thì ở châu Phất-vu-đãi ỉa nửa đêm. Khi ở châu uất-đơn-việt mặt trời ở giữa trưa thì ở châu Câu-da-ni mặt trời lặn. Khi ở châu

Phất-vu-đãi mặt trời mọc thì ở châu Diêm-phù-đề là nửa đêm. Khi ở châu Phất-vu-đãi mặt trời ở giữa trưa thì ở châu Uat-đơn-việt mặt trời lặn. Khi ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mọc thì ở châu Câu-da-ni là nửa đêm. Nếu châu Diêm-Ị)hù-đề ở hướng Đông thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Tây. Nếu châu Diêm-phù-đề ở hướng Tây thì châu Câu-da-ni ở hướng Đônệ. Nếu châu Câu- da-ni ở hướng Tây thì châu uất-đơn-việt ở hướng Đông. Nêu châu uất-đơn- việt ở hướng Tây thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Đông. Sở dĩ châu Diem-phù-đề được gọi là Diêm-phù? là vì dưới đó có núi vàng cao hai mươi do-tuân và do có cây Diêm-phù nên gọi là vàng Diêm-phù. Trai của cây Diêm-phù lớn như cái giỏ, vị ngọt như mật. Cây này có năm góc, bốn mặt có bốn góc và phía trên có một góc. Trái ở góc hướng Tây thì để cho càn-thát-bà ăn. Còn trái ở góc hướnjg Nam thì để cho dân chúng bảy nước ăn. Bảy nước là Câu-lâu5 Câula-bà, Tỳ-đề? Thiện-tỳ-đề5 Mạn-đà, Bà-la, Bà-lê. Còn trái ở góc hướng Tay thì để cho các loài trùng ở biển ăn. Trái ở góc hướng Bắc thì để cho các loài cầm thú ăn. Trái ở góc trên dành cho chư thiên và các vị tinh tú ăn. Phía Bắc bảy nước lớn đó có bảy núi đen lớn: Một là núi Khỏa, hai là núi Bạch Hộc, ba là núi Thủ Cung, bốn là núi Tiên, năm là núi Cao, sáu là núi Thiền, bảy là núi Thổ. Trên đỉnh bảy hòn núi đen này có bảy vị Tiên thuộc dòng Bà-la-môn. Những chỗ ở của bảy vi Tiên đó tên là: Thiện Đe, Thiện Quang, Thủ Cung, Tiên Nhơn, Hộ Cung, Giả-na-na, Tăng ích. Đức Phật dạy: -về kiếp đầu tiên, sau khi chúng sanh ăn vi đất rồi thì sống ở thế gian một thời gian lâu dài. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí; người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Sau đó, chúng sanh mới có sự sai biệt về nhan sắc, dung mạo hơn kém, tranh luận phải, trái. Họ nói: "Ta đẹp hơn ngươi; ngươi không bằng ta.” Vì tâm họ còn bỉ, thử nên luôn luôn cạnh tranh với nhau. Do đó, vi của đất dần dần khô. vỏ đất giống như cái bánh mỏng, màu đẹp, vi thơm và tinh khiết.

30. KINH THẾ KÝ 473

Bây giờ, chúng sanh tụ tập lại một nơi buôn râu, khóc lóc, ôm bụng nói: "Khổ thay! Đây là tai hoa?9 Nay vi đất bỗng nhiên biến mất. Sự kiện ấy cũng như ngày nay khi người ta được đầy đủ vị ăn ngon thì họ nói: "Ngon quá!,, Nhimg sau đó, thức ăn ngon áy bông tiêu mat thì họ lây làm buôn khô. Những chúng sanh trên khi mất vị đất thì buồn rầu, hối hận cũng như thế. Sau đó, họ tiếp tục ăn vỏ đất, dần dần cảm thấy có mùi vi. Trong số đó, những người ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí. Trái lại, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó mới sanh ra sự sai biệt nhan sắc, dung mạo hơn kém giữa những chúng sanh, tranh luận với nhau về phải, trái. Chẳng hạn họ nói: “Ta đẹp hơn ngươi, ngươi không bằng ta." Vì tâm của họ còn bỉ, thử, ôm lòng cạnh tranh với nhau, cho nên vỏ đát dân dân tiêu mat. Vê sau, lại có váng đát xuất hiện, to, dày dân ra, màu sác như hoa trời, mem mại như áo trời, mùi vi như mật. Khi ấy, những chúng sanh đó lại cùng nhau lấy ăn và sống ở thế giới này một thời gian lâu. Trong số đó? những người ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí. Trái lại, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó mới có sự sai biệt về nhan sắc, dung mạo hơn kém giữa những chúng sanh. Họ tranh luận với nhau vê vân đê phải, trái. Chăng hạn như họ nói: “Ta đẹp hơn ngươi, ngươi khônệ bằng ta.” Vì tâm họ còn bi, thử, ôm lòng cạnh tranh với nhau nên váng đát dân dân biên mát. Sau đó, lại có một loại gạo, lúa tự nhiên,

không có cám trấu, không cần thêm gì cả mà vân đây đủ các vị ngon. Khi đó5 những chúng sanh ây mới tụ tập lại một chỗ và nói: "Khổ thay! Đây là tai hpa." Ngày nay, váng đất bỗng nhiên biến mất.” Sự kiện này cũng như ngày nay khi người ta gặp tai nạn, họ nói: "Khổ thay!" Lúc ấy, những chúng sanh trên khi mất thức ăn ngon thì buồn rầu, khổ não cũng như thế. về sau, những chúng sanh ấy cùng nhau lấy gạo lúa đó mà ăn; khi ăn xong, thân họ trở nên thô xấu và có hình dáng nam, nữ sai khác. Thê roi, họ nhìn nhau, do đó, sanh tâm tưởng vê dục, roi cùng nhau ở chô kín đáo, làm điều bất tịnh. Những chúng sanh khác thấy và nói: "Than ôi! Đó là việc sai trái." Tại sao những chúng sanh này cùng với những chúng sanh khác có sự hành dâm như thế? Khi những người đàn ông làm việc bất tinh ấy, thấy người khác quở trách liền tự ăn năn và nói: "Việc làm của tôi là sai." Tức thì gieo mình xuống đất. Lúc đó, những người phụ nữ thấy người đàn ông này gieo mình xuống đất, ăn năn không đứng dậy, họ liền đem thức ăn đến cho người đàn ông ấy. Những người khác trông thấy mới hỏi người phụ nữ đó: "Ngươi muốn đem thức ăn này cho ai?” Người phụ nữ đáp: "Người đàn ông kia, vì ăn năn tội lỗi với những chúng sanh khác về hành động bất thiện của mình nên không đứng dậy. Do đó mà tôi đem thức ăn này cho ông ta."

Nhân lời nói này nên trong thế gian mới có danh từ người chồng bất thiện, và do hành động đem cơm đến cho chồng nên mới có danh từ vợ. về sau, chúng sanh bèn làm việc dâm dục nên pháp bất thiện gia tăng, vì muốn che kín nên tạo ra phòng ốc. Vì nhân duyên ây nên mới có danh từ nhà cửa. về sau, sự dâm dục của chúng sanh càng gia tăng nên thành ra chồng vợ. Trong khi đó, có những chúng sanh khác hoặc hết mạng sống, hoặc hết hạnh nghiệp, hoặc hết phúc báu nên mạng chung tại trời Quang Âm. Từ cõi trời đó thác sanh về thế gian này và ở trong thai mẹ, nhân đó mới có danh từ bào thai. Bấy giờ, trước hết là xây thành Chiêm-bà, sau d6, xây thành Già-thi, Ba-la- nại, tiếp theo xây thành Vương Xá. Khi mặt trời mọc thì khởi công xây cất, đến lúc mặt trời mọc hôm sau là hoàn thành. Do nhân duyên đó nên thế gian mới có danh từ thành, quách, quận, ấp, là nơi vua ngự trị. Khi chúng sanh mới ăn loại lúa gạo tư nhiên thì sáng lấy chiều chín, tối lấy sáng chín. Và sau khi lấy xong thì sanh trở lại không có trấu cám. Lúc đó, lại có chúng sanh tự nghĩ: "Nếu mỗi ngày đều lấy thì nhọc công ta quá. Nay nên lấy để dùng nhiều ngay?9 Tức thì, họ cùng gặt lương thực để dự trữ cho vài ngày sau. Những người sau nói với những người này: ọ . r “Nay chúng ta có thê cùng nhau đi lây lúa gao." Người đó đáp: “Ta đã lấy dự trữ trước rồi, không cần lấy nữa. Nếu ngươi muốn đi lấy, tùy ý di lấy Bấy giờ, những người khác tự nghĩ: "Người trước đã lấy gạo để dành ăn trong hai ngày, sao ta không lấy lúa gạo để dành ăn ba ngày?^ Những người này liền lấy gạo dự trữ ba ngày. Ke tiếp, có người khác nói: "Chúng ta hãy cùng đi lấy lương thực về!" Người này đáp: "Ta đã lấy gạo dự trữ ba ngày. Nếu ngươi muốn lấy thì tùy ý đi lấy!" Thế rồi, người đó tự nghĩ: "Người trước đã lấy gạo dự trữ ba ngày. Sao ta lại không lấy lương thực dự trữ năm ngày?" Tức thì, họ lấy gạo dự trữ năm ngày. Khi ấy, vì chúng sanh tranh nhau tích trữ lương thực, cho nên, lúc đó lúa gạo mới sanh ra trâu cám, lây roi không sanh nữa. Đông thời cỏ lác xuất hiện. Lúc đó, chúng sanh tập hợp lại một chô, buôn râu, khô não, ôm bụng nói: "Khổ thay! Đây là tai hQa." Và tự

trách: "Chúng ta trước đây đều do hóa sanh, dùng niệm lực làm thức ăn; trên thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay trên hư không, an lạc, vô ngại. Rồi sau đó, vị đất mới sanh, đầy đủ màu sắc, hương vị. Chúng ta ăn vị đất này và sống ở thế gian này một thời gian lâu. Thế rồi, những người ăn nhiều thì nhan sắc dần dần thô xấu. Những người ăn ít, nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng sanh giữ lòng bỉ, thử, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc ta đẹp hơn ngươi, nhan sắc ngươi không bằng ta.' Do vì

tranh cãi về nhan sắc, có tâm kiêu mạn nên vi đất biến mất và sanh vỏ đất, đầy đủ hương vi và màu sác. Thê roi, chúng ta cùng nhau lây thứ này mà ăn và sống ở thế gian này khá lâu. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí. Người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng sanh vì có tâm bỉ, thử, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Ta nhan sắc hơn ngươi. Ngươi nhan sắc không bằng ta/ Vì kiêu mạn, tranh tụng nhau về nhan sắc nên da đất biến mất, da đất càng to càng dày, đầy đủ hương vị, màu sắc. Khi ăn thì lấy thức ăn này ăn, rồi s6ng ở thế gian này một thời gian lâu. Trong số đó, nếu người ăn nhiều thì nhan săc trở nên xâu xí. Người nào ăn ít thì nhan săc vẫn còn tươi đẹp. Lúc d6, chúng sanh có tâm bỉ, thử, sanh lòng kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc của ta đẹp5 nhan sắc của ngươi không bằng/ Vì có sự tranh tụng về nhan sắc, có tâm kiêu mạn nên da đất biến mất, lại sanh lúa gạo tự nhiên, đầy đủ màu sắc, hương vị. Khi đó, lại cùng lấy thứ đó mà ăn? buổi sáng gặt lấy thì chiều tối sẽ chín; buổi tối ^ặt lấy thì sáng mai sẽ chín, gặt xong thì sanh ra lại, không cân chuyên chở, cát giữ. Bây giờ, vì cạnh tranh, tích trữ nên lúa gạo sanh trấu, cám; gặt xong, không sanh lại như trước mà chỉ sanh cỏ lác. Vậy thì nay, chúng ta có thể phân chia ruộng đất, nhà cửa thành từng ô, từng khu vực. Tức thì, họ phân chia đất đai nên có từng ô riêng biệt và mới có lời nói 'của ta', 'của người.9 Sau đó? lại giấu gạo của mình và trộm lúa của người. Những chúng sanh khác thấy và nói: 'Người làm quấy, người làm quấy! Tại sao lại cất giấu tài vật của mình mà lại đi lấy tài vật của người?9 The rồi liền trách: 'Từ đây về sau, ngươi không được lấy trộm nữa nhé!9 Nhung họ vẫn tiếp tục như the, không từ bỏ, lại ăn trộm tiếp. Những người khác trách rằng: 'Ngươi làm sai, tại sao không từ bỏ?9 Tức thì, họ dùng tay, dùng gậy đánh đập người này và kéo đến giữa đám đông, tuyên bố với mọi người như sau: "Người này tự giấu lúa gạo của mình, rồi đi trộm lúa gạo của người khac.^ Kẻ trộm lại nói: "Người kia đánh tôi.^, Lúc ấy, mọi người nghe xong, buồn rầu, khóc lóc, ôm bụng nói: "Thế gian dần dần trở nên độc ác, có phải đây là ác pháp sanh chng?" bèn sanh lòng buồn khổ và kết thành quả báo khổ não. Đây là nguồn gốc của sanh, lão, bệnh, tử và sa đọa vào đường ác. Vì do có ruộng đất, nhà cửa từng ô riêng biệt nên sanh tranh tụng, thậm chí đưa đến oán thù, không có người giải quyết được. Vậy ngày nay chúng ta có thể tôn lên một vị vua bình đẳng, khéo ủng hộ nhân dân, thưởng người thiện, phạt người ác. Và chúng ta sẽ giảm bớt tài sản của mình để cung cấp cho nhà vua." Lúc đó trong chúng có một người hình vóc to lớn, dung mạo đoan chánh, rất có uy đức. Mọi người nói: "Chúng tôi, nay muốn tôn ngài lên làm vua. Vậy ngài hãy khéo ủng hộ nhân dân nên thưởng người thiện, phạt kẻ ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt tài sản để cung cấp cho ngài.,, Người ấy nghe xong, bèn chấp nhận làm vua, đối với người đáng thưởng thì thưởng, người đáng phạt thì phạt. Lúc đó là lần đầu tiên

có danh từ dân chúng và vua chúa.

Vị vua của dân đầu tiên có con tên là Trân Bảo. Trân Bảo có con tên là Hảo Vi. Hảo Vi có con tên là Tịnh Trai. Tịnh Trai có con tên Đảnh Sanh. Đảnh Sanh có con tên Thiện Hạnh. Thiện Hạnh có con tên là Trạch Hạnh. Trạch Hạnh có con tên là Diệu Vị. Diệu Vị có con tên là Vị Đe. Vị Đe có con tên Ngoại Tiên. Ngoại Tiên có con tên là Bách Trí. Bách Trí có con tên là Thị Dục. Thị Dục có con tên là Thiện Dục. Thiện Dục có con tên Đoan Kiết. Đoan Kiết có con tên là Đại Đoan Kiết. Đại Đoan Kiết có con tên là Bảo Tạng. Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng. Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến. Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến. Đại Thiện Kiến có con tên là Vô ưu. Vô ưu có con tên là Châu Tự. Châu Tự có con tên là Thực Sanh. Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc. Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên. Thần Thiên có con tên Tấn Lực. Tấn Lực có con tên là Lao Xa. Lao Xa có con tên là Thập Xa. Thập Xa có con tên là Bách Xa. Bách Xa có con tên là Lao Cung. Lao Cung có con tên là Bách Cung. Bách Cung có con tên là Dưỡng Thâu. Dưỡng Thâu có con tên là Thiện Tư. Từ Thiện Tư về sau, có mười dòng Chuyển Luân Thánh Vương tiếp tục lên ngôi không gián đoạn: Một là Già-nậu-da, hai là Đa-la-nghiệp, ba là A-diệp- ma? bốn là Trì Địa, năm là Già-lăng-già? sáu là Chiêm-bà, bảy là Câu-la-ta-bà, tám là Bán-xà-la, chín là Di-tư-la, mười là Ý-ma. Vua Già-nậu-da có năm vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Đa-la-nghiệp có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua A-diệp-ma có bảy vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Trì Địa có bảy vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Già-lăng-già có chín vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Chiêm-bà có mười bôn vi Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Câu-la-ta-bà có ba mươi mốt vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Bán-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Di-tư-la có tám vạn bốn ngàn vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Y-ma có một trăm lẻ một vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua cuối cùng tên là Đại Thiện Sanh. Vua Ý-ma có con tên là O-la-bà. Ô-la-bà có con tên là Cừ-la-đà. Cừ-la-đà có con tên là Ni-cầu-la. Ni- càu-la có con tên là Sư Tử Giáp. Sư Tử Giáp có con tên là Bạ^h Tịnh. Bạch Tinh có con tên là Bồ-tát. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do nguồn gốc này nên có danh từ Sát-đế-lợi. Bây giờ, có một chúng sanh tự nghĩ: "Tát cả vạn vật, tài sản, nhà cửa thuộc phạm vi the gian đều là gai nhọn, là ung nhọt. Nay ta nên xả bỏ? vào núi tu hành, ở chỗ thanh vắng suy tư." Tức thì, người đó từ bỏ gia đình, vào núi tu hành, ở nơi thanh tinh, ngồi suy tư dưới gốc cây. Mỗi ngày ra khỏi núi để vào xóm khất thực. Người trong thôn xóm trông thấy, cung kính cúng dường và mọi người đều tán thán: "Người này có thể bỏ sự trói buộc nhà cửa, vào núi cầu đạo, nhờ đó, có thể xa lìa những điều ác, bất thiên." Do đó gọi là Bà-la-môn. Thê roi, trong chúng Bà-la-môn có người không thê tu hành thiên định, bèn ra khỏi núi rừng, đi vào trong nhân gian và tự nói: "Ta không thể tu thiền." Do đó gọi là Bà-la-môn không tu thiền định. Thế rồi, họ đi qua xóm làng, làm

những điều bất thiện, thi hành các pháp ác. Do tướng này sanh nên có danh từ độc ác. Do nhân duyên ấy nên trong thế gian có danh từ dòng Bà-la-môn. Những chúng sanh đó làm nhiều nghề nghiệp để tự sinh sống. Do đó, trong thế gian có dòng Cư sĩ. Trong số

chúng sanh ấy, có người học tập kỹ thuật để sinh sống. Do vậy, trong thế gian có dòng Thủ-đà-la. Trong thế gian, trước hết là có dòng họ Thích ra đời. Sau đó là dòng Bà-la-môn. Trong dòng Sát-đê-lợi có người nghĩ: "An ái thê gian là nhơ nhớp, là bát tinh, đâu đáng tham đam.55 Lúc đó5 họ từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: “Ta là Sa-môn, ta là Sa-môn.,, Trong dòng Bà-la- môn, Cư si, Thủ-đà-la có người tự nghĩ: “An ái thế gian là ô uế, là bất tinh, đâu đáng tham đắm", rồi họ từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: "Ta là Sa-môn9 ta là Sam6n." Thế rồi5 nếu trong chúng Sát-đế-lợi có người làm việc bất thiện về thân, về khâu và vê ý, khi làm xong thì mạng chung và hoàn toàn chiu khô. Hoặc có Bà- la-môn5 Cư si, Thủ-đà-la làm việc bất thiện về thân, về khẩu và về ý, khi thực • . 7 *

hành việc bát thiện xong thì mạng chung nên hoàn toàn chịu khô. Hoặc trong dòng Sát-đê-lợi, có người hành thiện vê thân, vê khâu và vê ý5 sau khi mạng chung thì hoàn toàn được an vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà- la có người hành thiện về thân, về khẩu và về y, sau khi mạng chung thì hoàn toàn an vui. Hoặc trong dòng Sát-đế-lợi có người làm ác và hành thiện về thân, về khẩu và ve ý, khi thực hành xong thì mạng chung, chịu quả báo vừa khổ vừa vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la có người hành ác và hành thiện về thân, về khẩu và về ý, sau khi thực hành xong hai điều trên thì mạng chung, chịu quả báo vừa khô vừa vui. Hoặc trong dòng Sát-đê-lợi? có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuât gia tu đạo và thực hành Thát giác ý. Người ây dùng lòng tin kiên cố, chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã hêt5 Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ và Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuât gia câu đạo và tu tập Thát giác ý. Người ây dùng lòng tin kiên cố, chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại5 sanh tử đã hét, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh. Như vậy, bôn dòng ây đêu có thê thành tựu trí và dức, chứng quả A-la-hán là bậc đệ nhất. Khi ấy, Phạm thiên nói bài kệ: Sanh Đế-lợi tối thắng, Nhóm được các dòng khác, Thành tựu cả trí, đức, Tối thắng giữa nhân, thiên.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Vi Phạm thiên ấy, khi nói bài kệ này là khéo nói, chẳng phải là vụng nói. Đáng được chấp nhận, chớ chẳng phải không đáng chấp nhận. Ta đã ấn khả. Tại sao? Vì Ta là đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói bài kệ này: Sanh Sát-lợi tối thắng, Nhóm được các dòng khác, Thành tựu cả trí, dức, Tối thắng giữa nhân, thiên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TRƯỜNG A-HÀM HOÀN TẤT

KINH TRƯỜNG A-HÀM Hán dịch TAM TẠNG PHẬT-ĐÀ-DA-XÁ VÀ TRÚC PHẬT NIỆM

Việt dịch TRUNG TẦM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

BAN PHIÊN DỊCH
Thích Chúc Phú

Thích Nguyên Hùng
Thích Nhuận Châu
Thích Đồng Ngộ
Thích Nữ Trung Thể
Thích Nữ Liên Thiền
Thích Nữ Thành Thông
Thích Nữ Tuệ Thành

KHÁI QUÁT KINH TRƯỜNG A-HÀM

Kỉnh Trường A-hàm do Sa-môn Phật-đà-da-xá và ngài Trúc Phật Niệm dịch từ Phạn sang Hán. Theo Cao Tăng truyện^ từ sự thỉnh cầu của Diêu Hưng k366-416, vua nhà Hậu Tần, nên ngài Phật-đà- da-xá đã tuyên đọc Phạn văn, Sa-môn Trúc Phật Niệm dịch sang tiếng Hán và Tăng nhân Đạo Hàm ghi chép lại thành văn bản. Công trình phiên dịch kinh điển trọng đại này đã hoàn thành vào niên hiệu Hoằng Thủy thứ 15, tức năm 413 dương lịch. Kỉnh Trường A-hàm được Sa-môn Phật-đà-da-xá học thuộc lòng và giữ gìn băng trí nhớ. Thê nên, ngay từ buôi đâu, Vua Diêu Hưng cũng như các bậc danh sư ở Trường An đã tỏ ý quan ngại ve phương diện nội dung vì không có Phạn bản để đối chứng. Tuy nhiên, sau khi phối kiểm bằng nhiều phương cách khác nhau,12 Hội đồng Tăng-già và cả Vua Diêu Hưng đều ghi nhận về khả năng ghi nhớ siêu việt của ngài Phật-đà-da-xá9 cũng như xác tín về nội dung Kinh Trường A-hàm mà ngài đã truyền dịch. Cũng theo Cao Tăng truyện, ngài Phật-đà-da-xá xuất gia từ thuở bé, bẩm chát thông minh, Phạm hạnh thanh sạch, đên năm mười chín tuôi đã tụng đọc thuộc lòng hàng trăm nghìn lời kinh của các bộ phái Phật giáo. Ngài thường lây việc đọc tụng làm sự nghiệp, tay chăng rời kinh.34Nhờ phàm tính đặc thù và sự chuyên chú của một bậc Kinh sư ,Bhãụakă^ thế nên nội dung Kinh Trường A-hàm do ngài truyền thụ mang tính chân thực về nguyên bản. Tính đên nay, đã có nhiêu phiên đoạn của Kinh Trường A-hàm có nguôn góc Bắc Phạn được phát hiện. Đặc biệt, trong phế tích thuộc cổ thành Taksaśilā xưa kia56mà ngày nay là tỉnh Punjab, nước Pakistan,6 các nhà khảo cổ đã phát hiện 29 thủ bản kinh cổ có niên đại vào khoảng the kỷ L Những bản kinh chép tay quý giá này hiện được lưu giữ tại thư viện Hoàng gia Anh và được nghiên cứu, giới thiệu cho công chúng vào năm 1994. Đáng chú ý? trong những thủ bản này, có một phiên đoạn Kinh Phúng tụng Sañgīti Sūtrd cùng với những chú giải

1 Cao Tăng truyện T.50. 2059.2. 0333cl5. 2 Xuất tam tạng kỷ tập Ĩ.55. 2145.14. 0020b22-c05. 3 Cao Tăng truyện r.50. 2059.2. 0334a03. Nguyên tác:.

4 Xem r.23. 1435. 0125al4; T28. 1548. 0525ỒỒ8; r.54?2125. 0217b23; r.54. 2125. 0227all. 5 Ngài Huyền Trang từng đến chiêm bái nơi này và dịch âm là Đát-xoa-thủy-la .Xem Đại Đương Tay 7.51. 2087.12. 0942all. ’ 6 Xem Viên Chiếu biên soạn, Dồi bước Huyền Trang Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2014, tr. 97.

bằng Cổ ngữ Kharosthī, được viết trên vỏ cây bạch dương.7 Sau khi đối khảo giữa bôn truyền bản tương đương, gôm bản Sanskrit, bản Pâli, bản Kharosthī và bản Hán tạng, Giáo sư cổ ngữ Richard Salomon đã khẳng định rằng, phiến đoạn này hoàn toàn giống với một phần Kỉnh Chúng tập thuộc Trường A-hàm, là bản của ngài Phật-đà-da-xá.8 Băng chứng này có thê góp phân khăng định răne? bản Kinh Trường A-hàm do Sa-môn Phật-đà-da-xá tuyên dịch là một tác phàm kinh văn vừa bảo đảm tính chân thực về nội dung, vừa có giá tri về phương diện lịch sử. Bởi lẽ, đây là truyền bản đặc thù của Pháp Tạng bộ (Dharmagupta), còn gọi là Đàm-vô-đức (),một bộ phái Phật giáo phát triển mạnh mẽ ở khu vực Bắc Ấn Độ nói chung và ở khu vực Gandhãra nói riêng.9 Trong Lời tựa Luật Tứ phan cũng xác định rõ ngài Phật-đà-da-xá vốn thuộc về bộ phái Đàm-vô-đức.10 Kinh Trường A-hàm do ngài Phật-đà-da-xá chịu trách nhiệm về nội dung Phạn ngữ, còn việc chuyển dịch sang Hán ngữ là do công lao của ngài Trúc Phật Niệm. Với khảo sát bước đầu cho thấy, so với ba bộ A-hàm còn lại thì văn phong kinh Trường A-hàm rõ ràng và khúc chiết. Điều đó đã khẳng định khả năng chuyển ngữ đặc thù và tinh tế của ngài Trúc Phật Niệm. Có thể, do xuất thân từ vùng Tây Hà (),thuộc Lương Châu (),vốn là đầu mối giao thương quan trọng giữa Trung Hoa và các nước Tây Vực trong nhiều thời kỳ, nên ngài Trúc Phật Niệm đã gặp nhiều thuận duyên để am tường nhiều thể loại ngôn ngữ. Chính vì vậy trong Cao Tăng truyện, ngài Tuệ Kiểu (,497-554) đã xưng tán răng, kê từ ngài An Thê Cao và cư sĩ Chi-khiêm trở vê sau thì chưa có một ai siêu vượt hơn ngài Trúc Phật Niệm.11 Như vậy, Kỉnh Trường A-hàm hội đủ cả hai yêu tô, vừa bảo đảm tính chân thực nguyên bản Phạn ngữ, vừa rõ ràng khúc chiết trong khi chuyển dịch sang Hán văn, thế nên đây là một trong những tác phẩm văn hiến quan trọng của Phật giáo nói chung và Phật giáo Hán truyền nói riêng. Hiện nay, bản Kinh Trường A-hàm này được thu lục vào trong Đại tạng kinh Đại Chánh tân tu (Taishõ Tripitaka) với sô hiệu 01, gôm 22 quyên, 30 bài kinh. Bản Hán này được xem là bản gốc của nhiều bản Việt dịch Kinh Trường A-hàm. Ke từ khi công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam được khởi xướng từ những năm ba mươi của thế kỷ XX thì sự nghiệp phiên dịch kinh điển đã có những dấu hiệu khởi sắc, thể hiện qua nhiều dịch phẩm kinh điển quan trọng, cụ thể ở đây là bản Kỉnh Trường A-hàm. Trong số những bản dịch Trường A-hàm, đáng chú ý nhất là bản dịch của chư Tăng Trường Cao đẳng Phật học

7 Richard Salomon, Ancient Buddhist Scrollsfrom Gandhāra: The British Library Kharosthī Fragments (Seattle: University of Washington Press, 1999), pp. 15, 89, 186. 8 Ibid, p. 172. 9 Ibid, p. 166-71. 10 Tứ phần luật(22. 1428.1. 0567a25). Nguyên tác:. 11 Cao Tăng truyện (T.50. 2059.1. 0329bl0). Nguyên tác:.

Huệ Nghiêm, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của cố Hòa thượng Thích Trí Tịnh. Bản này đã được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức ấn hành vào năm 1991. Gần mười năm sau, năm 1999, có thêm một bản Việt dịch Kỉnh Trường A-hàm do Hòa thượng Tuệ Sỹ thực hiện và bản kinh này được in lần đầu vào năm 2007 do Nhà xuat

bản Tôn giáo ấn hành. Cũng trong thời gian đó, trên thê gi&i đã có nhiêu công trình kiện toàn Đại tạng kinh được thực hiện bởi các tô chức và cá nhân với thiện tâm hoằng dương Phật pháp. Trong số những công trình liên quan đến Đại tạng kinh, đáng chú ý là công trình tích hợp, đối chiếu các truyền bản kinh điển đa ngôn nệữ trên thế giới, được thể hiện trên nền tảng công nghệ số, với địa chỉ tên miên phát triển cho đến hôm nay, tạm gọi là Đại tạng kinh Công nghệ số. Công trình này do ba vị thiện tri thức ở úc sáng lập, gồm: Rod Bucknell, John Kelly và Tỳ-kheo Sujāto. Có thể nói, đây là công trình Đại tạng kinh mang tầm cỡ quốc tế, vì tích hợp đến bốn nguồn thư tịch quan trọng của Phật giáo là Pali, Sanskrit, Trung Hoa và Tây Tạng. Mặc dù là một tổ chức phi lợi nhuận, nhiều quốc gia trên thế giới cùng chia sẻ, quan tâm và góp sức vận hành. Đặc biệt, Đại tạng kinh Công nghệ so này đã tích hợp dịch phẩm kinh điển của hơn 20 ngôn ngữ hiện đại trên thế giới, như: Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn... và còn có cả tiếng Việt. Ngoài ra, còn có công trình nghiên cửu, đoi khảo Kinh Trường A-hàm rất khoa học và uyên thâm của lão cư sĩ Trang trình chuyển dịch bốn bộ A-hàm từ Hán cổ sang thể Bạch thoại của Hòa thượng Tiếp nối tâm nguyện của người xưa, kế thừa có chọn lọc những thành tựu từ các bản dịch tiếng Việt về Kỉnh Trường A-hàm trước đó,12 đồng thời tham khảo, đối chiếu với các công trình liên quan về Đại tạng kinh của thế giới nêu trên, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã thực hiện cong trình Việt dịch Kinh Trường A-hàm theo văn phong hiện đại, cố gắng tiến gần với tôn chỉ: Chân thực - Uyên thâm - Văn nhã, Công trình chuyển dịch Kinh Trường A-hàm do tám vị Tăng Ni thuộc Trung tâm thực hiện, bắt đàu từ tháng 12 năm 2018 và đã hoàn tất vào tháng 12 năm 2019. 12 Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh tham chiếu 3 nguồn tưjiệu về Kinh Trường A-hàm. Thứ nhất, theo Biên bản phiên họp thứ ba, Hội nghị của toàn thê Hội đồng phiên dịch Tam tạng, từ 15g - 18g, ngày 21-10-1973 tại Đại học Vạn Hạnh, vơi sự chủ tọa của Hòa thượng Thích Trí TịnhỴđã ghi nhận sự phân nhiệm dịch Kinh Trường A-hàm cho Thượng tọa Thích Thiện Siêu, Thượng tọa Thích Trí Thành, Đại đức Thích Tuệ Sỹ. Theo sưu khảo, Thư viện của Viện NCPHVN tại TP. HCM hiện cònbảo lưu 16 kinh của bộ Trường A-hàm do cô Hòa thượng Thích Thiện Siêu phiên dịch. Thứ hai, theo Báo cáo của Hòa thượng Thích Minh Châu, Chủ tịch Hội đông chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nạm, đọc tại chùa Xá-lợi ngày 31-8-1991 thì bản Trường A-hàm do chư Tăng sinh Trường Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm TP. HCM dịch, dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng Thích Trí Tịnh. Thứ ba, bản Kinh Trường A-hàm do Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ dịch và chú, in lần đau vào năm 2007 do Nhà xuất bản Tôn giáo cấp giấy phép.

486 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Trường A-hàm là một trong những y tác phàm kinh điên được truyên dịch từ Phạn sang Hán trong thời kỳ dâu, theo phong cách cựu dịch, thê nên đã có những trường hợp người dịch sử dụng điển tích cô đọng của Hán ngữ và thậm chí vận dụng cả thuật ngữ lân tư tưởng Lão - Trang đê chuyên tải ý kinh. Trong những trường hợp như thế, chúng tôi đã cẩn trọng chú thích để làm rõ. Mặt khác, bốn bộ A-hàm nói chung do được phiên dịch không cùng một dịch trường, dịch chủ nên đã có những khác biệt về khái niệm, về cách dùng từ giữa các bộ A-hàm. Do đó để tạo nên tính thống nhất về những

khái niệm Phật học căn bản được sử dụng trong bốn bộ A-hàm nói chung và Trường A-hàm nói riêng, chúng tôi đã cẩn trọng chú thích trong những đoạn kinh cần thiết, về quy cách trình bày cũng như phong cách định dạng, chúng tôi tuân theo bản Quy cách biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đề xuất. Trong thời đại ngày nay, khi sự vận động của xã hội đã đặt ra những vấn đê quan thiêt liên quan đên sự tôn sinh của kiêp người thì đây cũng là lúc mà Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng cần phải khẳng định vai trò riêng có của mình, trong tiến trình định hướng và dẫn đạo về phương diện đạo đức, tâm linh. Muốn góp phần thực hiện vai trò nêu trên, việc làm sáng tỏ lời dạy của đức Phật đúng như sự thật và đưa lời dạy đó đến với nhiều người là một sứ mạng quan trọng và thiêng liêng của mọi người con Phật, dù ở Việt Nam hay bất cứ nơi đâu trên thế giới.

TRƯNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH thực hiện

BÀI TỰA KINH TRƯỜNG A-HÀM1 Thích Tăng Triệu thuật tại Trường An Lý đạo rót cùng lìa khỏi việc nói năng nên bậc Hiên thánh thường vô ngôn tĩnh lặng. Ngặt nỗi, đạo mầu nếu không giảng thuyết thì chẳng thể truyền lưu, bởi thế đức Thích-ca mới xiển dương chánh giáo. Từ khi Như Lai xuất hiện ở cõi đời, toàn giáo nghĩa được chia thành Ba tạng: Kiểm thúc thân miệng, lấy giới luật ngăn ngừa; tỏ rõ thiện ác, đem khế kinh dẫn giải; diễn nghĩa sâu xa, dùng pháp tướng luận bàn. Việc lập thành Ba tạng như thế nhằm thích ứng sự khác biệt về căn co, nếu hội lại thì cùng một tông, bởi tuy khác đường nhtrng chung về một hướng. Giới cấm, tức Luật tạng, gồm bốn phần, mười ngày tụng.2 Pháp tướng, tức Luận tạng, gồm bốn phần, năm ngày tụng. Khế kinh gồm thâu trong bốn bộ A-hàm\ Tăng nhất A-hàm có bốn phần, tám ngày tụng; Trung A-hàm có bốn phân, năm ngày tụng; TạpA-hàm có bôn phân, mười ngày tụng; riêng bộ Trường A-hàm đây gồm bốn phần, bốn ngày tụng, hợp lại thành ba mươi bài kinh. A-hàm, Hán dịch là 'Tháp quy." Pháp quy là kho tàng vạn thiện, là khu rừng tổng trì.34Bộ kinh này nội dung sâu rộng mênh mông, nghĩa lý tuy ẩn mật mà thường trải khắp; chỉ rõ vết tích họa phúc, hiền ngu; phân định ngọn nguồn dị đồng, chân ngụy; ghi chép quy luật thành bại xưa nay, thiết lập lẽ thường vạn vật trời đất. Đạo cũng từ đây và Pháp cũng từ đây. Ví như biển lớn trăm sông đêu đô vê nên lây 'Tháp quy" đê gọi; mở bày đường tu tập, ghi chép chuyện lâu xa nên dùng “Trường" đặt tên. Người biết tu tập theo kinh đây thì bao mê lầm bỗng nhiên bừng sáng. Lý chánh tà khó biện, cũng nhờ đây mà phân rõ như đêm với ngày; lẽ báo ứng mập mờ, do đây mà tỏ tường như hình với bóng; kiếp số dẫu xa, chợt về gần như sáng với tối; vũ trụ bao la, bỗng hiện ra như trước mắt mình. Quả thật là, như nhà tối được ánh sáng chiếu soi, như kẻ mù được ban cho năm mắt/ chẳng cần nhìn qua song cửa mà trí vẫn luôn thông tỏ mọi điều.

1 Trường A-hàm kỉnh tự (7.55. 2145.9. 0063Ồ20). 2 Tức Luật Tứ phần (số 1428), 60 quyển, tụng đọc 10 ngày và Luật Thập tụng (số 1435), 61 quyển, cũng tụng đọc 10 ngày. 3 Tổng trì ():Theo giải thích của ngài Tàng Triệu trong Chủ Duy-ma-cāt kỉnh (r38. 1775.1. 0329a28), "tổng trì" nghia l giữ điều thiện không đê mất, khiến điều ác không sanh khởi (. 4 Ngũ mục ( ):Năm mắt, gồm: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn.

Quốc vương Đại Tần5 tâm tịnh sạch nhờ thấy sâu chánh lý5 thân cao sang do vượt hẳn thói thường, tuệ trí cùng tô bồi, đạo đời luôn cứu giúp, thường lo sợ pháp mầu bị lấp vùi trong lý tục. Do vì Hữu tướng quân sứ giả là Tư lệ hiệu úy Tấn công Diêu Sảng vốn người chất trực nhu hòa, tuệ tâm thông chỉ thú, tỏ ngộ lẽ đạo mầu, kính chuộng đại pháp Phật nên được vua đặc biệt lưu tâm và giao phó pháp sự này.67 Năm Canh Tuất,7 niên hiệu Hoằng Thủy thứ 12 năm 410, thỉnh Tam tạng Sa-môn nước Kế-tân là Phật-đà-da-xá tuyên dịch một phần tạng Luật gồm 45 quyển và hoàn tất vào năm thứ 14; đến năm Quý Sửu,8 niên hiệu Hoằng Thủy thứ 15 năm 413, ngài tuyên dịch xong Trường A-hàm. Sa-môn Phật Niệm người Lương Châu dịch sang Hán, Tăng nhân Đạo Hàm người nước Tần ghi chép. Bấy giờ, vua thỉnh cầu nhiều bậc cao Tăng ở khắp nơi9 vào cung để cùng duyệt định, kính phụng lời Phật, tiếp thọ chẳng sai, lược từ hoa mỹ, chuộng tính chất phác, cốt giữ Thánh ý.10 Tôi may mắn được dự phần tham duyệt, dẫu chẳng có công lao nêu tỏ lý mầu nhưng do chính mình tường tận thấy nghe nên lược ghi lại việc này, ngõ hầu gởi gắm chư Hiền trong hậu thế.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH phiên dịch

5 Đại Tần thiên vương chỉ cho Vua DiêuHưng ,366-416, Hoàng đế của nước Hậu Tần, thụy hiệu là Hậu Tân Văn Hoàn Đe . 6 Pháp sự :Những công việc liên quan đến Phật pháp, cụ thể ở đây là cung thỉnh chư Tăng, tổ chức dịch trường để phiến dịch kinh điển. 7 Nguyên tác: Thượng chương yểm mậu :Năm Canh Tuất. "Thượng chuơng" là cách gọi khác của Canh, là một Ương 10 thiên can. "Yểm mậu,, là cách gọi khác của Tuất, là một Ương 12 địa chi. 8 Nguyên tác: Chiêu dương xích cựu nhược :Năm Quý Sửu. “Chiêu duơng" là cách gọi khác của Quý, "Xh cựu nhược,, là Sửu. 9 Nguyên tác: Kinh Hạ chỉ cho Hoa Hạ, tức cả nước Hậu Tần lúc bấy giờ . 10 Tức Phật ý.

PHAN I 1. KINH ĐẠI BỔN12 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại tinh xá Hoa Lâm,2 trong rừng Kỳ-đà,3 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, sau khi khất thực xong, các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Hoa Lâm rồi cùng bàn luận: "Này chư Hiền Tỳ"kheo! Chỉ có đấng Vô Thượng Tôn là kỳ diệu, hy hữu, oai lực lớn lao, thần thông đạt đến chỗ cao xa mới biết rõ quá khứ vô số đức Phật đã nhập Niết-bàn thế nào, đoạn kiết sử và dập tắt hy luận ra sao, đồng thời biết rõ kiếp số các đức Phật quá khứ nhiều ít, cho đến danh hiệu, chủng tộc, dòng họ thác sanh, việc ăn mặc, thọ mạng dài ngắn, vui khổ làm sao. Lại biết rõ các đức Phật thời quá khứ có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy và an trụ như vậy. Chư Hiền nghĩ thế nào? Những việc ấy là do đức Như Lai khéo thấu rõ pháp tánh mà biết hay do chư thiên kể lại?" Lúc ấy, đang nơi chỗ nhàn vắng, bằng thiên nhĩ thanh tịnh nên đức Phật nghe rõ các Tỳ-kheo bàn luận như thế, Ngài liền rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường Hoa Lâm và ngồi xuống chỗ của mình. _ _ ỉ Bay giơ, du đã biêt nhưng The Ton van hoi: Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận việc gì? Thế rồi, các Tỳ-kheo liền trình bày với đức Phật những việc như trên. Nghe xong, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

1 Nguyên tác: Đại bổn kinh (roi. 0001.1. 0001bl2). Tham chiếu: Thất Phật kỉnh (roi. 0002. 0150a03); Ty-ba-thi Phật kinh (roi. 0003. 0154Ồ05); Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh (01. 0004. 0159a24); Tăng^ (T.02. 0125.48.4. 0790a07);D. 14,Mahāpadāna Suita (Kinh Đại bôn). Lưu ý, trong phần cuôi của bài kinh này lại ghi Đại nhân duyên kinh . 2 Nguyên tác: Hoa Lâm quật (,Karerikutikā). Theo Chú giải Kinh Đại bổn (DA. 14), đây là một trong 4 trú xứ lớn (cattāri mahãgehãní) được xây dựng trong rưng Kỳ Thọ (Jetavana). Ba trú xứ kia gồm Kosambakuti, Gandhakuti và Salalaghara. Bốn cong trình nay do vùa Ba-tư-nặc (Pasenadi) và tnrong giả cấp Co Độc (Anāthapindika) xay dựng. Trước cổng trú xứ có hàng cây Kareri (còn gọi là cây Varuna) nen nhân đó được đạt ten. Theo ngành thực vật học? cây Karen có ten ứioa học la Crataeva Roxburghii. ở Việt Nam cây này có tên gọi địa phương là cây Bún, Ngư mộc, Nấm núi, cây Lá ngạnh... 3 Kỳ Thọ (Jetavana), vốn là một khu vườn rất đẹp của Thái,tử Kỳ-đà (Jeta). Sau khi biết trưởng giả Cấp Co Độc (Anāthapindika) mua lại khu vườn này để xây cất tinh xá cung dường Phật và chúng Tăng, Thái tử Kỳ-đà đã hoan hỷ cúng dường vườn cây trên khu đất nên nhân đo được định danh là Ky Thọ ().

490 KINH TRƯỜNG A-HÀM

- Lành thay! Lành thay! Các thầy vì lòng tin chân chánh4 mà xuất gia tu đạo, những việc cần làm gồm có hai điều: Một là nói năng như Hiền thánh và hai là im lặng như Hiền thánh. Nêu có luận bàn điều gì thì các thay cũng nên như vậy. Như Lai có thần thông quảng dại, oai lực lớn lao, sở dĩ Ta biết rõ những việc từ vô số kiếp trong quá khứ là do Như Lai thông tỏ pháp tánh và cũng nhờ chư thiên kể lại. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tỳ-kheo tại pháp đường, Luận bàn pháp Hiền thánh. Thiên nhĩ Phật thanh tịnh, Nơi tịnh thất nghe suốt. Mặt trời Phật sáng soi, Phân biệt nghĩa pháp giới, Cũng biết việc quá khứ, Chư Phật5 nhập Niết-bàn. Danh hiệu, họ, dòng tộc, Biết mọi việc thọ sanh, Tru xứ, mọi ngọn ngành, Tịnh nhãn Phật thấy suốt. Chư thiên sức thần lớn, Dung mạo rất đoan nghiêm, Cũng đến cho Ta biết, Chư Phật nhập Niết-bàn, Nơi sanh, họ, dòng tộc, Tiếng nhiệm mầu trong đời. Bậc Phước Trí người, trời, Biết rõ Phật quá khứ. [000 le 13] Phật lại bảo các Tỳ-kheo: -Như Lai có Túc mạng trí, biêt nhân duyên của chư Phật quá khứ, nêu các thầy muốn nghe thì Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Khi ấy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời, chúng con muốn nghe. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng lúc, xin Ngài giảng thuyết, chúng con kính nguyện phụng hành! Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt, giảng thuyết cho các thây! Các Tỳ-kheo vâng lời, yên lặng lắng nghe. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -về thời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, có đức Phật hiệu Tỳ-bà- thi6 Như Lai, Chí Chân thị hiện ở đời. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, trong thời quá khứ cách đây ba mươi mốt kiếp, có đức Phật hiệu Thi-khí7 Như Lai, Chí Chân thị hiện ở đời. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Cũng cách đây trong ba mươi mốt

4 Nguyên tác: Bình đẳng tín .Bình đăng ,samd.n Theo ngữ cảnh, chữ uchân chanh,, ĩ./sammā đúng hơn. Rất có thể vì âm đọc của 'samdbình đẳng và am ^sammẩ' chân chánh gần giông nhau nên dịch nhầm. Cú ngữ này được SĀ. 17 ghi:

Chánh tín phi gia xuất gia . 5 Nguyên tác: Tam Phật viết tắt của Tam-da-tam Phật Sammāsambuddhā: Đấng Giác Ngộ Viên Mãn. 6 Tỳ-bà-thi ,Vipassī. 7 Thi-khi ,Sikhī.

kiếp đó, có đức Phật hiệu Tỳ-xá-bà8 Như Lai, Chí Chân thi hiện ở đời. Lại nữa, này các Tỳ-kheo? trong Hiền kiếp9 này có các đức Phật hiệu Câu-lâu-tôn, Câu- na-hàm, Ca-diếp10 lần lượt thị hiện ở đời, nay Ta cũng thành bậc Giác Ngộ Tối Thượng11 trong Hiền kiếp này. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Chín mươi mốt kiếp trước, CÓ Phật Tỳ-bà-thi, Cách đay ba mốt kiếp, Phật Thi-khí ra đời, Cũng đồng trong kiếp đó, Tỳ-xá Phật thị hiện. [0002a] Và trong Hiền kiếp này, Không hạn lượng sô tuôi, Có bốn đức Như Lai, Vì chúng sanh thi hiện, Câu-lâu-tôn, Na-hàm, Ca-diếp và Thích-ca.12 Các thầy nên biết, thời Phật Tỳ-bà-thi, loài người sống thọ tám mươi ngàn tuổi. Thời Phật Thi-khí loài người sống bảy mươi ngàn tuổi. Thời Phật Tỳ-xá- bà loài người sông sáu mươi ngàn tuôi. Thời Phật Câu-lâu-tôn loài người sông bốn mươi ngàn tuổi. Thời Phật Câu-na-hàm loài người sống ba mươi ngàn tuổi. Thời Phật Ca-diếp loài người sống hai mươi ngàn tuổi. Và nay Ta xuất thế, loài người chỉ thọ được một trăm tuổi, hoặc hơn kém con số đó. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Người thời Tỳ-bà-thi? Thọ tám vạn tư tuổi,13 Người thời Phật Thi-khí, Thọ bảy mươi ngàn tuổi. Người thời Tỳ-xá-bà? Thọ sáu mươi ngàn tuổi, Người thời Phật Lâu-tôn, Thọ bôn mươi ngàn tuôi. Người thời Phật Na-hàm, Thọ ba mươi ngàn tuổi, Người thời Phật Ca-diếp, Thọ hai mươi ngàn tuổi. Người thời Ta hiện nay, Thọ không quá trăm tuổi. Đức Phật Tỳ-bà-thi sanh trong dòng Sát-đế-lợi,14 họ Câu-lợi-nhã.15 Đức Phật Thi-khí và Tỳ-xá-bà dòng họ cũng vậy. Đức Phật Câu-lâu-tôn sanh vào dòng Bà-la-môn516 họ Ca-diếp.17 Đức Phật Câu-na-hàm và Ca-diếp cũng sanh

8 Tỳ-xá-bà ,Vessabhū. 9 Hiền kiếp ,Bhciddakappa. 10 Câu-lâu-tôn ,Kakusandha, Câu-na-hàm ,Konāgamana, Ca-diếp Kassapa. 11 Nguyên tác: Tối chánh giác Abhisambuddhā, quả vi giác ngộ cao nhất, tối thượng, tức thành Phật. 12 Nguyên tác: Thích-ca-văn ,viết tắt của Thích-ca-vãn-ni ,là cách dịch khác của Sākyamuni. Vì lẽ, Thích-ca được dịch âm từ Sâkya; Văn-ni được dịch âm tuMuni. Xem mục từ Muni tại Pãli - Hán từcủa Bhikkhu Maho & . 13 Đoạn trên nói 80 ngàn tuổi. 14 Sát-đế-lợi ^Khattiyā. 15 Câu-lợi-nhã ,Kondañña. 16 Bà-la-môn M, Brahmand. 17 Ca-diếp ,Kassapa.

vào dòng họ đó. Còn nay Ta là bậc Như Lai, Chí Chân sanh vào dòng Sát-đế- lợi, họ Cù-đàm.18 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Đức Phật Tỳ-bà-thi, Thi-khí? Tỳ-xá-bà, Ba đấng Như Lai này, Sanh họ Câu-lợi-nhã. Ba đấng Như Lai khác, Sanh vào họ Ca-diếp. Nay Ta, Vô Thượng Tôn, Dan dắt các chúng sanh. Bậc nhất trong trời người, Họ Cù-đàm dũng mãnh, Ba đấng Chánh Giác trước, Sanh vào dòng Sát-lợi. Ba đức Như Lai sau, Sanh dòng Bà-la-môn. Nay Ta, Vô Thượng Tôn, Dòng Sát-lợi dũng mãnh. Đức Phật Tỳ-bà-thi thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Ba-ba-la.19 Đức Phật Thi-khí thành bậc Tối

Chánh Giác bên cội cây Phân-đà-lợi.20 Đức Phật Tỳ-xá-bà thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Sa-la.21 Đức Phật Câu-lâu-tôn thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Thi-lợi-sa.22 Đức Phật Câu-na-hàm thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Ô-tạm-bà-la-môn.23 Đức Phật Ca-diếp thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Ni-câu-luật.24 Nay Ta là đấng Như Lai, Chí Chân thành bậc Tối Chánh Giác bên cội cây Bát-đa.25 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tỳ-bà-thi Như Lai, Đen bên cây Ba-la, Ngay tại chính nơi này, Thành bậc Tối Chánh Giác. Phân-đà, Phật Thi-khí, Thanh đạo, dứt nguồn hữu. Đức Phật Tỳ-xá-bà, Ngồi bên cây Sa-la, Đạt giải thoát tri kiến, Thần túc thông vô ngại. Câu-lâu-tôn Như Lai, Ngồi bên cây Thi-lợi, Nhất thiết trí thanh tinh, Vô nhiễm, vô sở trước. Đức Phật Câu-na-hàm, Ngồi bên cây Ưu-đàm? Ngay chính cội cây đó, Diệt ưu não, ái, tham. Đức Ca-diếp Như Lai, Ngồi bên cây Ni-câu, Ngay chính cội cây này, Diệt trừ gốc hữu lậu. Ta nay hiệu Thích-ca, Ngồi bên cây Bát-đa.

18 Cù-đàm ,Gotama. 19 Ba-ba-la ,Pātalī. 2Ộ Phân-đà-lợi ,Pundarīka. 21 Sa-la SMaj. 22 Thi-lợi-sa Sinsa. 23 Ô-tạm-bà-la-môn .Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Ưu-đàm-ba-la , Udumbara. 24 Ni-câu-luật .Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Ni-câu-loại Nigrodha, đây là giống cây đa đạc biệt tại Ấn Độ, có tên khoa học là Ficus Bengalensis. 25 Bát-đa ,Assattha, đây là loài cây thiêng trong tín niệm Ấn Độ và kinh văn Phật giáo, còn gọi là cây Bồ-đề, có tên khoa học là Ficus Religiosa.

Đấng Như Lai, Thập Lực, Đoạn kiết sử? lưới tà, Hàng phục mọi quân ma, Diễn pháp mầu giữa chúng. Sức tinh tấn bảy Phật, Phóng quang xua tối dày, Ngồi dưới các tàng cây, Chứng thành Tối Chánh Giác. [0002b22] Đức Phật Tỳ-bà-thi thuyết pháp ba hội: ở hội thứ nhất, đệ tử có một trăm sáu mươi tám ngàn vị; hội thứ hai, đệ tử có một trăm ngàn vị; hội thứ ba, đệ tử có tám mươi ngàn vị. Đức Phật Thi-khí cũng thuyết pháp ba hội: ở hội thứ nhất, đệ tử có một trăm ngàn vị; hội thứ hai, đệ tử có tám mươi ngàn vị; hội thứ ba, đệ tử có bảy mươi ngàn vị. Đức Phật Tỳ-xá-bà thuyết pháp hai hội: ở hội dầu, đệ tử có bảy mươi ngàn vị; hội kế đệ tử có sáu mươi ngàn vị. Đức Phật Câu-lâu-tôn thuyết pháp một hội, đệ tử có bốn mươi ngàn vị. Đức Phật Câu-na-hàm thuyết pháp một hội, đệ tử có ba mươi ngàn vi. Đức Phật Ca-diếp thuyêt pháp một hội, đệ tử có hai mươi ngàn vị. Ta nay thuyêt pháp một hội, đệ tử có một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tỳ-bà-thi tên Quán,26 Trí tuệ không thể lường, Vô úy,27 thấy muôn phương, Chúng đệ tử ba hội. Thi-khí, sáng,28 bất động, Mọi kiết sử phá tan, Oai đức lớn vô vàn, Chăng thê suy lường được, Phật thuyết pháp ba hội, Chúng đệ tử về nương. Tỳ-xá trừ não phiền, Đấng Giác Ngộ vân tập, Danh tiếng vang dội khắp, Xiển dương pháp nhiệm mầu, Chúng đệ tử hai hội, Diễn khắp nghĩa rộng sâu. Câu-lâu-tôn, một hội, Trị các khổ mau lành, Đạo sư độ chúng sanh, Chúng đệ tử một hội. Câu-na-hàm Như Lai, Đấng Vô Thượng cũng vậy, Sắc thân màu vàng tía, Dung mạo đẹp, tròn đầy, Chúng đệ tử một hội, Diên kháp pháp mâu này. Ca-diếp, mỗi phút giây, Nhát tâm không loạn tưởng, Nghĩa chân thật tràn đầy, Chúng đệ tử một hội. Đấng Năng Nhân, Tịch Diệt,29 Họ Thích, dòng Sa-môn9 Cõi trơi, bạc Toi Ton, Chúng đệ tử một hội.

Nơi ấy Ta hiển nghĩa, Giảng giáo pháp tịnh thanh, Trong tâm thường hoan hỷ, Hết lậu, hữu không còn.

26 Nguyên tác: Quán dịch nghĩa của chữ Tỳ-bà-thi Vipassī. 27 Vô sở úy còn gọi/4VÔ úy", tức không hề sơ hãi bất cứ điều gì. ở đây chỉ cho khi Phật thuyết pháp giữa đại chúng, Ngai hết sức bình thản nhơ có đầy đủ đức vô úy. 28 Nguyên tác: Quang .Theo Diệu Pháp Liên Hoa kỉnh văn củ r.34. 1718.1. 0024b 16, đức Phật Thi-khí do tu Hỏa quang tam-muội mà thành tựu nên nhân đó mà định danh. 29 Năng Nhân dịch nghĩa của Thích-ca Sâkya.

Tỳ-bà, Thi-khí, ba, Phật Tỳ-xá hai hội, Bốn Phật đều một hội, Đấng Giác Ngộ diễn thuyết. [0002c24] Thuở ấy, hàng đệ tử ưu tú bậc nhất trong hội chúng của chư Phật thì đức Phật Tỳ-bà-thi có hai vị: Một là Khiên-trà, hai là Đề-xá;30 Phật Thi-khí có hai vi là A-tỳ-phù và Tam-bà-bà;31 Phật Tỳ-xá-bà có hai vị: Một là Phù- du, hai là Uất-đa-ma;32 Phật Câu-lâu-tôn có hai vị là Tát-ni và Tỳ-lâu;33 Phật Câu-na-hàm có hai vị: Một là Thư-bàn-na, hai là uất-đa-lâu;34 Phật Ca-diếp có hai vi là Đề-xá và Bà-la-bà;35 nay Ta cũng có hai vị, đó là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.36 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Khiên-trà và Đề-xá, Đệ tử Phật Bà-thi, A-tỳ-phù, Tam-bà? Đệ tử Phạt Thi-khí. Phu-du, uất-đa-ma? Đứng đầu hàng đệ tử, Chế phục được chúng ma, Đệ tư Phật T^xá Tát-ni va Ty-lau? Đệ tử Phật Lưu-tôn, Thư-bàn, uất-đa-lâu, Đệ tử Phật Na-hàm. Đề-xá, Bàlabà, Đệ tử Phạt Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-liên, Đệ tử Ta, bậc nhất. [0003al5] Lại nữa, đệ tử thị giả của đức Phật Tỳ-bà"thi là Vô Ưu, của Phật Thi-khí là Nhẫn Hạnh, của Phật Tỳ-xá-bà là Tịch Diệt, của Phật Câu-lâu-tôn là Thiện Giác, của Phật Câu-na-hàm là An Hòa, của Phật Ca-diếp là Thiện Hữu và thị giả của Ta là A-nan. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Vô Ưu và Nhẫn Hạnh, Tịch Diệt với Thiện Giác, Thiện Hữu và An Hòa, Cùng A-nan là bảy. Làm thị giả Như Lai, Ngày đêm luôn cẩn mật, Nghĩa các pháp đủ đầy, Người, mình đều lợi ích. Bảy đệ tử Hiền thánh, Thị giả bảy Như Lai, Hoan hỷ hầu các Ngài, An nhiên vào Tịch diệt. Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương Ưng, Phật Thi-khí có con là Vô Lượng, Phật Tỳ-xá-bà có con tên Diệu Giác, Phật Câu-lâu-tôn có con tên Thượng Thắng, Phật Câu-na-hàm có con là Đạo Sư, Phật Ca-diếp có con tên Tập Quân và nay Ta có con tên La-hâu-la.

30 Khiên-trà Khanda và Đề-xá ,Tissa. 31 A-tỳ-phù ,Abhibhū và Tam-bà-bà Sambhava. 32 Phù-du ,Sona và uất-đa-ma ,Uttara. 33 Tát-ni Sahjiva và Tỳ-lâu ,Vidhūra. 34 Thư-bàn-na Bhiyyosa và Uất-đa-lâu ,Uttara. 35 Đề-xá ,Tissa và Bà-la-bà Bhāradvāja. 36 Xá-lợi-phất Sāriputta và Mục-kiền-liên § ,Moggallāna.

Khi ấy? Phật nói kệ rằng: Phương Ưng và Vô Lượng, Diệu Giác cung Thượng Thắng, Đạo Sư với Tập Quân, La-hầu-la là bảy. Những người con cao quý, Tiếp nối hạnh Như Lai, Ưa pháp, thích bố thí, Trong pháp được vô úy. [0003b07] Phật Tỳ-bà-thi có cha tên Bàn-đầu,37 thuộc dòng Sat-đế-lợi, mẹ tên Bàn-đầu-bà-đề.38 Kinh thành của Vua

Bàn-đầu trị vì tên Bàn-đầu-bà-đề. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Phụ vương tên Bàn-đầu, Mẹ Bàn-đầu-bà-đề, Tên thành như từ mẫu, Phật thuyết pháp nơi này. Phật Thi-khí có cha tên Minh Tướng, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẹ tên Quang Diệu. Quốc thành vua cha trị vì tên Quang Tướng. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Thi-khí, cha Minh Tướng, Mẹ, Quang Diệu là tên, Ngay quốc thành Quang Tướng, Oai đức dẹp giặc ngoài. Phật Tỳ-xá-bà có cha là Thiện Đăng, thuộc dòng Sát-đế-lợi9 mẹ tên Xứng Giới. Quốc thành vua cha tri vì tên Vô Dụ. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha Phật Tỳ-xá-bà5 Thiện Đăng, dòng Sát-lợi, Mẹ tên là Xứng Giới, Quốc thành tên Vô Dụ. Phật Câu-lâu-tôn có cha tên Tự Đắc, thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ tên Thiện Chi. Vua thời đó có tên An Hòa nên kinh thành cũng được gọi theo tên vua là thành An Hòa. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha, la-môn Tự Đắc,39 Mẹ tên là Thiện Chi, An Hòa, vua tên ấy, Thành An Hòa trị vì. Phật Câu-na-hàm có cha tên Đại Đức, thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ là Thiện Thắng. Nhà vua thời đó có tên Thanh Tinh, nên kinh thành cũng được gọi theo tên vua là thành Thanh Tinh. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha, la-môn Đại Đức, Mẹ, Thiện Thắng là tên, Vua tên là Thanh Tịnh, Thành Thanh Tịnh trị vì. Phật Ca-diếp có cha tên Phạm Bức, thuộc dòng Bà-la-môn, mẹ tên Tài Chủ. Nhà vua thời ấy có tên Hấp-tỳ, kinh thành vua trị vì tên Ba-la-nại.

37 Bàn-đầu cũng gọi Bàn-đầu-ma-đa Bandhumā. 38 Bàn-đầu-bà-đề cũng gọi Bàn-đầu-ma-na Bandhumatī. 39 Tự Đắc ,Aggidatta.

Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha, la-môn Phạm Đức, Mẹ tên là Tài Chủ, Vua có tên Hấp-tỳ, Trị vì Ba-la-nại. [OOO3cO5] Cha Ta là Vua Tịnh Phạn,40 thuộc dòng Sát-đế-lợi? mẹ tên Đại Thanh Tinh Diệu.41 Kinh thành vua trị vì tên Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Cha Tịnh Phạn, Sát-lợi, Mẹ Đại Thanh Tinh Diệu, Đất rộng, dân đông, giàu, Ta sanh ra tại đó. Đó là nhân duyên, danh hiệu, chủng tộc và nơi đản sanh của chư Phật. Không một người trí nào nghe đến nhân duyên đó mà không khởi tâm hoan hỷ, ưa thích! Bấy giờ, đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta muốn dùng túc mạng trí để nói về sự tích chư Phật quá khứ, các thầy có muốn nghe chăng? _ Các Tỳ-kheo bạch rằng: Nay thật đúng lúc, chúng con muôn được nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt, giảng nói cho các thây! Này các Tỳ-kheo! Nên biết thường pháp42 của chư Phật như vầy: Từ cung trời Đâu-suất, Bồ-tát Tỳ-bà-thi giáng thần vào thai mẹ từ hông bên phải với tâm chánh niệm, không tán loạn. Ngay lúc ấy, cõi đất rung chuyển, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thế giới, soi sáng cả những nơi mà ánh sáng mặt trời và mặt trăng không thể chiếu đến, khiến chúng sanh trong cõi tăm toi ấy được nhìn thấy nhau và biết mình đang ở chỗ nào. Ánh sáng đó soi đến cung điện Ma vương, chư Thiên, Đế-thích, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác đều được ánh sáng lớn đó phủ khắp, đong thời ánh sáng của chư thiên tự nhiên tắt mất. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Mây dày phủ khắp trời, Ánh chớp sáng muôn nơi, Tỳ-bà-thi giáng thế, Muôn phương cùng sáng ngời. Nơi trời trăng không chiếu, Được hưởng ánh sáng này, Thụ thai tinh, an vui, Pháp chư Phật đều vậy. Này các Tỳ-kheo! Nên biết thường pháp của chư Phật như vầy: Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi ở trong thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, thường có bốn thiên

40 Tịnh Phạn Suddhodana. 41 Đại Thanh Tịnh Diệu ,Māyā. 42 Thường pháp Pháp cố định, nguyên tắc không đổi, là pháp tự nhiên, bản nhiên, như nhiên, như thị cua chư Phật.

l.KINH ĐẠI BỔN 497

thân tay câm mâu kích hộ vệ mẹ Ngài, khiên người hoặc những loài không thuộc loài người chẳng thể nhiễu hại, đó chính là thường pháp. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Bôn phương bôn thiên thân, Tiếng tăm, oai đức lớn, Do Đế-thích sai di, Đe hộ trì Bồ-tát. Tay luôn cầm mâu kích, Canh giữ không lơ là, Nhân, phi nhân tránh xa, Là thường pháp chư Phật. Thiên thần giữ cẩn mật, Như thiên nữ hầu trời, Quyến thuộc vui rạng ngời, Là thường pháp chư Phật. [0004al0] Lại nữa, khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, thân thể mẹ Ngài an ổn, không hề lo phiền, trí tuệ tăng trưởng. Bà tự thấy Bồ-tát ở trong thai các căn đầy đủ, sắc thân vàng tía không chút tỳ vét, giông như người có mát thây khôi lưu ly trong sạch, thâu suôt cả trong lân ngoài, không chút ngăn ngại. Này các Tỳ-kheo! Đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ rang: Như lưu ly sáng sạch, Lập lánh giữa trời trăng, Năng Nhân trong thai mẹ, Khiến mẹ chẳng nhọc nhằn. Tăng trưởng thêm trí tuệ, Thấy thai sắc vàng ròng, Mang thai, mẹ thong dong, Là thường pháp chư Phật. Lại nữa, khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, nên tâm mẹ Ngài thanh tinh, không có dục tưởng, không bi lửa dục thiêu đốt, đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ răng: Bồ-tát trụ thai mẹ, Do phước trời tạo nên, Tâm mẹ Ngài thuần tịnh, Dục tưởng bặt bóng hình. Lòng dục đã dứt hẳn, Không nhiễm, không gối chăn, Lửa dục hết nhóm nhen, Mẹ chư Phật thường tịnh. Lại nữa, khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, mẹ Ngài vâng giữ năm giới, Phạm hạnh thanh tịnh, thuân tín nhân từ, thành tựu hạnh lành, an lạc tự tại, sau khi chét được sanh cõi trời Đao-lợi, đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ răng: Hoài thai đấng Đại Giác, Trì giới chẳng buông lơi, Mạng chung được thân trời, Gọi là mẹ của Phật. [0004006] Lại nữa, ngay lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ thì cõi đất rung động, ánh sáng chiếu khắp. Cũng như lúc Ngài mới nhập thai, chỗ tối tăm nhất cũng được ánh sáng ấy chiếu đến, đó là thường pháp của chư Phật.

498 « KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ rằng: Đản sanh, đất rung chuyển, Ánh sáng chiếu muôn noi, Cõi này và cõi khác, Muôn phương rực sáng ngời. Phóng quang, ban mắt tịnh, Nhìn suốt đến thân trời, Tiếng hoan hỷ nhiệm mầu, Xưng niệm danh Bồ-tát. Lại nữa, khi Bô-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn. Ngay lúc ấy, mẹ Ngài tay vịn cành cây, dáng người khom nghiêng thì xuất hiện bốn thiên thần bưng nước thơm đứng trước bà, thưa: "Thua Phật mẫu, nay sanh Thánh tử, xin chớ âu lo!" Đây là thường pháp của chư Phật. yr 1 • Á r-pi Á rri /\ z • l A w Khi áy, Thê Tôn nói kẹ răng: Phật mẫu vừa nghiêng thân, Sanh Chí Tôn, tinh tấn, Trụ giới, tu Phạm hạnh, Được trời người kính hầu. Lại nữa, đương lúc Bô-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh, không bi các chất ô uế làm

dơ nhiễm. Giống như người mắt sáng lấy viên minh châu sạch đẹp đặt trên tấm lụa trắng, thấy hai thứ không làm bẩn nhau vì cả hai đều sáng sạch, Bồ-tát ra khỏi thai mẹ cũng như thế, đây là thường pháp của chư Phật. Khi áy, The Ton noi kẹ răng: Như minh châu sáng sạch, Chẳng vấy bẩn lụa là, Từ thai mẹ bước ra, Ngài thanh tinh, vô nhiễm. • ___ y

Lại nữa, ngay lúc Bô-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, bước chân xuống đất đi đúng bảy bước mà không cần người nâng đỡ, nhìn khắp bôn phương roi đưa tay lên nói răng: “Cả trên trời dưới đất, chỉ có Ta tôn quý, vì muốn độ chúng sanh, thoát sanh, già, bệnh, chết."43 Đây là thường pháp của chư Phật* Khi ay9 The Ton noi kẹ răng: Như sư tử sắp đi, Nhìn quanh khắp bốn hướng, Xuống đất cất bảy bước, Nhân Sư Tử44 cũng vậy. Như rồng chúa sắp bay, Nhìn quanh khắp bốn hướng, Xuống đất đi bảy bước, Đấng Nhân Long cũng vậy.

43 Nguyên tác:.Tham chiếu: D. 14: Aggohamasmi lokassa, jetthohamasmi lokassa, setthohamasmi lokassa, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo^ tỉ (Ta là bác tối thượng ở trên đời. Ta ỉa bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuoi cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa), HT. Thích Minh Châu dịch. 44 Nguyên tác: Nhân Sư Tử ().Đại trí độ luận (T25, 1509.7. 0111b07-08) giải thích: Giống như sư tử, trong những loài thú bốn chân đi lại một mình, không hề sợ hãi vì có thể nhiếp phục hết thảy. Đức Phạt cũng như Ọiế, đối với 96 phái ngoại đạo, Ngai có the hàng phục tất cả mà không sợ hãi nên gọi là Nhân Sư Tử (ỷn).Xem thêm bài kệ cũng thuộc kinh này (0008c29-0009a01): Như sư tử tại lâm, tự tứ nhi du hành, bỉ Phật diệc như thị, du hành vô quái ngại (

l.KINH ĐẠI BỒN 499

Lưỡng Túc Tôn đản sanh, Đi bảy bước an lành, Nhìn bốn phương và nói, Sẽ dứt khổ tử sanh. Ngay lúc mới sanh ra, Đã không ai sánh kịp, Gốc tử sanh thấu triệt, Thân này thân cuôi cùng. [0004c 12] Lại nữa, lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh từ hông phải của mẹ, chuyên niệm, không tán loạn, liền có hai dòng suối một ấm và một mát tuôn ra tắm gội Bồ-tát, đây là thường pháp của chư Phật. Khi ấy, Thế Tôn nói kệ rằng: Lưỡng Túc Tôn đản sanh, Hai dòng suối tự tuôn, Đe cúng dường Bồ-tát, Tắm gội sạch thân Ngài. Hai suối tự tuôn trào, Nước lắng trong xanh ngát, Dòng ấm và dòng mát, Tăm gọi đang Từ Ton. [0004c20] Lúc thái tử được sanh ra, phụ vương Bàn-đầu liền cho mời các thầy tướng và các đạo sĩ đến xem tướng thái tử để biết điềm tốt xấu. Bấy giờ, các thầy tướng vâng lệnh, trước tiên xin cởi áo thái tử ra để xem kỹ các tướng rồi đoán rằng, người có tướng như thế này sẽ theo hai con đường, chắc chắn không sai: Nếu tại gia sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bôn đạo quân binh, dùng Chánh pháp trị dân, không đê oan sai, thi ân khắp thiên hạ5 bảy báu tự nhiên đến, có rất nhiều người con dũng mãnh, có thể hàng phục giặc thù bên ngoài, không cần đến đao binh mà thiên hạ vẫn thái bình, còn nếu xuất gia học đạo sẽ thành bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Sau khi luận đoán xong, các vi ây liên thưa với vua: "Thái tử có đủ ba mươi hai tướng, sẽ theo hai đường, quyêt chác không sai: Nêu tại gia sẽ làm Chuyên

Luân Thánh Vương, nếu xuất gia sẽ thành bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu?9 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tướng sư xem thái tử, Có trăm phước, vừa sanh, Như sách xưa ghi lại, Theo hai đường rành rành. Nếu ở trong đời này, Làm Thánh vương thiên hạ, Được bảy báu hiếm thấy, Chúng tự tìm đến vua. Bánh xe báu ngàn căm, Xung quanh vàng ròng bọc, Và có thể bay khắp, Nên gọi bánh xe trời. Voi bảy ngà như tuyết, Thuân thục, cao lớn thay, Bay giữa trời không ngại, Voi báu hiếm thứ hai. Ngựa phi khắp thiên hạ, Sớm đi, chiều về ăn, Lông đỏ, bờm khổng tước, Đó là báu thứ ba. Ngọc lưu ly trong sáng, Tỏa chiếu một do-tuần, Khiên đêm sáng như ngày, Gọi là báu thứ tư. Sắc, thanh, hương, vi, xúc, Thượng diệu, hiếm tuyệt trần, Bậc nhất hàng nữ nhân, Đó là báu thứ năm.

Vật trân quý dâng vua, Lưu ly, ngọc, châu báu, Hoan hỷ mà tiến dâng, Gọi là báu thứ sáu. Theo ý Chuyển Luân Vương, Binh lính nhanh, dũng mãnh, Tiến thoái rất thuần thành, Gọi là báu thứ bảy. Đây là bảy thứ báu, Bánh xe, voi, ngựa trắng, Cư sĩ, nữ báu, châu, Binh như ý là bảy. Nhìn ngắm không nhàm chán, Năm dục thường vui theo, Như voi bứt dây deo, Xuất gia thành Chánh Giác. Vua có con như vậy, Đấng Phước Trí uy hùng, Chuyển pháp luân độ thế, Đạo thành, không buông lung. [0005a26] Lúc ấy, vua cha ba lần ân cần hỏi các thầy tướng: "Các thầy hãy xem lại ba mươi hai tướng của thái tử, đó là những tướng gi?" Các thầy tướng liền khoác áo lại cho thái tử, rồi kể ba mươi hai tướng: Một là tướng bàn chân đầy đặn bằng phẳng, đi đứng vững vàng. Hai là tướng lòng bàn chân có tướng bánh xe báu ngàn căm, tỏa sáng lấp lánh. Ba là tướng có màng lưới mỏng giữa kẽ tay, kẽ chân như loài ngỗng chúa. Bôn là tướng tay chân mem mại như áo trời. Năm là tướng ngón tay, ngón chân thon dài, không ai đẹp bằng. Sáu là tướng gót chân đầy đặn, nhìn không thấy chán. Bảy là tướng ông chân thon dài như chân loài nai. Tám là tướng các khớp xương móc lấy nhau như sợi dây xh. Chín là tướng có mã âm tàng.45 Mười là tướng khi đứng thẳng, tay duỗi dài quá gối. Mười một là tướng mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, mỗi sợi lông đều xoáy quanh về bên phải, sắc lông như lưu ly xanh biếc pha đỏ hồng. Mười hai là tướng lông mọc uôn cong vê bên phải, màu lông xanh hông. Mười ba là tướng sắc thân như màu vàng ròng. Mười bốn là tướng da thịt min màng, không dính bụi nhơ. Mười lăm là tướng hai vai ngang băng, đây đặn, tròn đẹp. Mười sáu là tướng giữa ngực có chữ Vạn.46 Mười bảy là tướng thân cao gấp đôi người thường. Mười tám là tướng bảy lỗ trong người đầy đặn. Mười chín là tướng thân thể cao, to như cây Ni-câu-loại.

45 Âm mã tàng ,kosohita vattā còn gọi "mỗi âm tang?„“thế phong''.Nam căn của Phật không hiện ra ngoài. 46 Vạn tự Hī S. svảstika} p. svatthịkă, đó là tướng kiết tường trong tín niệm Ấn Độ và của nhiều nước trên thế giới. Đại sư La-thập, Huyền Trang dịch là Đức tự còn Ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch là Vạn tự .

Hai mươi là tướng hai má như má sư tử. Hai mươi mốt là tướng ngực vuông đầy như ngực sư tử. Hai mươi hai là tướng có bốn mươi chiếc răng. Hai mươi ba là tướng răng

mọc ngay ngắn, đều đặn. Hai mươi bốn là tướng răng khít không hở. Hai mươi lăm là tướng răng trắng sạch, sáng bóng. Hai mươi sáu là tướng yết hầu thanh sạch, ăn thức ăn gì cũng hợp. Hai mươi bảy là tướng lưỡi rộng dài, liếm đến mép tai. Hai mươi tám là tướng tiếng nói trong trẻo như tiếng Phạm thiên. Hai mươi chín là tướng mắt màu xanh hồng. Ba mươi là tướng mắt như mắt bò chúa,4748 hai mí rõ ràng. Ba mươi môt là tướng có lông trăng mem mại thanh mảnh giữa hai chân mày, nếu kéo ra thì được một tầm,48 còn thả thì nó xoắn tròn về bên phải theo hình trôn ốc như trân châu. Ba mươi hai là tướng trên đỉnh đầu có nhục kế.49 Các thầy tướng liền nói kệ rằng: Chân mềm mại, đứng vững, Đi chẳng lấm bụi trần, Nơi dấu chân hiển tướng, Ngàn căm sắc sáng ngần. Thân cao rộng thăng ngay, Như cây Ni-câu-loại, Chưa ai từng có tướng, Như Phật, mã am tàng. Thân trang nghiêm sắc vàng, Các tướng chiếu soi nhau, Da thịt như người tục, Nhưng bụi không bám vào. Như sắc trời mịn mượt, Lọng ươi tự nhiên che, Thân vàng tía, tiếng trong, Như hoa nhô khỏi nước. Vua bèn hỏi thầy tướng, Thây tướng cung kính tâu, Xưng tán tướng Bồ-tát, Thân tỏa sáng muôn màu. Tay chân các gân, khớp, Trong ngoài đều hiện ra, Ăn gì cũng thích hợp, Thân ngay ngăn chỉnh tê. Bánh xe lòng bàn chân, Phát tiếng ngân hòa nhã,50 Tướng bắp chân thon gọn, Phước đời trước mà ra. Khuỷu tay đẹp, đầy đặn, Mày mát rát đoan nghiêm, Tướng Đạo sư thật hiếm, Oai lực chẳng ai bằng.

47 Nguyên tác:.Tham chiếu: D. 14: Gopakhumo lông mi con bò cái. 48 Nhất tầm Đơn vị đo độ dài thời cổ ở Trung Quốc. Theo Thuyết văn một tầm dài khoảng 2 cánh tay. 49 Nhục kếunhīsasīsāf. Theo Phiên dịch danh nghĩa tập T.54. 2Í31.5. Il38a25, trên đỉnh đầu Phật nổi lên khối thịt như hình búi tóc gọi là unhục k&.” 50 Túc hạ luân tướng hiện, kỳ âm như ai loan ,.Đặc tả dưới_bàn chân Ngài có hình pháp luân nên mỗi bước chân phát ra âm thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già Kalaviñka.

Hai má đều đầy đặn, Như sư tử nằm nghiêng, Bôn mươi răng trăng khít, Không kẽ hở, phẳng bằng. Tiếng Phạm âm hiếm c6, Vang xa gần tùy duyên, Thân đứng vững chẳng nghiêng. Hai tay duỗi quá gối. Râu tóc đều mềm mượt, Đủ tướng tốt đoan nghiêm, Mỗi lỗ mỗi sợi lông, Tay chân có màng mỏng. Nhục kế, mắt xanh hồng, Hai mí mắt cân đối, Vai đầy dặn, thon tròn, Đủ ba hai tướng tót. Gót chân không cao thấp, Đùi thon như đùi nai, Đấng Thế Tôn xuất thế, Tựa voi bứt dây đeo. Khiến người khổ hết theo, Khỏi sanh, già, bệnh, chết, Phật vận tâm từ bi, Thuyết giảng bốn chân đế, Diễn bày nghĩa các pháp, Khiến người kính, theo về. [0005C19] Này các Tỳ-kheo! Lúc Bồ-tát Tỳ-bà-thi đản sanh, chư thiên ở giữa hư không cầm lọng trắng, quạt báu để ngăn che lạnh nóng, gió mưa và bụi bặm cho Ngài. Khi ấy, Phật nói kệ ràng: Cõi người thật hiếm có, Lưỡng Túc Tôn ra đời, Được chư thiên kính dưỡng, Dâng quạt báu, lọng trời. Sau d6, vua cha ban cho bốn nhũ mẫu để nuôi dưỡng thái tử: Một, cho bú . : g jF r \ mớm; hai, lo tăm rửa; ba, bôi hương thơm; và bôn, cùng vui đùa. Tát cả họ đêu hoan hỷ, cần mẫn dưỡng nuôi Ngài, do vậy nên có kệ rằng: Lúc Ngài mới chào đời, Nhũ mẫu cực thương yêu, Người bú mớm, người tắm, Người thoa phấn, vui choi, Hương thơm nhất trong đời, Thoa khắp

thân thái tử. [OOOóaOl] Lại nữa, lúc thái tử còn thơ bé? gái trai cả nước ngắm hoài không A

chán, do vậy nên có kệ răng: Được nhiều người kính mến, Như tượng vàng mới thành, Trai gái đều thích nhìn, Ngắm hoài không thấy chán. Lại nữa, lúc Ngài còn thơ bé, mọi người đêu thích ăm bông như ngăm hoa báu, do vậy nên có kệ rằng: Bậc Phước Trí chào dời, Được mọi người kính mên, Ảm bồng mãi không rời, Như nâng niu hoa quý. Bồ-tát lúc đản sanh, mắt không hề nháy động, giống mắt trời Đao-lợi. Do mắt không nháy động nên Ngài có hiệu Tỳ-bà-thi, do vậy nên có kệ rằng: Mắt Ngài không nháy động, Như Đao-lợi chư thiên, Nhìn sắc mà chánh quán, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. LÚC Bô-tát ra đời, tiêng nói trong trẻo, êm diu, hòa nhã như tiêng chim Ca- lăng-tân-già, do vậy nên có kệ răng:

Chim núi Tuyết hút mật, Hót tiếng trong, ngân vang, Tiêng Đạo sư thê gian, Cũng trong, ngân như thê. Lại nữa, lúc Bồ-tát mới được sanh ra, mắt Ngài có thể nhìn thấy xa cả một y y do-tuân, do vậy nên có kệ răng: Mắt Bồ-tát nhìn thấy, Xa khắp một do-tuần, Quả thanh tinh tròn dầy, Mới được quang minh ấy. Lúc tuổi vừa mới lớn, Bồ-tát ở tại Thiên Chánh đường và dùng đạo khai hóa, ban ân đến thứ dân, danh đức được vang xa, do vậy nên có kệ rằng: Thơ âu, tại điện đường, Đem đạo dạy bôn phương, Quyết đoán việc Thánh thượng, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. Trí thanh tịnh cao rộng, Như biển lớn thẳm sâu, Khiên người hoan hỷ nhau, Nên trí tuệ tăng trưởng. Một hôm, Bồ-tát muốn ra ngoài ngắm cảnh, liền bảo quân hầu sửa soạn xe báu để đến hoa viên.51 Sau khi chuẩn bi xong, quân hầu thưa với thái tử: "Nay thật đúng lúc!y Thái tử liền ngồi len xe báu du hành đến hoa viên. Giữa đường, Ngài trông thấy một người già, đầu bạc, răng rụng, mặt nhăn, limg còng, run rẩy chống gậy, vừa đi vừa thở mệt nhọc. Thái tử quay lại hỏi quân hầu: —Đây là người gì? Đáp: Đó là người già. Thái tử lại hỏi: —Thế nào là già? Thưa: Người già thì tuổi thọ sắp hết, mạng sống tồn tại chẳng được bao lâu nữa nên gọi là già! Ta đây rồi cũng như thế, không tránh được nạn này chăng? Thưa vâng! Lớn lên thì phải già đi, ai cũng như ai, bất kể sang hèn. Nghe xong, thái tử cảm thấy không vui, liền bảo quân hầu đánh xe quay về cung roi ngôi lặng lẽ suy tư vê nôi khô già mà chính Ngài roi cũng sẽ chịu như thế. Nhân đó, Phật nói kệ ràng: Nhìn mạng già sắp chết, Chống gậy run rẩy đi, Bồ-tát tự thầm nghi, Ta chưa thoát nạn này. [0006b09] Bấy giờ, vua cha hỏi quân hầu: Thái tử ra ngoài dạo chơi có vui không? Quân hầu đáp: Thưa ngài, thái tử không vui.

51 Nguyên tác: Viên lâm Uyyānabhumi.

Vì sao vậy? Thưa, vì trên đường đi thái tử thây một người già nên không vui. Nghe vậy, vua cha thầm nghĩ: "Ngày trước, các thầy tướng tiên đoán thái tử sẽ xuất gia, nay không được vui, han đúng như vậy sao? Ta phải tìm mọi cách giữ thái tử lại thâm cung, cho thụ hưởng năm thứ dục lạc, làm thỏa lòng thái tử để khỏi xuất gia nữa.,, Nghĩ xong, nhà vua liền hạ lệnh trang hoàng cung điện, tuyển chọn mỹ nữ mong làm hài lòng thái

tử. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Vua cha nghe nói vậy, Cho trang trí hoàng cung, Bày thêm năm thứ dục, Muốn Ngài không xuất gia. Một thời gian sau, thái tử bảo quân hầu đánh xe ra ngoài dạo chơi. Giữa đường, N^ài thấy một người thân gầy? bụng trướng, mặt mày đen sạm, nằm trên chỗ dơ uế khiến không ai dám nhìn, người ấy bệnh tình trầm trọng, không thể mở miệng nói. Thấy vậy, thái tử quay lại hỏi quân hầu: Đây là người gì? Đáp: -Thưa Ngài, đây là người bệnh. Bệnh là thế nào? Thưa, là chịu nhiều đau đớn bức bách, không biết chết lúc nào nên gọi là bệnh! Thái tử lại hỏi: - Ta cũng sẽ giống như thế, không thoát được ư? Thưa phải, có sanh thì có bệnh, bất kể sang hèn.

Thê là thái tử cảm thây không vui, liên bảo quân hâu đánh xe hôi cung, ngôi lặng lẽ suy tư về nỗi khổ bệnh tật mà chính Ngài rồi cũng sẽ chiu như thế. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Thấy người bệnh nặng kia, Dung nhan đã tiều tụy, Ngài trầm ngâm suy nghĩ, Ta chưa thoát nạn này. Bấy giờ, vua cha lại hỏi quân hầu: Thái tử ra ngoài dạo chơi có vui không? Quân hầu đáp: Thưa, không vui. Vì sao vậy? Thưa, vì giữa đường gặp một người bệnh nên thái tử không vui. Nghe vậy, vua cha thầm nghĩ: “Ngày trước, các thầy tướng tiên đoán thái tử sẽ xuất gia, nay không được vui, hẳn đúng như vậy sao? Ta nay phải tăng thêm kỹ nhạc để làm đẹp lòng, khiến thái tử không xuất gia." Thế rồi, nhà vua hạ lệnh trang hoàng cung cấm, tuyển chọn mỹ nữ để làm đẹp lòng thái tử. Nhân đó, Phật nói kệ rằng:

l.KINH ĐẠI BỔN e 505

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Kỳ diệu, đáng ham ưa, Bô-tát phước vôn thừa, Được hoan ca thụ hưởng. [0006c09] Lại một lần khác, thái tử bảo quân hầu trang hoàng xa giá xuất thành dạo chơi. Giữa đường, Ngài gặp một người chét, phía trước cờ phướn đủ màu dẫn đường, phía sau dòng họ thân quyến than khóc tiễn đưa ra ngoài thành. Thấy vậy, thái tử hỏi: Đây là người gì? Quân hầu đáp: Đây là người chết. Chết là thế nào? Chết là hết, tắt thở trước, lạnh người sau, các căn tan hoại, kẻ còn người mất đôi đường, gia đình ly biệt, gọi đó là chết! Thái tử lại hỏi: - Ta cũng sẽ như thế, không thoát được ư? Quân hầu đáp: Thưa, có sanh ắt sẽ có chết, bất luận người sang kẻ hèn.

Nghe vậy, thái tử cảm thấy không vui, liền bảo quân hầu quay xe hồi cung rồi ngồi lặng lẽ suy tư về nỗi khổ của sự chết mà chính mình cũng sẽ như thế. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Vừa trông thấy người chết, Biết họ còn tái sanh, Ngài thầm lặng nghĩ mình, vẫn chưa thoát khổ ấy. Bấy giờ, vua cha lại hỏi quân hầu: —Lần này thái tử dạo chơi có vui không? -Thưa, không vui. Vì sao vậy? Thưa, vì giữa đường gặp một người chét nên thái tử không vui. Nghe vậy, vua cha thầm nghĩ: “Ngày trước, các thầy tướng tiên đoán thái tử sẽ xuất gia, nay không được vui, hẳn đúng như vậy sao? Ta phải tìm cách bày thêm trò vui, tăng thêm kỹ nhạc để làm đẹp lòng, khiến thái tử không xuất gia." Thế rồi, nhà vua hạ lệnh trang hoàng cung cấm, tuyển chọn mỹ nữ để làm đẹp lòng thái tử. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Tuổi thơ đã nổi tiếng, Thể nữ vây quanh mình, Vui năm dục mặc tinh, Như Đế-thích hưởng dục. [0007a01] Lại một lần khác, thái tử bảo quân hầu sửa soạn xa giá ra ngoài dạo chơi. Giữa đường, thấy một Sa-môn đắp y ôm bát, bước đi trang nghiêm, Ngài bèn hỏi quân hầu: Đó là người gì?

ĐÓ là một vị Sa-môn. Sao gọi là Sa-môn? Là người xa lìa ân ái, xuất gia tu đạo, chế ngự các căn, không nhiễm dục lạc, từ bi với tất cả, không làm tổn hại ai, gặp khổ không buồn lo, thấy vui không mừng rỡ, nhẫn nại như mặt đất nên gọi Sa-môn. -Lành thay! Đó là đạo chân chánh, dứt hẳn trần lụy, chỉ lấy sự thanh tịnh vi diệu làm vui. Ngài liền sai quân hàu đánh xe lại gần rồi hỏi Sa-môn: Cạo bỏ râu tóc, đăp y ôm bát như thê, ông muôn câu điêu gì? Sa-môn đáp: Phàm người xuất gia, chỉ muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không nhiễu hại ai, giữ lòng rỗng lặng, chuyên tâm tu đạo. Thái tử khen: -Lành thay! Đạo này rất chân chánh. Ngài liền bảo quân hầu: Hãy đem y phục, trang sức và xe báu của ta vê trao lại cho phụ vương, còn ta ở đây cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Tại sao thế? Vì ta muốn điều phục tâm ý? xả ly trần cấu, giữ mình thanh tinh để cầu chánh đạo. Thê là, quân hâu liên đem xa giá và y phục của thái tử vê tâu lại với vua cha. Sau đó, thái tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nhân thấy người già, người bệnh, thái tử liền biết cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết nên lòng tham luyến thế gian tiêu tan và khi nhìn thấy vi Sa-môn thì tâm ý bỗng rỗng rang giác ngộ. Khi thái tử bước xuống xe báu, mỗi bước chân Ngài đi là mỗi bước rời xa bao trói buộc, đó quả là chân thật xuất gia, chân thật xa lia." Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe tin thái tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo, họ nói với nhau răng: "Đạo này ăt chân chánh mới có thê làm cho thái tử từ bỏ vương vi vinh hoa và mọi sự trọng vọng như vay." The là, có đen tám mươi bốn ngàn người trong nước đến với thái tử, xin làm đệ tử, xuất gia tu đạo. Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Tìm được pháp thâm diệu, Người nghe, theo xuất gia, Ngục ân ái lìa xa, Dứt mọi sự trói buộc. Thái tử liền thâu nhận họ, cho họ đi theo, giáo hóa khắp nơi, từ thôn này đến thôn khác, từ nước này sang nước kia, nơi nào Ngài đặt chân đến cũng được nhiều người cung kính cúng dường bốn thứ cần dùng. Bồ-tát nghĩ: “Ta cùng đại chúng du hành qua nhiều nước, chốn nhân gian ôn ào, chăng thích hợp với Ta. Đên khi nào Ta mới xa lìa hội chúng này, ở nơi thanh văng đê tìm câu chánh đạo, được thỏa chí nguyện, đên chô thanh văng

chuyên tinh tu dạo?" Ngài lại nghĩ: "Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong tăm tôi, mang lâyr tâm thân nguy khôn, đủ các r thứ khô não, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chét. Họ chét đây sanh kia, chét kia sanh đây, cứ duyên theo khổ ấm này mà trôi nổi, không bao giờ cùng. Biết đến khi nào Ta mới thấu rõ khổ ấm và chấm dứt sanh, già, bệnh, chết?” [0007007] Rồi Ngài lại nghĩ: "Sanh tử từ đâu, do đâu mà c6?" Thầm hỏi như thê roi, Ngài liên dùng trí tuệ quán sát nguyên do và thây răng: Do sanh mà có già chết, sanh là duyên của già chết; sanh từ hữu khởi, hữu là duyên của sanh; hữu từ thủ khởi, thủ là duyên của hữu; thủ từ ái khởi, ái là duyên của thủ; ái từ thọ khởi, thọ là duyên của ái; thọ từ xúc khởi, xúc là duyên của thọ; xúc từ lục nhập khởi, lục nhập là duyên của xúc; lục nhập từ danh sắc khởi, danh sắc là duyên của lục nhập; danh sắc từ thức khởi, thức là duyên của danh sắc; thức từ hành khởi, hành là duyên của thức; hành do vô minh mà khởi, vô minh là duyên của hành. Như vậy là, do duyên vô minh

mà có hành, do duyên hành có thức, do duyên thức có danh sắc, do duyên danh sắc có lục nhập, do duyên lục nhập có xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có thủ, do duyên thủ có hữu, do duyên hữu có sanh, do duyên sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Ám thân đầy dẫy khổ não này do duyên sanh mà c6, chính đó là sự tập khởi của khổ. Lúc Bồ-tát tư duy đến khổ tập52 liền phát sanh trí, phát sanh nhãn, phát sanh giác, phát sanh minh, phát sanh thông, phát sanh tuệ, phát sanh chứng ngộ. Rồi Bồ"tát lại tự nghĩ: "Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì đoạn diệt thì già chết đoạn diet?" Ngài dùng trí tuệ quán sát nguyên nhân và thấy rằng: Do sanh không nên già chết không, do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không nên sanh không, do hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không nên hữu không, do thủ diệt nên hữu diệt; do ái không nên thủ không, do ái diệt nên thủ diệt; do thọ không nên ái không, do thọ diệt nên ái diệt; do xúc không nên thọ không, do xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không nên xúc không, do lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không nên lục nhập không, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không nên danh sắc không, do thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không nên thức không, do hành diệt nên thức diệt; do vô minh không nên hành không, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy, vì vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, lo, buồn, khổ, não diệt. Lúc Bồ-tát tư duy đến Khổ diệt liền phát sanh trí, phát sanh nhãn, phát sanh giác, phát sanh minh, phát sanh thông, phát sanh tuệ, phát sanh chứng ngộ. Bấy

52 Nguyên tác: Khổ tập ấm .

giờ, Bồ-tát lại quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch. Sau khi đã biết như thật, thấy như thật rồi, chính ngay lúc đó Ngài chứng thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.53 Khi ây, Phật nói kệ răng: Lời này dạy giữa chúng, Các ông khéo lắng nghe, Xưa Bồ-tát suy ngẫm, Pháp chưa từng được nghe. Già, chết do duyên gi, Do nhân gì mà có? Suy ngẫm, thấy như thật, Biết già, chết do sanh. Sanh vốn do duyên gì, Do nhân gì mà có? Tư duy như vậy roi, Biết sanh do hữu khởi. Chấp thủ, chấp thủ mãi, Hữu từ đó chất đầy, Cho nên, Như Lai dạy, Thủ là duyên của hữu. Như đống đồ bẩn nhơ, Gió thổi, mùi hôi bay, Cũng vậy, nhân của thủ, Do ái mà rộng dài. Ái do thọ mà sanh, Khởi gốc khổ buộc ràng, Do nhân duyên nhiễm trước, Khổ, lạc cùng tương ưng. Thọ vốn do duyên gì, Nhân gì mà có thọ? Tư duy như thế rồi, Biết thọ do xúc sanh. Xúc vốn do duyên gì, Nhân gì mà có xúc? Suy ngẫm và thấy ra, Xúc do lục nhập khởi. Lục nhập vốn duyên gì, Nhân gì có lục nhập? Suy ngẫm và thấy ra, Lục nhập, danh sắc khởi. Danh sắc vốn duyên gi, Nhân gì có danh sắc? Suy nghĩ như thế rồi, Danh sắc từ thức khởi. Thức vốn do duyên gì, Nhân gì mà có thức? Suy nghĩ như thế rồi, Biết thức từ hành khởi. Hành vốn do duyên gi, Nhân gì mà có hành? ' r Suy ngâm và thây ra, Hành do vô minh khởi. Nhân duyên như vậy đó, Mới đúng nghĩa nhân duyên, Băng phương tiện trí tuệ, Thay được gốc nhân duyên. Khổ không do Thánh tạo, Hết thảy có

nguyên do, Khổ đổi thay, giày vò, Kẻ trí phải đoạn dứt. Nếu vô minh dứt sạch, Lúc đó không có hành, Nếu đã không có hành, Thì cũng không có thức. Nếu thức diệt vĩnh viễn, Thì danh sắc không còn, Danh sắc đã dứt rồi, Thì không có lục nhập. Nếu lục nhập diệt hẳn, Thì xúc cũng không còn,

53 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bo-de^ ,Anuttarā sammāsambuddha. Đôi lúc được dịch âm như A-nậu-bồ-đề ,A-nậu-tam-bô-đề .Thuật ngữ này, bản Hán cũngdjch nghĩa là: Vô thượng Chánhbiến tri 1, V6 thượng Chánh đẳng Chánh giác ,Vô thượng Bồ-đê ...chỉ cho sự giác ngộ viên mãn.

Nêu xúc đã tận trừ, Thì thọ cũng không có. Nếu thọ đã dừng rồi, Thì cũng không có ái, Nếu ái đã dứt rồi, Thì cũng không có thủ. Nếu thủ vĩnh viễn trừ, Thì cũng không còn hữu, Nấu hữu vĩnh viễn diệt, Thì cũng không có sanh. Nếu sanh vĩnh viễn diệt, Già, bệnh, khổ không còn, Hết thảy đều tận trừ, Đó là người trí nói. Mười hai duyên sâu xa, Khó thấy, khó hiểu biết, Chỉ Phật mới thấu rõ, Nhân gì có, gì không. Nếu thường tự quán sát, Thời không còn các nhập, Người thấu triệt nhân duyên, Không cầu thầy bên ngoài. Đối với ấm, giới, nhập, Ly dục, không nhiễm trước, Bậc kham mọi cúng dường, Xứng báo ân thí chủ. Nếu được bốn biện tài,5455 Thành tựu quyết đinh chứng/ Giải trừ mọi buộc ràng, Đoạn ấm, không phóng dật. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Giống như xe cũ mục, Thấy suốt được như đây, Thành bậc Chánh Đẳng Giác. Chim liệng giữa trời mây, Dọc ngang tùy hướng gió, Bồ-tát đoạn kiết sử, Như trước gió áo bay. Nơi trú xứ tịch tinh, Tỳ-bà-thi quán pháp, Già chết duyên gì có, Do đâu mà chẳng còn? Ngài quán như vậy rồi, Sanh trí tuệ thanh tịnh, Biết già chết do sanh, Sanh diệt, già chết diệt. [0008b07] Này các Tỳ-kheo! Lúc Phật Tỳ-bà-thi mới thành đạo, Ngài tu hai pháp quán, đó là quán an ổn và quán xuất ly. Nhân đó, Phật nói kệ rằng: Như Lai, bậc Tối Thượng, Thường tu hai pháp quán, An ổn và xuất ly, Đại Tiên sang bờ giác. Tâm Ngài được an nhiên, Diệt trừ các kiết sử, Lên núi nhìn bốn hướng, Nên hiệu Tỳ-bà-thi. Ánh sáng trí xua tối, Rõ như tự soi gương, Diệt ưu não đời thường, Hết khổ, sanh, già, chết. ở nơi nhàn tịnh; đức Phật Tỳ-bà-thi lại nghĩ: "Ta nay đã chứng được pháp vô thượng nhiệm mầu sâu xa, khó hiểu khó thấy, . tịch tĩnh thanh tinh, , người trí mới biết, chẳng phải điều mà kẻ phàm phu ngu tối có thể hiểu được. Do chúng

54 Tài năng giảng thuyết pháp nghĩa, phân làm 4 loại: Pháp biện,nghĩa biện ,từ biện và ứng biền íèW. 55 Nguyên tác: Quyết định chứng ,đồng nghĩa với uQuyết định thuyết".Một khi đã có được 4 biện tài thì cũng thành tựu khả năng thuyêt pháp chác thật. Theo Thế gian kỉnh ro l. 0026.137. 0645b12: Đức Như Lai, kể từ đêm thành đạo Vô thượng Chánh giác cho đến đêm nhập Vô dự Niết-bàn, trong ídioảng trung gian đó, những gì được nói chính từ miệng Như Lai, những gì được đối đáp bởi chính Như Lai, tất cả những điều ấy đêu chắc thật, không trống rông, đúng như thật, không điên đảo.

sanh có sự tín nhận khác nhau, thấy biết khác nhau, chấp thủ khác nhau, tu học khác nhau;56 theo sự khác nhau đó nên mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo sở thích của mình, cho nên đối với lý nhân duyên sâu xa này họ không thể nào hiểu được, huống gì cảnh giới Niết-bàn dứt sạch tham ái lại càng khó hiểu gấp bội đoi với họ! Nêu Ta giảng nói, họ ắt không hiểu, lại sanh tâm chê bai." Suy nghĩ như thế rồi, Ngài ngồi im lặng, không muốn thuyết pháp. Lúc ấy, biết được tâm niệm của đức Phật Tỳ-bà-thi, Phạm thiên vương liền nghĩ: “Nay thế gian này sẽ bị sụp đổ, thật đáng thương xót. Vì sao? Vì đức Phật Tỳ-bà-thi mới chứng ngộ pháp sâu xa như thế mà không muốn giảng thuyết.^, Thế rồi, trong khoảnh khắc bang thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương từ cõi trời bỗng nhiên hiện xuốn^ trước Phật, cung kính đảnh lễ, đứng sang một bên, quỳ gối phải chấm đất, chắp tay bạch Phật: -Ngưỡng mong Thê Tôn thuận thời thuyêt pháp, chúng sanh hiện nay nghiệp chướng đã mỏng, các căn bén nhạy, có lòng cung kính, dễ dàng khai hóa, họ đã sợ những tội lỗi không ai cứu nổi trong tương lai, biết diệt trừ điều ác, sanh khởi điều lành. [0008c01] Phật bảo Phạm vương: Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói nhưng Ta ở nơi thanh vắng, thầm lặng suy nghĩ: "Chánh pháp Ta vừa chứng được thậm thâm vi diệu, nếu đem nói cho chúng sanh, ắt họ không hiểu, lại còn sanh tâm chê bai nên Ta im lặng, không muốn thuyết pháp. Hơn nữa, từ vô số a-tăng-kỳ kiếp Ta siêng năng khổ nhọc, tu hạnh cao xa, nay mới chứng được pháp khó chứng này. Nếu vì những chúng sanh đầy tham, sân, si57 mà thuyết pháp, ắt họ không chấp nhận thì quả thật phí công vô ích. Pháp này vi diệu, trái ngược pháp the gian, chúng sanh bi dục nhiễm, bị vô minh che lấp, nên không thể nào tin hiểu duve." Này Phạm vương! Ta thây như vậy, cho nên im lặng, không muôn thuyêt pháp. 1 B 19 -l *1 X Ấ Ầ 1 • X J. l LÚC ây, Phạm thiên vương lại thưa thỉnh lân nữa, ân cân tha thiêt đên lân thứ ba: Bạch Thế Tôn! Nếu Ngài không thuyết pháp thì thế gian này sớm sẽ sụp đổ, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn thuận thời giảng pháp, đừng để chúng sanh đọa lạc đường kho. Nghe Phạm vương ba lần cầu thỉnh tha thiết như thế, Phật Tỳ-bà-thi liền dùng Phật nhãn xem xét thế gian, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày, có mỏng; căn tánh của chúng sanh có nhanh, có chậm; có người dễ giáo hóa, có kẻ khó chỉ bày. Hạng người dễ thọ giáo thì biết sợ tội lỗi về sau, nên siêng năng diệt điều ác, phát sanh điều lành. Ví như hoa sen xanh, sen đỏ5 sen vàng, sen

56 Nguyên tác: Dị nhẫnT dị kiến, dị thọ, dị học (,,).Dị nhẫn: Niềm tin khác (aññakhantikena). Dị kiến: Kiến giải khác (aññaditthikena)^} thọ: Thủ chấp khác {aññarucikena). Dị học: Sự tu học (aññatrāyogena). Bố-tra-bà-iấu kinh (roi. 0001.17. 0110c28) ghi: (dị kiến, dị tập, dị nhẫn, dị thọ, y di pháp). 57
Nguyên tác: Dâm ()n()si ().

trắng, có loại ra khỏi bùn nhưng chưa lên đến mặt nước, có loại đã ra khỏi bùn lên ngang mặt nước, hoặc có loại đã vươn khỏi mặt nước nhưng chưa nở, song chúng đều không bị dính bùn nhơ và sẽ dễ dàng nở ra. Chúng sanh ở the gian này cũng lại như thế. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phạm vương rằng: Ta thương các ông nên nay sẽ mở

bày pháp môn cam lộ,58 là pháp nhiệm mầu khó hiểu khó biết. Ta vì hạng người tin thọ, thích nghe mà nói, chứ không phải vì những kẻ chê bai vô ích. Phạm vương biết Phật đã nhận lời câu thỉnh nên phân khởi vô cùng, nhiêu quanh Phật ba vòng, cung kính đảnh lễ sát chân Phật rồi bỗng nhiên ẩn mất. Phạm vương đi chưa bao lâu, Thế Tôn lại im lặng suy nghĩ: "Trước tiên Ta sẽ thuyết pháp cho ai? Ta hãy vào trong thành Bàn-đâu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho Vương tử Đề-xá và con đại thần là Khiên-trà.,, Thế rồi, bằng thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi Đạo thọ,59 đến thành Bàn-đầu, vào trong vườn Lộc Dã của Vua Bàn-đầu, rồi trải tọa cụ ngồi. Nhân đó? Phật nói kệ rằng: Như sư tử trong rừng, Tự thong dong đi lại, Bậc Thiện Thệ Như Lai, Đen đi không chướng ngại. [0009a02] Bấy giờ9 đức Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: "ông hãy vào thành tâu với Vương tử Đê-xá và con đại thân là Khiên-trà răng: Các vị có biết gì chưa? Đức Phật Tỳ-bà-thi đang ở trong vườn Lộc Dã, muốn gặp hai vị ngay lúc này.,, Người giữ vườn vâng lời, tìm đen hai vị ấy roi thuật lại những lời Phật dạy như trên. Nghe xong, họ liền đến chỗ Phật, cung kính cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Thế rồi, Phật lần lượt thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.60 Ngài giảnẹ về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ tham dục là bất tinh, lậu hoặc là tai họa, đông thời tán thán hạnh xuât ly là thanh tinh vi diệu bậc nhất cho họ nghe. Khi ấy, đức Thế Tôn nhận thấy hai người này tâm ý thuần thục, hoan hỷ tin nhận, có the lãnh thọ Chánh pháp nên Ngài liền dạy về khổ Thánh dế, chỉ bày cặn kẽ và giải thích rõ ràng về khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế.61 Lúc đó, Đề-xá và Khiên-trà vừa nghe xong liền được xa lìa phiền não, được pháp nhãn thanh tịnh, giống như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu.

58 Cam lộ pháp môn 8ÍẾ , Amatadvãrà'. Cánh cửa dẫn vào bất tử. 59 Đạo thọ còn gọi là Giác thọ ,Bồ-đề thọ ,chỉ cho loài cây lúc Bồ-tát thiền định và thành tựu quả vị Phật. Mỗi vị Phật ngồi dưới mỗi loài cây khác nhau nhưng đều được gọi là Đạo thọ. 60 Nguyên tác: Thi, giáo, lợi, llý .Trung Ả-hàm ghi là khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ,.Tạp A-hàm ghi là thị, giáo, chiêu, hỷ2^, Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ này là thị hiện, giáo đạo, tán lệ, Idianh .Ngài Nghĩa Tịnh dịch là khai thị, khuyến đạo, tán lệ, khánh hỷ ,.Nghĩa là mở bày sandassetĩ, dạy bảo samddcỉpeti, khích lệ ,samuttejetī, khiên cho hoan hỷ , sampahamsetī. 61 Tức khổ đạo Thánh đế.

Bấy giờ? địa thần bỗng cất tiếng ngợi khen: "Đức Phật Tỳ-bà-thi tại vườn Lộc Dã trong thành Bàn-đầu đã chuyển pháp luân vô thượng. Sa-môn9 Bà-la- môn, chư thiên, Ma, Phạm và nhiều người khác không thể chuyển được như thế.” Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ Thiên Vương, rồi đến cõi Tha Hóa Tự Tại và trong khoảnh khắc liền lên đến cõi Phạm thiên. Khi ẩy, Phật nói kệ: Tâm hoan hỷ thâm sâu, Ngợi khen đức Thiện The, Tỵ-bà-thi thành Phật, Chuyển đại pháp nhiệm mầu. Bắt đầu từ Đạo thọ, Đi đến thành Bàn-đầu? Vì Khiên-trà, Đề-xá, Bốn Thánh đế truyền trao. Khiên-trà và Bềxá, Được Phật giáo hóa xong, r ở trong pháp thanh tinh, Đác Phạm hạnh tôi cao. Thiên chúng trời Bao-lọd, Cho đến Thiển Đế-thích, Vui mừng truyền tin nhau, Chư

thiên đều nghe được. Phật thi hiện ở đời, Chuyển pháp luân vô thượng, Thiên chúng ngày một nhiều, A-tu-luân giảm thiểu. Đức Thế Tôn vang danh, Trí sáng lìa kiến chấp, Với các pháp thong dong, Vận trí chuyển đại pháp. Quán sát pháp bình đẳng, Tâm dứt sạch não phiền, Đe lìa ách sanh tử, Vận trí chuyển đại pháp. Diệt khổ, lìa pháp ác, Ly dục, được thong dong, Xa lìa ngục ái ân, Vận trí chuyển đại pháp. Bậc Chánh Giác cõi người, Điều Ngự, Lưỡng Túc Tôn, Giải thoát mọi ràng buộc, Vận trí chuyển đại pháp. Đạo sư khéo giáo hóa, Chế phục được oán ma, Mọi điều ác lìa xa, Vận trí chuyển đại pháp. Sức vô lậu dẹp ma, Các căn định, tinh tấn, Sạch lậu, lìa lưới tà, Vận trí chuyển đại pháp. Nếu học pháp quyết định, Biết các pháp rỗng rang, Pháp chẳng thể sánh ngang, Vận trí chuyển đại pháp. Không vì cầu lợi dưỡng, Cũng không màng hư danh, Chỉ vì thương chúng sanh, Vận trí chuyển đại pháp. Thấy chúng sanh khổ ách, Già, bệnh, chết bủa vây, Vì ba đường ác này, Vận trí chuyển đại pháp. Tham, sân, si đoạn tuyệt, Tát cạn nguôn ái ân, Bất động, thoát não phiền, Vận trí chuyển đại pháp. Thăng được việc khó thăng, Tự điều phục chính ta, Ma khó lòng vượt qua, Vận trí chuyển đại pháp. Pháp luân vô thượng này, Chỉ Phật mới chuyển được, Chư thiên, Ma, Thích, Phạm, Không ai có thể làm. Thân gần rồi thuyết giảng, Lợi ích chúng trời, người, Đạo sư của thê gian, Đã qua bên bờ giác.

l.KINHĐẠI BỔN^ 513

[0009b26] Lúc ấy, Vương tử Đà-xá và con đại thần là Khiên-trà đã thấy pháp đắc quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy9 liền bạch Phật Tỳ-bà-thi: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tinh tu Phạm hạnh.

Phật dạy: Hãy đến đây, Tỳ"kheo! Pháp Ta thanh tịnh, tự tại, hãy tu hành để được giải thoát. Ngay lúc ấy, hai vị liền thành tựu giới Cụ túc. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba điều để giáo hóa: Một là thần thông, hai là quán xét tâm họ? ba là răn dạy, khiên họ liên chứng đăc Tâm vô lậu giải thoát, được trí sanh tử vô nghi.62 [0009c03] Bây giờ, trong thành Bàn-đâu nhiêu người nghe hai vị âyỉ xuất gia học đạo, đáp y ôm bát, tịnh tu Phạm hạnh, họ nói với nhau răng: "Đạo này ăt chân chánh mới khiến hai vị ấy từ bỏ vinh hoa cõi đời và mọi sự trọng vọng như V0' Thế là, có đến tám mươi bốn ngàn người vào vườn Lộc Dã, đến chỗ đức Phật, cung kính đảnh lễ, ngồi sang một bên. Đức Phật lần lượt thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ,63 giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ tham dục là bất tịnh, lậu hoặc là tai họa, đồng thời tán thán hạnh xuất ly là thanh tịnh vi diệu bậc nhất cho họ nghe. Sau đó, đức Thế Tôn nhận thấy tâm ý họ thuân thục, hoan hỷ tin nhận, có thê lãnh thọ Chánh pháp nên Ngài liên dạy về khổ Thánh đế, chỉ bày cặn kẽ và giải thích rõ ràng ve khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Lúc đó, ngay trong pháp hội, tám mươi bốn ngàn người ấy liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, giống như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu, họ thấy pháp đắc quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy. Rồi họ bạch Phật: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu Phạm hạnh.

Phật dạy: Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp Ta thanh tinh, tự tại, hãy tu hành để được giải thoát. Ngay lúc ấy, tám mươi bốn ngàn người liền thành tựu giới Cụ túc. Họ đắc giới

chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba điều để giáo hóa: Một là thần thông, hai là quán xét tâm họ, ba là răn dạy, khiên họ liên đăc vô lậu tâm giải thoát, phát sanh trí vô nghi. Lúc đó, nghe Phật ở tại vườn Lộc Dã chuyển pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn? chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và nhiều người trên đời này không thể chuyển được, lại có tám mươi bốn ngàn người khác liền đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi trong thành Bàn-đầu? cung kính đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Phật nói kệ:

62 Nguyên tác: Sanh tử vô nghi trí :Trí thấy rõ sanh tử không còn nghi ngại. 63 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60 ở trên, tr. 511.

Như cứu lửa cháy đầu, Mau mau cầu tịch diệt, Các ông cần phải biêt, Mau tìm đên Như Lai. Thế rồi, đức Phật cũng thuyết pháp giáo hóa cho họ như trên. LÚC ây5 tại thành Bàn-đâu, trước mặt hội chúng Tỳ-kheo gôm một trăm sáu mươi tám ngàn người, hai Tỳ-kheo Đe-xá và Khiên-trà bay lên hư không, thân tuôn nước, lửa, hiện các thần thông rồi vì đại chúng thuyết pháp vi diệu. Bấy giờ, đức Phật tự nghĩ: “Nay tại thành này có đến một trăm sáu mươi tám ngàn vi Tỳ-kheo, Ta nên sai các thầy du hóa, mỗi nhóm hai vị đi đến khắp nơi, đúng sáu năm sau trở về thành này thuyết giới Cụ túc." [0010a03] Lúc đó, trời Thủ-đà-hội64 biết được tâm của Phật, trong khoảnh khắc bằng thời gian lực sĩ duỗi cánh tay, từ cõi trời Thủ-đà-hội bỗng hiện đến trước Như Lai, cúi lạy chân Phật, đứng sang một bên rồi thưa rằng: "Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Trong thành Bàn-đầu này có rất nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp nơi, đúng sáu năm trở về thuyết giới Cụ túc, con sẽ ủng hộ quý thầy, không để ai quấy phá." Nghe vị trời ấy nói vậy, đức Phật im lặng hứa khả. Biết Như Lai đã chấp thuận, vị trời ấy bèn đảnh lễ sát chân Phật rồi ẩn mất, trở về cung trời của mình. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nay trong thành này chúng Tỳ-kheo rất đông nên phân bố du hóa khắp nơi, cứ đúng sáu năm sau vân tập về đây thuyết gi&i." Nghe xong, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đắp y ôm bát, chắp tay lễ Phật rồi ra đi. Khi ấy, Phật nói kệ: Thánh chúng tâm không loạn, Không dục, chăng luyên lưu, Uy tựa chim cánh vàng,65 Như hạc bỏ ao hoang. Một năm sau, trời Thủ-đà-hội nhắc các Tỳ-kheo: "Quý thầy du hóa đã được một năm, còn năm năm nữa, phải nhớ đúng sáu năm hãy trở về thành thuyết gi&i." Đúng sáu năm sau, vị trời ây lại nhác: "Sáu năm đã hêt? các thây hãy quay về thuyết gi&i” Nghe trời Thủ-đà-hội nhắc xong, các Tỳ-kheo bèn thu xếp y bát trở về thành Bàn-đầu, đến chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi tại vườn Lộc Dã, cung kính đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Phật nói kệ: Như voi thuần dưỡng, Tùy ý đến di, Đại chúng luôn nghĩ, Vâng lời quay về. Bấy giờ, ở trước đại chúng, đức Như Lai bay lên hư không, ngồi thế kiết-già, giảng nói giới kinh: Nhẫn nhục là bậc nhất, Phật dạy Niết-bàn cao, Xuất gia hại người khác, Không xứng danh Sa-môn.

64 Thủ-đà-hội tức Thủ-đà-sa-bà Suddhāvāsā, Tịnh Cư thiên,,trú xứ của các Thánh giả Bất hoàn ,Anāgāmī. 65 Nguyên tác: Kim Si điểu GaruḶa.

Khi đó, trời Thủ-đà-hội đứng cách Phật không xa, liền dùng kệ tán thán: Như Lai đại trí, Vi diệu tối tôn, Chỉ, quán đầy đủ, Thành Tối Chánh Giác. Vì thương quần sanh, Thành đạo nơi đời, Đem bốn chân đế, Dạy hàng Thanh văn. Khổ và nhân khổ, Chân lý diệt khổ, M M Bát đạo Thánh hiền, Đưa đến an ôn. Phật Tỳ-bà-thi, Xuất hiện nơi đời, ở giữa đại chúng, Như ánh mặt trời. [0010b08] Nói xong bài kệ, vị trời bỗng nhiên ẩn mất. Bấy giờ, đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ trước kia, khi ở tại núi Kỳ-xà quật6667 thuộc thành La-duyệt, một hôm Ta khởi niệm suy nghi: "Chỗ Ta sanh ra, đâu đâu cũng có, chỉ trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Nếu sanh ve cõi ấy thì không trở lại nơi day.^ Này các Tỳ-kheo! Lúc đó, Ta lại nghĩ: "Ta muốn đến cõi trời V6 Tạp.”67 Thế là, trong khoảnh khắc bằng thời gian tránệ sĩ co duỗi cánh tay, Ta liền ẩn ở đây mà hiện ở kia. Lúc đó, chư thiên thấy Ta đen, họ đều cúi đầu đảnh lễ, đứng sang một bên roi bạch rằng: "Chúng con đều là đệ tử của Phật Tỳ-bà-thi, nhờ Phật giáo hóa nên được sanh lên đẫyy Rồi chư thiên lại kể đầy đủ ngọn ngành nhân duyên của Phật Tỳ-bà- thi. Họ lại nói: "Các đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-bà, Phật Câu-lâu-tôn, Phật Câu-na-hàm và Phật Thích-ca Mâu-ni cũng đều là thầy của chúng con. Nhờ sự giáo hóa của các Ngài, chúng con mới được sanh về dây." Rồi họ cũng kể đầy đủ ngọn ngành nhân duyên của chư Phật. Cho đến chư thiên cõi ươi A-ca-ni- cũng kể với Ta như thế. trá6869 Khi ấy, Phật nói kệ rằng: Ví như lực sĩ, Co duỗi cánh tay, Ta dùng thần túc, Lên trời Vô Tạo. Đức Phật thứ b y,6 Hàng nội ngoại ma, Trời Vố Nhiệt70 thấy, Kính lễ cúi đầu. Như cây Trú Độ,71 Tiếng đồn Thích Tôn,

66 Kỳ-xà quật Gijjhakūta còn gọi núi Linh Thứu ,Y-sa-quāt ,Thứu Đầu ,Thứu Phong ,một tròng nhinig ngọn núi nằm về phìa Đông Bắc thành Vương Xá. Theo MA. I. 291, SA. n. 417; AA. I. 412;... do đinh của ngọn núi giong như mỏ của chim kền kên nên nhân đó mà được đặt tên. 67 Vô Tạo cũíng gọi là Vô Phiền ,Avihā, một ương năm cõi trời Tịnh Cư . 68 A-ca-ni-trá ,Akanittha còn gọi là Hữu Đảnh sắc Cứu Cánh ,Nhất Cứu Cánh . 69 Chỉ cho đức Phật Thích-ca. 70 Vô Nhiệt * Atappā. 71 Trú Độ úiọ ,Pāricchattaka, Pārijāta. Cây này sanh trưởng ương vườn Nan-đà Nandanavana, bên ngoài Thiến Pháp đường Sudhammāsalā, frên cõi trời Đao-lợi Tavatimsa; Tdng.7?02.0125.39.2. 0729b12 mô tả: uGoc cây to 50 do-tuần, cao 100 do-tuần, bóng cây che phủ 4 phíarộng 50 do-tuần.,,

Tướng hảo đầy đủ, Đen trời Thiện Kiến.72
Cũng như hoa sen, Không bi dính nước,
The Ton vo nhiêm, Đen Đại Thiện Kiến.73
Mặt trời mới mọc, Không chút bụi che,
Sáng như trăng thu, Đen Nhất Cứu Cánh.
Năm Tinh Cư này, Chúng sanh thanh tịnh,
Tâm tịnh nên đến, Nơi không não phiền.
Tâm tịnh nên được Làm đệ tử Phật,
Nhiễm, chấp xa lia, Ưa thích vô chấp.

Thấy pháp quyết định, Con Tỳ-bà-thi,
Tinh tâm mà đến, Với bạc Đại Tiên.
Đệ tử Thi-khí, Vô cấu, vô vi,
Tịnh tâm tìm về, Với bậc Lự Dục.
Đệ tử Tỳ-xá, Các căn đầy đủ,,
Tinh tâm đến ta, Như mặt trời chiếu.
Con Phật Cau-lâu5 Xa lìa tham dục,
Tịnh tâm đến ta, Diệu quang rực rỡ.
Con Phật Cau-na? Vô cấu, vô vi,
Tịnh tâm đến ta, Như trăng tròn sáng.
Đệ tử Ca-diếp? Các căn đầy đủ,
Tinh tâm đến ta, Như Bắc thiên niệm.74
Bất loạn Đại Tiên, Thần túc bậc nhất,
Bằng tâm kiên cố, Làm đệ tử Phật.
Tịnh tâm mà đên, Làm để tử Phạt,
Kính lễ Như Lai, Kể rõ Chí Tôn.
Nơi sanh, thành đạo, Danh tánh, chủng tộc,
Tri kiến pháp mầu, Thành đạo Vô thượng.
Tỳ-kheo nơi vang, Cau nhiễm lìa xa,
Tinh cần, không nhác, Kiết sử tận trừ.
r

QV?__ ____ L _ rrr| Ạ r-ry
Ấy là nhân duyên, Của các The Ton,
Thích-ca Như Lai, Đã vừa diễn thuyết.
5
Phật nói Kinh Đại nhân duyên này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành.75

72 Thiện Kiến Sudassā. 73 Đại Thiện Kiến ,Sudassin cũng gọi là Thiện Hiện
. 74 Nhự Bắc thiên niệm .Đây là một câu kinh khó lý giải, như sự ghi nhận
của chư Tôn đức có thẩm quyền về phiên dịch. Chúng tôi thử đề xuất ý của câu kinh này là: Như lòng kính Phật của Tỳ-sa-môn Thiên vươiig. Theo DÃ. 3, Điên Tôn kinh M,Tỳ-sa-môn Thiên vương , Vessavana ở phía Bắc? Vị trời này thống
lĩnh các loai dạ-xoa co năng lực. Theo DÃ. 30, Thế kỵ kinh “Tứ Thiển VuầạgphAm"l, trời Tỳ-sa-niôn thường co 5 vị quỷ thần lớn theo hau hai
bên. 75 Bản Hán, hết quyển 1.

2. KINH DU HÀNH1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại núi Kỳ-xà quật,2 thuộc thành La-duyệt.3 Bấy giờ, Vua A-xà-thế4 nước Ma-kiệt56muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ/ liền tự nghĩ: "Nước ây

tuy mạnh, dân chúng cường thịnh nhưng nêu ta đánh chiêm thì không phải quá kh6." Thế rồi, vua gọi đại thần Bà-la-môn Vũ-xá đến bảo: Khanh hãy đến núi Kỳ-xà quật, nhân danh ta đảnh lễ và vấn an đức Thế Tôn: “Sinh hoạt thường ngày có thảnh thơi không? Đi đứng có được nhẹ nhàng khong?99 Rồi khanh bạch Thế Tôn chuyện này: "Nước Bạt-kỳ cậy mình cường thinh, dân chúng giàu mạnh, không chịu quy phục ta, nên ta muốn chinh phạt, chẳng biết Thế Tôn có dạy điều gì chăng?^, Nấu Ngài có dạy điều gì, khanh hãy nhớ kỹ, đừng để thiếu sót, nghe như thế nào thì hãy trình lại với ta đúng như thế ấy. Lời Như Lai dạy, không hề hư vọng. Sau khi nhận lệnh vua, đại thần Vũ-xá liền len xe báu đến núi Kỳ-xà quật. Đen nơi, ông xuống xe đi bộ đến chỗ của đức Thế Tôn, vấn an Ngài xong, ngồi sang một bên rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Con thừa lệnh Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà đến đây cúi đầu đảnh lễ, trước tiên kính cẩn vấn an Ngài: "Thường ngày sinh hoạt thảnh thơi chăng? Đi đứng được nhẹ nhàng chng?" Tiếp đó xin thưa chuyện: "Nước

1 Nguyên tác: Du hành kinh roi. 0001.2. 0011a07. Tham chiếu: Phật Bắt-nê-hoàn kinh 0005. o 1600053lo kinh roi. 0006. 0176a02; Đại Bắt-niet-ban kinh 01. 0007. 0191b02; Đại Thiên Kiến vương kinh roi. 0026.68. 0515b03; TdMg.T.02. 0125.28.5. 0652b13; D. 16, Mahãparinỉbbãna Sutta Kinh Đại Bắt-nỉêt- bàrì\ S. 47.9 - v. 152; Sn. 16, Cunda Sutta Kinh Cunda. 2 Kỳ-xà quật Gijjhakūta. Xem chú thích 66, kinh số l, tr. 515. 3 La-duyệt cang gọi là La-duyệt-kỳ dịch nghĩa là Vương Xá Rājagaha, là thành pho thủ đô của Ma-kiệt-đà ,Magadha, thuộc Trung Ấn Độ. 4 A-xà-thế ,Ajātasattu, thái tử con Vua Tần-bà-sa-la ,Bimbisāra. 5 Ma-kiệt gọi đủ là Ma-kiệt-đà ,Māgadha, một trong những quốc gia đóng vai trò trung tâm kinh te, chính trị, thương mại hùng mạnh nhất ở then Hiật. Các sự kiền quan Ượng ượng cuộc đời đức Phật như thành đạo, hóa độ các đại đệ tử... hầu hết diễn ra tại đất nước này. Xét về phương diện địa lý tôn giáo, quốc gia này có vai trò quan trọng trong việc hộ trì và phát triển Phật giáo ra kháp thế giới nói chung. 6 Bạt-kỳ ,Vajjī, quốc gia có liên hệ đến 7 pháp bất thoái quan trọng trong Phật giáo.

Bạt-kỳ cậy mình cường thịnh, dân chúng giàu mạnh, không chịu quy phục nước Ma-kiệt-đà, nên nhà vua muốn chinh phạt nước họ, chẳng biết Thế Tôn có dạy điều gỉ kh6ng?” Lúc đó, Tôn giảA-nan7 đang cầm quạt đứng hầu phía sau Phật, Phật liền hỏi: Này A-nan! Thầy có nghe người dân nước Bạt-kỳ thường cùng nhau hội họp và bàn luận về chính sự hay không? Thưa, có nghe! Nếu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, trên dưới hòa thuận, hung thịnh tăng thêm, không ai xâm hại. Này A-nan, thây có nghe dân nước Bạt-kỳ vua tôi hòa thuận, kính trên nhường dưới chăng? [0011b02] Thưa, có nghe! - Này A-nan! Nếu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, trên dưới hòa thuận, hưng thịnh tăng thêm, không ai xâm hại. A-nan, thầy có nghe dân nước Bạt-kỳ tuân thủ luật pháp, hiêu điêu câm kỵ, không trái lê giáo chăng? Thưa, có nghe! Này A-nan! Nấu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, trên dưới hòa thuận, hưng thịnh tăng thêm, không ai xâm hại. A-nan, thày có nghe dân

nước Bạt-kỳ hiếu thảo cha mẹ, kính thuận sư trưởng chăng? Thưa, có nghe! -Này A-nan! Nếu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, ưên dưới hòa thuận, hưng thịnh tăng thêm, không ai xâm hại. A-nan? thầy có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ tôn trọng tông miếu tổ tiên, cung kính quỷ thần chăng? Thưa, có nghe! Này A-nan! Nếu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, trên dưới hòa thuận, himg thịnh tăng thêm, không ai xâm hại. A-nan, thầy có nghe dân nước Bạt-kỳ gia phong chân chánh, thanh sạch không nhiễm, ngay cả khi đùa giỡn thì lời nói cũng không thô thiển chăng? Thua, có nghe! Này A-nan! Nếu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, trên dưới hòa thuận, hưng thịnh tăng thêm, không ai xâm hại. A-nan, thầy có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn phụng Sa-môn, trọng người trì giới, cung kính cúng dường chưa từng lười bỏ chăng? Thưa, có nghe! Này A-nan! Nếu được như thế thì đất nước ấy yên ổn lâu dài, trên dưới hòa thuận, hưng thịnh tăng thêm, không ai xâm hại.

7 Anan ,Ānanda.

2. KINH Dư HÀNH 519

Nghe vậy rồi, đại thần Vũ-xá bạch Phật: -Dân xứ Bạt-kỳ kia dù chỉ thực hành một điều thôi còn không ai dám mưu đồ thôn tính, huống chi lại đủ cả bảy điều! Vì việc nước quá bận rộn, nên nay con xin sớm cáo từ Thế Tôn! Đức Phật bảo: -Lành thay, nên biết đúng thời! Thế rồi, đại thần Vũ-xá liền đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, vái chào rồi lui ra. Đại thần Vũ-xá đi chưa bao lâu, đức Phật bảo A-nan: Thầy hãy thông báo cho các Tỳ-kheo xung quanh thành La-duyệt nhóm họp đầy đủ tại giảng đường. A-nan đáp: Thưa vâng! Bấy giờ5 A-nan vâng lời Phật, đến thành La-duyệt-kỳ, tập hợp đầy đủ chư vi Tỳ-kheo tại giảng đường xong, liền thưa: —Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo đã nhóm đủ, kính Thế Tôn biết thời. Khi đó? đức Phật liền đứng dậy, đến giảng đường, lên tòa ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ vì các thầy mà nói bảy pháp bất thoái. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con rất muốn được nghe! Đức Phật bèn dạy: Này các Tỳ-kheo, đây là bảy pháp bất thoái:

Một là, thường xuyên nhóm họp, thảo luận đạo nghĩa chân chánh, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không thể suy vong. Hai là, lớn nhỏ hòa đông, kính thuận không chông trái nhau, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không thể suy vong. Ba là? phụng trì Chánh pháp, hiêu điêu câm kỵ, không trái quy chê, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không the suy vong. Bốn là, nếu có Tỳ-kheo nào đủ lực hộ chúng, hiểu nhiều biết rộng thì nên kính trọng vị ấy, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không thể suy vong. Năm là, giữ gìn tâm ý, hòa hiếu kính thuận, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không thể suy vong. Sáu là, tinh tu Phạm hạnh, không theo dục lạc, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không thể suy vong.

520 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bảy là, trước người sau mình, không tham danh lợi, trên dưới hòa thuận thì Chánh pháp không thể suy vong. [OOllcOó] Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có bảy điều khác khiến cho Chánh pháp tăng trưởng, không bi tổn hoại: Một là, ưa thích giản đơn, không thích

cau kỳ. Hai là, ưa thích yên lặng, không thích nhiều lời. Ba là, ít ham ngủ nghỉ, không bị mê muội. Bon là, không két bè phái bàn chuyện vô ích. Năm là, đức hạnh thiêu hay đủ chăng tự khoe khoang. Sáu là, không cùng kết bạn với kẻ xấu ác. Bảy là? vui chốn núi rưng, thường ở một mình tại nơi thanh vắng. Các Tỳ-kheo nếu được như vậy thì Chánh pháp tăng trưởng, không bi tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy điêu khác khiên cho Chánh pháp tăng trưởng, không bi tổn hoại: Một là, có đủ tín tâm, tin đức Như Lai là bậc Chí Chân, Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Hai là, biết xấu hổ, tự thẹn với mình do những lầm lỗi. Ba là, biết e thẹn, ngượng ngùng với người vì làm việc xấu. Bốn là, học rộng hiêu nhiêu, những điêu được học thì phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, văn nghĩa sâu xa, thanh khiết không nhơ, thấm nhuần Phạm hạnh. Năm là, tinh cân khô hạnh, bỏ ác làm lành, siêng tu không bỏ. Sáu là, những điêu đã học, nhớ mãi không quên. Bảy là, tu tập trí tuệ, biết pháp sinh diệt, theo đường Hiền thánh, dứt hẳn gốc khổ. Bảy điều như thế sẽ khiến cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy điều khiến cho Chánh pháp tăng trưởng, không bi tổn hoại, đó là: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính đinh, kính thuận cha mẹ và thận trọng, không phóng túng. Bảy điêu như thê sẽ khiên cho Chánh pháp tăng trưởng, không bi tôn hoại. Này các Tỳ-kheo, lại có bảy điêu khiên cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại, đó là: Quán thân bất tịnh, quán thức ăn bất tịnh, không say đắm thế gian, thường suy niệm sự chét, suy niệm vê vô thường, suy niệm vê vô thường và khổ, suy niệm về khổ và vô ngã. Bảy điều như thế sẽ khiến cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. [0012a01] Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Lại có bảy điêu khiên cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tôn hoại. Bảy pháp đó là: Tu niệm giác chi, nhàn tịnh, vô dục, xuất ly, vô vi; tu trạch pháp giác chi,8 tu tinh tấn giác chi, tu hỷ giác chi, tu khinh an89 giác chi, tu đinh giác chi và tu xả10 giác chi.

8 Nguyên tác: Pháp giác ý .Tạp A-hàm gọi utrạch pháp giác phn” , dhammavicayasainbojjhañgā. 9 Nguyên tác: Ỷ giác ý ,còn gọi "khinh an",passaddhi. 10 Nguyên tác: Hộ giác ý .Tạp A-hàm gọi là "xả giác phần",upekkhāsambojjhañgci.

2. KINH DU HÀNH 521

Các Tỳ-kheo tu bảy giác chi11 như thế sẽ khiến cho Chánh pháp tăng trưởng, không bi tổn hoại. Này Tỳ-kheo! Có sáu pháp bất thoái khiến pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Sáu pháp đó là: Thân thường hành từ, không hại chúng sanh; miệng nói nhân từ, không buông lời ác; tâm giữ niệm từ, không mưu hại người; được lợi dưỡng thanh tịnh, chia chúng cùng hưởng, bình đang không khác; trì giới Hiền thánh,12 không để tổn khuyết, không để ô nhiễm, kiên đinh không đổi; thấy đạo Hiền thánh liền dứt sạch khổ đau. Tỳ-kheo tu sáu pháp như trên sẽ khiến Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Này Tỳ-kheo! Lại có sáu pháp bất thoái, khiến cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Tỳ-kheo tu hành sáu pháp như trên sẽ khiến Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Bấy giờ, sau khi tùy nghi an trú tại thành La-duyệt-kỳ rồi, đức Phật bảo A-nan: - Các thầy hãy chuẩn bị lên đường, Ta muốn đến Trúc Lâm,13 A-nan đáp: Thưa vâng!

Thế rồi, A-nan liền thu xếp y bát, cùng đại chúng tháp tùng Thế Tôn theo các ngả đường Ma-kiệt dần đến Trúc Lâm. Sau khi an tọa tại giảng đường, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo vê giới, định, tuệ. Tu giới đác định, được quả báo lớn; tu đinh đắc tuệ, được quả báo lớn; tu tuệ tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn, dứt sạch ba thứ phiên não là phiên não trong cõi Dục, phiên não trong cõi Săc, vô sác và vô minh trong ba cõi. Đã được giải thoát thì phát sanh trí tuệ giải thoát, biết rõ: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa. Sau khi tùy nghi an trú tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà một thời gian, Thế Tôn bảo A-nan: Các thầy hãy chuẩn bị, chúng ta sẽ đến thành Ba-lăng-phất!14

A-nan đáp: Thưa vâng!

11 Giác ý ,sambojjhañgci còn gọi "giác chi" ,4tgiác phần?„"Bồdề phần" ,... 12 Hiền thánh giới còn gọi Thánh giới, giới luật do Phật chế định. 13 Trúc Viên Venuvana, VeỊuvana, gọi đủ là Ca-lan-đà Trúc Viên, tức tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. 14 Ba-lăng-phất còn gọi Hoa Thị thành Pātaliputta, thuộc nước Ma-kiệt-đà.

Thế rồi, A-nan liền thu xếp y bát, cùng đại chúng tháp tùng Thế Tôn theo các ngả đường Ma-kiệt dần đên thành Ba-lăng-phât, rồi dừng nghỉ bên cội cây Ba-lăng. Bây giờ, nghe Phật cùng đại chúng từ xa đên nghỉ bên cội cây Ba-lăng, các nam cư sĩ bèn cùng ra khỏi thành tìm đến chỗ Phật. Từ xa, họ đã thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây Ba-lăng, dung mạo đoan chánh, các căn an tịnh, nhu hòa bậc nhất, như con rồng lớn, như nước lắng trong không chút bợn nhơ, ba mươi hai tướnẹ tốt, tám mươi vẻ đẹp tôn nghiêm tột bậc. Thấy rồi, hết thảy đều hoan hỷ. Họ đến bên Phật, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. [0012b04] Bấy giờ, đức Phật lần lượt vì họ thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.15 Các nam cư sĩ nghe Phật dạy xong, liền thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn quy y Phật, quy y Pháp và quy y Thánh chúng. Ngưỡng mong Thế Tôn từ bi chấp nhận cho chúng con làm ưu-bà-tắc, từ nay trở đi nguyện không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, nguyện giữ giới không bỏ. Ngày mai, chúng con muốn thiết lễ cúng dường, cúi xin The Tôn cùng đại chúng rủ lòng chiếu cố! Nghe vậy, đức Phật im lặng nhận lời. Biết Thế Tôn đã chấp nhận, các nam cư sĩ liên đứng dậy nhiêu quanh Phật ba vòng, đảnh lê roi ra vê. Rồi vì Như Lai, họ dựng nhà lớn, san bằng sân vườn, quét dọn, đốt hương, trang nghiêm bảo tòa. Sau khi đã thiết bày xong, họ đến thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thiết lễ xong, kính mong đức Thánh biết thời!

Đức Phật liên đứng dậy, đáp y ôm bát cùng đại chúng đi đên giảng đường, rửa tay chân xong, đức Phật ngồi chính giữa, các Tỳ-kheo ngồi bên trái, các nam cư sĩ ngồi bên phải. Rồi Phật dạy các nam cư sĩ: Phàm người phạm giới thì có năm điêu suy hao. Một là, câu tài không toại nguyện; hai là, giả sử có được, cũng hao tổn từng ngày; ba là, đi đến đâu cũng bị người khác khinh thường; bốn là, tiếng xấu đồn xa; năm là, sau khi qua đời ắt đọa địa ngục. Này các nam cư sĩ! Hễ ai giữ giới sẽ có năm công đức: Một là, có cầu

điều gì cũng được như ý; hai là, tài sản ngày càng tăng thêm; ba là, đi đến đâu cũng được nhiều người kính mến; bốn là? tiêng tót vang xa; năm là5 sau khi qua đời ắt sanh về cõi trời. Bấy giờ, đêm đã khuya, Phật bảo các nam cư sĩ hãy ra về. Các vị ấy vâng lời, nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ rồi lui ra. Màn đêm dần tan, ánh dương sắp ló dạng, Thế Tôn tản bộ đến chỗ thanh vang. Bằng thiên nhãn thông, Ngài thay các đại thiên thần đang canh phòng nhà cửa đất đai, trung thần, hạ thần cũng đều như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn quay lại giảng đường, lên bảo tòa ngồi, dù đã biết nhưng Ngài vẫn hỏi A-nan:

15 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

-Ai tạo lập thành Ba-lăng-phất này? A-nan thưa: Thành này do đại thần Vũ-xá tạo dựng để phòng ngự nước Bạt-kỳ.

[0012c02] Phật bảo A-nan: -Tạo dựng nên thành này rất hợp với ý trời. Hừng đông sớm nay, Ta đến chỗ thanh vắng, dùng thiên nhãn thông nhìn thấy các đại thiên thần đang canh phòng nhà cửa đất đai, trung thần và hạ thần cũng đều như vậy. A-nan! Nên biết rằng nơi nào có đại thiên thần canh phòng nhà cửa đất đai thì người sống nơi ấy an ổn vô cùng; chỗ trung thần canh phòng thì hàng trung nhân ở; chỗ hạ thân canh phòng thì hàng hạ nhân &, công đức nhiêu ít cũng tùy theo nơi sinh sông. A-nan! Nơi này hiên nhân ở, kẻ buôn người bán quy tụ, luật pháp nghiêm cẩn, không nạn lường gạt. Thành này thù thắng, khắp nơi ngưỡng mộ, không thê phá hoại. Rát lâu sau này, nêu thành bị hoại thì ăt do ba việc: Bi nước lớn, bi lửa lớn và người trong kẻ ngoài thành này thông mưu mới phá hoại được. Bây giờ, các nam cư sĩ trong thành Ba-lăng-phât suôt đêm sửa soạn phàm vật cúng dường. Đúng giờ, họ bạch Phật: Đã đến giờ thọ thực, kính mong đức Thánh biết thời. Thế rồi, họ bưng dọn thức ăn, tự tay sớt bát cúng dường Phật và chúng Tăng, ăn xong dâng nước uống, rồi soạn chỗ ngồi trước Phật. Bấy giờ, Thế Tôn dạy: , • — K o A TT •Ầ ĩ • \ y Nơi các vị sinh sông đây là chô ở của bậc Hiên trí, nhiêu người trì giới, tịnh tu Phạm hạnh, thiên thần hoan hỷ. Rồi Phật chú nguyện cho họ: Kính trọng bậc đáng kính, Phụng thờ bậc đáng thờ, Bố thí với thương yêu, Có lòng từ lân mẫn, Được chư thiên khen ngợi, Được sống với người lành, Không ở cùng kẻ ác. Sau khi thuyết pháp xong, đức Phật đứng dậy, đại chúng vây quanh, hầu Ngài trở về. Lúc ấy, đại thần Vũ-xá theo sau đức Phật rồi suy nghĩ như vầy: "Nay đức Sa-môn Cù-đàm đi qua cửa thành này thì nên gọi cửa này là cửa Cù- đàm. Ben sông này Phật vừa đi qua thì nên đặt tên chỗ đó là bến Cíi-dm!" Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi thành Ba-lăng-phất đi đến bờ sông, Ngài thấy trên bờ nhiều người nhộn nhịp, có người chèo thuyền qua sông, có người chống bè gỗ qua sông, có người chống bè tre qua sông. Lúc ấy, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật cùng đại chúng đã sang bờ kia. Đối trước canh ay, The Ton liên noi kẹ:

Phật là Hải thuyền su, 16 Pháp là cây cầu nối, , r

Chở Đạo, cỗ xe lớn, Độ tát cả trời, người. Bậc tự thoát buộc ràng, Qua bờ? thành Phật quả, Khiến cho chúng đệ tử, Giải thoát, chứng Niết-bàn.16 17 [0013a02] Thế rồi, đức Thế Tôn từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-lợi918 dừng nghỉ tại một khu rừng. Nơi đây, Ngài dạy các Tỳ-kheo: Có bốn pháp sâu mầu là giới của bậc Thánh, đinh của bậc Thánh, trí tuệ của bậc Thánh và giải thoát của bậc Thánh. Bốn pháp này vi diệu, khó thấy khó biết, Ta với các thầy vì chưa từng hiểu rõ nên cứ mãi lưu chuyển trong sanh tử không dừng. Thế Tôn quán sát nghĩa ấy xong, liền nói bài kệ: Giới, định, tuệ, giải thoát, Chỉ Phật thông tỏ hết, Lìa khổ, độ chúng sanh, Chặn đứng dòng sống chết. Sau khi tùy nghi an trú tại thôn Câu-lợi một thời gian, Thế Tôn bảo A-nan muốn đến thôn Na-đà.19 Thế rồi, A-nan vâng lời, đắp y ôm bát cùng đại chúng tháp tùng Thế Tôn ngang qua các ngả đường nước Bạt-kỳ, đi dần đến thôn Na- đà rồi dừng nghỉ tại tru xứ Kiền-chùy.20 Bây giờ, A-nan ngôi chô thanh văng, yên lăng suy nghĩ: "Mười hai cư sĩ ở tại thôn Na-dà, gồm: Già-già-la, Già-lăng-già, Tỳ-già-đà, Già-lợi-du, Giả-lâu, Bà- đa-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Dà-lê-xá-nậu, Tẩu-đại-lợi-xá-nậu, Da-thâu và Da-thâu-đa-lâu9 các vị cư sĩ này hiện đã qua đời, không biết họ sanh về đâu? Lại có năm mươi người khác ở đây mạng chung, lại có năm trâm người nữa ở đây cũng đã mạng chung, nay chăng biêt họ sanh vê dâu?" Suy nghĩ thê roi, A-nan liền đứng dậy đến chỗ Phật, cung kính đảnh lễ, ngồi sang một bên rồi thưa: Bạch Thê Tôn! Vừa roi, con ngôi chô thanh văng, tự suy nghĩ răng: "Mười hai cư sĩ ở thôn Na-đà này như Già-già-la... đã qua đời, lại có năm mươi người khác ở đây từ trần, lại có năm trăm người nữa ở đây cũng đã qua đời, nay chẳng biết họ sanh về dau?" Cúi xin Thế Tôn giảng nói cho con! Đức Phật bảo: —Này A-nan, mười hai cư sĩ như Già-già-la... đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử,21 qua đời rồi được sanh thiên, ở đó chứng nhập Niết-bàn, không trở lại cõi

16 Hải thuyền su Bậc thầy đưa người qua sông, vượt biển. 17 Xem them Pháp củ kỉnh 04. 0210.2. 0567a08. 18 Câu-lợi Kotigāma. DNa-dà /Ñātika. 20 Kiền-chùy ,Giñjakāvasathā. 21 Ngũ hạ phần kiết còn gọi t4ngũ hạ kiếf \ .Theo Chủng tập kinh T.01. 0001.9. 0051b06 và A. 9.67 - IV. 459, "ngũ hạ kiết" gồm: thân kiến, nghi, giới cam thq dục tham, sân sakkāyaditthi, vicikicchā, sīlabbataparāmāso, kāmacchando, byāpādo. Vì 5 thứ phiên não này trói buộc chúng sanh ở cõi Dục nên gọi là "hạ phần kiết.„

đời này nữa. Còn năm mươi vị kia đã đoạn trừ ba kiết sử, giảm bớt tham, sân, si,22 chứng quả Tư-đà-hàm, còn phải sanh lại cõi này mới dứt sạch gốc khổ. Còn năm trăm vi nữa cũng đã đoạn trừ ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa đường ác, nhát đinh thành đạo, còn bảy lân tái sanh vê cõi này roi sẽ dứt sạch khổ đau.22 23 Này A-nan! Phàm có sanh thì sẽ có tử, đó là lẽ thường ở đời, sao thầy phải quá bận tâm chuyện đó? Nêu có ai qua đời thây cũng đên hỏi Ta như thê, chăng phải phiền lắm ư? [0013b01] A-nanđáp: Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con thật đã làm phiền Ngài!

Phật dạy A-nan: -Nay Ta vì thầy mà nói Pháp kính24 để Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, thoát khỏi ba đường ác, chứng quả Tu-đà-hoàn, nhiều lam là bảy lần tái sanh rồi sẽ dứt

sạch khổ đau và cũng có thể nói với người khác như thế. A-nan! Pháp kính đó là, Thánh đệ tử đạt được niềm tin bất hoại, hoan hỷ tin Phật, là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Hoan hỷ tin Pháp, là giáo pháp chân chánh vi diệu, do Phật tuyên thuyết, vượt thoát thời gian, chỉ bày đường đến Niết-bàn, được người trí thực hành theo. Hoan hỷ tin Tăng, là đoàn thể những người khéo sống hòa đồng, hành động chất trực, không hề dối trá, đạo quả thành tựu, trên dưới hòa thuận, đầy đủ pháp thân;25 hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la- hán. Đó là bốn đôi tám bậc, chính là chúng Hiền thánh của Như Lai, rất đáng để cung kính, là ruộng phước thế gian. Hoan hỷ tin giới của Hiền thánh là thanh tịnh không nhiễm, không có khiếm khuyết, bậc minh triết hành theo, đắc đinh tam-muội. A-nan! Đó là Pháp kính để Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, thoát ba đường ác, đắc quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy lần tái sanh ắt sẽ dứt sạch khổ đau và cũng có thê nói với người khác như thê. Sau khi tùy nghi an trú tại thôn Na-đà một thời gian, Thế Tôn bảo A-nan hãy đến nước Tỳ-xá-ly.26 Tức thì, A-nan vâng lời, đắp y ôm bát cùng đại chúng tháp tùng Thế Tôn ngang qua ngả đường Bạt-kỳ để đến Tỳ-xá-ly, rồi ngồi nghỉ dưới những bóng cây.

22 Nguyên tác: Dâm ,n,si .

23 Nguyên tác: Tận ư khổ biên .

24 Pháp kính ,Dhammādāsa'. Gương pháp.

25 Pháp thân Dharmakãyà ở đây chỉ cho Chánh pháp do đức Phật tuyên thuyết.

26 Tỳ-xá-ly ,Vesālī.

LÚC đó, nghe Phật dẫn chúng đệ tử đến Tỳ-xá-ly và đang dừng chân trong J A 7 e r y

khu rừng của mình, kỹ nữ27 tên Am-bà-bà"lê liên chuân bị xe báu vội đên chô Phật lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa trông thấy Thế Tôn dung mạo đoan chánh, đây đủ tướng tót, các căn thù thăng lạ thường, hệt như vâng trăng giữa những vì sao nên nàng vô cùng hoan hỷ, xuống xe đi bộ dần đến chỗ Phật, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.28 Nghe Phật thuyết pháp xong, nàng phát tâm hoan hỷ, liền bạch Phật: -Ke từ hôm nay, con xin quy y Tam tôn,29 cúi xin Thế Tôn chấp nhận cho con được làm ưu-bà-di trong Chánh pháp của Ngài. Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Am-bà-bà-lê lại bạch Phật: Cúi mong Thê Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo ngày mai nhận lời thỉnh câu của con. Còn toi nay, xin hãy nghỉ lại tại khu vườn của con! Lúc đó, thấy đức Phật đã im lặng nhận lời, Am-bà-bà-lê đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh Phật rồi lui ra. [0013c02] Am-bà-bà-lê đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan: Ta cùng các thầy hãy dạo xem khu vườn này!

A-nan đáp: Thưa vâng! Tức thời, đức Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, chỉnh y ôm bát, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử cất bước tản bộ quanh vườn. Lúc ấy, nghe

nói Phật đang nghỉ trong khu vườn của Am-bà-bà-lê, nhóm người thuộc bộ lạc Lệ-xa30 ở tại Tỳ-xá-ly, liền chuẩn bi xe báu năm sắc, có người cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phướn, lọng, áo mão đều xanh, ngựa xe năm sắc đều như vậy. Năm trăm người Lệ-xa với phục sức đồng màu cùng nhau đến chỗ Phật, giữa đường gặp phải xe của nàng Am-bà-bà-lê đang từ chỗ Phật trở -t • x - 9 9

vê nhà. Do xe chạy : nhanh • 9 r nên khiên cờ lọng trên xe gãy đô nhưng chăng ai chiu nhường đường cho ai. Nhóm Lệ-xa lên tiêng trách:

27 Nguyên tác: Dâm nữ.Xã hội Ấn Độ cổ đại thừa nhận một số công việc đặc thù của phụ nữ nhưbán dâm, hành nghe ca hát và giải trí bậc cao. Với những công việc đặc thù đó, Phạn ngữ đã dùng những thuật ngữ chuyên biệt để mô tả. Chẳng hạn, khi chi cho hạng phụ nữ mua phấn bán hương cấp tháp, Pali có từ vāsiyā Sn. 18. Khi chỉ cho hạng phụ nữ múa ca, Fầli dùng từ Natikã ụ. L 206. Đạc biệt, khi chỉ cho hạng phụ nư xinh đẹp với nhiều kỹ năng giải trí bậc cao, tiếng Sanskrit gọi là Nagarvadhu, có thê xem như một kỹ nữ hạng sang ganikã. Theo Luân Đại trí độ, quyên 7, nàng Am-lạ-bà-lợi í o, Ambapālī là một trong 3 nàng kỹ nữ nổi tiếng ở 3 quốc gia trong thời Phật, bao gồm: nàng Am-la-bà-lợi í O^Ambapālī ở Tỳ-xá-ly, nàng Tu-mạn-na Sumanā ở Xá-vệ và nàng Ưu-bát-la-bàn-na Uppalavannā ở Vương Xá.
28 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 29 Tam tôn tức Tam bảo . 30 Lệ-xa ,Licchavī.

-CÔ ỷ thế gì mà không tránh đường, còn đâm sầm vào xe chúng tôi, khiến cờ lọng gãy đổ cả? Am-bà-bà-lê đáp: Thưa quý ngài! Tôi đã thỉnh Phật ngày mai đến nhà thọ trai nên vội về sửa soạn thức ăn cúng dường, do đó phải chạy nhanh nên không thể tránh. Nhóm Lệ-xa liền nói: Cô khoan thỉnh Phật, hãy để chúng tôi thỉnh trước, chúng tôi sẽ trả cô một trăm ngàn lượng vàng. -Tôi đã thỉnh trước rồi, không thể nhường được. r y 9

Chúng tôi sẽ trả cô gáp mười sáu lân trăm ngàn lượng vàng, hãy đê chúng tôi thỉnh trước. Nhimg nàng vẫn không chấp nhận: _ Không được! Tôi đã thỉnh rồi, không thể làm như thế. Chúng tôi sẽ trả cô bằng nửa số của báu trong nước, hãy để chúng tôi thỉnh trước. Giả sử các ngài trả tôi toàn bộ của báu trong nước, tôi cũng không lấy. Bởi lẽ Phật đang an trú trong vườn của tôi, đã nhận lời thỉnh cầu của tôi, việc ấy như vậy rồi, không thể nhường cho các ngài được. Các vị Lệ-xa xoa tay tỏ vẻ tiếc nuối và nói: "Nay vì cô này mà chúng ta thiếu mất phước cúng dường đầu tiên/5 Rồi họ liền tiếp tục đi đen vườn cây. Khi ấy, từ xa trông thấy năm trăm vị Lệ-xa cùng cả vạn ngựa xe đang tiến đến chật đường, đức Phật liền bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên biết, chư thiên Đao-lợi khi dạo chơi trong vườn thì oai nghi và phục sức cũn^ không khác gì những vị Lệ-xa ấy. Này các Tỳ-kheo! Hãy tự nhiếp tâm, hãy đây đủ các oai nghi! Thế nào là Tỳ-kheo tự nhiếp tâm mình? Đó các Tỳ-kheo quán thân trong nội thân,31 tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác,32 diệt trừ tham ưu ở đời; quán thân trong ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời; quán thân trong nội, ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác,

diệt trừ tham ưu ở đời; quán thọ, quán tâm, quán pháp cũng lại như vậy. Thế nào là Tỳ-kheo đầy đủ các oai nghi? Đó là các Tỳ-kheo khi đi biết mình đi, khi dừng biết mình dừng, cho đến nhìn ngó hai bên, khi co, khi duỗi, khi cúi xuống, khi ngước nhìn, đáp y ôm bát, ăn uông thuôc thang đêu không đánh mát

31 Nguyên tác: Nội thân thân quWn ().Xà-ni-sa kinh (roi. 0001.4. 0035c27): Nội thân quán). 32 Nguyên tác: Tinh cần bất giải, ức niệm, bất vong ().Tham chiếu M. 10, Satipatthāna Sutta (Kỉnh Niệm xứ)\ Atāpī sampajāno satimā (nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm). Đây là 3 thanh tố quan trọng ương khi thực hành "tứ niệm xứ."

oai nghi phép tắc. Khéo dùng phương tiện từ bỏ phiền não, đi đứng nằm ngồi, thức ngủ nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm, không cho loạn động. Ấy gọi là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi. [0014a06] Khi năm trăm người Lệ-xa đến vườn Am-bà-bà-lê, họ liền xuống xe đi bộ đên chô Phật, cung kính đảnh lê roi ngôi sang một bên. Như Lai ngự trên bảo tòa, tỏa hào quang sáng hiếm có5 che trùm đại chúng, như vầng trăng mùa thu; lại như trời đất trong sáng, không chút bợn nhơ; như mặt trời treo giữa hư không, tỏa chiếu ánh sáng duy nhất. Bấy giờ, năm trăm người Lệ-xa ngồi hầu vây quanh, Thế Tôn ở giữa đại chúng, tỏa hào quang sáng duy nhất. Lúc đó, trong chúng có một Phạm chí tên Tinh Ký từ chỗ ngồi đứng dậy5 sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ chấm đất, chắp tay hướng về Thế Tôn nói kệ tán thán: Vua Ma-kiệt, Ương-già,33 Được thiện lợi lớn lao, Thân khoác giáp châu báu, Phật xuất hiện nước họ. Oai đức dội tam thiên, Danh sáng như núi Tuyết, Như sen vừa chớm nở, Hương thơm thật diệu kỳ. Nay thấy hào quang Phật, Như mặt trời vừa lên, Như trăng giữa trời trong, Không gợn mây che khuất. Hào quang Phật cũng thế, Soi chiếu khắp thế gian, Quán trí tuệ Như Lai, Như tối gặp đèn sáng, Ban mắt sáng cho người, Giải trừ bao nghi hoặc. Khi năm trăm vị Lệ-xa nghe xong bài kệ này, họ bảo Tịnh Ký: “Ong có thể nói lại chẳng?" Thế rồi, Tịnh Ký ở trước Phật lặp lại ba lần. Nghe xong, họ liền cởi áo báu tặng cho Tịnh Ký, Tinh Ký liền nhận lấy rồi dâng lên Như Lai. Vì lòng bi mẫn, Như Lai bèn thọ nhận. Thế rồi, Phật dạy các vị Lệ-xa ở Tỳ-xá-ly rằng: ở đời co năm loại báu rất là hiếm có, đo là: Như Lai; Chí Chân xuất hiện ở đời rất là hiếm có. Người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai, người này hiếm có. Người có thê tin hiêu được Chánh pháp Như Lai thuyết, người này hiếm có. Người có thể thành tựu Chánh pháp Như Lai thuyết, người này hiêm có. Người gặp hiêm nguy được cửu giúp mà sau đó biêt đên đáp, người này cũng hiếm có. Đó là năm thứ báu hiếm có ở đời. [0014b03] Sau khi nghe Phật mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ33 34 xong, năm trăm người Lệ-xa liền bạch Phật: Kính mong Thế Tôn và chúng đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh của chúng con!

Đức Phật bảo: Các ông đã thỉnh Ta, xem như nay Ta đã nhận cúng dường rồi. Còn ngày mai thì cô Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước rồi!

33 Ương-già Añgā, một trong 16 nước ở Án Độ thời xưa, nằm về phía Đông nước Ma-kiệt-đà. Thời Phật tại thế, nước này từng một lần lệ thuộc Ma-kiệt-đà. 34 Nguyên

tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

2. KINH Dư HÀNH 529

Nghe vậy, họ lại xoa tay tiếc nuối và nói: "Chúng ta muốn cúng dường Như Lai mà cô ấy đã giành trước r8i." Thế rồi, họ đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Trong khi đó, nàng Am-bà-bà-lê suốt đêm sửa soạn đồ ăn thức uống để cúng dường. Sáng hôm sau, đến giờ, Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo chỉnh y ôm bát, tuần tự đi đến nơi [thọ trai] rồi ngồi xuống chỗ đã dọn sẵn. Nàng Am-bà-bà-lê bèn dâng thức ăn thượng vị cúng Phật cùng Tăng, ăn xong dọn bát, dẹp bàn ghế, rồi nàng bưng chậu vàng dâng nước rửa tay, sau đó đến trước Phật thưa: -Con thấy những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này, vườn của con là đẹp nhất. Nay con muốn hiến cúng Như Lai, mong Ngài rủ lòng thương tưởng con mà nhận lãnh. Đức Phật bảo: Trước hết, cô nên đem khu vườn này cúng dường cho Phật rồi đến chiêu-đề-tăng.35 Vì sao như vậy? Vì những thứ Như Lai sở hữu như vườn rừng, phòng xá, sáu loại vật dụng can thiết như y bát..., thì ngay cả Ma vương, Đấ-thích, Phạm thiên hay thiên thần oai lực lớn, không ai có khả năng thọ lãnh sự cúng dường này. Nghe vậy? nàng Am-bà-bà-lê liền vâng lời, dâng cúng khu vườn của mình trước hết cho Phật rồi đến chiêu-đề-tăng. Lúc ấy, Phật vì lòng từ mẫn nên nạp thọ và nói bài kệ: Xây tháp, lập tinh xá, Hiến vườn, ban mát mẻ, Làm cầu, đò đưa người, Đồng hoang cho c6, nước, Và cấp cả nhà cửa, Phước ấy ngày càng tăng, Người đủ giới thanh tịnh, Nhất định sanh cõi lành.36 Rồi nàng Am-bà-bà-lê trải tấm nệm nhỏ ng8i tiy&c Phật. Đức Phật lần lượt vì nàng thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.37 Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ dục là tai họa, ô uế, bất tịnh, phiền não là chướng ngại, giải thoát là tối thượng. Ngay lúc ấy, Thế Tôn nhận thấy tâm ý nàng đã nhu hòa, phiền não mỏng dần, dễ bề khai hóa. Do đó, y theo pháp chư Phật, Ngài dạy tiếp về khổ Thánh đế, khổ tập, khổ diệt và khổ đạo Thánh đế.3839 [0014c02] Với tín tâm thanh tịnh như tấm vải trắng sạch rất dễ nhuộm màu, nghe Phật giảng xong, nàng Am-bà-bà-lê đã xa lìa trần câu, được pháp nhãn thanh tinh, thâu rõ thực tướng các pháp, thây pháp đác pháp, quyêt định trụ chánh dạo, không đọa ác đạo, thành tựu vô hy,39 rồi liền bạch Phật ba lần: "Nay

35 Chiêu-đề-tăng cātuddisam sanghain chỉ cho chư Tăng ở bốn phương. 36 Tham chiếu bài kệ tương đương trong s. L 33. 37 Nguyên tác: Thi, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 38 Nguyên tác: Khổ xuất yếu dế .
39 Thành tựu vô úy abhayappattà'. Đạt đến chỗ không còn sợ hãi.

con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi mong Như Lai chấp nhận cho con làm ưu-bà-di trong Chánh pháp của Ngài. Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu." Lúc ấy, nàng Am-bà-bà-lê đã được thọ năm giới với Phật, xả bỏ tập nhiễm cũ, trừ sạch cấu uế, sau đó đứng dậy cung kính lễ Phật rồi lui ra. Sau một thời gian tùy nghi an trú tại Tỳ-xá-ly, Thế Tôn bảo A-nan: Các thầy hãy chuẩn bi, ta muốn đến Trúc Lâm!

Thưa vâng! Thế rồi, A-nan liền thu xếp y bát, cùng đại chúng tháp tùng Thế Tôn ngang qua các ngả đường Bạt-kỳ đi đến Trúc Lâm. Bấy giờ, c6 Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-đà-da nghe Phật cùng đại chúng đến Trúc Lâm, liền thầm nghĩ: "Sam6n Cù-đàm này danh đức vang xa, khắp nơi đều biết, đầy đủ mười hiệu, giữa chúng thiên, Đe-thích? Phạm thiên, Ma, Thiên ma, Sa- môn, Bà-la-môn đã tự thân tác chứng rồi thuyết pháp cho người khác nghe với ngôn từ mà phần đầu, phần giữa và phần cuối đều chân chính, văn nghĩa sâu xa, Phạm hạnh đầy đủ. Bậc Chân Nhân như thế, ta nên đến chiêm ngưỡng.” Thế rồi, Bà-la-mon đi đến Trúc Lâm, lại gần chỗ Phật tham hỏi xong rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt vì ông mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.40 Nghe Phật dạy xong, Bà-la-môn vô cùng vui mừng, liền thỉnh Ngài cùng đại chúng ngày mai đến nhà thọ thực. Thế Tôn im lăng nhận lời. Bà-la-môn biết vậy, liền đứng dậy nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Ngay đêm đó, ông chuẩn bị đồ ăn thức uống. Hôm sau, đúng giờ ông đến thỉnh Phật về nhà thọ trai. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát cùng đại chúng theo sau đi đến nơi [thọ trai] rồi ngồi xuống. Bà-la-môn đem rất nhiều thức ăn thượng hạng dâng lên cúng dường. Phật cùng chúng Tăng thọ trai, rửa bát, rửa tay xong thì Bà-la-môn đặt một tấm nệm ngồi trước Phật. Khi ấy, Thế Tôn nói cho ông bài kệ: Nếu đem thức ăn, Y phục, chăn nệm, Cúng người trì giới, Thì được quả lớn. Đó là bạn thật, Bên nhau trọn đời, Đen bất cứ đâu, Như bóng theo hình. Vậy nên gieo thiện, Làm vốn đời sau, Phước là nền tảng, Chúng sanh được an. Có phước, trời hộ, Tránh được nguy nan, Sống không gặp nạn, Chết sanh cõi trời. [0015a07] Sau khi thuyết pháp nhiệm mầu, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ41 cho Bà-la-môn xong, đức Phật đứng dậy ra về.

40 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, ư. 511. 41 Như trên.

2. KINH Dư HÀNH 531

Khi ây, xứ này mát mùa đói kém, khát thực khó khăn, Phật bảo A-nan: Hãy báo cho các Tỳ-kheo đang ở nơi đây tập trung về giảng đường!

_ Thưa vâng! A-nan vâng lời Phật dạy kêu gọi các Tỳ-kheo xa gân vê tập hợp hét ở giảng đường. Sau khi đại chúng gàn xa vân tập đông đủ, A-nan thưa Phật: Đại chúng đã tập hợp, kính mong đức Thánh biết thời! Bấy giờ, Thế Tôn đến giảng đường, ngồi xuống tòa rồi bảo các Tỳ-kheo: Nơi này đói kém, khát thực khó khăn, các thây nên chia thành từng nhóm, tùy chỗ quen biết, hoặc Tỳ-xá-ly hoặc nước Việt-kỳ42 mà đến đó an cu, có thể tránh khỏi thiếu thốn. Chỉ Ta và A-nan an cư tại đây. Vì sao như vậy? Vì nếu ở đây đông đảo thì sẽ thêm khó khăn. y Nghe Phật dạy xong, các Tỳ-kheo vâng lời liên lên đường, chỉ còn Phật và A-nan ở lại. Trong mùa an cư này, thân Phật nhuốm bệnh, cơ thể đau nhức. Ngài tự nghĩ: "Nay Ta bị bệnh, toàn thân nhức mỏi mà các đệ tử đều không ở đây, nếu nhập Niết-bàn lúc này quả thật không thích hợp, vậy Ta hãy tinh cần tự lực để duy trì thọ mạng.,, Thế rồi đức Phật rời khỏi tinh thất, đến ngồi nơi mát mẻ. A-nan trông thấy, vội lại bạch Phật: Nhìn dung nhan Thế Tôn lúc này, con thấy hình như bệnh Ngài có phần thuyên giảm. Rồi A-nan thưa tiếp: Thê Tôn bị bệnh, lòng con sợ hãi, hoang mang lo lăng, chăng biêt phải làm thế nào! Nhimg thấy hơi thở chưa dứt,

vẫn còn tỉnh táo nên con thầm nghĩ: "Nhu Lai chưa diệt độ ngay, con mắt thế gian vẫn còn, Đại pháp vẫn chưa mất. Sao đến nay vẫn không thấy Thế Tôn dăn dò gì cho chúng đệ tử?" Phật bảo A-nan: Chúng Tăng còn cần gì ở Ta nữa? Nếu ai tự nói: "Ta cai quản chúng Tăng, Ta thống lãnh chúng thì người đó nên có lời dặn dò đối với chúng Tăng, còn Như Lai không hề nói: "Ta cai quản chúng Tăng, Ta thống lãnh chúng Tăng,5 thì sao phải có lời dặn dò cho chúng Tăng? Này A-nan! Pháp Ta giảng thuyết, trong ngoài đều rõ ràng nhtrng Ta không hề tự xưng hoặc chấp trước vào sự thông đạt.43 Ta nay già rồi, tuổi đã tám mươi. Như cỗ xe cũ kỹ, nhờ tìm

42 Nguyên tác: Việt-kỳ ,tên gọi khác của nước Bạt-kỳ ,Vajjī. 43 Ngụyêntáẹ: Chung bất tự xưng sở kiến thông đát ..Theo Chảnh PhápHoa kỉnh từ điển cua Seishi KarasjiimZ ,Tân Đảo Tĩnh Chỉ, usở kiến"còn có nghĩa là trước viỉagna. Tham chiêu: D. 16: Tathāgatassa kho, ānanda, na evam hoti - "aharn bhikkhusañghampariharissāmīti vā mamuddesiko bhikkhusaṅgho'ti vā Này Ananda, Như Lai không nghĩ răng: "Ta là vị dẫn đầu chúng Ty-kheoi, hay "'Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta", HT. Thích Minh Châu dịch.

ĩ

cách tu sửa mới đi đên nơi, thân Ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện duy trì mạng sống, nỗ lực tinh tấn, nhẫn chiu đau nhức, dừng tất cả tưởng, nhập Vô tưởng định thì thân mới an ổn, không còn bức bối khó chịu. Thế nên, A-nan! Hãy tự mình thắp đuốc, thắp đuốc Chánh pháp, đừng thắp gì khác, hãy nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nương gì khác. The nào là tự mình thắp đuốc, thắp đuốc Chánh pháp, đừng thắp gì khác? Thế nào là nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nươnệ gì khác? A-nan! Các Tỳ-kheo nên quán thân trong thân, siêng năng không biêng nhác, ghi nhớ không quên, trừ tham lo ở đời. Quán thân ngoài thân, quán thân trong ngoài thân, siêng năng không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ tham lo ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng như thế. A-nan! Đó gọi là tư mình thắp đuốc, thắp đuốc Chánh pháp, không thắp gì khác, nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, không nương gì khác. [0015ỒỈ3] Phật lại bảo A-nan: Sau khi Ta diệt độ, nếu ai có thể tu hành pháp này thì chính là đệ tử chân chánh, là học trò xuất sắc của Ta. Rồi Phật bảo A-nan: Hãy cùng đến tháp Già-bà-la!44

Thưa vâng!

Thế rồi đức Phật đứng dậy, đắp y ôm bát bước đi. Khi đến một gốc cây,

Ngài bảo A-nan:

Hãy trải tọa cụ, Ta bị đau lưng, muốn nghỉ tại đây!

Thưa vâng! Sau khi trải tọa cụ cho Phật ngôi xong, A-nan trải tọa cụ ngôi bên Phật. Lúc đó, Thế Tôn bảo A-nan: Người nào thường xuyên tu tập bốn thần túc, ghi nhớ không quên thì tùy theo ý muôn có thê kéo dài tuổi thọ hơn một kiêp. A-nan! Như Lai đã tu tập nhiều về bốn thần túc, thường nhớ không quên, cho nên tùy theo ý muốn, Như Lai có thể trụ thế hơn một kiếp, xua tan bóng tối cho đời, đem lại lợi ích, an lạc

cho hàng trời, người. Lúc đó, A-nan yên lặng không đáp. Đức Phật nói ba lần như thế mà A-nan vẫn im lặng. Vì lúc ấy, có lẽ A-nan bi ma ám, mê muội không hiểu. Phật ba lần hiện tướng mà A-nan vân không biêt đê thỉnh câu. Rồi Phật bảo A-nan: "Hãy biết đúng thòi!" Thế là, A-nan vâng lời, đứng dậy lễ Phật rồi lui ra, đến một gốc cây cách Phật không xa ngồi yên lặng tư duy.

44 Già-bà-la tháp ,Cāpāla cetiya.

2. KINH Dư HÀNH 533

Không lâu sau, Ma Ba-tuần4546 đến bạch Phật: Ý Phật vẫn chưa muốn nhập Niết-bàn nhưng nay đã đúng thời, xin Ngài mau diệt độ! [0015c01] Phật bảo Ma Ba-tuàn: Hãy thôi, hãy thôi! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì cần đợi các đệ tử của Ta thành tựu tu tap. Đệ tử của Ta, co người đã có thể tự điều phục, dõng mãnh không khiếp sợ, đến được chỗ an ổn, việc lợi mình đã xong, còn làm thầy dạy người, thuyết giảng kinh giáo, hiển bày ý nghĩa kinh văn. Nếu gặp luận thuyết bất đồng thì có thể dùng Chánh pháp mà nhiếp phục, lại có thể dùng thần biến mà nhiếp phục, hoặc tự thân tu chứng mà nhiếp phục. Những đệ tử như vậy vẫn chưa thành tựu. Lại có những Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di như vậy cũng chưa thành tựu. Nay điều cần thiết là Ta muốn nêu bày Phạm hạnh, diễn bày giác chi, khiến hàng trời, người đều thấy được thần biến. Bấy giờ, Ma Ba-tuần lại thưa tiếp: Khi xưa, lúc Ngài mới thành Chánh giác bên cây A-du-ba Ni-câu-luật47 gần bờ sông Ni-liên-thiền48 xứ uất-tỳ-la,49 tôi có đến khuyến thỉnh Ngài nên nhập Niếtbàn, rằng: "Nay đã đúng thòi, hãy mau diệt độ?9 Lúc đó, Như Lai trả lời: "Th6i, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời. Nay Như Lai chưa nhập Niết-bàn, vì cần đợi các đệ tử thành tựu tu tập, cho đến hàng trời, người thấy được thần biến thì mới nhập Niet-ban?9 Hiện nay, các đệ tử của Ngài đã thành tựu tu tập, hàng trời, người cũng đã thấy thần biến, chính là đúng thời, sao Ngài không diệt độ? Phật bảo: Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời. Ta không trụ thế lâu nữa. Ba tháng sau, Ta sẽ nhập Niết-bàn tại Câu-thi-na-kiệt?50 giữa hai thân cây Sa-la trong vườn Sa-la, nơi Ta đã sinh trưởng ở kiếp trước.51 Lúc ấy, Ma Ba-tuần thầm nghĩ: 'Thật không bao giờ nói dối, chắc chắn Ngài sẽ diệt độ'\ nên phấn khởi vô cùng, rồi bỗng biến mất.

45 Ma Batun ,Māra Pāpimant. 46 Nguyên tác: Tu ngã chư đệ tử tập .Tập ở đây mang nghĩa là thành tựu. Tham chiếu: D. 16: uTa sẽ không diet độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, san sàng, đa văn, diỉy trì Chánh pháp, thành tưu Chánh pháp và tùy pháp, song chân chánh, song theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có the tuyên bo, diễn giảng, trình bày, xạc đinh, khai minh, phân tích va giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi len chưa có thê chất vẫn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thê truyền bá Chánh pháp thần diêu" HT. Thích Minh Châu dịch. 47 A-du-ba Ni-câu-luật ,Ajapāla Nigrodha. 48 Ni-liên-thiền ,Nerañjarā. 49 Uất-tỳ-la ,Uruvelā. 50 Câu-thi-na-kiệt ,Kusinārā. 51 Nguyên tác: ư bổn sanh xứ nơi đã sinh trưởng ương nhiều kiếp trước. Theo Du hành kinhroi. 0001.2. 0024b18, đức Phật xác định rằng, Ngài đã nhiều lần sanh ra và chết đi ở thành Câu-thi-na này. Kinh ghi: ^Này A-nan! Ta nhớ mình đã từng 6 lần tái sanh làm Chuyển

Luân Thánh Vương rồi gởi lại xương cốt ở nơi này.^,

534 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Ma Ba-tuần đi khỏi không bao lâu, tại tháp Già-bà-la, đức Phật nhập định Ý tam-muội? xả thân căn an trụ mạng căn.52 Ngay lúc ấy, cõi đất rung chuyển, khiến dân cả nước thảy đều kinh hãi, toàn thân rủng động. Rồi Phật phóng hào quang sáng chói chiếu suốt khắp nơi, ngay cả chúng sanh ở cõi tăm tối nhất cũng nhờ ánh sáng ấy soi đến mà được nhìn thấy lẫn nhau. Bấy giờ, đức Như Lai nói kệ: Trong hai hành hữu, v6, Ta nay bỏ hữu vi, Chuyên tâm tam-muội định, Như chim ra khỏi trứng. Khi ấy, Hiền giả A-nan kinh hãi, toàn thân rúng động, vội vàng đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên thưa: Lạ thay! Bạch Thế Tôn! Do duyên gì mà cõi đất rung chuyển thế này?

Phật dạy: -Này A-nan! Cõi đất rung chuyển bởi tám nhân duyên. Đất nương trên nước, nước nương nơi gió, gió nương hư không, đôi khi trong hư không gió lớn nổi lên, khiến khối nước bị khuấy động, khối nước động khiến cõi đất rung chuyển theo, đó là duyên thứ nhất. Thứ nữa, A-nan! Khi có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc đại thiên thần quán thê tánh nước nhiêu, quán thê tánh đát ít, hoặc họ muôn thử lực tu của mình, khiến khắp cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ hai. Lại nữa, A-nan! Khi có Bô-tát từ cung trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên tâm bất loạn thì cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ ba. Lại nữa, A-nan! Khi có Bô-tát đản sanh từ hông phải của mẹ? chuyên tâm bất loạn thì khắp cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ tư. Này A-nan! Khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng Chánh giác, chính ngay lúc đó, cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ năm. Thứ nữa, A-nan! Sau khi Phật thành đạo, chuyển pháp luân vô thượng mà Ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người không ai có thể chuyển được thì cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ sáu. Lại nữa, A-nan! Khi Phật giáo hóa sắp hoàn tất, chuyên tâm bất loạn, muốn xả thọ mạng thì khắp cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ bảy. Lại nữa, A-nan! Khi Như Lai nhập Vô dư Niết-bàn53 thì khắp cõi đất rung chuyển, đó là duyên thứ tám. Bởi tám duyên trên mà cõi đất rung chuyển vậy.

52 Nguyên tác: Xả mạng trụ thọ .Theo quan điểm Phật giáo, sanh mạng gồm 3 yếu tố, đó là than căn ,mạng căn và tâm c^.Mạng trong ngữ cảnh nay chíiúi là "thân cān.,, Vì theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xảluận^^T.29. 1558.30. 0155a26, do các uân tương tục nên được gọi là "mạng".Theo Đại trí độ luận F.25. 1509.67. 0528a20,thọ" chính lài mạng căn . 53 Vô dư Niết-bàn I

2. KINH Dư HÀNH 535

Roi The Ton nói bài kê: Vô Thượng, Lưỡng Túc Tôn, Sa-môn soi sáng đời, A-nan hỏi đức Phật, Do đâu đất rung chuyển? Phật vận dụng từ âm, Tiếng như chim Ca-lăng, Ta nói, hãy lăng nghe, Nguyên nhân đất rung chuyển Do đất nương trên nước, Nước lại nương trên gió, Nếu hư không nổi gió, Thì đất bị rung chuyển. Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, Muốn thử thần thông lực, Núi, biển, các cỏ cây, Khắp cõi đất rung chuyển. Phạm, Thích, các thiên thần, Y muôn đát rung chuyên, Núi, biên, các quỷ thân, Cõi đất bị rung chuyển. Bồ-tát,

Lưỡng Túc Tôn, Trăm phước tướng đã đủ, Khi mới vào thai mẹ, Cõi đất liền rung chuyển. Mười tháng ở trong thai, Như rồng cuộn thảm mây, Đản sinh từ hông phải, Cõi đất liền rung chuyển. Phật lúc còn rất trẻ, Dứt trừ day buộc ràng, Thành dạo, thắng vô lượng, Thì cõi đất rung chuyển. Thành Phật, chuyển pháp luân, Nơi vườn Lộc Dã kia, Đạo lực hàng phục ma, Thì cõi đất rung chuyển. Ma Ba-tuần đen thính, Khuyên Phật nhập Niết-bàn, Thế Tôn xả thọ mạng, Cõi đất lại rung chuyển. Đạo sư của trời, người, Vĩnh viễn không tái sanh, Bất động, nhập Niết-bàn, Thì cõi đất rung chuyển. Phật nói tám nhân duyên, Khiên cõi đát rung chuyên, Duyên này hay duyên kia, Cõi đất đều rung chuyển.54 [00l6bl8] Phật lại bảo A-nan: Trên đời có tám chúng. Là tám chúng nào? Chúng Sát-lợi, chúng Bà- la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, chúng Tứ Thiên Vương, chúng Đao-lợi thiên, chúng Ma và chúng Phạm thiên. Ta nhớ thuở xưa đã từng qua lại với chúng Sát-lợi, không biết bao nhiêu lần cùng họ đứng ngôi, nói năng. Do nhờ định lực tinh tân mà nơi nào Ta xuất hiện, hễ họ có sắc đẹp thì Ta đẹp hơn họ, họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn họ, họ từ bỏ Ta đi nhưng Ta không từ bỏ họ, điều họ nói được Ta cũng nói được, điều họ không thê nói Ta cũng nói được. Này A-nan! Ta thuyêt pháp cho họ một cách sâu rộng, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong rồi liền ẩn mất, vậy nên họ chẳng biết Ta là trời hay người. Cũng như thế cho đến chúng Phạm thiên, Ta qua lại với họ không biết bao nhiêu lần, thuyết pháp cho họ một cách sâu rộng nhưng họ chẳng thể biết Ta là ai.

54 Bản Hán, hết quyển 2.

A-nan thưa: -Thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn! Có thể thành tựu được như vậy thật là hiếm có! Phật dạy: Pháp vi diệu hiếm có như vậy, này A-nan, thật kỳ diệu, thật đặc thù, cũng chưa từng có, chỉ Như Lai mới thành tựu được pháp này. [0016c02] Lại bảo A-nan: Như Lai có thể biết được sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của thọ; sự sanh khởi, tôn tại và biên mát của tưởng; sự sanh khởi, tôn tại và biên mát của tư.55 Đây mới là pháp kỳ diệu, đặc thù, chưa từng có của Như Lai, vậy thay hãy thọ trì. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan: - Chúng ta cùng đến Hương Tháp,56*đến bên gốc cây trải tọa cụ ngồi. Rồi Ngài bảo A-nan: Hãy thông báo cho các Tỳ-kheo hiện ở xung quanh Hương Tháp vân tập về giảng đường! A-nan vâng lời làm theo rồi thưa: -Bạch Thế Tôn! Đại chúng đã vân tập, kính đại Thánh biết thời. Thế Tôn liền đến giảng đường, lên tòa ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy nên biết, Ta tu những pháp này mà tự thân tác chứng, thành bậc Giác Ngộ Tối Thượng, đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần,57 bốn thần túc, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác chi58 và Thánh đạo tám chi.59 ở trong pháp này, các thây nên hòa đông kính thuận, chớ tranh cãi nhau, cùng học một thây như sữa hòa với nước, ở trong pháp Ta, hãy siêng năng tu học, nhiệt tâm nỗ lực, chung sống an vui.

55 Nguyên tác: Quán .Biệt dịch là "tư"cetanā, là một trong những tâm sở.
Tham chiếu: S. 12.38 - II. 65: Yañca, bhikkhave, ceteti yañca pakappetỉ yañca anusetỉ, arammanametain hoti viññānassa thitiyā. Arammane sati patitthā viññānassa hoti. Tasmim patitthite viññāne virūlhe āyatim punabbhavābhinibbatti hoti. Này các Tỷ-kheo, cái chúng ta tư niệm, tư lường, có thầm ý, cái ay trở thành sở duyên cho thức

an tnl. Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng, nên trong tương lai, tái hữu sanh khởi, HT. Thích Minh Châu dịch. 56 Hương Tháp ,Kūtāgāra, một hội trường lớn ở khu rừng Mahāvana, gần Vesālī. 57 Nguyên tác: Tứ ý đoạn cũng gọi là "tứ chánh cần". 58 Nguyên tác: Thất giác ý ,cũng gọi là "thất giác chi". 59 Nguyên tác: Hiền thánh bát đạo ,cũng gọi là ubát chánh d@o".

2. KINH Dư HÀNH 537

Tỳ-kheo nên biêt, với những pháp đó, Ta đã tự thân tu chứng, roi hiện được lưu bo nơi Kinh Quán,60 KinhKy-da56162 Kinh Thọ ky,62 Kinh ,63 Kinh Pháp 63 Kinh Tương ưng,65 Kinh Bản duyên,6667 cú,6465 Kinh Thiên bản,6[Kinh Quảng,6869 Kinh Vị tằng hữu,69 Kinh Chứng dụ,70 Kinh Đại giáo.71 Các thầy hãy khéo thọ trì, cân nhác kỹ lưỡng, tùy sự tu hành. Vì sao như vậy? Vì Như Lai trụ thê không còn bao lâu nữa, ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn. Các Tỳ-kheo nghe vậy, thảy đều sửng sốt, hoang mang tột độ, gieo mình xuống đất, cất tiếng khóc than: "Thế Tôn diệt độ sao mau chóng vậy? Đôi mắt thế gian khép lại rồi sao? Thật đau đớn thay, chúng con phải chiu mất mát quá lớn!" Hoặc có Tỳ-kheo thương cảm bi lụy, lăn lộn khóc than, không thể kiềm chế, như rắn bị chém đầu, quằn quại lăn lóc, ngẩn ngơ như kẻ mất hồn. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thây hãy thôi di, đừng bi lụy như vậy! Con người cũng như vạn vật đất trời, đã sanh thì phải diệt, muốn các pháp hữu vi không biến dịch, thật chẳng thể được. Trước đây Ta đã dạy: "Tinh đời luôn thay đổi, có hợp ắt có tan5 thân chăng phải của mình, mạng không thê giữ mãi?9

60 Quán kinh cũng gọi là Khế kinh ,Siưta. 61 Kỳ-dạ Geyyà: Thể kệ lặp lại nội dung đoạn kinh trước, gọi là Trùng tụng ứng tụng ,Ca vinh l 62 Thọ ký ,Veyyākarana. Thể loại này lúc ban đầu được đức Phật dùng để xác định hoặc giải thích giao pháp, về sau nhằm chỉ cho sự xác định quả vị tu chứng của hàng đẹ tử, còn gọi Thọ quyết W, Thọ ky SÈ, Ký biêt , 63 Kệ dịch âm là Già-đà Gāthā, chỉ cho thể loại kinh văn có vần điệu thi kệ như Kỉnh Pháp củ, Trưởng lão Tăng kê, Trưởng lão Ni kệ,... 64 Pháp củ kinh .Đây không phải là tên riêng của Kinh Pháp củ mà là một thể tài kinh điển. về từ nguyên, thê tài kinh điển này bao gôm một bài kệ với 4 câu, tương tự với thê kệ Ưụ-đà-na từng xuất hiện ở các kinh như: Kinh Bổn khởi, quyển 7, quyển 8; Tạp A-hàm quyển 3, quyển 8. Thực chất của thuật ngữ Ưu-đà-na được dịch âm từ chữ Udāna và còn được gọi là Tự thuyêt „Vô vấn tự thuyết . 65 Tương ưng kinh .Theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luân 7.29. 1558.6.0032b26, sở y, sở duyên, hành tướng... gọi là tương ưng ....Như vây, tương img cũng là tên gọi khác của "nhân duyên.„ Nhân duyên dịch âm là Ni-đà-na Nidāna. Theo Đại trí độ luân7.25. 1509.33. 0307ỒỒ05: Ni-đặ-na nghĩa là giáo pháp mà chư Phật nói vốn phát khởi từ nhân duyên. Do nhân duyên gì mà Phạt nói về việc đó. Do có ngươi hỏi nên nói việc này. Theo Luật tạng, vì co người phạm lofnay nên đã kiết giới đó. Tất cả lời dạycua đức Phật đều phát khơi từ nhân duyên nên gọi là Ni-da-na ,fel.
; 66 Bổn duySn cũng gọi là Sanh kinh hoặc

dịch âm là Xà-đa-già ,Jātakd. 67 Thiên b6n cũng gọi là Bổn mạt ,Bổn sự .Pali gọi là Itivuttaka Kỉnh Phật thuyết như vây. 68 Quảng kinh cũng gọi là Phương quảng ,Phương đẳng ,Tỳ-phú-la Vedalld. 69 Vi tằng hữu cũng gọi là A-phù-đa-đạt-ma Abbhutadhammă: Thể loại giáo pháp vô cùng hy hữu và bất khả tư nghì. 70 Chứng dụ kinh :Thể tài kinh điển dùng ví dụ để chứng minh, còn gọi Thí dụ ,Soạn Ẹ1C ? địch âm là A-ba-đà-na ,Avadāna. 71 Đại giáo kinh :Thể tài kinh điển nhàn^mỏượng nghĩa lý tò những lời dạy cô đọng của đức Phật. Do vậy, thể tài này còn được gọi là Quảng diễn ,Quảng phổ #, Luận nghị hoặc Ưu-ba-đề-xa ,Upadesa.

T% Ặ Á FT1 r • 1_ _ Roi The Ton noi kê: Ta nay tự tại, Đen chỗ an ổn, Muốn chúng hòa hợp, Nên nói nghĩa này. Ta nay già rồi, Sống không lâu nữa, Việc làm đã xong, Nay xả thọ mạng. Tỳ-kheo đủ giới, Không nghĩ buông lung. Tự nhiếp, lòng an, Phòng hộ bổn tâm. Sống trong pháp Ta, Ai không buông lung, Sẽ diệt gốc khổ, Thoát vòng tử sanh. [00l7a08] Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hôm nay, vì sao mà Ta khuyên dạy các thầy như thế? Vì Thiên ma Ba-tuần đã đến thỉnh Ta: 'Thật chưa muốn nhập Niết-bàn nhimg nay đã đúng thời, xin Ngài mau diệt d0!” Ta nói: "Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì cần đợi các đệ tử của Ta thành tựu tu tập, cho đến hàng trời, người thấy được thần biến.^, Ba-tuần nói: "Khi xua, lúc Nệài mới thành Chánh giác bên cay A-du-ba Ni-câu-luật gần bờ sông Ni-liên-thien, xứ uất-tỳ- la, tôi có đến khuyến thỉnh Ngài nên nhập Niết-bàn, rằng: 'Nay đã đúng thời, hãy mau diệt độ!9 Lúc đó, Như Lai trả lời: 'Thôi, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niêt-bàn, vì cân đợi các đệ tử của Ta thành tựu tu tập, cho đên hàng trời, người thấy được thần biến thì mới nhập Niết-bàn/Nay các đệ tử Ngài đã thành tựu tu tập, hàng trời, người cũng đã thấy thần biến, chính là đúng thời, hãy mau diệt do!" Ta bảo: "Th6i, thôi, Ba-tuần! Ta tự biết thời. Ta không trụ thế lâu nữa. Ba tháng sau, Ta sẽ nhập Niet-ban?5 Lúc ấy, Ma nghĩ rằng: 'Thật không bao giờ nói dối, chắc chắn Ngài sẽ diệt âộ'\ nên phấn khởi vô cùng, rồi bỗnệ biến mất. Ma Ba-tuần đi khỏi không bao lâu, tại tháp Già-bà-la, Ta nhập định Y tam-muội, xả thân căn, an trụ mạng căn. Ngay lúc ấy, cõi đất rung chuyển, khiến dân chúng cả nước thảy đều kinh hãi, toàn thân rúng động. Rồi Ta phonjg hào quang sáng chói chiếu suốt khắp nơi, ngay cả chúng sanh ở cõi tăm toi nhát nhờ ánh sáng ấy soi đến mà được nhìn thấy lẫn nhau. Bấy giờ, Ta nói kệ: Trong hai hành hữu, vô, Ta nay bỏ hữu vi, Chuyên tâm tam-muội định, Như chim ra khỏi trứng. Bây giờ, Hiên giả A-nan liên đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gói phải quỳ chấm đất, chắp tay hướng Phật thưa: Cúi mong Thế Tôn trụ thêm một kiếp, chớ vội diệt độ, hãy thương xót chúng sanh, làm lợi ích cho hàng trời, người. Khi ấy, Thế Tôn im lặng không đáp. A-nan thưa thỉnh đến lần thứ ba, Phật bảo: - Này A-nan! Thầy có tin đạo Chánh giác của Như Lai không? [00l7b02] Thưa, con tin chắc! Nếu thầy tin, sao còn ba lần làm phiền Ta như vậy? Thầy đích thần nghe từ Phật, đích thân lãnh thọ từ Phật: "Người nào thường xuyên tu tập bốn thần

túc, ghi nhớ không quên thì tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. Như Lai đã tu tập nhiều vê bốn thần túc, thường nhớ không quên, cho nên tùy theo ý muốn, Nhu Lai có thể trụ thế hơn một kiếp, xua tan bóng tối cho đời, đem lại lợi ích, an lạc cho hàng trời, người/9 Tại sao lúc đó thầy không thỉnh Như Lai đừng diệt độ? Nghe lan thứ hai, roi đen lan thứ ba, thay vẫn không thỉnh Như Lai trụ thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp đe xua tan bóng tối cho đời, đem lại lợi ích, an lạc cho hàng trời, người. Nay thầy mới thỉnh, hẳn là chẳng muộn lắm sao? Ta ba lần hiện tướng, thầy ba lần yên lặng. Sao lúc đó thầy không thưa với Ta rằng: "Nhu Lai hãy trụ thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp, xua tan bóng tối cho đời, đem lại lợi ích, an lạc cho hàng trời, ngu&i." Hãy thôi, A-nan! Nay Ta đã xả thọ mạng, một khi đã xả đã bỏ rồi, lại muốn Như Lai làm trái với lời đã nói thì khônẹ thể được. Ví như trưởng giả giàu sang đã nhổ thức ăn xuống đất, thử hỏi ông áy có nhặt lên ăn lại nữa không? Thưa không! Như Lai cũng thế, đã bỏ đã nhổ rồi thì đâu có thể nuốt lại lời nói của mình. Phật bảo A-nan cùng đến thôn Am-bà-la.72 Do vậy, A-nan cùng đại chúng thu dọn y bát theo Thế Tôn ngang qua các ngả đường Bạt-kỳ đến thôn Am-bà- la, rồi dừng lại tại một khu rừng. Lúc đó? Phật vì đại chúng mà dạy về giới, đinh, tuệ. Tu giới đắc định, được quả báo lớn; tu định đắc tuệ, được quả báo lớn; tu tuệ tâm tịnh, được i thoát hoàn toàn, dứt sạch ba thứ phiền não là phiền não trong cõi Dục, phiền não trong cõi sắc, vô sắc và vô minh trong ba cõi. Đã được giải thoát thì phát sanh trí tuệ giải thoát, biết như thật: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa. Sau khi tùy nghi an trú tại thôn Am-bà-la một thời gian, Thế Tôn bảo A-nan: Các thầy hãy chuẩn bị, chúng ta sẽ đến thôn Chiêm-bà?73 thôn Kiển-trà,74 thôn Bà-lệ-bà75 và thành Phụ-di.76 A-nan đáp: Thưa vâng! Tức thời, A-nan thu xếp y bát, cùng đại chúng tháp tùng Thế Tôn theo các ngả đường Bạt-kỳ đi dần đến các thành khác, rồi dừng lại tại rừng Thi-xá-bà,77 phm^c Phv-ñ. ạ 4

Tại nơi ấy, Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Ta sẽ nói cho các thầy nghe bốn Giáo pháp lớn. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

72 Am-bà-la thôn ,Ambagāma.

73 Chiêm-bà thôn ,Campagāma.

74 Kiển-trà thôn ,Bhandagāma.

75 Bà-lệ-bà thôn ,Pāvā.

76 Phụ-di thành Bhoganagara.

77 Thi-xá-bà lâm Simsapāvana.

[0017c02] Các Tỳ-kheo thưa: Thưa vâng, bạch Thê Tôn! Chúng con vui lòng muôn nghe. Bốn Giáo pháp lớn là: Nếu có Tỳ-kheo nào nói như vầy: "Này chư Hiền! Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ Phật, đích thân lãnh thọ Giáo pháp này." Nghe như thê, chớ nên không tin, chớ nên bài bác, các thây hãy y cứ vào Kinh để suy nghiệm sự đúng sai, y cứ vào Luật, y cứ vào Pháp mà cứu xét tường tận ngọn nguồn. Nếu nhận thấy lời ấy không đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói: 'Thật không dạy như thế, thầy đã nghe làm rồi! Vì sao? Vì tôi đã y cứ vào Kinh, Luật, Pháp

nhận thấy điều thầy nói trái với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Chớ nên thọ trì, chớ dạy cho người và hãy từ bỏ điều âỏy Nếu xét thấy lời ấy đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói với họ: “Biểu thầy vừa nói đúng với lời Phật dạy. Vì sao? Vì tôi y cứ vào Kinh, vào Luật, vào Pháp và nhận thấy tương ưng với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Các thầy nên thọ tri, giảng rộng cho người, cẩn thận chớ b6." Đó là Giáo pháp lớn thứ nhất. Lại nữa, có Tỳ-kheo nói như vây: "Tôi ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, ở trong một đại chúng hòa hợp, toàn bậc Trưởng thượng đa văn, đích thân nghe các vi ấy dạy, đích thân lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.” Nghe như thế, chớ nên không tin, chớ nên bài bác mà hãy y cứ vào Kinh đe suy nghiệm chỗ đúng sai, y cứ vào Luật, y cứ vào Pháp mà cứu xét tường tận ngọn nguồn. Nếu nhận thấy lời ấy không đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói: 'Thật không dạy như thế, ông đã nghe lầm rồi! Vì sao? Vì tôi đã y cứ vào Kinh, Luật, Pháp, nhận thấy điều ông nói trái với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Chớ nên thọ trì, chớ dạy cho người và hãy từ bỏ điều d6. Nếu xét thấy lời ấy đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói với họ: "Diều ông vừa nói đúng với lời Phật dạy. Vì sao? Vì tôi y cứ vào Kinh, vào Luật, vào Pháp, nhận thấy nó tương ưng với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Các ông nên thọ trì, giảng rộng cho người, cẩn thận chớ b6.” Đây là Giáo pháp lớn thứ hai. Lại có Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia, ở trong một hội chúng Tỳ-kheo trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, đích thân nghe các vị ấy dạy, đích thân lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.” Nghe như thế, chớ nên không tin, chớ nên bài bác mà hãy nên y cứ vào Kinh để suy nghiệm chỗ đúng sai, y cứ vào Luật, y cứ vào Pháp mà cứu xét tường tận ngọn nguồn. Nếu nhận thấy lời ấy không đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói: 'Thật không dạy như thế, ông đã nghe lầm rồi! Vì sao? Vì tôi đã y cứ vào Kinh, Luật, Pháp nhận thấy điều ông nói trái với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Chớ nên thọ trì, chớ dạy cho người và hãy từ bỏ điều d6.‘ Nếu xét thấy lời ấy đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói với họ: "Biểu ông vừa nói đúng với lời Phật dạy. Vì sao? Vì tôi y cứ vào Kinh, vào Luật, vào Pháp và nhận thấy tương ưng với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Các ông nên thọ trì, giảng rộng cho người, cẩn thận chớ bỏ,99 Đó là Giáo pháp lớn thứ ba.

2. KINH Dư HÀNH 541

[0018a09] Lại có Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ một vị Tỳ-kheo trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi dạy, đích thân lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo nSy." Nghe như thế, chớ nên không tin, chớ nên bài bác mà hãy nên y cứ vào Kinh để suy nghiệm chỗ đúng sai, y cứ vào Luật, y cứ vào Pháp mà cứu xét tường tận ngọn nguồn. Nếu nhận thấy lời ấy không đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói: 'Thật không dạy như thế, ông đã nghe lầm rồi! Vì sao? Vì tôi đã ỵ cứ vào Kinh, Luật, Pháp và nhận thấy điều ông nói trái với pháp Phật dạy. Hiền sĩ! Chớ nên thọ trì, chớ dạy cho người và hãy từ bỏ điều d6." Nếu xét thấy lời ấy đúng với Kinh, với Luật, với Pháp thì hãy nói với họ: “Biểu ông vừa nói đúng với lời Phật dạy. Vì sao? Vì tôi y cứ vào Kinh, vào Luật, vào Pháp và nhận thấy tương ưng với pháp Phật dạy. Hiên sĩ! Các ông nên thọ trì, giảng rộng cho người, cân thận chớ b6.” Đây là Giáo pháp lớn thứ tư. Sau khi tùy nghi an trụ tại thành Phụ-di một thời gian, Thế Tôn bảo Hiền giả A-nan hãy đến thành Ba-bà. A-nan vâng lời, chỉnh y ôm bát cùng đại chúng tháp tùng

Thế Tôn ngang qua ngả đường Mạt-la để đến khu vườn Xà-đầu, thành Ba-bà. Bấy giờ, có người thợ rèn tên Chau-na78 nghe đức Phật từ Mat-la đến thành này, liền y phục chỉnh tề đến chỗ Thế Tôn, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Lúc đó, Phật lần lượt vì Châu-na mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.79 Nghe Phật dạy xong, với tín tâm hoan hỷ, Châu-na liền thỉnh Phật sáng mai đến nhà thọ trai. Đức Phật im lặng nhận lời. Biết thế rồi, Châu-na bèn đứng dậy, đảnh lễ Phật rồi ra về. Ngay trong đêm đó, ông sửa soạn đây đủ thức ăn, sáng hôm sau đúng giờ đến thưa: Bạch Thế Tôn! Đã đến giờ thọ trai, kính đại Thánh biết thời. [0018b03] Thế Tôn đắp y ôm bát, cùng đại chúng theo sau đến nhà Châu-na, roi ngôi xuông chô được soạn săn. Châu-na bày biện thức ăn cúng Phật và chư Tăng. Ông lại nấu riêng nấm chiên-đàn5 là loại thức ăn quý hiếm trên đời, đem dâng cúng Phật. Thấy vậy, Phật bảo Châu-na: uChớ đem nấm này dọn cho các Ty-kheo.” Châu-na vâng lời, ngay đó dừng lại. Nhưng khi ây lại có một vị Tỳ- kheo lớn tuổi, xuất gia lúc vê già, đứng dậy bưng uông chén nước nam còn dư. Khi thấy đại chúng đã thọ thực, rửa bát, uống nước xong, Châu-na bèn đối trước Phật dùng kệ thưa: Xin hỏi Đại Thánh Trí, Chánh Giác, Lưỡng Túc Tôn, Khéo điều phục thân tâm, Đời mây hạng Sa-môn? Đức Thế Tôn dùng kệ đáp: A

Như lời ông vừa hỏi, CÓ bôn hạng Sa-môn, Chí hướng họ không đồng, Ông hãy nhận biết rõ.

78 Châu-na ,Cunda còn gọi Thuần-đà . 79 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

Một, hành đạo thù thăng, Hai, khéo giảng đạo nghĩa, Ba, nương đạo sinh sông, Bốn, làm ô uế đạo. Sao hành đạo thù thắng? Sao khéo giảng đạo nghĩa? Sao nương đạo sinh song? Sao khiến ô uế đạo? Thoát rừng gai ân ái, Quyết chắc vào Niết-bàn, Vượt hẳn đường trời, người, Là hành đạo thù thắng. Khéo giải nghĩa bậc nhất, Giảng đạo, không bẩn nhơ, Nhân từ, giải nghi ngờ, Là hạng khéo thuyết đạo. Khéo nêu bày pháp cú, Nương đạo mà an trụ, Ngưỡng vọng cõi vô cau, Là nương đạo sinh sống. Trong ôm lòng gian tà, Ngoài vờ sống thanh sạch, Giả dối không thành thật, Là hạng làm nhơ đạo. Thế nào gồm thiện, ác? Tịnh, bất tịnh hỗn tạp, Bên ngoài hiện tốt đẹp Như đồng được mạ vàng. Người đời thấy thế bảo, "Đệ tử bạc Thánh Trí, Những vi khác không bang, Chớ bỏ lòng tịnh tín." Người hộ trì đại chúng, Trong nhơ mà ngoài sạch, Sự gian tà che kín, Kỳ thực lòng phóng đãng. Chớ trông dáng bên ngoài Mà vội vàng thân kính, Sự gian tà che kín, Kỳ thực lòng buông lung. [0018c07] Rồi Châu-na đến ngồi bên Phật trên một cái ghế nhỏ. Thế Tôn liền vì ông mà tuần tự thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.80 Sau đó, đại chúng tháp tùng Thế Tôn quay về, giữa đường Phật dừng lại bên một gốc cây, bảo A-nan: - Ta đau lưng, hãy trải tọa cụ để nghỉ! A-nan đáp: Thưa vâng! Sau đó, A-nan lại trải tọa cụ ngồi xuống trước Phật. Thế Tôn hỏi A-nan: Vừa rồi Châu-na có ý gì hối hận không? Nếu có thì do đâu mà có?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn! Châu-na cúng dường Phật như thế không được phước lợi gì cả. Vì sao như vậy? Vì Như Lai thọ trai lần cuối tại nhà ông ta, rồi lại nhập Niết-bàn.

Phật dạy A-nan: —Chớ nói như vậy, chớ nói như vậy! Hiện nay, Châu-na được lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức khỏe, được tiếng tốt, khi sống được giàu sang, lúc quá vãng được sanh thiên, sở cầu như ý. Vì sao như vậy? Vì bữa cơm cúng Phật khi mới thành đạo và bữa cơm cúng Phật khi sắp diệt độ công đức như

80 Nguyên tác: Thi, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

nhau, không khác gì cả. Thầy hãy đến nói với Châu-na thế này: "Tôi đích thân nghe từ Phật, đích thân lãnh thọ lời Phật dạy rằng: 'Châu-na đã thiết trai cúng dường, nay được lợi lớn, được quả báo lớn.'" Vâng lời Phật dạy, A-nan liền đến nói với Châu-na: uTôi đích thân nghe từ Phật, đích thân thọ giáo từ Phật rằng: 'Châu-na đã thiết trai cúng dường, nay được lợi lớn, được quả báo lớn. Vì sao như vậy? Bữa cơm cúng Phật khi mới thành đạo và bữa cơm cúng Phật khi sắp diệt độ công đức như nhau, không khác gì cả.'" Thọ trai nhà Châu-na, Mới nghe lời nói này, Bệnh Như Lai trở nặng, Thọ mạng đã săp tàn. Tuy ăn nấm Chiên-đàn, Nhưng bệnh không thuyên giảm, Ôm bệnh mà lên đường, Lần đến thành Câu-di. [0019a01] Thế rồi, đức Phật vẫn đứng dậy đi tiếp, được một đoạn đường ngăn thì Ngài dừng lại bên một góc cây, bảo A-nan: -Ta đau lung quá, hãy trải tọa cụ để nghỉ! Thưa vâng! A-nan trải chỗ cho Phật nghỉ xong, đảnh lễ Phật rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, có đệ tử của một vị A-la-hán tên là Phúc Quý,81 đang đi từ thành Câu-di-na-kiệt82 đến thành Ba-bà, giữa đường bỗng nhìn thấy Phật ngồi bên cội cây, dung mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, tâm ý điều nhu, vắng lặng bậc nhất, ví như rồng lớn, như nước lắng trong, không chút bợn nhơ. Thấy vậy, ông rất hoan hỷ, phát khởi thiện tâm, bèn đến chỗ Phật cung kính đảnh lễ, ngồi xuống một bên rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn! Người xuất gia ở chỗ thanh vắng, ưa thích nhàn tinh, thật kỳ diệu thay! Dù có năm trăm cỗ xe chạy qua gần bên, họ vẫn không nghe thây! Có lân, thây con tĩnh tọa dưới một cội cây ven đường năm giữa hai thành Câu-di-na-kiệt và Ba-bà, lúc đó năm trăm cỗ xe ầm ầm chạy qua, thầy vẫn tỉnh thức nhưng không nghe thấy.83 Khi ấy, có một người đến hỏi thầy con: "Vừa rồi có đoàn xe chạy ngang qua đây, ông có thấy chng?" Đáp: "Không thấy!" Hỏi: "Vậy có nghe chang?99 Đáp: "Không nghe!" Hỏi: "ông ở đây hay đi chỗ khác?" Đáp: "ở đay!" Hỏi: "ông vẫn tỉnh táo đấy chứ?" Đáp: “Y tih!” Hỏi: "ông thức hay ngủ?y Đáp: "Không ngủ!^, Nghe vậy? người ấy thầm nghĩ: "Thật hiếm có! Người xuất gia tâm ý chuyên nhất, tu tập tinh tấn mới được như vậy, dẫu

81 Phúc Quý ,Pukkusa. 82 Câu-di-na-kiệt Kusinārā. 83 Nguyên tác: Giác nhi bất văn :Tỉnh mà không thấy, không nghe. Theo ngữ cảnh kinh văn, đây làạng thái thiền định của thầy Phúc Quý, vị đã thành tựu Sơ thiền. Căn cứ vào Thập thượng kỉnh rõi. 0001. lO.Ạ 0056c29: Nếu vào Sơ thiền thì gai nhọn âm thanh bị diệt trừ; vao Nhị thiên thì gai nhọn:'giSc" tức "t2m'‘2 và "qiún'c "tứ',bị diệt trừ. Từ sự kiện không nghe âm thanh, không thấy sự kiền đang diễn ra, đã cho thấy rằng, vị này đang nhập từ Sơ thiền rồi đến Nhị thiền. Đoạn kinh sau đề cập về đức Phật cũng nằm trong nội dung này nhưng ơ mức độ thâm sâu hơn.

xe cộ ầm ầm chạy qua, đang tỉnh thức mà vẫn không nghe!" Rồi vi ấy thưa với thầy con: "Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua đường này, ồn ào chấn động như thế mà ông còn không nghe thấy, có đâu thấy nghe chuyện kh9c!" Nói xong, vi đảnh hoan hy tư bS ẹ 1

Phật bảo Phúc Quý: Nay Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp! Đoàn xe chạy qua ầm ầm như thế, tỉnh thức nhưng không nghe, so với tiếng sấm sét chấn động đất trời, tỉnh thức vẫn không nghe, trong hai trường hợp đó, cái nào khó hơn? Phúc Quý bạch Phật rằng: - Ngàn vạn cỗ xe sao bằng sấm sét? Không nghe tiếng xe chưa hẳn là khó, sấm sét chấn động trời đất, tỉnh giác mà không nghe mới thật là khó. Đức Phật bảo Phúc Quý: Có lần Ta du hóa đến thôn A-việt, an trú trong một lều tranh. Lúc đó, có đám mây lạ cuồn cuộn nôi lên, sâm sét vang rên chân động, đánh chét bôn con bò đực và hai anh em người đi cày. Thế nên mọi người xúm lại đông đảo. Bấy giờ, Ta ra khỏi lều rồi đi kinh hành chung quanh. Trong đám đông ấy, có một người đến chỗ Ta cung kính đảnh lễ rồi theo Ta kinh hành. Dù đã biết nhưng Ta vẫn hỏi: "Người ta tụ tập làm gì đông thế?" Người ấy liền hỏi: "Nãy giờ Phật ở đâu? Thức hay ngiỉ?" Đáp: "Ta ở đây, cũng không ngủ.^ Người kia tán thán cho là việc hiếm c6, chưa từng thấy ai đắc đinh như Phật, sấm sét rền vang chan độnạ đất trời như the mà riêng Ngài vẫn đinh tĩnh, tỉnh thức mà vẫn không nghe. The rồi người kia bạch với Ta: ULÚC nãy có mây lạ kéo đến, sấm sét rền vang, rúng động đất trời, đánh chết bốn con bò đực và hai anh em người đi cẳy, vì thê mà nhiêu người tụ tập đông đảo như vậyy Ngay lúc ây, người kia đác được pháp hy, đảnh lễ Ta rồi ra đi. [0019b07] Bấy giờ, Phúc Quý đang mang hai tấm y màu vàng tri giá cả trăm ngàn, liền khởi thân đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật: Nay con xin dâng cúng hai tâm y quý này, cúi xin Thê Tôn nạp thọ! Đức Phật bảo Phúc Quý: Ong hãy dâng Ta một tâm, còn một tâm đem cúng dường A-nan! Phúc Quý vâng lời Phật dạy, đem một tấm dâng Thế Tôn, một tấm cúng dường A-nan. Đức Phật vì thương ông nên nhận lãnh. Phúc Quý đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Phật vì ông lần lượt thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.84 Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, chỉ rõ dục là tai họa, ô uế, bất tinh, phiền não là chướng ngại, xuất ly là tối thượng. Ngay lúc ấy, Thế Tôn nhận thấy tâm ý Phúc Quý đã nhu hòa, phiền não được gi4m thiểu, dễ bề khai hóa. Do đó, y theo pháp chư Phật, Ngài dạy tiếp về kho Thánh đế, khổ tập, khổ diệt và kho đạo Thánh đế. Bấy giờ, với tín tâm

84 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

r r y r thanh tịnh như tâm vải frang sạch rát dê nhuộm màu, ngay lúc ây, Phúc Quý đã xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, thấu rõ thực tướng các pháp, thấy pháp đắc pháp, quyết định trụ chánh đạo, không đọa đường ác, thành tựu vô úy, liền bạch Phật ba lần: "Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng! Cúi mong Như Lai chấp nhận cho con làm ưu-bà-tắc trong Chánh pháp của Ngài. Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không noi dôi và không uống rượu. Cúi

mong Như Lai chấp nhận cho con làm iru-bà-tắc trong Chánh pháp của Ngài!" Và ông thưa tiếp: Bạch Thế Tôn! Khi nào Ngài du hóa đến thành Ba-bà, xin hãy hạ cố đến xóm nghèo của con! Vì sao như vậy? Vì con muốn đem hết những vật dụng đang có trong nhà như món ăn thức uống, giường chõng, y phục, thuốc men dâng cúng Thế Tôn. Một khi Ngài nạp thọ, cả nhà con được an vui. Phật dạy: Điêu ông vừa nói quả là lành thay! Thế rồi? đức Phật lại vì Phúc Quý mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho hoan hỷ. Sau đó, Phúc Quý đứng dậy cung kính đảnh lễ Phật, hoan hy ra đi. Không lâu sau đó? A-nan đem tấm vải vàng của mình dâng cúng Như Lai, Phật vì thương A-nan nên nhận lãnh, rồi khoác lên thân. Bấy giờ, dung nhan đức Phật điềm nhiên, hào quang tỏa sáng, các căn tịch tịnh, sắc diện tươi vui. A-nan thấy vậy, thầm nghĩ: "Minh theo hàu Phật đã hai mươi lăm năm, chưa bao giờ thấy sắc diện Ngài tươi sáng như hôm nay." Thế rồi, A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gối phải quỳ chấm đất, chắp tay bạch Phật: - Con theo hầu Thế Tôn đã hai mươi lăm năm rồi, chưa bao giờ thấy sắc diện Ngài tươi sáng như hôm nay. Chẳng hiểu vì lý do gì? Con mong được biết! [0019c06] Phật bảo A-nan: Có hai nhân duyên khiến sắc diện Như Lai sáng đẹp hơn bình thường: Lúc mới đắc đạo, thành Vô Thượng Chánh Chân Giác và lúc sắp diệt độ, xả thọ mạng nhập Niết-bàn. Này A-nan! Do hai duyên ấy mà sắc diện Như Lai sáng đẹp hơn bình thường. The Ton liên noi kẹ: Y vàng rất sáng đẹp, Mem mại thật tinh tươm, Phúc Quý dâng Thế Tôn, Như hào quang tuyết trắng. Rồi Phật bảo A-nan: Ta khát, muốn uống nước, hãy đem nước lại đây!

A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua sông này, khiến nước vẩn đục, chưa lắng trong lại nên chỉ có thể dùng rửa chân chứ không uống được.

Đức Phật lại bảo: -A-nan! Hãy đem nước lại đây. / y

Đên lân thứ ba, A-nan thưa: Bạch Thê Tôn! Chỉ có sông Câu-tôn cách đây không xa, nước vừa trong 9 r 9 r

vừa mát, có thê uông được, cũng có thê tăm gội. Khi ấy, có vi quỷ thần sống ở núi Tuyết, vốn một lòng tin Phật đạo, liền lấy bát đựng nước sạch đủ tám công đức, dâng lên The Tôn. Phật thương tưởng vị ấy bèn nạp thọ, rồi nói kệ: Ta dùng âm tám loại85 Bảo A-nan lấy nước, "Ta khát, nay muốn uống, Uống xong, đến Câu-thi5\ Tiếng diu dàng, hòa nhã, Người nghe đều vui lòng. Thị gia nau ben Ta, Liên bạch với Ta răng, "C6 năm trăm cỗ xe, Lội sông sang bờ kia, Khiến dòng nước đục ngầu, Uông chác không được khỏe. Sông Câu-tôn không xa, Nước mát, rát trong sạch, Đen đó có thể uống, Cũng có thể tắm g0i." Quỷ thần nơi núi Tuyết, Dâng nước lên Như Lai, Uông xong, thêm oai dũng, Sư tử bước giữa chúng. Sông ấy, có rồng thần, Nước trong, không bợn nhơ, Tôn nhan như núi Tuyết, Thong thả đến Câu-tôn. [0020a03] Thế rồi, đức Phật đến sông Câu-tôn, uống nước, tắm gội xong, Ngài cùng đại chúng tiếp tục hành trình. Giữa đường Phật dừng lại bên một gốc cay, bảo Tỳ-icheo Châu-naỉ86 Thây hãy lây y Tăng-già-lê gap làm tư roi trải ra. Ta đau limg quá, muôn tạm nghỉ tại đây. Châu-na vâng lời, trải y xong thì Phật ngồi xuống. Khi ấy, Châu-na đảnh lễ Phật, ngồi qua một bên rồi thưa: Bạch Thế Tôn!

Con muốn nhập Niết-bàn! Con muốn nhập Niết-bàn!

Phật bảo: Thầy nên biết đã đúng thời!

85 Nguyên tác: Bát chủng âm ().Phạm-ma kinh (roi. 0026.161. 0687b28-0687c02) ghi: Một là trâm lãng, hai là nhu nhuyên, ba là nhập tâm, bôn là đáng yêu, năm là tròn đây, sáu là sông động, bảy là rõ ràng, tám là trong trẻo, khiến cho mọi người mến chupng, ưa thích, ghi nhơ và định tâm G8EfÁ).Lưu ý: Tỳ-ma-lâu-bá ()có thê được dịch âm từ sukhumāla (nhu nhuyên, tinh vi). Theo D. 18, tám yêu tô của Phạm âm gôm: lưu loát, dễ hiêu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung man, phân minh, thâm sâu và vang động (HT. Thích Minh Châu dịch). 86 Châu-na (Cuiyỉaka), một trong những vị Tỳ-kheo thị giả Phật trong hành trình đến Câu-thi- na. Không nên nhầm lẫn vơi Châu-na [,Cunda hay Cundaka) còn gọi Thuần-đà, cư sĩ thợ rèn ở đoạn trên.

2. KINH Dư HÀNH 547

Thế là Châu-na liền ở trước Phật mà nhập Niết-bàn. Bấy giờ, Phật nói bài kệ: Phật đến sông Câu-ton, Trong sạch, không đục nhơ, Nhân Trung Tôn xuống sông, Tắm xong, lại lên đường. Đạo sư của đại chúng, Bảo với Châu-na rằng, "Nay thân Ta rất mệt, Hãy mau trải chỗ nằm.^, Châu-na vâng lời Phật, Gấp y trải làm tư, Như Lai tạm ngơi nghi, Châu-na ngôi trước mặt, Liền bạch với Thế Tôn, “Con muốn được diệt độ? Vào chốn không ghét, yêu, Nay mong đến phương ấy." Đấng Cong Đức Vô Lượng, Đức Tối Thắng dạy rằng, "Việc thầy đã làm xong, Nay hãy nên biết thgi." Thấy Phật đã hứa khả, Châu-na càng tinh tấn, Diệt sạch tất cả hành, Như dầu hết, đèn tắt. Bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, nghi thức an táng phải thực hiện như thế nào? Phật bảo A-nan: Thây cứ yên tâm, hãy lo đạo nghiệp, việc áy đã có các nam cư sĩ săn lòng lo liệu! Nhưng A-nan vẫn hỏi đôi ba lần: Bạch Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, nghi thức an táng phải như thế nào?

Đức Phật bảo: Muôn biêt nghi thức an táng của Như Lai như thê nào thì hãy y theo nghi thức an táng của Chuyên Luân Thánh Vương! A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn! Nghi thức an táng Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào? Đức Phật bảo A-nan: Nghi thức an táng Chuyển Luân Thánh Vương thế này: Trước hết, dùng nước thơm tăm rửa thi thê, dùng năm trăm tâm vải kiêp-bôi quân quanh nhục thân năm trăm lớp, rồi đặt vào bên trong kim quan đã được rưới tẩm dầu mè, tiếp đó đặt kim quan vào trong quách sắt lớn, rồi đặt tiếp quan quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ chiên-đàn, ke đó đem các loại hương quý cùng những tấm vải dày xếp lên trên rồi tiến hành hỏa táng. Sau khi hỏa táng xong, thâu nhặt xá-lợi, dựng tháp, treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng nhìn thấy tháp Thánh Vương, tưởng nhớ công lao tri vì chân chánh của vua, như thế liền được nhiều lợi ích. Này A-nan! Muôn an táng Như Lai cũng vậy, trước hét dùng nước thơm tăm rửa kim thân, dùng năm trăm tấm vải kiếp-bối quấn quanh thân năm trăm lớp,

548 KINH TRƯỜNG A-HÀM

rồi đặt vào bên trong kim quan đã được rưới tẩm dầu mè, tiếp đó đặt kim quan vào trong quách sắt lớn, rồi đặt tiếp quan quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ Chiên-đàn? kế đó đem các loại hương quý cùng những tấm vải dày xếp lên trên rồi tiến hành trà-tỳ. Sau đó, thâu nhặt xá-lợi, dựng tháp, treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng nhìn thây tháp Phật mà tưởng nhớ công đức truyền bá Chánh pháp của Như Lai, như thế sống được phước lợi, chết sẽ sanh thiên. Bấy giờ, Thế Tôn quán sát lại nghĩa này rồi nói kệ: A-nan liền đứng dậy, Quỳ xuống bạch Thế Tôn, "Nhu Lai diệt độ rồi, Sẽ an táng ra sao?" A-nan! Cứ yên tâm, Hãy tư duy đạo hạnh, Nam cư sĩ trong nước, sẵn lòng lo việc ấy. A-nan thỉnh ba lần? Phật dạy táng Chuyển Luân, Muốn an táng Như Lai, Quấn vải, đặt vào quách, Ngã tư dựng tháp thờ, Đe chúng sanh lợi ích, Những ai đến kính lễ, Đêu được phước vô lượng. [0020Ồ21] Đức Phật lại bảo A-nan: Trên đời có bốn hạng người đáng được dựng tháp thờ, dâng hương hoa, phướn lọng, kỹ nhạc để cúng dường, đó là Như Lai, Độc Giác, Thanh văn và Chuyên Luân Thánh Vương. Bôn hạng trên đây đáng được xây tháp thờ, dâng hương hoa, phướn lọng và kỹ nhạc cúng dường. Roi The Ton nói kê: Phật đáng dựng tháp nhất, Đen Độc Giác, Thanh văn, Va Chuyển Luân Thánh Vương, Thống lãnh bốn thiên hạ. Bốn hạng nên cúng dường, Như Lai đã chỉ dạy, Phật, Độc Giác, Thanh văn, Và Chuyển Luân Thánh Vương. [0020c01] Đức Phật lại bảo A-nan: - Hãy đến khu rừng Sa-la Song Thọ của dòng họ Mạt-la ở thành Câu-thi! -Thưa vâng! Tức thì, A-nan cùng đại chúng tháp tùng Thế Ton tiếp tục lên đường. Giữa đường, bỗng gặp một Phạm chí từ thành Câu-thi đến thành Ba-bà. Từ xa trông thấy Thế Tôn dung mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, ông rát hoan hỷ, sanh khởi thiện tâm, liền đến trước Phật thưa thỉnh thăm hỏi, rồi đứng sang một bên và bạch: - Thế Tôn! Thôn con ở cách đay kh6ng xa, kính mong đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm, sáng mai thọ trai xong rồi hãy đến thành Câu-thi. Đức Phật bảo Phạm chí: Thôi, thôi! Như vậy là ông đã cúng dường Ta rồi. Khi ấy, Phạm chí ân cần thưa thỉnh đến ba lần mà Phật vẫn từ chối, cuối cùng Ngài đành bảo: A-nan ở đăng sau kia, ông hãy đên đó tỏ ý!

2. KINH Dư HÀNH 549

Phạm chí liền vâng lời Phật đến chỗ A-nan. Sau khi thăm hỏi xong, ông đứng qua một bên roi thưa: Thôn con ở cách đây không xa, muốn thỉnh đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm, sáng mai thọ trai xong rồi hãy đến thành Câu-thi! A-nan đáp: Thôi, thôi, Phạm chí! Như vậy là ông đã được cúng dường Thế Tôn rồi. Phạm chí lại ân cần thỉnh đến ba lần nhưng A-nan đều đáp: Trời quá nóng bức, thôn kia còn xa mà Như Lai đã quá mệt, không đủ sức đi nữa. Bấy giờ, Thế Tôn suy ngẫm nghĩa này, bèn nói kệ: Đấng Tịnh Nhãn bước di, Rất mệt, đến Song Thọ, Phạm chí từ xa thấy, Vội đến cúi đầu thưa, "Thôn con ở gần đây, Xin thương, lưu một đêm, Sáng mai thiết cúng dường, Rồi hãy đến thành k"." "Phạm chí! Ta rất mệt, Đường xa, không thể qua, Thầy Giám tạng87 đằng sau, Hãy đến đó hỏi y." Phạm chí vâng lời Phật, Liền đến chỗ A-nan, “Xin hãy đến thôn con, Sáng thọ trai rồi di. A-nan đáp: "Th6i, thôi, Trời nóng, không đến dugc", Ba lần chẳng toại ý, Buồn bã, lòng không vui, Than ôi! Pháp hữu vi, Biến đổi, không dừng nghỉ. Nay tại rừng Song Thọ, Diệt ngã, thân vô lậu, Phật, Độc Giác, Thanh văn, Tất cả đều hoại diệt, Vô thường không chọn lựa, Như lửa đốt núi rừng. [0021a02] Bấy giờ, Thế Tôn vào

thành Câu-thi, đến giữa khu rừng Song Thọ của dòng họ Mạt-la, nơi Ngài đã sanh trưởng ở kiếp trước88 rồi bảo A-nan: Thây hãy trải chô cho Như Lai năm giữa hai cây Sa-la, đâu quay vê hướng Bắc, mặt quay về hướng Tây. Vì sao như vậy? Vì giáo pháp Như Lai sẽ được truyền bá lâu dài ở phương Bắc! A-nan đáp: Thưa vâng! Tức thì A-nan lo sửa soạn chô năm, đâu quay vê hướng Bác. Thê Tôn tự lây y Tăng-già-lê gấp làm bốn rồi đắp lên mình, nằm nghiêng hông bên phải như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau.

87 Giám tạng chỉ cho người giám sát, quản lý, sắp đặt công việc, tức Tôn giả A-nan.
88 Nguyên tác: Hướng bổn sanh xứ .Hướng dùng với nghĩa là 4íđã qua".Theo Du hành kinhroi. 0001.2. 0024b18, đức Phật đã xác đính rang, Ngài đa nhiều lần sanh ra và chết đi ở thành này. Kinh,ghi: “Này A-nan! Ta nhớ Ta đã từng 6 lần tái sanh làm Chuyển Luân Thánh Vương rồi gởi lại xương cốt ở nơi nAy."

Lúc đó, nơi rừngỉ
Song
.
Thọ này có quỷ thân vôn dóc lòng tin Phật, bèn nhặt hoa trái mùa rải kháp cúng dường. Khi ây, đức Phật bảo A-nan:
Thần Song Thọ này đã rải hoa trái mùa cúng dường Ta nhưng đây chẳng phải chân thật cúng dường Như Lai.
A-nan thưa:
Thế nào gọi là chân thật cúng dường Như Lai?
Phật bảo A-nan: Người nào có thể lãnh thọ và thực hành giáo pháp, mới gọi là chân thật cúng dường Như Lai. Đức Phật suy ngẫm nghĩa này và nói kệ rằng: Giữa hai thân Sala, Phật năm, tâm chăng động, Thọ thần tâm thanh tinh, Lấy hoa rải lên Phật. A-nan bạch Phật ràng, “Sao mới gọi cúng dường?,, "Thọ pháp và hành pháp, Hoa giác ngộ cúng dâng. Hoa vàng như bánh xe, Dâng Phật chưa phải cúng, Uẩn, xứ, giới,89 vô ngã, Là cúng dường bậc nhất.” LÚC ây? có Tỳ-kheo Phạm-ma-na đang câm quạt đứng hâu trước Phật, Ngài bèn bảo: Thây hãy tránh qua một bên, đừng đứng trước Như Lai! A-nan nghe vậy, thầm nghĩ: “Phạmmana thường hầu bên Phật, cung cấp những vật cần thiết, cung kính Như Lai không hề nhàm chán. Nay là ngày cuối nên để thầy ấy săn sóc, sao Thế Tôn lại bảo tránh ra, việc ấy có ý gì chng?” Thế rồi, A-nan chỉnh lại y áo, đến trước Phật thưa: - Bạch Thế Tôn! Phạm-ma-na thường hầu bên Phật, cung cấp những vật dụng cần thiết, tôn kính Như Lai không hề nhàm chán. Nay là ngày cuối nên để thầy ấy săn sóc, sao Như Lai lại bảo tránh ra, có lý do gì chăng? Đức Phật bảo A-nan:
Bên ngoài thành Câu-thi này, cách đây mười hai do-tuần5 không chỗ nào không phải là chô ở của các đại thiên thân. Các vị ây đêu trách Tỳ-kheo này răng: "Nay là ngày cuôi, Phật săp nhập diệt, chư thân chúng ta muôn đên chiêm bái đảnh lễ nhưng Tỳ-kheo ấy có oai đức lớn lao, ánh sáng chói rực che lấp tất cả, khiến chúng ta không thể đến gần Phật để lễ bái cúng dường.,, Này A-nan! Vì lý do ấy mà Ta bảo Phạm-ma-na tránh qua một bên. [002lb02] A-nan bạch Phật: Chăng hay Tôn giả ây xưa kia tích

công đức gì, tu hạnh nghiệp gì mà nay có oai đức như thế?

89 Nguyên tác: Ấm, giới, nh.

2. KINH DU HÀNH 551

Phật bảo A-nan: -Vào thời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, lúc ấy có đức Phật Tỳ-bà-thi xuất thế. Lần nọ, Tỳ-kheo ấy với tâm hoan hỷ, cầm đuốc cỏ soi sáng tháp Phật. Nhờ nhân lành đó mà nay được ánh sáng diệu kỳ, có thê chiêu suôt cả hai mươi tám tâng trời, ánh sáng các thiên thân không thê sánh kịp. Bây giờ, A~nan từ chô ngôi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, quỳ gói chăp tay bạch Phật: Xin Thể Tôn chớ diệt độ trong thành chật hẹp, thô xấu ở vùng đất hoang vu này! Vì sao như vậy? Vì hiện có các nước lớn như Chiêm-bà, Tỳ-xá-ly, thành Vương Xá, nước Bạtkỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Ba-la-nại, ở những nơi ấy dân cư đông đúc, nhiều người tín mộ Phật pháp, nếu Thế Tôn diệt độ tại đó, ắt nhiều người được cung kính cúng dường xá-lợi. Đức Phật bảo: —Thôi, thôi! Chớ suy nghĩ như thế, chớ cho đây là nơi thô xấu. Vì sao? Vì xưa kia, nơi đây có Vua Đại Thiện Kiến tri vì, đô thành của đại vương khi ấy có tên Câu-xá-bà-đề, dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dăm. Bây giờ, nước ây lúa gạo dôi dào, dân chúng sung túc. Đô thành có bảy lớp, bảy vòng lan can chạm trổ tinh xảo bao quanh cùng những linh báu treo xen. Móng thành sâu ba nhận,90 tường thành cao mười hai nhận, lầu đài trên thành cao mười hai nhận, vòng cột ba nhận. Thành vàng thì cổng bạc, thành bạc cổng vàng, thành lưu ly cổng thủy tinh, thành thủy tinh cổng lim ly. Quanh thành trang nghiêm bằng bốn loại báu, lan can xen kẽ cũng bằng bốn loại báu. Lầu vàng thì treo linh bạc, lầu bạc treo linh vàng. Có bảy lớp hào báu, trong hào mọc đầy hoa sen xanh,91 hoa sen hồng,92 hoa sen vàng93 và hoa sen trắng.94 Đáy hào trải toàn cát vàng, hai bên bờ mọc nhiều cây đa-la.95 Cây vàng thì lá, hoa, trái bạc; cây bạc thì lá, hoa, trái vàng; cây thủy tinh thì lá, hoa, trái lưu ly; cây lưu ly thì lá, hoa, trái thủy tinh. Giữa đám cây đa-la có nhiều ao tắm, nước sâu, trong vắt, không bợn nhơ. Quanh bờ ao được lát bằng gạch bốn loại báu. Đường lên xuông ao với thêm vàng bậc bạc, thêm bạc bậc vàng, thêm lưu ly bậc thủy tinh, thềm thủy tinh bậc lưu ly. Quanh ao lại có lan can bao bọc liên tiếp nhau. Chỗ nào trong thành cũng đều có cây da-la, cây vàng thì lá, hoa, trái bạc; cây bạc thì lá, hoa, trái vàng; cây thủy tinh thì lá, hoa, trái lưu ly; cây lưu ly thì

90 Một nhận bằng khoảng 6,48m.

91 Nguyên tác: Ưu-bát-la uppala.

92 Nguyên tác: Bát-đầu-ma ,paduma.

93 Nguyên tác: Câu-vật-đầu ,kumuda.

94 Nguyên tác: Phân-đà-lợi pundarīka.

95 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là đa-lân thọ .Tham chiếu: D. 17, MĀ. 68 ghi là cây đa-la
,tāla, cây thốt nốt.

552 KINH TRƯỜNG A-HÀM

lá, hoa, trái thủy tinh. Giữa những cây này lại có bốn loại ao báu, trong ao mọc bốn loại hoa; đường sá bằng phẳng, ngay hàng thẳng lối; gió thổi hoa rơi lả tả ven đường. Từ bôn phương gió nhẹ thôi qua khiên hàng cây báu phát ra âm thanh du dương, tựa như thiên nhạc. Nhân dân trong nước, già trẻ trai gái cùng nhau dạo chơi vui vẻ nơi vườn cây ấy. Trong nước thường nghe mười loại âm thanh: Tiêng pháp loa, tiêng pháp cô, tiêng ba-la, tiêng ca, tiêng múa5 tiêng sáo, tiêng voi, tiêng ngựa, tiêng xe, tiêng ăn uông cười đùa. [0021C10] Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến có đủ bảy báu và bốn thần đức, cai trị bốn châu thiên hạ. Bảy báu là bánh xe báu bằng vàng, voi trắng báu? ngựa tía báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vua Đại Thiện Kiến thành tựu bánh xe báu bằng vàng như thế nào? Đen ngày răm trăng tròn, vua tăm gội băng nước thơm, lên ngôi trên bảo điện cùng các thể nữ vây quanh thì bỗng nhiên bánh xe báu tự hiện trước mặt. Bánh xe có ngàn căm, tỏa sáng đủ màu. Bánh xe này do thợ trời chế tạo bằng vàng ròng, chẳng phải của thế gian. Đường kính của bánh xe rộng một trượng tư. Khi ấy, Vua Đại Thiện Kiến thầm nghĩ: "Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia truyền rằng: 'Nếu một vị vua dòng Sát-lợi đã được thọ pháp quán đảnh trong lễ lên ngôi, đên ngày răm trăng tròn tăm gội băng nước thơm, lên ngôi trên bảo điện cùng các thể nữ vây quanh, bỗng nhiên có bánh xe vàng tự hiện trước mặt. Bánh xe có ngàn căm, sắc sáng lấp lánh, do thợ trời tạo, the gian chẳng c6, toàn bằng vàng ròng, đường kính của bánh xe rộng một trượng tư thì vua ấy được gọi là Chuyển Luân Thánh Vương/ Nay có bánh xe báu tự hiện, chẳng đúng vậy sao? Nay ta hãy thử xem bánh xe báu ấy như thế nào." Thế rồi, Vua Đại Thiện Kiến liền triệu tập bốn binh chủng, hướng về bánh xe báu, chỉnh áo bày vai phải, gói phải quỳ châm đát, lây tay phải chạm vào bánh xe và nói: “Hãy chạy về hướng Đông, như pháp mà chuyển, chớ trái lệ thường.,, Tức thì, bánh xe liền chuyển về Đông. Lúc ấy, vua cũng dẫn bốn binh chủng theo sau bánh xe, trước bánh xe có bốn vị thần dẫn đường, hễ bánh xe ngừng chỗ nào, vua cũng dừng chỗ đó. Khi ây? các vua nước nhỏ ở phương Đông thây Đại vương đên, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua và cúi đầu tâu: "Lành thay, Đại vương đã đến đây! Nay phương Đông này đất đai phì nhiêu, dân chúng đời sống sung túc, tánh khí nhân hòa, từ hiếu trung thuận, kính mong Thánh vương hãy trị vì xứ này! Chúng thần sẽ hầu hạ phải trái, tuân mệnh Đại vương." Lúc đó, Vua Đại Thiện Kiến bảo các vua nước nhỏ: "Th6i, thôi, chư Hiền, như vậy là các ông đã dâng cúng ta rồi! Chỉ cần các ông dùng Chánh pháp cai trị, chớ để oan sai, chớ để trong nước xảy ra những chuyện phi pháp thì cũng giống như có ta trị vì vay.^ [0022a06] Sau khi nghe xong, các vua nước nhỏ vâng lệnh và theo Đại vương tuân hành qua các nước đên tận mé biên phía Đông, roi tuân tự đi vê phía

2. KINH Dư HÀNH 553

Nam, phía Tây, phía Bắc. Hễ bánh xe báu đến đâu thì các vua nước nhỏ nơi đó đều dâng hiến đất đai, giống như các vua nước nhỏ ở phương Đông đã làm vậy. Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến theo bánh xe báu tuần hành khắp bốn biển, đem đạo khai hóa, vỗ về dân chúng, xong rồi mới trở về nước mình. Khi về đến cửa cung, bánh xe báu vàng liền bay lên trụ giữa hư không. Thấy vậy, vua phấn khởi nói: "Bánh xe báu vàng này chính là điềm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương r8i!" Đó là sự

thành tựu bánh xe báu vàng. Vua Đại Thiện Kiến thành tựu voi báu trắng như thế nào? Vào lúc sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến đang ngự trên chánh điện, bỗng có voi báu xuất hiện trước mặt. Lông voi thuần trắng, bảy chỗ đầy đặn,96 có thể bay được. Đầu nó nhiêu màu, sáu ngà thon gọn, được bọc vàng ròng. Nhà vua nhìn thây, thâm nghi: "Vòi này hiên lương, nêu khéo huân luyện, có thê cưỡi duợrc." Tức thời, vua sai người huân luyện thử, tập luyện đây đủ kỹ năng cho nó. Sau đỏ, nhà vua muốn tự mình thử voi, bèn cưỡi lên nó, sáng sớm xuất thành đi khắp bốn biển mà vẫn kịp trở về đúng giờ thọ thực. Thấy vậy, vua phấn khởi nói: "Vòi báu trắng này chính là điềm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương r6i!" Đó là sự thành tựu voi báu trăng. Vua Đại Thiện Kiên thành tựu ngựa báu như thê nào? Vào lúc sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến đang ngự trên chánh điện, bỗng có ngựa báu xuất hiện trước mặt. Lông ngựa màu tía, bờm và đuôi màu đỏ thăm, đâu và cô như voi, có thể bay được. Nhà vua trông thấy, thầm nghĩ: "Ngựa này hiền lương, nếu khéo huân luyện, có thê cưỡi dugc." Tức thời, vua sai r người huân luyện thử, tập luyện đây đủ kỹ năng cho nó. Sau đó5 nhà vua muôn tự mình thử ngựa báu, bèn cưỡi lên nó, sáng sớm xuất thành đi khăp bôn biên mà vân kịp trở vê đúng giờ thọ thực. Thấy vậy, vua phấn khởi nói: "Ngựa báu này chính là điềm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương r8i!" Đó là sự thành tựu ngựa báu. [0022b01] Vua Đại Thiện Kiến thành tựu thần châu báu như thế nào? Vào lúc sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến đang ngự trên chánh điện, bỗng có thần châu xuất hiện trước mặt. Màu thân châu trong suôt, không có tỳ vét. Nhà vua nhìn thấy liền thầm nghĩ: "Thần châu này đẹp kỳ lạ, ánh sáng của nó có thể chiếu sáng khắp trong cung điện.,, Nhân đó, vua muốn thử nghiệm thần châu này, liền triệu tập bốn binh chủng, rồi lấy thần châu gắn trên cờ cao, giữa đêm cầm cờ xuất thành thì thấy ánh sáng của thần châu chiếu sáng toàn quân, rõ như ban ngày. Vòng ngoài quân binh, ánh sáng thần châu này chiếu xa cả một do-tuần; khi ấy, người trong thành thức dậy làm việc, vì họ tưởng là ban ngày. Thấy vậy, vua phân khởi nói: "Thân châu báu này chính là diêm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương r8i!" Đó là sự thành tựu thần châu báu.

96 Nguyên tác: Thất xứ bình trụ cũng gọi là/4thất xứ mãn,, :2 chân trước, 2 chân sau, 2 vai và cổ. Tham chiếu: Tam thập nhị tướng kỉnh roi. 0026.59. 0494a 11.

Vua Đại Thiện Kiến thành tựu ngọc nữ báu như thế nào? Bấy giờ, ngọc nữ báu bỗng xuất hiện, vóc dáng thon thả, diện mạo đoan chánh, không cao không thấp, không thô không tế, không trắng không đen, không cương không nhu, mùa đông thân ấm áp, mùa hạ thân mát mẻ, mỗi lỗ chân lông trên người đều tỏa ra hương chiên-đàn, hơi miệng thơm mùi hương sen xanh, nói năng diu dàng, cử chỉ tao nhã, đi đứng khoan thai, không mất lễ nghi phép tắc. Do nàng thuần khiết, vua nhìn không chán,97 lòng chăng tạm rời, huông hồ gần gũi. Bấy giờ, nhà vua phấn khởi nói: "Ngọc nữ báu này chính là điềm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương roi!99 Đó là sự thành tựu ngọc nữ báu. Vua Đại Thiện Kiến thành tựu cư sĩ báu như thế nào? Bấy giờ, cư sĩ

trượng phu bỗng xuất hiện, kho báu tự hiện, của cải vô lượng. Nhờ có phước đời trước nên mắt cư sĩ này có thể nhìn thấy báu vật ẩn trong lòng đất, vật có chủ hay vô chủ, đều thấy biết cả. Nếu là vật có chủ thì giữ gìn giúp người, nếu vật vô chủ thì lấy về dâng vua. Khi ấy, cư sĩ đến thưa với nhà vua: uĐại vương! Nếu cần cống nạp gi, Đại vương chớ lo, thần sẽ cấp dll" Nghe vậy, nhà vua muốn thử cư sĩ, liền lệnh chuẩn bi thuyền bè du ngoạn sông nước. Giữa dòng, vua bảo cư sĩ: “Ta cần vật báu, ngươi mau lấy cho ta." Cư sĩ đáp: "Bại vương hãy chờ một lát, đợi lên bờ đẫy Nhưng vua hối thúc: "Ta không đợi được, ta muốn có ngay.” Lúc đó, vì vua nghiêm lệnh nên cư sĩ liền quỳ dài trên thuyền, đưa cả hai tay xuống nước và khi rút tay lên thì báu vật dưới nước dính theo tay lên thuyền. Giống như con sâu bám thân cây bò lên, cũng thế, khi cư sĩ báu này nhúng đôi tay xuống nước thì báu vật theo tay lên thuyền, chỉ trong chốc lát đã đầy cả thuyền. Rồi cư sĩ tâu: "Víra rồi Đại vương bảo cần của báu nhưng Nẹài cần bao nhieu?^ Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến nói: 'Thôi, thôi! Ta không can đâu. Vừa rồi ta chỉ thử ông thôi. Như thế là ông đã cống nạp ta r8i." Nghe nhà vua nói vậy, cư sĩ bèn ném trả báu vật về lại lòng sông. Khi ấy, Vua Đại Thiện Kiến phấn khởi nói: "Cu sĩ báu này chính là điềm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương roir Đó là sự thành tựu cư sĩ báu. [0022c06] Vua Đại Thiện Kiến thành tựu chủ binh báu như thế nào? Bấy giờ, chủ binh báu bỗng xuất hiện, mưu trí dũng mãnh, thao lược toàn tài, đến tâu với vua: "Bại vương! Nếu cần chinh phạt, Đại vương chớ lo, thần tự lo n6i." Lúc đó, Vua Đại Thiện Kiến muốn thử chủ binh này, liền tập hợp bốn binh chủng, rồi bảo: "Ngươi hãy dụng binh đi! Hãy làm sao để kẻ chưa tập hợp liền tập hợp, đã tập hợp thì giải tán, chưa nghiêm thì nghiêm, đã nghiêm thì nghỉ, chưa đi thì đi, đã đi thì dừng.” Bấy giờ, chủ binh vâng lệnh vua, liền điều khiển

97 Nguyên tác: Vương thiện kiến thanh tịnh vô trước .Thiện kiến s. sudarśana nghĩa là vui mừng khi trông thấy, ưa nhìn. Thanh tịnh nghĩa là thuần khiết. Theo Chảnh Pháp Hoa kỉnh từ điên ,"v6 trước^^ còn mang nghĩa là vôyêm túc ,analã. Tham chiếu: Thế kỷ kỉnh “Chuyển Luân Thánh Vương phẩm,, 7.01 OOQ1.3O.3. 0120b06: Sau khi trông thấy, Chuy^i Luân Thánh Vương khởi tâm thương quý, lòng chẳng tạm rời, huống hồ được gần gũioé, M™2 iặ. Trong,nghĩa ngược lại, ở Đại Thiên nại lâmr kinh T.01. 0026.67. 0512c23: Nữ báu ấy nghĩ đến nhà vua, tãni thường không rời, huống nữa thân và miệng ÍT.

đức 2. KINH Dư HÀNH € 555

bốn binh chủng đều được như ý: Chưa tập hợp liền tập hợp, đã tập hợp thì giải tán, chưa nghiêm thì nghiêm, đã nghiêm thì nghỉ, chưa đi thì di, đã đi thì dừng. Thấy vậy, vua phấn khởi nói: "Chít binh báu này chính là điềm lành của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương r6i!” Này A-nan! Chuyển Luân Thánh Vương Đại Thiện Kiến đã thành tựu bảy báu như thế đấy. Bệdyb2yợữữốrèệàệệệtdữnrớb1-ưb-ưãầyôlBỏ7yừừôãầ4ủydtxssyỉủầyỉb-ệàámđtođyệyệy là

556 > KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi ấy, Vua Đại Thiện Kiến tự nghĩ: "Ta nay có thể tạo lập ao hồ và vườn cây đa-la ở hai bên cung điện nay/9 Thế rồi, vua liền kiến lập vườn hồ, ngang dọc một do-tuần. Rồi lại nghĩ: "Trước pháp điện, ta hãy lập một hồ pháp.^ Vua liền lập hồ pháp, ngang dọc một do-tuần. Nước ho trong vắt, tinh khiết, đáy hồ lát bằng gạch bốn loại báu, lan can bao quanh hồ đều làm bằng bốn loại báu như vàng ròng, bạc ưắng, thủy tinh, lưu ly. Trong hồ có nhiều loại hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng và hoa sen trắng đều tỏa hương thượng diệu, ngào ngạt theo gió lan xa khắp nơi. Quanh bờ hồ trồng nhiều loại hoa như a-hê-vật-đa," chiêm-bặc/00 ba-la-la,99 tu-mạn-đà/02 bà-sư-ca?103 đàn-câu-ma- *101102 lê.104 Vua cho lính canh quản hồ pháp, chỉ dẫn người qua đường xuống hồ tắm gội mát mẻ, vui chơi thỏa thích tùy theo ý muốn. Hễ ai cần sữa cho sữa, cần thức ăn cho thức ăn, cho đến y phục, ngựa xe, hoa hương, của báu, cần gì cho đó, không trái ý người. Này A-nan! Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến có tam vạn bốn ngàn voi, trang sức bằng vàng bạc, cổ đeo vòng châu báu, trong số đó tề tượng vương là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn ngựa, trang sức bằng vàng bạc, cổ đeo vòng châu báu, trong số đó lực mã vương là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, được bọc băng da sư tử, trang nghiêm băng bôn loại báu, trong sô đó kim luân bảo là bậc nhất; có tám vạn bon ngàn than châu, than châu báu là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn cư sĩ, cư sĩ báu là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn Sát-lọd, chủ binh báu là bậc nhất; có tám vạn bôn ngàn thành, thành Câu-thi-bà-đê là bậc nhát; có tám vạn bôn ngàn cung điện, Chánh Pháp điện là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn lầu đài, Đại Chánh lầu là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn chiếc giường đều làm từ vàng ròng, bạc trắng và các thứ báu khác, chăn nệm mềm mại, trải phủ lên trên; có tám vạn bốn ngàn ức y phục thì y Sơ-ma,105 y Câu-thi,106 y Kiếp-ba107 là bậc nhất; có tám vạn bốn ngàn món ăn, cung cấp mỗi ngày, mùi vi khác nhau. [0023bll] NàyA-nan! Trong số tám vạn bốn ngàn voi đó, vào lúc sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến cưỡi tề tượng vương ra khỏi thành Câu-thi, xem xét thiên

99 A-hê-vật-đa còn gọi a-đề-mục-đa-gia atimuttaka, một loại cây có hoa xanh từng chùm, giống nhu loại vưng lớn i0° Chiêm-bặc campaka: Sứ hoa vàng. 101 Bala-las. pārusaka, p. phārusaka, một loại hoa có tên khoa học là Flacourtia Indica, thuộc họ Liêu. 102 Tu-mạn-đà còn gọi tu-mạn-na sumanā, là hoa lài nhỏ, hoa lài búp. 103 Bà-sư-ca còn gọi hạ sanh hoa ,vassikā, là một loại hoa lài cánh lớn, tên khoa học là Jasminum Sambac. 104 Đàn-câu-ma-lê .Có khả năng là hoa mạn-thù-sa mañjūsaka. 105 Sơ-ma y .Tạp A-hàm gọi là Sơ-ma y khomasukhumãnỉ'. Y phục bằng vải lanh thượng phàm. 106 Ca-thi y kāsikavatthani: Y phục bằng lụa xứ Ka-si. 107 Kiếp-ba y .Trung A-hàm gọi là Kiếp-bối y kappãsikasukhumãniỵ Y phục bằng vải bông mịn.

hạ, đi khắp bốn biển, chỉ trong khoảnh khắc liền trở về thành, vẫn kịp thọ thực. Trong số tám vạn bốn ngàn ngựa đó, vào lúc sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến cưỡi lực mã báu ra khỏi thành Câu-thi, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển, chỉ trong khoảnh khắc liền

trở về thành, vẫn kịp thọ thực. Trong số tám vạn bốn ngàn cỗ xe đó, vào lúc sáng sớm, Vua Đại Thiện Kiến cưỡi kim luân xa, do lực mã báu kéo, ra khỏi thành Câu-thi, xem xét thiên hạ, đi khăp bôn biên, chỉ trong khoảnh khắc liền trở về thành, vẫn kịp thọ thực. Trong số tám vạn bốn ngàn thần châu, dùng thần châu báu chiếu sáng trong cung, cả ngày lẫn đêm. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, có ngọc nữ báu Thiện Hiền theo hầu. Trong số tám vạn bôn ngàn cư sĩ, muôn cân thứ gì5 sai cư sĩ báu lo liệu. Trong sô tám vạn bốn ngàn Sát-lợi, nếu cần chinh phạt thì giao chủ binh báu dụng binh. Trong sô tám vạn bôn ngàn thành, vua thường đóng đô ở thành Câu-thi. Trong sô tám vạn bốn ngàn cung điện, vua thường ngự ở Chánh Pháp điện. Trong số tám vạn bốn ngàn lầu, vua thường ở Đại Chánh lầu. Trong số tám vạn bốn ngàn bảo tòa, vua thường ngồi trên bảo tòa pha-lê5 là để an ổn hành thiền. Trong số tám vạn bon ngàn ức y phục, vua dùng thượng diệu báu trang sức, tùy ý mà mặc, là để che thân khỏi thẹn với người. Trong số tám vạn bốn ngàn món ăn, vua thường dùng cơm với món đơn giản, là vì biết đủ. Bấy giờ, khi tám vạn bốn ngàn con voi cùng hiện đến, chúng giẫm đạp, xung đột nhau khiên nhiêu chúng sanh thương tôn. Nhà vua tự nghĩ: "Bám voi này đên, gây nhiêu thương tôn, từ nay vê sau cứ một trăm năm mới cho xuât hiện một con. Lần lượt như vậy cho đến hết vòng thì quay trở lại."108 [0023c08] Bấy giờ, đức Phật bảo A-nan: Lúc ấy, Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Ta vốn tích công đức gì, tu căn lành gì mà nay được quả báo tót đẹp, cao cả như the?" Roi vua thâm nghĩ: "Nh& ba nhân duyên mà được phước báu này. Ba nhân duyên đó là bố thí, trì giới và thiền đinh. Do ba nhân duyên này mà nay được phước báu to lớn." Vua lại suy nghĩ: "Nay ta được hưởng phước báu nhân gian roi, vậy hãy tiến tu phước nghiệp cõi trời, hãy tự tiết chế, tránh chỗ ồn náo, ẩn nơi yên tĩnh, dốc lòng tu dạo." Rồi vua liền triệu ngọc nữ Thiện Hiền đến báo cho biết: "Nay ta được hưởng phước báu nhân gian rồi, cần phải tiến tu phước nghiệp cõi trời, tự tiết chế mình, tránh chỗ ồn náo, ẩn nơi yên tĩnh, dốc lòng tu Ngọc nữ đáp: "Thua vâng. Xin theo lời Đại vương dạy!" Rồi ngọc nữ liền lệnh cho người trong kẻ ngoài miễn hầu cận Thánh vương. Thế rồi, vua lên pháp điện, vào lầu vàng, ngồi giường bạc, tư duy tham lam, 109 an trú hỷ lạc do ly [dục] dâm dục là nhiễm ô, là bất thiện, có giác có quán,108

108 Bản Hán, hết quyển 3. 109 "Giác"và "quán"còn gọi "tm"vitakă và "tứ"vicara.

5 r e .

sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhát. Sau khi tịnh trừ giác và quán, nội tĩnh nhát tâm, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, không giác không quán. Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, thân cảm lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Buông bỏ cả khổ và lạc, diệt trừ ưu và hỷ trước đó, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh. Sau đó,\ Vua Thiện Kiên rời giường bạc, ra khỏi y lâu r vàng, đên lâu Đại Chánh, ngôi giường lưu ly, tu tập tâm từ. Vua rải tâm từ đây kháp một phương, rồi đến nhiều phương khác cũng vậy, bao trùm, rộng khắp, bình đẳng, không giới hạn, trừ bỏ oán

hận, tâm không ganh ghét, trầm mặc nhu hòa, tự mình an vui. Tu tập tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng lại như thế. Bấy giờ, ngọc nữ báu thầm nghĩ: "Cách biệt Đại vương đã lâu, thiết nghĩ nay nên một lần diện kiến, phụng hầu tôn nhan.^, Thế rồi, ngọc nữ Thiện Hiền bảo với tám mươi bốn ngàn thể nữ: “Các ngươi hãy tắm gội bằng nước thơm, nghiêm sức y phục. Vì sao như vậy? Vì chúng ta xa cách Đại vương đã lâu, nay nên phụng hầu tôn nhan." Các cung nữ nghe xong, tất cả đều nghiêm sức y phục, tắm gội sạch thơm. Rồi ngọc nữ báu lại bảo chủ binh báu hãy triệu tập bôn binh chủng: "Từ lâu chúng ta không yêt kiên Đại vương, vậy nay hãy phụng hâu tôn nhan.^, Nghe vậy, chủ binh báu liên triệu tập bôn binh chủng, roi bảo ngọc nữ báu rằng: “Binh chủng đã tập hợp, nên biết đúng th&i." Thế rồi, ngọc nữ báu dẫn tám mươi bốn ngàn thể nữ, cùng bốn binh chủng đến vườn cây vàng Đa-lân. Âm thanh chấn động của đoàn người vang đến chỗ nhà vua, Ngài liên đên bên cửa sô nhìn xem, khi ây ngọc nữ báu liên tiên đên cạnh cửa, đứng trước mặt vua. [0024a09] Bấy giờ, vua trông thấy ngọc nữ báu, liền bảo: "Nàng đừng vào đây, ta sẽ ra gặp y Thế rồi, Vua Đại Thiện Kiến rời khỏi lầu Đại Chánh, bước xuống Chánh Pháp điện, cùng với ngọc nữ báu đến vườn Đa-lân rồi ngồi xuống tòa. Nhìn thây săc diện Vua Đại Thiện Kiên sáng đẹp hơn mọi khi, ngọc nữ Thiện Hiền nghĩ thầm: "Nay sắc diện Đại vương tươi sáng hơn lúc thường, là điềm lạ gì day?" Rồi ngọc nữ bèn thưa: "Nay săc diện Đại vương khác thường, chác chăng phải là diêm muôn xả bỏ thọ mạng chứ? Trong tám vạn bôn ngàn con voi đây? voi báu trăng là bậc nhát, trang sức bằng vàng bạc, co đeo vòng châu báu, chính là của Ngài, xin hãy nghĩ lại, cùng hưởng vui sướng, chớ xả thọ mạng, bỏ lại muôn dân! Lại nữa, trong tám vạn bôn ngàn ngựa đây, lực mã vương là bậc nhát; trong sô tám vạn bôn ngàn cô xe, kim luân xa là bậc nhát; trong sô tám vạn bôn ngàn châu báu, thân châu báu là bậc nhát; trong sô tám vạn bôn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu là bậc nhát; trong sô tám vạn bôn ngàn cư sĩ,ỉ cư sĩ báu rlà bậc nhát; trong r sô tám vạn bôn ngàn Sát-lợi, chủ binh báu là bậc nhát; trong sô tám vạn bôn ngàn thành, thành Câu-thi là bậc nhất; trong số tám vạn bốn ngàn cung điện, Chánh Pháp điện là

bậc nhát; trong sô tám vạn bôn ngàn lâu đài, lâu Đại Chánh là bậc nhát; trong sô tám vạn bốn ngàn tòa, bảo tòa là bậc nhất; trong số tám vạn bốn ngàn ức y phục, loại y phục mềm mại là bậc nhất; trong số tám vạn bốn ngàn món ăn, hết thảy đêu có mùi vị ngon lạ; tát cả những của báu kê trên, đêu là của Đại vương, xin hãy nghĩ lại, cùng hưởng vui sướng, chớ xả thọ mạng, bỏ lại muôn dân!” Khi đó, Vua Đại Thiện Kiến trả lời ngọc nữ: "Từ trước đến nay, nàng hầu hạ ta một cách từ hòa kính thuận, chưa hề có lời thô thiển, nay sao lại nói những lời như thế?" Ngọc nữ tâu: "Chẳng hay lời thưa ấy có gì không thuận chng?” Vua đáp: “Những thứ nàng vừa nói như voi, ngựa, xe báu, cung điện, lầu đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý hiêm kia đêu là vô thường, không thê giữ mãi được mà lại khuyên ta lưu lại hưởng thụ, như thế là thuận sao?” Ngọc nữ tâu: “Chẳng hay phải nói thế nào mới thuān?59 Vua bảo: "Nêu nàng nói răng: 'Những thứ như voi, ngựa, xe báu, cung điện, lâu đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý hiếm, hết thảy đều vô thường, không thể giữ mãi, xin Ngài chớ nên tham luyên, kẻo hao tâm tôn trí! Vì sao như vậy? Vì mạng Ngài không bao lâu nữa sẽ qua đời khác. Hễ có sanh ắt

có tử, có hợp ắt có tan, đâu thể sống mãi được! Vậy hãy cắt đứt ân ái, giữ gìn đạo tâm.' Đó chính là lời nói kính thuận.,, [0024b08] Này A-nan! Ngọc nữ báu nghe nhà vua dạy như vậy, buồn khóc nức nở, ngậm ngùi thỏ thẻ: “Những thứ như voi, ngựa, xe báu, cung điện, lầu đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý hiếm, hết thảy đều vô thường, không thể giữ lâu, xin Ngài không nên tham luyến, kẻo hao tâm tổn trí! Vì sao như vậy? Vì mạng Ngài không còn bao lâu nữa sẽ qua đời khác. Hễ có sanh ắt có tử, có hợp ắt có tan, đâu thể sống mãi được! Vậy hãy cắt đứt ân ái, giữ gìn đạo tâm.^, Này A-nan! Trong khi ngọc nữ báu lặp lại những lời ấy, Vua Đại Thiện Kiến liền đó băng hà, như tráng sĩ vừa ăn xong một bữa ngon, không chút khổ não, thần hồn110 sanh về cõi Phạm thiên thứ bảy. Sau khi Vua Đại Thiện Kiến băng hà bảy ngày thì bánh xe báu và thân châu báu tự nhiên biên mát. Voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu đều qua đời cùng ngày; thành quách, ao hồ, pháp điện, lầu đài, vật trang sức bằng báu, vườn cây Đa-lân bằng vàng đều biến thành cây gỗ, đất đai trở lại bình thường.

110 Nguyên tác: Hồn thần một tên gọi khác của thần thức.

560 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Đức Phật lại bảo A-nan: -Các pháp hữu vi này vô thường, biên dịch, rót cuộc roi cũng hoại diệt, thê mà cứ tham muốn không chán đến nỗi tan thân mất mạng, say mê ân ái không hề biết đủ. Chỉ có người nào đạt được Thánh trí, thấy rõ đạo lý thì mới biết đủ. Nay A-nan! Ta nhớ mình đã từng sáu lần tái sanh làm Chuyển Luân Thánh Vương rồi gởi lại xương cốt ở nơi này, nay Ta đã thành Vô thượng Chánh giác, cũng muốn xả bỏ thân mạng, diệt độ tại đây. Ta từ nay về sau, đã dứt hẳn sanh tử, không còn bỏ thân bất cứ nơi nào, đây là thân cuối cùng, không còn thọ thân sau. Bấy giờ, tại thành Câu-thi-na-kiệt, nơi đức Thế Tôn đã sanh trưởng ở kiếp trước,111 giữa hai thân Sa-la trong khu vườn Sa-la, Ngài sắp nhập Niết-bàn. Lúc ây, The Ton bao A-nan: —Thây hãy vào thành Câu-thi-na-kiệt báo tin cho các vi Mạt-la hay răng: "Chu Hiền! Nên biết vào giữa đêm nay, giữa hai thân Sa-la trong khu vườn Sa- la, Như Lai sẽ nhập Niêt-bàn. Các ông nên đên ngay đê thưa thỉnh những điêu còn nghi ngờ, đích thân nghe Phật chỉ dạy để sau khỏi phải hối han?9 [0024c01] A-nan vâng lời Phật dạy, liền đứng dậy, đảnh lễ Phật rồi lui ra, rồi cùng một Tỳ-kheo khác, nước mắt lưng tròng, vào thành Câu-thi. Lúc ấy, năm trăm người Mạt-la vì có chút việc cân, đang họp lại một chô, nhìn thây A-nan đến, họ liền đứng dậy làm lễ rồi đứng sang một bên thưa: Trời tối thế này, chẳng hay Tôn giả vào thành làm gì?

A-nan rơi lệ, đáp: Ta vì các ông, vì lợi ích các ông mà đên báo tin: Nên biêt răng, vào giữa đêm nay, đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Các ông hãy đến thưa thỉnh những điều còn nghi ngờ, đích thân nghe Phật chỉ dạy, hãy đến kịp thời, sau khỏi tiếc nuối. Các vị Mạt-la nghe xong, cất tiếng kêu than, ngã vật xuống đất, ngất đi tỉnh lại như cây trốc gốc, cành lá gãy đổ. Rồi họ than: Thế Tôn diệt độ sao mau chóng vậy? Đôi mắt thế gian khép lại rồi sao? Thật đau đớn thay, chúng con phải chịu mất mát quá lớn! Lúc đó, A-nan an ủi họ: -Thôi, thoi! Đưng bi ai quá! Vạn vật đất trời chẳng có thứ gì sanh ra mà không diệt mất, muốn các pháp hữu vi thường tồn thì không thể được. Phật lẽ đâu chẳng dạy: "C6 hợp ắt có tan, có sanh ắt có diet." Rồi các vị Mạt-la bảo nhau: "Chúng ta

hãy về nhà, dẫn theo quyến thuộc và mang theo năm trăm tấm vải trắng cùng đến rừng Sala." Thế rồi, họ quay về nhà lấy năm trăm tấm vải trắng, dẫn theo gia quyến ra khỏi thành Câu-thi đến rừng Sa-la rồi tìm đến chỗ A-nan. Nhìn thấy họ từ xa,

111 Nguyên tác: Bổn sở sanh xứ ,nghĩa của mệnh đề này đã được đề cập trong phần II, Kinh Du hành, tức là nơi mà nhiều kiếp về trươc, khi làm Chuyển Luấn Thánh Vương, Ngai đã từng 6 lần sanh ra và lâm chung tại thành Câu-thi-na này.

2. KINH Dư HÀNH* 561

A-nan thầm nghĩ: "Nhóm người kia quá đông, nếu để từng người một diện kiến, e rằng chưa xong thì Như Lai đã diệt độ rồi. Nay ta nên bảo họ đầu đêm cùng một lượt đến bái kiến đức Phật.” Lúc ây, A-nan dân năm trăm vi Mạt-la cùng quyên thuộc của họ đông đên trước Phật đảnh lễ xong, đứng qua một bên. Lúc ấy, A-nan đối trước Phật thưa: Nay có các vị Mạt-la tên đó, tên kia cùng quyến thuộc đến đây kính xin thỉnh an sức khỏe Thế Tôn! Đức Phật đáp: Phiền các ông đã đến thăm. cầu cho các ông tuổi thọ tăng thêm, không đau không bệnh! Thê là, A-nan có thê dân tát cả các vị Mạt-la và gia quyên họ được diện kiên Thế Ton. Sau khi cung kính đảnh lễ đức Phật xong, họ ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì họ thuyết giảng về vô thường, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Các vị Mạt-la nghe pháp đều hoan hỷ, liền dâng năm trăm tấm vải trắng cúng dường Thế Tôn. Ngài vì thương họ mà thọ nhận. Các vị Mạt-la đứng dậy, lễ Phật rồi lui ra. [0025a01] Lúc ấy, trong thành Câu-thi có Phạm chí Tu-bạt" là bậc Trưởng lão được kính trọng, hiểu biết thâm sâu, đã một trăm hai mươi tuổi, nghe Sa-môn Cù-đàm đêm nay diệt độ tại vườn Song Thọ, bèn tự nghĩ: "Với pháp, ta còn có điều nghi ngờ, chỉ có đức Cù-đàm mới có thể ệiải nghi, nay đã đúng thời, phải cố sức mà di." Thế rồi, ngay trong đêm đó ông liên ra khỏi thành Câu-thi, đến vườn Song Thọ, đến chỗ A-nan chào hỏi xong, đứng qua một bên rồi thưa: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ nên tìm đến đây, mong được một lần diện kiến. Tôi có điều nghi ngờ về pháp, mong gặp đức Cù-đàm để giải quyết mối nghi. Chăng hay có chút thời gian rỗi nào đê tôi được gặp Ngài không? A-nan đáp: Thôi, thôi, Tu-bạt! Thân Như Lai không khỏe, chớ có làm phiền! Tu-bạt cố cầu thỉnh đến ba lần: -Tôi nghe Như Lai xuất thế cũng như hoa Ưu-đàm rất lâu mới nở nên đến đây xin được bái kiến, muốn giải quyết điều nghi, chẳng hay có chút thời gian rỗi nào để tôi được gặp Ngài không? A-nan vẫn từ chối: - Thân Như Lai không khỏe, chớ có làm phiền! y Lúc đó, Phật liên dạy A-nan: Thây chớ ngăn cản, hãy đê 6ng ây vào! Người này muôn giải nghi, không phải nhiễu loạn, nếu nghe pháp Ta ăt sẽ hiêu đạo!*

112 Tu-bạt ,Subhadda.

562 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Nghe vậy, A-nan liền bảo Tu-bạt: Ong muôn gặp Phật, chính đã đúng lúc! Tu-bạt liền vào, vấn an Phật xong, ngồi sang một bên rồi thưa: Con có điều nghi về pháp, Ngài có thể dành chút thời gian để tháo gỡ r vướng mác giúp con chăng? Đức Phật đáp: - Ông cứ tùy ý hỏi! Tu-bạt liền hỏi: -Tại sao? Thưa Cù-đàm! Có những giáo phái khác, họ tự xưng bậc thầy, như các vi Bất-lan Cadiếpi3 Mạt-gia-lê Kiều-xá-lợi,113114 A-phù-đà

Sí-xá-kim- bà-la,115 Ba-phù Ca-chiên,116 Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất,117 Ni-kiền-tử118... Những vị thầy đó đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết, hay không biết hết? Đức Phật đáp: Thôi, thôi! Những luận thuyết ấy Ta đều biết cả nhưng nay Ta sẽ vì ông mà nói pháp thâm diệu, hãy lăng nghe, lăng nghe và suy nghĩ kỹ vê pháp này. Này Tu-bạt! Giáo pháp nào nếu không có Thánh đạo tám chi thì ở đó không có quả vi Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Này Tu-bạt! Vì trong giáo pháp của Ta có Thánh đạo tám chi nên có quả vi Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Này Tu-bạt! Trong giáo pháp của Ta có Thánh đạo tám chi, có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư; còn các chúng ngoại đạo khác không có quả vi Sa-môn. Rồi Thế Tôn vì Tu-bạt mà nói kệ: Ta hai mươi chín tuổi, Xuất gia tìm chánh dạo, Tu-bạt! Ta thành Phật, Đen nay năm mươi năm, Tu hành giới, định, tuệ, Độc cư mà tư duy, Nay thuyêt giảng pháp yêu, Ngoại đạo không Sa-môn. [0025b07] Đức Phật lại bảo: Này Tu-bạt! Nếu các Tỳ-kheo có thể tư nhiếp ba nghiệp của mình119 thì thế gian này không thiếu A-la-hán.

113 Bất-lan Ca-diếp ,Pūrana Kassapa. 114 Mạt-gia-lê Kiều-xá-lợi ,Makkhali Gosāla. 115 A-phù-đà Sí-xá-kim>bà-la ,Ajita Kesakambalā. 116 Ba-phù Ca-chi6n Pakudha Kaccāyana. 117 Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất Sañjaya Belatthiputta. 118 Ni-kiền-tử ,Nigantha Nāthaputta. 119 Nguyên tác: Tự nhiếp .Theo Từ điển Đinh Phúc Bảo, dùng giới pháp đểtự nhiếp 3 nghiệp của mình không để buông lung, gọi là "tự nhiếp”m.

2. KINH DU HÀNH 563

LÚC đó, Tu-bạt thưa với A-nan: Những ai đã, đang và sẽ theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh thì được lợi ích lớn. A-nan! Tôn giả theo Như Lai tu hành Phạm hạnh cũng được lợi ích lớn. Tôi nay diện kiến Như Lai để thưa thỉnh chỗ nghi, cũng được lợi ích lớn. Như Lai đã dùng phương cách thọ ký cho đệ tử mà thọ ký cho tôi. Rồi Tu-bạt hướng về Phật, bạch rằng: Con có thể ở trong pháp Như Lai mà xuất gia thọ giới Cụ túc được chăng?

Đức Phật bảo Tu-bạt: Nếu có Phạm chí ngoại đạo muốn theo pháp Ta tu hành Phạm hạnh thì phải thử thách bốn tháng để xem xét hành vi, chí nguyện, tánh nết của họ thế nào. Nếu thấy đầy đủ oai nghi, không thiếu sót gì thì mới cho thọ giới Cụ túc. Tuy nhiên, này Tu-bạt, nên biết rằng cũng còn tùy thuộc vào tánh hạnh của mỗi người nữa. Tu-bạt lại thưa: N^oại đạo, chủ thuyết khác muốn tu hành theo Phật pháp phải được thử thách bon tháng để xem xét hành vi, chí nguyện, tánh nết như the nào, nếu đầy đủ oai nghi, không thiếu sót gì thì mới được thọ giới Cụ túc. Nay con có thể ở trong Chánh pháp Phật thực hành bốn năm, khi đã đầy đủ oai nghi, không còn thiếu sót gì mới xin thọ giới Cụ túc. Đức Phật bảo: -Này Tu-bạt! Lúc nãy Ta đã nói là còn tùy theo tánh hạnh của mỗi người nữa. Thê roi, ngay trong đêm đó, Tu-bạt được xuất gia thọ giới, Phạm hạnh thanh tịnh, ngay trong pháp hiện tại tự thân chứng ngộ: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, được trí tuệ như thật, không còn tái sanh nữa. Lúc gần nửa đêm, Tu-bạt chứng quả A-la-hán, là đệ tử cuối cùng của Phật và

diệt độ trước Phật. Khi ấy, A-nan đứng hầu sau Phật, không ngăn nổi bi cảm, vỗ giường than khóc: "Như Lai nhập diệt, sao nhanh đến the! Thế Tôn diệt độ, sao gấp quá vậy! Đại pháp lắng chìm, sao chóng quá vậy! Chúng sanh sẽ mãi tối tăm khi đôi mắt thế gian đã khép lại. Vì sao như vậy? Vì ta thọ ân Phật mới lên bậc Học địa,120 đạo nghiệp chưa thành mà Phật vội diệt độy [0025c01] Khi ấy, dù đã biết nhimg Thế Tôn vẫn hỏi: Tỳ-kheo A-nan nay ở đâu rồi?

Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan đang ở sau Phật, không ngăn nổi bi cảm, vỗ giường than khóc rằng: "Thế Tôn diệt độ sao mau chóng vậy? Đôi mắt thế gian khép lại rồi sao? Thật đau đớn thay, chúng con phải chịu mất mát quá lớn!

120 Nguyên tác: Học địa ,Sekkhā, đang ở giai đoạn Hữu học.

Vì sao như vậy? Vì ta thọ ân Phật, mới lên bậc Học địa, đạo nghiệp chưa thành mà Phật vội diệt độy Phật dạy A-nan: - Thôi! Thôi! Chớ buồn chớ khóc như vậy. Từ trước đến nay, thầy làm thị giả cho Ta, hành động từ bi, bình đẳng, rộng khắp; lời nói từ bi, ý nghi cũng từ bi, bình đẳng, rộng khắp. A-nan! Thầy cúng dường Ta, công đức rát lớn. Nếu có chư thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và Bà-la-môn nào cúng dường thì cũng không thể sánh bằng thầy được. Hãy tinh tấn tu hành thì ngày thành đạo không xa! Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Đệ tử thi giả của chư Phật quá khứ cũng như A-nan, đệ tử thị giả của chư Phật vi lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng, đệ tử thị giả của chư Phật quá khứ, Phật có mở lời mới biết, còn A-nan đây, Ta vừa đưa mắt là đã biết Như Lai muốn gì, Thế Tôn cần gì. Đây là pháp đặc biệt, hiếm có của A-nan, các thầy phải biết. Chuyển Luân Thánh Vương có bốn điều đặc biệt hiếm thấy. Đó là gì? Khi Thánh Vương đi thì dân chúng cả nước đều đến nghinh đón, nhìn thấy thì vui, nghe dạy thì mừng, chiêm ngưỡng tôn nhan oai nghiêm không hề biết chán. Cũng vậy, khi Thánh Vương đứng, ngồi, nằm thì thần dân cả nước đều muốn đến chỗ vua, nhìn thấy thì vui, nghe dạy thì mừng, chiêm ngưỡng tôn nhan oai nghiêm không hề biết chán. Đó là bốn điều đặc biệt hiếm thấy của Chuyển Luân Thánh Vương. A-nan nay cũng có bốn pháp đặc biệt hiếm có như thế. Đó là gì? Khi A-nan lặng lẽ đến với chúng Tỳ-kheo? đại chúng đều hoan hỷ; khi A-nan thuyết pháp ai cũng vui mừng lắng nghe; nhìn ngắm dung nghi và lắng nghe thuyết pháp không hề biết chán. Lại nữa, khi A-nan lăng lẽ đến với chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tắc? chúng ưu-bà-di, ai thấy cũng hoan hỷ; nghe A-nan thuyết pháp ai cũng vui mừng lắng nghe; cứ nhìn ngắm dung nghi và lắng nghe thuyết pháp không hề biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt hiếm có của A-nan. Bây giờ, A-nan sửa áo bày vai phải, gói phải quỳ châm dát, bạch Phật răng: Thế Tôn! Nay các Sa-môn khắp nơi, trong đó co những bậc Tôn túc đa trí, thông hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao đến bái kiến Phật, nhân đó con được lễ kính, thân cận thưa thỉnh. Nhung sau khi Phật diệt độ rồi, chư vị không đến nữa, không có ai để con thỉnh vấn thì phải làm sao? [0026a03] Đức Phật dạy: Thầy chớ lo lắng như vậy. Những người thiện nam121 thường có bốn nơi tưởng nhớ. Đó là tưởng nhớ nơi Phật đản sanh, mong muốn được thấy, ghi

121 Nguyên tác: Tộc tánh tử kulaputtā, còn gọi utộc tánh nam"hay uthiện nam tử?, ,chỉ những người nam tin Phật, nghe pháp và hành thiện, đôi khi còn dùng để gọi hàng Tỳ-kheo đệ tử Phật. Còn người nữ được như vậy thì gọi là utộc tánh nữ,, hay uthiện nữ nhân,, .

nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ; tưởng nhớ nơi Phật thành dạo, mong muốn được thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ; tưởng nhớ nơi Phật chuyển pháp luân đầu tiên, mong muốn được thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ; và tưởng nhớ nơi Phật nhập Niết-bàn, mong muốn được thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ. Này A-nan! Sau khi Ta nhập Niết- bàn, các người thiện nam và người thiện nữ hãy nghĩ nhớ khi Phật giáng sanh, có những công đức như thế; khi Phật đắc đạo, có những thần lực như thế; khi Phật chuyển pháp luân, độ người như thế; khi Phật diệt độ, di giáo như thế; rồi mỗi người nên đến chiêm bái bốn nơi đó, cung kính đảnh lễ các chùa tháp thì sau khi mạng chung được sanh về cõi trời,122 trừ những vị đắc đạo. Đức Phật lại dạy: Này A-nan! Sau khi Ta diệt độ, nếu các vị trong dòng họ Thích đến cầu dạo, hãy cho họ xuất gia, thọ giới Cụ túc, chớ để họ bị chướng nạn. Các vị ngoại dạo, Phạm chí đến càu đạo thì cũng cho xuất gia, thọ giới Cụ túc, chớ thử thách bốn tháng. Vì sao như vậy? Vì những người ấy vốn đã học các luận thuyết khác, nếu có chút trì hoãn thì họ dễ tái phát những kiến giải trước đây. r r r Bây giờ, A-nan quỳ xuông, chăp tay bạch Phật: Tỳ-kheo Xiển-nộ123 ngang bướng, tự tung tự tác, Phật diệt độ rồi, sẽ phải làm sao? Phật dạy A-nan: Sau khi Ta diệt độ, nếu Xiển-nộ kia không giữ oai nghi, không tuân giáo huân thì các thầy hãy xử trị theo phép Phạm-đàn,124 tức là thông báo cho các Tỳ-kheo khác không ai được nói chuyện, hoặc tới lui, chỉ bảo, giúp đỡ vi ấy. Khi đó, A-nan lại thưa: Bạch Thế Tôn! Phật diệt độ rồi, nếu có hàng nữ nhân đến xin thọ giáo thì phải làm sao? Đức Phật dạy: Chớ gặp gỡ họ! Giả sử phải gặp thì nên làm sao? Chớ cùng trò chuyện!

122 Nguyên tác:,.Có một khác biệt nhỏ giữa bản Hán và bản Pali. Bản Hán cho rằng, sau khi chiêm bái xong E rồi mãn nghiệp qua đòd; còn bản Pãli cho rằng, trong khi chiêm bái mà qua đời. Tham chiếu: D. 16. Ye hi keci, ānanda, cetiyacārĭkain āhĭndantã pasannacittā kālañkarissanti, sabbe te kāyassa bhedā param maranā sugatim saggam lokam upapcyjissantīti, Này Ānanda, những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ tran với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh vào cõi thiện thú, cảnh giới chư thiên, HT. Thích Minh Châu dịch. 123 Xiển-nộ ,Channa cũng gọi là Xa-nặc.
124 Phạm-đàn phạt .Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi; Phạm-đàn tội ,Brahmadanda. Đây là hình thức tn tội được áp dụng trong nhiễu tôn giáo ơ Ấn Đô cổ đại. Với Phật giáo, thể thúc trị tội này rõ ràng như kinh van đã giải thícl được Hán dịch "mặc tan59 ,nghĩa la bỏ mặc, chúng Tăng bỏ mặc không nói chuyện vơi người phạm tội.

Giả sử phải trò chuyện với họ thì nên làm sao?

Phật dạy: Phải tự kiểm soát tâm ý. Này A-nan! Thầy cho rằng sau khi Ta diệt độ, các thây không có chô nương tựa, không còn ai che chở ư? Chớ nghĩ như thê, vì những giáo pháp và giới luật mà Ta đã dạy từ khi thành Phật đến nay chính là nơi đê các thây nương tựa, là nơi che chở các thây. Này A-nan! Bát đâu từ nay, Ta cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ bớt các giới nhỏ nhặt, trên dưới xưng hô với nhau phải thuận lễ nghĩa, đó là phép kính thuận của người xuất gia. [0026b01] Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Các thầy đối với Phật, Pháp, Tăng có nghi ngờ gì, hoặc đối với đạo có nghi ngờ gì thì mau thưa hỏi, hãy nên biết thời, sau khỏi hối hận. Nhân lúc Ta vẫn còn đây, sẽ giảng giải cho các thầy rõ. Khi đó, các Tỳ-kheo đều im lặng. Phật lại hỏi lần nữa: Các thầy đối với Phật, Pháp, Tăng có nghi ngờ gì, hnặc đối với đạo có nghi ngờ gì thì mau thưa hỏi, hãy nên biết thời, sau khỏi hối hận. Nhân lúc Ta vân còn dây, sẽ giảng giải cho các thây rõ. Các Tỳ-kheo vẫn im lặng. Phật lại bảo: -Các thầy nếu e ngại không dám thưa hỏi thì hãy nhờ các vị hiểu biết khác, mau đứng lên thưa hỏi, hãy biết đúng thời, khỏi hối về sau. Các Tỳ-kheo vẫn im lặng, không ai thưa thỉnh gì. Lúc ấy, A-nan bạch Phật: Con tin rằng đại chúng đây đều có lòng tin thanh tịnh, không một Tỳ-kheo nào nghi ngờ về Phật, Pháp, Tăng nữa, không còn ai nghi ngờ về đạo nữa. Phật bảo Ạ-nan: -Ta tự biêt trong đại chúng này, ngay cả vi Tỳ-kheo nhỏ nhát cũng đã thây được dấu đạo,125 không còn đọa đường ác, nhiều nhất là bảy lần tái sanh, tất sẽ diệt sạch khổ đau.126 Rồi Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm vị đệ tử chứng đắc đạo quả. Bấy giờ, Thế Tôn vén y uất-đa-la-tăng để lộ cánh tay sắc vàng rồi bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên quán rằng, Như Lai mỗi khi xuất hiện ở đời cũng như hoa Ưu-đàm-bát rất lâu mới nở vậy. Lúc đó, Thế Tôn suy ngẫm lại nghĩa này mà nói kệ: Cánh tay phải sắc vàng, Phật hiện như Linh Thụy,127 Thân vô thường, đến đi, Nay diệt, chớ phóng dật.

125 Nguyên tác: Đạo tích tức đã chứng sơ quả Tu-đà-hoàn. 126 Nguyên tác: Tất tận khổ tế . 127 Tên gọi khác của hoa Ưu-đàm .

2. KINH Dư HÀNH 567

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Chớ có buông lung. Ta nhờ không buông lung mà thành Chánh giác. Vô lượng điều lành đều nhờ không buông lung mà có được. Tất cả vạn vật đều vô thường, đây là lời dạy sau cùng của Như Lai. Thế rồi; Như Lai liền nhập Thiền thứ nhất, xuất Thiền thứ nhất nhập Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai nhập Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba nhập Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư nhập Kh6ng xứ định, xuất Không xứ đinh nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Bát dụng đinh,128 xuất Bất dụng định nhập Hữu tưởng Vô tưởng định,129 xuất Hữu tưởng Vô tưởng định nhập Diệt tưởng đinh. Lúc đó, Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:130 Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi chăng?

Tôn giả A-na-luật đáp: vẫn chưa, thưa Tôn giả A-nan! Đức Thế Tôn hiện ở trong Diệt tưởng định. Lúc trước, tôi đích thân nghe Phật dạy rằng, khi Phật xuất Thiền thứ tư mới nhập Niết-bàn. [0026c01] Lúc ấy, Thế Tôn lại xuất Diệt tưởng định nhập Hữu tưởng Vô tưởng đinh, xuất Hữu tưởng Vô tưởng định nhập Bất dụng định, xuất Bất

dụng định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Không xứ định, xuất IGiông xứ đinh nhập Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư nhập Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba nhập Thiên thứ hai, xuất Thiền thứ hai nhập Thiền thứ nhất. Thế Tôn lại xuất Thiền thứ nhất nhập Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai nhập Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba nhập Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư rồi Thế Tôn liên nhập Niêt-bàn. Ngay lúc ây, cõi đát rung chuyên, trời, người kinh hãi, chúng sanh ở cõi tôi tăm mà mặt trời, mặt trăng không thê chiếu đến thì nay đều được soi sáng, nhìn thấy lẫn nhau, liền bảo với nhau: "Người kia mới sanh đến đây, người kia mới sanh đến dây.” Ánh sáng ấy chiếu khắp, hơn cả ánh sáng của chư thiên. Khi ấy ở giữa hư không, chư thiên Đao-lợi dùng hoa Mạn-đà-la,131 hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng và hoa sen trắng rải lên Như Lai và hội chúng, rồi lại rải bột chiên-đàn cúng dường đức Phật cùng đại chúng. Đức Phật diệt độ rồi, bấy giờ, Phạm thiên vương ở giữa hư không nói kệ tán thán: Tất cả loài sanh linh, Đêu phải bỏ thân mạng, Phật là đấng Vô Thượng, Thế gian không ai bằng. Như Lai, Đại Thánh Hùng, Có thần lực vô úy, Đáng lẽ ở đời lâu, Nhưng nay lại diệt độ.

128 Tức là Vô sở hữu xứ định. 129 Tức là Phi tưởng phi phi tưởng định. 130 A-na-luật ,Anuruddha. 131 Mạn-đà-la mandārava. Nhất thiết kỉnh âm nghĩa 7.54. 2128.21. 0440c15 giải thích là hoa thắng diệu của cõi trời.

Thích-đề-hoàn-nhân dùng kệ tán Phật:
Thân nghiệp132 không thường còn, Chỉ là pháp hưng suy,
Có sanh ắt có tử, Phật tịch diệt an vui.
…
Tỳ-sa-môn Thiên vương cũng đọc kệ: Cây phước chốn tòng lâm, Sa-la phước vô thượng, Ruộng tốt xứng cúng dường, Rừng Song Thọ diệt độ. Tôn giả A-na-luật đọc kệ tán Phật: Phật an trú Vô vi, Không cần thở ra vào, Vốn từ tịch diệt đến, Anh thiêng lặn mát roi. Tỳ-kheo Phạm-ma-na lại dùng kệ tán Phật: Không giải đãi, kiêu mạn, Tự kiểm, tu thượng tuệ, Không chấp trước, không nhiễm, Đấng Vô Thượng lìa ái. [0027a03] Tỳ-kheo A-nan nói kệ: Trời, người lòng kinh hãi, Toàn thân đều rúng động, Tất cả đã thành tựu, Chánh Giác nhập Niết-bàn. Bấy giờ, thần Kim-tỳ-la nói kệ: Thế gian mất che chở, Chúng sanh mãi mù lòa, Không còn thấy Chánh Giác, Đấng Sư Tử giữa đời. Lực sĩ Mật-tích nói kệ: Đời nay và đời sau, Phạm thiên lẫn trời người, Không còn được thấy nữa, Đấng Sư Tử giữa đòd. Bấy giờ, Phật mẫu Ma-da dùng kệ tán thán: Phật sanh vườn Lâu-tỳ,133 Đạo Ngài truyền bá khắp, Trở về nơi từng sanh, Bỏ hẳn thân vô thường. Thần Song Thọ đọc kệ: Khi nào tôi lại lấy, Hoa trái mùa cúng Phật, Đấng trọn đủ mười lực, Như Lai vào Niết-bàn. Thần rưng cây Sa-la lại nói kệ: Cõi này diệu lạc nhất, Phật sanh trưởng tại đây, ở đây chuyển Pháp luân, Cũng nơi đây diệt độ. Bấy giờ, Tứ Thiên Vương lại nói kệ: Như Lai vô thượng trí, Thường thuyết lý vô thường, Giải khổ cho chúng sanh, Cuối cùng vào tịch diệt.

132 Nguyên tác: Ấm hành . 133 Lâu-tỳ ,tên gọi khác chỉ cho Lumbinī. Theo Phiên Phạn ngữ 54.2130.9.1046b02, “L2u-tỳ' được dích la idi4 ái .

Đao-lợi Thiên vương lại nói kệ: Trải ức ngàn vạn kiếp, Mong thành đạo Vô thượng, Giải kho cho chúng sanh, Cuối cùng vào tịch diệt. Bấy giờ, Diệm Thiên vương nói kệ: Đây là y sau cùng, Dùng quấn thân Như Lai, Nay Phật đã diệt độ, Y này sẽ cúng ai? [0027Ồ01] Đâu-suất-đà Thiên vương nói kệ: Đây là thân cuối cùng, uẩn, giới diệt nơi đay, Tâm không lo không mừng, Lại chẳng lo già chết. Khi ấy, Hóa Tự Tại Thiên vương nói kệ: Vào canh cuối đêm nay, Phật nam nghiêng hông phải, Tại rừng Sa-la này, Thích Sư Tử diệt độ. Tha Hóa Tự Tại Thiên vương lại nỏi kệ: y Thế gian mãi tối tăm, Trăng sao đêu rơi rụng, Mây vô thường che phủ, Mặt trời đại trí mờ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói kệ: Thân này như bèo bọt, Mong manh có vui gì, Phật được thân Kim cang, Còn bị vô thường hoại. Thể Kim cang chư Phật, Cũng quy vê vô thường, Tan mau như tuyết mỏng, Huống gì những thứ khác? Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo đau buồn vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than, không thể kiềm chế, nức nở khóc than: "Nhu Lai nhập diệt, sao nhanh đến the! Thế Tôn diệt độ, sao gấp quá vậy! Đại pháp lắng chìm, sao chóng quá vậy! Chúng sanh sẽ mãi tối tăm khi đôi mắt thế gian đã khép lại. Như cội cây trốc gốc, cành lá bi gãy đổ. Như rắn bị chém, lăn lộn trên đất, chẳng biết làm sao.” Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo khác cũng thế, đau buồn vật vã, gieo mình xuông đát, lăn lộn kêu than, không thê kiêm chê, nức nở khóc than: "Nhu Lai nhập diệt, sao nhanh đến the! Thế Tôn diệt độ, sao gấp quá vậy! Đại pháp lăng chìm, sao chóng quá vậy! Chúng sanh sẽ mãi tôi tăm khi đôi mát thế gian đã l±ép lại.” Khi ấy, Trưởng lão A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: Thôi, thôi! Đừng bi lụy nữa, kẻo thiên thần nhìn xuống chê trách.

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật: - Trên hư không có bao nhiêu thiên thần? A-na-luật đáp: Đây cả hư không, làm sao tính được? Tát cả họ đêu ở giữa hư không, đau đớn bần thần, khóc than nghiêng ngả, gạt lệ than rằng: "Nhu Lai nhập diệt, sao nhanh đên thê! Thê Tôn diệt độ, sao gáp quá vậy! Đại pháp lăng chìm, sao

chóng quá vậy! Chúng sanh sẽ mãi tối tăm khi đôi mắt thế gian đã khép lại. Như cội cây tróc góc, cành lá bi gãy đô. Như răn bị chém, lăn lộn trên dát, chăng biết làm sao5 Lúc đó, nhiều chư thiên khác cũng như vậy, đều ở giữa hư không, đau đớn bần thần, khóc than nghiêng ngả, gạt lệ than răng: “Nhu Lai nhập diệt, sao nhanh đến the! Thế Tôn diệt độ, sao gấp quá vậy! Đại pháp lắng chim, sao chóng quá vậy! Chúng sanh sẽ mãi tối tăm khi đôi mắt thê gian đã khép lại." [0027c05] Bây giờ, trọn đêm cho đên gân sáng, các Tỳ-kheo tuyên nói pháp ngữ, pháp kệ. Rồi Trưởng lão A-na-luật bảo Tôn giả A-nan: Thầy hãy^ vào thành báo cho chúng Mạt-la biết là Phật đã diệt độ, muốn cúng dường the nào thì hãy đen kịp thời! A-nan vâng lời, đứng dậy lễ Phật, rồi cùng một Tỳ-kheo khác, nước mắt lưng tròng đi vào thành Câu-thi. Lúc ấy, năm trăm người Mạt-la vì có chút việc cần, đang nhóm họp một chỗ, nhìn thấy Tôn giả A-nan đi đến, liền đứng dậy làm lễ rồi đứng sang một bên thưa: -Tôn giả có việc gì mà đến đây sớm vậy? Tôn giả A-nan đáp: Vì lợi ích các ông nên mới đến đây sớm. Các ông nên biết: Thế Tôn đêm qua đã diệt độ, các ông muốn cúng dường thế nào thì hãy mau đến kịp thời. Chúng Mạt-la nghe lời ấy xong, ai nấy đều bi cảm buồn thương, gạt nước mắt nói: Sao mau

quá vậy! Phật đã Niết-bàn. Sao gấp quá vậy! Đôi mắt thế gian đã diệt mất rồi. Tôn giả A-nan khuyên: Thôi, thôi! Đừng bi ai quá! Vạn vật đát trời chăng có thứ gì sanh ra mà không diệt mát, muôn các pháp hữu vi mãi trường tôn là điêu không thê được. Phật lẽ đâu chẳng đã dạy: "C6 sanh ắt có diệt, có hợp ắt có tan, tình đời chẳng thể tồn tại mãi d&qc.” Khi đó, chúng Mạt-la bảo nhau: "Chúng ta hãy trở vê nhà sửa soạn hương hoa cùnệ các loại kỹ nhạc, mau đến rừng Song Thọ để cúng dường kim thân Xá- lợi134 sướt một ngày. Sau đó, thỉnh kim thân Xá-lợi135 đặt lên kiệu, sai các đồng tử Mạt-la khiêng bốn góc, cầm tràng phan, bảo cái dẫn đường, xông hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường, đưa vào công thành phía Đông roi đi kháp các nẻo đường đê cho dân chúng đêu được cúng dường, sau đó khiêng ra công thành phía Tây, đến một đồi cao làm lễ trà-tỳ." Bàn tính như thế xong, mỗi người đều trở về nhà sắm sửa hương hoa và các loại kỹ nhạc, rồi đến rừng Sa-la Song Thọ cúng dường Xá-lợi Phật. Hết một

134 ở đây chỉ cho nhục thân, kim thân đức Phật. 135 Nguyên tác: Phật Xá-lợi .

ngày, họ thỉnh Xá-lợi Phật lên một cái kiệu, chúng Mạt-la cùng đến khiêng đi nhimg không nhấc lên nổi. Khi ấy, Tôn giả A-na-luật bảo: -Các ông hãy thôi đi! Đừng phí sức nữa! Nay chư thiên muốn đến khiêng kiệu. Các Mạt-la hỏi: Chư thiên muốn khiêng kiệu này, họ có ý gì chăng?

Tôn giả A-na-luật đáp: Các ông muốn dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường Xá-lợi suốt một ngày, thỉnh Xá-lợi Phật lên trên kiệu, sai các đồng tử Mạt-la khiêng bốn góc, cầm tràng phan, bảo cái dẫn đường, đốt hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường, đưa vào cổng thành phía Đông rồi đi khắp các nẻo đường để cho dân chúng đều được cúng dường, sau đó khiêng ra cổng thành phía Tây, đến một đồi cao làm lễ trà-tỳ. Còn chư thiên muốn lưu Xá-lợi lại trong bảy ngày để kính lễ cúng dường bằng các loại hương hoa, kỹ nhạc, sau mới thỉnh Xá-lợi Phật đặt lên kiệu, sai các đồng tử Mạt-la khiêng bốn góc, cầm tràng phan, bảo cái dẫn đường, đốt hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường Xá-lgi, đưa vào cổng thành phía Đông rồi đi khắp các nẻo đường để cho dân chúng đều được cúng dường, sau đó mới đưa ra cổng thành phía Bắc, qua sông Hi-liên-thiền136 đến chùa Thiên Quan137 mà làm lễ trà-tỳ. Chư thiên có ý như vậy nên khiến kiệu bất động. [0028al0] Chúng Mạt-la thưa: Thế thì hay lắm! Xin tùy ý chư thiên!

Khi đó, chúng Mạt-la liên bảo nhau: "Chúng ta hãy trở vào thành trước, đên từng ngả đường sửa sang cho băng phăng, rưới nước, xông hương roi trở lại đây cúng dường Xá-lợi Phật trong bảy ngày." Thế là, các Mạt-la liền vào thành, đến từng ngả đường sửa sang cho bằng phăng, rưới nước xông hương, sau đó ra khỏi thành đên rừng Song Thọ, dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường Xá-lợi Phật. Bảy ngày xong, vào lúc chiều tối, họ thỉnh Xá-lợi Phật đặt lên kiệu, các đồng tử Mạt-la khiêng bốn góc, cầm tràng phan bảo cái, xông hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường rồi thong thả mà đi. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi dùng hoa Mạn-đà-la,138 hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng và bột chiên-đàn rải trên Xá-lợi và khắp các nẻo đường, chư thiên trỗi nhạc, quỷ thần ca ngâm. Lúc đó, các Mạt-la tự bảo nhau: "Hãy dừng âm nhạc loài người, thỉnh

nhạc cõi trời cúng dường Xálọi!”

136 Hi-liên-thiền hà ,sông Hiraññavatī. 137 Thiên Quan tự còn gọi Bảo Quan chi-de Wp một ngôi tháp cổ trong xứ Mạt-la Mallā. Theo Liên Hoa diện kinh n2. 0386.1. 1073019, trong thời quá khứ, đức Phật từng làm Chuyển Luân Thai± Vương và đã cởi mũ Thiên Quan để tại nơi đây, nhân đó mà có ten ..Thánh tích này ngày nay gọi là tháp Trà-tỳ Ramabhar stupa.
138 Nguyên tác: Văn-đà-la hoa Mandārava.

Thế rồi, chúng Mạt-la khiêng kiệu đi dần vào cổng thành phía Đông, đến mỗi ngã tư đường đều dừng lại, đốt hương rải hoa và trỗi nhạc cúng dường. Khi ấy, có nàng Lộ"di thuộc dòng Mạt-la, vốn dốc lòng tin Phật, tay cầm đóa kim hoa lớn như bánh xe đến cúng dường Xá-lợi. Lại có một bà lão cất tiếng tán thán: "Chúng Mạt-la này được lợi ích lớn. Như Lai cuối cùng diệt độ tại đây, dân chúng cả nước nhanh chóng cúng đường.” Khi chúng Mạt-la thiết lễ cúng dường xong thì đưa kiệu ra cửa thành phía Bắc, qua sông Hi-liên-thiền đến chùa Thiên Quan, đặt kiệu xuống đất rồi thưa với A-nan: A

Chúng tôi bây giờ nên cúng dường bằng cách nào nữa? [0028b01] Tôn giả A-nan bảo: Tôi đích thân nghe từ Phật, đích thân lãnh thọ lời Phật dạy rằng: Nếu muốn táng Xá-lợi Phật, hãy làm theo nghi thức an táng Chuyển Luân Thánh Vương. Họ hỏi tiếp: Nghi thức an táng cho Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào?

Tôn giả A-nan đáp: Nghi thức an táng Chuyển Luân Thánh Vương thế này: Trước hết, dùng nước thơm tăm rửa thi thê, dùng năm trăm tâm vải kiêp-bôi quân quanh nhục thân năm trăm lớp, rồi đặt vào bên trong kim quan đã được rưới tẩm dầu mè, tiếp đó đặt kim quan vào trong quách sắt lớn, rồi đặt tiếp quan quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ chiên-đàn9 kế đó đem các loại hương quý cùng những tấm vải dày xếp lên trên rồi tiến hành trà-tỳ, sau đó thâu nhặt Xá-lợi, dựng tháp, treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng nhìn thấy tháp Thánh vương, tưởng nhớ công lao trị vì chân chánh của vua, như thế liền được nhiều lợi ích. Thế Tôn dạy rằng, an táng Thế Tôn thì cũng vậy, trước hết dùng nước thơm tắm rửa kim thân, dùng năm trăm tấm vải kiếp-bối quấn quanh thân năm trăm lớp, rồi đặt vào bên trong kim quan đã được rưới tẩm dầu mè? tiếp đó đặt kim quan vào trong quách sắt lớn, rồi đặt tiếp quan quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ chiên-đàn? kế đó đem các loại hương quý cùng những tấm vải dày xếp lên trên rồi tiến hành trà-tỳ. Sau đó, thâu nhặt Xá-lợi, dựng tháp, treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng nhìn thấy tháp Phật mà tưởng nhớ công đức truyền bá Chánh pháp của Như Lai, như thế thì sống được phước lợi, lâm chung sẽ sanh thiên, trừ những người đắc đạo. Lúc đó, chúng Mạt-la bảo nhau: "Chúng ta hãy về thành sắm sửa các vật dụng an táng như hương hoa, vải kiêp-bôi, quan quách, dâu thơm và vải trang?9 Tức thi, họ liền cùng vào thành sắm đủ các vật dụng an táng xong, bèn trở lại chùa Thiên Quan, lấy nước thơm tắm rửa kim thân, dùng năm trăm tấm vải kiếp-bối quấn quanh kim thân năm trăm lớp, rồi đặt vào bên trong kim quan đã được rưới tâm dâu mè, tiêp đó đặt kim quan vào trong quách sát lớn, roi đặt

tiếp

2. KINH Dư HÀNH 573

quan quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ chiên-đàn, kế đó đem các loại hương quý cùng những tấm vải dày xếp lên trên. Khi ấy, có đại thần dòng Mạt-la tên Lô-di cầm cây đuốc lớn, châm lửa muốn thiêu kim thân nhưng lửa không cháy. Lại có những Trưởng lão Mạt-la cũng cầm đuốc châm theo nhưng lửa vẫn không cháy. Khi ấy, Tôn giảA-na-luật bảo chúng Mạt-la: Thôi, thôi! Chư Hiền! Các vị chẳng thể châm được, lửa tắt không cháy là do ý của chư thiên. Các Mạt-la hỏi: Thưa Tôn giả! Tại sao chư thiên khiến lửa không cháy?

Tôn giả A-na-luật đáp: Tôn giả Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà139 về được nửa đường, mong đến đây trước khi trà-tỳ để được nhìn thấy kim thân. Chư thiên biết ý Ngài ấy nên khiến lửa không cháy. [0028c02] Chúng Mạt-la nói: -Xin vâng theo ý này! Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đang trên đường về thì thấy một Ni-kiền-tử tay cầm đóa hoa Mạn-đà-la. Từ xa trông thấy Ni-kiền-tử này, Tôn giả Đại Ca-diếp tiến lại gần và hỏi: -Ông từ đâu đến đây? Đáp: -Tôi từ thành Câu-thi đến. Hỏi: - Ông có biết Thầy tôi không? Đáp: -Có biết! Hỏi: -Thầy tôi còn trụ thế chăng? Đáp: Đã diệt độ cách đây bảy ngày. Tôi từ đó đến dây, nên nhặt được đóa hoa trời này. Tôn giả Đại Ca-diếp nghe xong, lòng buồn bã vô cùng. Còn năm trăm Tỳkheo hay tin Phật diệt độ rồi, đau buồn vật vã? gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than, không thể kiềm chế, nức nở khóc than: "Nhu Lai nhập diệt, sao nhanh đến thế! Thế Tôn diệt độ, sao gấp quá vậy! Đại pháp lắng chìm, sao chóng quá

139 Ba-bà Pāvā.

574 KINH TRƯỜNG A-HÀM

vậy! Chúng sanh sẽ mãi tôi tăm khi đôi mat thê gian đã khép lại. Như cội cây tróc gôc5 cành lá bị gãy đô. Như răn bị chém, lăn lộn trên đát, chăng biêt phải làm sao." Lúc ấy, trong chúng có Tỳ-kheo thuộc dòng họ Thích tên Bạt-nan-đà bảo các Tỳ-kheo khác: Các thầy chớ có buồn, Thế Tôn diệt độ rồi, chúng ta được tự do! Ngài ấy thường bảo: 'Thải làm thế này, chớ làm thế kia"từ nay về sau, làm gì tùy ta. Tôn giả Đại Ca-diếp nghe vậy, buồn bã không vui, bảo các Tỳ-kheo: Hãy chỉnh sửa y bát, mau đên rừng Song Thọ trước khi trà-tỳ đê được thấy kim thân Như Lai! Khi ây5 các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Ca-diêp nói xong, liên đứng dậy theo Tôn giả đi đến thành Câu-thi, qua sông Hi-liên-thiền140 đến chùa Thiên Quan và đến chỗ A-nan. Sau khi thăm hỏi xong, Tôn giả Đại Ca-diếp đứng qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan: -Chúng tôi muốn nhìn thấy kim thân Phật trước khi trà-tỳ, có thể được không? Tôn giả A-nan đáp: Tuy chưa trà-tỳ nhưng khó thấy được. Vì sao? Vì thân Phật được tắm nước hương, dùng năm trăm tấm vải kiếp-bối quấn quanh kim thân năm trăm lớp, rồi đặt vào bên trong kim quan, tiếp đó đặt kim quan vào trong quách sắt lớn, rồi đặt tiếp quan quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ chiên-đàn, kê đó đem các loại hương quý cùng những tâm vải dày xép lên trên, do đó khó thấy được thân Phật. Tôn giả Đại Ca-diếp năn nỉ ba lần như thế nhưng A-nan vẫn trả lời như trước: Rất khó mà thấy thân Phật được nữa.

Chăng biêt phải làm sao, Tôn giả Đại Ca-diêp đành chăp tay hướng vê kim thân Như Lai, ngay lúc ấy, bỗng nhiên từ trong quan quách, hai chân đức Phật duỗi thẳng ra ngoài. Tôn giả Đại Ca-diếp nhìn thay chân Phật có màu sắc lạ, ngạc nhiên hỏi A-nan: Thân Phật sắc vàng, sao chân có màu khác lạ vậy?

[0029a01] A-nan đáp: -Vừa rồi có một bà lão, vừa khóc thương vừa tiến đến ôm chân Như Lai, làm rơi nước mắt trên đó nên nay chân Ngài có màu khác lạ như the. Tôn giả Đại Ca-diếp nghe xong, lòng lại không vui. Ngài hướng về đảnh lễ Như Lai. Khi ấy, bốn chúng và chư thiên trên hư không cũng đồng thời hành lễ, ngay lúc đó, chân Phật bỗng nhiên không hiện ra nữa.

140 Nguyên tác: Ni-liên-thiền .Đoạn trên ghi là Hi-liên-thiền ?® .ở đây, bản Hán phiên âm nhầm tên gọi con sông Hiraññavatī; trong Cao Tăng Pháp Hiên truyện r.51. 2085. 0861CƠ3 được phiên âm là Hi-liên-thiền .

2. KINH DU HÀNH 575

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp vừa nhiễu quanh kim thân ba vòng vừa tụng kệ: Chư Phật, đấng tối cao, Thánh trí khó nghĩ lường, Thánh trí cao tột bậc, Con nay xin kính lễ. Đang Sa-môn tôi cao, Tối thượng, không tỳ vết, Thanh tinh, không ái nhiễm, Tôn quý giữa nhân thiên, Đấng Đại Hùng cõi người, Con nay xin kính lễ. Khổ hạnh chẳng ai bằng, Lìa chấp và độ sanh, Vô nhiễm, không trần cấu, Đảnh lễ đấng Vô Thượng. Dứt sạch tham, sân, si, Vui với hạnh không tịch, ĐỘC nhát, chăng ai băng, Kính lễ đấng Thập Lực. Thiện The, đang Toi Thượng, Lưỡng Túc Tôn cao quý, Ngộ Tứ dế, dừng lặng, Kính lễ An ổn Trí. Vô thượng giữa Sa-môn, Khiến bỏ tà về chánh, Thế Tôn thường tịch diệt, Kính lễ đấng Trạm Nhiên. Không nhiệt não, oán hiềm, Thân tâm thường vắng lặng, Loại trừ hét câu uê, Kính lễ đấng Vô Cấu. Tuệ nhãn không hạn lượng, Cam lộ, uy danh vang, Hiếm có, khó nghĩ bàn, Kính lễ đấng Vô Đẳng. Cất tiếng rống sư tử, Rừng sâu, chăng khiêp sợ, Hàng ma, vượt bốn tánh,141 Cho nên con đảnh lễ. Tôn giả Đại Ca-diếp có uy đức lớn lao và đủ bốn biện tài, vừa đọc xong bài kệ trên, khi ấy, không đốt mà tự nhiên lửa bừng cháy. Chúng Mạt-la bảo nhau: "Nay lửa cháy mạnh, khó mà ngăn nổi, e rằng tiêu hủy hết Xá-lợi! Phải lấy nước ở đâu để dập tắt lửa0ây?" Cạnh đó có thọ thần Sa-la vốn một lòng tin tưởng Phật dạo, bèn dùng thần lực dập tắt ngọn lửa. Khi ấy, chúng Mạt-la lại bảo nhau: "Trong khoảng mười hai do-tuần chung quanh thành Câu-thi này có rất nhiều hoa thơm, chúng ta hãy hái hết, đem về cúnẹ dường Xá-lợi Phát.” Thế rồi, họ tìm hái các loại hoa thơm quanh thành đem ve cúng dường. [0029b03] Bấy giờ, chúng Mạt-la nước Ba-bà nghe Phật diệt độ tại rừng Song Thọ, đều tự nghĩ: "Chúng ta nên đến đó xin phần Xá-lợi, thỉnh về nước dựng tháp cúng đường." Họ liền hạ lệnh tập hợp bốn quân chủng là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ kéo đến thành Câu-thi, roi sai sứ giả đen thưa: Chúng tôi nghe tin đấng Chúng Hựu142 diệt độ tại đây, Phật cũng là Thầy chúng tôi, vì lòng kính mộ Ngài, chúng tôi đên xin phân Xá-lợi, thỉnh vê nước dựng tháp cúng dường.

141 Chỉ cho 4 giai cấp ở Ấn Độ: Bà-la-môn, Sát-lợi, Phệ-xá và Thủ-đà-la. 142 Chúng Hựu .Theo Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích,X.44. 0744.19. 0544c20, do

có nhiêurphước đức tự bảo hộ cho mình và còn có thê phù hộ tát cả chúng sanh nên gọi là Chúng Hựu. Hựu giống như sự trợ giúp vậy.....

576 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vua nước Câu-thi đáp: Đúng vậy! Quả thật như lời Ngài nói nhưng vì Thế Tôn giáng lâm tại đây và diệt độ cũng tại đây, nhân dân nước tôi tự lo cúng dường, khỏi phiền các ngài ở xa. Việc phân chia Xá-lợi e rằng không thể được. Bấy giờ, chúng Bạt-ly143 nước Già-la-phả,144 chúng Câu-lợi145 nước La-ma- già9146 chúng Bà-la-môn nước Tỳ-lưu-đề,147 chúng Thích-ca nước Ca-duy-la- vệ,148 chúng Ly-xa149 nước Tỳ-xá-ly, Vua A-xà-thế150 nước Ma-kiệt-đà, nghe tin Như Lai diệt độ tại rừng Song Thọ thành Câu-thi đều tự nghĩ: “Chúng ta hãy nên đến đó để chia phàn Xá-lợi.^, Thế rồi, Vua A-xà-thế bèn hạ lệnh dẫn bốn quân chủng là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ tiến qua sông Hằng, sai Bà-la-môn Hương Tánh:151 "Nguôi hãy nhân danh ta, vào thành Câu-thi vấn an sức khỏe các vị Mạt-la: Sinh hoạt thường ngày có thảnh thơi không? Đi đứng có được nhẹ nhàng không? Và nói rằng ta với quý ngài ấy xưa nay vốn kính trọng lẫn nhau, láng giềng hòa nghị, chưa từng tranh chấp. Nay nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc, đối với Thế Tôn, ta vô cùng tôn kính nên từ xa đến đây muốn thỉnh phần Xá-lợi đem về nước dựng tháp cúng dường. Nêu nhận lời, ta sẽ hiên quôc bảo cho." Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh nhà vua, đến thành Câu-thi thưa với các Mạt-la rằng: Đại vương nước Ma-kiệt kính lời vấn an sức khỏe các Ngài: "Sinh hoạt thường ngày có thảnh thơi không? Đi đứng có được nhẹ nhàng không? Và nói rằng Đại vương với quý ngài xưa nay kính trọng lẫn nhau, láng giềng hòa nghị, chưa từng tranh chấp. Nay nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc, đối với Thế Tôn, Đại vương vô cùng tôn kính, nên từ xa đến đây muốn thỉnh phần Xá-lợi đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, Đại vương sẽ hiến quốc bảo cho." Lúc đó, các Mạt-la trả lời Bà-la-môn Hương Tánh: Đúng vậy! Quả thật như lời ngài nói nhưng vì Thế Tôn giáng lâm tại đây và diệt độ cũng tại dây, nhân dân nước tôi tự lo cúng dường, khỏi phiền các ngài ở xa. Việc phân chia Xá-lợi e rằng không thể được.

143 Bạt-ly ,Bull.

144 Già-la-phả ,Allakappa.

145 Câu-lợi Koliya.

146 La-ma-già Rāmagāma.

147 Tỳ-lưu-đề ,Vethadīpa.

148 Kinh Đại bổn ghi: Ca-tỳ-la-vệ Kapilavatthu.

149 Ly-xa ,Licchavī.

150 A-xà-thế ,Ajātasattu.

151 Hương Tánh ,Dog.

2. KINH DU HÀNH 577

[0029c04] Lúc đó, vua các nước bèn triệu tập quần thần, bàn bạc: Chúng ta hòa hiếu, Xa đến đảnh lễ, Khiêm tốn thỉnh cầu, Nếu không chấp nhận, Bốn binh đã sẵn, Không tiếc thân mạng, Dùng nghĩa không được, Tất phải dùng sức. Khi ây5 vua nước Câu-thi

liên triệu tập quân thân, cùng nhau bàn bạc, roi đáp trả rằng: Từ xa khổ nhọc, Các vi đến xin, Di thể Như Lai, Nhimg không cho được. Nếu muốn dùng binh, Ta đây cũng sẵn, Chống trả đến cùng, Chưa từng biết sợ. Lúc ấy, Bà-la-môn Hương Tánh đứng ra phủ dụ mọi người: Chư Hiền! Lâu nay chúng ta lãnh thọ lời Phật dạy, miệng tụng pháp ngôn, tâm theo nhân nghĩa. Tát cả chúng sanh đêu muôn an lành, nay chăng lẽ vì tranh giành Xá-lợi Phật mà tàn hại lẫn nhau? Đối với di thể Như Lai, nếu muốn có được lợi ích rộng rãi thì nên phân chia ra thành nhiều phần. Mọi người đều khen là phải, lại bàn luận với nhau: "Ai là người đủ khả năng phân chia?" Rồi tất cả đều cho rằng Bà-la-môn Hương Tánh là người nhân trí công tâm, có thể đứng ra phân chia. Thê roi, các quôc vương liên bảo Hương Tánh: -Ong hãy chia Xá-lợi Phật thành tám phân băng nhau cho chúng tôi. Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh, liền đến chỗ Xá-lợi, cúi đầu đảnh lễ xong, r tiên lên nhặt Ị. /K răng trên của Phật đê riêng một bên, roi sai sứ giả đưa : chiêc đên chô Vua A-xà-thê. Ong bảo sứ giả: Ngươi hãy thay mặt ta tâu với Đại vương rằng: "Sinh hoạt thường ngày có thảnh thơi không? Đi đứng có được nhẹ nhàng không? Xá-lợi chưa đến, chắc . . J . t 9 Ngài mong đợi lăm? Nay giao sứ giả đem răng trên của Như Lai đên trước đê Đại vương có thể cúng dường, thỏa lòng trông mong. Khi sao Mai152 mọc, phân chia xong Xá-lợi, thần sẽ đích thân dâng đến.” Sứ giả vâng lời, đến chỗ Vua A-xà-thế tâu: -Bà-la-môn Hương Tánh kính lời thỉnh an Đại vương: "Sinh hoạt thường ngày có thảnh thơi không? Đi đứng có được nhẹ nhàng không? Xá-lợi chưa đến, chắc ngài mong đợi lắm? Nay giao sứ giả đem răng trên của Như Lai đến trước để Đại vương có thể cúng dường, thỏa lòng trông mong. Khi sao Mai mọc, phân chia xong Xá-lợi, đích thân Bà-la-môn Hương Tánh dâng đến.”

152 Nguyên tác: Minh tinh Aruna, tức Thái Bạch tinh, còn gọi sao Kim, sao Hôm, sao Mai, sao Phát.

578 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0030a03] Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh dùng cái bình đựng khoảng một thạch để đong chia Xá-lợi, phân thành tám phần bằng nhau xong, nói với mọi người: -Tôi muốn xin cái bình này đem về nhà dựng tháp cúng dường. Mọi người đều bảo: Thật là có trí, thật là hợp lý, chúng tôi đồng ý! Lúc đó? người trong thôn Tất-bát cũng đến xin: Hãy cho chúng tôi phân tro còn sót lại dưới đát kia đê đem vê xây tháp cúng dường! Mọi người lúc đó đều chấp thuận. Bấy giờ, người nước Câu-thi được chia phần Xá-lợi? liền dựng tháp trong nước cúng dường. Người nước Ba-bà, Già-la, La-ma-già9 Tỳ-lưu-đề? Ca-duy- la-vệ, Tỳ-xá-ly và Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt khi nhận được phần Xá-lợi5 đều thỉnh vê nước, xây tháp cúng dường. Bà-la-môn Hương Tánh ôm bình vê nhà dựng tháp miếu cúng dường. Người dân thôn Tất-bát cũng đem phần tro còn lại về dựng tháp miếu cúng dường. Như vậy, Xá-lợi Như Lai được chia thờ tại tám tháp, tháp thứ chín thờ bình, tháp thứ mười thờ tro và tháp thứ mười một thờ tóc Phật khi còn tại thế. Phật sanh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt độ giờ nào? Sanh khi sao Phất mọc, xuất gia khi sao Phất mọc, thành đạo khi sao Phất mọc và diệt độ khi sao Phất mọc. ĩ . 2 Lưỡng Túc Tôn sanh thế nào? Xuất gia, khô hạnh ra sao? Đắc đạo Tối thượng thế nào? Chứng nhập Niết-bàn ra sao? Sao Phất mọc, Thế Tôn sanh, Sao Phất mọc, Phật xuất gia,

Sao Phất mọc, thành Chánh giác, Sao Phất mọc, nhập Nê-hoàn. y • :

Mông tám Như Lai sanh, Mồng tám Phật xuất gia, Mồng tám thành Bồ-đề, Mồng tám nhập Niết-bàn. Mồng tám sanh Lưỡng Túc Tôn, Mông tám xuất gia khô hạnh, Mồng tám thành đạo Tối thượng, Mồng tám nhập thanh Nê-hoàn. Tháng hai Như Lai sanh, Tháng hai Phật xuất gia, Tháng hai thành Bồ-đề, Tháng hai nhập Niết-bàn. Tháng hai sanh Lưỡng Túc Tôn, Tháng hai xuất gia khổ hạnh, Tháng hai đắc đạo Tối thượng, Mồng tám nhập thành Niết-bàn. Hoa Sa-la nở rộ? Đủ màu ánh chiếu nhau, ở nơi từng sanh trưởng, Như Lai nhập Niết-bàn. Đấng Đại Từ diệt độ, Người người ximg tán lễ, Vượt thoát mọi sợ hãi, Quyết đinh nhập Niết-bàn.153

153 Bản Hán, hết quyển 4.

3. KINH ĐIÊN TÔN1 A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo, ngụ tại núi Kỳ-xà quật,2 thuộc thành La-duyệt-kỳ.3 Bấy giờ, nhân lúc đêm khuya vắng lặng không một bóng người, con trai của nhạc thần tên là Bàn-già-dực4 phóng quang chiếu sáng khắp cả núi Kỳ-xà quật, đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy chân Ngài xong rồi đứng sang một bên và bạch Phật rằng: Gần đây Phạm thiên vương5 đến cõi trời Đao-lợi6 đàm luận với Đế- thích,7 chính con được tham dự nên đã nghe rõ, nay con có thể thuật lại với Thế Tôn chăng? Phật đáp: -Ong muôn nói điêu gì thì cứ nói. Bàn-già-dực thưa: Có lần, chư thiên Đao-lợi nhóm họp tại pháp đường rồi cùng nhau đàm luận. Lúc đó, Tứ Thiên Vương ngồi ở bốn phía theo đúng phương hướng của mình. Thiên vương Đề-đế-lại-tra8 ngồi ở phía Đông, mặt quay về hướng Tây, Đế-thích ngồi trước mặt. Thiên vương Tỳ-lâu-lặc9 ngồi ở phía Nam, mặt quay về hướng Bắc, Đế-thích ngồi trước mặt. Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa10 ngồi ở phía Tây, mặt quay về hướng Đông, Đế-thích ngồi trước mặt. Thiên vương

1 Nguyên tác: Điển Tôn kinh ếĭroi. 0001.3. 0030011. Tham chiếu: Phật thuyết Đại Kiên cố Bà-la-môn duyên khởi kinh T.Ol. 0008. 207c18; D. 19, Mahãgovỉnda Sutta Kinh Đại Điển Tôn. 2 Kỳ-xà quật Gijjhakūta. Xem chú thích 66, kinh số l, tr. 515. 3 La-duyệt-kỳ ,Rājagaha. Xem chú thích 3, kinh số 2, tr. 517. 4 Nguyên tác: Chấp nhạc thiên Bàn-già-dực tử ,Pañcasikha Gandhabbaputta, con trai cua nhạc thần Bàn-già-dực. 5 Phạm thiên vương tứg Đại Phạm thiên Mahābrahmā, vua của cõi trời Sơ thiền thuộc sắc giới, còn được xưng là Ta-bà thế giới chủ, Thế chủ thiên. Vị này thâm tín Chánh pháp vì mỗi lần có Phật xuất hiện ở đời, Phạm thiên là người đầu tiên thỉnh Phật chuyển pháp luân. 6 Đao-lợi CTāvatimsa, tầng trời thứ 2 trong 6 tầng trời cõi Dục, còn gọi Tam Thập Tam thiên + 7 Đế-thích Sakkā còn gọi Thích-đề-hoàn-nhân ,vua cõi trời Đao-lợi. 8 Đề-đế-lại-tra ,Dhatarattha tức Trì Quốc Thiên vương . 9 Tỳ-lâu-lặc ,VirũỊhaka tức Tăng Trưởng Thiên vương . 10 Tỳ-lâu-bác-xoa ,Virūpakkha tức Quảng Mục Thiên vương .

Tỳ-sa-môn11 ngồi ở phía Bắc, mặt quay về hướng Nam, Đế-thích ngồi ở trước mặt. Sau khi Tứ Thiên Vương ngồi xong thì con mới ngồi xuống. Lại có nhiều thiên thần khác trước kia từng theo Phật, tịnh tu Phạm hạnh, sau khi mạng chung ở đây được sanh lên cõi trời Đao-lợi, khiến chư thiên cõi ấy tăng thêm năm phước, đó là: Tuổi thọ cối trời, sắc đẹp cõi trời, danh dự cõi trời, niềm vui cõi trời và oai đức cõi trời. Khi đó, chư thiên Đao-lợi vô cùng vui mừng, nói: "Chúng chư thiên tăng thêm, chúng a-tu-la12 giảm bớt.,, Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biết thiên chúng đều có tâm niệm vui mừng, liền nói bài kệ: Chư thiên trời Đao-lợi, Cùng Đế-thích hân hoan, Lễ Đạo sư thế gian, Đấng Pháp Vương tối thượng. Chư thiên nhận thêm phước, Thọ, sắc, danh, lạc, oai, Theo Phật tu Phạm hạnh, Nên cõi này thác sanh. Lại có nhiều thiên chúng, Ánh sáng thật rạng ngời, Chúng trí tuệ của Phật, Sanh đây, phước khôn cùng. Đao-lợi và Bế-thích, Nghĩ thế tự vui sướng, Kính lễ đức Như Lai, Đang Pháp Vương tôi thượng. [0030C11] Sau khi nghe bài kệ này, chư thiên Đao-lợi thân tâm hoan hy, phấn khởi tột cùng, vì chư thiên tăng thêm, chúng a-tu-la giảm bớt. Thích-đề- hoàn-nhân thấy chư thiên Đao-lợi vui mừng hớn hở, liền bảo: "Này chư Hiền! Các vi có muốn nghe tám pháp tối thượng của đức Như Lai kh6ng?" Chư thiên Đao-lợi đáp: "Thua, muốn nghe!" Đế-thích nói: "Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Chư Hiền! Đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có đủ mười đức hiệu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác như Phật. Pháp Phật nhiệm mâu, được thuyết giảng khéo léo, người trí thực hành theo. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có giáo pháp vi diệu như Phật. Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, tự tại an lạc. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có thể ở nơi pháp này mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, tự tại an lạc như Phật.

11 Tỳ-sa-môn Vessavana tức Đa Văn Thiên vương . 12 Nguyên tác: A-tu-luân ,Asurā, còn gọi "atu.la ,một loại quỷ thần hiếu chiến trong kinh thư của Án Độ giáo và cả Phật giáo, bị xem là ác thân và thường tranh đấu với Thiên chủ Đế-thích.

3. KINH ĐIÊN TÔN 581

Chư Hiên! Phật nhờ pháp áy tự giác ngộ roi lại khéo mở bày con đường dân đến Niết-bàn, dẫn đến gần và dần dần đến chỗ hội nhập tịch diệt. Như nước hai con sông Hằng và Diệm-ma đều chảy vào biển cả, Phật cũng như vậy, có thể khéo léo mở bày con đường dân đên Niêt-bàn, dân đên gân và dân dân đên chô hội nhập tịch diệt. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có thể mở bày con đường Niết-bàn như Phật. Chư Hiền! Như Lai thành tựu quyến thuộc, gồm Sát-đế-lợi9 Bà-la-môn, Cư sĩ và Sa-môn, là những người có trí tuệ. Như Lai đêu thành tựu những quyên thuộc như vậy. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có được sự thành tựu quyến thuộc như Phật. Chư Hiền, Như Lai thành tựu đại chúng, đó là các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có được sự thành tựu đại chúng như Phật. Chư Hiên! Lời nói và việc làm của Như Lai giông nhau, lời nói đúng như việc làm, việc làm đúng như lời nói, đó chính là thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp.13 Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai,

không ai có lời nói giông với việc làm, thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp như đức Phật. Chư Hiên! Đức Như Lai có nhiêu sự lợi ích, nhiêu sự an lạc, với lòng từ mẫn, Ngài làm lợi ích cho chư thiên và loài người. Ta thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không ai có nhiều sự lợi ích, nhiều sự an lạc như Phật. Chư Hiền! Đó là tám pháp tối thượng của đức Như Lai." [0031a09] Lúc đó, có vị trời Đao-lợi nói như vầy: "Gi sử thế gian có tám đức Phật cùng xuất hiện, khi ấy sẽ tăng thêm rất nhiều thiên chúng và giảm bớt chúng a-tu-la.” Rồi có vị trời Đao-lợi khác lại nói: “N6i gì tám đức Phật, chỉ cần bảy đức Phật, sáu đức Phật, cho đến hai đức Phật cùng thị hiện ở đời thôi cũng đã làm tăng thêm nhiêu chúng chư thiên và giảm bớt chúng a-tu-la, huống gì tám đức Phát!” Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân liền bảo chư thiên Đao-lợi: “Ta được nghe từ Phật, đích thân lãnh thọ giáo pháp từ Phật, nên biết rằng không thể có hai đức Phật cùng thị hiện ở đời. Nhưng nếu đức Như Lai ở đời dài lâu, vì thương tưởng chúng sanh, vì lợi ích cho nhiều người, vì an lạc cho

13 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu ,dhammānudhammappatipannam . Tham chiếu: Tăng. /7.02. 0125.39.1. 0729a23: t4Ñay Tỳ-kheo! Lại có 2 hạng người. La 2 hạng nào? Hạng người thư nhất nghe pháp rồi thực hành theo pháp. Hạng người thứ 2 chang nghe pháp, chẳng thực hanh theo pháp. Đối với hạng người trên, hạng người nghe Ị±áp rồi thực hành theo pháp là bậc nhar
'HỄ A. 7.68 - IV. 113,_^tharih U'& đây
mang nghĩa là sự thực hành patipannà. Đạo hạnh Bắt-nhã kinh từ của
Seishi Karashima cũng khẳng định "thành tựu,, là sự thực hành. Xem them,. 19: Dhammānudhammappatipannam thực hành theo pháp và thuận theo thứ lớp của giáo pháp, ở đây, patipanna là quá khứ phân từ của patipajjati áp dụng, thực hành, tiến hành.

chư thiên và loài người thì cũng có thê tăng thêm nhiêu chúng trời và giảm bớt chúng a-tu-la." Khi đó, Bàn-già-dực lại bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Chư thiên Đao-lợi sở dĩ nhóm họp tại pháp đường là để cùng nhau bàn luận, suy tư, quan sát, cân nhắc về một giáo lệnh nào đó rồi mới trao cho Tứ Thiên Vương. Khi Tứ Thiên Vương lãnh thọ giáo lệnh rồi, mỗi vị đều ngồi theo vi trí của mình. Tứ Thiên Vương ngồi chưa được bao lâu thì có một luồng ánh sáng kỳ lạ chiếu cả bốn phương. Thấy vậy, chư thiên Đao-lợi đều kinh ngạc, nói: "Nay có ánh sáng kỳ lạ này xuất hiện, có lẽ sắp có điều gì lạ thường chăng?,, Ngay cả chư thiên có oai đức lớn cũng kinh hãi, nói: "Nay có ánh sáng kỳ lạ này, có lẽ sẽ có điềm gì chăng?^ Lúc đó, Đại Phạm vương liền hóa làm đứa bé, đầu có năm chỏm, đứng giữa hư không, bên trên thiên chúng, dung mạo đoan chánh, vượt hẳn chúng trời, sắc thân vàng tía rực rỡ che lấp ánh sáng của chư thiên khác. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi không đưng dậy cung kính nghinh tiếp, cũng không mời ngồi nhưng lúc đứa bé này tiến đến ngồi vào chỗ của vị trời nào thì vị ấy vô cùng hoan hỷ, tựa như thái tử dòng Sát-đế-lợi được rưới nước quán đảnh chúc mừng trong ngày lễ lên ngôi. Ngồi chưa bao lâu, Phạm vương lại biến thân thành đứa bé khác, đầu có năm chỏm bay lên ngồi giữa hư không, bên trên đại chúng, giống lực sĩ ngồi yên, vững vàng hơn núi,

hoàn toàn bất động rồi nói bài kệ: Chư thiên trời Đao-lợi, Cùng Đê-thích hân hoan, Lễ Đạo sư thế gian, Đấng Pháp Vương tối thượng. Chư thiên được thêm phước, Thọ, sắc, danh, lạc, oai, Theo Phật tu Phạm hạnh, Nên cõi này thác sanh. Lại có nhiều thiên chúng, Ánh sáng thật rạng ngời, Chúng trí tuệ của Phật, Sanh đây, phước khôn cùng. Đao-lợi và Bế-thích, Nghĩ thế tự vui sướng, Kính íễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương tối thượng. [0031bll] Bấy giờ, chư thiên Đao-lợi nói với đứa bé: "Chúng tôi mới nghe Đế-thh tán thán tám pháp tối thượng của đức Như Lai nên vô cùng hoan hỷ, phấn khởi tột cùng.,, Đứa bé liền hỏi: "Những gì là tám pháp tối thượng của Như Lai? Tôi cũng muốn nghe." Đế-thích liền vì đứa bé mà nói lại tám pháp tối thượng ấy. Chư thiên Đao- lợi được nghe một lần nữa nên vô cùng hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, nói: "Chúng chư thiên tăng lên, chúng a-tu-la giảm xuống." Lúc đó, đứa bé thấy chư thiên càng thêm vô cùng hoan hỷ, bèn hỏi: “Các ông muốn nghe một pháp tối thượng kh6ng?”

3. KINH ĐIÊN TÔN 583

Chư thiên thưa: "Quý hóa thay! Chúng tôi muốn được nghe." Đứa bé nói: "Các ông muôn nghe thì hãy lăng nghe, hãy thọ lãnh! Ta sẽ giảng nói. Này chư Hiền! Thuở xưa, khi đức Như Lai còn là một vị Bồ-tát, Ngài sanh ra nơi nào cũng rất thông minh trí tuệ. Này chư Hiền! Nên biết cách đây rất lâu xa trong quá khứ có vị vua tên Địa Chủ,14 thái tử con vua tên Từ Bi,15 vua có đại thần tên Điển Tôn,16 con của đại thần tên là Diệm-man,17 vốn là bạn của Thái tử e r • e £ iF Từ Bi và người bạn này thường két giao với sáu đại thân thuộc dòng Sát-đê-lợi. Mỗi khi Vua Địa Chủ muốn vào hậu cung vui thú tiêu khiển thì giao phó việc nước cho đại thân Điên Tôn, roi mới vào cung thưởng thức ca múa, thụ hưởng năm thứ dục. Bấy giờ, mỗi khi xử lý việc nước, đại thần Điển Tôn đều hỏi ý kiến con mình trước rồi mới quyết định, hoặc có phân xử việc gì cũng nghe theo ý con. Thời gian sau, Điên Tôn đột ngột qua đời, Vua Địa Chủ nghe tin, vô cùng thương tiêc, vô ngực than răng: 'Than ôi! Sao vô phước thê này! Rường cột nước nhà từ nay gãy đổ rồi!9 Thái tử Từ Bi thầm nghĩ: Thụ vương vì mất Điển Tôn mà sâu khô, ta nên đên an ủi Ngài chớ vì sự mát mát này mà quá sâu khô. Vì sao như vậy? Vì Điển Tôn còn có người con tên Diệm-man thông minh nhiêu trí tuệ hơn cả cha mình. Nay phụ vương có thê triệu ông ây vào cung giao việc xử lý chính sự/ Nghĩ thế rồi, Thái tử Từ Bi liền đến chỗ vua cha trình tâu ý mình. Nghe thái tử tâu xong, vua liên triệu Diệm-man vào cung, bảo răng: 'Trâm muôn căt cử khanh kế thừa chức vị cha mình, nay trao ấn tín này cho khanh vậy!9 Sau khi Diệm-man nhận lãnh ấn tín, mỗi khi nhà vua muốn vào hậu cung hưởng lạc, lại đem việc nước giao cho Diệm-man. [003lc09] Diệm-man vốn đã thông thạo công việc xử lý việc nước, chẳng những biết rõ những việc cha làm ngày trước mà còn biết rõ những gì cha mình chưa thể làm được, về sau, danh tiếng Diệm-man lưu truyền khắp nơi, thiên hạ đều tôn xưng là Đại Điển Tôn. Thế rồi, Đại Điển Tôn suy nghĩ: 'Nay Vua Địa Chủ tuổi cao sức yêu, sông chăng bao lâu, lúc này nêu đê thái tử kê ngôi trị vì cũng là điều hợp lý. Ta nên đến bàn trước với sáu vị đại thần thuộc dòng Sát- đê-lợi răng: Vua Địa Chủ tuổi cao sức yêu, sông chăng được lâu nữa, lúc này nếu để thái tử kế ngôi trị vì thì cũng là điều hợp lý. Khi thái tử lên ngôi, các vị lại được cắt đất phong hau, đen lúc đó chớ có quên nhau.

14 Địa Chủ ,Disampati.

15 Từ Bi ,Reg.

16 Điển Tôn Govinda.

17 Diệm-man ,Jotipāla.

Nghĩ thế rồi, Đại Điển Tôn liền đến thưa với sáu vị đại thần dòng Sát-đế-lợi rằng: 'Các ngài nên biết, nay Vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nếu để thái tử kế vị, cũng là điều hợp lý. Các ngài nên đến trình bày ý này với thái tử: Chúng tôi biết ngài từ thuở nhỏ, khi ngài khổ chúng tôi khổ, khi ngài vui chúng tôi vui; hơn nữa, nhà vua nay đã già yếu, sống chẳng bao lâu, vậy Thái tử hãy lên ngôi kế vị? cũng là điều hợp lý. Nếu ngài được lên ngôi, hãy phong đất cho chúng tôi/ Nghe những lời này xong, sáu vị đại thần thuộc dòng Sát-đế-lợi, liền đen tỏ ý với thái tử như trên. Thái tử đáp: 'Nếu ta lên ngôi, sẽ cắt đất phong hầu, còn ai xứng hơn các ông đây?9 Chẳng bao lâu sau, nhà vua đột ngột băng hà. Các vị đại thần trong nước liền đến mời thái tử kế thừa vương vị. Sau khi lên ngôi, nhà vua tự nghĩ: 'Nay cắt cử chức Te tướng, cũng theo lệ cũ của Tiên vương nhưng ai xứng đáng? Hẳn phải là Đại Điển Tôn mới được!5 Vua Từ Bi liền triệu Đại Điển Tôn đến bảo: 'Nay trẫm cắt cử chức Te tướng và trao ấn tín cho khanh, hãy chuyên cần lo liệu xử lý việc nước/ Đại Điển Tôn vâng lệnh nhận lãnh ấn tín. Từ đó, mỗi lần vào hậu cung, nhà vua đều đem việc nước ủy thác cho Đại Điển Tôn xử lý. [0032a03] Khi ấy, Đại Điển Tôn lại nghĩ, nay ta nên đến hỏi sáu vị đại thần Sát-đê-lợi như sau: 'Các ngài có còn nhớ những lời trước đây không? Nay thái tử đã lên ngôi, đang ở trong cung thỏa mãn năm thứ dục. Vậy các ngài hãy đến hỏi nhà vua có nhớ lời hứa lúc trước hay không/ Nghe Đại Điển Tôn nhắc lại như vậy, sáu vi Sát-đế-lợi liền đến chỗ vua ngự và thưa: 'Nay bệ hạ đã lên ngôi, đang vui thú với năm thứ dục, vậy còn nhớ lời nói trước đây không? Việc phong đất ấy, ai xứng đáng thọ lãnh?9 Vua đáp: 'Trâm không quên đâu! Việc cát đát phong hâu, ngoài các khanh ra còn ai vào được nữa?' Tiếp đó, vua nghĩ: 'Cõi đát Diêm-phù-đê này trong rộng ngoài hẹp, người nào đủ khả năng chia nó làm bảy phần?' Lại nghĩ: 'Chỉ có Đại Điển Tôn mới làm được việc nay.5 Thế là vua liền bảo Đại Điển Tôn: 'Khanh hãy chia đất Diêm-phù-đề này ra thành bảy phần!5 Khi được lệnh, Đại Điển Tôn liền chia thành bảy phần. Vùng đất Vua Từ Bi cai trị bao gôm thành, thôn áp, quận quôc, phân đát còn lại được chia đêu cho mỗi vị đại than Sát-đế-lợi tự trị. Xong việc phân chia đất, nhà vua vui mừng nói: 'Nguyện ta đã thỏa man9; sáu đại thần cũng mừng vui: 'Nguyện ta đã thỏa, có được sự nghiệp này, thực sự nhờ công lớn của Đại Điển Ton.9 Bấy giờ, sáu vị vua mới dòng Sát-đế-lợi tự nghĩ: 'Nước ta mới lập, cần một phụ tướng, ai đảm nhiệm được? Nêu có ai như Đại Điên Tôn, sẽ giao quyên

thống lãnh việc nước ngay/Bấy giờ, cả sáu vị vua Sát-đế-lợi đều triệu Đại Điển Tôn đến bảo: 'Nước ta cần một phụ tướng, khanh hãy giúp ta đảm nhiệm việc nước/ Sau khi trao ân tín cho Đại Điên Tôn, sáu vua kia đêu vào hậu cung vui chơi hưởng lạc. Từ đó, Đại Điển Tôn xử lý chính sự cho cả bảy nước, thảy đều thành tựu. Bây giờ, trong nước

có bảy đại cư sĩ, Đại Điên Tôn cũng giúp họ xử lý công việc gia đình, lại còn hướng dẫn bảy trăm Phạm chí đọc tụng kinh điển. Bảy vị vua kính trọng và xem ông như thần minh, bảy đại cư sĩ cũng kính xem ông như Đại vương, còn bảy trăm Phạm chí kính xem ông như Phạm thiên. Thế nên, bảy quốc vương, bảy đại cư sĩ và bảy trăm Phạm chí đều tự nghĩ: 'Te tướng Đại Điển Tôn chắc thường gặp gỡ chuyện trò, qua lại thân thiện với Phạm thiên/ Lúc đó, Đại Điển Tôn thàm biết họ nghĩ về mình như thế, ông tự nhủ: 'Thật sự ta chưa từng thấy Phạm thiên, chưa từng nói chuyện với Phạm thiên nên không thê im lặng dôi nhận tiêng khen đó. Ta cũng từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia nói rằng: 'Trong bốn tháng mùa hạ, ai ở chỗ thanh vắng tu tập bốn tâm vô lượng, thời sẽ được Phạm thiên xuống gặp.9 Nay sao ta không tu bốn tâm vô lượng để được Phạm thiên xuống gặp?' Nghĩ thế rồi, Đại Điển Tôn tìm đến bảy quốc vương và thưa: 'Tâu Đại vương, cúi mong các ngài hãy lo việc nước, tôi muốn tu tập bốn tâm vô lượng trong bốn tháng mùa hạ!' Bảy quốc vương nói: 'Khanh hãy tự biết sắp xếp thời gian!9 Sau đó, Đại Điển Tôn đến chỗ bảy đại cư sĩ nói: 'Các ông hãy tự lo liệu việc nhà. Trong bốn tháng mùa hạ, tôi muốn tu tập bốn tâm vô lượng/ Bảy đại cư sĩ nói: 'Vâng, ngài hãy tự biêt sáp xép thời gian!' Thế rồi, lại đến chỗ bảy trăm vi Phạm chí nói: 'Các vi hãy chuyên cần đọc tụng, truyền dạy lẫn nhau! Trong bốn tháng hạ, tôi muốn tu tập bốn tâm vô lượng/18 Các Phạm chí nói: 'Vâng, Đại sư hãy tự biết sắp xếp thời gian!9 [0032Ồ13] Sắp xếp mọi việc xong, Đại Điển Tôn lập một tinh thất nơi thanh vắng nằm phía Đông thành và ở đó tu tập bốn tâm vô lượng. Thế nhưng bốn tháng mùa hạ trôi qua mà vẫn chưa thay Phạm thiên hiện xuống. Đại Điển Tôn

18 Nguyên tác: Tứ vô lượng catassoanpamañññāyo, tức "tứ vô lượng tâm,, , còn gọi "tứ đẳng tâm"“tứ dẳng","tứ tâm,, .Bốn tâm rộng lớn không giới hạn: “Từ "mettā, "bi"karunā, "hy”muditā va "upekkhā. Thực tận 4 tâm vo lượng này sẽ được phước báo cộng tru VỚI Phạm thiên, nên còn gọi là 4ítứ Phạm trụ".

tự nghĩ: 'Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia nói rằng trong bốn tháng hạ, tu tập bôn tâm vô lượng thì Phạm thiên hiện xuống nhung sao nay vân im hơi lặng tiếng, chẳng thấy bóng dáng đâu cả?9 Đen đêm rằm trăng tròn, Đại Điển Tôn ra khỏi tinh thất, đến ngồi nơi khoảng đất trống, chẳng bao lâu, bỗng có ánh sáng lớn xuất hiện. Lúc d6, ông thâm nghĩ: 'Nay có ánh sáng lạ này chác là diêm r 1 • /\ M Phạm thiên sáp hiện xuông chăng?9 Khi ấy, Phạm thiên vương bèn hóa làm đứa bé đầu có năm chỏm, trụ giữa hư không, ngay trên chỗ Đại Điển Tôn ngồi. Thấy vậy, Đại Điển Tôn liền dùng kệ hỏi: Là thiên thần nào dây, Ngự giữa trời như vậy, Ánh sáng chiếu bốn phương, Như đống lửa bừng cháy? Đứa bé là Phạm thiên hóa hiện ấy dùng kệ đáp: Chư thiên cõi Phạm biết, Ta hóa thành đứa bé, Những người khác thấy, nghe, Thờ ta như thần lửa. Lúc đó, Đại Điển Tôn nói kệ: Nay tôi sẽ theo hâu, Vâng lời và kính ngưỡng, Dâng vị ngon tôi thượng, Mong Ngài hiêu lòng tôi. [0032c01] Đứa bé Phạm thiên cũng dùng kệ đáp: Điển Tôn, ông tu tập Là muốn cầu pháp gì? Nay ông dâng thượng vị, Ta nhận lãnh cho ông. Nói kệ xong, đứa bé lại bảo Đại Điển Tôn: 'ông có điều gì muốn hỏi thì cứ hỏi,

ta sẽ giải thích cho.' Khi ấy, Đại Điển Tôn tự nghi: 'Ta nên hỏi việc hiện tại hay nên hỏi việc tương lai dây?' Rồi lại nghi tiêp: 'Việc hiện tại ích lợi gì mà hỏi? Ta nên hỏi những việc sâu xa khó hiểu ở tương lai/ Thế là Đại Điển Tôn liền hướng về đứa bé Phạm thiên dùng kệ hỏi: Thưa Ngài, tôi xin hỏi, Nhờ Ngài quyết mối nghi, Học và tu pháp gì Được sanh về cõi Phạm? Đứa bé Phạm thiên dùng kệ đáp lại: Hãy bỏ niệm nhân, ngã, Độc cu, tu tâm từ, Trừ ham muốn, xú uế, Được sanh về cõi Phạm. Đại Điển Tôn nghe qua bài kệ, liền tự nghĩ: 'Đứa bé Phạm thiên bảo phải trừ xú uế, ta không hiểu điều này, vậy nên hỏi lại.' Thế rồi, Đại Điển Tôn dùng kệ hỏi: Xú uế Ngài vừa nói, Xin giảng rõ cho tôi, Ai mở cửa cuộc đời, Khiến xa trời, đọa ác? Đứa bé Phạm thiên đáp: Dối trá và ganh ghét, Ngã mạn, tăng thượng mạn, Tham dục, sân, ngu si, Mặc sức chứa đầy tâm.

XÚ uế thế gian này, Ta nói cho ông rõ, Nó mở cửa cuộc đời, Khiến xa trời, đọa ác. Đại Điển Tôn nghe xong bài kệ này, liền suy nghĩ: 'Nhờ đứa bé Phạm thiên giải thích về nghĩa của xú uế, nay ta đã hiểu. Nhimg người tại gia không thể trừ chúng được, vậy nay ta có thể xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu đạo được chang?5 Khi ây, đứa bé Phạm thiên biêt được tâm niệm của Đại Điên \ rri 1 • Ạ r • -l Ạ Ton, liên noi kê: Ông có tâm dũng mãnh, Chí ấy rất thù thắng, Hành vi của bậc trí, Chết ắt sanh Phạm thiên. [0033a01] Nói xong đứa bé Phạm thiên bỗng nhiên ẩn mất. Bấy giờ, Đại Điển Tôn trở về thưa với bảy quốc vương như sau: 'Tâu Đại vương, mong các Ngài hãy chú tâm xử lý việc nước, nay tôi muốn bỏ tục xuất gia, đắp y tu đạo. Vì sao như vậy? Vì tôi đích thân nghe đứa bé Phạm thiên giảng về xú uế nên tâm rất chán ghét điều đó, nếu không xuất gia thì không the trừ được/ Khi d6, bảy vị quốc vương liền tự nghĩ: 'Hàng Bà-la-môn thường ham của báu, có lẽ chúng ta nên mở kho tàng để ông ta cần gì cứ tùy ý lấy, khiến ông ta không muốn xuất gia nữa.' Roi bảy quôc vương liên gọi Đại Điên Tôn đên bảo: 'Khanh cần gì thì trẫm đều cung cấp đủ, không cần xuất gia nữa!9 Khi ấy, Đại Điển Tôn liền tâu với bảy quốc vương: 'Nhờ ơn bệ hạ đã ban thưởng, nên thần nay cũng có nhiều của báu, xin dâng hết lên Đại vương, chỉ xin cho thần được xuất gia để thỏa mãn chí nguyện!9 Bấy giờ, bảy quốc vương lại nghĩ: Thàm những Bà-la-môn thường ham sắc đẹp, nay ta nên ban thể nữ trong cung để Đại Điển Tôn được thỏa mãn, khiến ông ấy không xuất gia nữa/ Rồi bảy quốc vương liền gọi Điển Tôn đến bảo: 'Nếu cần thể nữ, trẫm sẽ ban cho khanh, không nên xuất gia nữa!' Đại Điển Tôn đáp: 'Nhờ ơn bệ hạ đã ban thưởng nên trong nhà thần, thể nữ cũng có nhiều nhưng nay đã cho họ về hết, vì thần chỉ mong xa lìa ân ái, xuất gia tu hành. Vì sao như vậy? Vì thân đích thân nghe đứa bé Phạm thiên nói vê xú uê nên tâm rất chán ghét điều đó, nếu không xuất gia thì không thể trừ được.5 Rồi Đại Điển Tôn hướng về Vua Từ Bi nói kệ: Vua hãy nghe thần tâu, Ngài, tôn quý thế gian, Thể nữ, báu Ngài ban, Thần chẳng hề ham thích. Vua Từ Bi cũng đáp: Thành Đàn-đặc, Già-lăng, Thành A-bà, Bố-hòa, Thành A-bàn, Đại Thiên, Thành Ương-già, Chiêm-bà.

số-di, Tát-la thành, Tây-đà, Lộ-lâu thành, Cùng Bà-la, Già-thi, Đều do Điển Tôn tạo. Tất cả năm thứ dục, Sẽ ban hết cho khanh, Cùng xử lý quôc sự, Chớ bỏ mà xuất gia. Đại

Điển Tôn dùng kệ đáp lại: Năm dục thần không thiếu, Chỉ không thích thế gian, Đã nghe Phạm thiên giảng, Tâm không muốn tại gia. [0033b02] Vua Từ Bi dùng kệ hỏi lại: Như lời Điển Tôn nói, Từ trời nào được nghe, Năm dục chẳng đam mê, Tại làm sao như thế? Đại Điển Tôn dùng kệ đáp: Xưa ở chỗ thanh nhàn, Ngôi một mình suy niệm, Chợt Phạm thiên hóa hiện, Phóng ánh sáng khắp noi, 9 A Thần nghe lời vua trời, Nên chăng màng thê tục. Vua Từ Bi lại bảo: Hãy nán lại, Điển Tôn! Thiện pháp cùng hoằng hóa, Sau đó cùng xuất gia, Khanh là thầy ta đó! Như giữa trời không mây, Đầy lưu ly sáng sạch, Niềm tin ta thanh bạch, Với Phật pháp tròn đầy. Đại Điển Tôn lại nói kệ rằng: Chư thiên và người đời, Nên bỏ năm thứ dục, Trừ mọi thứ vẩn dục, Phạm hạnh thường tinh tu. Bấy giờ, bảy quốc vương lại nói với Đại Điển Tôn: 'Khanh có thê hoãn lại bảy năm đê cùng tận hưởng năm thứ dục, sau đó chúng ta giao việc nước cho con em mình roi cùng xuất gia, như thê không tót hơn ư? Nếu khanh đạt được những gì thì chúng ta cũng được như thế.' Đại Điển Tôn đáp: 'Thế gian vô thường, mạng sống mong manh, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn, huống gì đến bảy năm, há không lâu lắm sao?' Bảy quốc vương lại nói: 'Bảy năm nếu lâu thì sáu năm, năm năm cho đến một năm cũng được, hãy ở lại trong cung để cùng nhau tận hưởng năm thứ dục tuyệt trần, sau đó chúng ta giao việc nước cho con em mình rồi cùng xuất gia, không hay hơn sao? Khi đó, nêu khanh đạt được những gì thì chúng ta cũng được như thê.' Đại Điển Tôn đáp: 'Thê gian vô thường, mạng sông mong manh, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn, dù một năm vẫn lâu, thậm chí bảy tháng cho đến một tháng cũng vẫn còn lâu/

3. KINH ĐIỂN TÔN 589

Bảy quốc vương nói: 'Thôi thì hoãn lại bảy ngày, hãy lưu lại trong cung cùng nhau tận hưởng năm thứ dục tuyệt thê, sau đó chúng ta giao việc nước cho con em mình roi cùng xuất gia, há không hay hơn sao?9 Đại Điển Tôn đáp: 'Bảy ngày không lâu, thân có thê lưu lại, xin các Đại vương chớ sai lời! Nêu quá bảy ngày mà các Ngài không xuất gia thì thân sẽ xuất gia một mình.9 [0033c03] Bấy giờ? Đại Điển Tôn lại đến chỗ bảy cư sĩ nói: 'Các ông hãy tự lo lây công việc của minh, tôi muôn xuất gia tu đạo giải thoát! Vì sao như vậy? Vì tôi đích thân nghe đứa bé Phạm thiên nói về xú uế nên tâm rất chán ghét điều đó, nếu sống tại gia thì không thể nào trừ được/ Khi đó, bảy cư sĩ thưa với Đại Điển Tôn rằng: 'Lành thay chí hướng này! Nêu thây đúng lúc, chúng tôi cũng muôn cùng . í r xuât gia; nêu ngài đạt được những gì, chúng tôi cũng được như thê/ Rồi Đại Điển Tôn tìm đến chỗ bảy trăm Phạm chí bảo: 'Các vi hãy chuyên cân đọc tụng, tìm câu các đạo nghĩa và truyên dạy cho nhau. Tôi muôn xuất gia tu đạo giải thoát. Vì sao như vậy? Vì tôi đích thân nghe đứa bé Phạm thiên giảng về xú uế nên tâm rất chán ghét điều đó, nếu ở tại gia thì không thể trừ được/ Khi đó, bảy trăm Phạm chí thưa với Đại Điển Tôn: 'Đại sư chớ xuất gia vì đời sống tại gia thì được an vui, đầy đủ năm thứ dục, nhiều người hầu hạ, tâm không buồn khổ. Ngài xuất gia một mình ở chỗ hoang văng, những thứ ham muôn không có, chăng thú vị gì/ Đại Điển Tôn đáp: 'Nếu ta cho tại gia là vui, xuất gia là khổ? hẳn đã không muốn xuất gia. Nhưng trái lại, ta cho tại gia là khổ, xuất gia là vui nên mới muốn xuất gia.' Khi ấy, các Phạm chí thưa: 'Nêu Đại sư xuât gia, chúng tôi cũng xuât gia theo. Đại sư làm gì, chúng tôi cũng sẽ làm theo hết!' Rồi Đại Điển Tôn đến chỗ các phu nhân của mình và nói: 'Các phu nhân nay được tùy ý. Ai

muôn ở thì ở, ai muôn vê thì vê. Ta muôn xuất gia cầu đạo giải thoát!' Sau khi nghe Đại Điên Tôn trình bày đây đủ vê ý chí xuât gia như trên, các phu nhân đáp: 'Nêu phu quân ở nhà thì vừa là chông, cũng vừa là cha chúng tôi. Nay nêu phu quân xuất gia thì chúng tôi cũng xin theo. Phu quân làm gì thì chúng tôi xin làm theo.'

590 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau bảy ngày, Đại Điển Tôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, rời nhà ra đi. Đồng thời, bảy quốc vương, bảy đại cư si, bảy trăm Phạm chí và bốn mươi phu nhân cũng lần lượt xuất gia, lần hồi cho đến tám mươi bốn ngàn người cùng xuât gia theo Đại Điên Tôn. Sau khi xuất gia tu đạo, Đại Điên Tôn thường dân đại chúng du hành qua các nước, hóa độ rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích cho mọi người.,, Bấy giờ, Phạm vương bảo thiên chúng: “Các ngươi chớ nghĩ Đại Điển Tôn lúc đó là ai đâu khác mà chính là tiền thân của đức Phật Thích-ca hiện nay vậy. Lúc đó, sau bảy ngày xuất gia tu dạo, Thế Tôn dẫn đại chúng đi qua các nước, giáo hóa rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh. Nếu nghi ngờ lời ta, các ông có thể đến nơi đức Thế Tôn hiện đương ngự tại núi Kỳ-xà quật để hỏi. Phật có dạy điều gì, hãy gắng ghi nhớ lấy.” [0034a04] Sau khi thuật lại câu chuyện như trên, Bàn-già-dực bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Con vì nhân duyên đó nên hôm nay đến đây. Bạch Thế Tôn! Đại Điển Tôn kia chính là Thế Ton đó chăng? Lúc ấy, qua bảy ngày thì Ngài xuất gia tu dạo, rồi cùng bảy quốc vương cho đến tám mươi bốn ngàn người đồng thời xuất gia, du hành qua các nước, giáo hóa rộng rãi, làm lợi ích cho nhiều người, có thật như the chăng? Phật bảo Bàn-già-dực: Ông nghĩ Đại Điển Tôn lúc đó là ai khác chăng? Ông chớ nghĩ như vậy. Người đó chính là tiền thân của Ta. Bấy giờ, nam nữ cả nước mỗi khi qua lại hay làm việc gì, có điều gì nguy khốn đều cất tiếng niệm ba lần như vầy: "Nam- mô Đại Điển Tôn, tể tướng của bảy vua!" Này Bàn-già-dực! Đại Điên Tôn lúc đó tuy có oai đức lớn nhưng không thê giảng nói nghĩa lý rốt ráo cho đệ tử, không thể giúp đệ tử đạt đến Phạm hạnh rốt ráo, không thê giúp đệ tử đên nơi an ôn. Hơn nữa, pháp của Đại Điên Tôn nói ra, nếu đệ tử nào thực hành thì sau khi qua đời chỉ được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Người nào thực hành cạn hơn thì chỉ được sanh lên cối trời Tha Hóa Tự Tại, kế đến là Đâu-suất-đà, Diệm-ma, Đao-lợi, Tứ Thiên Vương, hoặc sanh vào dòng dõi Sát-đế-lợi5 Bà-la-môn, Cư sĩ đại gia và muốn gì cũng được vừa ý. Này Bàn-già-dực! Đệ tử của Đại Điển Tôn đều là những người xuất gia có trí tuệ, có phước báo, có giáo giới nhưng đạo của Đại Điển Tôn chưa phải là đạo rốt ráo, không thể giúp đệ tử chứng được Phạm hạnh rốt ráo, không thể đưa đệ tử đến nơi an ổn hoàn toàn. Đích đến cao nhất của đạo kia chỉ đưa đến cõi Phạm thiên là cùng. Còn nay, giáo pháp Ta dạy có thể khiến đệ tử mau chóng đạt được đạo rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo, an ổn rốt ráo và cuối cùng chứng nhập Niết-bàn. Pháp của Ta giảng nói, nếu đệ tử nào thực hành thì sẽ dứt bỏ hữu lậu, thành tựu vô lậu, chứng đạt tâm giải thoát và tuệ giải thoát, ngay trong hiện đời có thể tự mình chứng ngộ: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

3. KINH ĐIỂN TÔN 591

Người nào thực hành cạn hơn thì trừ được năm hạ phần kiết sử, 19 sau khi qua đời thì sanh vê cõi trời, không còn trở lại cõi này nữa. Kê đên là trừ hét ba kiết sử, giảm bớt

tham, sân, si,2sau khi qua đời thì chỉ còn một lần sanh lại cõi đời này rồi chứng nhập Niết-bàn. Ke nữa là dứt ba kiết sử, chứng quả Tu-đà- hoàn, không còn bi rơi trong đường ác và nhiều nhất là bảy lan sanh lại cõi này roi chác chăn chứng nhập Niêt-bàn. Này Bàn-già-dực! Các đệ tử của Ta là những người xuất gia có trí tuệ, có phước báo, có giáo giới, đạt đến đạo pháp cứu cánh, Phạm hạnh cứu cánh, an ổn cứu cánh và cuối cùng chứng nhập Niết-bàn. Khi ấy, Bàn-già-dực nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

19 Ngũ hạ kiết .Xem chú thích 21, kinh số 2, tr. 524. 20 Nguyên tác: Dâm ,nsi .

4. KINH XÀ-NI-SA1 ,'. ’

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo du hóa vùng Na-đề,2 ngụ tại trú xứ Kiền-trĩ.34 Bấy giờ, đang ngồi trong tinh thất, Tôn giả A-nan thầm nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Đức Như Lai đã thọ ký cho nhiêu người, làm lợi ích cho nhiêu người. Ví như đại thần Già-già-la mạng chung, Phật thọ ký vị này đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được sanh về cõi trời, không còn tái sinh ở cõi đời. Ke đến là các đại thần Già-lăng-già? Tỳ-già-đà? Già-lợi-châu, Già-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu- lâu, Tẩu-bà-đầu, Tha-lê-xá-nậu, T ẩy-đạt-lê-xá-nậu? Da-thâu và Da-thâu-đa-lâu, những vị này sau khi mạng chung đêu được Phật thọ ký đã đoạn trừ năm hạ phân kiêt sử/ được sanh vê cõi trời, không còn trở lại cõi đời này nữa. Lại có năm mươi người khác mạng chung, đức Phật cũng thọ ký họ đoạn trừ được ba kiết sử, giảm bớt tham, sân, si5 và chứng quả Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần trở lại cõi này rồi dứt mọi khổ đau. Cũng có năm mươi vị khác mạng chung, đức Phật thọ ký họ đã dứt trừ ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào trong đường ác, nhiều lắm là bảy lần tái sanh cõi này rồi chắc chắn chấm dứt mọi khổ đau. Rất nhiều đệ tử Phật mạng chung, Phật đều thọ ký họ được sanh về cõi này cõi kia. Mười sáu nước như Ương-già, Ma-kiệt? Ca-thi, Cư-tát-la, Bạt-kỳ, Mạt- la, Chi-đề, Bạt-sa, Cư-lâu, Ban-xà-la? A-thấp-ba, A-bàn-đề, Bà-tha, Tô-la-bà, Càn-đà-la và Kiếm-bình-sa,6 khi có người mạng chung thì Phật cũng đều thọ ký cho họ.

1 Nguyên tác: Xà-ni-sa kinh T.Ol. 0001.4. 0034b05. Tham chiếu: Phật thuyết Nhân tiên kinh mr.Ol. 0009. 0213c22; D. 18, Janavasabha Suita Kinh Xà-ni-sằ. 2 Na-đề ,Nādikā cũng được ghi là ñātikā. Bên dưới ghi là Nagià và Na-la .SÃ. 854 ghi: Na-lê-ca ,là tên của một thôn ấp. 3 Kiền-tn giñjakāvasathā. SĀ. 854 ghi: Phồn-kỳ-ca tinh xá .Theo DPPN, giñjakāvasathā là một ngôi nhà băng gạch. 4 Ngũ hạ kiết .Xem chú thích 21, kinh số 2, tĩ. 524. 5 Nguyên tác: Dâm ,n,si . 6 Tên gọi 16 nước thời Phật tại thế: Ương-già ,Añga, Ma-kiệt Māgadha, Ca-thi ,KasB, Cư-tát-la ji ,Kosalā, Bại-lặ ạtla ,Mallā, Chi-đề ẴỈ1, Cetñ, Bạt-sa Vamsā, Cư-lâu ,Kuru, Ban-xa-la ^Pañcālā, A-thấp-ba ,Assakāj, A-bàn-đề ,Avantī, Ba-tha ,Macchā, Tô-la-bà Sũrasena, Càn-đà-la , Gandhāra và Kiếm-bình-sa ,Kambojā.

Nhưng vì sao tại nước Ma-kiệt, nhiều người thuộc dòng dõi hoàng tộc, được vua tin dùng, sau khi mạng chung lại không được Phật thọ ky?" Nghĩ thế rồi, Tôn giả A-nan đứng dậy rời khỏi tinh thất rồi đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài, ngồi xuống một bên và bạch Phật: Vừa rồi, con ngồi nơi tịnh thất thàm nghĩ rằng: "Kỳ diệu thay! Đức Phật đã thọ ký cho nhiều người, làm lợi ích cho nhiều người. Trong mười sáu nước, khi có người ở đó mạng chung thì Thế Tôn đều thọ ky, chỉ có người nước Ma- kiệt mạng chung lại không được thọ ký! Vậy cúi mong đức Thế Tôn hãy thọ ký cho họ! Cúi xin đức Thế Tôn hãy thọ ký cho họ! Như thế sẽ khiến tất cả đều lợi ích, trời, người được an lạc. Ngài đắc đạo tại nước Ma-kiệt, thế mà người nước ấy mạng chung lại không được thọ ký! Cúi mong Thế Tôn hãy thọ ký cho họ! Cúi xin Thế Tôn hãy thọ ký cho họ! Lại nữa, Vua Bình-sa nước Ma-kiệt là một ưu-bà-tắc hết lòng tin Phật, nhiều lần thiết lễ cúng dường, trọn đời quy kính Tam bảo, nhờ vua mà nhiều người tin hiên Phật pháp, phát tâm cúng dường Tam bảo, vê sau nhà vua băng hà nhưng chưa được Như Lai thọ ký! Cúi xin Thế Tôn hãy thọ ký cho Vua Bình-sa! Như thế sẽ làm lợi ích chúng sanh, khiến chúng trời, người an lạc. Sau khi tha thiết cầu thỉnh Thế Tôn thọ ký cho những người Ma-kiệt như thế, Tôn giả A-nan liền đứng dậy, đảnh lễ Phật rồi lui ra. [0034c09] Bấy giờ, sau khi đắp y ôm bát vào thành Na-già7 khất thực, đức Phật đến ngồi bên một cội cây trong khu rừng lớn, tư duy về nơi tái sanh của những người nước Ma-kiệt sau khi họ mạng chung. Ngay lúc ấy, cách chỗ Phật ngồi không xa có một thiên thần lên tiếng tự xưng tên mình với Phật: Bạch Thế Tôn! Con là Xà-ni-sa, con là Xà-ni-sa.8

Đức Phật hỏi: Ông vì điều gì mà tự xưng mình là Xà-ni-sa? Ông có pháp gì mà tự hào rằng mình đã thấy dấu tích của đạo? Xà-ni-sa đáp: Thưa, chẳng phải điều gì khác! Chỉ vì thuở xưa, con vốn là vua cõi người, quy y làm ưu-bà-tắc trong pháp Như Lai, nhờ một lòng nghĩ nhớ đến Phật nên lúc mạng chung được sanh làm thái tử của Tỳ-sa-môn Thiên vương.9 Từ đó đến nay, con thường soi sáng các pháp, đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào trong đường ác và trong bảy đời tái sanh thường được gọi là Xà-ni-sa.

7 Na-già thành ,Nādikā. 8 Xặ-ni-sa ,Janavasabha. Hán dịch là Thắng Kiết Sử nghĩa là vượt thoát khỏi phiền não. 9 Tỳ-sa-môn H, Vessavana.

Bấy giờ, sau khi tùy nghi nghỉ ngơi trong khu rừng lớn, đức Phật liền trở về trú xứ Kiền-trĩ, ngồi vào chỗ của mình roi nói với một Tỳ-kheo: Thầy hãy mang lời Ta đi gọi A-nan đến đây!

-Thưa vâng! Vi ấy theo lời Phật dạy, liền đến thưa với Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi lạy chân Ngài, đứng sang một bên rồi bạch rằng: Nay con thấy sắc diện Như Lai thù thắng khác thường, các căn tịch định,10 Ngài đang an trú tư duy điêu gì mà tôn nhan thù thăng như vậy? Khi ấy, Phật bảo A-nan: -Vừa rồi thầy đến cầu thỉnh Ta thọ ký cho người nước Ma-kiệt. Ta có lưu tâm. Sau đó, Ta đắp y ôm bát vào thành Na-già11 khất thực, rồi vào khu rừng lớn ngồi bên cội cây tư duy về nơi thọ sanh của

người nước Ma-kiệt sau khi mạng chung. Lúc đó, cách chỗ Ta không xa có một thiên thần tự xưng tên mình rồi bạch với Ta rằng: "Con tên Xà-ni-sa? con là Xàïii-sa." Này A-nan, thầy đã từng nghe tên Xà-ni-sa chưa? [0035a02] A-nan bạch Phật: Con chưa từng nghe! Nay nghe đến tên ấy bỗng dưng con sanh lòng sợ hãi, toàn thân rúng động. Kính bạch Thế Tôn! Phải chăng thiên thần này có oai đức lớn nên được gọi là Xà-ni-sa?

- The Ton bao: Ta cũng có hỏi vị ấy: "Ong vì điều gì mà tự ximg mình là Xa-ni-sa? ông có pháp gì mà tự hào rằng đã thấy dấu tích của dạo?" Xà-ni-sa thưa với Ta rằng: "Con chẳng vì điều gì khác, chẳng vì lý do nào khác mà chỉ vì xưa kia con từng làm vua loài người, quy y với Phật trở thành một iru-bà-tắc có lòng tin kiên cố, một lòng nghĩ nhớ đến Phật. Nhờ thế, sau khi mạng chung được thọ sanh làm con của Tỳ-sa-môn Thiên vương, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào trong đường ác, nhiêu nhát là bảy lân tái sanh roi sẽ dứt mọi khô đau. Trong bảy lần tái sanh đó, con đều có tên là Xà-ni-sa. Một lần, do có việc nên con ngồi trên xe báu ngàn căm đến chỗ Thiên vương Tỳ-lâu-lặc, từ xa trông thấy đức Thế Tôn ngồi bên cội cây trong khu rừng lớn, dung mạo đoan chánh, các căn tịch đinh giống như vực nước sâu thẳm, trong xanh tĩnh lặng, con bỗng tự nghĩ: 'Nay mình có thể đến hỏi Thế Tôn nơi thọ sanh của người nước Ma-kiệt sau khi mạng chung ch ng?' Lại có lân, ở giữa đại chúng, Tỳ-sa-môn Thiên

vương tự nói bài kệ: Chúng ta không nhớ được, Việc quá khứ xa xăm, Nay may gặp Thế Tôn, Được tăng thêm tuổi thọ.

10 Tịch định ,samādhī chỉ cho cảnh giới thiền định nói chung. 11 Nguyên tác: Na-la thành .Bản Hán khắc nhầm, xem chú thích 7 ở trên, tr. 594.

Lần khác, vì có việc cần bàn nên chư thiên Đao-lợi nhóm họp lại một chỗ. Lúc đó, Tứ Thiên Vương đều ngồi theo vi trí của mình: Thiên vương Đề-đầu- lại-tra ngôi quay lưng phía Đông, mặt hướng vê Tây, Đê-thích ngôi trước mặt; Thiên vương Tỳ-lâu-lặc quay lưng phía Nam, mặt hướng về Bắc, Đế-thích ngồi trước mặt; Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa quay lưng phía Tây, mặt hướng về Đông, Đố-thích ngồi trước mặt; Thiên vương Tỳ-sa-môn quay lưng phía Bắc, mặt hướng về Nam, Đế-thích ngồi trước mặt. Sau khi Tứ Thiên Vương ngôi xong, con mới ngôi xuông. Còn có nhiêu thiên thân khác trước đây từng theo Phật tịnh tu Phạm hạnh, sau khi mạng chung ở đó thì được sanh về cõi trời Đao-lợi, khiến thiên chúng tăng thêm, hưởng thụ năm phước trời: Một là tuổi thọ cõi trời, hai là sắc đẹp cối tròi, ba là tiếng khen cõi trời, bốn là niềm vui cõi trời và năm là oai đức cõi trời. Khi đó, chư thiên Đao-lợi vô cùng phân khởi, nói: 'Chúng chư thiên tăng thêm, chúng a-tu-la giảm bớt/ Bây giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biết thiên chúng đều có tâm niệm hân hoan, liền nói bài kệ: Chư thiên trời Đao-lợi? Cùng Đế-thích hân hoan, Lê Đạo sư thê gian, Đấng Pháp Vương tối thượng. Chư thiên nhận thêm phước, Thọ, sắc, danh, lạc, oai, Theo Phật tu Phạm hạnh, Nên cối này thác sanh. Lại có nhiều thiên chúng, Anh sáng thật rạng ngời, Chúng trí tuệ của Phật, Sanh đây, phước khôn cùng. Đao-lợi và Đế-thích, Nghĩ thế tự vui sướng, Kính lễ đức Như Lai, Đấng Pháp Vương tối thượng.” [0035Ồ11] Thiên thần Xà-ni-sa kể tiếp: "Chu thiên Đao-lợi sở dĩ nhóm họp tại pháp đường là để cùng nhau bàn luận, suy tư, xem xét, cân nhắc về một

giáo lệnh nào đó. Sau khi giáo lệnh ấy được thông qua mới trao cho Tứ Thiên Vương. Khi Tứ Thiên Vương lãnh thọ xong, môi vị đêu ngôi theo vi trí của mình. Lần ấy, Tứ Thiên Vương ngồi chưa được bao lâu, chợt có một luồng ánh sáng kỳ lạ chiếu cả bốn phương. Thấy vậy, chư thiên Đao-lợi đều kinh ngạc nói: 'Nay có ánh sáng kỳ lạ này xuất hiện, chắc sắp có điều gì lạ thường chăng?9 Ngay cả chư thiên oai đức lớn cũng kinh hãi nói: 'Nay có ánh sáng kỳ lạ này, chắc sẽ có điềm gì chang?9 Lúc đó, Đại Phạm vương liền hóa thành đứa bé với tóc búi năm chỏm, đứng giữa hư không, ngay trên thiên chúng, dung mạo đoan chánh vượt hẳn chúng trời, sắc thân vàng tía rực rỡ che lấp ánh sáng của các thiên chúng khác. Khi đó9 chư thiên Đao-lợi không đứng dậy cung kính nghinh tiếp, cũng không mời ngồi. Nhưng lúc đứa bé Phạm thiên này tiến đến ngồi vào chỗ của vị trời nào thì vị ấy vô cùng hoan hỷ, tựa như thái tử dòng Sát-đế-lợi được rưới nước quán đảnh chúc mừng trong ngày lễ lên ngôi vua. Vị này ngồi chưa bao lâu, lại biến thân thành đứa bé khác, đầu cũng búi tóc năm chỏm, bay lên ngồi

giữa hư không, ngay trên đại chúng, giông như lực sĩ ngôi yên, vững vàng hơn núi, hoàn toàn bát động roi nói bài kệ: Điều Phục, Vô Thượng Tôn, Dạy đời sanh nẻo sáng, Giảng nói pháp nhiệm mầu, Phạm hạnh không ai bằng, Khiên chúng sanh thanh tịnh, Sanh vê trời Tinh Diệu. Nói kệ xong, đứa bé Phạm thiên bảo chư thiên Đao-lợi: 'Những âm thanh nào có năm tính chất thanh tịnh thì được gọi là Phạm thanh. Năm tính chất đó là gì? Một là chính trực, hai là hòa nhã, ba là trong trẻo, bốn là sâu lắng và năm là vang xa. Phải đây đủ năm tính chát này mới gọi là Phạm âm. Ta nay sẽ dùng âm thanh như thê đê tuyên thuyêt lại điêu này, các ông hãy lăng nghe! Đệ tử đức Như Lai, những vi ưu-bà-tắc ở nước Ma-kiệt đã mạng chung, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, hoặc có người sanh về cõi trời Tha Hóa Tự Tại, có người sanh về cõi trời Hóa Tự Tại, Đâu-suất, Diệm-ma, Đao-lợi, Tứ Thiên Vương, lại có người sanh vào dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn5 cư sĩ và tùy ý hưởng thụ năm dục.' Rồi đứa bé Phạm thiên đọc bài kệ: Cư sĩ1213 nước Ma-kiệt, Những vị đã mạng chung, Tám vạn bốn ngàn người, Tất cả đều đắc đạo. Chứng quả Tu-đà-hoàn, Không còn đọa nẻo ác, Theo con đường chân chánh, Chứng đạo roi cứu độ. Những hạng chúng sanh này, Công dức, thường hộ trì, Trí tuệ, lìa an ai, Tàm, quý, bỏ dối trá. ở giữa chúng chư thiên, Đứa bé Phạm ghi nhận, Họ đắc Tu-dà.hoàn, Chư thiên đều hoan hỷ. [0035C17] Nghe kệ này xong, Tỳ-sa-môn Thiên vương hoan hỷ nói: "Dức Thế Tôn thi hiện ở đời thuyết pháp chân thật. Kỳ diệu thay! Hiếm có thay! Ta trước đây không biết đức Như Lai thị hiện và thuyết pháp như thế. Trong đời tương lai ăt cũng sẽ có Phật thuyêt pháp như vậy, khiên chư thiên cõi trời Đao- lợi lại càng phát tâm hoan hy." Lúc đó, đứa bé Phạm thiên bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương: "Ngươi vì cớ gì mà nói lời này: 'Đức Như Lai xuất hiện và thuyết pháp như thế. Thật kỳ diệu thay! Thật chưa từng có! Đức Như Lai vận dụng năng lực phương tiện nói về pháp thiện và pháp bất thiện, thuyết pháp đầy đủ nhưng không dính mắc, 13

12 Nguyên tác: Uubàt*c . 13 Nguyên tác: Cụ túc thuyết pháp nhi vô sở đắc .“Ọi túc thuyết phap?,: Thuyết pháp phần đầu cũng thiện, ở giữa cũng

thiện, phan cuối cũngthiện; 44vô sở dắc" nghĩa là ứiông chấp trước, không dính mắc. Tham chiếu: Đại minh độ kinh iT.08. 0^25.5. 0493c26: Các ph tuần tư không dính mắc, không suy tưởng như hư không .Xem thêm Trì thế kỉnh r 14. 0482.1. 0645c26: Như Lai không chấp giữ đôi với giáo pháp . '

thuyết về nghĩa Không vắng lặng lại có thể chứng đắc.14 Những pháp ấy vi diệu, tựa như đề-hồ/9 Rồi đứa bé Phạm thiên lại bảo chư thiên Đao-lợi: 'Các ngươi hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì các ngươi mà nói. Đức Như Lai, Chí Chân đã khéo phân biệt, giảng thuyết về bốn niệm xứ. Đó là quán thân trong nội thân,15 tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác,16 diệt trừ tham ưu ở đời; quán thân trong ngoại thân,17 tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời; quán thọ, quán tâm, quán pháp cũng lại như vậy, tinh cân không biêng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân trong thân xong, liền phát sanh trí tuệ về thân khác; quán thọ trong thọ xong, liền phát sanh trí tuệ về thọ khác; quán tâm trong tâm xong, liên phát sanh trí tuệ vê tâm khác; quán pháp trong pháp xong, liên phát sanh trí tuệ về pháp khác. Đó là đức Như Lai đã khéo phân biệt, giảng thuyết bốn niệm xứ. Lại nữa, này chư thiên! Các ông hãy lắng nghe! Ta sẽ nói tiếp. Đức Như Lai khéo phân biệt, giảng nói về bảy định cụ.1819 Đó là chánh kiến, chánh tư duy,19 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,20 chánh niệm. Ấy là đức Như Lai đã khéo phân biệt, giảng nói bảy định cụ. Lại nữa, này chư thiên! Đức Như Lai khéo phân biệt, giảng nói về bốn thần túc: Một là dục đinh diệt hành thành tựu tu tập thần túc,21 hai là tinh tấn định diệt hành thành tựu tu tập thần túc,22 ba là ý định diệt hành thành tựu tu tập thần

14 Nguyên tác: Không tịnh pháp nhi hỏec :Pháp Không tinh là nghĩa Không. Tham chiếu: A-na-luạt bát niệm kỉnh roi. 0046. 0836b26: Đã Kiếu 4sự that khổ, tập, diệt, đạo; đã được trí tuệ thấy các pháp là không, vô ngã. Đó là Đạo chánh kiến < ;II 15 Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Thân thân . 16 Nguyên tác: Tinh cần bất giải, chuyên niêm, bất vong .Tham chiếu: M. 10, Satipatthāna Sutta Kinh Niệm xứ: Atāpī sampajāno satimā nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm. Đây là ba thanh tố quan trọng trong khi thực hanh “tỏ niệm xứ." 17 Như trên. 18 Nguyên tác: Thất định cụ Satta samādhiparikkhārā: Bảy yếu tố bổ trợ cho định. Theo A-ty-dat-ma Tập di mon túc ìuạn T.26. 1536.16. 0436al0-16: Bảy yếu tố bổ trợ cho định là 7 yếu tố nào? Một, chánh kiến; hai, chánh tư duy; ba, chánh ngữ; bôn, chánh nghiệp; năm, chánh mạng; sáu, chánh tinh tấn; bảy, chánh niệm. Như vậy, bảy yếu tố này mỗi loại tương ứng với 7 chi Thánh đạo, gọi tên riêng là bo trợ cho định. Hỏi: Vì sao gọi la bổ trợ cho định? Vì chánh định được 7 chi Thánh đạo này bổ trợ xung quanh, khiến chúng tăng tnrởng, đầy đủ sức mạnh lớn và oai lực lớn, chuyển vận tự tại, đạt đen cứu canh viên mãn nên gọi la bổ trợ cho định M £ .Xem them £. 18. 19 Nguyên tác: Chánh chí . 20 Nguyên tác: Chánh phương tiện I Theo Đại trí độ luận 7.25.

1509.19. 0203all, chánh phương tiện tức là tứ chánh cần . 21 Thần lực được phát khởi nhờ định lực tưởng cầu chứng đạt thần thông. 22 Thần lực được phát khởi nhờ định lực không ngừng đoạn ác hành thiện.

túc23 và bốn là tư duy định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.24 Đó là đức Như Lai đã khéo phân biệt, giảng nói bon than túc [0036al2] Lại bảo chư thiên: 'Trong quá khứ, các Sa-môn và Bà-la-môn đã dùng vô số phương tiện, hiện vô lượng thân túc đêu từ bôn thân túc này phát khởi. Giả sử trong tương lai, các Sa-môn và Bà-la-môn dùng vô sô phương tiện, hiện vô lượng thân túc cũng nhờ bốn thần túc này phát khởi và hiện tại, các Sa-môn, Bà-la-môn dùng vô số phương tiện, hiện vô lượng thần túc cũng do bốn than túc này phát khởi vậy.9 Tiếp đó, đứa bé Phạm thiên liền tự biến mình thành ba mươi ba thân, mỗi thân lại đến ngồi cạnh bên ba mươi ba thiên thần khác và bảo: 'Nay ông đã thây năng lực thân biên của ta chang?9 Đáp : 'Thưa, đã thấy r Đứa bé Phạm thiên nói: 'Ta cũng nhờ tu bốn thần túc mới có thể biến hóa vô số như thế.5 Bây giờ, ba mươi ba thiên thân kia môi vị đêu tự nghĩ: 'Nay chỉ có đứa bé Phạm thiên ngồi riêng với ta đây mới nói những lời ấy, chỉ cần một hóa thân này nói năng thì các hóa thân khác cũng nói năng, một hóa thân này im lặng thì các hóa thân khác cũng im lặng/ Khi đó5 đứa bé Phạm thiên liền thu lại thần túc rồi ngồi vào chỗ của Đế- thích và bảo chư thiên Đao-lợi: 'Nay ta sẽ nói, các ông hãy lắng nghe! Đức Như Lai, Chí Chân đã tự dùng thần lực của mình đe khai mở ba con đường dẫn đến Chánh giác. Ba con đường đó là gì? Thứ nhất, như có chúng sanh lòng đầy tham dục, quen làm điều ác nhưng về sau được thân cận thiện tri thức, được nghe Chánh pháp, thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp,25 thế nên họ trừ bỏ tham dục, xa lìa việc ác, được tâm hoan hỷ, yên ổn hân hoan,26 rồi từ trạng thái hân hoan ấy khởi phát tâm đại hỷ.27 Cũng như có người từ bỏ cơm thừa canh cặn, mỗi ngày thụ hưởng cơm

23 Thần lực được phát khởi nhờ định lực chuyên tâm nhất ý. 24 Thần lực được phát khởi nhờ định lực tư duy Phật lý (theo PQĐTĐ). 25 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu (dhammānudhammappatipannani). Xem chú thích 13, kinh so 3, tr. 581. 26 Nguyên tác: Khoái lạc (,po Sự hân hoan của tâm thức. 27 Trong giáo pháp của đức Phát, các thiện giới tuần tự theo thứ lớp nương nhau sanh ra. Tham chiếu: A.r 10.1 - V. l:/4Như vậy, nậy Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa không hôi tiếc, có lợi ích không hối tiếc, không hối tiếc đừa đến hân hoan (pāmojjattho), có lợi ích hân hoan (pāmojjānisamso). Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, co lợi ích an lậcv An lạc có ý nghía định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiên, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham. Nhàm chán, ly tham có yjighīa giải thoát trì kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ānanda, các thiện giai thứ lớp dẫn tới tối thượng. Như vậy, này Ānanda, các thiện giới thứ lớp đưa đến toi thượng,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

dẻo món ngon, đủ trăm thượng vi, ăn uông no đủ như thê thì bữa sau chỉ muôn món ngon vật lạ hơn nữa mà thôi. Cũng thế, hành giả bỏ pháp bất thiện, được hoan hỷ hân hoan, rồi từ sự hân hoan ấy khởi sanh tâm đại hỷ, đó là đức Như Lai đã tự dùng thần lực của mình để khai mở con đường thứ nhất, dẫn đến thành tựu Giác ngộ Tối thượng. Thứ hai, lại có chúng sanh chất chứa sân hận, không chịu từ bỏ nghiệp ác của thân, miệng và ý nhưng về sau được gặp thiện tri thức, được nghe đạo pháp, thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp, rồi từ đó họ từ bỏ hạnh xấu ác của thân, miệng và ý, sanh tâm hoan hỷ, an ổn hân hoan, rồi từ trạng thái hân hoan ấy phát khởi tâm đại hỷ. Như có người từ bỏ cơm thừa canh cặn, mỗi ngày thụ hưởng cơm dẻo món ngon, đủ trăm thượng vị, ăn uống no đủ như thế thì bữa sau chỉ muôn món ngon vật lạ hơn nữa mà thôi. Cũng thê, hành giả lìa pháp bát thiện, được hoan hỷ hân hoan, rồi từ sự hân hoan ấy khởi sanh tâm đại hỷ, đó là đức Như Lai đã mở bày con đường thứ hai. Thứ ba, hoặc có chúng sanh ngu si vô trí, không biết phân biệt thiện ác5 không biêt như thật vê khô, tập, diệt và đạo nhung vê sau được gặp thiện tri thức, được nghe đạo pháp, thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp, rồi từ đó họ có thể nhận biết pháp thiện pháp ác, có thể biết như thật về khổ, tập, diệt, đạo, từ bỏ hành vi bất thiện, sanh tâm hoan hỷ, an ổn hân hoan, rồi từ sự hân hoan mà khởi phát tâm đại hỷ. Như có người từ bỏ cơm thừa canh cặn, mỗi ngày thụ hưởng cơm dẻo món ngon, ăn uống no đủ như thế thì bữa sau chỉ muốn món ngon vật lạ hơn nữa mà thôi; hành giả cũng thế, lìa pháp bất thiện, được hoan hỷ hân hoan, rồi từ sự hân hoan ấy khởi sanh tâm đại hỷ, đó là đức Như Lai đã mở bày con đường thứ ba.'" Khi đó5 đứa bé Phạm thiên ở cõi trời Đao-lợi nói Chánh pháp này, Tỳ-sa- môn Thiên vương cũng nói Chánh pháp này cho quyên thuộc, roi thiên thân Xà-ni-sa ở trước Như Lai thuật lại Chánh pháp này. Thế Tôn cũng vì Tôn giả A-nan mà giảng nói Chánh pháp này và Tôn giả A-nan cũng vì chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di mà giảng nói Chánh pháp này. Bấy giờ5 Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.28

28 Bản Hán, hết quyển 5.

PHẦN II 5. KINH TIÊU DUYÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ngụ tại giảng đường Lộc Mầu,1 23trong vườn Thanh Tín,3 thuộc nước Xa-vệ.4 [0036c02] Lúc đó, có hai vị Bà-la-môn tên là Bà-tất-tra và Bà-la-đọa5 với lòng tin vững chắc đi đến chỗ Phật cầu xin xuất gia hành đạo. Bấy giờ, đức Thế Tôn vừa rời khỏi tịnh thất và đang thong thả kinh hành ở giảng đường. Khi trông thấy đức Phật đang đi kinh hành, Bà-tất-tra vội vàng r tìm đên Bà-la-đọa và nói: Ông biết không, nay đức Như Lai đã rời khỏi tinh thất và đang đi kinh hành ở giảng đường. Vậy chúng ta có thể cùng đến chỗ Thế Tôn để nghe Ngài có dạy bảo điều gì không. Nghe nói xong, Bà-la-đọa liền cùng Bà-tất-tra đến chỗ Thế Ton, cúi lạy chân Phật rồi theo Phật đi kinh hành. Lúc ấy, đức Thế Tôn hỏi Bà-tất-tra: -Hai ông vốn sanh trưởng trong dòng Bà-la-môn? hôm nay khởi lòng tin vững chắc muốn xuất gia tu hành ở trong giáo pháp của Như Lai chăng? Thưa vâng! Phật bảo: -Nếu như các ông xuất gia học đạo ở trong giáo pháp của Như Lai thì làm sao tránh khỏi sự hiềm trách của các Bà-la-môn?

1 Nguyên tác: Tiểu duyên kinh T.01. 0001.5. 0036028. Tham chiếu: Phật thuyết Bạch y kim tràng nhị Bà-la-môn duyên khởi kinh roi. 0010. 0216blỊ; Bà-ỉa-bà đương kinh 02. 0026.154. 0673b04; D. 27, Aggañña Sutta Kinh Khởi thế nhân bổn. 2 Lộc Mau giảng đường Migāramātupāsāda, ngôi giảng đường do nữ cư sĩ Visākhā Migāramātā phát tâm xây dựng. 3 Thanh Tín viên lâm Pubbārāma còn gọi là khu vườn phía Đông thành Xá-vệ , Sāvatthi. 4 Xá-vệ i,Sāvatthi.

5 Bà-tất-tra ,Vāsettha; Bà-la-đọa ,Bhāradvāja.

Hai người đáp: Thưa đúng như thê! Nhờ ân lớn của Phật cho chúng con xuất gia tu hành nhưng chăc chăn sẽ bị các Bà-la-môn khác hiêm trách chúng con. Phật bảo: Họ dựa vào đâu để hiềm trách các ông? Hai người đáp: Họ cho răng: "Dòng Bà-la-môn ta là tôi cao bậc nhát, còn các dòng họ khác là thấp hèn; dòng họ ta trong sáng, còn các dòng họ khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta có nguồn cội từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, ve sau cũng thanh tịnh. Các ông vì lẽ gì mà lại từ bỏ dòng họ thanh tịnh để dự vào trong giáo pháp khác biệt đó của Cu-dam?^ Bạch Thế Tôn, những người kia thấy chúng con xuất gia tu đạo trong giáo pháp của Phật nên t A -2 < el • đã dùng những lời như thê đê hiêm trách chúng con. Phật dạy: Này Bà-tât-tra? ông hãy xem những người đó như kẻ ngu si vô trí6 nên mới dối trá tự xưng: "Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn các dòng họ khác là thấp hèn; dòng họ Bà-la-môn trong sạch, còn các dòng họ khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta có nguồn cội từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tjnh." r Này Bà-tât-tra, trong đạo Vô thượng chân chánh của Ta không y cứ nơi dòng họ, không dựa vào lòng kiêu hãnh vê bản thân. Pháp thê gian cân những điều đó nhimg giáo pháp của Ta thì không như vậy. Nếu có Sa-môn hay Bà-la- môn nào tuy ở trong giáo pháp của Ta nhimg dựa vào lòng tự hào về dòng họ và tâm luôn ngã mạn kiêu căng thì không bao giờ chứng đắc đạo Vô thượng. Ngược lại, nêu ở trong giáo pháp của Ta mà có thê từ bỏ lòng tự hào vê dòng họ, đồng thời diệt trừ tâm cống cao ngã mạn thì có thể thành đạo, chứng quả và có thể lãnh thọ Chánh pháp. Người đời vốn xem thường hạng xuất thân thấp kém, còn trong giáo pháp của Ta thì không như thế. [0037a01] Phật dạy: Này Bàtất-tra, có bốn dòng họ5 gồm cả kẻ ác và người lành, vừa được người trí ngợi khen, đồng thời cũng bi người trí chê trách. Bốn dòng họ đó là: Một là Sát-lợi, hai là Bà-la-môn, ba là Tỳ-xá7 và bốn là Thủ-đà-la. Này Bà-tất-tra, có lẽ ông đã từng nghe trong dòng Sát-lợi có kẻ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, bon xẻn, ganh

6 Vì theo tiêu chí t4nhã ngữ" D©n bản dịch tiếng Việt giản lược bốn chữ "Do như cầm thú,, vốn có trong bản Hán. 7 Nguyên tác: Cư sĩ . Kinh điển Pali gahapati, nghĩa là gia chủ ,trưởng giả , đồng thời chỉ cho những người có của cải tự baogồm cả những người thợ thuyền, thương nhân. Tầng lớp này thường được dịch âm là Ty-xa Vessā, là giai cap thứ,3 trong 4 giai cấp chính ở Ấn Độ. Bản dịch thống nhất dùng phiên âm "TVxS" để đồng bộ với 3 giai cấp được nêu trong kinh.

ghét và tà kiến; trong dòng Bà-la-môn, dòng Tỳ-xá và dòng Thủ-đà-la cũng đều có lẫn lộn đủ hạng người làm mười điều ác như thế. Này Bà-tất-tra, những ai hành động bất thiện thì tất nhiên sẽ có quả báo bất thiện, những ai hành động đen tối thì tất nhiên sẽ có quả báo đen tối. Nếu giả sử quả báo này chỉ dành riêng cho dòng Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la mà không dành cho người ở trong dòng Bà-la-môn thì dòng Bà-la-môn mới được tự xưng: "Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thì thấp hèn; dòng ta trong sáng, dòng khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta có nguồn cội từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.,, Này Bà-tất-fra, nếu hành động bất thiện tất nhiên có quả báo bất thiện, hành động đen tôi tát nhiên có quả báo đen tôi đôi với tát cả các dòng như Bà-la-môn, Sát-lợi9 Tỳ-xá và Thủ-đà-la thì dòng Bà-la-môn không được tự xưng: "Dòng dõi ta là thanh tịnh bậc nhất." Này Bà-tất-tra, nếu trong dòng Sát-lợi có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không bon xẻn, không ganh ghét và không tà kiến thì trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la cũng có người tu mười điều thiện như thế. Những ai hành động thiện thì tất nhiên có quả báo thiện và những ai hành động trong sáng thì tất nhiên có quả báo trong sáng. Nêu như quả báo này chỉ có đôi với dòng Bà-la-môn mà không có đôi với dòng Sát-lợi? Tỳ-xá và Thủ-đà-la thì dòng Bà-la-môn mới được tự xưng là: "Dòng ta thanh tịnh bậc nhất.” Nếu thật sự bốn dòng họ trên đều có quả báo này thì dòng Bà-la-môn không được tự xưng: "Dòng dõi ta thanh tinh bậc nht.” Này Bà-tất-tra, hiện nay ai ai cũng thấy dòng Bà-la-môn có cưới vợ, gả chồng và sanh con như bao nhiêu người khác, thế mà họ dám dối trá tự xưng: “Ta thuộc dòng dõi Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tinh, về sau cũng thanh tịnh.,, Này Bà-tât-tra? ông nên biêt, hàng đệ tử của Ta ngày nay dòng họ không đồng, gia thế khác biệt và hiện xuất gia tu đạo trong giáo pháp của Ta. Nếu có người hỏi ông thuộc dòng họ nào thì ông nên trả lời với họ rằng: "Tôi là Sa- môn, con dòng họ Thích", hoặc cũng có thể tự xưng: "Tôi thuộc dòng Thanh Tịnh,8 được sanh ra từ miệng, từ pháp mà hóa sanh, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tinh." Vì sao như vậy? Vì danh từ Đại Thanh Tinh tức là tôn hiệu của Như Lai. Như Lai là Con mat của thê gian, là Trí tuệ của thê gian, là Pháp của thê gian, là Thanh tịnh của thê gian, là Pháp luân của thê gian, là Cam-lộ của thế gian, là Pháp chủ của thế gian. [0037b06] Này Bà-tất-tra, trong dòng Sát-lợi có người dốc lòng tin Phật, tin đức Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Người ấy dốc lòng tin Pháp, tin Pháp của Như Lai nhiệm mầu thanh tịnh, thiết thực để tu

8 Nguyên tác: Bà-la-môn .Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Sa-môn .Từ nguyên của các từ này đều có nghía là thanh tịnh.

hành ngay trong hiện tại, pháp ấy không phụ thuộc thời gian, là pháp đưa đến r : - £ 9 - £ < •2 Niêt-bàn, chỉ có người trí mới thây rõ, kẻ phàm ngu không phù hợp đê thâu hiên giáo pháp này. Người ấy hết lòng tin Tăng, vì Tăng là đệ tử chân thật của Phật, tánh

thiện chất trực, thành tựu đạo quả, thành tựu quyến thuộc, là đệ tử chân chánh của Phật, thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp.9 Sở dĩ gọi là Chúng, tức là nói Chúng thành tựu giới, Chúng thành tựu đinh, Chúng thành tựu tuệ, Chúng giải thoát, Chúng giải thoát tri kiến. Đó là Chúng Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; Chúng Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; Chúng A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; Chúng A-la-hán hướng, Chúng A-la-hán quả; gồm bốn đôi tám bậc. Đó là Chúng đệ tử của Như Lai, rất đáng kính, đáng tôn trọng, làm ruộng phước của thê gian, xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của thê gian. Người ấy hết lòng tin Giới, Thánh giới đầy đủ không thiếu sót, không tỳ vết, cũng không vết nhơ, được người trí ngợi khen, đầy đủ tánh chất thiện lành và tịch tịnh. Này Bà-tất-tra? các dòng Bà-la-môn? Tỳ-xá và Thủ-đà-la phải nên hết lòng như thế mà tin vào Phật, tin Pháp, tin Tăng và thành tựu Thánh giới. Này Bà-tất"tra? trong dòng Sát-lợi có người cung kính cúng dường, lễ bái A-la-hán thì các dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la cũng có người như thế. Này Bà-tất-tra, nay dòng họ Thích của Ta cũng phụng sự, lễ kính Vua Ba- Vua Ba-tư-nặc cũng đến cúng dường, lễ kính Ta nhưng nhà vua không tư-nặc91011 nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm sanh trưởng trong dòng hào tộc, còn dòng họ ta thì thấp kém. Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ gia đình rất giàu c6, oai đức lớn, còn ta thì sanh trưởng trong gia đình bần cùng, ti tiện quê mùa, cho nên ta phải đến cúng dường, kính lễ Như Lai." Vua Ba-tư-nặc nhờ quán thấy sự trong sáng của giáo pháp, biết rõ sự chân ngụy nên mới khởi lòng tin thanh tịnh và đến kính lễ, cúng dường Như Lai. Này Bà-tât-tra, nay Ta sẽ nói rõ vê nguôn góc nhân duyên của bôn dòng họ trên cho ông nghe. Vê khởi nguyên và chung cuộc của vũ trụ, khi kiêp hét thì sẽ băng hoại, chúng sanh mạng chung đều sanh lên cõi trời Quang Am, 11 tự nhiên hóa sanh, chúng sanh ở cõi ấy sống bằng niệm,12 thân tự phát ánh sáng, có thần túc bay trong hư không, về sau, cõi đất này biến thành nước tràn ngập khắp nơi. Chính lúc đó, không còn mặt trời, mặt trăng, các vì sao, không còn ngày, đêm, năm,

9 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu dhammānudhammappatipannani. Xem chú thích 13, kinh so 3, tr. 581. 10 Ba-tư-nặc Pasenadi, vua nước Kosala trong thời đức Phật, là con của Mahâkosala. Vua Pasenadi có những liên hệ gần gũi và sâu sắc đối với đúc Phật và giáo pháp. Đặc biệt, Kỉnh Tương ưng bộ còn dành nguyên một chương tổng hợp những pháp thoại của đức Phạt có nội dúng liên hệ đến ông, gọi là Tương ưng Kosala S. 1.3. Nhà vua có mọt người con trai tên là Brahmadattai xuất gia và chưng quả A-la-hán. 11 Quang Âm thiên Ābhassarā. 12 Nguyên tác: Dĩ niệm vi thực .Trường A-hàm ghi là uniệm ứiực",Trung A-hàm ghi là 4tý tư thực",“y niệm thỊTc":Thức ăn là những hoài bão, những ước mơ...

tháng hay số tuổi mà chỉ còn một vùng tối tăm rộng lớn. Sau đó, biển nước này lại hình thành cõi đất. Các vị trời Quang Âm đến lúc hết phước thì mạng chung rồi sanh xuống nơi này. Tuy là sanh xuống cối này nhimg các vị đó vẫn sông băng niệm, có thân túc bay trong hư không, thân tự chiêu ánh sáng. Họ sống ở cõi này một thời gian khá lâu rồi mỗi người đều tự ximg: "Chúng sanh, chúng sanh." về sau nữa, trong cõi đất này, có dòng suối ngọt trào ra giống như tô mật, thế rồi các vị trời mới đến kia, do còn phước

trời nên thân thể nhẹ nhàng linh hoạt, khi thấy dòng suối ấy, họ thầm nghĩ: "Đây là vật gì, ta hãy nếm thử!" Họ liền nhúng tay vào suối để nếm thử, nếm vài ba lần, cảm giác thấy ngon, họ mới dùng tay bốc ăn và ăn một cách say mê không biết chán. Thế rồi, các chúng sanh khác nhìn thây nên bát chước làm theo, nêm thử đên ba lân, cảm thây ngon roi lại tiêp tục ăn mãi. Do đó, thân của họ trở nên thô kệch, da thịt cứng răn, mát hết cả màu sắc đẹp đẽ của cõi trời, thần túc không còn, phải đi lại trên đất, ánh sáng nơi thân cũng mất, cả trời đất tối tăm. [0037cl4] Bà-tất-tra nên biết, theo pháp thường của trời đất, sau thời gian tối tăm thì có hình tượng của mặt trời, mặt trăng và các vì sao xuất hiện ở giữa hư không. Sau đó mới có ngày và đêm, có bóng tối và ánh sáng, có tháng và năm. Chúng sanh lúc này chỉ ăn mùi đất và sống rất lâu ở thế gian. Trong số đó, người nào càng ăn nhiều thì nhan sắc càng thô xấu. Ngược lại, nếu người nào ăn ít thì nhan sác vân còn tươi đẹp. Do đó mới có sự đẹp xâu, đoan chánh phát sanh. Chẳng hạn, người đoan chánh thì sanh tâm kiêu mạn, khinh khi người xấu xí. Trái lại, người thô xấu thì sanh tâm ganh ghét người đoan chánh. Vì thế, chúng sanh mới sanh ra sự tranh cãi và ganh ghét nhau kể từ đây. Bây giờ, suôi ngọt tư nhiên khô cạn. Vê sau, cối đát lại tự nhiên sanh ra chát béo của đất, đầy đủ mùi vị thơm tho, tinh khiết và có thể ăn được. Chúng sanh lúc ây lại lây đát đó mà ăn và sông khá lâu ở thê gian này. Trong sô đó, người nào ăn nhiêu thì nhan sác thô xâu, người nào ăn ít thì nhan sác còn tươi đẹp. Thế rồi, người đoan chánh sanh tâm kiêu mạn, khinh khi người thô xấu. Ngược lại, người thô xấu thì sanh tâm ganh ghét người đoan chánh. Do đó, chúng sanh mới nảy ra sự tranh giành thưa kiện lẫn nhau. Roi đên một khi, chát béo của đát không còn sanh ra nữa mà sanh một loại chất béo thô dày của đất, cũng có mùi thơm ngon và ăn được nhưng không bằng loại trước. Chúng sanh lúc này lại lấy loại đất đó để ăn và sống khá lâu ở thê gian này. Trong sô đó, người nào ăn nhiêu thì nhan săc thô xâu, trái lại, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó đưa đến tình trạng người đoan chánh khinh khi kẻ thô xấu rồi tranh cãi, thi phi mãi với nhau. Từ đó5 chất béo của đất không còn sanh lại nữa mà sanh ra loại gạo tự nhiên không có trâu, loại gạo này đây đủ mọi hương vị, màu săc, thơm ngon tinh khiêt, có thê ăn được. Thế rồi, chúng sanh lúc đó lại lấy gạo này ăn và sống khá lâu ở thế

gian. Sau đó, nam nữ thân quen nhau, dân dà có dục tình roi dân đên việc gân gũi nhau. Những chúng sanh khác thây thê liên nói: "Việc ngươi làm không đúng, việc ngươi làm không dúng.” Thế rồi người kia bị đuổi di, sau ba tháng mới cho trở lại. [0038a06] Này Bà-tất-tra, những điều mà trước kia ngươi ta cho là không đúng thì bây giờ người ta cho là đúng và cứ quen dần theo điều không đúng như thế, đến nỗi buông lung dục tình không thể tiết chế, do hổ thẹn với việc này nên họ tạo ra phòng ốc. Từ đó thế gian mới có nhà cửa. Quen thói làm điều không đúng, sự dâm dục càng tăng thêm nên mới có bào thai, được sanh ra từ sự bất tịnh. Từ đó ở thế gian mới bắt đầu có bào thai. Thuở đó, chúng sanh chỉ ăn lúa gạo tự nhiên, hê lây đi bao nhiêu thì lúa lại sanh ra bấy nhiêu, không bao giờ hết. Mãi về sau, trong số chúng sanh đó có kẻ lười nhác thầm nghĩ rằng: "Nếu buổi sáng ăn thì buổi sáng đi lấy, buổi chiều ăn thì buổi chiều đi lấy, việc đó quá nhọc công. Thôi ta hãy lấy đủ ăn cho một ngàyy Thê roi, họ liên lây lúa

gạo đủ ăn cho một ngày. Sau đó, khi bạn bè cùng rủ nhau đi lấy gạo thì kẻ lười biếng đáp: "T6i đã lấy lúa gạo đủ ăn cho một ngày, còn ông muốn lấy bao nhiêu ngày thì tùy y." Những người bạn nghĩ: "Người này khôn ngoan thật, đã biết lấy lương thực trước dùng để tích trữ. Ta nay cũng muốn tích trữ lương thực đủ ăn cho ba ngày." Lập tức họ lấy lương thực đủ ăn cho ba ngày. Sau đó, khi những chúng sanh khác nói: "Chúng ta hãy cùng nhau đi lấy lúa gạo" thì kẻ kia đáp: "Tôi đã lấy lương thực đủ ăn cho ba ngày, còn các ngươi muốn lay bao nhiêu ngày thì tùy y." Những chúng sanh khác tự nghĩ: "Người này khôn ngoan thật, đã để dành lương thực đủ ăn cho ba ngày. Vậy ta hãy bắt chước để dành lương thực đủ ăn cho năm ngày." Họ bèn lấy lương thực đủ ăn dành cho năm ngày. Cứ như thế, chúng sanh tranh nhau tích trữ lúa gạo, làm cho lúa gạo trở nên hư xấu, đồng thời sanh ra trấu cám và khi gặt rồi thì không mọc trở lại như trước. Chúng sanh thấy thế, trong lòng không vui nên lo lắng hoang mang và suy nghĩ: "Chúng ta lúc đầu mới sanh thì chỉ sống bằng niệm, có thần túc để bay trong hư không, thân tự chiếu sáng và sông ở thê gian này khá lâu. Sau đó, trong cõi đát này có dòng suôi ngọt trào ra giống như tô mật, thơm tho, ngon ngọt có thể ăn được. Chúng ta lúc đó cùng ăn thức ăn này, ăn một thời gian lâu, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu; người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do ăn thức ăn này khiến cho chúng ta có sự khác biệt vê nhan sac. Thê roi, chúng ta nhân đó cứ mãi ôm lòng thi phi và ganh ghét lẫn nhau. Lúc đó, dòng suối ngọt tự nhiên khô cạn, cõi đất này tự nhiên sanh ra chất béo của đất, mùi vị đầy đủ, thơm ngon, có thể ăn được. Khi đó, chúng ta liền lấy chất béo của đất này mà ăn, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Chúng ta nhân đó cứ mãi ôm lòng thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Đen khi chất béo của đất không còn sanh như trước mà lại sanh thứ chất thô dày, tuy vậy cũng thơm ngon ăn được và chúng ta lại lấy mà ăn. Nếu người nào ăn nhiều thì

nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Thế rồi, chúng ta lại sanh lòng tranh cãi, thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Thế rồi, chất béo của đất không còn sanh như trước mà lại sanh ra thứ lúa tư nhiên không có trấu. Chúng ta lại lây lúa mà ăn đê sông lâu ở đời. Roi những người biêng nhác lại tranh nhau gom chứa, tích trữ. Do đó, gạo trở nên hoang dại và có nhiều trấu, khi gặt xong thì lúa không sanh trở lại, bây giờ biết phải làm sao!" Tức thì họ tự bảo nhau: “Bây giờ chúng ta nên chia đát ra và căm nêu làm d2u." Họ liên chia đất ra và cắm nêu làm dấu. [0038bl0] Này Bà-tất-tra, do nhân duyên ấy mới phát sanh danh từ ruộng đất. Chúng sanh lúc đó đã cắt ruộng đất, lập ranh giới từng khu riêng biệt nên dần dần họ sanh tâm trộm cắp lúa gạo của nhau. Những chúng sanh khác trông thấy liền nói: "Việc ngươi làm không đúng, việc ngươi làm không đúng! Ngươi đã có ruộng đất mà còn lấy trộm của người. Từ nay về sau ngươi không được làm như thế nữa." Những chúng sanh kia vẫn trộm cắp mãi, mặc dù những chúng sanh này đã quở trách nhiều lần nhưng kẻ đó vẫn không thôi, nên họ dùng tay đánh và bảo với mọi người: "Người này có ruộng lúa mà lại đi lấy trộm của người khác.,, Kẻ trộm lại bảo: "Người này đánh t6i. Khi đó, chúng sanh khác thấy hai người cãi vã nhau thì lo buồn, không vui rồi nói với giọng buồn rầu: "Chúng sanh càng

trở nên xấu ác nên mới có những điều bất thiện, dơ ban, không trong sạch này sanh ra ở the gian. Đó chính là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết, quả báo phiền não kho đau, đọa trong ba đường dữ. Bởi có ruộng đất nên đưa đến thưa kiện, vậy ngày nay chúng ta có thể công cử một người làm chủ để xử lý về việc này, hễ ai đáng bảo vệ thì bảo vệ, ai đáng trách phạt thì trách phạt. Chúng ta cùng giảm bớt một phần lúa gạo rồi cung cấp cho người ấy đe họ xử lý việc tranh giành thưa kiên." Bấy giờ, họ chọn ra một người trong chúng có sắc vóc cao lớn, dung mạo đoan chánh, có oai đức rồi nói như vầy: "ông hãy làm ông chủ bình đẳng cho chúng tôi, hễ ai đáng bảo vệ thì bảo vệ, ai đáng trách phạt thì trách phạt, ai đáng đuổi đi thì đuổi đi. Chúng tôi sẽ cùng nhau góp lúa gạo cung cấp cho 6ng.” Thế rồi, nghe mọi người nói như thế, người kia liền nhận lời lên làm chủ để xử đoán việc thưa kiện, mọi người liền góp gạo để cung cấp. Bấy giờ, người chủ ấy lại dùng lời diu dàng an ủi mọi người. Nghe như vậy roi, mọi người đều rất đỗi vui mừng và cùng nhau tôn xưng: "Lành thay Đại vương! Lành thay Đại vương!" Ke từ đó5 thế gian mới có danh từ vua và do dùng Chánh pháp trị dân nên gọi là Sát-lợi. Lúc đó, thế gian bắt đầu có tên Sát-lợi. [0038c02] Một thời gian sau, trong chúng ấy có một người khởi lên suy nghĩ: “Gia đình là mối lo lớn, gia đình là gai độc, ta nên từ bỏ gia đình để sống một mình trên rừng núi nhàn tịnh tu dạo." Thế rồi, họ liền từ bỏ gia đình vào trong rừng núi, tĩnh lặng suy tư. Đen giờ ăn thì vị ấy mang bình bát vào thôn xóm khất thực, mọi người trông thấy đều vui vẻ cúng dường và hoan hỷ khen ngợi: "Quý hóa thay, người này có the rời bỏ gia đình, ở một mình nơi chốn núi

rừng, tĩnh lặng tu đạo, buông bỏ mọi điều §C." Từ đó, thế gian mới bắt đầu có thêm từ Bà-la-môn. Nhưng trong số Bà-la-môn ấy, có người khônệ thích tọa thiền và suy tư nơi chôn nhàn tịnh mà lại đi vào nhân gian hành nghê đọc tụng roi tự xưng: "Ta là người không tọa thiền." Lúc đó, dân chúng mới gọi họ là "Bà-la-môn không tọa thin." Do vì hay đi vào nhân gian nên mới có danh xưng là "Nhân gian Bà-la- môn.,, Ke từ đó, thế gian mới có dòng Bà-la-môn xuất hiện. Lại nữa, trong số những chúng sanh đó, có người thích công việc kinh doanh, cất chứa nhiều của báu, do vậy mọi người gọi họ là "Ty-xá." Cũng trong những chúng sanh đó có người biết nhiều nghề khéo léo, tạo ra nhiều đồ dùng, từ đó thế gian mới bắt đầu có danh xưng "Thủ-đà-la công xo.” Này Bà-tất-tra, nay ở thế gian này có đủ danh xưng bốn dòng họ và có thêm danh xưng thứ năm là chúng Sa-môn. Vì sao như vậy? Này Bà-tất-tra, vì trong dòng Sát-lợi, hoặc có người tự nhàm chán với lối sống của mình nên cạo bỏ râu tóc rồi mặc pháp y. Từ đó danh từ Sa-môn mới xuất hiện. Trong dòng Bà-la- môn, dòng Tỳ-xá, dòng Thủ-đà-la5 hoặc có người tự nhàm chán với lối sống của mình nên cạo bỏ râu tóc rồi mặc pháp y tu đạo thì gọi là Sa-môn. Này Bà-tất-tra, đối với người dòng Sát-lợi nếu thân làm việc bất thiện, miệng nói lời bất thiện, ý nghĩ điều bất thiện, sau khi thân hoại mạng chung thì nhất định phải thọ quả báo khổ. Cũng thế, dòng Bà-la-mon, dòng Tỳ-xá hay dòng Thủ-đà-la nếu thân làm việc bất thiện, miệng nói lời bất thiện, ý nghĩ điều bất thiện, sau khi thân hoại mạng chung thì chắc chắn cũng phải thọ quả báo khổ như thế. Này Bà-tât-tra5 nêu người dòng Sát-lợi mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, sau khi thân hoại mạng chung thì chắc chắn được hưởng quả báo an vui.

Cũng vậy, người dòng Bà-la-môn, dòng Tỳ-xá hay dòng Thủ-đà-la mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, sau khi thân hoại mạng chung thì chắc chắn cũng được hưởng quả báo an vui như the. Này Bà-tất-tra? người dòng Sát-lợi, nếu thân làm việc thiện lẫn việc ác, miệng nói lời thiện lẫn lời ác, ý nhớ nghĩ điều thiện lẫn điều ác, sau khi thân hoại mạng chung thì nhất định sẽ thọ quả báo vừa kho vừa vui. Cũng vậy, người dòng Bà-la-môn, dòng Tỳ-xá và dòng Thủ-đà-la nếu thân làm việc thiện lẫn việc ác, miệng nói lời thiện lẫn lời ác, ý nhớ nghĩ điều thiện lẫn điều ác, sau khi thân hoại mạng chung thì chắc chắn cũng thọ quả báo vừa khổ vừa vui như thế. [0039a0l] Này Bà-tất-tra? trong dòng Sát-lợi có người cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo rồi tu tập bảy giác chi13 không bao lâu thì sẽ thành đạo. Vì sao như vậy? Vì người thiện nam14 ấy mặc pháp y xuất gia, tu tập Phạm hạnh Vô thượng

13 Nguyên tác: Thất giác ý . 14 Nguyên tác: Tộc tánh từ kulaputtassa. Xem chú thích 121, kinh số 2, tr. 564.

thì ngay hiện đời sẽ tự thân tác chứng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Trong dòng Bà-la- môn, dòng Tỳ-xá và dòng Thủ-đà-la nếu có người cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu đạo, tu tập bảy giác chi thì không bao lâu sẽ chứng ngộ. Vì sao như vậy? Vì những người trong dòng họ trên đã mặc pháp phục, xuất gia tu Phạm hạnh Vô thượng thì sẽ tự thân tác chứng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Này Bà-tất-tra, cả bốn dòng họ trên đều có thể xuất sanh thành bậc A-la-hán thành tựu viên mãn Minh và Hạnh, là bậc đứng đầu ở trong năm dòng họ ấy. Phật dạy: Này Bà-tất-tra, Phạm thiên vương có nói bài kệ rằng: ở đời, Sát-lợi nhất, Xuất gia, bỏ dòng họ, Thành tựu Minh và Hạnh, Là bậc nhất thế gian. Phật dạy: Này Bà-tất-tra5 vi Phạm thiên này khéo nói chứ không phải không khéo nói, bài kệ của vị Phạm thiên ấy đáng lãnh thọ chứ không phải không đáng lãnh thọ và ngay khi đó Ta liền ấn chứng lời nói ấy của vi Phạm thiên. Vì sao như vậy? Vì Ta là đấng Như Lai, Chí Chân cũng nói nghĩa đó: ở đời, Sát-lợi nhất, Xuất gia, bỏ dòng họ, Thành tựu Minh và Hạnh, Là bậc nhất thế gian. Bấy giờ, Bà-tất-tra và Bà-la-đọa nghe Thế Tôn nói pháp này xong, liền được Tâm vô lậu giải thoát và hoan hỷ phụng hành.

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ- kheo ngụ tại Ma-la-hê-siru12 rồi tuần tự du hành đến nước Ma-lâu.3 Tại đây, Ngài dạy các Tỳ-kheo: - Các thầy hãy tự mình thắp đuốc, thắp đuốc Chánh pháp, đừng thắp gì khác; hãy nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nương gì khác. Này các Tỳ-kheo! Thế nào là tự mình thắp đuốc, thắp đuốc Chánh pháp, đừng thắp gì khác? Thế nào là nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nương gì khác? ở đây, các Tỳ-kheo quán thân trong thân, siêng năng không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân ngoài thân, quán thân trong ngoài thân, siêng năng không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ tham tru ở đời. Quán thọ, quán tâm4 và quán pháp cũng như thế. Đó chính là Tỳ-kheo tự mình thắp đuốc, thắp đuốc Chánh pháp, không thắp gì khác;

nương tựa chính minh, nương tựa Chánh pháp, không nương gì khác. [0039b03] Tu hành được như vậy thì ma không thể quấy nhiễu, công đức ngày một tăng thêm. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ xa xưa, có Vua Kiên cố Niệm5 dòng Sát- lợi đã được quán đảnh,6 làm Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh bốn châu

1 Nguyên tác: Chuyển Luân Thảnh Vương tụhành kinh roi. 0001.6. 0039a21. Tham chiếu:, Chuyển Luân Vương kinh ,roi. 0026.70. 0520b16; D. 26, Cakkavatti Suita Kinh Chuyển Luân Thảnh Vương sư tử hong. 2 Ma-la-hê-sưu ,Mātulā, một ngôi làng ở Māgadha. 3 Ma-lâu .Bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Ma-la-lâu . 4 Nguyên tác: Ý . 5 Kiên Cố Niệm DaỊhanemi. 6 Nguyên tác: Sát-lợi thủy nhiễu đầu chủng/Rājā khattiyo muddhābhisitto'. Vị vua Sát-lợi thọ pháp Quán đảnh. Theo truyền thống Án Độ thời cổ, một VỊ vua lên ngôi đúng pháp phải thông qua nghi lễ Quán đảnh; khi đó, vị Bà-la-môn chủ tế dùng nước thiêng rưới len đầu tan vương.

thiên hạ.7 Đức vua dùng pháp cai trị, là bậc thù thắng trong cõi người, đầy đủ bảy báu: Một là bánh xe báu băng vàng, hai là voi báu trăng, ba là ngựa tía báu, bon là thần châu báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là cư sĩ báu và bảy là chủ binh báu. Vua còn có ngàn người con dũng mãnh uy hùng, đủ sức hàng phục giặc thù, không động đao binh mà tự nhiên thái bình. Vua Kiên cố Niệm tri thế một thời gian rất lâu. Một hôm, bánh xe báu bằng vàng trên không trung bỗng tự dời khỏi chỗ cũ. Lúc ấy, người quản xe liền đến thưa với vua: "Tâu Đại vương! Ngài nên biết hôm nay bánh xe báu bỗng nhiên tự rời khỏi chỗ cũ.,^ Nghe vậy, vua nghĩ: "Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia bảo rằng: 'Nếu bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương tự dời đi thì mạng sống vua ấy không còn bao lâu nữa.' Ta nay được hưởng phước lạc cõi người rồi, phải tìm cách thụ hưởng phước lạc cõi trời, nay nên nhường ngôi cho thái tử thống lãnh bốn châu thiên hạ, phong riêng một ấp cho người thợ cạo để họ giúp ta cạo bỏ râu t6c, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo." Ngay sau đó, Vua Kiên cố Niệm liền gọi thái tử đến bảo: "Con biết không? Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia bảo rằng: 'Nếu bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương tự dời đi thì thọ mạng vua ấy sắp hết/ Trước đây ta được hưởng phước lạc cõi người rồi, sau này muốn được thụ hưởng phước lạc cõi trời, bởi thế ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, vậy ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho con, hãy tự nỗ lực, chăm lo dân chúng/9 Sau khi thái tử vâng lệnh nối ngôi, Vua Kiên cố Niệm liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vua Kiên cố Niệm xuất gia được bảy ngày thì bánh xe báu bằng vàng bỗng biến mất. Người quản xe liền đến trình với vua mới: "Tâu Đại vương! Ngài nên biết, bánh xe báu bỗng nhiên biến mat?9 Nghe vậy, vua rất lo lắng, liền tìm đến chỗ phụ vương thưa: “Tâu phụ vương! Nay bánh xe báu bỗng nhiên biến mất.,, Khi ấy Vua Kiên cố Niệm bảo thái tử: "Con chớ lo phiên vê điêu ây roi không vui. Bánh xe báu băng vàng ây không phải là tài sản của ta để lại cho con. Chỉ cần con siêng năng thực hành Chánh pháp Thánh Vương. Thực hành Chánh pháp rồi, vào đêm rằm trăng tròn, con hãy tắm gội bằng nước thơm rồi lên ngồi trên Chánh Pháp điện cùng các thể nữ vây quanh thì bánh xe báu thần diệu đó tự nhiên

xuất hiện với ngàn căm, tỏa sáng đủ màu. Bánh xe đó do thợ trời tạo ra, không phải của thế gian."

Nguyên tác: Tứ thiên Cattāro dīpā, còn gọi Tứ đại châu ,Tu-di tứ châu .Quan niệm về thế giới của người Ấn Độ cô đại cho rằng, có 4 châu lớn ở 4 phía núi Tu-di :Đông Thắng-thầnchâu Pubbavideha, Nam Thiệm-bộ châu Jambudīpa, Tây Ngưu-hóa châu ,Aparagoyāna và Bắc Câu-lô châu Uttarakurū.

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH 613

[0039C04] Thái tử thưa: "Thua phụ vương! Chánh pháp của Chuyển Luân Thánh Vương là gì? Và phải thực hành như thế nào?55 Nhà vua bảo thái tử: "Hãy nương theo pháp, an lập nơi pháp, quyết định theo pháp, cung kính tôn trọng, xem xét theo pháp, lấy pháp làm đầu, giữ gìn Chánh pháp. Hãy dùng pháp mà dạy bảo các thể nữ, hãy dùng pháp mà quan tâm, dạy dỗ các vương tử, đại thần, bá quan, dân chúng, Sa-môn, Bà-la-môn cho đến các loài cầm thú, hết thảy đều nên bảo bọc và giúp đỡ. Trong nước của con, nêu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tu hành chân chánh, công đức đầy đủ, siêng năng không biếng nhác, xa lìa kiêu mạn, nhẫn nhục, nhân ái; ở nơi thanh vắng tự mình tu tập, tự mình an trú, tự mình chứng nghiệm Niết-bàn; tự mình đoạn trừ tham dục rồi dạy người đoạn trừ tham dục, tự mình đoạn trừ sân hận rồi dạy người đoạn trừ sân hận, tự mình đoạn trừ ngu si rồi dạy người đoạn trừ ngu si; ở chỗ nhiễm mà không nhiễm, ở chỗ xấu mà không xấu, ở chỗ ngu mà không ngu; không dính mắc những thứ dễ dính mắc, không đứng chỗ nhiều người muốn đứng, không ở chỗ nhiều người thích ở; hành động ngay thẳng, lời nói ngay thẳng, ý nghĩ ngay thẳng; hành động thanh tinh, lời nói thanh tinh, ý nghĩ thanh tịnh; thi ân không chán, ăn mặc vừa đủ, ôm bát khất thực đê làm ruộng phước cho chúng sanh; với những người như thê thì con phải thường tìm đến, tùy thời thỉnh ý về việc tu hành: Thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là phạm, thế nào là không phạm, người nào đáng gần, người nào không đáng gần, việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm và thực hành pháp gì để được an lạc lâu dài? Sau khi thỉnh ý rồi, con hãy tự mình xem xét, việc gì nên làm thì làm, việc gì đáng bỏ thì bỏ. Trong nước nếu có người già cả đơn độc5 hãy giúp đỡ họ, nêu có kẻ nghèo cùng khôn khô đên xin, cân thận chớ trái ý họ. Trong nước có những luật lệ phép tắc cũ, con chớ tự ý sửa đổi. Đó là pháp tu hành của Chuyển Luân Thánh Vương, con hãy phụng hành.^, Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Sau khi rChuyển Luân \ Thánh Vương nghe và thực hành đúng như lời phụ r A A# vương dạy, đên ngày răm trăng tròn, vua tăm gội băng nước thơm roi lên ngôi trên bảo điện cùng các the nữ vây quanh thì bỗng nhiên bánh xe báu tự hiện trước mặt, bánh xe có ngàn căm, tỏa sáng đủ màu, do thợ trời chế tạo bằng vàng ròng, chẳng phải của thế gian, đường kính bánh xe dài một trượng tư. Khi ấy, Chuyển Luân Thánh Vương thầm nghĩ: "Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia truyền rằng: 'Nếu một vị vua dòng Sát-lợi đã được thọ pháp Quán đảnh trong lễ lên ngôi, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội bằng nước thơm, lên ngồi trên bảo điện cùng các thể nữ vây quanh, bỗng nhiên có bánh xe bằng vàng tự hiện trước mặt, bánh xe ngàn căm, tỏa sáng đủ màu, do thợ trời tạo, toàn bằng vàng ròng, thế gian chẳng có,

đường kính một trượng tư, vị vua ấy được gọi là Chuyển

614 > KINH TRƯỜNG A-HÀM

Luân Thánh Vương.9 Nay có bánh xe báu tự hiện, chẳng đúng vậy sao? Nay ta hãy thử xem bánh xe báu ấy như thế nào.,, [0040a07] Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương liền triệu tập bốn binh chủng, hướng vê bánh xe báu băng vàng, sửa áo bày vai phải, gói phải quỳ châm dát, đưa tay phải chạm vào bánh xe và nói: "Hãy đi ve hướng Đông, như pháp mà chuyên, chớ trái lệ thường.,^ Tức thi, bánh xe liên chuyên vê Đông. Lúc ây, vua cũng dẫn bốn binh chủng theo sau bánh xe, trước xe có bon vị than dẫn đường, hễ bánh xe dừng chỗ nào thì vua cũng dừng lại chỗ đó. Khi thấy Đại vương đến, các vua nước nhỏ phương Đông liền đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua rồi cúi đầu, tâu: “Lành thay, Đại vương đã đến đây! Nay phương Đông này đất đai phì nhiêu, đời sông dân chúng sung túc, tánh khí nhân hòa, từ hiêu trung thuận, kính mong Thánh Vương hãy đem Chánh pháp tri vì xứ này! Chúng tôi sẽ cung cấp mọi thứ và thừa hành thích dáng." Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương nói: "Thôi, thôi, chư Hiền, như vậy là các ngươi đã dâng cúng ta rồi! Chỉ cần các ngươi dùng Chánh pháp cai trị, chớ để oan sai, chớ để trong nước xảy ra những chuyện phi pháp thì cũng giống như có ta trị vì vậy.,, Sau khi nghe xong, các vua nước nhỏ vâng lệnh và theo Đại vương tuần hành qua các nước đến tận bờ biển phía Đông, rồi tuần tự đi về phía Nam, phía Tây và phía Bắc. Hễ bánh xe báu đến đâu thì các vua nước nhỏ nơi đó đều hiến cống đất dai, giống như các vua nước nhỏ ở phương Đông đã làm vậy. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương theo bánh xe báu tuần hành khắp bốn biển, đem đạo khai hóa, vỗ về dân chúng, xong rồi mới trở về nước mình. Khi về đến cửa cung, bánh xe báu bằng vàng liền bay lên trụ giữa hư không. Thấy vậy, Chuyển Luân Thánh Vương phấn khởi nói: "Bánh xe báu bằng vàng này chính là điềm tốt của ta. Nay ta đích thực là Chuyển Luân Thánh Vương rồir Đó là sự thành tựu bánh xe báu băng vàng. Vua trị thế một thời gian rất lâu. Một hôm, bánh xe báu ở giữa hư không bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ. Lúc ấy, người quản xe vội vàng đến thưa với vua: "Tâu Đại vương! Ngài nên biết, nay bánh xe báu bỗng tự rời khỏi chỗ.,, Nghe vậy, vua nghĩ: “Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia bảo răng: 'Nêu bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương tư dời đi thì mạng sống vua ấy không còn bao lâu nữa/ Ta được hưởng phước lạc cõi người rồi, phải tìm cách thụ hưởng phước lạc cõi trời, nay nên nhường ngôi cho thái tử thống lãnh bốn châu thiên hạ, phong riêng một áp cho người thợ cạo đê họ giúp ta cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo." [0040Ồ03] Ngay sau đó, nhà vua liền gọi thái tử đến bảo: "Con biết không? Ta từng nghe các bậc Tôn túc xưa kia bảo răng: 'Nêu bánh xe báu của Chuyên

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH 615

Luân Thánh Vương tự dời đi thì thọ mạng vua ấy sắp hết.' Trước đây ta được hưởng phước lạc cõi người rồi, sau này muốn được thọ hưởng phước lạc cõi frời, bởi thê ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đáp ba pháp y, xuât gia tu đạo, vậy nay đem bốn châu thiên hạ giao lại cho con, hãy tự nỗ lực, thương yêu dân chứng." Sau khi thái tử vâng lệnh kế thừa, vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Nhà vua xuất gia được bảy ngày thì

bánh xe báu bỗng biến mất. Người quản xe liền đến trình với vua mới: "Tâu Đại vương! Ngài nên biết, nay bánh xe báu bỗng nhiên biến mất." Vua nghe vậy, vẫn không lấy làm lo lắng, cũng không đến hỏi ý kiến phụ vương mình. Trong khoảng thời gian đó, vị vua cha đột ngột băng hà. Tính từ đây về trước có cả thảy sáu vị Chuyển Luân Thánh Vương, họ lần lượt truyền ngôi cho nhau và đều dùng Chánh pháp tri dân, chỉ có ông vua thứ bảy này chuyên quyền tri nước, không theo pháp cũ, cai trị bất công, thiên hạ oán thán, đất nước suy tàn, dân chúng lầm than. Khi ấy, có một đại thần Bà-la- môn đên thưa với vua: "Tâu Đại vương! Ngài nên biêt, nay đát nước suy tàn, dân chúng lầm than, không được như trước. Trong nước vẫn có nhiều bậc trí thức, thông minh bác học, thông suốt cổ kim, biết rõ pháp tri nước của Tiên vương, sao ngài không thỉnh cầu để hỏi những điều họ biết, ắt họ sẽ trả lòd." Nghe vậy, vua liền triệu tập quần thần, rồi hỏi đạo trị quốc của Tiên vương. Thế là nhiều đại thần trí thức đã tấu trình lên vua đầy đủ những điều thiết yếu. Vua nghe theo, liền thi hành pháp cũ, dùng Chánh pháp hộ dân nhưng vẫn không cứu giúp người già đơn độc, không bố thí những kẻ bần cùng. Bởi thế, dân chúng trong nước ngày càng nghèo đói, dẫn đến tình trạng cướp giật lẫn nhau, nạn trộm cướp hoành hành khắp nơi. Mỗi khi có người rình ỉ e r bát được kẻ căp, dân đên tâu với vua: "Người này là kẻ trộm, xin Đại vương hãy trừng tri!^, Nhà vua liền hỏi: "Ngươi có đúng là kẻ trộm kh6ng?" Đáp: “Thua, đúng vậy! Vì tôi nghèo cùng đói khát, không thể sống nổi, nên mới trộm cướp." Thê là, nhà vua liên lây của cải trong kho ban cho người ây và dặn dò: "Ngươi hãy đem của cải này vê phụng dưỡng cha mẹ5 giúp đỡ thân quyên, từ nay về sau chớ trộm cướp nữra!" Người khác nghe đồn có kẻ trộm cướp lại được nhà vua ban cho của báu nên cũng lấy trộm tài vật người khác. Rồi họ bị bắt dẫn đến tâu vua: "Nguôi này là kẻ cắp, xin Đại vương hãy trừng trị!"

Nhà vua hỏi: “Nguôi đúng là kẻ trộm chăng?,, Đáp: "Thua, đúng vậy! Vì tôi nghèo cùng đói khát, không thể sống nổi, nên mới trộm cướp.” Nghe vậy, nhà vua liên xuât tiên của trong kho ban cho người ây và dặn dò: "Ngươi hãy đem tiền của này về phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ thân quyến, từ nay về sau chớ trộm cướp nữa!,^ [0040c06] Có người nghe đồn kẻ trộm cướp lại được nhà vua ban cho tiền của5 thế là họ cũng trộm lấy tài vật người khác. Rồi họ bị bắt dẫn đến tâu vua: "Người này là kẻ cắp, xin Đại vương hãy trừng trị!” Nhà vua hỏi: "Nguôi đúng là kẻ trộm chng?” Đáp: "Thua, đúng vậy! Vì tôi nghèo cùng đói khát, không thể sống nổi, nên mới trộm cướp.95 Lần này, nhà vua nghĩ: "Trước đây có kẻ trộm cướp, ta thấy họ nghèo đói nên mới cấp cho tiền của và dặn đừng làm vậy nữa nhưng người khác nghe thế lại bát chước trộm cướp, khiên nạn này ngày càng lan tràn, như thê là không được! Tốt hơn hết nay ta nên trói kẻ ấy lại, dẫn qua các ngả đường, sau đó đưa ra bãi đát trông ngoài thành hành hình đê răn đe người sau." Nghĩ thê roi, vua liên truyên lệnh cho người hâu cận bát trói kẻ kia lại, đánh trống xướng lệnh rồi dẫn qua các ngả đường, sau đó đem đến bãi đất trống ngoài thành roi hành hình. Bây giờ, người trong nước biêt kẻ trộm kia đã bi vua sai lính bắt trói, dẫn qua các ngả đường rồi hành hình nơi bãi đất trống, thể là họ truyền tai nhau: “Nếu chúng ta trộm cướp thì cũng sẽ bị như thế, không khác gì kẻ kia." Từ đây, dân chúng trong nước biết tự phòng hộ, đã chế tạo ra nào là gậy gộc, đao kiếm, cung tên,

rồi tàn hại lẫn nhau, cướp bóc lẫn nhau. 9 r y Kê từ thời vi vua này mới băt đâu có nạn nghèo đói, do nghèo đói mới có nạn trộm cướp, do trộm cướp mới có dao gậy, có dao gậy mới có giêt hại, có giêt hại nên khiến con người tướng mạo tiều tụy, mạng sống ngắn ngủi. Thời ấy, con người sống thọ tám mươi ngàn tuổi, về sau giảm dần còn hai mươi ngàn. Trong SÔ đó, có người sông lâu, có kẻ chét yêu, có người khô, có kẻ vui. Những người khổ lại sanh tâm tà dâm, tham lam, bày mưu tính kế chiếm đoạt tài vật kẻ khác. Thế nên, những nạn như nghèo đói, trộm cướp, binh dao, tàn sát xuất hiện càng ngày càng nhiều, khiến thọ mạng con người giảm dần, chỉ còn mười ngàn tuổi. Khi thọ mạng còn mười ngàn tuổi, con người vẫn trộm cướp lẫn nhau, rồi bị bắt dẫn đến tâu vua:

"Người này là kẻ trộm cướp, xin Đại vương hãy trừng trj!" Nhà vua hỏi: "C6 đúng là ngươi đã trộm cướp chng?" Kẻ ấy đáp: "Thua, tôi không làm th&!" Vậy là trong dân chúng đã có người cô ý nói dôi. Như vậy, chúng sanh vì nghèo cùng nên trộm cướp, vì trộm cướp nên có dao gậy; vì dao gậy nên có giết hại; vì giết hại nên có tham lam, tà dâm; vì tham lam, tà dâm nên nói dối; vì nói dối nên tuổi thọ giảm dần, chỉ còn một ngàn tuổi. Trong khoảng thời gian con người thọ một ngàn tuôi đó, ba hạnh xâu ác của miệng bắt đàu xuất hiện ở thế gian: Một là nói hai chiều, hai là nói thô ác và ba là nói thêu dệt. Ba nghiệp ác này càng tăng thì thọ mạng con người càng giảm, chỉ còn năm trăm tuổi. Khi thọ mạng còn năm trăm tuổi, con người lại khởi ba hạnh xấu ác: Một là dâm dục phi pháp, hai là tham lam phi pháp và ba là tà kiến. Ba ác nghiệp đó càng tăng thêm thì tuôi thọ con người càng giảm xuông, chỉ còn ba trăm tuôi, hai trăm tuổi, đến nay con người chỉ thọ khoảng một trăm tuổi, hoặc hơn kém số này. [0041 ai l] Cứ như thế, do con người không ngừng làm ác nên tuổi thọ của họ không ngừng giảm xuồng, giảm cho đên chỉ còn mười tuôi. Khi thọ mạng chỉ còn mười tuổi, người nữ mới năm tháng tuổi đã lấy chồng. Thời bấy giờ, trong thế gian, những thức ăn mùi vị ngon ngọt như bơ sữa, đường phèn, đường mía đen không còn nghe tên; đậu mè, lúa nếp biến thành cỏ lác; các loại vải quý như lụa là gam vóc, lụa bông kiếp-bối8 đều biến mất; họ phải dệt lông, bện gai thô xấu làm áo mặc. Lại nữa, đất đai mọc đầy những cây gai góc; muỗi mòng, ruồi nhặng, rận rệp, rắn rết, bọ cạp, độc trùng nhung nhúc; , \ L • N r vàng bạc, lưu ly, châu ngọc, của báu thảy đêu ân sâu vào lòng đát; mặt đát chỉ toàn cát đá, sỏi sạn mà thôi. Bấy giờ, chúng sanh tuyệt nhiên không còn nghe đến tên mười nghiệp lành, chỉ có mười nghiệp ác đầy dẫy thế gian. Tên pháp lành khi ấy còn không có thì người ta lấy gì mà tu hạnh lành? Khi đó? chúng sanh nào có thể làm điều cực ác, bát hiên cha mẹ, bát kính Sư trưởng, bát trung bát nghĩa, phản nghịch vô đạo thì được tôn sùng; cũng như hiện nay người ta tôn kính những người có thể làm lành lánh dữ, hiếu thảo cha mẹ, cung kính Sư trưởng, trung tín nhân nghĩa, theo đạo tu hành vậy. Chúng sanh bấy giờ phần đông tạo mười nghiệp ác, đọa vào đường ác rất nhiều. Hễ họ thấy nhau là muốn giết nhau, giống như thợ săn trông thấy bầy nai. Cõi đất đầy ngập hầm hố, khe suối, hang hốc; đất rộng người thưa, đi lại nguy hiểm.

8 Kiếp-bối kappāsā cũng gọi là kiếp-ba-dục ,cây bông vải, một loại cây mà quả có thể dệt thành vai thượng phẩm.

618 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, nạn đao binh lại nổi lên, ngay cả cọng cỏ, nhánh cây cầm trên tay cũng biến thành gươm đao, rồi họ giết hại lẫn nhau trong vòng bảy ngày. Khi đó, những kẻ có trí lánh vào rừng sâu, trốn trong hang núi. Trong bảy ngày chạy trốn d6, lòng họ vô cùng sợ hãi, rồi bỗng nhiên phát ra lời lành: "Ta không hại người, người không hại ta." Họ ăn cỏ cây để duy trì mạng sống, trải qua bảy ngày thì rời khỏi hang núi. Những người sống sót này, vừa nhìn thấy nhau họ đã mừng rỡ thốt lên: "Anh chưa chết ư? Chị còn sống u?" Họ sung sướng vô cùng, mừng vui như thể cha mẹ gặp lại đứa con duy nhất lâu ngày xa cách. Sau khi hỏi han, chúc mừng nhau vì vẫn còn sống sót, họ đi tìm lại gia đình mình. Hay tin bà con quyến thuộc đã chết hết, họ kêu gào than khóc suốt cả bảy ngày. Qua bảy ngày đó, họ tiếp tục chúc phúc, vui vẻ với nhau, rồi tự nghĩ: “Vi chúng ta tích chứa nghiệp ác quá nhiêu nên gặp nạn này, thân tộc chét chóc, gia quyên lìa tan. Vậy nay chúng ta cùng tu chút ít điêu thiện nhưng nên tu điêu thiện gì? Hãy dừng sát sanh!" [0041bll] Thế là, chung sanh khởi phát lòng từ, không giết hại nhau, nhờ đó sắc diện khá lên, tuổi thọ tăng dần, từ mười tuổi tăng lên hai mươi. Khi thọ mạng được hai mươi tuổi, con người lại tự nghĩ: "Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện, không giết hại nhau nên thọ mạng tăng lên hai mươi tuổi, vậy nay nên tu thêm nữa. Nên tu điều gì? Đã dừng sát sanh rồi, nay đừng trộm cirớp.” Khi chúng sanh không trộm cướp, thọ mạng họ tăng lên bốn mươi tuổi. Khi thọ mạng được bốn mươi, con người lại nghĩ: "Chúng ta do tu chút ít điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay nến tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên bỏ tà dam/5 Thế là, mọi người đều không tà dâm nên thọ mạng tăng lên tám mươi tuổi. Khi thọ mạng được tám mươi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu chút ít điêu thiện mà tuổi thọ tăng thêm. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điêu gì đây? Nên bỏ nói d6i.” Lúc đó, con người đều không nói dối nên thọ mạng tăng lên một trăm sáu mươi tuổi. Khi sống thọ một trăm sáu mươi tuổi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện mà tuổi thọ tăng thêm. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên bỏ nói hai chiều." Thế rồi, mọi người đều không nói hai chiều nên tuổi thọ của họ tăng lên ba trăm hai mươi tuổi. Khi thọ mạng được ba trăm hai mươi tuổi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện mà tuổi thọ tăng thêm. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên bỏ nói lời thô 9c." Vậy là, mọi người đều không nói lời thô ác nên thọ mạng tăng lên sáu trăm bôn mươi tuôi. Khi sông đên sáu trăm bôn mươi tuôi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay nen tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên bỏ nói thêu det" Thế là, mọi người đều không nói thêu dệt nên thọ mạng tăng lên hai ngàn tuổi. Khi sống đến hai ngàn tuổi, con người lại nghĩ: “Chiing ta do tu điều thiện mà tuổi thọ gia tăng, vậy nay nên tu thêm nữa nhtrng tu điêu thiện gi? Không nên bon xOn." Thế là9 mọi người đều không bon xẻn mà thực hành bố thí nên thọ mạng tăng lên năm

6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG Tư HÀNH 619

ngàn tuổi. Khi sống đến năm ngàn tuổi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu điều thiện mà tuổi thọ tăng thêm. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên bỏ ganh ghét, từ tâm tu thiện.,, Từ đó, mọi người đều không ganh ghét, từ tâm tu thiện nên thọ mạng tăng lên mười ngàn tuổi. [0041C10] Khi thọ mạng được mười ngàn tuổi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên tu chánh kiến, không khởi điên đảo.y Thế là, mọi người luôn luôn thực hành chánh kiến, không khởi điên đảo, tuổi thọ tăng lên hai mươi ngàn tuổi. Khi sống đến hai mươi ngàn tuổi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điều thiện gì đây? Nên diệt ba pháp bất thiện: Một là hành dâm phi pháp, hai là tham lam phi pháp và ba là tà kien.^ Từ đó, mọi người đều diệt ba pháp bất thiện nên thọ mạng họ tăng lên bốn vạn tuổi. Khi sống đến bốn vạn tuổi, con người lại nghĩ: "Chúng ta nhờ tu điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay nên tu thêm nữa nhưng tu điều gì đây? Nên hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sư trưởng.^, Thế là mọi người đều hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sư trưởng, khiến thọ mạng tăng lên tám vạn tuổi. Khi thọ mạng loài người tám vạn tuổi, con gái năm trăm tuổi mới lấy chồng. Con người thời đó có chín thứ bệnh, đó là: Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, _hamD _ ăn và già nua. Cõi _đát lúc _ ây
băngỉ phăng, r không có khe ~_1_ Ạ__ Ạ 5 _ Ạ _ _ / _ _ pL_ _____ Ố • ___ \ _Ạ J J. J A
rãnh, ham ho, go nong, gai góc; cung không co muôi mong, răn rét, độc trung; cát đá, sạn sỏi đều biến thành lưu ly; đời sống dân chúng sung túc, ngũ cốc dồi dào, hạnh phúc vô cùng. Lúc ấy, còn có tám mươi ngàn thành lớn được dựng lên, thôn xóm san sát, nghe rõ tiếng gà gáy. Này các Tỳ-kheo! Vào thời ấy sẽ có Phật thị hiện ở đời hiệu là Di-lặc910 Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đay đủ mười hiệu cũng như Ta ngày nay đầy đủ mười hiệu. Đức Phật ấy ở giữa chúng chư thiên, Bế-thích, Phạm thiên, Ma vương, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và loài người mà tự mình tu chứng; cũng như Ta ngày nay đã tự mình tu chứng giữa những chúng ấy. Đức Phật Di-lặc sẽ thuyêt pháp, phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu chân chánh, đây đủ cả nghĩa và văn, tinh tu Phạm hạnh; cũng như Ta ngày nay thuyêt pháp, phân đâu, phân giữa và phần cuối đều chân chánh, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tinh. Đức Phật Di-lặc có vô số ngàn vạn đệ tử, cũng như Ta ngày nay có vài trăm đệ tử. Dân chúng lúc ấy gọi đệ tử Phật là Từ tử, cũng như người thời nay gọi đệ tử Ta là Thích tử. [0042a09] Thời ấy, có vua tên Nhương-già1^ dòng Sát-lợi, đã được quán đảnh, làm Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị bốn châu thiên hạ, dùng Chánh pháp trị dân, hết thảy đều kính phục. Vua có đủ bảy báu: Một là bánh xe báu

9 Di*c ,Metteyya. 10 Nhương-già Sarhkha.

băng vàng, hai là voi báu trăng, ba là ngựa tía báu, bôn là thân châu báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là cư sĩ báu và bảy là chủ binh báu. Vua còn có ngàn người con oai phong mạnh mẽ, đủ sức dẹp giặc, bốn phương quy thuận, không động đao binh, tự nhiên thái bình. Có lần, Thánh Vương thiết lập Pháp tràng11 cực lớn với chu vi mười sáu tâm, cao một ngàn tâm, được trang hoàng bởi một ngàn loại màu sác phôi hợp hài hòa. Bảo

tràng có một trăm dải phướn, mỗi dải gồm một trăm tua được dệt bằng sợi báu, đan xen các loại châu ngọc. Một thời gian sau, vua cho hạ bảo tràng xuống, roi thiêt lê cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn và cáp phát cho người nghèo trong nước. Sau đó, nhà vua cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, hành hạnh Vô thượng, ngay trong hiện đời mà tự thân tác chứng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thay phải siêng tu hạnh lành, nhờ tu hạnh lành mà thọ mạng lâu dài, sắc diện thêm tươi vui, an ổn hân hoan, của báu dồi dào, oai lực đầy đủ. Giống như các Vua Chuyển Luân tuân theo pháp cũ của Tiên vương nên tuổi thọ được gia tăng, dung sắc thêm tươi vui, an ổn hân hoan, của báu dồi dào, oai lực đầy đủ; các Tỳ-kheo cũng như thế, hãy tu pháp lành để tuổi thọ gia tăng, sắc diện thêm tươi, an ổn hân hoan, của báu dồi dào, oai lực đầy đủ. Tỳ-kheo thọ mạng lâu dài là như thế nào? Tỳ-kheo siêng năng, tinh cần tu tập dục đinh để thành tựu đoạn hành nghiệp và chứng đạt thần túc.11 12 Tiếp đến tu tinh tấn định,13 tu tâm định14 và Tỳ-kheo siêng năng, tinh cần tu tập tư duy đinh đe thành tựu đoạn hành nghiệp và chứng đạt than túc.15 Thế nào là Tỵ-kheo sắc diện tươi vui? Đó là Tỳ-kheo giới luật đầy đủ, thành tựu oai nghi, thấy có lỗi nhỏ đã rất lo sợ, học đủ các giới, không đe thiếu sót, nhờ đó Tỳ-kheo có sắc diện tươi vui.

11 Nguyên tác: Bảo tràng còn gọi “ph"ng”l loại cờ phướn thường được trang nghiêm bằng nhiều châu bau, dùng để cung dường chư Phật, Bồ-tát. 12 Nguyên tác: Dục định tinh cần bất giải diệt hành thành tựu dĩ tu thần túc chandasamādhippadhānasañkhārasamannāgatani iddhipādarri. Dục định còn gọi Dục tam-mađịa đoạn hành thành tựu thần túc ,Dục tam-madia thang hanh thành tựu ứiần túc ,Dục định diệt hành thành tựu tu tập thần túc ,Dục thần túc ,Dục như ý túc .s. v. 268 định nghĩa: 44Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo nương tựa dục được định, được nhứt tâm, đây gọi là dục định,, HT. Thích Minh Châu dịch. 13 Tinh tấn định .s. v. 268 định nghĩa: "Nếu Tỷ-kheo nương tựa tinh tấn, này các Tỷ-kheo, được định, được nhát tâm, đây gọi là tinh tân định,, HT. Thích Minh Châu dịch. 14 Nguyên tác: Ý định .s. v. 268 định nghĩa: “Nếu Tỷ-kheo nương tựa tâm, này các Tỷ-kheo, được định, được nhất tâm, đây gọi là tâm định,, HT. Thích Minh Châu dịch. 15 Nguyên tác: Tư duy định tinh cần bất giải diệt hành thành tựu dĩ tu thần túc yīmarnsāsamādhippadhānasañkhārasamannāgatarn iddhipādani. Tư duy djnh, S. V. 268 định nghĩa: 4tNêu Tỷ-kheo nương tựa tư duy, này các Tỷ-kheo, được định, được nhất tâm, đay gọi là tư duy HT. Thích Minh Châu dịch.

Thế nào là Tỳ-kheo sống trong an ổn hân hoan? Đó là Tỳ"kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Tiêp theo, Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán. Tiếp theo, Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba, điêu mà bậc Thánh gọi là lạc tru trong xả và có

chánh niệm. Tiếp theo, Tỳ-kheo khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không kho không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Đó là Tỳ-kheo sông trong an ôn hân hoan vậy. [0042bl0] Thế nào là Tỳ-kheo có của báu dồi dào? Nghĩa là Tỳ-kheo tu tập tâm từ, ban đầu rải khắp một phương, rồi đến các phương khác cũng vậy, bao trùm kháp cả, bình đăng vô lượng, trừ bỏ oán hận, tâm không ganh ghét, nhu hòa tĩnh lặng, an lạc tự tại. Tu tập tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng lại như thế. Đó là Tỳ-kheo có của báu dồi dào. Thế nào là Tỳ-kheo oai lực đầy đủ? Là Tỳ-kheo hiểu biết một cách như thật về khổ Thánh dế, tập Thánh dế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Đó là Tỳ-kheo đay đủ oai lực. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta quan sát khắp cả những kẻ có oai lực, thấy rằng không ai thắng được sức ma nhưng khi hàng Tỳ-kheo dứt hết lậu hoặc thì hàng phục được chúng ma. Bấy giờ9 các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.16

16 Bản Hán, hết quyển 6.

7. KINH TỆ-TÚC • 1 Bấy giờ, đồng nữ Ca-diếp1 2 cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo từ nước Câu-tát- la34đi dần đến thôn Bà-la-môn Tư-ba-hê/ rồi dừng nghỉ nơi rừng Thi-xá-bà5 phía Bắc thôn Tư-ba-hê. Lúc đó, có Bà-la-môn tên Tệ-túc6 đang sống tại thôn Tư-ba-hê. Thôn này dân cư đông đúc, cây coi sum suê, giàu có an vui, do Vua Ba-tư-nặc7 ban riêng để ông lo phần cúng tế Phạm thiên. Bà-la-môn Tệ-túc là người theo kiến chấp ngoại đạo, ông ta dạy mọi người: "Không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện Wc!" [0042c03] Nghe tin đồng nữ Ca-diếp cùng năm trăm vị Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la đi dần đến rừng Thi-xá-bà, người trong thôn Tư-ba-hê bàn tán với nhau: này có danh tiếng lớn, đã chứng quả A-la-hán, là bậc Trưởng thượng, tôn túc kỳ cựu, đa văn quảng bác, thông minh trí tuệ, có tài biện luận đối đáp tùy theo từng trường hợp. Nêu chúng ta được gặp ngài thì tót lăm!99 Vì thê, người trong thôn lần lượt đến chỗ Ca-diếp. r y r Bây giờ, Tệ-túc đang ở trên lâu cao nên trông thây từng đoàn người trong thôn lũ lượt kéo di, ông không biết họ đi đâu, mới hỏi người hầu đang cầm lọng: -Những người kia đi đâu mà kéo nhau thành từng đoàn như thế? Người hầu đáp: -Tôi nghe đồng nữ Ca-diếp dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo đi hóa đạo từ nước Câu-tát-la roi đên nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lại nghe: "Ngài là vi có danh tiêng

Nguyên tác: Tệ-tủc kỉnh roi. 0001.7. 0042Ồ24. Tham chiếu: Đại chảnh củ vương kỉnh 1 roi. 0045. 083la06; Ty-tứkỉnh TOI. 0026.71. 0525alÒ; D. 23,PāyāsiSutta Kinh Tệ-íúc. 2 Đồng nữ Ca-diếp .D. 23, Pāyāsi Sutta Kỉnh Tệ-túc: Kumāra Kassapa đồng tử Ca-diếp. Có khả năng bản Hán nghe hoặc ghi nhầm Kumāra thành âm Kumārī . 3 Câu-tát-la ,Kosala, quốc gia nằm ở Tây Bắc Magadha, tiếp giáp với Kãsi, có thủ đô là Xá-vệ Sāvatthi. Theo Sn. 72, trong thời đúc Phật, Kosala là một quốc gia himg mạnh, ngay như bộ tộc Sakyā cũng như kinh thành Kapilavatthu đều nam trong sự ảnh hưởng của vương triều Kosala. về phương diệọ hoằng pháp, ngoài tinh xá Kỳ Viên Jetavana, Kosala còn hội tụ những Thánh địa nổi tiêng với nhiều di chỉ vẫn còn tồn tại đến ngày nay. 4 Tư-ba-hê Setavya, một thị trấn thuộc nước Câu-tát-la Kosala, gần với thị trấn Ưkkatthâ. 5 Thi-xá-bà ,Simsapā. 6 Tệ-túc ,Pāyāsi. 7 Ba-tư-nặc

Pasenadi. Xem chú thích l o, kinh số 5, tr. 604.

lớn, đã chứng quả A-la-hán, là bậc Trưởng thượng, tôn túc kỳ cựu, đa văn quảng bác, thông minh trí tuệ, có tài biện luận đoi đáp tùy theo từng trường hợp"cho nên những người này kéo nhau từng đoàn đến gặp đồng nữ Ca-diếp. Tệ-túc liền sai người hầu: Ngươi hãy mau tới bảo họ dừng lại để ta cùng đi đến gặp đồng nữ Ca- diếp. Vì sao như vậy? Vì vị này có ý mê hoặc người đời, lừa dối thế gian nên mới nói có thế giới khác, có tái sanh, có quả báo thiện ác nhưng kỳ thực không có thế giới khác, không có tái sanh và cũng không có quả báo thiện ác. Người hầu vâng lời, đến nói với đoàn người thôn Tư-ba-hê: Bà-la-môn Tệ-túc bảo các người hãy dừng lại, đợi ngài cùng đi đến gặp Ca-diếp! Những người thôn Tư-ba-hê đáp: - Hay lắm, hay lắm! Nếu muốn đi thì hãy đến đây rồi cùng đi. Người hầu liền trở lại thưa: Họ đã dừng lại, nếu ngài muốn đi thì cùng đi! Vị Bà-la-môn liên xuông lâu, sai người hâu săp xép xe cộ, cùng với người thôn đó, tuân tự trước sau cùng nhau đên rừng Thi-xá-bà. Đên nơi, họ xuồng xe roi đi bộ đên chô Ca-diêp9 chào hỏi xong thì ngôi sang một bên. Những người cư sĩ và Bà-la-môn trong thôn đó, có người lễ bái Ca-diếp rồi ngồi, có người thăm hỏi roi ngôi, có người tự thưa tên họ roi ngôi, có người vòng tay roi ngôi, có người chỉ yên lặng ngồi xuống. Bấy giờ, Bà-la-môn Tệ-túc nói với đồng nữ Ca-diếp: Nay tôi có điều muốn hỏi, không biết ngài có thời gian để lắng nghe không? Ca-diếp đáp: Tùy theo chỗ ông hỏi, phải nghe rồi mới biết! [0043aOl] Bà-la-môn Tệ-túc nói: Theo chủ trương hiện nay của tôi thì không có thế giới khác, không có tái sanh và cũng không có quả báo thiện ác, còn chủ thuyêt của ngài thì như thế nào? Ca-diếp đáp: Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp! Hiện nay mặt trời, mặt trăng ở trên kia là thuộc về thế giới này hay thế giới khác? Thuộc về trời hay về người? Tệ-túc đáp: Mặt trời, mặt trăng là thuộc về thế giới khác chứ không phải thuộc về thế giới này. Thuộc vê trời chứ không phải thuộc vê người. Ca-diếp nói: Do đó có thể biết là có thế giới khác, có tái sanh và có quả báo thiện ác.

r-f-i A , _ • Tệ-túc noi: Tuy ngài nói có thế giới khác, có tái sanh và có quả báo thiện ác nhưng theo ý tôi thì không có. Ca-diếp hỏi: -Ông dựa vào đâu để biết không có thế giới khác, không có tái sanh và cũng không có quả báo thiện ác? Bà-la-môn đáp: -Thưa, có nhân duyên! Ca-diếp hỏi: Do nhân duyên gì mà ông cho rằng không có thế giới khác? Bà-la-môn đáp: Thưa ngài Ca-diêp! Tôi có người bà con quen biêt đang lâm bệnh hiêm nghèo, tôi đến nói với anh ta: "Các Sa-môn9 Bà-la-môn đều ôm giữ những kiến chấp khác, cho rằng: 'Những người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói hai chiều, nói lời thô ác, nói dối, nói thêu dệt, bon xẻn, ganh ghét và tà kiến thì sau khi mạng chung đều đọa vào địa ngục' nhưng tôi vốn không tin. Vì sao như vậy? Vì tôi chưa từng thấy người nào đã mạng chung rồi trở lại nói cho biết nơi họ bi đọa vào. Nếu có người trở lại nói cho biết nơi họ bị đọa vào thì nhất định tôi sẽ tin. Nay anh là bà con với tôi, chẳng may đã tạo đủ mười điều ác. Nêu như lời Sa-môn nói thì sau khi qua đời, anh sẽ bị đọa vào trong địa ngục lớn. Giờ đây, tôi chỉ còn tin theo anh để xác định là có địa ngục hay không. Vì vậy, anh nên trò lại nói cho tôi biết thì tôi mới tin!,, Thế nhưng, thưa ngài

Ca-diếp! Từ khi anh ta lâm chung đến nay, đã biệt tăm hơi không thấy trở lại. Anh ta là người thân của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại? Do đó, tôi biết chắc không có thế giới khác. Ca-diếp đáp: Những người có trí nhờ ví dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ để Ông được hiểu. Ví như có tên giặc cướp, thường ôm lòng gian trá, vi phạm phép cấm của nhà vua, bị người ta rình bắt được đem đến chỗ vua ngự và tâu: "Người này là tên trộm, xin Đại vương hãy trị toi!" Vua liền sai kẻ hầu cận trói người đó, đem bêu xấu ngoài đường, rồi dẫn ra ngoài thành giao cho đao phủ. Kẻ hầu cận được lệnh liền bắt trói kẻ trộm giao cho đao phủ. Thế rồi, tên ượm tha thiết khẩn cầu người giữ tù rằng: “Xin ông hãy thả cho tôi về thăm bà con, xóm làng để nói vài lời từ biệt, rồi tôi sẽ ưở lại!” Thế nào, này Bà-la-môn! Người giữ tù kia có chịu thả không? Bà-la-môn đáp: Thưa không! [0043b01] Ca-diếp nói tiếp: r Họ cùng là loài người, cùng sông ở đời này mà còn không thả, huông gì người thân của ông đã làm đủ mười điều ác, sau khi mạng chung bị đọa vào

địa ngục, quỷ ngục không có từ tâm, lại không phải là loài người, thế giới sống chết khác nhau, cho dù người kia dùng lời tha thiết cầu xin quỷ ngục: "Xin ngài tạm thả cho tôi trở lại thế gian gặp bà con để nói lời từ biệt, sau đó sẽ trở l@i!” thì có được thả không? Bà-la-môn đáp: -Không thể! Cứ so sánh như thê thì đủ biêt. Vậy tại sao ông còn chập chặt sự mê lâm, sinh điều tà kiến như thế? Bà-la-môn đáp: Tuy ngài đã dẫn dụ đủ điều để chứng minh rằng có thế giới khác nhưng tôi vẫn cho là không có. Ca-diếp lại hỏi: Ong còn có lý do gì khác đê biêt răng không có thê giới khác? Bà-la-môn đáp: Tôi có lý do khác để tin rằng không có thế giới khác. Ca-diếp hỏi: - Lý do gì? Đáp: Thưa ngài Ca-diếp! Tôi có một người bà con lâm bệnh rất nặng, tôi đến nói với người ấy: “Các Sa-môn5 Bà-la-môn đều ôm giữ những kiến chấp khác, cho rằng có thế giới khác, nói rang người nào không sát sanh, không frộm cướp, không tà dâm, không lừa doi, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì sau khi mạng chung đêu được sanh vê cõi trời nhimg tôi vôn không tin. Vì sao như vậy? Vì tôi chưa từng thấy người nào đã mạng chung rồi trở lại cho tôi biết nơi họ tái sanh. Nếu có người đến nói về nơi họ tái sanh thì tôi tin ngay. Hôm nay, anh là bà con của tôi, lại tạo đủ mười điều thiện, nếu quả đúng như lời các Sa-môn nói thì sau khi mạng chung, anh sẽ được sanh về cõi trời. Giờ đây, tôi chỉ còn tin theo anh để xác định. Nếu xét thấy thật có quả báo cõi trời thì anh phải nhớ trở lại báo cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin.,, Thế nhimg, thưa ngài Ca-diếp! Từ khi anh ấy mạng chung đến nay đã không hề trở lại. Anh ta là bà con của tôi, không lẽ lại dối tôi, hứa rồi không trở lại nên tôi biết chắc không có thế giới khác! Ca-diếp nói tiếp: -Những người có trí nhờ ví dụ mà hiêu. Nay ta sẽ nói một ví dụ khác cho Ông hiêu. Ví như có người rơi xuống hâm xí, cả đâu lân thân đêu chìm ngập, nay được vua cho người hầu cận vớt lên, lấy tro xoa thân ba lần và lấy nước tẩy rửa,8 nước tro sạch rửa từ từ, sau đó lấy nước thơm tắm gội thân thể, rồi lấy bột

8 Nguyên tác: Tháo đậu ,một vật phẩm dùng để tẩy rửa thời cổ đại.

hương xoa trên thân và bảo thợ hớt tóc cạo bỏ râu tóc cho người ấy. Nhà vua lại bảo những người hầu cận tắm gội ba lần như thế, lấy nước thơm rửa, lấy bột hương xoa mình, lấy y phục tốt đẹp trang nghiêm cho người ấy mặc, lại cho ăn thức ăn trăm vị ngon ngọt rồi đưa người ấy đến ở một ngôi nhà cao, cho hưởng năm thứ dục lạc thì người ấy có muốn rơi vào hầm xí nữa không? Tệ-túc đáp: -Không muốn! Vì đó là chỗ hôi dơ, còn muốn trở lại làm gì? [0043c01] Ca-diếp nói tiếp: Chư thiên cũng the, họ cho cõi Diêm-phù này là nơi tanh hôi bất tịnh. Chư thiên ở trên cách xa hàng trăm do-tuần mà còn ngửi thấy mùi hôi của nhân gian xông lên thối hơn cả hầm xí. Này Bà-la-môn! Bà con quen biết của ông đã tạo đủ mười điều thiện, dĩ nhiên được sanh lên cõi trời, hưởng thọ năm thứ dục khoái lạc không cùng thì liệu họ có chịu trở lại cõi hầm xí Diêm-phù này không? Đáp: Thưa không! Ca-diếp lại bảo: -Cứ so sánh như thế thì đủ biết. Vậy tại sao ông còn giữ chặt sự mê lầm, sanh điều tà kiến như thế? Bà-la-môn nói: Tuy ngài đã dẫn dụ để chứng minh có thế giới khác nhưng tôi vốn cho là không có. Ca-diếp hỏi: Ông còn lý do gì khác để biết không có thế giới khác? Bà-la-môn đáp: Tôi có lý do khác để biết không có thế giới khác. Ca-diếp hỏi: Lý do gì để biết? Tệ-túc thưa: Thưa ngai Ca-diếp! Tôi có một người bà con lâm bệnh trầm trọng, tôi đến nói với người ấy: "Các Sa-môn, Bà-la-môn đều ôm giữ những kiến chấp khác nhau, như cho rằng có đời sau, nói rằng người nào không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu thì sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời Đao-lợi nhimg tôi cũng không tin. Vì sao như vậy? Vì tôi chưa từng thấy ai mạng chung rồi trở lại nói cho biết nơi họ tái sanh. Nếu như có ai trở lại nói cho biết nơi họ tái sanh thì chắc chắn tôi tin ngay. Nay anh là bà con với tôi, giữ trọn năm giới, nên sau khi thân hoại mạng chung chắc sẽ được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Giờ đây, tôi chỉ còn tin theo anh để quyết định có đời sau hay không. Nếu xét thấy có phước báu cõi trời thì anh hãy trở lại báo

cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin!,, Thế nhưng, thưa ngài Ca-diếp! Từ khi người ấy mạng chung cho đen nay không he trở lại. Anh ta là bà con với tôi, không lẽ nói dối, hứa rồi không trở lại. Thế nên tôi biết chắc không có thế giới khác. Ca-diếp nói: ở cõi này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Cõi Đao-lợi cũng lay ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm và chư thiên ở cõi áy sông lâu một ngàn năm như thê. Vậy Tệ-túc nghĩ sao, khi bà con của ông giữ đủ năm giới, sau khi mạng chung chắc chắn được sanh lên cõi trời Đao-lợi nên họ nghĩ rằng: "Ta mới sanh lên cõi này, vậy ta hãy vui thú trong vài ba ngày rồi sau đó ta sẽ trở lại báo tin cho bà con hay cũng không muGn." Như vậy, liệu ông có còn gặp được bà con của ông không? Đáp: Không the! Vì khi ấy tôi đã chết từ lâu rồi, làm sao mà gặp được? Bà-la-môn nói tiếp: Nhưng tôi cũng không tin. Ai đã nói với ngài là cõi trời Đao-lợi sống lâu như thế? Ca-diếp đáp: -Những người có trí nhờ ví dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ cho ông. Ví như có người khi mới sanh ra đã bị mù nên không biết về năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen và sự thô, tế, dài, ngắn; đồng thời cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, các vì sao, rnúi non, gò, r khe, hang hóc. Nêu có người hỏi vê các màu xanh, vàng, đỏ. trăng như thê nào thì người mù đáp: "Không có năm màu như thế",... cho đến sự thô, tế, dài, ngắn,

mặt trời, mặt trăng, các vì sao, núi non, gò, khe, hang hốc, người mù đều nói không có. Bà-la-môn nghĩ sao, người mù ấy trả lời như thế có đúng không? [0044a05] Đáp rằng: Không đúng. Vì sao như vậy? Vì the gian hiện có năm màu xanh, vàng, đỏ, trăng và có sự phân biệt thô, tê, dài, ngăn, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, núi non, gò, khe, hang hốc mà người kia lại cho là không. -Này Bà-la-môn, ông cũng như thế, sự sống lâu của cõi trời Đao-lợi là có thật, chẳng phải không thật, chỉ vì ông không thấy nên cho là không có! Bà-la-môn nói: —Tuy ngài bảo có nhưng tôi vẫn không tin. Ca-diếp hỏi: -Thế ông còn có duyên cớ gì mà biết là không có? Này Ca-diếp, như ở trong thôn do vua phong cho tôi, có kẻ trộm cướp bi người rình bắt được liền dẫn đến chỗ tôi và nói: "Người này là kẻ trộm, xin ngài hãy trị tội n6!" Tôi bảo: “Hãy trói hắn lại và bỏ vào trong một cái vạc,

đậy nap, trét kín băng một lớp bùn dày, không đê cho bát cứ thứ gì thoát ra ngoài rồi nổi lửa đốt hắn." Lúc ấy, vì tôi muốn tìm kiếm chỗ thần thức9 thoát ra nên tôi bảo những người hau đi xung quanh cái vạc và nhìn kỹ nhưng không hề thấy chỗ thần thức kẻ đó thoát ra. Sau đó5 tôi lại mở cái vạc ra để nhìn thì cũng không thấy chỗ thần thức qua lại. Vì lý do đó nên tôi biết chắc không có thế giới khác. Ca-diếp nói: Nay ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp! Này Bà-la-môn! Khi ngủ ở trên lâu cao, ông đã từng nằm mộng và có thấy núi rừng, sông ngòi, vườn nhà, ao tắm, thành ấp, đường sá không? Đáp: -Có mộng thấy! Lại hỏi: Này Bà-la-môn, lúc ông đang nằm mộng thì bà con trong nhà có ở chung quanh ông không? Đáp: —Thưa có! Lại hỏi: Bà-la-môn, bà con của ông lúc đó có thấy thần thức của ông đi ra đi vào không? Đáp: -Không thấy! Ca-diếp nói tiếp: Ông còn sống mà thần thức ra vào còn không thể thấy, huống hồ là người đã chét. Hơn nữa, ông không thê lây việc trước măt mà xét đên việc chúng sanh. Này Bà-la-môn, có vị Tỳ-kheo từ đầu đêm đến cuối đêm đều không ngủ, chỉ lo siêng năng tu tập đạo phàm, không lười biêng, dùng sức tam-muội mà tu luyện thiên nhãn, nhờ sức thiên nhãn nên quán thấy chúng sanh chết nơi này sanh nơi kia, chết nơi kia sanh về nơi này, tuổi thọ dài ngắn, hình dung tốt xấu, tùy theo nghiệp mà thọ quả báo, theo đó mà biêt con đường thiện hay ác. Ong không thê dùng con mat thịt nhơ uê này đê thây hét chô thọ sanh của chúng sanh, nên đã cho rằng không có thế giới khác. Này Bà-la-môn! Do đó có thể biết chắc là có thế giới khác. [0044b02] Bà-la-môn nói: Tuy ngài đã dẫn dụ để chứng minh có thế giới khác nhưng theo tôi thấy thì vẫn không có.

9 Nguyên tác: Tinh thn .Đoạn dưới ghi Thức thần ,cách gọi khác của thần thức.

Ca-diếp nói: -Vậy ông còn lý do gì khác để cho là không có thế giới khác? Bà-la-môn đáp: Thưa, có! Ca-diếp hỏi: Vì lý do gì mà biết? Bà-la-môn đáp: - Nguyên do là ở trong thôn do vua phong cho tôi có kẻ trộm cắp, bi người rình bắt được liền dẫn đến chỗ tôi và nói: "Người này là tên trộm, xin ngài hãy tri toi!” Tôi liền bảo người hầu cận

ưới lại rồi lột da sống để tìm thần thức nhưng đêu không thây. Tôi lại sai người hâu xẻo thịt ra từng mảnh đê tìm thân thức rồi cũng lại không thấy. Tôi lại sai người hầu chặt gân, mạch, xương để tìm thần thức rồi cũng lại không thấy. Tôi lại sai người hầu đập xương chảy tủy để tìm thần thức trong tủy nhirng vẫn không thấy. Này Ca-diếp! Vì duyên cớ đó nên tôi biết chắc là không có thế giới khác. Ca-diếp nói: Những người có trí nhờ ví dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho ông. về một kiếp xa xưa trong quá khứ, có một quốc gia điêu tàn hoang phế, chưa thể phục hôi, lúc đó có đoàn buôn đi trên năm trăm cô xe đên quốc gia này, bông gặp một Phạm chí tu đạo thờ lửa thường ở trong một khu rừng. Khi đó những người buôn trên đều xin ngủ trọ, rồi sáng sớm hôm sau từ giã lên đường. Thế rồi, vi Phạm chí thờ lửa thầm nghĩ: "Ta hãy đến chỗ đoàn thương buôn ngủ trọ đêm qua, xem thử họ còn bỏ sót thứ gì kh6ng?" Nghĩ vậy xong, ông ta liền đến chỗ những người lái buôn nghỉ trọ nhưng không thấy gì cả, ngoại trừ có một đứa bé mới một tuôi đang ngôi khóc một mình. Phạm chí thâm nghĩ: "Ta không nỡ nhẫn tâm thấy đứa bé này chết trước mặt? Ta nên đem đứa bé về nuôi dưỡng vậy!99 Nghĩ thế, ông liền bế đưa bé đem về nuôi. Đứa bé này dần dần khôn lớn, cho đến năm nó hơn mười tuổi. Bấy giờ, Phạm chí vì có chút việc muốn đi vào nhân gian nên dặn đứa bé: "Ta có chút việc tạm đi khỏi ít hôm, con khéo giữ gìn đống lửa này, đừng để lửa tắt. Nấu lửa có tắt thì hãy lấy hai thanh củi cọ vào nhau để đốt lửa lOn." Căn dăn xong, Phạm chí ra đi. Sau khi ông ta di, đứa bé ham choi, không thường xuyên ữông coi lửa nên lửa tát mát. Đứa bé đi chơi về trông thấy lửa tắt thì hối hận buồn rầu than: uTa thật khờ dại, lúc ra đi cha ta đã dạy đủ cách giữ gìn lửa, cẩn thận không cho tắt. Vậy mà ta ham chơi đến nỗi để cho lửa tắt, bây giờ phải làm sao d2y?" Khi đó, đứa bé vội vàng bới tro tìm lửa nhưng không thấy lira, liền dùng búa chẻ củi tìm lửa vẫn không thấy lửa, lại chặt củi thành từng khúc bỏ vào cối giã để tìm lửa nhưng vẫn không tìm được lửa.

7. KINH TỆ-TÚC 631

[0044c04] Bấy giờ, Phạm chí trở về, liền hỏi đứa bé: "Trước khi đi, ta có dặn con trông chừng lửa, lửa không tắt chứ?,, Đứa bé đáp: "Vi con ham chơi, không trông chừng lửa thường xuyên nên lửa bi tắt!" Phạm chí hỏi: "Vậy con làm cách nào để đốt lửa trở lại?" Đứa bé đáp: “Lửa phát ra từ củi nên con dùng búa chẻ củi ra để tìm lửa nhưng không thấy lửa đâu. Con lại chặt củi thành khúc nhỏ cho vào cối giã để tìm lửa nhimg vẫn không c6.” Phạm chí liền dùng hai thanh củi cọ vào nhau cho phát lửa, rồi chất củi lên nhóm lửa. Xong việc, ông bảo đứa bé: "Nhu muốn tìm lửa phải làm đúng cách này, chứ không nên chẻ củi hay giã nát củi mà tim!" Này Bà-la-môn! Ông cũng như thế, không theo đúng phương pháp, lại đi lột da người chết để tìm thần thức thì làm sao tìm được. Ông không thể lấy việc trước mắt mà quán xét chúng sanh. Này Bà-la-môn! Có vị Tỳ-kheo đầu đêm va cuối đem đều không ngủ nghỉ, siêng năng, không lười biếng, chuyên niệm về đạo phẩm, dùng sức tam-muội để tu luyện về thiên nhãn, do năng lực thiên nhãn nên nhìn thấy chúng sanh chết ở đây sanh ở kia, chết ở kia sanh ở đây, thọ mạng dài ngắn, hình dung tốt xấu, tùy việc làm thiện hay ác mà thọ quả báo tốt hay xấu,... thảy đều thấy biết hết. Cho nên, bằng con mat thịt nhơ uế này thì không thể thấy hết chỗ thọ sanh của chúng sanh rồi cho là không có. Này Bà-la-môn! Do đó có thể biết

chắc là có thế giới khác. Bà-la-môn nói: Tuy ngài đã dẫn dụ để chứng minh có thế giới khác nhưng theo chỗ tôi thấy thì không có. Ca-diếp nói tiếp: A r

Ong còn có lý do gì khác mà cho là không có thê giới khác? Bà-la-môn đáp: Thua, còn có lý do! Ca-diếp hỏi: Có lý do gì để biết? Bà-la-môn đáp: -Nguyên ở trong thôn vua phong cho tôi có kẻ trộm cắp, bị người rình bắt được đem đến chỗ tôi và nói: "Người này là kẻ trộm, xin ngài trị toi!" Tôi liền bảo người hầu đem người này đi cân, người hầu vâng lời đem đi cân. Tôi lại bảo người hầu giết người này thật cẩn thận, chớ làm mất một mẫu da thịt nào, người hầu làm đúng theo lời tôi dặn. Thế rồi, tôi bảo người hầu đem cân lại thì thấy người ấy nặng hơn trước. Thưa ngài Cadiếp, thân người ấy khi sống, thần thức đang còn, nhan sắc tươi đẹp, nói năng được mà đem cân thì nhẹ, ngược lại, khi chết thần thức không còn, nhan sắc cũng mất, nói năng không được mà đem cân thì nặng, vì lý do đó nên tôi biết là không có thế giới khác.

[0045a03] Ca-diếp bảo Bà-la-môn: Nay ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp. Như người cân sắt, khi sắt nguội đem cân thì nặng, khi sắt nóng có màu đỏ sáng, mềm mại mà đem cân thì lại nhẹ! Thế thì tại sao sắt không có màu đỏ sáng và cứng mà cân lại nặng? Tệ-túc đáp: Sát nóng có màu đỏ sáng mà mem mại cho nên nhẹ, sát nguội không có màu đỏ sáng mà cứng cho nên nặng. Ca-diếp nói: Con người cũng thê, khi sông thì có săc khí mà mem mại cho nên nhẹ nhưng khi chết thì không có sắc khí mà cứng cho nên năng. Do đó có the biết chắc là có thế giới khác. Bà-la-môn đáp: - Tuy ngài đã dẫn dụ để nói có thế giới khác nhưng theo chỗ tôi thấy, chắc chăn là không có. Ca-diếp hỏi: -Ông còn lý do gì khác để cho thấy rằng không có thế giới khác? Bà-la-môn thưa: -Tôi có người bà con mắc bệnh nặng, khi đó tôi đến bảo đỡ người bệnh nằm nghiêng bên phải, người bệnh còn liếc ngó, co duỗi như thường. Tôi bảo đỡ người ấy nam nghiêng bên trái, roi lật sấp, lật ngửa, người bệnh cũng co duỗi, liếc ngó, nói năng như thường. Chẳng bao lâu thì nạười bệnh tắt thở, tôi lại bảo người đỡ tử thi năm nghiêng tay phải, tay trái, lật sáp, lật ngửa. Tôi nhìn kỹ thì chăng thây co đuôi, liêc ngó hay nói năng gì cả. Do đó, tôi biêt chắc là không có the giới khác. r r Ca-diêp nói tiêp: —Những người có trí nhờ ví dụ mà hiêu. Nay ta sẽ dân dụ cho ông. Xưa có một quốc gia chưa từng có ai nghe tiếng tù và. Hôm nọ? có người thổi tù và giỏi đến nước này rồi đi vào trong thôn, cầm tù và thổi lên ba tiếng rồi đặt xuống đất. Khi đó, trai gái trong thôn nghe tiếng liền giật mình, đều đến hỏi: "Thứ tiếng gì mà trong trẻo, bi ai và vang xa đến như vay?" Người kia chỉ vào vỏ ốc rồi nói: "Tiếng của vật này!,, Khi ấy, những người trong thôn lấy tay vỗ vào vỏ ốc và nói: "Ngươi hãy kêu lên! Ngươi hãy kêu lên!y vỏ ốc vẫn không kêu. Ngay lúc đó, người chủ cầm vỏ ốc lên thổi ba tiếng rồi đặt xuống đất. Người trong thôn trầm trồ: "Bấy là âm thanh hay lạ mà chúng ta nghe lúc nãy, không phải do sức của vỏ ốc mà phải có tay, có miệng, có hơi thổi thì mới có âm thanh!" Này Bà-la-môn! Con người cũng thế, cần phải có mạng căn,10 có thần thức và có hơi thở ra vào thì mới có thể co duỗi, liếc ngó, nói năng được; nếu không

10 Nguyên tác: Tho (#). Theo Luân Đại trí độ (7L25. 1509.67. 0528a20), “th(?” chính là mạngn ().

CÓ mạng căn, không thần thức, không hơi thở ra vào thì không thể co duỗi, liếc ngó và nói năng được. Ca-diếp khuyên Bà-la-môn: -Ông nên từ bỏ những nhận thức sai lầm đó, chớ chấp giữ suốt đời, chỉ thêm khổ não! Bà-la-môn đáp: -Tôi không thể bỏ được. Vì sao như vậy? Vì từ khi sanh ra đến giờ, tôi đã thường xuyên đọc tụng, luyện tập vững chác thì đâu có thê bỏ được. [0045b01] Ca-diếp nói: —Những người có trí do ví dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ cho ông hiểu. Thuở xưa, có một quốc gia mà dân chúng ở biên cương rất nghèo khổ. Trong nước ấy có hai người: Một người có trí và một người ngu si. Họ bảo nhau: "Tôi là bạn thân của anh, chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành gặt lúa dại bán lấy tiền!99 Thế rồi họ cùng đi. Khi đến một thôn xóm hoang vu thì thấy cây gai mọc đây mặt đất, người trí liên bảo người ngu kia cùng lây đem vê. Hai người mỗi người lấy một gánh. Khi đi ngang qua thôn cũ, họ thấy có đong sợi gai. Người trí nói: "Gai này đã làm thành sợi nhỏ, nhẹ đáng lấy hơn.” Người ngu nói: “T6i đã lấy cây gai được bó buộc chặt thì không thể bỏ duve.” Bấy giờ, chỉ có người trí lấy một gánh gai sợi mang đi. Họ lại cùng nhau đi .M V7 tiêp, bông gặp một đông vải gai. Người trí nói: “Gai đã được dệt thành vải thì nhỏ và nhẹ, đáng lấy hơn." Người ngu nói: "Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ thì không thể bỏ l@i." Người trí liền bỏ gánh sợi gai để lấy vải gai, làm thành một gánh nặng đem về. Họ cùng nhau đi tiếp, bỗng gặp một đống cây kiếp-bối. Người trí nói: "Sợi của cây kiếp-bối này rất quý giá, nhỏ và nhẹ, đáng lấy hơn.^, Người ngu nói: "Trước tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ, mang đi đã xa nên không thể bỏ dug” Khi ấy, người trí liền bỏ vải gai để lấy cây kiếp-bối. Họ cùng đi tiếp, lại gặp sợi kiếp bối, gặp lụa trắng, tiếp theo là gặp đồng trắng, rồi gặp bạc, gặp vàng. Người trí nói: "Nếu không có vàng thì ta sẽ lấy bạc, nếu không có bạc thì ta mới lấy đong,... cho đen lay sợi gai, nếu không có sợi gai thì ta mới lay cây gai. Nay tại thôn này có rất nhiều vàng mà vàng có giá tri hơn hết trong các vật này. Vậy

anh nên bỏ cây gai, ta sẽ bỏ bạc để cùng nhau lấy vàng mỗi người một gánh nặng đem v!" Người ngu nói: "Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ, mang đi cũng đã xa thì không thể bỏ được. Nêu anh muốn lấy thì cứ tùy Thê roi người trí một mình bỏ bạc lây một ệánh vàng mang vê. Đên nhà, bà con từ xa vừa trông thấy bóng anh ta gánh nhiêu vàng vê thì vui mừng nghênh đón; người được vàng, thấy bà con nghênh đón lại càng vui mừng hơn. Trong khi đó, người ngu gánh cây gai về nhà, bà con trông thấy không vui mừng, không nghênh tiếp nên anh càng thêm buồn khổ. Này Bà-la-môn! Nay ông nên từ bỏ những nhận thức sai lầm đó, chớ để suốt đời chỉ thêm khổ não. Như người gánh gai, cứ chấp chặt ý ngu mà không chịu lấy vàng, cứ gánh gai đem về, mệt nhọc uổng công mà bà con không vui, suốt đời phải chiu nghèo cùng, càng thêm buồn khổ. [0045c02] Bà-la-môn đáp: -Tôi nhất định không từ bỏ chủ trương đó. Vì sao như vậy? Vì nhờ chủ trương đó mà tôi dạy dỗ nhiều người, đem lại nhiều lợi ích, vua chúa bốn phương đều biết đến tên tôi, đều biết rõ tôi là hàng học giả chủ trương đoạn diệt11 Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí nhờ ví dụ mà hiểu. Bây giờ, ta lại dẫn dụ nữa cho ông. -Thuở xa xưa, có một quôc gia mà dân chúng ở biên cương đêu nghèo khô. Lúc đó,

có một đoàn người buôn mang theo ngàn cỗ xe đi ngang qua nước này. Vì không đủ gạo, nước, củi và rau cung cấp cho cả đoàn nên người chủ đoàn thương buôn suy nghĩ rồi nói rằng: "Đoàn chúng ta đông, không dự trữ đủ gạo, nước, rau... bây giờ nên chia thành hai nhóm và nhóm một đi trước dẫn đường!99 Người dẫn đường của đoàn thứ nhất nhìn thấy một nệười thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, xoa bùn khắp người từ đằng xa đi đen, liền hỏi: "Ngươi từ đâu đến?" "Tôi đến từ thôn phía trư&c." "Chỗ ngươi có nhiều nước, gạo, củi, rau kh6ng?" "Chỗ tôi ở có gạo, nước, củi và rau dư dả. Lúc tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa lớn, ở thôn kia lại càng có nhiều nước, gạo, củi và rau." r Z Người ây lại bảo vị thương chủ [của đoàn thứ nhát]: "Nêu trên xe ônệ có chở gạo và rau thì nên bỏ xuông, vì ở thôn ây có nhiêu gạo và rau, không cân chở cho nặng xe." Thế rồi, người thương chủ bảo những người trong đoàn: "Ta đi về phía trước thấy có một người mắt đỏ, mặt đen, xoa bùn khắp người, ta hỏi: 'Người

11 Nguyên tác: Đoạn diệt học giả ,Natthikavādā: Người am tường Đoạn kiến luận.

từ đâu đến?' Người ấy đáp: 'Tôi đến từ thôn phía trước/ Ta liền hỏi tiếp: 'Chỗ ngươi ở có nhiều gạo, rau, củi và nước không?9 Đáp: 'ở đó rất phong phii, vừa rồi tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa lớn, nên chỗ ấy càng thêm nhiêu nước, rau và củi\ lại bảo ta: 'Trên xe ngươi nếu có chở gạo, rau thì nên bỏ xuống hết, vì thôn ấy giàu sang không cần chở đến làm gì cho nặng xe!' Do vậy, các ông nên bỏ gạo rau để cho xe được nhẹ, đi nhanh đến noi." Nghe lời chủ đoàn buôn, họ đều bỏ gạo, rau để cho xe nhẹ đi nhanh đến nơi. Thế nhưng, họ đi suốt một ngày mà vẫn không thấy nước, rau... đâu cả. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy gì. Lúc ấy, đoàn thương buôn đã lâm vào khu đầm vắng và tất cả đều bị quỷ bắt ăn thịt. về sau, đoàn thứ hai tiếp tục lên đường, người chủ buôn dẫn đầu lại gặp người mắt đỏ, mặt đen, xoa bùn khắp người. Người chủ đoàn hỏi: "Người từ đâu den?" "Tôi đến từ thôn phía trư&c." "Chô ây có nhiêu nước, gạo, rau, củi không?^ "C6 rất nhiều! Ta đi giữa đường gặp trời mưa lớn nên nơi ấy lại càng có nhiều nước, rau, củi, gạo. Nếu trên xe của ngươi có chở rau, gạo thì nên bỏ xuống, vì thôn ây giàu sang không cân chở đên làm gì cho nặng xe." [0046a05] Người chủ đoàn trở lại nói với những người trong đoàn: "Ta đi vê phía trước gặp một người nói như thê này: 'Trên xe các ngươi nêu có chở gạo, rau thì nên bỏ xuống hết, vì thôn kia giàu có, không cần chở đến cho nặng xe!' Nhưng các ngươi hãy giữ kỹ gạo, rau..., chớ vứt bỏ, bao giờ được lương thực mới rồi sau đó hãy bỏ. Vì sao như vậy? Vì đồ mới, đồ cũ phải có tiếp tục, mới mong qua khỏi cánh đồng trống ny!" Thế là cả đoàn người buôn cứ chở xe nặng mà đi. Đi được một ngày như thế nhưng không thấy nước, rau... đâu cả, tiêp tục đi ngày thứ hai, thứ ba cho đên ngày thứ bảy cũng chăng thây có rau, nước..., chỉ thấy xương trắng ngổn ngang của đoàn người đi trước bị quỷ ăn bỏ lại. Này Bà-la-môn! Người mắt đỏ, mặt đen kia chính là quỷ la-sát. Những người nghe theo lời của quỷ thì suốt đời chiu khổ, chẳng khác nào đoàn thương buôn thứ nhất, vì không có trí tuệ nên nghe lời người dẫn đường, do đó phải mất mạng. Những Sa-môn9 Bà-la-môn tinh tấn, có trí tuệ, họ có dạy gì, nêu ai nghe theo thì suốt đời được an vui,

như đoàn thương buôn thứ hai, vì nhờ có trí tuệ nên không bị tai nạn. Này Bà-la-môn? nay ông nên bỏ những nhận thức sai lầm đó, chớ để suốt đời chỉ thêm khổ não. Bà-la-môn đáp: -Tôi nhất định không thể từ bỏ quan điểm đó. Nếu có ai đến can gián tôi thì chỉ làm cho tôi nổi giận, chứ tôi quyết không bao giờ bỏ quan điểm này.

Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí nhờ ví dụ mà hiêu. Nay ta sẽ dân dụ nữa cho ônệ. Trong kiếp xa xua, có một đất nước mà dân chúng ở biên cương đều nghèo kho. Bấy giờ, có một người giỏi nghề nuôi heo, một hôm đi đến một thôn vắng khác thấy có nhiều phân khô, liền nghĩ thầm: "Noi này có nhiều phân, còn đàn heo của ta ở nhà đang đói, bây ệiờ ta nên lây cỏ gói phân này đội trên đâu roi đem v3." Nghĩ vậy, anh ta liên lây cỏ gói phân lại và đội đi. Đi được nửa đường thì trời bỗng mưa to, phân dơ thấm nước chảy tận đến chân. Mọi người thấy vậy đều quở trách: uKẻ điên! Thứ phân nhơ uế hôi thối ấy, giả sử trời nắng ráo cũng không ai đội, huống nữa là đội đi giữa cơn mua!" Anh ta nổi giận mắng lại: "Các người mới là kẻ ngu, không biết heo nhà tôi đang đói hay sao? Nếu các người biết thì không chê tôi ngu d2u!" Này Bà-la-môn! Nay ông nên từ bỏ nhận thức sai lầm đó, chớ chấp chặt sự mê lầm mà suốt đời phải chiu khổ dàu, như người ngu kia đội phân đi bi người khác chê trách và can gián, còn trở lại mắng nhiếc người ta là ngu si. [0046b04] Bà-la-môn nói với Ca-diếp: Nếu các ngài cho rằng làm lành được sanh lên cõi trời, chết vui hơn là sông thì tại sao các ngài không lây dao tự vận hoặc uông thuôc độc, hoặc trói tay chân xô từ trên cao xuống mà chết nhưng sao ai ai cũng đều ham sống, không ai tự sát cả. Như thế đủ biết chết thì không vui hơn sống. Ca-diếp nói tiếp: Những người có trí nhờ ví dụ hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho ông. Thuở xưa, ở thôn Tư-ba-hê này có một người Phạm chí, là bậc Trưởng lão kỳ cựu, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người vợ, một người có con trước, một người đang mang thai. Chẳng bao lâu, Phạm chí qua đời. Mẹ con người vợ lớn nói với người vợ nhỏ: "Gia tài này phải giao hết cho chúng tôi, cô không có phần!,, Người vợ nhỏ nói: 'Thải chờ thêm ít thời gian, nếu tôi sanh con trai thì phải có một phân gia tài, nêu là con gái thì mẹ con chi đem gả chông đê lây tiên của!99 Thế nhưng, mẹ con người vợ lớn cứ nằng nặc đòi chia gia tài. Người vợ nhỏ vẫn trả lời như vậy. Bị họ thúc ép mãi, người vợ nhỏ nổi giận bèn lấy dao bén tự mổ bụng mình để xem người con trong bụng là trai hay là gái. Này Bà-la-môn? người mẹ đã tự giết mình lại còn hại luôn đứa con trong bào thai. Suy nghĩ của ông cũng như thế, đã tự giết mình mà còn muốn giết kẻ khác. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn siêng năng tu thiện, giới đức đầy đủ, lại sống lâu ở đời thì đem đến rất nhiều lợi ích an lạc cho cả trời, người. Này Bà-la-môn, bây giờ ta sẽ dẫn dụ thêm một câu chuyện cuối cùng để ông thây rõ tai hại của nhận thức sai lầm. Thuở xưa, tại thôn Tư-ba-hê này, có hai người chọi bi lão luyện, một hôm họ thi đấu với nhau, một người thắng cuộc, một người thua cuộc. Nệười thua cuộc nói với người thắng cuộc: "Thôi, ngày nay nghỉ đê ngày mai đâu li."Roi anh ta trở vê nhà lây những viên bi

dùng đê chơi đem tâm thuôc độc và phơi khô. Sáng hôm sau, người thua cuộc này mang những viên bi ấy đến chỗ người thắng cuộc và nói: "Chúng ta hãy đấu l@i"

Trước khi cùng chơi, anh ta lấy viên bi đã tẩm độc trao cho người thắng cuộc và bảo: "Thắng thì phải Người thua cuộc kia lại đưa tiếp viên bi độc và người thắng tiếp tục nuốt. Chất động ngấm dần làm cho người thắng cuộc kia run rẩy cả người. Bây giờ, người thua cuộc dùng kệ măng răng: Ta dùng thuôc thoa bi, Ong ngậm vào không biêt, Ke nhỏ để lừa ông, Sau ông mới phát hiện.12 [0046c02] Ca-diếp bảo Bà-la-môn: Nay ông nên mau bỏ nhận thức sai lầm đó, chớ mê muội mãi để càng thêm khổ sở, như người chơi bi kia, nuốt độc mà không biết. Bà-la-môn liền thưa: Thưa Tôn giả, ngay từ ví dụ đầu tiên về mặt trang thì con đã hiểu. Sở dĩ con phản bác, không chấp nhận ngay, vì con muốn thấy trí tuệ biện tài của ngài để lòng tin của con thêm vững chắc. Nay con xin tin nhận, quy y với ngài. Ca-diếp bảo: Ong chớ quy y vói ta, nên quy y với đàng Vô Thượng Tôn, như ta đã quy y. Bà-la-môn hỏi: Không biết đấng Vô Thượng Tôn mà ngài quy y hiện đang ở đâu? Ca-diếp đáp: Đức Thế Tôn, Thầy ta đã diệt độ chưa bao lâu. Bà-la-môn nói: —Nếu đức Thế Tôn còn tại thế thì con chẳng quản ngại xa gần, sẽ tìm đến gặp Ngài để quy y lễ bái. Nhưng nay nghe ngài nói đức Thế Tôn đã diệt độ, vậy con xin quy y đức Như Lai đã diệt độ, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Xin ngài hãy chấp nhận con làm ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp! Từ nay về sau, con nẹuyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dôi? không uống rượu. Hôm nay, con nguyện bố thí rộng khắp tất cả. Ca-diếp bảo: Nếu ông sát hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí thì chẳng được phước thanh tinh; giết hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí và bo thí cho hạng người tà kiến thì chẳng được phước thanh tịnh. Ví như gieo

12 về nội dung câu chuyện bị hạ độc khi chơi bi, trong D. 23 và MĀ. 71 phần lớn giống nhau. Sự dẫn giải về nội dung và tình tiết câu chuyên trong 2 bản kinh này khá hợp lý. Câu chuyện ngâm con xúc xắc còn được ghi nhận trong Jātaka số 91 với một vài khác biêt về chi tiết, về lịch sư, nguồn gốc chơi xúc xắc đã có mặt trong kinh điển Vệđà (Rig Veda 10.34). Tổng hợp những diễu giống nhau giữa các nguồn tư liệu, câu chuyến được tóm tắt: Hai kẻ cùng chơi xúc xác. Mỗi khi thắng, kẻ đó thường ngậm xúc xắc để gây xui xẻo cho người chơi tiếp theo. Ke thua kia lập mưu bôi độc vao xúc xắc. The là, dù được thắng xúc xắc nhưng sanh mạng kẻ thắng đó lại gặp nguy nan.

giống trên mảnh đất sỏi đá khô cằn, nhiều gai góc thì chắc chắn không gặt hái được gì. Trái lại, nếu ông mở hội đại thí mà không giết hại chúng sanh, không đánh đập tôi tớ, đem lòng hoan hỷ, bố thí cho hạng người thanh tịnh thì sẽ thu được nhiều phước lớn, giống như gieo hạt giống đúng mùa vụ trên đám ruộng tốt thì tất nhiên sẽ thu hoạch được thành quả tốt. Tệ-túc thưa: -Thưa Tôn giả! Từ nay vê sau con sẽ thường xuyên cúng dường cho chúng Tăng, nguyện không bao giờ gián đoạn! Lúc đó, có một thiếu niên Phạm chí tên là Ma-đầu đứng sau Tệ-túc. Tệ-túc ngoái lại bảo: —Nay ta muốn mở hội đại thí cho tất cả, ngươi hãy sửa soạn giúp ta! Thiếu niên Phạm chí nghe xong thì lập tức sửa soạn. Bố thí xong, anh ta cất tiếng: Nguyện cho Tệ-túc đời nay và đời sau không được phước báu gì cả! Nghe những lời như vậy, Tệ-túc liền gọi thiếu niên Phạm chí lại hỏi: - Vừa rồi, ngươi có nói lời ấy không? Đáp: Đúng vậy, tôi thật sự có nói. Vì

sao như vậy? Vì hôm nay, ngài sắm sửa các thức ăn thô kệch, dở tệ như thế này để cúng dường cho chúng Tăng, nếu thử đem đến cho ngài thì ngài còn không màng chạm tay đến huống nữa là ăn. Hiện tại, ngài sửa soạn thức ăn không tót đẹp đê cúng dường thì làm sao đời sau ngài nhận được quả báo thanh tịnh? Ngài cúng dường y phục cho chúng Tăng mà cúng thí toàn là vải gai, nếu thử đem nó cho ngài thì ngài còn không màng lấy chân chạm đến, huống nữa là dùng để mặc. Hiện tại, ngài sửa soạn những vật dụng không tốt đẹp để cúng dường thì làm sao đời sau nhận được quả báo thanh tịnh? [0047a06] Bà-la-môn bảo Phạm chí: -Từ nay vê sau, ngươi hãy lây thức ăn ta ăn và y phục ta mặc đê cúng dường cho chúng Tăng! Khi ây5 Phạm chí thực hành theo lời dặn, lây thức ăn và y phục của Tệ-túc cúng dường cho chúng Tăng. Nhờ công đức này sau khi qua đời, thiếu niên Phạm chí được sanh lên cõi trời Đao-lợi5 còn Tệ-túc sau khi chết cũng được sanh lên cõi trời nhung thấp hơn cối trời mà Phạm chí thác sanh. Bấy giờ, Bà-la-môn Tệ-túc, thiếu niên Phạm chí, chúng Bà-la-môn và cư sĩ... trong thôn Tư-ba-hê khi nghe đồng nữ Ca-diếp thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.13

13 Bản Hán, hết quyển 7.

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại hang Thất Diệp12 ở núi Tỳ-ha-la,3 thuộc thành La-duyệt-kỳ.4 Bấy giờ, trong thành Vương Xá có vị cư sĩ tên Tán-đà-na,5 ưa thích du ngoạn. Hằng ngày, ông đều ra khỏi thành rồi đến chỗ Thế Tôn. Một hôm, ông nhìn bóng mặt trời và thầm nghĩ: "Giờ này chưa phải lúc ta đến kính lễ Phật, vì Thế Tôn vẫn đang nhập định trong tịnh thất, còn các Tỳ-kheo cũng đang thiền đinh, ta nên đến khu rừng của nữ Phạm chí6 Ô-tạm-bà-lợi,7 đợi đúng giờ rồi sẽ đến kính lễ Phật và vấn an các Tỳ-kheo!,, Khi ây9 trong khu rừng của nữ Phạm chí O-tạm-bà-lợi có vị Phạm chí tên Ni-câu-đà8 cùng năm trăm đệ tử Phạm chí đều ở trong khu rừng đó. Bay giờ, các Phạm chí tụ tập tại một chỗ rồi lớn tiếng bàn luận nhimg chỉ bàn về những chuyện tạp loạn, chướng ngại đạo pháp.9 Chẳng hạn như, suốt ngày họ chỉ bàn ve việc nước, việc binh dao, chiến tranh, việc hòa khí, nghĩa trượng của quốc gia, việc đại thần, việc thứ dân, việc xe ngựa đi qua khu rừng này; hoặc bàn về việc giường .2 chõng, việc2 y phục, việc ăn uông, việc phụ nữ; hoặc bàn vê việc núi, biên, rùa, ba ba... chỉ huyên thuyên bàn những chuyện vô ích, chướng ngại đạo pháp như thế cho hết ngày.

1 Nguyên tác: Tản-đà-na kinh T.Ol. 0001.8. 0047al7. Tham chiếu: Phật thuyết Ni-câu- đàPhạm chỉ kinh .01. 0011. 0222al9; ưu-đàm-bà-la kỉnh roi. 0026.104. 0591b26; D. 25, Udumbarìkã Sĩhanãda Sutta Kỉnh ưu-đàm-bà-la sư tử hông. 2 Thất Diệp thọ ,Sattapanni. Vì trước cửa hang có cây Thất Diệp to lớn nên gói là hang Thất Diệp. Theo Nhất thiết kỉnh âm nghĩa quyển 25, do cây có khoảng 7 phiến lá nên nhân đó được đặt tên. 3 Tỳ-ha-la sơn ,Vebhāra. Theo M. 116, đây là tên gọi khác của Gijjhakūta núi Linh Thứu. 4 La-duyệt-kỳ ,Rājagaha. Xem chú thích 3, kinh số 2, tr. 517. 5 Tán-đà-na .Theo Từ điển thuật ngữ Phật học Hán ngữ A Dictionary of Chinese Buddhist Terms của William Edward Soothill, Tán-đà-na K, Sandānikā chỉ cho một loài hoa. 6 Phạm chí ,Brāhmana còn gói Tịnh duệ ,Tịnh hạnh ,cũng gọi Tịnh hạnh giả

? Tịnh hạnh Phạm chí .Có các nghĩa: M0t la, chi cho người Bai-la-mon sống thanh tinh cau được sanh ve cõi Phạm thiên; hai là, từ gọi chung tất cả những người xuất gia của ngoại đạo Án Độ. Tham chiếu: Luận Đại trí độ 0.‘25.15.56. 0460020.
• , 7 ô-tạm-bà-lợi Udumbarika. 8 Ni-câu-đà ,Nigrodha. 9 Nguyên tác: Gi^đạo trược loạn chi ngôn .MĀ gọi là Súc sanh chi luận, Súc sanh luận, Điêu luận // ,tiracchānakatham, vừa có nghĩa là súc sanh vừa có nghĩa là vo ích, vo bo.

[0047b04] Vừa trông thấy cư sĩ Tán-đà-na từ xa đi đến, Phạm chí Ni-câu- đà liền ra lệnh: "Hội chúng hãy im lặng, vì có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đến. Trong hàng đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm thì vi này thuộc hàng trưởng thượng, ông ây đang đên đây, các ngươi hãy im lng!" Thê roi, các Phạm chí đều im lặng. Cư sĩ Tán-đà-na đến chỗ Phạm chí chào hỏi thăm viếng xong, liền ngồi xuống một bên rồi nói: Thầy tôi là đức Thế Tôn, thường ưa yên tịnh, không thích ồn ào, không như các ông và chúng đệ tử ở giữa đám đông lớn tiếng luận bàn nhưng chỉ bàn ve những chuyện vô ích, chướng ngại đạo pháp. Phạm chí đáp lời: Sa-môn Cù-đàm có lần nào cùng ông đàm luận chưa? Mọi người làm sao biết được Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ? Thầy của ông thường ưa nơi biên địa, chẳng khác nào con bò chột mắt ăn cỏ, chỉ gặm một bên theo những gì nó thấy.10 Cù-đàm thầy ông cũng vậy, ưa bảo thủ những quan niệm thiên lệch của riêng mình, thích ở chôn không người. Nêu thây ông đên dây, chúng tôi sẽ gọi ông ta là con bò chột mắt. Sa-môn Cù-đàm thường tự xưng là bậc Đại Trí Tuệ, thế nhưng ta chỉ cân dùng một câu thì ông ta sẽ bê tác và phải yên lặng. Ví như con rùa rúc cả dâu, đuôi, bôn chân vào mai và cho thê là yên, thê nhưng ta chỉ cân một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn! Bấy giờ, tuy đang ngụ trong tịnh thất nhtrng bằng thiên nhĩ, đức Thế Tôn vẫn nghe Phạm chí nói với Tán-đà-na những lời như thế, Ngài liền rời hang Thất Diệp rồi đi đến khu rừng của nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lợi. Vừa thấy Phật từ xa đi đến, Phạm chí Ni-câu-đà vội bảo các đệ tử: "Các ngươi hãy im lặng, Sa-môn Cù-đàm đang đến đây. Các ngươi chớ đứng dậy nghinh tiếp hoặc lễ bái cung kính, cũng chớ mời ngồi mà hãy chỉ một chỗ riêng cho ông ta ngồi. Khi ông ta ngồi xong, các ngươi hãy hỏi: 'Sa-môn Cù-đàm từ đâu đến? Ông dùng pháp gì để dạy bảo đệ tử khiến họ được tịch tịnh an vui và tịnh tu Phạm hanh?^9 Lúc ấy, Thế Tôn cũng vừa đến khu vườn. Thế nhưng, Phạm chí kia lại bất chợt đứng dậy nghinh tiếp đức Thế Tôn và nói: - Quý hóa thay, đức Cù-đàm đã đến đây! Vinh hạnh thay, đức Sa-môn đã đến đây! Từ lâu không được gặp, nay có việc gì mà Ngài lại đến đây? Xin mời Ngài ngồi tạm một chỗ phía trước!

10 Nguyên tác: Do như hạt ngưu thực thảo, thiên trục sở kiến (,).Tham chiếu: D. 25: Seyyathāpi nāma gokānā pariyantacārinī antamantāneva sevati (Giong như con bò một mat chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn liên hệ của nó). Cú ngữ này được Tỳ^dieo Sujāto dịch là: He s just like the nilgai antelope, circling around and lurking on the periphery (Ong ta như con linh dương đau bò chỉ đi quanh quan trong giai hạn ẩn nấp của nó).

Đức Thê Tôn ngôi xuồng, vui vẻ mỉm cười roi thâm nghĩ: "Những người thiêu trí này không thê tự chủ, trước đã đông ý với nhau nhimg rót cuộc lại không giữ vững ý chí. Vì sao như vậy? Vì thân lực của Như Lai khiên cho tâm xấu ác của họ tự nhiên tiêu tan!” [0047c03] Lúc đó, cư sĩ Tán-đà-na đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi sang một bên. Phạm chí Ni-câu-đà sau khi chào hỏi Phật xong cũng ngồi sang một bên rồi thưa: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Từ trước đến nay, Ngài dùng pháp gì để dạy bảo đệ tử khiến họ được tịch tinh, an ổn và tịnh tu Phạm hạnh? The Tôn bảo: -Hãy thôi, Phạm chí! Pháp của Ta sâu rộng, từ trước đến nay Ta dạy bảo đệ tử khiến họ được an ổn và tịnh tu Phạm hạnh, pháp ấy ông không thể nào theo kịp. Này Phạm chí, ngay cả pháp mà thầy ông và đệ tử của ông tu hành có thanh tinh hay không thanh tịnh, Ta đều có the nói cho các ông biết! Lúc đó, năm trăm đệ tử Phạm chí đều nói với nhau: "Sa-môn Cù-đàm có oai đức lớn, có thần lực lớn, người khác hỏi nghĩa lý của mình nhưng mình lại khai mở nghĩa lý của người khác!" Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật: Thưa Cù-đàm, hay lắm! Xin Ngài hãy phân biệt rõ ràng cho chúng tôi được biết! Phật bảo Phạm chí: r ỉ Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe, Ta sẽ nói cho các ông! Phạm chí đáp: Vâng! Chúng tôi đang muốn nghe. Phật dạy: Những gì các ông đang thực hành đều là pháp thấp kém. Như việc cởi bỏ hết y phục để lõa hình rồi lấy tay che, hoặc không nhận đồ ăn đựng trong bình, không nhận đồ ăn đựng trong bát, không nhận đồ ăn giữa hai nhà, không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai con dao, không nhận đồ ăn ở giữa hai bát, không nhận đồ ăn ở nhà có nguôi đang ăn, không nhận đồ ăn ở nhà có người đang thai nghén, khôĩiệ nhận đô ăn ở nhà đang có chó đứng trước cửa, không nhận đồ ăn ở nhà có nhiêu ruồi nhặng, không nhận đồ ăn do người mời, không nhận đồ ăn mà người ta đã cho biết trước, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không dùng hai cái bát đựng đồ ăn, hoặc một lần nhai một lần nuốt,... cho đến bảy lần nhai một lần nuốt thì dừng; hoặc nhận đồ ăn thêm không quá bảy lần, hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc chỉ ăn rau, hoặc chỉ ăn cỏ, hoặc chỉ uống nước cháo, hoặc chỉ ăn mè, hoặc chỉ ăn gạo lúa, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ cây, nhánh, lá, trái, hạt cây, hoặc ăn trái

cây tự rụng; hoặc choàng áo trên vai, hoặc mặc áo cỏ cú, hoặc mặc vỏ cây, hoặc lấy cỏ quấn quanh mình, hoặc mặc da nai, hoặc để đầu tóc trần, hoặc mang tấm lông, hoặc mặc áo quăng bỏ ngoài gò mả, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không Dậôi giường chiếu, hoặc thường ngồi chồm hổm, hoặc cạo tóc chừa râu, hoặc năm trên chông gai, hoặc nằm trên rau trái, hoặc lõa thê năm trên phân bò, hoặc một ngày tăm ba lân, hoặc một đêm tăm ba lân. Tóm lại, dùng vô sô việc khô hạnh đe hành hạ xác thân như thế, Ni-câu-đà nghĩ sao? Tu những hạnh như vậy đáng gọi là thanh tịnh chăng? [0048a04] Phạm chí đáp: Đó là những pháp thanh tinh, chẳng phải pháp bất tinh. Phật bảo Phạm-chí: Nếu ông cho là thanh tịnh thì Ta sẽ chỉ cho ông những điều nhơ uế từ trong pháp thanh tịnh kia. Phạm chí đáp: Thưa Cù-đàm, hay lắm! Ngài cứ nói, tôi đang muốn nghe! Phật bảo Phạm chí: -Những người tu khổ hạnh kia thường nghĩ như vầy: "Nay ta tu như thế này thì sẽ được mọi người cúng dường, cung kính và lễ bái", đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, khi được cúng đường, cung kính và lễ bái thì mê

đắm, chấp chặt không muốn từ bỏ, luyến ái không biết cách thoát ly, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, khi vừa trông thấy bóng ai đến thì cùng nhau ngồi thiền nhưng đến khi không có ai thì tùy ý ngồi hoặc nằm, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, khi nghe chánh nghĩa của người khác thì không chiu nhìn nhận, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, nếu có ai hỏi đúng thì tham tiếc không chiu đáp, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, nếu thấy ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì chê bai, cản trở, đó là nhơ uế. Người tu khô hạnh kia, nêu thây Sa-môn, Bà-la-môn ăn những thức ăn còn mầm sống trở lại,11 liền chê trách, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, nếu có thức ăn bất tinh mà không chịu cho người; nếu có thức ăn thanh tịnh thì tham lam, giữ ăn một mình, không thấy lỗi của mình, không biết cách thoát ly, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia, tự cho mình là tốt, chê bai người khác, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia lại sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói lời ly giản, nói lời tho ác, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh ghét, tà kiến điên đảo, đó là nhơ uế.11

11 Như ăn hạt dẻ, hạt ngô...

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA 643

Người tu khổ hạnh kia lười biếng, ham vui mê mờ, không tu thiền định, không có trí tuệ, ngu si vô trí, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia tự cao, kiêu mạn, tăng thượng mạn, đó là nhơ uế. Người tu khổ hạnh kia không có tín nghĩa, không có tâm báo đáp, không giữ tinh giới, không siêng năng nghe lời khuyên bảo, thường kết bạn với người ác5 kết bè kết đảng mãi làm ác không dứt, đó là nhơ uế. Người tu khô hạnh kia lòng đây sân hận, thích làm điêu xảo trá, tựỷ lại sự hiểu biết của mình, tìm tòi việc hay, dở của người, thường chấp tà kiến, biên kiến, đó là nhơ uế. Thế nào, Ni-câu-đà! Lối tu khổ hạnh như vậy có đáng gọi là thanh tịnh chăng? Đáp: Đó là bất tinh chứ không phải thanh tịnh! [0048b01] Phật dạy: Bây giờ, Ta sẽ chỉ ra pháp thanh tinh không nhơ uế từ trong pháp nhơ uế của ông. Phạm chí thưa: Cúi xin Ngài giảng nói! Phật dạy: -Người tu khổ hạnh không nghĩ: "Ta tu như thế sẽ được cung kính cúng dường lễ bái!99 Đó là pháp khổ hạnh không nhơ uế. Người tu khô hạnh ây khi được cúng dường mà tâm không tham đăm, hiêu rõ, xa lìa và biết cách thoát ly, đó là pháp khổ hạnh không nhơ uế. Người tu khô hạnh ây lo tọa thiên theo thời khóa tu tập, chứ không vì có người hay không có người mà thay đổi, đó là pháp khổ hạnh không nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy khi nghe đến chánh nghĩa của người khác thì hoan hỷ tin nhận, đó là pháp khổ hạnh không nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy khi có ai hỏi han thì vui vẻ giải đáp, đó là pháp tu khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy khi thấy ai cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn thì vui mừng thay cho họ chứ không chê bai, cản trở, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn những thức ăn còn mầm sống trở lại mà không quở trách, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy khi được thức ăn bất tịnh, tâm không luyến tiếc và khi được thức ăn thanh tinh, tâm không tham đắm, xét thấy lỗi của mình và biết cách lìa bỏ, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy không tự khen mình chê người, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế.

644 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Người tu khổ hạnh ấy không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét và không tà kiến, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy siêng năng không quên, ưa tu tập thiền định, tu nhiều về trí tuệ, không như những loài ngu si, vô trí, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy không tự cao, ngã mạn, tự dại, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. Người tu khổ hạnh ấy thường giữ lòng tín nghĩa, thực hành hạnh báo đáp, giữ gìn tịnh giới, siêng năng nghe lời khuyên bảo, thường kết bạn lành, mãi lo x 7 ĩ

tích chứa điêu lành, đó là pháp khô hạnh xa lìa nhơ uê. Người tu khổ hạnh ấy không có tâm sân hận, không xảo quyệt, không ỷ mình hiểu biết, không tìm tòi những khuyết điểm của người, không tà kiến và biên kiến, đó là pháp khổ hạnh xa lìa nhơ uế. r 9

Phạm chí nghĩ thê nào, pháp khô hạnh như vậy có phải là pháp thanh tịnh xa lìa nhơ uế không? Đáp: Đúng vậy! Quả thật là pháp thanh tịnh, xa lìa nhơ uế. Phạm chí bạch Thế Tôn: Chẳng hay pháp khổ hạnh đến mức độ này thì có được gọi là hạnh kiên cố bậc nhất chưa? [0048C01] Phật dạy: vẫn chưa! Đó mới chỉ là lớp vỏ ở bên ngoài thôi. Phạm chí thưa: Xin Ngài cho biết về lõi cây! Phật bảo Phạm-chí: Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Nay Ta sẽ giảng nói. Phạm chí thưa: Thưa vâng, con đang muôn nghe! -Này Phạm chí, người tu khổ hạnh tự mình không sát sanh và không bảo người khác sát sanh, không trộm cướp và không bảo người khác trộm cướp, không tà dâm và không bảo người khác tà dâm, không nói dối và không bảo người khác nói dối. Người ấy rải tâm từ khắp trong một phương, rồi đến phương khác cũng như vậy, với tâm từ rộng lớn, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không hề gây thù kết oán. Với tâm bi, tâm hỷ và tâm xả cũng như thế. Người tu pháp khổ hạnh như vậy mới gọi là lõi cây. Phạm chí bạch Phật: Cúi xin đức Thế Tôn giảng nói về nghĩa khổ hạnh kiên cố!

8. KINH TÁN-ĐÀ-NA 645

Phật bảo Phạm chí: Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ giảng nói! Phạm chí thưa: -Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con đang muốn nghe. Phật dạy: -Người tu khổ hạnh tự mình không sát sanh và không bảo người sát sanh, không trộm cướp và không bảo người khác trộm cướp, không tà dâm và không bảo người khác tà dâm, không nói dối và không bảo người khác nói dối. Vị ấy rải tâm từ khắp trong một phương, rồi đến phương khác cũng như thế, với tâm từ rộng lớn, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không gây thù kết oán. Với tâm bi, tâm hỷ? tâm xả cũng như vậy. Người tu khô hạnh kia tự biêt việc xảy ra trong vô sô kiêp vê trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, hết thảy đều biết cả. Đồng thời, còn có thể biết được mình từng sanh vào dòng họ đó5 tên tuổi như vậy, ăn mặc như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua kho vui như vậy, từ nơi ấy sanh về đây và từ đây thác sanh về nơi ấy, tất cả những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả. Này Phạm chí! Đó gọi là khổ hạnh kiên cố, không bị hủy hoại. Phạm chí bạch Phật: Thế nào là pháp khổ hạnh bậc nhất? Phật bảo: Này Phạm chí! Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe, Ta sẽ giảng nói! Phạm chí thưa: Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con đang muốn nghe! Phật dạy: -Này Phạm chí, những người tu khô hạnh ây5 không những tự mình không sát sanh và không bảo

người sát sanh, không trộm cướp và không bảo người trộm cướp, kh6ng tà dâm và không bảo người tà dâm, không nói dối và không bảo người nói dôi mà vị ây còn rải tâm từ kháp một phương, roi đên phương khác cũng như thế, với tâm từ rộng lớn, bình đăng vô lượng, kháp cả thê gian, không gây thù kết oán. Với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như vậy. Hơn nữa, người tu khổ hạnh ấy, lại tự biết được việc xảy ra trong vô số kiếp về trước, hoặc một dòi, hai đời cho đến vô số đời, ngay cả quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, hết thảy đều biết rõ. Đồng thời còn có thể thấy mình từng sanh vào dòng họ đó, tên tuổi như vậy, ăn mặc như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua khổ vui như vậy, từ nơi ấy sanh về đây, từ đây sanh về nơi ấy. Tất cả những việc từ vô số kiếp như thế, vị ấy đều nhớ hết. Bằng thiên nhãn thanh ựnh, vi ấy xem xét các loài chúng sanh chết nơi này sanh nơi kia, nhan sắc đẹp xấu, sanh ở cõi lành hay dữ, tùy theo nghiệp đã tạo mà thác sanh thảy đều thấy biết rõ ràng.

Lại nữa, người ấy còn thấy biết có chúng sanh thân làm điều bất thiện, miệng nói lời bất thiện, ý nghĩ điều bất thiện, phỉ báng Thánh hiền, tin theo tà đạo, sau khi mạng chung bị đọa vào ba đường ác; hoặc có chúng sanh thân làm điều thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tu hành chánh tín, sau khi mạng chung được sanh vào cõi trời, cõi người. Với thiên nhãn thanh tịnh, vi ấy nhìn thấy các chúng sanh tùy theo nghiệp đã tạo mà thác sanh, không có gì mà vị này không thấy biết. Đó là khổ hạnh thù thắng bậc nhất. [0049al0] Phật bảo Phạm chí: ở trong pháp này còn có pháp thù thắng hơn mà Ta đã thường dạy bảo cho hàng đệ tử,12 nhờ pháp này mà hàng đệ tử thành tựu Phạm hạnh.12 13 Bây giờ, năm trăm đệ tử Phạm chí đông lớn tiêng bảo nhau: "Nay chúng ta mới thấy đức Thế Tôn là bậc Tối Thượng, thầy ta không sánh bằng.” Lúc ấy, cư sĩ Tán-đà-na bảo Phạm chí: Lúc nãy, ông nói: "Hễ thấy Sa-môn Cù-đàm đến đây thì chúng ta sẽ gọi là con bò chột mắt!' Bây giờ, đức Thế Tôn đã đến, sao ông lại khôn^ gọi? Lúc nãy ông nói: "Chi cần một cau cũng đủ làm cho Sa-môn Cù-đàm đuối lý, phải yên lặng như con rùa rúc cả dầu, đuôi, chân vào trong mai và cho thế là yên, thế nhưng ta chỉ cần một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn.^, Sao bây giờ ông không dùng câu ấy để khiến Như Lai đuối lý? Phật hỏi Phạm chí: Trước đây, ông có nói như thế không? Phạm chí thưa: Thưa có! Phật bảo Phạm chí: Lẽ nào ông không nghe các bậc Phạm chí tiền bối nói: "Chư Phật Như Lai ưa chốn núi rừng, thích nơi nhàn vắng", như Ta ngày nay ưa ở chỗ nhàn vắng, chứ không phải như pháp của các ông, chỉ thích chỗ ồn náo, suốt ngày chỉ huyên thuyên những điều vô bổ! Phạm chí thưa: Con có nghe chư Phật trong thời quá khứ ưa nơi nhàn vắng, thích ở một mình trong chốn núi rừng như Thế Tôn ngày nay. Chẳng như pháp của con, chỉ ưa ở chỗ ồn náo, suốt ngày chỉ huyên thuyên những điều vô bổ! Phật bảo Phạm chí: Lẽ nào ông không nhớ Sa-môn Cù-đàm hay thuyết pháp về đạo Bồ-đề14 rằng: "Không những có thể tư điều phục mình mà còn có thể điều phục kẻ khác,

12 Nguyên tác: Thanh văn có nguyên tác Pâli là Sāvakā, mang nghĩa là Thanh văn và cũng có nghĩa là đệ tử. 13 Nguyên tác: Đắc tu Phạm hạnh . 14 Nguyên tác: Bồ-đề ,có nghĩa là Giác hay Chánh giác .

không những tự dứt phiên não cho mình mà còn dứt phiên não cho kẻ khác, không những tự mình qua đến bờ giác mà còn độ người qua đến bờ giác, không những tự mình giải thoát mà còn giải thoát cho người khác, không những tự mình được diệt độ mà còn giúp người khác được diệt d?" Khi ấy, Phạm chí Ni-câu-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật, dùng tay chạm vào chân Ngài rồi tự xrnig tên mình: Con là Phạm chí Ni-câu-đà! Con là Phạm chí Ni-câu-đà! Nay xin quy y Phật và đảnh lễ chân đức Thế Tôn! [0049b02] Phật bảo Phạm chí: Thôi, thôi! Ông hãy đứng lên! Chỉ cần tâm ông thông đạt là đã đảnh lễ Ta roi. Thế rồi, Phạm chí lại đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Phật dạy tiếp: Này Phạm chí! Ong sẽ không nghĩ răng: "Nhu Lai vì lợi dưỡng mà thuyêt pháp chăng?^ Chớ khởi tâm như the! Vì nếu như có lợi dưỡng thì Ta đã ban bố hết cho ông. Pháp Ta giảng nói là vi diệu bậc nhất, vì để diệt trừ điều ác, tăng trưởng pháp lành. Này Phạm chí! Ong sẽ không nghĩ răng: "Nhu Lai vì muôn được tiêng khen, vì muôn được tôn trọng, vì đê dân đâu, vì quyên thuộc và vì đại chúng mà thuyết pháp chang?" Chớ khởi tâm như thế. Vì quyến thuộc của ông hôm nay thì hết thảy vẫn là quyến thuộc của ông, Ta thuyết pháp vì để diệt trừ điều ác, tăng trưởng pháp lành. Này Phạm chí! Ông sẽ không nghĩ rằng: "Nhu Lai dẫn dắt ông vào nơi tụ hội bất thiện và cả sự tối tăm u?" Chớ khởi tâm như the! Vì đối với sự tụ hội các điêu bát thiện và cả sự tôi tăm ây, nêu như ông xả bỏ thì Ta sẽ nói pháp thiện và thanh tịnh cho ông. A \

Này Phạm chí! Ong sẽ không nghĩ răng: “Nhu Lai gạt bỏ ông ra khỏi các điều thiện pháp và chốn thanh tịnh u?" Chớ khởi tâm như the! Ông cứ siêng năng tu hành thiện pháp và sự thanh tinh thì Như Lai sẽ nói pháp thiện, thanh tịnh cho ông, vì để diệt trừ điều ác, tăng trưởng pháp lành. Bấy giờ, thấy năm trăm đệ tử Phạm chí với tâm ý đoan chánh nghe Phật nói pháp, Ma Ba-tuần tự nghĩ: uNăm trăm vị này đang nghe pháp Phật với tâm ý đoan chánh, ta có thể đến phá hoại tâm ý của hẹ)!" Nghĩ xong, Ác ma liền dùng hét năng lực đê phá hoại tâm ý của họ. Lúc ấy, đức Phật bảo Tán-đà-na rằng: Năm trăm đệ tử Phạm chí với tâm ý đoan chánh nghe Như Lai thuyết pháp nhưng Thiên ma Ba-tuần muốn phá hoại tâm ý của họ. Nay Ta muốn trở về, ông hãy đi cùng Ta.

648 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thế rồi, Phật liền nắm tay phải của cư sĩ Tán-đà-na đặt trong lòng bàn tay mình rồi nương hư không trở về. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp xong, cư sĩ Tán-đà-na, Phạm chí Ni-câu- đà cùng năm trăm đệ tử của ông đều hoan hỷ phụng hành.

9. KINH CHÚNG TẬP1 _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo du hóa trong xứ Mạt-la,12 rồi đi dần đến vườn Am-bà34của ông Xà-đầu/ thuộc thành Ba-bà.5 Hôm ấy, vào ngày rằm trăng tròn, đức The Tôn ngồi nơi khoảng đất trống cùng với đại chúng vây quanh. Sau khi thuyết pháp đến khuya,6 đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất:7 Hôm nay, các Tỳ-kheo từ bốn phương vân tập về dây, tất cả đều siêng năng, từ bỏ sự ngủ nghỉ. Ta vì đau lưng nên tạm nghỉ ngơi, vậy

thầy hãy thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo! - Thưa vâng! Con xin làm theo lời đức Thế Tôn dạy! Bấy giờ, đức Thế Tôn xếp y Tăng-già"lê làm bốn rồi nằm nghiêng về bên phải, hai chân xép chông lên nhau như dáng năm của sư tử. Bấy giờ, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ"kheo: Hôm nay, tại thành Ba-bà này, có vị Ni-kiền-tử8 vừa mới qua đời. Chúng đệ tử của ông ta chia thành hai phái, tìm mặt hơn mặt kém của nhau rồi cùng tranh cãi, mắng nhiếc, thị phi với nhau rằng: "Ta biết pháp này, ngươi không biêt pháp này. Ngươi ở nơi tà kiên, ta ở nơi Chánh pháp. Ngươi nói năng sai lầm, lẫn lộn, không có thứ tự.,, Họ tự khen những lý luận của mình, cho đó là chân chánh, rằng: "Những điều ta nói là hơn, những điều ngươi nói là kém, nay ta làm chủ cuộc thảo luận này, vậy ngươi cần biết điều gì thì nên hỏi ta."

1 Nguyên tác: Chủng tập kinh roi. 0001.9. 0049Ồ26. Tham chiếu: Thập thượng kinh TOI. 0001.10. 0052c 17; Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh 01.0012. 0226c03; D. 33, Sañgīti Sutta Kinh Phung tụng; D. 34, Dasuttara Sutta Kỉnh Thập thượng. 2 Mạt-la ,Mallā. 3 Am-bà ,Amba. 4 Xà-đầu ,Cunda. 5 Ba-bà ,Pāvā. 6 Nguyên tác: Dạ-đa .Tham chiếu: D, 33, Sañgīti Sutta Kinh Phúng tụng'. Abhikkantā đêm đã khuya. 7 Xá-lợi-phất Sāriputta. 8 Ni-kiền-tử ,Nigantha Nāthaputta.

650 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này các Tỳ-kheo! Lúc ấy, những người dân trong nước lâu nay phụng thờ Ni-kiên-tử đêu chán ghét việc tranh cãi này. Tát cả đêu do pháp của họ không chân chánh và đã không chân chánh thì làm sao giải thoát được. Ví như ngôi tháp đã mục nát thì không thể sửa sang được nữa. Đó không phải là lời dạy của bậc Đẳng Chánh Giác.9 Này các Tỳ-kheo, chỉ có pháp của đức Thích-ca Vô Thượng Tôn mới thật là chân chánh, mới có khả năng dẫn đến xuất ly. Ví như ngôi tháp mới thì rất dễ trang hoàng, đây là lời dạy của bậc Đang Chánh Giác. Này các Tỳ-kheo9 hôm nay chúng ta phải kết tập giáo pháp và giới luật1011 để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói một pháp chân thực,11 tất cả chúng sanh đều nhờ thức ăn mà tồn tại.12 Đức Như Lai lại nói một pháp, tất cả chúng sanh đều nhờ vào các hành13 mà an trụ. Đó là một pháp do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo5 đức Như Lai dạy: "C6 hai pháp chân thực, một là danh, hai là sác. Lại có hai pháp là si và ái. Lại có hai pháp là hữu kiến và vô kiến.14 Lại có hai pháp là không biết tự thẹn và không biết xấu hổ. Lại có hai pháp là biết tự thẹn và biết xấu hổ.

9 Nguyên tác: Tam-da-tam Phật ,Sammāsambuddhā'. Đấng Giác Ngộ Viên Mãn. 10 Nguyên tác: Pháp Dhammo, Lu^t Vinayo. 11 Nguyên tác: Như Lai thuyết nhất Chánh pháp .Tham chiếu: D. 33: Sammāsambuddhena eko dhammo sammadakkhāto ^co mọt pháp được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, HT. Thích Minh Châu dịch. ở đây, chữ chánh ĨÈ được dịch từ chữ samma, biến thể của samma, nghĩa là chân chánh. 12 Tham chiếu: D. 33: Sabbe sattā āhāratthitikā Tất cả loài hữu tình do các món ăn āhārā mà an trú, HT. Thích Minh Châu dịch. 13 Hành sankhără. s.

III. 86 định nghĩa: t4Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là hành? Làm chọ hiện hành pháp hữu vi nên gọi là hành. Làm cho hiện hành pháp hữu vi gì? Làm cho hiện hành sắc với sắc tánh, làm cho hiện hanh thọ với thọ tánh, làm cho hiền hanh tưởng với tưởng tánh, làm cho hiện hành các hành với hành tánh, làm cho hiện hành thức với thức tánh. Làm cho hiện hành pháp hữu vi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là các hành" HT. Thích Minh Châu dịch. 14 Hữu kiến, vô kiến ,Bhavaditthi ca vibhqvaditthi .
Hữu kiến Qn gói Thường kiến. Vô kiến còn gọi Đoạn kiến .Tham chiếu:
Pháp Hoa huyền tản T.34. 1723.4. 0725b07: Hữu kiến là chấp có ngã tồn tại ở đời sau, tức Thường kiến; Vô kiến là chấp không có ngã tồn tại ở đời sau, tức Đoạn kiến S,.

9. KINH CHÚNG TẬP 651

Lại có hai pháp, Tận trí15 và Vô sanh trí.16 Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh ra ái dục, đó là dung sắc tươi đẹp và không có tư duy. Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh ra sân hận, đó là oán ghét và không có tư duy. Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên phát sanh tà kiến, đó là nghe từ người khác và tà tư duy. Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh ra chánh kiến, đó là nghe từ người khác và chánh tư duy. Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên, đó là hữu học giải thoát và vô học giải thoát. Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên, đó là hữu vi giới và vô vi gi&i." Này các Tỳ-kheo, đây là pháp do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. [0050a07] Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai dạy: “C6 ba pháp chân thực, đó là ba gốc rễ bất thiện: Tham dục, sân hận và ngu si. Lại có ba pháp, đó là ba góc rê thiện: Không tham, không sân và không si. Lại có ba pháp, đó là ba nghiệp bất thiện: Nghiệp bất thiện của thân, nghiệp bất thiện của miệng và nghiệp bất thiện của ý. Lại có ba pháp, đó là ba hành vi bất thiện: Hành vi bất thiện của thân, hành vi bất thiện của miệng và hành vi bất thiện của ý. Lại có ba pháp, đó là ba nghiệp ác:17 Nghiệp ác của thân, nghiệp ác của miệng và nghiệp ác của ý. Lại có ba pháp, đó là ba nghiệp thiện: Nghiệp thiện của thân, nghiệp thiện của miệng và nghiệp thiện của ý.

15 Tận trí (,Khayañāpa). Một trong 10 trí. Đại trí độ luận (25. 1509.23. 0233a01) giải thích í4Tân trí' nghĩa là Ta đã thấy khổ, đã đoạn tập, đã chứng diệt yadā tu đạo. Khi quán sát như vậy thì sẽ thấy biết và chứng ngộ rõ ràng với trí tuệ vô lậu ( ). 16 Vô sanh trí (Anuppādeñāna)'. Một
trong 10 trí. Đại trí độ^luận (F.25. 1509.23. 0233a02-04) giải thích UVÔ sanh trí" nghĩa là Ta đã thấy khổ rối thì khổ sẽ không còn thay nữa, đã đoạn tập rồi thì se không còn đoạn nữa, đã chứng diệt rọi thì sẽ không phải chứng nưa và đã tu đạo rồi thì sẽ không phải tu nữa. Khi quán sát như vậy thì sẽ thấy biết và chứng ngộ rõ ràng với trí tuệ vô lậu (B:::).Nói cách khác,
trí tuệ nhận biêt răng 3 thứ phiên não dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu cùng với mọi trói buộc, tùy miên đã diệt sạch, không con sanh khởi trở lại gọi là44Vô sanh trí." 17 Tam ác hành (H ÍT)chỉ chohet thảy nghiệp bất thiện của thân, khẩu, ý. Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (T.26. 1536.3. O452ci 1); A-Ìy-đạt^nạ Thuận chanh

ỉ̉y luẩn (7.29? 1562.41. 0574a25); A-tỳ-đạbma Câu-xả luẩn 1(729. 1558.16. 0084al6).

. r 9 Lại có ba pháp, đó là ba tưởng bát thiện: Tưởng dục, tưởng sân và tưởng hại. Lại có ba pháp, đó là ba tưởng thiện: Không có tưởng dục, không có tưởng sân và không có tưởng hại. Lại có ba pháp, đó là ba tư duy bất thiện: Tư duy dục, tư duy sân và tư duy hại. Lại có ba pháp, đó là ba tư duy thiện: Không có tư duy dục, không có tư duy sân và không có tư duy hại. Lại có ba pháp, đó là ba phước nghiệp: Phước nghiệp bố thí, phước nghiệp bình đẳng và phước nghiệp tư duy.18 Lại có ba pháp, đó là ba thọ: Cảm thọ vui, cảm thọ khô và cảm thọ không vui không khô. Lại có ba pháp, đó là ba ái: Dục ái, hữu ái và vô hữu ái.19 Lại có ba pháp, đó là ba hữu lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.20* Lại có ba pháp, đó là ba thứ lửa: Lửa dục, lửa sân và lửa si. Lại có ba pháp, đó là ba sự tìm cầu: Sự tìm cầu về dục, sự tìm cầu về hữu và sự tìm cầu về Phạm hạnh. Lại có ba pháp, đó là ba sự tăng thịnh: Tăng thịnh do năng lực tự thân, tăng thịnh do nhờ sức mạnh thế gian và tăng thịnh do nhờ sức mạnh Chánh pháp. Lại co ba pháp, đo la ba giới: Dục giới, san giới và hại giới?1 Lại có ba pháp, đó là ba giới: Xuất ly giới, vô sân giới và vô hại giới. Lại có ba pháp, đó là ba giới: sắc giới, Vô sắc giới và tận giới. Lại có ba pháp, đó là ba tụ: Tụ giới, tụ định và tụ tuệ. Lại có ba pháp, đó là ba giới: Tăng thịnh giới, tăng thịnh định và tăng thịnh tuệ. [0050b01] Lại có ba pháp, đó là ba loại tam-muội: Không tam-muội, Vô nguyện tam-muội và Vô tướng tam-muội. Lại có ba pháp, đó là ba tướng: Tướng vắng lặng,22 tướng tinh cần và tướng xả.

18 Tham chiếu: D. 33: Dānamayam puññakiriyavatthu, sīlamayam puññakiriyavatthu, bhāvanāmayam puññakiriyavatthu Thí hành phước nghiệp sự, giới hành phước nghiếp sự, tu hanh phước nghiệp sự, HT. Thích Minh Châu dịch. Ba phước nghiệp và được các truyền thong kinh điển trình bày có đôi chút khác biệt, ở đây, theo EẨ. 21.2, việc giữ giới cũng như thực hành bốn tâm vô lượng chính là bình đẳng nghiệp. Bên cạnh đó, chữ "tư duy",theoA Du-già sư địa luận T.30. 1579.37. 0497ạll có nghĩa là sống viễn ly, vui Ương pháp thiền định .Nghĩa này gần tương đồng với chữ bhāvanā trong Pali. Như vậy, 3 phước nghiệp nêu trên chính là bố thí, trì giới và tu tập. 19 Dục ái kāmatañha'. Tham đắm cõi Dục. Hữu ái ,bhavatañhā: Tham đắm cõi sắc. Vô hữu ái vibhavatañha'. Tham đắm cõi Vô sắc. 20Dục lậu kāmāsavā'. Tham dục khởi phiền não trói buộc chúng sanh trong cõi Dục. Hữu lậu bhavāsavā'. Tất cả những phiền não trói buộc chúng sanh trong cõi sắc và vô sắc. Vô minh lậu avijjāsavā'. Phiền nao si, tức vô minh, trói buọc chúng s^ih trong 3 cõi. %Tam bất thiện giới :,Nhiễm dục giới ,sân khuê giới và tổn hại giới .D. 33: Tisso dhātuyo 3 bát thiện giới: Kāmā dục, vyāpāda sân khuê, vihimsa hại. 22 Nguyên tác: Chỉ tức .Tạp A-hàm viết là 4tỷ tức","hưu tức",“chi tức".

Lại có ba pháp nói về ba loại minh:23 Tự thức túc mạng trí minh,24 Thiên nhãn trí minh25 và Lậu tận trí minh.26 Lại có ba pháp, đó là ba sự biên hóa: Một là thân thông biên hóa, hai là biêt tâm của người khác roi tùy theo đó mà thuyết pháp và ba là răn dạy. Lại có ba pháp, đó là ba thứ căn bản do dục sanh: Một, do dục hiện tại sanh vào cõi trời, cõi người; hai, do hóa dục sanh về trời Hóa Tự Tại; ba, do tha hóa dục sanh về cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Lại có ba pháp, đó là ba trường hợp do lạc sanh: Một, có chúng sanh tự nhiên thành tựu biện tài, sanh tâm hoan hỷ, như ở cõi trời Phạm Quanệ Âm khi mới sanh lên cõi ấy; hai, có chúng sanh lấy niệm làm niềm an lạc, roi tự nói: "Lành thay!", như ở cõi trời Quang Âm; ba, được sự an vui do sự vắng lặng,27 như ở cõi trời Biến Tịnh. Lại có ba pháp, đó là ba thứ khổ: Hành khổ, khổ khổ và biến dịch khổ. Lại có ba pháp, đó là ba căn: Vị tri dục tri căn, tri căn và tri dĩ căn.2829 Lại có ba pháp, đó là ba trú xứ: Trú xứ của Hiền thánh, tru xứ chư thiên và trú xứ của Phạm thiên. Lại có ba pháp, đó là ba trường hợp cử tội: Cử tội do thấy, cử tội do nghe và cử tội do nghi. Lại có ba pháp, đó là ba luận thuyêt: Trong quá khứ có việc như thê, có luận thuyết như thế; vi lai có việc như thế, có luận thuyết như thế; hiện tại có việc như thế, có luận thuyết như thế. Lại có ba pháp, đó là ba tụ: Chánh định tụ,29 ta định tụ30 và bất định tụ.31 Lại có ba pháp, đó là ba thứ tru phiên: Ưu phiên vê thân, ưu phiên vê miệng và ưu phiên vê ý.

23 Tam minh ,tivịiiã còn gọi "tam dạt”,"tam chứng pháp". 24 Tự thức túc mạng trí minh ^0^ còn gọi Túc mạng trí chứng minh ,Túc trụ tùy niệm trí tác chứng minh ,Túc trụ M chứng minh ,Túc trụ trí minh ,Túc mạng minh ,Túc mạng trí . 25 Thiên nhãn trí minh còn gọi Thiên nhãn minh Sanh tử trí chứng minh . : 2 26 Lậu tận trijncòn gọi Lậu tận trí chứng minh ,Lậu tận minh , Lậu tận trí . 27 Xem chú thích 22 ở trên. Còn gọi Tam vô lậu căn ,gồm: Vị tri dục tri căn ,anājñātājñāsyāmīndriyā: Căn cơ thuộc giai vị Kiến đạo. Tri căn ,còn gọi "di tri cn",ājñendriya'. Căn cơ thuộc giai vị Tu đạo. Tri dĩ căn, cụ tri căn ,ājñātāvīndriya '. Căn cơ thuộc địa vị Vô học. 29 Chánh định tụ JE là một trong 3 tụ. Tụ nghĩa là timg nhóm. Chánh định tụ còn gọi “chánh tánh định tụ”,"chanh định,, j, 4Cđẳng tụ","thiện tụ 3 TA định tụ cũng gọi "tà tánh định tụ,, ,utất tà tụ",utà kiến tế” ,gọi tắt ỉa "tà dinh,i . 31 Bất định tụ cũng gọi "bất định tánh tụ”“bất djnh”:Chẳng thuộc tà chẳng thuộc chánh kiến, là mọt trong 3 tụ. Dựa theo sự sai khác của căn cơ chúng sanh, co thể chia thành 3 nhómx Tâm tánh chúng sanh nào chưa thuộc chánh hay tà, hễ gặp duyên lanh thì thành quyết định chánh, hê gặp duyên ác thì thành quyêt định tà. Vì bát định như thê nên gọi "bất định tụ.,,

Lại CÓ ba pháp, đó là ba loại Trưởng lão: Trưởng lão tuổi cao, Trưởng lão thấy pháp và Trưởng lão thế tục.32 . Lại có ba pháp, đó là ba loại mát: Măt thịt, măt trời và mát tũệy Này các Tỳ-kheo, đây là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu

dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo9 đức Như Lai nói: "C6 bốn pháp chân thực, tức là bốn nghiệp ác do miệng: Nói dối, nói hai chiêu, nói độc ác và nói thêu dệt. Lại có bốn pháp, tức là bốn nghiệp thiện do miệng: Nói sự thật, nói dịu dàng, không nói thêu dệt và không nói hai chiều. Lại có bốn pháp, tức là bốn cách nói không như Hiền thánh: Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không hiểu nói hiểu và không biết nói biết. Lại có bốn pháp, đó là bốn cách nói như Hiền thánh: Thấy nói thấy, nghe nói nghe, hiểu nói hiểu và biết nói biết. Lại có bốn pháp, đó là bốn cách ăn: Đoàn thực, xúc thực, niệm thực và thức thực.33 Lại có bôn pháp, đó là bôn thọ: Một, hiện tại tạo khô hạnh, vê sau thọ khô báo; hai, hiện tại tạo khổ hạnh, về sau thọ lạc báo; ba, hiện tại tạo lạc hạnh, về sau thọ khổ báo; bốn, hiện tại tạo lạc hạnh, về sau thọ lạc báo. Lại có bốn pháp, đó là bốn thứ chấp trước:34 Dục thủ,35 ngã thủ,36 giới thủ37 và kiến thủ.38

32 Niên kỳ Trưởng lãk:Nhiều tuổi nên được gọi là TYưởng lão. Pháp Trưởng lão : Do thấu rõ giáo pháp nên gọi là Trưởng lão. Tác Trưởng lão dGiả danh Trưởng lão. Trường hợp thứ 3 nay, Pali gọi là sammutithero, nghĩa là Trưởng lão thế tục. 33 Đoàn thực Ăn thức ăn được vo thành những viên tròn, nhỏ. Đoàn thúc được chia làm hai loại: 1. Thô, như cơm, banh, miến, mì, v.v... 2. Te, như bơi dầu, hương vị và các đồ uống, v.v... Đoàn thực là chỉ chung cho tất cả thức ăn của cõi dục. Xúc thực cũng gọi là tế hoạt thực, lạc thực, ăn bằng cách xúc chạm. Niệm thực :Thức ăn bằng sự nhớ nghĩ, mọt trong 9 cách ăn. Tăng.r02. 0125.45.4. 0772bl3 nêu ra 4 loại ăn thế gian và 4 loại ăn xuất thế gian, ^niệm thực" thuốc về loại ăn xuất thế gian, nghĩa Ja nếu hành giả luôn nhớ nghĩ pháp thiện và giư gìn không quên thì chắc chan sẽ nuôi lớn gốc lành, bổ ích tuệ mạng, như thức ăn của thế gian nuôi lớn và bô ích cho sắc thân vậy. Thức thực :Ăn bằng tinh thần, nghĩa là trạng thái lấy tinh thần làm chủ thể để bảo trì sự sống còn, gọi ỉa "thức thực." Tăng.r.02. 0125.29.4. 0656c19 ghi: Thế nào là thức thực? Những gì được niệm tưởng bởi thức, được nhận biêt bởi ý. Băt đâu từ cõi Phạm thiên cho đên cõi trời Hữu Tưởng và Vo Tưởng đều dùng thức làm thức ăn. Đây gọi là thức thực , 34 Nguyên tác:
Thọ ,dùng như chữ "thủ"upādānă. 35 Nguyên tác: Dục thọ kāmupādāna.
36 Nguyên tác: Ngã thọ ,atta vādupādānă. 37 Nguyên tác: Giới thq ,sĩlabbatupādānă. 38 Nguyên tác: Kiến thọ ditthupādāna.

9. KINH CHÚNG TẬP 655

Lại có bốn pháp, đó là bốn sự trói buộc: Thân bị trói buộc do tham dục, thân bị trói buộc do sân hận, thân bị trói buộc do trộm cướp và thân bị trói buộc do ngã kiến. [0050c07] Lại có bốn pháp, đó là bốn gai nhọn: Gai nhọn tham dục, gai nhọn sân hận, gai nhọn thấy biết và gai nhọn kiêu mạn. Lại có bốn pháp, đó là bốn hình thức sanh: Sanh từ trứng, sanh từ thai, sanh từ chô âm tháp và sanh từ sự biên hóa. Lại có bốn pháp, đó là bốn niệm xứ: Một là ở đây, vị Tỳ-kheo quán thân trong nội thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân trong ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân trong nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác,

diệt trừ tham ưu ở đời. Hai là quán thọ, ba là quán tâm và bốn là quán pháp, cũng như thế. Lại có bốn pháp, đó là bốn chánh cần: Một là với điều ác chưa sanh, Tỳ- kheo tìm cách khiến chúng không sanh; hai là với điều ác đã sanh thì tìm cách trừ diệt chúng; ba là với điều thiện chưa sanh thì tìm cách làm chúng phát sanh; bốn là với điều thiện đã sanh thì tìm cách tư duy để chúng càng tăng trưởng. Lại có bốn pháp, đó là bốn thần túc: ở đây, vị Tỳ-kheo tư duy về dục định diệt hành thành tựu, tinh tấn đinh, ý đinh và tư duy định cũng như vậy. Lại có bốn pháp, đó là bốn bậc thiền định: Tỳ-kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an tru Thiên thứ nhát; Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán; Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an tru xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm; Tỳ-kheo khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó nên buông bỏ cả kho và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không kho không vui, gọi là xả niệm thanh tinh. Lại có bốn pháp, đưa đến cộng tru với Phạm thiên. Đó là từ, bi, hỷ và xả. Lại có bốn pháp, đó là bốn định Vô sắc:39 Một là, ở dây, vi Tỳ-kheo vượt hết tất cả sắc tưởng, diệt tận tưởng sân hận từ trước,40 không có nghĩ tưởng nào khác, tư duy về vô lượng Không xứ, chứng nhập và an trú Không vô biên xứ. Hai là xả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ. Ba là xả Thức vô biên xứ, nhập Vô sở hữu xứ. Bon là xả Vô sở hữu xứ, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

39 Tứ vô sắc định Catasso arūpasamāpattī: Bốn loại cảnh giới đã vượt khỏi sự trói buộc của sắc pháp vật chất. Định này Ja do tư duy về 4 CÕI Vô sắc mà đạt được. Nếu muốn sanh về 4 coi Vô sắc thì J±ai tu tập 4 định Vô sắc. 40 Nguyên tác: Tận sân khuê tưởng ,còn gọi Đối ngại tưởnhoặc Hữu đối tưởng patighasaññā. Theo Đại duyên phương tiện kinh roi. 0001.10. 0062b19, trạng thái này chính là vượt qua sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, trụ vào Khòng xứ và Bốn giải thoát .

Lại CÓ bốn pháp, đó là bốn pháp đầy đủ: Không tham, không sân, chánh niệm và chánh đinh. Lại có bốn pháp, đó là bốn Thánh chủng:41 Một là, ở đây, vị Tỳ-kheo biết đủ về y phục, được loại tốt thì không mừng, được loại xấu cũng không buồn, đồng thời không đắm nhiễm, biết điều cấm kỵ, biết con đường giải thoát, ở trong pháp này siêng năng, không lười biếng, thành tựu được pháp này, không thiếu sót, không tổn giảm, đồng thời cũng có thể dạy cho người khác thành tựu pháp này, đó là pháp biết đủ thứ nhất đê an trụ trong dòng Hiền thánh, từ xưa đến nay chưa bao giờ bi não loạn, ngay cả các loài Phạm thiên, Ma vương, Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người không ai có thể chê trách. Hai là biết đủ về thức ăn. Ba là biết đủ về vật dụng nằm, ngồi. Bốn là biết đủ về thuốc thang trị bệnh. Hết thảy đều nên biết đủ như thế. Lại có bốn pháp, đó là bốn pháp nhiếp chúng: Một là thí xả tài vật, bố thí pháp; hai là nói lời an ủi khuyên nhủ; ba là ba nghiệp thiện lành; bốn là gần gũi sẻ chia với chúng sanh. Lại có bốn pháp, đó là bốn chi Tu-đà-hoàn: Tỳ-kheo thành tựu niềm tin không lay chuyển đối với Phật, Pháp,

Tăng và Giới. Lại có bốn pháp, đó là bốn thọ chứng: Một là thọ chứng do thấy sắc, hai là thọ chứng do thân hoại diệt, ba là thọ chứng do nhớ về túc mạng và bốn là thọ chứng do biết hữu lậu đã bi đoạn sạch. Lại có bốn pháp, đó là bốn đạo: Khổ tu hành, được kết quả chậm; khổ tu hành, được kết quả mau; vui tu hành, được kết quả chậm; vui tu hành, được kết quả mau. [0051al3] Lại có bốn pháp, đó là bốn Thánh đế: Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyện nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. L r Lại có bôn pháp, đó là bôn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm5 A-na-hàm và A-la-hán. Lại có bốn pháp, đó là bốn nơi: Nơi chân thật, nơi thí xả, nơi phát sanh trí và nơi tịch tĩnh. Lại có bốn pháp, đó là bốn trí: Pháp trí,4243 Vi tri trí,43 Đẳng trí44 và Tri tha nhân tâm trí.45

41 Nguyên tác: Tứ Hiền thánh tộc ,cũng còn gọi là tứ Thánh chủng, 4 sự truyền thừa của bậc Thanh. 42 Pháp trí JDhamme ñānarri còn gọi Đạo trí pháp Maggañānadhammā. Theo Chủ giải Kinh Nānavatthu Ñānavatthusuttavannana', s. 12.33 - II. 56, Pháp trí chính là Đạo trí Dhamme ñānanti maggañānam. 43 Vị tri trí còn gọi Loại trí .Theo Chủ giải Kinh Ñānavatthu Ñānavatthusuttavannana, S. 12.33 - IL 56, đây là trí tỉnh giác quán sát paccavekkhanañānassetarri. 44 Đẳng trí c6n gọi Thế tục đẳng trí ,trí tuệ của thế gian. Tham chiếu: Đại thừa nghĩa chương r.44. 1851.15. 0769027 45 Tri tha nhân tâm trí còn gọi Tha tâm trí ,Pariye ñānarñ.

9. KINH CHÚNG TẬP 657

Lại có bôn pháp, đó là bôn năng lực vê biện luận: Biện tài vê pháp, biện tài về nghĩa, biện tài về từ và biện tài về ứng đối. Lại có bốn pháp, đó là bốn trú xứ của thức: sắc là tru xứ thức, duyên sắc, trú nơi sắc, sắc và ái cùng tăng trưởng. Thọ thức, tưởng thức và hành thức cũng như vậy. Lại có bốn pháp, đó là bốn sự trói buộc: Trói buộc của dục5 trói buộc của hữu, trói buộc của thấy biết và trói buộc của vô minh. Lại có bốn pháp, đó là bốn vô ách: Không có gông trói của dục, không có gông trói của hữu, không có gông trói của thấy biết và không có gông trói của vô minh. Lại có bốn pháp, đó là bốn loại thanh tịnh: Thanh tinh do giới, thanh tịnh do tâm, thanh tịnh do thấy biết và thanh tịnh do vượt qua nghi ngờ. Lại có bốn pháp, đó là bốn điều biết: Biết nhận điều đáng nhận, biết làm việc đáng làm, biêt vui điêu đáng vui và biêt từ bỏ cái đáng từ bỏ. Lại có bốn pháp, đó là bốn oai nghi: Biết đi lúc nên di, biết đứng lúc nên đứng, biết ngồi lúc nên ngồi và biết nằm lúc nên nằm. Lại có bốn pháp, đó là bốn cách suy tư: Suy tư ít, suy tư rộng, suy tư vô lượng và suy tư vô sở hữu. Lại có bốn pháp, đó là bốn cách trả lời:46 Trả lời bằng sự quả quyết, trả lời băng cách giảng giải phân biệt, trả lời băng cách chát vân ngược lại và trả lời bằng sự im lặng. Lại có bốn pháp, đó là bốn pháp phòng hộ của Phật: Đức Như Lai thân hành thanh tịnh, không có thiếu sót, không có sơ suất, có thể tự phòng hộ; khẩu hành thanh tinh; ý hành thanh tinh và mạng hành thanh tịnh cũng đều như vay.59 Đây là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. [0051b06] Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: "C6 năm pháp chân thực, đó là năm nhập: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi

hương, lưỡi nếm vị và thân xúc chạm. Lại có năm pháp, đó là năm thủ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Lại có năm pháp, đó là năm sự ngăn che:47 Tham dục, sân hận, ngủ nghỉ, trạo cử48 và nghi ngờ do dự.

46 Nguyên tác: Tứ ký luân ,còn gọi "tứ ký vấn,, ,"tứ ký".Tham chiếu:
Phật địa kinh luận 7126. 1530.6. 0320c08; Du-gĩà sư đỉa luận r.30.
1579.81. 0753C22. , 47 Ngũ cái ."cai" nghĩa là che lấp, tức chỉ cho 5 thứ phiền não
che lấp tâm tính. 48 Nguyên tác: Điệu hý .

Lại có năm pháp, đó là năm hạ phân kiêt sử: Thân kiên, giới câm thủ, nghi, tham dục và sân hận kiết sử. Lại có năm pháp, đó là năm thượng phàn kiết sử: sắc ái, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn và trạo hối kiết sử. Lại có năm pháp, đó là năm căn: Tín, tấn, niệm, định và tuệ căn. Lại có năm pháp, đó là năm lực: Tín, tấn, niệm, định và tuệ lực. Lại có năm pháp, là năm điều mà không ai có thể tước đoạt:49 Một là Tỳ- kheo tin Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu; hai là, Tỳ-kheo không bị bệnh tật, thân thường an ổn; ba là, ngay thẳng, không dua nịnh, nêu có thê được như thê, đức Như Lai sẽ chỉ bày cho con đường tắt đến Niết-bàn; bốn là, tự mình chuyên niệm nhất tâm, không cho tán loạn, những điều đọc tụng trước đây ghi nhớ mãi không quên; năm là, khéo quán xét sự sanh diệt của các pháp, dùng hạnh Hiền thánh để diệt tận gốc khổ. Lại có năm pháp, đó là năm lời nói ác: Nói không đúng lúc, nói không đúng sự thật, nói lời vô nghĩa, nói lời thách đố và nói lời không có từ tâm. Lại có năm pháp, đó là năm lời nói thiện: Nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói lời có nghĩa, nói lời ôn hòa và nói với từ tâm. Lại có năm pháp, đó là năm sự ganh ghét: Ganh ghét về chỗ ở, ganh ghét vê thí chủ, ganh ghét vê lợi dưỡng, ganh ghét vê sác và ganh ghét vê giáo pháp. Lại có năm pháp, đo là năm lối vào giải thoát: Một là nghĩ thân là bất tịnh; hai là nghĩ thức ăn là bất tịnh; ba là nghĩ tất cả hành là vô thường; bốn là nghĩ tất cả thế gian không đáng vui; năm là nghĩ đến sự chết. Lại có năm pháp, đó là năm phạm vi giải thoát: Một là, ở đây vị Tỳ-kheo đôi với dục, không ưa, không động, không gân gũi, chỉ nghĩ đên việc thoát ly, thích hạnh viễn ly, không lười biếng, tâm vi ấy nhu hòa, ly dục, giải thoát. Khi những lậu hoặc, trói buộc phát sanh do dục, vị ấy diệt trừ, xả ly hoàn toàn mà được giải thoát, đó gọi là giải thoát khỏi dục. Hai là giải thoát khỏi sân hận. Ba là giải thoát khỏi ganh ghét. Bốn là giải thoát khỏi sắc và năm là giải thoát khỏi thân kiến. Tất cả đều phải tu tập như vậy. [005lc03] Có năm pháp, đó là năm điều hoan hỷ khi vào đạo giải thoát. Nếu vi Tỳ-kheo siêng năng, không lười biếng, thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm nhất tâm, những gì chưa hiểu thì được hiểu, những gì chưa đoạn dứt liền đoạn dứt, những gì chưa an thì được an. Những gì là năm? Một là, Tỳ-kheo nghe đức Như Lai nói pháp, hoặc nghe bậc Phạm hạnh nói pháp, hay nghe Sư trưởng nói pháp, rồi tư duy quán sát, phân biệt ý nghĩa của pháp trên, tâm được hoan hỷ, khi đã được hoan hỷ thì được pháp lạc, khi đã được pháp lạc thì thân tâm an ổn,

49 Nguyên tác: Diệt tận chi .Theo Nhất thiết trị kinh—7\0l. 0026.59.
0793c24, gọi là Đoạn chi ,nghĩa là không ai có thể tước đoạt .Kinh điển
Pâli gọi là 44chi phần tinh cần.,, Xem thêm A. III. 65, Padhāniyañga Sutta Kinh

Padhãnỉyangă.

9. KINH CHÚNG TẬP 659

khi thân tâm đã an ổn thì được thiền định, khi được thiền đinh thì thấy đúng như thật, đó là vào giải thoát thứ nhất; hai là ngay đây vị Tỳ-kheo khi nghe pháp đã được hoan hỷ; ba là khi thọ trì đọc tụng cũng được hoan hỷ; bốn là khi nói cho người khác nghe cũng lại hoan hỷ; năm là khi suy tư phân biệt cũng lại hoan hy, ở nơi pháp mà được đắc định cũng như vậy. Lại có năm pháp, đó là năm hạng người: Một là Trung Bát-niết-bàn;50 hai là Sanh Bát-niết-bàn;51 ba là Vô hành Bát-niết-bàn;52 bốn là Hữu hành Bát-niết- bàn5354và năm là Thượng lưu A-ca-ni-trá BStniết-ban."54 Này các Tỳ-kheo, đây là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: "C6 sáu pháp chân thực, đó là sáu xứ bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. , r Lại có sáu pháp, đó là sáu xứ bên ngoài: Sác, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Lại có sáu pháp, đó là sáu loại thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Lại có sáu pháp, đó là sáu loại xúc: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Lại có sáu pháp, đó là sáu loại thọ: Nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ và ý thọ. Lại có sáu pháp, đó là sáu loại tưởng: Tưởng về sắc, tưởng về thanh, tưởng vê hương, tưởng vê vị, tưởng vê xúc và tưởng vê pháp. r Lại có sáu pháp, đó là sáu loại tư: Sác tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư và pháp tư. Có sáu pháp, đó là sáu loại ái: Ái sắc, ái thanh, ái hương, ái vi, ái xúc và ái pháp. CÓ sáu pháp, đó là sáu nguôn góc đưa đên sự tranh châp: Một là, nêu Tỳ- kheo ưa sân không bỏ, không kính đức Như Lai, không kính Pháp, không kính Tăng, đối với giới thì có những khiếm khuyết, nhiễm ô9 bất tinh, ở trong chúng

50 Trung Bát-niết-bàn ,Antarāparinibbāyī, trường hợp Thánh giả A-na-hàm, sau khi chết ở Dục giỗi, trước khi tái sanh sắc giới, nhạp Niết-bàn ở khoảng trung gian. 51 Sanh Bát-niết-bàn Upahaccaparinibbāyī, vị A-na-hàm sau khi tái sanh sắc giới một thời gian không lâu liền nhập Vô dư y Niết-bàn. 52 Vô hành Bát-niết-bàn ,Asaṅkhāraparinibbāyī, sau khi tái sanh sắc giới, không do nỗ lực tu tập mà nhập Niết-bàn. 53 Hữu hành Bát-niết-bàp Sasañkhāraparinibbāyī , vị A-na-hàm sau khi sanh sắc giới, trải qua một thời gian nỗ lực tu tập nữa roi mới nhập Niết-bàn. 54 Thượng lưu Ạ-ca-ni-trá Bát-niết-bàn lần lượt tái sanh lên từ cõi Sơ thiền, cho đến cao nhất của Tứ thiền, rồi nhập Niết-bàn trong trạng thái đó.

660 KINH TRƯỜNG A-HÀM

hay sanh cãi vã, bi người ghét bỏ, phá roi tịnh chúng, khiên trời và người không được yên. Này các Tỳ-kheo5 các thầy phải tư quán sát bên trong, giả sử có sân hận, như bị người kia quấy rối thì phải nhóm chúng lại một cách hòa hợp, tìm đủ mọi cách cham dứt nguyên nhân sự tranh cãi này. Các thay lại phải chuyên niệm tự quán, giả sử kết hận đã diệt thì cũng nên tìm cách để ngăn chặn tâm mình, chớ để tái phát. Hai là, các Tỳ-kheo ngoan cố, không nghe sự thật; ba là, tham lam, keo kiệt, ganh ghét; bốn là, lường gạt, dối trá; năm là, cố chấp hiểu biết đã học của mình không chịu buông bỏ; sáu

là, mê lầm nơi tà kiến, biên kiến, cũng đều như vậy. Lại có sáu pháp, đó là sáu giới: Tức là đất, nước, lửa, gió, không và thức giới.55 Lại có sáu pháp, đó là sáu hạnh quán sát: Một là mắt quán sắc; hai là tai quán âm thanh; ba là mũi quán mùi hương; bốn là lưỡi quán vi; năm là thân quán sự xúc chạm; sáu là ý quán pháp. [0052a08] Lại có sáu pháp, đó là sáu giới giải thoát: Một là, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: "Ta tu tâm từ mà lại sân hận.,, Những Tỳ-kheo khác nói: "ông chớ nói thế, chớ hủy báng đức Như Lai, Như Lai không nói thế, muốn tu hạnh từ giải thoát mà lại sanh tưởng sân hận thì điều này không thể xảy ra. Phật dạy, trừ sân hận rồi sau mới đạt được tâm từ" Hai là, nếu có Tỳ-kheo nói: "Ta thực hành bi giải thoát nhưng lại sanh tâm ganh ghét"; ba là "thực hành hạnh hỷ giải thoát nhưng lại sanh tâm ưu nâto" bốn là "thực hành hạnh xả giải thoát nhưng lại sanh tâm yêu ghét"; năm là "thực hành vô ngã giải thoát nhưng lại sanh tâm hồ nghi"; sáu là "thực hành vô tướng tâm định nhưng lại sanh tâm loạn tưởng", cũng lại như vậy. r Lại có sáu pháp, đó là sáu thứ vô thượng: Thây vô thượng, nghe vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng và nhớ nghĩ vô thượng. Lại có sáu pháp, đó là sáu tùy niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên." Đó là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chiing ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tôn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: "C6 bảy pháp chân thực, đó là bảy phi pháp: Không có tín tâm, không có tự thẹn với mình, không có xấu hổ với người, ít học hỏi, biếng nhác, hay quên và không có trí tuệ. Lại có bảy pháp, đó là bảy pháp chân thực: Tín tâm, tự thẹn với mình, xấu hổ với người, nghe nhiều, siêng năng, ghi nhớ không quên và có trí tuệ. Lại có bảy pháp, đó là bảy chỗ thức trú: Như có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bay nhiêu tưởng như cõi trời và cõi người, đó là chỗ thức trú thứ

55 Lục giới chỉ cho 6 đại, gồm: đất, nước, lửa, gió, không và thức, là những nguyên tố cơ bản tạo thành vạn hữu.

nhất. Hoặc có chúng sanh có nhiều loại thân nhưng chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Âm khi mới sanh lên cõi ấy, đó là chỗ thức trú thứ hai. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có ngàn loại tưởng như trời Quang Âm, đó là chỗ thức tru thứ ba. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng như trời Biến Tịnh, đó là chỗ thức tru thứ tư. Hoặc có chúng sanh ở Không Xứ, đó là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở Thức Xứ, đó là chỗ thức trú thứ sáu. Hoặc có chúng sanh ở Vô Sở Hữu Xứ,56 đó là chỗ thức trú thứ bảy. Lại có bảy pháp, đó là bảy pháp siêng năng: Một là siêng năng giữ giới, hai là siêng năng diệt tham dục, ba là siêng năng phá tà kiến, bốn là siêng năng nghe nhiều, năm là siêng năng tinh tấn, sáu là siêng năng chánh niệm và bảy là siêng năng thiền định. Lại có bảy pháp, đó là bảy tưởng: Một là tưởng về bất tịnh, hai là tưởng về thức ăn bất tinh, ba là tưởng về thế gian không đáng vui, bốn là tưởng về sự chết, năm là tưởng về vô thường, sáu là tưởng về vô thường - khổ và bảy là tưởng về khổ - vô ngã. Lại có bảy pháp, đó là bảy pháp tam-muội đầy đủ: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là

chánh tinh tấn56 57 và bảy là chánh niệm. Lại có bảy pháp, đó là bảy pháp giác chi:5859 Một là niệm, hai là trạch pháp, ba là tinh tấn, bốn là hỷ, năm là khinh an, sáu là định và bảy là xả giác chi."59 Đó là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi? khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. [0052bll] Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: “C6 tám pháp chân thực, đó là tám pháp the gian: Lợi ích, suy tổn, chê bai, khen ngợi, tán thán, gièm pha, kho não, an vui.6061 Lại có tám pháp, đó là tám pháp giải thoát: sắc quán là sắc,61 là giải thoát thứ nhất. Bên trong không có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài,62 là giải thoát thứ hai. Tinh giải thoát, là giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng nào khác, trụ vào Không vô biên xứ, là giải thoát thứ tư.

56 Nguyên tác: Bất dụng xứ . 57 Nguyên tác: Chánh phương tiện . 58 Nguyên tác: Ý . 59 Nguyên tác: Hộ giác ý . ^Tám pháp thế gian atthā lokadhammā gồm: lợi, suy, hủy, dự, ximg, cơ, khổ, lạc , ,.L Lợi lả lợi ích; 2. Suy la suy diệt, nhưng gi tổn hại cho ta đều gọi la suy; 3. Huy ỉa chê bai; 4. Dự là khen ngợir5. Xưng là tán tụng; 6. Cơ la gièm pha; 7. Khổ nghía là gắp duyên ác, trong cảnh ngô éo le, cảm thấy buồn khổ; 8. Lạc là hàm ý vui sướng, nghĩa ỉa gặp duyên tót, cảnh ngộ tốt, thân tâm đều vui sướng. 61 Sắc quán sắc rūpī rūpāni passati'. Có sắc và thấy được các sắc. 62 Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc ,Ajjhattarn arūpasaññī bahiddhā rūpāni passati.

Vượt khỏi Không vô biên xứ, trú vào Thức vô biên xứ, là giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức vô biên xứ, trú vào Vô sở hữu xứ, là giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Vô sở hữu xứ, trú vào Hữu tưởng vô tưởng xứ,63 là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi Hữu tưởng vô tưởng xứ, trú Diệt tận định, là giải thoát thứ tám. Lại có tám pháp, đó là tám chi Thánh đạo, gôm: chánh kiên, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,64 chánh niệm và chánh định. Có tám pháp, đó là tám hạng người: Một là đang hướng đến Tu-đà-hoàn; hai là chứng quả Tu-đà-hoàn; ba là đang hướng đến Tư-đà-hàm; bốn là chứng quả Tư-đà-hàm; năm là đang hướng đến A-na-hàm; sáu là chứng quả A-na- hàm; bảy là đang hướng đến A-la-hán và tám là chứng quả A-la-hán." Đó là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: "C6 chín pháp chân thực nói về chín nơi ở của chúng sanh: Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời và cõi người, đó là chỗ ở thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gồm nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Âm khi mới sanh lên cõi ấy, đó là chỗ ở thứ hai của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều tưởng, như trời Quang Âm, đó là chỗ ở thứ ba của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như trời Biến Tịnh, đó là chỗ ở thứ tư của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh không có tưởng và không có giác tri, tức là trời Vô Tưởng, đó là chỗ ở thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không Vô Biên Xứ,

đó là chỗ ở thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Thức Vô Biên Xứ, đó là chỗ ở thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Vô Sở Hữu Xứ, đó là chỗ ở thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đó là chỗ ở thứ chín của chúng sanh." Đó là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: "C6 mười pháp chân thực, đó là mười vô học: Một là vô học chánh kiến; hai là vô học chánh tư duy; ba là vô học chánh ngữ; bốn là vô học chánh nghiệp; năm là vô học chánh mạng; sáu là vô học chánh niệm; bảy là vô học chánh tinh tấn; tám là vô học chánh đinh; chín là vô học chánh trí và mười là vô học chánh giải thoát.^,*

63 Hữu tưởng vô tưởng xứ tức Phi tưởng phi phi tưởng xứ. 64 Nguyên tác: Chánh phương tiên .

9. KINH CHÚNG TẬP 663

ĐÓ là pháp chân thực do chính đức Như Lai nói, chúng ta phải cùng nhau kết tập để phòng sự tranh cãi, khiến cho Phạm hạnh được tồn tại lâu dài, để số đông được lợi ích và trời, người được an vui. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền ấn khả cho thời thuyết pháp của Tôn giả Xá- lợi-phất. Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.65

65 Bản Hán, hết quyển 8.

10. KINH THẬP THƯỢNG1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo du hóa ở nước Ương-già?12 rồi đi đến kinh thành Chiêm-bà3 và nghỉ đêm bên hò Già-già.4 Hôm ấy gặp ngày rằm nên trăng sáng, đức Thế Tôn ngồi nơi khoảng đất trống thuyết pháp suốt đêm cùng với đại chúng vây quanh. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: -Hôm nay, các thầy Tỳ-kheo từ bốn phương vân tập về đây, vì muốn nghe pháp nên mọi người đều siêng năng, không màng ngủ nghỉ. Ta vì đau lưng nên tạm nghỉ ngơi, thây hãy thay Ta thuyêt pháp cho các Tỳ-kheo. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy, đức Thế Ton liền xếp chiếc y Tăng-già-lê làm bốn, nằm nghiêng bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau như dáng nam của sư tử. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo: Nay tôi nói pháp, phân dâu, phân giữa và phân cuôi thảy đêu chân chánh, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tịnh, các thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, tôi sẽ giảng nói cho các thầy. Các Tỳ-kheo vâng lời Tôn giả Xá-lợi-phất? lắng nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo: - Có pháp gọi là thập thượng, trừ những trói buộc, diệt mọi khổ đau, đưa đến Niết-bàn, đầy đủ năng lực với năm trăm năm mươi pháp, hôm nay tôi sẽ giảng giải, các thầy hãy lắng nghe.

1 Nguyên tác: Thập thượng kinh (roi. 0001.10. 0052c17). Tham chiếu: Chủng tập kinh (01. 0001.9. 0049b27); nhai kinh (roi, 0001.11. 0057b26); Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh (roi. 0012. 0226c03); Trường A-hàm thập bảo pháp kỉnh + (7.01. 0013. 0233b23); D. 33, Sañgīti Sutta (Kinh Phúng tụng); D. 34, Dasuttara Sutta (Kinh Thập thượng). 2 Uongg(Añga). Xem chú thích 33, kinh số 2, tr. 528. 3

Chiêm-bà (,Campā). 4 Già-già (Gaggarā), tên một hồ sen ở thành Ương-già, được xây dựng bởi Hoàng hậu Gaggarā.

666 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này các Tỳ-kheo, có một pháp đưa đến nhiều thành tựu,5 có một pháp càn phải tu tập,67có một pháp cần phải thấu hiểu,7 có một pháp cần phải diệt trừ,89có một pháp làm cho thoái thất,9 có một pháp làm cho tăng trưởng,1011 có một pháp rát khó lý giải,11 có một pháp cân được phát sanh/2 có một pháp cần phải biêt rõ13 và có một pháp can phải tác chứng.14 Thế nào là một pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là pháp không buông lung đối với các thiện pháp. Thế nào là một pháp cần phải tu tập? Đó là thường tự niệm thân. Thế nào là một pháp cần phải thấu hiểu? Đó là xúc hữu lậu. Thế nào là một pháp cần phải diệt trừ? Đó là ngã mạn. Thế nào là một pháp làm cho thoái thất? Đó là không quán bất tinh. Thế nào là một pháp làm cho tăng trưởng? Đó là quán bất tinh. Thế nào là một pháp rất khó lý giải? Đó là định Vô gián. Thế nào là một pháp cần phát sanh? Đó là hữu lậu giải thoát. Thế nào là một pháp cần phải biết rõ? Đó là các loài chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại. Thế nào là một pháp cần được tác chứng? Đó là Vô ngại tâm giải thoát. [0053all] Lại có hai pháp đưa đên nhiêu thành tựu, có hai pháp cân phải tu tập, có hai pháp cần phải thau hiểu, có hai pháp cần phải diệt trừ, có hai pháp làm cho thoái thất, có hai pháp làm cho tăng trưởng, có hai pháp rất khó lý giải, có hai pháp cần được phát sanh, có hai pháp cần phải biết rõ và có hai pháp cần phải tác chứng. Thế nào là hai pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là biết tự thẹn và biết xấu hổ. Thế nào là hai pháp cần phải tu tập? Đó là chỉ và quán. Thế nào là hai pháp cần phải thấu hiểu? Đó là danh và sắc. Thế nào là hai pháp cần phải diệt trừ ? Đó là vô minh và ái. Thế nào là hai pháp làm cho thoái thất? Đó là phá giới và phá kiến. Thế nào là hai pháp làm cho tăng trưởng? Đó là có giới và có chánh kiến.

5 Nguyên tác: Thành pháp dhammā bahukārā. 6 Nguyên tác: Tu pháp 0dhammā bhāvetabbā. 7 Nguyên tác: Giác pháp dhammā pariññeyyā. 8 Nguyên tác: Diệt pháp ,dhammā pahātabbā. 9 Nguyên tác: Thoái pháp dhammā hānabhāgiyo. 10 Nguyên tác: Tăng pháp dhammā visesabhāgiyā. 11 Nguyên tác: Nan giải pháp dhammā duppativijjha. 12 Nguyên tác: Sanh pháp dhammā uppādetabbā. 13 Nguyên tác: Tri pháp dhammā abhiññeyyo. 14 Nguyên tác: Chứng pháp dhammā sacchikātabbā.

10. KINH THẬP THƯỢNG 667

Thế nào là hai pháp rất khó lý giải? Đó là nhân và duyên khiến cho chúng sanh sanh khởi nhiễm ô; đó là nhân và duyên khiến chúng sanh được thanh tịnh. Thế nào là hai pháp cần được phát sanh? Đó là Tận trí và Vô sanh trí. Thế nào là hai pháp cần phải biết rõ? Đó là xứ và phi xứ.15 Thế nào là hai pháp cần được tác chứng? Đó là Minh và Giải thoát. Lại có ba pháp đưa đến nhiều thành tựu, có ba pháp cần phải tu tập, có ba pháp cần phải thấu hiểu, có ba pháp cần phải diệt trừ, có ba pháp làm cho thoái thát, có ba pháp làm cho tăng trưởng, có ba pháp rát khó lý giải, có ba pháp cân được phát

sanh, có ba pháp cần phải biết rõ và có ba pháp cần phải tác chứng. Thế nào là ba pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là gần gũi bạn lành, tai luôn nghe Chánh pháp, thực hành theo pháp và thuận theo giáo pháp.16 Thế nào là ba pháp cần phải tu tập? Đó là ba loại tam-muội:17 Không tam- muội, Vô tướng tam-muội và Vô tác tam-muội.18 Thế nào là ba pháp cần phải thấu hiểu? Đó là ba loại thọ: Cảm thọ khổ, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Thế nào là ba pháp cần phải diệt trừ? Đó là ba thứ ái: Dục ái, hữu ái và vô hữu ai. Thế nào là ba pháp làm cho thoái thất? Đó là ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Thế nào là ba pháp làm cho tăng trưởng? Đó là ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn và vô si thiện căn. Thế nào là ba pháp khó lý giải? Đó là ba việc khó lý giải: Khó lý giải về các bậc Hiền thánh, khó lý giải khi nghe pháp và khó lý giải về Như Lai.19 Thế nào là ba pháp càn được phát sanh? Đó là ba tướng: Tướng chỉ tức, tướng tinh tấn và tướng xả ly. Thế nào là ba pháp cần phải biết rõ? Đó là ra khỏi ba cõi: Ra khỏi cõi Dục lên cõi Sắc, ra khỏi cõi sắc lên cõi Vô sắc, ra khỏi hết thảy các pháp hữu vi, đó được gọi là giới tận.

15 Nguyên tác: Thị xứ, phi xứ .Trí lực đầu tiên trong 10 lực của Phật, gọi đủ là Xứ phi xứ trí lực .Xứ & đây mang nghĩa là đạo lý, chân lý. Nghĩa là Như Lai hiểu rõ tường tận sự vận hành của nhân duyên, qua báo, từ việc lành hợp với chân ly cho đến việc ác trái VƠI chân lý . 16 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu dhammānudhammappatipannani. Xem chú thích 13, kinh so 3, tr. 581. 17 Tam-muội ,samādhi. 18 Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán. 19 C9c bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Tam-ma-đề tướng nan giải :Khó lý giải về các dấu nimittā trong khi nhập định; Tam-ma-đề trú tướng nan giảiM:Khó lý giải về các dấu hiệu khi an trú trong định; Tam-ma-đề khởi tướng nan giải Khó lý giải về các dấu hiệu khi xuất định.

Thế nào là ba pháp cần phải tác chứng? Đó là ba minh: Túc mạng trí, Thiên nhãn trí và Lậu tận trí. Này các Tỳ-kheo, đó là ba mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyết giảng bình đẳng. [0053b06] Lại có bôn pháp đưa đên nhiêu thành tựu, có bôn pháp cân phải tu tập, có bốn pháp cần phải thấu hiểu, có bốn pháp cần phải diệt trừ, có bốn pháp làm cho thoái thất, có bốn pháp làm cho tăng trưởng, có bốn pháp rất khó lý giải, có bốn pháp cần được phát sanh, có bốn pháp cần phải biết rõ và có bốn pháp can phải tác chứng. Thế nào là bốn pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là bốn đạo 1*2sống ở chốn văn minh, gần gũi bạn lành, tự mình cẩn thận và có gốc rễ điều lành đã gieo trồng từ đời trước. Thế nào là bốn pháp cần phải tu tập? Đó là bốn pháp niệm xứ: Một là, Tỳ- kheo quán thân trong nội thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời; quán thân trong ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời; quán thân trong nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm, tỉnh giác, diệt trừ tham ưu ở đời; hai là, quán thọ; ba là, quán tâm; bốn là, quán pháp cũng giống như vậy. Thế nào là bốn pháp cần phải thấu hiểu? Đó là bốn cách ăn: Đoàn thực, xúc thực, niệm thực và

thức thực. Bốn pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là bốn thứ chấp trước: Dục thủ, ngã thủ, giới thủ và kiến thủ. Bốn pháp nào làm cho thoái thất? Đó là bốn pháp trói buộc: Dục, hữu, kiến và vô minh.*21 Bốn pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là bốn pháp không trói buộc: Vô dục, vô hữu, vô kiến và vô vô minh. Bốn pháp nào rất khó lý giải? Đó là bốn Thánh đế: Khổ dế, tập dế, diệt đế và đạo đê. Bốn pháp nào cần được phát sanh? Đó là bốn loại trí: Pháp trí,2223Vị tri trí,23 Đẳng trí24 và Tha tâm trí.25 Bốn pháp nào cần phải biết rõ? Đó là bốn biện tài: Pháp biện tài, nghĩa biện tài, từ biện tài và ứng đối biện tài.

2J Nguyên tác: Luân pháp .Ngài An Thế Cao đã sử dụng từ này trong Thất xứ tam quản kinh 02. 0150A.1.7. 0877al3 gọi là 4 hạng luân . 21 Xem gi thích E---g Tập dị môn túc iuạn T.23. 1563. 0399a09. 22 Pháp trí :Trí biết 5 uẩn, v.v... đều có tự tánh riêng. 23 Vị tri trí cũng gọi là Loại trí, trí biết tướng sai biệt về khổ, vô thường, không, vô ngã của 5 uẩn... 24 Đẳng trí cũng gọi là Thế tục trí, trí biết các loài hữu tình tu hành sai biệt và biết các pháp danh tướng giống, khác. 25 Tha tâm trí :Trí biết thông suốt tâm của chúng sanh.

10. KINH THẬP THƯỢNG 669

Bôn pháp nào cân phải tác chứng? Đó là bôn quả Sa-môn: Quả Tu-đà-hoàn? quả Tu-dà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Này các Tỳ-kheo, đó là bôn mươi pháp như thật không hư dôi, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyết giảng bình đẳng. Lại có năm pháp đưa đến nhiều thành tựu, có năm pháp cần phải tu tập, có năm pháp cần phải thấu hiểu, có năm pháp cần phải diệt trừ, có năm pháp làm cho thoái thất, có năm pháp làm cho tăng trưởng, có năm pháp rất khó lý giải, có năm pháp cần được phát sanh, có năm pháp cần phải biết rõ và có năm pháp cần phải tác chứng. Năm pháp nào đưa đên nhiêu thành tựu? Đó là năm điêu không ai có thê tước đoạt:26 Một là, tin Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, đầy đủ mười hiệu; hai là, thân không tật bệnh, thường luôn an ổn; ba là, ngay thẳng, không có dua nịnh, thẳng tiến trên con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai; bốn là, chuyên tâm không loạn, tụng đọc không quên; năm là khéo quán sát sự sanh diệt của các pháp, thực hành theo hạnh của Hiền thánh để diệt tận các gốc khổ. Năm pháp nào cân phải tu tập? Đó là năm căn: Tín căn, tân căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Năm pháp nào cần phải thấu hiểu? Đó là năm thủ uẩn:27 sắc, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. [0053c05] Năm pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là năm thứ ngăn che, gồm: tham dục, sân hận, thụy miên, trạo cử28 và nghi. Năm pháp nào làm cho thoái thất? Đó là năm tâm chướng ngại: Một là, Tỳ- kheo nghi Phật, nghi Phật rồi thì không gần gũi, không gần gũi rồi thì không cung kính, đây là tâm chướng ngại thứ nhất; hai là, Tỳ-kheo đối với Pháp; ba là, đối với chúng Tăng; bốn là, đối với giới luật có hành vi làm cho xuyên thủng, hành động không chân chính, thực hành hạnh nhiễm 6, không thân gan và cũng không cung kính giới, đó là tâm chướng ngại thứ tư; năm là, lại nữa, Tỳ-kheo đoi với người Phạm hạnh hay sanh tâm ác hại, tâm không ưa thích, mang chửi với những lời thô ác, đây là tâm chướng ngại thứ năm. Năm pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là năm nguôn góc của hy, gôm: hoan hỷ, niệm, khinh an? lạc và định. Năm pháp nào rất khó lý giải? Đó là năm lối vào giải thoát: Nếu

vị Tỳ-kheo nào siêng năng, không biếng trễ, thích ở nơi nhàn tịnh, một lòng chuyên niệm thì những gì chưa hiểu được hiểu, chưa diệt tận được diệt tận, chưa an ổn được an ổn. Năm lối vào ấy gồm: Một là, ngay đây, Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp,

26 Nguyên tác: Diệt tận chi .Xem chú thích 49, kinh số 9, tr. 658. 27 Nguyên tác: Thọ ấm . 28 Nguyên tác: Trạo hy Ngài Huyền Trang dịch là "trạo cỉr".Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận T.26. 1536.12. 0416a29; A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận 26. 1537.3. 0468a09.

hoặc nghe người Phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe Sư trưởng thuyết pháp rồi tư duy quán sát, phân biệt pháp nghĩa nên tâm được hoan hỷ; tâm được hoan hỷ roi liên được pháp lạc; được pháp lạc roi thân tâm an ôn; thân tâm an ôn roi được thiền đinh, được thiền định rồi được như thật trí; đây là lối vào giải thoát thứ nhát. Hai là, Tỳ-kheo nghe pháp roi hoan hỷ. Ba là, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ. Bốn là, thuyết pháp cho người khác cũng hoan hỷ. Năm là, tư duy phân biệt cũng hoan hy, ở nơi pháp được thiền đinh cũng giống như vậy. Năm pháp nào cần được phát sanh? Đó là năm trí định của các bậc Hiền thánh: Một là, tu tam-muội, đời nay đời sau đều được an lạc, phát sanh nội ngoại trí. Hai là, định của bậc Hiền thánh không còn ái nhiễm, phát sanh nội ngoại trí. Ba là, định của chư Phật và Hiền thánh tu hành, phát sanh nội ngoại trí. Bốn là, định vắng lặng, tịch diệt tướng, một mình không bạn lữ, phát sanh nội ngoại trí. Năm là, đối với tam-muội, nhất tâm nhập, nhất tâm khởi, phát sanh nội ngoại trí. Năm pháp nào cần phải biết rõ? Đó là năm pháp xuất ly: Một là, Tỳ-kheo đối với dục không ưa thích, không nhớ nghi, cũng không gần gũi, chỉ nghĩ đến việc xuất ly, vui thích nơi viễn ly, gần gũi không biếng nhác, tâm vị ấy nhu hòa, vượt ra ngoài sự chi phối của dục, các lậu hoặc khởi lên bởi dục cũng bi đoạn sạch mà được giải thoát, đây gọi là thoát khỏi tham dục. Hai là, thoát khỏi sân hận. Ba là5 thnát khỏi ganh ghét. Bốn là, thoát khỏi sắc. Năm là, thoát khỏi thân kiến cũng giống như vậy. Năm pháp nào cần phải tác chứng? Đó là năm tụ vô học: Giới vô học, định vô học, tuệ vô học, giải thoát vô học và giải thoát tri kiến vô học. Này các Tỳ-kheo9 đó là năm mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyết giảng bình đẳng. [0054a07] Lại có sáu pháp đưa đến nhiều thành tựu, có sáu pháp cần phải tu tập, có sáu pháp cần phải thâu hiêu, có sáu pháp cần phải diệt trừ, có sáu pháp làm cho thoái thất, có sáu pháp làm cho tăng trưởng, có sáu pháp rất khó lý giải, có sáu pháp cần được phát sanh, có sáu pháp cần phải biết rõ và có sáu pháp cần phải tác chứng. Sáu pháp nào đưa đên nhiêu thành tựu? Đó là sáu pháp trọng. Nêu có Tỳ- kheo nào tu tập sáu pháp trọng, đáng kính đáng trọng thì khiến hội chúng được hòa hợp, không có sự tranh cãi, dẫn đến hợp nhất, không bị tạp loạn.29 Sáu pháp ấy là gi? Một là, ở đây, vị Tỳ-kheo thân thường hành từ, cung kính người Phạm hạnh, sống với tâm nhân ái, đây gọi là pháp trọng, đáng kính đáng trọng, khiến hội chúng hòa hợp, không có sự tranh cãi, dẫn đến hợp nhất, không tạp loạn. Hai là, lại nữa, vị Tỳ-kheo miệng thường hành từ. Ba là, ý thường hành từ. Bốn

29 Nguyên tác: Độc hành vô tạp ().p. Sāmaggiyā ekobhāvāya sarnvattati (đưa đến sự hòa hợp, nhất tn).

là, được phẩm vật lợi dưỡng đúng pháp và thức ăn ở trong bát đều đem chia cho mọi người cùng dùng, không ôm lòng tham tiếc riêng tư. Năm là, lại nữa, vị Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh của bậc Thánh, không hề sai phạm, không bị nhiễm ô, được người trí khen ngợi, giới hạnh đầy đủ, thành tựu được tâm định. Sáu là, lại nữa, vi Tỳ-kheo thành tựu pháp xuất ly của Hiền thánh, đoạn sạch khổ hoàn toàn,3° được chánh kiến và các Phạm hạnh. Đây gọi là pháp trọng, đáng kính, đáng trọng, khiến hội chúng hòa hợp, không có sự tranh cãi, dẫn đến hợp nhất, không bi tạp loạn. Sáu pháp nào cần phải tu tập? Đó là sáu pháp niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Sáu pháp nào cần phải thấu hiểu? Đó là sáu xứ30 31 bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Sáu pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là sáu ái: Ái sắc, ái thanh, ái hương, ái vi, ái xúc và ái pháp. Sáu pháp nào làm cho thoái thất? Đó là sáu pháp bất kính: Bất kính Phật, bất kính Pháp, bất kính Tăng, bất kính giới, bất kính định và bất kính cha mẹ. Sáu pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là sáu pháp kính: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định và kính cha mẹ. Sáu pháp nào rất khó lý giải? Đó là sáu pháp vô thượng: Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, trì giới vô thượng, cung kính vô thượng và niệm vô thượng. Sáu pháp nào cần được phát sanh? Đó là sáu pháp bình đẳng, ở đây, vi Tỳ- kheo, mắt thấy sắc không buồn, không vui, an trú xả, chuyên niệm; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị? thân xúc chạm, ý tưởng pháp, cũng không vui, không buồn, an trú xả, chuyên niệm. Sáu pháp nào cần phải biết rõ? Đó là sáu giới giải thoát: Một là, nếu Tỳ- kheo nói như thế này: “Ta tu tâm từ mà còn sanh sân hận.,, Những Tỳ-kheo khác nói: "Thầy chớ nói thế, chớ hủy báng đức Như Lai, Như Lai không nói thế. Muốn tu hạnh từ giải thoát mà lại sanh tưởng sân hận thì không có lý đó! Phật dạy, trừ sân hận rồi sau mới đạt được tâm từ" Hai là, nếu có Tỳ-kheo nói: "Ta thực hành hạnh bi giải thoát nhimg lại sanh tâm ganh ghét." Ba là, "Thực hành hạnh hỷ giải thoát nhưng lại sanh tâm ưu nâk." Bốn là, "Thực hành hạnh xả giải thoát nhưng lại sanh tâm yêu ghét." Năm l,"Thúc hành hạnh vô ngã giải thoát nhưng lại sanh tâm nghi ngÒL” Sáu là, “Thực hành hạnh vô tướng tâm đinh nhưng lại sanh tâm loạn tưởng", cũng lại như vậy.

30 Nguyên tác: Bình đẳng tận khổ .p. Sammā dukkhakkhayāya. Bình đẳng ,sama. Theo ngữ cảnh, chữ "chần Bánh”,,sg đúng hơn. Rất có thể vì âm đọc cua "scưna” bình đẳng va âm "sammā"' chân chánh gần giống nhau nên dịch nham/The nên đã có những cách dịch khác biệt ở Trung A-hàm và cả Tạp A-hàm như là Chánh tận khô Dứt khô hoàn toàn. 31 Nguyên tác: Nhập ãyatanà, cựu dịch là "nháp", tân dịch là "xứ."

, , /q., r C - ,1 r ĩ \ r < r Sáu pháp nào cân phải tác chứng? Đó là sáu pháp thân thông: Chứng đác Thần túc thông, chứng đắc Thiên nhĩ thông, chứng đắc Tha tâm thông, chứng ĩ r -r đác Túc mạng thông, chứng đác Thiên nhãn thông và chứng đác Lậu tận thông. Này các Tỳ-kheo, đó là sáu mươi pháp như thật không hư đối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyêt giảng bình đăng. [0054bl3] Lại có bảy pháp đưa đên nhiêu

thành tựu, có bảy pháp cân phải tu tập, có bảy pháp cân phải thâu hiêu, có bảy pháp cân phải diệt trừ, có bảy pháp làm cho thoái thất, có bảy pháp làm cho tăng trưởng, có bảy pháp rất khó lý giải, có bảy pháp cần được phát sanh, có bảy pháp cần phải biết rõ và có bảy pháp cần phải tác chứng. Bảy pháp nào đưa đến nhiều thành tựu? Đó là bảy pháp tài: Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài và tuệ tài. Bảy pháp nào cần phải tu tập? Đó là bảy giác chi. Một là, ở đây vị Tỳ-kheo tu niệm giác chi, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly; hai là tu trạch pháp; ba là tu tinh tấn; bốn là tu hỷ; năm là tu khinh an; sáu là tu định; bảy là tu xả, cũng đều nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt và nương nơi viễn ly. Bảy pháp nào cần phải thấu hiểu? Đó là bảy chỗ thức trú: Như có loại chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời và cõi người, đây là chỗ thức tru thứ nhất. Hoặc có loại chúng sanh có nhiều loại thân nhưng chỉ CÓ một tưởng, như lúc mới sanh lên cối trời Phạm Quang Am, đây ỉa chô thức trú thứ hai. Hoặc có loại chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều loại tưởng, như cõi trời Quang Am, đây là chỗ thức trú thứ ba. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như cõi trời Biến Tịnh, đây là chỗ thức tru thứ tư. Hoặc có chúng sanh ở Không Xứ, đây là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chung sanh ở Thức Xứ, đây là chỗ thức tru thứ sáu. Hoặc có chúng sanh ở Vô Sở Hữu Xứ,32 đây là chỗ thức trú thứ bảy. Bảy pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là bảy sự sai khiến,33 tức là sự sai khiến của tham dục, của ái nhiễm, của thấy biết, của kiêu mạn, của sân hận, của vô minh và của nghi ngờ. Bảy pháp nào làm cho thoái thất? Đó là bảy phi pháp: Vị Tỳ-kheo không có chánh tín, không biết tự thẹn với mình, không biết xấu hổ với người, ít nghe, biêng nhác, mau quên và không trí tuệ. Bảy pháp nào làm cho tăng trưởng? Đó là bảy Chánh pháp: Tỳ-kheo có tín, biết tự thẹn, biết xấu hổ, nghe nhiều, không biếng nhác, ghi nhớ không quên và có trí tuệ.

32 Nguyên tác: Bất dụng xứ . 33 Sử là tên gọi khác của phiền não. Do phiền não trói buộc và sai khiến chúng sanh lưu chuyển trong sanh tử nên gọi phiền não là "sỉr."

10. KINH THẬP THƯỢNG 673

Bảy pháp nào rất khó lý giải? Đó là bảy thiện pháp chân chánh: ở đây, vị Tỳ-kheo biết nghĩa, biết pháp, biết thời, biết vừa đủ, biết tự tiết chế, biết hội chúng và biết phân biệt người. Bảy pháp nào cần được phát sanh? Đó là bảy tưởng: Tưởng về bất tịnh, tưởng về thức ăn bất tịnh, tưởng về tất cả thế gian không có gì vui, tưởng về sự chết, tưởng về vô thường, tưởng về vô thường - khổ và tưởng về khổ - vô ngã. [0054c06] Bảy pháp nào cần phải biết rõ? Đó là bảy sự siêng năng: Siêng năng hành trì giới luật, siêng năng diệt các tham dục, siêng năng phá các tà kiên, siêng năng đa văn, siêng năng tinh tan, siêng năng chanh niêm va siêng năng thiền định. Bảy pháp nào cần phải tác chứng? Đó là bảy năng lực dứt hết các lậu hoặc. Một la, ở đây, vi Tỳ-kheo đoạn sạch phiền não, thấy biết như thật sự tập khởi của hết thảy các khổ, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ra. Hai là, xem dục như hầm lửa, như đao kiếm; biết dục, thấy dục, không tham đắm nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Ba là, Tỳ-kheo đoạn sạch phiền não khi quán xét thuận và nghịch sẽ thấy biết như thật, khi đã hiểu như thật rồi thì mọi tham lam, ganh

ghét và các pháp bất thiện ở thế gian sẽ không rò rí, không khởi sanh nữa. Bốn là, tu tậỊ)đầy đủ và siêng năng ve bốn niệm xứ. Năm là, tu tập đầy đủ và siêng năng về năm căn và năm lực. Sáu là, tu tập đầy đủ và siêng năng về bảy giác chi. Bảy là, tu tập đầy đủ và siêng năng về tám Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó là bảy mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyết giảng bình đang. [0054C16] Lại có tám pháp đưa đến nhiều thành tựu, có tám pháp cần phải tu tập, có tám pháp cần phải thấu hiểu, có tám pháp cần phải diệt trừ, có tám pháp làm cho thoái thất, có tám pháp làm cho tăng trưởng, có tám pháp rất khó lý giải, có tám pháp cần được phát sanh, có tám pháp cần phải biết rõ và có tám pháp cần phải tác chứng. Tám pháp nào đưa đến nhiều thành tựu? Đó là tám nhân duyên khiến người chưa thành tựu Phạm hạnh nhimg có thể thành tựu trí tuệ; người thành tựu Phạm hạnh rồi thì trí tuệ tăng trưởng. Tám nhân duyên ấy là gì? Một là, ở đây, vi Tỳ-kheo nương tựa nơi đức Thế Tôn, hoặc nương tựa nơi Sư trưởng, hoặc nương tựa nơi người Phạm hạnh trí tuệ, rồi sanh tâm hổ thẹn, có tâm ái kính. Đó là nhân duyên thứ nhất khiến người chưa thành tựu Phạm hạnh nhưng có thê thành tựu trí tuệ, người thành tựu Phạm hạnh roi thì trí tuệ tăng trưởng. Hai là, lại nữa, vị Tỳ-kheo nương tựa Thế Tôn, tùy lúc thưa hỏi: 'Tháp này thế nào? Có ý nghĩa gì và dẫn tới dâu?" Bấy giờ, các vị Tôn trưởng liền khai diễn ý nghĩa sâu xa. Đó là nhân duyên thứ hai. Ba là, khi đã nghe pháp rồi thì thân tâm được an lạc và tịch tịnh. Đó là nhân duyên thứ ba.

Bốn là, được an lạc và tịch tịnh rồi thì không còn bàn luận những việc vô ích, trái đạo; các vị ấy khi đi vào trong chúng, hoặc tự thuyết pháp, hoặc mời người khác thuyết pháp, đều không rời sự yên lặng của Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Năm là, nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, đối với các pháp sâu xa, phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, văn và nghĩa chân thật, Phạm hạnh đầy đủ. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay chuyển. Đó là nhân duyên thứ năm. Sáu là, tu tập siêng năng, diệt ác, tăng thiện, găng sức giữ gìn, không bỏ học pháp đã thọ. Đó là nhân duyên thứ sáu. Bảy là, dùng trí tuệ để quán sát các pháp sanh diệt, là nơi quy thú của các bậc Hiền thánh, có thể diệt hết tận cùng khổ não. Đó là nhân duyên thứ bảy. Tám là, quán tướng sanh và tướng diệt của năm thủ uẩn: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức. Đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, tuy chưa được Phạm hạnh nhtrng có thể thành tựu trí tuệ; thành tựu Phạm hạnh rồi thì trí tuệ càng tăng trưởng. Tám pháp nào cần phải tu tập? Đó là tám con đường của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh tư duy,34 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Tám pháp nào cân phải thâu hiêu? Đó là tám pháp thê gian: Lợi ích, suy tôn, chê bai, khen ngợi, tán thán, gièm pha, kho não, an vui. Tám pháp nào cần phải diệt trừ? Đó là tám tà pháp: Tà kiến, tà tư duy,35 tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn,36 tà niệm và tà đinh. Tám pháp nào làm cho thoái thất? Đó là tám pháp giải đãi. Sao gọi là tám pháp giải đãi? Tỳ-kheo đi khất thực không được thức ăn, liền nghĩ: "Hôm nay, ta vào làng khất thực không được, thân thể mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành nên cần phải ngủ nghi!" Tỳ-kheo lười biếng ấy

liền nằm ngủ, không chiu tinh cần để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng đắc những điều chưa chứng, đó là sự giải đãi thứ nhất. Tỳ-kheo lười biếng được ăn no đủ rồi, liền nghĩ: “Sáng nay ta vào làng khất thực được nhiều thức ăn quá, thân thể nặng nề, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, cho nên phải ngủ nghí!” Tỳ-kheo lười biếng ấy liền nằm ngủ, không chịu tinh cần để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng đắc những điều chưa chứng, đó là sự giải đãi thứ hai.

34 Nguyên tác: Chánh chí ,tức "chánh tư duy”. 35 Nguyên tác: Tà chí .
36 Nguyên tác: Tà phương tiện .

10. KINH THẬP THƯỢNG 675

Tỳ-kheo lười biếng, hoặc đã làm chút ít công việc, liền nghĩ: "Hôm nay, ta làm công việc, thân thể mệt mỏi, không thể ngồi thiền hay kinh hành được, nên cần phải ngủ nghỉ!,, Đó là sự giải đãi thứ ba. Tỳ-kheo lười biếng, giả như sắp làm việc gì, liền nghĩ: "Ngày mai, ta phải làm việc, chắc chan sẽ mỏi mệt, hôm nay không nên ngoi thiền hay kinh hành mà phải ngủ nghỉ!,, Tỳ-kheo lười biếng ấy liền đi ngủ, đó là sự giải đãi thứ tư. Tỳ-kheo lười biếng, hoặc do đi lại đôi chút, liền nghĩ: "Sáng nay ta đi lại, thân thể mỏi mệt5 không thể nào ngồi thiền hay kinh hành nên cần phải ngủ nghi!" Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, đó là sự giải đãi thứ năm. Tỳ-kheo lười biêng, giả như sáp đi đâu đó, liên nghĩ: "Ngày mai ta đi công việc, chắc chắn sẽ mệt mỏi, hôm nay không nên ngồi thiền hay kinh hành mà cần phải ngủ nghí!” Tỳ-kheo lười biếng ấy liền đi ngủ, không chịu tinh cần để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng, đó là sự giải đãi thứ sáu. Tỳ-kheo lười biếng, giả như bị chút ít bệnh hoạn, liền nghĩ: "Ta bị bệnh nặng, đau nhức vô cùng, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được nên càn phải ngủ nghi!" Tỳ-kheo lười biếng ấy liền tìm chỗ ngủ nghỉ, không chịu tinh cần để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng, đó là sự giải đãi thứ bảy. Tỳ-kheo lười biếng, bệnh đã khỏi rồi nhưng lại nghĩ: "Ta bi bệnh vừa mới khỏi, thân thể còn đau nhức, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành nên càn phải ngủ nghỉ!,, Tỳ-kheo lười biếng ấy liền tìm chỗ ngủ nghỉ, không chiu tinh cần để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng, đó là sự giải đãi thứ tám. Thế nào là tám pháp tăng trưởng? Đó là tám pháp tinh tấn. [0055b09] Thế nào là tám pháp tinh tấn? Tỳ-kheo vào làng khất thực phưng khất thực không được, trở về liền suy nghĩ: "Thân thể ta nhẹ nhàng, ít buồn ngủ nên phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điêu chưa thu hoạch, chứng những điêu chưa chứng.,, Thê roi, Tỳ-kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tấn thứ nhất. Tỳ-kheo khất thực được đầy đủ9 liền suy nghĩ: "Hôm nay, ta vào làng khất thực được đầy đủ thức ăn, khí lực sung mãn nên cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.,, Thế rồi, Tỳ-kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tấn thứ hai. Tỳ-kheo siêng năng, giả như có làm việc, thì suy nghĩ: "Ta nay vì làm việc mà phải bỏ bê việc tu hành nên bây giờ cần phải tọa thiền,

kinh hành để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.” Tỳ-kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tấn thứ ba.

676 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vị Tỳ-kheo siêng năng, giả như sẽ làm việc, liền suy nghĩ: "Ngày mai ta phải làm việc, việc tu tập của ta sẽ bị bỏ bê, do đó bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiên, kinh hành đê đạt được những điêu chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.” Tỳ-kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tan thứ tư. Vị Tỳ-kheo siêng năng, giả như có việc phải đi lại, liên suy nghĩ: "Sáng nay ta có việc đi lại nên việc tu tập sẽ bị bỏ bê? vậy bây giờ nên tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.,, Tỳ-kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tân thứ năm. Vị Tỳ-kheo siêng năng, giả như có việc sáp phải đi lại, liên suy nghĩ: "Ngày mai ta có việc phải đi lại, sự tu tập sẽ bi gián đoạn, bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.,, Vị Tỳ-kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tấn thứ sáu. Vị Tỳ-kheo siêng năng, giả như bị bệnh, liền suy nghĩ: "Ta bi bệnh nặng, có thể chết nên bây giờ cần phải tinh tấn để đạt được những điều chưa đạt được, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.^^ Vi Tỳ- kheo ấy liền tinh tấn, đó là pháp tinh tấn thứ bảy. Vị Tỳ-kheo siêng năng, giả như khi bệnh vừa thuyên giảm, liền khởi nghĩ: "Bệnh của ta đã được thuyên giảm đôi phàn, nó có thể trở nặng làm gián đoạn sự tu tập của ta, vậy bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để đạt được những điêu chưa đạt được, thu hoạch những điêu chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.,, Vi Tỵ-kheo ấy liền tinh tấn tọa thiền, kinh hành không biếng nhác, đây là pháp tinh tấn thứ tám. [0055c05] Thế nào là tám pháp khó lý giải? Đó là tám sự không thuận lợi,37 làm chướng ngại việc tu tập Phạm hạnh.38 Những gì là tám? Một là, đức Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói ra những pháp sâu mầu, tịch diệt, vô vi, hướng con người đen với đạo giác ngộ nhưng lại có chúng sanh đang bi đọa trong địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu hành Phạm hạnh. Hai là, đức Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở dời, nói ra những pháp sâu mầu, tịch diệt, vô vi, hướng con người đến với đạo giác ngộ nhưng lại có chúng sanh đang bi đọa trong loài súc sanh. Ba là, đọa trong loài nga quỷ. Bôn là, sanh ở cõi trời trường thọ.

37 Nguyên tác: Bát nạn . 38 Bát bất nhàn phương tu Phạm hạnh,atthā akkhanā asamayā brahmacariya vāsāya: Tám trương hợp trái thời, trái tiết đối với đời sống Phạm hạnh.

10. KINH THẬP THƯỢNG 677

Năm là, sống ở nơi biên địa thiếu hiểu biết, nơi không có Phật pháp. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể nào tu Phạm hạnh. Sáu là, đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi5 hướng con người đến với đạo giác ngộ; có những chúng sanh tuy sống nơi thành thi nhưng lại ôm

lòng tà kiến điên đảo, làm các việc ác thì nhất đinh bị đọa vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể nào tu Phạm hạnh. Bảy là, đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng chúng sanh đến với đạo giác ngộ; có chúng sanh tuy song nơi thành thị nhung lại bị đui, điếc, câm, ngọng nên không nghe được Chánh pháp để tu Phạm hạnh. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể nào tu Phạm hạnh. Tám là, đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở đời, không có ai nói những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng chúng sanh đến với đạo giác ngộ; có chúng sanh tuy sống nơi thành thi, các căn đầy đủ5 có thể lãnh hội Thánh giáo nhimg không được gặp Phật nên không thể tu tập Phạm hạnh. Đó là tám pháp không thuận lợi. -Thê nào là tám pháp cân được phát sanh? Đó là tám điêu giác ngộ của bậc Đại nhân. Hành đạo thì phải ít ham muốn, nếu nhiều ham muốn thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải biết đủ, không biết nhàm chán thì không phải là hành đạo. Hành đạo phải ở nơi nhàn tịnh, nếu ưa thích chốn đông đúc ồn náo thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải tự thúc liễm thân tâm, vui đùa cười cợt thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải siêng năng, biếng nhác trễ lười thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải chuyên niệm, không nhớ mau quên thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải định ý, tâm ý tán loạn thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải có trí tuệ, mê muội ngu si thì không phải là hành đạo. Thế nào là tám pháp cần phải biết rõ? Đó là tám thắng xứ.39 Bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc ít, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm, đó là thăng xứ thứ nhất. Bên trong có sác tưởng, bên ngoài quán sác vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm, đó là thắng xứ thứ hai. Bên trong không có săc tưởng, bên ngoài quán sác ít, hoặc tót hoặc xâu, thường quán thường niệm, đó là thắng xứ thứ ba. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm, đó là thắng xứ thứ tư. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh, thấy tướng xanh, giống như màu hoa sen xanh, cũng như lụa Ba-la-nại màu xanh, thuần sắc xanh, ánh sáng xanh, thấy tướng xanh, thường tưởng, thường quán, thường niệm như vậy, đó là thắng xứ thứ năm. Bên trong không có sắc tưởng, bên

39 Nguyên tác: Bát trừ nhập .MĀ. 2A5 gọi là ubát trừ xứ",Ngài Huyền Trang trọng Đại Bắt-nhã Ba-la-mật-đa kinh r.05. 0220.3. 0012al0 dịch là ubát thắng xứ"atthaṃ abhibhāyatanāni, là 8 nền tảng của sự siêu việt, 8 phương cách quán tưởng trong khi tu tập thiền định.

ngoài quán sắc vàng, màu vàng, ánh sáng vànệ, thấy tướng vàng, như quán tưởng màu hoa sen vàng, lụa Ba-la-nại màu vàng, sác vàng, ánh sáng vàng, thấy tướng vàng, thường tưởng, thường quán, thường niệm như vậy, đó là thắng xứ thứ sáu. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ, thấy tướng đỏ, như quán tưởng màu hoa sen đỏ, lụa Ba-la-nại màu đỏ, thuần sắc đỏ, ánh sáng đỏ, thay tướng đỏ, thường tưởng, thường quán, thường niệm như vậy, đó là thắng xứ thứ bảy. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc trắng, ỉ r r ĩ màu trăng, ánh sáng

trăng, thây tướng trâng, như quán tưởng màu hoa sen trăng, lụa Ba-la-nại màu trắng, thuần sắc trắng, ánh sáng trắng, thấy tướng trắng, thường tưởng, thường quán, thường niệm như vậy, đó là thắng xứ thứ tám. [0056al4] Thế nào là tám pháp cần phải tác chứng? Đó là tám pháp giải thoát:40 Bên trong có sắc tưởng, quán sắc, là giải thoát thứ nhất; bên trong không có sắc tưởng, quán ngoại sắc, là giải thoát thứ hai; tịnh giải thoát, là giải thoát thứ ba; vượt sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, an trú Không vô biên xứ, là giải thoát thứ tư; vượt qua Không vô biên xứ, an tru Thức vô biên xứ, là giải thoát thứ năm; vượt qua Thức vô biên xứ, an trú Vô sở hữu xứ, là giải thoát thứ sáu; vượt qua Vô sở hữu xứ, an tru Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là giải thoát thứ bảy; vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, an trú Tưởng thọ diệt, là giải thoát thứ tám. Này các Ty.kheo, đây là tám mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyết giảng bình đẳng. Lại có chín pháp đưa đến nhiều thành tựu, có chín pháp cần phải tu tập, có chín pháp cân phải thâu hiêu, có chín pháp cân phải diệt trừ, có chín pháp làm cho thoái thất, có chín pháp làm cho tăng trưởng, có chín pháp rất khó lý giải, có chín pháp cần được phát sanh, có chín pháp cần phải biết rõ và có chín pháp cần phải tác chứng. Thế nào là chín pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là chín pháp thanh tinh hoàn toàn:41 Thanh tinh hoàn toàn do giới; thanh tịnh hoàn toàn do tâm định;

40rBát giải thoát /.Dựa vào 8 loại định lực mà diệt bỏ lòng tham muốn đối với "sc" g 44không sắc." cang gọi t4bát bối xả",ubát duy v6",ubát duy vụ". 41 Chín pháp này dựa trên cơ sở 7 pháp gọi là 44thất thanh tinh".Theo MĀ. 9, Thất xa kinh & ,7 yếu tố đó bao gồm: giới tintâm tịnh ,kiến tịnh nghi cái tịnh , đạo phi đạo tri kiến tịnh ,đạo tích tri kiến tịnh ,đạo tích đoạn trí tịnh ÌẾ .Kinh Pali tượng đương M. 24, Rathavinīta Sutta Kinh Trạm xe cũng ghi nhận điều tương tự. Bảy yểu tố này làm tiềnđề cho nhau, nương vào nhau mà thành tựu. Kinh Trạm xe ghi: "cang V0 này Hiền giả, giới thanh tịnh chỉ có mục đích đạt cho được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh chỉ co mục đích đạt cho được kiến thanh tịnh, kiến thanh tịnh chỉ có mục đích đạt cho được đoạn nghi thanh tịrdì, đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích đạt cho được đạo phi đạo trì kiến thanh tịnh, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích đạt cho được đạo tri kiến thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tinh chỉ có mục đích đạt cho được tri kiến thanh tịnh, tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích đạt cho được vô thủ trước Bát-niệt-bàn. Này Hiền giả, sống Phạm hạnh dưới sư chỉ dẫn của Thế Tôn là với mục đích vô thủ trước BAtniếtban” HT. Thích Minh Châu dịch. Tương đồng với Kinh Trạm xe, Tăng.7.02. 0125.39.10. 0734c05 cũng xác 1y ,

,. ĩ',,,

,.Hai pháp vô dục thanh tịnh hoàn toàn M và giải thoát thanh tịnh hoàn toàn được san tập từ những bộ kinh khác.

10. KINH THẬP THƯỢNG 679

thanh tinh hoàn toàn do thấy biết chân lý; thanh tịnh hoàn toàn do đoạn trừ sự hoài nghi; thanh tịnh hoàn toàn do thấy biết chánh đạo và phi đạo; thanh tịnh hoàn toàn do

thấy biết về phương pháp hành trì; thanh tịnh hoàn toàn do nhận thức toàn diện về đường lối hành trì; thanh tịnh hoàn toàn do dứt sạch lậu hoặc và thanh tịnh hoàn toàn do giải thoát. Thê nào là chín pháp cân tu tập? Đó là chín nguôn góc của hỷ: Vui mừng, yêu thích, phấn chấn, hân hoan, định, biết như thật, trừ xả, vô dục và giải thoát. Chín pháp nào cần phải thấu hiểu? Đó là chín nơi chúng sanh cư trú: Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời và cõi người, đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gồm nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Âm khi mới sanh lên cõi ấy, đó là nơi cư trú thứ hai của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều tưởng, như trời Quang Am, đó là nơi cư trú thứ ba của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như trời Biến Tịnh, đó là nơi cư tru thứ tư của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh không có tưởng và không có nhận biết, tức là trời Vô Tưởng, đó là nơi cư trú thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không Vô Biên Xứ, đó là nơi cư trú thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Thức Vô Biên Xứ, đó là nơi cư trú thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Vô Sở Hữu Xứ, đó là nơi cư trú thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đó là nơi cư trú thứ chín của chúng sanh. [0056b08] Thế nào là chín pháp cần phải diệt trừ? Đó là chín pháp khởi nguôn từ ái: Do ái mà có tìm câu, do tìm câu mà có lợi dưỡng, do lợi dưỡng mà có thọ dụng, do thọ dụng mà có tham muốn, do tham muốn mà có chấp trước, do chấp trước mà có ganh ghét, do ganh ghét có chấp thủ, do chấp thủ mà có phòng hộ. Thế nào là chín pháp làm cho thoái thất? Đó là chín pháp não hại: Có người đã xâm hại ta; có người đang xâm hại ta; có người sẽ xâm hại ta; có người đã xâm hại người ta thương yêu; có người đang xâm hại người ta thương yêu; có người sẽ xâm hại người ta thương yêu; có người đã yêu kính người mà ta ghét; có người đang yêu kính người mà ta ghét; có người sẽ yêu kính người mà ta ghét. Thế nào là chín pháp làm cho tăng trưởng? Đó là chín pháp không não hại. Người kia đã xâm hại ta, nếu ta phiền muộn thì có ích lợi gì? Thế nên, một là trước đã không phiền muộn, hai là hiện tại cũng không phiền muộn, ba là về sau cũng không sanh phiền muộn. Như người kia đã xâm hại đến người mà ta yêu mến nhưng nếu ta phiền muộn thì có ích lợi gì? Do đó, bốn là trước ta đã không sanh phiền muộn, năm là hiện tại cũng không sanh phiền muộn, sáu là về sau cũng không sanh phiền muộn. Như người kia đã kính mến người mà ta oán ghét, nếu ta phiền muộn thì có ích lợi gì? Vì vậy, bảy là trước ta đã không sanh phiền muộn, tám là hiện tại cũng không sanh phiền muộn, chín là về sau cũng không sanh phiền muộn.

Thế nào là chín pháp khó lý giải? Đó là chín Phạm hạnh. Như có vị Tỳ-kheo có chánh tín mà không trì giới thì Phạm hạnh không đầy đủ; vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới thì Phạm hạnh mới được đay đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới mà không đa văn thì Phạm hạnh không đầy đủ; vi Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, vừa có đa văn thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn mà thuyết pháp không được thì Phạm hạnh không đầy đủ; vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết

pháp mà không nuôi đồ chúng thì Phạm hạnh khônẸ đay đủ; vi Tỳ-kheo phải có vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thê thuyêt pháp và nuôi dưỡng đô chúng thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn5 có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng nhưng ở trong đại chúng không thể giảng rộng Chánh pháp thì Phạm hạnh không đầy đủ; vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thể thuyết pháp, có khả năng nuôi dưỡng đồ chúng và ở trong đại chúng có thể giảng rộng Chánh pháp thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể giảnệ rộng Chánh pháp nhưng không đạt được bốn thiền định thì Phạm hạnh không đây đủ; vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thê thuyêt pháp, nuôi dưỡng đô chúng, ở trong đại chúng có the giảng rộng Chánh pháp, lại đạt được bon thiền định thì Phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể giảng rộng Chánh pháp, lại đạt được bốn thiền định nhưng đối với tám giải thoát không thể nghịch thuận du hành thì Phạm hạnh không đầy đủ; vi Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúnệ có thể giảng rộng Chánh pháp, đầy đủ bốn thiền định, với tám giải thoát có the nghịch thuận du hành thì Phạm hạnh mới được đay đủ. Hoặc có vi Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chilng có thể giảng rộng Chánh pháp, đầy đủ bốn thiền đinh, với tám giải thoát có thể nghịch thuận du hành nhimg không thể đoạn sạch hữu lậu để được vô lậu, tâm ệiải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện đời tự thân tác chứng "sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nua^ thì Phạm hạnh vẫn không đầy đủ; vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, vừa nuôi dưỡng đồ chúng, vừa ở trong đại chúng có thể giảng rộng Chánh pháp, thành tựu bốn thiền định, với tám giải thoát có thể nghịch thuận du hành, xả hết hữu lậu được vô lậu, được tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng "sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa,, thì Phạm hạnh mới được hoàn toàn đầy đủ. [0056c22] Thế nào là chín pháp cần được phát sanh? Đó là chín pháp quán tưởng: Quán tưởng vê bát tịnh, quán tưởng vê thức ăn bát tinh, quán tưởng tất

cả thế gian không có gì là vui, quán tưởng về sự chết, quán tưởng về vô thường, quán tưởng vô thường là khô, quán tưởng khô là vô ngã, quán tưởng về sự diệt tận và quán tưởng ve vô dục. Thê nào là chín pháp cân phải biêt rõ? Đó là chín pháp tương tục chuyên biến:42 Do vì quả báo khác mà sanh ra cảm xúc khác, do vì cảm xúc khác mà sanh ra thọ khác, do vì thọ khác mà sanh ra tưởng khác, do vì tưởng khác mà sanh ra tập khác, do vì tập khác mà sanh ra dục khác, do vì dục khác mà sanh ra lợi dưỡng khác, do vì lợi dưỡng khác mà sanh ra tìm cầu khác, do vì tìm cầu khác mà sanh ra phiền não khác, do vì phiền não khác mà sanh ra quả báo khác. Thế nào là chín pháp cần phải tác chứng? Đó là chín pháp diệt trừ: Nếu vào Thiền thứ nhất thì gai nhọn âm thanh bị diệt trừ; vào Thiền thứ hai thì gai nhọn giác và quán bi diệt trừ; vào Thiền thứ

ba thì gai nhọn hỷ bị diệt trừ; vào Thiền thứ tư thì gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ; vào Không vô biên xứ thì gai nhọn là sắc tưởng bi diệt trừ; vào Thức vô biên xứ thì gai nhọn là không tưởng bị diệt trừ; vào Vô sở hữu xứ thì gai nhọn là thức tưởng bi diệt trừ; vào Phi tưởng phi phi tưởng thì gai nhọn là vô sở hữu tưởng bi diệt trừ; vào Diệt tận định thì gai nhọn là tưởng và thọ bị diệt trừ. Này các Tỳ-kheo, đây là chín mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyết giảng bình đang. [0057a06] Lại có mười pháp đưa đến nhiều thành tựu, có mười pháp cần phải tu tập, có mười pháp cần phải thấu hiểu, có mười pháp cần phải diệt trừ, có mười pháp làm cho thoái thất, có mười pháp làm cho tăng trưởng, có mười pháp rất khó lý giải, có mười pháp cần được phát sanh, có mười pháp cần phải biết rõ và có mười pháp cân phải tác chứng. Thê nào là mười pháp đưa đên nhiêu thành tựu? Đó là mười cứu pháp: Một là, vị Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, thấy chút lỗi nhỏ đã sanh tâm lo sợ lớn, bình đẳng học giới, tâm không tà vạy; hai là, được gặp thiện tri thức; ba là, lời nói ngay thẳng, được nhiều người nghe theo; bốn là, ưa câu pháp lành, bô thí chăng tiêc; năm là, những người Phạm hạnh có cân điều gì liền đến trợ giúp, không nề hà mệt nhọc, thường làm những điều khó làm, đong thời cũng dạy người khác cùng làm; sáu là, nghe nhiều, nghe rồi ghi nhớ, không hề quên mất; bảy là, siêng năng diệt các pháp ác, làm cho pháp lành được tăng trưởng; tám là, luôn chuyên niệm, không sanh các tưởng khác, ghi nhớ những hạnh lành căn bản như thấy ở trước mặt; chín là, có đầy đủ trí tuệ quán sát sự sanh diệt của các pháp, dùng luật nghi của bậc Hiền thánh để đoạn trừ góc khô; mười là, thích ở nơi thanh văng, chuyên niệm tư duy, trong khi thiền định không có sự loạn động.43

42 Nguyên tác: Dị phập .Theo Thành duy thức luận T.31. 1585.2. 0005c21, các pháp tương tục chuyển biến được gọi là . 43 Nguyên tác: Điệu hý .

r e 9 Thê nào là mười pháp cân phải tu tập? Đó là mười hạnh chân chánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,44 chánh niệm, chánh đinh, chánh giải thoát và chánh trí. Thế nào là mười pháp cần thấu hiểu? Đó là mười sắc nhập: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vi và xúc nhập. Thế nào là mười pháp cần phải trừ diệt? Đó là mười hạnh tà: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn,45 tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí. Thế nào là mười pháp làm cho thoái thất? Đó là mười hạnh xấu ác. về thân: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm; về miệng: Nói hai chiều, nói lời thô ác, nói dối, nói thêu dệt; về ý: Tham lam, ganh ghét, tà kiến. Thế nào là mười pháp làm cho tăng trưởng? Đó là mười hạnh lành: Thân không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; miệng không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt; ý không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến. Thế nào là mười pháp rất khó lý giải? Đó là mười chỗ cư trú của bậc Hiền thánh:46 Một là Tỳ-kheo diệt năm triền cái;47 hai là thành tựu sự phòng hộ sáu căn;48 ba là phòng hộ căn môn;49 bốn là nương tựa bốn việc;50 năm là buông bỏ thiên kiến;51 sáu là vượt thoát tầm cầu;52 bảy là tâm tưởng trong sạch;53

44 Nguyên tác: Chánh phương tiện . 45 Nguyên tác: Tà phương tiại . 46Tham chiếu:10.20-V. 29; Tăng.r.02.0125.46.2.0775c27; Tạp.T.02.0099.71.0018c27; Tạp.02. 0099.388. 0105al4; Du-giàsưđịa luận r.30. 1579.43. 0477a09. 47 Nguyên tác: Trừ diệt ngũ chi ,tức ungũ cái” JĪ,gồm: ái dục ,sân khuê , hôn trâm thụy miên ,trạo cử và nghi .Xem thêm D. 34. 48 Nguyên tác: Thành tựu lục chi .Theo Du-già luân kỷ F.42.1828.22.0807al2, đó là 44thành tựu lục niệm,^ . 49 Nguyên tác: Xả nhất .SĀ. 71 gọi là uthủ hộ nhất"x Qu^nẽ nghĩa pháp môn roi. 0097. 0922all gọi hất pháp thủ h” ' sư địa luân T.30. 1579.34. 0477a09 gọi là "nhất hướng thủhộ^, .Theo Quảng nghĩa pháp monkinh TOI. 0097. 0920c23, "thủ hộ,9 ở đây mang nghĩa giữ gìn các căn môn . 50 Nguyên tác: Tứ y .Theo D. 34: “Ny các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo có thực hiện tứ y? Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo sau khi suy tư, thọ dụng mọt pháp; sau khi suy tư, nhẫn thọ một ph; sau khi suy tư, đoạn trư một pháp; sau khi suy tư, tráĩứi xa một pháp. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo thực hiện tứ y" HT. Thích Minh Chau dịch. Ngoài ra," y”còn được Tứ phấn luật r.22.J428.58. 1001c09 gọi là "tứ y chi",tức biết đủ về y phục, về thức ăn, về vật dụng nằm, ngồi và về thuốc thang trị bệnh. 51 Nguyên tác: Diệt dị đế .Theo Quangnghīapháp môn kinh 001.0097.0922all gọi tắt của "xả nhất đế thiên chap^ :Buông bỏ sự chấp giữ quan điểm thiên kiến. 52 Nguyên tác: Thắng diệu cầu .Theo Quảng nMa pháp môn kinh TOI. 0097. 0921c25 thì tương đông với "xuất quá tầm mjch"Vươt thoát khỏi tầm cầu. Du-^ỉà sư địa luân 7.30/1579.34. 0477ạ09 gọi là "Ìdìí xả hycau5 .4 v. 29 ghi: uổ đây, nảy các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận dục tam cau, đã đoạn tận hữu tam cầu, Phạm hạnh tam cau được khinh an. Như vậy, này Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cu” HT. Thích Minh Châu dịch. 53 Nguyên tác: Vô trươc tưởng .Theo Quảng nghĩa pháp mồn kinh TOI. 0097. 0921c25 thì tương đồng với "v6 trược tư duy":Tư duy không ô trược.

tám là thân nghiệp khinh an;54 chín là được tâm giải thoát; mười là được tuệ giải thoát. [0057b03] Thế nào là mười pháp được phát sanh? Đó là mười điều khen ngợi: Tỳ-kheo tự mình đã được chánh tín, vì người khác giảng nói sự chánh tín, khen ngợi sự chánh tín của những người khác. Tự mình đã trì giới, vì người khác giảng nói sự trì giới, khen ngợi sự trì giới của những người khác. Tự mình đã thiểu dục, vì người khác giảng nói sự thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục của những người khác. Tự mình đã tri túc, vì người khác giảng nói sự tri túc, khen ngợi sự tri túc của người khác. Tự mình ưa thích nhàn tinh, vì người khác giảng nói sự nhàn tịnh, lại khen ngợi sự nhàn tịnh của người khác. Tự mình đa văn, vì người khác giảng nói lợi ích của sự đa văn, đong thời khen ngợi sự đa văn của người khác. Tự mình tinh tan, vì người khác giảng nói sự tinh tan và khen ngợi sự tinh tấn của người khác. Tự mình đã chuyên niệm, vì người khác giảng nói sự chuyên niệm, lại cũng khen ngợi sự chuyên niệm của người khác. Tự mình được thiên định, vì người khác giảng nói thiên định, đông thời khen ngợi thiên

định của người khác. Tự mình được trí tuệ, vì người khác giảng nói trí tuệ, lại cũng khen ngợi người khác đã được trí tuệ. Thế nào là mười pháp cần phải biết rõ? Đó là mười pháp diệt tận. Người có chánh kiến có thể diệt trừ được tà kiến, các nhân duyên do tà kiến khởi lên VÔ sô những pháp ác cũng đêu bi trừ diệt, các nhân duyên chánh kiên sanh ra vô sô pháp lành đêu được thành tựu. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh đinh, chánh giải thoát và chánh trí đều có thể trừ diệt hết tà trí, các nhân duyên do tà trí khởi lên vô số các pháp ác thảy đều trừ diệt hết, các nhân duyên chánh trí khởi lên vô số các pháp lành đều được thành tựu. Thế nào là mười pháp cần phải tác chứng? Đó là mười pháp vô học: Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí. Này các Tỳ-kheo, đây là một trăm pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và thuyêt giảng bình đăng. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất được đức Phật ấn khả. Các vị Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phât thuyêt pháp xong đêu hoan hỷ phụng hành.

54 Nguyên tác: Thân hành dĩ lập .Theo Quangnghĩa pháp môn kinh TOI. 0097. 0921c25 thì tương đồng với "tjch tĩnh thân hành,, :Thân nghiệp vắng lặng. Du-già sư địa luận T.30. 1579.34. 0477a09 gọi là Thân hành ỷ tức Thân nghiệp khinh an.

11. KINH TĂNG NHẤT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: - Nay Ta sẽ giảng nói cho các thầy về những pháp sâu xa, phần dầu, phần giữa và phần cuối thảy đều chân chánh, văn và nghĩa rõ ràng, đầy đủ Phạm hạnh, đó là pháp tăng nhất. Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ giảng nói cho các thầy. [0057c01] Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy lắng nghe. Phật bảo [các] Tỳ-kheo: -Pháp tăng nhát là, có một pháp đưa đên nhiêu thành tựu, có một pháp cân phải tu tập, có một pháp cần phải thấu hiểu, có một pháp cần phải diệt trừ, có một pháp cần phải tác chứng. Thế nào là một pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là không từ bỏ thiện pháp. Thế nào là một pháp cần phải tu tập? Đó là thường tự niệm thân. Thế nào là một pháp cần phải thấu hiểu? Đó là xúc hữu lậu. Thế nào là một pháp cần phải diệt trừ? Đó là ngã mạn. Thế nào là một pháp cần phải tác chứng? Đó là tâm vô ngại giải thoát. Phật dạy các Tỳ-kheo: Lại có hai pháp đưa đến nhiều thành tựu, có hai pháp cần phải tu tập, có hai pháp cần phải thấu hiểu, có hai pháp cần phải diệt trừ, có hai pháp cần phải tác chứng. Thế nào là hai pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là biết tự thẹn và biết xấu hổ. Thế nào là hai pháp cần phải tu tập? Đó là chỉ và quán. Thế nào là hai pháp cần phải thấu hiểu? Đó là danh và sắc. Thế nào là hai pháp cần phải diệt trừ? Đó là vô minh và hữu ái.

1 Nguyên tác: Tăng nhất kình (roi. 0001.11.0057b25y Tham chiếu: T]ĩập thượng kinh (roi. 0001.10. 0052cl8); Trường A-hàm thập bảo pháp kỉnh (7.01.0013. 0233b23); D. 34, Dasuttara Sutta (Kinh Thập thượng). Kinh này phân lớn giông với Kinh Thập thượng, số 10& trên nhưng cô đọng hơn và do chinh đức Phát thuyết. Các danh

tư phẶ số trong kinh này phan lớn đều trùng lặp với kinh số 10 nên lược bỏ một phần chu thích.

Thế nào là hai pháp cần phải tác chứng? Đó là Minh và Giải thoát. Phật dạy các Tỳ-kheo: Lại có ba pháp đưa đến nhiều thành tựu, có ba pháp cần phải tu tập, có ba pháp cần phải thâu hiểu, có ba pháp cân phải diệt trừ và có ba pháp cần phải tác chứng. Thế nào là ba pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là gần gũi bạn lành, thường xuyên nghe pháp, thực hành theo pháp và thuận theo giáo pháp.2 Thế nào là ba pháp cần phải tu tập? Đó là ba loại tam-muội: Không, Vô tướng và Vô tác tam-muội. Thế nào là ba pháp cần phải thấu hiểu? Đó là ba loại thọ: Cảm thọ khổ, cảm thọ vui và cảm thọ không kho không vui. Thế nào là ba pháp cần phải diệt trừ? Đó là ba loại ái: Dục ái, hữu ái và vô hữu ái. Thế nào là ba pháp càn phải tác chứng? Đó là ba minh: Túc mạng trí, Thiên nhãn trí và Lậu tận trí minh. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lại có bôn pháp đưa đên nhiêu thành tựu, có bôn pháp cân phải tu tập, có bốn pháp cần phải thấu hiểu, có bốn pháp cần phải diệt trừ và có bốn pháp cần phải tác chứng. Thế nào là bốn pháp đưa đến nhiều thành tựu? Một là5 sống ở chốn văn minh; hai là, gân gũi bạn lành; ba là, tự mình cân thận; bôn là, có góc rê thiện đã gieo trồng từ đời trước. Thế nào là bốn pháp cần phải tu tập? Đó ỉa bốn pháp niệm xứ: Một là, Tỳ- kheo quán thân trong thân, siêng năng không biếng nhác, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời; quán thân ngoài thân, siêng năng không biếng nhác, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời; quán thân trong và ngoài thân, siêng năng không biếng nhác, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời; hai là, quán thọ; ba là, quán tâm; bốn là, quán pháp cũng giống như vậy. Thế nào là bốn pháp cần phải thấu hiểu? Đó là bốn cách ăn: Đoàn thực, xúc thực, niệm thực và thức thực. Thế nào là bốn pháp càn phải diệt trừ? Đó là bốn thứ chấp trước: Dục thủ, ngã thủ, giới thủ và kiến thủ. Thế nào là bốn pháp cần phải tác chứng? Đó là bốn quả vị Sa-môn: Quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Lại có năm pháp đưa đến nhiều thành tựu, có năm pháp cần phải tu tập, có năm pháp can phải thấu hiểu, có năm pháp can phải diệt trừ, có năm pháp cần phải tác chứng.

2 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu dhammānudhammappatipannarri. Xem chú thích 13, kinh so 3, tr. 581.

r e A \ 7

Năm pháp nào đưa đên nhiêu thành tựu? Đó là năm điêu không thê tước đoạt: Một là tin Phật, Như Lai là đấng Chí Chân, đầy đủ mười hiệu; hai là thân không tật bệnh, thường luôn an ổn; ba là ngay thẳng, không có dua ninh, thẳng tiến trên con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai; bốn là chuyên tâm không loạn, tụng đọc không quên; năm là khéo quán sát sự sinh diệt của các pháp, thực hành theo hạnh của Hiền thánh để đoạn sạch các gốc khổ. Thê nào là năm pháp cân phải tu tập? Đó là năm căn: Tín căn, tân căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Thế nào là năm pháp cần phải thấu hiểu? Đó là năm thủ uẩn:3 sắc, thọ, tưởng, hành và thức thủ uân. Thế nào là năm pháp cần

phải diệt trừ? Đó là năm thứ ngăn che: Tham dục, sân hận, hôn tram, trạo cử và nghi. Thế nào là năm pháp cần phải tác chứng? Đó là năm tụ vô học: Giới vô học, đinh vô học, tuệ vô học, giải thoát vô học và giải thoát tri kiến vô học. [0058a09] Lại có sáu pháp đưa đến nhiều thành tựu, có sáu pháp cần phải tu /x T ỉ \ r , , \. J. A tập, có sáu pháp cân phải thâu hiêu, có sáu pháp cân phải diệt trừ, có sáu pháp cần phải tác chứng. Thế nào là sáu pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là sáu pháp trọng. Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập sáu pháp trọng, đáng kính, đáng trọng, khiến hội chúng được hòa hợp, không có sự tranh cãi, dân đên hợp nhát, không bi tạp loạn. Sáu pháp ấy là gì? Một là, ngay dây, vị Tỳ-kheo thân thường hành từ và tu Phạm hạnh, sông với tâm nhân ái, đây gọi là pháp trọng, đáng kính, đáng trọng, khiên hội chúng được hòa hợp, không có sự tranh cãi, dẫn đến hợp nhất, không bi tạp loạn. Hai là, lại nữa, vị Tỳ-kheo khẩu thường hành từ. Ba là, ý thường hành từ. Bốn là, được phẩm vật lợi dưỡng đúng pháp và thức ăn ở trong bát đều đem chia cho mọi người, không ôm lòng tham tiếc riêng tư. Năm là, lại nữa, vị Tỳ- kheo giữ gìn giới hạnh của bậc Thánh, không hề hủy phạm, không bị nhiễm 6, được người trí khen ngợi là giới hạnh đầy đủ. Sáu là, lại nữa, vị Tỳ-kheo thành tựu pháp xuất yếu của Hiền thánh, chân chánh diệt tận khổ? được chánh kiến và các Phạm hạnh, đây gọi là pháp trọng, đáng kính, đáng trọng, khiến chúng hòa hợp, không có sự tranh cãi, dẫn đen hợp nhất, không bị tạp loạn. Thế nào là sáu pháp cần phải tu tập? Đó là sáu niệm, tức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Thế nào là sáu pháp cần phải thấu hiểu? Đó là sáu xứ bên trong, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Thê nào là sáu pháp cân phải diệt trừ? Đó là sáu ái, tức ái sác, thanh, hương, vi, xúc và ái pháp.

3 Nguyên tác: Thọ ấm .

Thế nào là sáu pháp cần phải chứng ngộ? Đó là sáu thứ thần thông, tức Thần túc thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thiên nhãn thông và Lậu tận thông. Lại có bảy pháp đưa đến nhiều thành tựu, có bảy pháp cần phải tu tập, có bảy pháp cần phải thấu hiểu, có bảy pháp cần phải diệt trừ, có bảy pháp cần phải tác chứng. Thế nào là bảy pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là bảy thứ tài sản: Tín tâm, trì giới, tự thẹn, xấu hổ, nghe nhiều, bố thí và trí tuệ. Thế nào là bảy pháp cần phải tu tập? Đó là bảy giác chi: Ngay đây vị Tỳ- kheo tu niệm giác chi, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly; tu trạch pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu khinh an, tu định, tu xả cũng đều nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt và nương nơi viễn ly. [0058b03] Thế nào ỉa bảy pháp cần phải thấu hiểu? Đó là bảy chỗ thức trú: Như có loại chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời và cõi người, đây là chỗ thức tru thứ nhất. Hoặc có loại chúng sanh có nhiều loại thân nhưng chỉ có một tưởng, như lúc mới sanh lên cõi trời Phạm Quang Âm, đây là chỗ thức tru thứ hai. Hoặc có loại chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều tưởng, như cõi trời Quang Âm, đây là chỗ thức tru thứ ba. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như cõi trời Biến Tịnh, đây là chỗ thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh ở Không Xứ, đây là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở Thức Xứ, đây là chỗ thức trú thứ sáu. Hoặc có chúng sanh ở

Vô Sở Hữu Xứ,4 đây là chỗ thức trú thứ bảy. Thế nào là bảy pháp cần phải diệt trừ? Đó là bảy sự sai khiến,45 tức là sự sai khiến của tham dục, của ái nhiễm, của thấy biết, của kiêu mạn, của sân hận, của vô minh và của nghi ngờ. Thế nào là bảy pháp cần phải chứng ngộ? Đó là bảy năng lực dứt hết các lậu hoặc: Một là, ngay đây, vị Tỳ-kheo đã dứt sạch phiền não, đối với tất cả sự khổ, sự tập khởi của khổ, sự diệt trừ, vi ngọt, sự tai hại và sự thoát khỏi của khổ5 đều thấy như thật và biết như thật. Hai là, xem dục như hầm lửa, như đao kiếm, biêt dục, thây dục như vậy roi, không tham đăm nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Ba là, Tỳ-kheo dứt sạch phiền não khéo quán xét, thấy biết như thật rồi thì mọi tham lam, mê hoặc, các pháp ác bất thiện ở the gian sẽ không phát khởi, không phát sanh trở lại nữa. Bon là, tu tập bon niệm xứ, thực hành tu tập thuần thục. Năm là9 tu tập năm căn, năm lực. Sáu là, tu tập bảy giác chi. Bảy là, tu tập tám chi Thánh đạo của bậc Hiền thánh, thực hành tu tập thuần thục. Lại có tám pháp đưa đên nhiêu thành tựu, có tám pháp cân phải tu tập, có tám pháp cần phải thấu hiểu, có tám pháp cần phải diệt trừ, có tám pháp cần phải tác chứng.

4 Nguyên tác: Bất dụng xứ . 5 Sử .Xem chú thích 33, kinh số 10,tr.672.

Thế nào là tám pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là tám nhân duyên khiến người chưa thành tựu Phạm hạnh nhimg có the thành tựu trí tuệ, người thành tựu Phạm hạnh rồi thì trí tuệ tăng trưởng. Tám nhân duyên ấy là gì? Một là, ngay đây, vị Tỳ-kheo nương tựa nơi đức Thế Tôn, hoặc nương tựa nơi Sư trưởng, hoặc nương tựa nơi người Phạm hạnh trí tuệ, rồi sanh tâm tự thẹn với mình, xấu hổ với người, có tâm ái kính, đó là nhân duyên thứ nhất khiên người chưa thành tựu Phạm hạnh nhưng có thê thành tựu trí tuệ, người thành tựu Phạm hạnh rồi thì trí tuệ tăng trưởng. Hai là, lại nữa, vị Tỳ-kheo nương tựa Thế Tôn, tùy lúc thưa hỏi: "Pháp này thế nào? Có ý nghĩa gì và dẫn đến dâu?" Bấy giờ, vi Tôn trưởng liền khai diễn những ý nghĩa sâu xa cho các vị ấy. Ba là, khi đã nghe pháp rồi thì thân tâm được an lạc và tịch tịnh. Bốn là, được an lạc và tịch tinh rồi thì không còn đàm luận những việc vô ích, trái đạo. Các vị ấy khi đi vào trong chúng, hoặc tự thuyết pháp, hoặc mời người khác thuyết pháp đều không rời sự yên lặng của Thánh hiền. Năm là, nghe nhiều hiêu rộng, ghi nhớ không quên, đôi với các pháp sâu xa, phân dâu, phân giữa và phần cuối đều thiện, văn và nghĩa chân thật, Phạm hạnh đầy đủ. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, thấy hiểu không lay chuyển. Sáu là, tu tập siêng năng, diệt ác, tăng thiện, gắng sức giữ gìn, không bỏ học pháp đã thọ. Bảy là, dùng trí tuệ đê quán sát các pháp sanh diệt, là nơi quy thú của các bậc Hiên thánh, có thê đoạn trừ tận cùng khổ não. Tám là, quán tướng sinh và tướng diệt của năm thủ uân: Đây là sác, đây là sự tập khởi của sác, đây là sự đoạn tận sác; đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức và sự đoạn tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên tuy chưa được Phạm hạnh nhưng có the thành tựu trí tuệ, thành tựu Phạm hạnh roi thì trí tuệ càng tăng trưởng. [0058c07] Thế nào là tám pháp cần phải tu tập? Đó ỉa tám con đường của Hiền thánh, gồm: chánh kiến, chánh tư duy,6 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Thế nào là tám pháp cần phải thấu hiểu? Đó là tám pháp thế gian: Lợi ích,

suy tổn, chê bai, khen ngợi, tán thán, gièm pha, khổ não, an vui. Thế nào là tám pháp cần phải diệt trừ? Đó là tám tà pháp: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định. Thê nào là tám pháp cân phải chứng ngộ? Đó là tám pháp giải thoát: Sác quán là sắc, pháp giải thoát thứ nhất. Bên trong không có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài, là giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát, là giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng nào khác, tru vào Không vô biên xứ, là giải thoát thứ tư. Vượt khỏi Không vô biên xứ, trú vào Thức vô biên xứ, là giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức vô biên xứ, trú vào Vô sở hữu xứ5 là giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Vô sở hữu xứ? trú vào Hữu tưởng vô tưởng xứ,7 là

6 Nguyên tác: Chánh chí . 7 Nguyên tác: Hữu tưởng vô tưởng xứ ,tức Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

pháp giải thoát thứ bảy. Vượt Hữu tưởng vô tưởng xứ, trú Diệt tận định, đó là pháp giải thoát thứ tám. Lại có chín pháp đưa đến nhiều thành tựu, chín pháp cần phải tu tập, chín pháp cần phải thâu hiểu, chín pháp cần phải diệt trừ, chín pháp cần phải tác chứng. Thế nào là chín pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là chín pháp thanh tinh hoàn toàn: Thanh tịnh hoàn toàn do giới, thanh tịnh hoàn toàn do tâm định, thanh tinh hoàn toàn do thấy biết chân lý, thanh tinh hoàn toàn do đoạn trừ sự hoài nghi, thanh tịnh hoàn toàn do thấy biết chánh đạo và phi đạo, thanh tịnh hoàn toàn do thấy biết về phương pháp hành trì, thanh tịnh hoàn toàn do nhận thức toàn diện về đường lôi hành trì, thanh tịnh hoàn toàn do dứt sạch lậu hoặc và thanh tinh hoàn toàn do giải thoát. Thế nào là chín pháp cần phải tu tập? Đó là chín nguồn gốc của hỷ: Vui mừng, yêu thích, phân chân, hân hoan, định, biêt đúng như thật, trừ xả, vô dục và giải thoát. Thê nào là chín pháp cân phải thâu hiêu? Đó là chín nơi chúng sanh cư trú: Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như cõi trời và cõi người, đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gồm nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, như trời Phạm Quang Am khi mới sanh lên cõi ấy, đó là nơi cư trú thứ hai của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhtrng có nhiều tưởng, như trời Quang Âm, đó là nơi cư trú thứ ba của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tưởng, như trời Biến Tịnh, đó là nơi cư tru thứ tư của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh không có tưởng và không có giác tri, tức là trời Vô Tưởng, đó là nơi cư trú thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không Vô Biên Xứ; đó là nơi cư tru thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Thức Vô Biên Xứ, đó là nơi cư tru thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Vô Sở Hữu Xứ, đó là nơi cư tru thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đó là nơi cư trú thứ chín của chúng sanh. [0059a04] Thế nào là chín pháp cần phải diệt trừ? Đó là chín pháp khởi nguồn từ ái: Do ái mà có tìm câu, do tìm câu mà có lợi dưỡng, do lợi dưỡng mà có thọ dụng, do thọ dụng mà có tham muốn, do tham muốn mà có chấp trước, do chấp trước mà có ganh ghét, do ganh ghét mà có chấp thủ, do chấp thủ mà có phòng hộ. Thế nào là chín pháp cần phải chứng ngộ? Đó là chín pháp diệt trừ: Nếu vào Thiền thứ nhất thì gai nhọn âm thanh bị diệt trừ; vào Thiền thứ hai thì gai nhọn giác và quán bị diệt trừ; vào

Thiền thứ ba thì gai nhọn hỷ bị diệt trừ; vào Thiền thứ tư thì gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ; vào Không vô biên xứ thì gai nhọn là sắc tưởng bị diệt trừ; vào Thức vô biên xứ thì gai nhọn là không tưởng bị diệt trừ; vào Vô sở hữu xứ thì gai nhọn là thức tưởng bi diệt trừ; vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì gai nhọn là vô sở hữu tưởng bị diệt trừ; vào Diệt tận định thì gai nhọn là tưởng và thọ bi diệt trừ.

11. KINH TĂNG NHẤT 691

Lại có mười pháp đưa đên nhiêu thành tựu, mười pháp cân phải tu tập, mười pháp cân phải hiêu5 mười pháp cân phải diệt trừ, mười pháp cân phải tác chứng. Thế nào là mười pháp đưa đến nhiều thành tựu? Đó là mười cứu pháp. Một là, vị Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới và các oai nghi, thấy chút lỗi nhỏ đã sanh tâm lo sợ lớn, bình đẳng học giới, tâm không tà vạy. Hai là, được gặp thiện tri thức. Ba là, lời nói ngay thăng, được nhiêu người nghe theo. Bôn là, ưa cầu pháp lành, bố thí chẳng tiếc. Năm là, những người Phạm hạnh có cần điêu gì liên đên trợ giúp, không nê hà mệt nhọc, thường làm những điêu khó làm, đồng thời cũng dạy người khác cùng làm. Sáu là, nghe nhiều, nghe rồi ghi nhớ, không hề quên mất. Bảy là, siêng năng diệt các pháp ác, làm cho pháp lành được tăng trưởng. Tám là, luôn chuyên niệm, không sanh các tưởng khác, ghi nhớ những hạnh lành căn bản như thấy ở trước mặt. Chín là, có đầy đủ trí tuệ quán sát sự sanh diệt của các pháp, dùng luật nghi của bậc Hiền thánh để đoạn trừ góc khô. Mười là, thích ở nơi thanh văng, chuyên niệm tư duy, trong khi thiền định không có sự loạn động. Thê nào là mười pháp cân phải tu? Đó là mười hạnh chân chánh, tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí. Thê nào là mười pháp cân phải thâu hiên? Đó là mười sác nhập, tức nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập và xúc nhập. Thế nào là mười pháp cần phải diệt ưừ? Đó là mười tà hạnh, tức tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí. Thế nào là mười pháp cần phải chứng ngộ? Đó là mười pháp vô học, tức vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh đinh, vô học chánh giải thoát và vô học chánh trí. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là pháp tăng nhất, nay Ta đã giảng nói cho các thầy pháp này. Ta là Như Lai, những gì cần làm Ta đã làm đầy đủ, từ mẫn ân cần dạy dô các thây, cho nên các thây phải siêng năng găng sức hành trì. Này các Tỳ-kheo, các thầy nên ở chỗ thanh vắng, bên gốc cây hay nơi đất trống, siêng năng tọa thiền, chớ tự mình buông lung. Hôm nay không gắng siêng năng, ngày sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy của Ta, các thầy phải siêng năng thọ trì. Các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.8

8 Bản Hán, hết quyển 9.

12. KINH TAM TỤ1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳkheo ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

5 y

Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các thây, với văn và nghĩa rõ ràng, đây đủ Phạm hạnh, gọi là pháp tam tụ. Vậy các thầy hãy lắng nghe, suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ giảng nói cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy và lắng nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Pháp tam tụ gồm, một pháp đưa đến cõi ác, một pháp đưa đến cõi lành và một pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp đưa đến cõi ác? Đó là, không có lòng từ, ôm lòng hiểm độc, đây là một pháp đưa đen cõi ác. Thế nào là một pháp đưa đến cõi lành? Đó là, không dùng tâm ác làm hại chúng sanh, đây là một pháp đưa đến cõi lành. Thế nào là một pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là, thường xuyên tinh cần tu niệm về thân, đây là một pháp đưa đến Niết-bàn. Lại có hai pháp đưa đến cõi ác, hai pháp đưa đến cõi lành, hai pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là hai pháp đưa đến cõi ác? Đó là phá giới và phá kiến. Thế nào là hai pháp đưa đến cõi lành? Đó là đầy đủ về giới và đầy đủ về kiến. Thế nào là hai pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là chỉ và quán. [0059c01] Lại có ba pháp đưa đến cõi ác, ba pháp đưa đến cõi lành. ba pháp đưa đến Niết-bán. Thế nào là ba pháp đưa đến cõi ác? Đó là ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Thế nào là ba pháp đưa đến cõi lành? Đó là ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn và vô si thiện căn. Thế nào là ba pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là ba loại tam-muội: Không tam- muội, Vô tướng tam-muội và Vô tác tam-muội.

Nguyên tác: Tam tụ kỉnh (roi. 0001.12. 0059b14).

694 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Lại CÓ bốn pháp đưa đến cõi ác, bốn pháp đưa đến cõi lành, bốn pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là bốn pháp đưa đến cõi ác? Đó là: Nói lời gợi dục,2 nói lời sân hận, nói lời gây sợ hãi và nói lời ngu si. Thế nào là bốn pháp đưa đến cõi lành? Đó là: Không nói lời gợi dục, không nói lời sân hận, không nói lời gây sợ hãi và không nói lời ngu si. Thế nào là bốn pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là bốn niệm xứ: Thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm3 niệm xứ và pháp niệm xứ. Lại có năm pháp đưa đến cõi ác, năm pháp đưa đến cõi lành và năm pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là năm pháp đưa đến cõi ác? Đó là phá năm giới: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Thế nào là năm pháp đưa đến cõi lành? Đó là giữ năm giới: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Thế nào là năm pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là năm căn: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Lại có sáu pháp đưa đến cối ác, sáu pháp đưa đến cõi lành, sáu pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là sáu pháp đưa đến cối ác? Đó là sáu pháp bất kính: Không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính đinh và không kính cha mẹ. Thế nào là sáu pháp đưa đến cõi lành? Đó là sáu pháp cung kính: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định và kính cha mẹ. Thế nào là sáu pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là sáu pháp nhớ nghĩ: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Lại có bảy pháp đưa đến cõi ác, bảy pháp đưa đến cõi lành và bảy pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là bảy pháp đưa đến cõi ác? Đó là: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói thô ác và nói thêm bớt. Thế nào là bảy pháp đưa đến cõi lành? Đó là: Không sát sanh,

không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác và không nói thêm bớt. Thế nào là bảy pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là bảy giác ý: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, đinh, hỷ và xả giác ý. Lại có tám pháp đưa đên cõi ác, tám pháp đưa đên cõi lành và tám pháp đưa đến Niết-bàn.

2 Nguyên tác: Ái ngữ .Ái ở đây chỉ cho khát ái ,tanhã. 3 Nguyên tác: Ý niệm xứ .

Thế nào là tám pháp đưa đến cõi ác? Đó là tám điều tà: Tà kiến, tà tư duy/ tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn,5 tà niệm và tà định. Thế nào là tám pháp đưa đến cõi lành? Đó là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Thế nào là tám pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là con đường tám chi của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. [0060a04] Lại có chín pháp đưa đến cõi ác, chín pháp đưa đến cõi lành và r A chín pháp đưa đên Niêt-bàn. Thê nào là chín pháp đưa đên cõi ác? Đó là chín sự phiên muộn như: Người kia đã xâm hại ta, người kia đang xâm hại ta, người kia sẽ xâm hại ta; người kia đã xâm hại người mà ta yêu mến, người kia đang xâm hại người mà ta yêu mến, người kia sẽ xâm hại người mà ta yêu men; người kia đã kính mến người mà ta oán ghét, người kia đang kính mến người mà ta oán ghét, người kia sẽ kính mến người mà ta oán ghét. Thế nào là chín pháp đưa đến cõi lành? Đó là chín pháp không phiền muộn như: Người kia đã xâm hại ta, nêu ta phiên muộn thì đâu có ích lợi gì? Thê nên, trước đã không phiên muộn, hiện tại cũng không phiên muộn, vê sau cũng không sanh phiền muộn. Như người kia đã xâm hại đến người mà ta yêu mến nhưng nếu ta phiền muộn thì đâu có ích lợi gì? Do đó trước đã không sanh phiên muộn, hiện tại cũng không sanh phiên muộn, vê sau cũng không sanh phiên muộn. Như người kia đã kính mên người mà ta oán ghét, nêu ta phiên muộn thì đâu có lợi ích gì? Vì vậy, trước đã không sanh phiên muộn, hiện tại cũng không sanh phiên muộn, vê sau cũng không sanh phiên muộn. Thế nào là chín pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là chín pháp hỷ: Vui mừng, yêu thích, phân chân, hân hoan, định, biêt đúng như thật, buông xả, vô dục và giải thoát. Lại có mười pháp đưa đên cõi ác, mười pháp đưa đên cõi lành và mười pháp đưa đến Niết-bàn. Thế nào là mười pháp đưa đến cõi ác? Đó là mười pháp bất thiện, về thân gôm có: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm; vê miệng gôm có: Nói hai chiêu, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt; về ý gồm có: Tham lam, ganh ghét và tà kiến. Thế nào là mười pháp đưa đến cõi lành? Đó là mười điều thiện, về thân gôm có: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; vê miệng gôm có: Không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối5 không nói thêu dệt; vê ý gôm có: Không tham lam, không ganh ghét và không tà kiên.

4 Nguyên tác: Tà chí . 5 Nguyên tác: Tà phương tiện .

Thế nào là mười pháp đưa đến Niết-bàn? Đó là con đường chân chánh gồm mười pháp: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,

chánh niệm, chánh đinh, chánh giải thoát và chánh trí. Mười r r r pháp như thê có năng lực đưa đên Niêt-bàn. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là mười pháp đưa đên Niêt-bàn, gọi là Chánh pháp vi diệu gôm tam tụ. Ta là đang Như Lai đã làm đây đủ những việc cân làm cho chúng đệ tử, vì thương tưởng các thây nên chỉ bày lôi đi. Các thây phải tự lo nghĩ đên bản thân mình, nên ở nơi thanh văng, ngôi dưới góc cây mà tư duy, chớ có lười biêng. Hôm nay không găng siêng năng, ngày sau hôi hận vô ích! Các Tỳ-kheo nghe đức Phật thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại xứ Kiếp-ma-sa52 thuộc nước Câu-lmi-sa.3 [0060b01] Bây giờ, Tôn giả A-nan ở nơi thanh văng roi suy nghĩ như vây: "Thật kỳ diệu thay, giáo pháp về mười hai nhân duyên siêu việt trí tuệ4 mà đức Thế Tôn đã dạy thật sâu xa, thật khó hiểu nhưng theo tư duy quán sát của ta thì thấy như đang ở trước mắt, đâu có gì sâu xa?" Thế rồi, A-nan rời khỏi tịnh thất đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và bạch rằng: -Bạch đức Thế Tôn! Vừa rồi khi ở trong tịnh thất, con đã tự nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, giáo pháp về mười hai nhân duyên siêu việt trí tuệ mà đức Thế Tôn đã dạy thật sâu xa, thật khó hiểu nhưng theo tư duy quán sát của con thì thấy như đang ở trước mắt, đâu có gì sâu xa?" Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: -A-nan, thây hãy thôi đi! Chớ nói như thê. Giáo pháp vê mười hai nhân duyên siêu việt trí tuệ, rất sâu xa, khó hiểu. Này A-nan! Pháp mười hai nhân duyên này thật khó thấy, khó hiểu, cho đến hàng chư thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy pháp nhân duyên này mà muốn tư duy, quán sát, phân biệt nghĩa lý thì đều mịt mờ, không thể thấy được. Này A-nan, nay Ta nói với thây: "Gi chét đêu có duyên.^, Nêu có người hỏi: "Cái gì làm duyên cho già chết?" Nên đáp: “Sanh làm duyên cho già chết.^, Nếu lại hỏi: “Cái gì làm duyên cho sanh?^, Nên đáp: "Hữu làm duyên cho sanh.,, Nếu hỏi: "Cái gì làm duyên cho hữu?,, Nên đáp: "Thủ làm duyên cho hữu.” Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thủ?^, Nên đáp: "Ai làm duyên cho

1 Nguyên tác: Đại duyên phương tiện kỉnh (TOI. 0001.13. 0060a28). Tham chiếu: Phật thuyết Nhân bổn dục sanh kinh (roi. 0014. 0241 c23); Phật thuyết Đại sanh nghĩa kinh (r.Ol. 0052. 0844b09); Đại nhân kỉnh (r.01. 0026.97. 0578b07); D. 15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh Đại duyên). 2 Kiếp-mạ-sa (Kammāsadam hay Kammāsadamma) cũng gọi Kiếm-ma-sắt-đàm (), một thị trấn (nigamo) của nước Câu-lưu-sa ().Ngoài bản kinh này ra, cũng tại thi trấn này, đúc Phật đã giảng nhiều bài kinh quan trọng khác như D. 22Mahāsatipatthana Sutta (Kỉnh Đại niệm xứ); M. 106, Anenjasappāya Sutta (Kinh Bát động lợi ích). 3 Câu-lưu-sa (Kurūsu) cũng gọi là Kuru, một trong 16 nước lớn thời Phật. 4 Nguyên tác: Quang (? Ãtapà) và Minh (Āloko). Theo Thập địa kinh luận (26. 1552.5. 0155al0), 2 yêu tô này chỉ cho trí tuệ siêu việt của Như Lai.

thủ.,, Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho 5i?" Nên đáp: "Thọ làm duyên cho ái." Nêu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thq?” Nên đáp: "Xúc làm duyên cho thQ." Nếu lại hỏi: “Cái gì

làm duyên cho xúc?" Nên đáp: "Lục nhập làm duyên cho xiic.” Nếu lại hỏi: "Cái gi làm duyên cho lục nháp?” Nên đáp: "Danh sắc làm duyên cho lục nháp." Nêu lại hỏi: :Cái gì làm duyên cho danh sắc?” Nên đáp: "Thức làm duyên cho danh sắc." Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thức?" Nên đáp: “Hành làm duyên cho thức.” Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho hành?” Nên đáp: "V6 minh làm duyên cho hành.^, Này A-nan! Như vậy, do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, lo, buồn, khổ, não rồi kết thành một khối khổ lớn. Đó là nhân duyên của khối khổ lớn này. Phật bảo A-nan: Do sanh mà có già chét, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có sanh thì liệu có già chết không? [0060c02] A-nan đáp: Thưa, không! Thế nên, A-nan, do nhân duyên này biết được già chết do sanh, duyên sanh có già chết, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, duyên hữu mà có sanh, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu thì liệu có sanh không? A-nan đáp: -Thưa, không! Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết sanh do hữu, duyên hữu mà có sanh, nghĩa của Ta nói chính là như the. Này A-nan! Duyên thủ mà có hữu, nghĩa này là the nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã thủ thì liệu có hữu không? A-nan đáp: Thưa, không! Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biêt hữu do thủ, duyên thủ có hữu, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan? duyên ái mà có thủ, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có dục ái, hữu ái và vô hữu ái thì liệu có thủ không? Thưa, không! Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thủ do ái, duyên ái có thủ, nghĩa của Ta nói chính là như the. Này A-nan, duyên thọ mà có ái, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ thì liệu có ái không?

-Thưa, không! - Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết ái do thọ, duyên thọ mà có ái, nghĩa của Ta nói chính là như thế. A-nan nên biết, do tham ái mà có tìm cầu, do tìm cầu mà có lợi dưỡng, do lợi dưỡng mà có thọ dụng, do thọ dụng mà có tham muôn, do tham muôn mà có đăm trước, do đăm trước mà có ganh ghét, do ganh ghét mà có chấp thủ, do chấp thủ mà có phòng hộ. Này A-nan, do có sự phòng hộ mới có dao gậy, tranh giành, kiện tụng, tạo ra vô số điều ác. Nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh nếu không có phòng hộ thì liệu có dao gậy, tranh giành, kiện tụng rồi tạo ra vô số điều ác không? Thua, không! Thê nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biêt dao gậy, tranh tụng là do phòng hộ phát sanh, do phòng hộ mà có dao gậy, tranh tụng. A-nan, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do chấp thủ mà có phòng hộ, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có chấp thủ thì liệu có tâm phòng hộ không? Thưa, không! - Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết phòng hộ là do chấp thủ, do chấp thủ mà có phòng hộ, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Do ganh ghét mà có chấp thủ, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có tâm ganh ghét thì liệu có tâm chấp thủ không? [0061a03] A-nan đáp: -Thưa, không! _ - £ Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biêt thủ do ganh ghét, nhân ganh r r ghét mà có châp thủ, nghĩa của Ta nói chính

là như thê. Này A-nan! Do đăm trước mà có ganh ghét, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không đắm trước thì liệu có ganh ghét không? Thua, không! -Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biết ganh ghét là do đắm trước, nhân đắm trước mà có ganh ghét, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! r / __ r Do tham muôn mà có đăm trước, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có tham muốn thì liệu có đắm trước không? Thua, không! Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biết đắm trước do tham muốn, do tham muốn mà có đắm trước, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do thọ dụng mà có tham muốn, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không thọ dụng thì liệu có tham muốn không? Thưa, không!

Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biết tham muốn là do thọ dụng, do thọ dụng mà có tham muốn, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Lại nữa, này A-nan5 do được lợi mà có thọ dụng, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có được lợi thì liệu có thọ dụng không? Thưa, không! - Này A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thọ dụng do được lợi, do được lợi mà có thọ dụng, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Lại nữa, này A-nan! Do tìm câu mà có được lợi, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có tìm cầu thì liệu có được lợi không? Thưa, không! Này A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biêt được lợi là do tìm câu, do tìm cầu mà được lợi, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Do tham ái mà có tìm cầu, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh nếu không có tham ái thì liệu có tìm cầu không? Thua, không! Thê nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biêt tìm câu là do tham ái, do tham ái mà có tìm câu, nghĩa của Ta nói chính là như thê. Này A-nan! Do tham ái mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ, thọ cũng như vậy, do thọ mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ cũng như thế. Phật bảo A-nan: Do xúc mà có thọ là nghĩa thê nào? A-nan! Giả sử không có nhãn căn, không có sắc trần, không có nhãn thức thì liệu có xúc không? A-nan đáp: Thưa, không! Giả sử không có nhĩ căn, không có thanh trân và không có nhĩ thức; không có tỷ căn, không có hương trần và không có tỷ thức; không có thiệt căn, không có vị trần và không có thiệt thức; không có thân căn, không có xúc trần và không có thân thức; không có ý căn, không có pháp trần và không có ý thức thì liệu có xúc không? Thua, không! Này A-nan! Giả sử tất cả chúng sanh không có xúc thì liệu có thọ không? [OOólbOl] A-nan đáp: Thưa, không! Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thọ do xúc, do xúc mà có thọ, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do danh sắc mà có xúc, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có danh sác thì liệu có xúc không? Thua, không!

A-nan, giả sử tất cả chúng sanh không có hình sắc và tướng mạo thì liệu có xúc không? Thưa, không! Này A-nan! Nếu không có danh sắc thì liệu có xúc không? Thưa, không! Thế nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết xúc do danh sắc, duyên danh sắc mà có xúc, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do thức mà có danh sắc, nghĩa này là thế nào? Giả sử thức không nhập thai mẹ thì liệu có danh sắc không? A-nan đáp: Thưa, không! Nếu thức nhập thai rồi nhtrng không sanh ra thì

liệu có danh sắc không? Thưa, không! Nêu thức xuất sanh với thai mà đứa trẻ ây qua đời thì liệu danh sác có tăng trưởng không? Thưa, không! Này A-nan! Nêu không có thức thì có danh sác không? Thua, không! Thế nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết danh sắc do thức, duyên thức mà có danh sắc, nghĩa Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Do danh sắc mà có thức, nghĩa này là thế nào? Giả sử thức không trú nơi danh sắc, tức là thức không có chỗ trú, nếu thức không có chỗ trủ thì liệu có sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não không? A-nan đáp: Thua, không! -Này A-nan! Nếu không có danh sắc thì có thức không? Thưa, không! Thế nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thức do danh sắc, duyên danh sắc mà có thức, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, thế nên, danh sắc làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc; danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ, thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ, thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh, sanh làm duyên cho già, chét, lo, buôn, khô, não roi két thành một khối khổ lớn. Này A-nan! Trong giới hạn ây là ngôn ngữ, trong giới hạn ây là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh.

Này A-nan! Những Tỳ-kheo nào quán sát chân chánh giáo pháp này đúng như thật thì được Tâm vô lậu giải thoát.5 Này A-nan, những Tỳ-kheo đó xứng đáng được gọi là bậc Tuệ giải thoát.6 Đối với những Tỳ-kheo đã được giải thoát như vậy thì Như Lai mạng chung, vị ấy cũng biết; Như Lai không mạng chung, vị ấy cũng biết; Như Lai vừa mạng chung, vừa không mạng chung, vị ấy cũng biết; Như Lai không mạng chung, cũng không phải không mạng chung, vị ấy cũng biết. Tại sao như vậy? Này A-nan, vì trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi đã hiên biết tận cùng rồi thì vi Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không biết, không thấy tri kiến như vậy.7 Này A-nan, đối với sự chấp ngã, cho đến giới hạn nào thì được gọi là ngã kiến? Danh sắc và thọ đều được chấp là ngã. Có người nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã là thQ." Hoặc có người nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chang phải thọ nhưng thọ pháp là ngâL" Hoặc có người nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã nhưng chỉ có thọ là nga." [0061C06] Này A-nan, đối với người thấy có ngã, cho rằng "thọ là nga,9 thì hãy nói với người đó rằng: "Dức Như Lai nói: 'Có ba thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có lạc thọ thì không có khổ thọ, không có bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có khổ thọ thì không có lạc thọ, khônệ có bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc cảm thấy bất khổ bất lạc thọ thì không có kho thọ hay lạc thọ.9,9 Tại sao thế? Này A-nan! Vì có xúc chạm cảnh vui làm duyên mới sanh ra lạc thọ. Nếu như sự xúc chạm cảnh vui đó diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan! Vì có sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu như sự xúc chạm cảnh khổ diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan! Vì sự xúc chạm cảnh không khổ không vui làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan! Ví như hai khúc cây cọ vào nhau thì sẽ phát ra lửa, nếu hai khúc cây đe ở hai nơi khác nhau thì sẽ

không có lửa. Trường hợp này cũng vậy, vì do xúc chạm cảnh vui làm duyên nên sanh ra lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh vui diệt thì thọ cũng diệt Do sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu sự xúc chạm cảnh kho diệt thì thọ cũng diệt. Do sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt.

5 Nguyên tác: Chư Ty-kheo ư thử pháp trung như thật chánh quán, vô lậu tâm giải thoát .Tham chiếu: Nhân bổn dục sanh kỉnh7.01.
0014.1. 0245c29: “Nhu vậy, này A-nan! Như có người nhờ sự hiêu biết của trí tuệ chân thực, nương vào trí tuệ đó nên tâm được giải thoát, do vậy được gọi là bậc đã giải thoáf, i ' 6 Tuệ giải thoát ,Paññāvimutto, nhờ
dùng trí tuệ đoạn dứt vô minh phiền não mà được giải thoát. 7 Nguyên tác: Tỳ-kheo bất tri, bất kiến như thị tri kiến ,tức không còn có quan điểm về Như Lai
tồn tại hay không tồn tại...

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN 703

Này A-nan, ba loại thọ này là pháp hữu vi, vô thường, do nhân duyên mà sanh nên là pháp tan rã5 là pháp diệt tận, là pháp hư hoại. Vì pháp ấy chẳng phải từ ngã mà có và ngã cũng chăng phải từ pháp ây mà có. Cho nên, hãy vận dụng chánh trí mà quán chiếu các pháp đúng như thực thể của nó. A-nan, người thấy có ngã, rồi cho rằng uthọ là ngã,9 thì người ấy thật sai lầm. Này A-nan, với những ai thấy có ngã, nói rằng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã là thọ,5 thì nen nói với họ rằng: :Dức Như Lai nói: 'Có ba loại thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Nếu lạc thọ là ngã, khi lạc thọ diệt mất thì sẽ có hai ngã, điều này thật sai lầm. Nêu khổ thọ la ngã, khi khổ thọ diệt mất thì sẽ có hai ngã, điều này thật sai lầm. Nêu bất khổ bất lạc thọ là ngã, khi bất khổ bất lạc thọ diệt mất thì sẽ có hai ngã, điều này thật sai A-nan, với những ai thấy có ngã, cho rằng "thọ không phải là ngã, ngã là thQ” thì người ấy thật sai lầm. Này A-nan? với những ai châp ngã, họ lập luận răng: "Thọ chăng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngáp thì hãy nói với họ: “Tất cả không có thọ, tại sao ngươi lại nói có thọ pháp? Chính ngươi là thọ pháp chng?" Người ấy đáp: "Không phi" Thế nên, A-nan, những ai chấp ngã,
lập luận rằng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngâT thi người ấy thật sai lầm. [0062a04] Này A-nan? với những ai chấp có ngã, nói rằng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chang phải là ngã, chỉ có thọ là ngM',8 thì nên hỏi họ: "Tất cả không có thọ, tại sao ngươi lại nói có thọ? Chính nguôi là thọ u?" Đáp: "Kh6ng!” Thế nên, A-nan, với những ai chấp có ngã, nói răng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, chỉ có thọ là ngâT thì người ấy thật sai lâm. A-nan, trong giới hạn ây là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh. A-nan! Những Tỳ-kheo nào quán sát chân chánh giáo pháp này đúng như thật thì được Tâm vô lậu giải thoát. Này A-nan, những Tỳ-kheo đó xứng đáng được gọi là bậc Tuệ giải thoát. Tỳ-kheo với tâm giải thoát như vậy, nếu có ngã cũng biết, không có ngã cũng biết, vừa có ngã vừa không có ngã cũng biết, chẳng có ngã chẳng phải không có ngã cũng biết. Vì

sao như vậy? Này A-nan, vì trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi đã hiểu biết tận cùng rồi thì vi Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không biết, không thấy tri kiến như vậy. Phật bảo A-nan: Những người chấp ngã, cho đến giới hạn nào thì được xác định? Những người chấp ngã họ sẽ lý luận: "Một phần ít sắc là ngã^; hoặc nói: "Nhiều phần*

8 Nguyên tác: Ái .Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là "thẹ".

Sắc là ngỗT; hoặc nói: "Một phần ít vô sắc la nga^; hoặc nói: "Nhiều phần vô sắc là ngâư' A-nan! Những người chấp một phần ít sắc là ngã, xác định rằng "một phần ít sắc là ngã, quan điểm của ta là đúng, còn lại đều sai." Những người chấp nhiều phần sắc là ngã, xác định rằng "nhiều phần sắc là ngã, quan điểm của ta là đúng, còn lại đều sai." Những người chủ trương một phần ít vô sắc là ngã, xác đinh rằng "một phần ít vô sắc là ngã, quan điểm của ta là đúng, còn lại đều sai." Những người nói nhiều phần vô sắc là ngã, xác định rằng “nhiều phần vô sác là ngã, quan diêm của ta là đúng, còn lại đêu sai.” Phật bảo A-nan: Có bảy chỗ thức trú và hai nơi thể nhập9 mà các Sa-môn và Bà-la-môn đều cho rằng đây là nơi an on, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Những gì là bảy? Có thế giới mà chúng sanh ở trong đó có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, đó là cõi trời và cõi người. Đây là trú xứ thứ nhát của thức, là nơi mà các Sa-môn và Bà-la-môn cho rằng: "Đây là nơi an ổn, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn dèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền nO."Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết chỗ thức trú thứ nhất này, biết sự tập khởi, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy sẽ nói với tri kiến như thật: "Điều ấy chẳng phải là ta, ta chẳng phải là điều ấy." Có thế giới mà chúng sanh ở trong đó có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, đó là cõi trời Phạm Quang Âm. Có thế giới mà chúng sanh ở trong đó chỉ có một loại thân nhưng lại có nhiều tưởng, đó là cõi trời Quang Âm. CÓ thê giới mà chúng sanh ở trong đó chỉ có một thân và một tưởng, đó là cõi trời Biến Tịnh. Có chúng sanh ở cõi Không Vô Biên Xứ. Có chúng sanh ở cõi Thức Vô Biên Xứ. Có chúng sanh ở cõi Bất Dụng Xứ.10 Đó là bảy chỗ thức trú mà các Sa-môn và Bà-la-môn thường cho đây là nơi an ổn, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này Anan, nếu Tỳ-kheo nào biết rõ bảy chỗ thức trú này, biết sự tập khởi, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật thì này A-nan? Tỳ-kheo ấy sẽ nói với tri kiến như thật: "Biều ấy chẳng phải là ta, ta chẳng phải là điều ấy.”

9 Nguyên tác: Nhập xứ ,āyatana: Cảnh giới, khu vực, nền tảng, cảm quan, vị trí. 10 Bất dụng xứ còn gọi là định Bất dụng xứ, một trong 4 định cõi Vô sắc. Định Bất dụng xứ cũng gọi là Vô sở hữu xứ.

[0062bl3] Thế nào là hai nơi thể nhập? Là thể nhập cõi Vô Tưởng11 và cõi Phi Tưởng Phi Vô Tưởng.12 Này A-nan? đối với hai chỗ nhập định này, các Sa- môn và Bà-la-môn cho là nơi an ổn, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn dèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết hai chỗ thể nhập, biết sự tập khởi, biết sự diệt tận, biêt vi ngọt, biêt sự tai hại, biêt sự xuât ly5 biêt đúng như thật thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy sẽ nói với tri kiến như thật: "Biều ấy chẳng phải là ta, ta chẳng phải là điều ấy." Này A-nan, lại có tám giải thoát. Thế nào là tám? Một là, có sắc, quán sắc; hai là, bên trong không có sắc tưởng, quán ngoại sắc; ba là, tịnh giải thoát; bốn là, vượt qua sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, trú vào Không vô biên xứ; năm là, vượt * e khỏi Không vô biên r xứ, trú vào Thức vô biên xứ; sáu là, vượt khỏi Thức vô biên xứ, trú vào Bát dụng xứ; bảy là, vượt khỏi Bất dụng xứ, tru vào Hữu tưởng vô tưởng xứ và tám là Diệt tận định. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào đối với tám giải thoát này mà thông suốt thuận nghịch, ra vào tự tại thì vị Tỳ-kheo ấy được tâm giải thoát và tuệ giải thoát.13 Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

11 Vô Tưởng nhập .MĀ. 97 gọi là Vô Tưởng thiên Asaññasattāyatana. ^PhiTuon^PhiVo Tưởng nhập .MĀ. 97 gọi là Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Nevasaññānāsaññayatana. Đây là cảnh giới cao nhất trong cõi Vô sắc nhưng Tỳ-kheo cũng không dính măc. 13 Nguyên tác: Câu giải thoát ,giải thoát cả 2 phần, tức là Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN THƯA HỎI12 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở nước Ma-kiệt-đà/ phía Bắc thôn Am-bà-la9 ngụ trong động Nhân-đà-sa-la,3 thuộc núi Tỳ-đà.4 Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân5 phát khởi thiện tâm vi diệu nên muốn đến bái kiến Phật: "Nay ta sẽ đến nơi đức Thế Tôn cư ngụ." Khi ấy, chư thiên Đao-lợi nghe Thích-đề-hoàn-nhân phát khởi thiện tâm vi diệu và muốn đến nơi Phật ngụ liền đến chỗ Đế-thích và thưa: Lành thay! Đấ-thích! Ngài phát khởi thiện tâm vi diệu, muốn đến chỗ Như Lai, chúng tôi rất vui nếu được hầu ngài để cùng đến nơi Thế Tôn cư ngụ. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân liền bảo thần tấu nhạc Bàn-già-dực6 rằng: Nay ta muốn đến nơi Thế Tôn ngụ, ông hãy đi cùng ta. Chư thiên Đao-lợi đây sẽ cùng ta đến nơi Phật ngụ. Thưa vâng! Thế rồi, đứng giữa thiên chúng, ở trước mặt Đế-thích, Bàn-già-dực liền cầm đàn lưu ly rồi tấu nhạc cúng dường. Bấy giờ, trong khoảng thời gian bằng lực sĩ co duỗi cánh tay, Đế-thích, chư thiên Đao-lợi và Bàn-già-dực bỗng nhiên ẩn mất khỏi pháp đường, đến phía Bắc nước Ma-kiệt-đà? trong núi Tỳ-đà. Bấy giờ, đức Thế Tôn nhập Hỏa diệm tam-muội khiến cho núi Tỳ-đà rực sáng một màu lửa, dân chúng trong nước trông thấy, cùng nói với nhau: “Núi Tỳ-đà này rực sáng một màu lửa, chắc là do năng lực của Như Lai hoặc của chư thiên.

1 Nguyên tác: Thỉch-đề-hoàn-nhân vấn kinh roi. 0001.14. 0062Ò28. Tham chiếu: Phật thuyêt Đê-thỉch sở vân roi. 0015. 0246b03; Thích vân kỉnh roi. 0026.134. 0632c27; D. 21, Sakkapañha Sutta Kinh Đế-thỉch sở vấn. 2 Ma-kiệt quốc Magadhā. Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 517. 3 Nhân-đà-sa-la quật Indasālaguhā , hang động ở núi Tỳ-đà, thuộc phía Đông thành Vương Xá.

4Tỳ-đa sơn ,Vediya. 5 Thích-đề-hoàn-nhân l, Sakkā devānam indra còn gọi De-thich ,Thiênté ,là chủ của cõi trời Ba Mươi Ba ,tức cõi trời Đao-lợi . 6 Bàn-già-dực Pañcasikhā còn gọi Bát-già-tuần Bát-già-vu-tuần là một vị nhạc thần càn-thát-bà gandhabbā.

LÚC đó? Thích-đê-hoàn-nhân bảo Bàn-già-dực: Đức Như Lai là bậc Chí Chân, rất khó được gặp. Nay Ngài giáng thế và đang ở nơi vắng vẻ, nhàn tịnh, tĩnh mịch không tiếng động, làm bạn với muông thú, nơi này thường có chư thiên và đại quỷ thần theo hau đức Thế Tôn. Ông hãy đên trước gảy đàn lưu ly đê cúng dường đức Thê Tôn, còn ta và chư thiên sẽ đến sau. Bàn-già-dực đáp: Thưa vâng! Thế rồi, vâng theo lời dạy, Bàn-già-dực cầm đàn lưu ly đi trước đến chỗ Phật. Khi cách Phật không xa, ông gảy đàn lưu ly và hát lên bài kệ rằng: Bạt-đàơi! Ta kính lễ cha nàng, Cha nàng rất đoan nghiêm, Sanh ra nàng cát tường, Lòng ta rất yêu thích. Vốn vì một chút duyên, Mà tình thương hiện khởi, Dần dần được lớn mạnh, Như cúng bậc ứng Cúng.7 Thích tử tu Tứ thiền, Thường thích ở chỗ vắng, Chánh tâm, cầu bất tử, Chuyên lòng, ta cũng thế. Thích-ca78 phát đạo tâm, Mong được thành Chánh giác, Nay ta cầu tố nữ, r Do muôn được gặp nàng. Lòng _ - say đăm, ta đã _ Ưa thích không thể xa, Muốn bỏ, không thể bỏ, Như voi bị giữ chặt. Như nóng .gặp : gió r mát, Như khát gặp suối trong, Như người đạt Niêt-bàn, Như nước dập tắt lửa, Như bệnh gặp thuốc hay, Như đói được ăn ngon, No đủ sanh khoái lạc. Như pháp với La-hán, Như voi bị móc câu Mà lòng không tuân phục, Rong chạy khó cản ngăn, Buông lung không dừng nghí. Như hồ nước mát trong, Dập dềnh hoa mặt nước, Nóng nực voi tắm hồ9 Toàn thân được mát lạnh. Ta bố thí trước sau, Cúng dường các La-hán, Phước báu tạo trong đời, Mong cùng nàng chung sống. Nàng chết ta cũng chết, Không nàng, sống ích gì, Dù thân này phải chết,

7 Nguyên tác: La-hán ().Theo Đại trí độ luận (T.25. 1509.3. 0082b28),>trong 3 nghĩa của bậc A-la-hán có một nghĩa ứng Cúng ().Theo ngữ cảnh, vi nhạc thân ví rằng, tình cảm của ông với nàng con gái hoàn toàn tự nhiên và xứng đáng, như bậc Ưng Cúng xứng đáng nhận sự cúng dường. 8 Nguyên tác: Năng Nhâr^(),được dịch từ chữ Thích-ca (sakyā). Tham chiếu: Tu hành bản khởi (7.03. 0184.01. 0462b18); Phạm vong kinh (7L38. 0682.1. 0245CÍ4). Xem thêm D. 3: "Ny Ambattha, Vua Okkāka liền cảm hứng thót lời tụng hân hoan: 'Các hoàng tử thật là những Sākya (cưng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sākya xuất chúng.9 Này Ambattha, từ đó trở dỉ, các hoang tư được gọi là Sākya, và VuaOkkāka là Vua tổ của dòng họ Thich-ca;, (HT. Thích Minh Châu dịch).

Sống không thể thiếu nàng. Chủ chư thiên Đao-lợi, Đê-thích, chứng nguyện này, Với sính lê đủ đây, Mong ngài suy xét kỹ. [0063al6] Bấy giờ, đức Thế Tôn xuất định và bảo Bàn-già-dực rằng: -Hay thay, hay thay! Ong có thê dùng âm thanh thanh tinh, hòa điệu với tiêng đàn lưu ly đê khen ngợi đức Như Lai. Tiêng đàn và giọng hát của ông không quá trầm quá bổng, hòa quyện nỗi buồn thương da diết, làm cảm động lòng người.

Hơn nữa, trong tiếng đàn hòa tấu của ông đong đầy cảm xúc, chuyển tải sự trói buộc của tham dục, đồng thời ngợi khen về Phạm hạnh, về Sa-môn và về Niết-bàn. Lúc ấy, Bàn-già-dực bạch Phật: - Thưa Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa khi Phật mới thành đạo bên gốc cây A-du-ba-đà Ni-câu-luật,9 bên sông Ni-liên-thiền,10 thuộc xứ uất-tỳ-la;11 khi đó, có con trai của thiên đại tướng là Thi-hán-đà12 cùng vi ngọc nữ con của thần đánh nhạc đang ở chung một chỗ và chỉ nói về dục lạc. Thấy tâm trạng của họ như thế, con liền làm bài tụng nói về sự trói buộc của dục, đồng thời khen ngợi về Phạm hạnh, về Sa-môn và về Niết-bàn. Nghe xong bài kệ đó, thiên nữ nhướng mắt cười rồi nói với con: "Này Bàn-già-dực, ta chưa từng thấy đức Như Lai nhưng ta đã từng ở trong pháp đường của trời Đao-lợi nghe những chư thiên ấy tán thán đức Như Lai có phước đức như thế, có năng lực như thế. Ông thường giữ vững lòng tin và thân cận đức Như Lai, nay ta muốn làm thiện tri thức với 6ng." Bạch Thế Tôn! Sau lần nói chuyện hôm đó đến nay con không còn trò chuyện với nàng nữa. [0063Ồ02] Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân suy nghĩ như vầy: uBàn-già-dực đã làm vui lòng đức Như Lai rồi, ta hãy nghĩ đến người ấy!" Rồi Thiên Đế-thích liền nghĩ đến Bàn-già-dực. Lúc đó, Bàn-già-dực lại khởi niệm như vầy: “Nay Thiên Đe-thích đang nghĩ đến ta." Lập tức ông cầm đàn lưu ly đến chỗ Đấ- thích. Đế-thích bảo: "ông hãy thay ta và chư thiên Đao-lợi đến thăm hỏi đức Thế Tôn xem Ngài có được mạnh khỏe không? Đi đứng có an lành kh6ng?” Lúc đó, vâng lệnh Đế-thích, Bàn-già-dực liền đến chỗ Thế Tôn ngụ, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên và thưa: -Bạch Thế Ton, Thích-đề-hoàn-nhân và chư thiên Đao-lợi sai con đến kính thăm hỏi đức Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Đi đứng có an lành không?

9 A-du-ba-đà Ni-câu-luật ,Ajapāla Nigrodha. 10 Ni-lien-thien ,Nairañjana còn gọi Ni-liênthiền-na]tên của một con sông. Lúc Bô-tát săp thành đạo, Ngài xuống sông này tăm rửa ròi đên bên gốc cây Bố-đề nhập định. 11 uất-tỳ-la ,Uruvelā. 12Thi-hán-đàSikhaddhi.

Á nn _ J. ỉ _ The Ton đáp: Ta mong cho ông cũng như Đê-thích và chư thiên Đao-lợi được sông lâu, an vui, không có tai họa. Vì sao như vậy? Vì chư thiên, loài người, a-tu-la và những chúng sanh khác đêu ham sông lâu, đêu thích an vui và không muôn tai họa. Bấy giờ, Đe-thích suy nghĩ: "Chúng ta hãy đến đảnh lễ và bái kiến đức Thế Ton?5 Nghĩ thế rồi, Đế-thích cùng chư thiên Đao-lợi đi đến chỗ Phật ngụ, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Đế-thích bạch Phật: Bạch Thê Tôn! Không biêt nay chúng con có được phép ngôi gân Ngài hay không? Phật bảo Đế-thích: -Thiên chúng của ông quá đông, nên chỉ có ông được ngồi gần Ta thôi. Lúc đó, hang động Nhân-đà-sa-la nơi Thế Tôn ngụ bỗng nhiên rộng rãi, không bị ngăn ngại. Nhờ vậy, Đế-thích cùng chư thiên Đao-lợi và Bàn-già-dực đều đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đế-thích bạch Phật rằng: Một thời, Phật ngự tại nhà Bà-la-môn, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, đức Thế Tôn đang nhập Hỏa diệm tam-muội, còn con bận chút việc nên lên xe báu ngàn căm đến chỗ Tỳ-lâu-lặc Thiên vương. Khi đi ngang qua hư không, con thấy có một thiên nữ chắp tay đứng trước đức Thế Tôn, nhân đó con liền nói với nàng ấy rằng: "Sau khi

đức Thế Tôn xuất định, nàng hãy thay ta thăm hỏi đức Thế Tôn có được khỏe mạnh không, đi đứng có an lành kh6ng." Nhưng rốt cuộc không biết nàng ấy có hiểu được ý của con không và Thế Tôn có còn nhớ sự việc ấy không? Phật đáp: Ta vẫn nhớ! Thiên nữ ấy có đến và đã thay ông thăm hỏi Ta. Đồng thời, khi vừa xuất định Ta vẫn còn nghe tiếng xe của ông. Đế-thích bạch Phật: Thuở xưa, vì có duyên sự nên con và chư thiên Đao-lợi tập hợp tại pháp đường, lúc ây có những thiên chúng kỳ cựu nói thê này: "Nêu đức Như Lai xuât hiện ở thế gian thì thiên chúng được tăng thêm, chúng a-tu-la sẽ giảm bớt.” Nay con đích thân thấy đức Như Lai, con tự biết rõ và tự xác chứng: "Đức Như Lai, bậc Chí Chân xuất hiện ở thế gian thì thiên chúng được tăng thêm, chúng a-tu- la sẽ giảm bớt." Khi ấy, có nữ cư sĩ họ Thích tên là Cù-di13 theo Thế Tôn tinh tu Phạm hạnh, sau khi thân hoại mạng chung được sanh về cõi trời Đao-lợi, làm con của con. Chư thiên Đao-lợi đều khen ngợi rằng: "Đại thiên tử Cù-di có công đức lớn, có oai lực lớn.,, Lại có ba vi Tỳ-kheo khác cũng theo Thế Tôn tịnh tu Phạm hạnh,

13 Nguyên tác: Cù-di Thích-nữ ,Gopikā.

sau khi thân hoại mạng chung, lại sanh trong hàng các vị thần tấu nhạc thấp kém, hàng ngày đến phụng sự cho con. Cù-di trông thấy họ, liền làm bài kệ để quấy nhiễu: Ông là đệ tử Phật, Thuở xưa, ta tại gia, Cúng dường y, vật thực, Lễ bái cung kính ông. Các ông hạng người nào? Thọ nhận lời Phật dạy, Giáo pháp đức Tịnh Nhãn, Mà lại không suy tầm. Ta đã kính lễ ông, Từ Phật nghe Thượng pháp, Được sanh Đao-lợi thiên, Làm con của Đe-thích. Sao các ông không thấy, Những công đức ta làm, Xưa ta là thân nữ, Nay con trời Đe-thích. Ong và ta ngày xưa, Cùng tu một Phạm hạnh, Nay ông ở thấp hèn, Bị chúng tôi sai sử. Do làm việc xấu ác5 Nên phải thọ quả này, Phải sống chỗ thấp hèn, Bị chúng tôi sai sử. Sanh vào nơi bất tịnh, Bị người khác quấy rối, Nghe xong nên nhàm chán, Chỗ chẳng đáng luyến lưu. Từ nay nên tinh tấn, Không bị người sai khiến, Hai người nên tinh tấn, Suy tư pháp Như Lai. Hãy từ bỏ luyến ái, Xem dục là bất tịnh, Dục trói, không chân thật, Dối gạt cả thế gian. Như voi thoát kiêm tỏa, Vượt khỏi Đao-lợi thiên, Đế-thích, Đao-lợi thiên, Họp ở Thiện Pháp đường, Họ có sức mạnh mẽ, Vượt khỏi Đao-lợi thiên, Đe-thích khen: "Hy hữu!” Chư thiên cũng đều thấy. Đây là con họ Thích, Quán dục là trói buộc, Vượt khỏi Đao-lợi thiên, Cù-di nói lời này. Nước Ma-kiệt có Phật, Tôn hiệu là Thíchca, Con Ngài đã thất niệm, về sau được phục hồi. Một người trong ba người, Làm vị thân tâu nhạc, Hai người thấy đạo đế, Vượt khỏi Đao-lợi thiên. Pháp Thế Tôn nói ra, Đệ tử không hoài nghi, Đều cùng nhau nghe pháp, Hai người hơn một người. Việc thù thắng viên thành, Đã sanh Quang Âm thiên, Ta thấy việc đó xong, Liền đến nơi Phật ngự. Đế-thích bạch Phật: -Kính xin Thế Tôn bỏ chút thời gian giúp con giải quyết một mối nghi! Phật bảo: —Tùy ý ông hỏi, Ta sẽ lần lượt giải thích cho!

Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: Chư thiên, loài người, càn-thát-bà, a-tu-la và những chúng sanh khác, tát cả cùng tương ưng với trói buộc gì đê roi đi đên hận thù, dùng dao

gậy gây chiến lẫn nhau? Phật dạy: Sở dĩ sanh ra oán kết là đều do lòng tham dục, ganh ghét, nên mới khiến cho chư thiên, loài người, a-tu-la và các chúng sanh khác gây chiến lẫn nhau bằng dao gậy. Đế-thích lại thưa: Thưa Thế Tôn, thật đúng như the! Oán kết được sanh ra từ lòng bon xẻn và sự ganh ghét, nên khiến cho chư thiên, loài người và a-tu-la cùng chúng sanh khác gây chiến với nhau bằng dao gậy như vậy. Nay con nghe lời Phật dạy nên lưới nghi đó đã dứt sạch. Nhung còn một điều con không hiểu là sự tham muốn và lòng ganh ghét do đâu phát khởi? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu mà có? Từ đâu mà không? Phật dạy: -Tham muôn và ganh ghét được phát sanh đêu do thương và ghét. Thương ghét làm nhân duyên, thương ghét làm đâu môi, từ đây mà có, từ đây mà không. Đế-thích lại thưa: Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy! Lòng bon xẻn và sự ganh ghét đều do thương ghét mà sanh ra. Thương ghét làm nhân duyên, làm đâu môi, từ đây mà có, từ đây mà không. Nay con nghe Phật nói pháp nên mê lầm nghi ngờ đó đều dứt hết nhưng còn một điều con không hiểu là thương ghét do đâu mà sanh? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu mà có? Từ đâu mà không? [0064b01] Phật bảo Đế-thích: -Do tham dục nên khởi sanh thương ghét. Tham dục làm nhân duyên, làm đầu mối5 từ đây mà có. Không có tham dục thì không còn thương ghét. Thế rồi, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, thật đúng như the! Sự phát sanh thương ghét đều do tham dục, tham dục làm nhân duyên, làm đâu môi, từ đây mà có, từ đây mà không, nếu không có tham dục thì không còn thương ghét. Nay con nghe Phật nói pháp nên mê lầm nghi ngờ đó đều đã dứt hết nhưng còn một điều con không biết là tham dục từ đâu sanh? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu mà c6, từ đâu mà không? Phật bảo Đế-thích: - Tham dục do tưởng sanh, do tưởng duyên tưởng, nên tưởng làm đầu mối, từ đây mà có, từ đây mà không. Nêu không có tưởng thì không có ái.

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN THƯA HỎI 713

-Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy! Tham dục do tưởng sanh, do tưởng duyên tưởng, nên tưởng làm đầu mối, từ đây mà có và cũng từ đây mà không. Nay con nghe Phật nói pháp nên không còn nghi ngờ gì cả. Nhưng có một điều con không hiểu là tưởng do đâu sanh? Do nhân duyên gì? Cái gì làm đầu mối? Từ đâu mà có và từ đâu mà không? Phật dạy: Sự phát sanh của tưởng là do hy luận,14 nhân hy luận, duyên hy luận, hý luận làm đầu mối, từ đây mà có và từ đây mà không; không có hy luận thì không có tưởng, nếu không có tưởng thì không có tham dục, nếu không có tham dục thì không có thương ghét; nếu không có thương ghét thì không có tham lam và ganh ghét; nếu không có tham lam và ganh ghét thì tất cả chúng sanh không giết hại lẫn nhau. Này Bế-thích, do hy luận làm gốc rễ, do hy luận làm nhân y r duyên, do hy luận làm đâu môi. Từ hy luận mà có tưởng, từ tưởng mà có dục, từ dục mà có thương ghét, từ thương ghét mà có tham lam và ganh ghét, do có tham lam và ganh ghét nên khiến cho chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Đế-thích lại thưa: - Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy. Do hy luận mà có tưởng, nhân hy luận, duyên hý luận, hy luận làm đầu mối, từ đó mà có tưởng. Do hy luận mà c6, không hy luận thì không có. Nếu không có hy luận làm gốc rễ thì không có tưởng, không có tưởng thì không có dục, không có dục thì không có thương ghét, không có thương ghét thì không có tham lam, ganh ghét; không có tham lam, ganh ghét

thì hết thảy chúng sanh không tàn hại lẫn nhau. Chỉ do hy luận mà có tưởng, nhân hý luận, duyên hy luận, hý luận làm đầu mối, từ hy luận có tưởng, từ tưởng có dục, từ dục có thương ghét, từ thương ghét có tham lam, ganh ghét; từ tham lam, ganh ghét mà hết thảy chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nay con nghe Phật nói pháp, sự mê lầm đã diệt trừ, không còn nghi ngờ gì nữa. Đế-thích lại hỏi: Có phải tất cả Sa-môn và Bà-la-môn đều có cùng mục đích diệt trừ hy luận? Hay không cùng mục đích diệt trừ hy luận? [0064c01] Phật bảo Đế-thích: -Tất cả Sa-môn và Bà-la-môn đều không cùng mục đích diệt trừ hy luận. Vì sao? Này Bế-thích, vì ở thế gian có nhiều căn cơ và mỗi chúng sanh dựa trên căn cơ của mình, ôm giữ chấp chặt, không thê rời bỏ, đông thời họ cho đây là thật, ngoài ra đều là hư dối. Thế nên Đế-thích! Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều không cùng mục đích diệt trừ hý luận.

14 Nguyên tác: Điệu hý :Ly luận vô bổ. Còn gọi t4hý luân.,, Điệu ở đây mang nghĩa là ngôn từ .Hý là đùa giỡn. Tham chiêu: D. 21:44Tâm lây các loại vọng tưởng hý luận làm nhân duyOn" HT. Thích Minh Châu dịch.

Đế-thích lại thưa: -Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy! ở thế gian có nhiều căn cơ chúng sanh và mỗi chúng sanh dựa trên căn cơ của mình, ôm giữ chấp chặt, không thể rời bỏ, đồng thời họ cho đó là thật, ngoài ra đều là hư dối. Thế nên, tất cả Sa-môn5 Bà-la-môn đều khônệ cùng mục đích diệt trừ hy luận. Nay con nghe Phật dạy, những sự nghi ngờ đêu dứt sạch cả. Đế-thích lại bạch Phật: Có bao nhiêu cách diệt trừ hy luận? Phật dạy Đế-thích: Hy luận có ba: Một là miệng, hai là tưởng và ba là mong cầu. Lời nói thuộc nghiệp của miệng, đôi khi hại minh, hại người và hại cả hai. Sau khi xả bỏ những lời nói ấy rồi thì chỉ nói những gì không gây tổn hại cho mình, không gây tổn hại cho người và không hại cả hai. Tỳ-kheo biết nói đúng thời, nói đúng như những điều được nói, chuyên niệm không tán loạn. Tưởng cũng có tự hại, hại người và hại cả hai. Sau khi xả bỏ những tưởng này rồi thì chỉ tưởng những gì không hại mình, không hại người và không hại cả hai. Tỳ-kheo biết tưởng đúng lúc, chỉ tưởng những gì đáng tưởng, chuyên niệm không tán loạn. Đế-thích! Mong cầu cũng có hại mình, hại người và hại cả hai. Sau khi xả bỏ sự mong câu ây, chỉ mong câu những gì không có hại mình, không hại người và không hại cả hai. Tỳ-kheo biết mong cầu đúng lúc, chỉ mong cầu những gì đáng mong cầu, chuyên niệm không tán loạn. Lúc bấy giờ, Đế-thích thưa: Lòng con không còn nghi ngờ về những điều đó khi nghe Phật dạy. Thưa Thế Tôn! Có bao nhiêu tên gọi về xả tâm của bậc Hiền thánh? Phật dạy: —Xả tâm có ba: Một là hỷ thân, hai là ưu thân và ba là xả thân. Đế-thích! Hỷ thân cũng có hại mình, hại người và hại cả hai. Sau khi xả bỏ hỷ ấy, chỉ thực hiện hỷ thân đúng như thật, không hại mình, hại người và hại cả hai. Tỳ-kheo biết đúng thời, chuyên niệm không quên, liền được gọi là thọ giới Cụ túc. Đế-thích! Ưu thân cũng có hại mình, hại người và hại cả hai. Sau khi xả bỏ sự ưu ấy, chỉ thực hiện ưu đúng như thật, không có hại mình, hại người và hại cả hai. Tỳ-kheo biết đúng thời, chuyên niệm không quên, liền được gọi là thọ giới Cụ túc. Đế-thích! Xả thân cũng có hại minh, hại người và hại cả hai. Sau khi xả bỏ xả thân ấy, như điều được xả, không có hại mình, hại người và hại cả hai. Tỳ- kheo biết đúng thời,

chuyên niệm không quên, liền được gọi là thọ giới Cụ túc. [0065a03] Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật: —Lòng con không còn hồ nghi về những điều đó khi nghe Phật dạy. Thưa Thế Tôn! Theo luật nghi của Hiền thánh, thế nào gọi là các căn đầy đủ?

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN THƯA HỎI 715

Phật dạy: Mat thây sac, Ta nói có hai: Đáng thân cận và không đáng thân cận. Cho đên tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vi, thân xúc chạm, ý duyên pháp trân cũng đêu như vậy. Khi đó, Đế-thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn, đức Như Lai chỉ nói sơ lược, chưa phân biệt sâu rộng. Theo sự hiểu biết đầy đủ của con thì như thế này: "Mắt thấy sắc, ta nói có hai, đáng thân cận và không đáng thân cận; cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trân cũng đêu như vay." Bạch Thê Tôn, nếu mắt thấy sắc mà pháp thiện giảm bớt, pháp bất thiện tăng thêm thì đối với mắt thấy sắc như thế, con nói không đáng thân cận; cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần mà pháp thiện tổn giảm, pháp bất thiện tăng thêm thì con nói không đáng thân cận. Bạch Thế Tôn, nếu mắt thấy sắc mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện tổn giảm thì ĩ - £ £ • r . 9ĩ . măt thây săc như thê, con nói là đáng thân cận; cho đên tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện tổn giảm thì con nói là đáng thân cận. Phật khen Đế-thích: Hay thay, hay thay! Đó gọi là các căn đầy đủ, theo luật nghi của Hiền thánh. Đế-thích lại thưa: Lòng con không còn hô nghi vê những điêu đó khi nghe Phật dạy. Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là sự rốt ráo của Tỳ-kheo, rốt ráo Phạm hạnh, rốt ráo an ổn hay là rốt ráo Niết-bàn? Phật dạy: Sự khổ là do ái, nếu thân chấm dứt được15 thì gọi là rốt ráo, rốt ráo Phạm hạnh, rót ráo an ôn và rót ráo Niêt-bàn. Đế-thích thưa: -Con từ lâu ôm ấp lưới nghi, nay đã được đức Như Lai tháo gỡ mối nghi đó rồi. Phật hỏi Đế-thích: Ngày xưa, ông đã từng đến chỗ của Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi về nghĩa này chưa? Đế-thích đáp : -Thưa Thế Tôn! Con còn nhớ thuở xưa, đã từng đến nơi [các] Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi về nghĩa này rồi. Trước đó, con đã từng tập hợp chư thiên tại giảng đường rồi cùng chư thiên đàm luận về việc đức Như Lai đang xuất hiện

15 Nguyên tác: Vị ái sở khổ, thân đắc diệt gi.Tham chiếu: MĀ. 134: Khát ái diệt tận thì tâm được giải thoát hoàn toàn tanhāsañkhayavimuttini.

716 KINH TRƯỜNG A-HÀM

ở thế gian hay là chưa xuất hiện ở thế gian? Lúc d6, chúng con cũng suy tìm nhưng không thây đức Như Lai thi hiện ở đời. Cho nên chúng con đêu quay vê cung hưởng vui năm thứ dục. Bạch Thê Tôn, vê sau con lại thây các đại thiên thân mặc tình vui với năm thứ dục, rồi lần lượt mạng chung. Bạch Thế Tôn, khi đó con rất sợ hãi, đến nỗi toàn thân sởn gai ốc. Lúc ấy, con thấy các Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi thanh vắng, bỏ nhà lìa tục, con liền đến hỏi: "Thế nào gọi là cứu cánh?" Khi con hỏi về ý nệhĩa ấy thì họ không đáp được. Họ đã không biết mà còn hỏi ngược lại con: "Ong la ai?" Con liền đáp: 6Toi là Thíchdề-Xoàn.nhân." Họ lại hỏi: "ồng là Thích gi?" Con đáp: "T6i là Thiên Bế-thích, vì trong lòng có mối nghi nên đến thưa h6i." Khi đó, con và họ, cứ theo sự

hiểu biết của mình mà nói về ý nghĩa chữ Thích. Họ nghe con nói xong, lại xin làm đệ tử của con. Nay con là Phật tử được qu vị Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào cõi khác, chỉ còn sanh lại cõi này bảy lan thì nhất định sẽ thành tựu đạo quả. Cúi xin đức Thế Tôn hãy thọ ký cho con sẽ được quả Tư-đà-hàm! Thưa xong, Đấ-thích làm bài tụng: Do tưởng nhiêm ô ây, Nên con sanh hồ nghi, Mãi cùng với chư thiên, Tìm kiếm đức Như Lai. Thấy những bậc xuất gia Thường ở nơi thanh vắng, Cho là PhatJ Thế Tôn Nên đến cúi đầu thưa, Nay tôi muốn đến hỏi Thế nào là cứu cánh? Hỏi, họ đáp không được, Đường về nẻo Đạo tích.16 Đấng Vô Thượng hôm nay, Từ lâu con tìm cầu, Đã quán sát, hành trì, Tâm đã chánh tư duy. Bậc Thánh luôn liễu tri, Sở hành của tâm con, Ngày đêm siêng tu tập, Xin Ngài hãy thọ ký. Kmh lễ đức The Tôn, Đấng siêu việt ba cõi, Bậc dứt gai ân ái, Đảnh lễ Tuệ Quang Tôn. Phật hỏi Đế-thích: Ông còn nhớ khi được hỷ lạc và niệm lạc không? Đấ-thích đáp: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy? con còn nhớ lúc được hỷ lạc và niệm lạc. Thưa Thế Tôn! Thuở xưa con từng đánh nhau với a-tu-la, lúc đó con thắng, a-tu-la thua. Lúc trở về, con được hỷ lạc và niệm lạc, đồng thời ghi nhớ mãi hỷ lạc và niệm lạc ấy. Tuy nhiên, đay chỉ là hỷ lạc và niệm lạc dao gậy, ác độc và nhơ uế, vì hỷ lạc về đấu tranh, cãi vã. Nay con ở nơi Phật ngự được hỷ lạc và niệm lạc là niềm vui không có dao gậy và sự tranh tụng.

16 Đạo tích cũng gọi là bậc Kiến đạo, là thành quả đầu tiên trong 4 quả Thanh văn, tức chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

14. KINH THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN THƯA HỎI 717

Phật hỏi Đế-thích: Nay ông được hỷ lạc và niệm lạc thì ở trong hai pháp đó muốn cầu quả đức gì? [0065c01] Đế-thích thưa: Trong hỷ lạc và niệm lạc, nay con muôn câu năm công đức. Những gì là năm? Liên nói kệ răng : r r Nêu đên lúc mạng chung, Phải xả bỏ tuổi trời, Trong thai không lo buồn, Khiến lòng con vui vẻ. Phật độ người chưa độ, Hay nói đạo chánh chân, Trong pháp Phật ba đời Con thường tu Phạm hạnh. ở trong thân trí tuệ Tâm tự thấy chơn đế, r Thây được xu hướng xưa, ở đây giải thoát mãi. Con phải siêng tu hành, Tu tập chân thật trí, Dù không chứng được đạo, Công đức cũng hơn trời. Bao nhiêu thần diệu thiên, Và A-ca-ni-trá9y Cho đến thân sau cùng, Sẽ sanh về cõi ấy. Nay con ở cõi này, Thọ thân trời thanh tịnh Và được tăng tuổi thọ, Tịnh Nhãn, con tự biêt. Nói kệ xong, Đế-thích bạch Phật: Trong hỷ lạc và niệm lạc đó, con muôn được năm công đức như thế. Khi ấy, Đế-thích nói với chư thiên Đao-lợi: "Xua, các ông ở trước đứa bé Phạm thiên trên cõi trời Đao-lợi, cung kính lễ bái. Nay ở trước Phật, các ông lại cung kính như vậy thì không tốt lam sao?" Khi Đấ-thích nói chưa dứt lời, đứa bé Phạm thiên bỗng nhiên xuất hiện giữa hư không, đứng trên thiên chúng hướng về Đế-thích và nói bài kệ: Thiên vương hạnh thanh tinh, Nhiều lợi ích chúng sanh, Ma-kiệt, Đế-thích chủ, Hay hỏi nghĩa Như Lai! Đứa bé Phạm thiên nói bài kệ này xong liền biến mất. Lúc đó5 Đấ-thích liền rời khỏi tòa đến đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Chư thiên Đao-lợi, Bàn-già-dực cũng đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra. Khi ây, Đê-thích đi trước quay lại nói với Bàn-già-dực: "Hay thay, hay thay! Ông đã đến trước, gảy đàn làm vui lòng đức Thế Tôn. Sau đó, ta và chư thiên mới đến. Nay ta sẽ cất nhắc ông vào chức vị của cha ông là bậc tối thượng trong hàng càn-thát-bà,

đồng thời sẽ gả nàng Bạt-đà, con gái của vua Càn-thát- bà làm vợ 6ng."*

17A-ca-ni-trá (‚Akanitthā): Trời sắc Cứu Cánh. Tham chiếu: Nhất thiết kỉnh âm nghĩa (7.54. 2128.6. 0443al6)7

718 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, có tám mươi bốn ngàn chư thiên rũ sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Sau khi nghe Phật dạy xong, Đế-thích, chư thiên Đao-lợi và Bàn-già-dực đều hoan hỷ phụng hành.18

18 Bản Hán, hết quyển 10.

15. KINH A-NẬU-DI1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại thành A-nậu-di,2 thuộc nước Minh-ninh.3 Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành A-nậu-di khất thực. Khi ấy, đức Thế Tôn thầm nghĩ: “Nếu đi khất thực vào lúc này thì quá sớm, vậy Ta nên ghé thăm trú xứ4 của Phạm chí Phòng-già-bà.5 Tỳ-kheo cần phải đúng giờ mới đi khất thúc." Thế rồi, đức Thế Tôn liền đến tru xứ của Phạm chí. Lúc đo, trông thấy Phật từ xa đi đến, Phạm chí Phòng-già-bà liền đứng dậy nghinh tiếp và hỏi: Quý hóa thay đức Cù-đàm! Đã lâu Ngài không đến! Hôm nay chắc có việc gì nên Ngài mới chiếu cố đến đây? Kính mời đức Cù-đàm hãy ngồi vào chỗ này. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền bước đến chỗ ngồi. Phạm chí Phòng-già-bà liền đến ngồi xuống một bên và bạch với đức Thế Tôn: —Đêm qua có Tỳ-kheo Thiện Túc6 thuộc dòng Lệ-xa7 đến chỗ tôi và nói: "Này Đại sư! Tôi không theo Phật tu Phạm hạnh nữa. Vì sao như vậy? Vì Phật đã bỏ rơi t6i." Thưa Thế Tôn! Cho dù vi Tỳ-kheo ấy có đến gặp tôi và nói lỗi của Cù-đàm nhưng tôi cũng không nghe. Phật bảo Phạm chí: Ta biết ông không bao giờ nghe những lời nói của Thiện Túc. Trước đây, khi Ta ở thành Tỳ-xá-ly, bên ao Di Hầu,8 trong giảng đường Tập Pháp thì Thiện TÚC đen cho Ta va noi:

1 Nguyên tác: A-nậu-di kỉnh roi. 0001.15. 0066a9. Tham chiếu: D. 24, Pãthỉka Sutta KinhBa-lêỴ 2 A-nậu-di Anupĩya, một thị trấn của nước Mallā, phía Đông thành Ca-tỳ-la-vệ. 3 Nguyên tác: Minh-ninh ‚Mallā, một trong 16 quốc gia thời Phật, có 2 thành phố lớn là Pāvā và Kusinārā. 4 Nguyêntác: Viên quán .Theo Từ điển Đinh Phủc^Bảo, "viên”là vườn rừng , “qùấní'là ngôi nhà cao rộng ‚có thể hiểu đó là một tni xứ nằm giữa Idiu rừng. 5 Phòng-già-bà Bhaggava. 6 Thiện Túc Sunakkhatta. Theo DPPN, Sunakkhatta là hoàng tử của dòng họ Licchavī ở Vesālī.

7 Lệ-xa ‚bộ tộc Licchavī. 8 Di Hầu trì S. Markata, honay bên cạnh vườn nữ cư sĩ Am-la ở thành Tỳ-xá-ly thuộc Trung Ấn. Theo Đại Đường Tầy Vức ký T,51. 2087.7. 0908b17, hồ này do đàn khỉ đào để cúng Phật. ở đây có giảng đương Trung Các, nơi đức Phật thường giảng kinh.

720 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

“Dức Như Lai đã bỏ rơi con, nên con không theo Như Lai tu Phạm hạnh nữa.,, Khi ấy, Ta bảo: "Vì sao thầy lại nói Như Lai đã bỏ rơi thầy, nên thầy không theo Nhu Lai để tu

Phạm hạnh nữa?,f, Thiện Túc đáp: "Vi đức Như Lai không vì con mà hiện thần thông biến hóa.,, Lúc đó5 Ta nói: "Ta có mong cầu thầy ở trong pháp của Ta tịnh tu Phạm hạnh, rồi sẽ hiện thần thông biến hóa không? Và thầy có nói với Ta rằng, đức Như Lai phải vì con mà hiện thần thông biến hóa rồi con mới tu Phạm hạnh kh6ng?" Thiện Túc đáp: “Thua không, bạch đức Thế T6n!" Ta bảo Thiện Túc: “Ta cũng không mong cầu thày ở trong pháp Ta tịnh tu Phạm hạnh, rồi Ta sẽ vì thầy mà hiện thần thông biến hóa. Hơn nữa, thầy cũng không nói là Ta hiện thần thông biến hóa rồi thầy sẽ tu Phạm hạnh. Thế nào, Thiện Túc? Theo ý thầy thì đức Như Lai có khả năng hiện thân thông hay không có khả năng ây? Pháp của Ta nói ra, pháp ấy có khả năng dẫn đến xuất ly, vĩnh viễn xa lìa các khổ chăng?995 Thiện Túc thưa: "Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Đức Như Lai có khả năng thể hiện thần thông chứ không phải không có khả năng ấy và pháp của Ngài nói ra, pháp ấy có khả năng dẫn đến xuất ly, vĩnh viễn xa lìa các kh8.” "Vậy thì, này Thiện Túc! Pháp của Ta nói ra cho người tu Phạm hạnh, có khả năng thể hiện thần thông chứ không phải là không, có khả năng dẫn đến xuất ly, vĩnh viễn xa lìa các khổ chứ không phải là không, vậy ở nơi pháp này, thầy còn mong cầu điều gì nữa?" [0066bl2] Thiện Túc thưa: "Thế Ton không thể tùy thời dạy cho con. Hơn nữa, về bí thuật của cha con, tuy đức Thế Tôn biết tất cả nhimg lại dè sẻn không dạy cho con.10,9 Ta bao Thiện Túc: “Ta có từng bảo thây hãy ở trong pháp Ta tu Phạm hạnh roi sau đó Ta sẽ dạy bí thuật của cha thầy không? Lại nữa, thây có từng yêu cầu Ta dạy bí thuật của cha thầy, sau đó thầy mới ở chỗ Ta tịnh tu Phạm hạnh kh6ng?" "Thưa không!v

9 Tham chiếu: D. 24:4tDù Như Lai có thị hiện thần túc hay không, pháp được giảng dạy đều có khả năng dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không diệt n" (HT. Thích Minh Châu dịch). 10 Tham chiếu: D. 24: "Thế Tôn không nói cho con về khởi nguyên của thế giới,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

15. KINHA-NẬƯ-DI 721

"Này Thiện Túc, nếu trước kia Ta không nói lời ấy và thầy cũng không nói như vậy thì hôm nay vì lý do gì mà thầy lại nói như thế? Thế nào, Thiện Túc! Thầy có cho rằng đức Như Lai có thể nói các bí thuật của cha thầy hay không? Hơn nữa, pháp Ta nói ra có khả năng dẫn đến xuất ly? vĩnh viễn xa lìa các khổ kh6ng?" "Thua vâng! Đức Như Lai có thể nói các bí thuật của cha con, chứ không phải là không và pháp của Ngài nói ra có khả năng dẫn đến xuất ly, vĩnh viễn xa lìa các khổ, chứ không phải là khong?9 Ta bao Thiên Túc: "Nếu Ta có thể nói các bí thuật của cha thầy, cũng như có thể nói pháp dẫn đến xuất ly, vĩnh viễn xa lìa các khổ, vậy thì ở trong pháp của Ta, thầy còn mong muốn điều gì nữa?,, Ta lại bảo Thiện Túc: 'Trước kia, ở trong lãnh thổ Bạt-xà,ii thuộc thành Tỳ-xá-ly, thầy đã dùng vô số phương tiện để khen ngợi đức Như Lai, khen ngợi Chánh pháp và khen ngợi chúng Tăng. Ví như có người dùng tám cách khen ngợi để ca ngợi một cái ao trong mát, khiến cho mọi người ưa thích, đó là: Mát lạnh, nhẹ nhàng, mềm mại, trong trẻo, ngọt dịu, không bân, uông mãi không chán, uông vào thân thê dễ chịu. Cũng như thế, khi ở trong lãnh thổ Bạt-xà? thuộc thành Tỳ-xá-ly, thầy đã khen ngợi đức Như Lai, khen ngợi Chánh pháp và khen ngợi chúng Tăng khiến cho người ưa thích và tin tưởng. Thiện Túc nên biết! Nay thầy thoái chí thì người đời sẽ nói: aTỳ-kheo Thiện

Túc có hiểu biết sâu rộng, lại gần gũi đức Như Lai, cũng là đệ tử của Như Lai mà trái lại không thể ựọn đời tịnh tu Phạm hạnh, lại xả giới hoàn tục, ở vào địa vi thấp hèn, hành động xấu xa.'" Phạm chí nên biết! Khi ấy, Ta đã nói đủ điều nhimg Thiện Túc không chịu nghe, vẫn xả giới hoàn tục. [0066c04] Này Phạm chí! Một thời, Ta ở trong giảng đường Tập Pháp, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, có Ni-kiền-tử tên là Già-la-lâu911 12 dừng chân tại nơi ấy, mọi người đêu tôn kính, danh tiêng đôn xa, hiêu biêt sâu rộng, đây đủ lợi dưỡng. Khi ấy, Tỳ-kheo Thiện Túc đắp v? mang bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực, dần dần đi đến chỗ của Ni-kiền-tử. Lúc ấy, piiện Túc hỏi Ni-kiền-tử những nghĩa lý sâu xa nhưng ông ta không đáp được liền sanh tâm tức giận. Thế rồi, Thiện Túc suy nghĩ: "Ta làm người này tức giận, lẽ nào sẽ bi quả báo khổ não lâu dài?" Phạm chí nên biết! Sau khi khất thực xong, Thiện Túc mang y bát đi đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân và ngồi xuống một bên. Lúc ấy, Thiện Túc không trình bày lại việc đó với Ta và Ta đã nói với Thiện Túc rằng: "Thầy là kẻ vô trí, sao có thể tự xưng là Sa-môn Thích tử được!99

11 Bạt-xà ,Vajjī. 12 Già-la-lâu Kalāramatthuka, nhà khổ hạnh theo hạnh con rắn ở thành Vesālī.

LTM • _ ? • 1 _ • m_ Thiên Túc hoi lại Ta: "Thua Thế Tôn! Vì sao Ngài gọi con là kẻ vô trí và không xứng đáng nhận mình là Thích tử?" Ta bao Thiên Túc: "Thầy là kẻ vô trí, vì thầy đã đi đến chỗ Ni-kiền-tử để hỏi về ý nghĩa sâu xa nhưng ônệ ta không đáp được liền sanh tâm tức giận, rồi thầy suy nghĩ: 'Nay ta làm Ni-kien-tử này bực tức, lẽ nào sẽ chịu quả báo khổ não lâu dài chăng?9 Có đúng thầy nghĩ như vậy kh6ng?" Thiện Túc bạch: Ông ta đã là La-hán thì cớ gì lại khởi tâm sân hận và ganh tị này? Lúc đó, Ta đáp: Thầy là kẻ vô trí! Đã là La-hán thì sao lại có tâm sân hận va ganh ti! Chẳng lẽ Ta là La-hán lại có tâm sân hận và ganh tị ư? Hơn nữa, thầy tự cho vị ấy là La-hán nhưng thật sự ông ta chỉ có bảy pháp khổ hạnh và luôn luôn giữ gìn. Đó là trọn đời không mặc quần áo; trọn đời không uống rượu, ăn thịt, không ăn cơm và các loại bột; trọn đời không trái với Phạm hạnh. Ba cách khổ hạnh này, cộng với trọn đời không rời khỏi bốn ngôi tháp ở thành Tỳ-xá-ly để làm bảy pháp khổ hạnh, đó là tháp Ưu Viên13 ở phương Đông, tháp Tượng14 ở phương Nam, tháp Đa Tử15 ở phương Tây và tháp Thất Tụ16 ở phương Bắc. Thê nhtrng vê sau ông ta lại phạm hét bảy điêu khô hạnh trên và đã mạng chung ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Giống như con chó hoang17 ghẻ lở, ốm yếu rồi nằm chết ở bãi tha ma. Vị Ni-kiền-tử ấy cũng thế, ông ta tự đặt ra những cấm giới rồi lại tự mình vi phạm. Xưa kia ông ta thệ nguyện trọn đời khÔDẸ mặc y phục nhưng về sau lại mặc. Xưa kia ông ta thệ nguyện Ưọn đời không uông rượu, ăn thịt, không ăn cơm và các loại bột nhưng vê sau lại ăn tát cả. Xưa kia ông ta thệ nguyện trọn đời không trái với Phạm hạnh nhưng về sau lại phạm. Xưa kia ông ta đã nói: "Không bao giờ vượt qua bốn ngôi tháp như Ưu Viên ở phương Đông, tháp Tượng ở phương Nam, tháp Đa Tử ở phương Tây và tháp Thất Tụ ở phương Bắc" nhimg nay ông ta đã rời khỏi chỗ đó, không còn thân cận nữa và đã làm trái với lời nguyện trên. Ông ta đã làm trái với bảy lời nguyện đó, đã ra khỏi thành Tỳ-xá-ly và mạng chung ở bãi tha ma. Ta bao Thiện Túc: "Thày là kẻ vô trí! Nếu không tin lời Ta thì thầy hãy đến đó mà xem, rồi sẽ tự biết."

13 Nguyên tác: Ưu Viên tháp ,Udena cetiya. 14 Nguyên tác: Tượng tháp ,Gotamaka cetiya. 15 Nguyên tác: Đa Tử tháp ,Bahuputta cetiya. 16 Nguyên tác: Thất Tụ tháp ,Sattamba cetiya. 17 Nguyên tác: Dã can s. śrgāla, p. sigāla, dịch âm là Tất-già-la .

15. KINHA-NẬƯ-DI 723

[0067a08] Phật bảo Phạm chí: Thế rồi, Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y, ôm bát vào thành khất thực, khi khất thực xong, lại ra khỏi thành roi đên bãi tha ma và thây Ni-kiên-tử đã mạng chung tại đó. Thấy vậy, Thiện Túc đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ sát chân và ngồi xuống một bên nhtrng không trình bày lại việc đó với Ta. Phạm chí nên biết, lúc đó Ta nói với Thiện Túc: “Thế nào, này Thiện Túc! Có đúng là Ta đã biết trước về Ni-kiền-tử đó như Ta đã nói không?^ "Quả đúng như lời Thế Tôn đã n6i!” Phạm chí nên biết! Ta đã hiện thần thông để chứng minh cho Thiện Túc thấy nhưng thầy ấy vẫn nói: "Thế Tôn không hiện thần thông cho con.,, Lại nữa, một thời Ta ngụ tại áp Bạch Thô, thuộc nước Minh-ninh. Bây giờ, có vi Ni-kiền-tử tên là Cứu-la-đế18 cũng đang cư ngụ tại đó, được mọi người tôn kính, danh tiếng đồn xa, được nhiều lợi dưỡng. Bấy giờ, Ta đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo Thiện Túc đi theo sau Ta, thấy Ni-kiến-tử Cứu-la-đế cúi mình trên đông phân mà liêm bã trâu. Phạm chí nên biết! Khi thấy Ni-kiền-tử cúi mình trên đống phân mà liếm bã trấu, Tỳ-kheo Thiện Túc liền suy nghĩ: "Các bậc A-la-hán và các vị hướng về con đường A-la-hán ở thế gian đều không ai có thể sánh bằng vị Ni-kiền-tử này, vì đạo của Ni-kiền-tử này thật là thù thắng. Vì sao như vậy? Vì vị ấy tu khổ hạnh mới có thể trừ được tâm kiêu mạn như thế, tức cúi mình trên đống phân mà liếm bã trấu." Này Phạm chí, lúc đó, Ta xoay sang bên phải và bảo Thiện Túc: “Thầy là kẻ vô trí, đâu thể tự ximg là Thích tử duọrc?” Thiện Túc thưa với Ta: “Thua Thế Tôn! Vì sao Ngài gọi con là kẻ vô trí, không xứng đáng tự nhận là Thích tử?” Ta bao Thiện Túc: "Thầy là kẻ vô trí! Khi thấy Cứu-la-đế cúi mình trên đống phân để liếm bã trấu, thầy liền nghĩ rằng: 'Trong các hàng A-la-hán và những bậc hướng về con đường A-la-hán ở thế gian thì Cứu-la-đế là cao cả hơn hết. Vì sao như vậy? Vì Cứu-la-đế này có thể tu khổ hạnh, trừ được kiêu mạn nên cúi mình trên đống phân mà liếm bã trấu5. Thầy có ý nghĩ như vậy đúng không?,, "Thua vâng! Con có nghi." Thiên Túc vặn hoi Ta: "Tại sao Thế Tôn lại sanh tâm ganh ti với vi A-la-hán?^

18 Cứu-la-đế ,Korakkhattiya, một nhà khổ hạnh sống ở Uttarakā, ông ta theo khổ hạnh như con chó, chỉ dùng miệng để liếm thức ăn.

724 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Ta bảo: "Ta không bao giờ sanh tâm ganh ghét đối với một vị A-la-hán thì lẽ nào nay Ta khởi tâm ganh ghét với vị A-la-hán? Nay thầy chính là kẻ vô trí nên \ r ? 9r y mới cho răng Cứu-la-đê là thật A-la-hán mà không biêt răng sau bảy ngày nữa, người này sẽ bị trúng thực mà qua đời và sẽ bị đọa vào loài quỷ Khởi Thi,” thường khổ sở vì đói khát. Hơn nữa, sau khi ông ta mạng chung, phải dùng dây cỏ lau buộc thi thể rồi vứt ngoài bãi tha ma. Nếu thầy không tin thì hãy đến đó báo trước cho ông ta biết." [0067Ồ09] Bấy giờ, Thiện Túc liền đi đến chỗ Cứu-la-đế và nói: "Sa-môn Cù-đàm bảo rằng: 'Sau bảy

ngày nữa, ông sẽ bị trúng thực rồi qua đời và đọa vào loài quỷ Khởi Thi, đồng thời sau khi chết, phải dùng dây cỏ lau buộc thi thể rồi vứt ngoài bãi tha ma/ Thiện Túc lại dặn: 'ông nên giảm thiểu ăn uống, đừng để lời tiên đoán của Cù-đàm thành sự thật.,,, Phạm chí nên biết! Qua bảy ngày sau, Cứu-la-đế bị chứng bụng sình trướng rồi qua đời, liền đọa vào loài quỷ Khởi Thi, thi thể phải dùng dây cỏ lau quấn chặt rồi lôi quăng bỏ ngoài bãi tha ma. Bây giờ, sau khi nghe Ta nói, Thiện Túc bàm đót ngón tay tính từng ngày, khi đến ngày thứ bảy thì Thiện Túc liền đi đến thôn của kẻ lõa hình. Đen nơi, Thiện Túc hỏi những người trong thôn răng: “Này chư Hiền, Cứu-la-đế nay ở dâu?" "Đã qua đời r8i!" "Do bệnh gì mà qua đời vay?” “Do sình bung!99 "Việc mai táng thế nào?” "Dùng dây lau bó lại rồi quăng xác ngoài bãi tha ma." Này Phạm chí! Nghe như vậy rồi, Thiện Túc liền đi đến bãi tha ma, khi gần đến nơi thì hai đầu gối của tử thi liền động đậy và đột nhiên thây chết ngồi bật dậy. Khi ấy, Thiện Túc đến trước tử thi và nói: "Này Cứu-la-đế! Ông đã qua đời rồi u?" "Ta đã qua đời r&i!” "Do bệnh gì mà qua âờiT" "Cù-đàm dự ký cho ta sau bảy ngày bụng sình trướng rồi qua đời. Thật đúng như vậy, hét bảy ngày bụng ta sình trướng lên roi qua dòi." Thiên Túc lại hỏi: "Ông sanh về dâu?”

19 Nguyên tác: Khởi Thi Vetāla. Trong tín niệm Ấn Độ, đây là một loại quỷ được hiện hình do năng lực của thần chú.

15. KINHA-NẬU-DI 725

uCù-đàm đã dự ký ta sẽ đọa vào loài quỷ Khởi Thi sau khi qua đời và quả đúng như thế.” "Khi ông qua đời thì việc chôn cất như thế no?" 66Cù-đàm dự ký là dùng dây lau, bó lại rồi quăng bỏ ngoài bãi tha ma. Thật đúng như lời của Phật đã nói.99 Lúc đo tư thi noi vơi Thiện Túc rang: “Ong tuy xuất gia nhưng không thành tựu gì, vì Sa-môn Cù-đàm nói đúng sự thật mà ông không tin.,, Nói xong, tử thi lại nằm xuống như cũ. [0067c03] Này Phạm chí! Thế rồi, Tỳ-kheo Thiện Túc đến chỗ Ta, cui đầu đảnh lễ sát chân và ngồi xuống một bên nhirng không trình bày sự việc ấy với Ta. Ta liền bảo: “Nhu Ta đã dự ký về Cứu-la-đế, có đúng hay kh6ng?" Đáp: “Thua đúng! Thế Tôn đã nói rất dilng.” Này Phạm chí! Ta đã nhiều lần hiện thần thông để chứng minh cho Tỳ- kheo Thiện Túc biết nhưng Thiện Túc vẫn nói: "Thế Tôn không hiện thần thông cho con.” Phật bảo Phạm chí: -Một thời, Ta ở giảng đường bên ao Di Hầu, lúc đó có Phạm chí ten Ba-lê- tử20 cũng đang sống ở nơi này, mọi người đều tôn kính, danh tiếng đồn xa, có nhiều lợi dưỡng. Phạm chí này tuyên bo giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly: uSa-môn Cù-đàm tự xưng có trí tuệ, ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có than thông, ta cũng có than thông. Sa-môn Cù-đàm chứng đạo siêu việt, ta cũng chứng đạo siêu việt. Ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn; Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu; Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai; Sa-môn hiện ba mươi hai, ta sẽ hiện sáu mươi bôn. Tùy theo ông ây hiện nhiêu hay ít thì ta đều hiện gấp d6i." Này Phạm chí! Bấy giờ, Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y ôm bát vào thành khất thực, trông thấy Phạm chí Ba-lê-tử ở giữa đại chúng tuyên bố: "Sa-môn Cù-đàm tự xưng có trí tuệ, ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có thần thông, ta cũng có thần thông. Sa-môn Cù-đàm chứng đạo siêu việt, ta cũng chứng đạo

siêu việt. Ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm hiện thần thông. Nếu như Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn; Sa-môn hiện tám cho đến tùy theo Sa-môn hiện nhiều hay ít thì ta đều có thể hiện gấp

20 Ba-lê-tử ,Pātikaputta.

726 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, khất thực xong, Tỳ-kheo Thiện Túc đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên và thưa: "Sáng sớm nay, con đắp y, ôm bát vào thành khất thực, nghe ông Ba-lê-tử nói ở giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly rằnẹ: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có thân th6ng, ta cũng có thân thông. Nếu như Cù-đàm hiện một, ta sẽ hiện hai,... cho đên tùy theo Cù-đàm hiện nhiều hay ít thì ta đều hiện gấp đôi.9,9 Tỳ-kheo Thiện Túc đem hết mọi việc đã nghe như vậy kể lại cho Ta nghe. Ta bao vơi Thiên Túc: “Nếu ở giữa đại chúng, Ba-lê-tử không từ bỏ lời nói này, không từ bỏ kiến giải này, không từ bỏ sự kiêu mạn này mà đi đến chỗ Ta thì việc ấy không bao giờ xảy ra. Nếu ông ta có ý nghĩ: 'Ta không từ bỏ lời nói này, không từ bỏ kiến giải này và không từ bỏ sự kiêu mạn nàỵ mà đi đến chỗ Sa-môn ctidàm' thì đầu ông ây sẽ vỡ ra làm bảy mảnh. Muôn khiến cho ông ấy không bỏ lời nói này, không bỏ kiến giải này và không bỏ kiêu mạn này mà có thể đến chỗ Ta thì việc ấy không bao giờ xảy ra." [0068a07] Thiện Túc nói: "Thế Tôn nên giữ lời! Như Lai nên giữ lòi!" Ta bao Thiện Túc: "Hà cớ gì mà thầy bảo: 'Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ Thiên Túc noi: “Ong Ba-lê-tử có uy thần lớn, công đức lớn, vượt thoát đời sau, nếu ông ta đến thì chẳng phải Thế Tôn đã nói dối sao?" Ta lại hỏi Thiện Túc: “Nhu Lai có thường nói hai lời kh6ng?" “Thua khong!" "Nếu Như Lai không nói hai lời, lý do gì thầy lại bảo Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ l&i?" Thiện Túc thưa: “Thế Tôn tự biết ông Ba-lê-tử hay là do chư thiên đến n6i?" "Ta tự biết và cũng có khi do chư thiên đến nói cho biết. Như Đại tướng A-do-đà21 trong thành Tỳ-xá-ly, mạng chung rồi được sanh lên cõi trời Đao-lợi là một trường hợp. Tướng A-do-đà đến nói với Ta: 'ông Phạm chí Ba-lê-tử chẳng biết hổ thẹn, phạm giới vọng ngữ, ở thành Tỳ-xá-lỵ đứng giữa đại chúng nói lời chê bai rằng: 'Đại tướng A-do-đà mạng chung roi sẽ đọa vào loài quỷ Khởi Thinhimg thật sự khi con mạng chung rồi liền được sanh lên cõi trời Đao-lợi.9 Việc ông Ba-lê-tử thì Ta tự biết và cũng do chư thiên nói cho biết.”

21 A-do-đà ,Ajita.

15. KINHA-NẬƯ-DI 727

Phật bảo kẻ mê muội Thiện Túc: "Thầy thật là vô trí, nếu không tin lời Ta thì hãy vào thành Tỳ-xá-ly, tùy thây muôn nói gì thì nói và khi thọ trai xong, Ta sẽ đên chô của Phạm chí Ba- lêĩử.” Phật bảo Phạm chí: -Thế rồi, đợi đến hôm sau, Thiện Túc đắp y ôm bát tuần tự khất thực rồi vào thành Tỳ-xá-ly, nơi có đông đảo chúng Bà-la-môn, Sa-môn, Phạm chí và nói đầy đủ như vầy: "Đứng trước đại chúng, Phạm chí Ba-lê-tử đã tuyên bố lời này: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại oai lực, ta cũng có đại oai lực. Sa-môn Cù-đàm có đại thần thông, ta cũng CÓ đại thân thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai, cho đên tùy theo Sa-môn hiện bao nhiêu

thì ta đều sẽ hiện gấp đôi.9 Do đó, hôm nay Sa-môn Cù-đàm sẽ đến chỗ của ông Ba-lê-tử, vậy chúng ta hãy mau đến d6." Bấy giờ, trông thấy Phạm chí Ba-lê-tử đang đi trên đường, Thiện Túc liền vội đến chỗ Ba-lê-tử rồi nói: “Ong đã tuyên bố giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly như vầy: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ... cho đến Sa-môn Cù-đàm hiện bao nhiêu thần thông, ta tùy theo đó đều có thể hiện gấp đôi? Cù-đàm nghe lời này nên sẽ đến chỗ của ông, vậy ông hãy mau trở về." Ông ta đáp: "Ta sẽ về ngay! Ta sẽ về ngay!" Nói xong, ông ta có cảm giác kinh sợ, toàn thân sởn gai ốc, chẳng dám về chỗ của mình mà đến thẳng trú xứ của Phạm chí Đạo-đầu-ba-lê,22 ngồi trên giường dây,23 buồn rầu mê loạn. [0068bl0] Phật bảo Phạm chí: -Sau khi thọ trai xong, Ta cùng với nhiều chúng Lệ-xa? Sa-môn, Bà-la- m6n, Phạm chí và Cư sĩ đi đến trú xứ của Ba-lê-tử rồi ngồi vào chỗ đã soạn sẵn. ở trong chúng ấy có Phạm chí tên là Giá-la. Bấy giờ, mọi người gọi Giá-la vào và bảo: "Ông hãy đến tru xứ Đạo-đầu nói với Ba-lê-tử rằng: 'Nay [có] rất nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí và Cư sĩ đều tập hợp nơi khu rừng của ông đê cùng nhau bàn luận vê việc ông từng tuyên bô giữa đại chúng: 'Sa môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ,... cho đến tùy theo Cù-đàm hiện ra bao nhiêu thần thông, ta đều hiện gấp đôi\ nên Sa-môn Cù-đàm đã đến trong khu rừng của ông, ông hãy trở về để bàn 111"

22 Đạo-đầu-ba-lê ,Tindukkhānu paribbājakā. 2 Thằng sàng ,p:Giường dây, một loại giường bề mặt được đan bằng dây, hiện vẫn còn ở Ấn Độ, gọi la charpoy.

Nghe mọi người bảo xong, Giá-la liền đi đến khu rừng Đạo-đầu rồi nói với Ba-lê-tử: J "Hôm nay, có nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí và Cư sĩ đều nhóm họp nơi trú xứ của ông, mọi người cùng nhau bàn luận về việc 'Phạm chí Ba-lê-tử tuyên bố giữa đại chúng: 'Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ,... cho đến Sa-môn Cù-đàm hiện thần thông bao nhiêu thì tùy theo đó ta sẽ hiện gấp đôi9.9 Cù-đàm hiện ở trong khu rừng của ông, vậy ông có trở về không?,, Bấy giờ, Phạm chí Ba-lê-tử liền trả lời với Giá-la rằng: “Ta sẽ về, sẽ về!" Nói xong, ông ta xoay người trên giường dây, không may bị dây của giường quấn chặt vào chân, khiến ông không thể rời khỏi giường, huống hồ đi đến chỗ The Ton. Khi ấy, Giá-la nói với Ba-lê-từ: "Ong là kẻ vô trí, dám nói lời hư ảo: 'Ta sẽ về, sẽ về' mà tự mình đã không thể rời khỏi giường dây thì làm sao dám đến chỗ đại chúng?,, Trách ông Ba-lê-tử xong, Giá-la liền trở về chỗ đại chúng và thưa: "Các vị! Hôm nay, tôi thay mặt các vị đến nói với ông Ba-lê-tử, ông ấy bảo 'ta sẽ về, sẽ về5 nhimg trong lúc xoay mình trên giường dây, không may bị [dây] giường quấn chặt vào chân, không tháo ra được. Ngay việc thoát khỏi giường dây mà ông ta còn chưa làm được thì làm sao có thể đi đến với đại chúng đây? Bây giờ, có người Lệ-xa tên là Đâu-ma ngôi trong đại chúng, liên đứng dậy, sửa áo bày vai bên phải, quỳ thẳng chắp tay mà bạch đại chúng: "Đại chúng hãy đợi một lát, bây giờ tôi sẽ đến đó và dẫn Ba-lê-tử về đầyy [0068c08] Phật nói: Lúc ấy, Ta bảo Lệ-xa Đầu-ma rằng: "ông ta nói lời như thế, bảo thủ kiến chấp như thế và khởi kiêu mạn như thế mà muốn khiến ông ta đi đến chỗ Phật thì không bao giờ được. Này Đầu-ma! Giả sử ông lấy dây buộc nhiều vòng rồi cho bầy bò cùng kéo đi, đến nỗi thân thể ông ta tan nát thì rốt cuộc

ông ấy cũng không thể từ bỏ lời nói như thế, kiến chấp như thế và kiêu mạn như thế mà đến chỗ Ta. Nếu không tin lời Ta thì ông hãy đến đó rồi sẽ tự biết." Bấy giờ, Lệ-xa Đầu-ma đi đến chỗ Ba-lê-tử và nói với ông ta rằng: "Nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí và cư sĩ đang nhóm họp tại rừng của ông và cùng nhau bàn luận về việc: Tham chí Ba-lê-tử tuyên bố trước đại chúng: aSa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ,... cho đến Sa-môn Cù-đàm hiện thần thông, tùy theo nhiều hay ít thì ta đều hiện gấp d6i'' Sa-môn Cù-đàm hiện đang ở trong khu rừng của ông, vậy ông hãy trở về. Ông từng bảo: 'Ta sẽ về, sẽ về' nhưng không may bi giường dây quấn chặt vào chân, khiến ông không thể rời khỏi giường, huống hồ đi đến chỗ Thế Tôn.,,

15. KINHA-NẬU-DI 729

Nói xong, Đầu-ma trách Ba-lê-tử: “Ong là kẻ vô trí, dám nói lời hư ảo: 'Ta sẽ về, sẽ ve9 mà tự mình còn không the rời khỏi giường dây thì làm sao dám đen chỗ đại chilng?” Đầu-ma lại nói với Ba-lê: "Những người có trí, nhờ ví dụ mà được hiểu. Vào quá khứ lâu xa, có một con sư tử, chúa tể của muôn loài sống trong rừng sâu. Mỗi sáng sớm khi ra khỏi hang, sư tử ngó quanh bốn hướng rồi vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó mới rảo quanh săn môi. Này Ba-lê-tử! Sau khi ăn xong, sư tử chúa trở về rừng, thường có một dã can theo sau sư tử để ăn thức ăn thừa, nhờ đó mà khí lực đầy đủ? nên tự nhủ: 'Sư tử trong rừng kia rốt cuộc la loài thú gì? Có thể thắng ta chăng? Nay ta có thê độc chiêm khu rừng này để rồi vào buổi sớm mai ta ra khỏi hang, ngó quanh bốn hướng, vươn mình rống lên ba tiếng rồi rảo quanh săn mồi/ Sau đó? dã can liên tìm đên một khu rừng ân thân ở đó, vào sáng sớm ra khỏi hang, vươn mình rống lên ba tiếng, rồi sau mới dạo đi, dù muốn bắt chước tiếng rống của sư tử nhưng khi gào thét vẫn là tiếng dã can. Này Ba-lStử, nay ông cũng vậy, nhờ ân đức và oai lực của Phật nên được sống còn ở thế gian, được người đời cúng dường, thế mà lại muốn hơn thua cùng đức Như Lai." Bấy giờ, ông Đầu-ma dùng bài kệ trách: Dã can ximg sư tử, Tự cho là vua thú, Muốn rống tiếng sư tử, Lại gào tiếng dã can. ở rừng vắng một mình, Tự cho là vua thú, Muốn rống tiếng sư tử, Lại gào tiếng dã can. Quỳ đất tìm hang chuột, Đào mồ kiếm tử thi, Muôn rông tiêng sư tử, Lại gào tiếng dã can. [0069al5] Đầu-ma lại nói: "Ong cũng như thê, nhờ ân đức oai thân của Phật mà được sông còn ở đời, được người cúng dường mà nay lại muốn hơn thua cùng đức Như Lai." r > r Bây giờ, ông Đâu-ma dùng bôn ví dụ quở trách trước mặt Ba-lê-tử xong, trở về chỗ đại chúng và nói: "Tôi đã thay lời của mọi người đến gọi ông Ba-lê-tử và ônệ ta trả lời với tôi rằnẹ: "Ta sẽ vê, sẽ về!” Nói xong, không may bị dâỵ giường quân chặt vào chân, khiên ông không thể rời khỏi giường dây, huống hô đi đến đây với đại chiing.” Bấy giờ, Ta bảo ông Đầu-ma rằng: “Ta đã nói trước với ông, muốn khiến người ấy đi đến chỗ Phật là điều không tưởng. Dù cho ông có lấy dây da buộc nhiều vòng, roi cho bầy bò cùng nhau kéo đi, cho đến thân thể tan nát thì rốt cuộc Ba-lê-tử vẫn không từ bỏ lời nói như thế, kiến chấp như thế và kiêu mạn như thế mà đi đến chỗ Ta."

730 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Phạm chí! Lúc đó, Ta vì đại chúng thuyết giảng nhiều pháp khác nhau, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.24 Ta ở trong chúng ấy, rống lên tiếng rống sư tử

ba lần rồi tự mình bay lên hư không để trở về chỗ cũ. Phật bảo Phạm chí: Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nói rằng: “Tất cả thế gian do Phạm thiên Tự Tại tạo ra” thì Ta sẽ hỏi họ: "Tất cả thế gian có thật do Phạm thiên Tự Tại tạo ra chang?99 Họ không trả lời được mà hỏi ngược lại Ta: “Thua Cù-đàm, việc này thế nào?" Ta trả lời: "Đã có một thời kỳ, khi thê gian này vừa bị hủy diệt thì có một chúng sanh hết thọ mạng và túc nghiệp, từ cõi trời Quang Âm25 mạng chung được sanh về cõi Phạm thiên đang trông rông, ơ cõi ây, họ khởi luyên ái roi sanh tâm đăm nhiễm và mong những chúng sanh khác cùng đến sống nơi đây. Thế rồi, những chúng sanh khác sau khi mãn thọ mạng và túc nghiệp, đã sanh về cõi Phạm còn đang trông rông đó. Bây giờ, chúng sanh đâu tiên tự nghĩ thê này: 'Ta là vua Đại Phạm, tự nhiên mà có, không ai tạo ra ta, ta có thể thông đạt tận cùng các nghĩa lý? được tự tại tột cùng trong một ngàn thê giới, có thê sáng tạo và biên hóa, vi diệu tột bậc, là cha mẹ của loài người. Trước kia, ta đến đây một mình không có bạn nhưng nhờ năng lực của ta mới có chúng sanh này, ta tạo ra chúng sanh này. Những chúng sanh khác cũng thuận theo ta, tôn xưng ta là Phạm vương, bỗng nhiên mà có, có thể thông đạt tận cùng các nghĩa lý, được tự tại tột cùng trong một ngàn thế giới, có thể sáng tạo và biến hóa, vi diệu tột bậc, là cha mẹ của loài người, là vị duy nhất hiện hữu trước, sau đó mới có chúng ta, vị Đại Phạm vương này đã tạo ra chúng ta.' Thê roi những chúng sanh ây sau khi mãn thọ mạng thì theo đó tái sanh vào thế gian này, dan dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo. Người ấy nhập định Ý tam-muội, do nhờ tâm định nên biêt được nguôn góc mình sanh ra, nên cho răng: 'Vị trời Đại Phạm này bỗng nhiên mà có, không ai tạo ra, hiểu biết các nghĩa, tự tại tột cùng trong một ngàn thế giới, có thể sáng tạo và biến hóa, vi diệu tột bậc, là cha mẹ của loài người. Vi vua trời Đại Phạm ấy thường trụ bất biến, là pháp cố đinh. Hơn nữa, chúng ta được Phạm thiên biến hóa ra cho nên không thể thường hằng, không được tồn tại lâu dài” Này Phạm chí! Vì nhân duyên ấy nên các Sa-môn, Bà-la-môn đều nói: "Phạm thiên Tự Tại tạo ra thế giới này." Này Phạm chí! Sự sáng tạo ra thê giới này không phải là điêu mà những vị ấy có thể đạt đến được mà chỉ có Phật mới biết. Thậm chí, hơn cả sự việc này

24 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 25 Quang Âm thiOn Ābhassarā.

15. KINHA-NẬU-DI 731

Phật cũng đều biết rõ, tuy biết nhưng không chấp trước, đồng thời Ta biết như thật vê khô, vê nguyên nhân của khô, vê sự diệt tận khô, vê vị ngọt, vê sự tai hại và cách thoát ly khổ, sau đó dùng pháp quán bình đẳng26 mà đạt đến giải thoát vô dư nên gọi là Như-Lai. [0069b24] Phật bảo Phạm chí: Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào n6i: "Ham vui, biếng nhác là khởi nguồn của chúng sanh.” Ta lại nói với họ: “C6 thật các ông cho răng ham vui, biêng nhác là khởi nguồn của chúng sanh?” • Họ không đáp được mà hỏi lại Ta: “Thua Cù-đàm, việc đó thế nào?" Ta đáp: "Nhu có chúng sanh ở cõi trời Quang Âm do ham vui, biếng nhác nên sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thế giới này rồi dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, đạt được Tâm định tam-muội. Nhờ năng lực tam-muội nên biêt được nguôn góc trước đây, liên nói thê này:

'Những chúng sanh kia do không đam mê tiêu khiển mà được thường trụ không biến đổi ở cõi trời Quang Âm. Chúng ta do đam mê tiêu khiển nên phải đến đây chiu pháp vô thường và đổi thay này." Này Phạm chí! Những Sa-môn5 Bà-la-môn vì nhân duyên ây nên cho răng ham vui là khởi nẹuồn của chúng sanh. Sự việc này Ta đều biết rõ và thậm chí còn biết rõ hơn thê. Tuy biết nhưng Ta không chấp trước, đồng thời Ta biết như thật vê khô, vê nguyên nhân của khô, vê sự diệt tận khô, vê vị ngọt, vê sự tai hại và cách thoát ly khổ, sau đó dùng pháp quán bình đẳng mà đạt đến giải thoát Vô dư, nên gọi là Như-Lai. [0069c08] Phật bảo Phạm chí: Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: "Lòng đố kỵ27 là khởi nguồn của chúng sanh.,, Ta hỏi họ rằng: "C6 thật các ông nói răng: Lòng đô kỵ là khởi nguồn của chúng sanh?" Họ không đáp được mà hỏi lại Ta: "Thua Cù-đàm, điều này thế nào?" Ta đáp: "Nhu có chúng sanh dò xét lân nhau, dân dân sanh tâm đô kỵ, do đó khi mạng chung, tái sanh vào thế giới này rồi dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, đạt được định Tâm tam-muội. Nhờ năng lực tam-

26 Bình đẳng quán Quán bình đẳng, còn gọi "không quan99 . 27 Nguyên tác: Thất y ,là tâm không được vừa lòng. Pâli ghi là manopadosikā, nghĩa là tâm đố kỵ.

muội nên biết được nguồn gốc trước dây, liền nói thế này: 'Những chúng sanh đó do không dò xét lẫn nhau nên không sanh tâm đố kỵ, nhờ vậy mà được thường trụ không biến đổi. Chúng ta do thường xuyên dò xét lẫn nhau nên tâm đo kỵ sanh khởi, vì vậy mà phải đen đây chiu pháp vô thường và đoi thay này.,^^ Như vậy, này Phạm chí! Sa-môn, Bà-la-môn kia do nhân duyên này nên nói rằng đố kỵ là khởi nguồn của chúng sanh. Sự việc này Ta đều biết rõ và thậm chí còn biết rõ hơn thế. Tuy biết nhưng Ta không chấp trước, đồng thời Ta biết như thật vê khô, vê nguyên nhân của khô, vê sự diệt tận khô, vê vị ngọt, vê sự tai hại và cách thoát ly khổ, sau đó dùng pháp quán bình đẳng mà đạt đến giải thoát Vô dư, nên gọi là Như-Lai. Phật bảo Phạm chí: Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn bảo rằng: “Ta từ tự nhiên mà sanh." Ta nói với họ: "C6 thật các ông nói: Ta từ tự nhiên mà sanh kh6ng?" Họ không đáp được mà hỏi ngược lại Ta. Khi ấy Ta bảo: “Nhu có chúng sanh không có tưởng, không có tri giác. Khi chúng sinh đó vừa khởi tưởng thì liên mạng chung, tái sanh vê thê gian này roi dân lớn lên? cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành bèn nhập định Tâm tam-muội. Nhờ năng lực tam-muội nên biết được nguồn gốc trước đây, liền nói thế này: 'Ta vốn không có, nay bỗng nhiên mà có; thế gian này trước kia vốn không mà nay bỗng nhiên có, đây là sự thật, ngoài ra là giả doi.,,, Như vậy, này Phạm chí! Những Sa-môn, Bà-la-môn kia do nhân duyên này mà tuyên bố thuyết vô nhân sanh. Sự việc này Ta đều biết rõ và thậm chí còn biết rõ hơn thế. Tuy biết nhưng Ta không chấp trước, đồng thời Ta biết như thật vê khô, vê nguyên nhân của khô, vê sự diệt tận khô, vê vi ngọt, vê sự tai hại và cách thoát ly khổ, sau đó dùng pháp quán bình đang mà đạt đến giải thoát vô dư, nên gọi là Như-Lai. [0070a02] Phật bảo Phạm chí: -Ta đã thuyết giảng như vậy, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ở sau lưng Ta mà chê bai răng: "Sa-môn Cù-đàm tự cho răng đệ tử

của mình chứng giải thoát thanh tinh, thành tựu tịnh hạnh. Vi ấy biết mình thanh tịnh nhưng không biết mọi vật đều thanh tjnh." Nhưng thực ra, Ta không nói: "Đệ tử của Ta chứng giải thoát thanh tinh, thành tựu tịnh hạnh. Vị ấy biết mình thanh tịnh nhưng không biết mọi vật đều thanh tịnh?5 Trái lại, này Phạm chí! Ta nói: "Đệ tử của Ta chứng giải thoát thanh tinh, thành tựu tịnh hạnh, vị ấy biết mình thanh tịnh và biết tát cả đều thanh tjnh" Khi ấy, Phạm chí bạch Phật: Những hạng người trên sẽ không được lợi lạc, vì họ chê bai lời của Sa- môn Cù-đàm rang: "Sa-môn Cù-đàm tự nói: 'Đệ tử của Ta chứng giải thoát

thanh tinh, thành tựu tịnh hạnh. Vi ây biêt mình thanh tịnh nhimg không biêt tát cả đều thanh tịnh/ Nhưng Thế Tôn đã không nói như thế mà Ngài nói: 'Đệ tử của Ta chứng giải thoát thanh tịnh, thành tựu tinh hạnh, vị ấy biết mình thanh tinh và biết tất cả đều thanh tinh." Rồi lại bạch Phật: Con cũng muốn chứng giải thoát thanh tinh này, thành tựu tịnh hạnh và biết hết tất cả. Phật bảo Phạm chí: Quả thật rất khó khi ông muốn chứng đạt. Vì sao như vậy? Vì ông có sự hiểu biết sai khác, sự kham nhẫn cũng khác và việc thực hành cũng không đồng.28 Nếu dựa vào những kiến giải sai khác ấy để chứng nhập giải thoát thanh tinh thì khó thành tựu. Nhưng nếu tâm ông vui thích với Phật pháp, luôn giữ 'k , . tâm ây vững chác thì mãi mãi sẽ được an vui. Bây giờ, Phạm-chí Phòng-già-bà nghe Phật thuyêt pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

28 Nguyên tác: Kiến dị, nhẫn dị, hành dị ().Tham chiếu: D. 24: Dukkararn kho etam, bhaggava, tayā aññaditthikena aññakhantikena aññarucikena aññatrāyogena aññatrācariyakena subham vimokkharn upasarnpcyja vihariturn. (Này Bhaggava, thật khó cho ngươi khi ngươi theo các kiến giải sai khác, kham nhạn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu,sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác đe có thể đạt được thanh tịnh, giai thoát), HT. Thích Minh Châu dịch. ' •

16. KINH THIÊN SANH1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ trong núi Kỳ-xà quật,2 thuộc thành La-duyệt-kỳ.3 Khi đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Lúc d6, trong thành La-duyệt-kỳ có con ông trưởng giả tên là Thiện Sanh sáng sớm đã ra khỏi thành đi đến ngôi đền ở trong rừng.4 Sau khi tắm gội sạch sẽ, tuy thân mình còn ướt sũng nhưng Thiện Sanh đã hướng ve khắp các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới mà lễ bái. Bấy giờ, đức Thế Tôn trông thấy con ông trưởng giả tên là Thiện Sanh sáng sớm đã ra khỏi thành đi đen ngôi đen ở trong rừng. Sau khi tam gội sạch sẽ, tuy thân mình còn ướt sũng nhưng Thiện Sanh đã hướng về khắp các phương mà lễ bai. Thay như vạy, đức The Ton liên đen cho Thiện Sanh va hoi: Vì lý do gì mà sáng sớm con đã ra khỏi thành, đi đến khu rừng, tắm gội sạch sẽ, dù mình còn ướt sũng nhưng đã chí thành lễ bái các phương? Khi đó, Thiện Sanh bạch Phật: -Cha con lúc sắp mất đã dặn con rằng: "Nếu con muốn lễ bái, trước hết phải lễ bái phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương trên và phương du&i." Vâng theo lời cha dạy nên con không dám làm sai. Do đó, sau khi tăm rửa xong, con chăp tay hướng

vê các phương Đông, Tây, Nam, Bác, trên và dưới mà đảnh lễ tất cả. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Thiện Sanh: [0070b04] Này Thiện Sanh! Có tên gọi chỉ cho những phương như thế, không phải không có. Tuy nhiên, trong pháp Hiền thánh của Ta, không phải lễ bái sáu phương này mới được xem là cung kính.

1 Nguyên tác: Thiên Sanh (roi. 0001.16. 0070al9). Tham chiếu: Phật thuyết Thi-ca-ỉa- việt lục phươnglê kinh (TOI. 0016. 0250c 11); Phật thuyệt Thiện Sanh Tử (T0Ị. 0017. 0252ỒỒ6); Thiện Sanh kinh (T.01. 0026.135. 0638c06); D, 31, Siñgāla Sutta (Kinh Thiện Sanh). 2 Kỳ-xà quật (Gijjhakūta). Xem chú thích 66, kinh số l, tr. 515. 3 La-duyệt-kỳ (Rājagaha). Xem chú thích 3, kinh số 2, tr. 517. 4 Nguyên tác: Viên du quán ( ).ở Ấn £)0 cổ đại thường có những khu rừng dành cho đạo sĩ bốn phương tu tập, giảng thuyết, thực hanh ni gọi là vihārā. Tại những nơi đó thường xây dựng một khu vực hành lê tùy theo quy mô. Quán)ở đay mang nghĩa là một nơi thực hiện nghi le, một ngồi đền, theo tín niệm của Ấn giáo nói chung. Xem M. Monier-Williams, A Sanskrit English Dictionary (Springfield, VẢ: Nataraj Books, 2014), p. 1003.

Thiện Sanh bạch Phật: -Cúi xin đức Thế Tôn hãy nói về cách thức lễ bái sáu phương theo pháp của Hiền thánh để con được biết! Khi ấy, Phật bảo Thiện Sanh: r r Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho con nghe! Thưa vâng, con rất vui và muốn được nghe! Phật bảo Thiện Sanh: Như trưởng giả, hoặc con của trưởng giả, nếu biết tránh bốn nghiệp phiền não,5 không làm việc ác dựa theo bốn nguyên nhân,6 cũng như biết rõ sáu hành vi có thể làm hao tổn tài vật. Như thế, này Thiện Sanh! Trưởng giả hoặc con của trưởng giả biêt tránh bôn nghiệp phiên não chính là lê kính sáu phương, chăng những đời này được phước lành mà đời sau cũng hưởng quả tốt đẹp, không những đời này vững chãi mà đời sau cũng như thê, ở đời hiện tại được bậc trí ngợi khen, hưởng quả cao thượng ở đời, sau khi mạng chung được sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Thiện Sanh nên biết, bốn nghiệp phiền não là sát sanh, trộm cướp, tà dâm và vọng ngữ, đây là bốn hành động két thành nghiệp xấu ác. Bốn nguyên nhân là gì? Đó là tham dục, sân hận, sợ hãi và ngu si. Nếu trưởng giả hay con của trưởng giả làm những việc ác bởi bốn nguyên nhân này chi phối thì sẽ bị hao tổn. Sau khi dạy như vậy, đức Phật liền nói kệ: Ai thực hành bốn pháp, Tham, sợ, ngu và sân, Danh dự tôn giảm dân, Như trăng vào cuôi tháng. Phật bảo Thiện Sanh: -Nêu trưởng giả hay con của trưởng giả không làm điêu ác do bôn nguyên nhân này chi phối thì sẽ tăng thêm nhiều lợi lạc. Bấy giờ, đức Thế Tôn lại đọc kệ: Người không làm điều ác, Như tham, sợ, ngu, sân, Danh dự càng sáng dần, Như trăng vào giữa tháng. Phật dạy Thiện Sanh: —Sáu nghiệp hao tổn tiền tài: Một là, đam mê rượu chè; hai là, cờ bạc; ba là, phóng đãng; bốn là, say mê kỹ nhạc; năm là, kết bạn với người xấu ác; sáu là, biếng nhác. Đây là sáu nghiệp hao tổn tiền tài. Thiện sanh! Nếu trưởng giả hoặc con của trưởng giả biết rõ bốn nghiệp phiền não, không làm những việc ác do bị chi phối bởi bốn nguyên nhân, lại biết sáu nghiệp hao tổn tiền tài, như vậy, này Thiện Sanh, xa lìa được bốn

5 Nguyên tác: Tứ kiết nghiệp ,cattārokammakilesā. 6 Nguyên tác: Tứ xứ .Kinh văn giải thích ở đoạn tiếp theo.

nguyên nhân tức là đã cúng dường sáu phương, đời này tót đẹp, đời sau cũng tót dẹp, đời này vững chãi, đời sau cũng như thê, ở đời hiện tại được bậc trí ngợi khen, hưởng quả cao thượng ở đời, khi thân hoại mạng chung được sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Thiện Sanh nên biết, uống rượu có sáu lỗi lầm: Một là, hao tổn tiền tài; hai là, phát sanh bệnh tật; ba là, gây gổ đánh nhau; bốn là, tiếng xấu đồn xa; năm là, nóng giận dễ phát; sáu là, trí tuệ giảm dân. Thiện Sanh! Nếu trưởng giả hoặc con của trưởng giả mải mê uống rượu thì sản nghiệp của họ sẽ tổn giảm từng ngày. Này Thiện Sanh, nghiện cờ bạc có sáu điêu tai hại: Một là, tài sản sẽ tôn giảm; hai là, thắng thì bị người oán; ba là, bi người trí chê cười; bốn là, mọi người không kính tín; năm là, bị người dời lánh xa; sáu là, dễ sanh tâm trộm cướp. Thiện Sanh, đó là sáu tai hại của cờ bạc. Nếu trưởng giả hoặc con của trưởng giả mải mê cờ bạc thì sản nghiệp của họ sẽ tổn giảm từng ngày. Này Thiện Sanh, phóng đãng có sáu lỗi: Một là, không phÍHìg hộ bản thân; hai là, không giữ được của cải; ba là, không chăm lo con cháu; bôn là? bản thân thường hoảng loạn; năm là, khổ, rắc rối bủa vây; sáu là, ham vui nên dối trá. Đây là sáu điêu lôi do sự phóng đãng. Nêu trưởng giả hoặc con của trưởng giả, mải mê phóng đãng thì sản nghiệp của họ sẽ tổn giảm từng ngày. [0070C15] Này Thiện Sanh, say mê kỹ nhạc7 có sáu lỗi: Một là, ưa tìm chỗ ca hát; hai là, thích tìm chỗ nhảy múa; ba là, mê nhạc khí hòa âm; bốn là, đam mê thủ linh nhạc;8 năm là, mê nhạc đa-la-bàn;9 sáu là, thích âm thanh của trống. Đó là sáu tai hại của kỹ nhạc. Nếu trưởng giả hay con của trưởng giả mải mê kỹ nhạc không thôi thì sản nghiệp của họ sẽ tổn giảm từng ngày. Này Thiện Sanh, kết bạn với người xấu có sáu lỗi: Một là, tìm cách lừa dối; hai là, ưa chỗ tham kín; ba là, dụ dỗ vợ người; bon là, mim đo chiếm đoạt tài sản của người; năm là, hướng tài lợi về mình; sáu là, ưa chỉ bày lỗi người. ĐÓ là sáu tai hại vê bạn xâu. Nêu trưởng giả hay con của trưởng giả mãi làm bạn với kẻ xấu thì sản nghiệp của họ sẽ tổn giảm từng ngày. Này Thiện Sanh, biêng nhác có sáu lôi: Một là, khi giàu sang không chiu làm việc; hai là, lúc nghèo túng không chịu siêng năng; ba là, khi lạnh không siêng năng làm việc; bốn là, lúc nóng không chịu làm việc; năm là, buổi sáng không chịu làm việc; sáu là, chiều tối không chịu làm việc.

7 Kỹ nhạc vajja, các chủng loại âm nhạc nói chung. Có khi gọi là Ngô nhạc .Ngô nhạc là một thể loại nhã nhạc của Nhật Bản. Tương truyền rằng, do vì kinh điển du nhập vao Nhạt Ban từ nước Ngô ở thời Tam Quốc nên gọi là Ngô nhạc. Theo Nhật Bản thư quyển 22 và 29. 8 Nguyên tác: Ba-nội-ty ,một loại nhạc khí hình dạng như cái trống nhỏ, rỗng một đầu, vành của đau trống kia gắn những manh kim loại mỏng, hình tròn, một tay cầm nhạc khí gõ vào tay kia. Tham chiếu Pali: Pānissara thủ linh nhạc,. 9 Nguyên tác: Đa-la-bàn .

ĐÓ là sáu điêu tai hại của sự lười biêng. Nêu trưởng giả hay con của trưởng giả cứ mãi biếng nhác thì sản nghiệp của họ sẽ tổn giảm từng ngày. Đức Phật nói xong, liền làm bài kệ: Người mê say rượu chè, Lại có bạn rượu theo, Tài sản đã tích lũy, Liền theo mình tiêu tan. Uống rượu không chừng mực, Ưa thích, múa, nhảy, ca, Ngày rong chơi nhà người, Nhân đây tự sa đọa. Theo bạn ác, không sửa, Chê bai người xuất gia, Tà kiến bi đời khinh, Làm xấu, ai cũng tránh. Cờ bạc, mê ngoại sắc Chỉ luận việc hơn thua, Bạn ác không sửa đổi, Làm ác, người lánh xa. Bị rượu làm hoang mê, Nghèo khó không tự liệu, Tiêu xài không tiếc của, Phá nhà, gây tai ương. Tụ tập rượu, bài bạc, Giao du gái mười phương, Tập theo nết đê hèn, Như trăng về cuối tháng. Làm ác phải chịu khổ, Cùng bạn ác làm chung, Đời nay và đời sau, Chung cuộc không được gì. Ngày thời ưa ngủ nghi, Đêm thức những chờ mong, Mê tối, không bạn lành, Chẳng hoàn thành gia nghiệp. Sáng chiều không làm việc, Biếng nhác vì lạnh, nóng, Làm việc không suy xét, Nên chỉ uổng công thôi. Nếu không quản nóng, lạnh, Sáng chiều siêng làm việc, Sự nghiệp gì cũng thành, Trọn đời khỏi buồn lo. [0071a20] Phật bảo Thiện Sanh: Có bốn hạng oán nghịch mà được xem như bạn thân, con nên biết rõ. Bốn hạng ấy là: Hạng kính sợ;10 hạng nói lời hoa mỹ; hạng kính thuận; hạng bạn xấu. Một là, hạng kính sợ thường làm bốn việc: Trước cho rồi, sau đoạt lại; cho ít mong trả nhiêu; vì sợ nên gượng làm thân; vì lợi mà gân gũi. Hai là5 hạng nói lời hoa mỹ thường làm bốn việc: Lành dữ đều chiều theo; gặp nạn thì lánh xa; ngăn cản những việc tốt; gặp việc lâm nguy thì tìm cách né tránh. Ba là, hạng kính thuận thường làm bôn việc: Việc trước dôi trá; việc sau dôi trá; việc hiện tại dối trá; thấy có chút lỗi đã vội trách phạt. Bốn là, hạng bạn xấu cũng thường làm bốn việc: Làm bạn lúc uống rượu; làm bạn lúc đánh bạc; làm bạn lúc dâm dật; làm bạn lúc ca múa.

10 Nguyên tác: úy phục ,còn gọi "kính phục^, :Kính sợ.

16. KINH THIỆN SANH 739

Thế Tôn nói xong, liền nói bài kệ: Kính sợ gượng làm thân, Nói hoa mỹ cũng vậy, Kính thuận thân nhimg dối, Bạn ác là gần ác. Bạn thế chớ nên gần, Người trí nên biết rõ, Hãy mau chóng lánh xa, Như tránh đường hiểm nạn. Phật lại bảo Thiện Sanh: Có bốn hạng người đáng thân cận, vì sẽ đem lại nhiều lợi ích và thường che chở cho bạn bè. Bôn hạng người ây là: Hạng ngăn mình làm quây; hạng có lòng xót thương; hạng thường hay giúp đỡ; hạng cùng bạn sẻ chia. Đó là bốn hạng người nên thân cận. Này Thiện Sanh, hạng ngăn mình làm quấy thường làm bốn việc, đem lại nhiều lợi ích và sự che chở: Một là, thấy người làm ác thì hay ngăn cản; hai là, chỉ cho người những điêu ngay thăng; ba là, có lòng thương xót người; bôn là, hướng dẫn con đường sanh thiên. Đây là bốn việc của hạng ngăn mình làm quấy, đem lại nhiều lợi ích và thường che chở. Hạng có lòng thương xót thường làm bốn việc: Một là, thấy mình được lợi, họ vui mừng; hai là, thây mình gặp nạn, họ lo lăng; ba là, thây mình đức độ, họ khen ngợi; bốn là, thấy mình nói điều ác, họ ngăn lại. Đây là bốn việc của hạng người có lòng xót thương, đem lại nhiều lợi ích và sự che chở. Hạng hay giúp đỡ thường làm bốn việc: Một là, che chở người không cho họ buông lung; hai là, che chở người để họ khỏi hao tài vì buông lung; ba là, che chở người khiến họ không sợ hãi; bốn là, chỉ khuyên bảo

người khi ở chốn riêng tư. Đây là bốn việc của hạng hay giúp đỡ, vì sẽ cứu hộ bạn bè và đem lại nhiều lợi h Hạng cùng bạn sẻ chia thường làm bốn việc: Một là, vì người mà không tiếc thân mạng; hai là, vì người mà không tiếc của báu; ba là, giúp người khỏi sự sợ hãi; bon là, chỉ khuyên bảo người khi ở chốn riêng tư. Đây là bon việc của hạng cùng bạn sẻ chia, đem lại nhiều lợi ích và sự che chở cho người. Khi đức Thế Tôn nói xong, Ngài nói tiếp bài kệ: r Thân với người ngăn quây, Thân với người từ mẫn, Thân với người giúp người, Thân với người đồng sự. Bốn hạng đó đáng gần, Người trí đã than cận. Thân hơn người thân khác, Như mẹ hiền gần con. Muốn gần người đáng gần, Hãy thân bạn kiên cố, Gần người đủ giới hạnh, Như lửa sáng soi người. [0071c05] Phật lại bảo Thiện Sanh: Con nên biết ý nghĩa sáu phương. Ý nghĩa sáu phương là gì? Phương Đông tượng trưng cho cha mẹ; phương Nam tượng trưng cho Sư trưởng; phương Tây tượng trưng cho vợ chông; phương Bác tượng trưng cho bà con; phương dưới

tượng trưng cho tôi tớ; phương trên tượng trưng cho Sa-môn, Bà-la-môn và những người đức hạnh. Này Thiện Sanh, phận làm con hiếu kính với cha mẹ thì phải thực hiện năm điều sau đây: Một là, cung phụng hiếu dưỡng cha mẹ không để thiếu thốn; hai là, phàm làm điêu gì, trước phải thưa cho cha mẹ biêt; ba là, cha mẹ làm điêu gì thì phải kính thuận, không được chống trái; bon là, không làm trái với những điều lành mà cha mẹ dạy; năm là, không ngăn cản việc làm tốt của cha mẹ. Thiện Sanh, phận làm con hiếu kính với cha mẹ thì phải thực hiện năm việc như vậy và người làm cha mẹ cũng phải làm năm việc sau đây đe chăm sóc con cái: Một là, ngăn con, không cho con làm điều ác; hai là, chỉ dạy con điều lành; ba là, thương yêu con đến tận xương tủy; bốn là, chọn vợ hiền cho con; năm là, tùy thời cung cáp cho con vật dụng đây đủ. Này Thiện Sanh, nếu người con biết kính thuận, phụng dưỡng cha mẹ thì phương Đông sẽ được an ổn, không còn lo sợ. Này Thiện Sanh, đệ tử kính thuận với Sư trưởng cần phải thực hiện năm điều: Một là, hâu hạ, cung cáp những vật dụng cân thiêt; hai là, cung kính cúng dường; ba là, tôn trọng, quý kính; bốn là, thầy dạy điều gì thì phải vâng làm, không được chống trái; năm là, thầy dạy điều gì thì nên nhớ kỹ không được quên. Phận làm đệ tử cần phải thờ kính Sư trưởng với năm điều ấy. Vả lại, Sư trưởng cũng chăm sóc đệ tử theo năm điều: Một là, dạy dỗ có phương pháp; hai là, dạy những điều đệ tử chưa biết; ba là, giải thích rõ những điều đệ tử hỏi; bốn là, giới thiệu bạn lành cho đệ tử; năm là, truyền dạy hết những gì mình biết không lìn tiếc. Thế nên Thiện Sanh, nếu đệ tử kính thuận, cung kính phụng dưỡng Sư trưởng thì phương Nam được an ổn, không còn lo sợ. Này Thiện Sanh, chồng đối với vợ cũng có năm điều: Một là, lấy lễ đối đãi với nhau; hai là, uy nghiêm nhưng không hà khắc; ba là, chăm lo ăn mặc tùy thời; bôn là, giúp vợ làm đẹp đúng lúc; năm là, giao quyên quản lý việc nhà cho vợ. Này Thiện Sanh, chông đôi đãi với vợ năm điêu thì vợ cũng phải tuân theo năm điều sau, khi đối đãi với chồng: Một là, thức dậy trước; hai là, đi ngủ sau; ba là, nói năng từ tốn hòa nhã; bốn là, kính thuận; năm là? đoán biết ý chồng. Này Thiện Sanh, người vợ kính thuận chồng với năm điều như thế thì phương Tây được an ổn, không còn lo sợ. [0072a04] Này Thiện Sanh, khi cư xử với bà con thân quý, phải tuân theo năm điều: Một là, giúp đỡ tiền bạc; hai là, nói lời hiền hòa; ba là, làm việc lợi ích; bốn là, cùng làm

cùng hưởng; năm là, không được khinh khi. Bà con thân quý cũng phải thực hiện năm điều đáp lại: Một là, che chở cho thân tộc mình không buông lung; hai là, che chở cho thân tộc mình đừng mất

của VÌ buông lung; ba là, che chở cho thân tộc mình thoát khỏi sợ hãi; bốn là, chỉ khuyên thân tộc khi ở chốn riêng tư; năm là, thường ngợi khen nhau. Này Thiện Sanh, người biết thân kính thân tộc như thế thì phương Bắc được an on, không còn lo sợ. Này Thiện Sanh, người chủ phải cư xử với tôi tớ theo năm điều: Một là, tùy người mà giao việc; hai là, ăn uông phải đúng giờ; ba là, ban thưởng phải đúng lúc; bốn là, chăm thuốc thang khi bệnh; năm là, cho thời gian nghỉ ngơi. Tôi tớ phụng sự người chủ cũng thực hiện theo năm điều: Một là5 phải biết thức dậy sớm; hai là, làm việc phải cẩn thận; ba là, không cho thì không lấy; bốn là, làm việc có thứ tự; năm là, giữ gìn uy danh cho chủ. Này Thiện Sanh, nêu người chủ đôi xử tót với tôi tớ thì phương dưới được an ổn, không có điều gì lo sợ. Này Thiện Sanh, đàn-việt11 khi phụng sự và cúng dường Sa-môn9 Bà-la- môn phải thực hiện năm điều: Một là, thân hành từ; hai là, miệng hành từ; ba là, ý hành từ; bốn là, cúng thí đúng giờ giấc; năm là, cửa nhà rộng mở. Hàng Sa-môn, Bà-là-môn dạy bảo đàn-việt cũng phải thực hiện theo sáu điều: Một là, ngăn ngừa không để họ làm ác; hai là, chỉ dạy họ những điều lành; ba là, khuyên họ giữ vững thiện tâm; bốn là, bảo ban những điều chưa học; năm là? giải rõ những điều đã nghe; sáu là, chỉ bày con đường sanh thiên. Này Thiện Sanh, nếu đàn-việt thực hiện tốt việc cung kính, cúng dường Sa- môn? Bà-la-môn như thế thì phương trên được an ổn? không có điều gì lo sợ. Khi đức Thế Tôn dạy xong, liền nói bài kệ rằng: Cha mẹ là phương Đông, Sư trưởng là phương Nam, Vợ chồng là phương Tây, Bà con là phương Bắc, Tôi tớ là phương dưới, Sa-môn là phương trên. Các người con trưởng giả, Lễ kính các phương này, Kính thuận không bỏ thời, Chết sanh về thiên giới. Bố thí và ái ngữ, Lợi hành, ích cho người, > r Đông sự, lợi đêu nhau, Mình có, người cũng có. Bốn việc12 này như xe, Chở tất cả nặng nề, Đời không bốn việc trên, Thời không có hiếu dưỡng. Pháp này ở thế gian, Được người trí lựa chọn, Làm thì được quả lớn, Danh tiếng được đồn xa. Trang trí nơi tòa ngoi, Sửa soạn thức ăn5 uống, Cung cấp nơi cần dùng, Danh tiếng được vang xa. Không bỏ người thân cũ, Chỉ dạy việc lợi ích, Trên dưới thường hòa hợp, Ất được danh dự tốt.

11 Đàn-việt ,dānapati'. Người thí chủ. 12 Nguyên tác: Thử tứ .Kệ phía trên đã giải thích gồm: huệ thí ,nhuyến ng6n ,lợi nhân và đồng lợi ,chỉ cho ubốn nhiếp ph

Trước học hỏi lành nghê, Sau mới được tài nghiệp,13 Tai nghiep đã đây đu, Thì phải nhớ giữ gìn. Tiêu dùng đừng xa xỉ, Nên học cách người trí, Kẻ lừa dối xung đột, Thà xa, chớ kết thân. Của dồn từ khi ít, Như ong góp mật hoa, Của báu ngày càng nhiêu, Trọn đời không hao ton. Một, ăn biết vừa đủ, Hai, làm việc siêng năng, Ba, phải dự trữ trước, Đe phòng khi thiếu thốn, Bon, cày ruộng, buôn bán, Lựa đất để chăn nuôi, Năm, xây

dựng tháp miếu, Sáu, tạo lập Tăng xá. Tại gia giữ sáu việc, Siêng lo chớ lỡ thời, Ai làm được như thế, Cảnh nhà không sa sút, Của báu ngày một thêm, Như biển chứa muôn sông. [0072Ồ27] Bấy giờ, Thiện Sanh thưa: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Những điều Ngài dạy quả thật vượt hơn sự mong ước của con trước đây, hơn cả lời dạy của cha con, như lật ngửa những gì bi úp xuống, như mở ra những gì bi đóng kín, như người mê được tỉnh ngộ9 như ở trong nhà tối được đèn sáng, người có mắt liền thấy. Đức Như Lai thuyết pháp cũng như thế. Ngài đã dùng vô số phương tiện khai ngộ cho kẻ ngu muội thấy rõ tất cả pháp lành. Vì sao như vậy? Vì Phật là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác mới có thể khai thi và hướng dẫn cho đời. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi xin đức Thế Tôn chấp thuận cho con làm ưu-bà-tắc, được ở trong Chánh pháp của Như Lai. Ke từ ngày hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Khi ấy, Thiện Sanh nghe đức Phật thuyết pháp xong, hoan hỷ phụng hành.14

13 Nguyên tác: Tài nghiệp Tài sản gia nghiệp. 14 Bản Hán, hết quyển 11.

17. KINH THANH TỊNH1 ,t.

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ- kheo ngụ trong khu rừng của ưu-bà-tắc Miến-kỳ,2 thuộc nước Ca-duy-la-vệ.3 Bấy giờ, có Sa-di tên là Châu-na4 ở tại Ba-ba,5 sau khi mãn hạ đã đắp y, ôm bát rồi tuần tự du hành đến chỗ Tôn giả A-nan ở trong vườn Miến-kỳ, thuộc nước Ca-duy-la-vệ, cung kính đảnh lễ sát chân Tôn giả rồi đứng sang một bên và bạch rang: -Thưa Tôn giả! Tại thành Ba-ba có vị giáo chủ Ni-kiền-tử6 lâm chung chưa được bao lâu mà trong hàng đệ tử của ông ta đã chia thành hai phái. Họ tranh cãi nhau, măng nhiêc lân nhau, không còn nghĩ gì đên tôn ti trật tự, tìm những khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau. Họ bảo: “Chi có ta biết được điều này, còn ngươi thì không biết, điều ta làm là chân chánh, điều ngươi làm không chân chánh, ngươi đặt điều trước ra sau để điều sau ra trước, đảo điên lân lộn, không có phép tăc, điêu ta làm thì tót đẹp, điêu ngươi nói là sai lâm, vậy ngươi có điêu gì nghi ngờ thì nên hỏi ta." Bạch Đại đức A-nan! Bây giờ, những người trong nước Ba-ba vốn là tín đồ của Ni-kiền-tử, khi nghe thấy những sự việc như vậy, họ liền sanh tâm chán nản. Tôn giả A-nan liền nói với Sa-di Châu-na rằng: —Chúng ta càn phải trình việc này lên đức Thế Tôn. Vậy thầy hãy cùng ta đến chỗ đức Thế Tôn để trình bày. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều gì thì chúng ta nên theo đó mà hành trì. Nghe A-nan nói xong, Sa-di Châu-na liền cùng đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

1 Nguyên tác: Thanh tịnh kinh T.01. 0001.17. 0072cl2. Tham chiếu: D. 29, Pāsādikā Sutta Kinh Thanh tịnh; A. 9.7 - IV. 369; A. 9.8 . IV. 371. 2 Miến-kỳ Vedhañña, một gia đình thuộc dòng họ Sâkya. 3 Ca-duy-la-vệ ,Kapilavatthu còn gọi Ca-tỳ-la-vệ ,Ca-tỳ-la . 4 Châu-na Cunda là vị Sa-di học trò của Tôn giả A-nan. Không nên nhầm lẫn với cư sĩ Cunda, người cúng dường đức Phật bữa cơm cuối cùng. 5 Ba-ba ,Pāvā, thủ phủ của bộ tộc Mallā. 6 Nguyên tác: Ni-kiền-tử ,gọi đầy đủ là Nigantha Nātaputta, do vị này là giáo chủ của giáo phai Ni-kiền-tử nên người dịch đã bo sung hai chữ ugiao chủ,,

để rõ nghĩa.

744 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thế rồi, Tôn giả A-nan bạch đức Phật: Bạch Thế Tôn! Sau khi an cư kiết hạ ở nước Ba-ba, Sa-di Châu-na đắp y, ôm bát lên đường về đây, đảnh lễ sát chân con và thưa rằng: UỞ nước Ba-ba có vị giáo chủ Ni-kiền-tử mạng chung chưa bao lâu mà hàng đệ tử của ông ta đã chia thành hai phái. Họ tranh cãi, mắng chửi nhau không còn phân biệt trên dưới, đồng thời luôn tìm kiếm những khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau. Họ bảo: 'Chỉ có ta biết được điều này, còn ngươi thì không biết, điều ta làm là chân chánh, điều ngươi làm không chân chánh, ngươi đặt điều trước ra sau để điều sau ra trước, đảo điên lẫn lộn, không có phép tắc, điều ta làm thì tốt đẹp, điều ngươi nói là sai lầm, vậy ngươi có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi ta.5 Bấy giờ, những người trong nước Ba-ba vốn là tín đồ của Ni-kiền-tử, khi nghe thấy những sự việc như vậy? họ liền sanh tâm chán nản."

7 Nguyên tác: Tam-da-tam Phật (KSammāsambuddha)'. Đấng Giác Ngộ Viên Mãn. 8 Nguyên tác: Bình đẳng (,samā). Theo ngữ cảnh, chữ "chân ch9nh"(ĨẸ, sammā) đúng hơn. Rất có the vì

17. KINH THANH TỊNH 745

vì những điêu được nói ra không phải do một vị Chánh Đăng Chánh Giác, ví như tòa tháp đổ nát thì không thể tô vẽ. Cũng vậy, nếu các đệ tử kia thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp,9 theo hạnh của thầy, [thì] khởi các tà kiến. Này Châu-na! Nếu có người đến nói với các đệ tử kia rằng: 'Tháp của thầy các ông là chân chánh, điều ông làm là đúng. Nay các ông thực sự nỗ lực chịu kho tu tập như vậy thì có thể ở trong đời này sẽ thành tựu đạo quả.” Nếu các đệ tử tin theo thì cả hai bên đều lầm lỗi, thọ tội vô cùng. Vì sao như vậy? Vì pháp đó không chân chánh. Này Châu-na! Nấu vị thầy không có tà kiến, pháp của vị ấy chân chánh, có thê khéo léo nghe theo, có khả năng [dân đên] xuât ly, là lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Ví như tòa tháp mới xây thì dễ dàng tô vẽ, nay các đệ tử của vị ấy lại có thể thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp, tuần tự tu tập mà phát sanh chánh kiến. Như vậy, nếu có ai đến bảo với những đệ tử đó rằng: "Pháp của thầy các ông là chân chánh, việc làm của các ông là đúng. Nay các ông thực sự nỗ lực chịu khổ tu hành như vậy thì có thể ngay trong đời này mà thành tựu đạo quả.” Nêu các đệ tử kia tin theo thì cả hai đêu thành tựu chánh kiến, được vô lượng phước. Vì sao như vậy? Vì pháp đó là chân chánh. [0073b09] Này Châu-na, có trường hợp vị Đạo sư xuất hiện ở thế gian khiến cho đệ tử lo âu và cũng có trường hợp vị Đạo sư xuất hiện ở thế gian khiến cho đệ tử idiông lo âu. Này Châu-na! Thế nào là vị Đạo sư xuất hiện ở thế gian khiến cho đệ tử lo âu? Này Châu-na! Khi vi Đạo sư mới xuất hiện ở thế gian, thành đạo chưa bao lâu, tuy pháp của vị ây thanh tịnh, đây đủ Phạm hạnh, nghĩa lý chân thật vi diệu nhưng chưa được truyên bá rộng rãi thì vị Đạo sư lại diệt độ quá sớm, khiên cho các đệ tử chưa kịp nêm được pháp vị, họ sẽ buôn bã và nói: “Bạo sư mới xuât hiện ở thế gian, thành đạo chưa bao lâu, tuy pháp của Ngài đầy đủ? Phạm hạnh thanh tinh, nghĩa lý chân thật vi diệu nhưng chưa được truyền bá rộng rãi thì

Đạo sư lại diệt độ quá sớm, khiến cho đệ tử chúng con chưa kịp nếm được pháp vj." Đó là trường hợp vị Đạo sư xuất hiện ở thê gian khiên cho hàng đệ tử lo âu. Thế nào là vi Đạo sư xuất hiện ở thế gian khiến cho hàng đệ tử không lo âu? Có Đạo sư mới xuất hiện ở thế gian, pháp của vị ấy thanh tịnh, đầy đủ Phạm hạnh, nghĩa lý chân thật vi diệu và được truyền bá rộng rãi rồi sau đó vị Đạo sư mới diệt độ, khiến cho các đệ tử đều nếm được pháp vị, nên sẽ không lo buồn và nói: "Dạo sư mới xuất hiện tại the gian, thành đạo chưa bao lâu nhưng pháp của Ngài đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh, nghĩa lý chân thật vi diệu và được truyền bá rộng rãi roi sau đó Đạo sư mới diệt độ, khiên cho các đệ tử đêu nêm được

9 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu dhammanudhammappatipannani. Xem chú thích 13, kinh so 3, tr. 581.

pháp vj." Như vậy, này Châu-na! Đó là trường hợp vị Đạo sư xuất hiện ở thế gian khiến đệ tử không lo âu. Phật dạy Châu-na: -Như vậy, Phạm hạnh được thành tựu với những chi phần nào?10 Này Châu-na! Bậc Đạo sư xuất hiện ở thế gian, xuất gia chưa lâu, danh tiêng chưa vang xa, đó gọi là chi phân Phạm hạnh chưa đây đủ. Châu-na! Nêu bậc Đạo sư xuất hiện ở thê gian, xuất gia đã lâu, danh tiêng đã vang xa, đó gọi là chi phần Phạm hạnh đầy đủ viên mãn. Này Châu-na! Bậc Đạo sư xuất hiện ở thế gian, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã vang xa nhưng hàng đệ tử chưa nhận được sự dạy dỗ, Phạm hạnh chưa đầy đủ, chưa đến chỗ an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa có thể lãnh thọ giáo pháp và chưa tuyên thuyêt kháp nơi. Nêu có tà luận khởi lên thì không thê đúng như pháp mà dập tắt chúng, chưa chứng được thần thông biến hóa, đó gọi là chi phần Phạm hạnh chưa đầy đủ viên mãn. Này Châu-na! Bậc Đạo sư xuất hiện ở thế gian, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã vang xa, các đệ tử đã tiếp nhận sự dạy dỗ, Phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, đã đạt được mục đích của mình, có thể lãnh thọ giáo pháp và tuyên thuyết khắp nơi. Nếu có tà luận khởi lên thì đúng như pháp mà dập tắt chúng, đã chứng được đây đủ thân thông biên hóa, đó gọi là chi phân Phạm hạnh đây đủ viên mãn. [0073c06] Này Châu-na! Bậc Đạo sư xuất hiện ở thế gian, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã vang xa nhimg các Tỳ-kheo-ni chưa tiếp nhận sự dạy dỗ, chưa đến chỗ an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa có thể lãnh thọ giáo pháp và chưa tuyên thuyêt khăp nơi. Nêu có tà luận khởi lên thì không thê đúng như pháp mà dập tát chúng, chưa chứng được thân thông biên hóa. Đó gọi là chi phần Phạm hạnh chưa đầy đủ viên mãn. Này Châu-na! Bậc Đạo sư xuất hiện ở thế gian, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã vang xa, các Tỳ-kheo-ni đã tiêp nhận sự dạy dô, Phạm hạnh đã đây đủ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt được mục đích của mình, có thể lãnh thọ giáo pháp và tuyên thuyết khắp nơi. Nếu có tà luận khởi lên thì đúng như pháp mà dập tắt chúng, đã chứng được đầy đủ thần thông biến hóa, đó gọi là chi phần Phạm hạnh đầy đủ viên mãn. Này Châu-na! Nếu các vị ưu-bà-tắc và ưu-bà-di tu Phạm hạnh đầy đủ,... cho đến chứng được đầy đủ thần thông biến hóa, cũng giống như vậy. Này Châu-na! Nếu bậc Đạo sư không còn ở đời, không còn danh tiếng và lợi dưỡng tổn giảm, đó gọi là chi phần Phạm hạnh chưa đầy đủ viên mãn. Nếu bậc Đạo sư còn ở đời, danh tiêng và lợi dưỡng thảy đêu đây dử,

không bị tôn giảm. Đó gọi là chi phần Phạm hạnh đay đủ viên mãn.

10 Nguyên tác: Thử chi ().p. aññehi, hợp ngữ này gồm 2 thành tố, añga (bộ phận) và ehi (chỉ thị đại từ: này, đây).

17. KINH THANH TỊNH 747

Nêu bậc Đạo sư còn ở đời, danh tiêng và lợi dưỡng thảy đêu đây đủ nhưng danh tiêng và lợi dưỡnẹ của hàng Tỳ-kheo không được đây đủ, đó ệọi là chi phần Phạm hạnh chưa đây đủ viên mãn. Nêu bậc Đạo sư ở đời, danh tiêng và lợi dưỡng đay đủ không bị ton giảm, chúng Tỳ-kheo cũng đầy đủ như vậy, đó gọi là chi phần Phạm hạnh đầy đủ viên mãn. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng giống như vậy. Này Châu-na! Ta xuất gia đã lâu, danh tiêng đã vang xa, các Tỳ-kheo của Ta đã tiếp nhận sự dạy dỗ, đã đến nơi an ổn, đã đạt được mục đích của mình, có thể lãnh thọ giáo pháp và tuyên thuyết khắp nơi, nếu có tà luận khởi lên thì có thể đúng như pháp mà dập tắt chúng, đã thành tựu đầy đủ thần thông biến hóa; đoi với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di cũng đều như vậy. Này Châu-na! Ta đem Phạm hạnh truyền bá khắp nơi,... cho đến chứng được thần thông biến hóa đầy đủ. Này Châu-na! Trong tát cả Đạo sư xuất hiện ở đời, không thây có vị nào đạt được danh tiếng và lợi dưỡng như Ta, đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Này Châu-na! Đối với tất cả đồ chúng hiện trong thế gian này, không thấy có đồ chúng nào có danh tiếng và lợi dưỡng như đồ chúng của Ta. Này Châu-na! Nêu người nào muôn nói lời chân chánh thì phải nói răng: “Thấy mà không thấy. ”11 Thế nào gọi là thấy mà không thấy? Nghĩa là tất cả Phạm hạnh thanh tinh đầy đủ đã được tuyên bày và truyền bá rộng rãi nên gọi là thấy mà không thấy. [0074a05] Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Giữa đại chúng, ông uất-đầu-lam-tử11 12 đã nói như vầy: "[Có] thấy mà không thấy. Thế nào gọi là thấy mà không thấy? Như có thể thấy con dao nhimg không thể thấy được tánh sắc bén [của con dao]." Này các Tỳ-kheo, ông uất-đầu-lam-tử khi đưa ra những lời ví dụ đó chỉ để dẫn dắt hàng phàm phu kém hiểu biết mà thôi! Như vậy, này Châu-na! Nêu người muốn nói lời chân chánh13 thì phải nói rằng: "Thấy mà không thấy." Thế nào gọi là thấy mà không thấy? Thầy nên nói một cách chân chánh như sau: "Tất cả Phạm hạnh thanh tịnh đầy đủ đã được giảng bày và truyền bá rộng rãi nên gọi là thấy mà không thấy." Này Châu-na! Các pháp tuân tự tuy không đây đủ nhưng có Phạm hạnh nên có thể chứng dắc, các pháp tuần tự đầy đủ nhưng phi Phạm hạnh nên không thể chứng đắc.14 Này Châu-na! Phạm hạnh là trọng yếu trong các pháp, cũng như đề-hồ là thượng vị trong các tô lạc.

11 Nguyên tác: Kiến bất khả kiến ,passam na passanti. 12 Uất-đầu-lam-tử ,Uddaka Râmaputta. 13 Nguyên tác: Chánh thuyết ,còn gọi "chnh 111",là lời nói chính xác, hợp lý. 14 Nguyên tác:.Tham chiếu: D. 29: Sabbākārasampannarn sabbākāraparipūrāni anūnamanadhikam svākkhātam, kevalam paripūrarn brahmacariyam suppakāsitan Hét thảy hành động trở nên thành tựu, không thiếu hụt, không quá dư; lời thiện thuyết chỉ đầy đủ khi hiển bày Phạm hạnh, HT. Thích Minh Châu dịch.

748 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta tự thân tác chứng đối với các pháp. Đó là: Bốn niệm xứ, bốn thần túc, bốn chánh cần,15 bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Vậy nên các thầy hãy hòa hợp, chớ có tranh cãi nhau, đã cùng học một thầy thì phải hòa hợp như sữa hòa với nước, ở trong Chánh pháp Như Lai, hãy tự thắp sáng cho mình thì mau chóng được an lạc. Khi được an lạc roi, nêu có vị Tỳ-kheo đang thuyêt pháp mà có người nói rằng: "Những điều vị kia nói văn cú không chính xác, nghĩa lý không đúng Chánh ph"Nghe như vậy rồi, Tỳ-kheo ấy không khẳng định đúng cũng không thừa nhận sai mà hãy nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Chu Hiền! Thế nào? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thầy như vậy, nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của thầy như vậy, vậy bên nào hơn, bên nào kém?,? Nêu Tỳ-kheo kia đáp răng: "Văn cú của tôi như vây, nghĩa lý của tôi như vây, văn cú của thây như vậy, nghĩa lý của thây như vậy, văn cú của thây hơn, nghĩa lý của thây cũng hơn.,, Nếu Tỳ-kheo kia nói như vậy nhưng không khẳng định đúng cũng không thừa nhận sai, nên can gián Tỳ-kheo ấy, nếu trách mắng thì dừng lại rồi cùng nhau suy ngẫm. Cách xử trí như vậy sẽ đưa đến sự hòa hợp và không còn tranh cãi, vì cùng học một thầy như sữa hòa với nước, ở trong Chánh pháp Như Lai, hãy tự mình thắp sáng thì mau chóng được an lạc. Khi đã được an lạc rồi, nếu như có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà trong chúng có Tỳ-kheo nói rằng: "Những điều thầy nói văn cú không đúng nhưng ý nghĩa dúng." Tỳ-kheo nghe như vậy, không khẳng định đúng cũng không thừa nhận sai mà hãy nói với Tỳ-kheo ấy rằng: 'Thưa thầy, điều đó thế nào? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thầy như vậy, thế thì ai đúng, ai sai?” Nếu Tỳ-kheo ấy đáp: "Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thầy như vậy, văn cú của thầy quả thật tối thng." Nếu Tỳ-kheo ấy nói như vậy thì cũng không nên khẳng định đúng cũng không thừa nhận sai mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nếu còn quở trách thì hãy dừng lại rồi cùng nhau suy ngẫm, như vậy sẽ cùng nhau hòa hợp và không còn tranh cãi nữa, vì cùng học một thầy như sữa hòa với nước, ở trong Chánh pháp Như Lai, hãy tự mình thắp sáng thì mau chóng được an lạc. [0074b07] Khi đã được an lạc rồi, nếu như có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà trong chúng có Tỳ-kheo nói rằng: "Những điều thầy nói văn cú đúng nhưng nghĩa thì không đúng.,^ Tỳ-kheo nghe như vậy, không khẳng định đúng cũng không thừa nhận sai mà hãy nói với Tỳ-kheo ấy rằng: "Thưa thầy, điều đó thế nào? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của thầy như vậy, thế thì ai đúng, ai sai?” Nếu người ấy đáp: "Nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của thầy như vậy thì nghĩa lý của thầy là tối thượng." Nếu Tỳ-kheo kia nói như vậy thì cũng không nên khẳng định đúng cũng không thừa nhận sai, nên can gián Tỳ-kheo ấy, nếu còn quở trách thì hãy dừng lại rồi cùng nhau suy ngẫm, như vậy sẽ cùng nhau

15 Nguyên tác: Tứ ý đoạn .

hòa hợp, không còn tranh cãi nữa, vì cùng học một thầy như sữa hòa với nước. ở trong Chánh pháp Như Lai, hãy tự mình thắp sáng thì mau chóng được an lạc. Khi đã được an lạc roi, nêu gặp vị Tỳ-kheo đang thuyêt pháp mà trong chúng có Tỳ-kheo nói răng: "Những điêu thây nói văn cú đúng, nghĩa cũng dúng." Tỳ-kheo nghe như vậy rồi, không

được nói điều đó là sai mà nên khen ngợi Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy nói đúng lắm! Thầy nói đúng m!" Do vậy, này Tỳ-kheo! Đối với mười hai thể loại kinh phải tự mình xác chứng roi đem truyên bá rộng rãi ở đời. Mười hai thê loại kinh là: Quán kinh, Kỳ dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bổn duyên kinh, Thiên bổn kinh, Quảng kinh, Vị tằng hữu kinh, Thí dụ kinh và Đại giáo kinh.16

16 Thập nhị bộ kinh

Nêu ngoại đạo Phạm chí lại hỏi răng: "Thọ hưởng những niêm vui nào mà bi đức Cù-đàm quở trúch?" Nếu như họ hỏi như vậy thì các thày hãy trả lời: "Năm loại dục20 này rất đáng yêu, đáng thích, khiến cho con người phải say đắm. Năm loại dục đó là gì? Mắt thấy sắc, cảm thọ đáng yêu, đáng thích, làm say đắm lòng người; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nem vị, thân xúc chạm, cảm thọ đáng yêu, đáng thích, khiên say đăm lòng người. Này chư Hiên, bởi năm loại dục này làm duyên sanh ra hỷ lạc21 nên Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác quở trách. Cũng như có người cố giết hại chúng sanh và tự xem đó là niềm vui thì trường hợp này sẽ bị Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác quở trách. Lại cũng có người lén lút trộm cướp và tự xem đó là niềm vui thì trường hợp này cũng bị đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người vi phạm Phạm hạnh và tư xem đó là niềm vui thì trường hợp này cũng bị đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người cô ý nói dôi và tự xem đó là niêm vui thì trường hợp này cũng bị đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người buông lung phóng túng và xem đó là niềm vui thì trường hợp này cũng bị Như Lai quở trách. Lại cũng có người thực hành kho hạnh be ngoài, chẳng phải là pháp chánh hạnh22 Như Lai đã dạy và tự xem đó là niềm vui thì trường hợp này cũng bị Như Lai quở trách. Này các Tỳ-kheo, năm loại dục rất đáng chê trách, khiến chúng sanh đắm nhiễm. Những gì là năm? sắc được thấy bởi mắt, đáng yêu, đáng thích, là thứ mà con người đam nhiễm; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nem vi, thân xúc chạm, đáng yêu, đáng thích, là những thứ khiến chúng sanh đắm nhiễm. Đây là những niềm vui dục lạc và Sa-môn Thích tử không có những niềm vui dục lạc này. Ví như có người cô [ý] giêt hại chúng sanh và tự xem đó là niêm vui thì Sa- môn Thích từ không có niềm vui như vậy. Lại cũng có người trộm cướp và tự xem đó là niềm vui thì Sa-môn Thích tử không có niềm vui như vậy. Lại cũng có người vi phạm Phạm hạnh và tự xem đó là niềm vui thì Sa-môn Thích tử không có những niêm vui như vậy. Lại cũng có người [cô ý] nói lời dôi trá và tự xem đó là niềm vui thì Sa-môn Thích tử không có những niềm vui như vậy. Lại cũng có người buông lung phóng túng và tự xem đó là niềm vui thì Sa-môn Thích tử không có những niềm vui như vậy. Lại cũng có người thực hành khổ hạnh bề ngoài và tự xem đó là niềm vui thì Sa-môn Thích tử không có những niềm vui như vậy.

20 Nguyên tác: Ngũ dục công đức ,còn gọi “ngũ dục khiết tịnh,, .Cụm từ này cộ nguyên tác Pali: Pañcakamaguna, nghĩa là 5 loại dục. Do vận dụng nghĩa chưa thích hợp nOn mọt số bản kinh chữ Hán đã dịch thành “ngũ dục công dức".ố đây, guna có nghĩa đầu tiên là "công dức"nhưng cũng mang nghĩa là t4dìủng i":Đơn cử nhự diguna tương đương với “nhi chủng,, .Do vậy, t4ngũ dục công

dúrc"cân được hiêu là 5 loại dục .Ngài An Thế Cao đã sử dụng nghĩa này trong Phật thuyết Lậu phân bô kinh roi. 0057.1. 0852c23. Tương tự, ngài Cưu-ma-la-thập cũng dùng nghĩa này trong Thiên pháp yếu giải 7.15. 0616.1. 0286b17. 21 Hỷ lạc ,thọ thứ 2 trong 5 thọ. Khi năm thức tiếp xúc cảnh không phân biệt mà vui thích thì gọi là Tạc", ý thức phân biệt mà vui thích thì gọi đó là "hy." 22 Chánh hành sammãpatipattĩ'. Hành nghiệp chân chánh.

17. KINH THANH TỊNH 751

. l r t 9• \ CL • À e [0075a05] Nêu ngoại đạo Phạm chí hỏi như vây: "Niêm vui nào được Sa- môn Cù-đàm ca ngọi?" Này các Tỳ-kheo! Nếu ngoại đạo hỏi như vậy thì nên trả lời thế này: "Này chư Hiền! Năm dục rất đáng yêu, đáng thích, khiến cho con người tham đắm. Đó là mắt thấy sắc,... cho đến thân nhận biết xúc chạm, đáng yêu, đáng thích, khiên con người tham đăm. Này chư Hiên, những niêm vui phát sanh do duyên với năm dục thì hãy mau chóng diệt trừ. Như có người lấy sự co ý giết hại chúng sanh đê làm niêm vui thì niêm vui như vậy phải mau chóng diệt trừ. Cũng như có người lấy sự trộm cướp để làm niềm vui thì niềm vui như vậy phải mau chóng diệt trừ. Lại cũng có người lấy sự vi phạm Phạm hạnh đe làm niềm vui thì niềm vui như vậy phải mau chóng diệt trừ. Lại cũng có người lay sự co ý nói dối để làm niềm vui thì niềm vui như vậy phải mau chóng diệt trừ. Lại cũng CÓ người lây sự [buông lung] phóng túng đê làm niêm vui thì niêm vui như vậy phải mau chóng diệt trừ. Lại cũng có người lấy sự thực hành khổ hạnh

ấ5ờ(Q5ờxcộắàấủââ5à5à5àắảớớịảị5ấảảờ(Q5ờxcộắàCấâàãã5ờ(Q5ờxcộắàấịảị5à5à5àắảớâộị(5ủấxắcđC^ỏợàắà

752 KINH TRƯỜNG A-HÀM

. 9t> -K T* Ă ,0 A Này các Hiên giả! Niêm an lạc này có bảy công đức như vậy. Này chư Hiền! Nấu có Tỳ-kheo còn ở nơi địa vị Hữu học mà muốn hướng thượng, mong đến chỗ an ổn nhưng chưa diệt trừ năm triền cái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ. Tỳ-kheo hữu học kia muốn cầu hướng thượng, tìm nơi an ổn nhưng chưa diệt trừ năm triền cái, không nỗ lực tu tập nơi bốn pháp niệm xứ và bảy pháp giác chi mà muốn thành tựu pháp thượng nhân, tăng thượng trí tuệ của bậc Hiên thánh, muôn biêt muốn thấy thì không có trường hợp này. Này chư Hiền! Nấu có Tỳ-kheo Hữu học muốn cầu hướng thượng, tìm chỗ an ổn9 có thể diệt trừ năm triền cái là tham dục, sân hận5 thụy miên, trạo cử và nghi ngờ thì phải nô lực, tinh cân tu tập bôn pháp niệm xứ và như thật tu hành bảy giác chi; nêu vị ây muôn được pháp thượng nhân, tăng thượng trí tuệ Hiên thánh, muốn được biết, được thấy thì trường hợp này có thể xảy ra. Này chư Hiền! Nếu có Tỳ-kheo là bậc A-la-hán đã sạch phiền não, việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, dứt hết các phiền não kiết sử, thành tựu chánh trí giải thoát thì vị ấy không làm chín việc. Những gì là chín? Một là không giết hại; hai là không trộm cắp; ba là không dâm dục; bốn là không nói dối; năm là không bỏ đạo; sáu là không bi dục chi phối; bảy là không bi sân chi phối; tám là không bị sợ hãi chi phối; và chín là không bị

nghi ngờ do dự chi phoi. Này chư Hiền! Đó là chín việc mà bậc A-la-hán đã đoạn sạch phiền não, đã làm xong điều cần làm, đã đặt gánh nặng xuông, đã đạt được mục đích của mình, dứt sạch các phiên não kiêt sử, đạt tới chánh trí giải thoát, xa lìa chín việc. [0075b21] Hoặc có ngoại đạo Phạm chí nói: uSa-môn Thích tử có pháp bất trụ"26 thì nên trả lời với họ rằng: "Chu Hiền! Chớ nói rằng Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Thích tử có pháp thường trụ, không thể lay chuyển. Ví như cổng tường thành vững chắc không xê dịch, Sa-môn Thích tử cũng lại như vậy, pháp của Sa-môn Thích tử thường trụ, không thê lay chuyên.^, Hoặc có ngoại đạo Phạm chí nói như vầy: uSa-môn Cù-đàm biết hết mọi việc trong đời quá khứ nhưng không biết được việc trong đời vị lai.^, Tỳ-kheo kia và Phạm chí ngoại đạo ấy, với trí tuệ khác nhau, trí quán sát cũng khác nhau cho nên nói ra những điêu sai quây. Đôi với những việc thuộc vê quá khứ, Như Lai thấy biết tất cả một cách rõ ràng như thấy ở trước mắt. Đối với những việc 27 Việc trong đời quá khứ vốn hư dối trong đời vị lai, Như Lai phát sanh Đạo trí.26 không thật, không đáng vui thích, không có lợi ích gì nên Phật không ghi nhận. Hoặc việc đời quá khứ tuy có thật nhưng không đáng vui thích, cũng không có

26 Bất trụ pháp atthita dhammā là pháp tương tục không gián đoạn. 27 Nguyên tác: Đạo trí Maggañāna, là một ữong 10 trí của Phật. Theo Đại trí độ luận r.25. 1509.028. 0259b14, chi có điíc Phật mới thanh tựu Đạo trí hàng A-la-hán, Độc Giác chưa thành tựu trí này.

lợi ích thì Phật cũng không ghi nhận. Nếu những việc đời quá khứ có thật, đáng vui thích nhimg không có lợi

suy, trong các Sa-môn, Bà-la-môn đó, không ai băng Ta, huông hô muôn hơn Ta? Các tà kiến như vậy chỉ có lời nói suông, không đáng cùng chúng ta bàn luận,... cho đến vô lượng tưởng là ngã cũng như vậy. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: "Thế giới này tự tạo", hoặc nói: "Thế giới này do cái khác tạo", hoặc nói: "Thế giới này vừa tự tạo, vừa do cái khác t@o", hoặc nói: "Thế giới này chẳng phải tự tạo, chẳng phải do cái khác tạo, nó ngẫu nhiên mà c6." Sa-môn9 Bà-la-mon nào cho rằng: "Thế giới này là tự tạo" thì những Sa- môn, Bà-la-môn ấy đều do nhân duyên là xúc, nếu lìa xúc là nhân mà có thể lập thành thuyết đó thì điều này không thể xảy ra. Vì sao như vậy? Vì do sáu nhập nương tựa nơi thân mà sanh ra xúc, do xúc mà có thọ, do thọ mà có ái5 do ái mà có thủ, do thủ mà có hữu, do hữu mà có sanh, do sanh mà có già-chết-lo-buồn- khổ-não rồi kết thành một khối khổ lớn. Nếu không có sáu nhập thì không có xúc, không có xúc thì không có thọ, không có thọ thì không có ái, không có ái thì không có thủ, không có thủ thì không có hữu, không có hữu nên không có sanh, không sanh thì không có già, chết, lo, buồn, khổ, não rồi kết thành một khối khổ lớn. Hoặc nói rằng: "Thế giới này do cái khác tạo ra", hoặc nói rằng: "Thế giới này vừa tư tạo vừa do cái khác tạo", hoặc nói rằng: "Thế giới này chẳng phải do tự tạo, cũng chẳng phải do cái khác tạo, nó ngẫu

nhiên mà c6", cũng lại như vậy, do xúc mà có, nếu không có xúc thì không có. [0076b05] Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu muốn diệt trừ các luận thuyết tà ác này thì cần phải tu tập ba hành33 nơi bốn pháp niệm xứ. Thế nào là Tỵ-kheo muốn diệt trừ những luận thuyết tà ác thì cần phải tu tập ba hành nơi bôn pháp niệm xứ? Này các Tỳ-kheo! Đó là quán thân trong thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân bên ngoài thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân cả bên trong lẫn bên ngoài, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, diệt trừ tham iru ở đời. Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy. Đó là muốn diệt trừ tất cả những pháp ác bằng cách tu ba hành nơi bốn pháp niệm xứ. Có tám giải thoát. Những gì là tám? Dùng sắc quán sắc là giải thoát thứ nhát; bên trong không có sác tưởng, quán ngoại săc là giải thoát thứ hai; tịnh giải thoát là giải thoát thứ ba; vượt tất cả sắc tưởng, diệt đối ngại tưởng, trú Không vô biên xứ là giải thoát thứ tư; xả Không vô biên xứ, trú Thức vô biên xứ là giải thoát thứ năm; xả Thức vô biên xứ, trú Vô sở hữu xứ là giải thoát thứ sáu; xả Vô sở hữu xứ, trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ là giải thoát thứ bảy và Diệt tận định là giải thoát thứ tám.

33 Nguyên tác: Tam hành ,gồm: thân hành ,kāyasañkhāra, khẩu hành ,vacasañkhāra, ý hanh ,manosañkhāra.

. r • 9 A , M , A

Bây giờ, Tôn giả A-nan đang câm quạt đứng sau quạt hâu Thê Tôn, liên sửa y bày vai phải, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Những pháp này thanh tịnh, vi diệu bậc nhát, nên gọi tên là gì? Và chúng con phải phụng trì như thê nào? Phật bảo A-nan: Kinh này gọi là Thanh Tịnh, thầy hãy thanh tịnh phụng trì như vậy! Lúc ấy, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

18. KINH Tự HOAN HỶ1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại thành Na-lan-đà,2 trong rừng Ba-ba-lợi-am-bà.3 Bây giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phât ở nơi thanh văng tự mình suy nghĩ: “Ta biêt chác chăn răng, đôi với các Sa-môn, Bà-la-môn ở quá khứ, hiện tại và tương lai, xét về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức và đạo lực thì không một ai có thể sánh với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác." Nghĩ xong, Xá-lợi-phất liền từ tịnh thất đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lê sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và bạch răng: -Bạch đức Thế Tôn! Khi con ở tịnh thất đã tự mình suy nghĩ: "Đối với các Sa-môn9 Bà-la-môn ở quá khứ, hiện tại và tương lai, xét về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức và đạo lực thì không một ai có thể sánh với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác.,, [0076c03] Phật bảo Xá-lợi-phất: -Lành thay, lành thay! Thây có thê đứng trước Như Lai mà dám nói lên những lời như thế, với niềm tin xác quyết thì quả thật thầy đã cất lên tiếng rống sư tử! Thầy có thể biết được những suy nghĩ trong tâm của chư Phật quá khứ chăng? Chư Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy và an trú giải thoát như vậy chăng? Xá-lợi-phất

thưa: -Bạch Thế Tôn, con không biết! Thế nào, Xá-lợi-phất! Thầy có tìiể biết những điều được suy nghĩ trong tâm của chư Phật tương lai chăng? Biết đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy và an trú giải thoát như vậy chăng? Bạch Thế Tôn, con không biết! —Thế nào, Xá-lợi-phất! Như Ta hôm nay là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, những gì được suy nghĩ trong tâm, giới như vậy, pháp như vậy,

1 Nguyên tác: Tự hoan hỷ kỉnh Ệ (roi. 0001.18. 0076Ò23). Tham chiếu: Phật thuyết Tín Phật công đức kinh (roi. 0Q18 0255all); Tạp.(T.02. 0099.498. 0130c07); D. 28, Sampasādanīya Sutta (Kỉnh Tự hoan hỷ); s. 47.12 - v. 159. 2 Nguyên tác: Na-nan-đà ()cũng viết là Na-lan-đà (Nālandā), là tên của một thị trấn gần thanh Vương Xá. 3 Ba-ba-lợi-am-bà lâm (,Pãvârikambavana), một khu rừng tại thành Na-lan-đà (NãỊandã).

trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy và an trú giải thoát như vậy, thầy có thể biết được chăng? -Bạch Thế Tôn, con không biết! Phật lại bảo Xá-lợi-phất: - Thầy không thể biết được những ý nghĩ trong tâm của Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, txrơng lai và hiện tại thì tại sao thầy lại suy nghĩ , M Me T\ 1 r y y 1 A một cách xác quyêt như thê? Vì lý do nào mà thây suy nghĩ như vậy với niêm tin xác quyết, cất lên tiếng rống sư tử? Những Sa-môn, Bà-la-môn khác khi nghe thây nói răng: “Ta biêt chác chăn răng, đôi với các Sa-môn, Bà-la-môn ở quá khứ, tương lai và hiện tại, xét về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức và đạo lực thì không một ai có thể sánh với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác", họ sẽ không tin lời thầy. Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con thật sự không biết được suy nghĩ trong tâm của chư Phật ở đời quá khứ, tương lai và hiện tại nhưng con có thể biết rõ pháp tổng tướng4 của Phật. Vì Như Lai đã dạy cho con các pháp cao xa, vi diệu, các pháp đen, pháp trắng, hữu duyên, vô duyên, minh và vô minh. Những điều Ngài dạy rát vi diệu, cao xa. Sau khi nghe, con hiên rõ từng pháp một, đạt đên chô cứu cánh của pháp, tin Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, tin vào pháp của Như Lai được khéo giảng bày, tin chúng đệ tử của Như Lai thành tựu sự diệt khổ; Trong những pháp lành, Tam bảo là tối thượng. Thế Tôn có trí tuệ rộng khắp, thần thông quảng dại, các Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian không ai có thể sánh với Ngài về các năng lực đó thì làm sao có thể vượt hơn Như Lai? Vả lại, pháp mà Như Lai nói, còn có pháp cao hơn nữa, gọi pháp chế.5 Pháp chê là pháp bôn niệm xứ, bôn chánh cân, bôn thân túc, bôn thiên, năm căn, năm lực, bảy giác chi và Thánh đạo tám chi. Đây là những pháp chế vô thượng với trí tuệ rộng kháp, thân thông quảng đại; các Sa-môn, Bà-la-môn ở thê gian không ai có thể sánh với Như Lai về các năng lực đó thì làm sao có thể vượt hơn Như Lai?

4 Tổng tướng pháp .Tương đương Pali của thuật ngữ này là từ dhammanvaya và được giải nghĩa tùy theo từng trường hợp. Trước hết, trong D. 28, HT. Thích Minh Châu dịch tư này là "Truyền thong ve Chánh phap^, hoặc trong M. 89, gọi là "Pháp truyền thống.,, Nghĩa này cũng được xác nhận trong DPPN. Tuy nhiên, trong ẶĨ. 498, từ này

được dịch là "Pháp chi phân tề",.Phân tề ,Hán ngữ đại từ điên giải thích là bày biện phân chia phàm vật hiến cúng liệt vị tổ tong .Trong M. 12, từ dhammanvaya được HT. Thích Minh Châu dịch là "tùy phwp." Trong khi đó, cụm từ này được Tỳ-kheo Bodhi dịch sang tiếng Anh là suy luận từ giáo pháp inferencefrom dhammā. So sánh với kinh liên quan, Kinh TrungA-ham dịch là Pháp tĩnh .Tĩnh ở đây mang nghĩa thẩm sát, suy xét, bằng nghĩa chữ "thẩm".Tương đồng với nghĩa này, Chu giải Kinh Tương ưng bộ SāratthappakāsinT giai thích từ này^mang nghĩa la trí hiện \ượng9paccakkhato ñānassa. Như vậy, 'Tổng tương pháp"ở đây gần VƠI nghĩa là dùng trí tuẹ đe thẩm sát, là trí hiện lượng. 5 Nguyên tác: Chế pháp J Phương pháp, đạo lộ tu tập.

18. KINH Tự HOAN HỶ 759

[0077a03] Lại nữa, pháp mà Như Lai nói, còn có pháp cao hơn nữa, gọi là chế chư nhập.67Chư nhập là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm và ý tiêp nhận pháp trân. Như Lai ở đời quá khứ, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng thiết lập pháp này, gọi là mắt thấy sắc, tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý tiêp nhận pháp trân. Ngay cả Như Lai ở đời tương lai, bậc Chí Chan, Đẳng Chánh Giác cũng thiết lập pháp này, gọi là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tiếp nhận pháp trần. Nay Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng thiêt lập pháp này,

760 KINH TRƯỜNG

18. KINH Tự HOAN HV 761

Ba là, các Sa-môn9 Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập đinh Ý tam- muội. Với tâm định tĩnh ấy, vị ấy loại trừ các thứ bất tịnh ở bên trong và bên ngoài da, cùng xương trắng, chỉ quán tâm thức trụ ở nơi nào? Trụ ở đời này hay đời sau? Đời này không gián đoạn, đời sau không gián đoạn, đời này không giải thoát, đời sau không giải thoát. Đây là kiến định thứ ba. Bốn là, các Sa-môn5 Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập đinh Ý tam- muội. Với tâm định tĩnh ấy, vị ấy loại trừ các thứ bất tịnh ở bên trong và bên ngoài da, cùng xương trắng và tiếp tục quán thức; thức ở đời sau, không ở đời này; đời này gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời này giải thoát, đời sau không giải thoát. Đây là kiến định thứ tư. Năm là, các Sa-môn9 Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập định Ý tam- muội. Với tâm định tĩnh ây, vi ây loại trừ các thứ bát tịnh như ở bên trong và bên ngoài da, cùng xương trăng và tiêp tục quán thức; thức không ở đời này, không ở đời sau, cả hai đều đoạn, cả hai đều giải thoát. Đây là kiến đinh thứ năm. Những pháp này vô thượng, với trí tuệ rộng khắp, thần thông quảng đại; các Sa-môn5 Bà-la-môn ở the gian không có ai có the sánh với Như Lai ve các năng lực đó thì làm sao có thể vượt hơn? [0077c03] Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, còn có pháp cao hơn nữa, đó là chỉ rõ về thường trú luận.17 Thường trú luận nghĩa là: Một là, các Sa-môn5 Bà-là-môn dùng vô số phương tiện nhập định Ý tam- muội. Với tâm định tĩnh ấy, vi ấy nhớ lại hai mươi kiếp thành và kiếp hoại của thế gian, nên nói rằng: "Thế gian này là thường hằng, chỉ có điều này là chân thật, ngoài ra đều giả dối. Vì sao như vậy? Vì do tôi nhớ lại nên mới

biết có kiếp thành, kiếp hoại này. Quá khứ còn lại thì tôi không biết. Kiếp thành, kiếp hoại ở tương lai, tôi cũng không biết.” Nguôi này, do vô trí mà luôn nói rằng: “Thế gian này là thường hằng, chỉ có điều này là chân thật, ngoài ra đều giả d6i." Đây là thường trú luận thứ nhất. Hai là, các Sa-môn, Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập định Ý tam- muội9 với tâm đinh tĩnh ấy, vị ấy nhớ biết được bốn mươi kiếp thành, kiếp hoại nên nói răng: "Thê gian này là thường hăng, chỉ có điêu này là chân thật, ngoài ra đều giả dối. Vì sao như vậy? Vì do tôi nhớ lại nên biết được kiếp thành và kiêp hoại. Tôi còn biêt hơn thê nữa, biêt kiêp thành, kiêp hoại của quá khứ nhưng tôi không biết được kiếp thành, kiếp hoại ở tương lai.” Thuyết này là biết khởi đầu nhưng không biết chung cuộc. Người này do vô trí mà luôn nói rằng: “Thế gian này là thường còn, chỉ có điều này là chân thật, ngoài ra đều giả d6i.” Đây là thường trú luận thứ hai. Ba là, các Sa-môn, Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập định Ý tam- muội. Với tâm định tĩnh ấy, vị ấy nhớ biết được tám mươi kiếp thành, kiếp hoại

17 Nguyên tác: Thường pháp sassatavādo.

nên nói răng: "Thê gian này là thường hăng, chỉ có điêu này là chân thật, ngoài ra đều giả dối. Vì sao như vậy? Vì do tôi nhớ lại nên biết được có kiếp thành, kiếp hoại. Hơn nữa, tôi còn biết tường tận về kiếp thành, kiếp hoại ở đời quá khứ cũng như đời tương lai." Người này do vô trí mà luôn nói rằng: "Thế gian này là thường còn, chỉ có điêu này là chân thật, ngoài ra đêu giả d6i." Đây là thường trú luận thứ ba. Những pháp này vô thượng, với trí tuệ rộng khắp, thần thông quảng đại; các Sa-môn9 Bà-la-môn ở thế gian không có ai có thể sánh với Như Lai về các năng lực đó thì làm sao có thể vượt hơn? Lại nữa, đức Như Lai thuyết pháp, còn có pháp cao hơn, đó là quán sát.18 Quán sát nghĩa là:

18 Quán sát ãdesana vidhā chỉ cho các trường hợp khác nhau về việc đọc được ý nghĩ của người khác. 19 Dĩ tưởng quán sát nimmittena

vậy, CÓ họ như vậy, tuổi thọ như vậy, ăn uống như vậy, khổ vui như vậy. Từ nơi này tái sanh đến nơi kia, từ nơi kia tái sanh đến nơi này, với nhiều tướng trạng khác nhau, tự nhớ được những việc trong vô sô kiêp vê trước, ngày đêm thường nhớ nghĩ những nơi mình đã trải qua; đây là sắc, đây là Vô sắc; đây là Tưởng, đây là Vô tưởng; đây là chẳng phải Vô tưởng, thảy đều nhớ biết một cách rõ ràng. Những pháp này vô thượng, với trí tuệ rộng khắp, thần thông quảng đại; các Sa-môn, Bà-la-môn ở thê gian không có ai có thê sánh với Như Lai vê các năng lực đó thì làm sao có thể vượt hơn? Lại nữa, Như Lai nói pháp còn có pháp cao hơn nữa, đó là Thiên nhãn trí.24 Thiên nhãn trí nghĩa là, các Sa-môn, Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập đinh Ý tam-muội, với tâm định tĩnh ấy, vị ấy quán thấy các chúng sanh, sự chết, Sự sông, săc đẹp, sác xâu, sanh ở cõi lành, cõi ác, hoặc đẹp, hoặc xâu, tùy theo hành nghiệp của họ? thảy đêu thây biêt một cách rõ ràng. Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp thân làm điều ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ điều ác, chê bai Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, sau khi mạng chung

phải đọa vào ba đường ác. Hoặc có chúng sanh, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, không chê bai Hiền thánh, chánh kiến, tín hạnh, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời hoặc sanh vào cõi người. Vị ây dùng măt trời thanh tịnh đê quán sát các chúng sanh, thấy biết một cách như thật. Những pháp này vô thượng, với trí tuệ rộng khắp, thần thông quảng đại; các Sa-môn5 Bà-la-môn ở thế gian không có ai có the sánh với Như Lai ve các năng lực đó thì làm sao có thể vượt hơn? Lại nữa, Như Lai thuyêt pháp, còn có pháp cao hơn nữa, đó là chứng thân thông.25 Chứng thần thông nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn dùng vô số phương tiện nhập định Ý tam-muội. Với tâm định tĩnh ấy, vi ấy vận dụng vô số thần lực, có thể từ một thân biến thành nhiều thân, từ nhiều thân hóa thành một thân, vách đá không trở rngại, có thê ngôi kiêt-già ở giữa r hư không, giông như chim bay, vào ra lòng đát như ở trong nước, đi trên nước như đi trên đát, thân phát ra khói lửa như đống lửa cháy rực, đưa tay chạm đến mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến trời Phạm thiên. Nêu có các Sa-môn, Bà-la-môn nào ngợi khen thân thông đó thì nên bảo họ rằng: "Những thần thông này không phải là không có. Nhưng việc hóa hiện thần thông như vậy là sự thực hành của phàm phu thấp kém, chẳng phải là sự tu tập của bậc Hiền thánh.” Nếu Tỳ-kheo nào đối với các sắc đẹp thế gian yêu thích mà không tham đắm, sau khi xả ly những sắc ấy, làm việc đáng làm, ấy mới xứng gọi là thần thông của bậc Hiền thánh. Đối với các sắc không đáng ưa cũng không ghét, sau khi xả ly những sắc ấy, làm việc đáng làm, ấy

24 Thiên nhãn trí :Trí dùng con mắt trời để quan sát thấy biết mọi sự vật. 25 Thần túc chứng Jddhividhā.

19. KINH ĐẠI HÔI1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo đều là những bậc A-la-hán đã hết sạch phiền não, ngụ trong rưng Ca-duy5 thuộc nước Ca-tỳ- la-vệ.2 Lúc ấy, cũng có nhiều vi thần và chư thiên kỳ diệu trong mười phương đều vân tập về để kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Bây giờ, có bôn vị trời đang ở trên cung điện cõi trời Tịnh Cu, tự suy nghĩ rằng: "Nay đức Thế Tôn đang ở tại nước Ca-tỳ-la-vệ9 trong rừng Ca-duy cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo đều là những bậc A-la-hán, lại có nhiều vi thần và chư thiên kỳ diệu trong mười phương cũng đều vân tập về để kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Hôm nay, chúng ta cũng nên đi đến chỗ đức Thế Tôn, mỗi người sẽ dùng kệ để tán thán đức Như Lai.^, Lúc ấy, bốn vị trời bỗng nhiên biến mất khỏi cõi trời Tinh Cu, trong khoảng thời gian nhanh như vị lực sĩ duỗi cánh tay, đến nước Ca-tỳ-la-vệ rồi hiện ra trong rừng Caduy, nơi Thế Tôn đang ngự. Đen noi, bốn vị trời ở cõi Tịnh Cư cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Sau đó, một vị liền ở trước Phật dùng kệ khen rằng: Nay đại chúng vân tập, Có cả chư thiên thần, Đều vì pháp đến đây, Đảnh lễ chúng Vô thượng. Nói kệ xong, vị trời ấy liền đứng sang một bên. Lại có một vị trời khác dùng kệ tán thán: Tỳ-kheo thấy cấu uế, Chú tâm tự hộ tri, Như biển chứa muôn sông, Người trí hộ các căn. Nói kệ xong, vị trời ấy liền đứng sang một bên. Lại có một vị trời khác dùng kệ tán thán: Trừ gai, lấp hầm ái, San bằng hố vô minh, Riêng dạo cõi thanh tịnh, Như khéo huấn luyện voi.

1 Nguyên tác: Đại hôi kinh (7.01. 0001.19. 0079b01). Tham chiếu: Phật thuyết Đại tam-ma- nha kinh (roi. 0019. 0258al0); Tạp.(TQ2. 0099.1192. 0323al2); Biệt Tạp. (7.02. 0100.105. 0411a24); D. 20, Mahãsamaya Sutta (Kinh Đại hôi); s. 1.37 - L 54.
2 Nguyên tác: Thich-si-de quốc ().Cụm từ này mang nhiều nghĩa. Thứ nhất, theo Phiên dịch danh nghĩa tập (T.54. 2131.3. 1096c28), Thich-si)là viết tắt của chữ Bà-đâu-thích- sí-sưu ()l tên khác của thành Ca-tỳla-vệ ().Thứ hai, Thích-sí là viết tắt của chữ Thích-sí-sưu ()được dịch âm từ chữ Sakyesu của Sanskrit hoặc Sakkesu trong ngôn ngữ Pali, chỉ cho những người thuộc bộ tộc Thích-ca. Tham chiếu bản kinh Pâli tương đương, cho thây nghía hợp lý là đức Phạt đang trú tróng bộ tộc Thích-ca.

Nói kệ xong, vị trời ấy liền đứng sang một bên. Lại có một vi trời khác dùng kệ tán thán: Ai về nương tựa Phật, Sẽ không đọa ác thú, Sau khi bỏ thân người, Thọ thân trời thanh tịnh. Bấy giơ, bốn vị trời ở cõi Tinh Cư nói bài kệ ấy xong, đức Thế Tôn liền ấn khả.3 Họ liền đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi bỗng nhiên biến mất. Họ đi chưa bao lâu, đức Thế Tôn bảo chúng Tỳ-kheo: -Hôm nay, chư thiên đại hội, có nhiêu vị thân và chư thiên kỳ diệu trong mười phương đều đến đây kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Này các Tỳ- kheo! Thuở quá khứ, các đức Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng có chư thiên tập hợp đông đủ như Ta ngày nay. Đời tương lai, các đức Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng có chư thiên tập hợp

3 Ấn khả Chứng minh và thừa nhận. 4 Xá-la thn Sātāgiri. 5 Tỳ-ba-mật ,Vessāmittā.

Lại có thần Kim-tỳ-la6 ngụ tại thành Vương Xá, bên núi Tỳ-phú-la, dẫn vô số quỷ thần đến cung kính vây quanh. Lại có Thiên vương Đề-đầu-lại-tra7 ở phương Đông, thống lãnh các thần càn-đạp-hòa.8 Vị Thiên vương này có oai đức lớn, có chín mươi mốt người con cùng tên Nhân-đà-la,9 đều có thần lực lớn. Lại có Thiên vương Tỳ-lâu-lặc ở phương Nam, thông lãnh các long vương, là bậc đại oai đức, có chín mươi mốt người con cùng tên Nhân-đà-la, đều có thần lực lớn. Lại có Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa ở phương Tây, thống lãnh các quỷ cưu- bàn-trà, là bậc đại oai đức, có chín mươi mốt người con cùng tên Nhân-đà-la, đều có thần lực lớn. Lại có Thiên vương tên Tỳ-sa-môn ở phương Bác, thông lãnh loài quỷ dạ- xoa9 là bậc đại oai dức, có chín mươi môt người con cùng tên là Nhân-đà-la? đều có thần lực lớn. Bôn vị Thiên vương này đêu hộ trì ở thê gian, có oai đức lớn, thân phóng ra ánh sáng rồi cùng đi đên khu rừng Ca-duy. [0080a09] Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn hàng phục tâm không thành thật, hư doi của họ mà lập than chú rằng: "Ma câu lâu la, ma câu lâu la, tỳ lâu la, tỳ lâu la, chiên đà na già ma thế trí, ca ni diên đậu, ni diên đậu5 ba na 16, ô hô nô nô chủ, đề bà tô mộ, ma đầu la chi đa la tư na, càn đạp ba, na la chủ, xà ni sa, thi ha, vô liên đà la, tỳ ba mật đa la thọ trần đà la, na lữ ni ha, đậu phù lâu, thâu chi bà tích ba." Như thê, cho đên các vua càn-thát-bà và la-sát đêu có thân túc, dung mạo, sắc tướng và tên gọi, với tâm hoan hỷ

đi đến khu rừng có chúng Tỳ-kheo. Lúc đó5 đức Thế Tôn lại lập thần chú: "A hê, na đà sắc, na đầu, tỳ xá li, sa ha, đới xoa xà, bà đề đề đầu lại tra, đế bà, sa ha. Nhã lợi da, già tỳ la, nhiếp bà na già, a đà già ma, thiên đê già, y la bà dà, ma ha na già, tỳ ma na già đa, đà già đà du, na già la xà, ba ha sa ha, xoa kỵ đề, bà đề la đe, bà đề la dế, tỳ mai dại tích xúc, tỳ ha tứ bà ninh, a bà bà tứ, chát đa la, tốc hòa ni na, cầu tứ đạ9 a bà do, na già la trừ, a tứ tu bạt la, tát đế no, a già, Phật-đà sái, thất la ninh, bà da, ưu la đau bà diên lâu, tố

6 Kim-tỳ-la ,s. Kumbhīra còn gọi cấm-tỳ-la ,Cung-tỳ-la ,lA một trong 12 vị thần tướng Dược Sư ,chủ thống lãnh các dạ-xoa. 7 Đề-đầu-lại-tra còn gọi Đề-đa-la-trá ,tức Trì Quốc Thiên vương . 8 Càn-đạp-hòa tức càn-thát-bà . 9 Nhân-đà-la ,vị trời vốn có khả năng làm mưa gió sấm sét.

đà, bế ma chất đâu lâu, tu chất đế lệ9 bà la ha lê, vô di liên na bà, xá lê a tế bạt lê, phất đa la na? tát bệ, bệ lâu da na na mê, tát na mê đế, bà lê, tế như, la da bạt đâu lâu, thi ha am bà la mễ, tam ma do y, đà na, bạt đà nhã, tỳ kheo na, tam di thế, nê bạt.” [0080b07] Lại nữa, đức Thế Tôn vì hàng chư thiên mà lập thần chú: "A phù, đề bà, tỳ lê hê be, đề dự, bà do, đa xà nậu, bạt lâu nậu, bạt lâu ni, thế đế tô di, da xá a đầu, di đa la bà, già la na di bà, a lã đề bà, ma thiên thê dự, đà xá đề xá, già du, tát bí, na nan đa la bà bạt na, y địa bàn đại thù địa, bàn na bàn đại, da xá tỳ nậu, mộ đà bà na, a lê kiền đại, tỳ kheo na, bà châu de, bà ni, bệ nô, đề bộ, xá già lợủủịC5ấảấắC5ưấộắưC5xý5đMà5ộấắủ5xV5ạ Cảãã5ờ(Q5ờxcộắộủCịị5à5à5àắ

r r độ trí da sô la xá, ba la bệ đà uất đà bà ha bà sái bà ha bà bà mưu bà ha xa tham phúc xa đại xa pháp xà xa lệ la dà, na la bát di đa đá la càng đạp bà, xa ha bà tát ba đề tô bệ la dư a hê kiền độ, tỳ kheo tam di địa bà ni địa bà ni." [OO81bO3] Lúc đó, lại có một ngàn vi Bà-la-môn chứng ngũ thông cũng được đức Như Lai lập thần chú. Khi ấy, Phạm vương đứng đầu trong thế giới này và các Phạm thiên khác đều có than thông. Trong số đó có một vị Phạm đồng tử tên là Đề-xá? có thần lực lớn. Lại có các Phạm thiên vương khác trong mười phương cùng với quyến thuộc vây quanh mà đến dự. Lại qua khỏi một ngàn thế giới, có Đại Phạm vương thấy đại chúng đang ở chỗ Thế Tôn ngự, liền cùng quyến thuộc vây quanh mà đến dự. Lúc đó, Ma vương thấy đại chúng ở chỗ đức ITiế Tôn ngự liền khởi tâm xấu ác rồi tự suy nghĩ: "Ta sẽ dẫn các loại quỷ thần đến phá hoại những người này, bao vây bắt hết không để sót một ai." Nghĩ xong, Ma vương liền triệu tập bốn binh chủng dùng tay lăn bánh xe, tiếng rền như sấm dậy, những ai trông thấy đều phải khiếp sợ. Sau đó, binh ma phóng ra bão táp, mưa tuôn, sấm chớp vang rền rồi tiến về rừng Ca-duy bao vây đại chúng. Khi đó, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ưa thích hội chúng này: Các thây nên biêt, hôm nay ma quân đên đây với tâm xâu ác. Roi The Ton noi bai kê: Các thầy nên kính thuận, Vững trụ trong pháp Phật, Phải diệt chúng ma này, Như voi phá rừng lau. Chuyên niệm chớ buông lung, Đầy đủ

về tinh giới, Tâm định, tự tư duy, Khéo giữ ý chí mình. Nếu ở trong Chánh pháp, Những ai không buông lung, Thì thoát khỏi gia chết, Dứt hẳn các gốc khổ. Các đệ tử nghe rồi, Phải càng tinh tấn hơn, Vượt khỏi những thứ dục, Mảy lông không lay động. Vì chúng đây tối thắng, Có đại trí tiếng tăm, Đệ tử đều dũng mãnh, Được mọi người tôn kính. Bấy giờ, chư thiên, quỷ thần và tiên nhân chứng ngũ thông đều tập hợp trong rừng Ca-duy, nhìn thấy chúng ma khuấy động, quái di chưa từng có. Khi đức Thế Tôn nói pháp này xong, có tám mươi bốn ngàn chư thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Các vị trời, rồng, quỷ, thần, a-tu-la, ca- lâu-la, chân-đà-la, ma-hầu-la-già, người cùng phi nhân nghe Phật thuyết pháp xong, thảy đều hoan hỷ phụng hành.10

10 Bản Hán, hết quyển 12.

PHẦN III 20. KINH A-MA-TRÚ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo du hóa nước Câu-tát-la123rồi đi dan đến Y-xa-năng-già-la/ thôn ấp của một Bà-la-môn ở Câu-tát-la và nghỉ đêm tại rừng Y-xa. Bấy giờ, có Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la4 đang sống tại thôn úc-già-la.5 Thôn ấy sung túc, dân chúng đông vui. Thôn này được Vua Ba-tư-nặc6 ban riêng cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la để lo phần tế tự Phạm thiên. Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ- đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư,7 lại giỏi ve khoa xem tướng của bậc đại nhân, thành thạo cúng tế lễ nghi, có năm trăm đệ tử, thường được dạy dỗ đầy đủ. Trong số các đệ tử ấy có một thiếu niên Bà-la-môn8 tên A-ma-trú, cũng có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha, tụng đọc thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư và cũng giỏi pháp xem tướng của bậc đại nhân, thành thạo cúng tế lễ nghi. Giống như thầy mình, A-ma-trú cũng có năm trăm đệ tử thiếu niên Bà-la-môn, thường được dạy dỗ đầy đủ. Lúc đó, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la nghe tin có Sa-môn Cù-đàm dòng dõi Thích-ca xuất gia, thành đạo, cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo hiện đã đến Y-xa-năng-già-la, thôn của Bà-la-môn ở Câu-tát-la5 đang nghỉ trong rừng Y-xa. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyên khắp nhân gian, là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa

1 Nguyên tác: A-ma-trủ kinh^ĩặ-r.01. 0001.20. 0082a06. Tham chiếu: Phật khai giải Phạm chỉ A-bạt kinh roi. 0020. 0259c04; D. 3, Ambattha Sutta Kỉnh A-ma-trủ; M. 36, Mahãsaccaka Sutta Đại kinh Saccakà. 2 Câu-tát-la Kosala. Xem chú thích 3, kinh số 7, tr. 623. 3 Y-xa-năng-già-la ,Icchānañkala . 4 Phất-già-la-sa-la Pokkharasāti. 5 ủc-già-la ,Ukkattha. 6 Ba-tư-nặc Pasenadi. Xem chú thích 10, kinh số 5, tr. 604.

7 Nguyên tác: Thư kinh ,kinh sách của các trường phái triết học tôn giáo ở Ấn Độ cổ đại. 8 Nguyên tác: Ma-nạp Mānavaka, thiếu niên Bà-la-môn.

20. KINHA-MA-TRÚ 775

Đức Phật hỏi: Trong lúc cùng nhau đàm luận, Ta ngồi thì ngươi đứng, Ta đứng thì ngươi ngôi. Phép đàm luận của thây ngươi là như vậy chăng? A-ma-trú bạch Phật:

Theo phép đàm luận của Bà-la-môn chúng tôi, nêu ngôi thì cùng ngôi, đứng thì cùng đứng, năm thì cùng năm. Nhưng hôm nay, đôi với các Sa-môn hủy hoại hình hài, chẳng có vợ con, hèn mọn, thấp kém, tu tập theo pháp đen tôi, khi đàm luận với hạng người này thì tôi không cân phải tuân theo phép tăc ngôi hay đứng. Bấy giờ, đức Phật bảo A-ma-trú: A-ma-trú, ngươi là kẻ chưa được dạy dỗ. Khi nghe Thế Tôn gọi mình là "k" và chê trách là "chua được dạy dỗ9\ A-ma-trú liền nổi giận, mắng nhiếc Phật rằng: -Đúng là con nhà họ Thích, luôn ôm lòng đố ky, không có lễ độ. Đức Phật hỏi A-ma-trú: Những người dòng họ Thích đã có lỗi gì với ngươi? A-ma-trú đáp: -Trước đây, VI cong việc cua thay nen toi đen nước Ca-duy-la-viet/ Khi áy, có nhiều người họ Thích do có việc riêng nên tụ tập ở giảng đường. Lúc trông thấy tôi từ xa đến, những người họ Thích đó tỏ vẻ khinh khi, đùa cợt, không theo phép tắc, không biết tôn trọng lẫn nhau. [0082c03] Phật bảo A-ma-tru: Những người dòng họ Thích kia đùa giỡn vui vẻ ở nước của mình, cũng như những con chim tự tại bay ra bay vào trong khu rừng mà nó làm tổ, những người dòng họ Thích vui vẻ đùa giỡn trong nước của họ cũng như vậy. A-ma-tru bạch Phật: ở đời có bốn dòng họ: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá10 và Thủ-đà-la. Ba dòng họ kia thường tôn trọng, cung kính, cúng dường dòng họ Bà-la-môn, còn những người dòng họ Thích kia thì không như vậy. Họ Thích kia là kẻ tôi tớ? hèn mọn, thấp kém mà lại không biết cung kính Bà-la-môn chúng tôi. Bay giơ, The Ton tham nghĩ: Thiêu niên Ba-la-mon nay đã nhiêu lan dung lời mắng nhiếc, khinh miệt và nói đến từ 'tôi tớ\ Nên chăng hôm nay, Ta sẽ nói rõ về nguồn gốc của dòng họ để điều phục?" Nghĩ xong, Phật hỏi: -Này A-ma-trú, ngươi dòng họ gì?

9 Ca-duy-la-việt ,Kapilavatthu. 10 Nguyên tác: Cư si . Xem chú thích 7, kinh số 5, tr. 602.

A-ma-trú đáp: Tôi thuộc dòng họ Thanh Vương. Đức Phật bảo: - Nêu ngươi mang họ đó thì thuộc dòng dõi nô tỳ của dòng họ Thích. Khi ấy, năm trăm đệ tử của A-ma-trú cùng lúc lớn tiếng nói với đức Phật: Chớ nói như vậy. Chớ nói vi thiếu niên Bà-la-môn này thuộc dòng dõi tôi tớ của dòng họ Thích-ca! Vì sao như vậy? Vì đại A-ma-trú đây thật sự là con nhà hào tộc, dung mạo đoan chánh, có tài ứng cơ biện luận, học rộng nghe nhiều, đủ để cùng đàm luận đối đáp với Cù-đàm. Bấy giờ, đức Phật bảo năm trăm thiếu niên Bà-la-môn: -Nêu thây các ngươi không đúng như những lời các ngươi vừa nói thì Ta sẽ không nói chuyện với thầy ngươi mà đàm luận với các ngươi. Ngược lại, nếu thầy các ngươi đúng như những điều các ngươi đã nói thì các ngươi hãy im lặng mà nghe Ta luận bàn với thầy các ngươi. Khi đó, năm trăm thiếu niên Bà-la-môn thưa Phật: Vâng! Chúng tôi sẽ im lặng đê lăng nghe cuộc đàm luận giữa thây tôi với Ngài! Khi năm trăm thiếu niên Bà-la-môn thảy đều im lặng rồi, Thế Tôn bảo A-ma-trú: Ta nhớ quá khứ thuở xưa, có một vi vua tên là Thanh-ma.11 Vua có bốn 12 Người thứ nhất tên Diện Quang, thứ hai tên Tượng Thực, thứ ba người con:11 tên Lộ Chỉ và thứ tư tên Trang Nghiêm. Bốn người con này vì có chút lỗi lầm nên bị vua cha đuổi ra khỏi nước, đày đến phía Nam núi Tuyết, sống trong rừng Trực Thọ. Lúc đó? mẹ của bốn vương tử và những người thân đều thương nhớ họ nên cùng dẫn nhau đến chỗ Vua Thanh-ma,

thưa rằng: "Tâu Đại vương! Ngài biết đó, chúng ta xa cách bốn đứa con đã lâu, nay muôn đi thăm chúng.” Vua nói: "Muốn đi thì tùy y!" Khi nghe nhà vua nói như vậy, người mẹ cùng những người thân liền đến rừng Trực Thọ, phía Nam núi Tuyêt, chô các con ở. Bây giờ, các bà mẹ nói: “Con gái của ta gả cho con trai của ngươi, con gái của ngươi gả cho con trai của ta.” Nói xong, mọi người liền tác hợp chúng thành từng đôi vợ chồng, sau đó họ sanh con trai, dung mạo đoan chánh.

11 Thanh-ma Ý-ma Okkka, thường dịch là Cam-giá vương ,thủy tổ của
dòng họ Thích. 12 Tham chiếu: D. 3, tên của 4 vương tử là Okkâmukha, Karakanda, Hatthinika và Sĩnipura.

[0083a03] Bấy giờ, Vua Thanh-ma nghe bốn đứa con của mình được các bà mẹ tác hợp gả con gái cho chúng thành vợ chồng và đã sinh con trai tuấn tú, nhà vua quá đỗi vui mừng, liền cất tiếng khen: "Bích thực là con dòng họ Thích! Đích thực là đứa trẻ thuộc dòng họ Thích.13 Vì chúng có thể sống tự lập, cho nên đặt tên là Thích. Từ đó, Vua Thanh-ma trở thành tổ tiên dòng họ Thích.^, Vua Thanh-ma có một nữ tỳ tên Phương Diện, dung mạo xinh đẹp, lại tư thông với một Bà-la-môn5 sau đó mang thai rồi hạ sanh một đứa trẻ Bà-la-môn, vừa

13 Nguyên tác: Thử chân Thích tử chân Thích đồng tử .Tham chiếu: D. 3:
Sakyā vata bho kumārā, parama sakyā vata bho kumārā tỉ. Các hoàng tử thật là những Sakyā [cứng như lõi cây sồi], các hoàng tử thật là những Sakyā xuất chúng, HT. Thích Minh Châu dịch. 14 Nguyên tác: Khả úy ,pisāco, trùng tên với quỷ Tỳ-xá-xà
. 15 Mật Tích Lực , Vajirapāni là thần dạ-xoa thường ủng hộ Phậyháp,
còn gọi thần Chấp KimCang m, Mạt Tích Kim Cang ,Kim Cang Lực Sĩ ấm
, Mạt Tích Sĩ , Mạt Tích .

một

Thê nào, A-ma-trú? Nêu một Bà-la-môn bị Bà-la-môn xua đuôi, chạy vào chủng tánh Sát-đế-lợi thì vi ấy có được mời ngồi, được mời nước và đọc tụng pháp điển Sát-đế-lợi không? Đáp: -Không được! Có được hưởng tài sản và chức tước của cha không? Không được! -Nếu một người Sát-lợi bị Sát-lợi xua đuổi sang Bà-la-môn thì người này có được mời ngồi, mời nước, được đọc tụng pháp điển Bà-la-môn và được hưởng phân tài sản và chức tước của cha không? Thưa được! Như vậy, này A-ma-trú! Trong các người nữ, nữ Sát-đế-lợi là hơn hết; trong các người nam, nam Sát-đế-lợi là hơn hết, chứ không phải hàng Bà-la-môn. Thuở đó, Phạm thiên tự làm bài kệ: Sanh Sát-lợi tối thắng, Dòng họ cũng thuần chân, Minh, Hạnh đều đầy đủ, Tối thắng giữa trời, người. Phật bảo A-ma-trú: -Phạm thiên nói bài kệ này, thật là khéo nói chứ không phải không khéo, rất đúng ý Ta. Vì sao như vậy? Vì nay Ta là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói đen ý nghĩa này. Sanh Sát-lợi tối thắng, Dòng họ cũng thuần chân, Minh, Hạnh đều đầy dử, Tối thắng giữa trời, người. [0083c01] A-ma-trú bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Sao gọi là Vô Thượng Sĩ, Minh Hạnh Túc? Phật bảo A-ma-trú: Hãy lắng nghe! Hãy lắng

nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho ngươi. —Thưa vâng, con rất muốn nghe! Đức Phật bảo: Nếu Như Lai

thân tộc roi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y đê xuất gia tu đạo. Như những người xuất gia khác, họ cũng xả bỏ các thứ trang sức, đầy đủ các giới hạnh và không làm hại chúng sanh. Vị ây từ bỏ dao gậy, luôn mang tâm hô thẹn, thương xót tát cả chúng sanh, đó là không giết hại. Từ bỏ tâm trộm cướp, không lấy vật không cho, thường giữ tâm thanh tịnh, không khởi tâm lén lút lấy cắp, đó là không trộm cướp. Từ bỏ tâm dâm dục, tịnh tu Phạm hạnh, siêng năng tu tập, không đắm sắc dục, giữ tâm trong sáng, đó là không dâm dục. Từ bỏ nói dối, nói lời thành thật, không lừa dối, không gạt người, đó là không nói dối. Từ bỏ nói hai chiều, nếu nghe lời người này thì không truyền lại người kia, nếu nghe lời người kia cũng không truyền lại người này, nếu có lời gây chia rẽ thì khéo léo hòa giải, khiến cho mọi người thương kính lẫn nhau. Nếu có nói lời gì thì nói đúng thời, đưa đến hòa thuận, đó là không nói hai chiều. Từ bỏ nói lời thô ác, là những lời nói thô tục ngang ngược, gây xúc não cho người, khiên cho họ sanh tâm tức giận. Từ bỏ những lời nói như vậy, chỉ nói lời hòa nhã, không gây oán hận, hoặc nói những lời có lọi ích, được mọi người tôn trọng, lắng nghe, đó là không nói lời thô ác. Từ bỏ nói lời thêu dệt, chỉ nói đúng thời, nói lời thành thật đúng như pháp, đúng như luật để dập tắt sự tranh cãi; hoặc có duyên sự cần nói mới nói, không nói điều vô ích, đó là không nói lời thêu dệt. Từ bỏ uống rượu, xa lìa những nơi phóng đãng. Không đeo tràng hoa anh lạc; không đi xem và nghe các thứ ca, múa, xướng, hát; không ngôi giường cao rộng lớn; không ăn phi thời; không cất chứa vàng, bạc, bảy báu; không cưới thê thiếp; không nuôi nô tỳ, voi, ngựa, bò, gà, chó, heo, dê; không tạo lập ruộng, nhà, vườn tược; không gạt người bằng cân đong gian dối; không bức ép người; cũng không cho vay lấy lãi; không vu không người; không lừa bịp dôi trá. Từ bỏ những điêu xâu ác, châm dứt việc tranh cãi và các việc bát thiện như vậy; đi luôn đúng lúc, không đúng thời thì không đi; lượng sức mà thọ dụng, không tích chứa dư thừa; y phục chỉ vừa đủ che thân; ca-sa, bình bát luôn mang bên mình, như chim bay luôn mang theo đôi cánh; cũng vậy, Tỳ-kheo không tích chứa dư thừa. [0084a07] Này A-ma-tni! Như các Sa-mon và Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn mong cầu cất chứa những thứ như y phục, thực phẩm mà không biết nhàm đủ. Ai đã vào trong giáo pháp của Ta thì không được làm những việc như thế. Này A-ma-tru! Như các Sa-mon và Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn tự mình kinh doanh buôn bán, gieo trồng cây cối, làm chỗ nương tựa cho quỷ thần. Ai đã vào trong giáo pháp của Ta thì không được làm những việc như the. Này A-ma-tru! Như các Sa-mon và Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn bày mưu tính kế nhằm tìm cầu các thứ lợi dưỡng như ngà voi và

các vật báu khác; giường lớn cao rộng, chăn, nệm vải thêu đủ loại màu sắc. Ai đã vào trong giáo pháp của Ta thì không được làm những việc như thế. Này A-ma-trú! Như các Sa-môn và Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vân bày mưu tính kê

nhăm đê trang sức thân mình, xoa dâu ướp thân, tăm gội băng nước thơm, xoa các thứ bột thơm kháp thân, chải dâu thơm lên đâu, đeo tràng hoa đẹp, măt kẻ xanh đậm, thân đeo vòng vàng, dùng gương soi mặt, maCỉACẹúkíàúhíàxààIāPúáíYàxààI1111111111111111111111111111111ñāxBủà

mất mùa, nhiều bệnh hay ít bệnh, lo sợ hay an ổn; hoặc nói sẽ có động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh tú quái dị; hoặc nói không có các hiện tượng ây, hoặc cho đó là diêm lành, hoặc gọi đó là diêm dữ. Ai đã vào trong giáo pháp của Ta thì không được làm những việc như thế. [0084c09] Này A-ma-trú! Như các Sa-môn và Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn thực hành các pháp chướng ngại đạo, tự nuôi sống bằng nghề tà mạng như nói nước này thắng nước kia, nước kia không bằng; hoặc nói nước kia thắng nước này, nước này không bàng; hoặc xem tướng tốt xấu, đoán việc thịnh suy. Ai đã vào trong giáo pháp của Ta thì không được làm những việc như thế. Trái lại, ai vào trong giáo pháp của Ta thì chỉ chuyên tu Thánh giới, tâm không đắm nhiễm, tronẹ lòng hỷ lạc. Mắt tuy thấy sắc nhưng không dính mắc vào tướng [của sắc], mắt không bi sắc trói buộc, vắng lặng, vững vàng, hoàn toàn không tham đắm, cũng không lo sợ, các pháp ác không còn sanh ra nữa5 kiên trì giới luật, khéo giữ gùi nhãn căn. Các căn như tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng như the. Khéo che ngự sáu xúc5 hộ trì và điều phục chúng, khiến sáu căn đêu được an ôn. Ví như xe bôn ngựa chạy trên đát băng, nêu người đánh xe khéo thì cân phải năm chặt dây cương đê không chê, kh6ng đê chúng đi sai đường. Tỳ-kheo cũng thế, biêt chê ngự con ngựa sáu căn, khiên luôn an ôn. Tỳ-kheo đã có Thánh giới như vậy, thành tựu sự hộ trì các căn theo pháp của bậc Thánh, ăn vừa biết đủ, không tham vi ngon, chỉ cần đủ để nuôi thân, phòng ngừa bệnh hoạn mà không cống cao, biết điều hòa thân mình, làm cho khổ cũ tiêu diệt, khổ mới không phát sanh, thêm khí lực, vô SỊT, khiến thân an lạc. Như người dùng thuốc bôi trị ghẻ là cốt để ghẻ lành chứ không phải để bôi cho đẹp9 cũng không phải để cống cao. Này A-ma-trú! Tỳ-kheo cũng như vậy, ăn vừa đủ nuôi thân, lòng không kiêu mạn, phóng túng. Như xe được bôi mỡ để khiến việc vận hành được êm ái, thông suốt, mau đến đích; Tỳ-kheo cũng thế, ăn vừa đủ nuôi thân với mục đích là để hành đạo. Này A-ma-trú! Tỳ-kheo như vậy thành tựu được Thánh giới, được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ, đầu đêm và cuối đêm siêng năng tỉnh giác. Ban ngày, lúc di, đứng, ngôi, năm thường tự chánh niệm nhát tâm đê trừ các âm cái.20 Vi Tỳ-kheo ấy vào lúc đầu đêm, hoặc đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái; cho đến nửa đêm, nằm nghiêng hông phải, nghĩ đến lúc thức dậy, buộc tưởng nơi ánh sáng,21 tâm không rối loạn; đến cuối đêm liền thức dậy tư

2Am cái chi cho 5 thứ che đậy, gồm: dục tham ,sân khuê ,thụy miên ,trạo h8i và nghi . 21 Hệ tưởng tại

duy, lúc

Sau đó lại nhập Thiền thứ tư, tâm không tăng giảm, cũng không dao động, an tru trên mảnh đất không ái, không sân, không động. Ví như căn nhà kín, trong ngoài được sơn quét, cửa nẻo đều đóng chặt nên không có gió bụi lọt vào, bên trong thắp đèn, không bị gió lay nên ngọn đèn tự nhiên không dao động. Này A-ma-trú! Tỳ-kheo cũng vậy, khi chứng nhập Thiền thứ tư, tâm không tăng giảm, cũng không dao động, an trú trên mảnh đất tâm không ái, không sân, không dao động. Đó là ngay thân hiện tại mà thành tựu an lạc thứ tư. Vì sao vậy? Vì do tinh càn, không biếng nhác, chuyên niệm không quên, thích nơi thanh vắng mà được như vậy. Vị ấy với tâm đinh tĩnh, thanh tịnh, không uế nhiễm, nhu hòa, khéo điều phục, trụ nơi không động, trong thân tự khởi tâm biến hóa, hóa thành thân khác, tay chân đầy đủ, các căn không khuyết. Vị ấy tu tập phép quán: "Sắc thân này từ bôn đại hợp thành, lại biên thành thân kia, thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đều đầy đủ, tay chân không khuyết. Ví như có người rút con dao từ trong túi dao ra, rồi tự suy nghi: "Túi dao khác, con dao khác nhưng con dao lại rút ra từ trong túi dao." Lại như có người se gai làm dây, người ấy tự nghĩ: “Gai khác, dây khác nhirng dây từ gai mà c6." Ví như có người cho rắn bò ra khỏi rương, người ấy tự nghĩ: "Rương khác, rắn khác nhưng rắn từ trong rương bò ra." Lại như có người lấy áo từ trong giỏ tre, người ây tự nghĩ: "Giỏ tre khác, áo khác nhưng áo được lây ra từ giỏ tre.” Này A-ma-trú! Tỳ-kheo cũng thế. Đây là chứng được thắng pháp thứ nhất. Vì sao như vậy? Vì vi ấy siêng năng tu tập, niệm không tán loạn, ưa chỗ thanh vắng nên mới được như vậy. Vị ấy với tâm đinh tinh, thanh tịnh

mọi tối tăm bị tắt lịm do pháp sáng chói đã sanh. Đây là Túc mạng trí minh mà Tỳ-kheo chứng được. Vì sao như vậy? Vì do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa thích một mình ở nơi thanh vắng mà được thành tựu. Vi ấy, với tâm định tĩnh, thanh tinh không uế nhiễm, nhu hòa, khéo điều phục, an trú nơi bất động, nhất tâm tu tập, chứng được Sanh tử trí. Vị ấy, với thiên nhãn thuần tịnh, thấy các chúng sanh chết ở chỗ này sanh đến chỗ kia, rồi chết từ chỗ kia sanh về chỗ này, hình sắc tốt xấu, các quả báo thiện ác, tôn quý, thấp hèn, tùy theo nghiệp tạo tác thế nào mà tương ứng nhân duyên quả báo thế ấy5 thảy đều biết rõ. Chẳng hạn, người này thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, phỉ báng Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, sau khi thân hoại mạng chung, đọa vào ba đường ác. Trái lại, người này thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tin hành theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung thì được sanh vào cõi trời, cõi người. Chính nhờ thiên nhãn thanh tịnh áy nên thấy được nghiệp duyên mà các chúng sanh đã gây tạo, qua lại trong năm đường. Ví như trong thành có mảnh đất rộng lớn bằng phẳng, tại ngã tư đường có xây dựng một tòa lâu đài cao lớn, người có đôi mắt sáng ở trên lầu nhìn xuống, thấy một cách rõ ràng những hành vi cử chỉ của những người từ bôn hướng qua lại. Này A-ma-trú! Tỳ-kheo cũng thê, với tâm định tinh, thanh tịnh không uế nhiễm, nhu hòa, dễ điều phục, an trú nơi bất động, chứng Sanh tử trí, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy biết

tường tận mọi hành vi thiện ác của chúng sanh, cho đến tùy nghiệp thọ sanh, qua lại trong năm đường. Đây là Minh thứ hai mà Tỳ-kheo chứng được, đoạn trừ vô minh, sanh tuệ minh, xóa tan tăm tối, từ đó bừng lên ánh sáng trí tuệ. Đây là Sanh tử trí minh, thấy hết mọi hành nghiệp của chúng sanh. Vì sao như vậy? Vì vị ấy siêng năng tu tập, niệm không tán loạn, ưa thích một mình ở nơi thanh vắng nên mới được như vậy. [0086c03] Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không uế nhiễm, nhu hòa, khéo điều phục, an trú nơi bất động, nhất tâm tu tập, chứng Vô lậu trí. Vị ấy biết đúng như thật về khổ Thánh đế, biết đúng như thật về nguyên nhân sanh ra hữu lậu, biết đúng như thật sự diệt tận hữu lậu, biết đúng như thật về con đường đưa đến sự diệt tận hữu lậu. Vi ấy biết như vậy, thấy như vậy, nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, được trí giải thoát: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Ví như ao nước trong, có cây, đá, cá, ba ba và các loại thủy tộc tung tăng bơi lội, với người có đôi mắt sáng, nhìn thấy sự vật một cách rõ ràng:

vậy. Này A-ma-trú! Đó là Minh và Hạnh vô thượng được đầy đủ. Ý ngươi thế nào? Minh và Hạnh như vậy là đúng hay sai? Phật bảo A-ma-trú: - Có người không chứng đắc đầy đủ Minh và Hạnh vô thượng nhimg họ vẫn thực hành bốn phương tiện.23 Thứ nhất, này A-ma-trú! Có người không thành tựu đầy đủ Minh và Hạnh vô thượng nhưng họ vẫn cầm riu, mang giỏ vào rừng tìm thuốc và ăn rễ cây. Đó là không thê đạt được Minh và Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ nhát. Thế nào? A-ma-trú!

23 Nguyên tác: Phương tiện Cách thức, giải pháp hay là con đường thực hành. 24 Nguyên tác: Trượng toán thuật .Theo Thuyết văn giải tự ,đây là một đoạn cây nhỏ, thường làm bang tre, dài khoang 6 tấc, dùng để đếm số.

Phật bảo A-ma-trú: Ngươi chính là kẻ thấp kém, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, mà lại chê bai, khinh thường Thích tử, tự gieo mầm tội lỗi, nuôi lớn gốc rễ địa ngục. Thứ tư, lại nữa, này A-ma-trú, có người không thành tựu đây đủ Minh và Hạnh vô thượng, không ăn cỏ thuốc, không ăn trái cây rụng, không ăn lá cỏ cây mà xây cất ngôi nhà rộng lớn nơi thôn xóm, thành ấp, hàng ngày thọ dụng những vật thực từ những người khắp nơi qua lại tùy sức cúng dường. Đó là không được Minh và Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ tư. Thế nào? A-ma-trú! Ngươi và thầy các ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: -Thưa không! Ngươi chính là kẻ tháp kém, không biêt đâu là chân, đâu là ngụy, mà lại chê bai, khinh thường Thích tử, tự gieo mầm tội lỗi, nuôi lớn gốc rễ địa ngục. Thế nào? A-ma-trú! Các Bà-la-môn thuở trước và các vi Tiên nhân có nhiều tài nghệ di thuật đã tán thán, ca ngợi những điêu mà mình đã học tập và tụng đọc như các Bà-la-môn ngày nay đọc tụng và xưng tán. Đó là: A-trá-ma, Bàma, Bà- ma-đề-bà, Tỷ-ba-mật-đa? Y-đâu-lại-tat, Da-bà-đề-già, Bà-bà-bà-tất-tra5 Ca-diếp, A-lâu-na,25 Cù-đàm, Thủ-di-bà, Tổn-đà-la; Các đại Tiên, đại Bà-la-môn này có đào hào, xây dựng nhà gác như chỗ của thầy trò ngươi đang ở không? A-ma-trú đáp: -Thưa không! Đức Phật hỏi tiếp: Các đại Tiên ây có xây thành

quách chung quanh nhà cửa chô họ ở, giông như chỗ của thầy trò ngươi đang ở chăng? A-ma-trú đáp: Thưa không! Lại nữa, các vi đại Tiên ây có năm trên giường cao, nệm dày, mên gói mềm mại, giống như thầy trò ngươi đang nằm không? -Thưa không! - Các đại Tiên ấy, có dùng vàng, bạc, chuỗi anh lạc, tràng hoa nhiều màu và mỹ nữ để tự vui thú như thầy trò ngươi chăng? Các đại Tiên ấy, có từng cưỡi xe ngựa xe báu, cầm gậy sắt dẫn đường, lọng trắng che dầu, tay cầm phát báu, chân mang giày báu nhiều màu, lại mặc đồ lụa thuần trắng như trang phục của thầy trò ngươi hiện nay không? Thưa không!

25 A-trá-ma Atthaka, Bà-ma Vāmaka, Bà-ma-đề-bà ,xVāmadeva, Tỷ-ba-mật-đa Vessāmittā, Y-đâu-lại-tất Añgiras, Ea-bà-đề-già , Yamataggi, DabAdêg,Yamataggi, Bà-bà-bà-tât-tra ,Vāsettha, Ca-diếp ,Kassapa, A-lâuna K Bhāradvāja.

r 9r Này A-ma-trú! Ngươd chính là kẻ tháp kém, không biêt đâu là chân ngụy mà lại chê bai, khinh thường Thích tử, tự gieo mầm tội ác, nuôi lớn nhân địa ngục. Thế nào? A-ma-tru! Các đại Tiên và Bà-la-môn kỳ cựu ấy, tán thán, đề cao những gì mà họ vốn đọc tụng, như hôm nay các Bà-la-môn tán thán, đề cao những gì mà họ đọc tụng, như Bà-la-môn A-trá-ma... Nêu truyên những điêu ây đê dạy dô cho người khác, với ước muôn được sinh lên Phạm thiên thì thật không thể nào được. Cũng vậy, này A-ma-trú, như Vua Ba-tư-nặc bàn luận cùng với người khác, hoặc bàn luận với các vua, hoặc với đại than, Bà-la-môn, cư sĩ, khi những người thấp kém nghe được việc đó, họ bèn vào thành Xá-vệ, gặp người, họ liền thuật chuyện Vua Ba-tư-nặc có nói như vầy, như vầy. Thế nào, A-ma-trú! Vua có bàn luận cùng với người thuật chuyện đó không? [0087Ồ09] A-ma-trú đáp: Thưa không! —Này A-ma-trú! Người chuyên truyên tụng lời của vua cho người khác nghe, lẽ nào có thể làm đại thần cho vua, được chăng? A-ma-trú đáp: -Thưa, không thể nào được! Này A-ma-trú, ngày nay các ngươi truyên lời của đại Tiên đời trước, Bà- la-môn kỳ cựu, roi đọc tụng, dạy cho người mà muôn sanh lên Phạm thiên thì thật vô lý. Thế nào, A-ma-trú, các ngươi thọ nhận sự cúng dường của người khác mà có the thực hành theo pháp này chăng? A-ma-trú đáp: -Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Đã nhận sự cúng dường của người thì phải đúng như pháp mà thực hành. -A-ma-trú! Thây ngươi là Bà-la-môn Phât-già-la-sa-la đã nhận một áp do vua ban nhưng khi cùng bàn luận với Vua Ba-tư-nặc, lại nói những lời vô ích mà vua không cần bàn đến, không lấy sự việc chân chánh mà cùng nhau bàn luận, khuyên bảo nhau. Nay ngươi hãy tự mình xem xét lỗi lầm của thầy ngươi và của chính ngươi. Nhưng thôi, tạm gác chuyện này lại và hãy nói mục đích mà ngươi muốn đến đây. A-ma-trú liền ngước mắt lên nhìn thân Như Lai để tìm các tướng tốt. Thấy đủ các tướng, chỉ còn hai tướng không thấy nên lòng sanh nghi ngờ. Bấy giờ, đức Thế Tôn thầm nghĩ: “Thanh niên Bà-la-môn này vì không thấy hai tướng nên mới sanh nghi ngờ y Nghĩ xong, Ngài liền hiện tướng lưỡi rộng dài,26 liếm đến tai, phủ kín mặt. Khi đó, A-ma-trú còn nghi ngờ một tướng nữa.

Ngài liền dùng thần lực hiện tướng mã âm tàng27 riêng cho một mình A-ma-trú nhìn thấy. Sau khi thấy đủ các tướng tốt rồi, không còn nghi ngờ nơi Như Lai nữa, A-ma-trú bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật rồi ra về. Bấy giờ, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la đứng ngoài cửa, từ xa nhìn thấy đệ tử đang về đến, liền đón lại và hỏi: Ngươi đến xem Cù-đàm có thật đủ các tướng tốt không? Công đức thần lực có đúng như lời đồn không? A-ma-trú lập tức bạch thây răng: Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, công đức thần lực quả đúng như lời đồn. Người thầy lại hỏi: Ngươi có bàn luận gì với Sa-môn Cù-đàm không? [0087c01] Con có nói chuyện qua lại với Sa-môn Cù-đàm. Ngươi bàn luận việc gì với Cù-đàm? Khi đó, A-ma-trú thuật lại đầy đủ câu chuyện cùng Phật luận bàn. Nghe xong, người thầy nói: Ta cứ tưởng có một đệ tử thông minh nhưng không ngờ lại để xảy ra cớ sự r như thê, không lâu nữa chúng ta sẽ đọa vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì ngươi muốn hơn đức Cù-đàm nên đã dùng lời lẽ khiếm nhã, khiến cho Ngài không vui, với ta lại càng tệ hơn. Ngươi được coi là đệ tử thông minh mà tạo ra những lôi lâm này thì sẽ khiên ta vào địa ngục sớm. Nói xong, trong cơn bực tức, ông ta liền đạp A-ma-trú ngã xuống đất rồi tự đánh xe đi. Khi A-ma-trú ngã xuống đất, tức thì toàn thân nổi vảy trắng. Bấy giờ, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la ngước nhìn mặt trời rồi thầm nghĩ: "Nay chưa phải lúc để ta đến yết kiến đức Sa-môn Cù-đàm9 vậy phải đợi hôm sau, ta sẽ đên thăm h6i." Sáng hôm sau, Bà-la-môn liền cho trang hoàng xe báu, cùng với năm trăm đệ tử tuần tự trước sau, đi đến rừng Y-xa. Đen nơi, cả đoàn xuống xe, đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên. Ông ngước nhìn thân Như Lai, thây đủ các tướng, chỉ còn thiêu hai tướng. Bà-la-môn liên khởi nghi. Đức Phật biết ý nghĩ của ông, liền hiện tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai và phủ kín mặt. Khi đó, Bà-la-môn còn nghi một tướng nữa, đức Phật biết ý nghĩ của ông, liền dùng thần lực, hiện tướng mã âm tàng khiến cho một mình Phất-già- la-sa-la nhìn thây. Bà-la-môn thây đây đủ ba mươi hai tướng tót của Như Lai, tâm liền khai ngộ, không còn hồ nghi, bèn bạch đức Phật:

27 Nguyên tác: Âmmã tàng ,cũng gọi "mỗi vương ẩn tàng tướng”,“thế phong tàng mật tướng",là nam căn ân kín không lộ, một trong 32 tướng tốt của Phật.

-Nếu lúc đi giữa đường mà gặp Phật và con tạm dừng xe thì mong Ngài biết rằng đó là con đã kính lễ Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì con được vua ban cho thôn này, nêu xuổng xe, con sẽ mát thôn và tiêng xâu đôn kháp. Ông lại bạch Phật: —Nếu con xuống xe, tháo bỏ kiếm, xếp tàn lọng, dẹp cờ phướn, bình nước rửa và giày dép thì mong Ngài biết rằng đó là con đã kính lễ Như Lai. Vì sao như vậy? Vì con được vua ban cho thôn này và vì có năm oai nghi ấy, nếu lễ bái Ngài thì sẽ bị mất thôn và tiếng xấu đồn khắp. Ông lại bạch Phật: -Lúc ở giữa chúng, thấy Phật mà con đứng lên, hoặc sửa áo bày vai phải, tự xưng họ tên thì mong Ngài biết rằng đó là cách con kính lễ Như Lai. Vì sao như vậy? Vì con được vua ban cho thôn này, nêu lê bái Ngài thì sẽ mát thôn này và tiếng xấu đồn khắp. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, cúi xin Ngài chấp nhận con được làm ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, con không sát sanh, không trộm

cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Cúi xin đức Thế Tôn và toàn thể đại chúng nhận lời thỉnh cúng dường bữa cơm trưa của con! Bay giờ, đức The Ton im lặng nhạn lơi. [0088a02] Biết Phật đã nhận lời, Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, nhiêu quanh Phật ba vòng roi lui ra. Vê đên nhà, Bà-la-môn sửa soạn những món ăn, thức uống để cúng dường. Chuẩn bi xong, ông trở lại chỗ đức Phật thưa: "Đã đến gióc' Lúc ấy, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị đi đến nhà Bà-la-môn rồi ngồi vào chỗ đã được soạn sẵn. Thế rồi, Bà-la-môn tự tay bưng dọn thức ăn, đem các món ngon cúng dâng đức Phật và Tăng chúng. Sau khi đức Phật và Tăng chúng thọ trai, đã dọn dẹp bát và lay nước rửa tay xong, Bà-la-môn dùng tay phải nam tay đệ tử A-ma-trú dẫn đến trước đức Thế Tôn, bạch rằng: -Cúi xin đức Như Lai nghe lời sám hôi lôi lâm của A-ma-trú! Cúi xin đức Như Lai nghe lời sám hối lỗi lầm của A-ma-trú! Bà-la-môn thưa ba lần như vậy rồi bạch Phật: —Ví như voi, ngựa tuy được khéo huấn luyện nhưng đôi khi còn có sự lệch lạc nên phải điều phục lại cho đúng. A-ma-trú này cũng vậy, tuy có lỗi lầm nhưng biết hối lỗi, cúi xin Ngài tha thứ cho! Đức Phật bảo Bà-la-môn: Ta mong cho ông được sống lâu, hiện đời được an ổn, cũng mong bệnh vảy trắng của đệ tử ông sẽ được tiêu trừ! r r r Đức Phật nói vừa xong, tức thì bệnh vảy trăng trên người A-ma-trú biên mát.

794 KINH TRƯỜNG A-HÀM

rqpl Á À • 'PJ A [/\ X • Á A J z 1 Ắ ji Á 9 J F 4- A yxl /\ J r-pl Á rp A

Thê roi, Ba-la-mon ngoi xuồng mọt cai ghe tháp ơ trước đức Phật. Thê Tôn liền vì Bà-la-môn thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.28 Ngài giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, chỉ rõ tham dục là ô uế, hữu lậu là tai họa, giải thoát là cao tột, nêu bày sự thanh tịnh. Khi Thế Tôn biết được tâm của Bà-la-môn đã nhu hòa, thanh tịnh, không còn cấu uế, có thể lãnh thọ giáo pháp, như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế khi khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Lúc ấy, ngay trong pháp hội, Bà-la-môn liền xa lìa phiền não, được pháp nhãn thanh tịnh. Cũng như tấm lụa trắng sạch thì rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn r L] ỉ r Phât-già-la-sa-la cũng thê, đã thây pháp đăc pháp, tin chác đạo quả, không theo đạo khác, được vô sở úy, liền bạch đức Phật: -Nay con lần thứ ba xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Ngài chấp nhận con được làm ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến lúc mạng chung, con không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Đông thời con phát tâm cúng dường bảy ngày trai, kính mong đức Thế Tôn cùng đại chúng thương xót, hứa khả cho! Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Thế rồi, Bà-la-môn liền sắm sửa vật phẩm cúng dường lên đức Phật và đại chúng trong bảy ngày. Qua bảy ngày, Thế Tôn lại du hóa trong nhân gian. Phật rời đi chưa bao lâu, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la lâm bệnh rồi qua đời. Hay tin Bà-la-môn này cúng dường Phật bảy ngày vừa xong lại qua đời, các Tỳ- kheo đều suy nghĩ: "Không biết Bà-la-môn này thân hoại mạng chung sẽ sanh về gâu?" Nghĩ xong, các Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Phật xong, ngồi sang một bên rồi bạch Phật rằng: Bà-la-môn kia cúng dường đức Phật trong bảy ngày xong, thân hoại mạng chung sẽ thác sanh vê chôn nào?

Phật bảo các Tỳ-kheo: Người thiện nam29 này đã "ch chứa nhiều điều thiện, đã thực hành theo pháp và thuận theo giáo pháp,3031 không trái pháp hành, đã đoạn trừ năm hạ phàn kiết sử,31 đã vào cảnh giới Niết-bàn ở chốn kia, không còn trò lại cõi đời này nữa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.32

28 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 5ll. 29 Nguyên tác: Tộc tánh tử ,kulaputtā. Xem chú thích I2l, kinh số 2, tr. 564. 30 Nguyên tác: Pháp pháp cụ túc ,dùng như trường hợp Pháp pháp thành tựu . Xem chú thích 13, kinh số 3, tr. 581. 31 Ngũ hạ kiết .Xem chú thích 21, kinh số 2, tr. 524. 32 Bản Hán, hết quyển 13.

21. KINH PHẠM ĐÔNG1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo du hóa nhân gian, đến nước Ma-kiệt-đà12 rồi ngụ tại Trúc Lâm,3 nơi nghỉ dưỡng của vua.4 Lúc đó, có vị Phạm chí5 tên là Thiện Niệm67cùng với đệ tử là Phạm-ma-đạt/ hai thầy trò thường đi theo sau đức Phật. Trong khi Phạm chí Thiện Niệm dùng nhiều cách chê bai đức Phật và chúng Tỳ-kheo thì đệ tử của ông là Phạm-ma- đạt lại dùng nhiều cách tán thán Phật, Pháp và Tăng. Hai thầy trò có tâm niệm khác nhau, mâu thuẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì mỗi người có tập quán sai khác, kiến giải sai khác và sự thân cận cũng sai khác. Lúc ấy, sau khi khất thực về, nhiều vị Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận: Kỳ lạ thay! Kỳ diệu thay! Đức Thế Tôn có thần lực lớn, đầy đủ oai đức, biêt hét mọi tâm hướng của chúng sanh. Như hôm nay, có hai thây trò là Phạm chí Thiện Niệm và Phạm-ma-đạt cùng đi theo sau đức Phật và chúng Tăng. Trong khi Phạm chí Thiện Niệm dùng nhiều cách chê bai Phật, Pháp và Tăng thì đệ tử là Phạm-ma-đạt lại dùng nhiều cách khen ngợi Phật, Pháp

1 Nguyên tác: Phạm động kinh rgi. 0001.21. 0088bl2. Tham chiếu: Phật thuyết Phạm vông lục thập nhỉ kiến kỉnh roi.0021. 0264a20; D. l, Brahmajāla Sutta Kỉnh Phạm vông. Bản Kỉnh Trường A-hàm này có tựa đê là 4tPhạm gông"với nguyên tác Pâli là Brahmajala, có nghĩa là í4cái lươi của Phạm thien?, Phạm võng, sứ khác biệt giữa bản Pali và bản Hán có khả năng phát xuất từ 3 lý do sau. Thư nhất, có thể phát xuât từ loi truyền khau ở hậu tố jãla và cãỉa, tức là Brahrncỳâla nhưng nghe thành Brahmacâla. Thứ hai, có thể dựa vào yếu tố kỳ đặc ở phần cuối của bản kinh: Khi đức Phật thuyết giảng pháp này, đại thiên thế giới 3 lần rung chuyên với 6 cách chấn động. Thứ ba, có thể căn cứ vào mọt trong những tựa đề kinh được chính đức Phật dạy. Đức Phật dạy: '"Này A-nan, kinh này nên gọi là Nghĩa động, Pháp động, Kiên động, Ma động và Phạm đôngy Hai bộ luật quan trọng trong 6 bộ luật hiện lưu, tức là Ngũ phần luật thuộc Hóa Địa bộ và Tứ phẩn luật thuộc Pháp Tạngbộ đều ghi nhận là Phạm động kỉnh % .Xem Di-sa-tắc-bộ-hòa-ê Ngũ phần luật •7.22. 1421.30 0191a20; Tư phần luật r.22. 1428.37. 0833b25. 2 Ma-kiệt quốc Magadhā. Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 517. 3 Bản Hán Tống, Nguyên, Minh ghi: Trúc thôn ,địa danh nằm giữa Rājagaha, thủ phủ của Ma-kiệt-đà và NãỊandâ. 4 Nguyên tác: Tại Vương đường thượng Ambalatthikāyam rặịãrakè. Ambalatthikā là nơi nghỉ mát của vua, cũng gọi vươn Thượng uyển. 5 Phạm

chí Paribbājakā chỉ cho Bà-la-môn sống thanh tịnh, cầu được sanh về cõi Phạm thiên. 6 Thiện Niệm ,Suppiya. 7 Phạm-ma-đạt Brahmadatta. Phật thuyết Phạm võng lục thập nhị kiến kinh roi. 0021. 0264a24 ghi: Phạm-đạt-ma-nạp ,Brahmadattamanava.

và Tăng, vì hai thây trò có tập quán sai khác, kiên giải sai khác và sự thân cận cũng sai khác. Lúc đó, bằng thiên nhĩ thanh tịnh thù thắng hơn người, đức Thế Tôn đang ở trong tinh thát nghe các Tỳ-kheo bàn luận như thê, Ngài rời khỏi tịnh thát đi đến giảng đường rồi ngồi trước đại chúng. Tuy đã biết nhưng Ngài vẫn hỏi: Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp ở đây để bàn luận việc gì? [0088c02] Các Tỳ-kheo

Sa-môn Cù-đàm đã từ bỏ dâm dục, tịnh tu Phạm hạnh, một lòng giữ giới, không hành dâm dục, bổn hạnh trong sạch. Sa-môn Cù-đàm dứt hẳn nghiệp nói dối, nói lời chí thành, nói lời chân thật, không dối gạt người.

Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhtrng vẫn tìm nhiều cách để tự trang sức: Dùng dầu xoa thân, tắm gội nước thơm, xông ướp bột thơm, dùng dầu thơm chải đầu; đeo tràng hoa đẹp, mắt nhuộm sắc xanh, tô diêm mặt mày, đeo bông tai, soi gương trau chuốt; mang dép da quý, mặc áo trắng mịn, che lọng, cầm phất trần làm bằng lông, cờ hiệu trang nghiêm, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn9 Bà-la-môn bày trò tiêu khiển, chơi cờ, đánh bạc, chơi cờ tám đường, mười đường, cho đến trăm ngàn đường, bày nhiều cách chơi để tự thỏa thích, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn9 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng chỉ nói những lời vô ích, làm chướng ngại đạo: Hoặc bàn luận việc vua chúa, binh lính, chiến trận, việc quan lại; bạn bè, xe ngựa ra vào, dạo chơi vườn cảnh; bàn chuyện người nữ, năm ngôi đi đứng; bàn vê y phục, ăn uông, luận vê thân thê; bàn việc xuống biển tìm châu báu, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm việc tà mạng bằng nhiều cách: Dua nịnh và trau chuốt lời nói, hiện tướng chê bai, lấy lợi cầu lợi, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn tranh cãi lẫn nhau, hoặc ở vườn rừng, hoặc ở ao tắm, hoặc ở trong nhà, phân bua phải trái với nhau: "Ta biết kinh, luật, còn ông không biết; ta đi đường chánh, ông đi đường tà, đem trước để sau, lấy sau để trước; ta nhẫn nhục được, ông không nhẫn nhục được; những điều ông nói đều không chính đáng, nếu có nghi ngờ thì nên đến hỏi, ta sẽ trả lời tất c*', còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. [0089bl3] Như các Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vân tìm nhiêu cách làm thông sứ cho vua, cho đại thân của vua, cho Bà-la-môn5 cư sĩ, đi từ nơi này đến nơi kia, từ nơi kia đến nơi này, đem tin chỗ này trao qua chỗ kia, đem tin chỗ kia trao qua chỗ này, hoặc tự làm, hoặc khiến người làm, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như the. Như các

Sa-môn5 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng lại luyện tập quân trận, chiến đấu: Hoặc luyện tập đao gậy, cung tên; luyện tập các loài cầm thú như chọi gà, chó, heo, dê5 voi, ngựa, bò, lạc đà; hoặc so tài nam, nữ; hoặc luyện các thứ tiếng, tiếng thổi, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa; leo cột phướn, leo xuôi, leo ngược; luyện các trò chơi, không trò nào là không luyện, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm việc chướng ngại đạo pháp, nuôi song bang tà mạng, như xem tướng nam, nữ, lành, dữ, tốt, xấu và tướng súc sanh để cầu lợi dưỡng, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như the.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 799

Như các Sa-môn9 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vân làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như cầu khẩn quỷ thân, hoặc đê sai khiên, hoặc đuôi di, dùng các thứ trù yêm, cúng tê, vô sô phép thuật khiên người khiêp sợ; có thê làm cho tụ lại hoặc làm cho tan rã, làm cho khổ, làm cho vui; có thể an thai, trục thai hoặc phù phép khiến người hóa thành lừa, ngựa; có thể khiến người bị điếc, đui, câm, ngọng, hoặc thực hiện các việc kỳ dị như chăp tay bái lạy mặt trời, mặt trăng, làm các khô hạnh đê câu lợi dưỡng, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bang tà mạng: Hoặc trì chú trị bệnh cho người; hoặc tụng chú thuật ác, tụng chú thuật thiện; hoặc làm thuốc thang, châm cứu, chữa trị bệnh tật, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng: Hoặc tụng chú vào nước, lửa, hoặc chú quỷ thần, hoặc chú Sát-lợi, hoặc chú luyện voi, hoặc chú an thai, 11 hoặc bùa chú trấn nhà cửa, hoặc chú giải trừ lửa cháy, chú giải trừ nạn chuột phá hoại; hoặc đọc sách đoán biết việc sống, chết, hoặc đọc các sách giải mộng, xem tướng tay, tướng mặt, hoặc đọc sách thiên văn, hoặc đọc sách nhất thiết âm,* 12 còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như xem thời tiêt5 đoán có mưa hay không mưa, được mùa hay mát mùa, nhiêu bệnh hoặc ít bệnh, kinh sợ hay yên ổn; hoặc nói sẽ có động đất, sao chổi, nguyệt thực, nhật thực, tinh tú thực, hoặc đoán không có những hiện tượng ấy, tùy nơi xuất hiện mà đoán trước việc xảy ra, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Như các Sa-môn9 Bà-la-môn tuy thọ thức ăn của người tín thí nhưng vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, nuôi sống bằng tà mạng, như nói nước này sẽ thang, nước kia sẽ bại5 nước kia sẽ hơn, nước này sẽ thua; xem tướng lành, dữ mà đoán việc hưng suy, còn Sa-môn Cù-đàm không làm những việc như thế. Này các Tỳ-kheo! Đó là những nhân duyên nhỏ nhặt vê việc giữ gìn giới luật mà hàng phàm phu ít học thường dựa vào đó để tán thán Như Lai. [0089cl9] Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Còn có các pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu mà chỉ có bậc đệ tử Hiền thánh mới dùng pháp đó để tán thán Như Lai. Thế nào là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu mà chỉ có bậc đệ tử Hiền thánh mới dùng pháp đó để tán thán Như Lai?

^Nguyên tác: Chi tiết ,pasākha, dịch âm là Bát-la-xa-khư ,chỉ cho thai nhi từ tuần lễ thứ 5 trở đi. 12 Nguyên tác: Nhất thiết âm thư .Xem chú thích 19, kinh số 20, tr. 782.

đó không thêm, không bớt, thường tụ hội, không tan rã. Bởi vậy, tôi biết bản ngã và thê giới thường hăng, chỉ có quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lầm.„ Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bôn kiên này mà cho răng bản ngã và thê giới thường hăng, đêu thuộc vào bôn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy nhớ được bốn mươi kiếp thành và kiếp hoại nên chủ trương rằng: uBản ngã và thế giới thường hằng, chỉ CÓ quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lâm. Vì sao như vậy? Vì chính tôi bằng vô số phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, tôi nhớ được bốn mươi kiếp thành và kiếp hoại, thấy chúng sanh trong đó không thêm, không bớt, thường tụ hội, không tan rã. Bởi vậy, tôi biết bản ngã và thế giới thường hằng, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.^, Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bôn kiên này mà cho răng bản ngã và thê giới thường hăng, đêu thuộc vào bôn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy nhớ được tám mươi kiếp thành và kiếp hoại, nên chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới thường hằng, chỉ có quan điểm này là đúng, ngoài ra đều sai lầm. Vì sao như vậy? Vì chính tôi băng vô sô phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tinh, tôi nhớ được tám mươi kiếp thành và kiếp hoại, thấy chúng sanh trong đó không thêm, không bớt, thường tụ hội, không tan rã. Bởi vậy, tôi biết bản ngã và thê giới thường hăng, chỉ có quan diêm này là đúng, ngoài ra đêu sai lầm.^, Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà cho rằng bản ngã và thế giới thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0090b03] Có những Sa-môn9 Bà-la-môn với trí nhạy bén, giỏi quán sát,20 họ dùng trí nhạy bén ây làm phương tiện quán sát, tức là quán sát chân lý, với những gì đã thây và băng tài biện luận của mình, họ chủ trương răng: "Bản ngã và thế giới thường hằng." Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bon kiếp bon kiến này mà cho rằng bản ngã và the giới thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn này dựa vào bôn kiêp bôn kiên mà chủ trương: "Bản ngã và thế giới thường hang?9 Tất cả những chủ trương như thế đều bao gồm trong bốn luận thuyết: uBản ngã và thế giới thường hằng", trong giới hạn bốn luận thuyết đó, không thể vượt qua.

20 Nguyên tác: Hữu tiệp tật tướng trí thiện năng quán sát ().Tham chiếu: D. 1: Takkī hoti vīmamsī hoti (nhà suy luận, nhà thẩm sat).

Chỉ CÓ Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên.21 Chúng được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biết những điều vượt xa hơn thê, dù biết nhưng không châp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, sự nguy hiêm và con đường xuất ly khỏi thọ,2223 bằng chánh quán mà được giải thoát hoàn toàn nên gọi là Như Lai. Đó gọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng.

21 Nguyên tác: Kiến xứ ditthitthānā\ Chỗ thấy, cách nhìn, lập trường tư tưởng. 22 Nguyên tác: Tri thọ tập, diệt, vị, quá hoạn, xuất yếu .Tham chiếu: D. 1: Vedanānam ca sam

Những chúng sanh ở cõi Phạm thiên kia khi mạng hết và nghiệp hết thì sanh vào thế giới này, dần dần trưởng thành, sau đó lại cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo,. cho đến chứng nhập định Tâm tam-muội. Do tâm định tĩnh, vị ấy tự biết đời trước của mình, liền bảo rằng: "Bậc Đại Phạm thiên kia tự sanh, không do kẻ khác tạo ra, biết hết thảy nghĩa lý kinh thư, tự tại trong một ngàn thế giới, là bậc tôn quý nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha của chúng sanh, thường trụ, bất biến. Vị Phạm thiên ấy tạo ra chúng ta, chúng ta là vô thường biến đổi, không tồn tại lâu. Vậy nên biết rằng bản ngã và thế giới là một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư doi?9 Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương luận thuyết một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0090C15] Hoặc có những chúng sanh ham thích vui đùa, lười biếng, thường lấy vui đùa làm niềm thỏa thích. Do ham vui đùa thỏa thh, thân thể mệt mỏi nên mất chánh niệm. Do mất chánh niệm trong lúc qua đời nên sanh vào cõi nhân gian, dân dân khôn lớn, roi lại cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, vị ấy nhập đinh Tâm tam-muội, nhờ định tâm mà biết được đời trước của mình rồi bảo rằng: "Các chúng sanh kia nhờ tâm không ham vui đùa thỏa thích nên được thường trú, không biến đổi ở cõi ấy; còn ta ham vui đùa thỏa thích nên phải chiu vô thường, biến đổi như thế này. Do vậy ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường hằng, một nửa không thường hằng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương bản ngã và thế giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, đêu thuộc vào bôn luận thuyêt, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Có những chủng sanh vì mãi lo nhìn ngắm nhau mà đánh mất chánh niệm. Do mát chánh niệm trong lúc qua đời nên sanh vào thê giới này, dân dân khôn lớn rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định Tâm tam- muội, nhờ định tâm mà biêt được đời trước roi nghĩ răng: "Các chúng sanh kia nhờ không nhìn ngắm nhau nên không đánh mất chánh niệm, được thường trú không biến đổi, còn chúng ta do nhìn ngắm nhau mà

đánh mất chánh niệm, nên phải chịu vô thường, biến đổi. Do vậy, ta biết rằng bản ngã và thế giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, chỉ điêu này là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn? Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương bản ngã và thế giới một nửa thường hằng và một nửa không thường hằng, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0091a05] Hoặc có những Sa-môn? Bà-la-môn với trí lanh lợi, giỏi quán sát. Họ dùng trí quán sát lanh lợi ây và băng tài trí biện luận của mình nên tuyên bô:

"Bản ngã và thê giới một nửa thường hăng, một nửa không thường hăng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư d§i." Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn; Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa là thường hằng, một nửa không thường hằng", đều thuộc vào bốn luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến mà chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới một nửa thường hằng, một nửa không thường h3ng", tất cả đều bao gồm trong bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ những luận thuyết như trên. Chúng được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biêt những điều vượt xa hơn thê, dù biêt nhưng không châp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, sự nguy hiểm

CÓ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn5 : 9 • L ^2 _ Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên này mà chủ trương răng: "Bản ngã và thế giới là không có giới han^, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0091b06] Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn bằng vô số phương tiện tu tập nên chứng nhập định Tâm tam-muội. Với tâm định tĩnh, vị ấy quan sát thế giới, thấy phương trên có giới hạn, còn bốn phương thì không có giới hạn. Họ bảo rằng: "Thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối. Vì sao như vậy? Vì chính tôi đã dùng nhiều phương tiện để nhập định Tâm tam-muội, nhờ tâm định tĩnh quan sát thấy phương trên có giới hạn, còn bốn phương thì không có giới hạn. Do vậy, tôi biết rằng thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương rằng: “Bản ngã và thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn", đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có những Sa-môn? Bà-la-môn với trí tuệ lanh lợi, giỏi quan sát. Vị ấy dùng trí quán sát lanh lợi và bằng tài trí biện luận của mình, tuyên bố rằng: "Bản ngã và thê giới chăng phải có giới hạn, chăng phải không có giới hạn, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,, Đây là luận thuyết thứ tư. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên này mà chủ trương răng: "Bản ngã và thê giới chăng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều hư d6i", đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn này dựa vào bôn kiêp

bôn kiên mà chủ trương rằng: "Bản ngã và thế giới chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn,\ tất cả đều bao gồm trong bôn luận thuyêt, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ những luận thuyêt như trên. Chúng được năm bắt như vậy? được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Như Lai còn biết những điều vượt xa hơn thế, dù biết nhưng không chấp trước, vì không chấp trước nên được tĩnh lặng. Trong sự tĩnh lặng, Như Lai biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và con đường xuất ly khỏi thọ, bằng chánh quán mà được giải thoát hoàn toàn, nên gọi là Như Lai. Đó ệọi là còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiên thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đang. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến, khi được hỏi khác nhung trả lời khác.29 Những vi ấy, mỗi khi có người hỏi điều này hay điều khác,

29 Nguyên tác: Dị vấn dị đáp ():Hỏi khác đáp khác. Tham chiếu: D. l: Amarāvikkhepikā (nhà ngụy biện, uốn lượn như con lươn).

được hỏi khác nhưng trả lời khác, thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà hỏi và đáp khác nhau, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt như vây, có quan diêm như vầy: “Ta không thấy, không biết thiện ác có quả báo hay không có quả báo? Vì ta không thây cho nên chủ trương răng: 'Thiện ác có báo ứng chăng? Không có báo ứng chăng?9 Thế giới có những Sa-môn, Bà-la-môn học rộng nghe nhiều, thông minh trí tuệ, thường ưa nhàn tinh, biện luận tinh vi, được người đời tôn trọng, có thê dùng trí tuệ phân biệt các quan diêm. Nêu họ hỏi ta các ý nghĩa thâm sâu mà ta không đáp được, vì hổ thẹn, vì sợ họ nên ta phải dựa vào sự trả lời ấy làm nơi nương tựa, làm cơ sở, làm nơi che chở, làm con đường cứu cánh. Nếu người kia hỏi thì ta sẽ đáp rằng: 'Biểu ấy như thế, điều ấy là thực, điều ấy là khác, điều ấy là không khác, điều ấy không phải khác cũng không phải không khác.'” Đây là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0091C12] Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: "'Ta không thấy, không biết có đời khác hay không có đời khác/ Trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng thiên nhãn trí, tha tâm trí, có thể thấy những việc xa xôi. Những việc ấy tuy gần người khác nhưng người khác không thấy. Những người như thế thì có thể biết được có đòd khác hay không có đời khác. Ta không biết, không thấy có đời khác hay không có đời khác. Nếu ta nói thì lời ta là hư dối mà ta thì ghét và sợ hư dối.30 Vì thế để làm nơi nương tựa, làm cơ sở? làm nơi che chở, làm con đường cứu cánh, nếu có người hỏi ta thì ta sẽ đáp rằng: 'Điều ấy như thế, điều ấy là thực, điều ấy là khác, điều ấy là không khác, điều ấy không phải khác cũng không phải không khác.'" Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn, Bà-la-môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Hoặc có những Sa~môn9

Bà-la-môn có luận thuyết ư n

30 Nguyên tác: ố úy vọng ngữ s nồ. Tham chiếu: D. l: Musā vãda bhayā musā vãdaparịịegucchã vì sợ vọng ngữ, kinh tom vọng ngữ. 31 Thọ tức "thủ"upãdãnà, cũng gọi "chấp thủ", là một chi trong 12 chi duyên khởi.

cũng không phải không khác."' Đây là luận thuyết thứ ba. Các Sa-môn, Bà-la- môn do được hỏi khác, lại đáp khác, đều thuộc vào bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không the vượt qua. [0092a02] Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn ngu si tăm tối, khi có người hỏi thì tùy theo người hỏi mà đáp răng: "Điêu ây là như thê, điêu ây là thực, điều ấy là khác, điều

Hoặc CÓ những Sa-môn9 Bà-la-môn với trí tuệ lanh lọi, có khả năng quán sát khéo. Vị ấy, bằng trí tuệ quán sát lanh lợi và tài trí biện luận của mình, tuyên bố như vầy: “Thế giới này từ không mà có, chỉ có đây là thật, ngoài ra đều hư Đây là luận thuyết thứ hai. Các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến này mà chủ trương: “Thế giới này hiện hữu không có nguyên nhan", thuộc vào hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn nào dựa vào bổn kiếp bổn kiến, chủ trương: "Không nhân mà hiện hữu", tất cả bao gồm trong hai luận thuyết trên, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ ngọn nguôn của những luận thuyêt trên, cũng lại như vậy. Có các Sa-môn; Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến rồi tự ý lập thuyết với vô số luận thuyết. Tất cả những luận thuyết ấy đều bao gồm trong mười tám luận thuyết. Trong vô số những luận thuyết dựa vào bôn kiêp bổn kiến do họ tự ý lập nên thì tất cả đều bao gồm trong mười tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0092b07] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn9 Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập thuyết với vô sô luận thuyêt và tát cả những luận thuyết ây đêu bao gôm trong bôn mươi bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua.33 Các Sa-môn9 Bà-la-môn kia do nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập thuyết với vô số luận thuyết và tất cả những luận thuyết ấy đều bao gồm trong bốn mươi bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Có các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Hữu tưởng luận,34 cho rang the giới là có tưởng, tất cả luận thuyết đó bao gom mười sáu luận thuyết. Dựa vào mạt kiếp mạt kiến để chủ trương [Hữu] tưởng luận, cho rằng thế giới là có tưởng, bao gồm mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó vì nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế giới là có tưởng, bao gồm mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Có các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra có tưởng, có sắc, đây là thật, ngoài ra là hư d6i."

33 Bản Hán lặp lại 2 lần, ở đây bỏ bớt một phần. 34 Hữu tưởng luận Saññīvādā.
Luận thuyết cho rằng chúng sanh sau khi chết vẫn có các tác dụng ý thức như: Cam giác, nhận thức, ý chí, tư duy, v.v... Đay là Thường kiến trong 62 loại kiến chấp của ngoại đạo ở Ấn Đọ?

ĐÓ là luận thuyết thứ nhất. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó5 dựa vào mạt kiếp mạt kiến này rồi chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế giới có tưởng, thuộc trong mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đố không thể vượt qua. Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra không sác, có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư

ĐÓ là mười sáu luận thuyết mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hữu tưởng luận, cho rằng thế giới là có tưởng, bao gồm mười sáu luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0092C10] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu. Đó là pháp gì? CÓ các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Vô tưởng luận, cho rằng thế giới là không có tưởng và tất cả những luận thuyết ấy bao gồm trong tám luận thuyết. Dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương VÔ tưởng luận, bao gôm trong tám luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Các Sa-môn9 Bà-la-môn kia do nguyên nhân nào mà dựa vào mạt kiếp mạt kiên roi chủ trương Vô tưởng luận, cho răng thê giới là không có tưởng, bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua? Các Sa-môn9 Bà-la-môn đó có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra có sắc, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.“ Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không có sắc, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối.,^ Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra vừa có sắc vừa không sắc, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d8i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không phải có sắc, cũng r y r không phải không có sác, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối?9 Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra không có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: “Tịt ngã sau đời này, sanh ra vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không phải có giới hạn không phải không có giới hạn, không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối.^, Đó là tám luận thuyết mà các Salmon, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiên roi chủ trương Vô tưởng luận, cho răng thê giới là không có tưởng. Tát cả đều bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0092c27] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho các đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

Hoặc có các Sa-môn5 Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế giới này là không phải có tưởng không phải không có tưởng. Những chủ trương này đều bao gồm trong tám luận thuyết. Chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận rồi dựa vào mạt kiếp mạt kiến cho rằng thế giới không phải có tưởng không phải không có tưởng bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia do nguyên nhân gdựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Phi tưởng phi phi tưởng luận, cho rằng thế giới này là không phải có tưởng không phải không có tưởng và tất cả bao gồm trong tám luận thuyết, trong giới hạn trong đó, không thể vượt qua? Các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt như vây, quan diêm như vây: "Tự ngã sau đời này, sanh ra có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra không có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i.” Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra vừa có sắc vừa không có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối/9 Lại có chủ trương: “Tự ngã sau đời này, sanh ra không phải có sắc không phải khônẹ có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tịt ngã sau đời này, sanh ra có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra không có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." Lại có chủ trương: "Tự ngã sau đời này, sanh ra vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đêu hư d6i." Lại có chủ trương: "Tụ* ngã sau đời này, sanh ra không phải có giới hạn không phải không có giới hạn, không phải có tưởng không phải không có tưởng, đây là thật, ngoài ra đều hư d6i." ĐÓ là tám luận thuyêt mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận, cho răng thê giới này không phải có tưởng không phải không có tưởng, tất cả bao gồm tám luận thuyết này, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0093al9] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho các đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

812 . KINH TRƯỜNG A-HÀM

r .L .L A •

CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi chủ trương Đoạn diệt luận,41 cho rằng chúng sanh bị đoạn diệt hoàn toàn, tất cả bao gồm trong bảy luận thuyết. Dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Đoạn diệt luận, cho rằng chúng sanh bi đoạn diệt hoàn toàn, bao gồm trong bảy luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn đó do nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến roi chủ trương Đoạn diệt luận, cho rang chúng sanh bị đoạn diệt hoàn toàn, bao gom trong bảy luận thuyết, trong giới hạn đó không the vượt qua? CÓ những Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyêt như vây, có quan diêm như vầy: "Bản ngã với xác thân bốn đại, sáu căn là do cha mẹ sanh ra, do bú mớm nuôi dưỡng, được trưởng thành nhờ áo

cơm, nâng niu, bồng ẵm nhưng là vô thường, chắc chắn phải đi đến chỗ hoại diet", cho đến giới hạn ấy, gọi là đoạn diệt. Đây là luận thuyết thứ nhất. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương răng: "Bản ngã này không thê i là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi trời Dục giới42 mới đoạn diệt hoàn toàn, cho n giới hạn ấy, gọi là đoạn diet.” Đây là luận thuyết thứ hai. Hoặc có Sa-môn5 Bà-la-môn có chủ trương: "B6 không phải là đoạn diệt. Bản ngã cõi sắc giới, có thân hóa sanh, các căn đầy đủ, đoạn diệt hoàn toàn không còn gì, cho đến giới hạn ấy, gọi là đoạn diet." Có người chủ trương: "Đó không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, ở Không Vô Biên Xứ mới đoạn diet.” Có người chủ trương: UĐÓ không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, thuộc Thức Vô Biên Xứ mới đoạn diet." Có người chủ trương: "D6 không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, thuộc Vô Sở Hữu Xứ mới đoạn diet." Có người chủ trương: "Đó không phải là đoạn diệt. Cái bản ngã cõi Vô sắc, ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ mới đoạn diet.” Đây là đoạn diệt thứ bảy. Đó là bảy luận thuyết mà các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương các loại chúng sanh bị đoạn diệt hoàn toàn, bao gồm trong r 9

bảy luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biêt rõ ngọn nguôn của những luận thuyêt trên, cũng lại như vậy. [0093010] Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu để cho đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai chân thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

41 Đoạn diệt luận Ucchedavādā'. Chủ nghĩa Hư vô, chủ trương chết là hết. 42 Nguyên tác: Ngã dục giới thiên .Tham chiếu: D. 1: Añño attā dibbo rūpī kāmāvacaro kabalinkārāhārabhakkho Có tự nga khác, thuốc thiên giới, ở Dục giới, có sắc, ăn bằng đoàn thực. Tức chỉ tự ngã của chư thiên thuộc Dục giới.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 813

Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận,43 cho rằng chúng sanh đạt được Niết-bàn trong hiện tại, bao gôm trong năm luận thuyêt. Dựa vào mạt kiêp mạt kiên roi họ chủ trương Hiện tại Niêt-bàn luận, bao gôm trong năm luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia vì nguyên nhân gì mà dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương chúng sanh đạt được Niết-bàn trong hiện tại, bao gồm trong năm luận thuyêt, trong giới hạn đó không thê vượt qua? Các Sa-môn, Bà-la-môn đó có luận thuyết như vầy, quan điểm như vầy: “Nếu trong hiện tại được thỏa mãn năm dục thì ta đạt được Hiện tại Niếtbàn.” Đây là luận thuyết thứ nhất. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn cho răng: "E6 đúng là Hiện tại Niêt-bàn, chứ không phải không đúng nhimg còn có một loại Niết-bàn vi diệu bậc nhất hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, nếu ta lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, đó là Hiện tại Niet-ban?9 Đây là luận thuyết thứ hai. Lại có các Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương rằng: "Đó đúng là Hiện tại Niết- bàn, chứ không phải không đúng nhưng còn có một loại Niết-bàn vi diệu bậc nhất hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tinh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác không quán. Cho đến giới hạn này mới gọi là Hiện tại Niếtban." Đây là luận thuyết thứ ba.

Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương: "D6 đúng là Hiện tại Niết-bàn, chứ không phải không đúng nhưng còn có một loại Niết-bàn vi diệu bậc nhất hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, nếu lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc tru trong xả và có chánh niệm. Cho đến giới hạn này mới gọi là Hiện tại Niết-bàn.,^ Đây là luận thuyết thứ tư. Lại có các Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương: "Đó đúng là Hiện tại Niết-bàn, chứ không phải không đúng nhưng còn có một loại Niêt-bàn vi diệu bậc nhát hơn nữa mà các ông chưa biết, chỉ riêng mình ta biết. Đó là, nếu ta đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an tru Thiên thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh thì đó mới gọi là Niết-bàn bậc nhất.” Đây là luận thuyết thứ năm. Nêu có các Sa-môn? Bà-la-môn nào dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi chủ trương Hiện tại Niêt-bàn luận như thê, đêu bao gôm trong năm luận thuyêt, trong giới hạn đó không thể vượt qua.

43 Nguyên tác: Hiện tại Nê-hoàn luận ,Ditthadhammanibbānavādā.

Chỉ CÓ Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. [0093c09] Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào mạt kiếp mạt kiến rồi tự ý lập M . k 7 Ma,. H thuyết với vô sô luận thuyêt và tát cả những luận thuyêt đó bao gôm trong bôn mươi bốn luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên và mạt kiêp mạt kiên rồi tự ý lập thuyết với vô số luận thuyết. Tất cả những luận thuyết đó đều bao gồm trong sáu mươi hai luận thuyết. Trong vô số những luận thuyết dựa vào bổn kiếp bổn kiến và mạt kiếp mạt kiến do họ tự ý lập nên thì tất cả đều bao gồm trong sáu mươi hai luận thuyết, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Chỉ có Như Lai mới biết rõ ngọn nguồn của những luận thuyết trên, cũng lại như vậy. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bôn kiêp bôn kiên roi chủ trương Thường luận, cho rằng: "Bản ngã và thế giới luôn thường cbn." Các Sa-môn, Bà-la-môn kia ở nơi đó mà phát sanh trí. Nghĩa là, do niềm tin khác biệt, ước muốn khác biệt, học tập khác biệt, thân cận khác biệt, hiểu biết khác biệt, nhận thức khác biệt, thiền định khác biệt, kham nhẫn khác biệt, họ nhân đó mà phát sanh trí. Các vị ấy vì hiện tại mong cầu nên bị chấp thủ,44... cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường tru luận, cho rằng thế giới luôn thường còn. Các vị ây doe rnhân r mà sanh khởie ái, sanh khởi duyên châp thủ .v. r ái roi mà tự mình không hay biêt nên bị vướng măc vào tham ái, bi tham ái chê ngự,... cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến chủ trương Thường trủ luận, cho răng thê giới luôn thường còn. Họ lây xúc làm điêu kiện, nêu lìa điêu kiện xúc này thì chủ trương kia bất thành,... cho đến Hiện tại Niết-bàn cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào bổn kiếp bổn kiến và mạt kiếp mạt kiến, môi người tùy theo nhận thức của mình mà lập thuyêt, tát cả đêu bao gôm trong sáu mươi hai luận thuyêt. Môi người tự ý lập thuyêt, tát cả đêu ở trong đây, trong giới hạn đó không thể vượt qua. Cũng như người đánh cá lành nghê, dùng lưới đánh cá có lô nhỏ,

phủ trùm lên trên cái ao nhỏ thì có thê biêt răng những loài thủy tộc ở trong ao đó đêu bị măc vào trong lưới, không có chô trôn thoát, không thê vượt ra ngoài được. r r 9 \ • L <2 f Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng giông như thê. Họ dựa vào bôn kiêp bôn kiên và

44 Nguyên tác: Thọ (),dùng như "thủ” (,upãdãnà)'. Chấp trước.

21. KINH PHẠM ĐỘNG 815

.M . A M, / q , mạt kiêp mạt kiên với vô sô luận thuyêt khác nhau và tát cả bao gôm trong sáu mươi hai luận thuyết này, trong giới hạn đó không thể vượt qua. [0094a03] Nấu vị Tỳ-kheo đối với sáu xúc, biết rõ như thật sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, sự nguy hiêm và sự xuât ly thì vi Tỳ-kheo đó là người tôi thắng, vượt ra ngoài những kiến giải trên. Như Lai tự biết sanh tử đã chấm dứt nhưng Như Lai sở dĩ hiện thân vì muốn làm phước độ cho trời và người. Nếu Như Lai không hiện thân thì trời và người không có nơi nương tựa. Như cây ta-la bị gãy đọt thì không thể sống lại được, Ta cũng thê, đã đoạn trừ sanh tử roi thì không còn sanh lại nữa. Khi đức Phật thuyết giảng pháp này, đại thiên thế giới ba lần rung chuyển r r 5 A với sáu cách chân động. Bây giờ, Tôn giả A-nan đứng sau đang câm quạt hâu Phật, sửa áo bày vai phải roi quỳ xuông bạch đức Phật răng: Pháp này rất sâu xa, làm sao để gọi tên và làm sao để phụng trì pháp này? Đức Phật dạy: Này A-nan? kinh này nên gọi là Nghĩa động. Pháp động, Kiến động. Ma động và Phạm động. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.45

45 Bản Hán, hết quyển 14.

22. KINH CHỦNG ĐỨC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trủ tại nước Ương-già1 2 cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian roi dừng nghỉ tại thành Chiêm-bà,3 bên hồ Già-già.4 Khi đó, có Bà-la-môn tên là Chủng Đức5 cũng đang ở tại thành Chiêm-bà. Thành này dân chúng rất đông, đời sống an vui, hưng thịnh. Vua Ba-tư-nặc67 ban riêng thành này cho Bà-là-môn Chủng Đức đê lo phân cúng tê Phạm thiên. Vị Bà-la-môn này có cha mẹ từ bảy đời đên nay đêu sông chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà/ phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thế gian không sót quyên nào, lại giỏi vê pháp xem tướng của bậc đại nhân, biêt rõ diêm tốt xấu, thành thạo lễ nghi cúng tế. Đệ tử của ông có năm trăm người, được dạy dỗ đầy

1 Nguyên tác: Chủng Đức kỉnh 7.01. 0001.22. 0094al8. Tham chiếu: D. 4, Sonadanda Sutta Kỉnh Chủng Đức; M. 36, Mahãsaccaka Sutta Đại kinh Saccakà. 2 Ương-già Añgā, một trong 16 quốc gia thời Phật. 3 Chiêm-bà ,Camp,thủ đô của ương-già. 4 Già-già Gaggarā. Xem chú thích 4, kinh số 10, tr. 665. 5 Chủng Đức Sonadanda. 6 Ba-tư-nặc Pasenadi. Xem chú thích 10, kinh số 5, tr. 604.

7 Nguyên tác: Dị học tam b,chỉ cho 3 bộ kinh điển Vệ-đà.

818 KINH TRƯỜNG A-HÀM

-Những người kia đang đi đâu mà nối nhau thành từng đoàn như vậy? Người hầu thưa: Con nghe nói, có Sa-môn Cù-đàm con nhà họ Thích, xuất gia tu hành và đã thành tựu đạo quả, hiện đang từ nước Ương-già du hành khắp nhân gian, đi dần đến thành Chiêm-bà, nghỉ bên hồ Già-già. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyền khắp nhân gian, là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa chư thiên và loài người, Ma và Thiên ma, Sa-môn9 Bà- la-môn5 Ngài tự thân chứng ngộ roi thuyết pháp cho chúng sanh. Pháp ây phân đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tinh. Vì lẽ đó mà các Bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ ở trong thành Chiêm- bà này đã tập hợp lại thành từng đoàn nối nhau đi viếng thăm Sa-môn Cù-đàm! Nghe xong, Bà-la-môn Chủng Đức liền bảo người hầu: Ngươi hãy đến bảo mọi người: "Các người hãy dừng một lát, đợi khi ta đến rồi cùng nhau đến chỗ Sa-môn Cù-dm." Người hầu vâng lệnh liền đến bảo mọi người: Các vị hãy tạm dừng một lát, đợi chủ ta đến rồi cùng nhau đi! Lúc đó, mọi người bảo người hầu: - Ngươi hãy mau trở về thưa với Bà-la-môn: "Nay thật đúng lúc, hãy cùng nhau di!" Người hầu trở về thưa: Mọi người đã dừng lại và nói: "Nay thật đủng lúc, hãy cùng nhau di!" Nghe xong, Bà-la-môn Chủng Đức liền bước xuống lầu, đứng ở giữa cửa. Ngay lúc ấy, có năm trăm Bà-la-môn khác vì có chút việc nên đứng tập hợp trước cổng, nhìn thấy Bà-la-môn Chủng Đức bước ra, mọi người đều chào đón va hỏi: Thưa đại Bà-la-môn! Ngài định đi đâu? Chủng Đức trả lời: Có Sa-môn Cù-đàm con nhà họ Thích, xuất gia tu hành đã thành tựu đạo quả, hiện đang từ nước Ương-già du hành khắp nhân gian, đi dần đến thành Chiêm-bà rồi nghỉ bên hồ Già-già. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyền khắp nhân gian, là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa chư thiên và loài người, Ma và Thiên ma, Sa-mon, Bà-la-môn, Ngài tự thân chứng ngộ rồi thuyết pháp cho chúng sanh. Pháp ấy phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tịnh. Với bậc Chân nhân như thê thì nên đên viêng thăm. Hôm nay, ta muôn đên thăm vi ây. [0094c03] Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn liền thưa Chủng Đức: Ngài chớ đi thăm. Ngài không nên đến đó mà Sa-môn Cù-đàm phải đến đây. Vì sao như vậy? Vì ngài hiện là một đại Bà-la-môn, cha mẹ ngài từ bảy đời

đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bi người khác gièm pha. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Hơn nữa, đại Bà-la-môn đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thế gian không sót quyển nào, lại giỏi về pháp xem tướng của bậc đại nhân, biết rõ điềm tốt xấu, thành thạo lễ nghi cúng tế. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Vả lại, đại Bà-la-môn có tướng mạo đoan chánh, có sắc tướng của Phạm thiên. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa- môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn có giới đức hơn người, thành tựu trí tuệ. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đên đó mà hãy đê Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn nói năng hòa dịu, biện tài đầy đủ, văn và nghĩa rõ ràng. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó

mà hãy để Sa- môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn là đại sư có nhiều đệ tử. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tư tìm đến đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn thường dạy dỗ năm trăm đệ tử Bà-la-môn. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn được học giả bốn phương đến gặp mặt, học hỏi, tham vấn về các phương thuật, nghi thức tế lễ, nệài đều giải đáp đầy đủ. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đen đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đen đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn được Vua Ba-tư-nặc8 và Vua Bình-sa9 cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, đại Bà-la-môn giàu có tiền bạc, kho báu tràn đầy. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đen đó mà hây để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây Lại nữa, đại Bà-la-môn có trí tuệ sáng suốt, nói năng lưu loát, không có sự yếu kém, sợ hãi. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây.

8 Ba-tư-nặc Pasenadi. Xem chú thích 10, kinh số 5, tr. 604. 9 Bình-sa Bimbisāra, Vua cai trị nước Māgadha ở thời Phật. Theo Sn. 72, trước khi thành đạo, giữa đức Phật và Vua Bimbisāra đã có cuộc hội kiên hy hữu. Ngay trong lần gặp này, nhà vua đã phát khởi thiện tam với đức Phật, làm nhân duyên để sau này Vua Bimbisāra hiến cúng tinh xá Trúc Lâm VèỊuvana cho đức Phật và chúng Tăng.

Bấy giờ, Chủng Đức bảo các Bà-la-môn: Đúng thế, đúng the! Như lời các ông vừa nói, ta có đủ các đức tánh ấy, không phải không có. Thế nhưng, các ông hãy nghe ta nói, Sa-môn Cù-đàm CÓ nhiêu công đức nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Sa-môn Cù-đàm có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó5 không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, sanh trưởng trong dòng Sát-đế-lợi. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh ở nhà tôn quý, xuất gia tìm đạo. Ngài đã r /"x thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có các căn thanh tịnh trong sáng, hình thể đầy đủ, sông trong dòng họ chân chánh mà vân xuất gia tu đạo. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sống trong gia đình giàu sang, có thế lực lớn mà vẫn xuất gia hành đạo. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. [0095al2] Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ giới hạnh của bậc Hiền thánh, thành tựu trí tuệ. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đen đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm nói năng khéo léo, nhỏ nhẹ hòa nhã. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là bậc Đạo sư của số đông và có rất nhiều đệ tử. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để

Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm dứt hẳn ái dục, tâm không vọng động, lo sợ đã dứt, không còn hoảng sợ đến sởn gai ốc, hoan hỷ hài hòa, được mọi người khen, khéo nói quả báo của nghiệp, không hủy báng đạo khác. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa kính lễ, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây.

22. KINH CHỦNG ĐỨC 821

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la1011 kính lễ, cúng dường, cũng được Bà-la-môn Thanh Tịnh,11 Bà-la-môn Đa-lợi-già, Bà-la-môn Cứ-xi, thiếu niên Thiỉ-ca, con của Bà-la-môn Đô-gia đến gặp cúng dường. Ngài : r £ 9 đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được hàng đệ tử Thanh văn tôn trọng cung kính cúng dường, cũng được chư thiên và các chúng quỷ thần cung kính, đồng thời các dòng họ Thích, Câu-lợi, Minh-ninh, Bạt-kỳ,12 Mạt-la và Tô-ma thảy đều tôn kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm còn truyền ba quy y và năm giới cho Vua Ba- tư-nặc và Vua Bình-sa. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến d6, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm còn truyên ba quy y và năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la,... Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã lãnh thọ ba quy y và năm giới; chư thiên, dòng họ Thích, Câu-lợi... thảy đều lãnh thọ ba quy y và năm giới. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó? không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đen đây. [0095b08] Lại nữa, khi Sa-môn Cù-đàm du hành thì được mọi người cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến thành quách hay thôn xóm nào thì đều được dân chúng nơi đó cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đến, các loài phi nhân, quỷ thần đều không dám quây nhiêu. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm du hóa đến nơi nào thì dân chúng ở đó đều được thấy ánh sáng và nghe tiếng nhạc cõi trời. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm du hóa đến nơi nào, khi Ngài sắp rời khỏi thì dân chúng nơi ây đêu quyên luyên, khóc lóc đưa tiên. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây.

10 Phất-già-la-sa-la Pokkharasāti. 11 Nguyên tác: Phạm Bà-la-môn . 12
Bạt-kỳ ,Vajjī, một trong 16 nước lớn thời Phật.

822 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia thì cha mẹ khóc lóc, thương nhớ luyến tiếc. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm xuất gia lúc trẻ tuổi, xả bỏ trang sức tót đẹp, voi, ngựa, xe báu, năm dục và ngọc quý. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm lìa bỏ ngôi vị Chuyên Luân Vương, xuất gia học đạo. Nếu Sa-môn ở đời thì sẽ làm vua trong bốn châu thiên hạ, thống lãnh nhân dân, nên chúng ta đều là thần dân của Ngài. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến đó? không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ giáo nghĩa của Phạm thiên,13 có thể thuyết giảng cho người, cũng có thể qua lại bàn luận với Phạm thiên. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đến d6, không thể để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông đạt, không hề khiếp sợ. Ngài đã thành tựu pháp này nên chúng ta phải đên đó, không thê đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm đã đến thành Chiêm-bà và đang ngụ bên hồ Già- già, vì Ngài là khách quý mà ta tôn trọng nên chúng ta phải đích thân đến thăm. [0095c03] Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn thưa với Chủng Đức: Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Công đức của vi ấy tuyệt đến thế sao? Nếu Sa-môn Cù-đàm chỉ thành tựu một trong các công đức ấy thì không thể để Ngài đến chỗ chúng ta, huống gì Ngài đầy đủ mọi công đức! Vậy chúng ta hãy cùng đến thỉnh an Ngài. Chủng Đức nói: Nêu các ông muôn đi, nên biêt đã đúng lúc! Thế rồi, Chủng Đức liền cho sửa soạn cỗ xe báu rồi cùng năm trăm Bà-la- môn9 các trưởng giả và cư sĩ ở thành Chiêm-bà tuần tự trước sau cùng đi đến hồ Già-già. Cách hồ không xa, Chủng Đức thầm nghĩ: “Nấu ta hỏi Sa-môn Cù-đàm điều gì mà không đúng ý Ngài thì e rằng Ngài sẽ trách ta: 'ông nên hỏi như thế này, không nên hỏi như thế kia/ Nếu mọi người nghe những điều này thì họ sẽ cho rằng ta thiếu trí tuệ, làm tổn hại danh tiếng của ta. Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta về nghĩa mà ta trả lời không đúng ý thì Ngài sẽ trách ta: 'Ông

13 Nguyên tác: Phạm pháp Giáo nghĩa của Phạm thiên.

nên trả lời như thê này, không nên trả lời như thê kia.' Mọi người nghe được những điều này thì họ sẽ cho rằng ta thiếu trí tuệ, làm tổn hại danh tiếng của ta. Nếu như ta im lặng ra về thì mọi người sẽ nói: 'Người này không biết gì\ không nên đên chô Cù-dàm, điêu này cũng tôn hại danh tiêng của ta. Nêu Sa- môn Cù-đàm hỏi ta về giáo pháp của Bà-la-môn thì ta sẽ trả lời đầy đủ, đáp ứng theo ý Ngài." Bấy giờ, bên bờ hồ Già-già, Chủng Đức thàm nghĩ như thế rồi, liền xuống xe đi bộ lên phía trước, đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên. Lúc đó, các Bà-la-môn? trưởng giả và cư sĩ ở thành Chiêm-bà, hoặc có người đên lê Phật roi ngôi xuông, có người đên hỏi thăm roi ngôi xuông, có người đến xưng tên rồi ngồi xuống, có người đến chắp tay lễ Phật rồi ngồi xuống, có người im lặng rồi ngồi xuống. Khi mọi người đã ngồi xong, đức Phật biết được ý nghĩ trong tâm của Bà-la-môn Chủng Đức nên bảo rằng: Những điêu ông đã

nghĩ, Ta sẽ khiên cho ông thỏa nguyện. Rồi đức Phật hỏi: Bà-la-môn các ông phải thành tựu bao nhiêu pháp để những gì được nói ra là thành thật, không hư vọng? Bấy giờ, Chủng Đức im lặng, thầm nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Sa-môn Cù- đàm có thần lực lớn mới biết tâm ý của người, đúng như ý ta vừa nghĩ mà hỏi nghĩa này." Thê roi, Bà-la-môn Chủng Đức liên ngôi ngay ngăn, nhìn khắp đại chúng, tươi cười rạng rỡ rồi trả lời Phật: Bà-la-môn chúng tôi thành tựu năm pháp nên lời nói thành thật, không hư vọng. Những gì là năm? Thứ nhát, có cha mẹ từ bảy đời đên nay đêu sông chân chánh, không bi người khác gièm pha. Thứ hai, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà9 phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thê gian không sót quyên nào, giỏi vê pháp xem tướng của bậc đại nhân, biêt rõ diêm tót xâu và thành thạo lê nghi cúng tê. Thứ ba, dung mạo đoan chánh. Thứ tư, giữ giới đầy đủ. Thứ năm, trí tuệ thông đạt. Đó gọi là năm pháp.14 Thưa Cù-đàm! Bà-la-môn thành tựu được năm pháp này thì nói ra điều gì cũng thành thật, không có hư vọng.

14 Xem thêm Anh Vũ kinh 0.0 L 0026.152. 0667c09: Năm cựu pháp của Bà-la-môn, bao gồm: l. Chân đế ;2. Tụng tập ;3. Nhiệt hạnh ;4. Khổ hạnh ;5. Phạm hạnh .

Phật dạy: Lành thay! Chủng Đức! Giả sử có Bà-la-môn nào đối với năm pháp này mà bỏ đi một pháp, chỉ thành tựu bốn pháp, lời nói ra vẫn thành thật, không hư vọng thì vị ấy có được gọi là Bà-la-môn chăng? Chủng Đức bạch Phật: Vâng được, thưa Ngài Cù-đàm! Vì sao như vậy? Vì không cân dựa vào dòng họ. Nếu có Bà-la-môn đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thế gian không sót quyên nào, giỏi vê pháp xem tướng của bậc đại nhân, biêt rõ diêm tót xâu, thành thạo lễ nghi cúng tế; dung mạo đoan chánh; giữ giới đầy đủ và trí tuệ thông đạt. Thành tựu bốn pháp này thì lời nói vẫn thành thật, không hư vọng nên vị này được gọi là Bà-la-môn. Đức Phật bảo Chủng Đức: -Hay thay, hay thay! Nếu trong bốn pháp này lại bỏ đi một pháp, chỉ thành tựu ba pháp, cũng nói lời thành thật, không hư vọng thì vi này có được gọi là Bà-la-môn chăng? Chủng Đức thưa: Thưa được. Vì sao như vậy? Vì cân gì dòng họ? cân gì đọc tụng thông thuộc? Chỉ cân Bà-la-môn có dung mạo đoan chánh, giữ giới đây đủ và trí tuệ thông đạt. Thành tựu ba pháp này thì nói lời thành thật, không hư vọng nên vị này được gọi là Bà-la-môn. Đức Phật bảo: Hay thay, hay thay! Này Chủng Đức! Thế nào? Nếu trong ba pháp này mà bỏ đi một pháp nữa, chỉ thành tựu hai pháp, nói lời thành thật, không hư vọng thì vị này có được gọi là Bà-la-môn chăng? Đáp: - Thưa được! Vì sao như vậy? Vì không can dòng họ, đọc tụng và [dung mạo] đoan chánh làm gì. Khi ây, năm trăm Bà-la-môn đêu đông thanh nói với Chủng Đức: -Tại sao lại bác bỏ ba pháp dòng họ, đọc tụng và [dung mạo] đoan chánh, cho đó là không cần? Lúc đó, đức Thế Tôn liền bảo năm trăm vị Bà-la-môn: Nêu Bà-la-môn Chủng Đức có dung mạo xâu xí, không có dòng dõi, đọc tụng không thông suốt, không có trí tuệ, không có tài biện luận, không khéo đối đáp, không có khả năng nói chuyện cùng Ta thì các ông mới được nói như vậy. Trái lại, nếu Chủng Đức có dung mạo đoan chánh, dòng họ rõ ràng, đọc tụng thông suốt, có trí tuệ

và tài biện luận, hỏi đáp khéo léo, đủ tư cách cùng Ta bàn luận nghĩa lý thì các ông hãy im lặng mà nghe ông ta nói.

22. KINH CHỦNG ĐỨC 825

[0096b02] Bấy giờ, Bà-la-môn Chủng Đức thưa đức Phật: Cúi xin đức Cù-đàm tạm dừng giây lát! Tôi tự biết cách khuyên giải họ! Nói xong, Bà-la-môn Chủng Đức liền bảo năm trăm Bà-la-môn: Các vi nên biết, thiếu niên Ương-già hiện có mặt trong chúng này là cháu của ta, các ông có thây không? Nay toàn thê đại chúng tập hợp nơi đây, chỉ trừ đức Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, ngoài ra không ai sánh bàng thiếu niên này. Nhưng thiếu niên này lại sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vô lễ, dối trá, lường gạt, phóng hỏa đốt người, phá hoại đường sá và làm hạnh xấu xa. Này chư vị Bà-la-môn! Nêu thiếu niên Ương-già này tạo đủ các việc ác như vậy thì việc tụng đọc giỏi giang, dung mạo đoan chánh phỏng có ích gì? Lúc đó, năm trăm Bà-la-môn im lặng không trả lời. Chủng Đức bạch Phật: Nếu giữ giới đầy đủ, trí tuệ thông đạt thì lời nói chắc chắn thành thật, không hư vọng, vị này được gọi là Bà-la-môn. Phật hỏi: Lành thay, lành thay! Thế nào Chủng Đức? Nếu trong hai pháp đó mà bỏ đi một pháp, chỉ thành tựu một pháp thôi thì lời nói có còn thành thật, không hư vọng và vị này có được gọi là Bà-la-môn chăng? Chủng Đức đáp: Không được! Vì sao như vậy? Vì giới hạnh là trí tuệ, trí tuệ là giới hạnh. Có giới hạnh thì có trí tuệ, sau đó lời nói mới thành thật, không có hư dối, tôi gọi đó là Bà-la-môn. Phật dạy: Lành thay, lành thay! Như lời ông nói. Có giới hạnh thì có trí tuệ, có trí tuệ thì có giới hạnh. Giới hạnh làm trí tuệ trong sạch và trí tuệ làm giới hạnh trong sạch. Này Chủng Đức! Như người rửa tay thì tay trái và tay phải cùng tương hỗ cho nhau, tay trái làm sạch tay phải và tay phải làm sạch tay trái. Việc này cũng vậy, có trí tuệ thì có giới hạnh, có giới hạnh thì có trí tuệ. Giới hạnh làm trí tuệ trong sạch và trí tuệ làm giới hạnh trong sạch. Này Bà-la-môn! Người có đủ giới hạnh và trí tuệ thì Ta gọi là Tỳ-kheo. Lúc ấy, Chủng Đức bạch Phật: -Thế nào gọi là giới hạnh? Đức Phật dạy: Lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông! Thưa vâng, con vui lòng muôn được nghe! Bấy giờ, Thế Tôn dạy Bà-la-môn rằng: -Đấng Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc? Thiện The, Thế Gian Giải, Vo Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu,

826 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, ở giữa chư thiên, nhân loại, Sa-môn và Bà-la- r môn, tự thân tu tập và đã chứng ngộ, thuyêt pháp cho chúng sanh, những pháp nói ra dù phần đầu, ở giữa hay sau cuối đều là lời chân chánh, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tinh. Nếu trưởng giả hoặc con của trưởng giả khi nghe được pháp này thì niềm tin được thanh tinh, khi niềm tin thanh tịnh rồi thì nên quán sát như vầy: uĐời sống tại gia thật khó khăn, như gông cùm xiềng xích, nếu muốn tu Phạm hạnh thì cũng không được tự tại. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y đê xuất gia tu dạo." Không bao lâu sau, vi ấy lìa bỏ gia sản, nhà cửa, thân tộc, mặc ba pháp y, lìa trang sức đẹp, đọc tụng tỳ-ni, đầy đủ giới luật, buông bỏ sát sanh,... cho đên tâm, pháp, Thiên thứ tư, đạt được an lạc ngay trong hiện tại. Vì sao như vậy? Vì vị ấy siêng năng tu tập, chuyên niệm không quên, ưa thích một mình ở nơi yên vắng. Này Bà-la-môn! Đây là người đầy

đủ giới hạnh. [0096c07] Chủng Đức lại hỏi: -Thế nào là trí tuệ? Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo dùng định tâm thanh tịnh không uế nhiễm, điều phục nhu nhuyến, trụ nơi không động... cho đến chứng đắc Tam minh,15 loại bỏ vô minh, phát sanh ánh sáng trí tuệ, xóa tan u ám, từ đó bừng lên ánh sáng của đại pháp rồi phát sanh trí tuệ vô lậu. Vì sao như vậy? Vì vị ấy siêng năng tu tập, chuyên niệm không quên, ưa thích một mình ở nơi thanh vang. Này Bà-la-môn! Đây là người đây đủ trí tuệ. Lúc ấy, Bà-la-môn Chủng Đức bạch đức Phật: Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Thánh chúng, cúi mong Ngài nhận con làm iru-bà-tăc trong Chánh pháp. Từ nay trở vê sau, con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uông rượu. Khi Bà-la-môn Chủng Đức nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

15 Tam minh ,Tivijja'. Ba minh, gồm: Túc mạng minh ,Thiên nhãn minh và Lậu tận minh

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐÀU1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la1 2 rồi nghỉ đêm trong rừng Thi-xá-bà, nằm ở phía Bắc của thôn Bà-la-môn Khư-nậu-bà-đề,3 thuộc nước Câu-tát-la. Khi đó, có Bà-la-môn tên Cứu-la-đàn-đâu cũng đang sông trong thôn Khư- nậu-bà-đề. Thôn này an vui, dân chúng sung túc, có đủ hồ tắm, vườn cảnh, cây cối mát mẻ. Vua Ba-tư-nặc4 ban riêng thôn này cho Bà-là-môn Cứu-la-đàn-đầu để lo phần cúng tế Phạm thiên. Vị Bà-la-môn này có cha mẹ từ bảy đời đên nay đêu sông chân chánh, chưa bao giờ bi người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà,5 phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở the gian không sót quyển nào, lại giỏi về khoa xem tướng của bậc đại nhân, biết rõ điềm tót xâu, thành thạo lê nghi cúng tê. Ong có năm trăm đệ tử, thường được dạy dỗ5 chưa từng bỏ phe. Bấy giờ, Bà-la-môn muốn thiết lễ cúng tế lớn6 nên chuẩn bị năm trăm con bò đực, năm trăm con bò cái, năm ưăm nghé đực, năm trăm nghé cái, năm trăm dê đực và năm trăm con dê thiến để dâng cúng lễ. Lúc đó, các Bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ trong thôn Khư-nậu-bà-đề nghe tin có Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích xuất gia, thành tựu đạo quả, đang từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đi dân đên phía Bác thôn Khư-nậu-bà-đê, sau đó nghỉ đêm tại rừng Thi-xá-bà. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyền khắp nhân gian, là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa chư thiên và loài người, Ma và Thiên ma, Sa-môn và Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ roi thuyêt pháp cho chúng sanh. Pháp ây phân đâu, phân giữa và phần cuối đều thiện, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tinh. "Bậc Chân

1 Nguyên tảc: Cửu-ỉa-đàn-đầu kinh T.Ol. 0001.23.0096c 16. Tham chiếu: D. 5, Kūtadanta Sutta Kỉnh Cứu-ỉa-đàn-đầu. 2 Câu-tát-la ,Kosala. Xem chú thích 3, kinh số 7, tr. 623. 3 Khư-nậu-bà-đề ,Khānumata. 4 Ba-tư-nặc Pasenadi. Xem chú thích 10, kinh số 5, tr. 604. 5 Nguyên tác: Dị điển tam b,chỉ cho 3 bộ kinh điển Vệ-đà. 6 Nguyên tác: Đại tự ,mahāyañño'. Cúng tế lớn.

nhân như vậy nên đến thăm viếng. Hôm nay, chúng ta nên cùng đến để gặp Ngài." Nói xong, họ liền dẫn nhau đến thôn Khư-nậu-bà-đề? rồi từng nhóm nối nhau đi, mong đến chỗ đức Phật. [0097a09] Bấy giờ, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu ngồi trên lầu cao, từ xa trông thấy mọi người từng đoàn kéo nhau đi, ông liền hỏi người hầu: -Những người kia đang đi đâu mà nối nhau thành từng đoàn như vậy? Người hầu thưa: Con nghe nói, có Sa-môn Cù-đàm con nhà họ Thích, xuất gia tu hành và đã thành tựu đạo quả, hiện đang từ nước Câu-tát-la đen phía Bắc thôn Khư-nậu- bà-đề, sau đó nghỉ đêm tại rừng Thi-xá-bà. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyền khắp nhân gian, là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa chư thiên, loài người, Ma, Thiên ma, Sa-môn và Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ rồi thuyết pháp cho chúng sanh. Pháp ấy phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tịnh. Vì lẽ đó mà các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ ở trong thành này tập hợp lại từng đoàn nối nhau đi viếng thăm Sa-môn Cù-đàm! Nghe xong, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu liên bảo người hâu: Ngươi hãy mau truyên lời của ta đên với những người kia răng: "Các ông hãy dừng lại một lát, đợi khi ta đến rồi cùng đi đến chỗ Sa-môn Ch-dàm." Người hầu vâng lệnh liền đến bảo mọi người: -Các vi hãy tạm dừng một lát, đợi chủ ta đến rồi cùng nhau đi! Lúc đó, mọi người bảo người hầu: Ngươi hãy mau trở vê thưa với Bà-la-môn: "Nay thật đúng lúc, hãy cùng nhau di!" Người hầu trở về thưa: Mọi người đã dừng lại và nói: “Nay thật đúng lúc, hãy cùng nhau di!" Nghe xong, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu liền bước xuống lầu, đứng ở giữa cửa. Khi đó, có năm trăm Bà-la-môn khác đến giúp Bà-la-môn bày biện đại tế lễ, nhìn thấy Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu bước ra, mọi người đều chào đón và hỏi: Thưa đại Bà-la-môn! Ngài định đi đâu? Đáp: Nghe nói có Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia tu hành, đã thành tựu đạo quả, hiện đang từ nước Câu-tát-la, du hành khắp nhân gian, đi dần đến rừng Thi-xá-bà, ở phía Bắc thôn Khư-nậu-bà-đề. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyen khắp nhân gian, là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa chư thiên, loài ngươd, Ma, Thiên ma, Sa-môn và Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ rồi thuyết pháp cho chúng sanh. Pháp đó phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, đầy đủ cả nghía và văn, Phạm hạnh thanh tinh. Với bậc Chân nhân như thế thì nên đến viêng thăm.

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐÀU 829

Này các Bà-la~môn! Ta còn nghe đức Cù-đàm biết được ba cách tế tự78và mười sáu vật phàm dùng đê cúng tê, điêu mà một bậc có sự hiên biêt thông thái9 như ta còn có chỗ chưa biết. Nay ta muốn tổ chức đàn cúng tế long trọng, bò5 dê đã chuẩn bi đầy đủ. Ta muốn đến chỗ đức Cù-đàm để hỏi về ba cách tế lê và mười sáu vật phàm dùng đê cúng tê. Nêu chúng ta có được cách thức tê lê này thì sẽ được công đức trọn vẹn, danh tiêng đôn xa. [0097b09] Lúc đó, năm trăm Bà-la-môn thưa với Cứu-la-đàn-đầu: Ngài chớ đi thăm. Ngài không nên đến đó mà phải để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đên đây. Vì sao như vậy? Vì ngài hiện là bậc Đại sư, từ bảy đời đên nay cha mẹ thảy đều chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đên đó mà hãy đê Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Hơn nữa, Đại sư đọc tụng thông suôt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thu, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách

vở thế gian không sót quyển nào, lại giỏi về tướng pháp của đại nhân, biết rõ điềm tốt xấu, thành thạo lễ nghi cúng tế. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư có tướng mạo đoan chánh, có sácr tướng của Phạm thiên. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đên đó mà hãy đê Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư có giới đức hơn người, thành tựu trí tuệ. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đên đó mà hãy đê Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư nói năng hòa dịu, tài trí biện luận, nghĩa lý thanh tinh. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù- đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư là bậc Đạo sư trong đại chúng, chúng đệ tử rất đông. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù- đàm tự tìm đến đây.

7 Nguyên tác: Tam chủng tế tự tividhayañña sampadam). Kinh giải thích ở đoạn sau. 8 Nguyên tác: Thập lục tự cụ (;solasaparikkhāram). Mười sáu vật phẩm dùng để cúng tế, gồm: 1. Tulāpurusa (lượng vàng nặng bang một người); 2. Hiranyagarbha (bào thai bang vàng); 3. Brahmānda (quả trứng vàng củaPhạm thiên); 4. Kalpakavrksa (cây thiêng ước nguyện); 5. Gosahasra (một ngàn con bò); 6. Hiranyakāmadhenu (to mẫu loài bò bang vang); 7. Hiranyāsva (con ngựa bằng vàng); 8. Hiranyāśvaratha (cỗ xe ngựa bang vàng); 9. Hemahastiratha (kiệu voi bang vang); 10. Pañcalāñgalaka (5 lưỡi cày); 11. Dhārā (đát); 12. Vìảvacakra (bánh xe thiên luân của Visnu); 13. Kalpaỉatã (dây leo của Đế-thích); 14. Saptasãgaraka (nước 7 đại dương); 15. Ratnadhenu (lục lạc bò châu báu); 16. Mahāpūtaghata (đất của đại đỉa). Tham chiếu: Pandurang Vaman Kane, Thê History of Dharmaśāstra, vol 2 (Poona: Bhandarkar Oriental Research Institute, 1941), p. 869; The Agni Purāna, tr. and ed. by N. Gangadharan (Delhi: Motilal Banarsidass. 1985), p. 544; A. IV. 392 đã mô tả một phần trong 16 tế vật đó. 9 Nguyên tác: Tiên học cựu thúrc ().

Lại nữa, Đại sư thường dạy dỗ năm trăm đệ tử Bà-la-môn. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư được các học giả bôn phương đên thỉnh giáo, tham vân vê các phương thuật, nghi thức tế lễ, ngài đều giải đáp đầy đủ. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư được Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa10 cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư giàu có tiền bạc, kho báu đầy đủ. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà hãy để Sa-môn Cù-đàm tự tìm đến đây. Lại nữa, Đại sư có trí tuệ sáng suốt, nói năng lưu loát, không có điểm yếu kém và sợ hãi. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta không nên đến đó mà Sa-môn Cù-đàm phải đến đây. Vì Đại sư có đầy đủ mười một pháp này nên Sa- môn Cù-đàm phải đên chô Đại sư, Đại sư không nên đên chỗ vị ây. [0097c04] Bấy giờ, Cứu-la-đàn-đầu nói: Đúng thế, đúng the! Như lời các ông vừa nói, ta có đủ các công đức ấy, không phải không có nhưng các ông hãy nghe ta nói, Sa-môn Cù-đàm có nhiều công đức nên chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn

Cù-đàm tự mình đến đây. Sa-môn Cù-đàm từ bảy đời trở lại đây, cha mẹ đều chân chánh, chưa bao giờ bị người đời gièm pha. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, sanh trưởng trong dòng Sát-đế-lợi. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó9 không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh trong nhà tôn quỷ nhưng đã xuất gia hành đạo. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đên đó, không nên đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đen đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có các căn đầy đủ, thanh tịnh trong sáng, sống trong dòng họ chân chánh nhưng đã xuất gia hành đạo. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh trong gia đình giàu sang, có oai lực lớn nhưng đã xuất gia hành đạo. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đây đủ giới hạnh của bậc Hiên thánh, thành tựu trí tuệ. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đen đó? không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây.

10 Bình-sa ,Bimbisāra. Xem chú thích 9, kinh số 22, tr. 819.

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 831

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm nói năng khéo léo, nhỏ nhẹ hòa nhã. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đen đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là bậc Đạo sư của số đông và có rất nhiều đệ tử. * r 2 —y Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đên đó, không nên đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm dứt hẳn ái dục, tâm không vọng động, lo sợ đã dứt, không còn sợ hãi đến sởn gai ốc, hoan hỷ hài hòa, được mọi người khen ngợi, khéo nói quả báo của nghiệp, không hủy báng đạo khác. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến d6, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được Vua Ba-tư-nặc và Vua Bình-sa kính lễ, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la kính lễ, cúng dường, cũng được Bà-la-môn Thanh Tịnh, Bà-la-môn Đa-lợi-già, Bà-la-môn Chủng Đức và thiếu niên Thủ-già, con của Bà-la-môn Đâu-da11 cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa- môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được các đệ tử Thanh văn tôn trọng cung kính cúng dường, cũng được chư thiên và các chúng quỷ thân cung kính, đông thời các dòng họ Thích, Câu-lợi9 Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la và Tô-ma thảy đều tôn kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm còn truyên ba quy y và năm giới cho Vua Ba- tư-nặc và Vua Bình-sa. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm còn truyền ba quy y và năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la9... Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã lãnh thọ ba quy y và năm giới; chư thiên, dòng họ Thích, Câu-lợi... thảy đều lãnh thọ

ba quy y và năm giới. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. [0098al0] Lại nữa, khi Sa-môn Cù-đàm du hành đều được mọi người cung kính, cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó5 không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây.11

11 Kinh Chủng Đức ghi: Thiếu niên Thủ-ca con của Bà-la-môn Đô-gia .

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đến thành quách hay thôn xóm nào thì đều được dân chúng nơi đó cúng dường. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đến, các loài phi nhân, quỷ thần đều không dám quấy nhiễu. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm du hóa đến nơi nào thì dân chúng ở nơi đó đều thấy ánh sáng và nghe tiếng nhạc cõi trời. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm du hóa đến nơi nào, khi Ngài sắp rời khỏi thì dân chúng nơi ấy đều quyến luyến, khóc lóc đưa tiễn. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ9 thân quyến khóc lóc, thương nhớ luyến tiếc. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm xuất gia tuổi còn trẻ, xả bỏ trang sức tốt đẹp, voi, ngựa, xe báu, năm dục và ngọc quý. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. LạiỊ. nữa, Sa-môn Cù-đàm a lìa bỏ ngôi vi r Chuyên Luân s r xuất gia hành Vương, đạo. Nêu Sa-môn ở đời thì sẽ làm vua trong bôn châu thiên hạ, thông lãnh nhân dân? nên chúng ta đều là thần dân của Ngài. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ giáo nghĩa của Phạm thiên, có thể thuyết giảng cho người, cũng có thể bàn luận qua lại với Phạm thiên. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đên đó? không nên đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ ba cách cúng tế và mười sáu vật phẩm dùng để cúng tế mà các vị tôn trưởng kỳ tài của chúng ta không thể biết được. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đên đó, không nên đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Ngài đã thành tựu pháp này thì chúng ta phải đến đó, không nên để Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông đạt, không hề khiếp sợ. Ngài đã r t -t — <2 thành tựu pháp này thì chúng ta phải đên đó, không nên đê Sa-môn Cù-đàm tự mình đến đây. Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm đã đến thôn Khư-nậu-bà-đề, vì Ngài là khách quý mà ta tôn trọng nên chúng ta phải đích thân đên thăm.

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 833

[0098b06] Bấy giờ, năm trăm Bà-la-môn thưa với Cứu-la-đàn-đầu: Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Công đức của vị ấy tuyệt đến thế sao? Nếu Sa-môn Cù-đàm chỉ thành tựu một trong các công đức ấy thì không thể để Ngài đến chỗ chúng ta, huống gì Ngài

đầy đủ mọi công đức! Vậy chúng ta hãy cùng đến thỉnh an Ngài. Cứu-la-đàn-đâu đáp: Nếu các ông muốn đi, nên biết đúng thời! Thế rồi, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu liền cho sửa soạn cỗ xe báu rồi cùng năm trăm Bà-la-môn, các trưởng giả và cư sĩ ở Khư-nậu-bà-đê tuân tự trước sau đi đến rừng Thi-xá-bà. Đen nơi, mọi người đều xuống xe, đi bộ lên phía trước đến chỗ đức Thế Tôn ngự, thăm hỏi rồi ngồi sang một bên. Lúc đó, các Bà-la- môn, trưởng giả, cư sĩ ở thôn Khư-nậu-bà-đề, hoặc có người đến lễ Phật rồi ngôi xuống, có người đên hỏi thăm roi ngôi xuông, có người đên ximg tên roi ngôi xuông, có người đên chăp tay lê Phật roi ngôi xuổng và có người im lăng rồi ngồi xuống. Khi mọi người đã ngồi yên, Cứu-la-đàn-đầu thưa đức Phật: -Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài có thời gian để lắng nghe thì tôi mới dám hỏi. Đức Phật bảo: Muốn hỏi điều gì thì xin tùy ý! Thế rồi, Bà-la-môn bạch đức Phật: -Tôi nghe nói đức Cù-đàm thành thạo ba loại tế tự và mười sáu vật phẩm dùng để cúng tế mà các bậc tôn trưởng kỳ tài của chúng tôi không thể biết được. Nhân vì chúng tôi muôn tô chức lê cúng tê long trọng nên đã chuân bi năm trăm con bò đực, năm trăm con bò cái, năm trăm nghé dực, năm trăm nghé cái, năm trăm dê đen và năm trăm con dê thiến dùng để dâng cúng lễ. Hôm nay chủ ý đến dây, tôi muốn hỏi về ba pháp tế tự và mười sáu vật phẩm dùng để cúng tế. Nếu thành tựu việc cúng tế này thì sẽ được quả báo lớn, danh tiếng đồn xa và được trời, người kính trọng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: Ông hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ nói cho ông nghe! Bà-la-môn đáp: Thưa vâng! Tôi vui lòng muôn được nghe. Lúc ấy, đức Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu: Vào thuở quá khứ lâu xa có vị vua quán đảnh thuộc dòng Sát-lợi12 muốn tổ chức lễ cúng tế thật long trọng nên triệu tập đông đủ Bà-la-môn? đại thần và

12 Nguyên tác: Sát-lợi vương, thủy5 nhiễu đầu chhĩìg ,Khattiyā abhỉseka rājā. Vị vua sắt-lợi hợp Ịháp và đúng truyền thống, vì được truyền ngôi bằng phép Quán đảnh, tức rươi nước thiêng lên đỉnh đầu.

bảo họ rằng: "Nay trẫm rất giàu có, của báu đầy đủ, hưởng thụ niềm vui năm : 7 9 9 \ Ị" dục và tuổi cũng đã cao, binh lính hùng mạnh, chăng hê yêu hèn, kho lâm tràn đầy nên muốn lập đàn cúng tế thật long trọng thì theo các khanh, cách thức tế lễ cần phải có những gi?" LÚC ây, có đại thân kia liên tâu vua: "Đúng vậy, thưa Đại vương! Như lời ngài vừa nói, nước giàu binh mạnh, kho lẫm tràn đay nhrnig dân chúng phần \ 9 ĩ 9 r nhiêu ôm giữ tâm ác, huân tập các điêu phi pháp, nêu tô chức cúng tê vào lúc này thì chắc chắn rằng phép tế tự không thành, như sai tên cướp đuổi bắt kẻ cướp thì việc sai khiến đó chẳng thành. Thưa Đại vương! Ngài chớ cho rằng, đây là dân của ta nên ta có thể đánh, CÓ thê giêt? có thê khiên trách, có thê ngăn câm mà ngài nên cung cáp những vật dụng cân thiêt cho những người kê cận ngài. Đôi với những người buôn bán, ngài nên cung cáp tài sản, của báu cho họ. Đôi với những người chuyên vê đông áng, ngài nên cung cấp bê con, hạt giống cho họ để mỗi người tự kinh doanh và tự sinh sông. Vua không bức bách dân thì dân chúng sẽ được an ôn, nuôi dưỡng dạy bảo con cháu vui vẻ sum vầy." [0098C11] Đức Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu: Nghe như vậy rồi, nhà vua liền làm theo ý đại thần, liền cung cấp y phục, thực phẩm cho những người thân cận; tài

sản, của báu cho người dân buôn bán; bê con, hạt giông cho những người chuyên lo đông áng. Lúc ây, mọi người đêu tự lo công việc của mình nên không còn xảy ra việc xâm hại lẫn nhau và nuôi dưỡng dạy bảo con cháu luôn vui vẻ sum vầy. Đức Phật lại nói: Lúc đó9 vua lại triệu tập các đại thần rồi bảo: "Nước ta giàu có, binh lực hùng mạnh, kho lẫm tràn đầy. Ta đã cung cấp cho dân chúng đầy đủ mọi thứ để chúng an tâm nuôi dưỡng, dạy bảo con cháu vui vẻ sum vầy. Nay ta muốn thiết lễ đại tự, theo các ngươi phép tế tự cần có những gi?" Các đại thần tâu vua: "Thật đúng như thế, đúng như lời của Đại vương nói, nước ta giàu có, binh lính hùng mạnh, kho lẫm tràn đầy, ngài đã cung cấp cho dân chúng đầy đủ mọi thứ để chúng an tâm nuôi dưỡng giáo dục con cháu luôn được vui vẻ. Nếu Đại vương muốn lập đàn cúng tế thật long trọng thì hãy truyền lệnh cho trong cung được biet." Nghe theo lời các đại thần, nhà vua vào nội cung truyền lệnh: "Nước ta giàu c6, binh lính hùng mạnh, kho lẫm tràn đầy, của báu và tài sản dồi dào, nay trẫm muốn lập đàn cúng tế thật long tipng."

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 835

LÚC đó, các phu nhân liền tâu vua: uĐúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời Đại vương vừa nói, nước ta giàu c6, binh lính hùng mạnh, kho lẫm tràn đầy, có nhiều châu báu, nếu muốn cúng tế thì hôm nay thật đúng lúc." Vua trở lại báo cho quân thân biêt: "Nước ta giàu có, binh lính hùng mạnh, kho lẫm tràn đầy. Trẫm đã cung cấp cho dân chúng không thiếu thứ gì. Họ nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay trẫm muốn thiết lễ đại tự và đã truyền lệnh cho nội cung. Các khanh hãy nói cho trẫm biết là cần phải có những vật phẩm gi?" Các đại thần liền tâu vua: "Đúng thật như thế, đúng như lời Đại vương vừa nói. Ngài muốn lập đàn cúng tế thật long trọng và đã truyền cho nội cung biết nhung ngài chưa nói cho A 9r . 5 thái tử, hoàng tử, đại thân và tướng sĩ biêt. Đại vương hãy truyên lệnh cho các vi ấy đều biết.” Nghe xong, nhà vua bèn truyền lệnh cho thái tử, hoàng tử, quần thần và tướng sĩ: "Nước ta giàu c6, binh lính hùng mạnh, kho lẫm tràn đầy. Nay trẫm muốn lập đàn cúng tế.” Bấy giờ, thái tử, hoàng tử, quần thần và tướng sĩ liền tâu vua: "Đúng thế, đúng thế, tâu Đại vương! Nay nước ta giàu có, binh lính hùng mạnh, kho lẫm tràn dầy, muốn lập đàn cúng tế thì nay thật đúng liic.” Vua lại bảo đại thần: "Nước ta giàu có, binh lính hùng mạnh, có nhiều tài sản và châu báu, muốn lập đàn cúng tế nên ta đã truyền lệnh trong cung, thái tử, hoàng tử cho đến tướng sĩ. Nay muốn lập đàn cúng tế, theo các khanh thì cần sắm sửa những vật phẩm gì?"

Các đại thần tâu: "Nhu lời Đại vương, muốn lập đàn cúng tế thì nay thật đúng liic." Nghe như vậy rồi, vua liền cho xây dựng ngôi nhà mới tại phía Đông kinh thành. Khi vào nhà mới, vua khoác áo da nai, xoa dầu thơm khắp thân, lại đội sừng nai lên đầu5 lấy phân bò tô lên nền đất rồi nằm, ngồi trên đó. Trong lúc đó, đệ nhất phu nhân cùng Bà-la-môn và đại thần chọn một con bò cái màu vàng để lấy sữa, một phân dâng cho vua dùng, một phân dâng cho phu nhân dùng, một phân cho đại thân dùng, một phân dâng cúng cho đại chúng và phân còn lại đê cho bê con uông. Khi ây, vua thành tựu tám pháp còn đại thân thành tựu bôn pháp. [0099a14] Nhà vua thành tựu tám pháp là: Vua Sát-đế-lợi có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bi

người khác gièm pha; vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, có dung mạo đoan chánh; vua có giới đức hơn người,

thành tựu trí tuệ; vua thành thạo các loại kỹ thuật và biết tất cả các phép cưỡi voi, ngựa, xe, lại dùng dao, mâu, cung, tên để chiến đấu; vua có oai lực lớn, nhiếp phục vua các nước nhỏ, hết thảy đều kính phục; vua nói năng khéo léo lại hòa dịu, đầy đủ cả nghĩa và văn; vua giàu có tiền bạc, kho lẫm tràn đầy và nhà vua có mưu trí dũng cảm, quyết đoán, chăng phải yêu hèn. Đây là tám pháp mà Vua Sát-đế-lợi đã thành tựu. Thế nào là bốn pháp ma các đại thần đã thành tựu? Đó là: Đại thần Bà-la- môn có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha; các đại thân đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thế gian không sót quyên nào, giỏi vê tướng pháp của đại nhân, biêt rõ diêm t6t, xâu; đại thân nói năng khéo léo lại hòa diu, đầy đủ cả nghĩa và văn; đại thần có mưu trí, dũng cảm, quyết đoán, chẳng yếu hèn và thành thạo tất cả các nghi lễ cúng tế. Đây là bốn pháp mà các đại thần đã thành tựu. Lúc d6, nhà vua thành tựu tám pháp còn Bà-la-môn đại thần thành tựu bốn pháp. Vua ấy có đủ bốn sự giúp đồ, đó là ba pháp tế tự13 và mười sáu cách tế tự đúng pháp.14 [0099005] Bấy giờ, các đại thần Bà-la-môn ở trong ngôi nhà mới, đem mười sáu việc để mở bày ý vua khiến dứt trừ ý tưởng nghi ngờ của vua. Mười sáu việc đó là gì? Đại thần tâu nhà vua: “Nếu có người bảo: 'Nay Vua Sát-đế-lợi muốn lập đàn cúng tế mà cha mẹ vua từ bảy đời đến nay đều sống không chân chánh, thường bị người đời gièm pha/ Nêu họ nói lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của vua. Vì sao như vậy? Vì vua có cha mẹ từ bảy đời đên nay đêu sông chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha. Hoặc có người bảo: 'Nay Vua Sát-đế-lợi muốn lập đàn cúng tế mà dung mạo xâu xí, không sanh trưởng trong dòng Sát-đê-lợi/ Nêu có lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của vua. Vì sao như vậy? Vì vua có dung mạo đoan chánh, thuộc dòng Sát-đế-lợi. Hoặc có người bảo: 'Nay Vua Sát-đê-lợi muôn lập đàn cúng tê nhưng không có giới hạnh hơn người, trí tuệ không đầy đủ.9 Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của nhà vua. Vì sao như vậy? Vì vua có giới hạnh hơn người, có trí tuệ đầy đủ. Hoặc có người bảo: 'Nay Vua Sát-đế-lợi muốn lập đàn cúng tế mà không giỏi các phương pháp, không biết rõ các phép cưỡi voi, ngựa, xe và các thứ binh

13 Ba pháp tế tự được giải thích ở đoạn kinh sau, tức là trước khi tế tự, trong khi tế tự và sau khi tế tự thảy đêu hoan hỷ. 14 Đức Phật đã đưa, ra một định nghĩa mới về 16 tế vật, không như quan điểm về 16 tế vật của truyền thống Bà-la-môn cổ xưa. Mười sau yếu tố tế tự đúng pháp theo đức Phật bao gồm: 8 pháp của nhà vua, 4 pháp của đại thần và 4 pháp từ sự tán trq, giúp đỡ tư dan chúng cho đến nội cung.

pháp/ Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của vua. Vì sao như vậy? Vì vua giỏi về các phương pháp như binh pháp, chiến trận, không loại nào là không thành thạo. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà không có oai lực

lớn đê nhiêp phục vua các nước nhỏ/ Nêu có lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đến danh tiếng của vua. Vì sao như vậy? Vì vua có oai lực lớn nên có thể nhiếp phục vua các nước nhỏ. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê nhimg nói năng không khéo léo, thường nói lời thô tháo, không đầy đủ cả nghĩa và văn.9 Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của nhà vua. Vì sao như vậy? Vì vua có biện tài khéo léo, nói năng lại nhu hòa, đầy đủ cả nghĩa và văn. Hoặc có người bảo: 'Vua muốn lập đàn cúng tế mà của cải không nhiều.5 Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của vua. Vì sao như vậy? Vì vua có kho lâm đây ăp, của báu dôi dào. Hoặc có người bảo: 'Vua muốn lập đàn cúng tế mà không có mưu trí, ý chí yếu hèn.9 Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của vua. Vì sao như vậy? Vì vua có mưu trí, dũng cảm, quyêt đoán cũng không yêu hèn. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà không nói với nội cung/ Nêu họ nói lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của vua. Vì sao như vậy? Vì khi muốn tế lễ, vua đã truyền lệnh đến nội cung. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà không nói với thái tử, hoàng tử' Nêu có lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của vua. Vì sao như vậy? Vì khi muôn lập đàn cúng tê thật long trọng, vua đã truyên lệnh đến thái tử, hoàng tử. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà không nói với quân thần/ Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của nhà vua. Vì sao như vậy? Vì khi muôn lập đàn cúng tê thật long trọng, vua đã truyên lệnh đến các quần thần. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà không nói với tướng sĩ/ Nêu có lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của nhà vua. Vì sao như vậy? Vì khi muôn tê lê5 vua cũng đã truyền lệnh đên các tướng sĩ. [0099c08] Hoặc có người bảo: 'Vua muốn lập đàn cúng tế mà các đại thần ỉ x r : Bà-la-môn có cha mẹ từ bảy đời đên nay đêu sông không chân chánh, thường bị người khác gièm pha.' Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiêng của vua. Vì sao như vậy? Vì cha mẹ chúng tôi từ bảy đời đên nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha. Hoặc có người bảo: 'Vua muốn lập đàn cúng tế mà các đại thần không đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, không phân biệt rành rẽ các loại kinh thư và không nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thế gian, lại không giỏi về khoa

xem tướng bậc đại nhân, không biết rõ điềm tốt xấu cũng không thành thạo lễ r J r • 9 • «í .L nghi cúng te.9 Nêu có lời như vậy thì cũng không làm tôn hại đên danh tiêng của nhà vua. Vì sao như vậy? Vì chúng tôi đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thu, nghiên cứu tường tận sâu xa các sách vở thế gian không sót quyên nào. Hơn nữa, chúng tôi cũng rát giỏi vê khoa xem tướng bậc đại nhân, biết rõ điềm tốt xấu, thành thạo lễ nghi cúng tế. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà đại thân không nói năng khéo léo, thường nói lời thô tháo, không đay đủ cả nghĩa và văn.9 Nêu có nói lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của vua. Vì sao như vậy? Vì chúng tôi có tài biện luận khéo léo, nói năng nhu hòa, đầy đủ cả nghĩa và văn. Hoặc có người bảo: 'Vua muôn lập đàn cúng tê mà đại thân không đây đủ mưu trí, ý chí yếu hèn, không thành thạo phép tế lễ/ Nếu có lời như vậy thì cũng không làm tổn hại đến danh tiếng của vua. Vì sao như vậy? Vì chúng tôi có đầy đủ mưu trí, không hề yếu

hèn, không phép tế tự nào mà không hiểu r6." Đức Phật bảo Cứu-la-đàn-đầu: Khi nghe các đại thần giải thích về mười sáu cách tế tự đúng pháp, nhà vua ấy không còn ý nghi ngờ nữa. Đức Phật nói tiếp: Bay giờ, các đại thần ở trong ngôi nhà mới9 đem mười việc sau đây mở bày, dạy bảo5 khích lệ, khiến cho hoan hỷ.15 Mười sự việc đó là gì? Vị đại thần nói: "Khi vua lập đàn tế lễ, những người sát sanh và những người không sát sanh đều tụ tập đến, hãy bình đẳnệ bố thí cho họ. Nếu có những người sát sanh đến, hãy bố thí cho họ để họ tự biêt lấy. Những người không sát sanh đến, cũng bố thí cho họ? vì đó là mục đích bố thí. Hãy phát tâm bố thí như vậy. Nếu có những kẻ trộm cướp, tà dâm, nói hai chiều, nói lời độc ác, nói dối, nói lời thêu dệt, tham lam, ganh ghét, tà kiến cùng tụ tập đến, hãy bố thí cho họ và họ sẽ tự biết lấy. Những người không trộm cướp,... cho đến những n^ười có chánh kiến cung tụ tập đến thì cũng bố thí cho họ, vì đó là mục đích bo thí. Hãy phát tâm bố thí như vay." [0100a05] Đức Phật bảo Bà-la-môn: -Vi đại thần kia đã đem mười sự việc trên mà mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Đức Phật lại bảo Bà-la-môn: Bấy giờ, ở trong nệôi nhà mới, Vua Sát-đế-lợi kia khởi lên ba điều hối tiếc nhimg cũng được đại than làm cho diệt trừ. Ba điều đó là gì? Nhà vua khởi tâm hối tiếc rằng: "Nay ta tổ chức đại lễ cúng tế, đã cử hành đại lễ, đang cử hành đại lễ và sẽ cử hành đại lễ, tốn rất nhiều tiền của.'9 Khởi ba tâm như vậy rồi ôm lòng hối tiếc.

15 Nguyên tác: Thi, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

23. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 839

Đại thần thưa: :Bại vương đã tổ chức cúng tế, đã bố thí, đang bố thí và sẽ bố thí cho người, đối với phước tế lễ này ngài không nên hối ti&c." Thế là, khi ở trong ngôi nhà mới, nhà vua có ba sự hối tiếc như vậy, đã được các đại thần dứt trừ. Đức Phật bảo Bà-la-môn: -Bấy giờ, vào ngày rằm trăng tròn, vua quán đảnh dòng Sát-đế-lợi tắm rửa bằng nước thơm, rời khỏi ngôi nhà mới, đến chỗ đất ướng phía trước nhà rồi đốt lên đống lửa lớn, tay cầm bình dầu tưới lên đống lửa và xướng lên: "Bố thí tất cả! Bô thí tát cả." Các phu nhân của vua nghe tin vào ngày răm trăng tròn, vua ra khỏi nhà mới, đót lên đông lửa lớn ở chô đát trông trước nhà, tay câm bình dầu tưới lên đống lửa và xướng lên: :b6 thí tất cả! Bố thí tất ca!" Các phu nhân cùng các cung nữ đều mang nhiều tiền của đến chỗ vua rồi thưa: "Những thứ châu báu này, xin được góp phần để Đại vương làm tế tự!" Này Bà-la-môn? vi vua ấy liền nói với các phu nhân, thể nữ: "Thôi, thôi! Các ngươi có tâm như thế là đã dâng cúng cho ta rồi. Ta có rất nhiêu tiên của, đủ đê tê tự." Nghe đức vua nói như vậy, các phu nhân, thê nữ thâm nghĩ: "Chúng ta không nên đem châu báu này trở vê trong cung, nêu khi vua tổ chức đàn cúng tế lớn ở phía Đông thì chúng ta sẽ dùng để hỗ trg." Này Bà-la-môn! Sau đó nhà vua thiết lễ ở phía Đông, các phu nhân, thể nữ liền đem các châu báu ấy đến trợ giúp trong việc thiết lễ lớn. Lúc đó, thái tử, hoàng tử nghe tin, vào ngày rằm trăng tròn, đức vua rời khỏi nhà mới, đến chỗ đất trống trước nhà đốt lên đống lửa lớn, tay cầm bình dầu tưới lên đống lửa và xướng lên rằng: UBỐ thí tất cả! Bố thí tất ca!99 Thái tử, hoàng tử liền mang châu báu đến chỗ vua rồi tâu: "Những thứ châu báu này, xin được góp phàn để Đại vương làm tế tự!" Vua bảo: "Thôi, thôi! Các ngươi có tâm như thế là đã dâng cúng cho ta rồi.

Ta có đủ tiền của để lo cúng tế.” Các thái tử và hoàng tử tự nghĩ: "Chúng ta không nên mang các châu báu này trở về. Nếu vua thiết lễ lớn ở phía Nam thì chúng ta sẽ dùng để hỗ trợt.” Thế là các đại thần cũng mang báu vật đến thưa: “Xin Đại vương hãy nhận các châu báu này cho việc tế lễ ở phía Tây!" Các tướng sĩ cũng mang báu vật đến xin hỗ trợ vua phân tê lê ở phía Bác. [0100b04] Đức Phật bảo Bà-la-môn: —Khi cử hành đại tế tự, vị vua đó không còn giết bò, dê và các chúng sanh khác nữa mà chỉ dùng bơ, sữa, dầu mè, mật, đường bánh và đường phèn16 để cúng tế.

16 Nguyên tác: Tô, nhũ, ma du, mật, hắc mật, thạch mật ,.

Này Bà-la-môn, Vua Sát-đê-lọd kia cử hành đại tê tự, trước khi tê tự, trong khi tê tự và sau khi tê tự thảy đêu hoan hỷ. Đây là pháp cúng tê thành tựu viên mãn. Sau khi thiết lễ xong, Vua Sát-đế-lợi liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, thực hành bốn vô lượng tâm,17 sau khi băng hà được sanh lên cõi Phạm thiên. Bây giờ, các phu nhân của vua, sau khi cử hành đại tê tự cũng cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, thực hành bốn vô lượng tâm, sau khi qua đời được sanh lên cõi Phạm thiên. Các Bà-la-môn đại thần, sau khi hướng dẫn vua tế lễ bốn phương xong cũng mở cuộc bố thí lớn, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành dạo, thực hành bốn Phạm hạnh,18 sau khi qua đời cũng được sanh lên cõi Phạm thiên. Này Bà-la-môn, vi vua kia đã dùng ba pháp tế tự, mười sáu cách tế tự đúng pháp để tổ chức thành tựu đại tế tự. Ý ông nghĩ sao? Bấy giờ, Cứu-la-đàn-đầu nghe đức Phật hỏi như thế, bèn im lặng không trả lời. Lúc đó, năm trăm Bà-la-môn kia nói với Cứu-la-đàn-đầu: Lời của Sa-môn Cù-đàm thật vi diệu, tại sao Đại sư lại im lặng không đáp? Cứu-la-đàn-đầu bảo: Lời dạy của Sa-môn Cù-đàm thật vi diệu, không phải là ta không chấp nhận. Sở dĩ ta im lặng là để tự tư duy mà thôi. Sa-môn Cù-đàm nói sự việc này nhưng không nói là nghe từ người khác nên ta im lặng suy nghĩ: "Lẽ nào Sa- mon Cù-đàm chính là vị Vua Sát-đế-lợi ấy chăng? Hoặc phải chăng là vị đại thần Bà-la-môn kia?" Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu: Hay thay, hay thay! Ong quán sát Như Lai thật sự là thích hợp. Vua Sát- đế-lợi tổ chức lễ lớn lúc ấy, lẽ nào là người khác ư? Chớ nghĩ như thế, đó chính là thân Ta. Ta lúc ấy phát khởi tâm rộng lớn để bố thí. Cứu-la-đàn-đầu thưa đức Phật: -Trong giới hạn này, ba pháp tế tự và mười sáu cách tế tự đúng pháp được quả báo lớn, hay còn có pháp nào hơn thế nữa chăng? Đức Phật đáp: -Có! Lại hỏi: Đó là pháp gì?

17 Nguyên tác: Tứ vô lượng tâm catasso appamaññāyo còn được gọi là "tứ Phạm trú,, ,4 pháp an trú trong cõi Phạm, gồm: từ vô lượng ,mettā appamaññā, bi vô lượng karunā appamaññā, hỷ vô lượng muditā appamaññā và xả vô lượng upekkhā appamaññā. 18 Tức t4bốn tâm vô lượng,, như vừa giải thích.

Phật bảo: So với ba pháp tế tự và mười sáu cách tế tự đúng pháp, nếu thường cúng dường chúng Tăng không đê gián đoạn thì công đức lớn hơn nhiêu. [OlOOcOl] Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: So với ba pháp tê tự và mười sáu cách tê tự đúng

pháp, nêu thường Cling dường chúng Tăng không để gián đoạn thì công đức lớn hơn nhiều, vậy còn có pháp nào tối thắng hơn không? Đức Phật đáp: -Có! Đó là pháp gì? Nếu thực hành ba pháp tế tự và mười sáu cách tế tự đúng pháp, lại thường cúng dường chúng Tăng không đê gián đoạn thì không băng công đức xây dựng phòng 6c, nhà cửa, lầu gác cho chiêu-đề-tăng,19 vì cách bố thí này là tối thắng. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: -Nêu thực hành ba pháp tê tự và mười sáu cách tê tự đúng pháp, lại thường cúng dường chúng Tăng không đê gián đoạn, đông thời xây dựng phòng ôc5 nhà cửa, lâu gác cho chiêu-đê-tăng5 phước ây là tôi thăng, vậy còn pháp nào được phước hơn thế chăng? Đức Phật đáp: -Có! -Đó là pháp gì? Nếu thực hành ba pháp tế tự và mười sáu cách tế tự đúng pháp, lại thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn, đồng thời xây dựng phòng ốc? nhà cửa, lầu gác cho chiêu-đề-tăng thì chẳng bằng khởi tâm hoan hỷ, tự phát lời thệ rằng: "Con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tang?9 Phước quy y Tam bảo là tối thắng. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: -Như vậy, quy y Tam bảo được phước báu lớn nhát hay còn pháp gì hơn nữa? Đức Phật đáp: -Có! Đó là pháp gì? -Nếu đem tâm hoan hỷ, tiếp nhận, thực hành năm giới và phát nguyện suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu thì phước này là tối thắng.

19 Chiêu-đề-tăng catuddisā sangha: Chư Tăng bốn phương.

Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: Nếu như thực hành ba pháp tế tự,... cho đến thực hành năm giới thì đạt được quả báo lớn hơn hết, hay còn có pháp gì hơn nữa? Đức Phật đáp: -Có! Đó là pháp gì? -Nếu thường đem tâm từ nghĩ tưởng đến tất cả chúng sanh, dù chỉ bằng khoảnh khắc như vắt sữa bò thì phước này tối thắng hơn. Cứu-la-đàn-đầu lại hỏi: -Nếu như có thể thực hành ba pháp tế tự,... cho đến phát khởi tâm từ thì được quả báo lớn, hay còn có pháp nào phước lớn hơn nữa? Đức Phật đáp: -Có! Đó là pháp gì? Nếu Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, mà có người khởi lòng tin vững chác muôn xuât gia tu hành ở trong giáo pháp của Ta thì các đức hạnh đều đầy đủ, cho đến Ba minh cũng đầy đủ, xóa tan si ám, đầy đủ trí tuệ. Vì sao như vậy? Vì họ không buông lung, thích ở nơi vắng vẻ nên phước này là tối thắng. Cứu-la-đàn-đầu lại thưa đức Phật: - Bạch đức Cù-đàm! Con vì lập đàn cúng tế mà chuẩn bị đầy đủ bò, dê? mỗi thứ năm trăm con. Hôm nay, con sẽ thả hết, mặc tình cho chúng tùy ý đi tìm cỏ, nước. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Ngài chấp nhận cho con được làm iru-bà-tắc trong Chánh pháp! Từ nay về sau cho đến cuôi đời, con nguyện không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Kính mong đức Thế Tôn cùng đại chúng thương xót, nhận lời thỉnh cúng dường bữa cơm trưa vào ngày mai của con! [OlOlaOl] Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Vê đên nhà, Bà-la-môn sửa soạn món ăn, thức uông đê cúng dường. Hôm sau đến giờ, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị đi đên nhà Bà-la-môn, đên roi ngôi vào chô đã được soạn săn. Khi đó, Bà-la-môn tự tay dâng thức ăn, đem nhiều món ngon để cúng dường lên đức Phật và chúng Tăng. Sau khi thọ trai, thu xếp y bát và dùng nước rửa tay, đức Phật đọc cho ông

nghe bài kệ: Tế tự, lửa bậc nhất, Văn chương, kệ đứng đầu, Loài người, vua tối thượng, Các dòng, biển là hơn. . : r Giữa ánh sáng trăng, sao, Mặt trời rực rỡ nhát,

Trên dưới và bốn phương, Khắp hết thảy vạn vật. Cõi trời cùng loài người, Phật, bậc tôn quý nhất, Ai muôn câu phước đức, Nên phụng sự Tam bảo. Nghe kệ xong, Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu ngôi xuông một cái ghê tháp ở trước đức Phật. Thế rồi, đức Thế Tôn đã vì Bà-la-môn mà thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.20 Ngài giảng về bố thí, về giữ giới, ve sanh thiên, tham dục là cau uế, hữu lậu là tai họa, giải thoát là cao tột. Ngài đã phân biệt rộng rãi, hiển bày và chỉ rõ các hạnh thanh tịnh. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn đã nhu hòa thanh tịnh, không còn cấu uế, có thể lãnh thọ giáo pháp, như thường pháp của chư Phật, Ngài bèn giảng Thánh đế về khổ, rồi phân biệt hiển bày Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế khi khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. m r 1 r Ấ l • À M , Chính ngay lúc ây, Bà-la-môn liên xa lìa trân câu, được pháp nhãn thanh tịnh. Cũng như tâm lụa trăng sạch thì rát dê nhuộm màu, Bà-la-môn Cứu-la- đàn-đầu cũng thế, đã thấy pháp, đắc pháp, an trụ đạo quả, không tin ai khác,21 không còn sợ hãi,2223 liền bạch đức Phật: Nay con lại xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Ngài chấp nhận cho con được làm ưu-bà-tăc trong Chánh pháp! Từ nay vê sau cho đên trọn đời, con nguyện không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Con cũng xin phát tâm cúng dường bảy ngày trai, kính mong đức The Tôn cùng đại chúng thương xót, hứa khả cho! Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn liền sắm sửa các vật phẩm cúng dường lên đức Phật và đại chúng trong bảy ngày. Qua bảy ngày, Thế Tôn lại du hóa trong nhân gian. Phật đi chưa bao lâu thì Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu lâm bệnh roi qua đời. Nghe tin Bà-la-môn này Cling dường Phật bảy ngày vừa xong rồi qua đời, số đông Ty-kheo liền suy nghĩ: "Không biết Bà-la-môn này sau khi qua đời sẽ sanh về d2u?" Nghĩ xong, các Ty-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Phật xong, ngồi sang một bên rồi thưa đức Phật: Cứu-la-đàn-đầu kia Cling dường đức Phật trong bảy ngày xong, thân hoại mạng chung sẽ thác sanh về chốn nào? [OlOlbO5] Phật bảo các Ty-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Người ấy tinh tu Phạm hạnh, thực hành theo pháp, thuận theo giáo pháp,23 cũng không bị xúc nhiễu bởi pháp, do đã đoạn trừ năm

20 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 21 Nguyên tác: Bất do tha tín vesārajjappattā. ở thể khẳng định có nghĩa là đạt đến chỗ tự tín. 22 Nguyên tác: Đắc vô sở úy abhayappattà'. Đạt đến chỗ không còn sợ hãi. 23 Nguyên tác: Pháp pháp thành tựu dhammānudhammappatipannarri. Xem chú thích 13, kinh so 3, tr. 581.

nên sanh vào cảnh Niết-bàn ở nơi kia,25 không còn sanh trở lại hạ phần kiết sử2425 cõi đời này nữa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.26

24 Ngũ hạ phần kiết .Xem chú thích 21, kinh số 2, tr. 524. 25Nguyen tác: ư bỉ hiện Bát-niết-bàn .“Bi”ở đây chỉ cho ngũ Bất Hoàn thiên iihoặc còn gọi ngũ Tịnh Cư thiên . 26 Bản Hán, hết quyển 15.

24. KINH KIÊN cố1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ- kheo ngụ tại rừng Ba-bà-lợi-yểm-thứ,12 thuộc thành Na-lan-đà.3 Bấy giờ, con trai ông trưởng giả tên là Kiên cố4 đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch đức Phật: Lành thay, Thế Tôn! Cúi mong Ngài hãy dạy các vi Tỳ-kheo5 kể từ hôm nay trở đi, nêu có gặp Bà-la-môn, trưởng giả hay cư sĩ nào đên thì nên vì họ mà hiện thần thông,5 hiển bày pháp thượng nhân.6 Đức Phật bảo: Này Kiên cố, Như Lai không bao giờ dạy các Tỳ-kheo biểu hiện thần thông, pháp của bậc Thượng nhân cho Bà-la-môn, trưởng giả hay cư sĩ. Như Lai chỉ dạy cho các đệ tử nên ở nơi thanh vắng, lặng lẽ tư duy về lý đạo. Nếu có công đức thì nên tự giấu kín, nếu có lỗi lầm thì nên tự tỏ bày sám hối. Lúc đó, Kiên cố lại bạch đức Phật: Cúi mong Thế Tôn hãy dạy cho các vị Tỳ-kheo, nếu có gặp Bà-la-môn, trưởng giả hay cư sĩ nào đến thì nên [vì họ mà] hiện thần thông, [hiển bày] pháp của bậc Thượng nhân cho họ xem. Đức Phật lại bảo: Này Kiên cố, Như Lai không bao giờ dạy các Tỳ-kheo biểu hiện thần thông, pháp của bậc Thượng nhân cho Bà-la-môn, r trưởng giả\ hay cư sĩ. r Như Lai chỉ dạy các đệ tử nên ở nơi thanh văng, lặng lẽ tư duy vê lý đạo. Nêu có công đức thì nên tự giâu kín, nêu có lôi lâm thì nên tự tỏ bày sám hôi.

1 Nguyên tác: Kiên cố kinh roi. 0001.24. OlOlbM. Tham chiếu: D. li, Kevaddha Sutta Kinh Kiên cố. 2 Nguyên tác: Ba-bà-lợi-yểm-thứ lâm Pāvārikambavana, vườn Pāvārikamba. 3 Nguyên tác: Na-lan-đà thành ,Nālandā, thị tứ nằm ở phía Đông chùa Đại Giác Mahābodhi, nươc Ma-kiệt-đà Magadha. 4 Kiên c6 Kevaddha, thanh niên tên Kevaddha. 5 Nguyên tác: Hiện thần túc ,Iddhipāfihāriyā. Tham chiếu: D. li: Iddhipādā'. Thần túc, có nơi dịch là "thn th6ng",t4thần biến"hay "nhu ý túc". 6 Nguyên tác: Thượng nhân pháp ưttarimanussađhammanì . Tạp. /7.02. 0099.254. 0062022 gọi là Uquả nhân ph"tưc những pháp siêu việt, như chưng đắc thiền định, giải thoát, than thông...

[OlOlcOl] LÚC ấy, Kiên cố lại bạch đức Phật: Đối với pháp thượng nhân, con không có điều gì phải nghi ngờ nhưng ở thành Na-lan-đà này, trong một đất nước an bình thịnh vượng, dân chúng đông đúc như vầy mà biểu hiện thần thông thì chắc chắn có nhiều lợi ích, đức Phật cùng đại chúng sẽ dễ dàng hoằng hóa đạo mau. Đức Phật lại bảo Kiên cố: Như Lai không bao giờ dạy các Tỳ-kheo biêu hiện thân thông, pháp của bậc Thượng nhân cho Bà-la-môn, trưởng giả hay cư sĩ. Như Lai chỉ dạy cho các đệ tử nên ở nơi thanh vắng, lặng lẽ tư duy về lý đạo. Nếu có công đức thì nên tư giấu kín, nếu có lỗi lầm thì nên tự tỏ bày, sám hối. Vì sao như vậy? Vì có ba loại thần thông: Một là thần túc, hai là quán sát tâm người và ba là giáo giới.7 Này Kiên cố, thế nào là thần túc? Vị Tỳ-kheo tập luyện vô lượng thần túc, có thể từ một thân biến ra vô số thân, từ vô số thân hợp lại thành một thân, hoặc đi xa, đi gần, đi xuyên qua núi, đi vào trong nước, đi

xuyên qua đá, qua vách đều được tự tại, không bị ngăn ngại, không khác gì đi giữa hư không; hoặc ngồi kiết- già giữa hư không như chim bay; ra, vào lòng đất như bơi lội trong nước; đi trên mặt nước cũng như đi trên mặt đất; hoặc thân tuôn ra khói, lửa như đám cháy lớn; hoặc dùng tay chạm mặt trời, mặt trăng; hoặc đứng cao đen trời Phạm thiên. Nêu có vị cư sĩ, trưởng giả đã có lòng tin, khi trông thây vi Tỳ-kheo hiện ra vô lượng thần túc, như đứng cao đến trời Phạm thiên thì sẽ đi đến chỗ những vị cư sĩ, trưởng giả khác chưa có lòng tin mà nói với họ rang: "Tôi thấy các vị Tỳ-kheo hiện ra vô lượng thần túc,...cho đến đứng cao đến trời Phạm thiên. Bấy giờ, những vi cư sĩ, trưởng giả chưa có lòng tin đó mới bảo với những vị có lòng tin rằng: "Tôi nghe nói có thần chú Cù-la8 cũng có thể biến hiện vô lượng thần túc như thế,... cho đến đứng cao đến trời Phạm thiên." Đức Phật hỏi: -Này Kiên cố, kẻ chưa có lòng tin đó nói như thế, há không phải là lời chê bai hay sao? Kiên Cố bạch đức Phật: Đó thật là lời chê bai. Đức Phật dạy: Này Kiên cố! Chính vì lẽ đó mà Như Lai không dạy các Tỳ-kheo biểu hiện thần thông biến hóa. Như Lai chỉ dạy cho các đệ tử nên ở nơi thanh vắng, lặng lẽ tư duy về lý đạo. Nếu có công đức thì nên tự giấu kín, nếu có lỗi lầm thì nên tự tỏ bày, sám hối. Như vậy, này con trai trưởng giả! Đó chính là loại thần túc mà đệ tử của Như Lai biểu hiện.

7 Tham chiếu: D. n Ba loại thần túc gồm: 1. Thần biến thị đạo ,Iddhipātihāriya; 2. Ký tâm thị đạo ,Ādesanāpāithāriya; 3. Giáo giới thị o ,Anusāsanipātihāriya. 8 Nguyên tác: Cù-la chú .Tham chiếu: D. ii: Atthi Maniko nāma vijjā Có minh chú gọi là Mamka.

24. KINH KIÊN cố 847

Này Kiên cố! Thế nào là thần túc quán sát tâm người khác? Đó là, Ty-kheo thể hiện vô lượng thần túc quán sát, quán sát trong tâm của chúng sanh để thấy họr đang nhớ nghĩ những gi, ngay cả những ý nghĩr sâu kín cũng đêu nhận . 2 7 biêt. e

Nêu có trưởng giả, cư sĩ đã có tín tâm trông thây vị Tỳ-kheo thê hiện vô lượng thân túc quán sát, quán sát trong tâm của chúng sanh đê thây họ đang nhớ nghĩ những gì? ngay cả những ý nghĩ sâu kín cũng đều nhận biết thì sẽ đi đến chỗ các trưởng giả, cư sĩ khác chưa có niềm tin mà nói với họ rằng: "Tôi thấy Tỳ-kheo thể hiện vô lượng thần túc quán sát, quán sát trong tâm của chúng sanh để thấy họ đang nhớ nghĩ những gì, ngay cả những ý nghĩ sâu kín cũng đêu nhận biêt." Khi đó, những trưởng giả, cư sĩ chưa có niêm tin nghe nói như vậy roi liên sanh tâm chê bai, nói rằng: "Thần chú Càn-đà-la9 cũng có thể quán sát biết rõ được tâm niệm của người khác, những việc sâu kín cũng đều nhận biết.,, Thê nào, này con trai trưởng giả, đó chăng phải là lời chê bai hay sao? [0102a06] Kiên cố bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, đó thật là lời chê bai. Đức Phật dạy: —Chính vì lẽ đó mà Như Lai không dạy các Tỳ-kheo biểu hiện thần thong biến hóa. Như Lai chỉ dạy cho đệ tử nên ở chỗ thanh vắng, lặng lẽ tư duy về lý đạo. Nếu có công đức thì nên tự giấu kín, nếu có lỗi lầm thì nên tự tỏ bày, sám hôi. Như vậy, này con trai trưởng giả! Đó chính là loại thân túc quán sát tâm người mà đệ tử của Như Lai biểu hiện. Thế nào là giáo giới thần túc? Này con trai trưởng giả! Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, đầy đủ mười hiệu, Ngài đã tự thân chứng ngộ,

giữa hàng ươi, người, Ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn vì chúng sanh mà thuyết pháp. Pháp ấy phần dầu, phần giữa và phần cuối thảy đều chân chánh, đây đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh vẹn toàn. Nêu có trưởng giả hay cư sĩ nào được nghe pháp này, liền phát khởi niềm tin. Khi đã có niềm tin ở trong pháp này, vị ấy quán sát và tự suy nghĩ: "Ta không nên sống đời tại gia. Nếu sông tại gia thì cứ bi trói buộc, không thê tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đủ các công dức,...cho đến thành tựu Ba minh,10 diệt trừ tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí. Vì sao như vậy? Vì nhờ tinh cân, thích sông một mình nơi thanh văng, chuyên niệm không quên nên được kết quả như thế. Này Kiên cố! Đó chính là loại thần túc giáo giới mà Tỳ-kheo đệ tử của Như Lai biểu hiện. Bấy giờ, Kiên cố, con trai trưởng giả, bạch đức Phật: -Có Tỳ-kheo nào thành tựu cả ba loại thần túc đó không?

9 Nguyên tác: Càn-đà-la chú .Tham chiếu: Dll: Atthi Gandhārī nāma vijjā Có minh chú gọi là Gandhārī. 10 Tam minh :Túc mạng minh ,Thiên nhãn minh và Lậu tận minh .

Đức Phật bảo con trai trưởng giả: Như Lai không nói có nhiều Tỳ-kheo thành tựu cả ba loại thần thông ấy. Nhưng, này con trai trưởng giả! Trong chúng này của Như Lai, có một Tỳ-kheo tự suy nghĩ rằng: "Thân này, với bốn đại đất, nước, lira, gió, do đâu mà diệt h?" Nghĩ thế, vị Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào con đường thiên giới,11 đi đến chỗ Tứ Thiên Vương11 12 và hỏi: "Thân này, với bốn đại đất, nước, lửa, gió, do đâu mà diệt hẳn?" Nay con trai trưởng giả! Tứ Thiên Vương kia trả lời Tỳ-kheo: "Tôi không biết bốn đại do đâu mà diệt hẳn nhưng trên tôi có cõi trời tên là Đao-lợi13 vi diệu bậc nhất, có trí tuệ lớn. Chư thiên cõi ấy có thể biết được bốn đại do đâu mà diệt hẳn." Vị Tỳ-kheo ây nghe xong, trong phút chóc hướng vào con đường thiên giới, đi đến trời Đao-lợi rồi hỏi chư thiên: "Thân này, với bốn đại đất, nước, lửa, gió, do đâu mà diệt hẳn?” Chư thiên Đao-lợi đáp: "T6i không biết được bốn đại do đâu mà diệt hẳn nhưng trên tôi có trời tên là Diệm-ma1415 vi diệu bậc nhất, có trí tuệ lớn, có thể biết được điều d6.” Tỳ-kheo liền lên đó hỏi và được đáp: uTôi không biết dugc!" Cứ như thế, lần lượt lên đến trời Đâu-suất, Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại,15 và trời nào cũng đáp: "Tôi không biết được bốn đại do đâu mà diệt nhung trên chúng tôi còn có trời gọi là Phạm-ca-di16 vi diệu bậc nhất, có trí tuệ lớn, trời ấy có thể biết được bốn đại do đâu mà diệt hẳn.,^ Tỳ-kheo ấy trong phút chốc hướng vào con đường dẫn đến Phạm thiên. Đen Phạm thiên, Tỳ-kheo hỏi: "Thân này, với bốn đại đất, nước, lửa, gió, do đâu mà diệt hẳn?" Phạm thiên ấy đáp: "Tôi không biết được bốn đại do đâu mà diệt han. Nay có Đại Phạm thiên vương không ai sánh băng, thông lãnh cả ngàn thế giới, giàu sang quyền quý, rất tự tại, có thể tạo ra muôn loài, là cha mẹ của chúng sanh, chỉ có ngài mới biêt được bôn đại do đâu mà diệt hăn!,, Này con trai trưởng giả! Tỳ-kheo kia liên hỏi: "Vi Đại Phạm vương ây nay ở dâu?" Phạm thiên đáp: "Tôi cũng không biết hiện giờ Đại Phạm vương ở đâu nhưng theo tôi nghĩ, ngài sẽ xuất hiện bây gi&", quả thực, không bao lâu bỗng thấy Đại Phạm thiên vương xuất hiện. Này con trai trưởng giả! Tỳ-kheo kia liền đên hỏi Phạm vương: "Thân này, với bôn đại đát, nước, lửa, gió, do đâu mà diệt h3n?" Đại Phạm

vương kia đáp: “Ta là Phạm thiên vương, không ai sánh bằng,

11 Thúc thú thiên đạo . 12 Tứ Thiên Vương Cātummahārājikā deva, tầng thứ nhất trong 6 tầng trời cõi Dục. 13 Đao-lợiTāvatimsa, tầng thứ 2 trong 6 tầng trời cõi Dục. 14 Diệm-ma ,Yāmā còn gọi Dạ-ma ,tầng thứ 3 trong 6 tầng trời cõi Dục. 15 Đâu-suất ,Tusitā, Hóa Tự Tại Nimmānaratī, Tha Hóa Tự Tại , Paranimmitavasavatti. 16 Phạm-ca-di 4 Brahma Kāyikā cũng gọi Phạm Thân thienjhay Phạm Chúng thiên ,tầng thứ nhát trong 3 tầng thuộc coi trời sớ thiền y

thống lãnh cả ngàn thế giới, giàu sang quyền quý, rất tự tại, có thể tạo ra muôn loài, là cha mẹ của tất cả chung saKhi đó, Tỳ-kheo kia nói: "Tôi không hỏi việc đó, tôi chỉ muốn hỏi bốn đại đất, nước, lửa, gió do đâu mà diệt hẳn?" Này con trai trưởng giả! Phạm vương kia vẫn cứ đáp: "Ta là Đại Phạm thiên vương, không ai sánh bằng,... cho đến có thể tạo ra muôn loài, là cha mẹ của tất cả chúng sanh." Vị Tỳ-kheo lại hỏi: "Tôi không hỏi điều đó5 tôi chỉ muốn hỏi bốn đại do đâu mà diệt hẳn th6i!" Này con trai trưởng giả! Phạm thiên vương kia đáp ba làn như thế nhưng vẫn không trả lời được câu hỏi của Tỳ-kheo ấy là bốn đại do đâu mà diệt hẳn. LÚC đó, Đại Phạm vương bèn năm tay phải của Tỳ-kheo, dân tới chô văng và nói: “Này Tỳ-kheo! Hiện nay, các Phạm thiên đều tôn ta là người có trí tuệ bậc nhất, điều gì cũng biết, cũng thấy nên ta không thể trả lời với thầy rằng ta không thấy, không biết bốn đại do đâu mà diệt hẳn.” Rồi lại noi tiếp với Tỳ-kheo rằng: "Thầy thật quá dại khờ nên mới bỏ Như Lai mà tìm đến chư thiên để hỏi việc này! Thầy nên trở lại hỏi Thế Tôn việc này. Đức Phật dạy như thế nào, thầy hãy khéo léo thọ trì như vậy. Hiện nay, Thế Tôn đang ngự tại vườn ông cấp Cô Độc, nước Xá-vệ. Thầy hãy mau đến đó mà h6i!" [0102c05] Này con trai trưởng giả! Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia từ cối Phạm thiên bỗng nhiên biến mất, nhanh như thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, hiện đến vườn ông cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Sau đó5 Tỳ-kheo đến chỗ Như Lai, cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên, bạch rằng: "Bạch Thế Tôn! Bốn đại, đất, nước, lửa, gió này do đâu mà diệt hẳn?” Bấy giờ, Như Lai bảo: "Này Tỳ-kheo, ví như người lái buôn mang con chim ưng cùng đi biển.17 Khi ra giữa biển khơi thì thả con chim ra. Chim bay giữa hư không, trông khắp cả bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, nếu nhìn thấy đất liền thì liền đáp xuống, nếu không thấy bờ thì chim sẽ bay trở lại đáp xuống thuyền. Này Tỳ-kheo, ông nay cũng như thế, đi cho đến Phạm thiên để hỏi ý nghĩa ấy nhung cuối cùng không thành tựu gì mới trở lại hỏi Như Lai. Nay Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông hiểu nghĩa d6." Đức Phật liền nói bài kệ: Bốn đại này do dâu, Diệt sạch không còn dấu?18 Sắc thô5 tế, đẹp, xấu, Dài, ngắn, diệt do đâu? Do đâu không danh, sắc, Diệt hẳn, không dư tàn?19 Nên đáp: Thức vô hình, Vô lượng, tự tỏa sáng.20

17 Nguyên tác: Tý ưng nhập hải (),thương nhân đi biển mang theo con chim tìm bờ. 18 Tham chiếu: 11: Kattha āpo ca pathavī tejo vāyo na gādhati? (Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững?) 19 Tham chiếu: D. lì: Kattha nāmañ ca rūpañ ca asesam uparwjhatii (Nơi nào danh và sắc hoại diệt không dư tàn?) 20 Nguyên tác: Thức vô

hình, vô lượng tự hữu quang ().Tham chiếu: D. 11: Viññānarn

Thức diệt, bốn đại diệt, Thô, tế, đẹp, xấu diệt, Danh, sắc này cũng diệt, Thức diệt, tất cả diệt.21 Khi nghe bài kệ này xong, Kiên cố, con trai trưởng giả, bạch đức Phật: Kính bạch Thế Tôn, vi Tỳ-kheo đó tên gì? Và làm thế nào để nhớ? Đức Phật bảo con trai trưởng giả: Vi Tỳ-kheo ấy tên A-thất-dĩ.22 Hãy ghi nhớ như vậy! Bây giờ, con trai trưởng giả tên là Kiên Cô nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

anidassanarn anantam sabbato pabham (Thức không thể thấy, vô biên, sáng soi khắp cẻì).Phạrn thiên thinh Phật kinh (rbl. 0026.78. 0547a09) ghi: Thúc vô lượng canh giới (•). 21 Tham chiếu: D. ii: Viññānassa nirodhena eth "etāni uparujjhatīti (Do thức diệt, [tất cả] cái đó diệt). 22A-thất-dĩ().

25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại rừng nai Kim-bàn,12 thuộc nước ủy-nhã.3 Bấy giờ, có Phạm chí lõa hình tên là Ca-diếp45đến chỗ đức Thế Tôn đang an trú. Sau khi chào hỏi xong, Phạm chí ngoi sang một bên roi bạch đức Phật: -Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm chê trách tất cả các pháp tế tự, chê bai tất cả những người tu khổ hạnh và cho đó là dơ bẩn, xấu xa. Thưa đức Cù-đàm! Nếu có người nói: "Sa-môn Cù-đàm chê trách tất cả các pháp tế tự, chê bai tất cả những người tu kho hạnh và cho đó là dơ ban, xấu xa", người nói lời như vậy có đúng pháp, có thuận theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, là không phỉ báng Sa-môn Cù-đàm chăng? [0103a03] Đức Phạt dạy: r r y r

Này Ca-diêp, nêu họ nói răng: "Sa-môn Cù-đàm chê trách tát cả các pháp tế tự, chê bai tất cả những người tu khổ hạnh và cho đó là dơ bẩn, xấu xa" thì lời nói của họ không đúng pháp, không thuận theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó không phải là lời nói thành thật mà là sự phỉ báng Như Lai. Tại sao? Này Ca- diếp, vì Như Lai thấy những người tu khổ hạnh kia, có người sau khi thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục nhung cũng thây những người tu khô hạnh kia, có người sau khi qua đời sanh lên cõi trời, hoặc sanh về cảnh giới tốt đẹp. Hoặc thấy những người tu khổ hạnh ưa thích làm các điều khổ hạnh, sau khi qua đời thì đọa vào địa ngục. Hoặc thấy người tu khổ hạnh ưa thích làm các điều khổ hạnh, sau khi qua đời thì sanh lên cõi trời, hoặc sanh về cảnh giới tốt đẹp. Này Ca-diếp, đối với hai hướng thọ báo này/ Như Lai đã thấy rõ, biết rõ thì lẽ nào lại chê trách những người tu khổ hạnh và cho đó là dơ bẩn, xấu xa? Có những điều Như Lai cho là đúng thì họ nói là sai, có những điều Như Lai bảo là sai thì họ cho là đúng.

1 Nguyên tác: Lõa hình Phạm-chỉ kinh T.Ol. 0001.25. 0102c24. Tham chiếu: D, 8, Mahāsīhanāda Sutta Đại kinh Sư tử hong. 2 Nguyên tác: Kim bàn Lộc Dã lâm ,Kannakatthakamigadāya. 3 Nguyên tác: ủy-nhã quốc Ujuññā. 4 Nguyên tác: Lõa hình Phạm chí Ca-diếp ,Acelakassapav cần phân biệt với các vị cùng tên Ca-diếp như Ma-ha Ca-diếp Mahakassapa, Ưu-lau-tần-loa Ca-diep Uruvelakaśsapa . 5 Nguyên tác: Nhị thú Hai hướng thọ sanh, chỉ cho thiện thú

sugatā và ác thh , duggata.

852 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Ca-diếp, có những pháp giống nhau giữa Sa-môn và Bà-la-môn nhưng cũng có những pháp khác biệt giữa Sa-môn và Bà-la-môn. Này Ca-diếp, đối với những pháp không đồng, Như Lai bỏ qua, vì những pháp này Sa-môn và Bà-la-môn không đông nhau. Này Ca-diếp, với người có trí thì họ quán sát như sau: "Đối với những pháp bất thiện, đen tối, dơ bẩn, nặng nề, không phải là pháp Hiền thánh, giữa Sa-môn Cù-đàm và những bậc thầy của các giáo phái kia67thì ai đủ sức diệt trừ các pháp d6?" Này Ca-diếp, khi người trí kia đã quán sát như vậy rồi thì biết rõ như thật rằng: “Chi có Sa-môn Cù-đàm mới đủ sức trừ diệt các pháp bất thiện ấy.” Này Ca-diêp, khi người có trí quán sát như thê, suy nghĩ bàn luận như thê, ở trong pháp đó, Như Lai ắt hẳn được ngợi khen. Này Ca-diêp, với người có trí thì họ quán sát như sau: uĐôi với các pháp bất thiện, đen tối, dơ bẩn, nặng hề, không phải là pháp Hiền thánh thì đệ tử của Sa-môn Cù-đàm và đệ tử của những bậc thây các giáo phái kia, ai đủ sức diệt trừ các pháp bất thiện d6?" Này Ca-diếp, khi người trí kia đã quán sát như vậy rồi thì biết rõ như thật rằng: "Chi có đệ tử Sa-môn Cù-đàm mới đủ sức trừ diệt các pháp bất thiện ay?5 Này Ca-diếp, khi người có trí quán sát như thế, suy nghĩ bàn luận như thế, đệ tử của Như Lai ắt hẳn được ngợi khen. Này Ca-diêp, với người có trí thì họ quán sát như sau: "Đôi với các pháp thiện, trăng sạch, vi diệu, là pháp Hiên thánh thì Sa-môn Cù-đàm và bậc thây của các giáo phái kia thì ai có khả năng, sức lực để tu hành và nêu bày rộng ri?"7 Này Ca-diếp, khi người trí kia đã quán sát như vậy rồi thì biết rõ như thật rằng: "Chí có Sa-môn Cù-đàm mới có đủ khả năng, sức lực để tu hành và phát triển rộng rãi pháp ấy." Này Ca-diếp! Khi người có trí quán sát như thế, suy nghĩ bàn luận như thê, ở trong pháp đó, Như Lai ăt han được ngợi khen. Này Ca-diêp5 với người có trí thì họ quán sát như sau: "Đôi với các pháp thiện, trắng sạch, vi diệu, là pháp Hiền thánh thì đệ tử Sa-môn Cù-đàm và đệ tử của bậc thầy các giáo phái kia thì ai có đủ khả năng. sức lực để tu hành và phát tnen rongrair Này Ca-diếp, khi người trí kia đã quán sát như vậy rồi thì biết rõ như thật rằng: "Chi có đệ tử Sa-môn Cù-đàm mới có đủ khả năng, sức lực để tu hành và phát triển rộng rãi pháp ấy." Này Ca-diếp! Khi người có trí quán sát như thế, suy nghĩ bàn luận như thế, đệ tử của Như Lai ắt hẳn được ngợi khen.

6 Nguyên tác: Dị chúng su de tử ganācariyasāvakasañghā: Chúng đệ tử của các giáo phái khác. 7 Nguyen tác: Thùy năng kham nhậm tang quảng tu hành giả?.ở đây, theo Chảnh Pháp Hoa kinh từ đíacủa Seishi Karashima ,Tân Đảo Tĩnh Chỉ, “kham nhậm,, mang nghĩa là đủ sức lực ,yathdbcilà.

25. KINH PHẠM CHÍ LÕA HÌNH 853

Này Ca-diếp, có con đường, có phương pháp nếu nương vào đó để tu tập thì vị Tỳ-kheo sẽ tự thấy, tự biết: "Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp và đúng 1." Này Ca-diếp, thế nào là con đường và thế nào là phương pháp mà nếu nương vào đó để tu tập thì vị Tỳ-kheo sẽ tự thấy, tự biết: "Sa-m6n Cù-đàm nói

đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp và đúng mat?" Này Ca-diếp, đó là Tỳ-kheo tu theo niệm giác chi, nương vào tịch lặng, nương vô dục và nương xuất ly. Tu tập trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an,9 đinh và xả giác chi, nương nơi tịch lặng, nương nơi vô dục và hướng đến xuất ly.10 Này Ca-diếp, đó là con đường, đó là phương pháp mà Tỳ-kheo nương vào đó để tu tập thì sẽ tự thấy, tự biết: uSa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp và đúng luat." Ca-diếp thưa: —Bạch đức Cù-đàm9 dù có con đường này, dù có phương pháp này, Tỳ-kheo nương vào đó để tu tập thì sẽ tư thấy, tự biết: uSa-môn Cù-đàm nói đúng thời, đúng sự thật, đúng nghĩa, đúng pháp và đúng mát" nhưng với khổ hạnh ô uế, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn, có trường hợp được gọi là Sa-môn. Vì sao với khô hạnh ô uê này, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn? có trường hợp được gọi là Sa-môn? Bạch đức Cù-đàm9 các pháp khổ hạnh như sống lõa thể, chỉ lấy tay ngăn che, không nhận thức ăn qua đêm, không nhận thức ăn hư thối, không nhận thức ăn để giữa hai nhà, không nhận thức ăn lúc hai người đang ăn, không nhận thức ăn để giữa hai cây dao, không nhận thức ăn giữa hai đoạn cây,*11 không nhận thức ăn từ gia đình đang ăn, không nhận thức ăn từ phụ nữ mang thai, không nhận thức ăn khi có chó đứng trước cửa, không nhận thức ăn có ruồi bu, không nhận mời đi ăn, không nhận thức ăn được cho biết trước; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không dùng thức ăn trong hai bát; hoặc một lần nhai, một lân nuốt? cho đên bảy lân thì thôi, hoặc nhận thức ăn không quá bảy lần; hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc ăn trái cây, ăn rau cỏ, uống nước cơm, ăn lúa mè, ăn nếp tắc, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ cây, hoặc ăn nhánh lá, hoa trái, hoặc ăn trái cây rụng; hoặc mặc áo, hoặc mặc áo vải thô,12

8 Nguyên tác: Hữu đạo hữu tích atthi maggo atthi patipadã'. Có con đường, có phương pháp [ni tập]. 9 Nguyen tác: Ỷ tên khác của “khinh an." 10 Con đường tu tập theo bản Hán là "thất giác chi”,trong khi ở Z. 8 nêu dẫn là "Thánh đạo tám chi.” 11 Nguyên tác:c bay, đồ dùng trát tường vách. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là "xh”,cái chày. Tham chiếu: D. 8: Khống nhận thức ăn đặt giữa 2 cây gậy vì sợ dành riêng cho mình. 12 Nguyên tác: Phi sa y .Tham chiếu: D. 8: Sãnãnỉpi dhãreti, masãnãnỉpi dhãreti mặc áo vải gai thuần hoặc mặc áo vải gai lan với các thứ vải khác.

hoặc mặc áo vỏ cây, hoặc lấy cỏ che thân, hoặc mặc áo da nai, hoặc để tóc, hoặc mặc áo bằng lông, hoặc lượm áo vứt bỏ ở ngoài gò mả; hoặc thường đưa tay lên trời, hoặc không ngôi trên giường chiêu, hoặc thường ngôi xôm, hoặc cạo tóc để râu dài, hoặc nằm trên gai, hoặc nằm trên rau trái, hoặc ở trần nằm trên phân bò; hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần, dùng vô số khổ hạnh để hành hạ xác thân này. Bạch đức Cù-đàm5 tu những khổ hạnh nhiễm ô đó? có trường hợp được gọi là Sa-môn, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn. Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, những người lõa thể không mặc y phục, dùng vô số cách thức để hành hạ xác thân nhưng với giới hạnh thì không đầy đủ, thấy biết không trọn vẹn, không chuyên cần tu tập và cũng không làm

cho rộng lớn.13 Ca-diếp bạch đức Phật: Thế nào là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ thấy biết, vi diệu bậc nhất, hơn cả những khổ hạnh? Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, hãy lang nghe, hãy khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ nói cho ông biết! Ca-diếp đáp: -Thưa Cù-đàm, xin muốn được nghe! Đức Phật bảo Ca-diếp: Đấng Như Lai, bậc Chí Chân thi hiện ở đòd và chứng được bốn thiền, ở trong hiện tại mà đạt được an vui. Vì sao như vậy? Vì nhờ tinh cần, chuyên chú nhất tâm, thích ở nơi vắng lặng và không buông lung. Này Ca-diếp! Đó là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ thấy biết, vi diệu bậc nhất, hơn cả những khổ hạnh. Ca-diếp bạch Phật: Thưa Cù-đàm, tuy gọi là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ thấy biết, vi diệu bậc nhất, hơn cả những khổ hạnh nhưng pháp của Sa-môn và Bà-la-môn thật là khó thay!14 Đức Phật dạy: Này Ca-diếp! Đó là lẽ tự nhiên trong đời15 khi cho rằng pháp của Sa-môn9 Bà-la-môn là khó hành. Này Ca-diếp, ngay cả những người nữ cư sĩ còn biết được pháp này: Đó là trút bỏ y phục,... cho đến dùng vô số phương tiện để đày đọa xác thân nhưng không thể biết rõ tâm của mình có còn giận hay không giận, tâm có hận hay không hận, tâm có hại hay không hại. Nếu như biết được tâm

13 Nguyên tác: Bất quảng phổ ().Tham chiếu: D. 8: Atha kho so ārakā va sāmaññā, ārakā va brahmaññā (Vị ấy con cách xa Sa-môĩ pháp, còn cách xa Bà-la-môn pháp). 14 Tham chiếu: D. 8: Dukkaram sāmaññam (Khó hành thay là pháp Sa-môn!) 15 Nguyên tác: Bất cộng (,ãvenikà).

của người ấy còn như thế thì không xứng gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Vì mình chẳng biết gì nên mới nói pháp của Sa-môn, Bà-la-môn kia thật là khó hành. [0104a03] Bấy giờ, Ca-diếp lại thưa: Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là Sa-môn5 Bà-la-mon có đầy đủ giới hạnh, đầy đủ thấy biết, cao thượng, tối thắng, vi diệu bậc nhất? Đức Phật bảo Ca-diếp: -Ông hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ nói cho ông biết! Ca-diếp đáp: -Thưa vâng, Cù-đàm! Xin muốn được nghe! Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, vi Tỳ-kheo tu định tâm,... cho đến chứng được Ba minh, diệt trừ si mê tăm tối, phát sanh ánh sáng trí tuệ, đó là trí tuệ phát sanh do sạch hét lậu hoặc. Vì sao như vậy? Vì do tinh cân, chuyên chú không quên, ưa nơi vắng lặng, không buông lung. Này Ca-diếp, đó gọi là Sa-môn9 Bà-la-môn đầy đủ giới hạnh, đầy đủ thấy biết, tối thắng, cao thượng, vi diệu bậc nhất. Ca-diếp bạch: -Thưa Cùdàm, vẫn biết Sa-m6n, Bà-la-mon đầy đủ giới hạnh, đầy đủ thấy biết, là cao thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất nhimg pháp của Sa-môn, Bà-la-môn thật quá khó, quá khó! Cũng khó thay để biết Sa-môn, khó thay để biết Bà-la-môn.16 Đức Phật dạy: Này Ca-diêp, ngay cả những người nam cư sĩ còn có thê tu pháp này được. Họ nói rằng: uTừ hôm nay tôi có thể trút bỏ y phục để lõa thể, cho đến dùng mọi cách để hành hạ thân mình,^ nhimg không the do việc làm này mà được gọi là Sa-môn hay Bà-la-môn. Nếu chỉ do việc làm này mà được gọi là Sa-môn hay Bà-la-môn thì không thể nói pháp Sa-môn quá khó hay pháp Bà-la- môn quá khó! Nhưng do vì không tu theo lối khổ hạnh như Sa-môn, Bà-la-môn đã làm, cho nên mới nói khó thay Sa-môn, khó thay Bà-la-môn. Đức Phật dạy: Này Ca-diếp, xưa có một thời, Như Lai ở tại La-duyệt-kỳ?17 trong hang Thất Diệp18 trên Cao Sơn, giảng về pháp khổ hạnh thanh tịnh cho Phạm chí Ni-câu-đà.19 Khi đó, ông ấy sanh tâm hoan hỷ, được

lòng tin thanh tịnh nên đã cúng dường và tán thán Như Lai. Ông ấy là người bậc nhất cúng dường, xưng tán Như Lai.

16 Tham chiếu: D. 8: Dujjāno samāno, dujjāno brāhmano Khó biết Sa-môn, khó biết Bà-la-môn. 17 La-duyệt-kỳ Rājagaha. Xem chú thích 3, kinh số 2, tr. 517. 18 Cao sơn Thất Diệp quật Sattapanniguhā. Xem chú thích 2, kinh số 8, tr. 639. 19 Nguyên tác: Ni-câu-đà Phạm-chí ,Tapasa Brahmacārī Nigrodha.

Ca-diếp bạch: - Thưa Cù-đàm! Đối với Cù-đàm thì ai mà không sanh tâm vô cùng hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường và tán thán Ngài. Chính con hôm nay cũng sanh tâm vô cùng hoan hỷ, tinh tín, cúng dường, tán thán và quy y Cù-đàm. Đức Phật dạy: 9 -J Này Ca-diêp? những gì được xem là giới pháp trong thê gian cũng không thể sánh ngang với giới pháp bậc nhất của Như Lai, huống hồ vượt cao hơn. Những gì được xem là tam-muội? trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến,20 cũng không thể sánh ngang với tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến bậc nhất của Như Lai, huống hồ vượt cao hơn. Này Ca-diếp! Được gọi là Sư Tỉr, là chỉ cho Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Như Lai ở giữa đại chúng giảng nói Chánh pháp một cách sâu rộng, tự tại không sợ hãi nên gọi là Sư Tử. Thế nào, Ca-diếp? Ông nghĩ rằng Như Lai cất lên tiếng rống sư tử là không hùng dũng chăng? Chớ nghĩ như vậy! . í. a • Vì khi Như Lai cát lên tiêng rông sư tử thì đây sức hùng dũng và vô úy. Này Ca-diêp! Ong nghĩ răng Như Lai hùng dũng cát lên tiêng rông sư tử, là không ở trong đại chúng chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì khi Như Lai hùng dũng cất lên tiếng rống sư tử là khi đang ở trong đại chúng. Này Ca-diếp! Ông cho rằng Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử nhưng không thể thuyết pháp chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như vậy? Vì đức Như Lai khi ở trong đại chúng không những cất lên tiếng rống sư tử, hùng dũng, vô úy mà còn khéo thuyết pháp. Thế nào, Ca-diếp? Ông cho rằng Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử và khéo thuyết pháp nhưng người nghe lại không nhất tâm chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như vậy? Vì Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử và những người đến với hội chúng đều nhất tâm lắng nghe. Thế nào, Ca-diếp? Ông cho rằng Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rông sư tử và khéo thuyêt pháp, những người đên hội chúng đêu nhát tâm nghe pháp nhưng lại không hoan hỷ, tin nhận thực hành chăng? Chớ nghĩ như vậy? Vì sao như vậy? Vì Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử, khéo thuyết pháp, những người đến với hội chúng đều nhất tâm nghe và hoan hỷ tin nhận roi thực hành. Này Ca-diếp! Ông cho rằng Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử, khéo thuyết pháp, những người đến với hội chúng hoan hỷ tin nhận rồi thực hành nhưng lại không cúng dường chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như vậy? Vì Như Lai ở trong đại chúng cát lên tiêng rông sư tử, khéo thuyêt pháp,

20 Nguyên tác: Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, kiến giải thoát tuệ (,).Tham chiếu: D. 8: Ariyam param sīlam (Tối thượng Thanh giới); Ariyā paramā tapojigucchā (Tối thượng Thánh khổ hạnív Ariyā paramā paññā (Tối thượng Thánh tuế); Ariyā paramā vimutti (Tối thượng Thánh giải thoát). Có thể hiểu: Giai, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

những người đên với hội chúng đêu nhát tâm lăng nghe, hoan hỷ5 tin nhận và hoan hỷ cúng dường. Này Ca-diêp! Ong cho răng Như Lai ở trong đại chúng cát lên tiêng rông sư tử, khéo thuyết pháp, những người đến với hội chúng đều nhất tâm lắng nghe, hoan hỷ, tin nhận, cúng dường nhimg họ không cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như vậy? Vì Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử, khéo thuyết pháp, những người đến với hội chúng đều nhất tâm lắng nghe, hoan hỷ, tin nhận, cúng dường, họ đều cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Này Ca-diếp! Ông cho rằng Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử, khéo thuyết pháp, những người đến với hội chúng đều nhất tâm lắng nghe, hoan hỷ, tin nhận, cúng dường, xuất gia tu đạo nhimg không đạt được Phạm hạnh rót ráo, đên nơi an ôn, Vô dư Niêt-bàn chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như vậy? Vì Như Lai ở trong đại chúng cất lên tiếng rống sư tử, khéo thuyết pháp, những người đến với hội chúng đều nhất tâm lắng nghe, hoan hỷ, tin nhận, cúng dường, xuất gia tu đạo, đạt được Phạm hạnh rốt ráo, đến nơi an ổn, Vô dư Niết-bàn. Bấy giờ, Ca-diếp bạch đức Phật: Thưa đức Cù-đàm! Con có được phép xuất gia, thọ giới Cụ túc ở trong giáo pháp này chăng? Đức Phật bảo Ca-diếp: Nêu kẻ ngoại đạo muôn xuât gia tu tập trong giáo pháp Như Lai thì phải trải qua bốn tháng để xem xét, nếu chúng Tăng thuận lòng thì sau đó mới được xuât gia thọ giới. Này Ca-diêp, tuy có phép tác như vậy nhưng cũng tùy theo từng trường hợp. Ca-diếp bạch: Người ngoại đạo muốn xuất gia tu học trong giáo pháp Như Lai, phải trải qua bốn tháng để xem xét, nếu chúng Tăng thuận lòng thì sau đó mới được xuất gia thọ giới, riêng con có thê ở trong Phật pháp bôn năm, nêu chúng Tăng thuận lòng, sau đó con mới xuất gia, thọ giới. Đức Phật bảo Ca-diếp: -Như Lai đã nói, điều đó cũng xét tùy theo từng người. Bấy giờ, Ca-diếp ở trong Phật pháp, xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sau khi Ca-diếp thọ giới chưa bao lâu, với lòng tin thanh tịnh, tu tập Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện tại tự thân chứng ngộ: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa, tức thành bậc A-la-hán. ỉ Z

Lúc ây, Ca-diêp nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

26. KINH TAM MINH1 \ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la,12 rồi đi đến Y-xa-năng-già-la,3 thôn của Bà-la-môn ở Câu-tát-la và nghỉ đêm trong rừng Y-xa. Lúc ấy, có hai Bà-la-môn tên là Phất-già-la-sa-la4 và Đa-lê-xa5 vì có chút duyên sự nên cũng đến thôn này. Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, không bị người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà,6 phân biệt rành rẽ các loại kinh thu, giỏi về pháp xem tướng của bậc đại nhân, biết rõ điềm tốt xấu, thành thạo pháp lễ nghi cúng tế. Đệ tử của ông có đến năm trăm người, thường được dạy dỗ đầy đủ. Trong số đệ tử của Phất-già-la-sa-la, có một vị tên là Bà-tất-tra7 cũng có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, không bị người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, giỏi về pháp xem tướng của bậc đại nhân, biêt rõ diêm tót xâu, thành thạo lễ nghi cúng tê. Bà-tất-tra

cũng có năm trăm đệ tử, thường được dạy dỗ đay đủ. Bà-la-môn Đa-lê-xa cũng có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, không bị người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, giỏi về pháp xem tướng của bậc đại nhân, biết rõ điềm tốt xấu, thành thạo lễ nghi cúng tế. Đệ tử của ông có đến năm trăm người, thường được dạy dỗ đầy đủ. Trong số đệ tử của Đa-lê-xa, có một vị tên Phả-la-đọa có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, không bi người khác gièm pha, đọc tụng thông suốt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, giỏi về pháp xem tướng của bậc đại nhân, biết rõ điềm tốt xấu, thành thạo lễ nghi cúng te. Phả-la-đọa cũng có năm trăm đệ tử, thường được dạy dỗ đầy đủ.

1 Nguyên tác: Tam mình kỉnh roi. 0001.26. 0104c16. Tham chiếu: D. 13, Tevijjā Sutta Kinh Tam minh. 2 Câu-tát-la Kosala. Xem chú thích 3, kinh số 7, tr. 623.
3 Y-xa-năng-già-la ,Iccānanagala.

4 Phất-già-la-sa-la Pokkharasāti. 5 Đa-lê-xa Tārukkha. 6 Nguyên tác:
Dị điển tam b,chỉ cho 3 bộ Vệ-đà.

7 Bà-tất-tra ,Vāsettha.

[0105a08] Bấy giờ, hai ông Bà-tất-tra và Phả-la-đọa8 mới sáng sớm đã đến già-lam9 cùng nhau bàn luận nghĩa lý, ganh đua phải trái với nhau. Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa rằng: "Đạo của tôi là chân chánh, có khả năng xuất ly, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên. Đây là lời của đại sư Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la truyền dạy." Phả-la-đọa lại nói: "Đạo của tôi là chân chánh, có khả năng xuất ly, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên. Đây là lời của đại sư Bà-la-môn Đa-lê-xa đã nói.,, Hai người cứ tranh luận qua lại như thê nhiêu lân, chỉ nhăm tự tán dương "đạo của mình là chân chánh,, và cuối cùng không ai chịu nhường ai. Thế rồi, Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa: "Tôi nghe tin có Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, xuất gia tu hành đã thành đạo quả, hiện đang du hóa trong nhân gian, ở nước Câu-tát-la và đang nghỉ tại rừng Y-xa-năng-già-la. Ngài có danh tiêng lớn, lưu truyên kháp nhân gian. Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu. Ngài ở giữa chư thiên ya loài người, Ma và Thiên ma, Sa-môn? Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ rồi thuyết pháp cho chúng sanh. Giáo pháp của Ngài nói ra phần đầu, phần giữa và phần cuối đều chân chánh, đầy đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân nhân như vậy thật xứng đáng để đến viếng thăm Ngài. Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết cho người. Ngài thường trò chuyện qua lại với Phạm thiên. Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Cù-đàm, cầu xin Ngài phân đinh việc giữa hai ta. Nêu Sa-môn có dạy điêu gì thì chúng ta nên vâng giữ.” Thế rồi, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa cùng nhau đi đến rừng Y-xa, chỗ đức Thế Tôn, thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên. LÚC đó, đức Phật biêt được ý nghĩ trong tâm của hai Bà-la-môn này, nên bảo Bà-tất-tra rằng: Cả hai người vào lúc sáng sớm đã đên già-lam, cùng nhau bàn luận, ganh đua phải trái. Người này nói: 'Tháp của ta là chân chánh, có khả năng xuất ly, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên. Đó là điều mà đại sư Bà-la-môn Phất-già-la- sa-la truyền dạy." Người kia nói: 'Tháp của ta

là chân chánh, có khả năng xuất ly, dân đên cộng trú với Phạm thiên. Đây là điêu mà đại sư Bà-la-môn Đa-lê-xa giảng day?9 Hai ngươi đã nhiều lần tranh luận, phản bác lẫn nhau, sự việc có đúng như vậy không? [0105Ồ03] Khi Bà-tất-tra và Phả-la-đọa nghe đức Phật nói lời này, thảy đều kinh ngạc, toàn thân rúng động rồi tự suy nghĩ: uSa-môn Cù-đàm có đại thần

8 Phả-la-đọa ,Bhāradvāja. 9 Nguyên tác: Viên trun11 ở đây viết tắt từ chữ "viên quán^, ,Từ điển Đinh Phúc Bảo giải thích:,chỉ cho trú xứ sinh hoạt của những người xuất gia thuộc nhiều tôn giáo khác nhau, trong đó có Phật giáo. Trú xứ này bát định, cQthê là một khu rừng, môt căn nhà sinh hoạt cộng đồng, một khu vườn... tuy theo thỏa ươc của cộng đồng. Nhằm tránh hiêu nham là một khu vườn cụ thể, nen chúng tôi sử dụng danh từ già-lam.

lực, biết được tâm người, những điều mà chúng ta muốn bàn luận thì Sa-môn Cù-đàm đã nói trước rồi." Rồi Bà-tất-tra bạch với Phật: Nếu đạo của người này và đạo của người kia đều tự xưng là "chân chánh, có khả năng xuất ly, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên" thi điều Bà-la-môn Phất- già-la-sa-la nói là chân thật hay điều Bà-la-môn Đa-lê-xa nói là chân thật? Đức Phật dạy: Giả sử, này Bà-tất-tra, đạo của Bà-la-môn này và đạo của Bà-la-môn kia \ v . 4 l f e đêu chân chánh, đêu có khả năng xuât ly, dân đên cộng tru với Phạm thiên thì tại sao các ông mới tảng sáng đã đến già-lam tranh tụng phải trái với nhau đến nhiều lần như thế? Bà-tất-tra thưa Phật: Vì có những Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà1011 giảng thuyết các con đường khác nhau, con đường tự tại dục, con đường tự tác và con đường Phạm thiên.11 Ba con đường ấy đều dẫn đến cộng trú với Phạm thiên. Thưa đức Cù- đàm! Cũng như trong thôn xóm có nhiều con đường nhưng tất cả đều dẫn vào thành, cũng vậy các Bà-la-môn tuy nói những con đường khác nhau nhimg đều dẫn đến cộng trú với Phạm thiên. Đức Phật hỏi Bà-tất-tra: Những con đường đó chung cuộc có dẫn đến Phạm thiên không? Bà-tất-tra đáp: Thưa vâng! Đều dẫn đến Phạm thiên. Đức Phật lặp lại câu hỏi đến ba lần: Những con đường đó chung cuộc có dân đên Phạm thiên không? Bà-tất-tra đáp: Đều dẫn đến Phạm thiên! Sau khi đã xác định câu trả lời, đức Thế Tôn bèn hỏi Bà-tất-tra: Thế nào, trong số những Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có ai đã từng thấy Phạm thiên chưa? Đáp: Thưa, chưa có ai nhìn thấy!

10 Tam minh Bà-la-môn M, Tevijjā Brāhmana. 11 Nguyên tác: Tự tại dục đạo, tự tác đạo, Phạm thiên đạo ,.Chưa thể xác đinh chính xác nội dung cú ngữ này. Quan điểm đầu tiên, có lẽ gần với quan điểm Túng dục luận ,gọi đủ là Hiện tại Niêt-bàn luận ,Ditthadhammanibbānavādā được ghi nhân trong D. l: uIGii nào bản ngã này tận hưởng, sung mãn 5 món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đền tối thượng Niêt-bàn của loài hữu tinh" HT. Thích Minh Châu dịch. Thứ hai, triết phái chủ trươM con đường hành động kammamagga. Thứ ba, con đường thực hành ubốn tâm vô lượng,, là từ, bi, hỷ, xả B,.

Thế nào? Bà-tất-ưa! Tiên sư của Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có ai đã từng nhìn thấy Phạm thiên chưa? Thua, chưa ai từng nhìn thấy! Thế nào? Bà-tất-tra! Các tiên nhân thông suốt ba bộ Vệ-đà, các Bà-la-môn kỳ cựu12 thuở xưa đều đọc tụng thông suốt, có khả năng giảng thuyết cho người khác nghe các bài tán tụng, ca vịnh thi thư cổ xưa. Tên của các vị ấy là: A-tráma,13 Bà-ma-đề-bà5 Tỳ-bà-thẩm, Y-ni"la-tư, Xà-bà-đề-già? Bà-bà-tất, Ca-diếp, A-lâu-na, Cù-đàm-na, Thủ-chỉ? Bà-la-tôn-đà.14 Những vị này đã từng được nhìn thấy Phạm thiên chưa? Đáp: - Thưa, chưa ai từng nhìn thấy! Đức Phật dạy: Nếu các Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà không có vi nào nhìn thấy được Phạm thiên và tiên sư của Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà cũng không có ai nhìn thấy được Phạm thiên, cho đến các bậc đại tiên Bà-la-môn kỳ cựu thông suốt ba bộ Vệ-đà như A-trá-ma... cũng không có vị nào nhìn thấy được Phạm thiên thì nên biết rằng những lời của Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà nói ra đều không đúng sự thật. [0105c04] Đức Thế Tôn lại bảo Bà-tất-tra: Như có một kẻ dâm đãng nói rằng: "Tôi đã tư thông với một cô gái trẻ đẹp và việc đó quả thật tuyệt vời.,, Người khác nghe liền hỏi: “Ong có biết cô gái đó không? Cô ta ở đâu? Phía Đông, phía Tây, phía Nam hay phía Bắc?” Đáp răng: "Không biết!" Lại hỏi: "Ong có biết quê quán, thành ấp, thôn xóm của cô gái đó khong?'9 "Không biết! “ "Thế ông có biết cha mẹ và tên họ của cô ta khong?" uKhôngbiết!" "Vậy ông có biết người con gái đó thuộc dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn9 Tỳ-xá hay Thủ-đà-la kh6ng?” "Không biết! “

12 Nguyên tác: Cựu Bà-la-môn Brāhmanānam pubbakā, 13 A-trá-ma Atthaka, Bà-ma-đề-bà ,Vāmadeva, Tỳ-bà-thẩm ,Vāsettha, Y-ni-la-tư ,Añgiras, Xà-bà-đề-già ,Yamataggi, Ca-điếp ,Kassapa. 14 D. 20 ghi: ,AỊIhaka, Bà-ma ,Vāmaka, Bà-ma-đề-bà ,Vāmadeva, Tỷ-ba-mật-đa Vessāmittā, Y-đâu-lại-tất Añgiras, Da-bà-đề-già , Yamataggi, Bà-bà-bà-tất--ứa Vāsettha, Ca-diep Kassapa, A-lâu-na , Bhāradvāja, Cù-đàm ,Gotama, Thủ-di-bà ,Tổn-đà-la .

"Ông có biết tướng mạo hình dáng của cô gái đó cao hay thấp, mập hay ốm, đen hay trắng và đẹp xấu thế nào kh6ng?" "Không biết!” Thế nào? Bà-tất-tra! Kẻ dâm đãng kia ca ngợi như vậy có phải là sự thật không? Bà-tất-tra đáp: -Không thật! Cũng vậy, Bà-tất-tra! Những gì Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ"đà nói ra cũng như vậy, đều là lời hư dối. Thế nào? Bà-tất-tra! Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà của ông nhìn thấy mặt trời, mặt trăng di chuyên và vị trí lúc lặn lúc mọc, roi chăp tay phụng thờ và tuyên bố rằng: "Con đường này chân chánh, sẽ được xuất ly, dẫn đến mặt trời, mặt trăng,9 được hay không? Bà-la-môn đáp: - Đúng vậy! Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà thấy mặt trời, mặt trăng di chuyển và cả vị trí lúc lặn lúc mọc, rồi chắp tay phụng thờ nhưng không thể nói: “Con đường này chân chánh, sẽ được xuất ly? dân đên mặt trời, mặt trăng/9 Như vậy, Bà-tất-tra! Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà thấy mặt trời, mặt trăng di chuyển và vi trí lúc lặn lúc mọc, rồi chắp tay phụng thờ nhưng không thể nói: "Con đường này là chân chánh, sẽ được xuất ly, dẫn đến mặt trời, mặt trang?9 Thê nhimg họ vân chăp tay cung kính phụng thờ thì chăng phải là hư vọng sao? Đúng

vậy, thưa đức Cù-đàm! Họ thật hư vọng. Đức Phật bảo: Ví như người dựng thang ở chỗ đất trống, có người khác đến hỏi: "Ong dựng thang ở đó để làm gi?" Đáp: "Tôi muốn leo lên nhà." Lại hỏi: "Nhà đó ở chỗ nào? Đông, Tây, Nam hay Bắc?" B “Kh6ng biết!" Thế nào? Bà-tất-tra! Người dựng thang muốn leo lên nhà đó chẳng phải là hoang đường sao? Đáp: Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Người kia thật là hoang đường.

Đức Phật dạy: Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà cũng như vậy, đều hư dối, không thật. Này Bà-tất-tra, năm loại dục15 thật đáng yêu, đáng thích! Thế nào là năm dục? Tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị và thân nhận biêt xúc chạm, thật đáng yêu? đáng thích. Nhưng trong pháp Hiên thánh của Ta thì những pháp đó là đắm trước, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà kia đã bị năm dục nhận chìm, ái dục dính chặt nên không thây sự tai hại, lôi lâm, không biêt thoát ly, đã bị năm dục trói buộc. Giả sử họ có phụng thờ mặt trời, mặt trăng, nước, lửa mà cầu nguyện rằng: "Xin hãy giúp tôi sanh lên cõi Phạm thien,9 thì điều đó thật hoang đường. Ví như sông A-di-la16 nước dâng tràn bờ, các loài chim, quạ có thể đứng trên bờ cúi xuống uống được. Lúc ấy, có người ở tại bờ này nhimg thân bi trói chặt nên kêu bờ bên kia rằng: "Hãy lại đây, đưa tôi sang sông/9 Bờ bên kia có thể nào di chuyển lại gần cho người ấy sang sông không? [0106a08] Bà-tất-tra đáp: Thưa không! Này Bàtâttra, năm loại dục thật đáng yêu, đáng thích nhtrng đôi với pháp Hiền thánh thì pháp ấy cũng như xiềng xích. Các Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà kia đã bị năm dục nhận chìm, ái dục dính chặt, không thấy sự tai hại, lỗi lầm, không biết thoát ly. Họ bị năm dục trói buộc, dù cho họ có phụng thờ mặt trời, mặt trăng, nước, lửa và cầu nguyện rằng: "Hãy giúp tôi sanh lên cõi Phạm thiên" thì cũng giông như vậy, hoàn toàn không thê xảy ra. Này Bà-tất-tra! Ví như sông A-di-la mặt nước tràn bờ? các loài chim quạ tha hồ uống, có người muốn qua sông nhưng không vận dụng sức lực của thân thể, tay chân, không nương vào thuyền bè, như vậy có qua sông được không? Đáp: Không thể qua được! Này Bà-tất-tra! Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà cũnệ như vậy. Họ không tu Phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn, lại tu tập hạnh bát tinh của đạo khác mà muốn sanh lên Phạm thiên thì quả thật không có lý đó. Này Bà-tât-ứa, cũng như nước lũ trên núi cuốn trồi nhiêu dân chúng và ở đó không có thuyền bè, cũng không có cầu. Nếu có ngườd muốn qua bờ bên kia nhưng thấy nước lũ trên núi cuốn trôi nhiều dân chúng và ở đó lại không có thuyền bè, cũng không có cầu, người kia tự nghĩ: “Ta chỉ còn cách gom nhặt thật nhiêu cỏ cây, buộc thành chiêc bè chác chăn, roi dùng sức của chính mình mới có thể sang bờ bên kia.” Nghĩ xong, người ấy liền gom nhặt thật nhiều cỏ cây rồi kết thành chiếc bè, rồi dùng sức của chính mình lướt bè sang bờ kia một cách an toàn.

15 Nguyên tác: Ngũ dục khiết tịnh .Xem chú thích 20, kinh số 17, tr. 750. 16 A-di-la Aciravatī, một trong 5 con sông lớn ở Ấn Độ.

Này Bà-tât-tra, trường hợp này cũng lại như vậy. Nêu vi Tỳ-kheo xả bỏ hạnh bất tinh của đạo khác, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn và muốn sanh lên Phạm thiên thì điều ấy hoàn toàn có thể được. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên có tâm giận ghét hay không có tâm giận ghét? Đáp: Không có tâm giận ghét! Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có tâm giận ghét hay không có tâm giận ghét? Đáp: Có tâm giận ghét! Này Bà-tất-tra9 Phạm thiên không có giận ghét nhtrng Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có tâm giận ghét. Như vậy, "có tâm giận ghét và không có tâm giận gh6t" không giống nhau, vì không cùng một chí hướng và không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Bà-la-môn không thể cộng trú. Thế nào? Bà-tấttra! Phạm thiên có tâm sân hay không có tâm sân? [0106b03] Đáp: Không có tâm sân! Lại hỏi: Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có tâm sân hay không có tâm sân? Đáp: Có tâm sân! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có tâm sân mà Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có tâm sân. Như vậy, "c6 tâm sân và không có tâm sân" không giống nhau, vì không cùng một chí hướng và không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Bà-la-môn không thể cộng trú. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên có tâm hận hay không có tâm hận? Đáp: Không có tâm hận! Lại hỏi: Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có tâm hận hay không có tâm hận? Đáp: Có tâm hận! Phật bảo: Này Bà-tất-tra! Phạm thiên không có tâm hận mà Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có tâm hận. Như vậy, "c6 tâm hận và không có tâm han" không giống nhau, vì không cùng một chí hướng và không cùng giải thoát. Thế nên,

Phạm thiên và Bà-la-môn không thể cộng tru. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên CÓ quyên thuộc và sản nghiệp không? Đáp: Không có! Lại hỏi: Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có quyến thuộc và sản nghiệp không? Đáp: Thưa có! Phạm thiên không có quyến thuộc và sản nghiệp, còn Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà có quyến thuộc và sản nghiệp. Như vậy, “c6 quyến thuộc, sản nghiệp và không có quyến thuộc, sản nghiep" không giống nhau, vì không cùng một chí hướng và không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Bà-lamôn không thể cộng trú. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên được tự tại hay không được tự tại? Đáp: -Phạm thiên được tự tại! Lại hỏi: Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà được tự tại hay không được tự tại? Đáp: Không được tự tại! Phạm thiên được tự tại mà Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà không được tự tại. Như vậy, "người không được tự tại và người được tự tgi" không giống nhau vì không cùng một chí hướng và không cùng giải thoát. Thế nên, Phạm thiên và Bà-la-môn không thể cộng trú. Giả sử có người đến vấn nạn về nghĩa lý sâu xa, Bà-la-môn thông suốt ba bộ Vệ-đà không thể trả lời đầy đủ, có đúng như vậy không? Đáp: Đúng như vậy! Khi đó, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người đều thưa đức Phật rằng: Hãy gác lại sự bàn luận này! Chúng tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có khả năng thuyết pháp cho ngườd. Ngài cùng Phạm thiên thường gặp nhau, trò chuyện qua lại, kính mong Ngài rủ lòng thương xót, mở bày và diễn nói rộng rãi con đường dẫn đến Phạm thiên để chúng tôi được hiểu! Đức Phật bảo Bà-tất-tra: Nay Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp. Thế nào? Bà-tất-tra! Nước Tâm Niệm17 cách đây xa hay gần?

17 Nguyên tác: Tâm Niệm quốc Eanasãkata. Theo DPPN, đây là địa danh của một ngôi làng Bà-la-môn ở bên bờ sông Aciravatī ,A-di-la, thuộc nước Kosala S. Kauśala,,Câu-tát-la.

Đáp: _ Thưa gần! Giả sử có người sanh trưởng ở nước Tâm Niệm và được người nước khác hỏi đường đi đến nước này. Thế nào? Bà-tất-tra! người sanh trưởng ở nước Tâm Niệm trả lời đường đi cho người hỏi kia há có điều gì nghi ngờ chăng? [0106C02] Đáp: Thưa, không có điêu gì nghi ngờ! Vì sao như vậy? Vì vi ây đã sanh trưởng ở nơi đó. Đức Phật dạy: Dầu người sanh trưởng ở nước Tâm Niệm khi trả lời cho người hỏi đường kia có thể còn có điều nghi ngờ, thế nhưng nếu ai hỏi Ta về con đường dẫn đến Phạm thiên thì Ta trả lời cho họ không có điều gì nghi ngờ cả. Vì sao như vậy? Vì Ta đã từng nhiều lần nói về con đường Phạm thiên. Khi đó, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa lại cùng bạch đức Phật: Hãy tạm gác lại những bàn luận khác! Chúng tôi nghe nói Sa-môn Cù- đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có khả năng thuyết pháp cho người; Ngài cùng Phạm thiên thường gặp nhau, trò chuyện qua lại, kính mong Ngài rủ lòng thương xót, chỉ rõ, diễn thuyết và mở bày con đường dẫn đến Phạm thiên để chúng tôi được hiểu! Đức Phật dạy: r Hãy lăng nghe! Khéo suy nghĩ, Ta sẽ nói cho các ông. Thưa vâng, chúng con vui lòng muôn được nghe! Đức Phật dạy: Đức Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời, đầy đủ mười đức hiệu, cho đến thành tựu bốn thiền, ở ngay trong đời này mà tự tịnh lạc. Vì sao nhưe vậy? Vì r siêng năng tu atập, chuyên niệm, rkhông quên, ưa thích một mình ở nơi yên văng, không buông lung. Như Lai vận tâm từ rải kháp một phương, các phương khác cũng vậy, rộng khắp, không ngằn mé, bình đẳng, vô lượng, không sân hận, không não hại, an tru với tâm ấy mà tự tịnh lạc. Tâm bi, * r * r tâm hỷ và tâm xả cũng rải kháp một phương, các phương khác cũng giông như vậy, rộng khắp, không ngằn mé? bình đẳng, vô lượng, không oán kết, không sân hận, không có ý não hại, an trú với tâm ấy mà tự tinh lạc. Thế nào? Bà-tất~tra! Phạm thiên có tâm giận ghét hay không có tâm giận ghét? Đáp: Thua, không có tâm giận ghét! Phật lại hỏi: _ Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi có tâm giận ghét hay không có tâm giận ghét?

Đáp Thưa, không có tâm giận ghét! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có tâm giận ghét, Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi không có tâm giận ghét. Như vậy, "không tâm giận ghét và không tâm giận ghét" là cùng chí hướng, cùng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo được cộng trú với nhau. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên có tâm sân hay không có tâm sân? Đáp: Thua, không có tâm sân! Lại hỏi: Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi, có tâm sân hay không có tâm sân? Đáp: Thua, không có tâm sân! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có tâm sân và vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi cũng không có tâm sân. Như vậy, cả hai đều không có tâm sân nên cùng một chí hướng, cùng giải thoát. Cho nên, Phạm thiên và Tỳ-kheo được cộng trú với nhau. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên có tâm hận hay không có tâm hận? Đáp: Thua, không có tâm hận! Vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi, có tâm hận hay không có tâm hận? Đáp: Thua, không có! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có tâm hận và vi Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi không có tâm

hận. Như vậy, cả hai đều không có tâm hận, nên cùng chí hướng, cùng giải thoát. Cho nên, Tỳ-kheo và Phạm thiên đều được cộng trú với nhau. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên có quyến thuộc và sản nghiệp không? [0107a02] Đáp: Thua, không có! Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi có quyến thuộc và sản nghiệp không? Đáp: Thua, không có! Đức Phật dạy: Phạm thiên không có quyên thuộc và sản nghiệp, vị Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi cũng không có quyến thuộc và sản nghiệp. Như vậy, cả hai đều

không có quyên thuộc và sản nghiệp, nên cùng chí hướng, cùng giải thoát. Cho nên, Phạm thiên và Tỳ-kheo được cộng trú với nhau. Thế nào? Bà-tất-tra! Phạm thiên được tự tại không? B Thưa, được tự tại! Vi Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi có tự tại không? Đáp: Thưa, có tự tại! Đức Phật dạy: -Phạm thiên được tự tại, vi Tỳ-kheo thực hành hạnh từ bi được tự tại. Như vậy cả hai đều được tự tại, nên cùng một chí hướng, cùng một giải thoát. Thế nên Phạm thiên và Tỳ-kheo đều cộng trú với nhau. Đức Phật bảo: Nay Bà-tất-tra nên biết! Tỳ-kheo thực hành tâm từ nên sau khi mạng chung liền được sanh lên cõi Phạm thiên, nhanh như tên bắn. Khi đức Phật thuyết pháp này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay đó liền xa lìa trần cấu, ở trong các pháp chứng được pháp nhãn tinh. Bây giờ, Bà-tât-tra và Phả-la-đọa nghe đức Phật thuyêt giảng xong đêu hoan hỷ phụng hành.18

18 Bản Hán, hết quyển 16.

27. KINH SA-MÔN QUẢ1 A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ- kheo ngụ trong vườn Am-bà của Kỳ Cựu đong tử,12 thuộc thành La-duyệt-kỳ.3 Bấy giờ, vào đêm rằm trăng sáng, Vua A-xà-thế4 con bà Vi-đề-hy5 bảo phu nhân: Đêm nay trăng sáng như ban ngày, theo Ái khanh thì trẫm nên làm gì? Phu nhân thưa: -Tâu Đại vương, đêm nay ngày răm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, Bệ hạ hãy tăm gội sạch sẽ roi cùng với các thê nữ chung hưởng niêm vui năm dục. Vua lại gọi thái tử thứ nhất là Ưu-da-bà-đà6 đến hỏi: Đêm nay ngày rằm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, theo con thì trẫm nên làm gì? Thái tử đáp: Đêm nay ngày rằm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, phụ vương nên tập hợp bốn binh chủng, cùng bàn mưu chinh phạt quân phản nghịch ở biên cương, sau đó trở về cung rồi cùng nhau hưởng niềm vui dục lạc. Vua lại truyền lệnh Đại tướng Dũng Kiện đến và hỏi: —Đêm nay ngày rằm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, theo khanh thì trẫm nên làm gì?

1 Nguyên tác: Sa-môn quả kinh 7.01. 0001.27. 0107a20. Tham chiếu: Tịch chỉ quả kỉnh roi. 0022. 0270C27; Tăng.r.02. 0125.43.7. 0762a07; D. 2, Sāmaññaphala Sutta Kinh Sa-môn qua. 2 Nguyên tác: Kỳ Cựu đồng tử Am-bà viên,Jīvakassa KomārabhaccassaAmbavana, khu vườn xoài của Kỳ-bà Jīvaka. Kỳ-bà được Hán dịch là Kỳ Cựu đông tử T, Thọ Mạng đồng tử .ông là vị danh y thời Phật, từng học y tại Takkasilā, sau đó trở về thành Vương Xá ,Rājagaha làm ngự y cho Vua Tan-ba-sa-la ,Bimbisāra và A-xà-thế

,Ajātasattu, ông cũng là một Phật tử thuần thành, từng trị bệnh cho Phật và các vị Tỳ-kheo. 3 La-duyệt-kỳ ,Rājagaha. Xem chú thích 3, kinh số 2, tr. 517.

4 A-xà-thế ,Ajātasattu, vua nước Magadha. ông là người giết hại vua cha Tần-bà-sa-la Bimbisāra và cùng Đề-bà-đạt-đa Devadatta mưu hại đức Phật nhưng không thành. Cuối cùng, ông giác ngộ theo đức Phật và phụng sự Phật pháp. 5 Vi-đề-hy Vedehi: Hoàng hậu của Vua Tần-bà-sa-la. 6 Ưu-da-bà-đà .Đoạn sau nói là ưu-bà-da ưdayībhadda.

Đại tướng Dũng Kiện tâu: Đêm nay ngày rằm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, Đại vương nên triệu tập bôn binh chủng, tuân hành tra xét thiên hạ đê biêt có việc thuận hay nghịch. Vua lại truyền lệnh cho Bà-la-môn Vũ-xá đến hỏi: - Đêm nay ngày rằm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, theo khanh thì trẫm nên đến thăm hỏi các Sa-môn hay Bà-la-môn nào để có thể khai ngộ tâm ta? Khi ấy, Vũ-xá tâu vua: - Đêm nay ngày rằm, trăng tròn sáng đẹp không khác gì ban ngày, nơi đây có ngài Bất-lan Ca-diếp7 là vị đứng đàu trong đại chúng, được nhiều người biết đến, danh tiếng đồn xa, cũng như biển cả dung nạp mọi thứ, vị ấy được nhiều người tôn kính cúng dường. Đại vương nên đên đó thăm hỏi, nêu được gặp ngài ấy thì tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại truyền lệnh gọi em trai Vũ-xá tên Tu-ni-đà và hỏi: - Đêm nay trăng sáng như ban ngày, theo khanh thì trẫm nên đến chỗ Sa- môn, Bà-la-môn nào mới có thể khai ngộ tâm ta? Tu-ni-đà tâu: Đêm nay trăng sáng như ban ngày, ở đây có ngài Mạt-già-lê Cù-xá-lợi8 là vi đứng đầu trong đại chúng, được nhiều người biết đến, danh tiếng đồn xa, cũng như biển cả dung nạp mọi thứ, vị ấy được nhiều người tôn kính cúng dường. Đại vương nên đên đó thăm hỏi, nêu được gặp ngài ây thì tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại truyền gọi quan đại thần phụ trách lễ nghi trong cung đến và hỏi: Đêm nay trăng sáng như ban ngày, theo khanh thì trẫm nên đến gặp Sa- môn, Bà-la-môn nào mới có thể khai ngộ tâm ta? Quan phụ trách lễ nghi trong cung thưa: Hiện nay có ngài A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la9 là vi đứng đầu trong đại chúng, được nhiêu người biêt đên, danh tiêng đôn xa, cũng như biên cả dung nạp mọi thứ, vị ấy được mọi người tôn kính cúng dường. Đại vương nên đến đó thăm hỏi, nếu được gặp ngài ấy thì tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại truyền gọi tướng giữ thành tên Già-la đến hỏi: - Đêm nay trăng sáng như ban ngày, theo khanh thì trẫm nên đến gặp Sa- môn, Bà-la-môn nào mới có thể khai ngộ tâm ta?

7 Bất-lan Ca-điếp ,Pūrana Kassapa. 8 Mạt-già-lê Cù-xá-lợi ,Makkhali Gosāla. 9 A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la ,Ajita Kesakambala.

Già-la tâu: Hiện nay có ngài Bà-phù-đà Già-chiên-na1011 là vị đứng đầu trong đại chúng, được nhiêu người biêt đên, danh tiêng đôn xa, cũng như biên cả dung nạp mọi thứ, vi ấy được nhiều người tôn kính cúng dường. Đại vương nên đến đó thăm hỏi, nếu được gặp ngài ấy thì tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại truyền lệnh gọi Ưu-đà-di Mạn-đề-tử đến và hỏi: Đêm nay trăng sáng như ban ngày, theo khanh thì

trẫm nên đến gặp Sa- môn, Bà-la-môn nào mới có thể khai ngộ tâm ta? Ưu-đà-di tâu: Hiện nay có ngài Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất11 là vị đứng đầu trong đại chúng, được nhiêu người biêt đên, danh tiêng đôn xa, cũng như biên cả dung nạp mọi thứ, vị ây được nhiêu người tôn kính cúng dường. Đại vương nên đên đó thăm hỏi, nếu được gặp ngài ấy thì tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại truyên lệnh gọi em trai là Vô Uy đên hỏi: Đêm nay trăng sáng như ban ngày, theo khanh thì frẫm nên đến gặp Sa-môn, Bà-la-môn nào mới có thể khai ngộ tâm ta? Hoàng đệ Vô Úy thưa: Hiện nay có ngài Ni-kiền-tử12 là vị đứng đầu trong đại chúng, được nhiều người biêt đên, danh tiêng đôn xa, cũng như biên cả dung nạp mọi thứ, vị ây được nhiều người tôn kính cúng dường. Đại vương nên đến đó thăm hỏi, nếu được gặp ngài ấy thì tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua lại truyền lệnh gọi Thọ Mạng đồng tử13 đến hỏi: -Đêm nay trăng sáng đẹp như ban ngày, theo khanh thì trẫm nên đi đến gặp Sa-môn, Bà-la-môn nào mới có thể khai ngộ tâm ta? Thọ Mạng đồng tử tâu: Có đức Phật, Thế Tôn, hiện đang ngự trong vườn Am-bà của thần, Đại vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu được gặp Phật, chắc chắn tâm của Đại vương sẽ được khai ngộ. Vua liên truyên lệnh cho Thọ Mạng: Khanh hãy sửa soạn kiệu voi báu mà trẫm thường cưỡi cùng năm trăm voi trắng cho ta. Tuân lệnh, Thọ Mạng liền cho sửa soạn kiệu voi báu của vua cùng năm trăm voi trắng xong rồi đến tâu:

10 Bà-phù-đà Già-chiên-na Pakudha Kaccāyana. 11 Tán-nhã>di Tỳ-la-lê-phất ,Sañjaya Belatthiputta. 12 Ni-kiền-tử ,Nigantha Nātaputta. 13 Thọ Mạng đồng tử Jīvaka. Xem chú thích 2 ở trên, tr. 871.

Xa giá đã chuân bị xong, xin Đại vương biêt thời! Vua A-xà-thế tự cưỡi voi báu và bảo năm trăm phu nhân cưỡi năm trăm voi cái, môi người đêu câm bó đuôc đê thê hiện uy nghi của vua roi đi ra khỏi thành La-duyệt, đến chỗ Phật ngự. Khi đi được một đoạn đường, vua bảo Thọ Mạng: Có phải ngươi đang dối gạt ta, hãm hại ta nên dẫn ta cùng mọi người đến chỗ của kẻ thù chăng? Thọ Mạng thưa: -Tâu Đại vương! Thần đâu dám dối gạt hay hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương cùng với mọi người đến cho kẻ thù. Xin Đại vương hãy tiến lên phía trước, chác chăn sẽ được phước lạc! Lúc ấy, vua tiến lên phía trước một đoạn nữa, lại bảo Thọ Mạng: Có phải ngươi đang dối gạt ta, hãm hại ta nên dẫn ta cùng với mọi người đến cho kẻ úiù Eg? ' * d ne ° n 91

Vua lặp lại ba lần như vậy. Vì sao như vậy? Vì vua nghĩ rằng, tại trú xứ có đại chúng đông đảo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo nhung lại vắng lặng không hề nghe một tiếng động, việc này có mưu tính gì chăng? Thọ Mạng cũng ba lần tâu: Thưa Đại vương! Thần không dám lừa dối hay hãm hại Đại vương nên dẫn Đại vương cùng mọi người đến cho kẻ thù. Ngài hãy tiến lên phía trước, chác chăn sẽ được phước lạc. Vì sao như vậy? Vì pháp của Sa-môn thường ưa sự thanh vắng, do đó không hề có tiếng động. Xin Đại vương hãy tiến lên phía trước, sẽ thấy khu vườn! [0108a02] Vua A-xà-thế đi đến cổng khu vườn rồi xuống voi, tháo kiếm, cất lọng, bỏ lại năm nghi trượng của vua, bước vào cổng vườn rồi hỏi Thọ Mạng: Đức Phật, Thế Tôn hiện đang ở đâu? Thọ Mạng thưa: -Tâu Đại vương! Đức Phật đang ở trong giảng đường, phía trước có ngọn

đèn sáng, Thê Tôn ngôi trên tòa sư tử, xoay mặt vê hướng Nam. Xin Đại vương tiến lên phía trước, vài bước nữa sẽ trông thấy đức Thế Tôn! Bấy giờ, Vua A-xà-thế đi đến chỗ giảng đường, rửa chân ở bên ngoài, sau đó mới bước lên giảng đường, lặng nhìn bốn phía rồi khởi tâm hoan hỷ nên bất chợt thốt lên: Các Sa-môn đang tọa thiền tĩnh lặng, đầy đủ chỉ, quán.14 Mong sao Thái tử Ưu-bà-da15 của ta cũng có được sự tĩnh lặng giống như các vị Sa-môn này!

14 Nguyên tác: Chỉ quán cụ túc ,samatho ca vipassanā ca, 15 Ưu-bà-da Udāyibhadda là con trai của Vua A-xà-thế.

27. KINH SA-MÔN QUẢ 875

LÚC đó, Thế Tôn bảo Vua A-xà-thế: Dường như Đại vương đang nghĩ đến con mình nên bất chợt thốt lên: "Mong sao Thái tử Ưu-bà-da của ta cũng có được sự tĩnh lặng giống như các vị Sa-môn nAy!" Đại vương hãy ngồi lên phía trước. Vua A-xà-thế liền tiến lên trước, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: -Tôi đang có điêu muôn hỏi, nêu Ngài có thời gian thì mới dám hỏi! Đức Phật bảo: Đại vương muôn hỏi điêu gì thì cứ hỏi! Vua A-xà-thế thưa: Bạch Thế Tôn! Như có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện đao, mâu, kiếm, cung tên, binh khí, phương pháp chiến đấu; vương tử, lực sĩ, đại lực si, tôi tớ, thợ da, thợ hớt tóc, thợ bện tóc, thợ đóng xe, thợ gốm, thợ đan, thợ dệt, mỗi người làm một công việc, nghề nghiệp khác nhau để tự nuôi sống bản thân, vui hưởng dục lạc và cùng với cha mẹ? vợ con, tôi tớ, vui hưởng cuộc sống. Những nghề nghiệp sinh sống này đều có kết quả ngay trong hiện tại. Đối với các vị Sa-môn hiện đang tu tập thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại không? Đức Phật hỏi: Đại vương đã từng đến chỗ Sa-môn hay Bà-la-môn nào để hỏi về ý nghĩa này chưa? Vua đáp: -Tôi đã từng đến nhiều vị Sa-môn và Bà-la-môn để hỏi về ý nghĩa này. Tôi nhớ có lần đến chỗ ông Bất-lan Ca-diếp16 và hỏi rằng: "Như có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp... cho đến làm vô số nghề nghiệp đê mưu sinh, đêu có két quả ngay trong hiện tại. Đôi với những người hiện đang tu tập như thế này thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại không?,, ' Ông ấy trả lời tôi rằng: uĐại vương! Nếu tự mình làm hoặc bảo người làm như đâm, chém, giết hại, nấu, nướng, cắt, xẻ, quấy phá chúng sanh, khiến cho chúng sanh đau buồn, than khóc; hoặc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, trèo tường trộm căp, phóng hỏa thiêu đót, chặn đường cưỡng đoạt, này Đại vương, nêu làm những việc như thê thì chưa phải là ác. Đại vương! Nêu dùng kiêm bén lóc thịt tát cả chúng sanh roi chát thành đông đây kháp thê gian, hành động như vậy không phải là ác, cũng không có tội báo. Nếu đến bờ phía Nam sông Hang lóc thịt tất cả chúng sanh thì cũng không có quả báo xấu ác. Hoặc có người đến phía Bắc sông Hằng mở hội bố thí lớn, bố thí cho tất cả

16 Bất-lan Ca-diếp (,Purana Kassapa) chủ trương quan điểm Phi tác nghiệp luận (Akiriyavãdă).

876 . KINH TRƯỜNG A-HÀM

chúng sanh, khiến cho họ hưởng lợi lạc như nhau thì cũng không có phước báu gì c" Vua thưa đức Phật: Việc này giống như có người hỏi dưa mà trả lời mận, hỏi mận mà

trả lời dưa. Vị ấy cũng như thế, tôi hỏi hiện tại tu hành được quả báo gì không nhưng ông ta lại trả lời tôi là không có quả báo tội phước. Tôi liền suy nghĩ: "Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi5 đâu thể vô cớ giết người xuất gia, bắt trói hay đuổi di", nên khi ấy dù trong lòng rất tức giận nhưng suy nghĩ như vậy rồi, tôi liền bỏ đi. Rồi vua lại bạch Phật: Có lần, tôi đến chỗ ông Mạt-già-lê Câu-xá-lê1718 và hỏi: uNhư có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp,... cho đến làm vô số nghề nghiệp để mưu sinh, đều có kết quả ngay trong hiện tại. Đối với những người hiện đang tu tập như thê này thì có đạt được két quả thiêt thực gì ngay trong hiện tại kh6ng?" Ông ta trả lời tôi rằng: "Tâu Đại vương! Không có bố thí, không có cứu giúp, không lập đàn cúng tê5 cũng không có thiện ác, không có quả báo thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ, không có trời, không có đấng tạo hóa, không có chúng sanh, ở đời không có Sa-môn, Bà-la-môn, không có bậc hướng đến Thánh quả, cũng không có tự thân chứng ngộ đời này hay đời sau đê roi truyên bá rộng rãi cho người, nêu cho là có quả báo đều là lời hư vọng.,ỉ8 Thưa Thế Tôn! Cũng như có ngườd hỏi dưa mà đáp mận, hỏi mận mà đáp dưa. Vi ấy cũng như thế, tôi hỏi đời này được quả báo gì không nhưng lại trả lời bằng lời nói vô nghĩa. Tôi liền suy nghĩ: "Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi, đâu thể vô cớ giết người xuất gia, bắt trói hay đuổi di", nên lúc ấy, dù trong lòng rất tức giận nhưng suy nghĩ như vậy rồi, tôi liền bỏ đi.

17 Mạt-già-lê Câụ-xá-lê (Makkhali Gosāla) chủ trương Cực đoan định mệnh luận (Niyativāda). Triêt phái này cũng được gọi là Luân hôi tịnh hóa (Samsārasuddhivāda). 18 Nội dung qumi điểm này theo £>. 2, vốn là chủ trương Đoạn diệt luận (Ucchedavādā) của Ajita Kesakambala (),không phải quan điểm của Makkhali Gos().Tham chiếu: D. 2: Natthi, mahārāja, dinnarn, natthiyittham, natthi hutarn, natthi sukatadukkatānam kammānam phalāni vipāko, natthi ayarn loko, natthi paro loko, natthi mātā, natthi pitā, natthi sattā opapātikā, natthi loke samanabrāhmanā sammaggatā sammāpatipannā, ye imañca lokam parañca lokarn sayarn abhiññā sacchikatvā pavedenti (Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đòd khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ơ đoá không có những vị Sa-mon^ nhtmg vị Bà-la-môn chanh hướng, chanh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này, đời ữiác và truyền dạy lại), HT. Thích Minh Châu dịch. Xem thêm s. 24.5-m. 206; Tạp. <(r.O2. 0099.154. 0043c21); Tăng.(r.02. 0125.43.7. 0762a07).

27. KINH SA-MÔN QUẢ 877

Vua lại bạch đức Phật: Có lần, tôi đến chỗ ông A-di-đa Sí-xá-khâm-bà-la19 và hỏi: "Thua Đại đức! Như nay có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp,... cho đến làm vô sô nghê nghiệp đê mưu sinh, đêu có két quả ngay trong hiện tại. Đôi với những người hiện đang tu tập như thế này thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại kh6ng?" A

Ong ta đáp: "Con người vốn do bốn đại hợp thành, đến lúc mạng chung thì đất trở về đát, nước trở vê nước, lửa trở vê lửa, gió trở vê gió, tát cả đêu phải tan rã, các căn phải trở về hư không. Khi con người lâm chung thì người ta khiêng tử thi bỏ ngoài bãi tha

ma, thiêu cháy xương cốt thành màu như chim bồ câu, hoặc r r £ e r biên thành tro đất, bát luận kẻ ngu hay người trí, đên lúc mạng chung cũng đêu bị tan rã, là pháp đoạn diệt/9 Thưa Thế Tôn! Cũng như có người hỏi dưa mà trả lời mận, hỏi mận . r mà trả lời dưa. Vị ây cũng như vậy, tôi hỏi đời này có được quả báo gì không nhimg ông ta lại trả lời tôi bằng thuyết Đoạn diệt. Tôi liền suy nghĩ: "Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-đê-lợi, đâu thê vô cớ giêt người xuât gia, băt trói hay đuôi di", nên lúc ây, dù trong lòng rát tức giận nhưng suy nghĩ như vậy roi, tôi liền bỏ đi. Vua lại bạch đức Phật: Trước kia, có lần tôi đến chỗ ông Ba-phù-đà Già-chiên-diên20 và hỏi: "Thua Đại đức! Như nay có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp,... cho đến làm vô số nghề nghiệp để miru sinh, đều có kết quả ngay trong hiện tại. Đối với những người hiện đang tu tập như thế này thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại không?^ Ông ta trả lời tôi: "Bại vương! Không có sức mạnh, không có tinh tấn, không có sự cố gắng của con người, không có sự siêng năng,21 không có nhân duyên khiến chúng sanh bị nhiễm ô, không có nhân duyên khiến chúng sanh được thanh tịnh, tất cả các loài chúng sanh có sanh mạng thảy đều không có sức mạnh, không

19 A-di-đa Sí-xá-khâm-bà-la Ajita Kesakambala chủ trương Đoạn diệt luận Ucchedavādā. ^Ba-phù-đà Già-chiên-diên Pakudha Kaccāyana hay Bà-phù-đà Già-chiên-na có quan diêm "Duy vật sơ khai,9 thời cô đại với chủ trương Bảy thân Sattā kāya. Tham chiếu: D, 2: “Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bi sang tạo, Idiông sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bát động không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hương đen lạc hay khổ với nhau hoặc cả kho và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng,, HT. Thích Minh Châu dịch. 21 Nguyên tác: Vô phương tiện Không siêng năng, không tinh tấn.

được tự do, không có oán thù, tát cả đêu được quyêt đinh bởi sô mạng, ở trong sáu sanh loại2223 mà cảm thọ các sự kho vui.”23 Thưa Thế Tôn! Cũng như có người hỏi dưa mà đáp mận, hỏi mận mà đáp dưa. Vị ấy cũng như vậy, tôi hỏi đời này có quả báo không, ông ta lại đem thuyết Không có năng lực24 để trả lời. Tôi liền suy nghĩ: “Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi, đau thể vô cớ giết người xuất gia, bắt trói hay đuổi di”, nên lúc ấy, dù trong lòng rất tức giận nhưng suy nghĩ như vậy rồi, tôi liền bỏ đi. Vua lại thưa đức Phật: Trước đây, có lần tôi đến chỗ ông Tán-nhã-tỳ-la-lê-tử25 và hỏi: "Thua Đại đức! Như nay có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp,... cho đến làm vô số nghề nghiệp để mini sinh, đều có kết quả ngay trong hiện tại. Đối với những người hiện đang tu tập như thế này thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại không?^ Ông ta đáp: uTâu Đại vương! Có quả báo trong hiện tại của Sa-môn. Hỏi như vậy, trả lời sự việc này như vậy, sự việc này là thật, sự việc này là khác, sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Tâu Đại vương! Không có quả báo trong hiện tại của Sa-môn. Hỏi như vậy, trả lời việc này như vậy, sự việc này là thật, sự việc này là khác, sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Tâu Đại vương!

Vừa có vừa không có quả báo trong hiện tại của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy, sự việc này là thật, sự việc này là khác, sự việc này không phải khác cũng không phải không khác."

22 Nguyên,tác: Lục sanh (chalābhijātiyo). Sáu loại chúng sanh với những quan điểm khác biệt. Tham chiếu: A. 6.57 III. 383: t4Tôn gia Purana Kassapa trình bày 6 sanh loại: Sanh loại đen, sanh loại xanh, sanh loại đỏ, sanh loại vàng, sanh loại trắng, sanh loại hết sức trắng" (HT. Thích Minh Châu dịch). Ạ. 6.57 - III. 383 đã giải thích 6 hạng người, đó là: 1. Hạng đen (kandābhijāti) chỉ cho người làm nghê đô tê, tìiỢ săn; 2. Hạng xanh (nĩlâbhịjãtĩ) chỉ cho các vị Tỳ-kheo; 3. Hạng đỏ (phitābhijāti) chỉ cho các vị tu khổ hạnh của Nigantha; 4. Hạng vàng (haliddābhijāñ) chỉ cho tín đồ của phái lõa thể; 5. Hạng trắng (sukkābhijāti) chỉ cho những du sĩ lõa thể (ājīvako). 6. Hạng cực trắng (paramasukkābhijātī) chỉ cho Makkhali Gosāla và các vị To sư của ông ta như Nandā Vaccha, Kisa Sankicca. 23 Nội dung quan điểm này theo D. 2 vốn là chủ ữương Cực đoan định mệnh luận (Niyativãdà)của Makkhali Gosāla (),không phải quan diêm của Pakudha Kaccāyana (). Tham chiếu: D. 2: uNày Đại vương, không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tirih bị nhiễm ô. Không co nhân, íchông có duyên, các loai hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tìnhrđược thanh tịnh. Không co tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố ng của người. Tát cả loài hữu tình, tát cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sanh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi ca tanh của chúng. Chúng hương thọ kho lạc, y theo 6 loại thác sanh của chdng" (HT. Thích Minh Châu dịch). Xem thềm s. 24.7 - III. 21Ó. 24 Nguyên tác: Vô lực (Natthi balāni), là thuyết của Makkhali Gosāla. Tham chiếu: D. 2: Natthi attakāre, natthi parakāre, natthi purisakāre, natthi balāni, natthi vīriyarn, natthi purisathāmo, natthi purisaparakkamo (Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gỗig của người), HT. Thích Minh Châu dịch. 25 Tán-nhã Tỳ-la-lê-tử (,Sañjaya Belatthiputta) chủ trương Ngụy biện luận (Vikkhepavãdà), còn gọi Bất khả tri 111().

27. KINH SA-MÔN QUẢ 879

Bạch đức Thế Tôn! Cũng như có người hỏi mận mà lại đáp dưa, hỏi dưa lại đáp mận. Vị ấy cũng như thế, tôi hỏi đời này có quả báo không nhưng ông ta lại trả lời vấn đề Idiác. Tôi liền suy nghĩ: "Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-đế- lợi, đâu thể vô cớ giết người xuất gia, bắt trói hay đuổi di", nên lúc ấy, dù trong lòng rát tức giận nhưng suy nghĩ như vậy roi, tôi liên bỏ đi. [0109a03] Rồi vua lại bạch Phật: -Trước đây có lần, tôi đến chỗ ông Ni-kiền-tử26 và hỏi: "Nhu nay có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp,... cho đến làm vô số nghề nghiệp để mưu sinh, đều có kết quả ngay trong hiện tại. Đối với những người hiện đang tu tập như thế này thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại Idiong?99 Ong ta đáp: "Tâu Đại vương! Tôi là bậc nhất thiết trí,27 là người thấy tất cả, biết rõ mọi việc không sót việc nào. Trong tất cả hành vi đi,

đứng, ngồi, nằm, hoặc thức hay ngủ, bát cứ lúc nào, trí thường tự hiện tiOn.” -Bạch Thế Tôn! Cũng như có người hỏi dưa mà lại đáp mận, hỏi mận mà lại đáp dưa. Vị ấy cũng như vậy, tôi hỏi hiện tại có quả báo gì không nhưng ông ta đem sở chứng "nhất thiết trí" của mình để trả lời. Tôi liền suy nghĩ: "Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi, đâu thể vô cớ giết người xuất gia, bắt trói hay đuổi di", nên lúc ấy, dù trong lòng rất tức giận nhưng suy nghĩ như vậy rồi, tôi liền bỏ đi. Thế nên, thưa Thế Tôn! Hôm nay, tôi cũng đến đây để hỏi về ý nghĩa như thế. Như có người cưỡi voi, cưỡi xe ngựa, tập luyện binh pháp,... cho đến làm VÔ sô nghê nghiệp đê mưu sinh, đêu có két quả ngay trong hiện tại. Vậy ngày nay, đối với các vị Sa-môn hiện đang tu tập thì có đạt được kết quả thiết thực gì ngay trong hiện tại không? Đức Phật bảo Vua A-xà-thế: Ta sẽ hỏi Đại vương, ngài tùy ý mà trả lời. Thê nào? Đại vương! Những người hầu phục dịch cho vương gia, dù lớn hay nhỏ,28 đều thấy Đại vương vào đêm rằm trăng tròn, tắm rửa, gội đầu rồi sau đó lên điện cao hưởng niềm vui dục lạc với các thể nữ, họ liền suy nghĩ: “Lạ thay! Do phước nghiệp gì mà có được quả báo như thế? Vua A-xà-thế vào đêm rằm trăng tròn, tắm rửa, gội đầu rồi sau đó lên điện cao hưởng niềm vui năm dục với các thể nữ. Ai biết được việc này là do phước báo của nghiep?" Nghĩ như thế, không bao lâu họ cạo bỏ

26 Ni-kiền-tử cèm gọi Ni-kiền-đàNhã-đề-tử ,Nigantha Nātaputta chủ trương Khổ hạnh với 4 loại cấm giới. Xem chi tiết ở D. 2. 27 Nhất thiết trí Sabbaññu còn được dịch âm là Tát-vânnhã .Tham chiếu: DẠ. 196: "Này A-nan! Ni-kiền-thân-tử thật ra chưa phải là bậc Nhất thiết trí mà tự xưng là bậc Nhất thiết ! 2 28 Nguyên tác: Nội ngoại ,chỉ cho nam, nữ, tôn ti, lớn, nh6 .

râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hành chân chánh. Thế nào? Đại vương! Nêu Đại vương từ xa trông thây người ây đên đây thì vua có nghĩ răng: “B6 là tôi tớ cha ta” chăng? Vua đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Nếu thấy người ấy đến, tôi phải đứng dậy đón tiếp và mời ngồi. Đức Phật dạy: Đó không phải là kết quả thiết thực ngay trong hiện tại của hạnh Sa- môn sao? Vua đáp: Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đó là kết quả thiết thực ngay trong hiện tại của hạnh Sa-môn. Lại nữa, này Đại vương! Nếu có người khách đến ở tạm trong lãnh thổ của Đại vương, được Đại vương chu cáp lương thực. Người ây thây vào ngày rằm trăng tròn, Đại vương gội đầu, tắm rửa rồi lên điện cao cùng các thể nữ hưởng niềm vui năm dục, họ liền suy nghĩ: aíLạ thay! Do phước nghiệp gì mà có được quả báo như thế? Ai biết được việc này là do phước báo của nghiep?" Nghĩ như vậy, không bao lâu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học dạo, tu hành chân chánh. Thế nào? Đại vương! Nếu Đại vương từ xa trông thấy người ây đi đên, Đại vương có suy nghĩ răng: "Người ây từng là khách dân của ta, đã từng hưởng lương thực do ta ban cho hay không? Vua đáp: Thưa không! Nếu thấy người ấy từ xa đi đến, tôi phải đứng dậy để đón tiêp, thăm hỏi roi mời ngôi. Thê nào? Đại vương! Đó không phải là két quả thiêt thực ngay trong hiện tại của hạnh Sa-môn sao? Vua đáp: Đúng vậy, đó là két quả thiêt thực ngay trong hiện tại của hạnh Sa-môn.

Lại nữa, Đại vương! Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời,... vào trong giáo pháp Ta,... cho đến đạt được Ba minh, trừ diệt tối tăm, phát sanh ánh sáng trí tuệ, được gọi là chứng Lậu tận trí. Vì sao như vậy? Vì do tinh cần, không biếng nhác, chuyên niệm, không quên, thích nơi thanh vắng và không buông lung. Thế nào? Đại vương! Đó không phải là kết quả thiết thực ngay trong hiện tại của hạnh Sa-môn sao? Vua đáp: Đúng vậy, thưa Thể Tôn! Đó là kết quả thiết thực ngay trong hiện tại của hạnh Sa-môn.

27. KINH SA-MÔN QUẢ 881

Bấy giờ, Vua A-xà-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và thưa: Kính mong đức Thế Tôn nhận sự sám hối lỗi lầm của con. Con vì điên cuồng ngu muội, tối tăm không hiểu biết. Cha của con là Vua Bình-sa nước Ma-kiệt-đà29 dùng Chánh pháp để cai tri, không gây oan uổng lỗi lầm, vậy mà con lại chìm đắm trong năm dục, thật sự con đã làm hại phụ vương. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương xót, nhận sự sám hôi lôi lâm này của con! Đức Phật bảo nhà vua: Ông ngu si tối tăm, không hiểu biết nhimg nay đã tự biết sám hối lỗi lầm. Ông mê đắm theo năm dục nên làm hại vua cha, nay ở trong pháp Hiền thánh mà biết sám hối, tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương xót ông nên mới châp nhận sự sám hôi lôi lâm này. Thế rồi, sau khi đảnh lễ sát chân Phật, Vua A-xà-thế lui ngồi sang một bên. Đức Phật vì vua thuyêt giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho hoan hỷ.30 Vua nghe Phật giảng xong, liền thưa Phật: Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Cúi xin Ngài chấp nhận cho con được làm ưu-bà-tăc trong Chánh pháp! Từ nay vê sau, trọn đời con không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uông rượu. Cúi xin đức Thê Tôn và đại chúng nhận lời thỉnh cúng dường bữa cơm trưa của con! Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Nhà vua biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi ra về. Vua đi chưa bao lâu, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Tội lỗi của Vua A-xà-thế giờ đã được giảm bớt, đã trừ được trọng tội. Nếu Vua A-xà-thế không giết cha thì ngay lúc ấy đã xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tinh. Thế nhưng, hôm nay Vua A-xà-thế tự mình giãi bày sám hối nên tội lôi đã vơi bớt phân nào, đã trừ được trọng tội. Lúc đang trên đường đi, Vua A-xà-thê bảo Thọ Mạng đông tử : -Lành thay, lành thay! Nay khanh làm được nhiều điều lợi ích cho trẫm. Lúc trước, khanh đã tán thán Như Lai, chỉ dẫn, khai mở rồi sau đó đưa trẫm đến chỗ Thế Tôn, nhờ vậy mà trẫm được khai ngộ. Trẫm rất biết ơn khanh, trọn đời sẽ không quên. Khi trở về cung, nhà vua bày biện đủ loại món ăn và thức uống để cúng dường Phật cùng đại chúng. Hôm sau, vua đến chỗ đức Phật báo: -Bạch đức Thế Tôn, đã đến giờ.

29 Ma-kiệt quốc Māgadha. Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 517. 30Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 5ll.

882 . KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị đi đến cung vua, tiến đến chỗ ngồi đã được sắp sẵn. Thế rồi, nhà vua tự tay dâng thức ăn để cúng dường đức Phật và chúng Tăng. Sau khi thọ trai, đức Phật thu dọn bát rồi

dùng nước rửa tay xong, nhà vua đảnh lễ sát chân Phật và bạch: Nay con lại xin sám hôi ba lân nữa! Con vì điên cuông ngu muội, tôi tăm không hiểu biết. Cha của con là Vua Bình-sa nước Ma-kiệt-đà dùng Chánh pháp để cai trị, không gây oan uổng sai lầm, vậy mà con lại chìm đắm trong năm dục, thật sự con đã làm hại phụ vương. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương xót, nhận sự sám hoi của con! Đức Phật bảo vua: Ong quá ngu muội, không hiên biêt, mê say năm dục nên làm hại vua cha, nay ở trong pháp Hiền thánh mà biết ăn năn hối cải, tức là tự làm ích lợi cho mình. Nay vì thương xót ông nên Ta mới nhận sự sám hối này! Bấy giờ, sau khi đảnh lễ sát chân Phật xong, nhà vua lấy một cái ghế thấp rồi ngồi ở trước Phật. Thế Tôn liền vì nhà vua mà thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.31 Khi nghe đức Phật dạy xong, vua lại thưa: Nay con lại xin quy y ba lân nữa. Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Ngài chấp nhận cho con được làm ưu-bà-tắc trong Chánh pháp! Từ nay về sau, cho đến trọn đời con không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Thế Tôn liền vì nhà vua mà thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.32 Sau đó, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, Vua A-xà-thế và Thọ Mạng đồng tử nghe đức Phật thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

31 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 32 Như trên.

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Hôm ấy, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ngài suy nghĩ: uGiờ này còn quá sớm để đi khất thực, Ta nên đến thăm trú xứ của Phạm chí Bố-ứa-bà-lâu, đợi đúng giờ rồi hãy đi khất thực!" Thế Tôn liền đến trú xứ của Phạm chí. Phạm chí Bố-tra-bà-lâu thấy đức Phật từ xa đi đến liền đứng dậy chào đón và nói: Quý hóa thay! Sa-môn Cù-đàm! Đã lâu không đến đây, nay nhân việc gì mà Ngài chiếu cố đến nơi này? Xin mời Ngài ngồi! [OllOaOl] Khi ấy, đức Thế Tôn liền đến chỗ ngồi và nói với Bố-tra-bà-lâu: Các ông nhóm họp nơi đây để làm gì? Bàn luận về việc gì? Phạm chí thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm qua có nhiều vị Phạm chí, Sa-môn và Bà-la-môn tụ họp tại giảng đường Bà-la-môn này đê bàn luận vê tâm tưởng của con người, nêu ra những điều trái ngược lẫn nhau. Thưa đức Cù-đàm! Có Phạm chí bảo rằng: "Tâm tưởng của con người không do nhân hay do duyên mà sanh, cũng không do nhân hay do duyên mà diệt. Tâm tưởng có đến có đi, đến thì sanh ra, đi thì diệt mất.” Thưa đức Cù-đàm! Có Phạm chí bảo rằng: "Dg sanh mạng mà tưởng sanh ra, do sanh mạng mà tưởng diệt mất. Tưởng ấy có đến có di, đến thì sanh ra, đi thì diệt jnất." Thưa đức Cù-đàm! Có Phạm chí lại bảo rằng: "Những thuyết nói trước đều không đúng. Có đại quỷ thần oai lực lớn, họ mang tưởng đi rồi mang tưởng đến. Khi họ mang tưởng đi thì tưởng diệt, khi họ mang tưởng đến thì tưởng sanh Nhân đó tôi suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chắc chắn biết được việc này, có thể biết rõ về định Diệt tưởng tri."2 Đức Phật bảo Phạm chí: -Các luận thuyêt ây đêu có sự sai lâm! Ai cho răng: "Tâm tưởng của con người không do nhân hay do duyên mà sanh, cũng không do nhân hay do duyên* 2

'Nguyên t^BỐ-tra-bà-lâu kinh r.01.0001.28.0109c22. Tham chiếu: D. 9, Potthapāda Sutta Kỉnh Bố-sả-bà-îâu. 2 Nguyên tác: Tưởng tri diet định còn gọi Tưởng tri diệt ,Tưởng thọ diệt ,Diệt tận định .Tham chiếu: D. 9: Saññavedayitanirodha định đình chỉ nhận thức và cảm thọ.

r r -t • -v z \ mà diệt. Tưởng có đên có di, đên thì sanh ra, đi thì diệt mât." Hoặc cho răng: "Do sanh mạng mà tưởng sanh ra5 do sanh mạng mà tưởng diệt mát. Tưởng ây có đến có đi, đến thì sanh ra, đi thì diệt mất." Hoặc cho rằng: "Không thể có chuyện đó. Có đại quỷ thân oai lực lớn, họ mang tưởng đi roi mang tưởng đên. Khi họ mang tưởng đi thì tưởng diệt, khi họ mang tưởng đến thì tưởng sanh." Tất cả những luận thuyết này đều có sự sai làm. Vì sao như vậy? Này Phạm chí! Do có nhân, có duyên nên tưởng sanh, do có nhân có duyên nên tưởng diệt. Khi Như Lai thị hiện ở đời, là đấng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Nếu có người xuất gia tu học pháp Phật, diệt được năm thứ ngăn che tâm,3 lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ lạc được sanh ra do sự viên ly, chứng đạt và an tru Thiên thứ nhát. Trước diệt tưởng vê dục, rồi sau đó phát sanh tưởng về hỷ và lạc. Này Phạm chí! Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tinh, có hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán. Này Phạm chí! Tưởng của Thiền thứ nhất diệt thì tưởng của Thiền thứ hai sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Lìa bỏ hỷ? an trú xả, với chánh niệm và tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiên thứ ba, điêu mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Này Phạm chí! Tưởng Thiền thứ hai diệt thì tưởng Thiền thứ ba sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, một trạng thái không khô không vui, gọi là xả niệm thanh tinh. Này Phạm chí, tưởng Thiền thứ ba diệt thì tưởng Thiền thứ tư sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt sân tưởng,3 4 không nghĩ đến tưởng khác, nhập vào Không vô biên xứ. Này Phạm chí, khi tất cả tưởng về sắc diệt thì tưởng Không vô biên xứ sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Vượt qua hết thảy Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ. Này Phạm chí, khi tưởng Không vô biên xứ diệt thì tưởng về Thức vô biên xứ sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Vượt qua hết thảy Thức vô biên xứ, nhập vào Vô sở hữu xứ. Này Phạm chí, khi tưởng Thức vô biên xứ diệt thì tưởng về Vô sở hữu xứ sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt.

3 Ngũ cái pañca āvaranānñ.Nam thứ ngăn che, gồm: tham dqc ,sân hận ,trạo cử ,hdntrm if ? và nghi . 4 Nguyên tác: Diệt khuê .Khuê, viết tắt của từ "khuể tưởng,, ,vyāpādasañña. Diệt khuê còn gọi “diet đối ngại tưởng,, .

Vượt qua Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này Phạm chí, khi tưởng Vô sở hữu xứ diệt thì tưởng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ sanh. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào định Diệt tưởng tri. Này Phạm chí, khi tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ diệt thì nhập vào định Diệt tưởng tri. Do đó mà biết, vì có nhân duyên nên tưởng sanh, vì có nhân duyên nên tưởng diệt. Sau khi đạt đên tưởng này, vị áy liên nghĩ: "C6 niệm là xâu, không có niệm là t6t." Khi vi ấy nghĩ như thế thì tưởng vi tế của vị ấy không diệt mà tưởng thô lại sanh ra. Vị ấy lại nghĩ: "Nay ta chớ để cho niệm hiện hành, chớ khởi tư duy." Khi vi ấy không để cho niệm hiện hành, không khởi tư duy thì tưởng vi tế diệt và tưởng thô không sanh khởi. Khi vi ấy không để cho niệm hiện hành, không khởi tư duy thì các tưởng vi tế diệt, các tưởng thô không phát sanh, vị ấy liền nhập vào đinh Diệt tưởng tri. Thế nào Phạm chí? Từ trước đến nay ông đã từng nghe về nhân duyên tưởng diệt theo thứ tự này chưa? Phạm chí bạch Phật: Từ trước đến nay, tôi tin là mình chưa từng nghe về nhân duyên tưởng diệt theo thứ tự như vậy. Phạm chí lại bạch: Nay tôi suy nghĩ như vây: Đây là có tưởng, đây là không có tưởng, sau đó lại có tưởng, khi có tưởng như vậy, vi ấy liền nghĩ: "C6 niệm là xấu, không có niệm là t6t.” Khi vi ấy nghĩ như thế thì tưởng vi tế không diệt mà tưởng thô lại phát sanh. Vị ấy lại suy nghĩ: “Nay ta chớ đê cho niệm hiện hành, chớ khởi tư duy.” Vị ấy không để cho niệm hiện hành, không khởi tư duy thì tưởng vi tế diệt và tưởng thô không sanh Idiởi. Khi vị ấy không để cho niệm hiện hành, không khởi tư duy thì tưởng vi tế diệt và tưởng thô không sanh khởi, vi ấy liền nhập vào đinh Diệt tưởng tri. [0ll0c03] Đức Phật bảo Phạm chí: Hay thay, hay thay! Đó là định Diệt tưởng [tri] theo thứ tự trong pháp Hiền thánh. Phạm chí lại bạch Phật: Trong các tưởng ấy, tưởng nào là tưởng cao nhất? Đức Phật bảo Phạm chí: r -Phi tưởng phi phi tưởng là cao nhát. Phạm chí lại bạch Phật: Trong các tưởng ấy, tưởng nào là tối thượng bậc nhất? Những gì được gọi là có tưởng, những gì được gọi là không có tưởng, ở khoảng trung gian đó, có thể theo thứ tự đưa đến chứng đắc đinh Diệt tưởng tri thì đó được xem là tưởng tối thượng bậc nhất.

Phạm chí lại thưa: -Là một tưởng hay nhiêu tưởng? Phật bảo: Chỉ có một tưởng, chứ không có nhiêu tưởng. Phạm chí lại hỏi: Tưởng sanh khởi trước, sau đó mới có trí, hay trí sanh khởi trước sau đó mới có tưởng, hay là tưởng và trí cùng sanh khởi? Phật bảo: Tưởng sanh trước sau đó mới có trí. Do tưởng mà có trí. Phạm chí lại hỏi: Tưởng chính là ngã chăng? Đức Phật bảo: - Vì sao ông cho rằng con người là ngã? Phạm chí thưa: -Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự cho răng, con người với săc thân bốn đại và sáu căn5 do cha mẹ sanh ra, được nuôi dưỡng mà trưởng thành, được trang nghiêm băng y phục nhưng là pháp vô thường, biên hoại, tôi cho răng con người đó chính là ngã. Phật bảo Phạm chí: Ông cho rằng con người với sắc thân bốn đại và sáu căn, do cha mẹ sanh ra, được nuôi dưỡng mà trưởng thành, được trang nghiêm bằng y phục nhimg là pháp vô thường, biến hoại và cho rằng con người đó chính là ngã. Này Phạm chí, hãy khoan nói cái ngã ấy mà chỉ nên nói tưởng của con người sanh và tưởng của con người diệt. Phạm chí thưa: -Tôi không nói con người là ngã, tôi nói trời Dục giới là ngã. Đức Phật dạy: Hãy khoan nói trời Dục giới là ngã mà chỉ nói tưởng của con

người sanh và tưởng của con người diệt! Phạm chí thưa: -Tôi không nói con người là ngã mà tôi nói trời sắc giới là ngã. Đức Phật dạy: Hãy khoan nói trời sắc giới là ngã mà chỉ nói tưởng của con người sanh và tưởng của con người diệt!

5 Nguyên tác: Lục nhập ,tân dịch là 44lục XI?',chỉ cho 6 căn, gồm: mắt ,tai , mũi ,lu&i ,th9nj,y cũng gọi là fctnội lục nhập,?;và 6 cảnh gôm: sắc ,thanh ,hương ,vị ,xúc ,pháp ,cũng gọi là "ngoại hạc nháp".

28. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU 887

Phạm chí nói: -Tôi không nói con người là ngã mà nói trời Khônệ Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và trời Vô Sác là ngã. Đức Phật dạy: -Hãy khoan nói đến cõi trời Khônệ Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và trời Vô Sác là ngã mà chỉ nên nói tưởng của con người sanh và tưởng của con người diệt. Phạm chí bạch Phật: Thưa đức Cù-đàm! Tôi có thê được biêt tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt chăng? Đức Phật dạy: - Này Phạm chí, ông muốn biết tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt thì thật là quá khó, quá khó! Vì sao như vậy? Vì ông có kiến giải khác,67có sự tu tập khác/ có sự sùng kính khác,8 có sự tiêp thọ khác9 và có pháp nương tựa khác.10 [OlllaOl] Phạm chí bạch Phật: Đúng như thế, thưa đức Cù-đàm! Vì tôi có kiến giải khác, có sự tu tập khác, có sự sùng kính khác, có sự tiếp thọ khác và có pháp nương tựa khác, cho nên tôi muốn biết tưởng của con người sanh, tưởng của con người diệt thì thật là quá khó, quá khó! Tại sao như vậy? Vì tôi cho rằng: Ngã và thế giới là thường hằng, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới là vô thường, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới vừa thường vừa vô thường, chỉ có điều này là dúng, ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới không phải là thường, cũng không phải là vô thường, chỉ điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới là có giới hạn, chỉ có điều này là đúng ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới là không có giới hạn, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; ngã và thế giới không phải là có giới hạn, cũng không phải là không có giới hạn, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; mạng tức là thân, chỉ có điều này là đúng, riệoài ra đều sai lầm; mạng khác thân khác, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; thân và mạng không phải khác, không phải không khác, chỉ có điều này là đúng ngoài ra đều sai lầm; không có mạng cũng không có thân, chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; Như Lai đoạn diệt, chỉ có điều này là dúng, ngoài ra đều sai lầm; Như Lai không đoạn diệt, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai

6 Nguyên tác: Dị kiến ,aññaditthikena.

7 Nguyên tác: Dị tập aññatrāyogena.

8 Nguyên tác: Dị nhẫn aññakhantikena.

9 Nguyên tác: Dị thọ ,aññarucikena .

10 Nguyên tác: Y dị pháp aññatrācariyakena.

lầm; Như Lai đoạn diệt và không đoạn diệt, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm; Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm. Đức Phật bảo Phạm chí: Ta không chấp nhận các quan diêm: "[Nga và] thê giới là thường,... cho đến Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diet." Phạm chí bạch Phật: -Thưa đức Cíi-dàm, vì lý do gì mà Ngài không chấp nhận những quan điểm: "Ngã và thế giới là thường,... cho đến Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diet?" Đức Phật đáp: Vì những quan điểm đó không hợp với nghĩa, không hợp với pháp, không phải là [cội nguồn của] Phạm hạnh, không phải là vô dục, không phải là vô vi, không phải là tịch diệt, không phải là tịch tĩnh,11 không phải là chánh giác, không phải là Sa-môn, không phải là Niết-bàn. Vì thế Ta không chấp nhận. Phạm chí lại hỏi: Thế nào là hợp với nghĩa, hợp với pháp, thế nào gọi là cội nguồn của Phạm hạnh,11 12 thế nào là vô vi, thế nào là vô dục, thế nào là tịch diệt, thế nào là tịch tĩnh, thế nào là chánh giác, thế nào là Sa-môn, thế nào là Niết-bàn và vì sao Ngài không chấp nhận? Phật bảo Phạm chí: —Ta chỉ chấp nhận khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Vì sao như vậy? Vì chúng hợp với nghĩa, hợp với pháp, là cội nguồn của Phạm hạnh, là vô dục, là vô vi, là tịch diệt, là chỉ tức, là chánh giác, là Sa-môn, là Niết-bàn, cho nên Ta chấp nhận. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì Phạm chí mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho ông ta hoan hỷ xong,13 liền đứng dậy ra về. Ngài rời khỏi nơi ấy không bao lâu, các Phạm chí khác nói với Phạm chí Bố-tra-bà-lâu: -Tại sao ông nghe theo lời của Sa-môn Cù-đàm rồi chấp nhận những lời của Cù-đàm: "Ngã và thế giới là thường hằng,...cho đến Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt, là những vấn đề không hợp với nghĩa cho nên không thể chấp nhan." Tại sao ông lại đồng ý với lời nói ấy? Chúng tôi không chấp nhận những điều mà Sa-môn Cù-đàm đã nói.

11 Nguyên tác: Chỉ tức upasamà'. An tịnh, tĩnh chỉ, bình an, trầm lặng. 12 Phạm hạnh sơ thủ .Ca-hy-na kinh T.01. 0026.80. 0554ỒỒ20 ghi: Phạm hạnh b6n .D. 9 ghi: Ādibrahmacariyarn Phạm hạnh là nền tảng. 13 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

[OlllbOl] Bố-tra-bà-lâu trả lời các Phạm chí: Sa-môn Cù-đàm nói răng: "Ngã và thê giới là thường hăng,... cho đên Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt, là những vấn đề không hợp với nghĩa cho nên không thể chấp nhận?9 Tôi cũng không đồng ý với quan điểm này nhưng Sa-môn Cù-đàm y cứ trên pháp, dựa vào pháp, đúng pháp mà nói, đúng theo pháp mà xuất ly thì tôi làm sao phản bác lời nói trí tuệ ây. Lời pháp vi diệu của Sa-môn Cù-đàm, tôi không thê phản bác được! Một lần khác, Bố-tra-bà"lâu cùng với Tượng Thủ Xá-lợi-phất14 đến chỗ đức Phật. Sau khi thăm hỏi xong, ông ngồi sang một bên, còn Tượng Thủ Xá-lợi- phất lễ Phật xong mới ngồi. Phạm chí bạch Phật: Trước đây, lúc Phật từ chỗ con ra về không bao lâu thì các Phạm chí khác đã nói với con: "Tại sao ông nghe theo lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: 'Ngã và thế giới là thường hằng,... cho đến Như Lai không phải

đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt, là những vấn đề không hợp với nghĩa cho nên không thể chấp nhận.9 Tại sao ông lại đồng ý với lời nói ấy? Chúng tôi không chấp nhận những điều mà Sa-môn Cù-đàm đã nói.59 Con liền nói với họ rằng: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng: 'Ngã và thê giới là thường hăng,... cho đên Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diệt, là những vấn đề không hợp với nghĩa cho nên không thể chấp nhận.9 Tôi cũng không đồng ý với quan điểm này nhưng Sa-môn Cù-đàm y cứ trên pháp, dựa vào pháp, đúng pháp mà nói, đúng theo pháp mà xuất ly thì tôi làm sao phản bác lời nói trí tuệ ấy. Lời pháp vi diệu của Sa-môn Cù-đàm9 tôi không the phản bác đượcV' Phật bảo Phạm chí: —Các Phạm chí kia nói: "Tại sao ông nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm và đồng ý với những lời nói ay?" Lời này sai lầm. Vì sao như vậy? Vì pháp mà Ta nói? có trường hợp được ghi nhận xác quyết, có trường hợp không được ghi nhận xác quyết. Thế nào gọi là không được ghi nhận xác quyết? Đó là "Ngã và thế giới là thường hằng,... cho đến Như Lai không phải đoạn diệt, cũng không phải không đoạn diet", Ta cũng nói lời ấy nhưng không ghi nhận xác quyết. Sở dĩ như vậy là vì điều đó không hợp với nghĩa, không hợp với pháp, không phải là cội nguồn Phạm hạnh, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải tịch tĩnh, không phải chánh giác, không phải Sa-môn5 không phải Niết-bàn. Thế nên, này Phạm chí! Ta tuy nói lời ấy nhưng không ghi nhận xác quyết. Thế nào gọi là pháp được ghi nhận xác quyết? Ta ghi nhận một cách xác quyết về khổ dế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Vì sao như vậy? Vì điều này hợp với pháp, hợp với nghĩa, là cội nguồn Phạm hạnh, là vô dục, vô vi, tịch diệt, tịch tĩnh, chánh giác, Sa-môn, Niết-bàn, cho nên Ta ghi nhận một cách xác quyết.

14 Tượng Thủ Xá-lợi-phất cũng gọi là Tượng Xá-lợi-phất Hatthisāriputta, vừa dịch nghĩa vừa phiên âm tên vị Tỳ-kheo, vì Hatthī cũng có nghĩa là con voi .

[OlllcOl] Này Phạm chí! Có Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng: "C6 một cõi ở thế gian hoàn toàn an lạc." Ta bảo họ: "C6 phải các ông chủ trương: 'Có một cõi ở thế gian hoàn toàn an lạc' đứng?" Họ đáp: "Đúng the!99 Ta lại hỏi: uCác ông có biết, có thấy một cõi ở thế gian hoàn toàn an lạc chưa?,^ "Thưa, không biết, không thấy r "Các ông đã từng thấy cõi chư thiên hoàn toàn an lạc chua?" "Thua, không biết, không thấy!" “Các ông đã từng cùng ngôi, đứng, nói chuyện, siêng năng tu tập thiên định với chư thiên ở cõi áy chua?" “Thua, chua!" “Chu thiên hoàn toàn an lạc ở cõi ấy đã từng đến nói với các ông: 'Các ông có hành vi ngay thẳng, chân thật nên sẽ sanh vào cõi trời hoàn toàn an lạc kia. Tôi nhờ hành vi ngay thẳng, chân thật mà được sanh vào cõi ấy cùng vui với chư thiên ở đó9 chăng?" “Thua, chưa từng!^, uCác ông có thê từ nơi thân mình khởi tâm biên hóa, tạo ra một thân bôn đại khác, có thân thể đầy đủ, các căn không thiếu Chang?99 “Thua, không thể!” Phật bảo Phạm chí: Thế nào? này Phạm chí! Những điều mà các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói có thành thật, có phù hợp với pháp không? Phạm chí bạch Phật: Lời nói ấy không thành thật, là lời nói phi pháp. Phật bảo Phạm chí: Như có người nói: "Tôi đã tư thông với một cô gái xinh dẹp", rồi khen ngợi cô gái ấy. Những người

khác hỏi: "Ong có biết cô gái ấy không? Cô ta ở nơi nào, ở phương Đông hay phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?" Người này trả lời: "Tôi không bi&t!" "Ông có biết cô ấy ở nơi nào, ở thành, ấp, thôn, xóm nào kh6ng?" "Tôi không biết!" "Ông có biết cha mẹ và họ tên cô ấy kh6ng?" uTôi không biet!" "Ong có biết cô ấy là con gái thuộc dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá15 hay thuộc dòng Thu-da-la?95 "Tôi không biết!"

15 Nguyên tác: Cư sĩ . Xem chú thích 7, kinh số 5, tr. 602.

"Ong có biết cô ấy cao hay thấp, mập hay ốm, đen hay trắng, đẹp hay xấu?" "T6i không bi2t!" Phật bảo Phạm chí: Thế nào? Phạm chí! Những gì người ấy nói có thành thật không? Thưa, không! Này Phạm chí! Các Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng như thế, không có sự chân thật. Này Phạm chí! Giống như có người dựng thang ở chỗ đất trống. Những người khác hỏi: "Ong dựng thang để làm gi?" "Tôi muốn lên U." "Lầuởđâur "Không biết! " Phật bảo Phạm chí: -Thế nào? Phạm chí! Người dựng thang muốn leo lên lầu đó chẳng phải là hoang đường sao? Phạm chí bạch Phật: -Đúng vậy, người kia thật quá hoang đường! Phật dạy: Các Sam6n, Bà-la-môn ấy cũng như thế, đều hư vọng không chân thật. [0112a01] Phật bảo Bố-tra-bà-lâu: —Ong nói sac thân bôn dại, sáu căn là do cha mẹ sanh ra, được nuôi dưỡng mà trưởng thành, được trang nghiêm bang y phục nhưng là pháp vô thường, biến hoại và cho đây là ngã; còn Như Lai bảo rang sắc thân đó là nhiễm ô, là thanh tịnh và cũng là giải thoát. Ông nghĩ rằng: 'Tháp nhiễm ô thì không thể diệt trừ, pháp thanh tịnh thì không thê phát sanh, mãi mãi ở trong đau kh6", không nên nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì pháp nhiễm ô có thể bi diệt sạch, pháp thanh tịnh có thê phát sanh, an trú nơi lạc, hoan hỷ, vui thích, chuyên niệm, nhát tâm, trí tuệ tăng trưởng. Này Phạm chí, Ta cho răng: "Các trời Dục giới, các ươi Sắc giới, các trời Không Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là nhiễm ô, là thanh tịnh và cũng là gii thoát." ông nghĩ rằng: 'Tháp nhiễm ô thì không thể diệt trừ, pháp thanh tịnh thì không thể phát sanh, mãi mãi ở trong đau kh6"không nên nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì pháp nhiễm ô có thể bị diệt sạch, pháp thanh tịnh có thể phát sanh, an trú nơi lạc, hoan hỷ, vui thích, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ tăng trưởng. Bấy giờ, Tượng Thủ Xá-lợi-phất bạch Phật: —Bạch đức Thế Tôn! Khi thân người với bốn đại và các căn đang hiện hữu ở Dục giới thì thân ở cõi trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô

Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có đồng thời hiện hữu không? Bạch đức Thế Tôn! Trong khi đang hiện hữu với thân thuộc trời Dục giới, khi ây5 thân người thuộc Dục giới với bôn đại và các căn có hiện hữu đông thời với thân ở trời sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ không? Bạch Thế Tôn! Trong khi đang hiện hữu với thân thuộc trời sắc giới,16 khi ấy, thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn có hiện hữu đồng thời với thân ở trời Sắc giai, Không Vô Biên Xứ Thức Vô Biên Xư? Vô Sở Hun Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ không? Cũng vậy, cho đến, trong khi đang hiện hữu với thân thuộc trời Phi

Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, khi ấy, thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn có hiện hữu đồng thời với thân trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ va Vô Sở Hữu Xứ không? Phật dạy Tượng Thủ Xá-lợi-phất: Khi thân người với bốn đại và các căn đang hiện hữu ở Dục giới thì ngay lúc ây chính là thân người với bôn đại và các căn thuộc vê Dục giới, chứ không phải là thân thuộc trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ hay Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Cũng vậy,... cho đến khi đang hiện hữu với thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì ngay lúc ấy chính là thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải thân trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ hay Vo Sở Hữu Xứ. Này Tượng Thủ! Ví như từ sữa bò, sữa được chê biên thành lạc, lạc được chê biên thành sanh tô, sanh tô được chê biên thành thục tô, thục tô được chê biến thành đề-hồ thì đề-hồ là bậc nhất. Này Tượng Thủ! Ngay khi đang là sữa thì chỉ được gọi là sữa mà không gọi là lạc, sanh tô hay đề-hồ. Cứ như thế, cho đến khi thành đề-hồ thì mới được gọi là đề~hồ mà không gọi là sữa, không gọi là lạc hay sanh tô. Này Tượng Thủ! ở đây cũng thế, khi đang hiện hữu thân người ở Dục giới với bôn đại và các căn thì ngay khi ây là thân người thuộc Dục gởi với bốn đại và các căn, chứ không phải thân thuộc trời Dục giới,... cho đến không phải là thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Cũng vậy, cứ lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì ngay lúc ấy chính là thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải thân trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ. [0112bl0] Này Tượng Thủ! Ông nghĩ thế nào? Nếu có người hỏi ông: "Khi đang hiện hữu với thân ở quá khứ thì đồng thời có hiện hữu với thân ở vị lai,

16 Có khả năng bản Hán ghi thừa sắc giới thiên .

hiện tại không? Khi đang hiện hữu với thân ở vị lai thì đồng thời có hiện hữu với thân ở quá khứ, hiện tại không? Khi đang hiện hữu với thân ở hiện tại thì đồng thời có hiện hữu với thân ở quá khứ, vị lai kh6ng?" Ông sẽ trả lời thế nào? Tượng Thủ bạch: -Nêu có người hỏi như thê, con sẽ đáp: “Khi đang hiện hữu với thân ở quá khứ thì chỉ là thân quá khứ, không có thân vị lai, hiện tại; khi đang hiện hữu với thân vị lai thì chỉ là thân vị lai, không có thân quá khứ, hiện tại; khi đang hiện hữu với thân hiện tại thì chỉ là thân hiện tại, không có thân quá khứ, vị lai." Phật dạy: Này Tượng Thủ, ở đây cũng thế, khi thân người với bốn đại và các căn đang hiện hữu ở Dục giới thì không có thân ở trời Dục giới, trời sắc giới,... cho đến thân của trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Cứ như thế, lần lượt cho đến khi đang hiện hữu thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì ngay lúc ấy chính là thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải thân trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ Vô Sơ Hữu Xứ. Lại nữa, này Tượng Thủ, nếu có người hỏi: "C6 phải ông đã từng hiện hữu trong quá khứ và đã diệt chăng? Sẽ sanh trong tương lai chăng? Đang có mặt trong hiện tại chĩig?" Giả sử có người hỏi như thế thì ông sẽ trả lời thế nào? Tượng Thủ bạch Phật: -Nếu có người hỏi như thế thì con sẽ trả lời: "Tôi đã từng hiện

hữu trong quá khứ và đã diệt, chứ chẳng phải không hiện hữu. Tôi sẽ hiện hữu trong tương lai, chứ chẳng phải không hiện hữu. Tôi đang có mặt trong hiện tại, chứ chẳng phải không có mặt.,, Đức Phật dạy: -Này Tượng Thủ, ở đây cũng như thế, khi thân người với bốn đại và các căn đang hiện hữu ở Dục giới thì không có thân ở trời Dục giới, cõi trời sắc giới,... cho đến thân của cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Cứ như thế, lần lượt cho đến khi đang hiện hữu thân Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì ngay lúc ấy chính là than Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải thân trời Dục giới, sắc giới, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sơ Hữu Xứ. [0112c03] Tượng Thủ bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con xin được làm ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Từ nay về sau, con nguyện suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Bấy giờ, Phạm chí Bố-tra-bà-lâu bạch Phật: Con có được ở trong pháp Phật xuất gia, thọ giới không?

894 . KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phật dạy Phạm chí: Nêu có người theo chủ thuyêt khác muôn xuât gia, tu hành trong giáo pháp của Ta thì trước hết phải trải qua bốn tháng, được đại chúng xem xét, thấy hợp ý, vị ây mới được xuât gia thọ giới. Tuy có phép tác như vậy nhưng cũng tùy người mà xem xét. Phạm chí bạch Phật: Những người theo chủ thuyết khác muốn xuất gia thọ giới trong pháp Phật thì trước hét phải trải qua bôn tháng đê đại chúng xem xét, thây hợp ý, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Như con hiện nay, có thể trải qua bốn năm ở trong pháp Phật, nêu đại chúng xem xét và thây hợp ý thì sau đó con mới câu mong được xuất gia, thọ giới! Phật bảo Phạm chí: Tuy có phép tắc như vậy nhưng cũng tùy người mà xem xét. Bây giờ, Phạm chí liên được xuât gia, thọ giới trong Chánh pháp. Không bao lâu sau khi xuất gia, nhờ lòng tin kiên cố5 tịnh tu Phạm hạnh, ngay ở trong đời này mà tự thân chứng ngộ: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa, thành bậc A-la-hán. Bây giờ, Bô-ứa-bà-lâu nghe đức Phật thuýết pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

29. KINH LỘ-GIÀ1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị 2 rồi đến phía Bắc thôn Bà- Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la1 la-môn Bà-la-bà-đề3 và dừng nghỉ ở rừng Thi-xá-bà. Lúc ấy, có Bà-la-môn tên Lộ"già4 đang ở trong thôn5 Bà-la. Thôn này an vui, dân chúng sung túc, do Vua Ba-tư-nặc6 ban riêng cho ông ta để lo phần cúng tế Phạm thiên. Vị Bà-la-môn này có cha mẹ từ bảy đời đến nay đều sống chân chánh, chưa bao giờ bị người khác gièm pha, đọc tụng thông suôt ba bộ Vệ-đà, phân biệt rành rẽ các loại kinh thư, lại giỏi về pháp xem tướng của bậc đại nhân, biết đoán điều lành dữ và thành thạo lễ nghi cúng tế. Lộ-già nghe tin Sa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích đã xuất gia thành đạo, đang du hóa trong nhân gian, ở nước Câu-tát-la và dừng nghỉ ở rừng Thi- xá-bà. Ngài có danh tiếng lớn, lưu truyền khắp nhân gian, là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười đức hiệu, ở giữa chư thiên và loài người, Ma và Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ roi thuyêt pháp cho chúng sanh. Pháp áy phân dâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, đây đủ cả nghĩa và văn, Phạm hạnh thanh tịnh.

Lộ-già nghĩ: uBậc Chân nhân như vậy nên đến thăm viếng. Hôm nay, ta nên đến đó để hầu thăm Ngài!" [0113a06] Bấy giờ, Bà-la-môn liền ra khỏi thon, đến rừng Thi-xá-bà? nơi đức Phật đang ngự. Sau khi thăm hỏi xong, ông ngồi sang một bên. Đức Phật vì ông mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.7 Nghe pháp xong, Bà-la-môn bạch Phật: Con kính thỉnh đức Thế Tôn và đại chúng sáng ngày mai đến nhà con thọ trai.

1 Nguyên tác: Lộ-già kỉnh roi. 0001.29. 0112c20. Tham chiếu: D. 12, Lohicca Sutta Kinh Lộ-già. 2 Câu-tát-la Kosala. Xem chú thích 3, kinh số 7, tr. 623. 3 Bà-la-bà-đề ,Sālavatikā.

4 Lộ-già ,Lohicca. 5 Nguyen tác: Lâm . 6 Ba-tư-nặc Pasenadi. Xem chú thích 10, kinh số 5, tr. 604.

7 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tĩ. 511.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Phật đã hứa khả, liền đứng dậy, nhiễu vòng quanh Phật rồi ra về. Vừa đi cách Phật không xa, ông đã khởi lên ý nghĩ xâu Ạ ác rằng: "Các Sa-môn, Bà-la-môn biêt Z nhiêu thiện pháp, chứng đạt cũng nhiêu nhưng không nói cho người khác, chỉ tự mình biêt, không dạy cho người. Ví như người đã phá ngục cũ rồi lại tạo thêm ngục mới, đây là pháp tham, xấu ác, bất thiển! Thê roi, Bà-la-môn trở vê thôn Bà-la, ngay trong đêm đó sửa soạn đây đủ các món ăn, thức uống thơm ngon. Đen giờ, ông bảo người thợ hớt tóc: Ngươi hãy thay ta đến rừng Thi-xá-bà, thưa với Sa-môn Cù-đàm rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Giờ thọ trai đã đến,8 kính xin đức Thánh biết th&i!" Người thợ hớt tóc vâng lời liền đi đến chỗ Phật ngự, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi thưa: Bạch đức Thế Tôn! Giờ thọ trai đã đến, kính xin đức Thánh biết thời! Đức Thế Tôn liền đắp y, ôm bát cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vi đệ tử đi đến thôn Bà-la. Người thợ hớt tóc đang theo hầu đức Thế Tôn, sửa áo bày vai phải rồi quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật: Khi Bà-la-môn Lộ-già đi khỏi nơi Phật ngự không xa, liền khởi lên ý nghĩ xâu ác: "Các Sa-môn9 Bà-la-môn biêt nhiêu thiện pháp, chứng đạt cũng nhiêu nhtmg không nói cho người khác, chỉ tự mình biết, không dạy cho người. Ví như người đã phá ngục cũ rồi lại tạo thêm ngục mới, đây là pháp tham, xấu ác, bất thiên!" Cúi xin đức Thế Tôn hãy diệt trừ ý nghĩ xấu ác ấy cho ông ta! Đức Phật bảo người thợ hớt tóc: - Đó là việc nhỏ, sẽ dễ dàng khai hóa. Khi đến nhà Lộ-già, đức Thế Tôn ngồi vào chỗ đã được soạn sẵn. Lộ-già liền dâng thức ăn thịnh soạn, tự tay cúng dường lên Phật và chúng Tăng. Sau khi đức Phật thọ trai, thu xếp bát và rửa tay xong, Bà-la-môn liền lấy một ghế nhỏ ngồi trước đức Phật. Phật bảo Lộ-già: Hôm qua, khi vừa rời khỏi chỗ của Ta không xa, ông đã khởi lên ý nghĩ xâu ác: "Các Sa-môn, Bà-la-môn biêt nhiêu thiện pháp, chứng đạt cũng nhiêu nhưng không nói cho người khác, chỉ tự mình biết, không dạy cho người. Ví như người đã phá ngục cũ rồi lại tạo thêm ngục mới, đây là pháp tham, xấu ác, bất thiên!" Có thật ông đã nghĩ như vậy chăng? [0113b04] Lộ-già đáp: Thưa vâng, đúng là như the!

8 Nguyên tác: Nhật thời dĩ đáo H 0 |J. Cụm từ này được xem như một thành ngữ chỉ cho việc đã đến giờ dùng cơm. Theo Hâu Hán thư 44Phương thuật truyện,,? quyển thượng, truyện Phàn Anh „"nhát th&i"có nia la giờ Thìn ÔếM.
Tham chiếu Pali tương đương ghi là kālo. Theo Pãli-Dictionary Vipassanā Research Institute, kālo có nghĩa là giờ thọ trai.

29. KINH LỘ-GIÀ 897

Đức Phật bảo: -Ông không nên khởi lên ý nghĩ xấu ác như thế. Vì sao như vậy? Vì ở đời có ba hạng thầy có thể nhìn vào đó để tự răn mình.9 Ba hạng thầy nào? Thứ nhát, là hạng thây cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này lẽ ra có thê diệt trừ phiên não, tăng trưởng lợi ích, đạt được pháp thượng nhân. Thê nhưng trong đời hiện tại, vị ây không thê diệt trừ phiên não, không đạt được pháp thượng nhân, đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà đã nói pháp cho các đệ tử, khiên cho các đệ tử không cung kính, không hâu hạ mà chỉ cùng nương tựa và sống chung với nhau. Này Lộ-già! Các đệ tử của vị đó nói với thầy mình: “Nay thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuât gia tu đạo, ở trong đời này lẽ ra có thê diệt trừ phiên não, đạt được pháp thù thắng của bậc Thượng nhân. Thế nhưng trong đời hiện tại, thây không thê trừ được phiên não, không đạt được pháp thù thăng của bậc Thượng nhân, đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà đã nói pháp cho hàng đệ tử, khiến cho các đệ tử không cung kính, không hầu hạ, không cúng dường, chỉ cùng nương tựa và sống chung mà th6i!" Này Lộ-già! Cũng như người phá ngục cũ roi lại tạo thêm ngục mới, đây gọi là pháp tham, ô nhiễm, bất thiện. Đó là hạng thầy thứ nhất có thể nhìn vào đó để tự răn mình: Phải theo cách sống10 của Thánh hiền, cách sống đúng giới luật, cách sống có oai nghi và cách sống hợp hoàn cảnh. Thứ hai, là hạng thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời hiện tại lẽ ra có thê diệt trừ được phiên não, tăng trưởng lợi ích và đạt được pháp thượng nhân. Thê nhưng trong đời hiện tại, vi ây không thê diệt trừ phiên não, tuy có đạt được một ít pháp thù thăng của bậc Thượng nhân, tuy đạo nghiệp của mình chưa thành nhimg đã nói pháp cho đệ tử, khiên cho các đệ tử không cung kính, không hầu hạ, chỉ cùng nương tựa và sống chung với nhau mà thôi. Này Lộ-già! Các đệ tử đó nói với thầy mình: “Nay thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuât gia tu đạo, ở trong đời hiện tại lẽ ra có thê diệt trừ được các phiên não, đạt được pháp của bậc Thượng nhân. Thê nhimg trong đời hiện tại, thây không thê diệt trừ các phiên não5 tuy có đạt một ít pháp của bậc Thượng nhân nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà đã vì đệ tử nói pháp, khiến cho các đệ tử không cung kính, không hầu hạ, không cúng dường mà chỉ cùng nương tựa sống chung với nhau mà th6i!" Này Lộ-già! Cũng như người đi sau

9 Nguyên tác: Khả dĩ tự giới ( ).Tham chiếu: D. 12: Tayo satthāroye loke codanārahā, yo ca panevarūpam satthāram codeti sã codanā bhūtā tacchā dhammikā anavajjā^ (Có 3 loại thầy mà trong đời họ đáng bị chỉ trích. Ai chỉ trích những hạng thầy như vậy, sự chỉ trích ấy là chân thật, hợp pháp, vô tội). : 10 Nguyên tác: Giới (‚sĩlă). Giới có nhiều nghĩa như hành vi, tập quán, tính cách, đạo đức... Trpng ngữ canh này mang nghĩa là thái độ sống, cách sống. PED cũng định nghĩa sĩla có nghĩa là cách sống, thai độ sống (behaviour).

lưng kẻ khác rồi lấy tay xoa lưng cho họ, đây gọi là pháp tham, ô nhiễm và bất , 9 * * 9

thiện. Đó là hạng thây thứ hai, có thê nhìn vào đó đê tự răn mình, phải theo cách sống của Thánh hiền, cách sống đúng giới luật, cách sống có oai nghi và cách sống hợp hoàn cảnh. [0113c03] Lại nữa Lộ-già? thứ ba là hạng thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời hiện tại lẽ ra có thể diệt trừ phiền não, tăng trưởng lợi ích, đạt được pháp của bậc Thượng nhân. Thế nhimg trong đời hiện tại, vị ấy không the diệt trừ được phiền não, tuy có đạt được một ít pháp của bậc Thượng nhân nhưng việc lợi mình chưa thành tựu mà đã nói pháp cho đệ tử, khiến cho các đệ tử cung kính, hầu hạ, cùng nương tựa và sống chung với nhau. Này Lộ-già, đệ tử của vị ấy nói với thầy mình: "Nay thầy đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời hiện tại lẽ ra có thể diệt trừ phiền não, đạt được ít nhiều pháp của bậc Thượng nhân. Thế nhưng trong đời hiện tại, thầy không thể diệt trừ được phiền não, tuy có đạt được ít nhiều pháp của bậc Thượng nhân nhxrng việc lợi mình chưa thành tựu mà đã nói pháp cho đệ tử, khiến cho các đệ tử cung kính, hầu hạ, cùng nương tựa và sống chung với nhau." Này Lộ-già, ví như người từ bỏ việc cày ruộng của mình lại đi cày ruộng cho người khác, đây là pháp tham, ô nhiễm, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ ba, có thể nhìn vào đó để tự răn mình, phải theo cách sống của Thánh hiền, cách sống đúng giới luật, cách sống có oai nghi và cách sống hợp hoàn cảnh. Này Lộ-già! Có một hạng người duy nhất ở đời được tôn trọng, không lệ thuộc thế gian, không hề bi lay động. Hạng người duy nhất đó là ai? Đó là Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời,... cho đến chứng được Ba minh, diệt trừ vô minh, phát sanh trí tuệ sáng suốt, trừ bỏ các sự tối tăm, phóng ánh sáng đại pháp, chứng đắc Lậu tận trí. Vì sao như vậy? Vì do siêng năng, chuyên niệm, không quên, thích ở nơi thanh vắng mà được như thế. Này Lộ- già! Đó là hạng người duy nhất ở đời được tôn trọng, không lệ thuộc thế gian, không hề bị lay động. Này Lộ-già! Có bốn quả vị Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là quả vị Tu- đà-hoàn9 quả vị Tư-đà-hàm, quả vi A-na-hàm và quả vi A-la-hán. Thế nào Lộ-già? Có người nghe pháp, đáng lẽ sẽ chứng được bốn quả vị Sa-môn này nhimg nếu có người ngăn lại, nói: "Không nên thuyết pháp cho người này nghe!" Nếu vi pháp sư nghe theo lời ấy thì người kia có được nghe pháp để được chứng quả không? Thưa, không được! Nêu không được chứng quả thì có được sanh thiên không? Thua, cũng không được! Ngăn pháp sư thuyết pháp, khiến người kia không được chứng quả, không được sanh thiên thì đó là tâm thiện hay tâm bất thiện? Thưa, tâm bất thiện!

Người có tâm bất thiện sẽ sanh vào đường lành hay bi đọa vào đường dữ? -Thưa, sẽ bi đọa vào đường dữ! [0114a01] Này Lộ-già! Ví như có người nói với Vua Ba-tư-nặc: "Quốc độ này là của Đại vương, những tài vật trong đó Đại vương hãy dùng hết, chớ cho kẻ khác!" Thế nào Lộ-già? Nếu vua nghe theo lời đó thì sẽ chấm dứt việc cung cấp cho người khác đúng không? -Thưa, sẽ chấm dứt! Châm dứt sự cung cáp cho người khác là tâm thiện hay bát thiện? -Thưa, tâm bất thiện! Người có tâm bất thiện sẽ sanh vào đường lành hay bị đọa vào đường dữ? Thưa, bị đọa vào đường dữ! Này Lộ-già,

việc này cũng vậy. Nếu có người nghe pháp, lẽ ra sẽ chứng được bốn quả Sa-môn nhimg nếu có người ngăn: "Không nên vì người này mà thuyết pháp!" Nếu vị pháp sư nghe theo lời ấy thì người kia có được nghe pháp để được chứng quả không? -Thưa, không được! Không chứng quả thì có được sanh thiên không? —Thưa, cũng không được! Ngăn pháp sư thuyết pháp khiến người kia không được đạo quả, không được sanh thiên, đó là tâm thiện hay bất thiện? Thưa, tâm bất thiện! Người tâm bất thiện thì được sanh vào đường lành hay bị đọa vào đường dữ? Thưa, bị đọa vào đường dữ! -Này Lộ-già, nếu có người nói với ông: "Tài vật ở trong thôn Bà-la-bà-đề này ông hãy tự dùng, không nên cho kẻ khác. Vật của mình đáng dùng thì cho người khác làm gi?" Lộ-già, ông nghĩ thế nào? Lời nói đó nếu được chấp nhận thì có chấm dứt việc cung cấp cho người khác không? - Thưa, sẽ chấm dứt! -Bảo người chấm dứt sự cung cấp cho người khác là tâm thiện hay bất thiện? —Thưa, tâm bất thiện! Người có tâm bất thiện thì sanh vào đường lành hay bị đọa vào đường dữ? Thưa, bị đọa vào đường dữ! Này Lộ-già, việc này cũng thế, người nghe pháp lẽ ra sẽ chứng được bốn quả vi Sa-môn nhimg nếu có người nói: "Chớ nên thuyết pháp cho người khác!" Nếu vi pháp sư nghe theo lời nói ấy thì người kia có được nghe pháp để được chứng quả không? -Thua, không được!

Nếu không chứng quả thì có được sanh thiên không? Thưa, cũng không! Ngăn người khác thuyết pháp khiến không chứng được quả vị, không được sanh thiên, đó là tâm thiện hay bất thiện? Thưa, tâm bất thiện! Người có tâm bất thiện thì sanh vào đường lành hay bị đọa vào đường dữ? Thưa, bị đọa vào đường dữ! Bấy giờ, Bà-la-môn Lộ-già bạch Phật: Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Xin cho phép con được làm ưu-bà-tắc ở trong giáo pháp của Ngài! Từ nay về sau, con nguyện suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Đức Phật thuyết pháp xong, Bà-la-môn Lộ-già nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.11

11 Bản Hán, hết quyển 17.

PHẦN IV 30. KINH THẾ KÝ1

1. PHẨM CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐÈ

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo ngụ tại tinh xá Câu-lợi,2 vườn cấp Cô Độc, rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xa-vệ. Bấy giờ, sau khi thọ trai xong, các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường và cùng nhau bàn luận: "Này chư Hiền! Thật kỳ lạ thay, trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Cõi nước chúng sanh đang sống thì như thế nao?^ Lúc đó, Thế Tôn đang ở nơi thanh vắng, bằng thiên nhĩ nghe suốt mọi việc nên Ngài biết các Tỳ-kheo sau khi thọ trai xong, nhóm họp tại giảng đường và bàn luận những việc như thế. Thế rồi, đức Thế Tôn rời khỏi nơi thanh vắng, đi đên giảng đường roi ngôi xuông. Thê Tôn tuy biêt nhimg vân hỏi các Tỳ-kheo: Vừa rồi, các thày bàn luận về vấn đề gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch đức Thế Tôn! Sau khi thọ trai xong, chúng con nhóm họp tại giảng r

đường và cùng nhau bàn luận: “Này chư Hiên! Thật kỳ lạ thay, trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Cõi nước chúng sanh đang sống thì như thế nào?” Chúng con nhóm họp ở giảng đường rồi cùng nhau bàn luận những điều như thế. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay, lành thay! Là người xuất gia nên thực hành hai việc: Thứ nhất, im lặng như Hiền thánh. Thứ hai, giảng giải về Chánh pháp. Các thầy nhóm họp tại giảng đường cũng nên học cách im lặng như Hiền thánh hoặc giảng giải về Chánh pháp. Này các Tỳ-kheo! Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc thành hoại của trời đất và các cõi nước của chúng sanh đang sinh sống không?

1 Nguyên tác: Thế ký kinh uDiêm-phù-đề châu phẩm,, roi. 0001.30.1. 0114b07. 2 Câu-lợi quật ,Karerikutikā còn gọi là Hoa Lâm quật .Xem chú thích 2, kinh số l, tr. 489.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thê Tôn! Nay thật đúng lúc, chúng con mong muôn được nghe. Kính xin Thế Tôn chỉ bày, nghe xong chúng con sẽ phụng trì! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Như mặt trời, mặt trăng tỏa ánh sáng chiếu quanh bốn thiên hạ,3 đó gọi là một thế giới. Trong ngàn thế giới như vậy có một ngàn mặt trời, mặt trăng; một ngàn núi chúa Tu-di;3 6bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn thiên hạ lớn; bốn ngàn 45 biển, bốn ngàn biển lớn; bốn ngàn loài rồng, bốn ngàn loài rồng lớn; bốn ngàn chim Cánh Vàng,5 bốn ngàn chim Cánh Vàng lớn; bốn ngàn đường ác/ bốn ngàn đường ác lớn; bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vi vua lớn; bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn, mười ngàn núi lớn; một ngàn Vua Diêm-la,7 một ngàn bốn trăm Thiên vương, một ngàn Đao-lợi thiên,8 một ngàn Diệm-ma thiên,9 một ngàn Đâu-suất thiên,1011 một ngàn Hóa Tự Tại thiêng một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên12 và một ngàn Phạm thiên, đây gọi là một Tiểu thiên thế giới.13 Một ngàn Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới.14 Một ngàn Trung thiên thế giới là Tam thiên đại thiên thế giới.15 Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi đó là một cõi Phật. [0114c08] Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Tâng đại địa này sâu một trăm sáu mươi tám ngàn do-tuân, ranh giới không bờ mé. Đất nương trên nước. Nước sâu ba ngàn không trăm ba mươi do- tuần5 ranh giới vô hạn. Nước ở trên gió, gió dày sáu ngàn không trâm bốn mươi do-tuần, ranh giới vô hạn. Này các Tỳ-kheo! Nước của biển lớn sâu tám mươi bốn ngàn do-tuần, bờ biển không có giới hạn. Phần chìm xuống biển của ngọn núi sâu đến tám mươi

3 Nguyên tác: Tứ thiên hạ là 4 đại châu nằm bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc núi Tu-di. 4 Tu-di sơn vương Sumeru pabbatarājā. 5 Kim Si điểu Garuda, loài chim Cánh Vàng. 6 Nguyên tác: Ác đạo chỉ cho các hướng tái sanh xấu ở cõi địa ngục, nga quỷ và súc sanh. 7 Diêm-la vương ,gọi tắt là Diêm vương, vua của địa ngục. 8 Đao-lợi thiên Tāvatirnsa tức Tam Thập Tam thiên ,tầng thứ 2 trong cõi trời Dục giới . . 9 Diệm-ma thiên ,Yāmā, tầng thứ 3 trong cõi trời Dục giới. 10 Đâu-suất thiên ,Tusitā, tầng thứ 4 trong cõi trời Dục giới. 11 Hóa Tự Tại thiên Nimmānaratī còn gọi là Hóa Lạc thiên ,tầng thứ 5 trong cõi trời Dục giới. 12 Tha Hóa Tự Tại thiên 7PL

Paranimmitavasavattī, tầng thứ 6 trong cõi trời Dục giới. 13 Tiểu thiên thế giới ‚sahassadhā lokadhātu'. Ngàn thế giới nhỏ. 14 Trung thiên thế giới ‚dvisahassīmajjhimikā lokadhātu hay sahassa majjhimakā lokadhātu: Một ngàn thế giới bậc trung. Một Trung thiên thế giới = 1.000 Tiểu thiên thế giới, tức = 1.000 x 1.000 =i.000.000 the giới. 15 Tam thiên đại thiên thế giới tisahassī mahāsahassī lokadhātu: Ba ngàn thế giới to lớn.

bốn ngàn do-tuần, núi cao cách mặt nước tám mươi bốn ngàn do-tuần, chân núi sát đất, phân lớn là đất cứng chác. Ngọn núi thăng đứng, không có lôi lõm, mọc đủ loại cây, cây cối tỏa hương thơm, xông khắp cả núi rừng. Nơi đây có nhiều bậc Hiền thánh và các vị trời thần diệu lớn lao cư ngụ. Dưới chân núi toàn là cát vàng, bốn phía núi có bốn gò đất cứng chắc nhô lên, cao bảy trăm do-tuần, có nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành. Bôn gò đất uôn cong sát mặt biên. Núi chúa Tu-di có đường bậc thang băng bảy báu, bậc thang dưới cùng rộng dài sáu mươi do-tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng và bảy lớp hàng cây. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bằng bạc thì cửa bằng vàng, tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bang mã não thì cửa bằng xích châu, tường bang xà cừ thì cửa bằng các thứ báu. Lại nữa, lan can có cây ngang bằng vàng thì cây dọc bằng bạc, cây ngang bằng bạc thì cây dọc bằng vàng, cây ngang bằng thủy tinh thì cây dọc bằng lưu ly, cây ngang băng lưu ly thì cây dọc băng thủy tinh, cây ngang băng xích châu thì cây dọc bằng mã não, cây nganẹ bằng mã não thì cây dọc bằng xích châu, cây ngang bang xà cừ thì cây dọc bang các loại báu. Trên lan can ấy có mành lưới báu, dưới mành lưới vàng thì treo linh bằng bạc, dưới lưới bạc thì treo linh bằng vàng, dưới lưới lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, dưới lưới thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới lưới xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu, dưới lưới bằng xà cừ thì treo linh bằng các loại báu. Lại nữa, cây bằng vàng thì rễ và nhánh đều bang vàng nhưng lá, hoa và quả bang bạc. Cây bang bạc thì rễ và nhánh đều bằng bạc nhưng lá9 hoa và quả bằng vàng. Cây bằng thủy tinh thì rễ và nhánh đêu băng thủy tinh nhưng hoa và lá băng lưu ly. Cây băng lưu ly thì rễ và nhánh đều bằng lưu ly nhưng hoa và lá bằng thủy tinh. Cây bằnệ xích châu thì rễ và nhánh đều là xích châu nhưng hoa và lá bằng mã não. Cây băng mã não thì rễ và nhánh đều là mã não nhưng hoa và lá bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì rễ và nhánh đều là xà cừ nhưng hoa và lá bằng các loại báu. [0115a05] Còn bảy lớp tường ấy, mỗi lớp tường đều có bốn cửa, mỗi cửa có lan can. Trên bảy lớp tường đều có lầu gác, nhà cửa, bao bọc xung quanh bởi khu vườn, ao tắm với các loài hoa lá báu, cây báu xếp thành hàng, hoa quả tốt tươi, gió đưa hương thơm tỏa khắp bon phương làm vui đẹp lòng người, có vô số loài chim như le le, nhạn, uyên ương và các loài chim kỳ lạ cùng cất tiếng hót vang. Lại nữa, con đường bậc thang ở giữa núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do- tuần, hai bên đường đều có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, cho đến vô số loài chim cùng cất tiếng hót vang, cũng như tầng bậc thang dưới núi. Tầng bậc thang trên cùng rộng hai mươi do-tuần, hai bên đường có bảy lớp tường báu,

bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy

lớp hàng cây, cho đến vô số các loài chim cùng cất tiếng hót vang, cũng như tầng bậc thang ở giữa. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Tầng bậc thang dưới núi có quỷ thần tên Già-lầu-la-túc cư ngụ. Tầng bậc thang giữa có quỷ thân tên Trì Man cư ngụ. Tâng bậc thang trên cùng có quỷ thân tên Hỷ Lạc cư ngụ. Bôn gò đất cứng chác nhô lên cao bôn mươi hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ Thiên Vương cư trú, có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và các lớp linh báu cho đến VÔ sô các loài chim cùng cát tiêng hót, cũng lại như thê. Trên đỉnh núi Tu-di có cung trời Ba Mươi Ba, có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, cho đến vô số các loài chim cùng cất tiếng hót, cũng lại như thế. Vượt lên cõi trời Ba Mươi Ba một do-tuần thì có cung trời Diệm-ma. Vượt lên cung trời Diệm-ma một do-tuân thì có cung trời Đâu-suất. Vượt lên cung trời Đâu-suất một do-tuần thì có cung trời Hóa Tự Tại. Vượt lên cung trời Hóa Tự Tại một do-tuần thì có cung trời Tha Hóa Tự Tại. Vượt lên cung trời Tha Hóa Tự Tại một do-tuần thì có cung trời Phạm-ca-di. Khoảng giữa cung trời Tha Hóa Tự Tại và cung trời Phạm-ca-di có cung Ma thiên cao rộng sáu ngàn do-tuần, cung này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, cho đến vô số các loài chim cùng cất tiếng hót, cũng lại như thế. Vượt lên cung trời Phạm-ca-di một do-tuần thì có cung trời Quang Âm. Vượt lên cung trời Quang Âm một do-tuần thì có cung trời Biến Tịnh. Vượt lên cung trời Biến Tịnh một do-tuần thì có cung trời Quả Thật. Vượt lên cung trời Quả Thật một do-tuần thì có cung trời Vô Tưởng. Vượt lên cung trời Vô Tưởng một do-tuần thì có cung trời Vô Tạo. Vượt lên cung trời Vô Tạo một do-tuần thì có cung trời Vô Nhiệt. Vượt lên cung trời Vô Nhiệt một do-tuần thì có cung trời Thiện Kiến. Vượt lên cung trời Thiện Kiến một do-tuần thì có cung trời Đại Thiện Kiến. Vượt lên cung trời Đại Thiện Kiến một do-tuần thì có cung trời sắc Cứu Cánh. Vượt lên cung trời sắc Cứu Cánh thì có trời Không Xứ Trí,16 trời Thức Xứ Trí,* 17 trời Vô Sở Hữu Xứ Trí,18 trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí,19 ngang đây gọi là giới hạn của chúng sanh, là thế giới của chúng sanh, tất cả sự sanh, già, bệnh, chết, thọ ấm, thọ hữu của chúng sanh đều ở trong giới hạn này, không thể vượt qua.

Không Xứ Trí thiên Theo Câu-xả luân r.29. 1558.08. 004U02 là Không Vô Biên Xứ thiên ,Ākāsānañcāyatanūpagā devā. 17 Thức Xứ Trí thiên .Theo Câu-xa luận nt là Thức Vô Biên Xứ thiên , ViññānañcāyatanūpagS. V6 Sở Hun Trí thiên .Theo Câu-xd luân nt là Vô Sở Hữu Xứ thiên , Ākiñcaññāyatanūpagā. 19 Hữu TuOTgVp Tưởng Xứ Trí .Theo Câu-xả luận nt là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên ,Nevasaññāsaññāyatanūpagā .

[0115bl3] Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là ưất-đan-việt,20 mặt đất nơi đây vuông vức, dài và rộng mười ngàn do-tuân, mặt người cũng vuông giông như hình thể mặt đất. Phía Đông núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là

Phất-vu-đãi,21 địa hình tròn trịa, dài và rộng chín ngàn do-tuần, mặt người cũng tròn giống như hình thể mặt đất. Phía Tây núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là Câu-da-ni,22 địa hình như nửa mặt trăng, dài và rộng tám ngàn do-tuân, mặt người cũng giông như hình thê mặt đất. Phía Nam núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là Diêm-phù-đề,23 địa hình phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, dài và rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người cũng giống như hình thể mặt đất. Phía Bắc núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ vàng của cõi trời, chiếu sáng phương Bắc. Phía Đông núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ bạc của . . .L __ cõi trời, chiêu sáng phương Đông. Phía Tây núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ thủy tinh của cõi trời, chiếu sáng phương Tây. Phía Nam núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ lưu ly của cõi trời, chiếu sáng phương Nam. Châu uất-đan-việt có một cây lớn tên Am-bà-la cao một trăm do-tuần5 thân to bảy do-tuần, cành lá che phủ một vùng năm mươi do-tuần. Châu Phất-vu-đãi CÓ cây lớn tên Già-lam-phù cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ một vùng năm mươi do-tuân. Châu Câu-da-ni có cây lớn tên Cân-đê cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ một vùng năm mươi do tuần, dưới cây ấy có tảng đá Thạch Ngiru Tràng24 cao một do-tuần. Châu Diêm-phù-đê có một cây lớn tên Diêm-phù cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuần, cành lá che phủ một vùng năm mươi do-tuần. Chim Cánh Vàng chúa và long vương có loài cây lớn tên Câu-lợi-thiêm-bà-la cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân9 cành lá che phủ bôn bên năm mươi do-tuân. Vua a-tu-la có loài cây tên Thiện Trú cao một trăm do-tuần? thân to bảy do- tuần, cành lá che phủ bốn phía năm mươi do-tuần. Trời Đao-lợi có cây tên Tru Độ cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ bôn phía năm mươi do-tuần.

20 Uất-đan-việt ,Uttarakurū: Bắc Câu-lô châu . 21 Phất-vụ-đãi ,Pubbavideha còn gọi là Phất-bà-đề Phất-ư-đãi Đông Thắng-thần chau . 22 Câu-da-ni ,Aparagoyāna hoặc Cù-đà-ni-da :Tây Ngưu-hóa châu . 23 Diêm-phù-đề ,Jambudīpa: Nam Thiệm-bộ châu . 24 Thạch Ngưu Tràng .Tham chiếu: thế nhân bổn kỉnh roi. 0025.0365all ghi: Dưới góc cây có một con bò băng đá ;Đại lâu thản kỉnh T.01. 0023. 0277a03 ghi: Trên cay có một con bò bằng đá.

[0115c07] Bên cạnh núi Tu-di có núi tên Già-đà-la cao bốn mươi hai ngàn do-tuần? ngang dọc bốn mươi hai ngàn do-tuần9 biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Tu-di tám mươi bốn ngàn do- tuần, giữa hai núi ấy mọc nhiều loại hoa sen như hoa xru-bát-la,2526 bát-dầu-ma,26 câu-vật-đầu,27 phân-đà-lợi,28 lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Khư-đà-la không xa có ngọn núi tên Y-sa-đà-la cao hai mươi mốt ngàn do-tuần, ngang dọc hai mươi mốt ngàn do- tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Khư-đà-la khoảng bôn mươi hai ngàn do-tuân, giữa hai núi ây mọc nhiêu y \

loại hoa sen như hoa ưu-bát-la, bát-đâu-ma, câu-vật-đâu, phân-đà-lợi9 lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Y-sa-đà-la

không xa có núi tên Thọ-cự-đà-la, cao mười hai ngàn do-tuần, ngang dọc mười hai ngàn do-tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Y-sa-đà"la khoảng hai mươi mốt ngàn do- tuân, giữa hai núi ây mọc toàn các loại hoa sen như hoa ưu-bát-la, bát-đâu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi5 lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp núi rừng. Cách núi Thọ-cự-đà-la không xa, có núi tên Thiện Kiên cao sáu ngàn do-tuân5 ngang dọc sáu ngàn do-tuân, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Thọ-cự-đà-la mười hai ngàn do-tuần, khoảng giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp núi rừng. Cách núi Thiện Kiến không xa, có núi tên Mã Thực cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuân, biên giới rộng xa, nhiêu màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Thiện Kiên khoảng sáu ngàn do-tuân, giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Mã Thực không xa có núi tên Ni-dân-đà-la cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuân, biên giới rộng xa, nhiêu màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Mã Thực ba ngàn do-tuần5 khoảng giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa kháp nơi. Lại cách núi Ni-dân-đà-la không xa, có núi tên là Điêu Phục cao sáu trăm do-tuần, ngang dọc sáu trăm do-tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Ni-dân-đà-la khoảng một ngàn hai trăm do- tuần, khoảng giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc

25 Ưu-bát-la ,uppala: Hoa sen xanh.

26 Bát-đầu-ma paduma: Hoa sen đỏ.

27 Câu-vật-đầu ,kumuda: Hoa sen vàng.

28 Phân-đà-lợi pundanka: Hoa sen trắng.

cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Điêu Phục không xa có núi tên Kim Cang Vi cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Lại cách núi Điêu Phục sáu trăm do-tuân, giữa hai ngọn núi này có bôn loại hoa sen mọc xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa kháp nơi. [0116al4] Lại cách núi Đại Kim Cang không xa có biển lớn. Bờ phía Bắc của biên lớn này có một cây to lớn tên Diêm-phù, cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ bôn bên năm mươi do-tuân, khoảng đát trông hai bên lại có rừng cây tên là Am-bà-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Diêm-bà, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên Sa la ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Đa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Na-đa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi Nam, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi Nữ, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Nam Nữ, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Tán-na ngang dọc năm mươi

do-tuần; lại có rừng cây tên là Chiên-đàn, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Khư-thù-la ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Ba-nại-bà-la ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Tỳ-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Hương Nại, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Vi Lê, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là An Thạch Lưu, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi Cam, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Ha-lê-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuàn; lại có rừng cây tên là Tỳ-hê-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây A-ma-lặc? ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là A-ma-lê, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Nại, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Cam-giá, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Trúc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Xá-la, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Xá-la-nghiệp9 ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Mộc Qua, ngang dọc năm mươi do- tuần; lại có rừng cây tên là Đại Mộc Qua, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Giải Thoát Hoa, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Chiêm-bà, ngang dọc năm mươi do-tuàn; lại có rừng cây tên là Bà-la-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Tu-ma-na, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Bà-sư, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại CÓ rừng cây tên là Đa-la-lê? ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Già-da, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Bô Đào, ngang dọc năm mươi do-tuần.

908 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0116bl9] Qua khỏi những khu rừng ấy là khoảng đất trống. Trong khoảng đát trông ây lại có ao trông hoa, ngang dọc năm mươi do-tuân. Lại có các ao trông hoa sen như hoa ưu-bát-la, bát-đâu-ma5 câu-vật-đâu9 phân-đà-lợi, răn độc ở đầy trong đó, mỗi ao ngang dọc năm mươi do-tuần. Qua khỏi vùng đất trống ấy là khoảng đất trống nữa. Trong khoảng đất trống ấy có biển lớn tên là uất-thiền-na. Dưới đáy biển có con đường của Chuyển Luân Thánh Vương, rộng mười hai do-tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lóp hàng cây, chung quanh đều được trang hoàng bằng bảy báu. Khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện trong cõi Diêm-phù-đề thì nước tự nhiên rút hết, con đường này hiện ra. Cách biển này không xa có núi tên là uấtthiền, dáng núi vững chãi, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, tỏa hương thơm ngát, đủ các chủng loại câm thú, nương ở khăp nơi. Cách núi Uât-thiên không xa, lại có núi Kim Bh, bên trong núi có tám mươi ngàn hang động, mỗi hang động có tám mươi ngàn voi chúa ở trong đó, thân của chúng thuần màu trắng, đầu có nhiều màu sắc, miệng có sáu ngà, răng có cẩn vàng. Qua khỏi núi Kim Bích có núi Tuyết, núi này dài rộng năm trăm do-tuần, chân núi cắm sâu vào lòng đát năm ứăm đo-tuân, phía Đông và Tây nhập vào biên. Giữa núi Tuyết lại có tòa núi báu, cao hai mươi do-tuần. [0116c05] Tầng đất cứng núi Tuyết nhô lên cao một trăm do-tuàn. Trên đỉnh núi Tuyết có hồ A-nậu-đạt,29 ngang dọc năm mươi do-tuần, nước hồ rất trong mát, không có cặn bẩn, quanh bờ được lát nền bằng bảy báu, bảy lớp lan can, bảy lớp mành lưới, bảy lớp hàng cây, môi loại màu sác khác nhau, đêu do bảy báu hợp thành.

Nếu trụ lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn băng vàng, lan can băng lưu ly thì tay vịn băng thủy tinh, lan can bang thủy tinh thì tay vịn bang lira ly, lan can bang xích châu thì tay vịn bang mã não, lan can băng mã não thì tay vịn băng xích châu, lan can băng xà cừ thì tay vịn bằng các loại báu. Lưới bằng vàng thì treo linh bằng bạc, lưới bằng bạc thì treo linh bằng vàng, lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, lưới bằng thủy tinh thì treo linh băng lưu ly, lưới băng xà cừ thì treo linh băng bảy thứ báu. : \ ĩ \ A Cây Đa-la băng vàng thì góc và cành cũng băng vàng nhưng lá và quả băng bạc; cây Đa-la bằng bạc thì gốc và cành đều bằng bạc nhưng lá và quả bằng vàng; cây bằng thủy tinh thì gốc và cành đều là thủy tinh nhưng hoa và quả bằng lưu ly; cây bằng xích châu thì gốc và cành đều bằng xích châu nhưng lá, hoa và quả bàng mã não; cây bằng xà cừ thì gốc và cành đều bằng xà cừ nhưng hoa và quả bang các loại báu. Bên bờ hồ A-nậu-đạt đều có vườn cảnh, ao tắm, các loài hoa mọc thành từng khóm, các loại cây lá, hoa quả đều tốt tươi, các loại hương thơm lan tỏa bốn

29 A-nậu-đạt ,Anotatta còn gọi là hồ Vô Nhiệt ,Vô Não Nhiệt ,nghĩa là không bị sức nóng làm cho khô não.

30. KINH THẾ KÝ 909

phương, có vô số loài chim cùng nhau ca hót.30 Đáy hồ toàn là cát vàng, bốn bên hồ đều có bậc thềm. Bậc bằng vang thì thềm bằng bạc, bậc bằng bạc thì thềm bằng vàng, bậc bằng lưu ly thì thềm bằng thủy tinh, bậc bằng thủy tinh thì thềm bằng lưu ly, bậc bằng xích châu thì thềm bằng mã não, bậc bằng mã não thì thềm bằng xích châu, bậc bằng xà cừ thì thềm bang các loại báu. Bao bọc xung quanh hồ đều có lan can, quanh thềm mọc bốn loài hoa màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và hoa nhiều màu đan xen. Hoa trong ao lớn như bánh xe, cọng như trục xe, nước ép từ ngó hoa có màu frắng như sữa, vị ngọt như mật. Phía Đông hô A-nậu-đạt có miệng Trâu, tuôn nước ra thành sông Hăng- già,31 sông này cùng với năm trăm nhánh sông đều đổ ra biển Đông. Phía Nam cua ho co miêng Sư tư tuôn nước ra thanh song Tan-dau/233 song nay cung vơi : A 9 e9 -í l A . năm trăm nhánh sông đêu đô ra biên Nam. Phía Tây hô A-nậu-đạt có miệng Ngựa, tuôn nước ra thành sông Bà-xoa,33 sông này cùng với năm trăm nhánh sông đều đổ ra biển Tây. Phía Bắc hồ có miệng Vòi, tuôn nước ra thành sông Tư-đà,34 sông này cùng với năm trăm nhánh sông đều đổ vào biển Bắc.35 Trong cung A-nậu-đạt có ngôi nhà do năm trụ chống đỡ, là nơi rồng chúa A-nậu-đạt thường cư trú. [0ll7a0l] Đức Phật dạy: Vì sao gọi là A-nậu-đạt? A-nậu-đạt có nghĩa là gì? Tất cả rồng chúa ở cõi Diêm-phù đều có ba nỗi thống khổ, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là hoàn toàn không có. Ba nỗi thống khổ đó là: Thứ nhất, toàn thể rồng chúa ở cõi Diêm-phù-đề đều bị gió nóng, cát nóng, đốt cháy da thịt đến tận xương tủy làm cho khổ não, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là không bị tai họa này. Thứ hai, toàn thê rông chúa ở cõi Diêm-phù-đê đêu bị những cơn lóc xoáy dữ dội thôi vào trong cung, bay mát y báu phục sức, thân rông lộ ra, khiên cho đau khổ phiền não, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là không bị tai họa này. Thứ ba, toàn thê rông chúa ở cõi Diêm-phù-đê, khi ở trong cung vui chơi đều bi chim Cánh Vàng bay vào cung bắt đi, hoặc lúc rồng mới sanh, bị chim Cánh Vàng tìm cách bắt ăn thịt, khiến cho các loài rồng lo sợ, thường ôm lòng khổ não, chỉ có

rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là hoàn toàn không có tai họa này.

30 Nguyên tác: Chư điểu ai minh tương hòa . 31 Hằng-già hà ,Gañgā, sông Hằng, con sông linh thiêng ở Ấn Độ. 32 Tân-đầu hà còn gọi là sông Tín-độ ,Sindhu, một nhánh của sông Yāmunā, con sông lớn thứ 2 sau sông Hằng. 33 Bà-xoa ha s. Vaksu còn gọi là Phược-sô hà Bà-thâu hà Hòa-xoa hà ,...ngày nay gọi là sông Amu Darya. 34 Tư-đà hà Sītī còn gọi là Đà hà ,Tư-đà hà Tư-đa hà ,Tất-đà hà . ^BonciMi sông lớn này và các chi lưu còn được ghi nhận trong A-tỳ-đạt-ma Đại-tỳ-bà-sa luận 27. 1545.5. 0021al4.

Nếu chim Cánh Vàng khởi ý nghĩ muốn đến cung rồng ở hồ A-nậu-đạt thì chim liền mạng chung, cho nên có tên A-nậu-đạt. Phật bảo Tỳ-kheo: -Bên phải của núi Tuyết có thành tên là Tỳ-xá-ly, phía Bắc thành có bảy núi Đen,36 phía Bắc núi Đen lại có núi Hương.37 Trên núi này thường có tiếng kỹ nhạc đàn ca, hát xướng. Trong núi có hai hang động: Một hang động tên là Trú, còn hang động thứ hai tên là Thiện Trú đều do bảy báu cõi trời tạo thành, thơm sạch, mềm mại như áo trời. Vua càn-thát-bà Diệu Âm cùng với năm trăm càn-thát-bà ngụ trong núi đó. Phía Bắc hang động Tru và Thiện Tru có cây Sa la cao lớn tên Thiện Trụ và có tám ngàn cây cao lớn bao quanh bon phía. Bên gốc cây cao lớn Thiện Trụ có voi chúa cũng tên Thiện Trụ nương ở gốc cây này. Thân thể voi chúa thuần trắng, bảy chỗ đều đầy đặn,38 có khả năng bay trong hư không. Đâu voi màu đỏ, lông có nhiêu màu, sáu ngà thon dai, khoảng giữa được cẩn vàng, có tám ngàn voi đi theo xung quanh. Dưới tám ngàn cây cao lớn ấy có tám ngàn voi, cũng lại như thế. Phía Băc cây cao lớn Thiện Trụ có ao tăm lớn tên Ma-đà-diên9 ngang dọc năm mươi do-tuần. Lại có tám ngàn ao tắm phụ bao bọc xung quanh, nước trong những ao đó trong sạch mát mẻ, không chút cặn bẩn, bốn bờ ao được lát y băng bảy báu bao bọc xung quanh. Ao có bảy lớp lan can bao quanh, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây đều do bảy báu tạo thành. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bang xích châu thì tay vịn bang mã não, lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu, lan can bang xà cừ thì tay vịn bang các loại báu. Dưới mành lưới bằng vàng thì treo linh bằng bạc, dưới mành lưới bằng bạc thì treo linh bằng vàng, dưới mành lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới mành lưới bang lưu ly thì treo linh bang thủy tinh, dưới mành lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới mành lưới bằng mã não thì treo x A y

linh băng xích châu, dưới mành lưới băng xà cừ thì treo linh băng các loại báu. __ y f y y \

Cây băng vàng thì góc và nhánh đêu băng vàng nhưng lá, hoa và trái băng bạc. Cây bằng bạc thì gốc và nhánh bằng bạc nhưng lá, hoa và trái bằng vàng. Cây bằng thủy tinh thì gốc và cành bằng thủy tinh nhưng hoa và trái bằng lưu ly. Cây bằng lưu ly thì gốc và nhánh bang lưu ly nhưng hoa và trái bang thủy tinh. Cây bằng xích châu thì gốc

và nhánh bằng xích châu nhưng hoa và trái

36 Nguyên tác: Hắc sơn ,là tên một ngọn núi. Núi này tối đen. Câu-xả r.29. 1558.11. 0058al8 ghi: Phía Bắc Nam Thiệm-bộ châu ,Jambudīpa, 3 chỗ đều có 3 lớp Hắc sơn. Nơi ấy tối tăm, là chỗ ở của các ác quỷ. 37 Hương sơn ,địa danh, là nơi nằm phía Bắc sông Vô Nhiệt ,Anotatta, thuộc trung tâm tối cao cua chau Diem-phù-đề ,Jambudīpa. 38 Thất xứ bình trụt .Tam thập nhị tưởng kinh 0.01^2026.59. 0494a01 ghi là “thất xứ mãn,, :2 chân trước, 2 chân sau, 2 vai và cổ .

bằng mã não. Cây bằng mã não thì gốc và nhánh bằng mã não nhưng hoa và trái băng xích châu. Cây băng xà cừ thì góc và nhánh băng xà cừ nhimg hoa và trái bằng các loại báu. [0117bl0] Lại nữa, dưới đáy ao trải đầy cát vàng, bao bọc quanh ao có đường bậc thang bằng bảy báu, thềm bằng vàng thì cấp bằng bạc, thềm bằng bạc thì cấp bằng vàng, thềm bằng thủy tinh thì cấp bàng lưu ly, thềm bằng lưu ly thì cáp băng thủy tinh, thêm băng xích châu thì cáp băng mã não, thêm băng mã não thì cáp băng xích châu, thêm băng xà cừ thì cáp băng bảy báu. Sát hai bên bậc thềm có lan can báu. Lại nữa, trong ao có bốn loài hoa màu xanh, vàng, đỏ, trắng và nhiều màu đan xen. Hoa lớn như bánh xe, cọng như trục xe, rễ hoa ra nhựa có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Chung quanh bốn mặt ao đều có vườn cảnh, rừng cây, ao tăm, các thứ hoa nở rộ, cây côi mát mẻ, hoa trái sum suê; lại có vô số loài chim cùng nhau ca hót, như đã kể trên. Voi chúa Thiện Trụ có ý muôn dạo chơi, lúc vào ao tăm liên nghĩ đên tám ngàn voi khác. Khi ấy, tám ngàn voi lại tự nghĩ: "Vòi chúa Thiện Trụ đang nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đến chỗ voi chúa.,, Thế rồi, đàn voi liền đi đến đứng trước voi chúa. Lúc đó, tám ngàn voi kia theo voi chúa Thiện Trụ đến ao Ma- đà-diên. Trong đàn voi ấy, có con dùng vòi quấn lọng che voi chúa, có con dùng vòi quấn quạt báu quạt cho voi chúa, có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Voi chúa Thiện Trụ vào ao tắm rửa, tấu xướng kỹ nhạc, cùng nhau vui chơi, có con rửa vòi cho voi chúa, có con rửa miệng, rửa đầu; có con rửa ngà, rửa tai, rửa bụng, kỳ lưng, rửa đuôi, rửa chân. Trong đó có con nhổ gốc hoa rửa sạch dâng voi chúa ăn, có con lấy bốn loại hoa rải trên voi chúa. Sau khi tắm rửa, ăn uống và cùng nhau vui chơi xong, voi chúa Thiện Trụ lên bờ đến đứng bên cây Thiện Trụ thì tám ngàn voi kia đều vào ao tắm rửa, ăn uống cùng nhau vui chơi xong, lên bờ rồi đến chỗ voi chúa đứng. Khi ấy, voi chúa cùng tám ngàn voi tùy tùng vây quanh đi đến chỗ cây Thiện Trụ cao lớn. Trên đường đi, trong đàn voi có con dùng vòi quấn lọng che voi chúa, có con dùng vòi quấn quạt để quạt cho voi chúa, có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Khi voi chúa Thiện Trụ đen cây Thiện Trụ cao lớn rồi ngồi, nằm, di, đứng thỏa thích thì tám ngàn voi tùy tùng cũng ở bên các cây tự do ngồi, nằm9 di, đứng tùy ý. Trong rừng cây ấy, có cây cao tám tầm, có cây cao chín tầm cho đến cây cao mười tầm, mười lăm tầm, chỉ có cây Ta-la chúa của voi chúa Thiện Trụ cao mười sáu tầm. Khi cành lá của tám ngàn cây Ta-la này rụng xuống thì có luồng gió mát mẻ thổi lùa cành lá rụng ra ngoài khu rừng, rồi khi tám ngàn con voi đại tiêu tiện thì có các quỷ dạ-xoa đên hót bỏ bên ngoài khu rừng. Đức Phật bảo: -Các Tỳ-kheo

nên biết, voi chúa Thiện Trụ có thần lực lớn và công đức như thế, tuy là loài súc sanh nhimg vẫn hưởng được phước như vậy.

912 KINH TRƯỜNG A-HÀM

2. PHẨM UÁT-ĐAN-VIỆT39

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Châu ưất-đan-việt có nhiều núi non. Bên cạnh núi non có nhiều vườn cảnh, hồ tắm, mọc đủ các loại hoa, cây cối xanh mát, hoa quả sum suê, có vô số loài chim cùng hòa điệu hót ca. Lại nữa, trong núi ấy có rất nhiều nguồn nước bình lặng xuôi chảy ra biển, không có chảy xiết, có các loài hoa che phủ trên mặt nước và dập dềnh trôi xuôi. Hai bên bờ suối có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê, đất mọc cỏ mềm, bò quanh theo chiều phải, màu xanh như lông khổng thúy,40 hương thơm như hoa bà-sư41 và mềm mại như vải cõi trời. Mặt đất bằng phẳng mềm mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm lên thì mặt đất lún xuống bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Này Tỳ-kheo! Bốn phía của châu này có bốn hồ A-nậu-đạt, mỗi cạnh của hồ ngang dọc một trăm dotuàn, nước hồ trong và sạch, không chút cặn bẩn, quanh bờ được lát nên băng bảy báu,... cho đên có vô sô loài chim cùng nhau hòa điệu hót ca. Sự tráng lệ của hồ này cũng giống như hồ Ma-đà-diên42 không khác. Nước từ bốn hồ lớn này chảy xuống bốn dòng sông lớn, rộng mười do-tuần, nước chảy xuôi ra biển cả, không có chảy xiết, có các loài hoa che phủ trên mặt nước và dập dềnh trôi xuôi. Giáp hai bên bờ hồ có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê, đất mọc cỏ mềm, bò quanh theo chiều phải, màu xanh như lông khổng thúy, hương thơm như hoa bà-sư và mềm mại như vải cõi trời. Mặt đất bằng phẳng và mềm mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm lên thì mặt đát lún xuống bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Lại nữa, đất đai ở đây không có ngòi rãnh, khe suối, hầm hố? gai góc, gốc cây, không có muỗi mòng, rắn, rít, ong, bò cạp, hổ beo hay thú dữ. Đất đai toàn là châu báu, không có cát đá, thời tiêt điêu hòa, bôn mùa thuận chuyên, không nóng không lạnh, không có bức bách phiền não. Đất đai ẩm ướt, nên không bụi bẩn, như có dầu bôi trên đất, bụi không thể bay. Trăm hoa đua nở, không có đông, hạ; cây côi xanh tươi, hoa quả sum suê. Đát mọc cỏ mem, bò quanh theo chiều phải, màu xanh như lông khổng thúy, hương thơm như hoa bà-sư, mềm mại như vải cõi trời. Mặt đất bằng phẳng và mềm mại như lòng bàn tay, không

39 Nguyên tác: uất-đan-việtphẩm roi. 0001.30.2. 0117cl3. 40 Nguyên tác: Khổng thúy L,cách viết khác của khổng tước L,l con chim công. 41 Bà-sư vassikā, tên một loài hoa thường nở rộ vào mùa mưa. 42 Ma-đà-diên tri Mandākinī còn gọi Mạn-đà-kỳ-ni trì ,Mạn-na-cát-nhĩ trì M..

30. KINH THẾ KÝ 913

CÓ cao thấp, khi giẫm chân xuống, mặt đất lún bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. [0118al0] Trong cõi này lúa thóc tự mọc, không cần gieo cấy, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống thức ăn của trời Đao-lợi, đầy đủ các vi. Cõi ấy có nồi, vạc tự nhiên và ngọc ma-ni tên Diệm Quang thay cho lửa đặt dưới nồi, đên khi cơm chín thì

ánh sáng tự nhiên tăt, không cân củi lửa, chăng nhọc sức người. Cõi này có một loại cây tên Khúc Cung, lá cây mọc dày, thứ lớp đan xen, trời mưa không thâm, dột. Nam nữ cõi ây ở dưới cây này. Lại có loài cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, hương thơm lan tỏa. Loài cây này có cây cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm. Cây nhỏ nhất cao khoảng năm dặm, hoa trái đầy cành. Khi quả chín tới, vỏ tự nứt ra, hương thơm lan tỏa. Lại có loài cây Y, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn các y phục. Loài cây này, có cây cao sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, hoặc nhỏ nhất là cao năm dăm, hoa trái sum suê, từ đây lưu xuất các loại y phục. Lại có loài cây Trang Nghiêm, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn đầy đủ các thứ trang sức thân thể. Lại có loài cây Hoa Man, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các thứ tràng hoa. Lại có loài cây Khí, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi r s dặm, cây nhỏ nhát cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các loại đồ dùng. Lại có loài cây Quả, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bổn mươi dặm, cây nhỏ nhát cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các loại trái cây. Lại có cây Nhạc Khí, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi £ dặm, cây nhỏ nhát cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các loại nhạc cụ. [0118ỒO8] Cõi ấy có hồ Thiện Kiến, ngang dọc một trăm do-tuần9 nước hồ trong và sạch không chút cặn bẩn. Quanh bờ được lát nền bằng bảy báu, bao bọc chung quanh có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng giống như thế. Phía Bắc hồ Thiện Kiến có cây tên Ambàla, cao một trăm dăm, thân to bảy dăm, cành lá che phủ bốn phía năm mươi dặm. Phía Đông hồ Thiện Kiến tuôn ra một dòng sông tên Thiện Đạo, rộng một do-tuần5 dòng nước chảy chậm, không có nước xoáy, nhiều loài hoa đan xen che phủ trên mặt nước. Hai bên

bờ sông CÓ nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê. Đất mọc cỏ mem, bò quanh theo chiêu phải, màu xanh như lông không thúy, hương thơm như hoa bà-sư9 mem mại như vải cõi trời. Mặt đát băng phăng và mem mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm chân xuống, mặt đất lún bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Trong sông ây có nhiêu thuyên báu. Dân chúng ở đây muôn đên hô tăm rửa vui chơi thì cởi áo để trên bờ rồi chèo thuyền ra giữa dòng dạo chơi. Khi đã thỏa thích thì chèo thuyền vào, ai lên trước thì mặc y phục trước, ai lên sau thì mặc y phục sau, không cần lấy y phục của mình đã mặc lúc trước. Sau đó, họ đi đến cây Hương thì cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các loại hương xoa lên thân thê. Roi họ đên cây Ỵ, cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các thứ y phục và tùy ý mặc vào. Kê nữa, họ đên cây Trang Nghiêm, cây tự rũ thân xuồng đê mọi người chỉ cần đưa tay lấy đủ loại trang sức để tự trang điểm cho mình. Sau đó? họ đến cây Man thì cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các loại tràng hoa cài lên đầu. Tiếp theo, họ đến cây Khí, cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các thứ đồ

dùng quý báu để sử dụng. Sau đó, họ đến cây Quả, cây tự rũ thân xuông, mọi người chỉ cân đưa tay hái các loại trái cây ngon, hoặc là ăn, hoặc là ngậm hay vắt lấy nước uống. Lại đến cây Nhạc Khí, cây tự rũ thân xuông, mọi người chỉ cân đưa tay lây các loại nhạc khí roi cùng nhau tâu nhạc, âm thanh hòa quyện tuyệt diệu vang lên. Thế rồi, họ cùng nhau đến vườn cây vui chơi thỏa thích, hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, sau đó lại đi tiếp mà không ở chỗ nào nhất định. [0ll8c05] Phía Nam hồ Thiện Kiến khởi nguồn dòng sông Diệu Thể. Phía Tây hồ Thiện Kiến khởi nguồn dòng sông Diệu Vị. Phía Bắc hồ Thiện Kiến khởi nguôn dòng sông Quang Anh, cũng giông như trên. Phía Đông hô Thiện Kiến có khu vườn tên là Thiện Kiến, ngang dọc một trăm do-tuần, chung quanh bôn bên khu vườn đêu có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, nhiêu màu đan xen do bảy báu tạo thành. Bôn phía khu vườn đêu có bôn cửa lớn, mỗi cửa đều có lan can bao quanh, đều trang hoàng bằng bảy báu. Trong vườn yên tĩnh, không có gai góc, đát đai băng phăng, không có khe suôi, hâm hố, đồi núi; không có muỗi mòng, rắn, rít, bò cạp, hổ beo, thú dữ, đất đai toàn là châu báu, không có cát đá, thời tiêt điêu hòa, bôn mùa thuận chuyên, không nóng không lạnh, không có bức bách phiên não. Đát đai âm ướt, không có bụi bẩn, đất như thấm dầu, bụi không thể bay. Trăm hoa đua nở, không có đông hạ, cây côi xanh tươi, hoa quả sum suê. Đát mọc cỏ mem, bò quanh theo chiêu phải, màu xanh như lông khổng thúy, hương thơm như hoa bà-sư9 mềm mại như vải cõi trời. Mặt đát băng phăng và mem mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm chân xuống, mặt đất lún bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ.

Trong vườn này lúa thóc tự mọc, không cần gieo cấy, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, đầy đủ các vị, giống thức ăn của trời Đao-lợi. Vườn ấy có nồi, vạc tự nhiên và ngọc ma-ni tên Diệm Quang thay cho lửa đặt dưới nồi, đến khi cơm chín thì ánh sáng tự nhiên tắt, không cần củi lửa, chẳng nhọc sức người. Trong vườn lại có cây tên Khúc Cung, lá mọc đan xen thứ lớp, trời mưa không dột, nên mọi người đều trú dưới tàn cây. Lại có cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa trái đầy cành, khi trái chín thì vỏ tự nứt, hương thơm lan tỏa khắp nơi. Lại có cây cao sáu mươi, năm mươi, bốn mươi và cây nhỏ nhất là cao năm dặm, hoa trái đầy cành, khi trái chín thì mùi hương lan tỏa... cho đến cây Khí, cũng giống như trên. Dân chúng ở vùng này đên trong khu vườn ây vui chơi thỏa thích, hoặc một ngày, hai ngày cho đên bảy ngày. Vườn Thiện Kiên ây không người trông coi nên tùy ý dạo chơi, sau đó lại đi tiếp. Phía Nam hồ Thiện Kiến có khu vườn tên Đại Thiện Kiến. Phía Tây hồ Thiện Kiến có khu vườn tên Ngô Lạc. Phía Bắc hồ Thiện Kiến có khu vưcm tên Đẳng Hoa, cảnh vật cũng giống như trên, ở đây, cứ vào nửa đêm hoặc cuối đêm, rồng chúa A-nậu-đạt thường giăng mây thanh tịnh khắp bầu trời, rồi tuôn mưa cam lộ xuông? giông như văt sữa bò, khiên trong chóc lát nước tám vị thâm ướt cung khăp, nước không đọng lại, đát không bùn lây. Giông như thợ làm tràng hoa dùng nước rưới lên hoa khiến không khô héo, lại thấm ướt tốt tươi. Khi trời gần sáng thì hết mưa, bầu trời quang đãng, không một gợn mây, gió mát từ biển thổi vào, trong lành dễ chiu, khiến thân tâm khoan khoái. Hơn nữa, đất đai nơi này phì nhiêu, dân chúng sung túc. Khi cần ăn thì lấy gạo thơm tự nhiên để vào nồi, lấy ngọc

Diệm Quang để dưới nồi mà nấu, cơm tự nhiên chín, ánh sáng tự tắt. Nếu khách đến thì tự lấy dùng, nếu chủ nhà không đứng dậy thì cơm không hết, nếu chủ nhà đứng dậy thì cơm cũng vừa hết. Cơm ấy tinh khiết, như đóa hoa trắng, đầy đủ mùi vi như cơm cõi trời Đao-lợi, người ăn vào không sanh bệnh mà còn giúp cho khí lực sung mãn, nhan sắc tươi đẹp, không bị già suy. [0119al4] Lại nữa, người ở cõi ấy dung mạo giống nhau, không thể phân biệt, tất cả đều như thanh niên hai mươi tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, răng trắng đều đặn, băng và khít, tóc màu xanh biêc, không có cáu bân, tóc dài tám lóng tay, phía trước xõa xuống ngang mày, không dài không ngắn. Nếu người ở cõi ấy khởi tâm dục thì họ sẽ nhìn chăm chú vào người nữ rồi bỏ di, người nữ liền theo vào vườn rừng. Hai kẻ nam nữ ây nêu như có liên hệ huyêt thông với chú bác, 7 . r r '

CÔ dì nên không thê cộng giao thì cây côi sẽ không rũ cành che mát, lúc ây hai người tự rời xa. Nếu không phải là người trong thân tộc thì cây cối tự rũ cành che kín, hai người tùy ý gần gũi vui chơi từ một, hai hoặc bảy ngày rồi sau đó chia tay. Người nữ này mang thai bảy ngày hoặc tám ngày thì chuyển dạ, khi đứa bé chào đời thì bát kê là con trai hay con gái đêu đặt tại ngã tư đường roi

bỏ đi. Nếu CÓ ai đi ngang qua thì đưa ngón tay cho đứa bé này bú, sữa từ đầu ngón tay tuôn ra lưu chuyển khắp thân, nuôi lớn đứa bé. Sau bảy ngày thì đứa bé này lớn lên như bao người khác. Lúc ấy, nếu là nam thì nó theo chúng nam, là nữ thì theo chúng nữ. Người nơi đây khi mạng chung, quyến thuộc không khóc than mà chỉ trang điểm cho tử thi rồi đặt tại ngã tư đường và sau đó bỏ đi. Bấy giờ, có loài chim Ưu-ủy-thiền-già cắp tử thi mang đi nơi khác. Lại nữa, khi dân chúng muốn đại tiện hay tiểu tiện thì mặt đất tự nứt ra, đại tiện và tiểu tiện xong thì mặt đát khép lại. Loài người nơi đây không có tâm luyến ái ràng buộc, cũng không cất chứa mọi thứ, thọ mạng thường định, sau khi mạng chung đều sanh về cõi trời. Vì sao thọ mạng thường định? Vì đời trước họ tu mười hạnh lành nên sau khi chết sanh về cõi uất-đan-việt, thọ mạng một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Thế nên thọ mạng của họ đều như nhau. [0H9b06] Lại nữa, người sát sanh đọa vào đường ác, người không sát sanh sanh vào nẻo thiện. Kẻ trộm cướp, tà dâm, nói hai chiều, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh ghét và tà kiến đều đọa vào đường ác. Người không trộm cướp, không tà dâm, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì khi thân hoại mạng chung . sẽr sanh vê cõi Uât-đan-việt, thọ mạng một ngàn tuôi, * y

không tăng không giảm. Thê nên thọ mạng của họ đêu như nhau. Lại nữa, nếu ai keo kiệt tham lam, không chiu bố thí thì sau khi mạng chung đọa vào đường ác. Nếu người cỏ tâm rộng lớn không keo kiệt, thường đem tài vật ban phát cho người thì được sanh vê cõi lành. Nêu ai cúng dường cho Sa- môn, Bà-la-môn và bô thí cho những người bân cùng ăn xin, bệnh tật khôn khô những vật dụng như áo quần, xe cộ, vòng hoa, hương xoa, giường chiếu, phòng ốc, lại xây chùa tháp, đốt đèn cúng dường thì sau khi mạng chung được sanh về cõi uất-đan-việt, thọ mạng một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Thế nên thọ mạng của họ đều như nhau. Vì sao gọi cõi uất-đan-việt là thù thắng? Vì

người dân nơi đây tuy không lãnh thọ mười điều thiện nhưng tất cả hành động và cử chỉ của họ đều tự nhiên hợp với mười điêu thiện nên sau khi mạng chung sẽ sanh vê cõi lành, cõi trời. Vì thế người cõi này được khen rằng: "Tốt đẹp thay người Uat-dan-vi?t.^ Vậy uất-đan-việt là gì? Là cõi đứng đầu trong ba cõi thiên hạ, là tối thượng, tối thắng nên gọi là uất-đan-việt.

30. KINH THẾ KÝ 917

3. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG43

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có đấng Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bảy báu và bốn thân đức. Bảy báu đó là bánh xe báu băng vàng, voi trăng báu, ngựa tía báu, than châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bánh xe báu bằng vàng như thế nào? Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện trong cõi Diêm-phù-đề thì vào ngày rằm trăng tròn, vua quán đảnh dòng Sát-lợi tắm gội bằng nước thơm, rồi lên điện cao cùng vui đùa với các thể nữ. Khi ấy, bánh xe báu bằng vàng cõi trời bông nhiên xuất hiện. Bánh xe có ngàn căm, đường kính bôn trượng, sáng chói đủ màu, được làm bằng vàng cõi trời, do thợ trời chế tạo, người đời không thể làm được. Khi nhìn thấy bánh xe, Chuyển Luân Thánh Vương thầm nghĩ: "Ta từng nghe các bậc tiên đức kỳ cựu nói rằng: 'Nếu vào ngày rằm trăng tròn, vua quán đảnh dòng Sát-lợi tăm gội băng nước thơm, roi lên điện cao cùng vui đùa với các thê nữ thì bánh xe báu băng vàng cõi trời bông nhiên hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đường kính bốn trượng, sáng chói đủ màu, do thợ trời chế tạo, người đời không thể làm được, vị vua ấy được gọi là Chuyển Luân Thánh Vương/ Nay bánh xe này xuất hiện, phải chăng là điềm lành ấy? Nay ta hãy thử nghiệm bánh xe này!" Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương triệu tập bốn bộ binh chủng hướng về bánh xe báu bằng vàng rồi sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, tay phải chạm vào bánh xe bằng vàng và nói: "Hãy chạy về hướng Đông, như pháp mà chuyên, chớ trái lệ thuơng." Bánh xe liên chuyên vê phương Đông. Khi ấy, Chuyển Luân Thánh Vương dẫn bốn bộ binh chủng theo sau, trước bánh xe báu bằng vàng có bốn vị thần dẫn đường. Bánh xe dừng nơi nào, vua cũng dừng nơi đó. Bấy giờ, các vua nước nhỏ ở phương Đông thấy Đại vương đến, liền dùng bát vàng đựng đầy thóc bạc, bát bạc đựng đầy thóc vàng đến chỗ Đại vương cúi đàu thưa: uQuý thay Đại vương! Phương Đông này đất đai màu mỡ, có nhiều châu báu, dân chúng đông đúc, lòng đầy nhân ái, từ hòa, hiếu thuận, trung thành. Cúi xin Thánh vương hãy tri vì ở đây, chúng tôi sẽ hầu hạ và cung cấp những thứ cần dùng!^,

43 Nguyên tác: Chuyển Luân Thảnh Vương phẩm (01. 0001.30.3. 0119Ò24).

918 KINH TRƯỜNG A-HÀM

LÚC đó, Vua Chuyển Luân bảo các vua nước nhỏ: 'Thôi, thôi! Chư Hiền! Các ông nói như vậy là đã cúng dường cho ta rồi. Chỉ cần các vị dùng Chánh pháp để cai trị, đừng để oan sai, không để trong nước có những kẻ làm điều phi pháp. Chính mình không sát sanh, khuyên bảo người khác không sát sanh; không trộm cướp, tà dâm, nói hai chiều, nói lời thô ác, nói dối, thêu dệt, tham lam, sân hận, ganh ghét và tà kiến. Làm được như

thế thì cũng như có ta trị vì vậy.,, Các vua nước nhỏ nghe dạy xong, liên theo đại vương đên khắp các cõi nước cho đến tận cùng bờ biển phía Đông, rồi dần đi về phương Nam, phương Tây và phương Băc. Bát cứ chô nào mà bánh xe chuyên đên, các vua ở đó đêu dâng hiến cõi nước, cũng như các vua nước nhỏ ở phương Đông vậy. Cõi Diêm-phù-đề này có đất đai màu mỡ, phong phú, sản sanh nhiều châu báu, vườn rừng mát mẻ, suối nước trong xanh, những nơi bằng phẳng, bánh xe lăn khắp, ấn định ranh giới, từ Đông sang Tây mười hai do-tuần, từ Nam đến Bắc mười do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng thành quách. Thành có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót. Thành được xây xong, bánh xe bằng vàng lại xuất hiện, ấn định ranh giới từ Đông sang Tây bốn do-tuần, từ Nam đến Bắc hai do-tuần. Vào ban đêm, các thần cũng ở trong đó xây dựng thành quách. Cung điện có bảy lớp tường băng bảy báu,... cho đên có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót, như đã nói ở trên. Cung điện được dựng xong thì bánh xe báu bằng vàng trụ giữa hư không, ngay phía trước cung điện, hoàn toàn không chuyển động. Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói: "Bánh xe báu bằng vàng này đúng là điềm lành cho ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vương!99 Đó là sự thành tựu bánh xe báu bang vàng. [0120all] Báu vật voi trắng được thành tựu như thế nào? Vào một buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương ngồi trên chánh điện, voi trắng bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Lông của nó thuần trắng, bảy chỗ đay đặn, có khả năng bay giữa hư không. Đau của nó nhiều màu, sáu ngà thon dài, giữa ngà được cẩn vàng. Thấy thế, vua liền thầm nghĩ: "Con voi này thuần tính, nếu khéo huấn luyện thì có thể cu&i." Vua liền cho người huấn luyện đầy đủ các kỹ năng. Rồi vào buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử voi, liền cưỡi voi xuất thành, đi khắp bốn biển, đến giờ ăn trưa thì trở về. Nhà vua phấn khởi nói: "Vói trắng báu này thật là điềm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu về voi báu. Chuyên Luân Thánh Vương thành tựu ngựa tía báu như thê nào? Khi ây, vào buôi sáng sớm, Chuyên Luân Thánh Vương ngôi tại chánh điện, bỗng nhiên ngựa tía báu xuất hiện. Thân nó xanh thẫm, bờm và đuôi màu đỏ,

30. KINH THẾ KÝ 919

đâu và cô giông như voi, có khả năng bay giữa hư không. Thây thê, vua liên nghĩ: “Con ngựa này thuần tính, nếu khéo huấn luyện thì có thể cưỡi.,, Vua bèn cho huấn luyện đầy đủ các kỹ năng. Rồi vào buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương muôn thử ngựa báu, liên cưỡi ngựa xuất thành, đi kháp bôn biên, đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển Luân Thánh Vương phấn khởi nói: "Báu vật ngựa tía này thật là điềm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu về ngựa tía báu. Báu vật thần châu được thành tựu như thế nào? Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương ngồi tại chánh điện, thần châu báu bỗng nhiên xuất hiện, trong suốt, không chút tỳ vết. Thấy như thế rồi, vua tự nghĩ: "Hạt châu này thật tuyệt vời, ánh sáng phát ra có thể chiêu sáng cả cung diên.” Bây giờ, Chuyên Luân Thánh Vương muôn thử thân châu này, liền triệu tập bốn bộ binh chủng rồi đặt báu thần châu lên cây phướn cao, trong đêm tối thì cầm cây phướn ra khỏi thành. Ánh sáng của thần

châu chiêu xa một do-tuân. Dân chúng trong thành này đêu thức dậy làm việc, vì cho rằng trời đã sáng. Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói: "Nay thần châu này đúng là điềm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu báu thần châu. Ngọc nữ báu được thành tựu như thê nào? Lúc ấy, ngọc nữ báu bỗng nhiên xuất hiện, dung nghi, diện mạo đều tuyệt vời đoan chánh, không cao không tháp, không mập không ôm, không trăng không đen, không cứng răn, không mem yêu, mùa đông thì thân âm, mùa hè thì thân mát. Từ các lỗ chân lông khắp thân ngọc nữ tỏa hương chiên-đàn, miệng tỏa ra mùi thơm hoa sen xanh, nói năng dịu dàng, cử chỉ khoan thai, đứng dậy trước vua nhưng ngồi xuống sau vua, không mất uy nghi phép tắc. Sau khi trông thấy, Chuyển Luân Thánh Vương khởi tâm thương quý, lòng chẳng tạm rời, huống hồ được gần gũi? Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói: "Ngọc nữ báu này đúng là diêm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyên Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu báu ngọc nữ. Cư sĩ báu được thành tựu như thế nào? Lúc ấy, một người nam cư sĩ bỗng nhiên xuất hiện, với kho báu tự nhiên, tài sản vô lượng. Do phước đức đời trước nên đôi măt cư sĩ này có thê nhìn thây các kho tàng dưới lòng đất, lại biết rõ có chủ hay chưa có chủ, kho nào có chủ thì giúp giữ gìn, kho nào chưa có chủ thì lây đê dâng vua sử dụng. Bây giờ, cư sĩ báu đen tâu vua: "Tâu Đại vương! Ngài cần những gì, tôi có thể cung cấp, xin đừng lo lang!99 Chuyên Luân Thánh Vương muôn thử cư sĩ báu, liên ban lệnh chuân bị thuyên ra sông thưởng ngoạn. Khi thuyên ra giữa sông, vua liên bảo cư sĩ: “Ta cân vàng bạc, ngươi hãy mang đên cho ta ngay!”

Cư SĨ báu tâu: "Xin Đại vương hãy đợi một lát, cần phải lên b&!" Vua liền hối thúc: “Ta đang cần gấp. Ngươi hãy lập tức mang đến cho ta." Thấy lệnh vua nghiêm, cư sĩ báu vội quỳ dài trên thuyền, đưa tay phải xuống nước thì từ trong nước có bình báu bám theo tay mà lên thuyền, giống như con sâu leo cây, cư sĩ báu kia cũng vậy, khi đe tay vào trong nước thì báu vật theo tay leo lên đây cả thuyên. Roi cư sĩ tâu vua: "Vừa rồi Vua bảo cần châu báu để dùng, mà cần bao nhiêu?" Chuyển Luân Thánh Vương nói với cư sĩ: "Thôi, thôi! Ta không cần gì cả, chỉ muốn thử ngươi mà thôi! Ngươi làm như thế là đã dâng cúng ta r8i." Khi nghe vua nói như vậy, cư sĩ liền ném tất cả châu báu xuống nước. Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói rằng: "Cu sĩ báu này chính là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh Vương!" Đó là sự thành tựu cư sĩ báu. Chủ binh báu thành tựu như thế nào? Bây giờ, chủ binh báu bông nhiên xuất hiện. Vị này rát mưu trí, dũng mãnh, có tài thao lược, quyết đoán. Ông đến chỗ vua rồi tâu: "Tâu Đại vương! Nêu cân chinh phạt nơi nào, xin Ngài đừng lo, tôi có thê đảm nhan!" Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử tài trí của chủ binh báu, liền triệu tập bốn bộ binh chủng và lệnh: "H6m nay, ngươi hãy điều binh. Binh chủng nào chưa tập hợp thì tập hợp lại, đã tập hợp rồi thì giải tán. Binh chủng nào chưa nghiêm hãy chỉnh cho nghiêm, đã nghiêm rồi thì hãy cho thư thả. Binh chủng nào chưa đi hãy cho đi, đã đi hãy khiến dừng l@i.” Nghe vua nói xong, chủ binh báu liên điêu động bôn bộ binh chủng. Binh chủng nào chưa tập hợp thì tập hợp lại, đã tập hợp rồi thì giải tán. Binh chủng nào chưa nghiêm liền chỉnh cho nghiêm, đã nghiêm rồi thì cho thư thả. Binh chủng nào chưa đi thì cho di, đã đi thì khiến dừng lại. Chuyển Luân Thánh Vương thây

vậy vui mừng nói rằng: "Chủ binh báu này đúng là diêm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đây là sự thành tựu chủ binh báu. Bốn thần đức là những gì? Một, không bị chết yểu, trường thọ không ai bằng. Hai, không bệnh, thân thể cường tráng không ai bằng. Ba, dung mạo đoan chánh không ai băng. Bôn, kho tàng châu báu dôi dào không ai băng. Đây là sự thành tựu bảy báu và bôn thân đức của Chuyên Luân Thánh Vương.

30. KINH THẾ KÝ 921

Một thời gian, sau khi Chuyên Luân Thánh Vương lên ngôi đã lâu, vua mới ra lệnh xuất cung dạo chơi, liền bảo người đánh xe: "Ngươi hãy đánh xe đi cho khéo léo! Vì sao như vậy? Vì ta muốn quan sát kỹ dân chúng trong nước có được an lạc hay có tai họa gì chng?" Bấy giờ, dân chúng trong nước đứng dọc hai bên đường trông thấy vua, liền nói với người hầu rằng: "Ong cho xe đi chậm lại. Chúng tôi muôn ngăm rõ tôn dung uy nghiêm của đức Thánh Vuông!" Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương thương yêu, chăm sóc dân chúng như cha thương con. Dân chúng mến mộ nhà vua cũng như con kính ngưỡng cha, hễ có những gì quý báu đều dâng vua, họ đồng tâu: "Xin Đại vương rủ lòng thọ nhận rồi tùy ý sử dung!" Nhà vua đáp: "Các ngươi hãy thôi đi! Ta có đủ tài vật, các ngươi hãy sử dụng tài sản của minh." Khi Chuyển Luân Thánh Vương cai trị cõi Diêm-phù-đề này, đất đai bằng phẳng, không có gai góc, không có khe suối, hầm hố, đồi núi, không có muỗi mòng, rắn, rít, ong, bò cạp, hổ lang, thú dữ, đất đai toàn là châu báu, không có cát dá, thời tiêt điêu hòa, bôn mùa thuận chuyên, không nóng không lạnh, không bức bách, phiền não, đất đai thấm nhuần, không có bụi bẩn, đất như tráng dầu, bụi không tung lên; trăm hoa đua nở, không có đông hạ, cây cối xanh tươi, hoa quả sum suê; đát mọc cỏ mem, bò quanh theo chiêu phải, màu xanh như lông không thúy, tỏa hương thơm như hoa bà-sư, mem mại như vải cõi ười. Mặt đát băng phăng và mem mại như lòng bàn tay không có cao tháp, khi giâm chân xuông thì mặt đát lún xuông bôn tác, vừa nhác chân lên thì đát trở lại như cũ. ở cõi ấy, lúa thóc tự mọc, không cần gieo cấy, không có vỏ trấu, đầy đủ các vị. Lại có cây Hương, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, mùi thơm lan tỏa. Lại có cây Y, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn các y phục. Lại có cây Trang Nghiêm, hoa trái sum suê, khi trái chín, vỏ tư nứt ra, tuôn ra đây đủ các loại trang sức thân thê. Lại có cây Man, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các thứ tràng hoa. Lại có cây Khí, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại đồ dùng. Lại có cây Quả, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra đủ loại trái cây. Lại có cây Nhạc Khí, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại nhạc cụ. [0121al2] Lúc Chuyển Luân Thánh Vương cai trị ở thế gian, vua rồng A-nậu-đạt cứ vào nửa đêm, hoặc là cuối đêm, thường giăng mây lớn dày đặc, trùm khắp cõi nước, rồi trút cơn mưa lớn, như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, nước mưa tuôn xuống có tám vị, thấm ướt cùng khắp nhưng đất không đọng

922 KINH TRƯỜNG A-HÀM

nước, chẳng có bùn lầy. Đất đai thấm nhuần, đẫm ướt, khiến sinh trưởng các loài cây cỏ. Giống như thợ làm tràng hoa dùng nước rưới lên hoa, khiến không khô héo, thấm

ướt tốt tươi; những cơn mưa đúng thời thấm nhuần cũng như thế. Lại nữa, lúc trời gần sáng thì tạnh mưa, bầu trời quang đãng, không một gợn mây, gió mát từ biển thổi vào, trong lành dễ chiu, khiến thân tâm thật khoan khoái. Cõi Diêm-phù-đề do Chuyển Luân Thánh Vương cai trị, dân chúng an lạc, đời sống sung túc, tài sản, của báu dồi dào, không ai thiếu thốn. Thuở ấy, Chuyển Luân Thánh Vương dùng chánh pháp trị thế, không có ai bi oan uổng. Vua thường tu mười hạnh lành, dân chúng trong nước cũng tu chánh kiến, thực tập mười hạnh lành. Trải qua thời gian rất lâu, rất lâu sau, vua lâm trọng bệnh rồi băng hà. Giống như người vì vui nên ăn quá no, thân the hơi khó chịu, thế rồi vua băng hà5 sanh lên cõi Phạm thiên. Lúc ấy, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu cùng dân chúng trong nước tấu các kỹ nhạc để làm lễ tẩn táng vua. Các ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu của vua cùng dân chúng trong nước dùng nước thơm tắm rửa thi hài vua, lấy vải kiếp-bối44 lần lượt quấn năm trăm lớp, sau đó đặt thi hài vua vào cỗ quan tài bằng vàng, rưới dầu thơm lên rồi đặt vào trong cỗ quách bằng sắt, lại đặt thêm cỗ quách bằng gỗ, rồi lấy vải bao bọc chung quanh, chất các loại củi thơm, phủ lên nhiều lớp vải rồi sau đó trà-tỳ. Trà-tỳ xong, xây tháp bằng bảy báu tại ngã tư đường, ngang dọc một do-tuần, nhiều màu đan xen, trang hoàng băng bảy báu. ơ bôn mặt r tháp đêu có cửa, lan can bao quanh được trang hoàng băng bảy báu. Bôn phía tháp có khoảng đát trông ngang dọc năm do-tuần9 được bọc bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy \ y y A lớp hàng cây. Tường băng vàng thì cửa băng bạc, tường băng bạc thì cửa băng vàng, tường băng lira ly thì cửa băng thủy tinh, tường băng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bằng mã não thì cửa băng xích châu, tường băng xà cừ thì cửa băng các loại báu. Lan can băng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can băng xích châu thì tay vịn băng mã não, lan can băng mã não thì tay vịn băng xích châu, lan can băng xà cừ thì tay vịn băng các thứ báu. y \ 5 Dưới mành lưới băng vàng thì treo linh băng bạc, dưới mành lưới băng bạc thì treo linh bằng vàng, dưới mành lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, dưới mành lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới mành lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới mành lưới bằng mã não thì treo linh băng xích châu, dưới mành lưới băng xà cừ thì treo linh băng các thứ báu.

44 Kiếp-bối cũng gọi "ki&p.ba-duc",kappāsaṃ, một loại vải thượng hạng được dệt từ bông kiếp-boi. *

30. KINH THẾ KÝ 923

Cây bằng vàng thì lá, hoa và trái bằng bạc. Cây bằng bạc thì lá, hoa và trái bằng vàng. Cây bằng lưu ly thì hoa và lá bằng thủy tinh. Cây bằng thủy tinh thì hoa và lá bằng lưu ly. Cây bằng xích châu thì hoa và lá bằng mã não. Cây bằng mã não thì hoa và lá bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì hoa và lá bằng các loại báu. Bôn mặt tường của cung điện lại có bôn cửa có lan can bao quanh. Lại nữa, trên mỗi lớp tường cung điện đều có lau gác và đài báu. Bon mặt tường lại có cây côi, vườn rừng, dòng suôi, ao tăm, mọc đủ các loại hoa, cây côi mát mẻ, * 0 r 9 ĩ

hoa trái sum suê, tỏa ra hương thơm, các loài chim quý cát tiêng hót vang. Tháp được xây dựng xong, các ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu và dân chúng cả nước đều đen tháp đe chiêm bái cúng dường và bo thí cho những người nghèo thiêu. Những người cân thức ăn thì cho thức ăn, cân y phục thì cho y phục, cung cấp voi, ngựa, xe báu, các vật dụng can dùng, theo ý muốn của mỗi người thảy đều chu cấp đầy đủ. Chuyên Luân Thánh Vương có công dức, oai thân và sự tích như vậy.45

45 Bản Hán, hết quyển 18.

4. PHẨM ĐỊA NGỤC46

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Bên ngoài bốn châu thiên hạ này có tám ngàn thiên hạ vây quanh, bên ngoài tám ngàn thiên hạ lại có biển lớn vây quanh, bên ngoài biển lớn lại có núi Đại Kim Cang. Bên ngoài núi Đại Kim Cang lại có núi Đại Kim Cang thứ hai. Khu vực giữa hai ngọn núi tối tăm, mờ mịt. Mặt trời, mặt trăng, trời, thần dù có oai lực lớn cũng không thể soi sáng đến chốn này. Giữa hai ngọn núi này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn lại có mười sáu địa ngục nhỏ. Tám địa ngục lớn ấy là: Địa ngục Tưởng,47 địa ngục Dây Đen,48 địa ngục Đá Ép,49 địa ngục Kêu Gào, địa ngục Kêu Gào Lớn, địa ngục Thiêu Nướng, địa ngục Thiêu Nướng Lớn và địa ngục Vô Gián. Trong địa ngục Tưởng có mười sáu địa ngục nhỏ, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Mười sáu địa ngục nhỏ là: Địa ngục Cát Đen, địa ngục Phân Tiểu, địa ngục Đinh sắt, địa ngục Đói, địa ngục Khát, địa ngục Một Chảo Đồng Sôi, địa ngục Nhiều Chảo Đồng Sôi, địa ngục cối Đá, địa ngục Máu Mủ, địa ngục Đong Lửa, địa ngục Sông Tro, địa ngục Hòn sắt Nóng, địa ngục Búa Rìu, địa ngục Chó Sói, địa ngục Rừng Kiếm và địa ngục Băng Lạnh. [0121C14] Vì sao gọi là địa ngục Tưởng? Vì tội nhân ở trong ngục này, tay mọc móng sắt vừa dài, vừa nhọn. Họ thù hận nhau, luôn có ý nghĩ tàn hại nhau, dùng móng tay cào câu lân nhau, làm cho da thịt theo móng tay rơi xuống. Thê rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như cũ, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại.” Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Vì nghĩ tưởng như thế, nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quây phá nhau. Tay chúng câm dao kiêm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thể nát nhừ trên đất. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như cũ, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống

46 Nguyên tác: Địa ngục phẩm (roi. 0001.30.4. 0l2lb28). Tham chiếu: Thiết thành nê-lê kinh (T.Ol. 0042. 0826c26); Dỉêm-la vương ngũ thiên sứ giả kinh (T.Ol. 0043.0828bl2); Nê-ỉê kinh (roi. 0086. 0907al0). 47 Nguyên tác: Tưởng (Saựýíva). 48 Nguyên tác: Hắc Thằng (Kālasutta. s. Kālasūtra). 49 Nguyên tác: Đôi Áp (Saiụghata).

lại." Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Do nguyên nhân này, nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quấy phá nhau. Tay chúng cầm dao kiếm, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thể nát nhừ. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như trước, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang sống?9 Do nguyên nhân này, nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quấy phá nhau. Tay chúng cầm đao Du Ảnh,50 vừa nhọn vừa bén, đâm chém lân nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thê nát nhừ. Thê roi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như trước, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại.” Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Do nguyên nhân ấy, nên gọi là địa ngục Tưởng. [0122a02] Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quấy phá nhau. Tay chúng cầm dao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thể nát nhừ. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như trước, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Do nguyên nhân ấy, nên gọi là địa ngục Tưởng. Những tội nhân ở trong đó, sau khi chịu khổ đã lâu, mới được thoát khỏi địa ngục Tưởng nên hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, khônệ ngờ lại rơi vào địa n^ục Cát Đen. Bấy giờ, một cơn gió nóng bốc lên dữ dội, thoi cát đen nóng bay tấp vào thân người tội, khiến toàn thân đều đen, giống như đám mây đen. Cát nóng thiêu cháy da thịt, tận cả xương tủy. Sau đó, trong thân người tội có một ngọn lửa đen noi lên, đốt cháy toàn thân, rồi cháy vào xương thịt, chịu các nỗi khổ bị thiêu đốt. Vì nguyên nhân gây tội mà phải chuốc lấy quả khổ nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Trải qua thời gian dài chịu khổ ở trong đó, những tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Cát Đen, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Phân Tiểu. Trong ngục này có những hòn sắt bằng phân tiểu tự nhiên hiện đầy trước mặt, đuổi bức người tội phải ôm hòn sắt nóng, làm thiêu cháy thân thể và tay chân, cháy dần đến đầu, mặt, rồi thiêu rụi toàn thân. Lại khiến người tội bốc hòn sắt nóng bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, roi từ cô họng xuông đên bụng, dân dân thăng xuông dưới đêu bi đốt cháy hết. Lại có loài trùng mỏ sắt rúc rỉa da thịt người tội đến tận xương

50 Du Ảnh đao .

tủy, đau đớn nhức nhối, khổ não vô cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Chiu khổ trong thời gian dài mới thoát khỏi địa ngục Phân Tiểu, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Đinh sắt. Sau khi đã vào đó5 ngục tót bát tội nhân năm trên sát nóng, căng thân họ ra roi đóng đinh vào tay, chân và tim, lại đóng năm trăm cây đinh khắp cả thân the. Tội nhân đau re : ỉ /K • -l c? •í. đớn nhức nhôi, kêu gào rên xiêt nhưng vì tội lôi chưa hét nên tội nhân không thể

chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ mới thoát khỏi địa ngục Đinh sắt, lại hoảng / 9 • e . r r

hót bỏ chạy đê tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Đói. Ngục tót đên hỏi: -Các ngươi đến đây, mong cầu điều gì? Tôi nhan đáp: -Tôi đói quá! Tức thì, ngục tốt bắt tội nhân nằm trên giường sắt nóng rồi căng thân ra, lây móc sát đê cạy miệng, lây hòn sát nóng bỏ vào miệng, đót cháy môi lưỡi, từ cô họng đên bụng roi thăng xuống dưới đêu bị đót cháy hét. Tội nhân đau r* - l r r -g « đớn nhức nhôi, kêu gào rên xiêt nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được. [0l22b02] Trải qua một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa r * 9 • .

ngục Đói, lại hoảng hót bỏ chạy đê tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Khát. Ngục tốt đến hỏi: -Các ngươi đến đây, mong cầu điều gì? ITI f Ạ. Tôi nhân đáp: -Tôi khát quá! Tức thi, ngục tốt bắt tội nhân nằm trên giường sắt nóng rồi căng thân ra, lấy móc sắt cạy miệng, rót nước đồng sôi vào miệng, đốt cháy môi lưỡi, từ cổ họng đến bụng rồi thẳng xuống dưới đều bị đốt cháy hết. Tội nhân đau đớn nhức nhối, kêu gào rên xiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân thoát khỏi địa ngục Khát, lại hoảng hốt bỏ chạy đe tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Một Chảo Đong Sôi. Khi đã vào ngục, ngục tốt trừng mắt, xách ngược người tội ném vào trong chảo, thân thê theo nước sôi sùng sục ngoi lên hụp xuống từ đáy chảo lên miệng, roi từ miệng chảo chìm xuổng đáy, hoặc ở giữa chảo, toàn thân bi nâu nhừ. Giông như nâu đậu, hạt đậu tày theo lượng nước sôi mà nôi lên chìm xuông, các hạt đậu cả trong lân ngoài đêu được nâu nhừ. Tội nhân bị nâu trong chảo đông sôi ngoi lên hụp xuống cũng như thê, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiêt nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

30. KINH THẾ KÝ 927

Trải qua thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Một Chảo Đồng Sôi, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Nhiêu Chảo Đông Sôi. A r Địa ngục nàye ngang dọc năm trăm do-tuân. Vào ngục này, ngục tót trừng mat xách ngược tội nhân ném vào trong chảo, thân thể theo nước sôi sùng sục ngoi lên hụp xuống, đáy chảo từ

lên đến miệng, từ miệng chảo chìm xuống tận đáy, hoặc ở giữa chảo, toàn thân bi nấu nhừ. Giống như nấu đậu, hạt đậu tùy theo lượng nước sôi mà nổi lên chìm xuông, các hạt đậu cả trong lân ngoài đêu được nâu nhừ. Tội nhân bi hành hình trong ngục cũng như thế, nằm trong chảo đồng sôi rồi ngoi lên hụp xuống, roi từ đáy chảo ngoi lên đên miệng, từ miệng chảo hụp xuông đên đáy, hoặc tay chân nôi lên, hoặc lưng bụng nôi lên, hoặc đâu mặt nôi lên, ngục tót dùng móc sắt móc tội nhân ném qua chảo khác. Tội nhân đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Nhiều Chảo Đồng Sôi, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội đời trước lôi kéo, không . ngờ lại vào địa ngục Côi Xay. Ngục này ngang dọc năm trăm do- y 9 e # r \

tuân. Khi vào ngục này, ngục tót nôi giận, bát người tội năm trên đá nóng, căng tay chân ra, dùng tảng đá nóng lớn đè lên thân người tội5 chà đi xát lại làm cho xương thịt tan nát, máu mủ chảy tràn. Tội nhân đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. [0122c02] Chịu khổ một thời gian dài, người tội mới thoát khỏi địa ngục cối Xay, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cửu mình nhưng vì tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Máu Mủ. Ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần, bên trong ngục cối Xay tự nhiên có máu mủ nóng sôi trào, tội nhân ở trong đó chạy từ Đông sang Tây, toàn thân bị bỏng, tay chân, đâu mặt đêu tan nát, lại tự uông nước máu mủ nóng sôi5 môi lưỡi đều bỏng, từ cổ đến bụng không có chỗ nào không tan nát. Tội nhân đau đớn nhức nhối không thể chiu nổi nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, người tội mới ra khỏi địa ngục Máu Mủ, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại vào địa ngục Đong Lửa. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có đống lửa lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt, lửa cháy hừng hực. Ngục tốt giận dữ đuổi bắt, bức ép người tội tay cầm cái đấu bằng sắt để đong đông lửa ây. Khi tội nhân đong lửa, lửa đót cháy tay chân và cả toàn thân, đau khổ vô cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Trải qua thời gian dài chịu khổ, người tội mới thoát khỏi địa ngục Đong Lửa? lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Sông Tro. Địa ngục này ngang dọc, sâu rộng đêu năm trăm do-tuần. Nước tro sôi sùng sục, khí độc xông lên ngùn ngụt, các dòng sóng

xoáy vỗ vào nhau, phát ra âm vang đáng sợ. Từ đáy sông lên đến mặt sông đầy dẫy gai sắt, ngang dọc, mũi nhọn dài tám tấc, trên bờ lại có rừng Cây Kiếm, nhánh lá hoa quả đều là gươm đao bén nhọn cỡ tám tấc. Khi tội nhân vào trong sông, theo con sóng lên hay xuống mà ngoi lên hụp xuống, gai sắt đâm khắp thân, da thịt tan nát, máu mủ tuôn chảy. Tội nhân đau đớn muôn phần, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Sông Tro, khi bước lên bờ thì bị đao kiếm đâm thủng toàn thân, tay chân đều bi thương tổn. Lúc đó, ngục tốt hỏi người tội: Các ngươi đến dây, mong cầu điều gì? Tội nhân đáp: Chúng tôi đói quá! Ngục tốt liền bắt tội nhân ném lên ban sắt nóng, căng thân thể ra rồi lấy móc sắt móc miệng tội nhân, lấy nước đồng sôi rót vào làm phỏng môi, lưỡi, từ cô đên bụng, suôt trên xuông dưới, không có chô nào không tiêu tan. Lại CÓ loài chó sói răng nanh dài bén đên căn tội nhân, ăn tươi nuôt sông. Lúc đó, tội nhân bi sông tro đun nấu, bị đao kiếm đâm thủng, bi rót nước đồng sôi vào miệng roi bị chó sói ăn thịt xong, tội nhân liên bỏ chạy thì lại leo lên cây kiêm, khi leo lên cây kiếm thì bị đao kiếm chĩa xuống; khi tuột xuống thì cây kiếm chĩa lên, tay nắm thì tay đứt, chân đạp thì chân đứt, đao kiếm đâm chém khắp thân, da thịt rơi xuông, máu chảy lai láng, chỉ còn xương trăng và gân két dính với nhau. Bây giờ, trên cây kiêm lại có quạ mỏ sat mô đâu và xương đê ăn tủy não người tội. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, lại bị trở vào địa ngục Sông Tro lần nữa. Tội nhân này theo dòng nước lên xuống mà ngoi lên hụp xuống, bị gai sắt

đâm khắp thân, da thịt tan nát, máu mủ tuôn chảy, chỉ còn xương trắng trôi nổi bồng bềnh. Khi ấy, có gió lạnh thổi đến, da thịt liền lại như trước, họ liền đứng dậy, hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Hòn sắt Nóng. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào đây, tự nhiên có những hòn sắt nóng hiện ra trước mặt. Ngục tốt đuổi bắt, bứt ép người tội ôm lấy hòn sắt nóng khiến tay chân tan nát, toàn thân lửa đốt, muôn khổ ập đến, khóc la thảm thiết nhirng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. [0123al6] Chịu khổ một thời gian dài,... cho đến thoát khỏi địa ngục Hòn Sat Nóng, lại hoảng hot bỏ chạy đê tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Búa Rìu. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi vào địa ngục này, ngục tốt nổi giận bắt người tội nằm trên bàn sắt nóng, dùng búa sắt nóng băm chặt tay chân, thân thể, cắt tai, xẻo mũi, làm cho đau đớn nhức nhối, khóc la thảm thiết nhung vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

30. KINH THẾ KÝ 929

Trải qua thời gian dài bị hành hình chiu tội mới thoát khỏi địa ngục Búa Rìu, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại vào địa ngục Chó Sói. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Tội nhân vào ngục này thì có bầy chó sói tranh nhau chạy đến cắn xé, khiến cho xương nát thịt rơi, máu mủ đầm đìa. Tội nhân đau đớn muôn phần, khóc la thảm thiết nhung vì tội cũ chưa hết nên tội nhân vẫn không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ mới ra khỏi địa ngục Chó Sói, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Rừng Kiếm. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Tội nhân vào đây thì gió mạnh nổi lên, thổi lá cây bằng gươm đao rớt trên thân thể tội nhân, hễ chạm vào tay thì đứt tay, dính vào chân thì chân lìa, thân the, đau mặt đêu bị tôn thương. Lại có quạ mỏ săt đứng ở trên đâu mô hai măt tội nhân. Tội nhân đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. [0123b04] Trải qua một thời gian dài chịu khổ mới thoát khỏi địa ngục Rừng Kiếm, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Băng Lạnh. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Tội nhân vào địa ngục này thì có cơn gió lạnh buốt thổi vào cơ thể, khiến cho toàn thân rét cóng, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh. Tội nhân đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết, sau đó mạng chung. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Địa ngục lớn Dây Đen có mười sáu địa ngục nhỏ vây quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuân. Vì sao gọi là địa ngục Dây Đen? Vì ở đó, ngục tót băt tội nhân năm trên sát nóng, căng thân thê ra, dùng dây sát nóng kéo ra cho thăng, roi dùng búa sát nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhân thành trăm ngàn đoạn. Giống như người thợ mộc dùng dây mực búng vào thân cây rồi dùng búa bén theo đường mực mà bổ ra thành trăm ngàn đoạn. Cách hành hình tội nhân trong địa ngục này cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì chưa hết tội cũ nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Dây Đen bắt người tội nằm trên sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng kéo ra cho thẳng, rồi lấy cưa xẻ tội nhân. Ví như người thợ mộc dùng dây mực búng vào thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây theo đường mực, cách hành hình tội nhân cũng lại

như vậy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Dây Đen bắt người tội nằm trên sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng để trên thân tội nhân, làm cho da thịt bị thiêu đốt, cháy xương sôi tủy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Dây Đen.

Lại nữa, trong địa ngục Dây Đen, ngục tót dùng vô sô dây săt nóng giăng ngang, rồi rượt đuổi, bắt tội nhân phải đi giữa những sợi dây này, lại có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt nóng quấn quanh thân người tội, đốt cháy da thịt, tiêu xương sôi tủy, đau đớn muôn phần, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, cho nên gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, trong địa ngục Dây Đen, ngục tốt đuổi bắt, bức ép tội nhân mặc áo băng dây sát nóng, đót cháy da thịt, tiêu xương sôi tủy, đau đớn muôn phân, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, cho nên gọi là địa ngục Dây Đen. Trải qua thời gian dài chiu khổ, tội nhân mới ra khỏi địa ngục Dây Đen, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, như đã nói trước. [0123c06] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Đá Ép cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đá Ép? Vì trong ngục này có núi đá lớn, từng cặp đoi xứng, khi tội nhân vào giữa thì hai ngọn núi tự nhiên khép lại, ép chặt thân thể tội nhân, làm cho xương tan thịt nát, xong rồi núi trở lại vị trí cũ. Ví như lấy cây đánh vào cây, theo lực đàn hồi sẽ bật trở lại. Sự hành hình tội nhân ở địa ngục ấy cũng như thế, đau đớn muôn phần, không thể kể hét nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì vậy nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép có voi sát lớn, toàn thân bóc lửa, gào rông chạy đến rồi giẫm đạp tội nhân, giẫm qua giẫm lại khiến cho thân thể tan nát, máu mủ tuôn chảy, đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiêt nhung vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép, ngục tót băt tội nhân năm trên bàn đá mài, rồi lấy đá mài để mài thân, làm cho thịt nát xương tan, máu mủ tuôn chảy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chét được, vì vậy nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép, ngục tốt bắt tội nhân nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy một tảng khác đè lên, làm cho xương thịt tan nát, máu mủ tuôn tràn, đau đớn vô cùng, muôn khô ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì thê nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép, ngục tốt bắt tội nhân nằm trong cối sắt, rồi dùng chày sắt giã từ chân đến đầu, da thịt tan nát, máu mủ tuôn tràn, muôn vàn khô ập đên, họ đau đớn vô cùng nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không 7 • x e [r

thê chét được, vì thê nên gọi là địa ngục Đá Ép.

Trải qua thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Đá Ép, họ hoảng hốt bỏ chạy mong cầu cứu giúp nhung bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Ben,. cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, như đã nói ở trên. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: —Địa ngục Kêu Gào có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Kêu Gào? Vì ở đây, ngục tốt bắt tội nhân ném vào trong vạc lớn, nước sôi sùnạ sục, nau nhừ tội nhân, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng, muôn kho ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Kêu Gào. [0124a04] Lại nữa, trong địa ngục Kêu Gào, ngục tốt bắt tội nhân ném vào trong vò sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ đau đớn tột cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Kêu Gào bắt người tội ném vào trong nồi sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Kêu Gào bắt người tội ném vào trong nồi sắt nhỏ, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng nhimg vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, cho nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Kêu Gào bắt người tội ném lên trên vỉ sắt nướng rồi lật qua, trở lại trên ngọn lửa hồng, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, cho nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Sau thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân mới ra khỏi địa ngục Kêu Gào, họ hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như thế. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Kêu Gào Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Vì sao gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn? Vì ở đây, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào nồi sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn tột cùng, muôn vàn thông khô ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được, nên gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục này bắt người tội bỏ vào cái vò sắt lớn, nước sôi sùng sục nấu nhừ ngưòd tội, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, nên gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn.

Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục này bắt người tội bỏ vào chảo sắt lớn, nước sôi sùng sục nấu nhừ tội nhân, khiến kọ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng, muôn Sự độc hại ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì thế [nên] gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. [0124b01] Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục này bắt người tội bỏ vào trong chảo dầu nhỏ, nước sôi sùng sục nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì thế [nên] gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. Lại nữa, trong địa ngục Kêu Gào Lớn, ngục tốt bắt người tội bỏ lên trên vỉ sắt nướng, lật qua, trở lại trên ngọn lửa hồng, khiến họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiêt, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được, cho nên gọi là địa ngục Kêu

Gào Lớn. Sau thời gian chịu khổ lâu dài mới ra khỏi địa ngục này, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng giống như trước. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Thiêu Nướng cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Vì sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng? Vì ở trong ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong thành sắt, thành sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không the chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tốt bắt người tội bỏ vào trong nhà sắt, nhà sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân 9 ỉ e w

không thê chét được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót bát người tội treo trên lâu sát, lâu sát bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tốt bắt người tội bỏ vào trong lò sắt lớn, lò sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tốt bắt người tội bỏ lên trên vỉ nướng lớn, vỉ nướng bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng.

30. KINH THẾ KÝ 933

Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới ra khỏi địa ngục này, lại hoảng hốt bỏ chạy mong tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như vậy. [0124c03] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Thiêu Nướng Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục rộng dài đều năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn? Vì ở đó ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào thành sắt, thành sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót bát người tội bỏ vào trong nhà săt9 nhà sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót bát người tội bỏ trên lâu săt, lâu sát bóc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót băt người tội bỏ vào trong lò sát lớn, t L : ve a ..v. a lò sát bóc cháy, trong ngoài đêu đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng

nhiêu lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở trong địa ngục Thiêu Nướng Lớn tự nhiên lại có hàm lửa lớn, ngọn lửa bốc cháy hừng hực, hai bên bờ hầm này lại có núi lửa lớn. Các ngục tốt ở đây bắt tội nhân ghim vào chĩa sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, lửa lớn thiêu đốt thân thể, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, muôn sự độc hại ập đến, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được. Sau thời gian dài chiu khô, tội nhân mới ra khỏi địa ngục này, họ hoảng hót bỏ chạy để tự cứu mình nhxmg vì tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Vô Gián có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuàn. Vì sao gọi là địa ngục Vô Gián? Vì ở đó ngục tốt bắt tội nhân lột da từ chân đến đầu, rồi lấy da ấy quấn thân họ vào bánh xe bốc lửa, roi cho xe bóc lửa chạy qua chạy lại trên nên sát nóng, làm cho thân thê nát

tan, da thịt rã rời từng mảnh, muôn sự độc hại ập đến, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Vô Gián. [0125a05] Lại nữa, trong địa ngục Vô Gián có thành sắt lớn. Bốn mặt thành lửa cháy dữ dội, ngọn lửa từ Đông lan sang Tây, từ Tây lan sang Đông, từ Nam lan đến Bắc, từ Bắc lan đến Nam, từ trên lan xuống dưới, từ dưới cháy lên trên, lửa dữ cháy khắp, không sót chỗ nào. Tội nhân ở trong đó cứ chạy từ Đông sang Tây, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, trong địa ngục này có thành sắt, lửa cháy hừng hực. Tội nhân trong đó bị lửa đốt thân, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì vậy gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân trong địa ngục Vô Gián chiu khổ một thời gian dài thì cửa mở, những người tội này liền chạy ve phía cửa mở, khi đang chạy thì các bộ phận trên thân thể đều bốc lửa, cũng giống như người lực sĩ tay cầm bó đuốc lớn bằng cỏ lại chạy ngược gió thì ngọn lửa ấy cháy phừng phực, khi tội nhân chạy cũng lại như vậy. Khi chạy đên gân cửa thì cửa bông nhiên đóng lại, tội nhân ngã xuồng, năm trên nên sát nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không the chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy toàn cảnh ác? tai toàn nghe tiếng dữ, mũi ngửi toàn mùi hôi, thân xúc chạm toàn là điều gây ra đau đớn, ý luôn nghĩ điêu ác. Lại nữa, tội nhân ở đây chịu khô liên tục, dù trong khoảnh khắc cũng không gián đoạn, vì vậy gọi là địa ngục Vô Gián. Tội nhân ở trong đó chịu khổ thời gian dài mới thoát khỏi địa ngục ấy, họ hoảng hốt bỏ chạy đe tự cứu mình nhưng vì bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như vậy. [0125a27] Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ: Thân tạo nghiệp bất thiện, Miệng, ý cũng chẳng lành, Nên đọa địa ngục Tưởng, Hoảng sợ đến thất kinh. Ngỗ nghịch với mẹ cha, Hủy báng Phật, Tăng-già? Ngục Dây Đen phải đọa, Khổ không biết ngày ra. Vì tạo ba

nghiệp ác, Không tu ba hạnh lành, Nên đọa ngục Đá Ép, Khổ đau tận trời xanh! Tàn bạo và hận sân, Tay đẫm máu sát sanh, Gây ra bao tội ác, Ngục Kêu Gào thất thanh

Thường làm việc trái sai, Bi lưới ái bủa vây, Địa ngục Kêu Gào đó, Cho kẻ đê hèn này. . M r y Làm nghề nướng thịt quay, Thiêu sông chúng sanh này, Thì đọa ngục Thiêu Nướng, Mãi mãi bi nướng quay. Từ bỏ các nghiệp lành, Không hành đạo tinh thanh, Lại gây nhiêu nghiệp ác, Ngục Thiêu Nướng phải sanh Tội cực ác gây ra, Đường dữ tất phải qua, Thẳng vào ngục Vô Gián, Chịu tội không thể ra. Ngục Tưởng, ngục Dây Đen, Đá Ép và Kêu Gào, Thiêu Nướng, Thiêu Nướng Lớn, Thứ tám là Vô Gián. Tám địa ngục lớn đó Toàn là màu lửa đỏ, Đều do ác nghiệp xưạ, Cùng mười sáu ngục nhỏ. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Giữa hai ngọn núi Kim Cang Lớn có cơn gió lớn trỗi lên, tên là Tăng-khư. Nêu cơn gió này thôi đên bôn châu thiên hạ cùng tám mươi ngàn thiên hạ khác thì nó sẽ thổi đại địa này và các danh sơn cùng núi chúa Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến trăm dặm, tung lên hư không, tất cả thảy đều vỡ vụn, giống như tráng sĩ tay cầm một nắm trấu nhẹ tung lên hư không. Sức mạnh của cơn gió kia, giả sử thổi đến thiên hạ này cũng giống như vậy. Nhờ có hai ngọn núi Kim Cang Lớn ngăn chặn ngọn gió ấy, nên gió không ập đen được. Tỳ-kheo nên biết, hai ngọn núi Kim Cang này có rất nhiều lợi ích, đong thời cũng do kết quả hành nghiệp của chúng sanh chiêu cảm nên. Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai ngọn núi này nóng hừng hực. Nếu như luồng gió ấy thổi đến bốn châu thiên hạ thì chúng sanh ở trong đó, ngay cả núi non, biên cả5 sông ngoi, cay coi, rừng rạm đêu sẽ bị cháy khô. Cũng như giữa cơn năng mùa hè, căt một năm cỏ non đê dưới mặt trời thì cỏ liên khô héo. Cơn gió kia cũng như vậy, nêu thôi đên thê giới này thì hơi nóng đó thiêu rụi tát cả. Nhờ có hai ngọn núi Kim Cang này ngăn chặn lại, nên ngọn gió ấy không thể thổi đến đây được. Tỳ-kheo nên biêt, hai ngọn núi Kim Cang này có rát nhiêu lọi ích, đông thời cũng do kết quả hành nghiệp của chúng sanh mà chiêu cảm nên. [0125c05] Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai ngọn núi này thôi đên bóc mùi bát tịnh, tanh hôi nồng nặc, nếu như luồng gió đó thổi đến bốn châu thiên hạ này thì sẽ xông lên làm cho chúng sanh đều bị mù lòa nhưng nhờ có hai ngọn núi Kim Cang Lớn này ngăn chặn luồng gió ấy, nên không thể thổi đến được. Tỳ-kheo nên biêt, hai ngọn núi Kim Cang này có rát nhiêu lọi ích, đông thời cũng do két quả hành nghiệp của chúng sanh mà chiêu cảm nên. Lại nữa, khoảng giữa hai ngọn núi này lại có mười địa ngục: Một tên Hậu Vân, hai tên Vô Vân, ba tên Ha-ha, bốn tên Nại Hà, năm tên Dương Minh, sáu tên Tu-càn-đề, bảy tên Ưu-bát-la, tám tên Câu-vật-đàu, chín tên Phân-đà-lợi,

mười tên Bát-đâu-ma. Vì sao gọi là địa ngục Hậu Vân? Vì tội nhân ở trong địa ngục này tự nhiên sanh ra, thân thể như lớp mây dày đặc cho nên gọi là Hậu Vân. Vì sao gọi là địa ngục Vô Vân? Vì tội nhân ở trong địa ngục này tự nhiên sanh ra, thân thể như khối thịt cho nên gọi là Vô Vân. Vì sao gọi là Ha-ha? Vì chúng sanh chiu tội trong ngục này, đau đớn bức bách, rên la "ối 6i", cho nên gọi là Ha-ha. Vì sao gọi là Nại Hà? Vì chúng sanh chiu tội ở trong địa ngục này, đau đớn bức bách, không có nơi nương tựa, đều thốt lời than trách "sao bây gi&", cho nên gọi là Nại Hà. Vì sao gọi là Dương Minh? Vì

chúng sanh chịu tội ở trong ngục này bị hành hình, đau đớn bức bách, muốn kêu la nhưng lưỡi không cử động được, cứ bập bẹ như tiếng dê kêu, nên gọi là Dương Minh. Vì sao gọi là Tu-càn-đề? Vì toàn bộ ngục này tối đen, như màu hoa tu-càn-đề? cho nên gọi là Tu-càn-đề. Vì sao gọi là Ưu-bát-la? Vì toàn bộ ngục này có màu xanh, như màu hoa ưu-bát-la, cho nên gọi là Ưu-bát-la. Vì sao gọi là Câu-vật- đâu? Vì toàn bộ ngục này có màu hông, giông như màu hoa câu-vật-đâu, cho nên gọi là Câu-vật-đầu. Vì sao gọi là Phân-đà-lợi? Vì toàn bộ ngục này có màu trắng, như màu hoa phân-đà-lợi, cho nên gọi là Phân-đà-lợi. Vì sao gọi là Bát- đầu-ma? Vì toàn bộ ngục này có màu đỏ, như màu hoa bát-đầu-ma? cho nên gọi là Bát-đầu-ma. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Ví như cái thùng có sáu mươi bôn hộc, môi hộc đựng đây hạt mè, có một người cứ trăm năm lấy đi một hạt, lần lượt lấy cho đến hết số mè đó thì chúng sanh chiu tội trong địa ngục Hậu Vân vẫn chưa thể chấm dứt. Nấu tội nhân ở địa ngục Hậu Vân hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Vô Vân. Tội nhân ở địa ngục Vô Vân hai mươi năm, chỉ bằng một năm ở địa ngục Ha-ha. Tội nhân ở địa ngục Ha-ha hai mươi năm thì chỉ bằng một năm ở địa ngục Nại Hà. Tội nhân ở địa ngục Nại Hà hai mươi năm thì băng ở địa ngục Dương Minh một năm. Tội nhân ở địa ngục Dương Minh hai mươi năm thì băng một năm ở địa ngục Tu-càn-đề. Tội nhân ở địa ngục Tu-càn-đề hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Ưu-bát-la. Tội nhân ở địa ngục ưu-bát-la hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Câu-vật-đầu. Tội nhân ở địa ngục Câu-vật-đầu hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Phân-đà-lợi. Tội nhân ở địa ngục Phân-đà-lợi hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Bát-đầu-ma. Tội nhân ở địa ngục Bát-đầu-ma hai mươi năm thì gọi là một trung kiếp, hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp. Trong địa ngục Bát-đầu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhân ở cách ngọn lửa một trăm do-tuần vẫn bi lửa thiêu đốt. Tội nhân ở cách sáu mươi do-tuần thì hai tai bi điêc, không còn nghe gì cả, nêu cách xa năm mươi do-tuân thì hai mắt đều mù, không còn thấy gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê51 với tâm xấu ác, chê bai

51 Câu chuyện về vị Tỳ-kheo này và bài kệ liên quan xuất hiện trong nhiều bản kinh. Xem thêm: Tạp. (Ĩ.02. 0099.1278. Ó351bl2); Biệt Tạp.(r.02. 0100.276. 0470al4); Tăng.(r.02. 0125.21.5. 0603b02); S. I. 323, 325; A. v. í70

30. KINH THẾ KÝ 937

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nên sau khi chết, bị đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này. [0126al8] Bấy giờ, Phạm vương liền nói bài kệ: Phàm người sống trên đời, Búa rìu ở cửa miệng, Sở dĩ giết chết mình, Đều do lời nói ác. Người đáng chê lại khen, Người đáng khen lại chê, Miệng gây ra nghiệp ác, Thân phải chịu tội ấy. Mánh khóe cướp của cải, Tội ấy vẫn còn nhẹ, Nhưng chê bai Thánh hiền, Tội ấy nặng vô cùng. Đọa Vô Vân, trăm ngàn, Đọa Hậu Vân, bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, miệng làm ác. [0126ÔÔ09] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Phạm thiên nói bài kệ như vậy là lời nói chân chánh, được Phật ấn khả. Vì sao như vậy? Vì Ta, đấng Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng nói nghĩa này: Phàm người sống trên đời, Búa rìu ở cửa miệng, Sở dĩ giết chết mình, Đều do lời nói ác. Người đáng chê lại khen, Người đáng khen lại chê, Miệng gây ra nghiệp ác, Thân phải chịu tội ấy. Mánh khóe cướp của cải, Tội ấy vẫn còn nhẹ,

Nhưng chê bai Thánh hiền, Tội ây nặng vô cùng. Đọa Vô Vân, trăm ngàn, Đọa Hậu Vân, bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, miệng làm ác. [0126b09] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Trong núi Kim Cang Lớn ở Nam Diêm-phù-đề có cung của Vua Diêm-la. Thành Vua Diêm-la ngự tri, dài rộng sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Nơi Vua Diêm-la cai trị5 ngày đêm ba lần có chảo đồng lớn tự nhiên hiện ra trước mặt. Nếu thấy chảo đồng xuất hiện ' r .x À M , • trong cung thì vua sợ hãi, bỏ ra ngoài cung. Nêu chảo đông xuât hiện ngoài cung thì vua sợ hãi, đi vào trong cung. Có ngục tốt cao lớn bắt Vua Diêm-la năm trên giường săt nóng, lây móc sát cạy miệng roi rót nước đông sôi vào, môi lưỡi đều bỏng, từ cổ họng đến bụng, thông suốt xuống dưới, không chỗ nào là không chín nhừ. Sau khi chịu tội xong, vua cùng vui chơi với các thể nữ. Các vi đại thần nơi đây cùng thọ báo như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Có ba vị thiên sứ.52 Đó là ba vị nào? Một là già, hai là bệnh và ba là chết. Nêu chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác thì kẻ ây

52 về 3 vị thiên sứ này, xem thêm M. 130, Devadũta Sutta (Kinh Thiên sứ).

sau khi mạng chung sẽ bi đọa vào địa ngục. Lúc đó, ngục tốt dẫn tội nhân đến trước Vua Diêm-la và thưa: “Bây là kẻ mà thiên sứ đòi, cúi xin Đại vương hãy hỏi cung hắn!^^ Vua hỏi tội nhân: "Ngươi không thấy thiên sứ thứ nhất sao?" Tội nhan đáp: "T6i không thấy r Vua lại hỏi: "LÚC làm người, ngươi có thây người đời khi vê già thì tóc bạc, răng rụng, mắt mờ5 da thịt nhăn nheo, lưng còng chống gậy, vừa đi vừa rên rỉ, thân the run rẩy, sức khỏe suy yếu, ngươi có thấy điều này chng?" Tội nhan đáp: "Thưa có thZy!” Vua hỏi tiếp: "Tại sao ngươi không tự nghĩ: 'Ta cũng sẽ như vậy?9,9 Tội nhan đáp: "Lúc đó tôi buông lung, nên không thể tự biết.” Vua nói: "Ngươi buông lung nên không tu tập thân, miệng và ý, không bỏ ác làm lành. Nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự buông lung.” Vua lại nói: “Nay ngươi phải nhận tội. Tội này không phải của cha mẹ, không phải của anh em, không phải của Thiên đế, cũng không phải của tổ tiên, không phải của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải của Sa-môn hay Bà-la-môn mà tội này do chính ngươi tạo ác nên nay phải tự mình chuốc lấy quả báo.^, [0126c05] Bấy giờ, Vua Diêm-la dùng thiên sứ thứ nhất để hỏi cung tội nhân xong, lại dùng thiên sứ thứ hai để hỏi cung tội nhân: "Thế nào, ngươi có thấy thiên sứ thứ hai chng?" Tội nhan đáp: "Thua, không thấy!" Vua lại hỏi: "Khi làm thân người, ngươi có thây người bệnh tật khôn đôn, bệnh năm liệt giường, tiêu tiểu tại chỗ, không thể cử động, ăn uống phải nhờ người, gân cốt đau nhức, khóc than rên rỉ, không thể nói được. Ngươi có thấy người như thế chng?" Tội nhan đáp: "Thua, có thấy!"

Vua lại hỏi: "Sao ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ bệnh khổ như vay?"' Tôi nhân đáp: "Vi lúc ấy buông lung nên tôi không tự biết đượcy Vua lại bảo: "Vi chính ngươi buông lung nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không bỏ ác làm lành. Nay ta sẽ cho ngươi biết the nào là kho của sự buông lung." Vua lại nói: "Nay ngươi phải nhận

tội. Tội này không phải của cha mẹ, anh em, Thiên đế, tổ tiên, hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, Sa-môn hay Bà-la-môn mà tội này do chính ngươi tạo ác nên tự mình phải chuốc lấy quả báo.” Khi Vua Diêm-la dùng thiên sứ thứ hai hỏi cung tội nhân xong, lại dùng thiên sứ thứ ba để hỏi cung tội nhân: “Thế nào, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ ba chng?" Tội nhan đáp: “Thua, không thấy!” Vua hỏi tiếp: "Khi làm người, ngươi có thấy người chết, thân hoại mạng chung, các căn hoại diệt, thân thể cứng đơ, giống như cây khô, vứt ngoài gò mả, bị chim muông đến ăn thịt, hoặc bỏ vào quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt. Ngươi có thấy điều đó chang?” Tôi nhan đáp: "Thật có thấy!” Vua lại hỏi: “Tại sao ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ chết, giống như người đó chẳng khác g?" PT* A • _L -4- L___ Tôi nhan đáp: “Vi khi đó buông lung nên tôi không thể tự biết đượcy Vua lại bảo: "Vi chính ngươi buông lung nên không the tu tập thân, miệng và ý, không bỏ ác làm lành, nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ do buông lung là thế nO." Vua lại nói: "Nay ngươi phải chịu tội. Tội này không phải của cha mẹ, anh em, Thiên dế, tổ tiên, hàng tri thức, đầy tớ? sứ giả, Sa-môn hay Bà-la-môn mà tội này do chính ngươi tạo ác nên phải tự chuốc lấy quả báo."

940 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, sau khi dùng thiên sứ thứ ba hỏi cung xong, Vua Diêm-la liền giao cho ngục tốt dẫn tội nhân đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một A 8 trăm do-tuân, sâu một trăm do-tuân. [0127a03] Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Bốn hướng có bốn cửa, Ngõ ngách đều như nhau, Dùng sắt làm tường ngục, Trên che màn lưới sắt. Dùng sắt làm nền ngục, Tự nhiên lửa bốc cháy, Ngang dọc trăm do-tuần Đứng yên, không lay động. Lửa đen phừng phục cháy, Cháy mạnh, khó nhìn thay, Có mười sáu ngục nhỏ, Lửa cháy do làm ác. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Khi ấy Vua Diêm-la nghĩ: “Trong đời, những chúng sanh do mê muội không biết nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Do đó, sau khi mạng chung, ít có ai thoát khỏi sự khổ này. Nếu chúng sanh ở thế gian có thê sửa đôi hành vi xâu ác, tu tập thân, miệng, ý và làm việc lành thì sau khi mạng chung sẽ được an vui, giống như các thiên thần. Nếu ta lâm chung, được sanh vào cõi người, hoặc gặp được đức Như Lai thì ta sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, đem lòng tin thanh tịnh để tu Phạm hạnh, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Bây giơ, đức The Ton noi kẹ: Dù đã thấy thiên sứ, Nhưng vẫn còn buông lung, Họ ôm lòng lo sợ, Sanh vào chốn ti tiện. Nếu người có trí tuệ, Khi thấy thiên sứ đến, Gần gũi pháp Hiền thánh, Mà không còn buông lung. Thấy thọ sanh mà sợ, Vì sanh, già, bệnh, chết, Không thọ sanh: Giải thoát, Hết sanh, già, bệnh, chết. Người đó được an ổn, Hiện tại chứng vô vi, Đã vượt qua lo sợ, Chắc chắn đạt Niết-bàn.

j.

30. KINH THẾ KÝ 941

5. PHẨM RỒNG VÀ CHIM CÁNH VÀNG53

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có bốn loài rồng, đó là: Loài sanh từ trứng, loài sanh từ bào thai, loài sanh từ chỗ ẩm thấp và loài do biến hóa mà sanh, đó là bốn loài rồng.

Có bốn loài chim Cánh Vàng, đó là: Loài sanh từ trứng, loài sanh từ bào thai, loài sanh từ chỗ ẩm thấp và loài do biến hóa mà sanh, đó ỉa bốn loài chim Cánh Vàng. ở dưới đáy biển lớn có cung điện của vua rồng Sa-kiệt,54 ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng và bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Giữa hai ngọn núi chúa Tu-di và núi Khư-đà-la có cung điện của hai vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần5 có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lóp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,. cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. [0127b 10] Phía Bắc bờ biển lớn có một cây lớn tên là Cứu-la-thiểm-ma-la.55 Vua rồng và chim Cánh Vàng đều có cây này, thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuàn, bóng cây che phủ bốn phía rộng năm mươi do-tuần. Phía Đông của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sanh ra từ trứng và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Phía Nam cây Cứu-la-thiểm-ma-la này có cung điện của loài vua rồng sanh ra từ bào thai và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ bào thai. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế.

53 Nguyên tác: Long điểu phẩm roi. 0001.30.5. 0127a27. 54 Sa-kiệt long vương ,Sāgara nāgarājā. 55 Cứu-la-thiểm-ma-la .

Phía Tây cây Cứu-la-thiểm-ma-la này có cung điện của loài vua rồng sanh ra từ nơi âm tháp và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi âm tháp. Môi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuân, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có vô sô các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thê. Phía Bác cây Cửu-la-thiêm-ma-la này có cung điện của loài vua rông sanh ra từ sự biến hóa và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa. ~ r -t 9 y Môi cung điện ngang dọc đêu sáu ngàn do-tuân, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đen có vô so các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Khi chim Cánh Vàng sanh ra từ trứng muôn bát loài rông đê ăn thịt thì từ nhánh phía Đông của cây Cứu-la-thiểm-ma-la, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên hai trăm do-tuần5 rồi bắt lấy loài rồng sanh ra từ trứng để ăn một cách tự tại tùy ý nhưng chúng không thể bắt loài rồng sanh ra từ bào thai, từ nơi ẩm thấp và từ biến hóa được. [0127c03] Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ bào thai muốn bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Đông, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển

lớn dạt sang hai bên hai trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ bào thai muốn bắt loài rồng sanh ra từ bào thai để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Nam, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biên lớn dạt sang hai bên bôn trăm do-tuân, roi bát loài rông sanh từ bào thai đê ăn một cách tự tại tùy ý nhưng chúng không bát được loài rông sanh từ 9 r e r 9

nơi âm tháp và từ biên hóa đê ăn. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi âm tháp muôn bát loài rông sanh ra từ trứng đê ăn thịt thì từ nhánh cây phía Đông, chúng bay xuông, vô cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên hai trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ trứng đe ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi âm tháp muôn bát loài rông sanh ra từ bào thai để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Nam, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biên lớn dạt sang hai bên bôn trăm do-tuân, roi bát loài rông sanh ra từ bào thai để ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi ẩm thấp muốn bắt loài rồng sanh ra từ nơi ẩm thấp để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Tây, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên tám trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ nơi âm tháp đê ăn thịt một cách tự tại tùy ý nhimg chúng không bát được loài ròng sanh ra từ biến hóa để ăn thịt.

30. KINH THẾ KÝ 943

Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa muốn bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Đông, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biên dạt sang hai bên hai trăm do-tuân, roi bát loài rông sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa muốn bắt loài rồng sanh ra từ bào thai để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Nam, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển dạt sang hai bên bốn trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biên hóa muôn bát loài rông sanh ra từ nơi ẩm thấp để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Tây, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên tám trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ nơi ẩm thấp để ăn thịt. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa muốn bắt loài rồng sanh ra từ sự biến hóa để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Bắc, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên một ngàn sáu trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ sự biến hóa để ăn một cách tự tại tùy ý, bởi vì các loài rồng là thức ăn của loài chim Cánh Vàng. Tuy nhiên, có những loài rồng chúa mà loài chim Cánh Vàng không thể bắt được. Những loài rồng đó là: Vua rồng Sa-kiệt, vua rồng Nan-đà? vua rồng Bạt- nan-đà5 vua rông Y-na-bà-la, vua rông Đê-đâu-lại-tra, vua rông Thiện Kiên, vua rông A-16, vua rông Ca-câu-la, vua rông Ca-tỳ-la, vua rông A-ba-la, vua rông Ca-nậu? vua rồng Cù-ca-nậu, vua rồng A-nậu-đạt? vua rồng Thiện Tru, vua rồng Ưu-thiêm-ca-bà-đâu, vua rông Đăc-xoa-ca. Các loài rông chúa này không bị các loài chim Cánh Vàng bắt ăn thịt, đồng thời các loài rồng khác ở gần trú xứ của những loài rồng chúa này cũng không bị loài chim Cánh Vàng bắt ăn thịt. [0128a07] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Nêu chúnệ sanh nào giữ giới của rông, tâm nghĩ đên rông, thực hành theo cách sống của rông thì sẽ sanh vào loài rông. Chúng sanh nào giữ giới của chim Cánh Vàng, tâm nghĩ đên chim Cánh Vàng, thực hành theo cách sông của loài chim Cánh Vàng thì sẽ sanh vào loài

chim Cánh Vàng. Chúng sanh nào giữ giới của thỏ, của chim kiêu; tâm nghĩ đến thỏ, chim kiêu; thực hành theo cách sống của thỏ, chim kiêu thì sẽ sanh vào loài thỏ và loài chim kiêu. Nếu chúng sanh nào giữ giới của chó, hoặc giới của bò, hoặc giới của nai, hoặc giữ giới câm lặng, hoặc giữ giới của Ma-ni-bà-đà,56 hoặc giữ giới lửa, hoặc giữ giới mặt trăng, hoặc giữ giới mặt trời, hoặc giữ giới nước, hoặc giữ giới cúng dường lửa, hoặc tu những pháp khổ hạnh ở những nơi dơ bẩn, rồi nghĩ như vầy: “Ta thực hành pháp câm lăng, pháp Ma-ni-bà-đà? pháp thờ lửa, pháp thờ mặt

56 Nguyên tác: Ma-ni-bà-đà giới .,C6 thể đây là giớiluật của giáo phái phụng thờ châu ngoe, như Chân-đà ma-ni hoặc Chấn-đa ma-ni xem châu ngọc ià linh vật có thê giải trừ tai nạn.

trời, mặt trăng, pháp thờ nước, pháp cúng dường lửa và những pháp khổ hạnh, ta đem công đức giữ giới này, nguyện sanh về cõi trời", đây chính là tà kiến. Đức Phật dạy: Ta cho rằng hạng người tà kiến này chắc chắn rơi vào hai cõi: Hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào loài súc sanh. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lập luận như thế này, quan điểm như thế này: “Ngãi và thế giới là thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc ngã và thế giới là vô thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư vọng; hoặc ngã và thế giới vừa thương vừa vô thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư vọng; hoặc ngã và thê giới chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc ngã và thế giới là có giới hạn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc ngã và thế giới là không có giới hạn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đêu là hư vọng; hoặc ngã và thê giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có điêu này là thật, ngoài ra đêu là hư vọng; hoặc ngã và thê giới chẳng phải có giới hạn chẳng phải không có giới hạn, chỉ có điều này là thật, Iiệoài ra đều là hư vọng; hoặc mạng tức là thân, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đêu là hư vọng; hoặc mạng khác thân khác, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc chẳng phải có mạng, chẳng phải không có mạng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc không có mạng không có thân, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vQng." Hoặc có người cho rằng: "Con người sau khi chết còn tồn tại, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư v?ng"; hoặc có người nói: "Con người sau khi chết không còn tồn tại, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vong”; hoặc nói: “Con người sau khi chét, vừa còn tôn tại vừa không còn tôn tại, chỉ có điêu này là thật, ngoài ra đều là hư vQíig"; lại nói: "Con người sau khi chết, chẳng phải còn tồn tại, chẳng phải không còn tồn tại, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vong.” Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập luận như vậy, quan diêm như vậy, nên họ cho rằng: "Thế giới là thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vQĩig.” Những người ấy, đối với các pháp hữu vi57 họ khởi lên kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: “Ngài và thế giới là thường hằng." Nếu họ cho rằng: "Ngãi và thế gian là vô thường,, thì đối với các pháp hữu vi, họ sẽ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Ngã và thế giới là vô thường.,^ Những ai chủ trương vừa thường vừa vô thường thì đoi với các pháp hữu

vi, họ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Thế giới vừa thường vừa là vô thường?9

57 Nguyên tác: Hành .Theo Đại thừa nghĩa chương T.44. 1851.2. 0495a23, sự tập khởi của các pháp hữu vi, gọi đó là "hành",.

30. KINH THÊ KÝ 945

Những ai chủ trương chẳng phải thường, chẳng phải vô thường thì đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiên châp vê ngã, kiên châp vê mạng, kiên châp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: uNgã và thế giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường.,, [0128b09] Những ai chủ trương ngã và thế giới là có giới hạn thì đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiên châp vê ngã, kiên châp vê mạng, kiên châp vê thân, kiến chấp về thế giới, vì thế cho rằng: "Mạng sông có giới hạn, thân có giới hạn, thế giới có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả, những gì thuộc vê thân bôn đại đêu lưu chuyên như vậy, tôi đa bảy lân sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng58 đã hết thì ngã trở về chốn thanh tjnh", nên họ cho rang: "Ngãi là có giới han?9 Những ai chủ trương ngã và thế giới là không giới hạn thì đối vói các pháp hữu vi, họ khởi kiên châp vê ngã, kiên châp vê mạng, kiên châp vê thân, kiên chấp về thế giới, vì vậy họ cho rằng: "Mạng sống là không giới hạn, thân người là không giới hạn, thế giới là không giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả? những gì thuộc về thân tứ đại này đều lưu chuyển như vậy, tối đa bảy lần sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng đã hết thì ngã trở về chốn thanh tinh", nên họ cho rằng: "Ngã và thế giới là không giới hạn." Những ai chủ trương thế giới này vừa có giới hạn vừa không có giới hạn thì đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Mạng sống vừa có giới hạn vừa không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả, những gì thuộc về thân tứ đại này đều lưu chuyển như vậy, tối đa bảy lần sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng đã hết thì ngã trở về chốn thanh tjnh", nên họ cho rằng: "Ngã vừa có giới hạn vừa không có giới hạn." Những ai chủ trương ngã và thế giới chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn, nên đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Mạng sống và thân thể chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả, những gì thuộc về thân tứ đại này đều lưu chuyển như vậy, tối đa bảy lần sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng đã hết thì ngã trở về chốn thanh tinh", nên họ cho rằng: "Ngã chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn.” Những ai chủ trương mạng tức là thân thì đôi với thân này, họ thây có mạng; đối với thân khác, họ cũng thấy có mạng và cho rằng: “Mạng tức là thân." Những ai chủ trương mạng khác, thân khác thì đối với thân này, họ thấy có mạng; nhưng đối với thân khác, họ không thấy có mạng, nên họ cho rằng: “Mạng khác, thin khác.,,

58 Nguyên tác: Mạng hành .Theo SĀ. 1257, mạng hành ở đây chỉ cho năng lượng của nghiệp, cũng chỉ cho sanh mạng.

Những ai chủ trương thân và mạng chẳng có cũng chẳng không thì đối với thân này họ không thấy có mạng; nhtrng đối với thân khác, họ lại thấy có mạng, nên họ cho rằng: "Thân và mạng chẳng có cũng chẳng không?9 Những người chủ trương không có thân, không có mạng, nên đối với thân này và đôi với thân khác họ đêu không thây có mạng, cho nên họ nói: "Không có mạng, không có than/5 Những ai chủ trương con người sau khi chết còn tồn tại thì người đó thấy đời này có thân và mạng, đời sau cũng có thân và mạng tồn tại, cho nên họ nói: “Con người sau khi chết còn tồn tại." Những ai chủ trương con người sau khi chết không còn tồn tại thì họ cho rằng đời này có mạng nhung đời sau không có mạng, cho nên họ nói: "Con người sau khi chết không còn tồn tại." Những ai chủ trương con người sau khi chết vừa tồn tại vừa không còn tồn tại thì họ cho rằng đời này mạng đoạn diệt, đời sau mạng còn tồn tại, cho nên họ nói: "Con người sau khi chết vừa tồn tại vừa không còn tồn tại." Những ai chủ trương con người sau khi chết chẳng phải còn tồn tại, chẳng phải không còn tồn tại, nên họ cho rằng thân và mạng đời này cùng thân và mạng đời sau đều đoạn diệt, cho nên họ nói: “Con người sau khi chết chẳng phải còn tồn tại, chẳng phải không còn tồn tại.” [0128C11] Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: về thời quá khứ xa xua, có vị vua tên Kính Diện. Một hôm, vua triệu tập những người mù bàm sinh vào một nơi roi hỏi họ răng: "Các ngươi bi mù từ khi mới sanh, vậy có ai biết hình dáng của con voi như thế nào kh6ng?" Họ đều đáp: "Tâu Đại vương! Chúng tôi không biết.” Vua hỏi tiếp: "Vậy các ngươi có muốn biết hình dáng của con voi không?,, Họ đáp: “Thua, rất muốn biết!” Bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh người hầu, gọi quản tượng dẫn voi đến và bảo những người mù lấy tay sờ thử. Trong số người mù đó, có người sờ trúng vòi voi, vua bảo rằng đó là con voi, hoặc có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng lỗ tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng đùi voi, có người sờ trúng chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi. Khi mỗi người sờ trúng mỗi bộ phận của con voi thì nhà vua đều nói: "Đó là con voi."

Rồi Vua Kính Diện ra lệnh dắt voi đi và hỏi những người mù: “Hinh dáng con voi như thế nào?" Thế là, trong những người mù này, người sờ trúng vòi voi thì bảo voi giống như cái càng xe bị cong, người sờ trúng ngà voi thì bảo voi giống như cái chày, người sờ trúng tai voi thì bảo voi như cái sàng, người sờ trúng đau voi thì bảo voi như cái đỉnh, người sờ trúng limg thì bảo voi như gò đất, người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như vách tường, người sờ trúng đùi voi thì bảo voi giống như khúc cây, người sờ trúng chân voi thì bảo voi như trụ cột, người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối, người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai. Người này bảo như vậy, người kia nói không đúng... cứ thế mà tranh cãi với nhau không dứt.59 [0129a02] Bấy giờ, thấy như vậy rồi, Vua Kính Diện vui vẻ cười lớn và nói bài kệ: Những người mù tập hợp, Tranh cãi về hình voi, Thân voi vôn một thê, Tưởng khác, tranh đúng sai. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Các ngoại đạo tà kiến cũng thế, họ không biết khổ dế, không biết tập đế, không biết diệt đế và không biết đạo đế nên

mỗi người có kiến giải khác nhau, từ đó tranh luận đúng sai, ai cũng cho rằng mình là đúng nên xảy ra tranh tụng. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể biết đúng như thật về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ đạo Thánh đế thì những vị ấy tự tư duy, cùng nhau hòa hợp, vì cùng một lãnh thọ, cùng học một thầy, nên phải hòa hợp như sữa hòa với nước, nhờ vậy pháp Phật mới sáng rỡ, đem lại an lạc lâu dài. LÚC ay, đức The Tôn noi kẹ: Nếu người không biết khổ, Không biết khổ do dâu, Cũng lại không biết khổ, Sẽ diệt tận chốn nào, Cũng lại không thể biết, Pháp diệt khổ từ đâu, Thì mất tâm giải thoát, Tuệ giải thoát mất luôn, Nên không rõ gốc nguồn, Khổ sanh, già, bệnh, chết. Biết sự thật về khổ, Biết khổ là do dâu, Cũng biết rõ khổ kia, Sẽ diệt tận nơi nào, Lại hay khéo phân biệt, Pháp diệt gốc khổ đau, Thì được tâm giải thoát, Tuệ giải thoát cũng vậy. Người này chấm dứt được, Cội gốc của khổ ấm, Hết sanh, già, bệnh, chết Nguồn gốc của tái sanh.60

59 Câu chuyện người mù xem voi còn xuất hiện trong Ud. 66, Pathamanānātitthiyasutta (Kinh thứ nhất về ngoại đạo). 60 Nguyên tác: Thọ hữu ().

948 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Tỳ-kheo! Thế nên, các thầy hãy nỗ lực khéo léo tư duy Thánh đế về khô, Thanh đe vê nguyên nhan cua kho, Thanh đe ve kho diệt va Thánh đe vê con đường đưa đến khổ diệt.61

61 Bản Hán, hết quyển 19.

30. KINH THẾ KÝ 949

6. PHẢMA-TU-LUÂN62

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Dưới đáy biển lớn ở phía Bắc núi Tu-di có thành a-tu-luân La-ha/3 ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần. Thành đó có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh được trang hoàng bằng bảy báu. Thành cao ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần. Cửa thành cao một ngàn do-tuần,64 rộng một ngàn do-tuần. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,...cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Thành nhỏ, nơi ngự trị của vua a-tu-luân nằm ở trong thành lớn, có tên là Luân-thâu-ma-bạt-tra,65 ngang dọc sáu mươi ngàn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang 5 A \ hoàng băng bảy báu. Thành cao ba ngàn do-tuân, rộng hai ngàn do-tuân. Cửa thành cao hai ngàn do-tuân, rộng một ngàn do-tuân. Thành băng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,... cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. ở trong thành này có xây riêng một nghị đường tên là Thất-thi-lợi-sa.66 Nghi đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đêu trang hoàng băng bảy báu. Nên nhà được lát băng xà cừ, cột kèo toàn bang bảy báu, các trụ giữa điện đường lớn một ngàn do-tuần, cao mười ngàn do-tuần, dưới mỗi gốc cột đều có tòa Chánh pháp, ngang dọc bảy trăm do-tuần, được điêu khắc, chạm trổ bang bảy báu. Nghi đường có bốn cửa, lan can bao quanh, có bảy lớp bậc thềm, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng

bảy báu,... cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Băc nghi đường có cung điện a-tu-luân, ngang dọc mười ngàn do-tuân, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng

62 Nguyên tác: A-tu-luân phẩm ỉroi. 0001.30.6. 0129ỒỌỊ. A-tu!un còn gọi là a-tu-la „asurā, a-tố-lạc ,một trong những vị thần cổ xưa ở Ấn Độ, thường được xem là thần hiếu chiến hay tranh đâu với trời Đế-thích không ngừng nên có danh từ: A-tu-la trường, a-tu-la chiến, v.v... 63 Nguyên tác: La-ha atuluân . 64 Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Cửa cao 2000 do-tuần. 65 Nguyên tác: Luân-thâu-ma-bạt-tra . 66 Nguyen tác: Thất-thilợi-sa .

cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như the. Phía Đông nghị đường có khu vườn rừng tên là Sa-la, ngang dọc mười ngàn do-tuần, khu vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đêu trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có nhiêu loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Nam nghị đường có khu vườn rừng tên là Cực Diệu, ngang dọc mười ngàn do-tuần. Sự tráng lệ của khu vườn này giống như vườn Sa-la. Phía Tây nghị đường có khu vườn rừng tên là Diệm-ma, ngang dọc mười ngàn do-tuân. Sự tráng lệ của khu vườn này cũng giông như vườn Sa-la. Phía Băc nghi đường có khu vườn rưng tên là Lạc Lâm, ngang dọc mười ngàn do-tuần. Sự tráng lệ của khu vườn này cũng giống như vườn Sa-la. [0129c03] Giữa hai khu vườn Sa-la và Cực Diệu có cây Trú Độ,67 gốc to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá che phủ bốn phía rộng năm mươi do tuần. Chung quanh cây có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, đều trang hoàng bang bảy báu,... cho đen có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Giữa hai khu vườn Diệm-ma và Lạc Lâm có ao Bạt-nan-đà? nước trong ao trong sạch mát mẻ, không chút cặn bẩn, có bảy lớp hào báu vây quanh. Cạnh thềm ao là bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh giáp vòng đều trang hoàng bằng bảy báu. Trong ao mọc bốn loài hoa, lá hoa lớn một do-tuần, hương thơm lan tỏa cũng một do-tuần. Rễ hoa như ổ trục xe, tiết ra nhựa có màu trăng như sữa, vị ngọt như mật, có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót. Lại nữa, bên cạnh ao này có bảy lớp bậc thềm, bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Cung điện hạ thần của vua a-tu-luân có chiều ngang dọc mười ngàn do- tuân, hoặc chín ngàn, tám ngàn do-tuân9 cung điện nhỏ nhát là một ngàn do- tuần; mỗi cung điện đều có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Cung điện của các a-tu-luân nhỏ có chiêu ngang dọc một ngàn do-tuân? hoặc chín trăm, tám trăm, cho đến nhỏ nhất là một trăm do-tuần; mỗi cung đều có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng như các cõi khác. Phía Bắc nghi đường có bảy đường bậc cấp báu dẫn vào

trong cung điện. Lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Sa-la, lại có đường bậc cấp dẫn vào vườn

67 Trú Độ tho Pārichattaka. Xem chú thích 7l, kinh số l, tr. 515.

30. KINH THẾ KÝ 951

Cực Diệu, lại có đường bậc cấp dẫn vào vườn Diệm-ma, lại có đường bậc cấp dẫn vào vườn Lạc Lâm? lại có đường bậc cấp dẫn vào cây Trú Độ? lại có đường bậc cấp dẫn vào ao Bạt-nan-đà, lại có đường bậc cấp dẫn vào cung điện các vi đại thần, lại có đường bậc cấp dẫn vào cung điện của các a-tu-luân nhỏ. Nêu vua a-tu-luân muôn đi dạo vườn Sa-la thì chỉ cân nghĩ đên Vua A-tu- luân Tỳ-ma-chất-đa. Khi ấy, Vua A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa lại tự nghĩ: "Vua A-tu-luân La-ha đang nghĩ đến ta9\ lập tức tự mình trang hoàng cỗ xe ngựa báu rồi cùng vô số người theo hầu vây quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân rồi đứng sang một bên. Khi ấy, vua a-tu-luân lại nghĩ đến Vua A-tu-luân Ba-la-ha? tức thì Vua A-tu-luân Ba-la-ha lại tự nghĩ: "Vua A-tu-luân đang nghĩ đến ta” liên tự mình trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô sô người theo hâu vây quanh, đi đến trước mặt Vua La-ha và đứng sang một bên. [0l30a07] Khi vua a-tu-luân nghĩ đến Vua A-tu-luân Thiểm-ma-la thì Vua A-tu-luân Thiểm-ma-la cũng lại tự nghĩ: “Vua a-tu-luân đang nghĩ đến ta", lập tức tự mình trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô sô người theo hâu vây quanh, đi đến trước mặt Vua La-ha rồi đứng sang một bên. Khi vua a-tu-luân lại nghĩ đến đại thần a-tu-luân thì các đại thần a-tu-luân ây cũng tự nghĩ: “Vua đang nghĩ đên ta", lập tức tự mình trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô số người theo hầu vây quanh, đi đến trước mặt Vua La-ha rồi đứng sang một bên. Khi vua a-tu-luân lại nghĩ đến các a-tu-luân nhỏ thì các a-tu-luân nhỏ cũng tự nghĩ: "Vua đang nghĩ đến ta9\ lập tức tự mình sửa soạn, cùng với mọi người đi đên trước mặt Vua La-ha roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Vua La-ha khoác áo báu, cưỡi xe ngựa báu rồi cùng vô số người theo hầu vây quanh đi đến trong vườn Sa-la, tự nhiên có gió thổi làm cửa tự mở, tự nhiên có gió thôi khiên đát sạch sẽ, tự nhiên có gió thôi khiên hoa rơi trên đát, xác hoa ngập đến đầu gối. Sau khi Vua La-ha đã vào khu vườn, mọi người cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày,... cho đến bảy ngày, khi đã chơi thỏa thh thì trở vê cung điện của mình. Sau đó, lại tiêp tục dạo chơi vườn Cực Diệu, vườn Thiểm-ma, vườn Lạc Lâm, cũng lại như vậy. Lúc ấy, Vua La-ha luôn có năm a-tu-luân lớn thường theo hộ vệ hai bên: Một tên Đe Trì, hai tên Hùng Lực, ba tên Võ Di, bốn tên Đầu Thủ, năm tên Tồi Phục. Năm vị a-tu-luân lớn này luôn theo sát hộ vệ hai bên. Cung điện của Vua La-ha nằm dưới đáy biển lớn. Nước biển ở trên được duy trì bởi bốn loại gió: Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động phong, bốn là Kiên Cô phong. Bôn loại gió này giữ cho nước biên lớn treo ngược giữa hư không, giông như mây trôi, cách cung điện a-tu-luân mười ngàn do-tuân, không bao giờ rơi xuống. Phước báu, công đức oai thần của vua a-tu-luân quả thật lớn lao như thế.

952 KINH TRƯỜNG A-HÀM

7. PHẨM TỨ THIÊN VƯƠNG68

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Cách phía Đông núi chúa Tu-di một ngàn do-tuần có thành tên là Hiền Thượng của Thiên vương Đê-đâu-lại-tra, ngang dọc sáu ngàn do-tuân. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Cách phía Nam núi Tu-di một ngàn do-tuần có thành tên là Thiện Kiến của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc, ngang dọc sáu ngàn do-tuân. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Cách phía Tây núi Tu-di một ngàn do-tuần có thành tên là Châu-la Thiện -r _ • y : Kiên của Thiên vương Tỳ-lâu-bà-xoa, ngang dọc sáu ngàn do-tuân. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Cách phía Bắc núi Tu-di một ngàn doo-1111àà~1)11~×yây ?SuịNhy11ỗ^úậXf

68 Nguyên tác: Tứ Thiên Vương phẩm 0,1. 0001.30.7. 0130b01. Tứ Thiên Vương là 4 vị Thiên vương trấn giữ 4 phương hướng. Bắc Thiên vương còn gọi Đa Văn thiên , cũng gọi ỉa Tỳ-sạ-môn Thiên vương ,Vèssạvạọa, da mau xanh lam, tay trái cầm cờ chiến thắng?tay phai cầm một bảo tháp. Bác Tliien vương là vị Thiên vương quan trọng nhất trong 4 vị Thiên Vương. Nam Thiên vương l Tăng Tnrongthien ,Virūlhaka co thānmau xanh lá, cầm gươm hộ trì Phát pháp. Đông Thiên vương wcòn gọi Trì Quốc thiên , Dhatarattha, cũng gọi lạĐề-đầu-lại-tra Thiên vương ,có thân màu trắng, tay cầm đàn. Tây Thiên vương còn có tên Quảng Mục thiên Virũpakkha có thân màu đỏ, quán sát thế giới và họ trì chúng sanh.

30. KINH THỂ KÝ 953

Khoảng giữa khu vườn và thành có hồ tên Na-lân-ni, ngang dọc bốn mươi do-tuân. Nước trong hô đó trong sạch mát mẻ, không chút cặn bân. Quanh hô được lát nền bằng bảy báu, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu. Trong hồ có hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, nhiều màu đan xen, ánh sáng phản chiếu đên nửa do-tuân, hương thơm lan tỏa nửa do-tuân. Rê hoa như ô trục xe, tiêt ra nhựa có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật,... cho đen có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Ngoài cung điện Nhật Nguyệt còn có các cung điện của bốn Thiên vương, ngang dọc bốn mươi do-tuần. Các cung điện đều có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh giáp vòng đều trang hoàng băng bảy báu,... cho đên vô sô các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Các cung điện ấy, có cung điện ngang dọc bon mươi do-tuần, hoặc hai mươi do-tuần, cung điện nhỏ nhất ngang dọc năm do-tuần. Từ thành Chúng Quy có con đường bậc cáp băng báu dân đên thành Hiên Thượng, lại có con đường bậc cáp dân đên thành Thiện Kiên, lại có con đường bậc cáp dân đến thành Châu-la Thiện Kiến, lại có con đường bậc cấp dẫn đến thành Khả Uy, thành Thiên Kính, lại co con đương bậc cấp dẫn đến khu vườn Già-tỳ-diên-đầu, lại có

con đường bậc cấp dẫn đến hồ Na-lân-ni, lại có con đường bậc cấp dẫn đến cung điện các đại thần của bốn Thiên vương. [0130c08] Lúc Thiên vương Tỳ-sa-môn muốn đến khu vườn Già-tỳ-diên- đầu thưởng ngoạn, liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại. Khi ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại cũng tự nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta9\ lập tức tự trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô sô thân càn-thát-bà theo hâu trước sau, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương lại nghĩ đến Thiên vương Tỳ-lâu-lặc. Khi ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc cũng tự nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta", lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu, cùng vô số thần cưu-bàn-trà theo hầu trước sau, đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến Thiên vương Tỳ-lâu-bà- xoa. Khi ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-bà-xoa cũng tự nghĩ: "Thiên vương Ty-sa- môn đang nghĩ đến lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng vô số thần rông theo hâu trước sau, đi đên trước Thiên vương Tỳ-sa-môn roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến các đại thần của bốn Thiên vương thì các vi đại thần cũng tự nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến chúng ta", lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng dẫn theo vô số chư thiên, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn rồi đứng sang một bên. LÚC ây, Tỳ-sa-môn Thiên vương tự sửa soạn, mặc y phục báu, cưỡi xe ngựa báu cùng vô sô trăm ngàn thiên thân đên vườn Già-tỳ-diên-đâu. Đên nơi, tự

nhiên có gió thổi khiến cửa tự mở, tự nhiên có gió thổi đất sạch sẽ, tự nhiên có . 2 • r , : M y . .

gió thôi hoa rơi trên đát, xác hoa ngập đên đâu gói. Sau khi Thiên vương Tỳ-sa-môn đã vào khu vườn, mọi người cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày,...cho đến bảy ngày. Khi đã vui chơi thỏa thích, mọi người trở về cung điện của mình. Thiên vương Tỳ-sa-môn luôn có năm quỷ thần lớn thường theo hộ vệ hai bên: Một tên Bác-xà-lâu? hai tên Đàn-đà-la, ba tên Hê-ma-bạt-đà, bốn tên Đề-yết-la và năm là Tu-dật-lộ-ma. Phước báu, công đức và oai thần của Thiên vương Tỳ-sa-môn là như thế.

30. KINH THẾ KÝ 955

8. PHẨM TRỜI ĐAO-LỢI69

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Trên đỉnh núi chúa Tu-di có thành của cõi trời Ba Mươi Ba, ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần. Thành ấy có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu. Thành cao một trăm do-tuần5 phần trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuân9 rộng ba mươi do-tuân, cách nhau khoảng năm trăm do-tuân lại có một cửa thành. Môi cửa thành đêu có năm trăm quỷ thân canh giữ, bảo vệ cõi trời Ba Mươi Ba. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong thành lớn ây lại có một thành nhỏ, ngang dọc sáu mươi ngàn do-tuân, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu. Thành

cao một trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần, cách nhau khoảng năm trăm do-tuần lại có một cửa thành, cao sáu mươi do-tuân9 rộng ba mươi do-tuân. Môi cửa thành đêu có năm trăm quỷ thần đứng canh giữ, bảo vệ cõi trời Ba Mươi Ba. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng, thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, thành bằng xích châu thì cửa bằng mã não, thành bằng mã não thì cửa bằng xích châu, thành bằng xà cừ thì cửa bằng các loại báu khác. Các lan can của thành ây5 nêu lan can vàng thì bậc cáp băng bạc, lan can bạc thì bậc cấp bằng vàng, lan can thủy tinh thì bậc cấp bằng lưu ly, lan can lưu ly thì bậc cấp bằng thủy tinh, lan can xích châu thì bậc cấp bằng mã não, lan can mã não thì bậc cấp bằng xích châu, lan can xà cừ thì bậc cấp bằng các loại báu khác. Trên lan can có mành lưới báu, dưới mành lưới vàng thì treo linh bang bạc, dưới lưới bạc thì treo linh bằng vàng, dưới lưới lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, dưới lưới thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới lưới xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu, dưới lưới bang xà cừ thì treo linh bang các loại báu khác. Lại nữa, cây băng vàng thì rê và nhánh đêu băng vàng nhưng lá, hoa và quả đều bằng bạc. Cây bằng bạc thì rễ và nhánh đều bằng bạc nhưng lá, hoa và quả băng vàng. Cây băng thủy tinh thì rê và nhánh đêu băng thủy tinh nhưng hoa và lá bằng lưu ly. Cây bằng lưu ly thì rễ và nhánh đều bằng lưu ly nhưng hoa

69 Nguyên tác: Đao-lợi thiên phẩm (roi. 0001.30.8. 0131a03).

và lá băng thủy tinh. Cây băng xích châu thì rê và nhánh đêu băng xích châu nhưng hoa và lá băng mã não. Cây băng mã não thì rê và nhánh đêu băng mã não nhưng hoa và lá bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì rễ và nhánh đều bằng xà cừ nhưng hoa và lá bằng các loại khác. Bảy lớp tường của thành ấy, mỗi lớp tường đều có bốn cửa, mỗi cửa đều có lan can. Trên bảy lớp tường thành đều có đền đài, lầu gác bao bọc chung quanh, có vườn rừng, ao tắm, mọc các loài hoa quý, nhiều màu đan xen, cây báu xếp thành hàng, hoa quả tốt tươi, gió đưa hương lan tỏa khắp nơi làm vui đẹp lòng người. Chim le le, nhạn, uyên ương cùng các loại chim quý hiếm, có hàng ngàn giống loại không kể xiết, cùng nhau hót vang. Khoảng giữa bên ngoài thành nhỏ có cung điện của vua rồng Y-la-bát, ngang dọc sáu ngàn do-tuần. Vách tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. [0131b08] Bên trong thành Thiện Kiến có giảng đường Thiện Pháp,70 ngang dọc một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng băng bảy báu. Nen nhà được lát bằng vàng ròng, cẩn lim ly phía trên. Các trụ cột trong chánh điện chu vi mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới trụ cột này là nơi đặt ngự tòa của trời Đe-thích, ngang dọc một do-tuần, được trang hoàng bằng bảy báu, màu sắc xen kẽ. Ngự tòa đó mềm mại, mịn như áo trời, hai bên ngự tòa có mười sáu chỗ ngồi. Lại nữa, giảng đường có bốn cửa, có lan can bao quanh, được làm bằng bảy báu. Giảng đường có lối đi bậc cấp, ngang dọc năm trăm do-tuân5 có bảy lớp cửa ngoài, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bang bảy

báu,... cho đen có vô so các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Bắc cung Thiện Kiến có cung điện của trời Đế-thích, ngang dọc một ngàn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bang bảy báu,... cho đen có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Đông cung Thiện Kiến có khu vườn rừng tên là Thô Sáp, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đêu trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong vườn Thô Sáp có hai tảng đá, một tên Hiền, hai tên Thiện Hiền, đều được trang trí bằng vàng cõi trời. Mỗi tảng đá ngang dọc năm mươi do-tuần5 tảng đá ấy trơn láng, mịn màng giống như áo trời.

70 Nguyên tác: Thiện Pháp đường ,Sudhamma sabhā, tên giảng đường của trời De-thich, ở góc Tây Nam ngoài thành Thiện Kiên trên đỉnh núi Tu-di. Theo Đại Bát-niết-bàn kinh r. 12. 0374.12. 0438c06, chư thiên ở cõi trời Đao-lợi thường tập hợp ở tòa Thiện Pháp đường này, bàn về các việc của trời và người,, .

30. KINH THẾ KÝ 957

___ r

Phía Nam cung Thiện Kiên có khu vườn rừng tên là Họa Lạc, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong khu vườn Họa Lạc có hai tảng dá, một tên Họa, hai tên Thiện Họa, đều do bảy báu tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc năm mươi do-tuần9 tảng đá ấy trơn láng, min màng giống như áo trời. Phía Tây cung Thiện Kiến có vườn rừng tên là Tạp, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong vườn Tạp có hai tảng dá, một tên Thiện Kiến, hai tên Thuận Thiện Kiến, đều được trang trí bằn^ vàng cõi trời và do bảy báu tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc năm mươi do-tuần, tảng đá ấy trơn láng, mịn màng giống như áo trời. Phía Bác cung Thiện Kiên có khu vườn rừng tên là Đại Hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong vườn Đại Hỷ lại có hai tảng đá, một tên Hỷ? hai tên Đại Hỷ5 được trang trí bằng xà cừ, ngang dọc năm mươi do-tuân, tảng đá ây trơn láng, min màng như áo trời. [0131C13] Khoảng giữa vườn Thô Sáp và vườn Họa Lạc có ao Nan-đà, ngang dọc một trăm do-tuần. Nước trong ao đó trong sạch mát mẻ, không chút bợn nhơ, bao quanh cạnh thềm ao là bảy lớp hào báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu. Bốn phía ao có bốn đường bậc cấp, mỗi bậc cấp có lan can bao quanh, do bảy báu tạo thành,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Lại nữa, trong ao mọc bốn loài hoa màu xanh, vàng, đỏ, trắng, lại đan xen với nhiều màu hồng, xanh nhạt. Lá hoa phủ kín một do-tuần? hương thơm lan tỏa một

do-tuân, rê hoa như trục xe, lại tiêt ra nhựa, màu trăng như sữa, vi ngọt như mật. Chung quanh bốn phía của ao đều có vườn rừng. Khoảng giữa vườn Tạp và vườn Đại Hỷ có cây tên Trú Độ, thân cây bảy do-tuân, cao một trăm do-tuân9 cành lá phủ kín bôn phía năm mươi do-tuân. Phía ngoài cây này có ngôi đình trống, ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Ngoài ra, các cung điện khác của trời Đao-lợi, ngang dọc một ngàn do-tuần? cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như the. Các cung điện còn lại ngang dọc chín

trăm, hoặc tám trăm do-tuân, cung nhỏ nhát một trăm do-tuân. Những cung điện này đều có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Những cung điện nhỏ ngang dọc một trăm do-tuần? hoặc chín mươi, hoặc tám mươi, cho đến nhỏ nhất là mười hai do-tuần, cũng có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như the. [0132a07] Phía Bắc cung Thiện Kiến có hai đường bậc cấp dẫn đến cung điện Đế-thích. Phía Đông cung Thiện Kiến có hai đường bậc cấp dẫn đến vườn Thô Sáp, lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Họa Lạc, lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Tạp, lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Đại Hỷ, lại có đường bậc cấp dẫn đến ao Đại Hỷ, lại có đường bậc cấp dẫn đến cây Trú Độ, lại có đường bậc cấp dẫn đến cung điện trời Ba Mươi Ba, lại có đường bậc cấp dẫn đến cung điện của chư thiên, lại có đường bậc cấp dẫn đến cung điện vua rồng Y-la-bát Khi trời Đế-thích muốn đến vườn Thô Sáp thưởng ngoạn, liền nghĩ đến các thiên thân của cõi trời Ba Mươi Ba, khi ây các thiên thân của cõi trời Ba Mươi Ba liền tự nghĩ: “E)éthích đang nghĩ đến ta”, lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng vô sô người theo hâu vây quanh đi đên trước mặt trời Đê-thích, rồi đứng sang một bên. Đế-thích lại nghĩ đến các chư thiên khác, chư thiên ấy liền tự nghĩ: "E)ế-thích đang nghĩ đến ta", lập tức tự frang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng với các chư thiên khác đi đên trước mặt Đê-thích, roi đứng qua một bên. Đế-thích lại nghĩ đến vua rồng Y-la-bát thì vua rồng Y-la-bát liền tự nghĩ: "Bế-thích đang nghĩ đến ta”, lập tức biến ra thân hình có ba mươi ba dầu, mỗi đâu đêu có sáu sừng, môi sừng đêu có bảy ao tăm, môi ao tăm đêu có bảy hoa sen lớn, mỗi hoa sen lớn đều có một trăm cánh, mỗi cánh hoa đều có bảy ngọc nữ đánh trống, ca hát, nhảy múa, gảy đàn, vỗ nhịp ở trên đó. Sau khi biến hóa xong, vua rông liên đi đên trước mặt Đê-thích roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đeo các trang sức báu và chuỗi ngọc quý vào thân rồi ngự trên đỉnh đầu thứ nhất của vua rồng Y-la-bát. Ke đó, mười sáu vi Thiên vương chia đều hai bên, theo thứ tự ngồi trên đỉnh đầu của vua rồng. Khi Thiên Đế-thh cùng vô số chư thiên và quyến thuộc vây quanh đi đến vườn Thô Sáp, tự nhiên có gió thổi khiến cửa tự mở, tự nhiên có gió thổi khiến đất sạch sẽ, tự nhiên có gió thổi làm hoa rơi trên mặt đất, xác hoa ngập đến đầu gối. Thế rồi, Thiên Đế-thích tự tại ngự trên hai tảng đá Hiền

và Thiện Hiền, sau đó ba mươi ba vi Thiên vương cũng đều theo thứ tự mà ngồi. Lại có những chư thiên không được phép theo hầu để thấy được khu vườn ấy, không được vào 9 y . — c —

vườn đê cùng hưởng niêm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có những chư thiên được thấy khu vườn ấy nhưng

không được vào, không được cùng hưởng niềm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có chư thiên được thấy, được vào khu vườn ấy nhưng không được cùng hưởng niềm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì công đức và hạnh nghiệp cũng không đồng. Lại có chư thiên được thấy, được vào khu vườn ấy và được cùng hưởng niềm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì công đức và hạnh nghiệp đồng nhau. [0132bl0] Sau khi Đê-thích đã vào khu vườn này, mọi người cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày,... cho đến bảy ngày, khi đã vui chơi thỏa thích thì trở về cung điện của mình. Trời Đế-thích lại tiếp tục dạo chơi vườn Họa Lạc, vườn Tạp và vườn Đại Hỷ, cũng lại như vậy. Vì sao gọi là vườn Thô Sáp? Vì khi vào trong khu vườn này thì thân thể tự nhiên thô nhám. Vì sao gọi là vườn Họa Lạc? Vì khi vào trong khu vườn này thì thân thể tự nhiên có những nét màu như vẽ nên lấy đó làm vui thích. Vì sao gọi là vườn Tạp? Vì thường vào những ngày mùng tám, mười bốn và rằm mỗi tháng, ngoại trừ a-tu-la nữ, còn các thể nữ khác được phép tự do cùng đùa giỡn xen lẫn với các thiên tử, nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại Hỷ? Vì lúc vào khu vườn này thì hoan hỷ vui chơi, nên gọi là Đại Hỷ. Vì sao gọi là giảng đường Thiện Pháp? Vì khi nhóm họp nơi đây, tư duy về diệu pháp, cảm thọ niềm vui thanh tịnh, cho nên gọi là giảng đường Thiện Pháp. Vì sao gọi là cây Trú Độ? Vì cây này có vi thần tên Mạn-đà, thường tự gảy đàn ca hát để tự vui thích, cho nên gọi là Trú Độ. Vả lại, cây này lớn, cành nhánh che phủ bốn bề, hoa lá sum suê như đám mây báu lớn, nên gọi là Tru Độ. Thích-đề-hoàn-nhân thường có mười vị thiên tử lớn theo hầu cận, bảo vệ hai bên. Những vị đó là: Một tên Nhân-đà-la, hai tên Cù-di, ba tên Tỳ-lâu, bốn tên Tỳ-lâu-bà-đề, năm tên Đà-la9 sáu tên Bà-la, bảy tên Kỳ-bà? tám ten Linh-ê- nậu, chín tên Vật-la va mười tên Nan-đầu. Thích-đề-hoàn-nhân có thần lực lớn và oai đức lớn như thế. Lại nữa, người ở cõi Diêm-phù-đề rất quý loài hoa mọc trong nước như: Hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma5 hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, hoa tu-càn- đầu? hương thơm nhẹ nhàng, tinh khiết. Lại có các loài hoa mọc ở đất liền như: Hoa giải thoát, hoa chiêm-bặc, hoa bà-la-đà, hoa tu-mạn-châu-na5 hoa bà-sư, hoa đông nữ. Các cõi Câu-da-ni, Uất-đan-việt, Phất-vu-đãi, cung Rồng, cung chim Cánh Vàng cũng có các loại hoa mọc trong nước và trên đất liền như thế. Cung a-tu-la có các loại hoa sông trong nước như: Hoa ưu-bát-la9 hoa bát- đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, hương thơm nhẹ nhàng, tinh khiết. Các loài hoa mọc ở trên đất liền như: Hoa thù hảo, hoa tân-phù, hoa đại tân- phù, hoa già-già-lợi, hoa đại già-già-lợi, hoa mạn-đà-la, hoa đại mạn-đà-la. Lại nữa, ở các cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại và cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng yêu quý các loại hoa sống trong nước và trên đất liền như thế.

[0132c09] Chư thiên có mười phép. Những gì là mười? Một là bay đi không giới hạn. Hai là bay đến không giới hạn. Ba là đi vô ngại. Bôn là đên vô ngại. Năm là thân chư thiên không có da, xương, gân, mạch máu và thịt. Sáu là thân không có đại tiểu tiện bất tinh. Bảy là thân không mỏi mệt. Tám là thân thiên nữ không sinh sản. Chín là mắt trời không nháy. Mười là thân hiện màu sắc theo ý mình, như thích màu xanh thì hiện màu xanh, thích màu vàng thì hiện màu vàng, thích đỏ? trắng hay các màu sắc khác, đều tùy theo ý thích mà hiện. Đó là mười phép của chư thiên. Con người có bảy màu sắc. Những gì là bảy? Có người màu ánh kim, có người màu lửa, có người màu xanh, có người màu vàng, có người màu đỏ, có người màu đen, có người màu trắng. Chư thiên, a-tu-la cũng có bảy sắc màu như thế. Này Tỵ-kheo! Ánh sáng đom đóm không bằng ánh sáng đèn, nến; ánh sáng đèn, nen không bằng ánh sáng bó đuốc, ánh sáng bó đuốc không bằng ánh sáng của đống lửa, ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng từ cung điện, thành quách, chuỗi ngọc, y phục và thân thể của Tứ Thiên Vương; ánh sáng từ cung điện, thành quách, chuỗi ngọc, y phục và thân thể của Tứ Thiên Vương không bằng ánh sáng của trời Ba Mươi Ba, ánh sáng của trời Ba Mươi Ba không bằng ánh sáng trời Diệm-ma, ánh sáng trời Diệm-ma không bằng ánh sáng cõi trời Đâu-suất, ánh sáng cõi trời Đâu-suất không bằng ánh sáng của cõi trời Hóa Tự Tại, ánh sáng của cõi trời Hóa Tự Tại không bằng ánh sáng của cối trời Tha Hóa Tự Tại, ánh sáng của cõi trời Tha Hóa Tự Tại không bằng ánh sáng từ cung điện, y phục, thân thể của trời Phạm-ca-di; ánh sáng từ cung điện, y phục, thân thể của trời Phạm-ca-di không bằng ánh sáng của trời Quang Am, ánh sáng của trời Quang Âm không bằng ánh sáng của cõi trời Biến Tinh, ánh sáng của cõi trời Biến Tịnh không bằng ánh sáng của cõi trời Quả Thật, ánh sáng của cõi trời Quả Thật không bằng ánh sáng của trời Vô Tưởng, ánh sáng của trời Vô Tưởng không bằng ánh sáng của trời Vô Tạo, ánh sáng của trời Vô Tạo không bằng ánh sáng của trời Vô Nhiệt, ánh sáng của trời Vo Nhiệt không bằng ánh sáng của trời Thiện Kiến, ánh sáng của trời Thiện Kiến không bằng ánh sáng trời Đại Thiện, ánh sáng của trời Đại Thiện lại không bang ánh sáng của cõi trời Sắc Cứu Cánh, ánh sáng của trời sắc Cứu Cánh không bằng ánh sáng của trời Đại Tự Tại; ánh sáng của của trời Đại Tự Tại không bằng ánh sáng của đức Phật. Gom hết tất cả ánh sáng, từ ánh sáng của đom đóm,... cho đến ánh sáng của đức Phật, cũng không băng ánh sáng của khô đê, tập đê, diệt đê và đạo đế. Vì thế, này các Tỳ-kheo! Muốn tìm cầu ánh sáng, nên tìm cầu ánh sáng của khổ đế, tập đe, diệt đế và đạo đế. Các thầy hãy nên như vậy mà tu hành. [0133al0] Thân người cõi Diêm-phù cao ba khuỷu tay rưỡi, áo dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người Cù-da-ni và Phất-vu-đãi cũng cao ba khuỷu tay rưỡi, áo dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người uất- đan-việt cao bảy khuỷu tay, áo dài mười bon khuỷu tay, rộng bảy khuỷu tay, y

phục nặng một lượng. Thân a-tu-la cao một do-tuân? áo dài hai do-tuân, rộng một do-tuần, y phục nặng sáu thù.71 Thân của Tứ Thiên Vương cao nửa do-tuần9 áo dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y phục nặng nửa lượng. Thân của trời Đao-lợi cao một

do-tuần9 áo dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, phục nặng sáu Ỵ

thù. Thân của trời Diệm-ma cao hai do-tuần, áo dài bon do-tuần, rộng hai do- 1 Ạ A . 9 A M f tuân, y phục nặng ba thù. Thân của trời Đâu-suất cao bôn do-tuân, áo dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuàn, y phục nặng một thù rưỡi. Thân của trời Hóa Tự Tại cao tám do-tuần, áo dài mười sáu do-tuầĩì, rộng tám do-tuần9 y phục nặng một thù. Thân của trời Tha Hóa Tự Tại cao mười sáu do-tuần? áo dài ba mươi hai dotuân, rộng mười sáu do-tuân9 y phục nặng nửa thù. Từ chư thiên trở lên, môi nơi tùy theo thân của họ mà mặc y phục. Tuổi thọ của người cõi Diêm-phù-đề là một trâm tuổi, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của người cõi Cù-da-ni là hai trăm tuổi, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của người cõi Phất-vu-đãi là ba trăm tuổi, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của người cõi uất-đan-việt là một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Tuổi thọ của cõi nga quỷ là bảy mươi ngàn năm, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ loài rồng và chim Cánh Vàng là một kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của a-tu-la là một ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém sô đó một ít. Tuôi thọ của Tứ Thiên Vương là năm trăm tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Đao-lợi là một ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Diệm-ma là hai ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Đâu-suất là bốn ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Hóa Tự Tại là tám ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Tha Hóa Tự Tại là mười sáu ngàn tuôi cõi trời, hoặc hơn kém sô đó một ít. Tuổi thọ của trời Phạm-ca-di là một kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Quang Âm là hai kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Biến Tịnh là ba kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Quả Thật là bốn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của trời Vô Tưởng là năm trăm kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Vô Tạo là một ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Vô Nhiệt là hai ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Thiện Kiến là ba ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Đại Thiện Kiến là bốn ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Sắc Cứu Cánh là năm ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Không Vô Biên Xứ là mười ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Thức Vô Biên Xứ là hai mươi mốt ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Vô Sở Hữu Xứ là bôn mươi hai ngàn kiêp9 hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ là tám mươi bốn ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sanh; trong giới hạn ấy, được gọi là 2. e r r • r .

tuôi thọ; trong giới hạn ây, được gọi là thê giới; trong giới hạn ây, được gọi là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ? giới, qua lại trong các cõi, sanh, già, bệnh, chết.

71 Thù :Đơn vị đo trọng lượng cổ đại, 24 thù bằng l lượng.

962 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0133b17] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Tất cả chúng sanh đều nhờ bốn loại thức ăn mà tồn tại. Bốn loại ấy là gì? Một là đoàn thực hay te hoạt thực. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bon là thức thực. Những loại thức ăn của chúng sanh không giống nhau. Như con người cõi Diêm-phù-đề dùng các loại cơm, bún, mì, cá, thịt làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là te hoạt thực. Con người cõi Cù-da-ni và Phất-vu-đãi cũng dùng các loại cơm,

bún, mì, cá, thịt làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là tế hoạt thực. Con người cõi Uất-đan-việt chỉ dùng lúa thóc tự nhiên, đây đủ các vị ngon bô làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là tế hoạt thực. Loài rồn^ và chim Cánh Vàng dùng cá, ba ba... làm đoàn thực, còn tăm gội, y phục là tê hoạt thực. A-tu-la dùng thức ăn tinh sạch làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là tế hoạt thực. Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma9 trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại và trời Tha Hóa Tự Tại đều lấy thức ăn tinh sạch làm đoàn thực, còn y phục, tắm gội là tế hoạt thực. Chư thiên từ cõi này trở lên đều dùng hỷ lạc của thiền định làm thức ăn. Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh được sanh ra từ trứng đều dùng xúc thực. Những chúng sanh nào dùng niệm thực? Có những chúng sanh nhờ vào niệm thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn và duy trì thân mạng, đó là niệm thực. Những chúng sanh nào dùng thức thực? Là những chúng sanh ở địa ngục và cõi trời Vô sắc đều dùng thức thực. [0133c04] Người ở cõi Diêm-phù-đê tự nuôi sông băng nghê kinh doanh mua bán các thứ vàng bạc, châu báu, lúa gạo, gấm lụa, nô bộc. Người ở cõi Cù-da-ni tự nuôi sống bằng nghề mua bán, trao đổi bò dê, châu báu. Người ở cõi Phất-vu-đãi tự nuôi sống bằng nghề mua bán lúa gạo, gấm lụa, châu ngọc. Người ở cõi uất-đan-việt không nuôi sống bằng nghề buôn bán nhung vẫn mưu sinh để tự nuôi sống. Người cõi Diêm-phù-đề, cối Cù-da-ni và Phất-vu-đãi đều có hôn nhân qua lại, có sự cưới gả giữa nam và nữ. Người uất-đan-việt thì không có hôn nhân, không có sự cưới gả giữa nam và nữ. Loài rồng, chim Cánh Vàng và a-tu-la cũng có hôn nhân, có sự cưới gả giữa nam và nữ. Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi cho đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng có hôn nhân, có sự cưới gả giữa nam và nữ. Chư thiên từ cõi này trở lên thì không còn nam và nữ. Người ở cõi Diêm-phù-đề, do có sự giao hội giữa nam và nữ, hai thân xúc chạm nhau nên sanh ra âm dương. Người cõi Cù-da-ni, Phất-vu-đãi và cõi uất-đan-việt cũng đều do hai thân xúc chạm nhau nên sanh ra âm dương. Loài rồng và chim Cánh Vàng cũng do hai thân xúc chạm nên sanh ra âm dương. Loài a-tu-la do hai thân gần nhau, phát sanh khí mà thành âm dương. Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi cũng như vậy. Trời Diệm-ma thì khi gần nhau liền sanh âm dương. Trời Đâu-suất khi nam nữ nắm tay nhau tức thành âm dương. Trời Hóa Tự Tại khi họ nhìn ngắm nhau tức thành âm dương. Trời Tha Hóa Tự Tại khi họ nháy mắt tức thành âm dương. Chư thiên từ cõi này trở lên thì không còn dâm dục.

30. KINH THẾ KÝ 963

r e y

Nêu có chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác thì sau khi thân hoại mạng chung bị đọa vào địa ngục, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong loài địa ngục72 bắt đầu sanh, do có thức mà có danh sắc, do có danh sắc mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì sau khi thân hoại mạng chung bị đọa vào loài súc sanh, thức sau cùng ở cối này diệt, thức trong cõi súc sanh bắt đầu sanh, do có thức r r

mà có danh sác, do có danh sác mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì sau khi thân hoại mạng chung bi đọa vào loài nga quỷ, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong cõi nga quỷ bắt đầu sanh, do có thức mà

có danh sắc, do có danh sắc mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào loài người, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong cõi người bắt đầu sanh, do có thức mà có danh r r

sác, do có danh sác mà có lục nhập. [0134a01] Hoặc có chúng sanh thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh trong cõi Tứ Thiên Vương, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong Tứ Thiên Vương bắt đầu sanh, r r

do có thức mà có danh sác, do có danh sác mà có lục nhập. Lúc mới sanh ở cõi trời, hình hài như đứa trẻ một hai tuổi ở nhân gian, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đâu gói vi trời. Vị trời ây liên nói: "Đây là con ta." Do phước báo hạnh nghiệp nên tự nhiên trí tuệ phát sanh, liền tự nghĩ: "Ta do hành nghiệp gì mà nay sanh vào cõi này?" Rồi lại nghĩ: "Xua, ta làm người trong nhân gian, thân làm hạnh lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nhờ hạnh nghiệp này, nay được sanh lên cõi trời. Nêu sau khi mạng chung ở cõi này, sanh trở lại trong nhân gian thì cũng giữ gìn thân, miệng và ý trong sạch, nỗ lực tu tập, siêng năng làm các hạnh lành gấp bội phần trước kia.” Đứa trẻ cõi trời sanh ra không lâu sau thì biêt đói, lúc ây tự nhiên có bát báu đựng thức ăn thanh tịnh tự nhiên của cõi trời hiện ra trước mặt, đủ trăm hương vị. Nếu đứa trẻ cõi trời này nhiều phước thì thức ăn trong bát có màu trắng, ít phước hơn thì thức ăn có màu xanh, phước mỏng thì thức ăn hiện màu đỏ. Đứa bé đó dùng tay bốc thức ăn để vào miệng, thức ăn tự nhiên tan biến, như bơ ném vào trong lửa. Ăn xong, đứa bé vừa mới có cảm giác khát thì có chén báu đựng nước cam lồ tự nhiên hiện đến. Nếu đứa trẻ cõi trời này nhiều phước thì nước trong chén có màu trắng, ít phước hơn thì nước trong chén có màu xanh, phước mỏng thì nước trong chén hiện màu đỏ. Đứa bé bưng nước uống, nước tự nhiên tiêu hóa, như bơ ném vào trong lửa. Ăn uống xong, thân thể đứa bé ấy bỗng nhiên cao lớn, sánh bằng các vị trời khác, liền vào ao tắm, tắm gội sạch sẽ? tự hưởng thú vui. Sau khi tự hưởng thú vui, vị trời ra khỏi ao, đến bên cây Hương, cây tự rũ xuông5 roi tự tay lây các loại hương xoa lên thân thê. Sau đó

72 Nguyên tác: Nê-lê nirayo.

r — M y • Ả 'M . lại đên cây Y Kiêp-bôi, cây tự rũ xuông, vị trời ây tự tay lây các loại y phục, mặc vào thân mình. Roi đên cây Trang Nghiêm, cây tự rũ xuông, vị trời ây tự tay lấy các thứ trang sức, tự trang sức cho mình. Lại đến cây Man, cây tự rũ xuống, vị trời liên tự tay lây các loại tràng hoa cài lên đâu. Tiêp theo đên cây Khí, cây tự rũ xuống, vị trời ấy liền tự tay lấy các vật dụng quý báu. Sau đó đến cây Quả, cây tư rũ xuống, vị trời tự tay hái trái tự nhiên, hoặc ăn9 hoặc ngậm, hoặc vắt lấy nước uống. Lại đến cây Nhạc Khí, cây tự rũ xuống, vị ấy lấy các loại nhạc khí cõi trời, gảy lên âm thanh trong trẻo hòa quyện lời ca. Roi vị trời ấy đến các khu vườn, trông thấy vô số thiên nữ đang gảy đàn? đánh trống, ca hát, nói cười cùng nhau. Vị trời ấy dạo chơi, thấy những cảnh như vậy thì sanh tâm đắm nhiễm, đến nỗi nhìn Đông thì quên Tây, nhìn Tây thì

quên Đông. Tuy lúc mới sanh, đứa trẻ tự biết và suy nghĩ: "Ta do hành nghiệp gì mà nay được sanh về cõi này?" nhưng trong lúc dạo chơi ngắm cảnh, vị trời ấy lại quên hết ý niệm này. Ngay khi ấy, vị trời liền có thể nữ theo hầu. [0134b02] Nếu có chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành thì sau khi mạng chunẹ được sanh về cõi Đao-lợi, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong cõi ây bắt đâu sanh. Do có thức này mà có danh sác, do có danh sắc mà có lục nhập. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thể giống như đứa bé hai, ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đầu gối của vi trời. Vi trời ấy liền nói: "Dây là con trai ta, đây là con gái ta.” Sự việc cũng như đã kể trên. Hoặc có chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, sau khi mạng chung được sanh vào cõi trời Diệm-ma. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thể giống như đứa bé ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đề. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý đêu hành thiện, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vê cõi trời Đâu-suât. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thê giống như đứa bé bon, năm tuổi ở the gian này. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý đều hành thiện, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời Hóa Tự Tại. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thê giông như đứa bé năm, sáu tuôi ở thê gian này. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý đều hành thiện, sau khi mạng chung được sanh vào cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thể giống như đứa bé sáu, bảy tuổi ở thế gian này, cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Mỗi nửa tháng có ba ngày trai giới, đó là ngày mùng tám, ngày mười bốn và ngày rằm. Đó là ba ngày trai giới. Vì sao lấy mùng tám làm ngày trai giới? Vì vào ngày mùng tám, Tứ Thiên Vương thường bảo sứ giả: “Các ngươi hãy đi tuần tra thế gian, quan sát muôn dân, xem xét có ai biết hiếu thuận với cha mẹ, cung kính Sa-môn? Bà-la-môn, tôn trọng trưởng lão, tu trì trai giới, bố thí cúng dường, cứu giúp những người nghèo khổ chăng?,, Bấy giờ, vâng lệnh Tứ Thiên Vương, sứ giả liền đi tuần tra khắp thiên hạ để biết được những ai hiếu thảo cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng

30. KINH THÊ KÝ 965

A . 9

các trưởng lão, tu trì trai giới, bô thí cho người nghèo khô. Sau khi quán sát kỹ, thấy trong đời phần nhiều bất hiếu với cha mẹ, không cung kính thầy tổ, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo đói, sứ giả liền trở về thưa: "Tâu Thiên vương! ở thế gian, người hiếu thuận cha mẹ, tôn thờ sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, bố thí cho người nghèo khó, quả thật rất ít, rất ít!” Vừa nghe xong, Tứ Thiên Vương buôn bã không vui, roi nói: "Than ôi! Thật đáng buồn thay! Nếu người ở thế gian làm nhiều điều xấu ác, không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng thầy tổ, không tu tập trai giới, không bô thí cho người nghèo khô thì chúng trời sẽ giảm xuống, chúng a-tu-la sẽ tăng thêm,,, r r JF e e r

Nêu sứ giả trông thây ở thê gian có người hiên thuận với cha mẹ5 tôn thờ sư trưởng, siêng năng tu hành trai giới, bố thí cho người nghèo khó thì trở về thưa với Thiên vương: "O thê gian có những người biêt hiêu thảo với cha mẹ, cung kính tôn thờ thầy tổ, siêng năng tu hành trai giới, bố thí cho người ngh©0.” Tứ Thiên Vương nghe xong, vô cùng hoan hỷ nói rằng: "Hay thay! Ta nhận được tin tốt lành. Nếu thế gian có người

biết hiếu thảo với cha mẹ? tôn thờ sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khổ thì chúng trời sẽ tăng thêm, chúng a-tu-la giảm xu6ng." [0134c05] Vì sao lấy ngày mười bốn làm ngày trai giới? Vì vào ngày đó, Tứ Thiên Vương thường bảo thái tử: "Ngươi hãy đi tuân tra khắp thiên hạ, quan sát muôn dân, xem xét trong đời CÓ ai biêt hiêu thảo với cha mẹ? tôn thờ sư trưởng, siêng tu tập trai giới, bô thí cho người nghèo khó chăng?,, Vâng lệnh vua, thái tử liền đi tuần khắp thế gian, quan sát muôn dân, biết được ở thế gian có những người bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khó. Khi quan sát xong, thái tử liên trở vê cung thưa: "Tâu Thiên vương! Người ở thế gian hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, cứu giúp những người nghèo khó, quả thật rất ít, rất ít!" Vừa nghe xong, Tứ Thiên Vương buồn bã không vui rồi nói: "Than ôi! Thật đáng buồn thay! Người đời làm nhiều điều xấu ác, không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn thờ sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khô thì chúng trời sẽ giảm xuông, chúng a-tu-la sẽ tăng len?9 Nếu thái tử trông thấy ở thế gian có rất nhiều người biết hiếu thảo với cha mẹ,x cung kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bô thí cho người nghèo khô thì o

trở vê thưa:

uTâu Thiên vương! Người ở thế gian đa số biết hiếu thảo với cha mẹ, cung kính thầy tổ, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo kh6." Tứ Thiên Vương nghe xong, trong lòng hoan hỷ roi nói: "Hay thay! Ta đón nhận tin tốt lành. Nếu ở thế gian có người hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó thì chúng trời sẽ tăng lên, chúng a-tu-la giảm xuống. Vì lẽ đó nên gọi ngày mười bốn là ngày trai gi&i." Vì sao lấy ngày rằm làm ngày trai giới? Vì vào ngày đó, Tứ Thiên Vương đích thân đi tuần khắp thiên hạ, quan sát muôn dân, xem xét có ai biết phụng dưỡng cha mẹ? tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo khó chăng? Nếu nhìn thấy thế gian phần nhiều bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó, lúc đó Tứ Thiên Vương đến cung điện Thiện Pháp thưa với Đế-thích: "Tâu Đại vương! Ngài nên biết, người ở thế gian phần nhiều bất hiếu với cha mẹ, không tôn thờ sư trưởng, không siêng tu trai giới và không bố thí cho người nghèo kh6." Đê-thích cùng chư thiên cõi Đao-lợi nghe xong, trong lòng lo buôn không vui roi nói: "Thật đáng buồn thay! Nấu người thế gian phần nhiều làm điều xấu ác, không hiêu thuận cha mẹ, không tôn thờ sư trưởng, không siêng tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó thì chúng trời sẽ giảm xuống, chúng a-tu-la sẽ tăng lên?5 Nêu Tứ Thiên Vương nhận thây người đời biêt hiêu thảo với cha mẹ5 cung kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó thì trở về, đến giảng đường Thiện Pháp tâu với Đế-thích: "O thê gian có những người biêt hiêu thảo với cha mẹ? tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo kh6." Đế-thích và chư thiên Đao-lợi nghe xong, lòng rất hoan hỷ rồi nói: "Lành thay! ở đời còn có người biết hiếu thuận với cha mẹ? tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó, nhờ vậy chúng trời sẽ tăng lên, chúng

a-tu-la sẽ giảm xuống. Thê nên gọi ngày răm là ngày trai giới. Từ những điều trên, nên có ba ngày trai giới nAy." Bấy giờ, Đế-thích mong muốn chư thiên càng thêm hoan hỷ, liền nói kệ: Mỗi tháng vào những ngày, Mồng tám, mười bốn, rằm, Những ai tu trai giới, Thì đồng với ta đây! [0135al6] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Đế-thích nói bài kệ ấy, chẳng phải là khéo lãnh thọ, chẳng phải là khéo giảng nói, nên Ta không chấp thuận. Vì sao như vậy? Vì trời Đế-thích chưa dứt

sạch dâm dục, sân hận và si mê, cũng chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Ta cho rằng vị ấy chưa lìa gốc khổ. Nấu có vị Tỳ-kheo nào dứt sạch hết lậu hoặc, chứng A-la-hán ở trong chánh pháp của Ta, việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đạt được mục đích của mình, dứt hết các phiền não kiết sử, thành tựu chánh trí giải thoát, Tỳ-kheo đó mới nên nói kệ: Môi tháng vào những ngày, Mông tám, mười bôn5 răm, Những ai tu trai giới, Thì đồng với ta đây! Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Tỳ-kheo kia nói bài kệ này mới gọi là khéo lãnh thọ, mới gọi là khéo giảng nói, nên được Ta châp thuận. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo ây đã dứt sạch dâm dục, sân hận và si mê, cũng đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Ta nói vi ấy đã xa lìa gốc khổ. Đức Phật bảo Tỳ"kheo: -Tất cả nhà cửa của dân chúng đều có quỷ thần cư ngụ, không chỗ nào là không có. Hết thảy đường sá, ngã tư, hàng thịt, chợ quán cho đến bãi tha ma cũng đêu có quỷ thân cư ngu, không chô nào là không có. Các loại quỷ thân đêu được đặt tên theo chô họ cư ngụ. Nêu vị thân đó nương tựa người thì gọi thân cõi người, nương tựa thôn thì gọi thần thôn, nương tựa thành trì thì gọi thần thành, nương tựa quốc gia thì gọi thần quốc gia, nương tựa đất thì gọi thần đất, nương tựa núi thì gọi thân núi, nương tựa sông thì gọi là thân sông. [0135Ồ03] Phật bảo Tỳ-kheo: Tát cả mọi loài cây côi, dù nhỏ như trục xe cũng đêu có quỷ thân nương tựa, không chỗ nào là không có. Tất cả con người, bất luận nam, nữ, từ lúc mới sanh ra đêu có quỷ thân theo hộ vệ, đên khi con người săp lâm chung, quỷ thân giữ lấy rồi thu lấy tinh khí của họ, khiến người đó lập tức lâm chung. Này Tỳ-kheo! Giả sử co Phạm chí ngoại đạo hỏi: "Chu Hiền! Nếu tất cả nam, nữ lúc mới sanh ra đều có quỷ thần theo hộ vệ, cho đến khi con người sắp lâm chung thì quỷ thần giữ lấy họ, thu lấy tinh khí của họ, khiến người đó lập tức lâm chung, tại sao hiện nay có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu?,, Nếu có ai hỏi như thế thì các thầy hãy trả lời với họ rằng: “Vi người đời hành nghiệp phi pháp, tà kiến điên đảo, gây tạo mười nghiệp ác, những người như thế, trong trăm hay ngàn người mới CÓ một quỷ thân hộ vệ. Cũng giông như đàn bò, đàn dê có cả trăm con, ngàn con nhưng chỉ có một người chăn mà thôi. Trường hợp con người cũng vậy, do làm điều phi pháp, tà kiến điên đảo, gây tạo mười điều ác? những người như thế, trong trăm hay ngàn người mới có một quỷ thần theo bảo hộ. Nếu có người thực hành thiện pháp, tin và thực hành theo chánh kiến, đầy đủ mười nghiệp lành, một người như thê sẽ có trăm ngàn vị thân theo hộ vệ. Ví như quôc vương và đại thân của quôc vương có hàng trăm, hàng ngàn người theo

hộ vệ một người. Trường hợp này cũng vậy, người chuyên tu thiện pháp, đầy đủ mười nghiệp lành, người ấy chắc chắn có trăm ngàn quỷ thần theo hộ vệ. Vì lý do đó nên thế gian có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bi quỷ thần quấy nhiễu." Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Người ở cõi Diêm-phù-đề có ba năng lực hơn người ở cối Cù-da-ni. Những gì là ba? Một là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng làm được các việc; hai là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, chuyên cần tu Phạm hạnh; ba là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, Phật xuất hiện ở cõi này. Do có ba điều này nên người cõi Diêm-phù-đề hơn người ở cõi Cù-da-ni. Người ở cõi Cù-da-ni CÓ ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đê. Những gì là ba? Một là, nuôi nhiêu bò; hai là, nuôi nhiều dê; ba là9 có nhiều châu báu. Do ba điều này mà người ở cõi Cù-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đê có ba việc hơn người cõi Phât-vu-đãi. Ba điêu ây là gì? Một là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng làm được mọi việc; hai là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng tu Phạm hạnh; ba là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, Phật xuất hiện ở cõi này. Do có ba điều này nên người cõi Diêm-phù-đề hơn người ở cõi Phất-vu-đãi. Người ở cõi Phất-vu-đãi có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, cõi này cực rộng; hai là, cõi này cực lớn; ba là, quốc độ vô cùng tốt đẹp. Do ba điều này mà người cõi Phất-vu-đãi hơn người cõi Diêm-phù-đề. [0135c05] Người cõi Diêm-phù-đề hơn người cõi Uất-đan-việt ba điều. Ba điêu ây là gì? Một là? người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng làm được mọi việc; hai là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng tu Phạm hạnh; ba là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, Phật xuất hiện ở cõi này. Do ba điều ấy nên người cõi Diêm-phù-đề hơn người cõi uất-đan-việt. Người cõi uất-đan-việt hơn người cõi Diêm-phù-đề ba điều. Ba điều ấy là gì? Một là? không bị trói buộc; hai là, không có ngã sở; ba là, tuổi thọ cố định là một ngàn năm. Do ba điều ấy mà người cõi uất-đan-việt hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đề cũng do ba điều trên mà hơn nga quỷ. Nga quỷ cũng có ba điều hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là, thân cao lớn; ba là, nệười làm mà mình thọ dụng. Do ba điều này nên nga quỷ hơn cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đê cũng do ba điêu trên mà hơn loài rông và chim Cánh Vàng. Loài rồng và chim Cánh Vàng cũng có ba điều hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là, thân lớn; ba là, cung điện. Do ba điều này nên loài rồng và chim Cánh Vàng hơn người cõi Diêm- phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đề cũng do ba điều trên mà hơn loài a-tu-la. A-tu-la cũng có ba điêu hơn người cõi Diêm-phù-đê. Ba điêu ây là gì? Một là, cung

điện cao rộng; hai là, cung điện trang nghiêm; ba là, cung điện thanh tinh. Do ba điều này mà a-tu-la hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đề cũng do ba điều trên mà hơn Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương lại có ba điều hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là, đoan chánh; ba là, nhiều niềm vui. Do ba điều này nên Tứ Thiên Vương hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đê cũng do ba điêu trên mà hơn chư thiên cõi trời Đao- lợi, cõi trời Diệm-ma5 cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại và cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chư thiên những cõi này cũng có ba điêu hơn người cõi Diêm-phù-đê. Ba điều ấy là gì? Một là,

trường thọ; hai là5 đoan chánh; ba là, nhiều niềm vui. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Chúng sanh cõi Dục có mười hai loại. Mười hai loại ấy là gì? Một là địa ngục, hai là súc sanh, ba là nga quỷ, bốn là người, năm là a-tu-la, sáu là Tứ Thiên Vương, bảy là trời Đao-lợi, tám là trời Diệm-ma, chín là trời Đâu-suất, mười là trời Hóa Tự Tại, mười một là trời Tha Hóa Tự Tại, mười hai là Thiên ma.73 Chúng sanh cõi sắc có hai mươi hai loại, đó là: Một là trời Phạm Thân, , ĩ hai là trời Phạm Phụ, ba là trời Phạm Chúng, bôn là trời Đại Phạm, năm là cõi Quang Thiên, sáu là trời Thiểu Quang, bảy là trời Vô Lượng Quang, tám là trời Quang Ẩm, chín là cõi Tịnh Thiên, mười là trời Thiểu Tịnh, mười một là trời Vo Lượng Tịnh, mười hai là trời Biến Tinh, mười ba là trời Nghiêm Sức, mười bốn là trời Tiểu Nghiêm Sức, mười lăm là trời Vô Lượng Nghiêm Sức, mười sáu là trời Nghiêm Sức Quả Thật, mười bảy là trời Vô Tưởng, mười tám là trời Vô Tạo? mười chín là trời Vô Nhiệt, hai mươi là trời Thiện Kiến, hai mươi mốt là trời Đại Thiện Kiên và hai mươi hai là trời A-ca-ni-trá. Chúng sanh cõi Vô sắc có bốn loại. Bốn loại ấy là gì? Một là trời Không Trí, hai là trời Thức Trí, ba là trời Vô Sở Hữu Trí và bốn là trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí.74 [0136al4] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Có bốn đại thiên thần. Những gì là bốn. Đó là Địa thần, Thủy thần, Phong thần và Hoả thần. Thuở xưa, địa thần khởi lên nhận thức sai lầm, cho rằng: "Trong đất không có nước, lửa và gió.,, Lúc đó, Ta biết ý niệm của địa thần này, liền đến bảo: “C6 phải ngươi từng nghĩ: 'Trong đất không có nước, lửa và gió chang?”' Địa thần trả lời: "Trong đất quả thật không có nước, lửa và gi6."

73 Chư thiên cõi Dục gồm có 6 tầng trời, gọi là lục dục thiên .Theo £7/ trí độ luận 0.25. 1509.10. 01353, trời ThaJIoa Tự Tại cũng chính là Thiên ma .ó đây tách ra thành 2, tức là trời Tha Hóa Tự Tại và Thiên ma. 74 Tức là Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Á • y rp r• Bay giơ, Ta noi: "Ngươi chớ sanh khởi ý niệm cho rằng 'trong đất không có nước, lửa và . , L . ĩ 9r gió/ Vì sao như vậy? Vì trong đát có nước, lửa và gió, chỉ vì đát chiêm nhiêu hơn nên lấy đất mà gọi tên.,, Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Lúc đó, Ta lần lượt giảng pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ75 để dứt trừ nhận thức sai lầm của địa thần. Ta giảng về bố thí, luận về giữ giới, vê sanh thiên, tham dục là ô uê, căn bản phiên não là tai họa, giải thoát là cao tột và chỉ bày, khai mở Phạm hạnh thanh tịnh. Khi Ta biết tâm niệm của địa thân đã thanh tịnh, nhu nhuyên, hoan hỷ, không còn câu uê, có thê lãnh thọ giáo pháp, như thường pháp của chư Phật, Ta giảng rộng Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế khi khổ diệt và Thánh đế về con đường diệt khô. Khi ây, địa thân ngay nơi chô ngôi, liên xa lìa trân câu, chứng được pháp nhãn tinh. Cũng như tấm lụa trắng sạch, rất dễ nhuộm màu, địa thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tinh, được pháp nhãn tinh, không còn hồ nghi, đã thấy pháp, đắc pháp, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác,7677 được vô sở úy,77 liền bạch với Ta rằng: "Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Ngài chấp nhận con được làm ưu-bà-di trong Chánh pháp! Từ nay ve sau, cho đến trọn đời, con không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.” [0136b03] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Thuở xưa, thủy thần khởi ý niệm sai lầm rằng:

"Trong nước không có đất, lửa và gi6. Khi đó, địa thần biết rõ thủy thần có ý niệm sai lầm, liền đến nói với thủy thần: "C6 phải ngươi từng có nhận thức như vầy: 'Trong nước không có đất, lửa và gió chăng?9 Thủy thần đáp: "Đúng như vay!" Địa thần nói: "Ngươi không nên có nhận thức cho rằng trong nước không có đất, lửa và gió. Vì sao như vậy? Vì trong nước có đất, lửa và gió, chỉ vì thành tố nước chiếm nhiều hơn nên lấy nước mà gọi ten." Khi ấy, địa thần đã dứt trừ nhận thức sai lầm cho Thủy thần, đồng thời vì Thủy thần thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan

75 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 76 Nguyên tác: Bất hướng dư đạo vesārajjappatto, ở thể khẳng định có nghĩa là đạt đến chỗ tự tín. 77 Thành tựu vô úy abhayappattà'. Đạt đến chỗ không còn sợ hãi.

hy,78 lại giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, tham dục là ô uế, căn bản phiền não là tai họa, giải thoát là cao tột, chỉ bày giáo hóa, khiến được Phạm hạnh thanh tịnh. Khi biết tâm Thủy thần đã nhu nhuyến, không còn cấu uế, hoan hỷ tin nhận, có thể lãnh thọ giáo pháp, như thường pháp của chư Phật, địa thần liền giảng Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế khi khổ diệt và Thánh đế về con đường diệt khổ. Bây giờ, Thủy thân liên xa lìa trân câu, chứng được pháp nhãn tinh. Cũng như tấm lụa trắng sạch, rất dễ nhuộm màu, Thủy thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đăc pháp nhãn tịnh, không còn hô nghi, chác chăn thành tựu đạo quả, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác, được vô sở úy, liền thưa với Địa thần: "Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Từ nay về sau, cho đến trọn đời, tôi không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, xin cho tôi làm ưu-bà-di ở trong Chánh ph!" Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở xua, hỏa thần khởi ý niệm sai lầm rằng: “Trong lửa không có đất, nước và gi6." Khi ây, địa thân và thủy thân biêt Hỏa thân có ý niệm sai lâm này, liền đến nói với hỏa thần: "C6 thật ngươi có nhận thức sai lầm rằng: 'Trong lửa không có đất, nước và gió chăng?9,9 Hỏa thần đáp: "Đúng như vāy!99 Bấy giờ, địa thần và thủy thần nói: "Ngươi không nên có những nhận thức sai lâm này. Vì sao như vậy? Vì trong lửa có đất, nước và gió, chỉ vì thành tố lửa nhiều hơn nên lấy lửa để gọi tên.,, Khi ấy, hai vị thần đã dứt trừ nhận thức sai lầm cho Hỏa thần, rồi vì Hỏa thần thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.78 79 Sau đó giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, tham dục là ô uế, căn bản phiền não là tai họa, giải thoát là cao tột, chỉ bày giáo hóa khiến được Phạm hạnh thanh tịnh. Khi biết tâm Hỏa thần đã nhu nhuyến, thanh tịnh, không còn cấu uế, hoan hỷ tin nhận, dễ dàng giáo hóa, như thường pháp của chư Phật, hai vị thần kia liền giảng khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Lúc ấy, Hỏa thần liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn tinh. A r r A •

Cũng như tâm lụa trăng sạch, rát dê nhuộm màu, hỏa thân cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đạt pháp nhãn tịnh, không còn hồ nghi, chắc chắn thành tựu đạo quả, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác, được vô sở úy, liền thưa với hai vị than:

78 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 79 Như trên.

“Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, xin chap nhận cho tôi được làm ưu-bà-di ở trong Chánh pháp! Từ nay ve sau, cho đen trọn đời, tôi không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu." [0136c07] Đức Phật bảo Ty-kheo: -Thuở xưa, phong thần khởi lên nhận thức sai lầm, bảo rằng: "Trong gió không có đất, nước và lira." Khi đó, ba vi địa thần, thủy thần và hỏa thần biết phong thần khởi ý niệm như thế, bèn đến nói với phong thần: “C6 thật ngươi từng nảy sinh nhận thức sai lầm như vậy chng?" Phong thần đáp: “Búng như vay!" Ba vị thần nói: "Ngươi chớ nảy sinh nhận thức sai lầm như vậy. Vì sao như vậy? Vì trong gió có đất, nước và lửa. Chỉ vì thành tố gió nhiều hơn nên lấy gió mà gọi ten.95 Khi đó, ba vi thần đã dứt trừ nhận thức sai lầm cho phong thần, rồi vì phong thần thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.80 Sau đó giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, tham dục là ô uế, căn bản phiền não là tai họa, giải thoát là cao tột, chỉ bày giáo hóa khiến được Phạm hạnh thanh tinh. Khi biêt tâm phong thân đã nhu nhuyên, thanh tịnh, không còn câu ue, hoan hỷ tin nhận, dễ dàng giáo hóa, như thường pháp của chư Phật, ba vị thần liền giảng giải về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Lúc ấy, phong thần liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn tinh. Cũng như tấm lụa trắng sạch, rất dễ nhuộm màu, phong thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, được pháp nhãn tịnh, không còn hồ nghi, chắc chắn thành tựu đạo quả, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác, được vô sở úy, liền thưa ba vị thần: "Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, xin chấp nhận cho tôi được làm ưu-bà-di ở trong Chánh pháp! Từ nay vê sau, cho đên trọn đời5 tôi không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, thường khởi tâm từ với tát cả, không quây nhiêu chúng sanh.” Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Mây có bôn loại. Thê nào là bôn? Một là màu trăng, hai là màu đen, ba là màu đỏ và bốn là màu hồng. Nếu mây màu trắng là chứa nhiều địa dại, mây màu đen là chứa nhiều thủy đại, mây màu đỏ là chứa nhiều hỏa đại và mây màu hông là chứa nhiêu phong đại. Mây bay cách mặt đất mười dặm, hai mươi dặm, ba mươi dặm, bốn mươi dặm, cho đến bốn ngàn dặm, ngoại trừ Kiếp sơ, còn sau đó thì mây bay đên tận trời Quang Am.

80 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

Sấm chớp có bốn loại. Bốn loại ấy là gì? sấm chớp ở phương Đông gọi là Thân Quang, sấm chớp ở phương Nam gọi là Nan Hủy, sấm chớp ở phương Tây gọi là Lưu Diệm, sấm chớp ở phương Bắc gọi là Định Minh. Vì sao mây trong hư không bỗng nhiên có ánh chớp? Bởi vi, có lúc Thân Quang và Nan Hủy chạm nhau, có lúc Thân Quang và Lưu Diệm chạm nhau, có lúc Thân Quang và Đinh Minh chạm nhau, có lúc Nan Hủy và Lưu Diệm chạm nhau, có lúc Nan Hủy và Định Minh chạm nhau, có lúc Lưu Diệm và Định Minh chạm nhau. Do những duyên cớ này mà trong đám mây giữa hư không phát ánh

chớp rực sáng. Vì sao mây giữa hư không lại có tiêng sâm sét? Vì giữa hư không có lúc địa đại và thủy đại chạm nhau, có khi địa đại cùng hỏa đại chạm nhau, có khi địa đại cùng phong đại chạm nhau, có khi thủy đại và hỏa đại chạm nhau, có khi thủy đại và phong đại chạm nhau. Vì những nhân duyên này nên mây trong hư không có tiếng sấm sét. [0137all] Có năm nguyên nhân khiến không thể biết chắc chắn về mưa, nên các thây xem thiên tượng tiên đoán sai lâm. Năm trường hợp ây là gì? Thứ nhất, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì hỏa đại nhiều nên thiêu hủy mây di, do đó không mưa, đây là lý do thứ nhất khiến thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ hai, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì phong đại nổi lên, thổi mây bay đi tứ tán vào trong các ngọn núi, đây là lý do thứ hai khiến thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ ba, mây có sâm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng bây giờ đại a-tu-la gom mây nôi đặt giữa biên cả, đây là lý do thứ ba khiên thây xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ tư, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì thần mây, thần mưa buông lung dâm loạn, cuối cùng không tuôn mưa xuống, đây là lý do khiến thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ năm, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì chúng sanh ở thế gian không tu hành đúng pháp, buông lung, làm ô nhiễm hạnh thanh tịnh, tham lam ganh ghét, kiến chấp sai lầm nên khiến trời không tuôn mưa, vì lý do đó khiến các thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Đây là năm nguyên nhân khiến các thầy xem thiên tượng không thể biết để đoán mưa một cách chính xác được.

974 KINH TRƯỜNG A-HÀM

9. PHẨM TAM TAI81

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Có bốn sự kiện diễn ra lâu dài, không hạn lượng, không thể tính đếm được băng ngày, tháng, năm. Bôn sự kiện ây là gì? Thứ nhất, thế gian này có những tai họa khởi lên từ từ, khi thế giới này bị hủy diệt, sự việc ấy diễn ra trong khoảng thời gian rất lâu dài, không hạn lượng, không thể tính đếm được bằng ngày, tháng, năm. Thứ hai, sau khi thế giới này bi hủy diệt, giai đoạn trung gian là một khoảng trống mênh mông, không có thế giới, diễn ra trong thời gian lâu dài mịt mù, không thê tính đêm được băng ngày, tháng, năm. Thứ ba, khi trời đất mới manh nha hướng đến sự hình thành, sự việc ấy diễn ra trong khoảng thời gian lâu dài, không thể tính đếm được bằng ngày, tháng, năm. Thứ tư, sau khi trời đất đã hình thành rồi, sẽ tồn tại không hư hoại trong khoảng thời gian dài vô hạn, không the tính đem được bang ngày, tháng, năm. Đó là bốn sự kiện lâu dài, không hạn lượng, không thể tính đếm được bằng ngày, tháng, năm. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thế gian có ba tai họa. Ba tai họa ấy là gì? Một là nạn lửa, hai là nạn nước và ba là nạn gió. Ba tai họa này có ba giới hạn ở phía trên, là ba giới hạn nào? Đó là trời Quang Âm, trời Biến Tịnh và trời Quả Thật. Khi nạn lửa dấy lên thì chỉ cháy đến trời Quang Âm, nên cõi trời Quang Âm là giới hạn. Khi nạn nước dấy lên thì chỉ ngập đến trời Biến Tịnh, nên cõi trời Biến Tinh là giới hạn. Khi nạn gió dấy lên thì chỉ thổi đến trời Quả Thật, nên cõi trời Quả Thật là giới hạn. Thê nào là nạn lửa? Khi nạn lửa sáp dây lên, con người ở thê gian đêu thực hành Chánh pháp, có chánh kiến, không điên đảo, tu tập mười hạnh lành. Khi thực hành những pháp ây, có người chứng được Thiên thứ hai, liên bay lên không trung, trú vào cõi

Thánh nhân, cõi trời và cõi Phạm roi nói lớn tiêng răng: "Các Hiền giả! Hãy nen biết niềm vui thiền thứ hai, không giác, không quán. Hạnh phúc thay, Thiền thứ hai không giác, không quán!^,

81 Nguyên tác: Tam tai phẩm (roi. 0001.30.9. 0137b01). Tham chiếu: Thất nhật kỉnh , (roi 0026.8. 0428c07); Tăng.(.02. 0125.40.1. 0735ỒỒ20); D. 27, Aggañña Sutta(Kỉnh Khởi the nhân bổn); A. 7.62-W. ỈỒQ.

30. KINH THẾ KÝ 975

LÚC đó, ở thế gian có người nghe được tiếng nói từ hư không, liền ngước lên trời nói với họ rằng: "Lành thay! Lành thay! Xin hãy chỉ bày cho tôi phương pháp tu tập của thiền thứ hai, không giác, không quan.59 Khi ấy, người ở giữa hư không nghe được tiếng nói ở thế gian, liền trình bày phương pháp tu tập của thiền thứ hai, không giác, không quán cho họ nghe. Sau khi nghe xong, người ở thế gian liền thực hành theo phương pháp tu tập nên đạt đến thiền thứ hai, không giác, không quán, sau khi qua đời, liền được sanh lên cõi trời Quang Am. Bấy giờ, có chúng sanh ở địa ngục đã dứt sạch tội, sau khi mạng chung thì sanh vào cõi người, lại tu tập thiền thứ hai, không giác, không quán, khi qua đời được sanh lên cõi trời Quang Âm. Những chúng sanh trong các loài súc sanh, nga quỷ, a-tu-la, Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại và Phạm thiên, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh trở lại chôn nhân gian, đêu tu tập thiên thứ hai, không giác, không quán, nên sau khi thân hoại mạng chung đều được sanh lên cõi trời Quang Âm. Do nhân duyên này nên các đường địa ngục, súc sanh, nga quỷ, a-tu-la cho đến Phạm thiên thảy đều chấm dứt. Ngay lúc ấy, trước tiên là cõi địa ngục chấm dứt, kế đến là cõi súc sanh chấm dứt, súc sanh chấm dứt rồi đến nga quỷ chấm dứt, nga quỷ đã chấm dứt rồi đến a-tu-la chấm dứt, a-tu-la chấm dứt rồi đến Tứ Thiên Vương chấm dứt, Tứ Thiên Vương chấm dứt rồi đến trời Đao-lợi chấm dứt, trời Đao-lợi chấm dứt rồi đến trời Diệm-ma chấm dứt, trời Diệm-ma chấm dứt rồi đến tròd Đâu-suất chấm dứt, trời Đâu-suất chấm dứt rồi đến trời Hóa Tự Tại chấm dứt, trời Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt, trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời cõi Phạm chấm dứt, Phạm thiên chấm dứt rồi, cuối cùng loài người diệt hết, không còn sót lại gì. Sau khi loài người hết sạch, thế gian này bi hủy diệt thì tai kiếp được hình thành. Từ đó về sau, trời không mưa, trăm thứ lúa mạ, các loại cỏ cây đều bị chết khô. [0137C12] Phật bảo Tỳ-kheo: Do sự kiện trên mà biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi thật đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, 2 2 r 9 r r thôi mạnh vào biên cả, khiên nước biên sâu đên tám mươi bôn ngàn do-tuân bị tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bôn mươi hai ngàn do-tuân roi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thê gian có hai mặt trời xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, những dòng sông, ngòi, kênh và rạch nhỏ trên thế gian này thảy đều khô cạn.

976 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này các Tỳ-kheo! Do sự kiện trên mà biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm câu con đường giải thoát, vượt khỏi thê gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi mạnh vào biển cả, khiến cho nước biển sâu đến tám mươi bốn ngàn do- tuần bi tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bốn mươi hai ngàn do-tuần rồi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, những dòng sông lớn như sông Hằng, sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di- la-bà-đề? sông A-na-khiếp, sông Tân-đà và sông cố-xa, thảy đều khô cạn, không còn một giọt. Do sự kiện trên mà biêt, tát cả các hành vô thường, là pháp biên đôi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thôi mạnh vào biên cả, khiên cho nước biên sâu đên tám mươi bôn ngàn do-tuân bị tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bốn mươi hai ngàn do-tuần rồi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thê gian có bôn mặt trời xuất hiện. Khi bôn mặt trời xuất hiện thì những nguôn suôi, vực sâu, ao hô trong thê gian, như hô lớn Thiện Kiên, hô A-nậu-đạt, hồ Tứ-phương-đà-diên, hồ Ưu-bát-la, hồ Câu-vật-đầu, hồ Phân-đà-lợi và hồ Ly ngang dọc năm mươi do-tuần5 thảy đều khô cạn. [0138a05] Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi mạnh vào biển cả, khiến cho nước biển cả bị tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di rồi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước trong biển cả cạn dần, từ một trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần. Do đó nên biêt, tát cả các hành vô thường, là pháp biên đôi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Bấy giờ, nước trong biển cả dần dần khô cạn, chỉ còn lại bảy trăm do-tuần5 roi sáu trăm do-tuân, năm trăm do-tuân9 bôn trăm do-tuân, cho đên chỉ còn một trăm do-tuần. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian.

30. KINH THẾ KÝ 977

Rồi thi, nước trong biển cả dần dần giảm xuống đến bảy do-tuần, sáu do- tuàn, năm do-tuần9... cho đến còn một do-tuần. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: —Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Vê sau, nước trong biên cả dân dân khô cạn, chỉ còn sâu băng bảy cây dala, sáu cây đa-la5... cho đến chỉ còn một cây đa-la. Này các Tỳ-kheo! Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Sau đó, nước trong biên cả cạn dân, chỉ còn sâu băng bảy người, sáu người, năm người, bốn người,

ba người, hai người rồi một người, cho đến chỉ còn ngang lưng, rồi đến đầu gối, rồi chỉ còn ngang mắt cá chân. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Sau đó, nước biển khô cạn, chỉ còn giống như vũng nước trong dấu chân bò sau cơn mưa xuân, không đủ thâm ướt ngón tay người. [0138b01] Phật bảo Tỳ-kheo: —Từ đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi cát đáy biển sâu đến tám mươi bốn ngàn do-tuần5 khiến cát biển dạt đôi bờ, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, tạo thành quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này, thê gian có sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời xuất hiện thì bốn châu thiên hạ cùng với núi non trong tám vạn thiên hạ và núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, bùng lửa, giống như người thợ gốm vừa nhóm 16, khi sáu mặt trời xuất hiện cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau nữa, có trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi cát đáy biển sâu đến tám mươi bốn ngàn do-tuần9 khiến cát biển dạt đôi bờ? cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, tạo thành quỹ đạo mặt trời.

Do nhân duyên này, thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện thì bốn châu thiên hạ này cùng với núi non trong tám vạn thiên hạ và núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đêu rực lửa, giông như thợ gôm đã đót lò9 ngọn lửa bóc lên, khi bảy mặt trời xuất hiện cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi? hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Bốn châu thiên hạ này cùng với núi non trong tám vạn thiên hạ và núi chúa Tu-di thảy đều rực lửa. Cùng lúc, cung điện của Tứ Thiên Vương, cung điện của trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại và cung điện của Phạm thiên thảy đều rực lửa. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Bấy giờ, sau khi bốn châu thiên hạ này,... cho đến Phạm thiên thảy đều rực lửa, gió thổi ngọn lửa bốc cháy lên đến trời Quang Âm, các thiên tử mới sanh ở cõi ấy trông thấy lửa cháy đều rất lo sợ, hét lên: “Oi! Vật gì thế?” Chư thiên sanh trước nói với chư thiên mới sanh: "Đừng lo sợ! Đám lửa kia đã từng lan đến nhưng đến ngang đây là dừng lại thoi/9 Vì nhớ ngọn lửa trước kia đã từng lan dèn, nên gọi là cõi trời Quang Niệm. Khi bốn châu thiên hạ này,...cho đến cõi Phạm thiên bi thiêu hủy hết thì núi chúa Tu-di dần dần sụp lở, từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần. [0138c01] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành là vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế

gian. Khi bốn châu thiên hạ này cho đến cõi Phạm thiên đã bị cháy sạch, dần hồi đại địa và núi Tu-di cũng đều cháy rụi không còn gì. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Khi đại địa đã cháy rụi thì nước ở trong lòng đất cạn kiệt, gió dưới mặt nước cũng dừng. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại,

không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm càu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Khi nạn lửa dấy lên thì trời không mưa, trăm thứ lúa mạ, cỏ cây tự nhiên chết khô. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai đã nhìn thấy mới tự biết mà thôi. Nạn lửa xảy ra như thế,... cho đến nước ở trong lòng đất khô cạn, gió dưới mặt nước cũng dừng. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai đã thay mới tự biết mà thôi. Đó là nạn lửa. Thê nào là sự khôi phục sau nạn lửa? Trải qua thời gian lâu dài vê sau, có đám mây đen rất lớn xuất hiện giữa hư không, giăng phủ đến cõi trời Quang Âm, tuôn mưa xuống khắp nơi, giọt mưa to như bánh xe. Mưa như thế cho đến vô số trăm ngàn năm, nước mưa tăng dàn lên, cao đến vô số trăm ngàn do-tuần? r A

tràn ngập,... cho đên trời Quang Am. Lúc ấy, có bốn ngọn gió lớn nổi lên, giữ mực nước lại. Bốn ngọn gió đó là Trụ phong, Trì phong, Bất Động phong và Kiên cố phong. Sau đó, nước rút xuống trăm ngàn do-tuần, rồi vô số trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn mặt nước ấy nổi lên ngọn gió lớn tên là Tăng-già, thôi đên khuây động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi có ngọn gió thổi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Phạm-ca-di. Rồi nước tiếp tục rút dần cho đến vô số trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn mặt nước ây nôi lên ngọn gió lớn tên là Tăng-già, thôi đên khuây động mặt nước, tạo thành sóng dữ9 nôi bọt sóng két tụ lại, roi có ngọn gió thôi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Tha Hoa Tự Tại. Nước lại tiêp tục rút dân xuống vô sô ngàn vạn do-tuân. Bôn mặt nước ây nổi lên ngọn gió lớn tên là Tăng-già, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi có ngọn gió thổi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bang bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Hóa Tự Tại. Rồi nước tiếp tục rút dần đến vô số trăm ngàn do-tuần. Lại có ngọn gió tên là Tăng-già thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, roi có ngọn gió thôi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Đâu-suất. Rồi nước ấy tiếp tục rút dần xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Lại có ngọn gió tên là Tăng-già nổi lên, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ,

nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi có ngọn gió thổi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên răn chác, biên thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Diệm-ma. Nước tiếp tục hạ thấp xuống đến vô số trăm ngàn do-tuần, có bọt nổi lên trên mặt nước, dày sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần5 ranh giới không hạn đinh, cũng như dòng nước, suôi nguôn tuôn chảy ở thê gian này, trên mặt nước có nôi bọt thì mặt nước kia cũng như vậy. [0139al2] Vì nhân duyên gì mà có núi Tu-di? Vì có cuồng phong nổi len, thổi đám bọt nước này tạo thành núi Tu-di, cao sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần? ngang dọc tám vạn bôn ngàn do-tuân và do bôn thứ báu là vàng, bạc, thủy tinh và lưu ly tạo thành. Vì nhân duyên gì mà có bốn cung điện a-tu-la? Vì có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước trên biển lớn quanh bốn phía núi Tu-di, tạo thành các cung điện lớn, mỗi cung ngang dọc đều tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Lại do nhân duyên gì có cung điện Tứ Thiên Vương? Sau đó, lại có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn lên lưng chừng núi Tu-di, khoảng bốn vạn hai ngàn dotuân, tự nhiên biên thành cung điện băng bảy báu, vì thê nên gọi là cung điện Tứ Thiên Vương. Do nhân duyên gì có cung điện trời Đao-lợi? Vì sau đó? lại có cuồng phong lớn nổi lên, thổi đám bọt nước lớn lên trên đỉnh núi Tu-di, rồi tự nhiên tạo thành cung điện bằng bảy báu. Lại do nhân duyên gì có núi Già-đà-la? về sau, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi ngọn núi Tu-di không xa, tự nhiên tạo thành núi 'j; L e A r báu, chân núi ăn sâu vào lòng đát bôn vạn hai ngàn do-tuân, ngang dọc bôn vạn hai ngàn dotuần, ranh giới không hạn định, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Già-đà-la. Vì sao lại có núi Y-sa? Vì có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi ngọn núi Già-đà-la không xa, tự nhiên tạo thành núi Y-sa, cao hai vạn một ngàn do-tuần9 ngang dọc hai vạn một ngàn do-tuần, ranh giới không hạn đinh, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Y-sa. Sau đó, lại có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi núi Y-sa không xa, tự nhiên tạo thành núi Thọ-thần-đà-la, cao một vạn hai ngàn do- tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần? ranh giới không hạn định, nhiều màu sác xen lân, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Thọ-thân-đà-la. Sau đó, có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn, đây ra khỏi núi Thọ-thần-đà-la không xa, tự nhiên tạo thành núi A-bát-nê-lâu82 cao sáu ngàn

82 A-bát-nê-lâu .

do-tuần5 ngang dọc sáu ngàn do-tuần? ranh giới không hạn định, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi A-bát-ni-lâu.83 [0139Ồ09] về sau nữa, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi núi A-bát-ni-lâu không xa, tự nhiên biến thành núi Di-lân-đà-la,84 cao ba ngàn do-tuần9 ngang dọc ba ngàn do-tuần5 ranh giới không hạn định, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Ni-lân- đà-la.85 Sau đó, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi núi Ni- lân-đà-la không xa, tự nhiên biến thành núi Tỳ-ni-đà, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, ranh

giới không hạn đinh, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Tỳ-ni-đà. Lại có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn, đây ra khỏi núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên tạo thành núi Kim Cang Luân, cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần, ranh giới không hạn đinh, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Kim Cang Luân. Vì sao có một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời? Vì một thời gian sau, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, tự nhiên tạo thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, thế nhưng bị gió dữ thổi ngược về lại chỗ cũ, do nhân duyên này nên có cung điện mặt trời, mặt trăng. T Vê sau, có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn5 tự nhiên tạo thành e e r

bôn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác, do nhân duyên này mà có bôn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác. Sau đó? lại có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn quanh bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ, tự nhiên tạo thành núi Đại Kim Cang Luân cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần9 ngang dọc mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, ranh giới vô hạn, kim cang rắn chắc, không thể hủy hoại, do nhân duyên này nên có núi Đại Kim Cang Luân. Trải qua thời gian rất lâu về sau, tự nhiên có mây giăng phủ kín bầu trời, roi tuôn trận mưa lớn khắp nơi, giọt nước mưa to băng bánh xe, nước mưa tràn ngập, nhấn chìm bốn châu thiên hạ và núi Tu-di... Sau đó, cuồng phong thổi xoáy đất tạo thành hâm hô lớn, nước rút hét vào hâm, từ đó trở thành biên, do nhân duyên này nên có bốn biển nước lớn. Có ba nhân duyên khiến nước biển măn chát. Thế nào là ba? Thứ nhất, mây tự nhiên giăng khắp hư không, phủ đến cõi trời Quang Âm, roi tuôn trận mưa khắp nơi, tây rửa cung trời, tây sạch thiên hạ, từ cung trời

83 A-bát-ni-lâu . 84 Di-lân-đà-la ỈM . 85 Ni-lân-đà-la .

Phạm-ca-di, cung trời Tha Hóa Tự Tại, xuống đến cung trời Diệm-ma, bốn châu thiên hạ, tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn và núi chúa Tu-di thảy đều được rửa sạch. Tát cả các thứ nước nhiêm ô, mặn chát và bát tinh trong tát cả các cõi ây đều chảy vào biển cả rồi hợp thành một vi, nên nước biển thuần vị măn. Thứ hai, thuở xưa có vị đại Tiên niệm chú vào nước biển, khiến nước biển luôn mặn chát, không ai uông được, nên nước biên luôn mặn chát. Thứ ba, trong biển cả kia có nhiều chúng sanh cư trú, thân thể cao lớn, hoặc một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần? chúng thở ra, hít vào, đại tiêu tiện trong đó, nên nước biên mặn chát. Đó là nạn lửa. [0l39cl5] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thế nào là nạn nước? Khi nạn nước dấy lên, con người ở thế gian này đều thực hành Chánh pháp, có chánh kiến, không tà kiến, tu tập mười hạnh lành. Sau khi tu tập hạnh lành, lúc ấy, có người chứng được Thiền thứ ba, không có hỷ, liền bay lên không trung, tru vào cõi Thánh nhân, cõi trời và cõi Phạm rồi lớn tiếng nói rằng: “Các Hiền giả! Nên biết hạnh phúc của Thiền thứ ba là không có hỷ! Hạnh phúc của Thiền thứ ba là không có hy!” Những người ở thế gian nghe được lời này, liền ngước lên trời mà nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Xin hãy chỉ bày cho tôi phương pháp tu tập của Thiền thứ ba là không có hy." Khi ấy, trên không trung nghe ở thế gian nói lời như vậy rồi, vị ấy liền diễn nói phương pháp tu tập của Thiền thứ ba là không có

hỷ. Sau khi nghe pháp xong, người thê gian này liên thực hành phương pháp tu tập của Thiên thứ ba, sau khi qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tinh. Bấy giờ, có chúng sanh ở địa ngục dứt sạch tội, sau khi mạng chung thì sanh vào cõi người. Họ lại tu tập theo Thiền thứ ba, khi qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh. Các loài chúng sanh như súc sanh, nga quỷ, a-tu-la9 Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại, Phạm thiên và trời Quang Am, sau khi qua đời đêu sanh trở lại cõi người, rồi tu tập Thiền thứ ba, khi thân hoại mạng chung ở cõi người thì được sanh về cõi trời Biến Tịnh. Do nhân duyên này nên cõi địa ngục chấm dứt và các cõi súc sanh, nga quỷ, a-tu-la5 Tứ Thiên Vương,... cho đen cối trời Quang Am, thảy đều diệt hết. Ngay lúc ấy, trước tiên là đường địa ngục chấm dứt, kế đến súc sanh chấm dứt, súc sanh chấm dứt rồi đến nga quỷ chấm dứt, nga quỷ đã chấm dứt rồi đến a-tu-la chấm dứt, a-tu-la chấm dứt rồi đến Tứ Thiên Vương chấm dứt, Tứ Thiên Vương chấm dứt rồi đến trời Đao-lợi chấm dứt, trời Đao- lợi chấm dứt rồi đến trời Diệm-ma chấm dứt, trời Diệm-ma chấm dứt rồi đến trời Đâu-suất chấm dứt, trời Đâu-suất chấm dứt rồi đến trời Hóa Tự Tại chấm

dứt, trời Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt, trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời Quang Ảm chấm dứt, trời Quang Âm chấm dứt rồi, cuối cùng loài người hoàn toàn hết sạch. Sau khi loài người hết sạch, thế gian này bị hủy diệt thì tai kiếp được hình thành. [0140a09] Trải qua thời gian rất lâu, có đám mây đen lớn nổi lên dữ dội, giăng phủ đến trời Biến Tinh, rồi tuôn trận mưa lớn khắp nơi, mưa toàn nước nóng, nước sôi sùng sục, đun nấu cõi trời, khiến cho cung điện chư thiên thảy đều tiêu hủy, không sót lại gì. Giống như ném miếng bơ vào trong lửa, phút chốc tan chảy hết, không còn lại gì, cung trời Quang Âm cũng lại như vậy. Do đó nên biêt, tát cả các hành vô thường, là pháp biên đôi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. về sau, nước mưa tràn ngập đến cung trời Phạm-ca-di, làm tan chảy hết không sót lại gì. Giống như ném miếng bơ vào trong lửa, phút chốc tan chảy hết không còn lại gì, cung trời Phạm-ca-di cũng lại như vậy. Sau đó? nước mưa tràn ngập đến cung trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Đâu-suất và trời Diệm-ma thảy đều bi tan chảy hết không sót lại gì. Giống r • -r r - như ném miêng bơ vào trong lửa, phút chóc tan chảy hét không còn lại gì, các cung trời ấy cũng lại như vậy. Sau đó, nước mưa tràn ngập đến bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ cùng các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều bị tan chảy hết không sót lại gì. Giống như ném miêng bơ vào trong lửa, phút chóc tan chảy hét không còn lại gì, các cung trời ấy cũng lại như vậy. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Sau đó, nước mưa nung nấu cả đại địa không còn sót lại gì, nước trong lòng đất cũng cạn khô, gió dưới mặt nước cũng dừng. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Cung trời Biến Tịnh bị nung chảy tiêu tan hết. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai nhìn thay mới tự biết mà thôi.

Cung trời Phạm-ca-di bi nung chảy tiêu tan hết,... cho đến nước trong lòng đất cũng cạn khô, gió dưới mặt nước cũng dừng. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai nhìn thấy mới tự biết mà thôi. Đó là nạn nước. [0140b04] Thế nào là sự khôi phục sau nạn nước? Trải qua thời gian rất lâu vê sau, có đám mây đen lớn giăng phủ khắp cả hư không, phủ đên cõi trời Biên Tịnh, rồi tuôn trận mưa khắp nơi, giọt mưa lớn như bánh xe, mưa như thế trải

qua vô số trăm ngàn vạn năm, nước mưa dâng cao đến cõi trời Biến Tịnh. Lúc đó, có bốn ngọn gió lớn giữ mực nước lại. Bốn ngọn gió đó là Trụ phong, Trì phong, Bát Động và Kiên Cô. Sau đó, nước mưa giảm dân xuông vô sô trăm ngàn do-tuần, bốn bề có ngọn gió lớn tên là Tăng-già dấy lên, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng lớn, nôi bọt sóng két tụ lại, roi ngọn gió thôi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không, tự nhiên tạo thành cung trời Quang Am, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Quang Âm. Rồi nước mưa rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, lại bị ngọn gió Tăng-già thổi đến, khuấy động mặt nước, tạo thành sóng lớn, bọt sóng kết tụ lại, rồi ngọn gió thoi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên hư không, tự nhiên tạo thành cung trời Phạm-ca-di, được trang trí bằng bảy báu. Cứ như vậy, tuần tự r • 9 A e e • cho đên nước biên thuần một vị mặn, cũng như khi nạn lửa khôi phục. Đó là nạn nước. Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo! Thế nào là nạn gió? Khi nạn gió dấy lên, con người ở thế gian này đều thực hành Chánh pháp, có chánh kiến, không có tà kiến, tu tập mười hạnh lành. Khi thực hành pháp lành rồi, có người chứng được Thiền thứ tư với xả và niệm thanh tịnh, liền bay lên không trung, an trú vào cõi Thánh, cõi chư thiên và cõi Phạm rồi lớn tiếng nói rằng: "Các Hiền giả! Hạnh phúc của Thiền thứ tư là xả và niệm thanh tịnh! Hạnh phúc của Thiền thứ tư là xả và niệm thanh tjnh!" LÚC y ây, người ở thê gian nghe những lời này, liên ngước lên trời nói với họ răng: "Lành thay! Lành thay! Xin hãy chỉ bày cho tôi phương pháp tu tập của Thiền thứ tư với xả và niệm thanh tjnh." Bấy giờ, nghe ở thế gian nói lời như vậy rồi? người trên hư không liền dạy phương pháp tu tập của Thiền thứ tư với xả và niệm thanh tịnh. Sau khi nghe giảng xong, người ở thê gian liên thực hành theo phương pháp tu tập của Thiên thứ tư với xả và niệm thanh tinh, nên sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Quả Thật. Bấy giờ5 chúng sanh ở địa ngục dứt sạch tội, sau khi mạng chung liền sanh trở lại cõi người rồi tiếp tục tu Thiền thứ tư, khi qua đời ở đây liền được sanh lên cõi trời Quả Thật. Các loài chúng sanh trong cõi súc sanh, nga quỷ, a-tu-la, Tứ Thiên Vương cho đen cõi trời Biến Tịnh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh trở lại cõi người, tiếp tục tu Thiền thứ tư, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi trời Quả Thật. Do nhân duyên này mà cõi địa ngục chấm dứt, các cõi súc sanh, nga quỷ, a-tu-la? Tứ Thiên Vương,... cho đến cõi trời Biến Tinh thảy đều chấm dứt.

r 9 r y e r e

LÚC ây, trước tiên cõi địa ngục châm dứt roi đên cõi súc sanh châm dứt, loài súc sanh chấm dứt rồi đến nga quỷ chấm dứt, nga quỷ chấm dứt rồi đến a-tu-la chấm dứt, a-tu-la chấm dứt rồi đến Tứ Thiên Vương chấm dứt, Tứ Thiên Vương chấm dứt rồi,... lần lượt như thế cho đến trời Biến Tinh chấm dứt, trời Biến Tịnh chấm dứt rồi, cuối cùng loài người cũng không còn. Sau khi loài người hết sạch, thế gian này bị hủy diệt thì tai kiếp được hình thành. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có ngọn gió lớn khởi lên, tên là Đại Tăng- già5 thổi cho đến trời Quả Thật. Gió thổi khắp bốn phía, thổi cung trời Biến Tịnh, cung trời Quang Am, khiên các cung điện va chạm nhau roi nát vụn như tro bụi. Giông như lực sĩ câm hai chày đông đập vào nhau thì nát vụn không còn gì, hai cung điện va chạm nhau cũng lại như thế. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. [014ƠCÍ2] Sau đó, ngọn gió này thôi đên các cung điện trời Phạm-ca-di, cung điện trời Tha Hóa Tự Tại, khiến các cung điện va chạm vào nhau, nát vụn như tro bụi, không còn lại gì. Giống như lực sĩ cầm hai chày đồng đập vào nhau, làm nát vụn không còn lại gì, hai cung điện va chạm nhau cũng lại như thế. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. về sau, ngọn gió này thổi đến các cung điện Hóa Tự Tại, cung điện trời Đâu-suất, cung điện trời Diệm-ma? khiến các cung điện va chạm vào nhau, nát vụn như tro bụi, không còn lại gì. Giông như lực sĩ câm hai chày đông đập vào nhau, làm nát vụn không còn lại gì, các cung điện va chạm nhau cũng lại như thế. Do đó nên biết, tất cả các hành vo thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Sau đó, ngọn gió này lại thôi bay cả bôn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ, cùng các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di, rồi đem đặt giữa hư không, cao trăm ngàn do-tuần5 khiến các ngọn núi va chạm nhau, nát vụn như tro bụi. Giống như lực sĩ tay cầm nắm trấu nhẹ rải lên không trung, bốn châu thiên hạ, núi Tu-di và các ngọn núi kia đều vỡ vụn, phân tán ra cũng lại như vậy. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Sau đó, cơn gió lớn này thôi tan đại địa, nước trong lòng đát khô cạn, gió dưới mặt nước cũng dừng. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm câu con đường giải thoát, vượt khỏi thê gian.

986 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0141a02] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Hai cung trời Biến Tịnh và cung trời Quang Ầm va chạm vào nhau, nát vụn như tro bụi. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có người nào nhìn thấy mới biết được mà thôi. Như thế, cho đến nước trong lòng đất khô cạn, gió bên dưới nước cũng dừng. Ai sẽ tin điêu này? Chỉ có người nào nhìn thây thì mới tin được mà thôi. Đó là nạn gió. Thế nào là sự khôi phục sau nạn gió? Trải qua thời gian rất lâu về sau, có đám mây đen lớn giăng phủ kháp hư không, giăng đên cõi trời Quả Thật roi tuôn trận mưa lớn, giọt nước mưa to như bánh xe, mưa liên tục như thế vô số trăm

ngàn vạn năm, nước mưa dâng mãi cho đến trời Quả Thật. Lúc đó, có bốn ngọn gió giữ mực nước lại. Bôn ngọn gió ây là Trụ phong, Trì phong, Bát Động và Kiên Cố. Sau đó, mực nước dần dần giảm xuống vô số trăm ngàn do-tuần, bốn phía mặt nước có ngọn gió lớn tên là Tăng-già dấy lên, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi gió thổi bọt sóng văng khỏi mặt nước, bay lên hư không, tự nhiên tạo thành cung trời Biến Tịnh, màu sắc đan xen lẫn nhau, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên đó nên có cung trời Biến Tịnh. Mực nước ây giảm xuồng vô sô trăm ngàn do-tuân, ngọn gió Tăng-già kia / r 7 e r \

thôi đên khuây động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nôi bọt sóng két tụ lại, roi gió thổi bọt sóng văng khỏi mặt nước, bay lên hư không, tự nhiên tạo thành cung . K e\ K trời Quang Am, có nhiêu màu đan xen lân nhau, do bảy báu tạo thành,... cho đến nước biển thuần một vị mặn, cũng như khi nạn lửa khôi phục. Đó là nạn gió. Đó là ba tai họa và ba lần khôi phục như vậy.

buộc, chấp ngã không có tưởng là bi trói buộc, chấp ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng là bị trói buộc. Ngã là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền thánh biết ngã là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn nên xả bỏ các tưởng ve ta va cua ta ma tu hạnh vo ngã/1 xem ngã áy la ganh nặng, la phóng túng, là hữu vi. Chấp ngã sẽ tồn tại là hữu vi, chấp nẹã sẽ không tồn tại là hữu vi, chấp ngã có sắc là hữu vi, chấp ngã không phải săc là hữu vi, châp ngã vừa có sắc vừa không có sắc là hữu vi, chấp ngã có tưởng là hữu vi, chấp ngã không có tưởng là hữu vi, chấp ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng là hữu vi. Hữu vi là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Thế nên, các đệ tử Hiền thánh phải biết hữu vi là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên phải từ bỏ hữu vi mà tu hạnh vô vi. [0141b22] Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên đánh nhau với a-tu-la thì Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: "Các ngươi nay hãy đi đánh nhau với a-tu-la, nếu thắng trận thì bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói chặt cả năm phần cơ thể rồi đem về giảng đường Thiện Pháp, ta muốn nhìn tận mặt.,, Khi ấy, vâng lệnh Đế-thích, chư thiên Đao-lợi thảy đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-la: "Hôm nay, các ngươi hãy đi đánh chư thiên Đao-lợi, nếu thắnẹ trận thì phải bắt Thích-đề- hoàn-nhân, trói chặt cả năm phân cơ thê roi đem vê giảng đường Thát Diệp, ta muốn nhìn tận mat." Khi ấy, vâng lệnh Tỳ-ma-chất-đa-la, các a-tu-la đều ữang bị sẵn sàng. Bấy giờ. chư thiên đánh nhau với các a-tu-la. Chư thiên thắng trận. các a-tu-la rút lui. Chư thiên Đao-lợi bát sông a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la, trói chặt cả năm phần cơ thể rồi đem về giảng đường Thiện Pháp trình với Đế-thích. Khi ấy, Đế-thích đang thong thả dạo quanh trên giảng đường Thiện Pháp, từ xa trông thấy Đế-thích, mặc dù đang bị trói, a-tu-la vẫn buông lời thô ác? mắng nhiếc Đế-thích. Lúc đó, người hầu đến trước mặt Đế-thích rồi nói kệ: Sao Thiên đế phải sợ, Tự tỏ mình yếu hèn, 92 mắng trước điện, Tu-chất91 vẫn nghe và lặng im? [0141C10] Bấy giờ, Đế-thích liền dùng kệ để đáp người hầu cận: Tu-chất không sức mạnh, Ta nào có sợ chi, Lẽ đâu bậc đại trí, Tranh kẻ ngu làm gì? Khi ấy, người hầu liền dùng kệ thưa Đấ-thích: Nay không trị người ngu, Sau này e khó nhẫn, Hãy phạt nặng kẻ

ngu, Khiên họ tự cải hôi.

91 Nguyên tác: Vô ngã hành . 92 Tu-chất ,tên khác của a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la .

30. KINH THẾ KÝ 989

Lúc đó, Đấ-thích dùng kệ đáp người hầu: Ta thường nói người trí, Không tranh với người ngu, Họ mắng, người trí nhịn, Thì đã thắng kẻ ngu. Bấy giờ, người hầu đọc bài kệ trình Đế-thích: Thiên đế cứ lặng im, Đe giữ gìn phẩm hạnh, Mà kẻ ngu ương ngạnh, Bảo Thiên đế yếu hèn. Kẻ ngu chẳng lượng sức, Một mực gây chiến tranh, Liêu mình chăng ngại chét, Muốn vua phải lui binh. Khi ấy, Đế-thích dùng kệ đáp lời người hầu: Người ngu không hiểu biết, Nghĩ ta SỢT, lo âu, Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là đứng đầu. Ác nhất trong việc ác9 Là đem sân trả sân, Với sân chăng sân hận, Là chiến thắng tuyệt trần. Có hai việc ở đời, Là vì mình, vì người, Nếu người ưa tranh tụng, Không tranh, nhất trên đời. Có hai việc ở đời, Là vì mình, vì người, Thấy ai không tranh tụng, Bảo họ ngu nhất đời. Nếu ai có sức mạnh, Nhẫn nhịn kẻ yếu hơn, Sức mạnh ấy bậc nhất, Trong đời không ai hơn! Kẻ ngu nghĩ mình mạnh, Sức mạnh ấy đáng chi, Đúng như pháp nhẫn nhục, Sức ấy chẳng ai bì. [0142a08] Bấy giờ, đức Phật bảo Tỳ-kheo: Đế-thích thuở ấy là người nào khác ư? Chớ nghĩ như thế, vì Đế-thích thuở ấy chính là Như Lai. Lúc ấy, Như Lai tu hạnh nhẫn nhục nên không làm điều thô bạo, lại thường khen ngợi người tu hạnh nhẫn nhục. Nếu người có trí muốn hoằng dương đạo pháp của Như Lai thì phải tu hạnh nhẫn nhục, chớ ôm lòng oán hận, hơn thua. Đức Phật dạy Tỳ-kheo: Thuở xua, chư thiên Đao-lợi đánh nhau với a-tu-la, bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nói với a-tu-la Chất-đa: "Các ông can gì phải chuẩn bị binh khí và Ôm lòng sân hận, ưa đánh phá lân nhau? Nay ta sẽ cùng các ông bàn luận vê đạo lý để phân định ai thắng, ai thua?" Lúc ấy, a-tu-la Chất-đa nói với Đế-thích: "Giả sử bỏ hết binh khí, chỉ dùng sự tranh luận về đạo lý thì làm sao phân định được ai thắng, ai thua?" Đế-thích nói: "Chí cần bàn luận thôi, những người có trí tuệ trong chúng của ngươi và trong hàng chư thiên của ta sẽ phân đinh được việc thắng, thua."

990 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi ấy, a-tu-la Chất-đa nói với Đế-thích: "Ngươi hãy nói kệ trước di!" Đế-thích đáp: "Ngươi nguyên là trời,93 vậy ngươi hãy nói trước !,9 Bấy giờ, a-tu-la Chất-đa liền vì Đế-thích mà nói kệ: Nay không trị người ngu, Sau này e khó nhẫn, Hãy phạt nặng kẻ ngu, Khiến họ tự cải hối. Khi a-tu-la Chất-đa nói bài kệ ấy xong, tất cả chúng a-tu-la đều rất đỗi vui mừng và lớn tiếng khen hay, còn chư thiên thì im lặng không nói gì. Bấy giờ, vua a-tu-la nói với Đế-thích: "Bây giờ đến lượt ngươi nói kệr Khi đó, Đế-thích liền nói kệ cho a-tu-la: Ta thường nói người trí, Không tranh với kẻ ngu, Họ măng, người trí nhịn, Thì đã thăng kẻ ngu. [0142b01] Khi Đế-thích nói bài kệ ấy rồi, chư thiên Đao-lợi đều rất đỗi vui mừng và lớn tiếng khen hay. Lúc đó, chúng a-tu~la im lặng không nói gì. Thế rồi, Đế-thích nói với a-tu-la: “Bây giờ đến lượt ngươi nói kệV' Lúc ấy, a-tu-la lại nói kệ: Thiên đế cứ lặng im, Đe giữ gìn phẩm hạnh, Mà kẻ ngu ương ngạnh, Bảo Thiên đế yếu hèn. Kẻ ngu chăng lượng sức, Một mực gây chiến tranh, Liều mình chẳng ngại chết,

Muốn vua phải lui binh. Khi vua a-tu-la nói kệ ấy xong, chúng a-tu-la rất đỗi vui mừng, lớn tiếng khen hay. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi im lặng không nói gì. Vua a-tu-la nói với Đê-thích: "Bây giờ đến lượt ngươi nói ke!" Lúc ấy, trời Đế-thích nói kệ cho a-tu-la: Người ngu không hiên biêt, Nghĩ ta sợ, lo âu, Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là đứng đàu. Ác nhất trong việc ác, Là đem sân trả sân, Với sân chẳng sân hận, Là chiến thắng tuyệt trần. Cór hai việc ở đời, Là vì mình, vì người, N 2 Nêu người ưa tranh tụng, Không tranh, nhát trên đời. Có hai việc ở đời, Là vì minh, vì người, Thấy ai không tranh tụng, Bảo họ ngu nhất đời.

93 Nguyên tác: Cựu thiên Pubbadevā, một tên gọi khác chỉ cho a-tu-la, vì nguyên trước kia là chư thiên Đao-lợi.

30. KINH THÉ KÝ 991

Nếu ai có sức mạnh, Mà nhịn kẻ yếu hơn, Sức mạnh ây bậc nhát, Trong đời không ai hơn! Kẻ ngu nghĩ mình mạnh, Sức mạnh ấy đáng chi, Đúng như pháp nhẫn nhục, Sức ấy chẳng ai bì. Thích-đề-hoàn>nhân nói bài kệ này rồi thì chư thiên Đao-lợi hớn hở vui mừng, lớn tiếng khen hay, còn chúng a-tu-la thì im lặng không nói gì. Khi ấy, chúng cõi trời và chúng a-tu-la đều lùi bước và nói với nhau: "Vua a-tu-la nói những bài kệ ấy là có sự xúc phạm, sẽ sanh đao kiếm, oán thù, tạo gốc rễ tranh đấu lẫn nhau, nuôi lớn lòng oán hận và gieo trồng cội rễ trong ba cõi. Những bài kệ của Đe-thích thì không có sự xúc phạm, không khởi đao kiếm, khônệ sanh tranh đấu, không nuôi lớn oán giận và chấm dứt cội rễ trong ba cõi. Điêu Đấ-thích nói là thiện, điều vua a-tu-la nói là bất thiện. Chư thiên thắng, a-tu-la thua." [0142c03] Đức Phật dạy Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân thuở ấy là ai khác ư? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vị đó chính là Như Lai. Lúc ấy, Như Lai dùng lời nhu hòa mà thắng a-tu-la. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: a ĩ r

Thuở xưa, chư thiên đánh nhau với a-tu-la. Bây giờ, a-tu-la thăng, chư thiên thất bại. Khi đó, Thích-đề-hoàn-nhân ngự trên xe báu ngàn căm và sợ hãi bỏ chạy. Giữa đường, ông thấy trên cây Thiểm-bà-la94 có một tổ chim, trong tổ chim ấy có hai chim non, liền nói kệ bảo người đánh xe rằng: Trên cây có đôi chim, Ngươi hãy quay xe tránh, Dù giặc có giết ta, Cũng chớ làm hại chúng. Nghe Đế-thích nói xong, người đánh xe liền tránh tổ chim nên quay xe lại. Khi ấy, xe quay lại hướng về phía quân của a-tu-la đang đuổi theo. Trông thấy xe báu đang chạy về hướng quân của mình, chúng a-tu-la liền nói với nhau: “Dế-thích ngự xe báu có ngàn căm đang chạy về hướng chúng ta, chắc muốn chống trả, chúng ta không kham nổi dâu!” Chúng a-tu-la liền rút lui tán loạn. Chư thiên thắng trận, a-tu-la thất bại. Đức Phật dạy Tỳ-kheo: Đế-thích thuở ấy là người nào khác ư? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì đó chính là Như Lai. Lúc ấy, đối với tất cả chúng sanh, Như Lai đều khởi lòng thương xót. Này Tỳ-kheo! Các thầy xuất gia tu đạo ở trong giáo pháp của Như Lai thì phải khởi lòng từ bi, thương xót muôn loài. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở xưa, chư thiên đánh nhau với a-tu-la. Chư thiên thắng trận, a-tu-la thất bại. Khi ấy, Đấ-thích chiến thắng liền trở về nội cung, dựng một tòa nhà

94 Thiểm-bà-la Simbali, cũng gọi là Quyên Miên thọ ,là cây cùng họ với cây bông gòn. M. 21 gọi là Tulini.

đặt tên là Tối Thắng,95 từ Đông sang Tây dài một trâm do-tuần, từ Nam đến Bắc rộng sáu mươi do-tuần. Ngôi nhà này có trăm gian, mỗi gian đều có bảy đài cao liền kề với nhau, trên mỗi đài có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ đều có bảy người hâu. Thích-đê-hoàn-nhân cũng không lo lăng đên việc cung cáp y phục, thực phẩm và trang sức cho các ngọc nữ, vì tùy theo nhân đã tạo mà tự mình thọ hưởng phước báu. Do tâm hoan hỷ vì chiến thắng a-tu-la nên Đế-thích xây dựng tòa nhà này, nên gọi là nhà Tối Thắng. Hơn nữa, hết thảy cung điện trong ngàn thế giới cũng không so sánh được với tòa nhà này, cho nên gọi là Toi Thắng. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở xua, a-tu-la suy nghĩ: "Ta có oai đức lớn, có thân lực không phải ít nhưng chư thiên Đao-lợi, mặt trời, mặt trăng và chư thiên khác thường ở trên hư không và dạo chơi phía trên đầu ta một cách tự tại. Nay ta có nên lấy mặt trời và mặt trăng kia để làm khuyên tai rồi dạo chơi tự tại?" Lúc đó, vua a-tu-la nổi cơn thịnh nộ, liền nghĩ đến a-tu-la Chùy Đả.96 A-tu- la Chùy Đả nghĩ răng: "Vua a-tu-la đang nghĩ đên ta, vậy ta nên mau chuan bj.” A-tu-la ấy liền ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, r y : *A Ạ cùng với vô sô a-tu-la tuân tự trước sau, đi đên trước vua a-tu-la roi đứng sang một bên. Khi đó, vua a-tu-la lại nghĩ đến a-tu-la Xá-ma-lê.97 A-tu-la Xá-ma-lê cũng tự nghĩ: "Vua a-tu-la đang nghĩ vê ta, vậy ta hãy mau chuân bj.” Xá-ma-lê liên ra lệnh cho hầu cận trang bi đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số a-tu-la tuân tự trước sau, đi đên trước vua a-tu-la roi đứng sang một bên. [0143al2] Khi ấy, vua a-tu-la lại nghĩ đến a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa. A-tu-la Tỳ-ma-chât-đa cũng tự nghĩ: "Vua a-tu-la đang nghĩ vê ta, vậy ta hãy mau chuẩn bị.,, Tỳ-ma-chất-đa liền ra lệnh cho hầu cận trang bi đầy đủ binh khí, cưỡi cô xe báu, cùng với vô sô a-tu-la tuân tự trước sau, đi đên trước vua a-tu-la rồi đứng sang một bên. LÚC đó? vua a-tu-la nghĩ đên các đại thân a-tu-la. Đông thời, các đại thân a-tu-la cũng tự nghĩ: "Vua đang nghĩ vê chúng ta, vậy chúng ta hãy mau chuân bj." Các đại thần a-tu-la ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số a-tu-la tuần tự trước sau, đi đến trước vua a-tu-la rồi đứng sang một bên. Khi ây, vua a-tu-la nghĩ đên các tiêu a-tu-la. Các tiêu a-tu-la cũng nghĩ: "Vua đang nghĩ về ta, vậy chúng ta hãy mau chuẩn bj." Các tiểu a-tu-la ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số a-tu-la tuần tự trước sau, đi đến trước vua a-tu-la rồi đứng sang một bên.

95 Tối Thắng ,Vejayanta. 96 Chùy Đả atulu2n . 97 Xá-ma-lê Sambara.

Bấy giờ, vua a-tu-la tên là La-ha liền tự trang bị, thân mặc áo giáp đồng báu, ngự trên xe báu, cùng vô số trăm ngàn a-tu-la vây quanh trước sau với đầy đủ binh khí, đi ra khỏi trú xứ, muốn đến giao chiến với chư thiên. Khi đó9 long vương Nan-dà, long vương Bạt-nan-đà dùng thân cuốn quanh núi Tu-di bảy vòng khiến rung chuyển cả núi

rừng, mây mỏng bủa giăng, mưa rơi lất phất, rồi dùng đuôi rồng quật vào biển cả, khiến cho biển cả dậy sóng, trào dâng lên đến đỉnh núi Tu-di. Lúc ấy, chư thiên Đao-lợi liền nghĩ: "Nay mây mỏng bủa giăng, mưa rơi lất phất, sóng biển trào dâng đến tận nơi này. Hẳn là a-tu-la muốn đến đây gây chiến nên mới có điềm lạ như vy." [0143b02] Bấy giờ, vô số binh chúng thuộc các loài rồng ở trong biển đều cầm mâu, giáo, cung tên, đao, kiếm, mặc áo giáp báu và binh khí tề chỉnh để nghinh chiên với a-tu-la. Nêu chúng rông thăng thì đuôi a-tu-la chạy vào cung điện của chúng. Nêu chúng rông thua thì không trở vê cung rông mà chạy đên chỗ quỷ thần Già-lâu-la98*và nói: "Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhimg nay chúng đắc thắng, các ông hãy chuẩn bị đầy đủ binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chúng.,, Nghe rông nói xong, các quỷ thân liên tự trang bị đây đủ binh khí, mặc áo giáp báu rồi cùng với chúng rồng đi đánh a-tu-la. Nếu chúng rồng thắng thì đuổi a-tu-la chạy vào cung điện của chúng. Nếu chúng rồng thua thì không trở về cung rồng mà chạy đến chỗ quỷ thần Trì Hoa" và nói: "Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhưng nay chúng đắc thang, các ông mau trang bị đay đủ binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chiiĩig." Nghe rông nói xong, các quỷ thân Trì Hoa liên tự trang bị đây đủ binh khí, mặc áo giáp báu, cùng hợp sức đê đánh trả a-tu-la. Nêu chiên thăng thì đuôi a-tu-la vào cung điện của chúng, nếu chiến bại thì không trở về cung rồng mà chạy đến chỗ quỷ thần Thường Lạc100 và nói: "Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhưng nay chúng đắc thắng, các ông mau trang bị binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chiíng." Nghe xong, các quỷ thần Thường Lạc liền tự trang bị binh khí, mặc áo giáp báu, hợp sức để đánh trả a-tu-la. Nếu chiến thắng thì đuổi a-tu-la vào cung điện của chúng, nếu chiến bại thì không trở về cung rồng mà chạy đến chỗ Tứ Thiên Vương và báo:

98 Già-lâu-la S. Karotapāni. "Trì Hoa ,có nơi dịch Trì Man s. Mālādhara. 100 Thường Lạc ,có nơi dịch Hỷ Lạc s. Sadāmattā.

“Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhưng nay chúng đắc thắng, các ông hãy mau trang bị binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiên đấu với chúng." Nghe xong, Tứ Thiên Vương liền tự trang bị binh khí, mặc áo giáp báu, hợp sức để đánh trả a-tu-la. Nếu chiến thắng thì đuổi a-tu-la vào cung điện của chúng, nếu chiến bại thì Tứ Thiên Vương liên đến giảng đường Thiện Pháp mà thưa với trời Đế-thích và chư thiên Đao-lợi rằng: “A-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, nay chư thiên Đao-lợi hãy chuẩn bị binh khí, hợp sức cùng chúng tôi đe đi chiến đấu với chiiĩig." Khi ấy, Đế-thích ra lệnh cho người hầu cận: "Ngươi truyền lời ta, hãy đi báo cho các trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại và trời Tha Hóa Tự Tại biết rằng: 'Vua a-tu-la cùng với vo số thuộc hạ sắp đến gây chiến, vì thế chư thiên hãy trang bị binh khí đầy đủ hầu giúp ta chiến đấu/ Vâng lời Bế-thích, người hầu cận đi đến trời Diệm-ma,... cho đến trời Tha Hóa Tự Tại, thay lời Đế-thích mà nói như vầy: "A-tu-la cùng với vô số thuộc hạ sắp đến gây chiến, vì thế chư thiên hãy trang bị đầy đủ binh khí để giúp Đấ-thích chiến dấu." [0143cll] Khi ấy, nghe như thế rồi, thiên tử Diệm-ma

liền trang bị đầy đủ binh khí, mặc áo giáp báu, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô so trăm ngàn chúng trời vây quanh trước sau, đi đến dừng trụ ở phía Đông núi Tu-di. Bấy giờ, thiên tử Đâu- suất nghe nói như thế cũng liền ữang bị binh khí, mặc áo giáp báu, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số trăm ngàn ức chúng trời vây quanh trước sau, đi đến dừng trụ ở phía Nam núi Tu-di. Bấy giờ, thiên tử Hóa Tự Tại nghe như thế, cũng trang bị đầy đủ binh chúng rồi đến dừng trụ ở phía Tây núi Tu-di. Bấy giờ, thiên tử Tha Hóa Tự Tại nghe nói như thế, cũng trang bị đầy đủ binh chúng roi đen dừng trụ ở phía Bắc núi Tu-di. Khi ấy, trời Đế-thích liền nghĩ đến ba mươi ba vi thiên thần của cõi trời Đao-lợi thì ba mươi ba vị thiên thần của trời Đao-lợi cũng tự nghĩ: "Đế-thích đang nghĩ về chúng ta, vậy chúng ta hãy mau trang bị sẵn sang/9 Rồi ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ các loại binh khí và cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số ức chúng trời vây quanh, tuần tự đi đến trước Đế-thích và đứng sang một bên. Bấy giờ, trời Đế-thích lại nghĩ đến các thiên thần khác của trời Đao-lợi. Các thiên thần khác của trời Đao-lợi cũng tự nghĩ: “pế-thích đang nghĩ đến chúng ta, vậy chúng ta hãy mau trang bị sẵn sàng.” Rồi ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số chúng trời vây quanh, tuần tự đi đến trước Đế-thh rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Đế-thích lại nghĩ đến quỷ thần Diệu Tượng101 thì quỷ thần Diệu Tượng cũng tự nghĩ: í4Đế-thích đang nghĩ đến

101 Diệu Tượng ,Vissakamma còn gọi Tỳ-xá-yết-ma ,vị trời đảm trách việc kiến trúc của Thiên chủ De-thich.

ta, vậy ta hãy mau trang bị săn sàng." Roi ra lệnh cho hâu cận trang bị đây đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số ngàn quỷ thần vây quanh, tuần tự đi đến trước Đe-thích và đứng sang một bên. Bấy giờ, Đế-thích lại nghĩ đến vua rồng Thiện Trụ102 tiìi vua rồng Thiện Trụ cũng tự nghĩ: “Eế-thích đang nghĩ đến ta, vậy ta hãy đến đó9\ liền đến đứng trước mặt Đế-thích. [0144a03] Bấy giờ, Đế-thích liền tự trang bị đầy đủ các loại binh khí, thân mặc áo giáp báu, ngự trên đỉnh đầu vua rồng Thiện Trụ rồi cùng với vô số chúng trời và quỷ than vây quanh, cùng ra khỏi cung trời và giao chiến với a-tu- la. Tát cả những thứ được chuân bị như binh khí, đao, kiêm, mâu, giáo, cung, tên, búa? rìu, bánh xe, lưới và binh khí, áo giáp đều do bảy báu tạo thành. Lại dùng dao nhọn làm hại thân a-tu-la nhưng không gây tổn thương, chỉ chạm đến ngoài da mà thôi. Chúng a-tu-la cũng cầm đao, kiếm, mâu, giáo, cung, tên, búa? rìu, bánh xe và lưới đều do bảy báu tạo thành, rồi dùng dao nhọn làm hại thân chư thiên nhimg chỉ chạm đến ngoài da mà không gây tổn thương. Như vậy, do dục mà chư thiên đánh nhau với a-tu-la. Do dục làm nhân nên phải đánh nhau như thế.103

102 Thiện Trụ long vương . 103 Bản Hán, hết quyển 21.

11. PHẨM BA TRUNG KIẾP104

LÚC đó, con người gặp nhau chỉ ôm lòng ác độc, muốn giết hại lẫn nhau, cũng như người thợ săn gặp bây nai thì chỉ muôn giêt chúng, không một niệm lành. Con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết hại lẫn nhau, không một niệm lành. Bây giờ, đát đai không có nơi nào băng phăng, chỉ toàn là công rãnh, khe suối, hang hốc, gò nồng, núi non. Lúc ấy, con người đi lại vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai óc. [0144bl2] Thuở ấy, trong vòng bảy ngày thì có kiếp nạn đao kiếm nổi lên. Khi đó, mỗi cành cây, ngọn cỏ, gạch, ngói khi nằm trong tay của con người thì chúng liền trở thành đao kiếm bén nhọn, chạm đến thứ gì thảy đều đứt lìa và họ giết hại lẫn nhau. Trong số đó, có người có chút trí tuệ, nhận thấy sự giết hại lẫn nhau bằng đao kiếm kinh khiếp quá nên chạy vào rừng núi, hang hốc hay chô văng người đê trôn. Trôn trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ miệng tự nói: “Ta không hại người, người chớ hại ta." Trong vòng bảy ngày, những người này chỉ ăn toàn cỏ cây để sống qua ngày. Hết bảy ngày, họ ra khỏi núi rừng. Lúc ấy, hễ có gặp người nào thì họ vui mừng và nói: “Nay gặp được người còn sống sót, nay gặp người còn sống s6t!" Giống như cha mẹ xa cách đứa con duy nhất đã lâu ngày nay mới gặp lại nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Những người ấy cũng như thế, khi gặp nhau thì thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng! Lúc đó, trong vòng bảy ngày, người dân chỉ biết nhìn nhau than khóc. Bảy ngày sau đó, họ cùng nhau vui mừng, hoan hỷ, chúc lành cho nhau. Con người trong kiếp binh đao, sau khi thân hoại mạng chung đều bị đọa vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì họ thường ôm lòng sân hận, giết hại lẫn nhau, không chút nhân từ. Đó gọi là kiếp đao binh. Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Thế nào là kiếp đói khát? Bây giờ, dân chúng làmA nhiêu điêu e phi pháp, tà kiên điên đảo, tạo mười y r

nghiệp ác. Vì làm mười điêu ác nên trời không mưa, các thứ cây cỏ đêu chét khô, năm loại lúa gạo không sống được, chỉ trơ gốc cành. Vì sao gọi là đói khát? Lúc đó, dân chúng quét lượm những hạt lúa còn sót lại trong ruộng vườn, đầu đường, cuối ngõ, hoặc bới móc trong phân đất để sống qua ngày, nên gọi là đói khát. Lại nữa, lúc đói khát, dân chúng bấy giờ lượm nhặt xương cốt ở giữa đường, trong chợ, nơi lò mổ hay ở gò mả rồi đem hầm lấy nước uống để sống qua ngày, nên gọi là đói trắng xương!111 Lại nữa, khi kiếp đói khát xảy ra, năm loại hoa màu hoàn toàn biến thành cỏ cây. Con người lúc đó hái hoa nấu nước mà uống. Gặp kiếp đói khổ thì hoa của

111 Nguyên tác: Bạch cốt cơ nga .

Cỏ cây đều rơi rụng, vùi lấp hết dưới đất, lúc đó, con người phải bới đất tìm hoa đe nau ăn, nhơ vạy ma song qua ngay, nen gọi la đoi đen co cay.112 Lúc ây, sau khi thân hoại mạng chung, chúng sanh đêu bị đọa vào nga quỷ. Vì sao như vậy? Vì trong kiếp đói, họ thường ôm lòng bon xẻn, không có tâm niệm bố thí, không chiu san sẻ? không nghĩ đến người trong cơn nguy khốn, đó là kiếp đói khát. [0144C11] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Thế nào là kiếp dịch bệnh? Vào thuở ấy, con người ở thế gian tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không điên đảo, thực hành đầy đủ mười điều lành. Trong khi đó5 có các loài quỷ thần ở thế giới khác đến. Những quỷ thần ở thế gian này lại buông lung, dâm loạn, không bảo vệ người đời. Do đó, các quỷ thần phương khác mới xâm phạm, nhiễu

loạn người thế gian này, dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người bị điên loạn rồi cưỡng bức đem đi. Ví như vị quốc vương sai các tướng soái phải bảo vệ quốc dân nhưng khi có giặc cướp từ phương khác đến xâm phạm mà các tướng soái ở đây lại buông lung, nên nước nhà bi chúng cướp phá. ở đây cũng như vậy, quỷ thân phương khác đên bát giữ mọi người ở thê gian này, chúng đánh đập, quật ngã, hút lay tinh khí roi cưỡng bức đem đi. Đức Phật dạy: -Này Tỳ-kheo! Dù cho quỷ thần ở thế gian này không buông lung, không dâm loạn nhưng khi các quỷ thần ở thế giới khác có oai lực lớn đi đến thì các quỷ thân ở thê gian này cũng sợ hãi mà trôn đi. Những quỷ thân có oai lực lớn kia liền xâm phạm, đánh đập, hút lấy tinh khí con người cõi này và tàn sát rồi bỏ đi. Ví như quôc vương hoặc đại thân của quôc vương sai các tướng soái bảo vệ dân chúng, các vị ấy canh phòng nghiêm ngặt, cẩn thận, không chút lơ là, bỗng có tướng soái mạnh bạo, hung dữ từ phương khác đến cùng với nhiều binh lính, phá phách xóm làng, thành áp, cướp đoạt tài sản nhân dân; cũng giông như thê, dù cho quỷ thần ở thế gian này không chút lơ là nhưng khi những quỷ thần có sức mạnh lớn từ phương khác đên thì quỷ thân ở thê gian này cũng sợ hãi trôn đi. Do đó, những quỷ thần có sức mạnh lớn kia liền xâm phạm, đánh đập, hút lấy tinh khí con người ở cõi này và tàn sát họ, rồi cũng bỏ đi như vậy. Trong thời kiếp bệnh tật, người dân sau khi thân hoại mạng chung đều sanh về cõi trời. Vì sao như vậy? Vì con người lúc đó đều hướng tâm từ bi đến với nhau và cùng thăm hỏi: "Bằng hữu đã hết bệnh chưa? Thân thể có khỏe mạnh kh6ng?" Do nhân duyên đó mà họ được sanh vê cõi trời, cho nên gọi là kiêp tật bệnh. Đó là ba trung kiếp vậy.

112 Nguyên tác: Thảo mộc cơ nga .

30. KINH THẾ KÝ 999

12. PHẨM THẾ BÔN DUYÊN113

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Sau khi nạn lửa đã qua thì trời, đát và thê gian này săp khôi phục. Có những chúng sanh vì phước hết, nghiệp hết và mạng hết, qua đời tại cõi trời Quang Âm rồi sanh về cõi Phạm thiên trống không.114 ở đây, những chúng sanh này sanh tâm đăm nhiêm, yêu thích cõi này roi mong những chúng sanh khác cùng đên sông chung. Sau khi có ý niệm như thê, có những chúng sanh khác vì phước hết, nghiệp hết và mạng hết, qua đời tại cõi trời Quang Âm rồi sanh về cõi Phạm thiên trống không. Bấy giờ, vị Phạm thiên sanh ra trước tiên tự nghĩ: "Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, ta không do ai sanh ra, tự nhiên mà có, không do thọ thai. ở trong một ngàn thế giới, ta là đấng tự : r " J"

tại bậc nhát, thông hiêu các nghĩa lý, giàu có sung túc, có khả năng tạo ra vạn vật, là cha mẹ của tát cả chúng sanh,^, Những Phạm thiên đến sau cũng tự nghĩ: Phạm thiên sanh ra trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, tự nhiên mà có, không do ai sanh ra. ở trong một ngàn thế giới, vị ấy là đấng tôn kính bậc nhất, không thừa hưởng gì từ ai khác, thông hiểu các nghĩa lý, giàu có sung túc, có khả năng tạo ra vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh, ta được sanh ra từ vị y." Vị Phạm thiên vương ây có hình dáng và dung nhan trông giông như trẻ thơ, the nên Phạm vương còn được gọi

là đong tử.115 Hoặc có lúc, khi thế gian này khôi phục, đa số chúng sanh được sanh về cõi trời Quang Am, tự nhiên hóa sanh, lây sự hoan hỷ làm thức ăn, thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay giữa hư không, an vui, không bị chướng ngại, mạng sông lâu dài. Sau đó, thê gian này biên thành một biên nước lớn, tràn ngập kháp nơi. Ngay lúc đó, cả thiên hạ đều toi tăm, không có mặt trời, mặt trăng, các vì sao và cả ngày, đêm, cũng không có con sô năm, tháng hay bôn mùa. Sau thời gian đó, thế giới này bắt đầu chuyển biến để khôi phục. Có những chúng sanh khác vì phước hết, nghiệp hết và mạng hết, qua đời tại cõi trời Quang Âm rồi sanh đên thê giới này, đêu don,hóa sanh và lây sự hoan hỷ làm thức thân

113 Nguyên tác: Thế bổn duyên phẩm,(roi. 0001.30.12. 0145a04). Tham chiếu: D. 27, Aggañña Sutta (Kinh Khởi thế nhân bồn). 114 Nguyên tác: Không Phạm xứ (Suññā Brahmavimāna). 115 DÃ. 3: Phạm đồng tử (Sanaipkumra).

sông một thời gian rát lâu ở cõi này. Thuở ây không có nam, nữ, không có tôn ti trên, dưới, cũng không có tên gọi khác nhau mà chỉ có nhiều người cùng sanh ra trong một thế giới, cho nên gọi là chúng sanh. Lúc đó, đất này tự nhiên sanh ra mùi vi của đất,116 ngưng tụ trong đất, giống như đề-hồ.117 Vị đất khi xuất hiện cũng thế, giống như sanh tô,118 vi ngọt như mật. Sau đó, những chúng sanh này dùng tay nêm thử xem là vị gì. Lúc đâu nêm thấy ngon, liền sanh tâm đắm nhiễm mùi vị. Do nếm liên tục không dứt nên sanh tâm tham đắm, vì dùng tay bốc nên hình thành cách ăn đoàn thực, do cứ mãi bóc đát ăn nên chúng sanh khác trông thây liên bát chước theo, roi cứ bóc đất ăn mãi. Khi ấy, thân thể của chúng sanh trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn thần túc, không thể bay trong hư không. Lúc ấy chưa có mặt trời, mặt trăng mà ánh sáng của chúng sanh thì đã mất 9 r r 9 A -Ít- hãn nên trời đát tôi tăm, cũng như giai đoạn đâu không khác. Trải qua một thời gian rất lâu, có trận cuồng phong thổi vào biển cả, mực nước sâu tám mươi bốn ngàn do-tuần, khiến cho nước rẽ làm đôi, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di rồi tạo thành quỹ đạo mặt trời, mọc từ hướng Đông, lặn ở phía Tây, xoay vần khắp thiên hạ. [0145bll] Cung điện mặt trời thứ hai, mọc từ hướng Đông, lặn về hướng Tây. Lúc đó, có chúng sanh nói: "Đó là ngày hôm qua." Hoặc có người nói: "Đó không phải là ngày hôm qua." Cung điện mặt trời thứ ba xoay quanh núi Tu-di, mọc từ hướng Đông, lặn ở hướng Tây. Lúc đó, có chúng sanh nói: "Quy định như thế là một ngy.” Ngày, nghĩa là nương vào sự tiến lên của ánh sáng, nên gọi đó là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: Một là trú ở nơi cố đinh,119 hai là cung điện. Nhìn xa từ bốn phía, thấy cung điện có hình tròn, nóng lạnh điều hòa, do vàng cõi trời tạo nên, xen lẫn với pha lê; hai phan là vàng ròng cõi trời, thuần chất không pha tạp, trong ngoài trong suôt? ánh sáng tỏa chiêu rát xa; một phân là pha lê thuần chát không pha tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu rất xa. Cung điện mặt trời dài rộng năm mươi mốt do-tuần, đất và tường thành của cung điện mỏng manh như lau lách.120 Cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, bảy lớp linh báu, trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành. Tường bằng vàng thì cửa bang bạc, tường bang bạc thì cửa bang vàng, tường

116 Nguyên tác: Địa vị rasa pathavī.

117 Đề-hồ ,sappi mando.

118 Sanh tô ,navanītă.

119 Nguyên tác: Thường :Sự cố định của quy luật. Tham chiếu: Sở từ, chương thứ chín ,

.

120 Nguyên tác: Tử bá .Bản Tống, Nguyên, Minh: Vi thác ii.

bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bằng mã não thì cửa bằng xích châu, tường băng xà cừ thì cửa băng các loại báu, tường băng các loại báu thì cửa bằng xà cừ.

Lại : nữa, với các lan\ can, nêu lan can băng vàng thì tay vịn.Y băng bạc, lan can băng bạc thì tay vịn băng vàng, lan can băng lưu ly thì tay vịn băng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng xích châu thì tay vịn băng mã não, lan can băng mã não thì tay vịn băng xích châu, lan can băng các loại báu thì tay vịn bằng xà cừ, lan can bang xà cừ thì tay vịn bằng các loại báu. Màn lưới bằng vàng thì treo chuông bằng bạc, màn lưới bằng bạc thì treo chuông bang vàng, màn lưới bằng thủy tinh thì treo chuông bang lưu ly, màn lưới băng lưu ly thì treo chuông băng thủy tinh, màn lưới băng xích châu thì treo chuông băng mã não, màn lưới băng mã não thì treo chuông băng xích châu, màn lưới bằng xà cừ thì treo chuông bằng các loại báu, màn lưới bằng các loại báu thì treo chuông bằng xà cừ. A A \

Cây băng vàng thì lá, hoa và trái băng bạc; cây băng bạc thì lá, hoa và trái bằng vàng; cây bằng lưu ly thì hoa và trái bằng thủy tinh; cây bằng thủy tinh thì hoa và trái băng lưu ly; cây băng xích châu thì hoa và trái băng mã não; cây băng mã não thì hoa và trái băng xích châu; cây băng xà cừ thì hoa và trái băng các loại báu; cây bằng các loại báu thì hoa và trái bằng xà cừ. Tường thành cung điện có bốn cửa, mỗi cửa có bảy bậc thềm, có lan can bao quanh, có đên đài, lâu gác, vườn rừng, ao tăm, theo thứ lớp đôi nhau. Cung điện có các loài hoa báu, mỗi hàng mỗi lớp đối xứng nhau, có vô số loại cây L r r r .

trái, hoa lá nhiêu màu sác xen kẽ, tỏa hương thơm ngát, lan kháp bôn phương, có vô số loài chim cùng nhau ca hót. [0145c07] Cung điện mặt trời được năm ngọn gió duy trì: Một là Trì phong, hai là Dưỡng phong, ba là Thọ phong, bốn là Chuyển phong và năm là Điều phong. Chánh điện của Nhật thiên tử cư ngu, do vàng ròng tạo thành, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bon cửa, có lan can bao quanh. Tòa của Nhật thiên tử dài rộng nửa do-tuân? do bảy báu tạo thành, tinh sạch, mem mại như áo trời. Thân thê của Nhật thiên tử phát ra ánh sáng, chiêu kháp cung điện băng vàng. Cung điện băng vàng phát ra ánh sáng, chiêu vào cung điện mặt trời, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ. Nhật thiên tử thọ năm trăm tuổi trời. Con cháu thừa kế nhau, không gián đoạn, không có người khác họ kế vị. Cung điện mặt trời không bị tiêu hoại, tôn tại suôt một kiêp. Khi cung điện mặt trời di chuyển nhưng Nhật thiên tử không có ý di

chuyển nên bảo rằng: "Ta dừng", luôn tự vui thú bằng năm thứ dục lạc. Khi cung điện mặt trời vận hành, có vô số trăm ngàn chư thiên cùng thiên thần đi theo dẫn đường trước, hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, cho nên Nhật thiên tử được gọi là Nhanh Nhẹn.

Thân của Nhật thiên tử phát ra ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuông và năm trăm tia sáng chiêu chung quanh, đây là do công đức và hạnh nguyện đời trước nên có ngàn tia sáng này, vì the Nhật thiên tử còn được gọi là Thiên Quang.121 Công dức, hạnh nguyện của Nhật thiên tử ở đời trước như thế nào? Đó là, hoặc có người cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, cấp dưỡng cho người nghèo khó, như bố thí thực phẩm, áo quần, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng ÓC và đèn đuôc. Trong khi bô thí thì tùy theo nhu câu của họ mà cho, không trái ý họ. Hoặc cúng dường cho người giữ giới, các bậc Hiền thánh. Do thực hành VÔ sô các pháp hỷ sáng suôt như thê, nên khởi tâm lành hoan hỷ. Như vua thuộc dòng Sát-lợi được rưới nước lên đỉnh đầu trong lễ đăng quang cũng khởi tâm lành hoan hỷ như thế. Do nhân duyên này, người ấy khi mạng chung được làm Nhật thiên tử, có cung điện mặt trời và có ngàn tia sáng, cho nên nói do nghiệp lành mà có được ngàn tia sáng. Lại nữa, do những việc gì mà gọi là tạo nghiệp lành sáng suốt đời trước? Đó là, có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời thô ác, không nói hai chiều, không nói thêu dệt, không tham lam, không sân hận, không tà kiến, vì nhân duyên đó nên khởi tâm lành hoan 1 ỉ 7 hỷ. Ví như ở ngã tư đường có ao tăm lớn, trong sạch, không dơ bân, có người từ phương xa đến, đang nóng khát mệt lả, vào ao này tắm gội, liền được mát mẻ nên cảm thấy vui vẻ, sảng khoái. Người tu mười hạnh lành ấy, tâm lành hoan hỷ cũng như thê. Người ây sau khi mạng chung được làm Nhật thiên tử, ở trong cung điện mặt trời có ngàn tia sáng, vì nhân duyên đó nên gọi là nghiệp lành sáng suốt. [0146a06] Lại nữa, vì nguyên do gì mà gọi là có ngàn tia sáng? Vì có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, do nhân duyên này nên tâm lành hoan hỷ, sau khi mạng chung được làm Nhật thiên tử, ở trong cung điện mặt trời, có ngàn tia sáng, do nhân duyên này nên gọi là nghiệp lành ngàn tia sáng. Một la-da122 bao gồm sáu mươi sát-na5123 ba mươi la-da thì gọi là ma-hầu- đa;124 trăm ma-hầu-đa thì gọi là ưu-ba-ma.125 Cung điện mặt trời sáu tháng di chuyên vê phía Nam, một ngày đi được ba mươi dặm vê hướng cực Nam nhimg không vượt qua Diêm-phù-đề. Cung điện mặt trời lúc di chuyển về phía Bắc cũng lại như the.

121 Thiên Quang Sahassārami. 122 La-da .Ngài Huyền Trang dịch là ulạp phược,, ,lava. 123 Nguyên tác: Niệm khoảnh s. ksana, p. khană tức sat-na. Theo Câu-xả luân 29. 1558.12. 0062b17: 120 sát-na ksana là một đát-sát-na ,tatksana, 60 đát-sát-na là l lạp phược ,le. 124 Ma-hầu-đa .Ngài Huyền Trang phiên âm là mâu-hô-lật-đa s. muhũrtă. 125 Uu-ba-ma .Ngài Huyền Trang dịch là "trú dạ"s. ahorãtrà.

30. KINH THÉ KÝ 1003

Do nguyên nhân gì mà ánh sáng mặt trời nóng bức? Có mười nguyên nhân. Mười nguyên nhân đó là gì? Một là, ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la126 cao bốn mươi hai ngàn do- tuần, dài rộng bốn mươi hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Hai là, ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà127 cao hai mươi mốt ngàn do- tuần, ngang dọc hai mươi mốt ngàn do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ hai khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Ba là, ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đề-đà-la128 cao mười hai ngàn do-tuần, ngang dọc mười hai ngàn do-tuần5 giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ ba khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Bôn là, cách núi Thọ-đê-đà-la có núi Thiện Kiên cao sáu ngàn do-tuân, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, giáp vòng núi khônệ có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiểu đến ngọn núi áy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ tư khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Năm là, ngoài núi Thiện Kiến có núi Mã Tự129 cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ năm khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Sáu là, cách xa núi Mã Tự có núi Ni-di-đà-la130 cao một ngàn hai trăm do- tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ sáu khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Bảy là, cách núi Ni-di-đà-la có núi Điêu Phục cao sáu trăm do-tuân, ngang dọc sáu trăm do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ bảy khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Tám là, cách núi Điều Phục có núi Kim Cang Luân cao ba trăm do-tuần9 ngang dọc ba trăm do-tuần9 giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo

126 Khư-đà-la sơn H.Xem phẩm l, châu Diêm-phù-đề. 127 Y-sa-đà sơn .Xem phẩm l, châu Diêm-phù-đề, Y-sa-đà-la. 128 Thọ-đề-đà-la .ở trên là Thọ-cự-đà-la . 129 Mã Tự sơn .Xem phẩm l, châu Diêm-phù-đề, Mã Thực sơn. 130 Ni-di-đà-la .Xem phẩm l, châu Diếm-phù-đề, Ni-dân-đà-la.

thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Lại nữa, lên cao mười ngàn do-tuần, có cung trời tên Tinh Tú do lưu ly tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến cung điện ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ chín khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Lại nữa, khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến đại địa này, do sự tiếp xúc nên phát nhiệt, đó là nguyên nhân thứ mười khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Bây giơ, đức The Ton noi bai kê: Phật nói về mặt

trời, Vì có mười nguyên nhân, Nên có tên Thiên Quang, Và ánh sáng nóng rực. [0l46bl6] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Vì lý do gì [mà] vào mùa đông thì cung điện mặt trời lạnh đến nỗi không thê đên gân, dù có ánh sáng nhưng vẫn lạnh? Do mười ba nguyên nhân, tuy là có ánh sáng nhưng vẫn lạnh. Mười ba nguyên nhân đó là gì? Một là, giữa núi Tu-di và Khư-đà-la có hồ nước rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không ệiới hạn. Trong hồ nước ấy mọc các loài hoa như: Hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa bát-đầu-ma, hoa phân-đà-lợi và hoa tu-càn-đề. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Hai là, giữa núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có hồ nước rộng bốn mươi hai ngàn do-tuần, ngang dọc bốn mươi hai ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn. Trong hồ nước ấy có nhiều loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ hai khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Ba là, giữa núi Y-sa-đà-la và núi Thọ-đề-đà-la có hồ nước rộng hai mươi mốt ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ ba khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Bôn là, giữa núi Thiện Kiên và núi Thọ-đê có hô nước rộng mười hai ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, do sự tiêp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ tư khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Năm là, giữa núi Thiện Kiến và núi Mã Tự có hồ nước rộng sáu ngàn do- tuân, có các loài hoa mọc xen lân. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, do sự tiêp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ năm khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Sáu là, giữa núi Mã Tự và núi Ni-di-đà-la có một hồ nước rộng một ngàn hai trăm do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc

30. KINH THÊ KÝ 1005

. er r r

xen lân. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, do sự tiêp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ sáu khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Khoảng giữa núi Ni-di-đà-la và núi Điều Phục có một hồ nước rộng sáu trăm do-tuàn, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ bảy khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Khoảng giữa núi Điều Phục và núi Kim Cang Luân có một hồ nước rộng ba trăm do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Lại nữa, cõi đất Diêm-phù thuận lợi về sông, suối, biển cả. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ chín khiến cho mặt trời lạnh giá. Châu Diêm-phù-đề ít song, suối, còn châu Cù-da-ni thì nhiều sông, hồ. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười khiên cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Châu Cù-da-ni ít song, suối, còn châu Phất-vu-đãi thì nhiều sông, hồ. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười một khiến

cho mặt trời lạnh giá. Châu Phất-vu-đãi ít sông, suối, chau uất-đan-việt thì nhiều sông, hồ. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười hai khiên cho mặt trời lạnh giá. Lại nữa, khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiêu vào mặt nước của biên cả, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười ba khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Bấy giờ, đức Phật nói bài kệ: Phật nói về mặt trời, Có mười ba nguyên nhân, Nên gọi tên Thiên Quang, Anh sáng trong, lạnh giá. [0146c23] Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Cung điện mặt trăng có khi tròn, khi khuyết. Do ánh sáng có phân giảm thiêu nên cung điện mặt trăng được gọi là Tôn. Mặt trăng có hai nghĩa: Một là tru nơi cố định, hai là cung điện. Từ bốn phương xa mà nhìn thì thay cung điện có hình tròn, ấm, lạnh điều hòa, do lưu ly và bạc cõi trời tạo thành; hai phân là bạc cõi trời, hoàn toàn thuần chát không pha tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu rất xa; một phần là lưu ly, hoàn toàn thuần chất không pha tạp, trong ngoài trong suôt, ánh sáng chiêu rát xa. Cung điện mặt trăng ngang dọc bốn mươi chín do-tuần, tường thành và đất của cung điện mỏng như lau lách. Cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, trang

trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... cho đến có vô số chim muông cùng nhau ca hót. [0147a02] Cung điện ây được giữ gìn bởi năm ngọn gió: Một là Trì phong, hai là Dưỡng phong, ba là Thọ phong, bốn là Chuyển phong và năm là Điều phong. Chánh điện nơi Nguyệt thiên tử ngự được làm băng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bốn cửa và lan can bao quanh. Tòa của Nguyệt thiên tử dài rộng nửa do tuần, do bảy báu tạo thành, trong sạch và mềm mại như áo trời. Thân thê của Nguyệt thiên tử thường phát ra ánh sáng chiêu đên cung điện lưu ly, ánh sáng của cung điện lưu ly chiếu đến cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu khắp bon phương thiên hạ. Nguyệt thiên tử song năm trăm tuổi trời, con cháu thừa ke nhau, không có người khác họ ke vị. Cung điện M . M •M . . . ây không hư hoại cho đên một kiêp. Khi cung điện mặt trăng di chuyển nhưng Nguyệt thiên tử không có ý di chuyển nên bảo rằng: "Ta dừng!" Nguyệt thiên tử thường vui thú trong ngũ dục. Lúc cung điện mặt trăng di chuyển thì có vô số trăm ngàn các đại thần đi phía trước dẫn đường, hoan hỷ, không mỏi mệt, ưa thích nhanh nhẹn, do vậy Nguyệt thiên tử còn có tên là Nhanh Nhẹn. Thân thể của Nguyệt thiên tử phát ra một ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh, tất cả là do công đức và hạnh nguyện đời trước nên có ánh sáng này, vì thế Nguyệt thiên tử còn được gọi là Ngàn Ánh Sáng. Công đức, hạnh nghiệp đời trước của Nguyệt thiên tử thế nào? Đó là, có người ở thế gian cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người nghèo đói như thực phẩm, y phục, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng ốc, đèn đuốc. Trong khi cho, họ tùy theo nhu cầu mà cung cấp, không trái với ý muốn của người, hoặc cúng dường cho người trì giới, các bậc Hiền thánh. Do thực hành vô số các pháp hỷ khác nhau như thế nên tâm lành trong sáng, như vua thuộc dòng Sát-lợi được rưới nước lên đỉnh đầu trong lễ đăng quang, cũng khởi tâm lành hoan hỷ như thế. Do nhân duyên này, người ấy sau khi qua đời được làm Nguyệt thiên tử ở cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, cho nên nói rằng

do nghiệp lành mà có được ngàn tia sáng. Lại nữa, do hạnh nghiệp gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian, có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không sân hận và không có tà kiến, do nhân duyên này nên có tâm lành hoan hỷ. Ví như ở ngã tư đường có ao tắm lớn, trong sạch không dơ bẩn, có người từ phương xa đến, đang nóng khát mệt lả, vào ao này tắm gội mát mẻ nên cảm thấy vui vẻ, sảng khoái. Người tu mười hạnh lành với tâm lành hoan hỷ cũng như thế. Sau khi qua đời, người ấy được làm Nguyệt thiên tử ở cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, vì nhân duyên ấy nên nói do nghiệp lành mà được ngàn tia sáng.

30. KINH THẾ KÝ 1007

[0147b01] Lại nữa, vì nhân duyên gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, do nhân duyên này nên khởi tâm lành hoan hỷ. Sau khi qua đời, người ấy được làm Nguyệt thiên tử ở cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, vì nhân duyên ấy nên nói do nghiệp lành mà có ngàn tia sáng. Một la-da bao gồm sáu mươi sát-na, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, một trăm ma-hầu-đa thì gọi là ưu-bà-ma. Nếu cung điện mặt trời sáu tháng di chuyển về hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm về phía cực Nam nhưng không vượt quá Diêm-phù-đề thì lúc đó, cung điện mặt trăng nửa năm di chuyển về hướng Nam nhưng không vượt quá Diêm-phù-đề. Khi mặt trăng di chuyển về hướng Bắc cũng như thế. Vì nguyên nhân gì mà cung điện mặt trăng khuyết dần? Có ba nguyên nhân khiên cho mặt trăng khuyêt dân: Một là, mặt trăng mọc chênh một phía, đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cho mặt trăng bị khuyết. Lại nữa, trong cung điện mặt trăng có những đại thân mặc y phục xanh, theo thứ tự đi lên, hễ họ dừng lại chỗ nào thì chỗ đó biến thành màu xanh, cho nên mặt trăng khuyết, đó là nguyên nhân thứ hai khiến cho mặt trăng càng ngày càng khuyết. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, chiếu đến cung điện mặt trăng, do phản chiếu ánh sáng nên ánh sáng mặt trăng không hiện. Do đó, nơi bi phản chiếu ánh sáng thì mặt trăng khuyết, đó ỉa nguyên nhân thứ ba khiến cho mặt trăng khuyết. Vì nguyên nhân gì mà ánh sáng mặt trăng tròn dần? Có ba nguyên nhân khiến cho ánh sáng mặt trăng tròn dần. Ba nguyên nhân đó là gì? Một là, mặt trăng mọc chính hướng cho nên ánh sáng mặt trăng tròn đầy. Hai là, trong cung điện mặt trăng, vào ngày rằm, các vị thần đều mặc y phục màu xanh, Nguyệt thiên tò ngồi ở giữa hư không rồi cùng nhau vui chơi, ánh sáng chiêu khắp nơi, lân át ánh sáng của các vị trời khác, cho nên ánh sáng mặt trăng tròn đầy và soi sáng khắp nơi. Cũng như trong các loại đèn đuốc thì ánh sáng của ngọn đuôc lớn sẽ lân át ánh sáng của những đèn đuôc kia. Anh sáng của Nguyệt thiên tử cũng như thê. Vào ngày răm, vi ây ngôi giữa chúng trời, ánh sáng của vị ấy lấn át các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của vị ấy chiếu sáng duy nhất, đó là nguyên nhân thứ hai. Ba là, tuy Nhật thiên tử có sáu mươi tia sáng chiếu vào cung điện mặt trăng nhưng vào ngày rằm, Nguyệt thiên tử dùng ánh sáng của mình chiếu ngược lại, khiến cho mặt trăng không bị che khuất, đó là nguyên nhân thứ ba khiến cho mặt trăng tròn đầy, không có khuyết giảm.

Vì nhân duyên gì mặt trăng có bóng đen? Vì có bóng cây Diêm-phù131 ở trong mặt trăng cho nên mặt trăng có bóng đen. Đức Phật dạy Tỳ-kheo: -Tâm của các thầy phải như ánh trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt thì phải nhất tâm, không tán loạn. Lại do nguyên nhân gì mà thê gian này có các sông ngòi? Do vì mặt trăng và mặt trời có sức nóng, do sức nóng phát ra lửa, do lửa mà có nước rỉ ra, do có nước rỉ ra nên hình thành sông ngòi, do vậy, trong thế gian có những sông ngòi. Do nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt? Do có cơn gió lốc lớn từ một thế giới không tan hoại khác thổi những loại hạt ấy đến với cõi này: Một là hạt sanh từ rễ, hai là hạt sanh từ thân cây, ba là hạt sanh từ mắt cây, bốn là hạt sanh từ lỗ hổng của cây và năm là hạt sanh từ hạt cây, vì nhân duyên này nên thế gian có năm loại hạt. [0147c06] Lại nữa, lúc mặt trời đang ở giữa trưa trong cõi Diêm-phù-đề thì mặt trời đang lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Câu-da-niB3 ở cõi Phất-vu-đãi132133 thì ở châu uất-đan-việt134 đã là nửa đêm; khi mặt trời ở châu Câu-da-ni vào buổi trưa thì ở châu Diêm-phù-đê mặt trời lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Uât-đan- việt thì ở châu Phất-vu-đãi đã là nửa đêm; khi mặt trời ở châu Uất-đan-việt vào giữa trưa thì ở châu Câu-da-ni mặt trời đang lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Phất-vu-đãi thì ở châu Diêm-phù-đề là đã nửa đêm; khi mặt trời ở châu Phất- vu-đãi vào giữa trưa thì ở châu Uât-đan-việt mặt trời đang lặn; khi mặt tròi mới mọc ở châu Diêm-phù-đề thì ở châu Câu-da-ni đã là nửa đêm. Châu Diem-phù-đề ở hướng Đông thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Tây; châu Diêm-phù-đề ở hướng Tây thì châu Câu-da-ni ở hướng Đông; châu Câu-da-ni ở hướng Tây thì châu uất-đan-việt ở hướng Đông; châu uất-đan-việt ở hướng Tây thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Đông. Sở dĩ châu Diêm-phù-đề được gọi là Diêm-phù, vì phía dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần,135136do cây Diêm-phù sanh ra nên được gọi là vàng Diêm- phù. Trái của cây Diêm-phù như tai nấm36 vi ngọt như mật. Cây này có năm góc lớn, bốn mặt có bốn góc và phía trên có một góc. Trái ở góc hướng Đông thì để cho càn-thát-bà ăn, còn trái ở góc hướng Nam dành cho dân chúng bảy nước ăn. Bảy nước là: Câu-lâu, Câu-la-bà, Tỳ-đề, Thiện-tỳ-đề, Mạn-dà, Bà-la

Nguyên tác: Diêm-phù thọ ,Jambu. Loài cây bản địa ở Ấn Độ và một vài nước Đông Nam Á, trai có thể ăn được, có tên khoa học là Eugenia Jambolana. 132 Tức Đông Thắng-thần châu ,một trong tứ đại châu nằm về phía Đông của núi Tud lí. 133 Tức Tây Ngiru-hóa châu . 134 Tức Bắc Câu-lô châu ,nơi cực Bắc của tứ đại châu . 135 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: 20 do-tuần. 136 Nguyên tác: Tẩm .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Đan như cái giỏ tre.

và Bà-lê. Trái ở góc hướng Tây dành cho các loài côn trùng ở biển ăn. Trái ở góc hướng Bắc dành cho các loài cầm thú ăn. Trái ở góc phía trên dành cho các vị thiên thần trong cõi trăng, sao ăn. Bảy nước lớn phía Bắc có bảy ngọn núi đen lớn: Một là núi Khỏa, hai là núi Bạch Hộc, ba là núi Thủ Cung, bốn là núi Tiên, năm là núi Cao, sáu là núi Thiền và bảy là núi Thổ. Trên đỉnh bảy ngọn núi đen này có bảy vị tiên thuộc dòng Bà-la-môn. Đây là nơi ở của bảy vị tiên: Thiện Bế, Thiện Quang, Thủ Cung, Tiên Nhơn,

Hộ Cung, Già-na-na và Tăng ích. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở thế giới mới hình thành,137138 sau khi nếm vị đất thì chúng sanh tồn tại ở thế gian một thời gian lâu dài. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi đẹp. Sau đó, chúng sanh mới thấy có sự sai biệt về nhan sắc, dung mạo đẹp, xấu, nên tranh luận phải, trái. Họ nói: "Ta hơn ngươi, ngươi không bằng ta." Vì tâm họ phân biệt nên luôn ôm lòng cạnh tranh với nhau, từ đó, vi của đất tiêu mất dần. Sau đó, lại sanh ra một lớp vỏ đất, giống như cái bánh mỏng, màu đẹp, vị thơm và tinh khiết. Bây giờ, chúng sanh tụ tập lại một nơi, buôn râu rơi lệ, đâm ngực than răng: uKhổ thay! Đây là tai họa. Nay vi của đất bỗng nhiên biến mất.” Cũng như ngày nay, khi con người được ăn đầy đủ vi ngon thì họ khen là ngon tuyệt nhưng về sau, thức ăn ngon ây mát đi thì họ rát buôn khô. Những chúng sanh kia cũng buồn rầu, hối tiếc giống như thế. Sau đó, họ tiêp tục ăn lớp vỏ đát roi dân dân quen mùi vị, những ai ăn nhiêu thì nhan sắc trở nên thô xấu, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Từ đó, chúng sanh mới thấy có sự sai biệt nhan sắc, dung mạo đẹp xấu, tranh luận với nhau về phải, trái, nói rằng: "Ta hơn ngươi, ngươi không bằng ta." Vì tâm phân biệt nên ôm lòng cạnh tranh với nhau, thế nên lớp vỏ đất dần dần tiêu mất. [0148all] về sau, đất lại sanh ra một lớp vỏ đất,138 càng lúc càng dày thêm, màu sác như hoa trời, mem mại như áo trời, vị ngọt như mật. Khi ây, những chúng sanh lại cùng nhau lây ăn và sông ở thê giới này một thời gian dài. Trong số đó, những người ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó, chúng sanh mới thấy có sự sai biệt về nhan sac, dung mạo đẹp, xâu, tranh luận với nhau vê phải, trái, nói răng: "Ta hơn ngươi, ngươi không bằng ta.” Vì tâm của họ còn phân biệt, ôm lòng cạnh tranh với nhau nên lớp vỏ đất dần dần biến mất.

137 Nguyên tác: Kiếp sơ ,Aggañña, thời kỳ nguyên thủy. 138 Nguyên tác: Địa phu
.

1010 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau đó, lại có một loại lúa tẻ, mọc tự nhiên, không có cám, trấu, không cần thêm gì cả mà vẫn đầy đủ các vi ngon. Khi đó, chúng sanh nhóm họp một chỗ và nói: "Khổ thay, đây là tai họa! Ngày nay, lớp vỏ đất bỗng nhiên biến mất.,, Cũng như ngày nay, khi con n^ười gặp tai nạn thì liền nói: "Khổ thay!" Bấy giờ, những chúng sanh kia buồn râu, khổ não cũng lại như thế. về sau, những chúng sanh ấy cùng nhau lấy lúa tẻ mà ăn, nên thân hình của họ trở nên thô xấu và có hình dáng nam, nữ sai khác. Họ nhìn ngắm nhau rồi từ đó sanh tâm ái dục, rồi cùng nhau đến nơi vắng vẻ làm điều bất tịnh. Những chúng sanh khác nhìn thấy và nói: "Than ôi! Đây là việc sai trái! Tại sao những chúng sanh này cùng nhau làm những điều như thế?" Những người nam làm việc bất tịnh ấy, thấy người khác quở trách liền tự ăn năn và nói: "T6i đã làm điêu sai quay5\ liên gieo mình xuống đát. Những người nữ thây người đàn ông này gieo mình xuống đất, ăn năn không đứng dậy, họ liền đem thức ăn đến cho người nam kia. Những người khác trông thấy mới hỏi người nữ: "Ngươi muốn đem thức ăn này cho ai?" Người nữ đáp: "Người nam kia, vì ăn năn với những chúng sanh khác về hành động bất thiện của mình, do vậy nên tôi đem thức ăn này cho ông ta." Nhân lời nói này nên trong thế gian

mới có danh từ người chồng bất thiện và do hành động đem cơm đến cho chồng nên mới có danh từ người vợ. [0148b01] Vê sau, chúng sanh đam mê dâm dục nên pháp bát thiện gia tăng, vì muốn che giấu pháp bất thiện nên tạo ra phòng ốc, do nhân duyên ấy mới có danh từ nhà cửa. Vê sau, sự dâm dục của chúng sanh càng gia tăng nên thành ra chồng vợ. Có những chúng sanh khác hoặc mạng hết, hoặc nghiệp hết, hoặc phước hết nên mạng chung ở cõi trời Quang Âm roi thác sanh về thế gian này và ở trong thai mẹ, nhân đó thế gian mới có danh từ thọ thai.139 Bấy giờ, traớc tiên họ xây thành Chiêm-bà,140 sau đó xây thành Già-thi,141 Ba-la-nại,142 tiếp theo xây thành Vương Xá. Khi mặt trời mọc thì khởi công xây cất, đến lúc mặt trời mọc hôm sau là hoàn thành. Do nhân duyên này, thế gian mới có danh từ thành, quách, quận, ấp, là nơi vua ngự trị. Khi chúng sanh mới ăn loại lúa gạo tự nhiên thì sáng lấy chiều chín, tối nay lấy sáng mai chín, sau khi lấy xong thì sanh trở lại, không có trấu, cám. Lúc đó, có chúng sanh tự nghĩ: “Nếu mỗi ngày phải đi lấy thì nhọc công quá, nay ta nên lấy để dùng nhiều ngay?5 Tức thi, họ cùng gặt hái lương thực để dự trữ cho vài ngày sau. Những người sau nói với những người này: "Hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau đi lấy lúa gạo.”

139 Nguyên tác: Xử thai ,gabbà.

140 ChiOm-ba ,Campā.

141 Già-thi Kāsi.

142 Ba-la-nại ,Bārānasī.

Người đó đáp "Tôi đã lấy dự trữ trước rồi nên không cần đi lấy nữa. Nếu ngươi muốn đi lấy thì tùy ý di lấy." Bấy giờ, những người sau tự nghĩ: "Người trước đã lấy lúa gạo để dành ăn trong hai ngày, sao ta không lấy lúa gạo để dành ăn ba ngSy?" Những người này liền lấy lúa gạo dự trữ ba ngày. Ke tiêp, có người khác nói: "Chúng ta hãy cùng nhau đi lấy lương thực v8." Người này đáp: "Tôi đã lấy lúa gạo dự trữ ba ngày. Nếu ngươi muốn lấy thì tùy ý mà lấy.” Thế rồi, nguôi đó tự nghĩ: "Người trước đã lấy lúa gạo dự trữ ba ngày. Sao ta lại không lây lương thực dự trữ năm ngay?" Tức thì, họ lấy lúa gạo dự trữ năm ngày. Khi ấy, vì chúng sanh tranh nhau tích trữ lương thực, cho nên lúa tẻ mới sanh ra vỏ trấu, rồi không sanh nữa và cỏ lác xuất hiện. Lúc đó, chúng sanh tập hợp lại một chỗ, buồn rầu5 khổ não, đấm ngực than rằng: "Khổ thay, đây là tai hẹ)a1" Rồi tự trách: "Chúng ta trước đây đều do hóa sanh, dùng niệm lực làm thức ăn, thân the tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay trên hư không, an lạc, vô ngại. Rồi sau đó, vị đất mới sanh, đầy đủ màu sắc, hương vị. Chúng ta ăn vi đất này và sống ở thế gian này một thời gian dài. Thế rồi, những người ăn nhiều thì nhan sắc dần dần thô xấu. Những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng ta ôm lòng phân biệt, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc ta đẹp hơn ngươi, nhan sắc nguôi không bằng ta.' Do vì tranh cãi về nhan săc rồi có tâm kiêu mạn nên vị đát biến mất, sanh ra lớp vỏ đát, đây đủ hương vị và màu sác. Thê roi, chúng ta cùng nhau lây ăn và sông ở thế gian này khá lâu. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng ta vì có tâm phân biệt, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Ta nhan sắc hơn ngươi, nhan sắc ngươi không bằng ta/ Vì kiêu mạn, tranh

hơn kém nhau về nhan sắc nên lớp vỏ đất biến mất, sanh ra lớp vỏ đất khác, dàn dần dày hơn, đầy đủ hương vị5 màu sác. Chúng ta dùng lớp vỏ đát này làm thức ăn, roi sông một thời gian dài. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng ta có tâm phân biệt, sanh lòng kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc của ta đẹp, nhan sắc của ngươi không bằng/ Vì có sự tranh nhau hơn thua về nhan sắc, có tâm kiêu mạn nên lớp vỏ đất biến mất, lúa tẻ tự nhiên sanh ra, đay đủ màu sắc, hương vi. Chúng ta lại cùng lay thứ đó mà ăn, 9 r e 5 L . 9 e * r 9 • e

buôi sáng gặt lây thì chiêu tôi chín, buôi tôi gặt lây thì sáng mai chín, gặt xong thì sanh ra lại, không cần thu giữ. Bấy giờ, vì chúng ta cạnh tranh, tích trữ nên lúa tẻ sanh trấu, cám, gặt xong không sanh lại như trước mà chỉ sanh cỏ lác. Hôm nay, chúng ta nên phân chia ruộng đất, nhà cửa, phân chia ranh giới, bờ c6i."

1012 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0148C12] Tức thì, họ phân chia ruộng đất, vạch ranh giới, bờ cõi khác nhau, phân biệt ucủa ta”"của người." Sau đó, mọi người tự cát giâu lúa gạo của mình rồi trộm lúa ruộng của người khác. Những chúng sanh khác thấy, nên nói: "Ngươi làm điêu quây, ngươi làm điêu quây! Tại sao lại cát giâu tài vật của mình mà đi lấy tài vật của người?,, Rồi quở trách: “Từ đây về sau, ngươi không được lây trộm nữa." Nhưng họ vân tiêp tục như thê, không từ bỏ, lại tiêp tục trộm cắp. Những người khác trách rằng: "Ngươi làm sai, tại sao không từ b6?” Tức thì, họ dùng tay, dùng gậy đánh đập người này và kéo đến giữa đám đông rồi tuyên bố với mọi người: "Người này tự giau lúa gạo của mình rồi đi trộm lúa gạo của người khác." Kẻ trộm lại nói: "Người kia đánh tôi.,, Lúc ấy, * e • 5 5 r y r \ Āj

mọi người nghe xong, buôn râu rơi lệ, đâm ngực nói răng: "The gian dân dân trở nên xấu ác nên đã sanh ra pháp ác này chng?" Nhân đó mà sanh lòng buồn khô và két thành quả báo khô não, đây là nguôn góc của sanh, già, bệnh, chét, là nguyên nhân rơi vào đường dữ. Vì do có ruộng đất, nhà cửa, ranh giới, bờ cõi khác nhau nên sanh ra tranh chấp, kiện tụng, thậm chí đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết được. Vậy ngày nay, chúng ta nên cử một vị giữ gìn lẽ công bằng,143 khéo ủng hộ dân chúng, thưởng người thiện, phạt người ác. Chúng ta sẽ giảm bớt tài sản của mình đê cung cáp cho vi đó. Lúc đó, trong chúng có một người hình vóc to lớn, dung mạo đoan chánh, rát có oai đức. Mọi người nói: "Chúng tôi muôn tôn ngài lên làm nhân chủ. Xin hãy khéo ủng hộ dân chúng, nên thưởng người thiện, phạt kẻ ác, chúng tôi sẽ giảm bớt tài sản để cung cấp cho ngai!^ Người ấy nghe xong, liền chấp nhận lên ngôi nhân chủ, đối với người đáng thưởng thì thưởng, người đáng phạt thì phạt, từ đó mới có danh từ vua của dân. Vị vua của dân đầu tiên có con tên là Trân Bảo, Trân Bảo có con tên là Hảo Vị, Hảo Vị có con tên là Tinh Trai, Tịnh Trai có con tên Đảnh Sanh, Đảnh Sanh cổ con tên Thiện Hạnh, Thiện Hạnh có con tên là Trạch Hạnh, Trạch Hạnh có con tên là Diệu Vị, Diệu Vị có con tên là Vi Đe, Vị Đe có con tên Thủy144 Tiên, Thủy Tiên có con tên là Bách Trí, Bách Trí có con tên là Thị Dục? Thị Dục có con tên là Thiện Dục, Thiện Dục có con tên Đoạn Kết, Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Két, Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng, Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng, Đại Bảo Tạng có con tên Thiện Kiến, Thiện Kiến có

con tên là Đại Thiện Kiến, Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu, Vô Ưu có con tên là Châu Chử, Châu Chử có con tên là Thực145 Sanh, Thực Sanh có con ten là Sơn Nhạc, Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên, Thần Thiên có con tên Khiển146 Lực,

143 Nguyên tác: Bình đẳng chủ . 144 Nguyên tác: Thủy .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Ngoại . 145 Nguyên tác: Thực .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Thực . 146 Nguyên tác: Khiển .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Tấn .

Khiển Lực có con tên là Lao147 Xa, Lao Xa có con tên là Thập Xa, Thập Xa có con tên là Bách Xa, Bách Xa có con tên là Lao Cung, Lao Cung có con tên là Bách Cung, Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục148 và Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư. [0149al6] Từ Thiện Tư về sau, có mười dòng Chuyển Luân Thánh Vương tiếp tục lên ngôi không gián đoạn: Một là Già-nậu-thô,149 hai là Đa-la-bà,150 ba là A-diệp-ma, bốn là Trì Thí,151 năm là Già-lăng-già,152 sáu là Chiêm-bà, bảy là Câu-la-bà?153 tám là Bán-xà-la, chín là Di-tư-la và mười là Thanh154-ma. Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua A-diệp-ma có bảy vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Trì Địa có bảy vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Già-lăng-già có chín vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Chiêm-bà có mười bôn vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Câu-la-bà có ba mươi mốt vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Bán-xà-la có ba mươi hai vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Di-tư-la có tám mươi bốn ngàn vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Thanh-ma có một trăm lẻ một vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua cuối cùng là Đại Thiện Sanh.155 Vua Thanh-ma có thái tử tên là O-la-bà. Ô-la-bà có con tên là Cừ-la-bà. Cừ- la-bà có con tên là Ni-cầu-la. Ni-cầu-la có con tên là Sư Tử Giáp. Sư Tử Giáp có con tên là Bạch Tịnh.15^ Bạch Tịnh có con tên là Bồ-tát.157 Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do nguồn gốc này nên có danh từ Sát-lợi. [0149b03] Bấy giờ, có một chúng sanh tự nghĩ: “Tất cả vạn vật, tài sản, nhà cửa thuộc phạm vi thế gian đều là gai nhọn, là ung nhọt. Nay ta nên xả bỏ, vào núi tu hành, ở chỗ thanh vắng suy tư." Tức thì, người đó từ bỏ gia đình vào núi tu hành, ở nơi thanh tịnh, ngồi suy tư dưới gốc cây, mỗi ngày ra khỏi núi để vào xóm khất thực. Người trong thôn xóm trông thấy, cung kính cúng dường và mọi người đều tán thán: "Người này có the bỏ sự trói buộc nhà cửa vào núi cầu đạo, nhờ đó mà có thể xa lìa những điều ác, bất thiên", do vậy nên có danh xưng Bà-la-môn.

147 Nguyên tác: Lao .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Lao . 148 Nguyên tác: Mục .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Thâu . 149 Nguyên tác: Thô M. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Gi. 150 Nguyên tác: Bà .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Nghiệp . 151 Nguyên tác: Thí .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Địa . 152 Nguyên tác: Lăng-già .Bản Nguyên, Minh ghi: Chi thuật .Bản Tống ghi: Kỹ thuật RW 2 153 Nguyên tác: La-bà .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: SabS . 154 Nguyên tác: Thanh .Bản Tống, Minh ghi: Ý . 155 Nguyên tác: Đại thiện sanh tùng .Theo Thích-caphổ 7150. 2040.1. 0002Ồ24 thì chữ "tùng"ở kinh này có khả năng ghi nhầm. 156 Nguyên tác: Bạch Tịnh vương ,hoặc dịch là Tịnh Phạn vương Suddhodāna: Vua nước Ca-tỳ-la-vệ Kapilavatthu, phụ vương của Thái tử

Tất-đạt-đa. 157 Danh xưng tôn kính chỉ cho đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi còn ở ngôi vi thái tử.

1014 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thế rồi, trong chúng Bà-la-môn có ngườd không thể tu hành thiền đinh liền ra khỏi núi rừng, đi vào trong nhân gian và nói: "Ta không thể tu thiền." Do đó gọi là vị Bà-la-môn không tu thiền định. Thế rồi, họ đi qua xóm làng làm những điều bất thiện, thực hành các pháp ác, do tướng này sanh nên có danh từ độc ác, do nhân duyên này nên trong thế gian có chủng tánh Bà-la-môn. Trong chúng sanh đó có người làm nhiều nghề nghiệp để tự sinh sống, do đó ở trong thế gian có chủng tánh Tỳ-xá.158 Trong sô chúng sanh ây, có người học tập các ngành nghê đê sinh sông, do vậy trong thế gian có chủng tánh Thủ-đà-la. Trong thế gian, trước hết là có dòng họ Thích ra đời, sau đó là dòng Bà-la- môn. Trong dòng Sát-đế-lợi có người nghĩ: "An ái thế gian là ô uế, là bất tịnh, có đáng gì để tham đắm?" Lúc đó, họ từ bỏ gia dinh, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: "Ta là Sa-môn, ta là Sa-mon.^ Trong dòng Bà-la- môn, Tỳ-xá ya Thủ-đà-la có người tự nghĩ: "An ái thế gian là ô uế, là bất tinh, có đáng gì để tham đắm", rồi họ từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: "Ta là Sa-môn? ta là Sa-mờn." Thê rôi? nêu trong dòng Sát-đê-lợi có người thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác, sau khi làm điêu ác roi, thân hoại mạng chung, nhát định phải chịu khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la thân làm việc ác, miệng nói lời ác. ý nghĩ điều ác. sau khi làm điều ác rồi, thân hoại mạng chung nhất dinhphai chịuIdio. ' ' s g

Trong dòng Sát-đế-lợi, có người thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, sau khi thân hoại mạng chung nhất định hưởng quả báo vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá, thủ-đà-la có người thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, sau khi thân hoại mạng chung nhất định hưởng quả báo vui. Hoặc trong dòng Sát-đế-lợi9 có người mà thân, miệng và ý tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác, sau khi tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác rồi, thân hoại mạng chung nhất đinh chịu quả báo vừa khổ vừa vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la có người mà thân, miệng và ý tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác, sau khi tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác rồi, thân hoại mạng chung nhất đinh chiu quả báo vừa kho vừa vui. [0l49c05] Trong dòng Sát-đế-lợi9 có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo và thực hành thất giác ý. Với lòng tin kiên cố, người ấy chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.

158 Xem chú thích 7, kinh số 5, tr. 602.

30. KINH THẾ KÝ 1015

Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la cũng có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia câu đạo và tu tập thát giác ý. Với lòng tin kiên cô, người ấy chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại: Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái

sanh nữa. Như vậy, người trong bốn chủng tánh đều có thể thành tựu trí và đức, chứng quả A-la-hán, là bậc Đệ nhất. Khi ấy, Phạm thiên nói bài kệ: Bậc nhất, dòng Sát-lợi, Tập hợp nhiều chủng tánh, Tròn đầy Minh và Hạnh, Tối thắng giữa trời, người.159 Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: e r r •>

Vị Phạm thiên này, nói bài kệ rất hay, đáng được chấp nhận, chứ chăng phải không đáng chấp nhận, Như Lai ấn khả. Vì sao như vậy? Vì Ta là đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói bài kệ này: Bậc nhất, dòng Sát-lợi, Tập hợp nhiều chủng tánh, Tròn đày Minh và Hạnh, Tối thắng giữa trời, người. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật nói pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

BỘ TRƯỜNG A-HÀM HOÀN TẤT

Kính lễ Nhất Thiết Trí,
Mong hết thảy an vui,
Chúng sanh nương giải thoát,
Con cũng theo nguyện này.160

159 Bài kệ này còn được nhiều bản kinh ghi nhận với một vài khác biệt về chi tiết. Tham chiếu: D. 27; DÃ. 5; DẢ. 20; MĀ. 154; SÃ. 1190. 160 Bản Hán, hết quyển 22.

PHỤ LỤC l QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO Bô PHÁI

1. NGUỒN HÁN VĂN Nguồn tư liệu góc đê dịch, dò bản và tham khảo dựa theo Đại Chánh tân tu 2. TÔN TRỌNG ÂM VÂN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH GIẢ , Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su”“chính niệm,\ "chúng sinh”., đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn su', "chánh niêm", "chúng sanh"... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tinh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khiru (đối vơi bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ- khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền). 3. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng sô từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa. 3.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, đỉa vi, chức vụ L 3.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết -Viêt thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiên não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn5 lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân man", thuyết "Luân hồi tịnh h6a", v.v...

1018 KINH TRƯỜNG A-HÀM

3.1.2. Các khái nỉệiìì, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mana), thức (yiññāna). giới (sĩlă). đinh (samādhi), tuệ (paññā), v.v... 3.1.3 Các nhân danh, đỉa danh và tên tổ chức tiếng nước ngoài đều viết đứng. Ví dụ: uất-đà-di (,Udāyi), động Thất Diệp (Sattapannaguhā), Thượng Tọa bộ (Theravāda), v.v... 3.1.4. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt5 đàn-tín, kiết-già, v.v... 3.1.5. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v... 3.1.6. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vị, địa vi, chức vụ, học vi: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiêng nước ngoài thì giữa các thành tô có gạch nôi. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn, v.v... 3.1.7. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ"kheo5 Ta nhắc các ông rằng.. 3.1.8. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,./. 3.2. Danh từ riêng 3.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vi. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viêt thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phô Lạc Dương, vùng đát Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 3.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù- sa, chim Ca-lăng-tần-già,... 3.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gân mãn, Pañcasikha (Ngũ Kê) thuộc gandhabbā (càn- thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Co Độc). 3.2.4. Các danh từ phiên âm bi tỉnh lược utiếp đầu ngữw được viết lại chuẩn mực để không bi phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: “Di-dà" sửa thành "A-di-da”.

PHỤ LỤC l 1019

3.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "dức”"bác”, “đấng"? thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ? bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết. 3.4. Tựa kỉnh và tựa tác phàm 3.4.1. Tựa kỉnh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Căn bản pháp môn, Kỉnh Du hành. 3.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kinh Trường bộ, Kỉnh Dược Sư, Kỉnh A-di-đàf Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược. 3.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasañganī). 4. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 4.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. 4.2. Viết bằng số ờ

cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 4.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 4.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (18974963). • 4.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932 mà viết 1930-32. 4.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú) -Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. -ML 276-278 được viết là M. L 276-78. 5. CÁCH CHÚ THÍCH 5.1. Chú thích theo ấn bản Pâli của PTS Tên tập + số tập + số trang. -S. L 70 (Samyutta Nỉkãya. tập I, trang 70). -Sn. 140 (Suttanipāta, trang 140). -JL 389 (Jātaka, tập I, trang 389).

-Vin. II. 287 (Vìnaya. tập II, trang 287). Vbh. 351 (Vibhañga. trang 351). -Kv. 401 (Kathâvatthu. trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nikāya Atthakathaṃ tập I, trang 41 đến 42). 5.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ số 10). -Sn. v. 600 (Suttanipãta. kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragāthā^ kệ số 1196). 5.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: l (Sarnyutta Nikāya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1). 5.1.4. Tên tập + số chương + số kỉnh - số tập + số trang -A. 8.21 - IV. 208. Nghĩa là Anguttara Nikãya, chương 8, kinh số 21; tập IV, trang 208 (theo bản Pali PTS). 5.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục. -GS. II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), p. 338, note 1. 5.3. Chú thích tên bài kỉnh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài lãnh Kỉnh Tham ải (It. L L § 1) nghĩa là Kỉnh Tham ái này nằm trong Kỉnh Phật thuyết như vậy. chương I, phẩm I, kinh số 1. Kỉnh Châu bảu (Sn. IL §1) nghĩa là Kỉnh Châu báu này năm trong Kinh tập. phẩm II, kinh số 1. Kỉnh Bāhiya (Ud L §10) nghĩa là Kỉnh Bāhiya này nằm trong Kinh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh số 10. 5.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pali và tiếng Việt -D, 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh Đại niệm xứ), Nghĩa là Trường bộ. kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pali là Mahāsatipatthāna Suita, tên tiếng Việt là “Kinh Đại niệm xúy -D. L 113, Sonadanda Sutta (Kinh Chủng Dức). Nghĩa là Trường bộ. tập I, trang 113, Kinh Sonadanda Sutta băng tiêng Pali và Kinh Chủng Đức băng tiếng Việt.

5.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pâli Pali (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là s.), Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.E. The Radian gods). Bôn bộ A-hàm còn có nhiêu kinh tương đương với các kinh Pali nên trong các chú thích của dịch giả đều chú Pali và chữ Hán trong ngoặc đơn nhưng không ghi P. Trong một số trường hợp càn sử dụng từ Sanskrit, dịch giả viết s. 5.6. Chú thích theo Hán văn 5.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhỉ kiến kỉnh (roi. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này

thuộc ĐCTf tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kinh (r02. 0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12. 5.6.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kỉnh và Trung A-hàm kỉnh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kỉnh. 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kinh (T.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh. 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 5.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàmf Tăng nhát A-hàm. vì nội dung kinh chỉ đê cập số thứ tự, không có tựa đề kinh. -Tạp.(r 02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh. 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp.|J(r.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 5.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp cú kỉnh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp củ kỉnh “NShoàn phẩm” m(r.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp cú kỉnh, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

5.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phân lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập di môn túc luận (r26.1536. 12 . 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc ĐCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ- đạt-ma Tập dỉ môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 5.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng Tăng.(r.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh. 11 là số thứ tự của “Bất đãi pham,9? số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4. -Tạp .(r.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ TạpA-hàm kinh. 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 5.6.7. Tác phẩm khác Q (N.15. 0006.28.1. 0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc Hán dịch Nam truyền Đại tạng kỉnh ,tập 15; 0006 là số hiệu của Tương ưng bộ kinh 28.1 là nhóm 28 và kinh số 1; 0354a05 tức là trang 0345, cột a, dòng thứ 05. -Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X44. 744.5. 0442a02). Nghĩa là tập này trong Vạn tục tạng ,tập 44; 744 là số hiệu của Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích. 5 là quyển 5; 0442a02 tức là trang 0442, cột a, dòng 02. -Hoa ?(K28. 0028.4. OlOlaOó). Nghĩa là tập này trong/" Thuận Pháp sư Phật học trước tác tập ,tập 28; 0028 là số hiệu của Hoa Vũ tập. 4 là phần 4; OlOlaOó tức là trang 0101, cột a, dòng 06. 6. NHUẬN SÁC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây

được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thông nhát đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này. Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý, xin gởi vê địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2 TÀI LIỆU THAM KHẢO PÃLI & TIẾNG ANH

A. NGUYÊN BẢN PẢLI Añguttara Nikãya. 6 volsed. by Morris, R.Hardy, E.Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1885-1910). Añguttara Nikāya Atthakathā (Manoratthapūram). 5 volsed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS9 1924, etc.). Apadānaṃ 2 vols.ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27). Apadāna Atthakathā (Visuddhajanavilāsinī), ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavarnsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakathaṃ ed. by Homer, L B. (London: PTS, 1946). Cariyāpitaka. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyāpitaka Atthakathaṃ ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939). Cūlaniddesa. ed. by Stede, w. (London: PTS, 1918). Cūlavamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-27). Dhammapadaṃ ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakathaṃ 5 volsed. by Smith, HNorman, H. Cand Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.). Dhammasañganī. ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dhammasañganī Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dīghā Nikāya, 3 vols.,ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910). Dīghā Nikāya Atthakathā (Sumañgalavilāsinī), 3 vols.? ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32). Dīpavamsa. ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakathaṃ 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36). Jātaka. 6 volsed. by Fausboll, v. (London: PTS, 1877-96).

Kathãvatthu. 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-97). Kathãvatthu Atthakathaṃ ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS? 1979). Khuddakapātha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915). Mahāvamsa^ ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1908). Majjhimā Nikāya, 3 vols.j ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1888-99). Mcyjhima Nikāya Atthakathā (Papañcasūdanī), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambī, Dand Homer, L B. (London: PTS, 1922-38). Mahāniddesa. 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17). Milindapañha - Mỉlinda Tikā, ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1880). Nettipakarana. ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902). Niddesa Tikā (Saddhammapajjotika), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40). Patisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1905-07). Patisambhidāmagga ơ V(L^nfpTSJ9^47). Atthakathā (Saddhammappakāsinī). 3 vols., ed. by Joshi,

Patthāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1908). Petavatthu. ed. by Minayeff (London: PTS, 1888). Vimānavatthu. ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS,

1886). Puggalapaññatti. ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). Puggalapaññatti Atthakathaṃ ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS, 1914). Samyutta Nikāya. 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). Samyutta ^onXm: Nikāya tthakathā (Sārattappakāsim), PTS,Ai^-37jk p 3 volsed. by Woodward. F. L.

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipāta Atthakathā (Paramatthajotikā II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18). Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H.,and Pischel, R. (London: PTS, 1883). Theragāthā Atthakathā (Paramatthajotikā V). 3 vols., ed. by Woodward, F. L.a^ondon: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Atthakathā (Paramatthajotikā VI), ed. by Muller, E. (London: PTS, 1893)* Udānaṃ ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885).

Udāna Atthakathaṃ ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926). Vinaya Pitaka, 5 volsed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83). Vibhañga. ed. by Rhys Davids, c. A. F.(London: PTS, 1904). Vibhañga Atthakathaṃ ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (London: PTS, 1923). B. BẢN DỊCH TIÊNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1900). Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. w. (London: Triibner and Co., 1880). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS, 1910). Cūlavamsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, c. Mabel (London: PTS, 1929-30). Dialogues of the Buddhā, tr. by Rhys Davids, T. Wand Mrs. Rhys Davids, C. A. F.(London: PTS, 1899). Divyāvadāna. ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethren (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings. 5 volstr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30). The Book of the Gradual Sayings. 5 vols.,tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36). The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols., tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1954-59). The Jātaka or Stories ofthe Buddha s Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R,Rouse, w. H. D., Francis, H. T.,Neil, R. A.,Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913). The Path ofPurity, 3 volstr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31). The Questions of King Milinda. tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH Rhys Davids, c. A. FA Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. FBuddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 1912). Rhys Davids, c. A. E, Buddhism (London: PTS, 1912). Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam^on, 1896). Rhys Davids, T. WBuddhist India (New York: G. p. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903). Tāranātha, History ofBuddhism in India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism ỉn Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922). Journal ofthe Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal ofthe Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824). D. TỪ ĐIÊN A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). Dictionary of Chinese Buddhist Terms, William Edward Soothill, Lewis Hodous, Digital version (Taipei: Dharma Drum Buddhist College, 2010). Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism, 6 vols.,ed. by Malalasekera, G. P.,Buswell, R. E., Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99). Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27). English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955). Pali-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS, 1921-25). search/node/pali%20dictionary.

org/dict/dfb/data/ edu.tw/glossaries/KKJ?locale=zh-TW glossaries/KDR?locale=zh-TW tw/data/lokaksema.dila.pdf buddhason.org/ad/index.htm

SÁCH DẪN TRƯỜNG A-HÀM (Bản dịch của Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm)

A ác đạo 55,100,101,102,123,254,255,370, an cư kiết hạ 42 371,374 an ổn quán 22 ác dục 157 ao A-nậu-đạt 379, 382, 443 ác hạnh 154, 156, 179, 230,410 ao Bát-đầu-ma 378 ách của dục 158 ao Bạt-nan-đà 419 ách của hữu 158 ao Câu-vật-đầu 378, 443 ách của kiến 158 ao Ma-đà-diên 381,382 ách của vô minh 158 ao Na-lân-ni 421 ác pháp 22, 23, 180, 244, 248, 255, 275,475 ao Nan-đà 425 ác tư duy 154 ao Phân-đà-lợi 378, 443 ái dục 55, 154, 170, 305,314 ao Thiện Kiến 383, 384,385,443 ái ngữ 190 ao Tứ-phương-đà-diên 443 A-la-hán 37, 54, 73, 74, 111, 116, 127, 158, ao Ưu-bát-la 443 162,168,182,217,218,219,245,254 a-tăng-kỳ kiếp 23 259, 336, 366, 370,434,477 a-tu-la 89, 90, 91, 92, 103, 205, 206, 207, Am-bà-bà-lê 37, 38 39,40,41 212,261,263 Am-bà-la 49, 376, 377, 383 a-tu-luân Chất-đa 456 A-na-hàm 37, 104, 111, 158, 162, 168, 182, a-tu-luân Chất-đa-la 455 254, 370 a-tu-luân La-ha 418 A-nậu-đạt 379, 380, 382, 385, 392,413,443 a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la 453, 454 A-nậu-di 215 a-tu-luân Xá-ma-lê 458

B ja ác hạnh 122 bậc Phước Trí 12, 15 bậc Chánh Giác 5, 12, 22, 28, 47, 238 bậc Sa-môn Thích chủng 6 bậc Chân nhân 41, 265, 304, 338 367 bậc Sa-môn tối cao 84 bậc Chí Chân 5, 32,11 i, 174, 175,250, 303, bậc Sư Tử Giữa Người 14,78 304,311,323,333,358 bậc Thánh nhân 37 bậc Chí Giác 32 bậc Thánh Trí 52 bạc Đại Thánh 52 bậc Thế Gian Giải 271,309 bậc Đại Trí 27 bậc Thiên Nhân Sư 25 bậc Điều Ngự Trượng Phu 271, 309 bậc Thiện Thệ 271,309 bậc Hiền trí 35 bậc Thượng nhân 245, 325, 326, 369 bậc Hữu học 74 bạc Tối Chanh Giác 27 bậc Ly Dục 28 bậc Tối Thượng Chánh Giác 4, 5 bậc Minh Hạnh Túc 271,309 bạc ứng Cúng 271,309 bậc Nhất Thiết Trí 11 bạc Vô Nhiễm 27 bậc Nhơn Tôn 28 bậc Vô Thượng 5, 6, 78

bậc Vô Thượng Sĩ 271, 309 bất thiện pháp 68, 157, 171, 184,210, 276 Bác-xà-lâu 422 bất thiện tưởng 154 ba đường ác 25, 37,114, 149, 279 bất tinh 24, 25, 32, 41, 52, 113, 114, 130, ba kiết sử 36, 100, 101 144,145, Ì46,147,159,160,162,)71 Bà-la-môn Chủng Đức 303, 304, 305, 307, 206 252,405,427,437 438,439 440, 308,309,310,314 , 448 473 477 Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu 311, 312, 315, bất tịnh tưởng 171 321,322, 323,324 bàvi-đề-hy 347 Bà-la-môn Cứ-xỉ 306 bảy báu 12,65,125,266,374,376,377,378, Bà-la-môn Đa-lê-xa 337, 338 379,380 381 384,387 388,391,392, Bà-la-môn Đa-lợi-già 306, 314 411,412,418,419,421,422,423,424, Bà-la-môn Hương Tánh 85, 86 425,446,447,450,452,460,461,465, Bà-la-môn Khư-nậu-bà-đề 311 466, 467, 468, 470 Bà-la-môn Lộ-già 368,371 bảy chỗ thức trú 161, 171, 183,200 Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la 265, 282, 283, bảy giác ý 170, 183, 190,241 285,306,314,337,338 bảy pháp bất thối 31 Bà-la-môn Thủ-ca-ma-nạp-đô-da-tử 306 bảy pháp giác ý 115, 162 Bà-la-môn Vũ-xá 347 bảy pháp sử 171 Bà-la-môn Y-xa-năng-già-la 337 bảy pháp tam-muội cụ túc 162 Ba-la-nại 8, 61, 175 176,474 Bích-chi Phật 58 Ba minh 167, 323 , biến dịch khổ 155 ba mươi hai tướng tốt 12, 13, 34, 265, 266, biên kiến 146, 147, 161 283, 284, 315 Biến Tịnh thiên 155,161,163,184,185,428, bản ngã 291, 292, 293, 415 429, 436,441,448,449,450, 451,452 báo ứng 279,292,293, 295, 296 bốn biện tài 22, 84, 167 ba pháp y 19, 99, 118, 120, 125, 226, 227, bốn cách ký luận 158 271,292,293,296,310,321,327,336 bốn chân đế 14 353,354, 368,369,410, 477 bốn châu thiên hạ 12,62,117,118,120,125, bất ái ngữ 190 266, 374, 394, 405,444,447, 448 bát chánh đạo 27, 47, 171, 184, 185,250 bốn chúng 84, 256, 257 bất định tụ 156 bốn đại 328, 329, 437 bất đọng giải thoát 25 bốn Đại giáo pháp 50 Bất Động phong 420, 452 bốn điều kỳ đặc 74, 75 Bất dụng tưởng 186 bốn đôi tám bậc 37, 111 Bất dụng xứ 157, 161, 162, 163, 176, 184, bốn hạng người 58, 232 185,186,200,201,248,358,359,360, bổn kiến 246, 247 364, 365, 429 bốn kiến giải 291, 292, 293, 294, 295, 296, Bất Dụng Xứ thiên 429 297, 300 ba thiện căn 154, 189 bốn lý chân thật 27 ba thứ lậu hoặc 33 bốn món thần túc 44 bất khả lạc tưởng 171, 178 bốn nhiếp pháp 157 bất khổ bất lạc thọ 166, 182, 194, 198, 199 bốn niệm xứ 157, 167, 190, 241, 248 bất khủng bố ngữ 190 bốn oai nghi 158 Bạt-nan;đà 83,411,413,419,458 bốn Phạm đường 157 bất nhuế ngữ 190 bốn pháp túc 157 bất si ngữ 190 bốn pháp vi diệu 36 bát Thanh đạo 72, 73 bổn sanh 246, 247, 292, 293, 296

bốn Thánh đế 158, 167 bốn Vô sắc định 157 bốn thần túc 65, 157, 241 bốn ý đoạn 157,241 bốn thiền 241 Bồ-tat 9, 10, 11, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 22, bốn thiên tử 9, 10 45, 46, 92, 476 bốn thọ 156, 158, 167 bố thí 22,24,25,35,41,42,55,68,121,124, bốn thực 156, 167 140,141,155,204,285,319,320,321 bốn tướng quân binh 12 322 324,351,386,393 432 433 434, bốn vô ádi 158, 167 437 438,439, 462,470 bốn vô lượng tâm 94, 95, 321 Bố-tra-bà-lâu 357, 361, 362, 364, 366 C ca-lâu-la 263 chánh ngữ 105,172, 179, 180,185, 186,191 càn-đạp-hòa thần 260 chánh niệm 9, 105, 157, 162, 171, 172, 179, càn-thát-bà 207,213,260,261,380,422,472 180, 185, 186, 191 Cấp Cô Độc 181, 189, 328, 357, 373 Chánh pháp 12, 23, 25, 31, 32, 33, 37, 40, Ca-tỳ-la-vệ 8 41, 43, 44, 50, 51, 55, 58, 60, 62, 73, Câu-lợi-diểm-bà-la 376 107, lio, 114, 117 118, 119, 120, 121 Câu phần giải thoát 201 125,140,153,154,156,158,159,160, cấu uế 24,52, 145, 146, 147, 166, 260, 310 161 162 163 166 175 217 235,241, cây A-du-ba Ni-câu-luật 44, 48 242,263,266,271,284,285,288,301 cây Ba-ba-la 5 310 323,324,335,354,355,358 366, cây Ba-lăng-phất 33 388,392,410,418,437,438 439,441, cây Bát-đa 5, 6 448, 450, 462 cây chúa Bà-la 380 Chánh pháp tam tụ vi diệu 191 cây chúa Thiện Trụ 380, 381 chánh phương tiện 105, 172, 179, 180, 185, cây Đồ Dùng 384 186, 191 cây Hương 383, 384, 392,431 chánh quán 15, 198 cây Khí Cụ 383, 392,431 chánh trí 20,172,179,180,186,191,199,245 cây Nhạc Khí 383, 384, 392, 431 chánh tư duy 154, 162, 179, 180, 185, 186, cây Ni-câu-luật 5 191,211 cây Ô-tạm-bà-la-môn 5 chánh tứ y 179 cây Phân-đà-lợi 5 chan lý diệt khổ 27 cây Quả 383,384,392,431 chấp có 154 cây Sa-la 5 chấp không 154, 161 cây Thi-lợi-sa 5 chất vấn ký luận 158 cây Tràng Hoa 383, 384, 392, 431 châu Câu-da-ni 472 cây Trang Sức 383, 384, 392, 431 châu Diêm-phù-đề 376, 385, 407, 427, 428, cây Trú Độ 27,419, 426, 427 430, 435, 436, 472 cây Y Phục 383,384,392 Châu-la Thiện Kiến 421,422 chanh định 45, 48, 157, 172, 179, 180, 185, Châu-na 51, 52, 53, 57, 237, 238, 239, 240, 186, 191 241,243,244 chánh định tụ 156 châu Phất-vu-đãi 376,429,430,435,469,472 chánh giải thoát 179, 180, 186, 191 châu uất-đơn-việt 376, 382, 386, 428, 429, chánh kiến 105, 124, 154, 169, 180, 183, 430, 436,472 185,186,191,238,239,255,320,392, chiêu-đề-tăng 40, 41 435 441 448, 450, 462 chín chi tịnh diệt 185 chánh mạng 105 chín cõi chúng sanh 176 chánh nghi&)105,172,179,180,185,186,191 chín dị pháp 178

1032 KINH TRƯỜNG A-HÀM

chín gốc ái 185, 186 cõi Không Phạm 225, 464 chín pháp diệt tận 178 cỗi Phạm thiên 24, 100, 292, 321, 328, 341, chín pháp hỷ 191 345, 392 chín pháp không não hại 177 cõi Phật 374 chín pháp não hại 177 cõi Phi Hữu Biên, Phi Vô Biên Phi Hữu chín tịnh diệt pháp 176 Tưởng Phi Vô Tưởng 299 chín tưởng 178 cõi Phi Hữu Biên Phi Vô Biên, Vô Tưởng 298 chỉ trụ ký luận 158 cõi Phi Hữu Sắc Phi Vô sắc 297, 299 chỉ tức 158, 167,332, 361,362 cõi Phi Hữu Sắc Phi Vô sắc, Phi Hữu Tưởng chỉ tức xứ 158 Phi Vô Tưởng 299 chỉ và quán 27, 166, 181, 189 cõi Phi Hữu Sắc Phi Vô Tưởng 298 chơn giác 20 cõi Sắc 299, 360, 364, 365 chùa Thiên Quan 81, 82, 83 cõi Thiểu Tưởng 298 chứng Niết-bàn 36 cõi trời A-ca-ni-xà 27 chứng quả Bồ-đề 46 cõi Tứ Thiên Vương 24,430,431 Chuyển Luân Thánh Vương 12, 57, 58, 62, cõi Vô Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng 299 63, 64, 65, 70, 74, 82, 117, 118, 119, cõi Vô Biên Vô Tưởng 298 120,125,266,378,387,388,389, 390, cõi Vô Lượng

Tưởng 298 391 392 393, 476 cõi Vô Sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng 299 chuyển pháp luân 12,24,25,26,45,46,75,78 Cù-đàm 35, 41, 71, 72, 73, 111, 143, 144, Chuyển phong 466, 470 149,150,219,220,221,222,223,224, chuyên tâm bất loạn 68 227,244,255,256,265,266,267,269, có giác có quán 68, 244, 276, 300 283,288,289 290,303 304,305,306, cõi Bất Khổ Bất Lạc, Hữu Tưởng 298 307,311,312,313,314,315,321,331, cõi Đa Tưởng 298 332 338, 343, 357, 361, 362, 367, 368 cõi Dục 299,360,364,365,366 Cù-di 427 cõi Hữu Biên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng 299 cung điện Nhật Nguyệt 421 cõi Hữu Biên Vô Biên Hữu Tưởng 297 cung Ma thiên 375 cõi Hữu Biên Vô Biên, Phi Hữu Tưởng Phi cư SI 33, 34, 35, 36, 46, 57, 58, 62, 64, 65, Vô Tưởng 299 67 69, 70, 90,94, 95,98,99,100,104 cõi Hữu Biên Vo Tưởng 298 110, 111, 115, 117, 125, 128, 141,222, cõi Hữu Lạc Hữu Khổ 298 223,224,242,266,267,271,273,282, cõi Hữu Nhất Tưởng 298 289,303,304, 307,311,312,315,325, cõi Hữu Sắc Hữu Tưởng 297 326 327,334,340,363,387,389 390, cõi Hữu Sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng 299 392, 393 477 cõi Hữu Sắc Vô Sắc, Phi Hữu Tưởng Phi Vô cưsĩTán-đà-na 143, 144, 149, 151 Tưởng 299 cưu-bàn-trà 261, 422 cõi Hữu Sắc Vô Sắc Vô Tưởng 297 cửu tận 186 cõi Hữu Sắc Vô Tưởng 298 D danh sắc 20, 21, 193, 194, 197, 198, 329, Diệm Thiên vương 79 430, 431 diệt đế 24, 25, 41, 55, 126, 361, 362, 417, dị đế 179 • 428,437,438 Diệm-ma 100, 104, 327, 374, 375, 418, 419, diệt độ 43, 44, 45, 47, 48,49, 57,58,61,71, 420,427,428,429,430,431,436,442, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 83, 85, 444, 446, 448, 449, 451, 459, 460 87, 101, 140, 150, 239, 253

Diệt tận định 178, 185, 186, 201,248 dục ái 155, 166, 171, 182, 184, 194 diệt Thánh đế 158,167,285,324,417,438,439 dục ái sử 171, 184 Diệt tưởng định 359 dục giới 37, 167, 436 Diệt tưởng tri 162 dục hữu 194 diệu pháp 6, 427 dục lậu 33,49, 155,280 Di-lặc 125 dục nhiễm 10, 23 dòng Bà-la-môn 5, 8, 85, 109, 110, 111, 115, dục, nhuế, bố, si 230 268, 270,363,472, 477 dục thọ 156,167,182 dòng Ly-xa 85 dục thủ 194 dòng Sát-đế-lợi 5, 8,62,92,93,104,110,111, dục tư duy 154 115, 119, 269, 270, 305, 313, 317, 318, dục tưởng 10,154, 358 351, 352, 353 363 387,467,470,477 Dưỡng phong 466, 470 Đ Đại Điển Tôn 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100 đấng Vô Thượng 11,77, 84,211,256 đại định tam-muội 37 đấng Vô Thượng Thiên Nhơn 4 đại khổ ấm 194, 198 đấng Vô Thượng Tôn 3, 140 đại Niết-bàn 87 đàn-việt 159, 234, 471 Đại Phạm thiên 91, 104, 226, 292, 328, đạo đế 24, 25, 41, 55, 126, 207, 361, 362, 436, 464 417, 428, 437, 438 Đại Phạm vương 225, 328 Đao-lợi thiên 46, 206, 207, 212, 374, 425, đại pháp 74, 79, 80, 83, 293, 294, 295, 296, 428,429,430,436,442,444,446,448, 297, 298, 299, 300,310 449, 460 Đại thiên thế giới 374 đạo phẩm giác ý 132 Đại Tiên Nhơn 28 đạo Thánh đế 167, 280, 285, 438, 439 Đại Từ 87 đạo tịnh diệt chi 176 Đại tướng A-do-đà 222 đa trí 161 Đại tướng Dũng Kiện 347 Đa Tử tháp 218 Đà-la 427 Đâu-suất-đà Thiên vương 79 Đa-lê-xa 337, 338 Đầu Thủ 420 đấng Đại Giác Thứ Bảy 27 đa văn 50,75,127,161,162,171,177,178,179 đấng Điều Ngự 24 Đe-đầu-lại-tra Thiên vương 103, 260, 421 đấng Điều Phục Vô Thượng 104 Đề-đế-lại-ứa Thiên vương 89 đấng Giác Ngộ 4 đệ nhất nghĩa 52, 455, 456 đấng Nhân Long 11 Đệ nhị thiên 157, 441,442 đấng Nhân Sư 14 Đệ tam thiền 157, 448 đấng Nhật Quang 211 Đe-thích 9, 24, 40, 41, 89, 90, 91, 92, 103, đấng Pháp Vương Tối Thượng 89, 90, 91,

104,106, 125,203,204,205,206,207, 92, 104 208,209,210,211,212,213,424,426, đấng Phúc Trí 11, 14 427,433,434,453,454,455,456,457, đấng Phước Huệ 15 459, 460 đấng Phước Trí Vô Thượng 46 Đệ tứ thiền 157, 450 đấng Thanh Tịnh 84 Đe-yết-la 422 đấng Thập Lực 6, 84 địa ngục Băng Lạnh 399, 400, 401, 402, đấng Thề Tôn 14, 84,211 403, 404 đấng Tịch Tịnh 84 địa ngục Bát-đầu-ma 406, 407 Đẳng trí 158, 167 địa ngục Búa Riu 398, 399 đấng Trí Tịnh 84 địa ngục Cát Đen 395,400,401,402,403,404

1034 KINH TRƯỜNG A-HÀM

địa ngục Câu-vật-đầu 406 định Bất dụng 77 địa ngục Đá Ép 394, 397, 400,401 định căn 159, 168, 182, 190 địa ngục Dây Đen 394, 399, 400 đinh Diệt tưởng 77 địa ngục Dê Kêu 405, 406 định giác ý 32, 251 địa ngục Đói 396 định Hữu tưởng vô tưởng 77 địa ngục Đong Lửa 397 định Không xứ 77 địa ngục Kêu La 394,401, 402 định lực 159 địa ngục Kêu La Lớn 394, 401, 402 định Nhị thiền 77 địa ngục Khát 396 định Phi tưởng phi vô tưởng 201 địa ngục Không Mây 405, 406 định sanh hỷ lạc 68, 126, 157, 276, 300 địa ngục Máu Mủ 397 định Sơ thiền 77 địa ngục Mây Dày 405, 406 định Tâm tam-muội 291 địa ngục Một Vạc Đồng Sôi 396 định Thức xứ 77 địa ngục ối ổi 405, 406 định Tứ thiền 77 địa ngục Phẩn Dãi 395, 396 định Vô tưởng 43, 201 địa ngục Phân-đà-lợi 406 định Ý tam-nmội 45,48,226,227,251,252, địa ngục Rừng Kiếm 399 253, 254, 255 địa ngục Sài Lang 399 đoạn ấm 22 địa ngục Sông Tro 397, 398 Đoạn diệt luận 299 địa ngục Than ôi (Nại Hà) 405 đoạn kiết 6, 22 địa ngục Thiêu Nướng 394, 402,403 đoan thực 156,167,182,429 địa ngục Thiêu Nướng Lớn 394, 403 động Câu-lợi 373 địa ngục Tu-càn-đề 405, 406 độ nghi tịnh diệt chi 176 địa ngục Tưởng 394, 395, 404 động Hoa Lâm 3 địa ngục Ưu-bát-la 406 động Nhan-đà-bà-la 203, 205 địa ngục Vô Gián 394, 403, 404 động Thất Diệp 335 địa than 24, 437,438 động Thiện Tru 380 điệu hý 159, 168, 179, 186, 208, 209 đúc Tịnh Nhãn 206,212 Điều phong 466, 470 đức Trí Tuệ 90, 104 định Bất động 277

già, bệnh, khổ 21 giới giải thoát 161 giác quán 68, 126, 178, 186, 253 giới kinh 27 giải thoát tinh diệt chi 176 giới luật 32,125,168,171,183,275,290,310 giải thoát tri kiến 5, 111, 182 giới Ma-ni-bà-đà 413 giải thoát tri kiến vô học tụ 169 giới pháp 34, 37, 335 giải thoát vô học tụ 169 giới tài 170, 183 Già-lam-phù 376 giới thọ 156, 167, 182 giảng đường Hoa Lâm 3 giới tịnh diệt chi 176 giảng đường Lộc Mầu 109 giới tụ 155 giảng pháp như Hiền thánh 3 giới vô hại 155 giáo giới 100, 155,326,327 giới vô học tụ 169 Giáo giới thần thông 326, 327 giới vô sân 155 giới cấm thủ 194 giới vô thượng 170 giới Cụ túc, 25, 26, 73, 75 gió Tăng-già 446 giới đạo kiết 159

SÁCH ĐẢN 1035

H Hải thuyền sư 36 hoa Ưu-đàm 72 hại tư duy 154 hoa ưu-đàm-bát-la 77 hại tưởng 154 hoa văn-đà-la 81, 83 hành Bát-niết-bàn 244 họ Ca-diếp 5 hành khổ 155,274 họ Câu-ly-nhã 5 hạnh không tịch 84 họ cồ-đàm 5 hành trụ 158 hộ giác ý 32, 162 hạnh vô thượng 23, 125, 477 ho Già-già 165, 303, 304, 307 Hê-ma-lạt-đà 422 hối (trạo hối) 159 Hiện tại Niết-bàn luận 300, 301 hộ niệm thanh tịnh 358, 450 Hiển thánh 3, 32, 37, 68, 126, 157, 159, 167, huệ nhãn 156, 276 168,169,172,179,182" 83 184,185, huệ tài 170

186,209,210,229,244 245,255 290, huệ thí 157 293,294,295,296,300,305,313,331, Hùng Lực 420 332,341,354,355,358 359,373 374, hư ngôn phát 159 410, 453, 454, 467,470 hương ái dục 170 Hiền thánh đường 156 hương ái thân 160 Hiền thánh giới 369 hương nhập 160, 179, 186 hoa a-hê-vật-đa 66 Hương Tháp 47 hoa bà-la-đà 427 hương trần 196 hoa bà-sư 427 hương tưởng thân 160 hoa bát-đầu-ma 66,406, 427, 468 hương tư thân 160 hoa câu-vật-đầu 66, 81, 406, 468 hư phát 159 hoa chiêm-bặc 427 hữu ái 155, 166, 181, 182, 194 hoa đại già-già-lợi 427 hữu ái sử 171, 184 hoa đại mạn-đà-la 427 hữu biên 246,247,294,295,360,361,414,415 Hỏa diệm tam-muội 203, 205 Hữu hành Bát-niết-bàn 160 hoa đồng nữ 427 Hữu học giải thoát 154 hoa già-già-lợi 427 hữu kiến 154 hoa giải thoát 60, 427 hữu kiết 28, 245 hoại khổ 155 hữu lậu 33,49, 100, 155,166, 178,181, 251, hoại kiếp 252, 253,254, 291 253,285 hoa mạn-đà-la 427 hữu lậu giải thoát 166 hòa ngôn phát 159 hữu lậu tận đạo Thánh đế 280 hoa phân-đà-lợi 61, 66, 77, 81, 406, 468 hữu lậu tận Thánh đế 280 hóa sanh 111, 112, 130, 156,411,412,413, hữu lậu tập Thánh đế 280 464, 474 hữu lậu xúc 181 hoa tần-phù 427 hữu ngã 199 hỏa thần 437, 438, 439 hữu niệm 358, 359 hoa thù-hảo 427 Hữu tưởng luận 297, 298 hoa tu-mạn-châu-na 427 Hữu Tưởng Vô Tưởng thiên 429 Hóa Tự Tại thiên 374,427,428,429,430,432, Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí thiên 437 436,442,444,446,448,449,459,460 Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ 157, 162, 163, hoa ưu-bát-la 61, 66, 77, 81, 376, 389, 406, 176,178,185,186,201,248,358,360 427, 468 364, 365, 366, 376

1036 KINH TRƯỜNG A-HÀM

hữu vi 45,48, 154, 454 hỷ lạc 125, 126, 157, 211, 212, 243, 244, hữu vi giới 154 245, 275, 276, 277, 300, 358, 429 hỷ giác ý 32, 251 hý luận 3 hy thân 209

K khai thị 24, 25,235,241,437 khủng bố ngữ 190 khẩu hành thanh tịnh 158 kiến ái sử 184 khinh an 162,183,190 kiến chấp 24, 127, 129, 223, 225, 246, 247, khinh an giác ý 32 414,415,416 khổ ách 25 Kiên Cố phong 420, 452 khoăm 194,417 kiến đạo 25 khổ ấm tập 20 kiến định 251,252 khổ đế 24, 25, 41, 55, 126, 361, 362, 417, Kiến động 301 428, 437, 438 kiến giải 131,221, 228, 287, 290, 291, 292, khổ hạnh đệ nhất 148 293,294,295,296,297,298,299,300, khổ hạnh kiên cố 148 301, 360, 413, 414, 417, 438, 439 khổ hạnh thù thắng bậc nhất 149 Kiến phát 156 khổ khổ 155 Kiến sắc thọ chứng 158 không lậu tưởng 179 kiến sử 171 Không tam-muội 155, 166 kiến thọ 156, 167, 182 Không Trí thiên 437 kiến thủ 194 Không vô biên xứ 178 kiến tịnh diệt chi 176 Không xứ 77, 157, 161, 162, 163, 171, 176, Kiền-trùy trụ xứ 101 184,185,186,200,201,248,358,360, Kiến vô thượng 170 364 365 376, 429 kiết phược 165 Không Xứ thiên 429 kiết sử 3,6,22,101,207,247,253,254,285, Không xứ tưởng 358 324,434 khổ tạp 20, 158,417 kiêu mạn 112, 118, 146, 159,219, 221,223, khổ, tập, diệt và đạo 107 225, 474, 475 khổ Thánh đế 158, 167, 280, 285, 324, 417, Kim Si điêu 374, 376, 427, 429, 430, 436 438, 439 kim thân Phật 82 khổ thọ 155, 166, 182, 194, 198, 199 Kim-tỳ-la thần 260 khổ vô ngã tưởng 171, 178 Kỳ-bà 427 Q1ÚC Cung 383, 384 Kỳ Cựu đồng tử 347 L lạc thọ 155, 166, 182, 194, 198, 199 Lệ-xa 38, 39, 40, 222, 223, 224 La-hầu-la 7, 476 liêu tri 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, làng Y-xa-năng-già-la 265 172, 176, 178, 180 lão tử 20,22, 193, 194 Linh-ê-nậu 427 la-sát 138, 261 Lộc Uyển 25, 46 lậu hoặc 6, 24, 25, 41, 55, 126, 169, 171, lợi, suy, hủy, dự,

xưng, cơ, khổ, lạc 172 324, 437, 438, 439 long cung Y-la-bát 424 Lậu tận A-la-hán 245, 434 long vương Bạt-nan-đà 458 Lậu tận thông 170, 183 long vương Nan-đà 458 Lậu tận trí 167, 182, 310, 334, 354, 370 luận sự 156, 287 Lậu tận trí minh 155 luật giới 369

luật nghi 51, 179, 186,210 ly dục sanh 244, 358 lục nhập 20, 21, 193, 194, 198, 247, 299, ly sanh hỷ lạc 68, 125, 157, 276 359, 364, 430 Ly-xa-tử 215 Lực Sĩ Mật Tích 78, 269

Ma Ba-tuần 44,45,48, 151 Minh và Giải thoát 166, 181 Ma-đà-diên 380, 382 mười chánh hạnh 179, 186 Ma động 301 mười cứu pháp 178, 186 ma-hầu-la-già 263 mười diệt pháp 180 mạn ái sử 184 mười hai nhân duyên 20 mạng hành thanh tịnh 158 mười Hiền thánh xứ 179 ma-m 278, 382, 384 mười hiệu 12,32,37,41,90, 111, 125, 159, mạn sử 171 168,182,265,266,303,304,311,312 Mã Quốc 260 327, 338 343, 358, 367 Mạt-la 70, 80,81, 82 mười sắc nhập 179, 186 mắt trời Đao-lợi 15 mười sáu kiến giải 297, 298 Ma vương 40, 126, 262 mười tà hạnh 179, 186 Mẹ chư Phật 10 mười vô học 163 Minh, Hạnh 116, 270, 280, 281 mười vô học pháp 180 minh liễu 20 N Na-đề 101 ngã có lạc 247 na-duy tuế 4 ngã không khổ lạc 247 Na-lan-đà 249 ngã kiến 156, 198 năm ấm cái 39, 41, 55 ngã mạn 96, 110, 147 năm căn 159, 168, 182, 190, 241 ngã tăng thịnh 155 năm chi diệt tận 168, 182 ngã thọ 156, 167, 182 năm công đức 34, 212 ngã thủ 194 năm diệt tận 159 ngã vô lạc 247 năm điều suy hao 34 Nghĩa động 301 năm giải thoát nhập 168 nghi cái 159, 182 năm giới 10,41/159, 190, 322 Nghiêm Sức thiên 436 năm hạ phần kiết sử 36, 100, 101, 159, 244, Nghiêm Thắng Quả Thật thiên 436 253, 285, 324 nghiệp hành báo 15 năm hỷ giải thoát nhập 160 nghi giới 369 năm lực 159, 241 nghi kiết 159 năm tâm ngại kiết 168 nghi phát 156 năm thiện phát 159 nghi sử 66, 171, 184 năm thọ ấm 159, 172, 182, 185 ngoại dục 18 năm thượng phần kiết sử 159 ngũ căn 47, 171, 184, 250 năm trí định 169 ngũ dục 12, 16, 18, 92, 93, 97, 98, 104, 130, năm triền cái 168, 182, 245, 276, 358, 437 211,255,256,300,306,314,316, 341, năm vô học tụ 169, 182 347 353, 354, 355, 426, 470 Nan-đầu 427 ngũ lực 47, 171, 184, 250 Năng Nhân 6, 10 ngũ phát 159 ngã có khổ lạc 247 Ngũ Tịnh Cư thiên 28

Nhân-đà-la 427 niệm lạc hạnh 68 nhân duyên 4, 9, 21, 22, 27, 28, 45, 46, 56, niệm lực 112, 113, 159, 474 68, 99, 103, 114, 166, 172, 180, 184, niệm Pháp 33, 161, 169, 183, 190 185,193,194,199,207,208,226,227, niệm Phật 26, 33, 102, 161, 169, 183, 190 247,250,254,279,290,358,359,395, niệm Tăng 33, 161, 169, 183, 190 442 446 447,448,450,452,463,467, niệm thân 165, 181 468, 469,470,471,472, 474,477 niệm thanh tịnh 68, 126, 157, 244, 277, nhãn nhập 160,169,179, 183, 186 358, 450 nhẫn nhục 27, 118, 273, 289, 360, 455,456 niệm thí 33, 161, 169, 183, 190 nhất tâm 54, 157, 159, 160, 169 244, 275, niệm thiên 33, 144, 161, 169, 183, 190, 445 276,278,279,280,300,333,335,336, niệm thực 156, 167, 182, 429 358, 364, 471 niệm túc mạng chứng 158 nhất tâm niệm Phật 102 niệm vô thượng 170 nhiễm trước 21, 275, 352 Niên Trưởng lão 156 nhĩ nhập 160, 169, 179, 183, 186 Niết-bàn 3, 7, 22, 27, 36, 37, 42, 44, 45, 46, nhĩ thọ thân 160 47, 48, 52, 53, 56, 57, 60, 70, 71 72, nhĩ thức 160, 196 75, 77, 80, 87, 90, 100, 111, 118, 159, nhĩ

thức thân 160 165,168,182,189,190,191,204,210, Nhị Túc 87 246,253,285,300,301,324 336 361 nhĩ xúc thân 160 362,410 nhuế ngữ 190 noãn sanh 156, 429 nhuế tâm 341, 342, 343, 344 nội ngoại trí 169 Như Lai 3,4, 5,6, 14,21, 22, 25, 26, 27, 28, nội trú nhất tâm 157 32, 34, 35,37,39,40, 41,43,44, 45 núi A-bát-nê-lâu 447 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 57, 58, núi chúa Tu-di 374, 375, 405, 411, 423, 444, 59, 60, 70, 71, 72, 73, 74, 77, 78, 79 445,448,449, 451 80, 81, 82, 83, 85, 86, 87, 89, 90, 91, núi Đại Kim Cang Luân 447 92, 101, 102, 104, 105, 106, 107, 109, núi Điều Phục 377, 468, 469 111, 116, 125,140,149, 150, 151)54 núi Già-la-la 376 156,158,159,160,161,162,163,167, núi Khư-đà-la 376, 377, 411, 467, 468 168,169,170,171,174,175,176,178, núi Kim Bích 378 180,182,187,191,198,199,203,204, núi Kim Cang 394, 405, 407, 447, 468, 469 205,206,210,211,212,215,216,217, núi Kim Cang Vi 377 221,222,224,225,226,227,235,240, núi Kỳ-xà-quạt 27, 29, 89, 99, 229 241,242,243,245,246,249,250,251, núi Mã Thực 377 252 253 254,255 256 259,260,262, núi Mã Tự 468, 469 265,266,270,271,283,284,287,288, núi Ni-dân-đà-la 377 290,292 293 294 295,296,301,309, núi Ni-di-đà-la 468, 469 311,312,321,323, 327, 328, 333 335 núi Ni-lân-đà-la 447 336 338 343 354,355 358,361,362, núi Thiện Kiến 377, 467, 468, 469 364, 367, 370, 373, 407, 410, 478 núi Thọ-cự-đà-la 377 như thật tri 176, 185 núi Thọ-đề-đà-la 467,468 nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng 171,178 núi Thọ-thần-đà-la 447 niệm căn 159, 168, 182, 190 núi Tu-di 375, 376, 418, 421, 442, 443, 444, niệm giác ý 32, 134, 170, 183, 251, 332 445,446,447,448,451,458,460,465, niệm giới 33, 161, 169, 183, 190 467, 468 niệm lạc 211,212, 277 núi Tuyết 15,39,56,57,268,380

núi Tỳ-đà 203 nước Chiêm-bà 304 núi Tỳ-ha-la 143 nước Cư-lâu 101 núi Tỳ-ni-đà 447 nước Cư-tát-la 101 núi Tỳ-phú-la 260 nước Kiêm-khiên-sa 101 núi Y-sa-đà-la 376, 377, 468 nước Ma-kiệt-đà 29, 85, 101, 102, 103, 104, nước A-bàn-đề 101 203, 287, 354, 355 nước Ba-ba 237, 238 nước Ma-la-lâu 117 nước Ban-xà-la 101 nước Minh-ninh 215, 218 nước Bà-ta 101 nước Phả-tháp-ba 101 nước Bạt-kỳ 29, 30, 35, 36, 41,61, 101 nước Tâm Niệm 343 nước Bạt-sa 101 nước Thích-sỉ-đề 259 nước Ca-duy-la-vệ 61, 85, 237, 267 nước Tô-la-bà 101 nước Càn-đà-la 101 nước Tỳ-lưu-đồ 85 nước Câu-lưu-sa 193 nước ủy-nhã 331 nước Câu-tát-la 127, 265, 311, 312, 337, nước Vi-kỳ 42 338, 367 nước Xá-vệ 3, 61, 109, 181, 189, 205, 328, nước Chi-đề 101 357,373

Phả-la-đọa 337, 338, 343, 345 Phạm-ma-na 60, 78 Phạm âm 14, 104 Phạm Phụ thiên 436 Phạm chí 39, 58, 59, 71, 73, 94, 95, 98, 99, Phạm Quang Âm thiên 155, 161, 163, 185 133,134,139,141,143,144,145,146, Phạm Thân thiên 436 147,148,149,150,151,215,217,218, Phạm thiên 9, 40, 41, 46, 89, 94, 96, 97, 98, 219,220,221,222,223,224,225,226, 100, 109, 110, 111, 127,226,255,260 227,228,243,244 245,246,256,287, 265,270 278,282,292,303,304,306, 331,335,357,358 359,360,361 362 311,314,315,326 328,329,337 338 363 364 366,435 339 341, 342, 343, 344, 345, 367 Phạm chí Bố-tra-bà-lâu 357, 361,366 374, 392, 407, 441, 442, 445, 448, Phạm chí Ni-câu-đà 143, 144, 150, 151, 335 450, 477, 478 Phạm chí Ô-tạm-bà-lợi 143, 144 Phạm thiên vương 22, 23, 77, 89, 95, 99, Phạm chí Phòng-già-bà 215, 228 116, 262, 464 Phạm chí Thiện Niệm 287 phân biệt ký luận 158 Phạm Chúng thiên 436 phân biệt tịnh diệt

chi 176 Phạm động 287, 301 pháp ái 160, 168, 170, 183 Phạm đường 156 pháp ái thân 160 Phạm hạnh 11, 33,41,44,49, 73, 74,91,99, pháp bất thiện 106, 107, 124, 125, 150, 186, 100,104,115,149,153 154,155,156, 191,331,332,474 158,160,161,162,163,168,169,172, pháp bình đẳng 24, 353, 354 174,175 177 178 179 181 183 184 Pháp chủ 111 185,186,189,204,210,212,215,216, pháp đường 3, 91, 104, 203 218,239 240,243 244,251,253 271, pháp hạnh vô thượng 24 280,304,321,327 336 361,362,410, pháp hữu lậu xúc 165 435, 436, 439, 477 pháp hữu vi 47, 59, 70, 71, 80, 167, 199, Phạm hạnh thanh tịnh 10, 125, 165, 239, 414, 415, 442, 443, 444, 445, 449, 451 241,265, 303,304, 310,31 i, 312,338, pháp luân 24, 25, 45, 4675,111 341,367 pháp Ma-ni-bà-đà 413

pháp môn cam lồ 23 Phật Câu-lưu-tôn 4, 5, 6, 7, 8, 27 pháp ngã mạn 165, 181 Phật Câu-na-hàm 4, 5, 6, 7, 8, 27 pháp ngữ 80, 373 Phất-già-la-ta-la 265, 282, 283, 284, 285, pháp nhãn thanh tịnh 24, 25, 41, 263, 285, 306,314, 337, 338 355, 437, 438 Phật mẫu 10, 11 pháp niệm xứ 190, 245, 248 Phật mẫu Ma-da 78 pháp Phạm-đàn 75 Phật nhãn 23 pháp quyết định 24 PhạtNiết-bàn 4 pháp tam tụ 189 Phật quả 36 pháp tăng nhất 181, 187 PhậtThi-khí 4,5,6,7,8,27,28 pháp tăng thịnh 155 Phật Tỳ-bà-thi 4, 5, 6, 7, 8, 22, 24, 25, 26, pháp tánh 3 • 27,28 pháp thân 37 Phật Tỳ-xá-bà 4, 5, 6, 7, 8, 27 pháp thường tự niệm thân 165 Phẹ-đa 265, 303, 304, 307, 308, 311, 312, pháp trần 196, 210 317,319, 337, 339, 367 pháp trí 105, 158, 167 Phi hữu ngã phi vô ngã 199 Pháp Trưởng lão 156 Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận 299 pháp tưởng thân 160 phi nghĩa phát 159 pháp tư thân 160 phi nhân 9, 253, 314 pháp vi diệu 6, 26, 47, 90, 105, 150, 174, phi thời phát 159 175, 181, 189,362 Phi tưởng phi phi tưởng 298, 299 pháp vô 22,24 25,55,74,78,170,187,250, Phi tưởng phi phi tưởng luận 298, 299 251,254, 437, 438, 439 phong than 437, 439 pháp vô dục 32 phúc nghiệp 155 pháp vô sở úy 285 phúc trí 46, 84 Phật Ca-diếp 4, 5, 6, 7, 8, 28 phước huệ 24

IB thiên Quang Âm 155, 161, 163, 184, 185, quán trong thân 105, 182 207,225,226,227,428,429,436,440, quán về pháp 105 441, 442, 445, 448, 449,450, 451, 452 quán về thọ 105,157,182 Quảng Mục Thiên vương 261 quán về ý 105 Quang thiên 436 quả vị Sa-môn 73 quán nhân sanh tử 11 quỷ dạ-xoa 260,261,381 quán niệm 68 quyết định ký luận 158 quán nội pháp 105 quy tài 170,183 quán pháp 161, 186, 248 quỷ thần Già-lâu-la 459 quán sát thần túc 326 quỷ thần Thường Lạc 459 quán sát về thọ 39, 43, 117 quỷ thần Trì Hoa 459 quán tâm 248, 252 quy y Pháp 34, 41, 55, 140, 235, 284, 285, quán thân bất tịnh 32 322,323, 354, 355, 366, 371, 437,438 quán thân ngoài thân 39, 117, 157, 167, 248 quy y Phật 34, 41, 55, 150, 235, 259, 284, quán thân trong thân 39, 117, 157, 167, 285,310,322,323,324,354,355,366 248, 275 371,437, 438, 439 quán tha tâm 25, 26 quy y Tam bảo 37, 322, 323 quán thọ 248, 275 quy y Tăng 34, 41, 55, 235, 284, 285, 322, quán thực bất tịnh tưởng 178 323, 354, 355, 366, 371, 437, 438

R rồng chúa Ta-kiệt-la 413 rừng Ta-la 45, 70, 367, 368 rừng A-ma-lặc 378 rừng Thiện Kiến 384 rừng Ba-bà-lợi-am-thứ 325 rừng Thi-xá-bà 50, 127, 128, 311, 312, 367, rừng

Ca-duy 259, 260, 261, 262, 263 368 rừng Đại Mộc Qua 378 rừng Trực Lâm 268 rừng Kỳ-đà 3, 181, 189, 328, 357, 373 rừng Y-xa 265, 266, 283, 337, 338 rừng Nai Kim Bàn 331 S sác ái 159, 160, 170, 183 sáu pháp kính 170 sắc ái dục 170 sáu pháp vô thượng 170 sắc ái thân 160 sáu thọ thân 160 sắc hữu 194 sáu thức thân 160 sắc nhập 160, 179, 186 sáu trọng pháp 169, 183 sắc, thanh, hương, vị, xúc 12, 17 sáu tư niệm 161, 190 sắc thức trú xứ 158 sáu tưởng thân 160 sắc tướng 260, 261, 279, 304, 313 sáu tư thân 160 sắc tưởng thân 160 sáu xúc thân 160 sắc tư thân 160 si bất thiện căn 166, 189 sám hối 325, 326, 327, 354, 355 si ngữ 190 sân bất thiện căn 166, 189 sông A-di-la 341, 442 sân hận 68, 146, 147, 161, 217, 245, 276, sông A-na-khiếp 442 334, 343, 394, 404, 434, 455, 458, 462 sông Bà-la 442 sanh, già, chết 22, 48 sông Bà-xoa 379 sanh tư 11,19,26,33,36,49,70,71,74,100, sông Câu-tôn 56, 57 115,125,178,251,253,280,301, 336, sông cố-xả 442 366,410,477 sông Da-bà-na 442 sân nhuế 106, 154, 156, 157, 161, 162, 168, sông Diệu Thể 384 169, 170, 182, 245 sông Điểu Vị 384 sân nhuế kiết 159 sông Hằng 85,90,351,379,442 sân nhuế sử 171, 184 sông Hằng-già 379 sân nhuế tưởng 176, 185 sông Ni-liên-thiền 44, 48, 81, 83, 204 sân tư duy 154 sông Quang Ảnh 384 sân tưởng 154 sông Tân-đà 442 Sát-đế-lợi 46, 67, 69, 90, 91, 92, 94, 100, sông Tân-đầu 379 114, 267,316, 320, 321,340 476 sông Thiện Đạo 383 sáu chi 179 Song Thọ 45 58, 59, 60, 70, 71, 72, 78, 80, sáu đẳng pháp 170 81 83, 85 sáu loại ngoại nhập 160 sông Tư-đà 379 sáu loại nội nhập 160 Sư trưởng 30, 123, 124, 160, 168, 172, 184, sáu pháp bất kính 170, 190 233, 234, 432, 433,434,461 sáu pháp bất thối 33 T Tác Trưởng lão 156 tà giải thoát 179, 186 tà định 156, 172, 179, 185, 186, 190 tà kiến 110, 122, 124, 129, 130, 131, 136, tà định tụ 156 137,138,139,140,146,147,153,154,

161,162,171,172,175,179,180,185, tấn lực 159 186,190,191,231,238,239,247,248, Tận trí 154, 166 255,320,386, 388 405,413,417,435 tập đế 24, 25, 41, 55, 126, 361, 362, 417, 440, 448, 450, 462, 467, 470 428, 437, 438 tàm 154, 161, 166, 170, 171, 172, 183, 184, tà phương tiện 172, 179, 186, 190 271,288 tập Thánh để 158, 167, 280, 285, 324, 417, tâm bi 126, 148, 149, 343 438,439 tám chúng 46 tật đố 110 129,130,146,147,159,161,169, tâm chuyên nhất 68, 126 171, 179, 186, 191, 195, 320, 440 tâm giải thoát 100, 166, 170, 199, 251, 253, tà trí 172, 179, 180, 186 278,417 tà tư duy 154, 179, 186, 190 tâm hỷ 126, 148, 149, 275, 343 tế tự 265, 303, 304, 308, 311, 312, 313, 315, tam minh 182, 310, 327, 334, 339, 340, 341, 318, 319, 321, 322, 323, 331, 337, 342, 354, 370 351,367 tám nhân duyên 45, 46, 172 thai sanh 113, 156, 290 tám pháp bất nhàn 174 ThháitửƯu-bà-da 350 tám pháp giải thoát 162, 176, 185, 201 tham ái 22, 84, 196, 259, 301 tám pháp phát sanh 175 tham bất thiện căn 166, 189 tám pháp tối thượng 90, 92 tham dục 24, 25, 28, 39, 96, 100, 106, 154, tám pháp trừ nhập 175 156,162,168,169,171,177,182,204 tam phục 452 206, 207, 208, 244, 245, 271, 278, 285 tam tai 452 tham dục kiết 159 tàm tài 170, 183 tham phi pháp 124 tám Thánh đạo 162, 241 tham, sân, si 25, 84, 118 Tam Thập Tam thiên 106, 375, 423, 426, thân căn 196, 275 428, 460 thần chú Càn-đà-la 327 tám thế pháp 172 thần chú Cù-la 326 Tam thiên Đại thiên thế giới 374 thắng diệu 179 tâm tịnh diệt chi 176 thanh ái dục 170 tâm tư 90,148, 149, 161,343 thanh ái thân 160 tâm từ bi 14,91,439 thân hạnh 179 Tâm vô lậu 25,26, 178 thành Ba-bà 51,54, 55,58, 153 Tâm vô lạu giải thoát

116,178,198,199,200 thành Ba-liên-phất 33, 34, 35 tâm vô ngại giải thoát 181 thành Bàn-đầu 8, 23, 24, 25, 26 tâm ý 19, 24, 25, 31, 41, 43, 48, 54, 55, 76, thành Câu-thi-na 58, 59, 60 151, 175, 284, 324 413 thành Câu-thi-na-kiệt 54, 70, 71 tấn căn 159, 168, 182, 190 thành Câu-xá-bà-đề 66 tận diệt tham ái 22 thành Chiêm-bà 165,303,304,307,474 tả nghiệp 172, 179, 185, 186, 190 thành Chúng Quy 421, 422 tận giới 155 Thánh giải thoát 36 tăng thịnh định 155 Thánh giới 36, 111,274, 275 tăng thịnh giới 155 Thánh hiền 21, 33, 149, 169, 172, 279, 292, tăng thịnh tuệ 155 296, 407 tăng thượng mạn 96, 146 thành Khả Úy 422 Tăng Trưởng Thiên vương 260 thành kiếp 252, 253,254, 291 tà ngữ 172, 179, 185, 186, 190 thành La-duyệt-kỳ 27, 33, 89, 143, 229, tà niệm 172, 179, 185, 186, 190 335, 347

thành Na-nan-đà 325 tha thân trí 105 thanh nhập 160, 179, 186 thất hiền đệ tử 7 Thánh pháp 7 tha thọ trí 105 thành Phụ-di 49, 50, 51 thất lậu tận lực 184 thành Thiện Kiến 422, 424 thất Phật 7 thanh trần 196 thất sử pháp 184 Thánh trí 70, 84 Thất Tụ tháp 218 thanh tưởng thân 160 tha ý tri 105 thanh tư thân 160 thế tăng thịnh 155 thành Tỳ-xá-ly 40, 42, 215, 217, 218, 220, Thế Ton 3 4,9,10,11,22,23,24,25,26,27, 221,222,380 29, 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, thành Ương-già-chiêm-bà 97 41, 42, 43, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, Thanh văn 27, 58, 59, 149, 306, 314, 404 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 70, thành Vương Xá 143, 260, 474 71, 74, 75, 76, 77, 79, 80, 82, 83 84, thân kiến 169 85, 89,91,99,101,102,103,105,107, thân kiến kiết 159 109,116,140,143, 144 147 148 149 thân Kim cang 79 150,153,154,163,165,172,184,189, thân nhập 160, 169, 179, 183, 186 193,203,204,205,206,207,208,209, than niệm xứ 190 210 22 212 213 215 216 217 218 thần Sa-la viên lâm 78 219,220,221,222,223 224 225,227, thân thọ diệt chứng 158 229,230,232,233 234,235 237,238, thần thong 3, 20,26, 45, 46, 170, 183, 215, 241,248,249,250,251,253,254,255, 216, 218, 220, 239, 240, 249, 250, 256,257,259,261,262,263 265,266 251, 252, 253, 254, 255, 259, 260, 267,268,269,271,283,284,285 287 .262,326, 327 307,308,309,310,315,321,323,324 thần thông trí 278 325,327,328,329,331 334 338 339, thân thọ thân 160 349,350,351 352,353 354,355 357, thân thúc 160, 196 361,364,366,367,368,370,373,404, thân thức thân 160 410,417, 437, 468 thần túc biến hóa 155, 216 Thích-caNhưLai 28, 125 Thần túc thông 5,27,28,125, 170,183,255, Thích-ca-văn 4, 6, 206 325, 326, 464 Thích-ca Vô Thượng Tôn 153 thân xúc thân 160 Thích-đề-hoàn-nhân 89, 90, 91, 103, 203, thập ác 123 205,211,213,426,427,453,454,455, tháp Già-bà-la 43, 45, 48 456, 457 tha pháp trí 105 Thích tử 125, 204, 217, 219, 243, 244, 245 thập lực công đức 78 thiện căn 154, 166, 182, 189 thập nhị nhân duyên 193 Thiên Chánh đường 15 thấp sanh 156 thiên cung 212, 259, 270,446,448,449,460 thập thiện 110,123, 386,435,441,448,450, thiền định 32, 46, 143, 146, 147, 160, 162, 467, 470 168, 171, 179, 180,429,476 thập thượng 165 thiện hạnh 123, 154, 156, 184, 404, 431, Tha tâm thong 170, 183,326 448, 450 Tha tâm trí 167, 278 Thiện Kiến thiên 428, 429, 436 thất chi 12 thiên luân 12 thất định cụ 105 Thiên mẫu 10 thất giác ý 47, 171, 184, 250, 477 Thiên nhãn thông 170, 183

Thiên nhãn trí 155, 167, 182, 254 thực bất tịnh tưởng 171 Thiên nhãn trí minh 155 thức thực 156, 167, 182, 429 Thiên nhĩ thông 170, 183,373 Thức Trí thiên 437 thiện pháp 22, 23, 97, 123, 150, 151, 157, Thức vô biên xứ 178 165,166, 171,180, 181,186,210,250, Thức xứ 77, 157, 161, 162, 163, 176, 184, 276, 332, 367, 368, 435 185, 186, 201,248,358 Thiện Pháp đường 204, 206, 424, 427,433 Thức Xứ thiên 429 thiện pháp tư duy 154 Thức xứ tưởng 358 Thiện Sanh 229, 230, 231, 232, 233, 234, Thủ-đà-la 110, 111, 115,267, 340, 363,477 235,476 Thượng lưu A-ca-ni-trá Bát-niết-bàn 160,244 thiên sứ 409 thường niệm 175, 176, 275, 276 Thiền thứ ba 68, 126, 244 thường pháp của chư Phật 9,10,11,324,438 Thiền thứ hai 68, 126, 244 thường quán 175, 176 Thiền thứ nhất 68, 125,244 thường tịnh 10 Thiền thứ tư 68, 126, 244 thuyết Hữu tưởng 297 Thiện Trú 376,380,413 thụy miên 159, 168, 182 thiền tư 68 thủy thần 437, 438, 439 thiện tưởng 154 tịch diệt 26, 78, 84, 90, 169, 170, 174, 175, thiệt căn 196, 275 i83, 208, 209, 276, 293, 295, 296, thiệt nhập 160, 169, 179, 183, 186 361,362 thiệt thọ thân 160 Tiểu Nghiêm Sức thiên 436 thiệt thức 160, 196 Tiểu thiên thế giới 374 thiệt thức thân 160 tín căn 159, 168, 182, 190 thiệt xúc thân 160 Tịnh Cư thiên 28, 259 thiểu dục tri túc 256, 257 tịnh diệu sắc 154 Thiểu Quang thiên 436 tịnh nhãn 4, 10, 59 thí tài 170, 183 tinh tấn giác ý 32, 251 thí xứ 158 tỉnh thức 54 thời giới 369 tịnh tu Phạm hạnh 25, 89, 97, 103, 144, 206, thời phát 159,383,385 216,217,271,288, 324,366 thọ ký 47, 73,76, 101, 102,211,242 tín lực 159 thôn A-việt 54 tín tài 170, 183 thôn Bà-la 127, 265, 337, 367, 368, 371 Tồi Phục 420 thôn Bà-la-bà-đề 371 Tối Thắng đường 457 thôn Bà-lệ-bà 49 Tô-ma 306, 314 thôn Câu-lợi 36 Tôn giả A-na-luật 80 thôn Chiêm-bà 49 Tôn giả A-nan 45, 48, 72, 80, 83, 101, 237, thọ niệm xứ 190 248, 301 thôn Khư-nậu-bà-đề 311,312,315 Tôn giả Mục-kiền-liên 7, 407 thôn Kiển-trà 49 Tôn giả uất-đà-di 256 thôn Na-đà 36, 37 Tôn giả Xá-lợi-phất 163, 165,407 thôn Tư-ba-ê 127, 128, 139, 141 tổng trì 161 thôn Y-xa-năng-già-la 337 trạch pháp 32, 162, 170, 183, 190, 332 thọ pháp 7,51, 198, 199 trạch pháp giác ý 32 thọ phong 466, 470 trai giới 432, 433, 434 thọ, sắc, danh, lạc, oai 89, 91, 104 trần cấu 19, 22, 23, 24, 25, 28, 41, 55, 84, Tho Thiên 388 213, 263, 285, 324, 345, 437, 438, 439

trà-tỳ 58, 80,81,82, 83,392 từ bi 14, 33, 35, 344, 345, 354, 355, 457 tri căn 155 tứ chánh cần 250 tri dĩ căn 155 Túc mạng thông 170, 183 triền cái 168, 276 Túc mạng trí 4 9, 167, 182, 254, 279 triền phược 19 Tư-đà-ham 36, 37, 101, 104, 111, 158, 162, trì giai 10,24,25, 30, 35,41,42, 55,68,171, 168, 182,211,253,254, 370 177,178,179,275,285,288,324,437, Tu-đà-hoàn 36,37,100,101,102,103,104,105, 438, 439, 470 111,158,162,168,182,211,254,370 tri kiến 198, 200, 237, 238, 245, 296, 297, tứ đại 17, 242, 277, 278,299, 327, 328, 329, 333,334, 335 351,359,363,364,365,366,415 tri lậu tận chứng 158 Tu-dật-lộ-ma 422 Trì phong 420, 446, 450, 452, 466, 470 Tứ đề 24, 84 Trì Quốc Thiên vương 260 tuệ căn 159, 168, 190 Tri tha nhân tâm trí 158 tuệ giải thoát 33, 49, 100, 198, 199, 251, trí tuệ phương tiện 21 , 253,335 trí vô lậu 280 tuệ minh 279, 280 trí vô ngại 25, 26 tuệ nhãn 20, 84 trí xứ 158 tuệ tụ 155 Tróc Trì 420 tuệ vô học tụ 169 trời Biến Tịnh 171, 176, 200, 375 tuệ vô lậu giải thoát 178 trời Đại Thiện Kiến 27, 375, 376 tứ niệm xứ 47, 105, 171, 182, 184, 250 trời Đâu-suất 9, 10, 45, 328, 375, 460 tưởng chỉ tức 155 trời Diệm-ma 375, 460 tưởng hữu sắc 176, 185 trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí 376 Tượng

tháp 218 trời Không Xứ Trí 376 Tượng Thu Xá-lợi-phất 362, 364, 365 trời Phạm-ca-di 375 tưởng tinh cần 155 trời Quả Thật 375 tướng tinh tấn 167 trời Sắc Cứu Cánh 28, 376 Tưởng tri diệt 176 trời Thiện Kiến 27, 375 Tưởng tri diệt định 358, 359 trời Thúc Xứ Trí 376 tưởng vô ngã 162 trời Thủ-đà-hội 26, 27 tưởng vô thường 162 trời Tịnh Diệu 104 tưởng xả 155 trời Vô Cực 27 tướng xả ly 167 trời Vô Nhiệt 375 tu quán 45 trời Vô Sở Hữu Xứ Trí 376 từ tam 68, 96, 126, 129, 148, 159, 161, 170, trời Vô Tạo 27, 375 319,320,323 Trúc Lâm 41 từ tâm phát 159 Trúc Viên 33 tu tập dục định 105 Trung Bát-niết-bàn 160 tu tập tinh tấn định 105 trung đạo 52 tu tập tư duy đinh 106 trung thiên thế giới 374 tu tập ý định 106 trương giả Kiên cố 325,326,327,329 tứ than túc 47, 105, 106, 250 Trụ phong 420, 446,450, 452 Tứ thiền 47, 77, 157, 177, 178, 186, 204, trừ tịnh diệt chi 176 250, 255, 277, 300, 310, 333, 343, 358 trừ xả 176, 185, 191 Tứ Thiên vương 78,89,9Ì, 103,104,421,422 trú xả chuyên niệm 170 tứ thực 182 Tu-bạt 71, 72, 73, 74 Tự thức túc mạng trí minh 155

Từ tử 125 Tỳ-lâu-bà-đề 427 tử tưởng 171, 178 Tỳ-lâu-lặc Thiên vương 89, 103, 205, 260, tứ ý đoạn 47 421,422 tùy duyên 14 tỷ nhập 160, 169, 179, 183, 186 Tuyết Sơn 260, 378, 379 Tỳ-sa-môn Thiên vương 89, 102, 103, 105, Tỳ-ba-mật thần 260 107, 421,422 ty căn 196, 275 tỷ thọ thân 160 Tỳ-kheo-ni 44,45,46, 75, 90, 107,240, 257 tỷ thức 196 Ty-kheo Thiện Túc 215, 217, 218, 220, 221 tỷ thức thân 160 Ty-lâu 7, 427 tỷ xúc thân 160 Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương 89, 103, 261, 421,422 U uất-thiền-na 378 ưu-bà-tắc Miễn Chi 237 uế hạnh 231 ưu hỷ 68, 126,300 ưu-bà-di 37, 41, 44, 75, 90, 107, 240, 257, ưu não 161 437, 438, 439 ưu thân 209 ưu-bà-tắc 34, 44, 55, 75, 90, 102, 103, 104, Ưu-ủy-thiền-già 385 107,140,235,240,257,284,285,310, ưu Viên tháp 218 323, 324, 354, 355, 366, 371 V văn phát 156 vô học chánh nghiệp 163, 180, 187 văn tài 170, 183 vô học chánh ngữ 163, 180, 187 văn vô thượng 170 vô học chánh niệm 163, 180, 187 Vật-la 427 vô học chánh phương tiện 163, 180, 187 vị ái thân 160 vô học chánh trí 163, 180, 187 vị Chân Nhân 303 vô học chánh tư duy 163, 180, 187 Viên Lâm 337, 338 vô học giải thoát 154 viễn ly 19, 159, 170, 183 vô hữu ách 167 vị tri dục ưi căn 155 vô hữu ái 155, 166, 182, 194 Vị tri trí 158, 167 voi chúa Thiện Trụ 381 vị tưởng thân 160 vô kiến 154, 167 vị tư thân 160 vô kiến ách 167 vô biên 178,246,247,294,295,361,414,415 VÔ lậu trí 280 vô cấu 28, 52 Vô lượng không xứ 157 Võ Di 420 Vô Lượng Nghiêm Sức thiên 436 vô dục ách 167 Vô Lượng Quang thiên 436 vô dục tịnh diệt chi 176 vô minh 20,21,49, 158, 166, 167, 171, 181, vô dục tưởng 178 184, 259, 279, 280,310, 370 vô dư giải thoát 292, 293, 296 vô minh lậu 33, 49, 155, 280 vô gián định 166 vô minh sử 171, 184 vô hành Bát-niết-bàn 160, 244 vô ngã 32, 60, 161, 170, 171, 199,453 vô học chánh định 163, 180, 187 vô ngại 5, 90, 254, 255, 427, 464, 474 vô học chánh giải thoát 163, 180, 187 Vô nguyện tam-muội 155 vô học chánh kiến 163, 180, 187 Vô nhân luận 296 vô học chánh mạng 163, 180, 187 Vô Nhiệt thiên 428,429,436

vô niệm 358, 359 Vua A-xà-thế 29, 85, 86, 347, 349,350,353, Vô Phiền thiên 436 354,355 vô quái ngại 23 Vua Ba-tư-nặc 111, 127,265, 282,284, 303, vô quý 154, 161

305,306,311,313,314, 367, 370 vô sắc ái 159 Vua Bình-sa 305, 306, 313, 314, 354, 355 Vô Sắc Bất Dụng Xứ 300 Vua Đại Thiện Kiến 62, 63, 64, 65, 66, 67, vô sắc giới 155 68, 69, 70 Vô Sắc Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ 300 Vua Diêm-la 374, 407,408, 409,410 Vô Sắc Không Xứ 299 Vua Diệm-ma-la a-tu-luân 419 Vô Sắc Thức Xứ 299 vua rồng A-nậu-đạt 385, 392 vô sân 166, 189 vua rồng Bạt-nan-đà 411 vô si 189 vua rồng Nan-đà 411 Vô sở hữu xứ 161, 178 vua rồng Ta-kiệt 411 Vô Sở Trí thiên 437 vua rồng Thiện Trụ 460 Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác 37 Vua Tỳ-ma-chất-đa a-tu-luân 419 Vô tác tam-muội 166, 181, 189 vườn Am-bà 39, 347, 349 vô tàm 161 vườn Cấp Cô Độc 373 vô thường khổ tưởng 171, 178 vườn Cực Diệu 418,419, 420 vô thường tưởng 171, 178 vườn Đại Hỷ 425,426,427 vô tín 161 vườn Diệm-ma 418,419, 420 vô trí 161, 217, 218, 219, 222, 223, 224, Vương Đường 287 252,253 vườn Họa Lạc 424, 425, 426, 427 Vô tưởng luận 298 vườn Lạc Lâm 418, 419 Vô tướng tam-muội 155, 166 vườn Nai 24, 26 Vô Tưởng thiên 185,428, 429,436 vườn Sa-la 418,419, 420 vô từ phát 159 vườn Tạp 425, 426, 427 vô úy 25, 41, 55, 77, 335, 336, 438, 439 vườn Thanh Tín 109 vô VI 28, 32, 78, 98, 99, 154, 174, 175, 361, vườn Thô Sáp 424, 425, 426, 427 362,410, 454 vườn Tỳ-ni 78 vô vi giới 154 vườn Xà-đầu 51, 153 vô vô minh ách 167 X xả giác ý 32, 162, 183, 190, 251,332 xuất lỵ quán 22 xả hỷ 68, 300 xuất yêu 158,169,170,238,239,324,332,417 Xá-lợi 58, 61, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 xúc ai 160, i 70, 183 Xá-lợi-phat 7, 153, 163, 165, 180, 249, 250, xúc ái thân 160 251, 255, 256, 257, 362, 364, 365,407 xứ Câu-thi-na 45 xả ly 19, 28, 167, 300 xúc nhập 160, 179, 186 xả nhất 179 xúc thực 156, 167, 182,429 xả niệm 157 xúc trần 196 Xà-ni-sa 102, 103, 104, 107 xúc tưởng thân 160 xan tham 110, 129, 207, 276, 440 xúc tư thân 160 xả tâm 68, 170 xứ Kiếp-ma-sa 193 xả thân 209,210 xứ Na-đà-kiền-trĩ 102 xả thọ 155, 194, 198 xứ uất-tỳ-la 44 xóm Trúc 287

1048 KINH TRƯỜNG A-HÀM

ý căn 196,275 y Tăng-già-lê 60, 153, 165 ỷ giác ý 32, 251 ý thọ thân 160 ý hành thanh tịnh 158 ý thức thân 160 y nhập 160, 169,183 y uất-đa-la-tăng 76 ý niệm xứ 190 ý xúc thân 160

SÁCH DẪN TRƯỜNG A-HÀM (Băn dịch của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh)

A ẩm cái 783, 784 ao Di Hầu 719, 721,725 A-bàn-đề 593 ao Ma-đà-diên 911 ác thú 768, 851 ao Nan-đà 957 A-di-đa Sí-xá-khâm-bà-la 877 A-phù-đà Sí-xá-kim-bà-la 562 A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 872 a-tăng-kỳ kiếp 510 A-la-hán 525, 543, 562, 563, 604, 623, 624, A-thấp-ba 593 656,662,669,686, 723, 724, 752, 763, A-thất-dĩ 850 898,967, 1015 a-tu-la 580, 581, 582, 596, 710, 712, 716, A-ma-lê 907 769, 771, 949, 959, 960, 961, 962, Am-bà-la 539, 905,907,913 965, 966 968, 969 975, 980, 982, âm mã tàng 500 984, 985, 987, 988, 989, 990, 991, A-na-hàm 525, 597,604, 656, 659, 662,669, 992 993, 994, 995 686,751,763,898 A-tu-la Chất-đa 989, 990 an cư kiết hạ 744 a-tu-la Chùy Đả 992 ao Bạt-nan-đà 950, 951 a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la 987, 988 ao Đại Hỷ 958

ba ái 652 bậc Độc Giác 548 Ba-bà 543, 573, 575, 578, 649, 845 bậc Giác Ngộ Tối Thượng 491, 536 Bà-bà-tất 862 bậc Học địa 563, 564 * ba bất thiện căn 667, 693 bậc Kiến đạo 716 ba cách tế tự 829 bậc Minh Hạnh Túc 779, 825 bậc A-la-hán 609,708,723,752,767,857,894

bậc Năng Nhân 493,497,708 ba căn 653 bậc Nhân Trung Tôn 547 Bắc Câu-lô châu 612, 905, 1008 bậc Nhất Thiết Trí 879 bậc Chánh Biến Tri 779, 825 bậc Phước Trí 490, 502 bậc Chánh Đẳng Chánh Giác 744, 745, 765 bậc Thánh Trí 542 bậc Chánh Giác 512 bậc Thế Gian Giải 779, 825 bậc Chân Nhân 530 bậc Thiên Nhân Sư 779, 826 bậc Chí Chân 520, 708, 710, 742, 757, 758, bậc Thiên Thệ 511 759, 768, 773, 817,818, 842, 854, 856, bậc Tối Thượng 509, 646 860, 895, 898 bậc Tối Tôn 493 bậc Đại Phạm thiên 803 bậc Tuệ giải thoát 702, 703 bậc Đại Thanh Tịnh 603 bậc ứngCúng 708, 825 bậc Đại Thánh Trí 541 bậc Vô Thượng Sĩ 779, 825 bậc Đại Tiên 516 ba giới 652, 974 bạc Đại Trí Tuệ 640 ba gốc rễ thiện 651 bậc Điều Ngự Trượng Phu 779, 825 ba hành vi bất thiện 651

ba hữu lậu 652 ba mươi hai tướng 499, 500, 522, 774, 792, ba kiết sư 525,591,593,763 822,832 Bà-la 1008 ba mươi hai tướng tốt 522, 774, 792 Bà-la-môn A-lâu-na 790, 862 Ba-nại-bà-la 907 Bà-la-môn A-trá-ma 791 Bàn-đầu-bà-đề 495 Bà-la-môn Bà-bà-bà-tất-tra 790, 862 ba nghiệp ác 651, 934 Bà-la-môn Bà-la-bà-đề 895 ba nghiệp bất thiện 651 Bà-la-môn Bà-la-đọa 601, 609 ba nghiệp thiện 651, 656 Bà-la-môn Bà-la-tôn-đà 862 bản ngã 800 801, 802, 803, 804, 805, 812, Bà-la-môn Bà-ma 790 814, 861 Bà-la-môn Bà-ma-đề-bà 790, 862 Ban-xà-la 593 Bà-la-môn Bà-tất-tra 601, 602, 603, 604, báo ứng 802, 804, 805, 806, 807 605,606,607,608,609, 859, 860, 861, ba pháp tế tự 833, 836, 840, 841, 842 862,863,864, 865, 866, 867, 868, 869 Ba-phù Ca-chiên 562 Bà-la-môn Chủng Đức 817, 818, 823, 824, Ba-phù-đà Già-chiên-diên 877 825, 826,831 ba phước nghiệp 652 Bà-la-môn Cù-đàm-na 862 ba quy y 821, 831 Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu 828, 833, 840, Bà-sư 556, 907, 912 841,843 ba sự biến hóa 653 Bà-la-môn Cứ-xỉ 821 ba sự hối tiếc 839 Bà-la-môn Da-bà-đề-già 790, 862 ba sự tăng thịnh 652 Bà-la-môn Đa-lê-xa 859, 860, 861 ba sự tìm cầu 652 Bà-la-môn Đa-lợi-già 821 bất định tụ 653 Bà-la-môn Đô-gia 821, 831 Bà-tha 593 Bà-la-môn Hương Tánh 576, 577, 578 Bà-thâu 909 Bà-la-môn Phả-la-đọa 859, 860, 866, ba thiện căn 667, 693 867,869 ba thọ 652, 702 Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la 773, 774, 791, ba thứ ái 667 792, 794, 821,831, 859, 860, 861 ba thứ căn bản do dục sanh 653 Bà-la-môn tên Lộ-già 895 ba thứ khổ 653 Bà-la-môn Thanh Tịnh 821,831 ba thứ lửa 652 Bà-la-môn Thủ-chỉ 862 ba thứ ưu phiền 653 Bà-la-môn Thủ-di-bà 790 Bất-lan Ca-diếp 562, 872, 875 Bà-la-môn Tổn-đà-la 790, 862 Bạt-nan-đà 574, 941, 993 Bà-la-môn Tư-ba-hê 623 ba trường hợp cử tội 653 Bà-la-môn Tỷ-ba-mật-đa 790, 862 ba trường hợp do lạc sanh 653 Bà-la-môn Tỳ-bà-thẩm 862 ba trú xứ 653 Bà-la-môn Tỳ-sa-đà-da 530 Bạt-sa 593 Bà-la-môn Vu-xá 517, 872 ba tụ 652, 653 Bà-la-môn Xà-bà-đề-già 862 ba tư duy bất thiện 652 Bà-la-môn Y-đâu-lại-tất 790, 862 ba tư duy thiện 652 Bà-la-môn Y-ni-la-tư 862 ba tướng 667 ba loại mắt 654 ba tưởng bất thiện 652 ba loại tam-muội 652, 667, 686, 693 ba tưởng thiện 652 ba loại thọ 667 686, 703 ba việc khó lý giải 667 ba loại Trưởng lão 654 Bà-xoa hà 909 ba luận thuyết 653 BỒ Đào 907 ba minh 668, 686, 826 Bố-hòa 587

C Ca-diếp 491, 492, 493, 494, 495, 516, 562, chín pháp không não hại 679 623,624,625, 626, 627, 628,629, 630, chín pháp não hại 679 631,632,633,634, 636, 637, 638,790, chín

pháp quán tưởng 680 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 862 chín pháp thanh tịnh 678, 690 Ca-duy-la-việt 775 chín pháp tương tục chuyển biến 681 Cam-giá 776, 907 chỉ và quán 666, 685, 693 Can-da-la 593, 847 chùa Đại Giác 845 Cấp Cô Độc 489, 685, 693, 849, 883 chúng a-tu-la 580, 581, 582, 596, 710, 965, Ca-thi 556, 593 966,987,990,991 Câu-da-ni 905 chúng Bà-la-môn 535, 576, 638, 727, 1014 Câu-la-bà 1008, 1013 chúng Cư sĩ 535 Câu-lợi-nhã 491, 492 chúng Đao-lợi thiên 535 Câu-tát-la 623, 773, 827, 828, 859, 860, 895 Chúng giải thoát 604 Câu-xá-bà-đề 551 Chúng giải thoát tri kiến 604 chánh định tụ 653 chủ nghĩa Hư vô 812 chánh kiến 598, 619, 651, 661, 662, 666, chúng Ly-xa 576 671,683,687, 691, 744, 745,764, 788, chúng Ma 535 838, 922, 967, 982, 984, 998 chúng Phạm thiên 535 chánh mạng 598, 661, 662, 674, 682, 683, chúng Sa>môn 535, 608 689,691,695, 696 chúng Sát-lợi 535 chánh nghiệp 598, 661, 662, 674, 682, 683, Chúng thành tựu định 604 689,691,695, 696 Chúng thành tựu giới 604 chánh ngữ 598, 661, 662, 674, 682, 683, Chúng thành tựu tuệ 604 689, 691,695,696 chúng Tứ Thiên Vương 535 chánh niệm 496, 527, 558, 598, 621, 655, chủ trương Đoạn diệt luận 877 656,661,662, 673,674,682,683,689, chủ trương Hữu tưởng luận 808, 809, 810 691, 695, 696, 751, 785, 803, 813, 884 chủ trương Hữu tưởng Vô tưởng định 567 Chánh pháp Như Lai 528, 748, 749 chủ trương Luân hồi tịnh hóa 876 chánh tinh tấn 598, 661,662, 674, 682, 683, chủ trương Thế mạt luận 800 689, 691,695, 696 chủ trương Thường luận 800, 814 chánh tư duy 598, 651, 661, 662, 674, 682, chủ trương Thường trú luận 814 683,689, 691,695,696,716 chủ trương Vô tưởng luận 810 Chi-đề 593 Chuyển Luân Thánh Vương499, 533, 547, Chiêm-bà 539, 551, 587, 665, 817,818, 822, 548, 549, 552, 553, 554, 555, 560, 823,907, 1010, 1013 564, 571, 572, 611, 612, 613, 614, chiên-đàn 541, 543, 547, 548, 554, 567, 571, 615, 619, 908, 917, 918, 919, 920 572, 573,574, 907,919 921,922, 923, 1013 chiêu-đề-tăng 529 chuyển pháp luân 512, 513, 534, 535, chim Cánh Vàng 902, 905, 909, 910, 941, 565, 579 942, 943, 961,962 Chuyển phong 1001, 1006 chim Ưu-ủy-thiền-già 916 cõi Bất Dụng Xứ 704 chín nguồn gốc của hỷ 679, 690 cõi Cù-da-ni 968 chín nơi ở của chúng sanh 662 cõi Dục giới 652, 812, 891, 892, 893 chín Phạm hạnh 680 cõi Hóa Tự Tại 512, 569, 848, 902, 960, chín pháp diệt trừ 681, 690 961, 962, 964, 969, 975, 979, 982, chín pháp khởi nguồn từ ái 679, 690 983, 985, 994

1052 KINH TRƯỜNG A-HÀM

cõi Phạm thiên 512, 559, 590, 639, 730, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 825, 795, 802, 803, 840, 849, 864, 869, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 840, 922, 978, 999 842, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, cõi Quang Âm thiên 604, 711, 730, 802 860, 861, 862, 863, 866, 867, 883, 887 cõi Sác 521, 539, 652, 667, 969 888, 889, 895, 896 cõi Tha Hóa Tự Tại 512 Cù-da-ni 1005 cõi Vô sắc 652, 655, 667, 969 Cù-di 710,711,959 Cù-đàm 492, 523, 530, 548, 549, 561, 562, Cư-lâu 593 563, 602,604,640, 641,642,646,719, cung điện Nhật Nguyệt 953 724, 725, 726, 727, 728, 730, 731, 732, cung kính vô thượng 660, 671 750,751 752, 765, 773, 774,776,778, cung Ma thiên 904 779,790,791, 792, 796, 797 798, 799, cư SI Tán-đà-na 640, 641, 646, 648

Dạ-ma 848 dòng họ Thích 565, 574, 603, 604, 708, 775, danh sắc 507, 508, 698, 700, 701, 963, 964 776,777,789,821,827,831,895,1014 danh và sắc 666, 685, 849 dòng họ Tô-ma

821, 831 di điển tam bộ 827, 859 dòng họ Tỳ-xá 491, 492, 493, 494, 516, 525, Diệm-man 583 526, 528, 529, 530, 531, 551, 576 578, Diêm-phù-đề 584, 901, 905, 908, 909, 915, 602, 603, 604, 608, 609, 719, 721, 722, 917,918,921,937,959,961,962,964, 725,726,727,775,890,910,1014,1015 968, 969, 1002, 1005, 1007, 1008 dòng Lệ-xa 719 diệt đế 668, 888, 889, 947, 960 dòng Sát-lợi 492, 495, 552, 602, 603, 604, Diệt tưởng định 567 608, 611, 613, 619, 833, 917, 1002, dòng họ Bà-la-môn 602, 775 1006, 1015 dòng họ Bạt-kỳ 593,821,831 dòng Thanh Tịnh 603 dòng họ Câu-lợi 491,524, 576, 821,831,905 dòng Tỳ-xá 603, 608, 609 dòng họ Licchavī 719 dục ái 652, 667, 686 dòng họ Minh-ninh 821, 831 dục lậu 652 dòng họ Sâkya 743 dục thủ 654, 668, 686 dòng họ Thanh Vương 776 Dưỡng phong 1001, 1006 Đ Đà hà 909 Đại Thiện Kiến 516, 517, 904, 915, 961, Đại Phạm thiên vương 848, 849, 999 969, 1012 đại thần Bà-da-lâu 593 đại tướng A-do-đà 726 đại thần Bà-đầu-lâu 524, 593 đại tướng Dũng Kiện 871 đại thần Da-thâu 524, 593 đại tướng Thi-hán-đà 709 đại thần Điển Tôn 583 Đà-la 959 đại thần Già-lăng-già 593 đấng An Ổn Trí 575 đại thần Già-lâu 593, 993 Đẳng Chánh Giác 525, 580, 619, 650, 658, đại thần Già-lợi-châu 593 677, 742, 744, 745, 747, 750, 753, 757, đại thần Lô-di 573 758, 759, 765, 768,773, 774, 779 817, đại thần Tẩu-bà-đầu 524, 593 818, 827, 828, 842, 847, 856, 860, 867, đại thần Tẩy-đạt-lê-xá-nậu 593 880, 884, 895, 898,937, 1015 đại thần Tỳ-già-đà 524, 593 đấng Chánh Giác 492 đại thần Vu-xá 517,519, 523 đấng Chí Tôn 498,516 Đại Thiên 554, 587 đấng Chúng Hựu 575

đấng Công Đức Vô Lượng 547 địa ngục Dây Đen 924, 929, 930 đấng Đại Giác 497 địa ngục Đinh sắt 926 đấng Đại Hùng 575 địa ngục Đói 924, 926 đấng Đại Thánh Hùng 567 địa ngục Đong Lửa 927 đấng Đại Từ 578 địa ngục Dương Minh 936 đấng Giác Ngộ 493, 494, 744 địa ngục Ha-ha 936 đấng Lưỡng Túc Tôn 499, 502, 512, 535, địa ngục Hậu Vân 936 541,575,578 địa ngục Hòn sắt Nóng 928 đấng Năng Nhân 493 địa ngục Kêu Gào 924, 931, 932 đấng Nhân Long 498 địa ngục Kêu Gào Lớn 932 đấng Pháp Vương 580, 582, 596 địa ngục Khát 924, 926 đấng Phước Trí 500 địa ngục lớn Dây Đen 929 đấng Thập Lực 575 địa ngục Máu Mủ 924, 927 đấng Tịnh Nhãn 549 địa ngục Một Chảo Đồng Sôi 924, 926, 927 đấng Trạm Nhiên 575 địa ngục Nại Hà 935, 936 Đẳng trí 656, 668 địa ngục Nhiều Chảo Đồng Sôi 924, 927 đấng Từ Tôn 499 địa ngục Phân-đà-lợi 936 đấng Vô Cấu 575 địa ngục Phân Tiểu 926 đấng Vô Đẳng 575 địa ngục Rừng Kiếm 929 đấng Vô Sở Trước 525, 757, 758 địa ngục Sông Tro 924, 928 đấng Vô Thượng 493, 568, 716 địa ngục Thiêu Nướng 924, 932 đấng Vô Thượng Tôn 489, 637 địa ngục Thiêu Nướng Lớn 924, 933 đạođế 668, 711, 888, 889, 947, 960 địa ngục Tu-càn-đề 936 Đạo tích 566, 716, 759 địa ngục Tưởng 924 Đạo trí 656, 752 địa ngục Ưu-bát-la 936 đất, nước, lửa, gió 660, 848, 849 địa ngục Vô Gián 924, 933, 934 Đế-thích 496, 497, 505, 512, 529, 530, 579, địa ngục Vô Gián Lớn 933, 934 580, 582, 596, 599,619, 707,709,710, địa than 969, 970, 971 711,712,713,714,715,716,717,718, Điều phong 1001, 1006 949,956,958,959,966,987,988,989, định căn 669, 687, 694 990, 991, 992, 994, 995 định lực 535, 598, 599 địa ngục Băng Lạnh 924, 931, 932, 933, 934 Định Minh 973 địa ngục Bát-đầu-ma 936, 937 định Tâm tam-muội 731,732, 800, 801, 803, địa ngục Búa Rìu 924, 929 804, 805 địa ngục Cát Đen 925 định Vô gián 666 địa ngục Câu-vật-đầu 936 định vô

học 670, 687 địa ngục Chó Sói 929 đoàn thực 812, 962, 1000 địa ngục cổi Đá 924 động Nhân-đà-sa-la 707, 710 địa ngục cối Xay 927 Đông Thắng-thần châu 612, 905, 1008 địa ngục Đá Ép 924, 930, 931 đức Tịnh Nhãn 711 địa ngục Đá Ép Lớn 930 đức Tối Thắng 547

Già-da 907 Già-lăng 587 Giải Thoát Hoa 907 Già-lầu-la-túc 904 giải thoát tri kiến vô học 670, 687 Già-na-na 1009 giải thoát vô học 670, 687 giảng đường Hoa Lâm 489

giảng đường Lộc Mầu 601 Già-tỳ-diên-đầu 952 giảng đường Tập Pháp 719, 721 giới Cụ túc 513, 514, 563, 565, 714, 857 giảng đường Thất Diệp 987, 988 giới, định, tuệ 521,539, 562 giảng đường Thiện Pháp 956, 959, 966, 987, giới tài 672 988, 994 giới thủ 654, 668, 686 giảng đường Trùng Các 719 giới vô học 670, 687 H hai duyên 509, 545,651 hoả thần 969 hại giới 652 hoa thù hảo 959 Hải thuyền sư 524 hoa tu-mạn-châu-na 959 Ha-lê-lạc 907 hoa tu-mạn-đà 556 Hành Bát-niết-bàn 751 hoa ưu-bát-la 906, 908 hành khổ 653 hoa Ưu-đàm 561, 566 Hiền kiếp 491 Hòa-xoa hà 909 Hiện tại Niết-bàn luận 813,861 hồ Câu-vật-đầu 976 hoa a-hê-vật-đa 556 Hộ Cung 1009 hoa bà-la-đà 959 ho Già-già 665, 817,818, 822, 823 hoa ba-la-la 556 hồ Ly 976 hoabà-sư 912,914, 921,959 hồ Ma-đà-diên 912 hoa bà-sư-ca 556 hồ Mạn-na-cát-nhĩ 912 hoa bát-đầu-ma 936 hồ Na-lân-ni 953 hoa câu-vật-đầu 959, 1004 hồ Phân-đà-lợi 976 hoa chiêm-bặc 959 hồ Thiện Kiến 913,914,915 hoa đại già-già-lợi 959 hồ Tứ-phương-đà-diên 976 hoa đại mạn-đà-la 959 hồ Ưu-bát-la 976 hoa đại tân-phù 959 hồ Vô Não Nhiệt 908 hoa đàn-câu-ma-lê 556 hồ Vô Nhiệt 908 hoa đồng nữ 959 Hương Tháp 536 hoa già-già-lợi 959 hương trần 700 hoa giải thoát 959 hữu ai 652, 667, 685, 686, 698 hoa mạn-đà-la 959 hữu kiến 650 hỒA-nậu-đạt 908, 909, 910,912, 976 hữu lậu 492, 590, 651, 652, 656, 680, 685, hoa phân-đà-lợi 959, 1004 760, 762, 788, 794, 843 Hỏa quang tam-muội 493 hữu lậu giải thoát 666 hoa tân-phù 959 hữu vi giới 651

khinh an 520, 599, 661, 669, 672, 682, 683, không nói dối 522, 526, 530, 545, 603, 618, 688, 694, 759, 853 626,627, 637, 644, 645, 682,694,695, khổ đế 668 742, 752, 763, 841, 893, 900, 916, khổ diệt Thánh đế 511,513,947, 971, 972 1002, 1006, 1007 khổ hạnh 520, 578, 642, 643, 644, 645, 646, không nói hai chiều 603, 618, 626, 654, 682, 654,721, 722, 723,750,751,759,760, 694, 763,780,916, 1002, 1006 765,782,799, 851, 853, 854, 855, 856, không nói lời thô ác 618, 626, 682, 695, 780, 943, 944 916,1002, 1006 khổ khổ 653 không nói thêu dệt 603, 618, 626, 644, 654, không ăn phi thời 780, 797 682, 695,916, 1002, 1006

không quán bất tịnh 666 khổ thọ 698,702, 703 không sát sanh 522, 526, 530, 545, 603, 626, khổ xuất yếu Thánh đế 513, 971, 972 627,637, 644,645, 682,742, 793, 794, Khư-thù-ía 907 826, 838, 841, 842, 843, 881 882, 893, Kiếm-bình-sa 593 900, 916, 918, 970, 971, 972, 1002, Kiên Cố 611, 845, 846, 847, 850, 951, 979, 1006, 1007 984, 986 không tà dâm 522, 526, 530, 545, 603, 618, Kiên Cố phong 951 626, 627,637,644,645,682,694,695, Kiến động 795,815 742,793,794 826, 841, 842, 843, 881, kiến thủ 654, 668, 686, 698 882, 893, 900, 916, 970, 971, 972, kiến xứ 802 1002, 1006, 1007 kiếp hoại 761, 762, 763, 800, 801 Không tam-muội 652, 667, 693 kiếp thành 761, 762, 763, 787, 800, 801 không trộm

cướp 522, 526, 530, 545, 603, Kinh Bản duyên 537 618, 626, 637, 644, 645,682,694,695, Kinh Chứng dụ 537 742, 793, 794, 826, 838, 841, 842, 843, Kinh Đại giáo 537 881, 882, 893,900,916,918,970,971, Kinh Kệ 537 972, 1002, 1006, 1007 Kinh Kỳ-dạ 537 khổng tước 499, 912 Kinh Pháp cú 537 không uống rượu 522, 526, 530, 545, 627, Kinh Quán 537 637,641, 694,722, 742, 793, 794, 826, Kinh Quảng 537 841, 842, 843, 853, 881, 882, 893,900, Kinh Thiên bản 537 970, 971,972, 1002, 1007 Kinh Thọ ký 537 Không vô biên xứ 655, 661, 662, 678, 681, Kinh Tương img 537 689, 690, 705, 755, 884 Kinh Vị tằng hữu 537 Không xứ định 567 Kỳ-bà 871,959 khổ tạp Thánh đế 511,513,947, 971,972 Kỳ Cựu đồng tử 871 khổ Thánh đế 511,513, 529, 544, 621, 788, 947, 971,972

Lạc Lâm 950 Lậu tận trí minh 653, 686 lạc thọ 558, 621, 655, 698, 702, 703, 751, Linh-ê-nậu 959 785,813,884 Lộ-lâu thành 588 lãnh thổ Bạt-xà 721 long vương Bạt-nan-đà 993 lậu hoặc 511, 513,621,658, 670, 673, 679, long vương Nan-đà 993 688, 690, 855, 967 lục nhập 507, 508, 698, 701, 886, 963, 964 Lậu tận minh 653, 788, 826, 847 Lực Sĩ Mật Tích 777 Lậu tận thông 672, 688 Lưu Diệm 973 M Ma Ba-tuần 533, 534, 535, 538, 647 Mạt-già-lê Cù-xá-lợi 872 Ma động 795, 815 mạt kiếp mạt kiến 800, 808, 809, 810, 811, Ma-kiệt-đà 517, 518, 521, 528, 576, 707, 812,813,814,815 795,845,881,882 Mạt-la 541, 548, 549, 560, 561, 570, 571, Ma-la-hê-sưu 611 :572, 573, 575, 576, 593, 649, 821, 831 Mạn-đà 567, 571, 573,912, 959, 1008 mắt thịt 629, 631, 654 mạng căn 534, 538, 632, 633 mắt trời 502, 654, 764, 960 mạng hành 657, 945 mắt tuệ 654, 785

1056 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Ma vương 496,513,529,564,619,656,697,771 mười hạnh xấu ác 682 Minh và Giải thoát 686 mười hiệu 499, 520, 525, 530, 580,619,658, mười cứu pháp 681, 691 669, 687, 847, 884 mười điều khen ngợi 683 mười pháp diệt tận 683 mười hai nhân duyên 508, 697 mười sắc nhập 682, 691 mười hạnh chân chánh 682, 691 mười sáu luận thuyết 808, 809, 810 mười hạnh lành 682, 916, 1002, 1006 mười tám luận thuyết 800, 808 mười hạnh tà 682 mười vô học 662 N năm căn 536, 658, 669, 673, 687, 688, 694, nhạc thần Bàn-già-dực 579 748, 758 nhãn căn 700, 783 năm công đức 522, 717 Nhân-đà-la 769, 959 năm điều hoan hỷ 658 nhãn thọ 659 năm điều không ai có thể tước đoạt 669 nhãn thức 659 năm điều suy hao 522 nhãn xúc 659 năm dục 500, 588, 751 nhà Tối Thắng 992 năm giới 497, 530, 627, 628, 694, 821,831, nhĩ căn 700 841,842 nhĩ thọ 659 năm hạng người 659 nhĩ thức 659, 700 năm hạ phần kiết sử 524, 591, 593, 658, 751, nhĩ xúc 659 763, 794, 843 Như Lai 492,525,609,658,669,696,779,937 năm lời nói ác 658 như ý túc 620, 845 năm lời nói thiện 658 niệm căn 669, 687, 694 năm lối vào giải thoát 658, 669 niệm lực 1011 năm luận thuyết 813 niệm thực 604, 654, 668, 686, 962 năm lực 536, 658, 673,688, 748, 758 niệm vô thượng 671 năm nguồn gốc của hỷ 669 Niết-bàn 489,490, 510, 514, 524, 525, 531, năm nhập 657 533, 534,535, 537,538,542,545 546, năm phạm vi giải thoát 658 547, 560, 565, 567, 568, 569, 570, 578, năm pháp xuất ly 670 581, 590, 591,613,658, 659, 665, 669, năm sự ganh ghét 658 687,693, 694, 695, 696, 708, 709, 715, năm sự ngăn che 657 751, 813, 814, 857, 861, 888, 889, 940 năm tâm chướng ngại 669 Ni-kiền-đà Nhã-đề-tử 879 Nam Thiệm-bộ châu 612, 905 Ni-kiền-tử 562, 573, 649, 650, 721, 722, năm thứ báu 528 723, 743, 744, 873, 879 năm thượng phần kiết sử 658 núi A-bát-nê-lâu 980 năm thủ

uẩn 657, 669, 674, 687, 689 núi Bạch Hộc 1009 năm trí định 670 núi Cao 1009 năm tụ vô học 670, 687 núi chúa Tu-di 902, 903, 935, 941, 952, 955, Nan-đầu 959 977, 978, 983, 985 Nan Hủy 973 núi Đại Kim Cang 907, 981 ngã mạn 602, 644, 666, 685 núi Đen 910 ngã thủ 654, 668, 686, 698 núi Điều Phục 907, 1003, 1005 nghe vô thượng 660, 671 núi Di-lân-đà-la 981 Nghĩa động ,795, 815 núi Già-đà-la 980 ngọc Diệm Quang 915 núi Hương 910 ngọn gió Tăng-già 986 núi Khỏa 1009

núi Khư-đà-la 906, 941, 1003, 1004 núi Tỳ-ha-la 639 núi Kim Bích 908 núi Tỳ-phú-la 769 núi Kim Cang Lớn 935, 937 núi uất-thiền 908 núi Kim Cang Luân 981, 1003, 1005 núi Y-sa 906, 980, 1003, 1004 núi Kỳ-xà quạt 515,517, 579, 590, 735 nước Ba-la-nại 551 núi Mã Thực 906 nước Bạt-kỳ 517,518, 523, 524, 531,551 núi Mã Tự 1003, 1004 nước Ca-tỳ-la-vệ 551, 767 núi Ni-dân-đà-la 906 nước Cư-tát-la 593 núi Ni-di-đà-la 1003, 1004, 1005 nước Già-la-phả 576 núi Thiền 1009 nước La-ma-già 576 núi Thiện Kiến 906, 1003, 1004 nước Ma-lâu 611 núi Thổ 1009 nước Minh-ninh 719, 723 núi Thọ-cự-đà-la 906 nước Tỳ-lưu-đề 576 núi Thọ-thần-đà-la 980 nước Ương-già 665, 817, 818 núi Tiên 1009 nước ủy-nhã 851 núi Tu-di 612, 904, 905, 906, 949, 952, 975, nước Việt-kỳ 531 976,977,978,980,981,985,993 994 nước Xá-vệ 489, 551, 601, 685, 693, 710, 1000,1003, 1004, 1008 849, 883,901 núi Tuyết 908

Phạm chí A-bạt kinh 773 Pháp động 795, 815 Phạm chí Ba-iê-tử 725, 726, 727, 728 Pháp kính 525 Phạm chí Bố-tra-bà-lâu 883, 888, 893 pháp nhãn 511,513, 529, 545, 718, 771, 794, Phạm chí Ca-diếp 851 843, 869, 881,970,971,972 Phạm chí Ni-câu-đà 640, 641, 647, 648, 855 pháp tánh 489, 490 Phạm chí Phòng-già-bà 719 pháp thượng nhân 752, 845, 846, 897 Phạm chí Thiện Niệm 795, 796 pháp trần 700, 715, 759 Phạm chí Tu-bạt 561 pháp trí 656, 668 Phạm Chúng thiên 848 Phật Ca-diếp 491, 492, 493, 494, 495 Phạm động 795,815 Phật Câu-lâu-tôn 491,492,493,494,495,515 Phạm hạnh 497, 498, 512, 513, 519, 520, Phật Câu-na-hàm 491,492,493,494,495,515 521,523, 530, 533, 539, 563, 580, 582, Phật Di-lặc 619 588, 590, 591, 596, 597, 608,609,619, Phật mẫu Ma-da 568 620,640,641,646, 650, 651,652,654, Phật Thích-ca 515, 590, 1013 657,658,659,660, 661,662,663,665, Phật Thi-khí 491, 492, 493, 494, 495, 515 669,670,671, 673, 674,676,677,680, Phật Tỳ-bà-thi 491, 492,493, 494, 495, 509, 681,682,685,687, 689, 691,693, 709, gio, 511, 512, 513, 514,515, 551 710, 711,715, 717, 719, 720, 721, 722 Phật Tỳ-xá-bà 491, 492, 493, 494, 495, 515 745,746 747, 750, 751,760, 763,774, Phất-vu-đãi 905, 959, 960, 961, 962, 968, 779, 780, 788, 797, 817, 818, 826, 827, 1005, 1008 828, 840, 843, 847, 857, 860, 864, 865, phép Phạm-đàn 565 888, 889, 894, 895,940,968,970,971, Phệ\á 575 972,1014, 1015 phiền não 511,521, 524, 528, 529, 539, 544, Phạm-ma-đạt 795, 796 594,607,647, 651,652,657,672,673, Phạm Thân thiên 848 681, 688, 702, 704, 705, 736 752, 767, Phạm thiên Tự Tại 730 785,794, 897, 898,909,912,914,921, Phạm trú 840 967, 970 971, 972

Phi tác nghiệp luận 875 Phồn-kỳ-ca tinh xá 593 Phi tưởng phi phi tưởng luận 811 phước nghiệp bình đẳng 652 Phi Tưởng Phi Phi Tương Xứ 662, 679, 690, phước nghiệp bố thí 652 812,892, 893, 904, 969 phước nghiệp tư duy 652Q Q quán bất tịnh 666 quỷ thần Trì Man 904, 993 quán thân ngoài thân 686, 784 quy y Pháp 522, 530, 545, 637, 742, 793, quán thân trong nội thân 527, 598, 655, 668 794, 826, 841, 842, 843, 881,882, 893, quỷ Khởi Thi 724, 725, 726 900, 970, 971, 972 quý tài 672 quy y Phật 522, 530, 545, 647, 742, 793, quỷ thần Diệu Tượng 994 794, 826, 841, 842, 843, 881, 882, 893, quỷ thần Già-lâu-la 993 900, 970, 971,972 quỷ thần Hỷ Lạc 904 quy y Tam bảo 841 quỷ thần Thường Lạc 993 quy y Tăng 530,545,742,793,794, 841, 842, quỷ thần Trì Hoa 993 843 881, 882, 893, 900, 970, 971, 972

R rồng chúa A-nậu-đạt 909, 915 rừng Nại 907 rừng A-ma-lặc 907 rừng nai Kim-bàn 851 rừng Ba-bà-lợi-yểm-thứ 845 rừng Nam Nữ 907 rừng Ca-duy 767, 769, 771 rừng Tán-na 907 rừng Đa-la 907, 908 rừng Thi-xá-bà 827 rừng Đa-la-lê 907 rừng Trực Thọ 776 rừng Diêm-bà 907 rừng Tỳ-la 907 rừng Hương Nai 907 rừng Vi Cam 907 rừng Kỳ-đà 489, 685, 693, 849, 883, 901 rừng Vi Lê 907 rừng Kỳ Thọ 489 rừng Vi Nam 907 rừng Mộc Qua 907 rừng Vi Nữ 907 rừng Na-đa-la 907 rừng Y-xa 773, 774, 792,859,860 S sắc giới 579, 652, 659, 751, 812, 886, 891, sáu hạnh quán sát 660 892,893 sáu loại ái 659 sắc trần 700 sáu loại thọ 659 Sa-di Châu-na 743, 744 sáu loại thức 659 sân giới 652 sáu loại tư 659 sân hận 600, 613, 643, 644, 651, 655, 657, sáu loại tưởng 659 658,660,669,670, 671,672,687,688, sáu loại xúc 659 694, 722, 736, 752, 784, 867, 884, 918, sáu mươi hai luận thuyết 800, 814, 815 967, 989, 990, 997, 1002, 1006 sáu nguồn gốc đưa đến sự tranh chấp 659 Sanh Bát-niết-bàn 659 sáu pháp bất kính 671, 694 Sát-đế-lợi 491,492,495,496, 581, 582, 583, sáu pháp bất thoái 521 584, 585, 590, 596, 597, 775, 778, 779, sáu pháp bình đẳng 671 820,830,835,836,838, 839, 840, 862, sáu pháp kính 671 876, 877, 878, 879, 890, 1014 sáu pháp nhớ nghĩ 694 sáu ái 671, 687 sáu pháp niệm 671 sáu giới 660 sáu pháp thần thông 672 sáu giới giải thoát 660, 671 sáu pháp trọng 670, 687

SÁCH DẪN 1059

sáu pháp vô thượng 671 sông Hằng 576, 581, 875, 909, 976 sáu tùy niệm 660 sông Hằng-già 909 sáu xứ bên ngoài 659 sông Hi-liên-thiền 571, 572, 574 số-di 588 sông Ni-liên-thiền 533, 538, 709 sôngA-di-la 864, 976 sông Quang Ảnh 914 sông A-na-khiếp 976 sông Tân-đà 976 sông Bà-la 976 sông Tân-đầu 909 sông Câu-tôn 546, 547 sông Thiện Đạo 913 sông cố-xa 976 Song Thọ 548, 549, 550, 561, 568, 570, 571, sông Da-bà-na 976 574, 575, 576 sông Diệu Thể 914 sông Tín-độ 909 sông Diệu Vị 914 sông Yāmunā 909

tà định 653, 674, 682, 689, 691, 695 tăng thịnh giới 652 tà định tụ 653 tăng thịnh tuệ 652 tà giải thoát 682, 691 tăng thượng mạn 586, 643 tà kiến 603, 617, 619, 625, 626, 627, 637, tà ngữ 674, 682, 689, 691,695 642,643,644,649,651,660,661,673, tà niệm 674, 682, 689, 691,695 674,677,682,683, 689,691,695, 738, Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất 873 744 745,754 755,764, 838,916,918, tập đế 668, 888, 889, 947, 960 944, 947, 967, 982, 984, 997, 1002, Tat-đàhà 909 1006 tà tinh tấn 674, 682, 689, 691,695 tà mạng 674, 682, 689, 691, 695, 781, 782, Tát-la thành 588 783, 798, 799 Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất 562 tâm căn 534 tà tư duy 651, 674, 682, 689, 691, 695 tám chi Thánh đạo 662, 688 Tây-đà 588 tám công đức 546 Tay

Ngưu-hóa châu 612, 905, 1008 tâm đại hỷ 599, 600 Tể tướng Đại Điển Tôn 585 tám điều giác ngộ 677 Thạch Ngưu Tràng 905 tám hạng người 662 TháitửKỳ-đà 489 Tam minh 653, 826, 847, 859, 861 Thái tử Tư Bi 583 tám nhân duyên 534, 535, 673, 689 TháitửƯu-bà-da 874, 875 tám pháp giải đãi 674 tham dục 511, 513, 516, 586, 599, 613, 619, tám pháp giải thoát 661, 678, 689 651, 652,655,657, 658, 661,669,670, tám pháp thế gian 661, 674, 689 672,673,687,688,709,712,713,736, tám pháp tinh tấn 675 752, 794, 843, 884, 970, 971, 972 tám pháp tối thượng 580, 581, 582 thần biến 533, 538, 599, 845 tám sự không thuận lợi 676 thân căn 534, 538, 700, 945 tàm tài 672 thần càn-đạp-hòa 769 tám tà pháp 674, 689 thần chú Càn-đà-la 847 tám thắng xứ 677 thần chú Cù-la 846 Tâm vô lạu giải thoát 513, 702, 703 thành A-bà 587 tấn căn 669, 687, 694 thành A-bàn 587 tà nghiệp 674, 682, 689, 691,695 thành A-nậu-di 719 Tăng ích 1009 thành An Hòa 495 tăng thịnh định 652 thành a-tu-luân La-ha 949

thành Ba-bà 541, 543, 545, 548, 649 tháp Đa Tử 722 thành Ba-lăng-phất 521, 522, 523 tháp Già-bà-la 532, 534, 538 thành Bàn-đau 511,512,513,514 tháp Thất Tụ 722 thành Ca-tỳ-la-vệ 719, 767 tháp Tượng 722 thành Câu-di 543 tháp Ưu Viên 722 thành Câu-di-na-kiệt 543 Tha tâm thông 672, 688 thành Câu-thi-bà-đề 556 Tha tâm trí 656, 668, 787 thành Câu-thi-na 533, 560 Thất Diệp quật 855 thành Câu-xá-bà 555 thấy vô thượng 660, 671 thành Châu-la Thiện Kiến 953 The Tôn 511, 513, 517, 524, 526, 560, 590, thành Chúng Quy 952, 953 594, 595,601,637, 640, 644,646, 647, thành Đàn-đặc 587 649, 663,665,673, 689,697, 707, 708, Thánh đạo tám chi 536, 562, 748, 758, 853 709,710,716,717, 718,719, 720, 735, Thánh đế khi khổ diệt 794, 843, 970, 971 736, 739,741, 742,743,747, 748, 757, Thánh đế về con đường diệt khổ 794, 843, 765, 766,767, 768, 769,770, 771,778, 9^), 971 791, 792, 793, 794, 796, 824, 833, 840, Thánh đế về khổ 656,794, 843,948,970,971 842, 843, 847, 851, 860, 861, 879, 881, Thánh đế về nguyên nhân của khổ 656, 794, 882, 883, 888, 891, 892, 893, 895, 896, 843,948,970,971 901, 934, 940, 947, 1004 thành Già-thi 1010 Thích-đề-hoàn-nhân 568, 579, 580, 581, Thánh giới 521,604, 783, 784, 856 596, 707, 708,709, 716, 958,959,987, thành Hiền Thượng 953 988,989,991,992 thành Khả úy 953 Thiên Chánh đường 503 thành kiếp bại kiếp 800 Thiện Đế 1009 thành La-duyệt 515,517, 874 Thiên ma 530, 534, 538, 619, 647, 774, 779, thành La-duyệt-kỳ 519,521,579,639,735,871 817,818, 827, 828, 847, 860, 895, 969 thành Na-già 594 Thiên nhãn minh 653, 847 thành Na-lan-đà 757, 845, 846 Thiên nhãn thông 522, 523 thành Phụ-di 539, 541 Thiên nhãn trí 653, 764, 806 thành Quang Tướng 495 Thiên nhãn trí minh 653 thành Thanh Tịnh 495 Thiên nhĩ thông 688 thành Thiện Kiến 953, 956 Thiện Quang 1009 thành Thiên Kính 953 thiên thần Xà-ni-sa 596 thanh uần 700 thiện thú 565, 851 thành Ương-già 587 Thiền thứ ba 567, 681,690 Thanh văn 515, 548, 549, 646, 716, 821, 831 Thiền thứ hai 567, 681,690 Thanh Vương 776, 777 Thiền thứ nhất 567, 681 thành Vương Xá 515, 551, 639, 707, 757, Thiền thứ tư 567, 681,690 769,871,1010 thiên tử Cù-di 710 thần Kim-tỳ-la 568, 769 thiên tử Diệu Tượng 555 thân nghiệp 568, 683 Thiện-tỳ-đề 1008 Thân Quang 973 Thiên vương Đe-đầu-lại-tra 596, 769, 952 thân thọ 543, 659 Thiên vương Đề-đế-lại-tra 579 thân thức 659, 700 Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa 579, 596, 769 Thần túc thông 672, 688, 786 Thiên vương Ty-lâu-lặc 579,

595, 596, 769, thần Tỳ-ba-mật 768 952,953 thân xúc 657,659,671,715,750,759,934,962 Thiên vương Tỳ-sa-môn 579,596,952,953,954

SÁCH ĐẢN 1061

thiệt căn 700 trà-tỳ 548, 570, 571, 572, 573, 574, 922 thiệt thọ 659 tri căn 653 thiệt xúc 659 tri dĩ căn 653 thiếu niên Thủ-ca 821 trì giới vô thượng 671 thí tài 672 trì Luật 540, 541 Thọ Mạng đồng tử 871, 873, 881, 882 trì Luật nghi 540, 541 thôn Am-bà-la 539, 707 trì Pháp 540, 541 thôn A-việt 544 Tri tha nhân tâm trí 656 thôn Bà-la 827, 896 trời A-ca-ni-trá 515 thôn Bà-lệ-bà 539 trời Ba Mươi Ba 707, 904, 959 thôn Câu-lợi 524 trời Biến Tịnh 653, 661, 662, 672, 679, 688, thôn Khư-ïiậu-bà-đề 827, 828, 832, 833 690, 704, 904, 974, 986 thôn Kiển-trà 539 trời Đại Phạm 969 thôn Na-đà 524, 525 trời Đại Thiện Kiến 904, 961, 969 thôn Tất-bát 578 trời Đại Tự Tại 960 thôn Tư-ba-hê 623, 624, 636, 638 trời Đao-lợi 497, 502, 512, 515, 555, 579, thôn úc-già-la 773 580, 581, 582,596,597,600,627,628, thức thực 654, 668, 686, 962 638, 707, 709,710,717,726, 848,913, Thủ Cung 1009 915,994 Thức Vô Biên Xứ 662, 679, 690, 704, 812, trời Đâu-suất 496, 497, 534, 848, 904, 959, 891,892, 893, 904, 969 969, 982, 983, 985, 994 Thức xứ định 567 trời Diệm-ma 904, 959, 969, 975, 978, 982, Thủ-đà-la 575, 602, 603, 604, 608, 609, 775, 985, 994 862, 890, 1014, 1015 trời Dục giới 812, 886, 891, 892, 893, 902 thường pháp 496, 761 trời Hóa Tự Tại 597, 653, 904, 959, 975, thụy miên 669 978, 982994 thủy thần 969, 970 trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí 904 Tịch Diệt 493 494 trời Không Trí 969 Tiên Nhơn 1009 trời Không Vô Biên Xứ 961 tín căn 669, 687, 694 trời Không Xứ Trí 904 tín hạnh 764 trời Nghiêm Sức Quả Thật 969 Tịnh Ký 528 trời Phạm-ca-di 904 tinh xá Câu-lợi 901 trời Phạm Chúng 969 tinh xá Hoa Lâm 489 trời Phạm Phụ 969 tinh xá Kỳ Viên 623 trời Phạm Quang Âm 653, 661, 662, 672, tinh xá Trúc Lâm 521, 819 679, 688, 690, 704 tín tài 672 trời Phạm Thân 969 Tô-la-bà 593 trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ 961 Tôn giảA-na-luật 567, 568, 569, 571, 573 trời Quả Thật 904, 961,974 Tôn giảA-nan 518, 549, 567, 570, 572, 574, trời Sắc Cứu Cánh 751, 904 593, 594, 595,600,697, 705, 743, 744, trời Sơ thiền 579, 848 756,815 , trời Tha Hóa Tự Tại 590, 597,653, 904, 959, Tôn giả Đại Ca-diếp 573,574,575 969, 975, 978, 982, 983, 985, 994 Tôn giả Mục-kiền-liên 494, 937 trời Thiện Kiến 516,904 Tôn giả uất-đà-di 766 trời Thiểu Quang 969 Tôn giả Xá-lợi-phất 663, 665, 683, 766, 937 trời Thiểu Tịnh 969 trạo cử 657, 669, 682, 687, 752, 784, 884 trời Thức Tri 969

1062 KINH TRƯỜNG A-HÀM

trời Thức Vô Biên Xứ 961 tuệ lực 658 trời Thủ-đà-hội 514,515 tuệ tài 672 trời Tịnh Cư 515,767 tuệ vô học 670, 687 trời Vô Lượng Quang 969 tụ giới 652 trời Vô Lượng Tịnh 969 Tu-ma-na 907 trời Vô Nhiệt 904 tự ngã 753,812 trời Vô Sắc 887 Tượng Thủ Xá-lợi-phất 889, 891, 892 trời Vô Sở Hữu Trí 969 Tứ Thiên Vương 512, 535, 568, 579, 580, trời Vô Sở Hữu Xứ 961 582, 590, 596, 597, 848,904,952,959, trời Vô Tạo 515,904 960,961,962,963, 964, 965,966, 969, trời Vô Tưởng 662, 679, 690, 904 975, 978, 980, 982, 984, 993, 994 Trúc Lâm 521,530, 795,819 Tự thức túc mạng trí minh 653 Trung gian Bát-niết-bàn 751 tụ tuệ 652 trưởng giả cấp Cô Độc 489 tứ vô lượng tâm 585 Trưởng lão thấy pháp 654 tỷ căn 700 Trưởng lão thế tục 654 Tỳ-đề 1008 Trưởng lão tuổi cao 654

Ty-hê-lặc 907 trú xứ Kiền-chùy 524 Tỳ-kheo Châu-na 546 Túc mạng minh 826 Tỳ-kheo Cù-ba-lê 936 Túc mạng thông 672, 688 Tỳ-kheo Phạm-ma-na 550, 568 Túcmạngtrí 490,653668,686,763,787,788 Ty-kheo Thiện Túc 719,721, 723, 725, 726 Tư-đa ha 909 Ty-kheo Xiển-nộ 565 Tư-đà hà 909 Ty-lâu 494, 579, 595, 596, 710, 952, 953 Tư-đà-hàm 525, 593, 597, 604, 656, 662, Tỳ-lâu-bà-đề 959 669,686,716,763,898 Ty-ni-đà 981 Tu-đà-hoàn 525,566,591,593,594,595,597, tỷ thọ 659 604, 656, 662, 669, 686, 716, 763, 898 tỷ thức 659, 700 tụ định 652 tỷ xúc 659 tuệ căn 658, 669, 687, 694 U uất-đan-việt 905, 912, 916, 959, 960, 961, Ưu-da-bà-đà 871 962, 968, 1005, 1008 ưu phiền về miệng 653 ưu-bà-di 526, 530, 533, 564, 581, 600, 746, ưu phiền về thân 653 747, 766, 970, 971,972 ưu phiền về ý 653 ưu-bà-tắc 522,533,545,564,581,594,595,597, ủy-nhã quốc 851 600, 637, 742, 743, 746, 747, 766, 793, 794,826,842,843,881,882,893,900

vải kiếp-bối 547, 572, 574, 922 vị thần Xá-la 768 văn tài 672 vị trần 700 Vật-la 959 vị tri dục tri căn 653 Vệ-đà 637, 773, 774, 817, 819, 823, 824, Vị tri trí 656, 668 827, 829, 836,837, 838, 859, 861, 862, Vô Dụ 495 863, 864, 865, 866, 895 vô dục 520, 672, 679, 681, 688, 690, 695, Vi-đề-hy 871 853,888,889

Vô dư Niết-bàn 509, 534, 857 vua rồng Đắc-xoa-ca 943 vô hại giới 652 vua rồng Đề-đầu-lại-tra 943 Vô hành Bát-niết-bàn 659, 751 vua rồng Nan-đà 941, 943 vô hữu ái 652, 667, 686, 698 vua rồng Sa-kiệt 943 vô kiến 650, 668 vua rồng Thiện Kiến 943 vô lượng thần túc 599, 846, 847 vua rồng Thiện Trú 943 vô minh lậu 651,652, 788 vua rồng Ưu-thiểm-ca-bà-đầu 943 Vô nguyện tam-muội 652 vua rồng Y-la-bát 958 Vô sắc giới 652 vua rong Y-na-bà-la 943 vô sân giới 652 Vua Tần-bà-sa-la 517, 871 Vô sở hữu xứ 567, 655, 662, 678, 681, 689, Vua Thanh-ma 776, 777 690, 704, 755, 884, 885 Vua Từ Bi 584,587,588 vô sở úy 794, 970, 971,972 vùng Na-đề 593 Vô tưởng định 532, 567 vườn Am-bà 649, 871, 873 Vô tướng tam-muội 652, 667, 693 vườn Am-bà-bà-lê 528 vô vi giới 651 vườn Ca-lan-đà 521 vô vô minh 668 vườn Cấp Cô Độc 685, 693, 883,901 Vua A-tu-luân La-ha 951 vườn Cực Diệu 950, 951 Vua A-xà-thế 874,881 vườn Đại Hỷ 957, 958, 959 Vua Ba-tư-nặc 489, 604, 623, 773, 791, 817, vườn Đa-lân 558 819, 820, 821, 827, 830, 831, 895, 899 vườn Đẳng Hoa 915 Vua Binh-sa 594, 819, 820, 821, 830, 831, vườn Diệm-ma 950, 951 881,882 : vườn Già-tỳ-diên-đầu 953 Vua Càn-thát-bà Diệu Âm 910 vườn Họa Lạc 957, 958, 959 Vua Đại Thiện Kiến 551, 552, 553, 554, 555, vườn Lạc Lâm 951 556, 557, 558, 559 vườn Lâu-tỳ 568 Vua Địa Chủ 583, 584 vườn Lộc Dã 511, 512, 513, 514, 535 Vua DỈêm-la 902, 937, 938, 939, 940 vườn Miến-kỳ 743 Vua Kiên cố Niệm 611,612 vườn Nan-đà 515 Vua Kính Diện 947 vườn Ngô Lạc 915 vua rồng A-ba-la 943 vườn Sa-la 533,560, 950, 951 vua rồng A-lô 943 vườn Tạp 957, 958, 959 vua rồng A-nậu-đạt 921, 943 vườn Thanh Tín 601 vua rồng Bạt-nan-đà 943 vườn Thiểm-ma 951 vua rồng Ca-câu-la 943 vườn Thiện Kiến 915 vua rồng Ca-nậu 943 vườn Thô Sáp 956, 957, 958, 959 vua rồng Ca-tỳ-la 943 vườn Xà-đầu 541 vua rồng Cù-ca-nậu 943

Xá-la 768, 907 xúc thực 654, 668, 686, 962 Xá-lợi 494, 570, 571, 572, 575, 576, 577, xúc trần 700 578, 649, 757, 758, 760, 765, 889, xứ Ka-si 556 891,892 xứ Kiền-trĩ 593, 595 xuất ly giới 652 xứ Kiếp-ma-sa 697 xúc hữu lậu 666, 685 xứ uất-tỳ-la 533,538,709

y Câu-thi 556 y Sơ-ma 556 y cứ vào Kinh 540, 541 y Tăng-già-lê 546, 549, 649, 665 y cứ vào Luật 540, 541 ý thọ 659 y cứ vào Pháp 540, 541 Y-xa-năng-già-la 773, 859, 860 y Kiếp-ba 556

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯƠNG phấp Bảo cao quý

< /l trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử l đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vi ủng hộ:

-Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIET NAM TẬP 17
TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHAI - OI
KINH TRƯỜNG A-HAM ôi)
Việt dịch
VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HUỆ NGHIÊM
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH
Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tap ĐINH THỊ THANH THUÝ

Biên tập Nguyễn Thị Cam Hồng

Sửa bản in ĐĐ. Thích Thường Ninh, SC.TN. Tâm Diệu, SC.TN. Diệu Phước, Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Liên Nguyệt, Hồng Anh

Trình bày & Bìa Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TÔNG HỢP THÀNH PHÓ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.l, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP l
62 Nguyễn Thị Minh Khai, p. Đa Kao, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 256 804
NHÀ SÁCH TÔNG HỢP 2 86 - 88 Nguyễn Tất Thành, p.12, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3 88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Bình, Q.l, TP.HCM -ĐT:38 216 009

GIAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM- ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 em, tại Công ty cổ phần In Khuyến học phía Nam Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tần Phủ Trung, Củ Chi, TP.HCM XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/03-47/THTPHCM |#iII In xong và nộp lưu chiểu năm 2022. 9
786043 357257

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.